Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

I. Con đường của sự thối nát

Phiên toà Đại hình

Cái tát mạnh đến nỗi mãi mười ba năm sau tôi mới gượng dậy được. Quả nhiên đó không phải là một cái bớp bình thường, và để dáng nó vào mặt tôi, họ đã xúm lại khá đông.

Hôm ấy là ngày 26 tháng Mười năm 1931. Từ tám giờ sáng tôi đã được đưa ra khỏi căn buồng giam dành cho tôi ở nhà lao Conciergerie từ một năm nay. Tôi đã cạo mặt nhẵn nhụi, ăn mặc chỉnh tề: bộ com-lê này ở một hiệu may có hạng làm cho dáng dấp tôi thêm phần trang nhã. Sơ~mi trắng, thắt một chiếc nơ bươm bướm màu xanh nhạt điểm thêm một nét cuối cùng làm cho trang phục của tôi càng hoàn chỉnh.

Tôi đã hai mươi lăm tuổi, nhưng trông chỉ độ hai mươi. Bọn cảnh sát hơi chững lại trước cái dáng dấp "gentlemen" của tôi, nên cư xử với tôi khá lịch thiệp. Họ còn cởi khóa tay cho tôi nữa là khác. Họ với tôi cả thảy sáu người đang ngồi trên hai chiếc ghế dài đặt trong căn phòng trống trải. Bên ngoài trời u ám.

Trước mặt chúng tôi có một cánh cửa chắc hẳn là dẫn sang phòng xử án, vì nơi này là Tòa án quận Seine ở Paris.

Lát nữa tôi sẽ bị tố cáo về tội giết người. Trạng sư của tôi ông Raymond Hubert, có đến chào tôi. "Không có lấy một bằng chứng đích đáng nào chống lại anh, tôi tin chắc là chúng ta sẽ được trắng án". Tôi nghe hai chữ "chúng ta" mà không khỏi mỉm cười. Cứ như thể chính ông ta; luật sư Hubert, cũng sắp ra trước tòa án đại hình với tư cách bị cáo, và nếu có hình án gì thì ông ta cũng sẽ cùng chịu với tôi.

Một viên lục sự mở cửa mời chúng tôi vào. Qua hai cánh cửa mở rộng, có bốn viên cảnh sát đi hai bên cùng với viên chuẩn úy chỉ huy họ, tôi bước vào một gian phòng rộng mênh mông. Để dáng cho tôi cái tát kia, họ đã trang hoàng cho gian phòng toàn bằng màu đỏ thẫm như máu: những tấm thảm, những tấm rèm trên các cửa sổ lớn, cho đến cả những bộ áo dài của các quan tòa lát nữa sẽ xét xử tôi.

- Thưa các vị, Tòa đã ra?

Từ một cánh cửa ở bên phải lần lượt bước ra sáu người. Quan Chánh án, rồi đến năm vị quan tòa, đều đội mũ vải đỏ. Quan Chánh án đứng lại trước cái ghế đặt ở giữa, và hai bên các vị quan tòa khác cũng đứng vào chỗ. Một cõi im lặng trang nghiêm trùm lên gian phòng: ai mấy đều đứng yên, kể cả tôi, cho đến khi Tòa ngồi xuống mọi người mới ngồi theo.

Viên chánh án, có đôi má phính ửng hồng trên hai lưỡng quyền, vẻ mặt khắc nghiệt, nhìn thẳng vào mắt tôi mà không để lộ một cảm xúc nào. Ông ta tên là Bévin. Sau này ông ta sẽ chủ trì những cuộc tranh luận một cách không thiên vị, và thái độ của ông sẽ làm cho mọi người hiểu rằng, là một quan tòa chuyên nghiệp, ông ta không lấy gì làm tin tưởng vào sự thành thật của các nhân chứng và các nhân viên cảnh sát. Không, ông ta sẽ không có phần trách nhiệm nào trong cái tát, ông ta chỉ làm cái việc dọn nó lên cho tôi ăn mà thôi.

Công tố viên là luật sư Pradel. Tất cả các trạng sư đều rất sợ ông ta. Ông ta nổi tiếng là người cung cấp đắc lực nhất cho máy chém và cho các nhà lao trong nước cũng như hải ngoại.

Pradel là biểu trưng của bàn tay trừng phạt của công lý. Đó là người buộc tội chính thức của xã hội, một sức mạnh không có chút nhân tính. Ông đại diện cho PHáP LUậT, cho Cán cân Công lý, chính ông cầm cái cân ấy và ông sẽ đem hết sức mình ra để làm cho nó nghiêng về phía ông. Đôi mắt kền kền của ông hơi cụp mi xuống nhìn tôi chằm chằm từ trên cao. Trước hết đó là chiều cao của cái bệ ông ta đứng, thứ đến là chiều cao của vóc người ông, ít ra cũng phải một thước tám, nó làm tăng cái vẻ hách dịch của ông ta lên rất nhiều. Ông ta không bỏ tấm áo khoác màu đỏ, mà chỉ đặt cái mũ xuống trước mặt. Ông ta chống hai tay lên bàn, hai bàn tay to như hai cái bồ cào. Một chiếc nhẫn

vàng cho biết rằng ông ta đã có vợ, và ở ngón tay út ông đeo một cái đinh móng ngựa nhẫn bóng thay cho nhẫn.

Ông hơi nghiêng về phía tôi để tăng thêm sức áp đảo ông có vẻ như đang nói với tôi: này anh bạn trẻ, nếu anh nghĩ rằng anh có thể thoát khỏi tay tôi thì anh nhầm đấy. Người ta không thấy tay tôi có vuốt nhọn, nhưng bộ vuốt này luôn luôn có mặt trong tâm hồn tôi, và nó sẽ xé tan anh ra không có cách gì thoát nổi. Và sở dĩ tất cả các trạng sư đều sợ tôi, sở dĩ trong giới quan tòa tôi nổi tiếng là một công tố viên nguy hiểm, chính là vì không bao giờ tôi để sổng mất mồi.

"Tôi không cần biết anh có tội hay không, nhiệm vụ duy nhất của tôi là sử dụng tất cả những gì có thể sử dụng được để hại anh: cuộc sống phóng đãng của anh ở khu Montmartre, những lời khai mà cảnh sát đã mớm cho các nhân chứng và những báo cáo của chính bọn cảnh sát. Với mớ tài liệu ghê tởm mà viên dự thẩm đã thu thập được, tôi phải tìm hết cách để làm cho anh trở thành xấu xa đến mức bọn bồi thẩm phải quyết định gạt anh ra ngoài xã hội".

Tôi có cảm giác là nghe thấy những câu nói này rất rõ, trừ phi tôi nằm mơ, vì quả tình "kẻ ăn người" này đã gây được cho tôi một ấn tượng rất mạnh.

"Bị cáo nhân, anh hãy để mặc cho ta làm, và nhất là đừng tìm cách tự vệ: ta sẽ dẫn anh lên con đường của sự thối nát"!

“Và ta mong rằng anh đừng trông mong gì vào bọn bồi thẩm: chớ có ảo tưởng. Mười hai con người này chẳng hiểu gì về cuộc sống đâu”.

“Anh cứ thử nhìn họ mà xem. Họ đang ngồi trước mặt anh thành một dãy: rõ ràng là mười hai miếng pho-mát từ một tỉnh lẻ nào đó mới chở về Paris. Đó là những anh chàng tiểu thị dân, những anh công chức về hưu, những gã lái buôn. Chẳng hơi đâu mà nói kỹ về họ. Dù sao thì chắc anh cũng không khờ khạo đến nỗi tưởng rằng những con người như thế có thể hiểu được quãng đời hai mươi lăm năm mà anh đã sống và cách sinh hoạt của anh ở Montmartre. Đối với họ, quảng trường Pigalle và quãng trường Trắng chính là Địa ngục, và tất cả những người sống về đêm đều là những kẻ thù của xã hội. Tất cả bọn họ đều vô cùng hãnh diện với cái chân bồi thẩm ở Tòa Đại hình. Ngoài ra anh cũng nên biết rằng họ rất đau khổ vì cái thân phận tiểu thị dân nhỏ bé của họ”.

“Thế mà anh, anh bước ra trước mặt họ, trẻ trung, tuấn tú. Chắc anh hiểu thừa rằng ta sẽ chẳng nể nang gì mà không miêu tả anh thành một tên sở khanh của những đêm Montmartre, cho nên ngay từ đầu ta sẽ biến bọn bồi thẩm này thành những kẻ thù của anh. Anh ăn mặc sang trọng quá: đến đây lẽ ra anh phải ăn mặc thật khiêm nhường. ở chỗ này anh đã phạm một lỗi nghiêm trọng về chiến thuật. Anh không thấy là họ ganh tị với cách ăn mặc của

anh sao? Họ thì toàn mua đồ may sẵn ở cửa hàng Samaritaine, và dù có nằm mơ họ cũng không dám nghĩ rằng mình có bao giờ đi may đo lấy được một bộ".

Bây giờ đã mười giờ, Tòa đã sẵn sàng mở đầu cuộc tranh luận. Trước mắt tôi là sáu viên quan tòa trong đó có ông công tố viên hung hãn sẽ đưa hết uy quyền ma quái của mình, đưa hết trí thông minh của mình ra để thuyết phục mười hai gã tiểu thị dân kia rằng tôi là kẻ có tội và bản tuyên án ngày hôm nay chỉ có thể là tội lưu đày hay máy chém.

Người ta sắp xử tôi về cái tội giết một tên ma-cô, một tên dắt gái của giới ăn mày chơi Montmartre. Không có lấy một bằng chứng nào. Nhưng bọn cớm cứ mỗi lần tìm được thủ phạm là một lần thêm lon, cho nên sẽ một mực khẳng định rằng tôi là thủ phạm. Thiếu bằng chứng, chúng nó sẽ nói là nắm được những sự kiện "bí mật" từ một nguồn riêng, cho chúng nó biết một cách chắc chắn, không còn hồ nghi gì nữa. Một nhân chứng do chúng chuẩn bị, một cái đĩa hát sống chế tạo tại số nhà 36 quai des Orfevres, tên là Polein, sẽ là chỗ dựa hữu hiệu nhất của lời buộc tội. Vì tôi một mực quả quyết rằng tôi không quen biết hắn ta, đến một lúc nào đó ông chánh án hỏi tôi một cách rất vô tư:

"Anh nói rằng người làm chứng này nói dối. Được. Nhưng tại sao người ấy lại đi nói dối? Để làm gì?

- Thưa ngài Chánh án, sở dĩ từ khi bị bắt cho đến nay đêm nào

tôi cũng không sao chợp mắt được, điều đó không phải vì hối hận: có phải tôi giết Roland le Petit đâu? Chẳng qua vì tôi cứ nghĩ mãi không biết tại sao, cái gì đã thúc đẩy người làm chứng này hằn học đối với tôi như vậy và luôn luôn tìm cách hại tôi, cứ mỗi lần lý lẽ của bên nguyên xem chừng yếu đi thì lại cố nghĩ thêm những lời khai mới để củng cố cho nó.

Rốt cục, thưa ông Chánh án, tôi phải đi đến kết luận là cảnh sát đã bắt quả tang hắn đang làm điều gì phạm pháp nghiêm trọng và đã thương lượng với hắn: sẽ làm ngơ cho, với điều kiện là phải buộc tội thằng Bươm bướm. Lúc bấy giờ tôi cũng không ngờ là tôi đã nói đúng sự thật đến như thế. Tên Polein hôm ấy được giới thiệu ở phiên tòa là một người lương thiện chưa hề can án, thì mấy năm sau đã bị bắt và bị xử về tội buôn lậu bạch phiến.

Trạng sư Hubert ra sức bào chữa cho tôi, nhưng ông ta không có được cái tầm cỡ của ông Công tố viên. Chỉ có trạng sư Bouffay, nhờ sự công phân sôi sục của ông ta, đã gây khó khăn cho ông Công tố viên trong một thời gian nào đó. Tiếc thay cũng chẳng được bao lâu và trong cuộc đấu khẩu tay đôi này sự khôn khéo của Pradel đã thắng một cách khá nhanh chóng. Hơn nữa ông ta đã biết cách làm cho bọn bồi thẩm hài lòng: họ hết sức hãnh diện được một nhân vật đầy uy thế như ông ta coi như những người bằng vai phải lứa và như những người đồng sự.

Đến mười một giờ tối hôm ấy, ván cờ đã vãn. Các trạng sư bào

chữa cho tôi bị chiếu bí. Và tôi, người vô tội, đã bị lên án.
Cái xã hội Pháp do Công tố viên Pradel đại diện đã loại bỏ vĩnh viễn một thanh niên hai mươi lăm tuổi. Và không có hy vọng gì giảm án hết! Món ăn sang trọng này đã được quan Chánh án Bévin dọn ra trước mặt tôi bằng cái giọng không có âm sắc của ngài.
- Bị cáo nhân, đứng dậy.
Tôi đứng dậy. Một bầu không khí hoàn toàn im lặng bao trùm lấy căn phòng, mọi người nín thở, tim tôi đập nhanh hơn. Bọn bồi thẩm kẻ thì nhìn tôi, kẻ thì cúi đầu. Họ đều có vẻ xấu hổ.
- Bị cáo nhân, hội đồng bồi thẩm đã trả lời khẳng định cho tất cả các câu hỏi của Tòa trừ câu hỏi về khoản có chủ mưu từ trước hay không, cho nên Tòa xử anh tội khổ sai chung thân. Anh có điều gì cần nói không?
Tôi đã không choáng váng, thái độ của tôi vẫn giữ được bình thường, chỉ có hai bàn tay tôi xiết hơi mạnh vành móng ngựa.
- Thưa ngài Chánh án, có, tôi cần nói rằng tôi thực sự vô tội và là nạn nhân của một âm mưu của cảnh sát.
Từ cái góc dành cho những quý khách phụ nữ ăn mặc sang trọng ở phía sau Tòa, một tiếng rì rầm vẳng đến tai tôi. Tôi nói với họ, dõng dạc nhưng không quát tháo:
- Thôi im đi, các bà đeo chuỗi ngọc đến đây thưởng thức những cảm giác không lành mạnh. Màn kịch đã diễn xong. Một án

mạng đã được cảnh sát và tư pháp của các bà giải quyết ổn thỏa, vậy các bà phải lấy làm thỏa mãn chứ!

- Đưa phạm nhân đi - quan Chánh án nói.

Trước khi ra khỏi phòng, tôi nghe một tiếng nói rõ to: "Anh đừng buồn phiền, em sẽ đến tận đấy tìm anh". Đó là Nénette, nàng Nénette trung thực và cao thượng của tôi, đang gửi đến tôi những tình cảm đằm thắm của nàng. Những người thuộc giới giang hồ có mặt trong phòng đều vỗ tay. Họ thì họ biết thực chất vụ án mạng này, và làm như vậy họ muốn tỏ ra cho tôi biết rằng họ tự hào về tôi, vì tôi dã không đầu hàng bọn cảnh sát và đã không tố giác một người nào.

Khi đã đi sang căn phòng nhỏ mà tôi ngồi trước khi xử án, bọn cảnh sát khóa tay tôi lại. Cổ tay bên phải của tôi có một sợi xích ngắn nối với cổ tay bên trái của một viên cảnh sát. Không ai nói với ai một lời. Tôi xin một điếu thuốc. Viên quản đưa cho tôi một điếu và châm lửa cho tôi. Cứ mỗi lần tôi đưa tay lên điếu thuốc hay bỏ tay xuống, viên cảnh sát đứng bên phải tôi lại phải đưa tay lên hay đưa xuống theo tôi.

Tôi đứng hút hết khoảng ba phần tư điếu thuốc lá.

Chẳng ai nói một câu nào. Người đầu tiên mở miệng là tôi. Tôi nói với viên quản: "Đi thôi".

Xuống mấy lượt cầu thang với khoảng mười hai viên cảnh sát đi áp tải, tôi bước ra sân sau của tòa án.

Chiếc xe hơi chở tù đã đợi sẵn chúng tôi ở đây. Đó không phải là loại xe chở tù có ngăn ra nhiều xà lim. Trong thùng xe có xếp khoảng mười cái ghế dài.

Viên quản nói: “Conciergerie”.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Nhà lao Conciergerie

Đi đến tòa lâu đài cuối cùng của hoàng hậu Marie-Antoinette, bọn cảnh sát giao tôi cho viên quản tù. Hắn ký giấy nhận tù xong, họ ra đi im lặng, nhưng trước đấy viên quản xiết chặt hai tay bị khóa của tôi, khiến cho tôi rất ngạc nhiên.

Viên quản tù hỏi tôi:

- Chúng nó xử anh mấy năm?

- Chung thân.

- Vô lý? - Viên quản tù đưa mắt nhìn bọn cảnh sát và hiểu rằng đó là sự thực. Viên quản tù đã ngũ tuần: ông ta đã chứng kiến khá nhiều chuyện đời và biết rất rõ vụ án của tôi. Ông ta đã có lòng nhân hậu nói với tôi câu sau đây:

- Chà, cái quân đểu cáng! Chúng nó điên hết rồi hay sao?

Ông ta nhẹ nhàng cởi khóa cho tôi và thân hành đưa tôi đến tận căn xà-lim dành riêng cho tử tù, cho người điên; cho tù khổ sai, cho những người đặc biệt nguy hiểm: tường, sàn và cửa đều có đệm da dày. Trước khi đóng cửa lại, ông nói:

- Can đảm lên, Bươm bướm ạ. Sẽ chuyển lại cho anh một số đồ đạc và thức ăn. Can đảm lên nhé!

- Cám ơn sếp. Ông cứ yên chí, tôi sẽ có đủ can đảm, và tôi hy vọng rằng họ sẽ không nuốt trôi được cái án chung thân này đâu.

Mấy phút sau, có tiếng cào cửa. "Cái gì thế?"

Một tiếng người trả lời: "Không có gì đâu. Tôi chỉ đến treo cái biển thôi".

- Biển gì thế?

- "Khổ sai chung thân. Cần theo dõi sát sao."

Tôi nghĩ bụng: họ điên thật. Chẳng lẽ họ nghĩ rằng cái vố mà họ giáng lên đầu tôi có thể làm cho tôi mất trí đến mức tự tử? Tôi là người gan dạ, và tôi sẽ đủ can đảm. Tôi sẽ đấu tranh chống lại tất cả bọn họ, chống lại cả thiên hạ nếu cần. Ngay từ ngày mai tôi sẽ hành động.

Sáng hôm sau, trong khi uống cà phê, tôi đã tự hỏi: liệu có nên chống án không? Để làm gì? Liệu ra trước một toà án khác tôi có được may mắn hơn không? Và sẽ mất bao nhiêu thì giờ vào việc ấy? Một năm, có thể là mười tám tháng... và để làm gì: để được đi đày khổ sai hai mươi năm chứ không phải chung thân nữa?

Vì tôi đã nhất quyết vượt ngục, thời gian lâu mau không còn nghĩa lý gì. Và tôi bất giác nhớ lại câu của một phạm nhân hỏi chánh án: "Thưa ngài ở Pháp án khổ sai chung thân phải bao nhiêu năm mới mãn hạn ạ?"

Tôi đi quanh quẩn trong buồng giam. Tôi đã đánh điện cho vợ tôi để an ủi nàng, và cho em gái tôi, đã một mình bênh vực tôi trước tất cả mọi người. Màn kịch đã hết, tấm màn đã khép lại. Những người thân của tôi chắc phải đau khổ hơn tôi, nhất là ông bố già tội nghiệp của tôi ở tận vùng quê hẻo lánh: phải mang cây thập tự nặng nề này chắc ông cụ khổ lắm.

Tôi giật mình: nhưng tôi vô tội kia mà! Quả tôi vô tội nhưng đối với ai? Phải, tôi vô tội đối với ai? Tôi tự nhủ: điều phải nhớ kỹ nhất là đừng bao giờ bày trò nói với ai rằng mình vô tội, người ta sẽ cười cho. Chịu án chung thân chỉ vì một thằng ma cô, rồi lại còn nói rằng kẻ khác đã giết hắn, thì thật quá lố. Câm mồm đi là hơn cả.

Vì trong thời gian ở nhà tù Santé cũng như Conciergerie tôi chưa bao giờ nghĩ đến cái khả năng bị xử nặng như vậy, cho nên tôi không lúc nào bận tâm hình dung thử xem "con đường của sự thối nát" là cái gì.

Thôi được. Điều trước tiên cần phải làm là bắt mối với những người đã có án mà sau này có thể cùng vượt ngục.

Tôi chọn một người Marseille tên là Dega. Người này thế nào tôi

cũng sẽ gặp ở phòng cắt tóc: ngày nào hắn cũng đến đó cạo râu. Tôi xin đến phòng cắt tóc. Quả nhiên, khi đến tôi trông thấy hắn đang đứng quay mặt vào tường. Tôi trông thấy hắn đúng vào lúc hắn lén lút để cho một người khác vượt lên trước để hắn có thể kéo dài thời gian xếp hàng. Tôi đến đứng sát cạnh hắn sau khi gạt một người khác ra. Tôi nói thì thầm rất nhanh:

- Thế nào bác Dega, khỏe không?

- ổn cả, Papi ạ. Tớ mười lăm năm, thế còn cậu? Nghe nói chúng nó "muối" cậu rồi phải không?

- Phải tôi bị chung thân.

- Chống án chứ?

- Không. Cần nhất là phải ăn cho no và tập thể dục. Phải cố giữ sức khoẻ Dega ạ, vì chắc chắn là sẽ cần đến gân cốt.

- Cậu có bím không?

- Có tớ có mười bị *(*tức mười ngàn francs) bảng Anh. Thế cậu?

- Không có.

- Tớ khuyên cậu nhé: phải nạp ngay đi. Trạng sư của cậu là Hubert phải không? Thằng cha ấy tồi lắm, nó không chuyển cho cậu đâu. Cậu báo vợ cậu đem plan nạp sẵn đến Dante, bảo cô ta giao lại cho Dominique le Riche: tớ cam đoan là nó sẽ đến tận tay cậu.

- Suỵt, thằng cớm đang nhìn chúng mình. Lợi dụng lúc này để nói chuyện đấy phỏng?

- ồ? Không có chuyện gì quan trọng đâu ạ, - Dega đáp - Hắn nói là hắn ốm.
- Bệnh gì thế? Bệnh táo bón đại bình à? - Đoạn tên cớm ngu xuẩn cười phá lên.
Đời nó là thế. "Con đường của sự thối nát", tôi đã bước vào rồi. Người ta cười ha hả trong khi giễu cợt một thằng nhóc hai mươi lăm tuổi bị xử đày cho đến chết.
Tôi đã nhận được plan. Đó là một cái ống bằng nhôm, mài nhẵn thín, có thể tháo ra bằng cách vặn ở giữa. Nửa này xoắn ốc vào nửa kia. Nó đựng năm ngàn sáu trăm francs bằng giấy bạc mới. Khi nhận được nó, tôi đưa lên môi hôn cái ống dài sáu phân, to bằng ngón tay cái này; vâng, tôi đã hôn nó trước khi nhét vào hậu môn. Tôi thở thật mạnh để hút nó vào sâu trong đại tràng. Nó là cái tủ két của tôi. Họ có thể bắt tôi cởi hết ra, chạng hai chân, bắt tôi ho, bắt tôi cúi gập người xuống: tha hồ; không thể nào biết là tôi có giấu một cái gì. Nó nằm ở một vị trí rất cao trong đại tràng. Nó là một bộ phận của thân thể tôi. Nó là cuộc sống của tôi, là tự do của tôi mang ở trong mình đó là con đường đưa tôi đến phục thù. Vì tôi nhất định sẽ trả thù! Thậm chí đó là ý nghĩa duy nhất của tôi lúc này.
Bên ngoài, đêm đã khuya. Trong xà-lim chỉ có một mình tôi. Một ngọn đèn lớn gắn trên trần cho phép tên lính canh nhìn thấy tôi qua cái lỗ nhỏ trên cửa. ánh sáng gay gắt của nó làm cho tôi

lóa mắt. Tôi đặt chiếc khăn mù-soa gấp tư trên mắt, cho đỡ chói. Tôi nằm trên một cái đệm đặt trên chiếc giường sắt, không có gối, và ôn lại từng chi tiết một trong cái phiên tòa kinh tởm vừa qua.

Đến đây, để người đọc hiểu được trình tự của câu chuyện, hiểu thấu hết những cơ sở sẽ làm chỗ dựa cho tôi trong cuộc vật lộn dai dẳng này, có lẽ tôi cần nói dòng dài một chút, nhưng dù sao tôi cũng phải kể hết tất cả những gì đã xảy ra với tôi, tất cả những gì tôi đã thấy diễn ra trong trí tôi trong những ngày đầu bị chôn sống:

Khi đã vượt ngục tôi sẽ làm gì? Vì bây giờ, khi đã có plan, tôi không còn mảy may do dự trong ý đồ vượt ngục.

Trước hết tôi sẽ về Paris ngay, càng nhanh càng tốt. Kẻ phải giết trước tiên là Polein, tên làm chứng điêu. Kế đến là hai kẻ chủ mưu trong vụ án. Nhưng chỉ hai tên thôi thì chưa đủ, phải là tất cả những kẻ tham gia vào âm mưu này. Hoặc giả càng nhiều càng tốt. à! Phải rồi. Thoát được ra ngoài một cái là tôi sẽ về Paris. Tôi sẽ có một cái rương đựng đầy chất nổ, càng nhiều càng tốt. Tôi cũng không biết rõ là sẽ cần bao nhiêu: mười, mười lăm, hay hai mươi ki-lô? Thế là tôi cứ ngồi tính nhẩm xem cần bao nhiêu thuốc nổ để giết cho được nhiều người.

Dùng mìn dynamit chăng? Không, cheddit thì hơn. Mà tại sao không dùng nitroglycerin?. Thôi được, sang bên kia tôi sẽ hỏi ý

kiến những người thông thạo về khoản này. Nhưng về phần bọn cớm thì cứ yên chí: tôi sẽ thanh toán sòng phẳng, và chúng nó không lo bị thiệt thòi.

Hai mắt tôi vẫn nhắm và chiếc khăn mùi-soa vẫn áp lên mi mắt. Tôi trông thấy rất rõ cái rương, bề ngoài thì hiền lành vô hại, nhưng bên trong chất đầy thuốc nổ và cái đồng hồ báo thức, được điều chỉnh rất chính xác, sẽ làm cho ngòi nổ hoạt động. Chú ý; phải tính sao cho nó nổ đúng mười giờ sáng trong phòng báo cáo của sở Cảnh sát hình sự, số 36 Quai des Orfevres lầu một. Vào giờ này có ít nhất là năm trăm thằng cớm tập hợp ở đây để nhận lệnh hoặc nghe báo cáo. Có bao nhiêu bậc trên cầu thang? Tôi không được nhầm lẫn.

Phải canh giờ thật chính xác sao cho cái rương được đưa từ ngoài phố vào đến mục tiêu đúng vào giây lát cần nổ. Và ai sẽ khiêng cái rương? Được rồi, tôi sẽ hành động thật táo bạo. Tôi sẽ đi tắc-xi đến đỗ ngay trước cửa sở cảnh sát hình sự và sẽ lấy giọng hách dịch nói với hai tên cớm đứng gác: đưa ngay cái rương này lên phòng báo cáo, nói với ông cẩm Dupont là cảnh sát trưởng Dunois gửi cái này và sẽ lên gặp ông ta ngay".

Nhưng liệu họ có tuân lệnh không? Nhỡ ra, trong cái đám người đần độn ấy tôi lại rơi đúng vào hai phần tử thông minh duy nhất của cái tập đoàn này thì sao? Lúc bấy giờ sẽ hỏng hết. Phải nghĩ ra cách khác. Thế là tôi lại tìm, tìm nữa. Trong thâm tâm tôi

không chịu chấp nhận rằng mình sẽ không tìm được một cách gì ăn chắc một trăm phần trăm.

Tôi ngồi dậy để uống chút nước. Nghĩ nhiều đau cả đầu.

Rồi tôi lại nằm xuống, mắt không đắp khăn mù-soa nữa. Giờ phút trôi qua chậm rãi. Và cái ánh sáng kia, cái ánh đèn chói chang kia, trời ơi là trời? Tôi thấm nước chiếc khăn mùi-soa và lại đắp lên mặt. Nước mát làm cho tôi thấy dễ chịu, và chiếc khăn ướt đè lên mi mắt sát hơn. Từ nay tôi sẽ dùng mãi cách này. Những giờ dài dằng dặc mà tôi hoạch định cách phục thù sau này, óc tôi làm việc khẩn trương đến nỗi tôi như trông thấy mình đang thực hiện ý đồ trong hiện tại. Mỗi đêm, và thậm chí cả một phần của thời gian ban ngày nữa, tôi đi lại trong thành phố Paris như thể việc vượt ngục đã xong xuôi. Đó là điều chắc chắn mười phần: tôi sẽ vượt ngục và sẽ về Paris. Và dĩ nhiên việc đầu tiên là tôi sẽ đưa giấy thanh toán nợ nần, thứ nhất là cho Polein và sau đó là cho bọn cảnh sát. Thế còn bọn bồi thẩm thì sao? Cái bọn ma bùn ấy sẽ tiếp tục sống yên ổn sao? Chắc là về nhà, chúng nó rất hài lòng là đã làm tròn bổn phận với một chữ B viết hoa. Tràn đầy vẻ quan trọng, chúng nó sẽ tha hồ vênh váo với hàng xóm láng giềng và với người vợ đầu tóc bờm xờm đang đợi chồng vệ ăn bữa tối.

Thôi được. Bọn bồi thẩm thì sao nhỉ, phải làm gì cho chúng nó? Không làm gì hết. Đó chỉ là thứ người thảm hại đáng thương.

Chúng nó có được đào tạo huấn luyện gì đâu để mà làm quan tòa? Nếu là một viên cảnh sát hay hải quan về hưu, hắn sẽ xử sự như một viên cảnh sát hay hải quan. Nếu là một gã đưa sữa hay đưa than hằng ngày, thì thái độ của hắn sẽ là thái độ của thằng đưa sữa đưa than. Chẳng qua chúng nó chỉ theo đuôi công tố viên: tên này chẳng khó gì mà không bỏ được chúng nó vào túi. Chúng nó không phải là những kẻ chịu trách nhiệm thật sự. Cho nên tôi quyết định sẽ không làm gì chúng nó: thế là tuyên án xong.

Trong khi viết lại những ý nghĩ này, những điều mà tôi đã thực sự nghĩ đến cách đây bao nhiêu năm và giờ đây đang ùn ùn kéo về trước mắt tôi một cách minh xác kinh khủng, tôi tự nhủ: thế mới biết cảnh im lặng hoàn toàn, cô đơn tuyệt đối mà một người còn trẻ trung bị nhốt xà-lim phải chịu đựng, có thể làm nảy sinh cả một cuộc sống tưởng tượng rõ nét đến chừng nào trước khi chuyển sang tình trạng điên rồ. Nó mạnh mẽ và sinh động đến nỗi con người bị phân đôi thực sự. Hắn bay bổng lên và lang thang khắp những nơi nào hắn thích. Hắn về nhà, gặp cha, gặp mẹ, gặp gia đình, hắn bay ngược về thời thơ ấu, bay qua các giai đoạn của cuộc đời. Nhất là sau đó hắn dựng lên những tòa lâu đài mộng tưởng mà hắn phát minh ra với một sức tưởng tượng vô cùng nhạy bén, đến nỗi trong sự phân thân khủng khiếp này, rốt cục hắn tin rằng mình đang thực sự sống qua tất cả những cảnh

đang mơ ước.

Ba mươi sáu năm đã trôi qua, thế mà ngòi bút của tôi không phải cố gắng một mảy may khi viết lại những điều tôi đã nghĩ trong thời đoạn ấy của đời tôi.

Không, tôi sẽ không làm hại bọn bồi thẩm một mảy may. Nhưng còn viên công tố thì sao? à! Tên này thì không thể để cho nó thoát đòn. Vả chăng đối với hắn tôi đã có sẵn một phương án trọn vẹn do Alexandre Dumas vạch rõ từ đầu chí cuối. Tôi sẽ hành động đúng phóc như trong truyện bá tước Monte-Christo, như nhân vật chính của truyện đã xử lý cái thằng cha bị anh ta bỏ xuống hầm cho chết đói.

Tên quan tòa này phải chịu trách nhiệm. Con kền kền mặc áo đỏ này hoàn toàn xứng đáng để cho tôi hành quyết nó dưới hình thức khủng khiếp nhất có thể tưởng tượng được. Phải đấy, đúng rồi, sau Polein và bọn cớm, tôi sẽ dành hết cho con cú vọ này. Tôi sẽ thuê một cái villa. Nó phải có một cái hầm sâu, có tường dày, có một cánh cửa thật nặng. Nếu cửa không đủ dày thì tôi sẽ lót thêm một cái đệm và chêm thêm vỏ bào. Khi đã có được cái villa rồi, tôi sẽ lần ra chỗ ở của hắn và bắt cóc hắn. Trước đó tôi đã gắn mấy cái vòng sắt vào tường, cho nên đưa hắn về là tôi xích hắn vào tường ngay. Và bây giờ thì tôi tha hồ!

Tôi đang đứng trước mặt hắn, tôi nhìn thấy hắn một cách rõ nét lạ lùng dưới đôi mi mắt đang nhắm nghiền. Phải, tôi nhìn hắn

cũng đúng như khi hắn nhìn tôi trong phiên tòa đại hình. Cảnh này rõ nét đến mức tôi cảm thấy hơi thở của hắn tỏ lên mặt tôi âm ấm, vì tôi đứng sát vào hắn, mặt đối mặt, gần như chạm vào nhau.

Đôi mắt diều hâu của hắn bị chói vì tôi đã chĩa vào mặt hắn một ngọn đèn pha rất mạnh. Đôi mắt ấy điên loạn lên vì sợ hãi. Nhưng giọt mồ hôi lớn chảy ròng ròng trên gương mặt đỏ bừng của hắn. Phải, tôi nghe thấy những câu hỏi của tôi, và lắng nghe những câu trả lời của hắn. Lúc này tôi đang sống mãnh liệt.

- Thằng khốn nạn, mày nhận ra tao chứ? Chính ta đây, Bươm bướm đây, người mà mày đã xử khổ sai chung nhân một cách ngon lành. Mày tưởng đã bỏ công dùi mài kinh sử bấy nhiêu năm để trở thành một người có học thức, đã trải qua bao nhiêu đêm trường học luật La-mã và các pho luật khác; đã học tiếng La-tinh và tiếng Hy-lạp, đã hy sinh những năm tuổi trẻ để trở thành một nhà hùng biện lớn? Thế rồi để đi đến đâu nữa, hở quân chó má? Đi đến chỗ xây dựng nên một pháp luật mới, tốt hơn cho xã hội chăng? Đến chỗ thuyết phục cho đám đông hiểu rằng hòa bình là điều tốt đẹp nhất trên thế giới chăng? Để truyền bá một triết lý mới của một tôn giáo tuyệt vời chăng? Hay chỉ là để ảnh hưởng đến những người khác, dựa vào ưu thế của học thức đại học để làm cho người ta tốt hơn lên và từ bỏ cái ác chăng? Hãy nói đi, mày đã dùng học thức của mày để cứu vớt những con người hay

để dìm chết họ? Không hề có một cái gì tương tự như vậy, chỉ có một động cơ duy nhất thúc đẩy mày hành động mà thôi: lên, lên mãi, lên thêm thật nhiều bậc trên cái thang chức nghiệp đáng ghê tởm của mày. Đối với mày vinh quang có nghĩa là cung cấp được thật nhiều người cho nhà tù khổ sai và cho máy chém.

Giá Deibler *(*tên một đao phủ thủ ở Paris) là kẻ uống nước nhớ nguồn, cứ đến cuối năm hắn phải gửi cho mày một két sâm-banh thượng hạng mới phải. Chẳng phải nhờ mày mà năm nay hắn đã chém thêm được năm sáu cái đầu đấy sao? Dù sao thì bây giờ chính tao đang nắm vững tính mạng mày trong tay, dây xích sắt của tao đang trói chặt mày vào tường. Tao còn nhớ như in cái nụ cười của mày, cái vẻ đắc thắng của mày khi nghe đọc bản tuyên án xác nhận sức thuyết phục của bản cáo trạng mày đã đưa ra.

Đã bao nhiêu năm rồi mà tao cứ tưởng chừng như mới hôm qua.

Bao nhiêu năm? Mười năm? Hay hai mươi năm?

Nhưng mình làm sao thế này? Tại sao lại mười năm? Tại sao lại hai mươi năm? Bươm bướm, ngươi hãy trấn tĩnh lại; ngươi khỏe mạnh, ngươi trẻ trung và trong bụng ngươi có năm ngàn sáu trăm francs. Hai năm thôi, phải, ta chỉ ở tù chung thân hai năm thôi, không hơn - tôi tự thề với mình như vậy.

Thôi? Mày đâm ra ngớ ngẩn rồi đấy, Bươm bướm ạ! Căn xà-lim này, sự im lặng này đang làm cho mày hóa điên. Tôi không có thuốc lá. Tôi đã hút hết điếu cuối cùng từ hôm qua. Tôi sẽ đi

bách bộ. Xét cho cùng, tôi không cần phải nhắm mắt, cũng không cần lấy khăn mùi soa đặt lên mắt cũng vẫn thấy rõ những gì sẽ diễn ra. Đúng đấy. Tôi đứng dậy. Căn xà~lim có bốn mét chiều dài, nghĩa là năm bước ngắn từ cửa đến tường. Tôi bắt đầu đi, hai tay chắp sau lưng. Và tôi nói tiếp:

- Đấy. Tao vừa nói là tao còn nhớ rất rõ nụ cười đắc thắng của mày. Thế thì bây giờ tao sẽ biến nó thành một cái mếu ghê sợ. Mày có một ưu thế so với tao: hôm ấy tao không được phép, chứ mày thì bây giờ cứ tha hồ mà hét, hét to bao nhiêu cũng được. Tao sẽ làm gì mày bây giờ nhỉ? Dùng cách của Dumas chăng? Để mặc cho mày chết đói chăng? Không, như thế chưa đủ. Trước hết tao phải chọc thủng mắt mày. Hả? Mày lại có vẻ đắc chí một lần nữa: mày nghĩ rằng nếu tao chọc mắt mày, ít nhất mày cũng sẽ có được cái lợi là không trông thấy tao nữa, và mặt khác bản thân tao sẽ không được hưởng cái lạc thú được theo dõi những phản ứng trong đôi con ngươi của mày. Phải mày nghĩ đúng, tao không nên chọc thủng mắt mày, ít nhất là không nên chọc thủng ngay bây giờ. Để sau hẵng hay. Tao sẽ cắt lưỡi mày, cái lưỡi đáng ghê sợ, sắc như một con dao. Không phải là dao thường: nó sắc như một con dao cạo? Cái lưỡi mà mày sử dụng, như một con điếm sử dụng cái ấy của nó, để thực hiện sự nghiệp vinh quang của mày. Chính cái lưỡi mà mày dùng để nói những lời lẽ ngọt ngào với vợ mày, con mày và tình nhân của mày. Mày mà

có tình nhân ư? mày thì làm sao có nổi một người đàn bà làm tình nhân? Có chăng, tình nhân của mày phải là một gã đàn ông. Vì mày chỉ có thể đóng vai trò bị động hèn hạ trong một cuộc kê giao bỉ ổi. Đúng thế, ta phải mở đầu bằng việc cắt bỏ cái lưỡi của mày, vì sau cái óc của mày là đến nó, nó là cái công cụ thi hành mệnh lệnh của cái óc ấy. Mày đã sử dụng cái công cụ ấy một cách tài tình để thuyết phục cho hội đồng bồi thẩm trả lời "có" cho những câu hỏi đặt ra.

"Mày đã sử dụng nó để tô vẽ cho bọn cảnh sát thành những con người lành mạnh, tận tụy vì bổn phận; nhờ nó, câu chuyện bịa đặt của thằng làm chứng mới đứng vững được. Nhờ nó mà trước mắt mười hai miếng pho-mát kia tao mới hiện ra như là con người nguy hiểm nhất của thành Paris. Giả sử mày không có cái lưỡi ấy, cái lưỡi gian xảo, tài tình, đầy sức thuyết phục, cái lưỡi đã được tập dượt công phu để bóp méo những sự việc và những con người như vậy, thì tao vẫn được ngồi yên trên sân thượng của tiệm Grand Café ở quảng trường Trắng, không phải đi đâu cả. Vậy thì đồng ý nhé, tao sẽ cắt cái lưỡi mày. Nhưng dùng khí cụ gì để cắt?

Tôi đi đi lại lại trong xà-lim, đi đến chóng mặt, nhưng tôi vẫn diện đối diện với hắn... thì đột nhiên đèn tắt và một ánh sáng rất yếu ớt lọt qua những khe hở trên tấm cửa sổ chiếu vào xà-lim.

-Sao? Sáng rồi ư? Tôi đã thức thâu đêm để trả thù sao? Tôi đã

trải qua những giờ phút đẹp đẽ biết bao!
Cái đêm trường vừa qua nó mới ngắn làm sao?
Tôi ngồi trên giường, nghe ngóng. Không nghe thấy gì hết. Một cõi im lặng tuyệt đối. Chỉ thỉnh thoảng mới nghe một tiếng "tíc" khe khẽ ở ngoài cửa. Đó là người canh ngục đi giày vải cho khỏi có tiếng động đến nâng cái nắp nhỏ che cái lỗ tròn đục trên cánh cửa để ghé mắt vào xem tôi đang làm gì.
Bộ máy trừng phạt do nền Cộng hòa Pháp sáng chế ra đã đến giai đoạn thứ hai. Nó hoạt động một cách tuyệt diệu. ở giai đoạn thứ nhất, người nào có thể gây phiền phức cho nó thì nó tiêu diệt đi. Nhưng như thế chưa đủ. Không thể để cho người ấy chết quá nhanh, cũng không thể để cho người ấy thoát thân bằng cách tự tử. Người ấy rất cần cho bộ máy. Cục Quản lý các cơ quan cải huấn còn có việc gì mà làm nếu không có tù nhân? Lúc bấy giờ thì thật là đẹp mặt, cho nên phải giám sát nó. Phải đưa nó đi làm khổ sai: nhiều công chức của nhà nước sẽ nhờ nó mà có kế sinh nhai. Ngoài cửa lại vừa có tiếng "tíc", điều đó làm cho tôi phải mỉm cười
Cái gã vô tích sự kia khỏi phải lo, ta không trốn mất đi đâu. ít nhất là không trốn bằng cái cách mà mày đang sợ: tự tử.
Ta chỉ mong muốn có một điều, là tiếp tục sống thật khỏe mạnh và lên đường càng sớm càng tốt đến cái xứ Guyane thuộc Pháp mà các ngươi đày ta đến một cách bỉ ổi.

Gã canh ngục chuyên phát ra tiếng "tíc" kia, ta biết rằng các bạn đồng nghiệp của ngươi chẳng phải hiền lành gì. So với chúng nó, ngươi còn hiền hơn nhiều.

Ta biết điều đó từ lâu, vì Napoléon, người sáng lập ra chế độ khổ sai, khi có người hỏi: "Những tên trộm cướp ấy ngài sẽ giao cho ai canh giữ?" đã trả lời: "Cho những kẻ còn trộm cướp hơn chúng nó". Về sau tôi đã có dịp thấy rõ rằng kẻ sáng lập ra chế độ khổ sai đã không nói dối.

Chắc chắc một cái ghi-sê vuông mỗi chiều hai tấc mở ra ở giữa cánh cửa xà-lim. Người ta chuồi vào cho tôi một tách cà phê và một ổ bánh mì bảy trăm năm mươi gam. Là phạm nhân, tôi không còn có quyền ra nhà ăn mua thức ăn nữa, nhưng nếu trả tiền, tôi có thể mua thuốc lá và một ít món ăn ở cái căng-tin nhỏ bé của nhà lao. Vài ngày nữa thì sẽ không còn được mua gì hết. Nhà lao Conciergerie là căn phòng đợi của nhà lao cấm cố. Tôi khoái trá hút một điếu Lucky Strike, giá mỗi bao 6,60 francs. Tôi đã mua hai bao như vậy. Tôi cố tiêu cho hết số tiền lẻ, vì người ta sẽ tịch thu tất cả số tiền túi của tôi để thanh toán chi phí của tòa án. Dega có gửi cho tôi một mánh giấy nhỏ nhét trong bánh mì: "Trong hộp diêm có ba con rận". ý đồ của bác ta là muốn nhắn tôi đến phòng tẩy uế. Tôi lấy bao diêm vừa nhận được, nhặt hết que diêm ra, liền thấy ba con rận, đều béo tốt khỏe mạnh. Tôi hiểu ngay như thế có nghĩa là thế nào. Tôi sẽ đưa ba con rận cho

viên giám thị xem, và ngày mai hắn ta sẽ cho tôi, cùng với tất cả các đồ đạc tôi đang dùng, kể cả đệm giường, đến một phòng phun hơi nóng để giết ký sinh trùng (trong số ký sinh trùng này dĩ nhiên không kể bọn tù nhân tù tội): Quả nhiên hôm sau tôi đã gặp Dega ở đấy. Trong phòng hơi không có giám thị. Chỉ có hai chúng tôi, tha hồ nói chuyện.

- Cám ơn Dega. Nhờ bác tôi đã nhận được plan.

- Có thấy vướng lắm không

- Không.

- Mỗi lần đi ngoài, phải rửa cho kỹ rồi hẵng đút vào.

- Vâng. Nó kín lắm, vì mấy tờ giấy bạc đều khô ráo. Thế mà tôi đã mang plan trong bụng đến bảy ngày nay rồi chứ có ít đâu.

- Thế thì plan tốt đấy.

- Dega ạ, bác định sao đây?

- Tớ sẽ làm trò thằng khùng đây. Tớ không muốn đi đày ở lại Pháp, có lẽ tớ sẽ ngồi từ tám hay mười năm. Tớ có quen với một số người thân thế, cho nên hạn tù có thể giảm ít nhất là năm năm.

- Bác bao nhiêu tuổi?

- Bốn mươi hai.

- Bác điên à! Nếu ngồi tù mười năm, khi ra bác đã già mất rồi còn gì. Bác sợ khổ sai lắm à?

- ừ! tớ sợ lắm. Nói với cậu như vậy tớ không xấu hổ đâu, Papi ạ. ở Guyane kinh lắm cậu ạ. Mỗi năm tù chết tám mươi phần trăm.

Các chuyến tàu chở tù cứ kế tiếp nhau bù vào đấy, mỗi chuyến từ một ngàn tám trăm cho đến hai ngàn người. Nếu cậu không nhiễm bệnh hủi thì cũng mắc bệnh sốt vàng hay kiết lỵ, hai bệnh này không tha ai đâu. Hoặc nếu không thì cũng là ho lao, sốt rét, malaria ác tính. Nếu cậu thoát được tất cả các thứ ấy, cậu sẽ có đầy đủ khả năng bị ám sát để lấy plan hay là chết trong khi vượt ngục. Cậu hãy tin tớ Papi ạ, tớ nói thế không phải để cho cậu nản lòng, nhưng tớ có quen mấy người tù khổ sai trở về Pháp sau năm bảy năm ở tù, cho nên tớ biết. Họ chỉ còn là những đống giẻ rách. Năm nào cũng phải chín tháng nằm ở bệnh viện. Còn vượt ngục thì họ đều nói là nó không bở như nhiều người vẫn tưởng đâu.

- Tôi tin bác chứ, nhưng tôi cũng tin tưởng tôi, và tôi biết chắc là tôi sẽ không ngồi yên ở bên ấy lâu đâu. Tôi là thủy thủ, tôi biết rõ nghề đi biển, và bác cứ tin chắc là tôi sẽ chuẩn bị rất nhanh để vượt ngục. Còn bác, bác có hình dung được cái cảnh ngồi tù cấm cố mười năm hay không? Nếu họ giảm cho bác năm năm (điều chẳng chắc chắn gì) liệu bác có thể chịu đựng được mười cái năm còn lại hay không, hay là lại hóa điên vì cảnh biệt lập hoàn toàn? Như tôi đây, vào giờ này, trong căn xà-lim mà tôi ở một mình, không có sách báo, không được ra ngoài, không được nói với ai, thì hai mươi bốn giờ mỗi ngày cần phải nhân lên không phải là sáu mươi phút mà là sáu trăm! Mà nói thế vẫn còn xa sự

thực đấy.

- Có thể như thế, nhưng cậu, cậu còn trẻ chứ tôi đã bốn mươi hai tuổi đầu rồi.

- Này Dega ạ, nói thật, bác sợ cái gì nhất. Sợ bọn tù khổ sai khác chứ gì?

Thật thế đấy Papi ạ. Ai cũng biết tớ là triệu phú, và từ chỗ đó đến chỗ ám sát tớ vì tin rằng tớ mang trong người năm mươi hoặc một trăm ngàn quan chẳng xa xôi gì cả.

- Bác ạ, bây giờ chúng mình làm giao kèo với nhau nhé? Bác hứa với tôi là đừng giả vờ điên còn tôi, tôi hứa với bác là sẽ luôn luôn ở bên cạnh bác. Chúng mình sẽ dựa vào nhau. Tôi khỏe và nhanh, tôi đã học đánh nhau từ hồi rất trẻ và tôi biết dùng dao rất thành thạo. Vậy thì về phía bọn tù khổ sai bác cứ yên tâm: họ sẽ không những nể chúng mình mà còn sợ nữa. Khi vượt ngục, chúng mình sẽ không cần đến ai hết. Bác có tiền, tôi cũng có tiền, tôi biết sử dụng địa bàn và điều khiển thuyền đi biển. Bác còn muốn gì hơn nữa?

Dega nhìn thẳng vào mắt tôi hồi lâu... Chúng tôi ôm lấy nhau. Thế là bản giao kèo đã được ký kết.

Một lát sau, cửa mở ra. Dega vác bạc-đà đi về phía bác, còn tôi đằng tôi. Phòng giam của chúng tôi không xa nhau lắm. Vả lại thỉnh thoảng chúng tôi có thể gặp nhau ở phòng cắt tóc, ở phòng bác sĩ, hay ở nhà nguyện của khám nếu là ngày chủ nhật.

Dega bị sa lưới trong vụ giá mạo phiếu Đảm phụ Quốc phòng. Có một gã chuyên làm bạc giả đã chế tạo ra các phiếu Đảm phụ này một cách khá độc đáo. Hắn tẩy những tập phiếu năm trăm francs và in lên đấy những con số mười nghìn francs một cách cực kỳ khéo léo. Vì giấy phiếu như nhau, cho nên các nhà ngân hàng và các thương gia khi nhận những tờ phiếu này không hề nghi ngờ gì hết. Tình hình này kéo dài nhiều năm và Phòng tài chính của Bộ tư pháp không còn biết đằng nào mà lần nữa, cho đến ngày người ta bắt được quả tang một người trong bọn tên là Brioulet. Lúc bấy giờ Louis Dega làm chủ một tiệm rượu ở Marseille, nơi tụ hợp những phần tử tinh hoa trong giới giang hồ miền Nam, và là nơi hẹn hò quốc tế của những tay du lịch giàu có một cách khả nghi của khắp thế giới. Kể đến năm 1929, Dega đã có vốn bạc triệu. Bác ta rất yên tâm.

Một đêm nọ, có một người đàn bà trẻ, đẹp, ăn mặc trang nhã đến tìm ông Louis Dega ở tiệm rượu.

- Thưa bà chính tôi đây, bà cần gì ạ? Xin mời bà sang phòng bên.

Ông ạ, tôi là vợ của Brioulet. Nhà tôi đang ở tù ở Paris, vì tội bán phiếu giả. Tôi đã đến thăm ông ấy ở nhà lao Santé, ông ấy có cho tôi địa chỉ tiệm này và dặn tôi đến xin ông hai mươi ngàn francs để trả tiền trạng sư.

Thế là Dega, một trong những tay bợm lớn nhất của nước Pháp, trước cơn hoạn nạn của một người đàn bà biết rõ vai trò của bác

ta trong vụ phiếu giả, đã đưa ra câu trả lời duy nhất không nên có trong hoàn cảnh này.

- Thưa bà, tôi tuyệt nhiên không biết chồng bà và nếu bà cần tiền, bà nên bán một ít phấn son là đủ. Bà xinh đẹp thế kia, làm chi mà chẳng kiếm được thừa xài?, Người đàn bà đáng thương kia ức quá, vừa bỏ chạy vừa khóc. Bà ta vào nhà lao gặp chồng kể lại câu chuyện vừa xảy ra. Hôm sau Brioulet công phẫn tố cáo tất cả những gì hắn biết cho viên dự thẩm nghe, chính thức buộc tội Dega là kẻ cung cấp phiếu Đảm phụ cho cả bọn. Lập tức một đội gồm những cảnh sát viên tinh nhuệ nhất của nước Pháp được thành lập để điều tra, theo dõi Dega. Một tháng sau, Dega, hai người chuyên tẩy khắc và in phiếu giả cùng với mười một người đồng lõa bị bắt vào cùng với một giờ ở những nơi khác nhau, và bị tống giam. Họ bị đưa ra tòa Đại hình quận sông Seine, và phiên tòa đã xử mười bốn ngày liền. Mỗi bị cáo nhận đều được trạng sư cỡ lớn bào chữa cho. Brioulet không một lần nào phản cung. Rốt cục, chỉ vì hai mươi ngàn francs khốn nạn và một câu trả lời ngu xuẩn mà tên bợm già giặn nhất của nước Pháp đã phá sản với mười lăm năm tù khổ sai. Và đó chính là người vừa mới cùng tôi ký kết một bản giao kèo cùng sống cùng chết.

Trạng sư Raymond Hubert có đến thăm tôi. Ông ta dĩ nhiên chẳng lấy gì làm phấn khởi, cho nên trong khi nói chuyện với tôi ông lộ vẻ lúng túng rõ ràng. Tôi không trách móc ông ta một câu

nào.

...Một, hai, ba, bốn, năm, quay đằng sau... Một, hai, ba, bốn, năm, quay đằng sau. Tôi đi đi lại lại như thế từ cửa sổ đến cửa lớn của phòng giam suốt mấy tiếng đồng hồ. Tôi hút thuốc lá, tôi cảm thấy mình tỉnh táo, cân bằng và đủ sức chịu đựng bất cứ điều gì. Tôi tự hứa với mình là giờ đây sẽ không nghĩ đến chuyện trả thù vội.

Cái tên công tố viên kia thì ta hãy tạm bỏ hắn đứng ở nơi mà tôi đã trói hắn vào mấy cái vòng đóng trên tường, cứ để mặt hắn ở đấy: tôi vẫn chưa quyết định được là mình sẽ làm cho hắn chết bằng cách nào. Bỗng một tiếng hét chói chang, một tiếng hét tuyệt vọng, não nuột một cách khủng khiếp, đã lọt vào cửa phòng giam, không biết từ đâu vang đến. Cái gì thế nhỉ? Nghe như tiếng kêu gào của một người đang bị tra tấn Nhưng ở đây đâu có phải là nơi hỏi cung của cảnh sát hình sự? Không có cách nào biết được việc gì đang xảy ra. Những tiếng hét trong đêm khuya đã làm cho tôi gan ruột rối bời. Và tiếng hét ấy không biết nó mạnh đến mức nào mà có thể xuyên qua được tấm cửa có. đệm da dày này. Có lẽ đó là một người điên. Bị giam một mình trong những căn xà-lim như thế này, không có một chút gì từ bên ngoài vào, thì phát điên cũng chẳng khó khăn gì. Tôi nói to lên một mình, tự chất vấn bản thân: “Những tiếng hét ấy thì có liên quan gì đến mày? Mày hãy nghĩ đến bản thân mày, chỉ nghĩ đến

bản thân mày và đến người cộng sự mới của mày là Dega". Tôi cúi xuống, thẳng người dậy, rồi đấm một phát vào ngực mình. Đau lắm. Và như thế có nghĩa là mọi sự vẫn còn ổn: các bắp thịt trên tay tôi vẫn hoạt động một cách hoàn hảo. Thế còn chân? Hãy khen ngợi đôi chân ấy đi, vì đi đi lại lại hơn mười sáu tiếng đồng hồ rồi mà vẫn chưa thấy mỏi.

Người Tàu đã phát minh ra cái giọt nước nhỏ đều đều xuống đầu tội nhân. Còn người Pháp thì đã phát minh ra sự im lặng. Họ loại trừ mọi phương tiện khuây khỏa. Không có sách, không có giấy, không có bút, khung cửa sổ có song sắt lớn bị bịt kín bằng những tấm ván, chỉ khoét mấy cái lỗ nhỏ đủ để lọt một ít ánh sáng mờ mờ.

Người nôn nao vì tiếng hét não nùng kia, tôi quay cuồng trong xà lim như một con thú bị nhốt trong chuồng. Tôi thật sự có cái cảm giác là bị mọi người ruồng bỏ và bị chôn sống theo nghĩa đen. Phải, đúng là tôi hoàn toàn chỉ có một mình, và tất cả những gì ở thế giới bên ngoài có thể thấu được đến tôi trước sau cũng chỉ là tiếng hét ấy.

Có ai mở cửa. Một ông linh mục già bước vào. à, bây giờ thì mày không phải chỉ có một mình nữa, trước mặt mày đã có một ông linh mục.

- Chào con. Con hãy tha thứ cho cha vì mãi đến hôm nay cha mới vào được. Mấy hôm trước cha về quê nên không biết. Con

có khỏe không?

Và ông linh mục già xuề xòa bước thẳng vào xà-lim, ngồi bệt xuống cái giường tồi tàn và thấp lè tè của tôi.

- Con người xứ nào?

- Vùng Ardèche.

- Bố mẹ ra sao?

- Mẹ con mất hồi con mới mười một tuổi. Hồi trước bố con thương con lắm.

- Ông ấy làm nghề gì?

- Dạy học.

- Bố con còn sống chứ?

- Vâng ạ.

- Bố con còn sống, thì sao con lại nói là "trước kia"?

- Bởi vì bố con thì còn sống nhưng con thì chết rồi.

- Ôi! Con đừng nói thế. Con đã làm gì mà bị án?

Trong một khoảnh khắc tôi nghĩ đến cái ấn tượng lố bịch mà tôi sẽ gây nên nếu tôi nói rằng mình vô tội.

Và tôi trả lời thật nhanh:

- Cảnh sát nói là con đã giết người; mà cảnh sát đã nói thế thì hẳn là phải đúng như thế:

- Đấy là một thương gia à?

- Không, hắn làm ma cô.

- Và vì một chuyện lôi thôi gì đấy trong giới du đãng mà người

ta xử con tội khổ sai chung thân à? Cha không hiểu. Đây là một vụ giết người có chủ đích à?

- Không ạ, chỉ là một vụ giết người thường thôi.

- Tội nghiệp, thật khó mà tin được. Liệu cha có thể làm gì giúp con không? Ta cùng cầu nguyện nhé?

- Thưa cha, xin cha tha thứ, con không biết cầu nguyện, vì con không hề được giáo dục về tôn giáo.

- Không sao đâu con ạ, cha sẽ cầu nguyện cho con. Đức Chúa lòng lành thương yêu tất cả những đứa con của Người, đù đã rửa tội hay chưa cũng vậy thôi. Bây giờ cha nói gì con cứ thế mà nhắc lại nhé, được không?

Đôi mắt ông linh mục dịu hiền quá, gương mặt bầu bĩnh của ông toát ra lòng nhân từ trong sáng quá, đến nỗi tôi không nỡ từ chối, và khi thấy ông quỳ xuống, tôi cũng quỳ theo. "Lạy Cha chúng con ở trên Trời..."

Tôi ứa nước mắt, và ông linh mục thấy thế liền đưa ngón tay múp míp hứng lấy một giọt lệ lớn đang lăn trên má tôi và đưa lên môi uống.

- Con ơi, những giọt nước mắt của con đối với cha là phần thưởng lớn nhất mà Chúa có thể gửi cho cha ngày hôm nay qua tâm hồn con. Cảm ơn con nhiều lắm.

Ông linh mục hôn lên trán tôi.

Hai chúng tôi lại ngồi cạnh nhau trên cái giường tù.

- Đã bao lâu con không khóc?

- Mười bốn năm.

- Mười bốn năm, tại sao?

- Ngày mẹ con mất.

Ông già cầm tay tôi và nói:

- Con hãy tha thứ cho những kẻ đã làm con đau khổ đến như vậy.

Tôi giật phắt bàn tay tôi ra khỏi bàn tay ông linh mục và bất giác vùng dậy, lùi ra phía giữa phòng giam.

- ồ không, cái đó thì không đời nào! Con sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng nó. Cha có muốn nghe một lời tâm sự của con không, thưa cha? Vậy thì đây: hàng ngày, hàng đêm, hàng giờ, hàng phút con chỉ làm có mỗi một việc là nghĩ cho ra cách gì và bao giờ con sẽ giết hết được tất cả, những kẻ đã giam con vào đây.

- Con nói thế, và con tin là như thế, vì con hãy còn trẻ, còn trẻ lắm. Rồi sau này khi đã có tuổi, con sẽ từ bỏ ý định trừng phạt và trả thù.

Ba mươi bốn năm sau, tôi đã nghĩ đúng như ông linh mục nói.

- Cha có thể làm gì để giúp con? - ông linh mục nhắc lại.

- Cha có thể làm một việc phạm pháp không?

- Việc gì?

Đến xà-lim số 37 nói với Dega là phải nhắn trạng sư xin cho được chuyển sang nhà lao trung tâm Caen, và báo cho Dega biết

là con cũng vừa làm đơn như thế xong. Cần phải rời nhà lao Conciergerie thật nhanh để chuyển sang một nhà lao trung tâm nơi tập hợp những đoàn tù gửi sang Guyane. Vì nếu lỡ mất chuyến tàu thứ nhất thì phải đợi thêm hai năm nữa trong nhà lao cấm cố mới có một chuyến khác. Khi cha đã gặp Dega rồi thì xin cha quay trở lại đây cho con biết tình hình ra sao.

- Cha sẽ lấy lý do gì để trở lại đây?

- Chẳng hạn cha cứ nói là bỏ quên quyển kinh. Con đợi câu trả lời của Dega.

- Nhưng tại sao con lại vội đi? Mà lại vội đi đến một nơi khủng khiếp như cái nhà tù khổ sai ấy?

Tôi nhìn lên gương mặt của ông linh mục, người tín sứ của Thượng đế lòng lành, và tin chắc rằng ông sẽ không phản bội tôi, tôi nói:

- Thưa cha, để vượt ngục cho thật nhanh.

- Chúa sẽ giúp con, con ạ, cha tin chắc như vậy, và con sẽ làm lại cuộc đời của con, cha cảm thấy thế. Vì con có đôi mắt của một chàng trai trung hậu, và vì tâm hồn con cao thượng. Cha đến phòng 37 đây. Con hãy ngồi đợi câu trả lời.

Ông linh mục quay trở lại phòng tôi rất nhanh.

Dega đồng ý. Ông linh mục để lại cuốn kinh cho tôi mượn đến mai.

Ngày hôm nay một tia nắng của Trời đã lọt vào đây làm cho

phòng giam của tôi sáng rực lên, nhờ lòng nhân hậu của con người thánh thiện ấy.

Nếu Thượng đế có thật, tại sao Người lại cho phép có những con người khác nhau đến như vậy sống trên trái đất? Lão công tố viên, bọn cảnh sát, bọn Polein, rồi lạ i có ông linh mục, ông cha xứ của nhà lao Conciergerie?

Chuyến đến thăm của con người thánh thiện ấy vừa an ủi tôi lại vừa được việc cho tôi.

Hai lá đơn của chúng tôi đã sớm có kết quả. Chỉ một tuần sau, hai chúng tôi đã ở trong số một tốp bảy người đứng xếp hàng trong hành lang nhà lao Conceiergene lúc bốn giờ sáng. Toàn thể đội cảnh sát đã có mặt ở đấy.

- Cởi hết ra!

Ai nấy đều chậm rãi cởi áo quần. Trời lạnh, tôi nổi cả da gà lên.

- Để đồ đạc ngay trước mặt. Đằng sau, quay! Lui một bước, bước! - Trước mặt mỗi người đã có một xáp áo quần.

- Mặc vào!

Chiếc áo sơ-mi vải phin mịn mà tôi mặc ban nãy được thay thế bằng một cái áo vải thô cứng, và bộ com-lê trang nhã của tôi nhường chỗ cho một cái blouson và một cái quần bằng dạ thô. Đôi giày của tôi đã biến đâu mất, và tôi phải xỏ chân vào một đôi guốc sabot*(*một thứ giày đẽo bằng gỗ, có mu, thường dùng ở vùng nông thôn)

Kể cho đến ngày hôm nay, chúng tôi còn có cái vẻ của người bình thường. Tôi đưa mắt nhìn sang sáu người kia: thật kinh khủng! Không còn lấy một dấu vết nào của bản sắc riêng: trong hai phút đồng hồ ai náy đều đã hóa thành tù khổ sai.

“Bên phải, quay? Nhìn trước, thẳng! Đi đều, bước”

Được khoảng hai mươi tên cảnh sát áp giải hai bên, chúng tôi ra sân và lần lượt được đưa lên xe, mỗi người nhốt kín trong một cái ngăn hẹp trên thùng xe. Thế là chúng tôi lên đường đến khám Beaulieu, tên gọi của nhà lao trung tâm ở thành phố Caen.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Nhà lao trung tâm Caen

Vừa đến nơi, chúng tôi đã được đưa vào phòng giấy của ông giám đốc. Ông ta ngồi sau một cái bàn giấy đồ sộ đóng theo kiểu thời Đế chính, đặt trên một cái bệ cao đến một mét.

- Nghiêm! Quan giám đốc sẽ nói chuyện với các người.

- Các phạm nhân! Các người sẽ được tạm giam ở đây trong khi chờ đợi lên đường đến trại khổ sai. Nơi này là một nhà giam tuyệt đối nghiêm ngặt. Bất kỳ giờ nào cũng phải hoàn toàn im lặng; không có thăm viếng; không nhận thư từ. Một là khuất phục, hai là diệt vong. ở đây chỉ có hai cửa ra: một đưa đến nơi khổ sai, nếu hạnh kiểm các người tốt; một đưa ra nghĩa địa. Nếu có trường hợp hạnh kiểm chưa tốt, thì nhẹ nhất sẽ là sáu mươi ngày xà-lim ăn bánh mì không, uống nước lã. Xưa nay chưa ai sống qua hai lần phạt xà-lim như vậy. Hễ lơ mơ thì đừng có trách!

Ông ta quay sang Pierrot le Fou, một tù nhân người Tây-ban-nha

đã bị chính phủ nước này trao cho tòa án Pháp.

- Nghề nghiệp của anh ngoài đời là gì?

Thưa ông giám đốc đấu bò.

Nghe câu trả lời, ông giám đốc quát lớn: "Tống khứ tên này đi, theo tác phong quân sự!" Trong nháy mắt, người đấu bò đã bị bốn năm tên cảnh sát dùng dùi cui và quả đấm đánh túi bụi rồi lôi nhanh ra khỏi phòng. Tôi nghe tiếng anh ta gào: "Đồ khốn k.., đã năm thằng đánh một mà còn phải dùng dùi cui, lũ hèn hạ!" Một tiếng "ah!" của loài dã thú bị tử thương, rồi không nghe thấy gì nữa. Sau đó chỉ có tiếng lệt xệt của một vật gì nặng bị kéo lê trên sàn xi-măng.

Sau cảnh này mà còn chưa hiểu thì sẽ không bao giờ hiểu được cái gì hết. Dega đứng cạnh tôi. Bác ta đưa một ngón tay một ngón thôi, chạm vào quần tôi. Tôi hiểu như thế có nghĩa là gì: Dega muốn khuyên tôi cố nhịn nhục để còn sống mà đến nơi tù đày. Mười phút sau, mỗi người trong chúng tôi (trừ Pierrot le Fou đã bị đưa xuống tầng hầm nhốt vào một căn xà-lim nhơ bẩn) đều có vị trí trong một căn xà-lim của khu trừng giới trong nhà lao trung tâm Caen.

Vận may đã làm cho căn xà-lim của Dega đặt ngay cạnh căn của tôi. Trước đó người ta đã giới thiệu với chúng tôi một con quái vật tóc hung cao một mét chín mươi là ít, chột mắt, tay phải cầm một cây roi cặc bò mới toanh. Đó là tên trưởng tù, nghĩa là một

tù nhân giữ chức năng trấn áp các tù nhân khác theo lệnh của bọn cai tù. Hắn là nỗi kinh hoàng của các phạm nhân. Nhờ hắn, bọn cai ngục có được cái lợi là có thể đánh đập người ta mà không phải động tay động chân, và mặt khác, nếu có ai chết thì ban quản trị nhà lao không phải chịu trách nhiệm.

Về sau, nhờ mấy hôm ở bệnh xá, tôi đã được biết lý lịch của con thú có hình người này. Ta hãy lấy làm mừng cho ông giám đốc nhà lao trung tâm đã chọn được một đao phủ thủ đắc lực đến như vậy. Tên này trước kia vốn làm nghề đập đá. Một hôm, trong cái thị trấn miền bắc là nơi gia đình hắn sinh sống, hắn quyết định tự sát và đồng thời giết luôn cả vợ hắn. Hắn sử dụng vào mục đích ấy một thỏi mìn dynamit khá to. Hắn nằm xuống bên cạnh người vợ đang ngủ say (căn hộ của hai vợ chồng ở vào tầng thứ ba của một ngôi nhà bảy tầng). Hắn châm một điếu thuốc lá dùng để châm ngòi vào thỏi mìn mà hắn cầm trong tay trái, đặt vào giữa đầu hắn và đầu vợ hắn. Một tiếng nổ kinh hoàng. Kết quả: người ta phải dùng thìa múc từng mảnh vụn của vợ hắn. Tòa nhà sập hắn một bên, ba đứa trẻ bị vôi gạch đè nát, cùng với một bà già bảy mươi tuổi, những người khác ở trong tòa nhà đều bị thương, kẻ nặng người nhẹ.

Riêng hắn, Tribouillard, mất một phần bàn tay trái, chỉ còn ngón tay út và nửa ngón tay cái, ngoài ra mắt trái và tai trái của hắn cũng không còn. Dầu hắn bị một vết thương nặng, bệnh viện đã

phải khoan sọ mới cứu được. Từ khi bị xử, hắn được làm trưởng tù ở các xà lim trừng giới ở trung tâm Caen. Thằng người giở điên giở dại này có quyền tự ý xử sự với những con người khốn khổ chẳng may lọt vào địa phận của hắn. Một, hai, ba, bốn, năm, quay đằng sau... một, hai, ba, bốn, năm... cuộc di chuyển vô tận từ tường đến cửa xà lim lại bắt đầu.

Ban ngày tù nhân không được nằm. Đúng năm giờ sáng một tiếng còi lảnh lói đánh thức cả cái đám người tù tội ấy Họ phải vùng dậy, thu dọn chăn đệm, rửa mặt, sau đó, phải đi đi lại lại hoặc ngồi yên trên chiếc ghế đẩu gắn chặt vào góc phòng. Không được nằm trên giường. Điểm tinh vi nhất trong hệ thống trừng giới ở nhà tù là cái giường của tù nhân ban ngày được nâng lên áp vào tường cho đến tối. Như vậy tù nhân không nằm được và người ta có thể giám thị hắn kỹ hơn. Một, hai, ba, bốn, năm... mười bốn giờ đi đi lại lại. Muốn cho cái thao tác liên tục này có được tính chất hoàn toàn tự động hóa, phải tập cách cúi đầu, chắp hai tay sau lưng, đi sao cho vừa phải, đừng nhanh quá mà cũng đừng chậm quá, bước cho đều, bước nào cũng dài bằng nhau, đến cuối phòng thì quay lại một cách máy móc, đến cửa xà-lim thì quay chân trái, đến tường đối diện thì quay chân phải. Một, hai, ba, bốn, năm... Các xà-lim sáng sủa hơn ở nhà lao Conciergerie, và người ta nghe được những tiếng động ở bên ngoài, như những tiếng động ở khu trừng giới đưa sang, nhưng

cũng có cả những tiếng động từ phía đồng ruộng vắng tới. Ban đêm có thể nghe thấy tiếng huýt sáo hay tiếng hát của những người công nhân nông nghiệp đang trở về nhà sau một ngày lao động, hài lòng vì đã uống được mấy cốc rượu cidre ngon lành.
Tôi cũng đã có được món quà Noel: qua một khe hở giữa những tấm ván bịt cửa sổ, tôi nhìn thấy cánh đồng tuyết phủ trắng xóa và mấy lùm cây đen viền bạc dưới ánh trăng. Trông như một tấm bưu ảnh thuộc các loại điển hình mà người ta vẫn gửi tặng nhau vào dịp Noel. Bị gió lay mạnh, những lùm cây ấy đã trút bỏ tấm áo khoác bằng tuyết, cho nên nhìn thấy rất rõ. Nó làm thành những vệt sẫm lớn nổi bật lên trên nền tuyết trắng. Đây là một lễ Noél cho mọi người, thậm chí cho cả một phần của nhà lao. Đối với các tù nhân khổ sai đang tạm giam ở đây, ban quản trị nhà lao đã có một cố gắng đáng kể: chúng tôi được quyền mua hai thỏi sô-cô-la. Xin nói là hai thỏi chứ không phải là hai tấm đâu nhé. Hai thỏi sô-cô-la Aiguebelle chính là bữa tiệc réveillon của tôi năm 1931.
Một, hai, ba, bốn, năm... sự trấn áp của Công lý đã biến tôi thành một thứ quả lắc đồng hồ, cái thao tác đi đi lại lại trong xà-lim là tất cả vũ trụ của tôi. Điều này đã được tính toán một cách chính xác. Trong phòng giam không được để lại một cái gì, tuyệt đối không có một chút gì để phạm nhân có thể dùng làm cách giải trí. Nếu có ai bắt gặp tôi nhìn qua khe hở trên cửa sổ, chắc chắn

tôi sẽ phải chịu một sự trừng phạt nghiêm khắc. Thật ra họ làm như vậy là rất có lý vì đối với họ tôi chỉ là một người đã chết. Tôi có quyền gì mà tự cho phép mình hưởng cái thú được ngắm cảnh thiên nhiên?

Cạnh cửa sổ có một con bướm đang bay lượn, cánh nó màu xanh nhạt, có một đường chỉ đen mảnh, và cách đấy không xa lại có một con ong đang bay vù vù. Hai con vật này đến đây để tìm cái gì vậy? Có thể nghĩ là chứng nó phát điên vì ánh nắng mùa đông này, nếu không phải là chúng nó lạnh quá muốn vào tù cho ấm. Mùa đông mà có bướm nhỉ! làm sao nó lại không chết, cái gì làm cho nó sống lại? Còn con ong kia nữa, tại sao nó rời tổ đến chỗ này? Nó không biết rằng đến chỗ tù tội này là một việc liều lĩnh. May mà tên trưởng tù không có cánh, chứ không thì hai con này chẳng còn sống được bao lâu.

Cái tên Tribouillard là một kẻ xa-đích* đáng ghê tởm, (*một chứng bệnh tâm thần (Sadisme) trong đó bệnh nhân tìm thấy khoái lạc khi được chứng kiến hay được làm cho kẻ khác đau đớn cùng cực) và tôi có linh cảm là thế nào cũng xảy ra một chuyện gì giữa tôi với hắn. Tiếc thay, tôi đã không nhầm. Hai con vật đáng yêu kia đến thăm tôi bên cửa sổ được một hôm, thì hôm sau tôi báo cáo là bị ốm. Số là tôi không chịu được nữa, tôi ngột ngạt vì cảnh cô đơn, tôi cần được trông thấy một gương mặt, nghe thấy một tiếng nói, dù là một tiếng nói rất khó chịu

cũng được, vì đó là vẫn là một tiếng nói, tôi cần nghe bất cứ một âm thanh nào.

Trần truồng trong cái không khí lạnh buốt của hành lang, mặt quay vào tường, mũi chỉ cách tường bốn ngón tay, tôi là người áp chót của một dãy gồm tám tù nhân đang đợi đến lượt khám. Tôi đang muốn trông thấy người: thế thì tôi đã toại nguyện? Tên trưởng tù đã bắt gặp được tôi đang nói thì thầm với Julot, vốn có biệt hiệu là người cầm búa. Phản ứng cửa tên mọi tóc đỏ này thật là khủng khiếp. Hắn giáng một quả đấm thôi sơn từ phía sau đầu tôi, và vì bất ngờ, tôi bị giập mũi vào tường. Máu ộc ra, tôi gục xuống, rồi cố gượng dậy, lắc đầu thật mạnh cho tỉnh và cố định thần để hiểu cho được việc gì vừa mới xảy ra. Tôi phác một cử chỉ phản đối. Con đười ươi ấy chỉ đợi có thể: hắn giơ chân đá vào bụng tôi làm tôi lại ngã lăn ra đất, và dùng roi cặc bò quất túi bị vào người tôi. Julot không chịu nổi cảnh này. Anh ta chồm lên người hắn, một cuộc ẩu đả khủng khiếp nổ ra, và vì Julot ở vào thế yếu cho nên bọn canh tù thản nhiên đứng nhìn. Không ai chú ý đến tôi lúc bấy giờ vừa mới lồm cồm đứng dậy. Tôi nhìn quanh xem có cái gì dùng làm võ khí được không. Bỗng tôi nhìn thấy ông bác sĩ nghiêng người trên ghế bành để từ phòng khám dòm ra hành lang xem việc gì đang xảy ra ở đấy, và đồng thời tôi cũng nhìn thấy một cái vung lớn đậy trên một cái nồi sắt tráng men đầy nước sôi đang bập bồng nâng lên hạ xuống do sức đẩy

của hơi nước. Cái nồi lớn này đang sôi sùng sục trên chiếc lò than dùng để sưởi phòng làm việc của bác sĩ.

Tôi phản xạ rất nhanh: nắm lấy hai quai nồi cố chịu bỏng tay, tôi hắt hết chỗ nước sôi vào mặt tên trưởng tù đang mải đối phó với Julot. Từ họng hắn phát ra một tiếng gào khủng khiếp. Hắn đã lãnh đủ. Hắn lăn lộn dưới đất, và vì mình hắn mặc ba chiếc áo len dệt, hắn cởi áo rất khó khăn. Khi hắn cởi đến chiếc thứ ba thì da của hắn cũng ra theo. Cổ áo vốn chật, nên khi hắn cố kéo áo lên thì đa ngực, một phần đa cổ và da mặt dính chặt vào áo dệt kim. Cả con mắt duy nhất còn lại của hắn cũng bị luộc chín: từ nay hắn sẽ mù. Cuối cùng hắn đứng dậy, nhầy nhụa, thịt chín từng mảng, trông thật gớm ghiếc, và Julot thừa cơ đã cho hắn một cú trời giáng vào đúng hạ bộ. Cả cái thân hình hộ pháp của hắn đổ xuống, hắn bắt đầu nôn ọe, rải rớt chảy ròng ròng. Đáng đời cho hắn. Còn chúng tôi thì cứ đợi đấy, chẳng mất gì.

Hai tên giám thị đã chứng kiến cảnh này không đủ can đảm để tấn công chúng tôi. Chúng bấm còi báo động để xin viện trợ. Viện binh của chúng từ khắp nơi ùa tới, và những phát dùi cui giáng tới tấp lên chúng tôi như một trận mưa đá. Tôi được cái may mắn là ngất đi rất nhanh cho nên cũng đỡ đau.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đã được đưa xuống tầng dưới, mình trần như nhộng, nằm trong một căn xà-lim ngập nước. Các giác quan của tôi từ từ hoạt động trở lại. Tôi đưa tay sờ khắp cái thân

hình đau đớn của tôi. Trên đầu tôi có ít nhất mười hai đến mười lăm chỗ sưng vù. Bây giờ là mấy giờ? Tôi không biết. ở đây không có đêm mà cũng không có ngày. Không hề có ánh sáng. Tôi nghe có tiếng ai gõ gõ vào tường, những tiếng gõ hình như từ xa lắm.

Cộc, cộc cộc cộc, cộc, cộc Những tiếng gõ này là những tiếng gọi "điện thoại". Nếu tôi muốn nhận thông điệp thì bản thân tôi phải gõ vào tường hai tiếng để trả lời ừ thì gõ, nhưng gõ bằng cái gì? Trong bóng tối tôi không trông thấy một vật gì có thể dùng để gõ cả. Gõ bằng tay thì không được, vì tiếng không truyền đi xa. Tôi lần về phía mà tôi đoán là phía cửa, vì ở đấy đỡ tối hơn một chút. Tôi vấp phải hàng chấn song mà tôi không hề trông thấy. Sờ soạng một lúc, tôi nhận thấy rằng trong phòng giam có một cánh cửa cách tôi hơn một mét. Tôi không thể động đến cánh cửa này vì đã có hàng chấn song chặn tôi lại. Như vậy khi có ai vào căn xà-lim giam loại tù nguy hiểm, tù nhân không thể với tới người đó được vì hắn bị nhốt trong một cái chuồng. Người ta có thể nói với hắn, đổ nước vào hắn, ném thức ăn cho hắn và lăng mạ hắn một cách an toàn tuyệt đối. Nhưng cũng được một cái là người ta không thể đánh đập tù nhân một cách không có gì nguy hiểm cho bản thân, vì muốn đánh hắn thì phải mở chuồng ra.

Những tiếng gõ chốc chốc lại được nhắc lại. Ai gọi tôi thế nhỉ?

Dù là ai thì hắn cũng xứng đáng được tôi trả lời, vì nếu hắn bị bắt gặp thì khốn to cho hắn. Trong khi mò mẫm đi trong bóng tối, tôi suýt ngã vỡ mặt. Chân tôi vừa giẫm phải một vật gì cứng và tròn. Tôi sờ thì thấy đó là một cái muôi bằng gỗ. Tôi lập tức cầm nó lên và chuẩn bị trả lời "điện thoại". Tai áp vào tường, tôi chờ đợi. Cộc, cộc, cộc, cộc, cộc - stop, cộc cộc - Tôi trả lời: cạch, cạch. Hai tiếng này báo cho người gọi điện biết là bên kia sẵn sàng nhận điện, cứ đánh đi. Những tiếng gõ của người kia bắt đầu: Cộc, cộc cộc những chữ cái lần lượt diễu qua rất nhanh... a, b, c, d, e, f, g, li, i, j, k, l, m, n, o, p, stop. Người kia dừng lại ở chữ p. Tôi gõ một tiếng lớn: "cạch", như thế là người kia biết rằng tôi đã ghi nhận chữ p: Sau đó là một chữ a, một chữ p, một chữ i, và cứ thế. Người kia nói với tôi: "Papi thế nào rồi? Cậu bị khá nặng còn tớ gãy một tay": Đó là Julot. Chúng tôi "gọi điện thoại" cho nhau như thế trong hơn hai tiếng đồng hồ mà không hề bận tâm lo bị bắt gặp: Chúng tôi say sưa trao đổi những từ ngữ, những câu cú đến mức như đã hóa dại.

Tôi nói cho Julot biết rằng tôi không có chỗ nào bị gãy, không có vết thương, tuy đầu tôi đầy u.

Julot đã trông thấy người ta cầm chân tôi kéo xuống thang gác, anh ta nói rằng cứ mỗi lần bậc thang thì đầu tôi lại nện xuống đánh cộc một cái. Còn anh ta thì không lúc nào bị ngất cả. Anh ta cho rằng tên Tribouillard bị bỏng rất nặng, và do mấy chiếc áo

len, những vết thương của hắn rất sâu hắn đã lãnh dủ chỉ vì một lúc ra oai.

Ba tiếng gõ rất nhanh, và được lặp lại mấy lần, cho tôi biết rằng có động. Tôi ngừng gõ. Quả nhiên, một lát sau cánh cửa xà-lim mở ra. Có tiếng quát:

- Lùi vào, thằng khốn kiếp! Lùi vào sát trong kia và đứng nghiêm! - Đây là tên trưởng tù mới. - Tao tên là Batton, tên thật của tao đấy. Một cái tên rất hợp với chức vụ của tao* (*Batton gần đồng âm với báton, có nghĩa là "cái gậy").

Hắn cầm một cái đèn lồng lớn của hải quân soi căn phòng giam, chiếu vào cái thân thể trần truồng của tôi.

- Đây cầm lấy mà mặc. Đứng yên đấy. Đây là nước và bánh mì. Chớ ăn hết ngay một lúc, vì hai mươi bốn tiếng nữa mới lại phát thức ăn* (*Bốn trăm năm mươi gam bánh mì và nửa lít nước - chú thích của tác giả).

Hắn quát tháo một cách man rợ, rồi đưa cái đèn lên ngang mặt. Tôi thấy rõ hắn đang cười, một nụ cười không có gì ác độc. Hắn đặt một ngón tay lên môi rồi chỉ cho thấy những thứ hắn mang đến. Chắc hẳn ngoài hành lang có một tên cảnh sát, và hắn muốn làm cho tôi hiểu rằng hắn không phải là một kẻ thù.

Quả nhiên trong ổ bánh mì tôi thấy có một miếng thịt luộc rất to, và trong túi quần, quý hóa thay, một bao thuốc lá và một cái bật lửa kèm thêm một dúm bùi nhùi. ở đây, những món quà này quý

như cả triệu bạc. Hai chiếc áo sơ-mi chứ không phải một, và một ái quần len, gọi là quần đùi nhưng dài đến mắt cá. Tôi sẽ nhớ hắn mãi, cái thằng Batton. Tất cả những thứ đó có nghĩa là hắn đã thưởng tôi vì đã diệt trừ được thằng Tribouillard. Trước khi xảy ra vụ này, Batton chỉ là phó trưởng tù, bây giờ nhờ tôi hắn đã chính thức lên chức trưởng. Nói chung, tôi đã làm cho hắn được thăng chức, và hắn đã tỏ lòng biết ơn tôi bằng những món quà ấy.

Vì phải có được tính kiên nhẫn của người Sioux* (*Tên một bộ tộc thổ dân Anh-điêng ("Da đỏ") ở Bắc và Trung Mỹ, nổi tiếng là mưu trí) mới xác định được những tiếng gõ "điện thoại" từ đâu đến và chỉ có người trưởng tù có thể làm được việc đó (bọn gác vốn lười, không đứa nào buồn bỏ công theo dõi) tôi và Julot cứ tha hồi nói chuyện với nhau, hoàn toàn yên tâm về phía Batton. Chúng tôi đánh điện cho nhau suốt ngày. Nhờ Julot, tôi được biết rằng ngày xuất phát không còn lâu nữa: chỉ ba bốn tháng là lên đường. Hai ngày sau người ta đưa chúng tôi ra khỏi xà-lim, và chúng tôi được dẫn đến phòng giấy của ông giám đốc, mỗi người có hai tên cảnh sát kèm hai bên. Đối diện với cửa vào có ba người ngồi sau một cái bàn lớn. Dó là một thứ tòa án. Ông giám đốc làm chánh án, ông phó giám đốc và ông tổng giám thị làm quan tòa.

- à, à? Hai anh bạn trẻ, đã đến đấy à? Hai anh có thể nói gì đây?

Julot mặt tái nhợt, hai mắt sưng húp: chắc chắn là anh ta đang sốt. Với cánh tay bị gãy từ ba hôm nay, chắc anh ta phải đau khủng khiếp.

Julot trả lời khe khẽ: "tôi bị gẫy tay".

- Thì chính vì anh muốn người ta làm gãy tay anh chứ còn ai. Có thế anh mới chừa cái thói xông vào đánh người ta. Bao giờ bác sĩ đến đây, anh sẽ được khám. Tôi hy vọng rằng chỉ một tuần nữa thôi bác sĩ sẽ đến. Thời gian chờ đợi này sẽ có tác dụng tốt đối với anh vì có lẽ cái đau sẽ dạy khôn cho anh. Tôi thiết tưởng anh cũng chẳng hy vọng rằng tôi gọi bác sĩ đến đây để chữa riêng cho một thứ người như anh? Vậy anh hãy đợi bác sĩ ở nhà lao trung tâm có đủ thì giờ đến chữa cho anh. Tuy vậy tôi vẫn xử hai anh phải ở lại xà-lim cho đến khi có lệnh mới.

Julot nhìn thẳng vào mắt tôi, như muốn nói: "Cái ông lớn ăn mặc chỉnh tề kia có một thái độ thật là dễ dãi đối với sinh mạng của một con người". Tôi lại quay đầu về phía ông giám đốc và nhìn vào mặt ông. Ông ta tưởng tôi muốn nói gì. Ông nói: "Còn anh, quyết định này không làm cho anh hài lòng ư? Anh có ý kiến gì?"

Tôi đáp: "Tuyệt nhiên không có ý kiến gì, thưa ông giám đốc. Tôi chỉ cảm thấy có nhu cầu nhổ vào mặt ông, nhưng tôi không nhổ vì sợ bẩn mất nước miếng của tôi".

Ông ta kinh ngạc đến nỗi đỏ bừng cả mặt và thoạt tiên hình như

không hiểu. Nhưng ông tổng giám thị thì lại hiểu ngay. Ông ta quát bảo bọn giám thị:

- Lôi nó ra ngay và chăm sóc nó cho kỹ! Phải làm sao một tiếng nữa hắn phải bò lê bò càng đến xin lỗi.

Sẽ có cách làm cho nó biết tay! Ta sẽ bắt nó liếm giày của ta cho sạch, hết liếm trên lại liếm dưới. Các anh không được ghê tay, tôi giao nó cho các anh đấy.

Hai tên gác vặn trẹo tay phải tôi, hai tên khác vặn cánh tay trái. Tôi bị dí sấp xuống đất, hai bàn tay kéo giật lên ngang xương bả vai. Họ còng tay tôi lại bằng một bộ khóa có kìm gắn chặt ngón tay trỏ bên trái với ngón tay cái bên phải, và viên tổng giám thị túm tóc tôi nhấc bổng lên như người ta nhấc một con vật.

Không cần phải kể lại cho các bạn nghe tất cả những gì họ đã làm để hành hạ tôi. Chỉ cần biết rằng tôi bị khóa tay sau lưng suốt mười một ngày. Tôi còn sống được là nhờ Batton. Cứ mỗi ngày hắn lại ném vào buồng giam của tôi ổ bánh mì thường lệ, nhưng vì không sử dụng được đôi tay, tôi không ăn được ổn bánh mì đó Tôi thử dùng đầu ép ổ bánh mì vào chấn song sắt để ngoạm, nhưng không được. Thấy vậy, Batton ném thêm cho tôi những mẩu bánh mì nhỏ vừa bỏ vào miệng, đủ để cho tôi khỏi chết đói. Tôi dùng chân gom những mẩu bánh mì ấy lại thành từng mớ nhỏ, rồi nằm sấp xuống ăn như con chó. Mỗi miếng bánh mì tôi đều nhai thật kỹ, để đừng bỏ phí mất chút nào.

Đến ngày thứ mười hai, khi họ mở khóa cho tôi, chất thép đã ăn sâu vào thịt tôi, và cái khóa số tám có nhiều chỗ dính đầy thịt thối. Viên cai ngục phát hoảng khi thấy tôi ngất đi vì quá đau. Sau khi đổ nước cho tôi tỉnh lại, người ta dẫn tôi đến bệnh xá. Mấy người y tá dùng nước ô-xy rửa chỗ thối cho tôi. Một người y tá nhất định đòi tiêm cho tôi một liều huyết thanh chống uốn ván. Hai cánh tay tôi bị tê dại không sao trở lại được tư thế bình thường. Họ phải dùng dầu long não xoa bóp hơn nửa tiếng đồng hồ tôi mới hạ được hai cánh tay xuống song song với nhân hình. Tôi lại trở về xà-lim, và viên tổng giám thị khi thấy mười một ổ bánh mì còn nguyên liền nói với tôi:

“Thế là mày có được một bữa tiệc ra trò? Kể cũng lạ, mày nhịn đói mười một ngày mà trông cũng không đến nỗi gầy lắm...”

- Thưa sếp tôi uống nhiều nước lắm ạ.

- à! Đúng thật, tao hiểu rồi. Bây giờ phải ăn thật nhiều cho lại sức. Nói đoạn hắn bỏ đi.

Rõ nguy. Hắn nói như vậy vì yên trí rằng tôi không ăn gì suốt mười một ngày, và nếu bây giờ tôi ăn nhiều thì sẽ chết ngay vì bội thực. Hắn sẽ được một mẻ tẽn tò. Đến chiều tối Batton ngầm chuyển cho tôi một ít thuốc lá rồi kèm theo lá cuốn thuốc. Tôi hút lấy hút để, phun khói vào cái lỗ khoét trên ống truyền hơi nóng (đây là hệ thống sưởi của nhà tù - dĩ nhiên cái hệ thống này chẳng mấy khi hoạt động). ít nhất bây giờ nó cũng có được một

công dụng.

Sau đó tôi "đánh điện" gọi Julot. Cậu ta tưởng tôi nhịn đói mười một ngày vừa qua cho nên vội khuyên tôi phải ăn từ từ. Tôi không dám nói sự thật cho cậu ấy biết, sợ rằng một tên khốn kiếp nào đó rình đọc "bức điện". Cánh tay Julot đã được bó bột, tinh thần anh ta khá vững, anh ta chúc mừng tôi vì đã chịu đựng được cơn thử thách vừa qua.

Theo Julot thì chuyến tàu đã sắp khởi hành. Người y tá có nói với anh ta rằng nhà lao đã nhận được những ống thuốc tiêm chủng dành cho tù khổ sai trước khi lên đường. Thường thường những ống thuốc này được gửi đến nhà lao trước ngày khởi hành một tháng. Julot là một anh chàng thiếu thận trọng, vì anh ta dám hỏi xem tôi có giữ được plan không.

Có tôi vẫn giữ được, nhưng tôi đã phải làm gì để giữ được món tài sản ấy thì tôi không thể nói ra được. Hậu môn của tôi bị những vết thương rất đau đớn. Ba tuần sau người ta lùa chúng tôi ra khỏi xà-lim. Có chuyện gì thế này? Hóa ra họ cho chúng tôi một bừa tắm nước nóng tuyệt vời có cả xà-bông. Tôi cảm thấy như mình sống lại. Julot cười sằng sặc như thằng con nít; Pierrot le Fou thì mặt mày rạng rỡ niềm vui sống. Vì vừa ở xà-lim ra, chúng tôi không biết chút gì về những việc đang diễn ra. Tôi thì thầm hỏi anh thợ cắt tóc: "Có chuyện gì thế?" Nhưng anh ta không chịu trả lời.

Một người tù không quen biết có bộ mặt rất khó ưa nói với tôi: "Chắc bọn ta được miễn chế độ xà-lim. Có lẽ chúng nó sợ một ông thanh tra nào đó sắp ghé qua. Điều cốt yếu là phải sống".

Mỗi đứa chúng tôi được đưa vào một căn buồng giam thường.

Đến trưa, trong bát xúp nóng đầu tiên tôi được ăn kể từ bốn mươi ba ngày nay, tôi nhặt được một mảnh gỗ nhỏ. Trên mảnh gỗ có viết: "Tám ngày nữa xuất phát Mai tiêm chủng". Ai đã gửi cho tôi bức thông điệp này?

Mãi cho đến nay tôi vẫn không được biết. Chắc chắn đó là một người tù cấm cố đã có nhã ý báo cho chúng tôi. Người ấy biết rằng chỉ cần một đứa trong bọn chúng tôi biết là ai nấy đều sẽ biết cả. Sở dĩ bức thông điệp đến tay tôi chứ không phải ai khác, chắc chắn là do sự tình cờ.

Lập tức tôi gọi điện cho Julot, dặn anh ta truyền đi cho người khác biết.

Suốt đêm hôm ấy tôi nghe thấy tiếng gõ "điện thoại" lộc cộc.

Còn tôi thì khi đã chuyển bức thông điệp xong, tôi im lặng.

Tôi thấy quá dễ chịu trên cái giường ấm áp của tôi. Tôi không muốn rắc rối, và nhất là không muốn trở lại xà lim. Và bây giờ càng hơn bao giờ hết.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

II. Lên đường

Saint-Martin-de-Re

Tối hôm ấy, Batton gửi cho tôi ba điếu Gauloises và một mảnh giấy viết: "Bươm bướm ơi, tớ biết rằng khi ra đi cậu sẽ mang theo một kỷ niệm tốt về tôi. Tôi là trưởng tù thật, nhưng tôi cố sao càng ít làm hại các bạn tù càng tốt. Sở dĩ tôi nhận cái chức vụ này là vì tôi có chín đứa con và tôi rất cần được ân xá thật sớm. Tôi sẽ cố gắng làm sao đừng đối xử quá tệ đối với anh em mà vẫn được tha sớm. Từ biệt nhé. Chúc cậu may mắn. Ngày kia cậu sẽ lên đường rồi".

Quả nhiên ngày hôm sau họ tập hợp chúng tôi lại thành từng tốp ba chục người trong hành lang của khu trừng giới. Mấy người y xá ở Caen đến tiêm chủng cho chúng tôi để đề phòng các bệnh nhiệt đới. Mỗi người được ba mũi tiêm và hai lít sữa. Dega đứng gần tôi. Bác ta có vẻ đăm chiêu tư lự. Bây giờ tù không tuân thủ quy tắc im lặng nữa, vì ai nấy đều biết rằng vừa mới tiêm chủng xong họ không thể nhốt tù vào xà-lim được. Chúng tôi nói chuyện khe khẽ với nhau ngay trước mũi bọn cảnh sát. Bọn này

không dám nói gì vì ngại các y tá ở thành phố về. Dega nói với tôi:

- Không biết họ có đủ xe xà-lim để chở cả bọn đi một chuyến không?

- Chắc là không.

Saint-Martin-de-Ré xa lắm, nếu cứ mỗi ngày chở sáu chục thì phải mất mười ngày mới chở hết, vì chỉ riêng ở đây thôi cũng đã có gần sáu trăm. tù rồi. Đã tiêm chủng rồi thì cứ yên chí. Vì như thế có nghĩa là mình đã có tên trong danh sách, thế nào cũng được đưa ngay đến nơi khổ sai. Can đảm lên Dega ạ, một giai đoạn mới sắp bắt đầu. Bác hãy tin cậy tôi như tôi tin cậy bác.

Dega nhìn tôi, hai mắt sáng long lanh. Bác ta đặt bàn tay lên cánh tay tôi và nhắc lại: "Sống chết có nhau Papi nhé".

Cuộc hành trình trên xe chở tù không có gì đáng kể lại. Họa chăng cũng chỉ có một điều là mỗi người bị nhốt trong cái ngăn chật chội của mình trên thùng xe, rất ngột ngạt. Bọn áp giải không chịu mở hé mấy cánh cửa để cho chúng tôi thêm một ít không khí. Khi đến La Rochelle, trên chiếc xe chở chúng tôi có hai người đã chết ngạt từ bao giờ.

Saint-Martin-de-Ré là một hòn đảo, muốn ra đó phải chuyển sang tàu thủy để đi qua lạch biển. Những người vô công rồi nghề tụ tập trên bến để xem tù đã chứng kiến việc phát hiện hai cái xác người thảm hại kia. Họ không bày tỏ một cảm xúc nào trước

cảnh ấy. Vì bọn cảnh sát phải bàn giao đầy đủ số tù do chúng áp giải cho khám Citadeue ở trên đảo, dù còn sống hay đã chết, cho nên chúng đưa cả hai cái xác chết cùng lên tàu với chúng tôi. Cuộc vượt biển không dài, nhưng dù sao chúng tôi cũng được thở không khí trong lành của biển một lát. Tôi nói với Dega: "Chưa chi đã phảng phất hương vị của một chuyến vượt ngục". Dega mỉm cười. Julot, lúc bấy giờ đứng cạnh chúng tôi, nói:

- Đúng. Có mùi vượt ngục thật. Bản thân tôi đây, tôi đang trở lại nơi mà tôi đã trốn khỏi cách đây năm năm. Tôi đã bị bắt một cách ngu xuẩn đúng vào lúc tôi sắp giết cái thằng cha chứa chấp tôi đã đi báo cảnh sát cách đây mười năm. Chúng mình hãy cố đứng sát nhau, vì đến Saint-Martin-de-Ré họ sẽ phân đám tù thành từng tốp mười người, mỗi tốp nhốt vào một phòng giam, trên tàu đứng như thế nào thì họ cứ thế mà phân bừa.

Cái anh chàng Julot ấy nhầm. Đến nơi, họ gọi tên Julot và hai người khác nữa bắt đứng riêng ra. Đó là ba người khổ sai đã vượt ngục, đã bị bắt lại ở Pháp, nay đang trở lại nơi khổ sai lần thứ hai.

Bị nhốt mười người một buồng, chúng tôi bắt đầu sống trong cảnh chờ đợi. Chúng tôi có quyền nói chuyện, hút thuốc, và họ cho chúng tôi ăn rất khá. Thời kỳ này chỉ nguy hiểm đối với cái plan mà thôi. Thỉnh thoảng, người ta bỗng dưng gọi anh ra, bắt cởi truồng và khám rất kỹ. Trước hết là khám cái ngóc ngách ở

trên người cho đến tận gan bàn chân, rồi sau đó là khám áo quần, đồ đạc. Xong đâu đấy mới được mặc áo quần trở lại và về phòng giam.

Hết phòng giam lại đến nhà ăn và khoảng sân trong đó chúng tôi nối đuôi nhau đi vòng quanh suốt mấy giờ liền. Một, hai! Một, hai! Một, hai. Chúng tôi đi thành từng đội, mỗi đội một trăm năm mươi tù nhân. Đoàn diễu hành khá dài, tiếng guốc gỗ kêu lốc cốc. Khi đi như vậy phải im lặng tuyệt đối. Rồi đến lệnh "giải tán!" Chúng tôi ngồi xuống đất thành từng tốp chia theo phạm trù xã hội. Trước hết là những người thuộc giới giang hồ chính danh. Đối với hạng người này quê quán không có gì quan trọng: người Corse, người Marseille, người Toulouse, người Bretagne, người Paris, v v Lại có cả một người Ardèche nữa: ấy là tôi. Và cũng cần phải nói rõ một điều đáng lấy làm tự hào cho cái tỉnh Ardèche là trong đoàn tù gồm một ngàn chín trăm người này chỉ có hai người quê ở Ardèche: một anh cảnh sát canh nông giết vợ và tôi. Kết luận: dân Ardèche là người lương thiện. Các nhóm khác thì hình thành một cách bất kỳ, vì số người "tử tế" đi khổ sai vốn nhiều hơn số người "lôm côm". Những ngày chờ đợi này được gọi là những ngày quan sát. Thật vậy, ở đây người ta quan sát chúng tôi dưới đủ mọi góc độ.

Một buổi chiều tôi đang ngồi phơi nắng thì có một người đến cạnh tôi. Hắn ta đeo kính trắng, người nhỏ và gầy. Tôi cố đoán

xem hắn là hạng người nào, nhưng vì tù mặc đồng phục, ai cũng như ai, cho nên rất khó đoán.

- Anh là Papillon phải không? hắn nói giọng Corse rất nặng.

- Vâng, chính tôi. Anh muốn gì tôi?

- Ra nhà xí đi - hắn nói xong bỏ đi ngay.

- Thằng cha này người Corse - Dega nói với tôi - Chắc chắn là một tên kẻ cướp vùng núi. Không biết nắn muốn gì ở cậu thế?

- Rồi sẽ biết.

Tôi đi về phía dãy nhà xí ở giữa sân, và giả vờ đi đái. Người kia cũng đang đứng đái ngay bên cạnh tôi.

Hắn không nhìn tôi, nói:

- Tôi là em rể của Pascal Matra. Hôm đến thăm tôi ở nhà tù, anh ấy có nói là nếu tôi cần sự giúp đỡ thì nhờ anh.

- Đúng, Pascal là bạn tôi. Anh cần gì?

- Tôi không mang plan được nữa: tôi bị kiết lỵ. Tôi không biết nhờ ai giữ hộ, chỉ sợ người ta lấy mất hoặc bị bọn cớm phát hiện. Tôi van anh, anh mang hộ tôi mấy hôm. - Đoạn hắn cho tôi xem một cái plan to hơn của tôi nhiều. Tôi sợ hắn giăng bẫy, và hắn yêu cầu tôi giúp chẳng qua chỉ để biết rõ bản thân tôi có mang plan hay không: nếu tôi nói rằng tôi không chắc có thể mang hai plan một lúc, hắn sẽ biết ngay. Cho nên tôi nói tỉnh khô:

- Có bao nhiêu trong ấy?

- Hai mươi lăm ngàn francs.

Không hỏi thêm gì nữa, tôi cầm lấy cái plan (nó rất sạch), và trước mặt hắn, tôi đút nó vào hậu môn, trong lòng băn khoăn không biết liệu một người có mang nổi hai cái hay không. Về điều này tôi hoàn toàn chưa có kinh nghiệm. Tôi đứng dậy, mặc quần... Hình như ổn cả, chẳng thấy vướng gì.

- Tôi tên là Ignace Galgani, - hắn nói với tôi trước khi bỏ đi. - Cám ơn Papillon.

Tôi trở lại chỗ Dega và kể lại việc vừa qua.

- Không nặng quá chứ?

- Không.

- Thế thì được. Không nói chuyện này nữa.

Chúng tôi tìm cách bắt liên lạc với những người đã từng ở tù khổ sai về, nhất là Julot hay là le Guittou.

Chúng tôi đang khao khát tài liệu: ở bên ấy ra sao, chế độ ở đấy đối với tù nhân như thế nào; làm cách nào để có thể nói chuyện riêng với một người bạn, v.v... Sự tình cờ đã xui khiến cho chúng tôi gặp được một mẫu người kỳ thú, một trường hợp đặc biệt. Đó là một người Corse ra đời trong nhà tù khổ sai. Bố hắn làm giám thị ở đấy và cùng với mẹ hắn ở Quần đảo Salut. Hắn sinh ra ở đảo Royale là một trong ba cái đảo làm thành Quần đảo này (hai đảo còn lại là đảo Saint Joseph và đảo Quỷ). Và giờ đây, số phận đã xoay vần như thế nào mà hắn đang trở lại nơi chôn nhau cắt rốn không phải với tư cách con ông giám thị mà với tư cách tù

khổ sai.

Hắn bị xử mười hai năm khổ sai vì tội ăm trộm có bẻ khóa. Mười chín tuổi, một gương mặt cởi mở, đôi mắt sắc sảo và trong sáng. Tôi và Dega thấy ngay tức khắc rằng đây là một người phạm tội chỉ vì một lúc lỡ bước. Cậu này không biết gì nhiều về giới tội phạm, nhưng đối với chúng tôi cậu ta sẽ có ích bằng cách cho chúng tôi tất cả những điều cần biết về cảnh sống đang chờ chúng tôi. Cậu ta kể lại cuộc sống ở quần đáo, nơi cậu đã sống mười bốn năm. Chẳng hạn cậu ta cho chúng tôi biết rằng người coi sóc cậu ở Quần đảo là một tên tù khổ sai nổi tiếng bị sa cơ trong một cuộc đấu dao trên đồi La Butte vì đôi mắt kiều diễm của Casque d'Or.

Cậu ta cho chúng tôi những lời khuyên rất quý: muốn vượt ngục thì phải xuất phát từ đất liền, vì xuất phát từ Quần đảo Salut là điều không thể được; thứ đến là phải cố sao đừng bị phân vào loại nguy hiểm, vì nếu thế thì đến Saint - Laurent một cái là sẽ bị cấm cố ngay trong một thời gian hay suốt đời tùy mức nặng nhẹ được ghi trong sổ nhận xét. Nói chung, không đến năm phần trăm tù khổ sai bị cấm cố ở Quần đảo. Số còn lại thì ở đất liền. ở Quần đảo khí hậu tương đối lành, nhưng ở Đất liền, như Dega đã kể cho tôi nghe, nước rất độc, khiến cho người tù kiệt sức dần vì đủ các thứ bệnh; ở đây người ta có thể chết rất nhiều cách, vì bệnh hay vì bị ám sát, v.v.:.

Dega và tôi cùng hy vọng sẽ không bị cấm cố ở Quần đảo. Nhưng tôi vẫn thấy nghẹn trong cổ: nhỡ ra tôi bị ghi trong sổ là thuộc loại tù nguy hiểm thì sao? Tôi bị án chung thân, lại thêm chuyện Tribouillard và chuyện chửi viên giám đốc, một bức chân dung tuyệt mỹ rồi còn gì!

Một hôm có tin đồn: dù có thể nào cũng không được xin vào bệnh xá, vì những ai quá yếu hay có bệnh xem chừng không chịu nỗi cuộc hành trình đều bị nhân viên bệnh xá đầu độc cho chết. Chắc là tin vịt thôi. Quả nhiên một người Paris tên là Francis la Passe đã xác nhận rằng tin đồn ấy là bịa đặt. Của đáng tội, có một người bị đầu độc thật, nhưng một người anh ruột của Francis la Passe làm việc trong bệnh xá đã nói cho hắn biết đầu đuôi câu chuyện.

Số là có một chuyên gia cỡ lớn về tủ két sắt, nghe nói đã từng ăn trộm tài liệu mật của đại sứ quán Đức ở Genève hay ở Lausanne trong thời kỳ đại chiến lần thứ nhất để trao cho các cơ quan tình báo Pháp. Những tài liệu ấy có tầm quan trọng rất lớn, cho nên cảnh sát đã phải giao hắn cho Phòng nhì để làm việc này trong khi hắn đang ngồi tù (hắn bị xử năm năm). Và kể từ 1920, mỗi năm làm một hai vụ, hắn sống yên ổn. Cứ mỗi lần bị bắt, hắn lại cầu cứu bên Phòng nhì để họ can thiệp hộ. Nhưng đến lần này thì không ăn thua. Hắn bị xử hai mươi năm và lẽ ra sẽ đi đày cùng một chuyến với chúng tôi. Để tránh đi chuyến này, hắn đã giả vờ

ốm để vào bệnh xá. Một viên cyanure - vẫn theo lời người anh của Francis la Passe - đã kết thúc mọi sự Bây giờ thì các tủ két sắt và Phòng nhì có thể ngủ yên.

Cái sân tù này đầy ắp những câu chuyện ly kỳ, đúng sự thật cũng có mà bịa đặt cũng có. Dù sao thì chúng tôi cũng vểnh tai lên mà nghe: ít nhất cũng giết được thì giờ.

Mỗi lần tôi đi ngoài, dù là khi đang ở trong sân hay trong xà-lim, Dega phải đi theo tôi, vì có hai cái plan: Dega đứng che cho tôi trong khi tôi hành động, để ngăn chặn những con mắt quá tò mò. Một cái plan đã là rầy rà, thế mà tôi mang những hai cái trong khi đó thì Galgani ốm càng ngày càng nặng. Và ở đây có một hiện tượng bí ẩn không hiểu sao được: cái plan mà tôi đút vào sau bao giờ cũng ra sau, và cái đút vào trước bao giờ cũng ra trước. Chúng nó đổi chỗ cho nhau trong bụng tôi như thế nào thì tôi không biết, nhưng kết quả là như thế đấy!

Hôm qua ở phòng cắt tóc người ta đã tìm cách giết Clousiot trong khi người thợ cạo đang cạo mặt cho anh ba. Hai nhát dao ở gần tim. Phúc bảy mươi đời, anh không chết. Qua một người bạn của anh ta tôi biết được chuyện này. Đó là một câu chuyện kỳ lạ, và có ngày tôi sẽ kể lại chuyện này. Vụ giết người này là một cuộc thanh toán nợ nần. Kẻ mưu sát sẽ chết sáu năm sau ở Cayenne vì ăn phải bichromat calium trộn vào món rong biển. Hắn đã chết trong những cơn đau khủng khiếp Người y tá phụ

mổ cho bác sĩ mổ tử thi có đưa cho chúng tôi xem một khúc ruột dài khoảng mười phân. Trên khúc ruột thấy thủng mười bảy lỗ. Hai tháng sau, kẻ đã bỏ thuốc độc cho hắn đã bị bóp cổ chết trên giường bệnh. Cho đến bây giờ người ta vẫn không biết ai đã bóp cổ hắn.

Chúng tôi ở Saint-Martin-de-Ré đã được mười hai ngày. Nhà tù chật ních. Ngày đêm lính canh thường xuyên đi tuần quanh thành.

Một cuộc ẩu đả đã nổ ra trong phòng tắm, giữa hai anh em ruột. Hai đứa đã đánh nhau dữ dội như hai con thú, và một trong hai đứa đã được đưa vào phòng giam của chúng tôi. Hắn tên là André Baillard. Họ không thể trừng phạt hắn được, hắn nói thế, vì cuộc ẩu đả này xảy ra là do lỗi của ban quản trị nhà tù: họ đã được lệnh không để cho hai anh em gặp nhau vì bất kỳ lý do nào. Khi đã biết chuyện, người ta sẽ hiểu tại sao. André đã giết một bà già sống bằng lợi tức cho vay lãi và anh hắn là Emile cất giấu món tiền lấy được. Emile bị bắt vì một vụ trộm và bị xử ba năm tù. Một hôm trong phòng giam, có cả mấy người tù khác, vì ức thằng em không chịu gửi tiền cho hắn mua thuốc lá, hắn nói toẹt ra và cam đoan rằng thế nào thằng André cũng đi đời vì chính nó giết cụ già, còn như hắn, tức Emile, chỉ cất giấu tiền mà thôi. Cho nên khi ra tù hắn sẽ không cho thằng André một xu nào. Một tù nhân liền đem kể chuyện này cho viên giám đốc nhà tù

nghe.

Chẳng bao lâu André bị bắt và hai anh em bị xử tử.

Trong khu vực tử tù ở nhà lao Santé, hai đứa bị giam vào hai xà-lim kế cận. Mỗi đứa đều làm đơn xin ân xá Đến ngày thứ bốn mươi ba, đơn của Emile được chấp thuận, nhưng đơn của André bị bác bỏ. Tuy vậy, do một biện pháp nhân đạo để nương nhẹ André, Emile vẫn bị giữ ở khu tử tù, và hai anh em mỗi ngày vẫn lần lượt được đi dạo trong sân, chân mang xiềng xích.

Đến ngày thứ bốn mươi sáu, người ta mở cửa phòng giam André vào lúc bốn giờ rưỡi. Mọi người đều có mặt đông đủ: viên giám đốc nhà tù, viên biện lý, và ủy viên công tố đã đòi xử tử André. Giờ hành quyết đã đến. Nhưng vừa đúng lúc viên giám đốc bước tới để báo tin này cho tội nhân, viên trạng sư của hắn chạy vào, theo sau là một người khác nữa trao một tờ giấy của công tố viên. Mọi người lui ra hành lang. Họng André tắc nghẹn đến nỗi không nuốt nước miệng được nữa. Chẳng lẽ! Người ta không bao giờ chặn ngang một cuộc hành quyết đang được tiến hành. Thế mà lần này lại khác.

Mãi đến hôm sau, sau bao nhiêu giờ lo âu khắc khoải, André mới được ông trạng sư cho biết rằng trước ngày hành quyết một ngày, tổng thống Doumer đã bị một người tên là Gorguloff ám sát. Nhưng ông Doumer không chết ngay. Suốt đêm hôm ấy viên trạng sư đã túc trực trước bệnh viện sau khi báo cho Bộ trưởng

Bộ tư pháp rằng nếu ngày tổng thống chết trước giờ hành quyết (từ bốn giờ rưỡi sáng đến năm giờ), ông ta yêu cầu bãi bỏ việc hành quyết vì lý do khuyết diện người chịu trách nhiệm tối cao về án tử hình. Doumer chết vào lúc bốn giờ hai phút. Viên trạng sư vội vàng báo tin cho Bộ tư pháp rồi nhảy ngay lên xe tắc-xi cùng với người cầm lệnh bãi án: ông ta đã đến muộn mất ba phút, không kịp ngăn chặn người ra mở cửa phòng giam André. Như vậy hai anh em được được giảm án thành khổ sai chung thân. Ngày bầu tổng thống mới, viên trạng sư đã đến tận Versailles, và Albert Lebrun vừa được bầu xong một cái là ông ta trình đơn xin ân xá ngay. Chưa bao giờ một vị tổng thống bác bỏ đơn xin ân xá đầu tiên được trình lên cho mình xét: ông Lebrun đã ký, thế là tôi yên lành lên đường đi Guyane". André kết thúc câu chuyện. Tôi nhìn con người vừa thoát khỏi máy chém vào phút cuối và tự nhủ rằng dù sao những nỗi cơ cực của tôi cũng không thể so sánh với những cơn dày vò mà hắn đã phải chịu đựng.

Tuy vậy tôi không bao giờ làm thân với hắn. Nghĩ rằng hắn đã giết chết một bà già khốn khổ để lấy tiền, tôi thấy buồn nôn quá. Vả chăng hắn còn có đủ những khả năng để trốn thoát. Về sau, ở đảo Saint Joseph hắn sẽ giết anh hắn. Nhiều tù nhân đã chứng kiến việc ày. Hôm ấy Emile đang đứng câu cá trên một tảng đá, bao nhiêu tâm trí đều dồn hết vào công việc này.

Sóng vỗ rất mạnh, át hết mọi tiếng động khác. André đến gần anh hắn từ phía sau, tay cầm một cây tre gộc dài ba mét. Hắn chỉ cần ấy cây tre vào lưng Emile là đủ làm cho ông anh mất thăng bằng rơi xuống biển. Chỗ này cá mập nhiều vô kể: chẳng bao lâu Emile trở thành món ăn chính trong bữa ăn hàng ngày của chúng. Trong buổi điểm danh tối hôm ấy, hắn vắng mặt và được coi là mất tích trong khi mưu toan vượt ngục. Người ta không nhắc đến hắn nữa. Chỉ có bốn năm người tù đang nhặt dừa trên đảo chứng kiến cảnh này. Dĩ nhiên các tù nhân đều biết chuyện, chỉ có bọn cảnh sát là không hay biết gì. André Baillard không bao giờ bị họ hỏi đến. Hắn được miễn cấm cố vì "hạnh kiểm tốt", và ở Saint-Laurent-du-Maroni, hắn được hưởng một chế độ ưu đãi. Hắn có cả một phòng giam riêng.

Một hôm có chuyện với một tù nhân khác, hắn đã xảo quyệt mời người này vào phòng giam của hắn và dùng dao đâm trúng tim vị quý khách. Được công nhận là ở vào thế tự vệ hợp pháp, hắn được tha bổng. Đến kỳ bãi bỏ chế độ tù khổ sai, hắn được trả,tự do, lần này cũng lại là vì "hạnh kiểm tốt".

Saint-Martin-de-Ré đầy ấp những tù nhân. ở đây có hai loại người rất khác nhau: tám trăm đến một ngàn tù khổ sai và chín trăm người bị đày biệt xứ. Để trở thành tù khổ sai, phải phạm một tội nặng hoặc ít nhất phải bị buộc tội đã vi phạm luật pháp một cách nghiêm trọng. án nhẹ nhất là bảy năm khổ sai, rồi cứ

thế tăng lên từng bậc, cho đến khổ sai chung thân.
Một người bị xử tử mà được ân xá thì đương nhiên trở thành tù khổ sai chung thân. Đày biệt xứ thì có khác. Một người bị kết án từ ba đến bảy lần thì có thể bị đày biệt xứ. Quả tình đó đều là những tên trộm cướp thâm căn cố đế, cho nên có một điều dễ hiểu là xã hội phải tự bảo vệ bằng cách cách ly những người như thế. Tuy nhiên, một dân tộc văn minh mà phải dùng đến biện pháp đày biệt xứ cũng thật là đáng xấu hổ. Có những kẻ ăn cắp vặt, rất vụng về vì luôn luôn bị bắt, phải chịu án đày biệt xứ - thời bấy giờ như vậy chung quy cũng chẳng khác gì bị tù chung thân - mà thật ra cả đời chưa ăn cắp được lấy mười ngàn francs. Chính đây là chỗ vô nghĩa lý nhất của nền văn minh Pháp. Một dân tộc không có quyền trả thù hay loại trừ một cách quá nhanh chóng những người gây phiền hà cho xã hội. Những người như thế là những người cần được điều trị nhiều hơn là phải trừng phạt một cách vô nhân đạo đến thế.
Chúng tôi đến Saint-Martin-de-Ré như vậy là đã được mười bảy ngày. Bây giờ chúng tôi đã biết tên chiếc tàu sẽ đưa chúng tôi đến nơi tù đày: người ta gọi nó là chiếc La Martinière. Nó sẽ chở một ngàn tám trăm bảy mươi phạm nhân. Cái số tám chín trăm tù khổ sai sáng hôm nay đều được tập hợp trong sân của cái pháo đài được dùng làm nhà tù. Từ khoảng gần một tiếng đồng hồ, chúng tôi đã đứng xếp hàng mười kín cả khoảng sân hình chữ

nhật. Một cánh cửa mở ra và chúng tôi thấy bước vào sân mấy người ăn mặc không giống như những tên cai tù mà chúng tôi đã từng biết. Họ mặc một thứ trang phục may theo kiểu quân sự màu xanh da trời, trông khá sang trọng. Không giống đồng phục của cảnh sát mà cũng không giống quân phục của nhà binh. Ai nấy đều thắt một cái nịt rộng bản có đeo bao súng lục. Cán súng lộ rõ ra ngoài. Họ có khoảng chừng tám mươi người. Có mấy người đeo lon. Ai nấy da đều rám nắng, tuổi tác khá chênh lệch, xê xích giữa ba mươi và năm mươi tuổi. Những người già trông dễ ưa hơn những người trẻ: bọn này ưỡn ngực ra vẻ quan trọng và hãnh diện. Nhóm chỉ huy của bọn này cùng ra với viên giám đốc nhà lao Saint-Martin-de-Ré, một đại tá hiến binh, ba bốn ông bác sĩ mặc quân phục thuộc địa và hai ông linh mục mặc áo chùng trắng.

Viên đại tá hiến binh cầm một cái loa đưa lên miệng.

Chúng tôi chờ đợi hiệu lệnh "đứng nghiêm", nhưng không thấy có. Viên đại tá nói lớn:

- Tất cả nghe kỹ dây. Kể từ giây phút này các người được chuyển sang quyền phụ trách của những người quan chức thuộc Bộ Tư pháp đại diện cho ban quản trị trừng giới của xứ Guyane thuộc Pháp mà trung tâm hành chính là thị trấn Caen. Thưa ngài thiếu tá Barrot, tôi xin bàn giao cho ngài tám trăm mười sáu phạm nhân hiện có mặt, được ghi tên trong danh sách này. Xin

ngài xác nhận cho rằng họ đều có mặt.
Cuộc điểm danh lập tức bắt đầu: "Jean Mỗ? Có! Paul Mỗ? Có! v.v... Thủ tục này kéo dài hai tiếng đồng hồ: mọi sự đều ổn thỏa. Sau đó đến cuộc trao đổi chữ ký giữa hai ban quản trị được tiến hành trên một cái bàn nhỏ mới bày ra sân vì mục đích này. Thiếu tá Barrot đeo một số lon ngang với số lon viên đại tá, nhưng lon màu hoàng kim chứ không phải màu bạc như trong hiến binh. Ông ta cầm cái loa lên:
- Các phạm nhân nghe đây, từ nay về sau danh từ này sẽ được dùng thường xuyên cho các anh: phạm nhân Mỗ hay phạm nhân số bao nhiêu đấy, như người ta sẽ ấn định cho từng người. Ngay từ bây giờ các người được đặt dưới những luật lệ riêng của nhà tù khổ sai, dưới những nội quy và những tòa án nội bộ, khi cần sẽ có những quyết định cần thiết để xử lý với các người. Các tòa án tự trị này, trong trường hợp các người vi phạm điều lệ của nhà tù khổ sai, có thể xử các người từ hình phạt giam cầm đến tử hình. Dĩ nhiên những hình phạt có tính chất kỷ luật này, như giam cầm hay cấm cố, sẽ được thi hành trong các trụ sở thuộc quyền ban quản trị. Các nhân viên mà các người trông thấy ở đây được gọi là giám thị. Mỗi khi nói với họ, các người sẽ thưa: "Thưa ông giám thị". Sau bữa ăn tối mỗi người sẽ được phát một cái bị lính thủy đựng trang phục nhà tù và mấy thứ đồ dùng cá nhân. Trong đó đã có đủ những gì cần thiết, các người không

được có những thứ đồ đạc khác. Ngày mai các người sẽ lên tàu La Martìmère. Chúng tôi và các người sẽ cùng đi trên chuyến tàu ấy. Các người không nên lấy làm tuyệt vọng khi phải rời đất nước: ở nơi tù đày các người sẽ thấy dễ chịu hơn là bị cấm cố ở Pháp. Các người có thể nói chuyện, chơi, ca hát và hút thuốc, các người không sợ bị hành hạ nếu hạnh kiểm các người tốt. Tôi yêu cầu các người hãy đợi đến khi tới nhà tù khổ sai rồi hãy thanh toán những chuyện xích mích cá nhân. Trong khi tàu đang vượt biển, kỷ luật cần phải rất nghiêm minh, tôi hy vọng rằng các người sẽ hiểu điều đó. Nếu trong số các người có ai tự cảm thấy không có đủ điều kiện thể chất để trải qua chuyến đi này, tôi yêu cầu họ đến trình diện ở bệnh xá; họ sẽ được các sĩ quan thầy thuốc đi theo trên tàu khám cho. Tôi thúc các người lên đường bình an.

Phần nghi lễ thế là xong.

- Này bác Dega, bác thấy thế nào?

- Papillon ạ, bây giờ tôi thấy là tôi có lý khi nói rằng điều nguy hiểm nhất phải khắc phục chính là bọn tù khổ sai khác. Cái câu của ông ta nói: “Hãy đợi đến khi tới nhà tù khổ sai rồi hãy thanh toán những chuyện xích mích” thật là đầy ý nghĩa. Sẽ có bao nhiêu vụ giết người xảy ra!

- Tuy vậy bác đừng lo, bác cứ tin tôi đi. Tôi đi tìm Franeis la Passe và nói với hắn.

- Anh cậu vẫn làm y tá đấy chứ?
- Vẫn làm, anh tớ không phải là tù khổ sai, chỉ là đày biệt xứ thôi.
- Cậu phải bắt liên lạc ngay với anh ta để xin cho được một con dao mổ. Nếu anh cậu cần trả tiền, cậu cứ cho tớ biết là bao nhiêu, tớ sẽ trả đủ.

Hai giờ sau tôi đã có được một con dao mổ cán bằng thép rất cứng. Khuyết điểm duy nhất của nó là hơi to một chút, nhưng đó là một vũ khí rất đáng sợ. Tôi đến ngồi gần dãy nhà xí ở giữa sân. Tôi đã nhờ người đi tìm Galgani để trả lại cái plan cho nó, nhưng chắc khó lòng tìm nổi một con người trống cái đám luôn luôn di chuyển trên khoảng sân rộng mênh mông chứa đến tám trăm người. Từ khi chúng tôi đến đây, Julot, le Gui~toun, Suzini đều không thấy đâu cả. Ưu thế của sinh hoạt tập thể là ở chỗ người ta được sống, được nói với nhau và cùng thuộc một xã hội chung, nếu có thể gọi đây là một xã hội. Có bao nhiêu những điều cần nói, cần nghe và cần làm, đến mỗi người ta không có thì giờ suy nghĩ nữa. Khi nhận thấy dĩ vãng mờ nhạt hẳn đi và lùi xuống hàng thứ yếu so với cuộc sống hàng ngày, tôi nghĩ rằng khi đã đến nơi rồi chắc người ta sẽ gần như quên bẳn trước kia mình là ai, tại sao mình lại rơi vào cảnh này, và làm thế nào để rơi vào đây để chỉ quan tâm đến một điều duy nhất: vượt ngục. Tôi nghĩ như vậy là lầm, vì ngay từ đầu, cái điều có sức thu hút

nhất và quan trọng nhất trước tiên là phải cố sao để mà sống đã. Vậy thì bọn cảnh sát, bọn bồi thẩm, những phiên tòa đại hình, những viên chức của tòa án bây giờ ở đâu? Vợ tôi, cha tôi, các bạn tôi bây giờ ở đâu? Họ vẫn sống sờ sờ ra đấy, và mỗi người có một vị trí riêng trong lòng tôi, nhưng hình như vì cái trạng thái bừng bừng như lên cơ lì sốt của giờ xuất phát, của bước nhảy khổng lồ vào cõi chưa từng biết, của những tình bạn mới và những mối liên hệ quen biết khác nhau, tưởng chừng như những con người ấy không còn quan trọng như trước. Nhưng đó chỉ là một cám giác. Mỗi khi tôi muốn, vào cái giây phút mà trí óc tôi vui lòng mở cái ngăn kéo tương ứng với từng người, họ lại sẽ có mặt đâu vào đấy.

Kìa Galgani đã đến: người ta phải dẫn hắn đến tìm tôi, vì tuy đã đeo đôi kính dày cộp, hắn chỉ trông thấy lờ mờ. Trông hắn có vẻ đỡ đỡ. Hắn lại gần tôi và im lặng và nắm chặt tay tôi, không nói một lời. Tôi nói với hắn. Tôi muốn trả cái plan cho cậu. Bây giờ cậu đỡ rồi, cậu có thể tự mang lấy. Trong cuộc hành trình dài ngày này, trách nhiệm mà cậu giao cho tôi quá lớn, vả lại làm sao biết được tôi với cậu có được phân chỗ gần nhau hay không, rồi đến nơi, dù có gặp được nhau nữa thì chưa chắc đã có điều kiện trao tay. Vậy cậu lấy lại ngay từ bây giờ thì hơn.

Galgani nhìn tôi, vẻ khổ sở. Tôi giục:

- Nào, cậu ra nhà xí để tớ trao plan lại.

Không, tôi không lấy lại đâu, anh cứ giữ lấy, tôi cho anh đấy, nó là của anh.

- Sao cậu lại nói thế

- Tôi không muốn bị chúng nó giết để lấy plan. Tôi thà sống không có tiền còn hơn là chết vì có tiền. Tôi cho anh, vì xét cho cùng không có lý do gì anh lại phải chịu liều cả tính mạng để giữ tiền cho tôi. ít nhất, nếu anh đã chịu hiểm họa thì điều đó phải có lợi cho anh.

- Cậu sợ à, Galgani? Người ta đã đe dọa cậu à? Có kẻ nghi ngờ là cậu có plan sao?

Vâng, tôi bị ba tên A-rập theo dõi thường xuyên: Chính vì thế mà tôi không đám đến gặp anh lần nào, để cho chúng nó đừng nghi ngờ là tôi với anh có liên hệ với nhau. Mỗi lần tôi đi ngoài, dù ban. ngày hay ban đêm, một trong ba thằng khốn ấy đều đến ngồi gần tôi. Tôi đã cố gắng làm sao - cho chúng. nó thấy rõ rằng tôi không mang gì trong hậu môn (dĩ nhiên tôi cố làm như vậy một cách thật tự nhiên), thế mà chúng nó vẫn không ngừng quan sát tôi. Chúng nó đoán là có một người khác giữ hộ plan cho tôi, chỉ có điều không biết là ai mà thôi, cho nên chúng nó cố rình để biết lúc nào cái plan sẽ trở về với tôi.

Tôi nhìn Galgani và thấy rõ là cậu ta đã lâm vào tình trạng khiếp nhược vì bị đe dọa thực sự. Tôi nói: “Chúng nó hay đến chỗ nào nhiều nhất trong khoảng sân này?” Cậu ta nói: “Phía gần nhà bếp

và nhà giặt đồ', "Được, cậu cứ ở đây, tôi đến đó. à, thôi, cậu cứ đi với tôi"

Tôi đi với Galgani về phía bọn A-rập. Tôi đã lấy con dao mổ trong mũ vải ra. Bàn tay tôi cầm cán dao, lưỡi dao đặt ngược lên phía trên, lấp trong tay áo. Quả nhiên đến gần nhà bếp tôi trông thấy chúng. Chúng gồm có bốn tên: ba tên người A-rập và một tên người Corse, tên là Girando. Tôi hiểu ra ngay: chính tên người Corse này bị những người trong giới tẩy chay, đã mách chuyện này cho bọn A-rập. Chắc Girando biết Galgani là em vợ của Pascal Matra cho nên không thể không có plan được.

- Chào Mokrane thế nào, khỏe chứ?

- Khỏe, Bươm bướm ạ. Còn anh thì sao?

- Còn tôi thì đang gay đây. Tôi đến gặp các cậu để nói cho các cậu biết rằng Galgani là bạn tôi. Hễ có việc gì xảy ra với nó là tôi thịt cậu trước Girando ạ; sau đó đến lượt các cậu kia. Tùy các cậu liệu lấy.

Mokrane đứng dậy. Hắn cũng cao bằng tôi, khoảng một mét bảy mươi tư, bề ngang cũng như tôi. Lời thách thức của tôi đã làm cho hắn khó chịu. Hắn phác một cứ chỉ gây hấn, nhưng tôi lập tức chìa con dao mổ sáng choang ra, mũi dao nhọn hoắt chĩa thẳng vào tim hắn, và nói:

- Hễ mày động dậy là tao giết mày như một con chó.

Bàng hoàng vì thấy tôi cầm vũ khí ở một nơi mà người ta luôn

luôn bị khám xét, lại choáng ngợp trước thái độ của tôi cũng như trước chiều dài của con dao mổ, hắn nói:

- Tôi đứng dậy là để tranh luận với anh, chứ không phải để đánh nhau.

Tôi biết thừa là không phải như thế, nhưng cũng thấy rằng để cho hắn vớt vát sĩ diện trước mặt các bạn hắn là điều có lợi cho tôi. Tôi bèn dành cho hắn một lối thoát danh dự:.

- Tốt. Cậu đã đứng dậy để tranh luận thì...

- Tôi không biết rằng Galgani là bạn anh. Tôi tưởng hắn là dân trưởng giả, và Bươm bướm ạ, anh cũng phải hiểu rằng ai cũng cần có chút bím để vượt ngục.

- Phải, đó là chuyện bình thường. Cậu có quyền vật lộn để giành lấy sự sống, Mokrane ạ.. Chỉ có điều là chỗ này cấm. Liệu đi tìm chỗ khác.

Hắn chìa tay ra, tôi cầm lấy. Tôi dàn xếp ổn thỏa được việc này cũng thật là may mắn, vì thật ra nếu tôi giết chết thằng này, mai tôi sẽ không lên đường được nứa. Sau đó ít lâu, tôi nhận ra rằng tôi đã phạm một sai lầm. Galgani cùng về chỗ với tôi. Tôi dặn cậu ta đừng nói cho ai biết chuyện này. Tôi chẳng muốn bị bác Dega mắng cho một trận. Tôi cố thuyết phục cho Galgani chịu lấy lại cái plan. Hắn nói: “Thế thì mai, trước khi xuất phát”. Hôm sau hắn lẩn đi đâu mất không sao tìm được. Và rốt cuộc tôi đành lên tàu với hai cái plan trong bụng.

Đêm hôm ấy trong căn buồng giam nhốt mười một người, chẳng ai nói gì với ai. Là vì ai nấy ít nhiều đều nghĩ rằng đây là đêm cuối cùng mình còn được sống trên đất Pháp. Mỗi người trong bọn chúng tôi ít nhiều đều cảm thấy nuối tiếc xót xa khi nghĩ rằng mình sắp vĩnh viễn giã từ quê hương để đến một nơi xa xôi chưa từng biết và sống một cuộc đời đọa đày, chẳng biết số phận sẽ xoay vần ra sao.

Dega cũng không nói gì. Bác ta ngồi bên cạnh tôi gần cái cửa có chấn song mở ra hành lang, nơi có nhiều không khí lọt vào hơn những chỗ khác một chút. Tôi cảm thấy mất phương hướng thật sự. Những điều chúng tôi được thông báo về nơi đang chờ đợi chúng tôi nó trái ngược nhau đến nỗi tôi không còn biết là mình nên hài lòng, nên buồn hay nên tuyệt vọng nữa. Những người cùng bị giam với tôi một phòng đều thuộc giới chúng tôi. Chỉ có anh chàng người Corse nhỏ bé ra đời trong nhà tù khổ sai không hẳn là người cùng giới. Tất cả những con người ấy đều lắng sâu vào nội tâm. Tính chất nghiêm trọng của giờ phút này đã làm cho họ hầu như hóa câm. Khói thuốc lá từ căn phòng giam bốc ra như một đám mây bị không khí trong hành lang cuốn đi, và nếu không muốn bị cay mắt thì phải ngồi trệt xuống cho thấp hơn lớp khói ấy. Không có ai ngủ, trừ André Baillard: điều đó cũng dễ hiểu, vì anh này đã tưởng mất cả cuộc sống. Đối với một người như thế thì ngoài cái chết ra, tất cả mọi thứ khác đều là một cảnh

thiên đường mà dù có nằm mơ cũng không thấy được.
Cả cuộc đời tôi diễn ra trước mắt tôi như một cuốn phim: thời thơ ấu của tôi giữa một gia đình đầy tình thương yêu, đầy nền nếp, trong đó mọi người đều quen những cách xử sự phong nhã và cao thượng; những sắc hoa đồng nội, tiếng rì rầm của những dòng suối, hương vị của hạt dẻ và của những trái đào trái mận mà khu vườn của chúng tôi cung cấp ê hề cho cả nhà; mùi thơm của hoa mimosa cứ đến mùa xuân lại nở rộ trước cửa; ngôi nhà ấm cúng của chúng tôi, vẻ ngoài cũng như cảnh bên trong, lần lượt hiện ra rất nhanh trước mắt tôi. Cả một cuốn phim có âm thanh trong đó tôi nghe thấy tiếng nói của người mẹ đã yêu thương tôi hết mức, rồi tiếng nói của cha tôi, bao giờ cũng ôn tồn và hiền dịu, và những tiếng sủa của Clara, con chó săn của cha tôi đang gọi tôi ra vườn để đùa nghịch; những đứa con trai và con gái đã từng chơi đùa với tôi trong những giờ phút tốt đẹp nhất của đời tôi, cuốn phim mà tôi xem lại mặc dầu không cố ý gợi lên, chiếu ra từ cõi tiềm thức, đưa vào cái đêm chờ đợi này một cảm xúc dịu dàng để chuẩn bị cho tôi lao vào chiều sâu thăm thẳm của tương lai.
Đây là giờ phút phải làm một cuộc sơ kết. Thử coi: tôi hai mươi sáu tuổi, khỏe mạnh, trong bụng có năm ngàn sáu trăm francs thuộc quyền sở hữu của tôi, cộng thêm hai mươi lăm ngàn của Galgani, Dega bên cạnh tôi cũng có mười ngàn. Như vậy là tôi

có thể coi như mình được sử dụng bốn mươi ngàn francs khi cần, vì nếu cái anh chàng Galgani ấy đã không đủ sức bảo vệ số tiền này ở đây thì còn mong gì giữ được nó khi đã xuống tàu và khi sang đến Guyane. Vả chăng cậu ta cũng biết thế, cho nên mới không lấy lại cái plan. Vậy thì tôi có thể trông mong vào số tiền ấy, dĩ nhiên là khi dùng đến nó để vượt ngục, tôi nhất định phải đem Galgani đi theo; nhất thiết Galgani phải được hưởng cái quyền lợi đó, vì số tiền là của cậu ta chứ đâu phải của tôi Tôi sẽ dùng nó để đem lại tự do cho Galgani nhưng chính tôi cũng trực tiếp được lợi trong đó. Bốn mươi ngàn francs là một số tiền lớn, dùng nó tôi sẽ dễ dàng mua được những người đồng lõa, tù nhân đang bị giam, tù nhân đã mãn hạn, cũng như bọn giám thị.

Cuộc sơ kết này đã đưa đến một kết quả khả quan. Hễ đến nơi, tôi phải vượt ngục ngay cùng với Dega và Galgani: đó là đề tài duy nhất mà tôi phải chú tâm vào Tôi sờ con dao mổ và thấy hài lòng khi chạm phải lưỡi dao thép lạnh ngắt. Có được trong tay một vũ khí đáng sợ như vậy, tôi cảm thấy thêm tự tin. Công dụng của nó đã được thử thách trong khi tôi cảnh cáo bọn A-rập.

Vào khoảng ba giờ sáng, mấy người tù cấm cố đã xếp trước chấn song sắt của căn phòng giam mười một cái bị lính thủy bằng vải thô đầy ắp đồ đạc, mỗi cái đính một cái nhãn rõ to. Tôi có thể nhìn rõ một cái nhãn như vậy lọt vào phía trong dãy chấn song. Trên nhãn có đề: C Pierre, ba mươi tuổi, một mét bảy mươi ba,

khổ người bốn mươi hai, cỡ giày bốn mươi mốt, số điểm danh X... Cái anh Pierre C... chính là Pierrot le Fou, một người Bordeaux đã bị tòa án Paris xử hai mươi năm tù khổ sai vì tội giết người.

Đó là một anh chàng rất đáng mến, một người của giới giang hồ, thẳng thắn và chững chạc, tôi biết rất rõ. Cái nhãn kia cho tôi biết tổ chức quản trị nhà tù khổ sai làm việc tỉ mỉ và có quy cũ đến nhường nào. So với quân đội thì hơn hẳn, vì ở đây người ta phát áo quần cho lính bằng cách áng chừng, cứ mặc thử không vừa lại đổi bộ khác. Chứ ở đây mọi thứ đều được ghi tỉ mỉ và mỗi tù nhân đều được phát áo quần đúng khổ người mình. Nhìn qua tấm lưới bịt trên bề mặt cái bị, tôi có thể thấy rằng trang phục của tù nhân bằng vải trắng có sọc kẻ dọc màu đỏ. Mặc bộ đồ này đi đâu người ta cũng nhìn ra ngay.

Tôi chú ý cố làm sao cho trí óc tôi tạo ra những hình ảnh của phiên tòa đại hình, của bọn bồi thẩm, của lão công tố viên, v.v... Nhưng nó dứt khoát không chịu tuân theo và chỉ đưa ra những hình ảnh bình thường. Tôi hiểu rằng muốn sống lại những cảnh ở nhà lao Conciergerie hay Beaulieu với một cường độ như tôi đã từng sống qua, thì phải chỉ có một mình, hoàn toàn cô độc mới được. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi nhận chân ra điều đó, và hiểu rằng cuộc sống tập thể đang chờ đợi tôi sẽ làm nảy sinh những nhu cầu khác, những phản ứng khác, những ý đồ khác. Pierre le

Fou đến gần chấn song, bảo tôi: "ổn cả chứ Papi".

- Còn cậu?

- Tớ thì xưa nay vẫn mơ ước đi Châu Mỹ một chuyến, nhưng vì là tay cờ bạc, tớ không sao dành dụm được một món tiền đủ để thực hiện chuyến du lịch đó. Thế mà nay bọn cớm lại đứng ra cho tớ đi Mỹ không mất tiền. Bở thật Bươm bướm nhỉ? - Hắn nói rất tự nhiên không hề có giọng huênh hoang. Có thể cảm thấy rõ hẳn thực sự tự tin - Chuyến đi du lịch không mất tiền do bọn cớm đãi tớ quả nhiên có những ưu thế của nó. Tớ thà đi đày khổ sai còn hơn ngồi tù cấm cố mười lăm năm ở Pháp.

- Còn phải xem xem kết quả cuối cùng ra sao đã, Pierrot ạ. Cậu không tin à? Phát điên trong xà-lim, hay chết vì kiệt sức trong một nhà tù cấm cố nào đó ở Pháp còn tệ hơn là mắc bệnh hủi hay bỏ mạng vì sốt rét vàng, tớ nghĩ như vậy.

- Tớ cũng thế.

- Cậu xem này, cái nhãn này là nhãn của cậu.

Pierrot cúi xuống xem kỹ cái nhãn như để đọc, rồi giả vờ đánh vần, đoạn nói:

- Tôi nóng lòng mặc bộ quần áo này, tôi muốn mở bị ra và thắng bộ vào, họ chẳng nói gì đâu. Dù sao thì áo quần này cũng dành cho tôi.

- Thôi đi Pierrot, hãy đợi đã. Bây giờ không phải là lúc sinh sự lôi thôi. Tôi cần yên tĩnh.

Pierre le Fou hiểu ý, rời chấn song ra chỗ khác. Louis Dega nhìn tôi rồi nói: “Cậu bé ơi, đêm nay là đêm cuối cùng. Ngày mai chúng ta sẽ rời bỏ nước Pháp xinh đẹp của chúng ta”. – “Cái đất nước xinh đẹp của chúng ta có một hệ thống pháp luật chẳng xinh đẹp chút nào Dega ạ. Có thế chúng ta sẽ được biết những đất nước khác không được đẹp như nước ta, nhưng có một cách xử sự nhân đạo hơn đối với những người phạm lỗi”. Lúc ấy tôi không biết là mình đã nói đứng đến mức nào: tương lai sẽ cho tôi thấy rằng mình hoàn toàn có lý. Xung quanh lại im lặng.

Xuất phát

Đến sáu giờ sáng có lệnh chuẩn bị xuất phát. Mấy người tù cấm cố đến đưa cà-phê cho chúng tôi, rồi bốn viên giám thị đến gặp chúng tôi với những chỉ thị cuối cùng. Hôm nay họ mặc đồ trắng, súng lục vẫn đeo bên hông. Hàng khuy trên cái áo trắng muốt của họ óng ánh vàng. Một người trong bọn họ có ba cái lon vàng hình chữ V trên ống tay áo bên trái, trên vai không thấy phù hiệu gì.'

- Các phạm nhân, các người sẽ ra hành lang từng hai người một. Mỗi người sẽ tìm lấy bị đồ đạc của mình, tên có đề trên nhãn. Hãy cầm lấy bị và lùi sát tường, mặt quay ra hành lang, bị để ngay trước mặt.

Phải mất đến hai mươi phút chúng tôi mới xếp hàng xong dọc hành lang, bị để trước mặt.

- Cởi áo quần ra, gấp lại cho gọn và lấy hai ống tay áo ngoài buộc lại thành bó.. Được rồi. Thằng kia nhặt mấy bó áo quần để

vào trong phòng giam... Bây giờ mặc áo quần mới vào, quần đùi mặc trước, rồi đến áo lót dệt kim, rồi quần sọc, áo blouson, đi tất và đi giày... Xong chưa?

- Thưa ông giám thị xong rồi.

- Tốt. Để cái áo va-rơi len ở ngoài bị phòng khi trời mưa hoặc khi nào lạnh thì mặc vào. Vác bị lên vai bên trái. Từng hai người một, nối đuôi nhau theo tôi. Viên giám thị đeo lon đi trước, hai người kia đi hai bên, người thứ tư đi sau cùng, cứ thế đoàn người bước ra phía sân. Không đầy hai tiếng đồng hồ, tám trăm mười người tù khổ sai đã hàng lối chỉnh tề. Họ gọi tên bốn mươi người trong đó có tôi và Louis Dega cùng với ba người vượt ngục bị bắt lại là Julot, Galgani và Santini. Bốn mươi người này được xếp thành hàng mười. Mỗi hàng có một viên giám thị đi kèm bên cạnh người đứng đầu hàng. Không có xiềng, không có khóa. ở phía trước, cách chúng tôi ba thước, có mười viên cảnh binh xếp hàng thẳng quay mặt về phía chúng tôi. Họ cầm súng trường lăm lăm trong tay, đi giật lùi trước mặt chúng tôi trên suốt chặng đường, mỗi người được một viên cảnh binh khác dẫn đường bằng cách kéo dây nịt vai.

Cổng lớn của pháo đài mở ra và đoàn người từ từ xuất phát. Trong khi chúng tôi ra khỏi pháo đài, có nhiều cảnh binh cầm súng trường hay tiểu liên đi theo cách đoàn người khoảng hai mét. Một đám người tò mò đông như kiến được bọn cảnh binh

ngăn ra hai bên: họ biết có chuyến tàu đi đày, nên kéo nhau ra xem. Đi được khoảng nửa đường tôi nghe có tiếng huýt sáo khe khẽ qua kẽ răng từ trên cửa sổ một ngôi nhà lầu đưa xuống. Tôi ngẩng đầu lên thì trông thấy Nénette vợ tôi và một người bạn của tôi là Antoine D. đứng ở một khung cửa sổ; ở một khung cửa sổ khác tôi lại trông thấy Paula, bà vợ của Dega và bạn của bác ta là Antoine Giletti. Dega cũng đã nhìn thấy họ, và thế là chúng tôi vừa di vừa dán mắt vào hai khung cửa sổ ấy cho đến lúc không còn nhìn được nữa mới thôi. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy vợ tôi, và cả Antoine bạn tôi nữa: về sau anh ta sẽ chết trong một trận oanh tạc ở Marseille. Đoàn người đi hoàn toàn im lặng, không có ai nói gì. Dù là tù nhân, là giám thị, là cảnh binh hay là công chúng hiếu kỳ, ai nấy đều không dám làm kinh động cái giờ phút thực sự bi đát ấy, khi mà mọi người đều hiểu rằng đoàn tù một ngàn tám trăm người này sắp vĩnh viễn từ giã cuộc sống bình thường.

Chúng tôi lên tàu. Tốp bốn mười người đầu tiên được đưa xuống hầm tàu, nhốt vào một cái chuồng xung quanh có bốn hàng chấn song sắt rất lớn. Trên chấn song có một cái biển bằng các-tông. Tôi đọc thấy: “phòng số 1, 40 người thuộc loạt rất đặc biệt. Cần cảnh giác thường xuyên và nghiêm ngặt”. Mỗi người được nhận một cái võng cuốn chặt lại. Xung quanh có rất nhiều vòng dính vào chấn song để treo võng. Có ai ôm hôn tôi: đó là Julot. Cậu ta

thì biết rõ cảnh này lắm, vì cách đây mười năm cậu ta cũng đã đi một chuyến như thế này. Không ai có thể hiểu tình hình hơn nữa. Julot nói với tôi:

- Đến đây nhanh lên. Treo bị lên cái vòng mà cậu định dành để treo võng. Chỗ này gần hai cái cửa thông hơi kia, bây giờ thì đang đóng, nhưng ra khơi họ sẽ mở, cho nên chỗ này dễ thở hơn bất cứ nơi nào khác trong chuồng.

Tôi giới thiệu Dega với anh ta. Chúng tôi đang nói chuyện thì thấy một người bước tới, Julot liền giơ tay ra chặn lại và nói: "Nếu cậu muốn sống cho đến lúc cặp bến thì đừng bao giờ đến gần chỗ này. Hiểu chưa?" – "Hiểu rồi", người kia nói. - "Cậu có biết tại sao không?" "Có" - "Thế thì xéo đi". Hắn bỏ đi, Dega rất mừng khi được chứng kiến cuộc biểu dương sức mạnh này, và cũng không giấu giếm điều đó: "Có hai cậu, tôi sẽ có thể ngủ yên". Julot đáp: "Có hai đứa chúng tôi, bác ở đây còn an toàn hơn ở trong một cái villa trên bờ biển có một khung cửa sổ mở". Chuyến vượt Đại tây dương đã kéo dài được mười tám ngày. Chỉ có một sự cố duy nhất: đêm nọ, một tiếng kêu lớn làm mọi người thức giấc. Một người tù đã chết, một con dao lớn cắm vào giữa hai vai. Con dao đâm từ phía dưới lên, xuyên qua võng trước khi đâm xuống lồng ngực. Đó là một vũ khí đáng kinh sợ, dài hơn hai mươi phân. Lập tức, hai mươi lăm hay ba mươi viên giám thị chĩa súng lục hay súng trường vào chúng tôi, quát:

- Tất cả, cởi hết ra, nhanh lên!

Mọi người hối hả cởi áo quần. Tôi hiểu rằng họ sắp khám xét chúng tôi. Tôi để con dao mổ dưới bàn chân phải (lúc bấy giờ tôi không đi giày đi tất gì cả), đứng nặng về chân trái nhiều hơn vì lưỡi dao tuy đặt ngửa vẫn làm cho gan bàn chân phải của tôi đau. Tuy vậy bàn chân phải của tôi cũng lấp hết chiều dài của con dao mổ. Bốn viên giám thị đi vào chuồng và bắt đầu lục soát giày và áo quần của tù nhân. Trước khi vào họ đã để vũ khí ở bên ngoài, và người ta đã đóng cửa chuồng lại sau lưng họ, nhưng từ bên ngoài người ta vẫn quan sát chúng tôi, các họng súng chĩa thẳng vào chúng tôi. Có tiếng một viên chỉ huy nói: "Hễ đứa nào nhúc nhích là chết ngay". Trong cuộc lục soát họ phát hiện được ba con dao, hai cái đinh đóng sàn nhà mài nhọn, một cái dùi xoáy ốc mở nút chai và một cái plan bằng vàng. Sáu người được lệnh ra khỏi chuồng, mình vẫn trần truồng. Viên chỉ huy trương của đoàn áp giải là thiếu tá Barrot cùng đến với hai bác sĩ quân - y và viên thuyền trưởng. Khi mấy người cảnh binh đã ra khỏi chuồng, mọi người đều mặc áo quần trở lại, không cần đợi lệnh. Tôi đã giấu được con dao mổ vào chỗ cũ.

Bọn giám thị đã lùi về phía cuối gian hầm tàu. Đứng giữa là Barrot, còn mấy người khác đứng cạnh cầu thang. Trước mặt họ, sáu người tù trần truồng xếp hàng ngang đứng nghiêm.

- Cái này là của tên này, viên cảnh binh đã chỉ huy cuộc lục soát

vừa nói vừa cầm lấy con dao, tay chỉ vào chủ nhân của nó.

- Đúng, của tôi đấy.

- Tốt, - Barrot nói. - Người này sẽ tiếp tục chuyến đi trong xà-lim gần hầm máy.

Chủ nhân của mấy cái đinh mài nhọn, của cái dùi xoắn, của mấy con dao, lần lượt được chỉ ra và mỗi người đều thừa nhận sở hữu của mình. Vẫn trần truồng, họ bước lên thang gác, mỗi người có hai viên cảnh binh kèm hai bên. ở giữa sàn tàu chỉ còn lại một con dao và cái plan bằng vàng; đứng trước hai vật này chỉ còn lại một tù nhân. Hắn còn trẻ, hai mươi ba hay hai mươi lăm tuổi là cùng, người to cao, một mét tám mươi là ít thân hình cân đối như một lực sĩ điền kinh, đôi mắt màu xanh lơ. Viên cảnh binh cầm cái plan bằng vàng đưa ra trước mặt hắn, nói:

- Cái này của mày phải không?

- Vâng, của tôi.

- ở trong có những gì? - Thiếu tá Barrot cầm lấy cái plan nói.

- Ba trăm bảng Anh, hai trăm dollars và hai viên kim cương năm carats.

- Được để xem. - ông ta mở cái plan ra. Vì đứng quanh ông ta có nhiều người cho nên chúng tôi không trông thấy gì mà chỉ nghe ông ta nói: “Đúng. Tên mày?”

- Salvidia Romeo.

- Mày là người ý?

- Thưa ông vâng.
- Mày sẽ không bị phạt vì cái plan, nhưng sĩ bị phạt vì con dao.
- Xin lỗi, con dao không phải của tôi.
Đừng nói thế, tao đã tìm thấy con dao này trong giày của mày, - viên cảnh binh nói.
- Con dao không phải của tôi, xin nhắc lại.
- Thế thì tao nói dối phải không?
- Không, chẳng qua ông nhầm.
- Thế thì con dao của ai? - Thiếu tá Barrot nói. Nếu không phải của mày thì phải là của một người nào chứ?
- Nó không phải của tôi, chỉ có thế thôi.
- Nếu mày không muốn bị luộc trong căn xà-lim đặt trên nồi súp-de, thì nói đi: con dao của ai?
- Tôi không biết.
- Mày giỡn mặt tao đấy à? Con dao dấu trong giày của mày mà mày không biết là của ai? Mày cho tao là thằng ngốc sao? Một là của mày, hai là mày biết ai để nó vào đấy. Trả lời đi.
- Nó không phải là của tôi và tôi không có bổn phận nói ra cho các ông biết nó là của ai. Tôi không phải là mật thám. Mặt mũi tôi thế này mà các ông nhìn ra thành một thằng canh tù hay sao?
- Giám thị, khóa tay thằng này lại. Mày sẽ phải trả một giá đắt cho cái thái độ vô kỷ luật hỗn láo của mày.
Viên chỉ huy đoàn áp giải và viên thuyền trưởng bàn bạc gì với

nhau một lúc. Viên thuyền trưởng ra một mệnh lệnh gì đó cho một viên thủy thủ trưởng, hắn liền đi lên boong. Một lát sau một thấy thủ người Bretagne to như ông hộ pháp bước xuống, tay xách một cái xô bằng gỗ đựng đầy nước biển và một sợi dây thừng to bằng cổ tay. Họ trói người tù vào bậc cuối cùng của cầu thang, ở tư thế quỳ Người thuỷ thủ nhúng sợi thừng vào xô rồi từ từ dùng hết sức mạnh đánh lên mông, lên sườn và lên lưng người tù đáng thương. Không một tiếng kêu nào buột ra khỏi miệng anh ta, trong khi máu chảy đỏ lòm từ đôi mông và từ bên sườn anh ta. Không khí đang im phăng phắc, thì từ chuồng giam bỗng phát ra một tiếng hét phản đối:

- Quân khốn nạn!

Thế là mọi người lập tức la ó: "Quân giết người Thật bỉ ổi? Rõ thối tha!" Bọn cảnh binh quát: "Im ngay! Nếu không sẽ bắn xả vào cả lũ chúng mày?" Nhưng chúng càng dọa, chúng tôi càng hét to hơn. Bỗng viên chỉ huy trưởng hô:

- Phun hơi vào?

Mấy người thủy thủ vặn hai cái bánh xe gì đó, và những tia hơi nóng phụt vào chuồng chúng tôi mạnh đến nỗi trong khoảnh khắc mọi người đều phải nằm rạp xuống. Những tia hơi nóng đều được phun ngang tầm ngực bọn tôi. Một nỗi kinh hoàng ghê gớm bao trùm lên cả cái tập thể của chúng tôi. Những người bị bỏng không đám kêu. Họ phun hơi trước sau cũng không đến

một phút mà cũng đã làm cho mọi người khiếp đảm.
- Ta hy vọng rằng những kẻ cứng đầu đã hiểu ra chứ? Hễ lôi thôi một chút là sẽ nếm mùi hơi nóng. Hiểu chưa? Đứng dậy!.
Chỉ có hai người bị bỏng thật sự. Họ được đưa ra bệnh xá. Người bị đánh bằng thừng được đưa vào chuồng trở lại với chúng tôi. Sáu năm sau anh ta sẽ chết trong một chuyến cùng vượt ngục với tôi.
Trong mười tám ngày vượt biển, chúng tôi có đủ thì giờ hỏi han để biết ít nhiều về cảnh sống ở nhà tù khổ sai. Sau này chúng tôi mới biết là không có gì giống với những điều chúng tôi đã hình dung, mặc dầu Julot đã cố gắng hết sức để cung cấp tài liệu cho chúng tôi Chẳng hạn, chúng tôi biết rằng Saint-Laurent- du-Maroni là một cái làng ở cách biển một trăm hai mươi cây số, nằm trên bờ con sông Maroni. Julot giảng giải cho chúng tôi:
- Làng này là nơi đặt nhà trừng giới, trung tâm của trại tù khổ sai. Việc phân loại tù được tiến hành ở trung tâm này. Những người bị đày biệt xứ được đưa thẳng đến một nhà trừng giới gọi là Saint-Jean cách đấy mốt trăm mươi cây số. Những người tù khổ sai được phân loại ngay ra thành ba khối:
"Khối thứ nhất gồm loại rất nguy hiểm; sẽ được gọi tên ngay khi mới đến và nhốt vào các phòng giam của khu trừng giới trong khi chờ đợi được đưa đến Quần đảo Salut. Họ bị giam ở đấy đến khi mãn hạn hoặc đến khi chết. Quần đảo này ở cách Saint-

Laurent năm trăm cây số và cách Cayenne một trăm cây số. Quần đảo gồm có ba đảo, một là Royale; đảo lớn nhất là Saint-Joseph, nơi đặt nhà tù cấm cố của trại khổ sai; cuối cùng là đảo Quỷ, đảo nhỏ nhất. Tù khổ sai không đến đảo Quỷ, trừ một vài trường hợp ngoại lệ rất hiếm hoi. Những người được đưa đến đảo Quỷ đều là tù khổ sai chính trị

“Kế đến là loại nguy hiểm bậc hai: họ sẽ ở lại trại Saint-Laurent và sẽ được đưa đi làm những công việc canh tác và trồng vườn. Mỗi khi cần, người ta lại phái họ đến những trại khổ sai đặc biệt gay go: Trại Forestier, Trại Charvin, Trại Cascade, Vịnh Đỏ, Cây số 42 được mệnh danh là trại Tử thần;

“Cuối cùng là loại bình thường; họ được phân việc ở ban quản trị, ở các nhà bếp, được giao làm công việc quét dọn trong làng hay trong trại, hoặc được dùng vào những công việc của xưởng máy, xưởng mộc, xưởng may, hay làm thợ sơn, thợ rèn, thợ điện, thợ nhồi đệm, thợ giặt, v.v...

“Vậy giờ G là giờ cặp bến: nếu tù nhân được gọi tên và dẫn vào phòng giam riêng, thì như thế có nghĩa là sẽ bị giam ở Quần đảo, không còn chút hy vọng nào có thể vượt ngục. Chỉ còn lại một cách duy nhất là mau mau tự gây thương tích, xẻ đầu gối hay rạch bụng ra để vào bệnh viện và tính chuyện vượt ngục từ đấy. Bằng bất cứ giá nào cũng phải tránh cho được cái cơ mau bị đưa ra Quần đảo. Cũng còn có một cơ hội nữa, là nếu chiếc tàu có

nhiệm vụ đưa tù nhân ra đảo bị trục trặc, thì phải đút tiền cho người y tá. Người này sẽ tiêm một mũi tinh chất terebenthin vào một khớp xương, hoặc luồn một sợi tóc tẩm nước đái vào thịt để cho chỗ ấy nhiễm trùng sưng tấy lên. Hoặc giả người y tá sẽ đưa lưu huỳnh cho anh hít, rồi nói với bác sĩ là anh "sốt 40". Trong mấy ngày chờ đợi ấy, phải tìm cách vào bệnh viện bằng bất cứ giá nào.

"Nếu anh không bị gọi riêng ra, mà được xếp chung với những người khác trong các lán của trại, thì anh có thì giờ để hành động: Trong trường hợp đó, không nên tìm một công việc ở bên trong trại. Phải đút tiền cho viên kế toán để có được một chân đổ rác hay quét dọn trong làng, hoặc được phái đến làm ở xưởng cưa của một thường dân làm thầu khoán ở đấy. Những khi đi ra khỏi trại để đến nơi làm việc và mỗi tối trở về trại, người ta có thì giờ bắt liên lạc với những người tù mãn hạn hiện còn ở trong làng hay với những người Tàu, để họ chuẩn bị cho anh vượt ngục. Phải tránh những trạm ở quanh làng: ở đấy rất chóng chết; có những trại trong đó không một người nào sống được quá ba tháng. Đi làm trong rừng rậm thì phải chặt đủ mỗi ngày một mét khối gỗ.

Tất cả những tài liệu quý báu này, chúng tôi đã được Julot truyền đạt dần dần trong suốt cuộc hành trình. Riêng cậu ta thì đã sẵn sàng. Cậu ta biết rằng với tư cách tù nhân vượt ngục bị bắt lại,

cậu ta sẽ được đưa thẳng vào xà-lim khi tàu cặp bến. Cho nên cậu ta thủ sẵn một con dao rất nhỏ, dao nhíp thì đúng hơn, dấu trong plan. Khi tàu cặp bến, cậu ta sẽ lấy dao ra rạch đầu gối. Khi xuống tàu cặp ta sẽ vờ vấp ngã trên thang trước mặt mọi người. Cậu ta dự tính là sẽ được khiêng thẳng từ bến vào nhà thương. Mọi việc sẽ diễn ra đúng phắp như vậy.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Saint-Laurent du Maroni

Bọn giám thị đổi phiên cho nhau để đi thay áo quần. Họ lần lượt quay trở lại, mặc toàn đồ trắng và đội mũ thuộc địa thay cho kepi. Julot nói: "Sắp đến nơi rồi". Trong hầm tàu nóng kinh khủng vì các cửa sổ đều bị đóng hết. Qua tấm kính tròn có thể trông thấy cảnh rừng rậm. Vậy là tàu đã đi vào sông Maroni. Nước sông đục ngầu, cánh rừng trinh xanh tươi và sâu thẳm. Mấy con chim cất cánh bay vút lên, hoảng sợ vì tiếng còi tàu. Tàu đi rất chậm, cho nên chúng tôi tha hồ ngắm kỹ cái thế giới thực vật màu xanh thăm thẳm, dày đặc và phồn vinh. Đã nhìn thấy những nếp nhà đầu tiên bằng gỗ, mái lợp tôn kẽm. Mấy người da đen, đàn ông có đàn bà có, đứng trước cửa nhìn chiếc tàu đi qua. Họ đã quen nhìn cảnh chiếc tàu này đổ xuống bến món hàng bằng thịt người của nó, cho nên không hề có một cử chỉ chào đón gì. Ba hồi còi và những tiếng chân vịt cho chúng tôi biết là đã đến nơi, rồi mọi tiếng máy dừng hẳn. Bây giờ thì một

con ruồi bay ngang cũng có thể nghe thấy tiếng.
Không ai nói với nhau một lời. Julot đã mở con dao nhíp ra, rạch một đường trên ống quần ngang chỗ đầu gối rồi xé cho mấy đường khâu bung ra. Phải lát nữa, khi đi trên cầu cậu ta mới rạch đầu gối, để trước đó đừng có vết máu. Bọn giám thị mở cửa chuồng và bắt chúng tôi xếp hàng ba. Julot ở hàng thứ tư, một bên là Dega còn bên kia là tôi: Chúng tôi lên boong tàu. Lúc bấy giờ đã hai giờ trưa, và một vầng thái dương bằng lửa dọi thẳng vào cái đầu húi trọc và vào hai mắt tôi. Chúng tôi xếp hàng trên boong và được hướng dẫn ra cầu. Đến khi đoàn người hơi chững lại vì những người đi đầu bắt đầu bước lên cầu, tôi giữ cho cái bị của Julot đừng rơi khỏi vai, còn anh ta thì một tay cầm da đầu gối kéo căng ra, một tay cầm dao ấn lưỡi vào chỗ da ấy, chỉ một nhát cắt ngọt bảy tám phân thịt. Anh ta chuyền cái dao cho tôi và một mình giữ lấy bị. Khi chúng tôi bước lên cầu anh ta ngã khụy và lăn lông lốc xuống đến cuối cầu. Người ta vực Julot dậy, và thấy anh bị thương, liền gọi những người khiêng cáng. Sự việc đã diễn ra đúng theo kịch bản của Julot: cậu ta được đưa vào bệnh viện trên một cái cáng hai người khiêng. Một đám đông pha tạp tò mò đứng nhìn chúng tôi. Những người da đen, lai da đen, những người thổ dân Anh-điêng, những người Tàu, những người da trắng tiều tụy trông không còn ra hồn người (chắc là tù khổ sai mãn hạn) chăm chú nhìn từng tù nhân đặt chân lên đất

liền và đến xếp hàng sau lưng những người xuống trước. Bên phía đối diện, những viên giám thị, những người Âu mặc thường phục sang trọng, những bà đầm mặc áo mùa hè, những đứa trẻ con da trắng, ai nấy đều đội mũ cối thuộc địa trên đầu. Họ cũng đứng nhìn những người tù mới đến. Khi đã lên bờ được hai trăm người, đoàn tù đầu tiên này cất bước. Chúng tôi đi khoảng mười phút thì đến trước một cái cổng rất cao bằng gỗ súc, phía trên có đề: "Trạm trừng giới Saint- Lau rent du-Maroni. Sức chứa 3000 người". Hai cánh cổng mở rộng ra và chúng tôi xếp hàng mười bước vào. "Đi đều, bước, một hai, một hai?" Một đám tù khá đông nhìn chúng tôi kéo vào. Có những người đứng trên cửa sổ hay leo lên những tảng đá lớn để nhìn cho rõ.

Vào đến giữa sân, có lệnh: đứng lại! Đặt bị xuống trước mặt. Bọn kia, phát mũ đi!" Họ phát cho chúng tôi mỗi người một cái mũ rơm. Quả thật chúng tôi đang rất cần mũ: chưa chi đã có hai ba người ngã xuống vì say nắng. Dega và tôi nhìn nhau, vì có một tên cảnh binh đeo lon đã cầm lên một cái danh sách ở trong tay. Chúng tôi nghĩ đến những điều Julot đã nói. Chắc họ sắp gọi le Guitou đứng riêng ra. Quả nhiên, le Guitou lập tức được hai viên giám thị kèm hai bên. Hắn rời hàng đi lại. Suzini cũng vậy, Girasol cũng y trang.

- Jules Pignard! (tức là Julot đấy)

- Jules Pignard nó bị thương, đi bệnh viện rồi.

- Được - Đó là những người bị cấm cố ở quần đảo.

Viên giám thị nói tiếp:

- Các người hãy nghe kỹ đây. Người nào tôi gọi tên thì vác bị ra khỏi hàng, đến xếp hàng trước mặt cái lán quét vôi vàng kia, lán số 1 ấy.

Dage, Carrier và tôi ở trong số những người được gọi ra xếp hàng trước lán. Cửa lán mở ra, và chúng tôi bước vào một gian phòng hình chữ nhật dài khoảng hai mươi mét. ờ giữa có để một lối đi rộng hai mét; bên phải và bên trái đều có một thanh sắt chạy suốt từ đầu đến cuối phòng. Những tấm vải toan dùng làm võng được căng giữa thanh sắt và bức tường, trên mỗi tấm có một cái chăn. Ai muốn chọn chỗ nào thì cứ đến đấy. Dega; Pierrot le Fou, Santori, Grandet và tôi chọn chỗ nằm gần nhau, và lập tức các "xóm ở chung" hình thành. Tôi đi ra cuối phòng: bên phải là dãy buồng tắm, bên trái là dãy cầu tiêu. Không có nước máy. Bám vào chấn song các cửa sổ, chúng tôi chứng kiến thủ tục phân phối chỗ ở cho những người tù đến sau chúng tôi. Louis Dega, Pierrot le Fou và tôi mừng rơn lên: chúng tôi được xếp vào một cái lán chung như thế tức là không bị cấm cố. Chứ không thì giờ này đã vào xà-lim cả rồi, như Julot đã giải thích. Mọi người đều hài lòng, mãi cho đến lúc năm giờ chiều, khi mọi việc đã xong xuôi. Lúc bấy giờ Grandet nói:

- Ngộ thật, trong đoàn tù này chưa thấy gọi tên một người nào bị

cấm cố. Kỳ quặc thật. Thôi thì như thế càng hay!: Grandet là người đã lấy sạch tiền trong tủ két sắt của một nhà tù trung tâm, một vụ trộm đã làm cho cả nước Pháp cười vỡ bụng.
ở vùng nhiệt đới, đêm và ngày ập tới không có hoàng hôn mà cũng chẳng có bình minh. Ngày chuyển sang đêm và đêm chuyển sang ngày ngay tức khắc, quanh năm lúc nào cũng đúng vào giờ ấy. Đến sáu giờ rưỡi chiều, đêm sập xuống một cách đột ngột. Và cũng đúng sáu giờ rưỡi, hai người tù khổ sai già xách vào hai cái đèn dầu lửa treo lên một cái móc ở trên trần, tỏa ra một ánh sáng yếu ớt. Ba phần tư gian phòng chìm trong bóng tối. Đến chín giờ, mọi người đã ngủ say, vì sau những giờ phút khích động lúc mới đến, ai nấy đều mệt nhoài vì nóng bức. Không có một hơi gió thoảng, mọi người đều mặc quần đùi mà ngủ. Võng của tôi ở vào giữa Dega và Pierrto le Fou, chúng tôi nói chuyện thì thầm một lát rồi ngủ thiếp đi. Sáng hôm sau, trời hãy còn tối thì tiếng kèn đã vang lên. Ai nấy vùng dậy, đi rửa mặt và mặc áo quần. Họ phát cà-phê, và mỗi người được một ổ bánh mì tròn. Cạnh chỗ nằm, mỗi người có một tấm ván gắn vào tường để đặt ổ bánh mì, cái cà-mèn và những đồ lặt vặt khác. Đến chín giờ thấy hai viên giám thị và một người tù khổ sai trẻ tuổi mặc đồ trắng không có sọc, bước vào lán. Hai gã cảnh sát là người Corse, họ nói tiếng Corse với những người tù đồng hương. Trong khi đó người y tá đi đi lại lại trong phòng. Đi qua chỗ tôi, anh ta

nói:

- Khỏe không Papi? Cậu không nhận ra tớ à?

- Không.

- Tớ là Sierra l'Algérois, tớ đã làm quen với cậu ở nhà Dante ở Paris.

à phải, bây giờ thì tôi nhận ra rồi. Nhưng cậu đi năm hăm chín, năm nay đã là ba mươi ba mà cậu vẫn ở đấy à?

ừ cũng chẳng nhanh được đâu. Cậu khai ốm ngay đi. Còn anh này là ai?

- Dega, bạn tôi đấy!

- Tôi cũng ghi tên cho anh khám bệnh. Papi thì bị kiết lỵ. Còn anh bạn già kia thì lên cơn suyễn. Tớ sẽ gặp lại các cậu ở Phòng khám bệnh lúc mười một giờ, tớ có chuyện cần nói với các cậu. Anh ta tiếp tục đi vừa đi vừa nói to: "ở đây có ai ốm đau gì không?" Hễ có ai giơ tay là anh ta đến hỏi và ghi tên, Khi quay trở lại ngang chỗ chúng tôi, cùng đi với anh ta có một người giám thị già nua, nước da sạm:

- Papillon, tôi giới thiệu với cậu ông thủ trưởng của tôi, y tá trưởng kiêm giám thị Bartiloni. Thưa ông Bartiloni, anh này và anh này là hai bạn của tôi, như tôi đã thưa chuyện lúc nãy.

- Được rồi Sierra ạ, đến buổi khám ta sẽ dàn xếp với nhau, cậu cứ tin tôi. Đến mười một giờ, người ta vào gọi mấy người khai ốm. Chúng tôi có chín người cả thảy. Chúng tôi đi qua trại giữa

các đám tù. Khi đến trước một cái lán mới hơn và là cái lán duy nhất được sơn trắng có vẽ chữ thập đỏ, chúng tôi dừng lai và bước vào một gian phòng đợi trong đó có khoảng sáu mươi người. ở mỗi góc phòng có hai viên giám thị. Sierra hiện ra, mình mặc một chiếc blouse trắng muốt. Anh ta nói: “'Anh này, anh này và anh này, vào đi”. Chúng tôi bước vào một căn phòng có thể nhận ra ngay là phòng làm việc của bác sĩ. Anh ta nói với ba người bạn bằng tiếng Tây-ban-nha. Cái anh Tây ban-nha này thì tôi nhận ra ngay lập tức: đó là Fernandez, kẻ đã giết ba người Argentina ở hiệu cà-phê Madrid ở Paris. Khi hai người đã trao đổi với nhau mấy câu, Sierra đưa hắn vào một cái buồng kín ăn thông với gian phòng, rồi ra gặp chúng tôi:

- Papi, cậu để tớ hôn cái. Tớ rất hài lòng được dịp giúp cậu và bạn cậu một việc quan trọng như thế này. Cả hai đều bị cấm cố... ồ! cậu cứ để tớ nói? Cậu thì chung thân, còn Dega thì năm năm. Các cậu có tiền không?

Vậy thì mỗi cậu đưa đây năm trăm francs, sáng mai hai cậu sẽ được nhập viện. Cậu thì bị kiết lỵ. Còn bác Dega thì thế này: đang đêm bác hãy ra đấm cửa, hay tốt hơn là một cậu nào khác gọi tên gác và đòi y tá nói rằng Dega đang chết ngạt. Phần còn lại tôi sẽ lo Pappilon ạ, tôi chỉ xin cậu một điều: nếu cậu chuồn, cậu phải báo trước cho tôi biết kịp thời, tôi sẽ đúng hẹn. ở bệnh viện, mỗi người trả một trăm francs một tuần thì họ có thể giữ

cho nằm một tháng, làm nhanh lên.

Fernandez từ trong buồng kín đi ra và đưa năm trăm francs cho Sierra ngay trước mặt chúng tôi. Tôi liền đi vào buồng và khi trở ra tôi đưa cho anh ta không phải là một ngàn francs mà là ngàn rưởi. Sierra từ chối cái số năm trăm francs kia. Tôi không muốn nài thêm.

Anh ta nói với tôi:

- Số bím cậu đưa cho tớ là để đút cho viên cảnh binh. Còn tớ thì tớ không lấy gì đâu. Chúng mình là bạn kia mà?

Hôm sau, Dega, tôi và Fernandez đã nằm trong một gian phòng rộng thênh thang của bệnh viện. Dega đã được đưa về đây lúc nửa đêm. Người y tá trông nom phòng này là một người ba mươi lăm tuổi tên là Chatal. Hắn đã được Sierra dặn dò đầy đủ về ba chúng tôi. Khi nào bác sĩ qua đây, hắn sẽ cho ông ta xem một kết quả xét nghiệm trong đó ông ta có thể thấy ruột tôi đầy ắp a-míp. Về phần Dega thì mười phút trước khi bác sĩ đến đến, anh ta cho đốt một ít lưu huỳnh và đưa cho bác ta hít, đầu đội một cái khăn mặt. Fernandez thì một bên má sưng vù to bằng quả dừa: anh ta đã chích thủng lớp da phía trong má và đã thổi thật mạnh trong một tiếng đồng hồ. Anh ta làm việc này một cách tận tình đến nỗi cái má ung to lấp hẳn một mắt. Gian phòng bệnh nhân đặt ở tầng lầu một của một tòa nhà khá lớn, có gần bảy mươi bệnh nhân nằm, trong đó có nhiều người bị kiết lỵ. Tôi hỏi người y tá

xem Julot ở đâu. Anh ta nói:

- ở tòa nhà ngay trước mặt. Cậu có muốn tớ nhắn gì không?

- Có. Nhờ cậu nói với Julot là Bươm bướm và Dega đang ở đây, cậu ấy hãy ra đứng ở cửa sổ.

Người y tá muốn ra vào phòng này lúc nào cũng được. Muốn thế anh ta chỉ cần gõ cửa, sẽ có một người A-rập ra mở ngay. Người A-rập này là một người "giữ thìa khóa", tức một người tù khổ sai giúp việc cho các giám thị. Hai bên cửa ra vào có đặt ghế tựa cho ba viên giám thị ngồi, súng trường để sẵn một bên. Chấn song cửa sổ đều là những thanh đường ray xe lửa: tôi cứ tự hỏi không biết làm cách nào để cưa đứt những chấn song to và chắc như vậy. Tôi ngồi xuống cạnh cửa sổ.

Khoảng giữa tòa nhà của chúng tôi và tòa nhà của Julot có một mảnh vườn đầy hoa đẹp. Julot hiện ra ở cửa sổ, tay cầm một tấm bảng đen nhỏ trên đó có viết bằng phấn một chữ BRAVO ("hoan hô"). Một giờ sau người y tá đem lại cho tôi một cái thư của Julot. Anh ta viết: "tôi đang tìm cách sang phòng cậu. Nếu tôi thất bại, cậu cố sang phòng tôi. Lý do là các cậu có những kẻ thù ở bên phòng ấy. Thế ra các cậu bị phạt cấm cố à? Can đảm lên, ta sẽ thắng chúng nó". Cái biến cố xảy ra ở nhà lao Beaulieu trong đó hai chúng tôi cùng chịu đau đớn đã gắn chặt chúng tôi lại với nhau. Julot là chuyên gia về môn sử dụng chày vồ, cho nên mới được mệnh danh là "người cầm búa". Cách hành động

của Julot hồi còn tự do là như sau: anh ta đi xe hơi đến đỗ trước một cửa hàng bán đồ trang sức vào giữa ban ngày, vào lúc những thứ kim hoàn đẹp nhất được bày ra tủ kính phía trước. Trong khi chiếc xe hơi do một người khác lái vẫn nổ máy đứng đợi, anh ta xuống xe rất nhanh, tay cầm một cái vồ lớn bằng gỗ phang mạnh vào cửa kính, vơ thật nhiều đồ nữ trang rồi nhảy lên xe phóng đi nhanh. Sau khi đã thành công ở Lyon, Angers, Tours, Le Havre, Julo tấn công vào một hiệu kim hoàn lớn ở Paris vào lúc ba giờ chiều, lấy đi một số đồ nữ trang trị giá gần một triệu. Anh ta chưa bao giờ kể cho tôi nghe mình đã bị nhận dạng như thế nào và tại sao. Anh ta bị xử hai mươi năm tù khổ sai, và đến năm thứ tư anh ta đã vượt ngục. Và, như anh ta đã kể với chúng tôi, chính vì trở về Paris mà anh ta bị bắt lại: anh ta đi tìm cái người trước kia vẫn oa trữ những đồ anh trộm được để giết hắn, vì hắn mãi không chịu giao lại cho em gái Julot một số tiền lớn mà hắn nợ của anh ta. Hắn tình cờ trông thầy Julot tha thẩn trước phố hắn ở, liền báo cảnh sát Julot bị bắt và đành trở lại về nhà tù khổ sai với chúng tôi.

Chúng tôi nằm bệnh viện đã được một tuần. Hôm qua tôi đã đưa hai trăm francs cho Chatal, đó là cái giá hàng tuần hai chúng tôi phải trả để được giữ lại ở bệnh viện. Để được kính nể, chúng tôi lấy thuốc lá ra mời tất cả những người không có thuốc lá. Một người tù khổ sai sáu mươi tuổi quê ở Marseille tên là Carora, đã

kết bạn với Dega. Ông ta là cố vấn của Dega. Mỗi ngày ông tác nhắc đi nhắc lại với Dega nhiều lần là nếu Dega có nhiều tiền và ở trong làng người ta biết như thế (qua các báo từ Pháp gửi sang, ở đây người ta biết được những vụ lớn), Dega đừng vượt ngục thì hơn, vì những người tù mãn hạn đã được trả tự do sẽ giết bác ta để lấy plan. Dega nói lại cho tôi biết những buổi nói chuyện này với ông già Carora. Tôi ra sức nói cho Dega hiểu rằng lão già kia chắc chắn là một người vô tích sự, phải có thể mới đành chịu ngồi lỳ ở đây hai mươi năm nay, nhưng bác ta không chịu nghe. Dega bị những lời lẽ của lão già tác động rất mạnh và tôi phải khó nhọc lắm mới giữ vững được tinh thần cho bác ta bằng niềm tin mạnh mẽ của tôi.

Tôi gửi cho Sierra một mảnh giấy yêu cầu anh ta đưa Galgani vào nằm bệnh viện. Tôi không phải đợi lâu. Ngay hôm sau Galgani đã vào viện, nhưng lại nằm trong một phòng không có chấn song. Làm thế nào để trả lại cho Galgani cái plan của cậu ta? Tôi nhắn Chatal rằng tôi hết sức cần gặp Galgani, và để cho anh ta hiểu rằng đây là một cuộc chuẩn bị vượt ngục. Chatal nói với tôi rằng anh ta có thể đưa Galgani đến gặp tôi năm phút vào lúc mười hai giờ trưa. Đến giờ đổi gác, anh ta sẽ cho Galgani ra hiên nói chuyện với tôi ở cửa sổ, và không chịu lấy tiền công gì cả. Đúng mười hai giờ trưa, Galgani được đưa đến gặp tôi ở cửa sổ. Tôi trực tiếp đưa cái plan cho cậu ta. Galgani đứng trước mặt

tôi cho plan vào bụng. Cậu ta khóc. Hai ngày sau, cậu ta gửi cho tôi một tờ tạp chí trong đó có để năm tờ giấy một ngàn francs và một chữ gọn thon lỏn: merci. Khi trao cho tôi tờ họa báo, Chatal đã trông thấy số tiền. Anh ta không nói gì, nhưng bản thân tôi muốn biếu anh ta chút đỉnh. Anh ta từ chối. Tôi nói:

- Chúng tôi ra đi đây. Anh có muốn đi với chúng tôi không?

- Không, Bươm bướm ạ, tôi đã hẹn với một nhóm khác phải năm tháng nữa, khi người cùng nhóm với tôi ra khỏi xà-lim, tôi mới đi được. Lúc bấy giờ cuộc vượt ngục sẽ được chuẩn bị kỹ hơn, và như thế chắc ăn hơn. Còn anh bị cấm cố, cho nên vội là phải, nhưng ở đây cửa có chấn song thế kia sẽ gay lắm đấy. Anh đừng mong nhờ tôi giúp, vì tôi không thể để mất chỗ làm này. ở đây tôi có thể yên tâm đợi bạn tôi ra khỏi xà-lim.

- Rất tốt Chatal ạ. ở đời phải trung thực, từ nay tôi sẽ không nói gì với cậu về việc ấy nữa.

- Tuy vậy, tôi vẫn sẽ tiếp tục đưa thư cho anh và làm những việc anh nhờ.

- Cám ơn Chatal.

Đêm hôm ấy có tiếng tiểu liên bắn mấy loạt. Sáng hôm sau chúng tôi được biết rằng "người cầm búa" đã vượt ngục. Tôi cầu mong Thượng đế phù hộ cho anh ta; đó là một người bạn tốt. Chắc anh ta gặp được một cơ hội nào đấy và đã thừa cơ bỏ trốn. Thôi cũng mừng cho anh.

Mười lăm năm sau, tức vào năm 1948, tôi đang ở Haiti, cùng đi với một nhà triệu phú người Venezuela đến gặp ông chủ nhiệm Casino để thương lượng ký hợp đồng quản lý sòng bạc ở Haiti. Một đêm, tôi vừa uống sâm-banh trong một tiệm rượu ra, thì một trong những cô gái cùng đi với chúng tôi, người đen như than nhưng có giáo dục như một cô gái nhà lành ở một tỉnh lẻ bên Pháp nói với tôi:

- Bà ngoại em làm thầy lễ đạo vaudou, hiện nay sống với một ông già người Pháp. Đó là một người tù Cayenne vượt ngục. Hai ông bà ở với nhau đã được hai mươi năm nay. Ông ta suốt ngày say khướt. Tên ông ta là Jules Marteau.

Tôi lập tức tỉnh rượu:

- Cô bé hãy dẫn tôi đến nhà bà ngoại cô ngay.

Cô ta dùng phương ngữ Haiti nói với người lái tắc-xi đang phóng hết tốc độ. Khi đi qua một hộp đêm sáng trưng, tôi bảo dừng xe lại rồi chạy vào mua một chai Pernod, hai chai sâm-banh, hai chai rhum nội địa. Xe lại lên đường. Chúng tôi đến bờ biển, xe đổ trước một ngôi nhà đỏm dáng tường sơn trắng, mái lợp ngói đỏ, nước biển vào đến gần sát bậc thềm. Cô gái gõ cửa hồi lâu mới thấy một bà già cao lớn, tóc bạc trắng, ra mở. Bà ta mặc một cái áo thụng dài đến tận mắt cá. Hai người đàn bà nói gì với nhau bằng tiếng địa phương một lúc, rồi bà già nói: “Mời ông vào trong, ngôi nhà này là của ông”. Một ngọn đèn đất soi sáng một

căn phòng rất sạch, bày những lồng chim và bể cá.
- Ông muốn gặp Julot à? Xin ông đợi cho một chút, ông ấy ra ngay. Jules, Jules? Có người muốn gặp ông đây này.
Mình mặc một bộ pyjama sọc xanh khiến tôi nhớ lại đồng phục của nhà tù khổ sai, một ông già đi chân không bước ra.
- Nào, bà Cục Tuyết nói lại nghe coi, ai lại đến thăm tôi vào giờ này? Bươm bướm! Không, chẳng lẽ? - Julot ôm chầm lấy tôi và nói:
- Đưa cái đèn lại đây, bà Cục Tuyết, để tôi nhìn mặt thằng bạn già chút nào. Thôi đúng rồi, đích thị. Chính cậu đây rồi! Thế là cậu là thượng khách. Ngôi nhà này, món tiền tôi đang có, đứa con gái của vợ tôi, tất cả đều là của cậu. Cậu chỉ cần nói một tiếng.
Chúng tôi đã cùng uống hết chai Pernod, hai chai sâm-banh, hai chai rhum, và thỉnh thoảng Julot lại cất tiếng hát.
Thế là rốt cục cánh ta vẫn thắng chúng nó cậu nhỉ? Cậu thấy chưa, không có gì tuyệt bằng phiêu lưu mạo hiểm. Như tớ đây đã đi qua Colombia, Panama, Costa Ria, la Jamaica, để rồi cách đây chừng hai mươi năm, dừng lại ở đây và tìm được hạnh phúc với Cục Tuyết là người đàn bà tốt nhất mà một người đàn ông có thể gặp được trên đời này. Bao giờ cậu đi. Cậu ở đây có lâu không?
- Không, một tuần thôi.
Cậu đến đây có việc gì?

- Ký hợp đồng trực tiếp với chủ nghiệm Casino về quyền quản trị sòng bạc ở đây.
- Cậu ạ tớ cũng muốn rằng cậu ở lại đây suốt đời với tớ trong cái xóm tiều phu đốt than này, nhưng nếu cậu đã bắt liên hệ với thằng cha chủ nhiệm ấy thì cậu chớ làm gì chung lưng với hắn, hắn sẽ cho người ám sát cậu khi thấy công việc của cậu phồn vinh.
- Cám ơn lời khuyên.
- Còn bà Cục Tuyết, bà hãy chuẩn bị cuộc vũ hội đạo vaudou "không dành cho khách du lịch" đi. Một cuộc vũ hội thứ thiệt cho bạn tôi!

Vào một dịp khác tôi sẽ kể cho các bạn nghe cái buổi vũ hội trứ danh này của đạo vaudou, "không dành cho khách du lịch".

Vậy là Julot đã vượt ngục, còn tôi, Dega, Fernandez vẫn đang chờ đợi. Thỉnh thoảng tôi lại nhìn những chấn song cửa sổ, cố làm ra vẻ vô tư. Đó quả là những khúc đường ray xe lửa thật, không tài nào phá được. Bây giờ chỉ còn lại cửa lớn. Ngày đêm lúc nào cũng có ba tên giám thị có súng ngồi canh. Từ khi Julot vượt ngục, việc canh phòng càng thêm cẩn mật. Những lượt đi tuần dày hơn, ông bác sĩ không đước ân tình như trước. Chatal mỗi ngày chỉ đến hai lần để tiêm thuốc và đo nhiệt độ cho bệnh nhân. Lại một tuần nữa trôi qua, tôi lại trả thêm hai trăm francs, Dega thì nói đủ các thứ chuyện, trừ chuyện vượt ngục. Hôm qua

bác ta trông thấy con dao mổ của tôi, hỏi luôn:

- Cậu vẫn giữ con dao ấy đấy à? Để làm gì thế?

Tôi bực bội trả lời:

- Để bảo vệ cái thân tôi và cả cái thân bác nữa khi cần.

Fernandez không phải người Tây-ban-nha, cũng không phải người Argentina. Đó là một người khá, một tay giang hồ chân chính, nhưng chính anh ta cũng bị tác động vì những câu chuyện của lão già Carora. Một hôm tôi nghe thấy anh ta nói với Dega: "ở Quần đảo hình như khí hậu tốt lắm chứ không phải như ở đây, mà không nóng mấy. Nằm trong phòng này rất dễ lây bệnh kiết lỵ vì chỉ cần đi ngoài là có thể bị vi trùng dính vào rồi". Trong căn phòng dành cho bảy mươi bệnh nhân này ngày nào cũng có một hai người chết vì bị kiết lỵ.

Có một điều kỳ thú đáng lưu ý là họ đều chết vào lúc triều lên buổi chiều hay buổi tối. Chưa có một người bệnh nào chết vào buổi sáng. Đó là một điều bí ẩn của thiên nhiên.

Đêm hôm ấy tôi có một cuộc thảo luận với Dega. Tôi nói với bác ta rằng thỉnh thoảng ban đêm tên giữ chìa khóa người A-rập lại vào phòng đến giở chăn đắp của những người ốm nặng trùm chăn kín mặt. Đó là một hành động rất sơ hở. Chúng tôi có thể đánh vào đầu cho nó ngất xỉu, mặc áo quần của nó vào (chúng tôi đều chỉ mặc sơ-mi dài và đi dép, ngoài ra không có gì khác). Đóng bộ xong, tôi sẽ đi ra và bất thình lình giật súng của một tên

giác cửa, chĩa súng vào mặt chúng nó, bắt chúng nó vào phòng rồi khóa trái cửa lại. Sau đó chúng tôi sẽ nhảy qua tường của bệnh viện ở phía sông Maroni, lao xuống nước rồi để cho luồng nước cuốn đi. Sau đó sẽ hay. Sẵn có tiền, chúng tôi sẽ mua một cái thuyền và một ít lương thực để vượt biển. Cả Dega lẫn Fernandez đều dứt khoát bác bỏ kế hoạch này, lại còn phê phán tôi nặng lời nữa. Tôi thấy rõ là họ đã nản chí cho nên rất thất vọng. Trong khi đó thời gian cứ trôi qua.

Chúng tôi nằm đây đã được gần ba tuần. Tối đa chỉ còn mười, mười lăm ngày để chuẩn bị vượt ngục.

Hôm nay là ngày hai mươi mốt tháng mười một năm 1933, một ngày đáng ghi nhớ. Một bệnh nhân mới bước vào phòng: đó là Joanes Clousiot, người mà họ đã tìm cách ám sát ở Saint-Martin, trong phòng cắt tóc của nhà lao. Hai mắt anh ta nhắm nghiền, đầy những mủ, anh ta hầu như đã mù. Khi Chatal đã ra khỏi phòng, tôi đến cạnh Clousiot. Rất nhanh, anh ta nói với tôi rằng mấy người tù cấm cố kia đã lên đường ra Quần đảo mười lăm hôm nay rồi, nhưng riêng anh ta thì họ bỏ quên. Cách đây ba hôm, một nhân viên kế toán đã báo cho anh ta biết. Anh ta liền bỏ một hạt thầu dầu vào mắt: mắt anh mưng mủ lên cho nên anh được đưa vào đây. Clousiot rất quyết tâm vượt ngục.

Anh ta nói với tôi rằng anh ta sẵn sàng làm tất, kể cả giết người nếu cần, miễn sao đi được. Anh ta có ba nghìn francs. Khi đã

được rửa mặt bằng nước nóng anh ta liền nhìn rõ ngay. Tôi trình bày dự định vượt ngục cho anh nghe. Anh ta tán thành, nhưng lại nói rằng muốn đánh úp bọn giám thị phải có hai người, nếu được thì ba càng tốt. Có thể tháo chân giường ra, mỗi người cầm một cái (chân giường làm bằng sắt) để đánh vào đầu bọn gác. Theo anh ta thì dù có cầm súng chĩa vào chúng nó, chúng nó cũng sẽ không tin rằng mình dám bắn, và chúng nó có thể gọi bọn gác ở tòa nhà kế cận, nơi Julo đã trốn thoát, chỉ cách chỗ chúng tôi không đầy hai mươi mét.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

III. Vượt ngục lần thứ nhất

Trốn khỏi nhà thương

Tối hôm ấy tôi gặp Dega, và sau đó là Fernandez. Dega nói với tôi là bác ta không tin tưởng vào kế hoạch vượt ngục của tôi; bác ta định đủ một số tiền lớn, nếu cần, để được miễn cấm cố. Bác ta yêu cầu tôi viết thư hỏi Sierra xem thử làm như thế liệu có được không. Ngay hôm ấy Chatal đưa thư đi và đem thư trả lời về cho

chúng tôi. Sierra viết: "Đừng đút tiền cho bất cứ ai để xin miễn cấm cố. Việc này chỉ có các quan chức bên Pháp giải quyết được, còn ở đây thì không có một ai, kể cả viên giám đốc trại khổ sai, có thể miễn cho tù nhân chế độ cấm cố. Nếu không còn hy vọng gì vượt ngục từ bệnh viện, các anh có thể tìm cách xin ra viện một ngày sau khi chiếc tàu chuyên chở tù nhân ra Quần đảo (chiếc Mata) đã lên đường".

Làm như vậy sẽ được nằm lại tám ngày ở khu vực giam thường trước khi có chuyến tàu sau ra đảo, và có lẽ ở đấy dễ vượt ngục hơn là ở gian phòng chúng tôi hiện đang nằm ở bệnh viện. Cũng trong cái thư ấy, Sierra nói rằng nếu tôi muốn anh ta sẽ cho một người tù khổ sai đã được trả tự do đến gặp tôi để nếu cần tôi có thể nhờ anh ta chuẩn bị cho một chiếc thuyền để sẵn ở phía sau bệnh viện. Người tù mãn hạn này là một người quê ở Toulouse, tên là Jésus. Cách đây hai năm, chính hắn đã chuẩn bị cho cuộc vượt ngục của bác sĩ Bougrat. Muốn gặp hắn, tôi sẽ phải đến chiếu điện ở phòng X-quang. Phòng này cũng nằm trong phạm vi bệnh viện nhưng muốn đến đó tù nhân phải có giấy gửi đi khám X-quang. Sierra dặn tôi là nếu đi chiếu điện phải bỏ plan ra trước khi đến phòng X- quang, vì bác sĩ có thể nhìn thấy nó nếu ông ta soi xuống phía dưới phổi. Tôi gửi giấy cho Sierra bảo anh ta cứ cho Jésus đến phòng X-quang và nhờ Chatal thu xếp cho tôi được đi chiếu điện. Ngay tối hôm ấy Sierra báo cho tôi biết

rằng buổi chiếu điện là vào ngày kia, chín giờ sáng.
Ngày hôm sau, Dega xin ra viện cả Fernandez cũng thế. Chiếc Mata vừa đưa tù cấm cố ra Quần đảo hồi sáng sớm. Hai người hy vọng có thể trốn từ khu vực giam tù thường trong trại. Tôi chúc họ may mắn, còn tôi thì vẫn không thay đổi kế hoạch.
Tôi đã gặp Jésus. Đó là một người tù khổ sai già đã được trả lại tự do, khô như một con mắm, da mặt đen sạm, có hai vết sẹo gớm ghiếc chéo qua mặt. Hắn có một con mắt cứ chảy nước mắt sống khi nhìn người ta. Một gương mặt ghê sợ, một cái nhìn cũng ghê sợ không kém. Tôi không thấy tin hắn cho lắm, và sự thể sau này sẽ chứng minh rằng tôi có lý. Chúng tôi đi vào việc ngay:
- Tôi có thể chuẩn bị cho các anh một chiếu thuyền chở được bốn người, tối đa là năm. Một thùng ton-nô nước ngọt, một ít lương thực, cà-phê, thuốc lá; ba cái chèo kiểu thổ dân, mấy cái bao bột không, một cây kim và mấy sợi chỉ để anh tự khâu lấy buồm chính buồm phụ; một cái la bàn, một cái rìu, một con dao, năm lít rượu tafia (rượu rhum xứ Guyane) cả thảy hết hai ngàn năm trăm francs. Ba ngày nữa thì hết tuần trăng. Sau bốn ngày, nếu anh đồng ý, tôi sẽ ngồi trong thuyền đợi các anh từ tám giờ tối đến ba giờ sáng trong tám đêm liền. Khi bắt đầu có trăng non tôi sẽ không đợi nữa. Địa điểm đợi là ở chỗ chiếu thẳng từ góc phía dưới của bức tường bệnh viện. Cứ theo đúng hướng bức

tường mà đi xuống phía sông, vì sẽ không trông thấy thuyền đâu. Cách hai mét cũng chưa trông thấy được".

Tôi không tin lắm, nhưng tôi vẫn ưng thuận.

- Còn tiền thì sao? - Jésus hỏi.

- "Tôi sẽ gửi qua Sierra". - Tôi với hắn từ giã nhau mà không bắt tay. Công chuyện chẳng có vẻ gì lạc quan cho lắm.

Đến ba giờ, Chatal đến trại đưa tiền cho Sierra, hai ngàn năm trăm francs. Tôi tự nhủ: "Mình đánh bạc số tiền này, coi như có mất cũng thôi. Cũng nhờ có Galgani mới chơi sang thế được. Miễn sao hắn không nướng hết cả hai ngàn rưỡi tờ vào rượu tafia". Clousiot vui mừng khôn xiết. Anh ta tin vào bản thân, tin vào tôi và vào kế hoạch vượt ngục. Anh ta chỉ băn khoăn có một điều: không phải đêm nào cũng thế, nhưng có nhiều đêm tên "giữ chìa khóa" người A-rập lại đi vào phòng bệnh nhân, mà lại thường là vào lúc đầu hôm, chưa khuya lắm. Còn một vấn đề nữa: biết chọn đâu ra một người thứ ba để cùng bàn việc này? ở đây có một cậu người Corse, thuộc giới giang hồ thành phố Nice, tên là Biangi. Cậu ta ở tù khổ sai từ 1929. Cậu bị giam ở phòng bệnh dành cho tù nhân cần giám sát nghiêm ngặt này là vì cậu can tội giết người. Clousiot với tôi bàn nhau xem có nên nói với cậu ta không, và nói vào lúc nào. Chúng tôi đang thầm thì bàn bạc như vậy thì cậu ta đến: đó là một thư sinh mười tám tuổi, đẹp lộng lẫy như một thiếu nữ. Họ cậu ta là Maturette, cậu bị xử tử

rồi được giảm án xuống khổ sai chung thân vì còn quá ít tuổi - mười bảy tuổi - Cậu ta can tội giết chết một người lái tầu. Tham gia vụ này có hai cậu, một cậu mười sáu tuổi, một cậu mười bảy. Ra tòa đại hình, hai cậu bé này không những không buộc tội lẫn nhau mà còn khăng khăng chứng minh rằng chính mình, và chỉ có một mình mình thôi, đã giết người lái xe. Thế nhưng trên người nạn nhân chỉ có một vết đạn. Thái độ của hai cậu bé trong phiên tòa đại hình đã làm cho tất cả các phạm nhân khổ sai ở đây yêu mến họ. Vậy thì Maturette, dáng dấp giống hệt con gái, đến cạnh chúng tôi và cất tiếng thỏ thẻ xin lửa hút thuốc. Chúng tôi liền châm thuốc cho cậu ta, lại cho thêm bốn điếu thuốc và một hộp diêm. Cậu ta mỉm một nụ cười đấy sức quyến rũ cảm ơn chúng tôi rồi lui ra. Bỗng Clousiot nói với tôi: "Papi ạ, thôi ổn rồi. Thằng A-rập sẽ vào phòng hoàn toàn theo ý chúng mình cho mà xem. Cậu cũng biết bọn A-rập rất thích con trai vào tuổi măng tơ như cậu ấy. Từ đó đến chỗ dụ thằng giữ chìa khóa kia lẻn vào phòng ban đêm để tự tình với cậu bé xinh trai chẳng có gì khó. Cậu ta sẽ uốn éo vờ làm khó dễ, nói là chỉ sợ nhỡ ai người ta trông thấy, để thu xếp sao cho thằng A-rập vào phòng đúng giờ vào chúng tôi cần.

Để tôi bàn với cậu ấy.

Tôi đi gặp Maturette. Cậu ta tiếp tôi với một nụ cười đầy ý khuyến khích. Cậu ta tưởng tôi đã "cảm" vì nụ cười lẳng lơ ban

nãy. Tôi nói ngay: “Cậu lầm rồi. Đi vào nhà xí một lát”. Vào đến nhà xí, tôi bắt đầu thương lượng.

- Những điều tôi sắp nói với cậu, nếu cậu hở ra cho ai lấy một tiếng là cậu toi mạng ngay. Đây: cậu có thể làm thế này, thế này và thế này giúp chúng tôi được không? Chúng tôi sẽ trả tiền; cậu muốn lấy bao nhiêu? Hay cậu muốn đi với chúng tôi?

- Tôi muốn đi với các anh, được không?

- Xong ngay! Cứ thế nhé? Cứ thế? - Chúng tôi xiết chặt tay nhau. Maturette đi ngủ. Tôi gặp Clousiot nói qua cho cậu ta biết tình hình xong cũng đi ngủ nốt. Tối hôm sau đến tám giờ Maturette ra ngồi ở cửa sổ. Cậu ta không phải gọi thằng A-rập. Tự nó dẫn xác đến, thế là hai người bắt đầu nói chuyện rì rầm với nhau một lúc. Đến mười hai giờ Maturette đi ngủ. Tôi và Clousiot thì đã đi nằm từ lúc chín giờ, giả vờ ngủ. Thằng A-rập đi vào phòng, dạo hai vòng, phát hiện ra một bệnh nhân vừa chết. Hắn ra cửa gõ mấy tiếng, và một lát sau có hai người khiêng cáng vào đem xác chết đi. Người xấu số kia sẽ có ích cho chúng tôi vì cái chết của anh ta sẽ là một cái cớ để cho tên giữ chìa khóa A-rập có thể vào phòng bất cứ giờ nào trong đêm. Theo đúng lời khuyên của chúng tôi, hôm sau Maturette hẹn gặp hắn lúc mười một giờ đêm. Đúng giờ ấy, tên giữ chìa khóa vào phòng. Đi ngang giường cậu bé, hắn kéo chân đánh thức cậu ta dậy rồi đi thẳng vào nhà xí. Maturette liền đi theo. Mười lăm phút sau tên giữ

chìa khóa ra và rời phòng bệnh nhân. Maturette lập tức đi ngủ lại, không phải nói gì với chúng tôi nữa. Ngày hôm sau cũng lại như thế, nhưng vào lúc mười hai giờ đêm. Mọi sự đều ổn: thằng A-rập sẽ đến đúng vào giờ cậu bé dặn.

Ngày 27 tháng mười một năm 1933, chúng tôi đã sẵn sàng hành động. Hai cái chân giường bằng sắt đã được mở vít sẵn, muốn tháo ra lúc nào cũng được. Tôi đợi đến bốn giờ chiều sẽ có giấy của Sierra cho biết những tin tức cuối cùng. Đúng giờ, Chatal đến, không cầm giấy má gì, chỉ nói với tôi "Francois Sierra bảo tôi nói với anh là Jésus đợi các anh ở địa điểm đã định. Chúc các anh may mắn. "Đến tám giờ tối, Maturette nói với thằng A-rập" - Hôm nay anh đợi quá nửa đêm hẵng đến: vào quãng ấy có thể gặp nhau lâu hơn.

Thằng A-rập hẹn đến sau mười hai giờ. Đúng nửa đêm, chúng tôi đã chuẩn bị xong mọi thứ. Đến mười hai giờ mười lăm thằng A-rập vào, đi thẳng đến giường Maturette kéo chân cậu ta rồi đi tiếp vào nhà xí. Maturette vào theo hắn. Tôi tháo chân giường của tôi ra, nó rơi xuống sàn, hơi ồn một chút. Bên giường Clousiot thì không có tiếng động. Theo kế hoạch, tôi phải đứng sẵn bên cửa nhà xí, còn Clousiot thì cứ đi thoải mái đến chỗ nhà xí để thu hút sự chú ý của hắn. Sau một thời gian chờ đợi khoảng hai mươi phút, mọi sự việc diễn ra rất nhanh. Thằng A-rập từ trong nhà xí đi ra. Trông thấy Clousiot, hắn ngạc nhiên hỏi:

- Giờ này anh còn đứng giữa phòng làm cái gì thế? Đi ngủ đi. Ngay tức khắc, hắn bị một đòn "con thỏ" đánh vào giữa sọ, im lặng ngã khuỵu xuống. Tôi lập tức mặc áo quần của hắn vào, đi cả giày của hắn. Chúng tôi lôi hắn vào gầm giường, và trước khi đẩy hắn vào phía trong, tôi bồi thêm cho hắn một vố nữa vào gáy. Thế là xong được một việc.

Cả tám mươi bệnh nhân nằm trong phòng không thấy một người nào động đậy. Tôi đi nhanh về phía cửa ra vào, theo sau có Clousiot và Maturette mặc áo ngủ dài. Tôi gõ cửa. Tên giám thị vừa mở ra là tôi giáng cho một phát chân giường sắt lên đầu. Tên thứ hai để khẩu mousqueton trượt xuống đất. Chắc chắn là hắn ngủ quên. Hắn chưa kịp thức giấc thì tôi đã đánh hắn gục xuống. Mấy tên của tôi không kịp kêu, còn cái thằng bị Clousiot đánh thì chỉ "A!" lên một tiếng khẽ trước khi gục xuống. Hai tên tôi vừa đánh gục trên ghế, còn tên thứ ba thì nằm dài ra đất. Chúng tôi nín thở. Cái tiếng "A?" kia chúng tôi tưởng chừng như cả nhân loại đều nghe thấy. Quả tình tiếng kêu ấy cũng khá to, nhưng chẳng thấy ai động tĩnh gì cả. Chúng tôi không đưa chúng vào phía bên trong phòng làm gì. Chúng tôi cứ thế bỏ đi, cầm theo ba khẩu súng. Clousiot đi đầu, cậu bé đi giữa, còn tôi đi sau cùng. Chúng tôi đi xuống cái thang gác sáng mờ mờ dưới ánh đèn dầu. Clousiot đã bỏ cái chân giường sắt, còn tôi vẫn cầm nó theo trong tay trái tay phải tôi cầm khẩu súng trường. Xuống đến

tầng dưới cùng chẳng thấy gì. Xung quanh tối đen như mực. Phải nhìn thật kỹ mới trông thấy bức tường đi về phía bờ sông. Chúng tôi vội ra chân tường. Tôi đứng áp vào tường làm thang cho các bạn leo lên. Clousiot leo lên ngồi cưỡi trên bức tường rồi lôi Maturette lên, sau đó là tôi. Chúng tôi buông người xuống phía bên kia tường, trong bóng tối. Clousiot rơi vào một cái hốc, kêu đau chân. Maturette và tôi xuống ổn hơn. Cả hai chúng tôi đứng dậy. Chúng tôi đều đã buông khẩu mousqueton trước khi nhảy xuống. Clousiot toan đứng dậy nhưng không sao đứng được. Anh ta nói là gãy mẹ nó cái chân rồi. Tôi để Maturette đứng lại với Clousiot, lần theo bức tường chạy về phía bờ sông, vì tối quá nên hai tay tôi cứ phải sờ sờ lên tường. Chạy đến hết tường nào cũng không hay, hai tay bị hụt ngã một cái như trời giáng, tưởng đến vỡ mặt. Từ phía sông có giọng ai nói với lên:

- Các cậu đấy à?

- ừ! Jésus đấy à?

- ừ!

Hắn quẹt diêm lên trong khoản nửa giây. Tôi đã xác định được chỗ hắn đứng, liền lội xuống nước đi đến đấy. Cùng đứng với Jésus còn có một người nữa.

- Lên trước đi. Ai đấy?

- Papillon đây.

- Tốt.

- Jésus à, phải đi trở lại phía sau, bạn tôi bị gãy chân trong khi trèo tường.
- Thế thì cầm lấy cái này, chèo đi.
Ba cái chèo pagaie vục xuống nước và chẳng bao lâu chiếc xuồng nhẹ đã vượt qua cái khoảng cách chừng một trăm thước từ chỗ xuồng chờ đến chỗ các bạn tôi (tôi đoán chừng chỗ ấy, vì tối quá chẳng trông thấy gì).
Tôi gọi: “Clousiot?”.
- Khẽ chứ, trời đất - Jésus nói. Này l' Enflé, bật đá lửa lên chút nào! Mấy tia lửa xanh xanh lóe ra. Các bạn tôi đã trông thấy. Clousiot khẽ huýt sáo qua kẽ răng theo kiểu dân Lyon: đây là kiểu huýt sáo không ồn nhưng lại nghe rất rõ, hơi giống tiếng huýt của loài rắn. Cậu ta cứ thế huýt liên tục một lúc, cho đến khi chúng tôi đến nơi. l' Enflé bước xuống ôm xốc Clousiot dưa lên xuồng. Maturette lên theo, rồi đến l' Enflé. Trên xuồng như vậy có đến năm người, nước chỉ còn cách mạn xuồng có hai lóng tay.
- Hễ muốn động đậy phải nói trước nhé, - Jésus nói, - Bươm bướm, đừng chèo nữa, cái chèo đặt nằm ngang trên đùi ấy. Đi thôi l' Enflé!
Lập tức chiếc xuồng theo dòng lao vào đêm tối. Đi dược chừng một cây số, chúng tôi đã đến ngang tầm khu trại tù sáng mờ mờ dưới ánh điện tồi tàn do một cái máy phát điện hạng bét phát ra. Lúc bấy giờ xuồng đang ở giữa dòng sông và trôi băng băng theo

dòng, với một tốc dộ khó tưởng tượng nổi. L' Enflé đã nhấc chèo lên. Chỉ có Jésus áp mái chèo sát dùi giữ thăng bằng cho chiếc xuồng. Hắn không chèo mà chỉ giữ cho xuồng đi thẳng. Jésus nói: "Bây giờ thì có thể nói và hút thuốc được rồi. Hình như ổn cả. Cậu có chắc là vừa rồi các cậu không làm ai chết không?

- Tôi tin như vậy.

- Trời đất! Thế là cậu bịp tớ rồi đấy Jésus ạ! – l'Enflé nói. - Cậu bảo đây là một chuyến vượt ngục thường thôi chẳng có chuyện gì hóa ra là một cuộc vượt ngục của dân cấm cố, theo như tớ hiểu.

- Đúng, đây là dân cấm cố, l'Enflé ạ. Tớ không nói cho cậu biết từ đầu là vì nói ra cậu đời nào chịu giúp tớ. Thế mà tớ lại đang cần một người giúp. Cậu đừng lo có chuyện gì tớ sẽ đứng ra chịu hết.

- Thế mới phải, Jésus ạ. Ăn của cậu có một trăm tờ mà bị xử tử hay bị chung thân thì ớn quá. (Nếu trong một cuộc vượt ngục mà có một người canh tù bị giết thì phạm nhân và đồng lõa đều bị xử tử, còn nếu có một người bị thương thì họ sẽ bị khổ sai chung thân). Tôi nói:

- l'Enflé ạ, tớ sẽ biếu thêm hai cậu một ngàn francs.

- Thế thì được, anh bạn ạ. Như thế là hợp lẽ. Cám ơn cậu, trong làng chúng tớ chết đói đến nơi cả. Được thả còn tệ hơn là khi đang ở tù. ít ra khi ở tù còn có cái ăn cái mặc hàng ngày.

- Cậu có đau lắm không? - Jésus hỏi Clousiot. Không sao, - Clousiot nói. - Nhưng Papia ạ, với cái chân gãy của tôi thì còn làm ăn gì?

- Sẽ thu xếp sau. Bây giờ ta đang đi đâu thế này, Jésus?

Tới sẽ đưa các cậu đến nấp trong một cái vịnh cách cửa biển ba mươi cây số. Các cậu sẽ ở lại đấy tám ngày để cho qua giai đoạn căng nhất trong cuộc săn lùng của bọn cảnh sát và bọn đi săn người thuê. Phải làm cho họ tưởng là ngay đêm nay các cậu đã đi hết sông Maroni và ra đến biển rồi. Bọn săn người đi thuyền không gắn máy, đáng sợ hơn cả. Nói chuyện, ho, đốt lửa đều có thể đưa đến kết quả tai hại nếu chúng nó đang rình ở nơi nào gần đấy. Còn bọn cảnh sát thì đi xuồng máy không vào vịnh được, vì sẽ mắc cạn.

Đêm sáng dần. Cả bọn đi tìm mãi mới lần ra được chỗ Jésus đặt mốc (chỉ có một mình hắn biết chỗ này), và thuyền chúng tôi bắt đầu đi vào một vùng bụi bờ rậm rạp. Chiếc xuồng làm cho bụi bờ rạp hẳn xuống, và khi xuồng đã đi qua thì nó lại trỗi dậy ở sau lưng chúng tôi, làm thành một bức màn bảo vệ khá dày. Phải là một tay phù thủy mới biết được rằng chỗ này có đủ nước cho một chiếc thuyền đi qua được. Chúng tôi cứ thế đi sâu vào vùng bụi bờ trong một tiếng đồng hồ, vừa đi vừa gạt những cành cây chắn trước mặt. Bỗng nhiên chúng tôi thấy thuyền đã đi vào một thứ kênh thế là chúng tôi dừng lại. Bờ kênh cỏ mọc xanh rờn, rất

sạch sẽ, có những cây đại thụ sum sê, cành lá tỏa rất rộng, ánh sáng ban ngày (lúc bấy giờ đã sáu giờ sáng) không lọt qua được. Dưới vòm lá uy nghiêm này vang lên tiếng kêu của những lời muôn thú mà tôi chưa hề biết. Jésus nói: "Đây là nơi các cậu phải ở lại chờ tám ngày. Đến ngày thứ bảy tôi sẽ đến đưa lương thực cho các cậu".

Từ dưới một bụi rậm hắn lôi lên một con thuyền độc mộc nhỏ xíu dài chừng hai mét. Trong thuyền có hai mái chèo. Đây là cái thuyền hắn sẽ dùng để trở về làng khi nước triều lên.

Bây giờ ta hãy lo việc cho Clousiot lúc ấy đang nằm trên bờ kênh. Vì cậu ấy vẫn mặc mỗi chiếc áo ngủ dài, cho nên hai chân cậu vẫn để trần. Chúng tôi dùng rìu đẽo lại mấy cái cành khô cho thẳng, thành hình những thanh gỗ mỏng. L'Enflé cầm chân cậu kéo thật mạnh. Clousiot toát mồ hôi cố chịu đau. Đến một lúc nào đấy cậu nói: "Stop! ở tư thế này tôi thấy đỡ đau hơn cả, chắc xương lắp đúng rồi". Chúng tôi lấy mấy cành cây đã đẽo thẳng lắp dọc cái chân gãy, lấy dây gai mới trong chiếc thuyền buộc lại. Clousiot thấy nhẹ hẳn. Jésus đã mua cho chúng tôi bốn cái quần, bốn cái sơ-mi và bốn cái áo va-rơi bằng len thuộc, bộ đồng phục của những người bị đày biệt xứ. Maturette và Clousiot mặc cái thứ đó vào, còn tôi vẫn để nguyên bộ đồ của tên "giữ chìa khóa" người A-rập. Cả bọn cùng uống rượu rhum. Đây là chai thứ hai được uống cạn kể từ khi lên đường. May thay, cũng ấm

người lên thật. Muỗi tấn công chúng tôi không ngớt: đành phải hy sinh một bó thuốc lá. Chúng tôi ngâm thuốc lá trong một cái gáo rồi lấy nước bôi lên mặt, lên tay, lên chân. Nhờ có mấy cái áo va-rơi bằng len cho nên mới giữ được hơi ấm trong cái không khí ẩm thấp cứ thấm sâu vào người chúng tôi.

L'Enflé nói: "Chúng tôi đi đây. Thế cái món một ngàn tì kia đâu?".

Tôi đi ra chỗ khác một lát rồi trở về, tay cầm một tờ giấy bạc một ngàn francs mới toanh.

- Thôi ở lại nhé, tám ngày tới cứ ở lỳ chỗ này, - Jésus nói. - Đến ngày mồng bảy chúng tớ sẽ đến. Ngày mồng tám là các cậu ra khơi. Trong thời gian này các cậu khâu buồm, thu dọn trên thuyền cho thật đâu ra đấy. Vặn cho chặt bản lề bánh lái: "Chúng tớ chưa kịp lắp. Nếu đợi đến mười ngày mà không thấy chúng tớ đến thì tức là chúng tớ đã bị tóm ở trong làng. Vì chuyến này lại có thêm vụ đánh tên giám thị cho nên tình hình gay lắm".

Đến đây Clousiot lại cho chúng tôi biết rằng anh ta không để lại khẩu súng trường ở chân tường, mà trước khi trèo anh ta đã ném nó qua tường, không ngờ sông lại gần thế, cho nên khẩu súng bây giờ chắc chắn là nằm dưới nước. Jésus cho rằng như thế rất hay, vì nếu tìm không thấy khẩu súng đâu, bọn săn người sẽ nghĩ là chúng tôi có súng. Bọn này lại là bọn nguy hiểm hơn cả, vì chúng sục sạo sâu hơn bọn cảnh sát, nhưng vũ khi của chúng chỉ

có một khẩu súng lục và một con dao phát bờ: tưởng chúng tôi mang theo khẩu mousqueton, chúng sẽ không dám sục sạo nữa. Hai bên chào tạm biệt nhau Jésus dặn thêm là trong trường hợp bị lộ chúng tôi phải bỏ xuồng, đi ngược dòng kênh cho đến khoảng bụi rậm không ngập nước, rồi cứ dùng địa bàn nhắm thẳng hướng bắc mà đi mãi. Có rất nhiều khả năng chúng tôi sẽ gặp, sau hai ba ngày đi bộ, khu trại chết người gọi là "Charvein". Đến đó thì phải thuê tiền một người nào về báo cho Jésus biết là chúng tồi đang ở đâu..

Hai người tù khổ sai mãn hạn đã bỏ đi. Chỉ mấy phút sau, chiếc thuyền độc mộc của họ đã khuất hẳn, không còn nghe thấy gì, trông thấy gì nữa. ánh sáng ban ngày lọt vào rừng rậm theo một cách thức thật là đặc biệt. Người ta có cảm tưởng như mình đang đứng dưới những cái mái vòm che ánh sáng và không để lọt một tia nào xuống phía dưới. Trời bắt đầu nóng bức. Lúc bấy giờ chúng tôi mới chợt nhận ra rằng chỉ còn ba đứa chúng tôi, Maturette, Clousiot và tôi ở lại với nhau mà thôi chứ không còn ai khác nữa. Phản xạ trước tiên: chúng tôi nhìn nhau cười lớn - công chuyện vừa qua cứ chạy êm ru như có lắp ổ bi. Chỉ có một chuyện hơi phiền là cái chân của Clousiot. Nhưng bản thân anh ta thì cứ nói rằng bây giờ đã buộc nẹp rồi thì mọi sự đều ổn. Có thể đun nước pha cà-phê ngay. Thế là chúng tôi nhen bếp lên, và một lát sau mỗi đứa uống một ca cà phê đen bỏ đường thô. Ngon

tuyệt. Từ tối hôm qua chúng tôi đã tiêu phí nhiều năng lượng đến nỗi bây giờ không sao có đủ can đảm soát lại đồ đạc hay xem xét chiếc thuyền. Để sau rồi hẵng hay. Bây giờ chúng tôi đã được tự do, tự do, Tự DO! Kể từ khi chúng tôi đến trại khổ sai cho đến hôm nay là đúng ba mươi bảy ngày. Nếu chuyến vượt ngục này thành công, cái án chung thân của tôi chẳng lấy gì làm dài hạn. Tôi nói: "Thưa ngài chánh án, án chung thân ở Pháp chừng bao lâu thì mãn hạn ạ?" Rồi cười phá lên. Maturette cũng vậy, vì cậu ta cũng bị án chung thân. Clousiot nói: "Chúng mình khoan hẵng ca khúc khải hoàn. Xứ Colombia còn xa lắm, mà cái thuyền làm bằng một thân cây thui lửa này tôi trông khó lòng đi biển được". Tôi lặng thinh không đáp, vì tôi, nói thật ra, mãi cho đến phút cuối tôi vẫn cứ tưởng rằng chiếc thuyền này chỉ là một cái xuồng độc mộc dùng để đưa chúng tôi đến nơi dấu chiếc thuyền đi biển thực sự. Khi thấy rõ mình nhầm, tôi không dám nói gì, sợ ảnh hưởng đến các bạn ngay từ bước đầu. Mặt khác, vì thấy Jésus có vẻ như coi việc dùng một chiếc thuyền như thế này để vượt bể là điều hoàn toàn tự nhiên, tôi không muốn làm cho mọi người có cảm giác là mình không thông thạo về những thứ thuyền thường vẫn dùng dể vượt ngục.

Chúng tôi đã qua cái ngày đầu tiên này để nói chuyện và để tiếp xúc với cái môi trường lạ này: rừng rậm. Lũ khỉ và những loài sóc nhỏ nhào lộn trên đầu chúng tôi. Một đàn bakir (một giống

heo rừng nhỏ) đến uống nước và ngụp lặn. Dễ đến hai ngàn con là ít. Chúng ùa vào vịnh bơi lội tứ tung, giật đứt những rễ cây rũ lòng thòng trên mặt nước. Một con cá sấu cai-man không biết từ đâu xông ra ngoạm chân một con heo bakir: con này ré lên thất thanh, thế là cả bầy heo xông vào con cá sấu, trèo cả lên lưng nó, tìm cách cắn vào mép nó. Mỗi lần con cá sấu quẫy đuôi là một con heo văng ra, quay tít mấy vòng rồi mới rơi xuống. Một con bị đuôi cá sấu quật vỡ đầu nổi lềnh bềnh, bụng ngửa lên trên. Lũ đồng loại lập tức xúm lại ăn thịt nó.

Cái vịnh đỏ ngầu những máu. Cảnh này diễn ra trong khoảng hai mươi phút. Con cá sấu lặn đi đâu mất, không thấy trở lại nữa.

Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ rất ngon, và đến sáng lại pha cà-phê: Tôi cởi bỏ cái áo va-rơi để tắm rửa bằng bánh xà-bông Marseille tìm thấy trong thuyền. Maturette dùng con dao mổ của tôi cạo râu cho tôi một cách grosso modo* (*đại khái -tiếng La-tinh thường dùng trong sách vở, ở đây dùng có ý hài hước), rồi cạo cho Clousiot, còn bản thân cậu ta thì không có râu. Khi tôi cầm chiếc va-rơi lên định mặc vào thì thấy rơi ra một con nhện to tướng, mình mẩy lông lá, màu đen tím, hãy còn dính vào áo bằng một sợi tơ. Lông con nhện rất dài, ở đầu mút như có một hòn bi nhỏ màu bạch kim. Nó nặng đến năm trăm gam là ít, trông nó to đùng. Tôi thấy tởm quá, liền dẫm cho nó chết ngay. Chúng tôi đã lấy tất cả các thứ trong lòng thuyền ra, kể cả cái thùng ton-nô

nhỏ đựng nước. Nước trong thừng màu tím, chắc là Jésus, muốn cho nước khỏi thối, đã cho quá nhiều thuốc tím vào đấy. Trong mấy cái chai đậy nút rất kỹ có đựng diêm và vỏ quẹt. Cái địa bàn chỉ là thứ địa bàn của học trò cơn nít; nó chỉ cho Nam, Bắc, Đông, Tây, không có đường ghi độ: Cột buồm chỉ cao được hai mét rưỡi, thành thử chúng tôi lấy mấy cái bao bột khâu buồm thành hình thang, bên rìa có đính một sợi dây cho thêm chắc. Tôi làm một tấm buồm foc hình tam giác cân, sẽ lắp ở mũi thuyền cho nó dễ nhấc bổng lên mỗi khi có đợt sóng ngược chiều.
Khi chúng tôi cắm cột buồm, tôi nhận thấy đáy thuyền không chắc: cái lỗ tròn để đút cột buồm vào mòn lở hết. Khi vặn mấy cái vòng có trục xoắn ốc xuống gỗ để lắp bản lề bánh lái, trục sắt cứ lún tuột vào gỗ như thể cắm vào bơ. Chiếc thuyền này mục quá rồi. Cái thằng Jésus khốn kiếp ấy nó đưa chúng tôi vào chỗ chết. Tôi miễn cưỡng chỉ cho hai bạn thấy rõ điều này: tôi không có quyền giấu họ. Biết làm thế nào bây giờ? Khi nào Jésuss đến chúng tôi sẽ bắt hắn tìm một cái thuyền chắc chắn hơn. Muốn thế, chúng tôi sẽ tước khí giới hắn, và tôi sẽ thủ con dao và cầm cây rìu cùng đi với hắn vào làng để kiếm một cái thuyền khác. Làm như thế rất nguy hiểm, nhưng vẫn không nguy hiểm bằng ra khơi trên cái thứ quan tài kia. Lương thực thì như thế cũng đủ: có một bi-đông dầu ăn và mấy hộp bột sắn lớn. Với từng ấy thứ có thể đi xa được. Sáng hôm ấy chúng tôi chứng kiến một cảnh

khá ngộ nghĩnh: một bầy khỉ mặt xám đánh nhau với một bầy khỉ mặt đen lông xù. Trong cuộc ẩu đả này chúng đã ném xuống một khúc cành cây rơi trúng đầu Maturette, làm nổi lên một cục u to bằng quả ổi. Chúng tôi ở lại chỗ này đã được năm ngày và bốn đêm. Đêm hôm nay mưa như trút. Chúng tôi che thân bằng những tàu lá chuối dại. Nước chảy như suối trên mặt lá trơn, nhưng chúng tôi chẳng bị ướt chỗ nào trừ hai chân. Sáng hôm sau ngồi uống cà-phê tôi nghĩ mà thấy ghê người vì sự bất lương của thằng Jésus: đây là một tội ác đáng ghê tởm. Hắn đã lợi dụng sự thiếu kinh nghiệm của chúng tôi để thay cho chúng tôi cái xuồng mục ruỗng này! Để bớt lại năm trăm hay một ngàn quan, hắn đã đành tâm đưa ba con người tới chỗ chết chắc chắn. Tôi cứ tự hỏi xem sau khi đã bắt hắn đổi được chiếc thuyền khác liệu tôi có tự kiềm chế được để đừng giết hắn hay không.

Chợt những tiếng chim gì kêu the thé làm náo động cả cái thế giới nhỏ của chúng tôi, nhưng tiếng kêu lảnh lót, chói chang đến nỗi tôi phải bảo Maturette lấy con dao phát đi xem thử. Năm phút sau cậu ta quay về và ra hiệu cho tôi. Tôi liền đi theo. Chúng tôi đi đến một nơi cách chỗ để thuyền khoảng trăm rưỡi mét: tôi nhìn thấy một con chim trĩ hay gà lôi gì đấy treo lủng lẳng trên không. Chân nó bị mắc vào một sợi thòng lọng buộc trên cành cây. Bằng một nhát dao phát, tôi chặt đầu nó để chấm dứt những tiếng kêu ghê người của nó. Tôi nhấc thử trên tay: dễ

phải đến năm ki-lô là ít. Chân nó có cựa như chân gà. Chúng tôi quyết định đem nó về làm thịt ăn, nhưng lại chợt nghĩ ra rằng cái dây thòng lọng ắt phải có người treo lên, và chắc quanh đây còn có nhiều dây thòng lọng khác nữa. Thừ tìm xem đã. Chúng tôi quay trở lại chỗ kia thì thấy một hiện tượng rất lạ: cách vịnh khoảng mười mét có cả một dãy rào đan bằng lá và dây leo cao ba mươi phân chạy dài song song với bờ vịnh. Cứ cách một quãng lại có một chỗ để ngỏ, và ở mỗi chỗ như thế lại có một sợi dây thòng lọng bằng thau ngụy trang bằng những nhánh cây, một đầu buộc vào một cái cành cây chĩa đôi. Tôi hiểu ngay ra rằng con chim từ phía vịnh đi vào tất phải vấp vào dãy rào và phải đi dọc rào để tìm lối vào. Gặp chỗ hở, nó liền đi qua, nhưng chân nó vướng vào sợi dây làm cho cành cây bật lên. Thế là con chim bị treo ngược trên cành cho đến khi chủ nhân mấy cái bẫy đến bắt nó về.

Cuộc phát hiện này làm cho chúng tôi rất lo. Dãy rào có vẻ được trông nom khá tốt, hẳn không phải là rào cũ, và nếu thế thì chúng tôi có nguy cơ bị người làm rào phát hiện. Ban ngày không thể đốt lửa lên được, nhưng ban đêm thì người kia chắc không đến đây làm gì Chúng tôi cắt phiên nhau gác để đề phòng phía dãy rào có đặt bẫy. Chiếc thuyền được giấu dưới một lớp cành cây và bao nhiêu đồ đạc, lương thực đều được đưa vào rừng rậm giấu hết.

Hôm sau phiên gác của tôi trúng vào khoảng mười giờ. Tối hôm qua chúng tôi vừa ăn com chim trĩ hay con gà lôi gì đấy, chúng tôi cũng chẳng biết nữa. Nồi nước suýt thật là béo bổ, và thịt con chim, tuy chỉ luộc lên thôi, mà ngon tuyệt vời. Mỗi đứa ăn đến hai cà-mèn. Tôi đứng gác nhưng vì mải mê nhìn đàn kiến sắn lớn màu đen đứng tha mỗi con một dúm mảnh lá lớn về một cái tổ kiến khổng lồ, tôi quên cả gác. Mấy con kiến này dài khoảng một phân rưỡi, chân rất cao.

Mỗi con tha mấy mảnh lá rất lớn. Tôi đi theo chúng đến tận chỗ cái cây chúng đang lột lá, và được thấy cả một tổ chức có qui củ. Trước hết có những con kiến chuyên cắt lá thành từng mảnh. Chúng nó xén một tàu lá to thuộc loại chuối rừng thành từng mảnh kích thước rất đều nhau một cách hết sức khéo léo rồi thả rơi xuống đất. ở phía dưới có một hàng kiến cùng giống với bọn kia nhưng hời khác một chút: bên cạnh hàm chúng cớ một cái vạch màu xám. Mấy con kiến này đứng thành hình bán nguyệt, giám sát bọn kiến tha lá. Bọn này từ bên phải nối đuôi nhau kéo đến chỗ nhận các mảnh lá rồi đi về phía trái, phía tổ kiến. Chúng nó nhanh nhẹn lĩnh phần mình rồi đi vào hàng, nhưng thỉnh thoảng có những con hấp tấp trong khi nhận phần hay xếp hàng gây thành tình trạng nghẽn lối. Lúc bấy giờ mấy con kiến cảnh sát xông vào can thiệp và đẩy từng con vào đúng chỗ của nó. Có một con kiến thợ, không hiểu đã phạm một lỗi gì nặng mà

bị lôi ra khỏi hàng, và hai con kiến cảnh binh, con thì cắt đứt đầu nó ra, con thì cắt người nó ra làm hai mảnh ở chỗ ngang thắt lưng. Hai con kiến thợ bị bọn kiến cảnh sát chặn lại, chúng đặt chỗ lá đang khiêng xuống, đào một cái lỗ, và ba cái mảnh của con kiến bị xử tử: đầu ngực và bụng, bị vùi xuống lỗ và đắp đất lên.

Đảo bồ câu

Tôi đang mải mê đứng ngắm cái thế giới tí hon này và theo dõi mấy con kiến cảnh binh xem thử sự giám sát của chúng có đến tận sát cửa vào tổ kiến hay không, thì bỗng có tiếng người nói:

- Không được động đậy. Hễ nhúc nhích là chết ngay... Quay lại!

Đó là một người cởi trần, mặc quần soọc ka ki, chân đi một đôi ủng da màu đỏ, tay cầm một khẩu súng hai nòng. Người ấy tầm vóc trung bình, to ngang, nước da cháy nắng. Đầu hắn hói trán, quanh hai mắt và ở vùng mũi xăm chàm rất đậm, làm thành một cái mặt nạ vẽ. Ngay giữa trán có xăm hình con dán.

- Anh có vũ khí không?

- Không.

- Anh có một mình à?

- Không.

- Các anh có mấy người?

- Ba.

- Anh đưa tôi đến chỗ các bạn anh đi.
- Không được, vì một trong hai người có một khẩu mousqueton, và tôi không muốn anh bị bắn chết trước khi biết ý định của anh.
- à! Vậy thì anh phải đứng yên và nói khe khẽ một phút. Các anh chính là ba tù nhân vừa trốn khỏi bệnh viện phải không?
- Vâng.
- Ai là Bươm bướm?
- Tôi đây.
- à thế thì anh có thể coi như anh đã gây ra cả một cuộc cách mạng ở trong làng với cuộc vượt ngục của anh! Một nửa số phạm nhân mãn hạn đã bị bắt giải về sở hiến binh.
Hắn bước lại gần tôi, nòng súng chĩa thấp xuống đất chìa tay ra cho tôi bắt và nói:
Tôi là Le Breton Mặt nạ. Anh đã từng nghe nói về tôi chưa?
- Chưa, nhưng tôi thấy rõ anh không phải là kẻ săn người.
- Đúng đấy. Tôi đặt bẫy ở đây để bắt chim hocco. Hổ ăn mất cửa tôi một con rồi... nhưng cũng có thể là các anh.
- Chúng tôi ăn đấy.
- Anh uống cà-phê nhá?
Trong cái xắc hắn đeo sau lưng có một cái bình thủy. Hắn rót ra cho tôi một ít cà phê, và bản thân cũng uống một ít. Tôi nói:
- Đến gặp các bạn tôi đi.
Hắn đến, và ngồi xuống với chúng tôi. Hắn cười khe khẽ một

mình về câu chuyện khẩu mousqueton mà ban nãy tôi đã bịa ra để lòe hắn. Hắn nói:

- Thế mà ban nãy tôi tưởng thật, vì không có một tên săn người nào chịu nhận đi tìm các anh: ai nấy đều biết rằng các anh có mang theo một khẩu mousqueton.

Le Breton Mặt nạ giảng giải cho chúng tôi biết rằng anh ta đã ở Guyane được hai mươi năm và đã ra khỏi tù được năm năm nay. Anh ta bốn mươi lăm tuổi. Vì đã lỡ dại dột xăm hình lên mặt, anh ta không nghĩ đến chuyện về Pháp nữa. Anh ta rất mê rừng và toàn sống nhờ vào rừng: da rắn, da hổ, sưu tầm bươm bướm, và nhất là bắt chim hocco - con chim mà chúng tôi vừa ăn. Anh ta kể cho chúng tôi nghe như sau:

- Đây là một giống chim hoang dã thuộc loại gà rừng. Dĩ nhiên nó chưa bao giờ tiếp xúc với gà nhà hay với người. Tôi đặt bẫy bắt sống giống chim này, đem vào làng và bán cho người nào có chuồng gà, vì đây là giống chim rất được ưa chuộng. Còn phải nói. Chẳng cần vặt lông cánh, chẳng cần làm gì, cứ thế đến sâm sẩm tối cho nó vào chuồng gà, đến sáng mở cửa chuồng là nó ra đứng trước cửa có vẻ như đang đếm số gà trống và gà mái đang ra chuồng. Nó đi theo đàn gà, và cũng ăn như gà, nhưng vừa ăn vừa đưa mắt nhìn kỹ bốn phía mười phương, quan sát cả các bụi rậm ở xung quanh.

Đó là một con chó giữ gia cầm không có gì sánh kịp. Đến tối nó

về đứng ở cửa chuồng gà, và không thể hiểu nó làm thế nào mà biết được còn thiếu con nào, chỉ biết là nó biết, và lập tức đi tìm. Dù gà trống hay gà mái, hễ tìm ra là nó mổ rõ đau vào để dạy cho chú gà kia biết giờ biết giấc. Nó giết chuột đồng, rắn, nhện, rết, bọ cạp, và hễ thoáng có bóng một con diều hâu xuất hiện trên nền trời là nó lùa cả đàn gà vào đám cỏ rậm trong khi bản thân nó đứng ra đối địch với kẻ thù. Đã đem nó về là nó không rời chuồng gà bỏ đi nữa.

Một con chim lạ lùng như thế mà chúng tôi đã luộc ăn như một con gà tầm thường.

Le Breton Mặt nạ cho chúng tôi biết rằng Jésus, l; Enflé và khoảng ba chục cựu phạm nhân hiện đang bị giam ở sở cảnh binh Saint-Laurent; ở đấy họ đến xem các tù nhân mãn hạn, xem thử có nhận ra một người nào đã từng rình mò xung quanh tòa nhà mà chúng tôi đã ở trước khi trốn đi không. Thằng "giữ chìa khóa" người A-rập thì bị nhốt xà-lim ở sở cảnh binh. Hắn bị giam cách ly, vì họ nghi là hắn đồng lõa với chúng tôi. Hai cú chân giường sắt đã làm cho hắn ngất đi nhưng không để lại chút thương tích nào, còn bọn cảnh sát thì chỉ bị sưng đầu nhẹ. "Còn tôi thì cảnh sát không động đến, vì ai cũng biết tôi không bao giờ nhúng tay vào các vụ vượt ngục" Le Breton nói với chúng tôi rằng Jésus là một thằng rất khốn nạn. Khi tôi nói tới chiếc xuồng, anh ta đòi xem. Vừa trông thấy nó anh ta đã kêu lên:

- Nó thí mạng các anh còn gì. Cái xuồng này sẽ không bao giờ nổi lấy được một tiếng đồng hồ trên mặt biển. Hễ gặp phải một ngọn sóng hơi mạnh một chút, khi dập xuống nó sẽ vỡ ra làm đôi ngay. Chớ có đi chiếc xuồng này: chẳng khác gì tự sát.
- Thế thì biết làm cách nào bây giờ?
- Anh có tiền không?
- Có
- Bây giờ tôi nói cho anh biết rõ phải làm gì, hơn nữa, tôi sẽ giúp anh: anh xứng đáng được giúp đỡ. Tôi sẽ giúp không thôi, sao cho anh và các bạn anh thành công. Vì bất cứ lý do gì các anh cũng không được đến gần làng. Muốn có được một cái thuyền tốt, phải đến đảo Bồ câu. Trên đảo này có gần hai trăm người hủi. ở đây không có giám thị, và không bao giờ có một người nào lành mạnh đến đấy, kể cả thầy thuốc. Cứ mỗi ngày vào lúc tám giờ, một chiếc xuồng đưa lương thực đến cho người trên đảo đủ dùng trong hai mươi bốn tiếng, toàn đồ ăn sống. Viên y tá bệnh viện nhà lao giao một thùng thuốc cho hai viên y tá của đảo (đều mắc bệnh hủi), chuyên chăm sóc bệnh nhân trên đảo. Không có một ai, dù là cảnh sát, linh mục hay bọn săn người, đặt chân lên đảo. Những người hủi sống trong mấy túp nhà tranh nhỏ do chính họ dựng lên. Họ có một căn nhà chung để hội họp. Họ nuôi gà vịt để cải thiện bữa ăn hàng ngày. Họ không được công khai bán bất cứ thứ gì, nhưng họ vẫn bí mật giao dịch mua

bán với Saint-Laurent, Saint-Jean và với dân Tàu ở Guyane thuộc Hà-lan, ở Albina. Họ đều là những kẻ sát nhân thuộc loại nguy hiểm. Rất ít khi họ giết lẫn nhau, nhưng họ rất hay bí mật ra khỏi đảo, phạm một tội ác rồi sau đó lại trở về ẩn náu trên đảo. Để thực hiện những chuyến đi ấy, họ có một số thuyền lấy trộm được của dân làng bên. ở đảo này, tội nặng nhất là có một chiếc thuyền. Cảnh sát được lệnh bắn vào bất cứ thuyền nào đi vào đảo Bồ câu hay ra khỏi đảo. Vì vậy bọn hủi nhận chìm thuyền của họ xuống nước và lấy đá chặn cho thuyền khỏi nổi lên. Mỗi khi cần đến thuyền, họ lặn xuống nước bỏ đá ra, thế là thuyền lại nổi lên. Trên đảo có đủ các giống người, từ khắp các miền của nước Pháp.

Kết luận: cái xuồng của anh chỉ có thể dùng trên sông Maroni mà thôi, mà với điều kiện là không chở nặng quá! Muốn ra biển phải kiếm một chiếc thuyền khác và cách tốt nhất là đến đảo Bồ câu mà tìm.

- Làm thế nào để đến đấy?

- Đây. Tôi sẽ cùng đi với anh trên sông cho đến khi trông thấy đảo. Nếu đi một mình, anh sẽ không tìm ra hoặc có thể nhầm sang đảo khác. Đảo này cách cửa sông một trăm năm mươi cây số. Vậy phải quay trở lại phía sau. Nó ở phía trên Saint - Laurent đến năm mươi cây số. Tôi sẽ đưa anh đến thật gần đảo, sau đó tôi sẽ chuyển sang xuồng của tôi (ta sẽ kéo nó theo) và một mình

anh sẽ hành động trên đảo.

- Tại sao anh không lên đảo với chúng tôi?

- Trời ơi, - Le Breton nói. - Tôi đặt chân lên bến ván của họ có một lần (cái bến ván này là nơi ghé chính thức của thuyền Ban quản trị). Hồi đó là giữa ban ngày, thế mà những điều tôi trông thấy đã đủ cho tôi ngán lắm rồi. Anh tha thứ cho tôi, Papi ạ, nhưng cho tới chết tôi sẽ không bao giờ còn đặt chân lên đảo này nữa. Vả chăng tôi sẽ không khắc phục nổi cái cảm giác ghê tởm khi đứng gần họ, khi phải nói chuyện, phải thương lượng với họ. Như vậy tôi sẽ có hại hơn là có lợi cho anh.

- Bao giờ thì đi?

- Sâm sẩm tối thì đi.

- Thế bây giờ là mấy giờ rồi, Breton?

- Ba giờ.

- Được thế thì tôi ngủ một lát.

- Không được đâu, anh phải thu xếp chở hết đồ đạc lên xuồng.

- ồ, không, tôi sẽ đi xuồng không, sau đó sẽ quay về đón Clousiot. Clousiot sẽ ở lại đây trông đồ.

- Không thể được, không bao giờ anh có thể tìm lại chỗ này, ngay giữa ban ngày cũng vậy. Mà ban ngày thì anh tuyệt nhiên không được có mặt trên sông. Cuộc lùng bắt các anh chưa chấm dứt đâu. Vùng sông vẫn còn nguy hiểm lắm.

Chiều xuống. Le Breton đi tìm cái xuồng độc mộc của anh.

Chúng tôi buộc nó vào phía sau thuyền của chúng tôi. Clousiot ngồi cạnh Le Breton đang cầm chèo lái Maturette ngồi giữa, tôi ngồi phía trước. Thuyền ra khỏi vịnh một cách khó khăn, và khi ra đến sông thì trời đã sắp tối. Một vầng thái dương khổng lồ màu đỏ huyết dụ làm bùng lên một đám cháy ở chân trời phía biển. Muôn vàn tia lửa của một trận pháo hoa vĩ đại đang thi nhau bùng lên, như thể những tia đỏ đang cố sao cho đỏ hơn những tia đỏ khác, những tia vàng đang cố sao cho vàng hơn những tia vàng khác, và ở những vùng các màu sắc pha trộn vào nhau thì cố sao kết hợp được thật nhiều màu sắc. Có thể trông rõ ở phía trước, cách chúng tôi hai mươi cây số, cái cửa bể của con sông oai nghiêm đang đổ ra đại dương trong những đợt sóng màu hồng chen ánh bạc lấp lánh.

Le Breton nói: "Giờ nước ròng sắp hết. Chỉ một tiếng đồng hồ nữa sẽ thấy nước triều lên: ta sẽ lợi dụng nó để đi ngược sông Maroni, và đi như thế chẳng cần chèo chống gì nhiều, rất chóng đến nơi".

Đêm tối đổ sập xuống một cách đột ngột.

- Đi thôi, - Le Breton nói. - Chèo cho mạnh để ra giữa sông. Đừng hút thuốc nữa. Mấy mái chèo vục xuống nước, và chúng tôi cắt ngang dòng đi khá nhanh. Tôi và Le Breton phối hợp rất ăn nhịp với nhau, mái chèo cắt nước đều đặn. Maturette đem hết sức bình sinh ra chèo. Càng ra giữa dòng càng cảm thấy rõ thủy

triều đang đẩy thuyền lao mạnh về phía trước. Thuyền lướt đi vun vút, cứ nửa giờ một lại cảm thấy thủy triều lên mạnh hơn. Sáu giờ sau, chúng tôi đã đến rất gần đảo. Thuyền lao thẳng vào đấy: một cái vệt lớn gần đúng giữa dòng sông, chi hơi chếch về bên phải một chút. "Đây rồi" - giọng Le Breton nói khẽ. Đêm không tối lắm, nhưng chắc đứng hơi xa không sao thấy được chúng tôi, vì làn sương mù bay là là trên mặt sông. Chúng tôi đã đến sát đảo. Khi đã phân biệt được rõ hơn những đường nét của giải bờ đá, Le Breton bước sang chiếc thuyền độc mộc của anh ta, nhanh nhẹn cởi dây buộc và nói khẽ một câu: "Chúc các bạn may mắn!".

- Cám ơn nhé.

- Không có gì.

Chiếc thuyền của chúng tôi, không được Le Breton điều khiển nữa, bị dòng nước đẩy ngang vào bờ đảo. Tôi cố lái cho nó đi thẳng trở lại, nhưng không có kết quả cho lắm, và vẫn bị dòng nước đẩy mạnh, chiếc thuyền đâm cheo chéo vào những khóm lá rũ trên mặt nước. Thuyền xô vào bờ rất mạnh, mặc dầu tôi đã dùng chèo cố hãm lại, đến nỗi giá đây không phải là một lùm cây mà là một tảng đá, thì chiếc thuyền đã vỡ tan ra rồi, và thế là đi tong các thứ đồ dùng và lương thực, v. v. Maturette nhảy xuống nước, kéo chiếc thuyền vào, thế là chúng tôi chui vào phía dưới một lùm cây rất to. Cậu ta lại kéo nữa, và chúng tôi đã buộc được

thuyền vào một cành cây. Chúng tôi uống mỗi người mấy ngụm rượu rhum, và tôi leo lên bờ một mình, để hai bạn tôi ngồi lại dưới thuyền..

Tay cầm địa bàn, tôi bước đi sau khi đã làm gãy mấy cành cây và móc vào nơi này nơi nọ những miếng vải bao bột mà tôi đã xé sẵn ra trước khi lên đường. Đi được một lát, tôi thấy có ánh đèn lập lòe phía trước và chợt nghe thấy những tiếng người nói. Trước mặt tôi có ba nếp nhà tranh. Tôi bước về phía đó. Vì tôi không biết mình sẽ trình diện với những người ở trên đảo ra sao, tôi quyết định để cho họ phát hiện tôi trước. Tôi đánh một que diêm. Khi ánh lửa lóe lên, một con chó nhỏ vừa sủa vừa xông vào tôi. Nó cứ chồm chồm chỉ chực cắn vào chân tôi. Mong sao nó đừng mắc bệnh hủi" - tôi thoáng nghĩ. Ngu quá, chó có bao giờ lại mắc bệnh hủi!

- Ai đấy? Ai? Cậu đấy hả Marcel?

- Tôi là một người vượt ngục.

- Anh đến đây làm cái gì? Để ăn trộm hẳn? Anh tưởng chúng tôi có của thừa chắc?

- Tôi cần được giúp đỡ.

- Giúp không hay có trả tiền?

- Mày có câm mồm đi không, thằng Chouette kia?

Bốn bóng người từ trong mấy nếp nhà tranh đi ra.

- Đi tới từ từ anh bạn! Tôi cuộc rằng anh chính là người có khẩu

mousqueton. Nếu anh có mang theo, anh cứ để xuống đất đi, ở đây anh không sợ gì hết.

- Vâng, chính tôi, nhưng khẩu mousqueton thì tôi không mang theo.

Tôi bước tới sát họ. Trời tối quá tôi không phân biệt được nét mặt mấy người ấy. Tôi giơ tay ra một cách ngu xuẩn. Không ai bắt lấy bàn tay tôi. Tôi hiểu ra, một cách hơi muộn màng, rằng bắt tay là một cử chỉ không bao giờ có ở đây: họ không muốn làm cho tôi nhiễm bệnh.

- Vào nhà đi, - La Chouette nói.

Túp lều tranh sáng mờ mờ dưới ánh một cây đèn dầu đặt trên bàn.

- Ngồi xuống đi.

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế rơm không có lưng tựa. La Chouette thắp thêm ba cây đèn dầu nữa và đem một cây đặt lên cái bàn ngay trước mặt tôi. Ngọn khói bốc lên từ cái bấc đèn dầu dừa tỏa ra một thứ mùi ngửi mà buồn nôn. Tôi ngồi, còn năm người kia đứng, tôi không trông rõ mặt họ. còn mặt tôi thì vừa ngang tầm ánh đèn, chắc họ trông rất rõ: hẳn là họ có chủ ý để ánh sáng như vậy. Giọng nói ban nãy đã mắng bảo La Chouette câm mồm bây giờ lại nói:

- L'anguille, cậu sang bên nhà chung hỏi xem bên ấy có muốn chúng ta đưa anh này sang không. Toussaint trả lời ra sao về đây

báo ngay, nhất là trong trường hợp Toussaint đồng ý. ở đây chúng tôi không có gì để mời anh uống đâu anh bạn ạ, trừ khi anh vui lòng nuốt trứng sống.

Hắn đặt trước mặt tôi một cái giỏ đan đựng đầy trứng.

- Cám ơn, tôi không cần đâu.

Bên tay phải, rất gần chỗ tôi, một người trong bọn họ ngồi xuống, và lần đầu tiên tôi trông thấy bộ mặt của một người hủi. Thật là gớm ghiếc. Tôi phải cố gắng lắm mới không ngoảnh mặt đi và không để lộ cái cảm giác ghê tởm ra ngoài. Cái mũi đã bị ăn mòn hết cả thịt lẫn xương, ở chính giữa mặt chỉ thấy một cái lỗ lớn. Tôi nói là một cái lỗ, chứ không phải hai đâu, nó to bằng một đồng tiền hai francs. Cái môi dưới về phía bên phải cũng bị ăn sứt, để lộ ba cái răng tróc nếu, rất dài đều vàng khè, cắm thẳng vào xương hàm trên đã tróc hết thịt. Hắn chỉ còn một tai. Hắn đặt một bàn tay băng bó lên bàn: đó là bàn tay phải. Bằng hai ngón tay cuối cùng còn lại trên bàn tay phải, hắn cầm một điếu xì gà to và dài, chắc chắn là do hắn quấn lấy bằng một tấm lá thuốc chưa khô hẳn, vì điếu xì-gà có màu tai tái. Chỉ còn con mắt bên trái của hắn là con mi, mắt bên phải không nhắm lại được, và một vết loét dài và sâu từ mắt phải chạy lên trán rồi mất hút trong mớ tóc hoa râm bù xù.

Bằng một giọng khản đặc, hắn nói với tôi:

- Chúng tôi sẽ giúp anh, anh bạn ạ. Chứ không thì rồi dần dà anh

sẽ có đủ thì giờ để trở thành như tôi: điều đó tôi chẳng muốn.
- Cám ơn.
Tôi tên là Jean sans Peur, tôi là dân ngoại ô. Khi tôi bước chân đến trại khổ sai, tôi còn đẹp hơn, lành mạnh hơn, khỏe hơn anh. Trong mười năm, tôi đã hóa ra thế này.
- Họ không chữa cho anh sao?
- Có chứ. Từ khi tôi tiêm dầu choumogra cho đến nay thì thấy có đỡ. "Đây anh xem". Hắn quay nghiêng đầu cho tôi xem mé bên trái: - Bên này đang khô dần. Một niềm thương xót vô hạn tràn ngập lòng tôi, và tôi giơ tay ra toan sờ vào má bên trái của hắn để bày tỏ niềm thông cảm. Nhưng hắn đã né người ra phía sau, nói:
- Cám ơn anh đã có lòng muốn chạm vào tôi. Nhưng tôi phải khuyên anh là đừng bao giờ chạm vào một người bệnh, mà cũng đừng bao giờ ăn hay uống vào một cái cà-mèn của họ.
Trước sau tôi chỉ một lần trông thấy mặt một người hủi - người duy nhất đã có đủ can đảm chịu để cho tôi nhìn thẳng vào mặt.
- Hắn ta đâu? - Trên ngưỡng cửa hiện ra một bóng người thấp tịt, gần như một người lùn.
- Toussaint và mấy tay kia muốn gặp hắn. Đưa hắn tới trung tâm đi.
Jean sans Peur đứng dậy, nói với tôi:
- Đi theo tôi.
Chúng tôi cùng đi cả ra ngoài trong đêm tối, bốn năm người đi

phía trước, Jean sans Peur đi bên cạnh tôi, mấy người nữa đi phía sau. Ba phút sau, khi chúng tôi đi đến một cái nền rộng đắp cao lên, ánh trăng mờ mờ soi lên cái thứ quảng trường này. Đó là chỗ cao nhất trên đảo. ở chính giữa có một ngôi nhà. Một ít ánh sáng lọt qua hai khung cửa sổ. Khoảng hai mươi người đứng trước cửa chờ chúng tôi. Chúng tôi bước tới. Vào đến cửa, họ xê ra hai bên cho chúng tôi vào nhà. Đó là mọt gian phòng hình chữ nhật chiều dài khoảng mười mét, chiều rộng bốn mét, có một thứ lò sưởi củi gỗ đang cháy, bốn góc có đặt bốn tảng đá lớn cao ngang nhau. Gian phòng được chiếu sáng bằng hai cây đèn bão lớn thắp dầu hỏa. Ngồi trên một chiếc ghế đẩu là một người không có tuổi, mặt trắng bệch, mắt đen. Sau lưng hắn có năm sáu người ngồi trên một chiếc ghế dài.

Hắn nói với tôi:

- Tôi là Toussaint le Corse, còn anh là Papillon?

- Vâng.

- ở trại khổ sai tin tức đi rất nhanh, cũng nhanh ngang những hành động của anh. Khẩu mousqueton của anh để đâu?

- Chúng tôi ném xuống sông rồi.

- ở chỗ nào? '

Ngay trước bức tường bệnh viện, đúng ở chỗ chúng tôi leo qua tường.

- Thế thì có thể tìm lại được chứ?

- Tôi nghĩ là có thể, vì nước chỗ ấy không sâu.

Sao anh biết?

- Vì chúng tôi phải lội xuống nước để khiêng anh bạn của chúng tôi bị thương đưa lên thuyền.

- Hắn ta bị thương thế nào?

- Gãy một chân.

- Anh đã làm gì cho hắn chưa?

- Tôi đã buộc nẹp cho anh ta.

- Hắn có đau không?

- Có

- Bây giờ hắn đâu?

- Dưới xuồng ấy.

- Anh bảo là anh đến đây vì cần được giúp đỡ: vậy anh cần thứ gì?

- Một chiếc thuyền.

- Anh cần chúng tôi giúp anh một chiếc thuyền?

- Vâng. Chúng tôi có tiền để trả.

- Được Tôi sẽ bán cho anh chiếc thuyền của tôi. Nó là thứ tuyệt hảo, và hãy còn mới toanh. Tôi vừa mới lấy trộm được tuần trước ở Albina. Đó không phải là một cái thuyền, đó là một chiếc tàu viễn dương. Chỉ thiếu có một cái: đó là cái trụ đáy. Trong hai tiếng đồng hồ bọn tôi sẽ lắp cho anh một cái trụ đáy tươm tất. Còn thì cái gì cũng có sẵn: bánh lái có cả tay lái đầy đủ, cột

buồm cao bốn mét bằng gỗ lim và một lá buồm bằng vải lanh mới tinh khôi. Anh trả tôi bao nhiêu?

- Anh cứ nói giá đi! Tôi không biết giá cả ở đây.

- Ba ngàn francs nếu anh có đủ tiền trả, còn nếu không đủ thì anh quay về tìm khẩu mousqueton đi rồi tối mai đem đến đây mà đổi lấy thuyền.

- Không, tôi sẽ trả tiền.

- Được rồi. Xong phắt. La Puce, dọn cà-phê!

La Puce tức là cái người lùn tịt ban nay đã sang bên kia tìm tôi. Hắn đến cạnh một tấm ván đóng vào tường phía trên lò sưởi, lấy một cái cà-mèn mới tinh đã được lau chùi bóng lộn lên, rồi lấy một cái chai đựng cà phê rót vào đấy và bắc bên bếp lửa. Một lát sau hắn bỏ cà-mèn xuống, rót cà-phê ra mấy cái ca đề cạnh bốn tảng đá. Toussaint cúi người cầm lấy và chuyển cho mấy người ngồi sau lưng hắn. La Puce cầm cái cà-mèn đưa cho tôi, nói: "Uống đi, đừng sợ, cái cà-mèn này chỉ dùng cho khách vãng lai. Không có người bệnh nào uống vào đây đâu".

Tôi cầm lấy cái cà-mèn uống rồi đặt lên đùi. Lúc bấy giờ tôi mới nhận thấy có một đốt ngón tay người dính vào cái cà-mèn. Tôi đang ngỡ ngàng thì La Puce nói:

- Chà, mình lại rơi đâu mất một ngón tay nữa rồi! Đi đi đàng nào thế không biết?

- Nó đây - Tôi vừa nói vừa chỉ cái cà-mèn. La Puce gỡ cái ngón

tay ra, ném vào lửa. Hắn lại đưa cà-mèn cho tôi, nói:.
- Anh cứ uống đi, vì tôi là loại hủi khô. Tôi cứ rụng dần từng bộ phận một, nhưng tôi không bị rữa, chứng này không lây đâu.
Một mùi thịt nướng thoang thoảng trên không. Tôi nghĩ bụng chắc đó là mùi cái ngón tay bị ném vào lò sưởi
Toussaint nói: "Anh sẽ phải ở lại đây cả ngày cho đến tối để chờ nước ròng. Bây giờ anh phải ra bảo cho các bạn anh biết. Các anh hãy khiêng anh bạn bị gãy chân lên một căn lều mà nằm, xuống thuyền lấy hết các thứ lên rồi nhận chìm nó đi. ở đây không có ai đỡ được cho các anh một tay đâu. Chắc anh cũng hiểu tại sao rồi.
Tôi lập tức ra chỗ hai bạn tôi đang đợi ở dưới thuyền. Tôi và Maturette khiêng Clousiot lên, đặt cho anh ta nằm trong một căn lều. Một giờ sau dưới thuyền không còn thứ gì nữa, và các đồ đạc, thực phẩm của chúng tôi đều được xếp lại ngăn nắp. La Puce xin chúng tôi cái xuồng và một mái chèo. Tôi cho ngay. Hắn liền đem xuồng đi dìm ở một nơi hắn biết. Đêm đã qua rất nhanh.
Cả ba chúng tôi cùng nằm trong căn lều tranh, trên những tấm chăn mới do Toussaint gửi tới. Mỗi tấm đều được trao cho chúng tôi trong một cái túi bọc bằng giấy gói hàng loại cứng. Tôi nằm dài trên chăn kể lại cho Clousiot và Maturette nghe những sự việc đã diễn ra từ khi tôi lên đảo và kết quả cuộc thương lượng

giữa tôi với Toussaint. Clousiot nói ra một câu rất ngốc, chẳng qua vì không kịp suy nghĩ:

- Vậy là chuyến vượt ngục này tốn sáu ngàn năm trăm francs. Tớ sẽ đưa cậu một nửa số tiền ấy, tức là cái món ba ngàn francs của tớ.

- Tụi mình đến đây không phải để ngồi làm những con tính kiểu Armêni như vậy. Chừng nào tôi hãy còn xu là tôi cứ trả. Rồi sau hẵng hay.

Không một người hủi nào vào căn lều của chúng tôi. Trời sáng thì thấy Toussaint đến.

- Chào các anh. Các anh có thể ra ngoài chơi. Cứ yên tâm: ở đây không có ai đến quấy rầy các anh đâu.

Trên ngọn cây dừa ở đàng kia có một tay của chúng tôi gác. Xem có thuyền của cảnh sát đi trên sông không. Bây giờ không có. Chừng nào vẫn thấy miếng vải trắng kia bay trên ngọn dừa tức là không có gì. Nếu trông thấy gì, tay gác trên ngọn dừa sẽ xuống báo ngay. Các anh có thể tự đi hái đu đủ lấy mà ăn nếu thấy thích.

Tôi nói:

- Toussaint này, thế cái trụ đáy thì thế nào đây?

- Sẽ lấy cánh cửa bệnh xá mà làm. Đó là loại "gỗ rắn", rất nặng. Xẻ đôi cánh cửa ra thành hai tấm gỗ ghép lại là xong. Anh em ở đây đã đưa thuyền lên bãi cao từ hồi đêm. Anh đến mà xem.

Chúng tôi cùng đến xem. Đó là một chiến thuyền tuyệt đẹp dài năm mét hãy còn mới tinh. Trên thuyền có hai tấm ván bắc ngang trong đó một tấm có khoét lỗ để đút cột buồm. Thuyền rất nặng. Tôi và Maturette phải khó nhọc lắm mới lật sấp nó xuống được. Cánh buồm và dây lèo đều mới. Hai bên mạn thuyền có gắn những cái vòng để buộc các thứ chở theo, trong đó có thùng nước ngọt. Chúng tôi bắt tay vào việc. Đến trưa, một cái trụ đáy chắc chắn, càng về phía trước càng thon lại, đã được gắn chặt vào đáy thuyền bằng những cái đinh xoắn ốc rất dài và bằng bốn cái đinh chốt có lắp vòng mà tôi đã mang theo.

Đứng thành vòng tròn xung quanh chúng tôi, đám người hủi im lặng xem chúng tôi làm. Toussaint chỉ vẽ cho chúng tôi rõ cần làm những gì, và chúng tôi cứ thế mà làm theo. Mặt Toussaint thoạt trông có vẻ như bình thường: không có chỗ nào lở loét hay sứt sẹo; chỉ khi nào hắn nói mới thấy là chỉ có một nửa mặt bên trái nhúc nhích. Hắn cũng nói rõ cho tôi biết là nửa bên phải bị liệt hẳn, và cũng nói thêm rằng hắn bị bệnh hủi khô. Ngực bên phải và cánh tay phải của hắn cũng bi liệt và hắn dự tính là chỉ ít lâu nữa cái chân phải cũng sẽ liệt nốt: Con mắt phải của hắn im lìm bất động như mắt giả. Nó vẫn thấy, nhưng không cử động được. Tên những người hủi trên mấy trang giấy này đều không phải là tên thật của họ. Để đừng bao giờ những ai đã từng yêu đương hay quen biết những con người khốn khổ này biết được

họ đã bị thối rữa ngay khi còn sống một cách ghê sợ như thế nào. Tôi vừa làm việc vừa nói chuyện với Toussaint. Nhưng người khác chẳng ai nói gì. Chỉ trừ có một lần: lúc ấy tôi toan cầm lấy mấy cái bản lề họ đã tháo ra từ một cái tủ trong bệnh xá để đóng thêm vào trụ đáy cho chắc, thì một người hủi nói: "Khoan đã, cứ để đấy. Trong khi tháo tôi bị đứt tay nên máu dính vào đấy. Tôi đã chùi di nhưng chưa sạch hẳn". Một người hủi khác lấy rượu rhum rót lên chiếc bản lề rồi châm lửa đốt hai lần, xong mới nói: "Bây giờ thì được rồi, anh lấy đi".

Trong khi chúng tôi làm việc, Toussaint nói với một người hủi: "Cậu đã mấy lần đi, cậu phải nói kỹ cho Bươm bướm hiểu rõ cung cách, vì ba cậu này đều chưa đi lần nào". Người kia lập tức giảng giải:

- Chiều nay sẽ có nước ròng rất sớm, ba giờ đã bắt đầu rồi. Chập tối khoảng sáu giờ, sẽ có một dòng nước thủy triều xuống rất mạnh, trong khoảng chưa đến ba tiếng đồng hồ sẽ đưa các anh xuống chỉ cách cửa bể chừng một trăm cây số. Đến chín giờ là phải dừng lại. Anh phải buộc kỹ thuyền vào một thân cây trong rừng mà đợi cho qua sáu tiếng đồng hồ nước thủy triều lên: tức là đến ba giờ sáng. Anh đừng ra đi vào giờ này, vì nước xuống chưa mạnh. Đến bốn giờ rưỡi sáng anh hãy cho thuyền ra giữa sông. Anh có được một tiếng rưỡi để đi năm mươi cây số trước khi mặt trời lên. Cái thời gian một tiếng rưỡi này là thời cơ độc

nhất vô nhị của anh đấy. Đến sáu giờ, khi trời sáng, anh phải ra biển rồi. Dù bọn cảnh sát có trông thấy anh, chúng cũng không đuổi theo anh được, vì chúng sẽ đến chỗ giáp triều ở cửa biển đúng vào lúc thủy triều bắt đầu lên. Chúng sẽ gặp phải ngọn triều dữ dội không tài nào vượt qua được trong khi anh đã ra khơi rồi. Cái khoảng cách một cây số ngăn chia bọn cảnh sát với anh khi chúng trông thấy anh, bằng bất cứ giá nào anh cũng phải có được nó: vì đó chính là sinh mệnh của anh. ở đây chỉ có một lá buồm, trước đây anh đã sắm được những gì cho cái xuồng kia?

- Một lá buồm chính và một lá buồm foc.

- Chiếc thuyền này nặng, có thể chịu được hai foc, một lá căng đứng dọc cột buồm, đáy hình tam giác chạy từ mũi thuyền đến chân cột buồm, một lá buộc lỏng cho nó phồng lên ở phía trước mũi thuyền, để nó nâng mũi thuyền lên khi có sóng ngược chiều. Khi vượt cửa biển anh cho căng hết buồm lên, đâm thẳng vào các đợt sóng: ở cửa biển sóng bao giờ cũng rất to. Anh cho hai bạn anh nằm sát đáy thuyền để cho nó có thăng bằng hơn, còn anh, anh phải cầm tay lái thật vững. Đừng buộc lèo vào chân, phải luồn nó vào cái vòng bên mạn thuyền và giữ nó bằng cách quấn một vòng quanh cổ tay (chỉ một vòng thôi đấy). Nếu anh thấy sức gió thổi cùng chiều với một ngọn sóng lớn làm cho nó mạnh thêm gấp bội, và anh phải nằm rạp xuống nước với nguy cơ lật thuyền, anh hãy buông hết ra, sẽ thấy thuyền tức khắc lấy

lại thăng bằng. Khi đó anh đừng hãm lại, cứ thả lỏng cho buồm chính vật qua vật lại mặc sức, chỉ dùng hai lá foc cho thuyền tiến thẳng vào luồng gió. Mãi đến khi nào ra đến chỗ nước xanh anh mới đủ thì giờ để bảo cậu bé hạ buồm xuống, thu gọn nó vào lòng thuyền, rồi sau đó cho kéo nó lên và lại chuyển sang hướng mới. Anh biết đường đi trên biển chứ?

- Không. Tôi chỉ biết rằng xứ Venezuela và xứ Colombia ở về phía tây-bắc.

Đúng đấy, nhưng anh phải coi chừng đừng để gió thổi dạt vào bờ. Xứ Guyane thuộc Hà Lan họ giao trả tù vượt ngục đấy, xứ Guyane thuộc Anh cũng vậy. Đảo Trinidad thì không giao trả tù nhưng lai bắt anh phải lên đường sau mười lăm ngày cho tạm trú. Xứ Venezuela thì trao trả tù vượt ngục sau khi đã bắt anh làm phu sửa đường một hai năm.

Tôi vểnh hết tai lên nghe thật kỹ. Toussaint nói là thỉnh thoảng anh ta vẫn đi, nhưng vì anh ta mắc bệnh hủi cho nên cũng bị họ trả về một cách dứt khoát. Anh ta thú thật là chưa bao giờ đi quá được Georgetown ở Guyane thuộc Anh. Bệnh hủi của Toussaint chỉ có thể thấy rõ khi nào anh ta đi chân không: bao nhiêu ngón chân đều đã rụng hết. Anh ta bắt tôi nhắc lại những điều anh ta vừa dặn dò tôi. Tôi nhắc lại không sai một chữ. Đến đây Jean sans Peur nói: “Anh ta phải đi ra khơi trong bao nhiêu lâu?” Tôi trả lời trước:

- Tôi sẽ đi hướng bắc - đông - bắc trong ba ngày. Với ảnh hưởng của hải lưu, hướng thực tế sẽ thành bắc bắc; đến ngày thứ tư tôi sẽ chuyển sang hướng tây bắc, và kết quả sẽ là chính tây.
- Khá lắm, - Toussaint nói. - Tôi thì lần vừa rồi tôi chỉ đi hai ngày theo hướng đông - bắc, thành thử tôi rơi đúng vào Guyane thuộc Anh. Với ba ngày theo hướng bắc, anh sẽ vòng qua phía bắc Trinidad hay Barbados, và băng một phát qua Venezuela mà không hay, để rơi trúng vào Curacao hay Colombia.
Jean sans Peur nói:
- Toussaintnày, cậu vừa bán chiếc thuyền bao nhiêu?
- Ba ngàn, - Toussaint nói. - Đắt quá hay sao?
- Không. Tôi hỏi không phải có ý như thế. Chẳng qua để biết thôi. Anh có đủ sức trả không, Papillon?
- Có
Trả xong có còn được ít nhiều gì không? Không. Chúng tôi chỉ có ngần ấy: đúng ba ngàn francs trong plan của cậu Clousiot.
- Toussaint ạ, tôi đưa khẩu súng lục của tôi cho cậu - Jean sans Peur nói. - Tôi muốn giúp các cậu này. Cậu trả tôi bao nhiêu?
- Một ngàn francs, - Clousiot nói. - Tớ cũng muốn giúp các cậu ấy.
- Cám ơn các anh nhiều quá, - Maturette nhìn Jean sans Peur nói.
- Cảm ơn, - Clousiot cũng nói.
Còn tôi, lúc ấy tôi thấy xấu hổ vì đã nói dối họ. Tôi nói:

- Không được, tôi không thể nhận của anh một món quà như vậy: không có lý do gì cho phép tôi nhận như thế.

Jean sans Peur nhìn tôi, nói:

- Có chứ, có lý do đấy. Ba ngàn francs là một món tiền lớn, thế nhưng với cái giá ấy Toussaint thiệt ít nhất là hai ngàn, vì chiếc thuyền tốt cực kỳ. Không có lý gì tôi lại không góp phần giúp các anh.

Lúc bấy giờ đã xảy ra một điều rất cảm động: La Chouette ném một cái mũ xuống đất, thế là đám người hủi ném vào đấy người thì tiền đúc, người thì tiền giấy. Từ khắp mọi nơi đều có những người hủi kéo tới, và ai ai cũng có ít nhiều bỏ vào cái mũ. Tôi thấy xấu hổ quá Nhưng bây giờ tôi không thể nói rằng tôi còn tiền? Trời ơi, biết làm thế nào bây giờ? Tôi đã xử sự một cách thật đốn mạt trước nghĩa cử cao đẹp của họ. Tôi nói: "Tôi van các anh, các anh đừng hy sinh như vậy!". Một người da đen Tombouetou, hai tay cùi hết chỉ còn là hai cục thịt, không sót lấy được một ngón, nói: tiền của chúng tôi không phải để sống. Anh cứ nhận đi, đừng ngượng ngập. Tiền chúng tôi dùng để đánh bạc hay để hôn hít mấy con mẹ hủi vẫn thỉnh thoảng từ Albina tới". Những lời này làm cho tôi thấy đỡ nặng lòng, và đến đây tôi mới từ bỏ ý định thừa nhận là mình hãy còn tiền.

Họ đã cho luộc hai trăm quả trứng khiêng tới cho chúng tôi trong một cái thùng mang dấu chữ thập đỏ. Đó là cái thùng đựng các

thứ thuốc họ vừa nhận được sáng nay. Họ còn mang đến hai con rùa sống mỗi con ít ra cũng phái đến ba chục cân, sau khi đã trói nó lại rất kỹ, một mớ thuốc lá chưa thái, hai chai đầy diêm que và bìa quẹt, một bị gạo chừng năm mươi cân, hai bị than củi, một cái bếp cồn (cái bếp của bệnh xá), và một bi-đông xăng. Cả cái tập thể khốn khổ này đều xúc động vì tình cảnh của chúng tôi, và ai cũng muốn góp phần vào sự thành công của chuyến vượt ngục. Tưởng chừng như chính họ đang vượt ngục vậy. Chúng tôi đã kéo chiếc thuyền đến một cái bến gần chỗ chúng tôi ghé xuồng đêm trước. Họ đã đếm số tiền quyên góp trong cái mũ: tám trăm mười francs. Tôi chỉ phải đưa một ngàn hai trăm francs cho Toussaint là đủ. Clousiot đưa cái plan của cậu ta cho tôi, tôi mở nó ra trước mặt mọi người. Nó đựng một tờ giấy bạc một ngàn francs và bốn tờ năm trăm. Tôi trao cho Toussaint một ngàn rưỡi francs, anh ta thối lại ba trăm rồi nói:

- Anh cầm lấy khẩu súng này, tôi tặng anh đấy. Các anh đã chơi xả láng với số kiếp, phải làm sao đừng để xảy ra cái tình trạng là đến phút cuối chỉ vì không có vũ khí mà đi tong hết cả bấy nhiêu công sức. Tôi hy vọng rằng anh sẽ không có dịp nào cần phải dùng đến nó.

Tôi không còn biết nói thế nào để cảm ơn anh ta - trước hết là anh ta, và sau đó là tất cả cái khối cộng đồng của họ. Người y tá của đảo đã xếp sẵn một cái hộp đựng bông thấm nước, cồn,

aspirin, băng, i-ốt, một cái kéo và một cuộn băng dính. Một người hủi mang đến hai tấm ván mỏng bào rất kỹ và hai giải băng Velpeau mới tinh còn để nguyên trong hộp. Anh ta tặng chúng tôi mấy thứ đó chẳng qua để chúng tôi thay bộ nẹp chân cho Clousiot.

Đến khoảng năm giờ trời bắt đầu đổ mưa. Jean sans Peur nói với tôi.

- Các anh gặp may đấy. Trời này thì không sợ bị chúng nó nhìn thấy. Các anh có thể lên đường ngay và như thế là lợi được cả nửa giờ. Khi phải dừng lại đợi, các anh sẽ ở gần cửa biển hơn để lại lên đường lúc bốn giờ rưỡi sáng.

Tôi nói:

- Tôi sẽ làm thế nào để biết giờ giấc đây?

Thủy triều sẽ cho anh biết giờ, tùy theo lúc nó lên hay xuống.

Chúng tôi hạ thủy chiếc thuyền. Nó chẳng phải như cái xuồng kia đâu: mạn thuyền nhô cao lên trên mặt nước đến hơn bốn tấc trong khi chở cả ba chúng tôi lẫn toàn bộ đồ lề và lương thực. Cột buồm được quấn trong mấy lá buồm và đặt nằm trong lòng thuyền, vì đến khi xuất phát để ra biển mới dùng đến buồm. Chúng tôi lắp bánh lái, tay lái đâu vào đấy, đặt thêm một cái đệm bằng dây leo để tôi ngồi lái thuyền cho êm. Chúng tôi lại dùng mấy tấm chăn lót thành một chỗ nằm cho Clousiot ở đáy thuyền (cậu ta không chịu thay băng). Clousiot nằm ngay dưới chân tôi:

cậu ta nằm giữa lòng thuyền, một bên là tôi, bên kia là cái thùng đựng nước ngọt. Maturette cũng ngồi giữa lòng thuyền, nhưng ở phía trước. Tôi lập tức có được một cảm giác an toàn mà tôi không hề thấy có khi ngồi lên cái xuồng trước kia.

Trời vẫn mưa. Tôi sẽ phải đi xuôi dòng ở khoảng giữa sông, nhưng hơi chếch sang bên trái, phía bờ thuộc địa phận Hà Lan.

Jean sang Peur nói:

- Lên đường mạnh giỏi nhé! Thôi đi ngay đi cho sớm sủa.

- Chúc các anh may mắn! - Toussaint nói đoạn đạp mạnh chiếc thuyền ra khỏi bờ.

"Cảm ơn Toussaint, cảm ơn Jean, cảm ơn tất cả các bạn một ngàn lần". - Và chúng tôi rời khỏi đảo rất nhanh dưới sức đẩy của dòng nước thủy triều xuống đã bắt đầu từ cách đây hai tiếng rưỡi và bây giờ đang chảy băng băng như dòng thác.

Trời vẫn mưa, nhìn ra phía trước cách mười thước đã không trông thấy gì rồi. Vì ở phía xuôi có hai hòn đảo nhỏ nữa, cho nên Maturette cứ phải chồm người lên, mắt đăm đăm nhìn trước mặt, để cho thuyền khỏi đâm vào những tảng đá ven bờ đảo. Đêm đã xuống. Một cái cây đại thụ cùng trôi xuôi dòng với chúng tôi đã có lúc làm cho chúng tôi phải lúng túng với những cành lá xum xuê của nó. May thay nó trôi chậm hơn, cho nên chúng tôi cũng nhanh chóng gạt nó ra xa chiếc thuyền, và tiếp tục lao tới với tốc độ ba mươi cây số một giờ là ít. Chúng tôi hút thuốc lá, uống

rượu rhum.

Người trong làng hủi đã cho chúng tôi sáu chai đầy. Có điều lạ là trong chúng tôi không có ai nhắc tới những vết loét khủng khiếp mà chúng tôi đã nhìn thấy trên thân thể những người hủi. Câu chuyện chỉ xoay quanh một đề tài duy nhất: lòng tốt của họ, sự hào phóng của họ, tính ngay thẳng của họ, và cái hên của chúng tôi đã gặp được Le Breton Mặt nạ đưa chúng tôi đến Đảo Bồ Câu.

Trời mưa mỗi lúc một to, tôi ướt như chuột lột, nhưng mấy cái áo va-rơi len tốt đến nỗi mặc dầu ướt sũng nó vẫn giữ được hơi ấm như thường. Chúng tôi không thấy lạnh. Chỉ có bàn tay toi cầm lái bị nước mưa làm cho tê dại đi. Maturette nói:

- Bây giờ chúng mình trôi phải đến bốn mươi cây số một giờ. Đã đi được bao nhiêu lâu rồi nhỉ?

- Để yên tớ nói cho mà nghe, - Clousiot nói. - Đợi tí nhé: ba tiếng mười lăm phút.

- Cậu này điên! Cậu làm thế nào mà biết được?

- Từ khi bắt đầu đi tớ đã đếm từng ba trăm giây một, cứ mỗi lần tớ lại cắt một miếng các-tông. Tớ đã có được ba mươi chín miếng. Mỗi miếng là năm phút, vị chi là ba giờ mười lăm phút. Nếu tớ không nhầm, chỉ mười lăm hay hai mươi phút nữa chúng mình sẽ không đi xuôi nữa, mà sẽ trôi ngược về điểm xuất phát.

Tôi đẩy tay lái sang phải để cho thuyền đi chéo góc vào bờ, phía

Guyane thuộc Hà Lan. Chưa vào đến bờ đã thấy dòng nước đứng lại, không chảy xuôi mà cũng chẳng chảy ngược. Trời vẫn cứ mưa. Bây giờ chúng tôi không hút thuốc, không nói chuyện nữa, chỉ bảo nhau thầm thì: "Cầm lấy chèo mà chèo vào đi". Tôi cũng chèo, còn tay lái thì kẹp vào đùi cho bánh lái khỏi đảo. Thuyền từ từ ghé vào dải bờ rậm rạp. Chúng tôi vít cành cho thuyền chui vào dưới một lùm cây, và nấp vào đấy Xung quanh cây lá dày đặc, tối như bưng. Dòng sông phủ một lớp sương mù xám xịt. Nếu không căn cứ vào nước thủy triều lên xuống thì không thể nào biết được phía nào là biển, phía nào là nguồn sông.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Giờ hoàng đạo

Thủy triều lên sẽ kéo dài sáu giờ. Thêm một tiếng rưỡi đợi nước ròng nữa: như vậy tôi có thể ngủ bảy tiếng đồng hồ, mặc dầu tôi đang ở vào một trạng thái phấn khích dữ dội. Tôi phải ngủ bằng được, vì một khi đã ra khơi rồi, tôi còn ngủ vào lúc nào được

nữa? Tôi nằm xuống giữa cái thùng ton-nô và cái cột buồm, Maturette căng một tấm chăn làm mái giữa cái thùng và tấm ván ngang, thế là tôi đã được che mưa che gió tươm tất, tha hồ ngủ cho kỹ. Tuyệt nhiên không có gì đến quấy rầy giấc ngủ say như chết của tôi, dù là một giấc chiêm bao, là mưa gió hay là tư thế nằm không thoải mái. Tôi ngủ, ngủ mãi cho đến khi Maturette đánh thức tôi dậy:

- Papi ơi, hình như đến giờ rồi, hay gần gần như thế. Nước thủy triều bắt đầu xuống từ lâu rồi.

Tôi thò tay xuống nước thì thấy luồng nước chảy về phía mũi thuyền, tức về phía biển, rất nhanh (chúng tôi cho thuyền quay mũi sẵn ra biển). Trời đã tạnh mưa. Một vành trăng khuyết cho phép chúng tôi nhìn thấy khá rõ trước mặt chúng tôi hàng trăm mét, dòng sông đang cuốn đi những đám cỏ, những thân cây, những khối gì đen ngòm. Nơi chúng tôi buộc thuyền không có gió. Liệu ra giữa sông sẽ có chăng? Gió có mạnh không? Chúng tôi từ dưới lùm cây rậm chui ra, thuyền vẫn buộc vào một rễ cây bằng một cái nút thòng lọng. Tôi nhìn lên trời để xác định đâu là bờ biển, đâu là nơi dòng sông kết thúc và cửa biển bắt đầu. Chúng tôi đã xuống đến gần cửa biển hơn nhiều so với dự tính, và tôi có cảm giác chỉ độ không đầy mười cây số nữa là ra đến biển. Chúng tôi uống mấy ngụm rượu rhum cho thật tỉnh người. Tôi trưng cầu ý kiến hai bạn: ta dựng cột buồm ở đây chăng?

Phải, chúng tôi cùng dựng nó lên: nó đứng rất vừng trên cái ổ của nó ở đáy thuyền, và cái lỗ tròn trên tấm ván ngang khoét vừa khuýp giữ nó rất chặt. Tôi kéo buồm lên nhưng không trương ra, cứ để nó cuộn tròn xung quanh cột. Buồm chéo và buồm foc đã được sắp sẵn đâu vào đấy để Maturette có thể lắp vào ngay khi nào tôi thấy cần. Để trương buồm ra, chỉ cần buông sợi dây quấn nó xung quanh cột buồm. Chính tôi sẽ từ chỗ cầm lái mà làm thao tác này. Maturette ngồi ở phía trước cầm chèo; tôi cũng cầm chèo ngồi ở phía sau. Phải rứt ra khỏi bờ thật mạnh và thật nhanh, vì luồng nước cứ ép chúng tôi vào đấy.

- Coi chừng, chuẩn bị Lên đường, tùy ơn Chúa

- Tùy ơn Chúa! - Clousiot nhắc lại.

- Xin phó thác thân tôi vào tay Người, - Maturette nói.

Chúng tôi giật mạnh con thuyền ra khỏi bờ. Rất đều tay, chúng tôi vục chèo xuống nước và kéo thật mạnh: thuyền tách ra một cách dễ dàng. Mới ra cách bờ chưa được hai mươi thước mà đã đi được một trăm thước về phía xuôi. Đột nhiên gió ập tới và đẩy chúng tôi ra giữa sông.

Lắp buồm chéo và foc, dây buộc cho chặt. Gió lùa vào hai cánh buồm, và chiếc thuyền chồm lên như một con tuấn mã rồi lao tới, nhanh như mũi tên. Chắc chúng tôi lên đường muộn so với giờ đã định, vì dòng sông đột nhiên sáng bừng lên như giữa ban ngày. Có thể trông rõ bờ bên phải thuộc dịa phận của Pháp cách

chúng tôi khoảng hai cây số, và bên trái, cách một cây số, là bờ thuộc địa phận Hà Lan. Phía trước mặt có thể trông rất rõ những đợt sóng biển bạc đầu, giống như một đàn cừu.

- Trời đất ơi! Chúng mình nhầm giờ mất rồi, - Clousiot nói. - Liệu có kịp ra biển không?

- Không biết. - Tôi đáp xẵng.

- Xem kìa: sóng biển cao quá, đỉnh sóng trắng quá! Không khéo thủy triều bắt đầu lên rồi cũng nên. Không thể được, tôi vẫn thấy các thứ đang trôi xuôi đấy

Maturette nói:

- Chúng mình không được rồi, chúng mình sẽ không tới kịp.

Tôi liền gắt:

- Câm mồm đi, ngồi cho sát chỗ dây buồm foc và buồm chéo. Cả cậu nữa Clousiot ạ. Cậu im mồm đi cho tôi nhờ.

Đoàng - ình...! Đoàng - ình...? Mấy phát súng các bin bắn về phía chúng tôi. Phát thứ hai tôi định vị được rất rõ ràng. Hoàn toàn không phải bắn từ phía bọn cai ngục, mà là từ phía Guyane thuộc Hà Lan.

Tôi trương buồm lớn. Nó phồng lên mạnh đến nỗi chỉ thiếu chút nữa nó giật cổ tay lôi tôi ra khỏi thuyền. Con thuyền nghiêng hơn bốn mươi lăm độ. Tôi cố hứng gió đến mức tối đa: điều đó chẳng khó gì, vì gió quá nhiều. Đoàng - ình, đoàng - ình, đoàng - ình, rồi không nghe thấy gì nữa. Gió đưa chúng tôi về phía bờ Pháp

nhiều hơn, và chắc hẳn vì thế mà tiếng súng trường ngừng bặt. Thuyền chúng tôi lao đi với một tốc độ khủng khiếp dưới một ngọn gió mãnh hệt tưởng có thể cuốn phăng mọi vật. Thuyền lao nhanh đến nỗi tôi có cảm giác như bị ném về phía giữa cửa bể rồi chỉ vài phút nữa là đâm vào bờ Pháp. Có thể trông thấy rất rõ mấy người chạy ra bờ sông. Tôi từ từ đảo buồm bằng cách kéo thật mạnh sợi lèo. Bây giờ buồm chính đã dòng thẳng trước mặt tôi. Buồm foc tự nó đảo lại, cả lá buồm chéo cũng thế. Chiếc thuyền xoay ba phần tư, tôi liền thả buồm ra và chúng tôi ra khỏi cửa biển với gió thổi thẳng từ sau lưng. Uf! Xong rồi! Mười phút sau, đợt sóng biển đầu tiên tìm cách chặn chúng tôi lại, chúng tôi cưỡi lên trên ngọn nó một cách dễ dàng, và tiếng suýt-suýt của con thuyền khi còn lướt trên sông nhường chỗ cho tiếng tắc-i-tắc i-tắc của sóng biển vỗ vào ức thuyền. Sóng rất cao, thế mà chúng tôi vượt qua một cách dễ dàng chẳng khác gì một cậu bé nhảy cừu. Tắc-i-tắc, chiếc thuyền leo lên một ngọn sóng rồi lại trượt xuống mà không hề rung hay lắc. Chỉ có tiếng "tắc" của vỏ thuyền đập xuống mặt nước khi từ một ngọn sóng cao trượt xuống.

- Urra! Urra! Ra được rồi! Ra được rồi! - Clousiot gào cật lực.

Và để thêm hào quang cho trận thắng này của chí kiên quyết của chúng tôi trước những sức mạnh của thiên nhiên, Chúa lòng lành đã gửi cho chúng tôi một cảnh mặt trời mọc sáng chói. Các đợt

sóng biển cứ tiếp nối nhau theo một nhịp điệu đồng đều. Chúng tôi càng tiến ra biển cả thì sóng càng bớt cao. Nước biển còn gợn bùn trông rất bẩn. Trước mặt chúng tôi, về phía bắc, màu nước trông như đen: lát nữa nó sẽ là màu xanh biếc. Tôi không cần nhìn địa bàn: cứ để mặt trời đúng bên vai phải, tôi lao thẳng phía trước, gió đầy buồm nhưng thuyền không nghiêng nhiều như ban nãy vì tôi buông một phần dây buồm chính, nó chỉ phồng một nửa mà không bị căng. Cuộc phiêu lưu lớn của chúng tôi bắt đầu. Clousiot nhổm dậy. Anh muốn chồm cả người lên, ngẩng đầu lên để nhìn cho rõ. Maturette liền đến đỡ anh ngồi dậy quay mặt về phía tôi, lưng dựa vào cái thùng ton-nô. Anh vấn cho tôi một điếu thuốc lá, châm lên rồi chuyền cho tôi. Cả ba chúng tôi cùng hút thuốc.

- Đưa chai rhum đây, ta uống một chầu mừng chuyến vượt cửa biển, - Clousiot nói.

Maturette rót rõ đầy ba cái ca sắt: thế là chúng tôi chạm cốc. Maturette ngồi sát cạnh tôi bên tay trái. Chúng tôi nhìn nhau. Gương mặt hai bạn tôi sáng ngời hạnh phúc. Chắc hẳn gương mặt tôi cũng vậy. Clousiot nói:

- Thưa thuyền trưởng, xin ngài cho biết chúng ta đang đi đâu?

- Đi Columbia, nếu Thượng đế vui lòng.

- Thượng đế vui lòng quá đi chứ! - Clousiot nói.

Mặt trời lên rất nhanh, chẳng mấy chốc chúng tôi đã khô ráo.

Mấy chiếc áo sơ mi của bệnh viện được cải biến thành khăn choàng "burnous" kiểu A-rập. Chốc chốc chúng tôi lại thấp nước đội lên đầu cho mát để khỏi bị say nắng. Biển cả một màu xanh ngọc bích, sóng cao ba mét nhưng rất dài cho nên thuyền đi rất thoải mái. Gió vẫn mạnh, nên khoảng cách giữa chúng tôi và bờ biển tăng lên rất nhanh. Chốc chốc tôi lại ngoái nhìn dải bờ đang mờ dần ở chân trời. Càng cách xa, cái khối màu lá cây ấy càng phô rõ những đường nét thêu thùa bí ẩn của nó ra. Tôi đang mải nhìn về phía sau thì một đợt sóng đánh ngang sườn nhắc cho tôi nhớ đến trách nhiệm của mình đối với tính mạng của các bạn và của bản thân.

- Em đi thổi cơm đây, - Maturette nói.

- Để tớ cầm cái lò cho, - Clousiot nói, - còn cậu cầm cái nồi.

Cái can xăng được chèn rất kỹ ở tít mũi thuyền, nơi tuyệt đối cấm hút thuốc. Cơm chín tới thơm phức. Chúng tôi ăn cơm nóng trộn với hai hộp cá xác-đin.

Sau đó là một chầu cà-phê ngon tuyệt. "Một chầu rượu rhum nhé?" Tôi từ chối, vì trời nóng quá. Vả lại tôi chẳng phải là tay bợm rượu. Cứ chốc chốc Clousiot lại quấn thuốc lá rồi châm lên cho tôi. Bữa cơm đầu tiên trên thuyền đã diễn ra một cách êm đẹp. Cứ vị trí của mặt trời thì lúc bấy giờ là mười giờ sáng. Chúng tôi mới ra khơi được có năm tiếng đồng hồ, nhưng có thể cảm thấy biển dưới đáy thuyền rất sâu. Sóng đã bớt cao, thuyền

cắt sóng mà không thành tiếng vỗ. Một ngày tuyệt đẹp. Tôi nhận thấy rằng ban ngày chẳng mấy khi cần đến la bàn. Thỉnh thoảng tôi mới phải so vị trí mặt trời với kim chỉ nam và cứ theo đấy mà định hướng, dễ lắm. ánh nắng phản chiếu trên mặt biển làm cho tôi mỏi mắt. Tôi thấy tiếc là đã không nghĩ đến việc kiếm một cặp kính râm.

Bỗng dưng, Clousiot nói với tôi:

- Tôi gặp được anh ở bệnh viện thật may cho tôi quá!

- Đâu phải chỉ có anh là may? Anh đến cũng là rất may cho tôi. - Tôi nghĩ đến Dega, đến Fernandez... Giá họ đồng ý, có phải bây giờ đã cùng ở đây cả rồi không

- Chưa chắc, - Clousiot nói. Anh sẽ gặp những chuyện rắc rối vì khó lòng có thể thu xếp sao cho thằng A-rập vào phòng đúng lúc thuận tiện cho anh.

- Đúng, Maturette đã giúp ích cho chúng ta rất nhiều, và tôi đang mừng cho mình là đã đưa cậu ấy đi, vì cậu ấy rất tận tâm, can đảm và tháo vát.

- Cám ơn anh, - Maturette nói, - và cám ơn cả hai anh đã không khinh em còn ít tuổi và... ẻo lả thế này, mà vẫn tin tưởng vào em. Em sẽ cố sao cho xứng đáng với lòng tin của hai anh.

Rồi tôi nói: “Cả Francois Sierra nữa, giá có cả anh ta cùng di thì hay biết mấy! Cả Galgani nữa...”

- Cứ như sự tình đã diễn ra thì không thể được, anh Papi ạ. Ví

thử Jésus là người đứng đắn, kiếm được cho ta một chiếc thuyền tốt, ta có thể đợi hai anh ấy ở chỗ nấp còn hắn, tức Jésus ấy, có thể giúp cho họ trốn và đưa họ đến đây với ta. Vả chăng, họ đều biết rõ anh và hiểu rằng sở dĩ anh không cho tìm họ chẳng qua là vì không thể làm như thế được mà thôi: à Maturette, nhân thể cũng hỏi cậu luôn, đầu đuôi ra sao mà cậu lại được xếp vào phòng dành cho loại phạm nhân nguy hiểm trong bệnh viện?

- Dạo ấy em không biết là em bị cấm cố. Em đi khám vì em thấy đau họng, và cũng để kiếm cớ đi đâu cho đỡ buồn. Thế rồi ông bác sĩ, khi nhìn thấy em, liền nói: "Xem phiếu của cậu tôi thấy là cậu bị cấm cố ở Quần đảo. Vì tội gì thế - "Thưa bác sĩ tôi không biết ạ Bị cấm cố là thế nào ạ?" - "Thôi được rồi. Chẳng là thế nào cả. Vào bệnh viện đi". Thế là em được nhập viện, có vậy thôi.

- Ông ta muốn gia ân cho cậu đấy, - Clousiot nói.

Ai mà biết được vì nguyên do gì ông ta làm như thế, cái ông Toubib*(*cách gọi thân mật dùng cho thầy thuốc). Chắc bây giờ ông ta đang tự nhủ:

"Cái cậu có bộ mặt như thằng bé giúp lễ trong nhà thờ ấy kể ra cũng không đến nỗi tồi: nó dám vượt ngục kia mà?".

Chúng tôi nói chuyện tầm phào một lúc. Tôi nói biết đâu ta sẽ gặp Julot, "con người cầm búa" ấy. Chắc bây giờ anh ta đi xa lắm rồi, trừ phi anh ta vẫn ẩn náu trong rừng". Clousiot nói: "Tôi

ấy mà, lúc ra đi tôi có để lại một mảnh giấy dưới cái gối ấy, đề là: "Đã ra đi không để địa chỉ lại". Cả bọn cười phá lên.

Chúng tôi dong thuyền trong năm ngày không có chuyện gì xảy ra. Ban ngày, mặt trời, trong cuộc hành trình từ đông sang tây của nó, được tôi dùng làm địa bàn. Ban đêm thì tôi xem địa bàn để chỉnh hướng. Sáng ngày thứ sáu, một vầng thái dương rạng rỡ đón chào chúng tôi, biển lặng hẳn đi, mấy đàn cá chuồn bay vọt lên cách chúng tôi không xa. Tôi mệt nhừ cả người ra.

Đêm qua, để tôi khỏi ngủ quên, Maturette chốc chốc lại lấy khăn lông thấm nước biển lau lên mặt tôi, ấy thế mà tôi vẫn ngủ như thường. Lúc bấy giờ Clousiot dúi điếu thuốc lá đang cháy vào người tôi. Sáng nay, thấy biển lặng gió, tôi quyết định ngủ. Chúng tôi hạ buồm lớn và buồm foc xuống, chỉ để lại cái buồm chéo, thế là tôi lăn ra lòng thuyền ngủ như chết. Lá buồm lớn đã được căng ra trên đầu tôi để che nắng cho tôi. Không rõ tôi đã ngủ được bao lâu thì Maturette lay tôi dậy nói: "Bây giờ chỉ độ mười hai giờ hay một giờ trưa, nhưng em đánh thức anh dậy vì có cơn gió lạnh bắt đầu nổi lên, và ở chân trời, từ phía gió thổi tới, thấy đen kịt lại".

Tôi choàng dậy và ra ngồi bên tay lái. Cánh buồm foc lúc bấy giờ được căng một mình, kéo chúng tôi đi trên mặt biển phẳng như gương. Sau lưng tôi, về hướng đông, trời đen kịt lại, và gió thổi mỗi lúc một lạnh hơn. Buồm chéo và buồm foc cũng đủ kéo

thuyền lướt đi rất nhanh. Tôi cho cuốn lá buồm chính xung quanh cột buồm và buộc lại thật chặt.

- Hai cậu giữ cho vững nhé, vì đây là một trận bão. Những giọt mưa nặng trịch bắt đầu rơi lộp bộp trên lưng chúng tôi. Cái đám đen ngòm trên vòm trời phía đông tiến về phía chúng tôi với một tốc độ thần kỳ, nhìn mà chóng cả mặt: chỉ trong mười lăm phút mà từ chỗ mãi tít ở chân trời nó đã đến ngay sát chúng tôi

Thôi xong, nó đến rồi. Một luồng gió hung hãn vô cùng xô vào chúng tôi. Những đợt sóng bỗng dưng nổi lên một cách bất ngờ như do một phép thần thông, đợt nào cũng sủi bọt trắng xóa. Mặt trời mất đi đàng nào không còm tăm tích, mưa đổ xuống xối xả, xung quanh tối mịt không còn trông thấy gì, và sóng đánh vào thuyền tung tóe quất mạnh vào mặt tôi rát buốt như những nhát roi da. Bão biển. Đây là trận bão đầu tiên của tôi, với toàn bộ giàn nhạc binh khủng khiếp của những sức mạnh thiên nhiên được tháo củi sổ lồng, với đủ lệ bộ sấm, sét, mưa, sóng gào, gió hú, từ khắp bốn phương đổ với vây chặt lấy chúng tôi, đâm bổ vào chúng tôi.

Chiếc thuyền của chúng tôi bị tung lên như một mảnh rơm rác, khi thì nhấc bổng lên đến những chiều cao khó lòng tưởng tượng nổi, khi thì ném xuống những vực sâu thăm thẳm, sâu đến nỗi khó có thể hình dung rằng nó có thể ngoi lên được. ấy thế nhưng, sau những cuộc đâm đầu xuống vực quái đản như thế, nó vẫn

bay vút lên, vượt qua một ngọn sóng bạc đầu nữa, rồi cứ thế mà lao tới. Hai tay tôi nắm chặt lấy tay lái, sẵn sàng chỉnh hướng cho con thuyền để đón những đợt sóng cả hiểm nghèo. Có một lần, nghĩ rằng nên cưỡng lại một phần nào đợt sóng cả cao ngất đang tiến tới, tôi hướng mũi thuyền vào nó. Có lẽ tôi quay thuyền quá nhanh, cho nên kết quả là nước tràn vào rất nhiều, ngập hết cả lòng thuyền, phải đến bảy mươi lăm phân nước là ít. Tôi cuống quít quay trở thế nào không biết mà rốt cuộc đã để cho một đợt sóng đánh thẳng vào bên sườn chiếc thuyền - một điều cực kỳ nguy hiểm làm cho nó nghiêng hẳn về một bên, suýt lật úp xuống, đến nỗi bao nhiêu nước trong lòng thuyền đều bị dốc ra ngoài gần hết.

- Cừ quá! - Clousiot reo lên. - Cậu quả là tay sói biển điêu luyện, Bươm bướm ạ! Nhoáng một cái đã hắt hết nước ra rồi!

Tôi nói: "Đấy, đã thấy chưa?"

Cậu ta có biết đâu là do tôi thiếu kinh nghiệm mà cả lũ suýt toi mạng vì để thuyền lật sấp giữa biển khơi Tôi quyết định thôi không vật lộn với các đợt sóng nữa, chỉ lo tới hướng đi, cố gắng giữ sao cho thuyền được thăng bằng đến mức tối đa. Tôi đón sóng chênh chếch ba phần tư, tôi để cho thuyền hạ xuống theo đà sóng, và cùng lên một cách thụ động với mặt biển. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng đó là một phát kiến quan trọng: làm như thế, tôi đã thủ tiêu được chín mươi phần trăm nguy hiểm. Mưa đã

tạnh. Gió vẫn thổi như điên như dại, nhưng bây giờ điều đó cho phép tôi nhìn thấy rõ phía trước và phía sau tôi. Phía sau thì sáng, phía trước thì tối đen, chúng tôi đang ở giữa hai cái thái cực ấy.

Đến khoảng năm giờ, mọi sự đều đã qua. Mặt trời lại chói sáng trên nền trời, gió đã trở lại bình thường, sóng không còn cao lắm nữa. Tôi giương buồm lớn lên, và chúng tôi lại lên đường, vui khấp khởi vì hài lòng với bản thân. Hai bạn tôi dùng cà-mèn tát nốt chỗ nước còn đọng lại ở đáy thuyền. Họ lấy mấy tấm chăn ra phơi: buộc lên cột buồm, cứ gió thế này chẳng mấy chốc mà khô. Chúng tôi nấu cơm, chiên bột với dầu, ăn xong lại uống cà-phê hai suất, rồi làm một chầu rượu rhum ra trò. Mặt trời sắp lặn, bao nhiêu lửa tàn ném hết ra soi lên mặt biển xanh biếc, vẽ thành một bức tranh không sao quên được: nền trời một màu huyết dụ, vầng thái dương đã chìm một nửa xuống biển chiếu lên trời với mấy làn mây trắng và dọi lên mặt biển những chùm tia sáng vàng. Nhưng đợt sóng khi dâng lên thì xanh biếc ở phần gốc, xanh lục ở phần giữa, còn phần ngọn thì đỏ, hồng hay vàng tùy theo màu của tia sáng dọi vào. Một cảm giác thanh thản và êm dịu lạ lùng tràn vào hồn tôi. Và cùng với trạng thái thanh thản ấy là một niềm tin vững chãi ở bản thân. Tôi đã qua cuộc thử thách một cách trót lọt, và trận bão ngắn vừa qua đã rất bổ ích cho tôi. Tôi đã tự mình học được cách điều khiển con thuyền trong những

trường hợp như thế. Tôi sẽ bước vào đêm nay một cách hoàn toàn thanh thản.

- Thế nào, Clousiot, cậu đã thấy rõ cái thao tác dốc nước ra khỏi thuyền chưa?

- Bạn ơi, giả sử cậu không làm như vậy và để cho một đợt sóng thứ hai xô vào sườn, thì thuyền đã đắm mẹ nó rồi. Cậu quả là một quán quân.

- Anh học qua các thứ đó trong hải quân đấy à? - Maturette nói:

- Đúng, cậu thấy đấy, kể ra được huấn luyện trong hải quân cũng có ích ít nhiều đấy chứ, nhỉ.

Chắc chúng tôi đã đi chệch hướng khá nhiều. Nhưng với những cơn sóng gió như vừa qua, ai mà biết được trong bốn tiếng đồng hồ chúng tôi đã chệch hướng mất bao nhiêu? Tôi sẽ theo hướng tây bắc để chỉnh lại. Đúng đấy Đêm đổ sập xuống ngay sau khi mặt trời lặn hết xuống biển, ném lên chân trời những tia cuối cùng của trận pháo hoa, lần này màu tím.

Chúng tôi lại dong buồn đi thêm sáu ngày nữa mà không có chuyện gì xảy ra trừ vài ba cơn mưa bão không lần nào kéo dài quá ba tiếng đồng hồ, và cũng không thể nào sánh kịp trận bão đầu tiên mà chúng tôi có cảm giác như đã kéo dài vô tận. Sáng hôm ấy đến mười giờ gió đứng hẳn, mặt biển không một gợn sóng. Tôi ngủ được một giấc gần bốn tiếng. Khi thức dậy tôi thấy rát môi quá: nó tróc hết cả da rồi, mũi tôi cũng vậy, bàn tay

phải của tôi cũng không còn da, thịt cứ phô trần ra đỏ hỏn. Maturette và Clousiot cũng chẳng khá hơn. Chúng tôi phải bôi dầu lên mặt và lên hai bàn tay mỗi ngày hai lần, nhưng như thế vẫn chưa đủ: chỉ mấy tiếng là nắng nhiệt đới đã làm cho lớp dầu khô rang.

Lúc bấy giờ chắc vào khoảng hai giờ trưa theo bóng nắng. Tôi ăn trưa, rồi chúng tôi thu xếp căng lá buồm lên làm mái để tránh nắng, vì trên biển không có lấy một hơi gió thoảng. Có một đàn cá xúm lại quanh thuyền, nơi Maturette vừa rửa chén dĩa. Tôi cầm lấy con dao phát rừng và bảo Maturette ném mấy nắm gạo xuống nước (chỗ gạo của chúng tôi từ khi bị ướt đã bắt đầu lên men). Đàn cá ngoi lên sát mặt nước đớp gạo. Một con gần như nhô hẳn đầu lên trên mặt nước, tôi liền chém cho một nhát, thế là nó quay đơ ra, ngửa bụng lên. Con cá nặng đến bốn ki-lô. Chúng tôi đánh sạch vảy rồi đem luộc lên. Tối hôm ấy chúng tôi ăn cá luộc với bột sắn.

Chúng tôi ra khơi đã được mười một ngày. Trong suốt thời gian ấy chỉ có một lần chúng tôi nhìn thấy một chiếc tàu rất xa ở tận chân trời. Tôi bắt đầu băn khoăn tự hỏi không biết chúng tôi đang ở đâu thế này. Dĩ nhiên là ở ngoài khơi, rất xa mọi vùng đất liền; điều đó thì hoàn toàn chắc chắn rồi. Nhưng ở vị trí nào so với Trinidad hay bất cứ một hòn đảo nào thuộc Anh? Cái này thì chịu. Nhưng vừa nghĩ tới đã có câu trả lời ngay... Quả nhiên,

ngay trước mặt chúng tôi, có một cái chấm đang từ từ to dần lên. Tàu viễn dương hay sà-lúp đi biển? Thôi nhầm rồi, nó không đi về phía chúng tôi Bây giờ đã trông thấy rõ đó là một chiếc tàu lớn, đang đi về phía bên hông chúng tôi. Nó đang đi lại gần thật, nhưng đi chênh chếch, và chúng tôi không nằm trên đường đi của nó. Vì lúc ấy không có gió cho nên mấy lá buồm của chúng tôi buông thõng xuống một cách thảm hại, chiếc tàu chắc chúng trông thấy chúng tôi. Nhưng bỗng có tiếng còi tàu hú lên, sau đó là ba tiếng "tu tu tu, ngắn, rồi chiếc tàu đổi hướng và đi thẳng về phía chúng tôi.

- Miễn sao nó đừng đến gần quá - Clousiot nói.

- Không có gì nguy hiểm dâu, biển lặng như dầu thế này...

Đó là một chiếc tàu chở dầu hỏa. Nó càng đến gần chúng tôi càng trông rõ có người đứng trên boong. Có thể đoán chắc họ đang băn khoăn tự hỏi không biết mấy con người kia đang làm gì trên cái vỏ đậu phụng ở giữa biển khơi thế này. Tàu từ từ tiến về phía chúng tôi bây giờ đã trông thấy rõ mấy viên sĩ quan và đám thủy thủ, có cả người đầu bếp, rồi lại thấy mấy người đàn bà mặc áo dài hoa và mấy người đàn ông mặc sơ-mi màu. Chúng tôi hiểu đó là những hành khách trên tàu. Nhưng tàu chở dầu mà lại có cả hành khách chúng tôi thấy cũng hơi lạ. Chiếc tàu tiến tới rất chậm, và viên thuyền trưởng nói với chúng tôi bằng tiếng Anh.

- Where are you coming from? (Các ông từ đâu đến?).

- French Guyane. (Guyan thuộc Pháp).

- Vous parlez francais? (Các ông nói được tiếng Pháp chứ?) - một bà nói.

Tôi liền trả lời bằng tiếng Pháp:

- Thưa bà vâng,

- Các ông làm gì giữa biển khơi thế này?

- Chúng tôi đi theo đường Trời định.

Người đàn bà quay sang nói chuyện với viên thuyền trưởng một lát rồi lại nói với chúng tôi:

- Ông thuyền trưởng mời các ông lên tàu, ông ấy sẽ cho trục thuyền của các ông lên luôn.

- Bà nói giúp là chúng tôi cảm ơn ông thuyền trưởng, nhưng chúng tôi xin đi thuyền này thôi.

- Tại sao các ông không để cho chúng tôi giúp đỡ?

- Vì chúng tôi là những tù nhân vượt ngục, và vì chúng tôi không đi cùng hướng với tàu của các vị.

- Các ông định đi đâu?

- Đi Martinique, có lẽ còn xa hơn nữa. Chỗ này là chỗ nào? '

- Giữa biển khơi.

Muốn đến quần đảo Antilles phải đi như thế nào?

- Các ông có biết đọc bản đồ hàng hải của Anh không?

- Có

Một lát sau họ giòng dây xuống biếu chúng tôi một tấm bản đồ hàng hải, mấy tút thuốc lá, súc bánh mì, một cái đùi cừu rô ti.

- Ông xem bản đồ đi?

Tôi xem bản đồ rồi nói:

Tôi phải đi hướng tây 1/4 nam mới có thể vào quần đảo Antilles thuộc Anh, có phải thế không?

- Đúng.

- Chừng bao nhiêu hải lý?

- Đi hai ngày thì đến, - viên thuyền trưởng nói.

Tạm biệt, cảm ơn tất cả các vị!

Thuyền trưởng có lời khen ngợi lòng cam đảm hải hồ của các ông!

- Cám ơn, vĩnh biệt!

Chiếc tàu chở dầu từ từ ra đi. Nó rà sát cạnh chúng tôi tôi phải cho thuyền tránh ra, sợ luồng nước xoáy sau chân vịt. Vừa lúc ấy một thủ thủ ném cho tôi một cái mũ lưỡi trai của sĩ quan hàng hải. Nó rơi đúng vào giữa thuyền. Tôi đã đội chiếc mũ lưỡi trai có gắn chiếc mỏ neo và thêu một lon vàng kim tuyến này khi chúng tôi đến Trinidad sau hai ngày dong buồm bình an vô sự

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Trinidad

Chim trời đã báo cho chúng tôi biết đã sắp tới đất liền trước khi chúng tôi trông thấy đất liền rất lâu. Vào khoảng bảy giờ rưỡi sáng, một đàn chim đã bay đến lượn vòng xung quanh thuyền chúng tôi. "Đến rồi, các bạn ơi, đến rồi? Chúng mình đã hoàn thành được phần đầu của cuộc vượt ngục, phần khó nhất. Tự do vạn tuế!"

Cả ba đứa chúng tôi đều bộc lộ nỗi vui mừng của mình bằng những tiếng reo hò, những lời cảm thán trẻ thơ. Mặt chúng tôi đều trát đầy mỡ ca-cao (chiếc tàu vừa gặp có cho chúng tôi một ít để bôi những chỗ bị bỏng nắng cho đỡ rát). Đến khoảng chín giờ thì trông thấy đất liền. Một ngọn gió mát rượi nhưng không mạnh lắm nhanh chóng đưa chúng tôi vào bờ trên một mặt biển khá phẳng lặng. Mãi đến khoảng bốn giờ chiều chúng tôi mới nhìn thấy những chi tiết của một hòn đảo dài viền những ngôi nhà trắng chụm lại thành từng khóm nhỏ, trên chóp đảo mọc đầy

những rặng dừa. Chưa trông rõ đây là một hòn đảo hay là một bán đảo, mà cũng chưa rõ mấy khóm nhà kia có người ở hay không. Phải đến hơn một tiếng đồng hồ nữa mới nhìn thấy những bóng người đang chạy ra cái bãi cát mà thuyền chúng tôi đang tiến vào. Không đầy hai mươi phút sau, một đám đông hỗn tạp đủ màu sắc đã tụ tập lại Cả cái làng nhỏ bé này đã ra bãi biển hết, không còn sót một ai, để tiếp đón chúng tôi. Về sau chúng tôi được biết rằng đây là làng San Fernando.

Cách bờ ba trăm thước tôi bỏ neo. Neo ăn ngay lập tức. Tôi làm như vậy một phần là đẻ xem thử phản ứng của dân làng ra sao, và cũng để thuyền khỏi bị thủng khi chạm đáy, nếu đáy biển ở đây bằng san hô. Chúng tôi hạ buồm và chờ đợi. Một chiếc xuồng nhỏ bơi ra phía chúng tôi. Trên xuồng có hai người da đen ngồi chèo và một người da trắng đội mũ cối kiểu thuộc địa.

- Xin hoan nghênh các vị khách mới đến Trinidad, - người da trắng nói bằng tiếng Pháp rất sõi. Hai người da đen cười niềm nở, phô hết hai hàng răng trắng muốt.

- Xin cám ơn ngài về những lời lẽ tốt đẹp của ngài. Đây bãi là san hô hay là cát ạ?

- Cát đấy các ông có thể vào tận bờ mà không ngại gì cả.

Chúng tôi kéo neo lên, và sóng biển từ từ đẩy chúng tôi vào bờ cát. Thuyền vừa chạm đất thì có mười người lội xuống nước kéo thẳng một mạch chiếc thuyền lên bãi. Họ ngắm nghía chúng tôi,

giơ tay sờ chúng tôi một cách thân ái, mấy người đàn bà da đen hay ấn độ gì đấy phác những cử chỉ mời mọc. Ai ai cũng muốn mời chúng tôi về nhà: người da trắng biết nói tiếng Pháp giảng giải cho chúng tôi như vậy. Maturette bốc một nắm cát và đưa lên môi hôn. Thế là cả đám người reo hò nhảy nhót như điên như dại.

Sau khi tôi nói rõ tình trạng của Clousiot cho người da trắng biết, ông ta liền sai người khiêng cậu ấy về nhà ông ta, gần ngay bãi biển. Ông ta nói rằng chúng tôi có thể để nguyên đồ đạc trên thuyền cho đến mai, không có ai động đến đâu. Mọi người đều gọi tôi là "captain" ("thuyền trưởng"), tôi cười lớn khi nghe mình được đề bạt như vậy. Ai cũng nói với tôi: "Good captain, long ride on smal boat!" (Thuyền trưởng giỏi, chuyến đi thì xa mà thuyền thì nhỏ thế!").

Đêm đã xuống. Sau khi yêu cầu họ đẩy thuyền lên cao hơn chút nữa và buộc nó vào một chiếc thuyền to hơn nhiều đang nằm giữa bãi, chúng tôi đi theo người da trắng (ông ta là người Anh) về nhà ông. Đó là một ngôi bungalow thuộc loại thường thấy ở bất cứ vùng đất nào thuộc Anh; vài ba bậc thềm bằng gỗ, một cái cửa ra vào có chăng lưới sắt. Tôi vào theo người Anh, Maturette đi sau lưng tôi. Bước vào nhà, tôi trông thấy Clousiot ngồi trên một chiếc ghế bành, cái chân bị gãy kê trên một chiếc ghế, đang ba hoa chích chòe với một thiếu phụ và một cô con gái.

- Đây là vợ tôi và con gái tôi, - người Anh nói. Tôi còn một đứa con trai nữa đang đi học ở Anh.
- Xin các ông tự coi là thượng khách của nhà này, người thiếu phụ nói bằng tiếng Pháp.
- Mời các ông ngồi, - cô con gái vừa nói vừa đêm lại cho chúng tôi chiếc ghế bành bằng mây đan.
- Cám ơn bà, cám ơn cô, xin các vị dừng tự làm phiền nhiều quá vì chúng tôi.
- Sao lại thế ạ? Chúng tôi rất biết các ông từ đâu đến, xin các ông cứ yên tâm, và tôi xin nhắc lại: các ông là thượng khách trong nhà này.
Chủ nhân là một trạng sư, gọi là master Bowen, có văn phòng luật sư ở Port of Spain, thủ đô của đảo Trinidad, cách đây bốn mươi cây số.
Họ dọn ra cho chúng tôi một ấm trà pha sữa, một đĩa bánh mì nướng phết đường, một đĩa bơ và một hũ mứt. Đây là buổi tối đầu tiên chúng tôi được làm người tự do, tôi sẽ không bao giờ quên buổi tối này. Không có một lời nào nhắc tới quá khứ của chúng tôi, không có lấy một câu hỏi tò mò nào có thể làm cho chúng tôi ngượng ngập: họ chỉ hỏi xem chúng tôi lênh đênh mất mấy ngày trên biển và chuyến đi có vất vả gì không, Clousiot có đau lắm không, chúng tôi có muốn họ đi đăng ký với cảnh sát địa phương ngay ngày mai hay để đến ngày kia, chúng tôi có còn

ông cụ bà cụ không, có vợ con gì không. Nếu chúng tôi muốn viết thư cho người thân, họ sẽ đi bỏ thư cho... Còn biết nó với các bạn những gì nữa: đó là một cuộc đón tiếp hết sức đặc biệt, của dân đảo ngoài bãi biển cũng như của cái gia đình đầy thiện ý chân thành đối với ba người bôn tẩu.

Master Bowen gọi điện thoại cho một ông bác sĩ để hỏi ý kiến ông ta về người bị thương. Bác sĩ dặn là đến chiều mai phải đưa người ấy đến bệnh viện tư của ông để soi X-quang xem cần phải làm gì. Master Bowen lại gọi điện đến Port of Spain cho vị chỉ huy Đạo Quân Cứu thế (Salvation Army). Ông này hứa là sẽ chuẩn bị cho chúng tôi một căn phòng trong khách sạn của Đạo, bao giờ thích đến thì đến, và dặn chúng tôi giữ thuyền cho cẩn thận néu có còn tốt, vì chúng tôi sẽ cần đến nó để ra đi. Ông ta hỏi xem chúng tôi là tù khổ sai hay là dân bị đày biệt xứ. Chúng tôi trả lời là tù khổ sai.

Điều đó hình như làm cho ông bác sĩ hài lòng.

- Các ông có muốn tắm táp, cạo mặt không? - cô con gái nói. - Nhất là các ông đừng từ chối nhé, không có chút gì phiền hà cho chúng tôi đâu. Trong phòng tắm đã có sẵn mấy bộ đồ để thay. Tôi hy vọng các ông sẽ mặc vừa.

Tôi vào tắm, cạo râu, chải đầu cẩn thận rồi trở ra trong một bộ trang phục tiêm tất: quần xám, sơ-mi trắng, giầy tennics, bít tất trắng.

Một người ấn Độ gõ cửa ngoài. Anh ta cầm một cái gói lớn, đưa cho Maturette, nói rằng bác sĩ được biết tôi vóc người xấp xỉ bằng bác sĩ cho nên dễ mượn áo quần, nhưng Maturette thì vóc người bé nhỏ, mà trong nhà ông luật sư không có ái bé nhỏ như thế, cho nên không thể mặc nhờ của ai được, ông ta phải gửi gói áo quần số nhỏ này tới. Nói xong, người ấn Độ cúi mình chào chúng tôi theo tập quán của người theo đạo Hồi, và lui ra. Đứng trước một lòng nhân hậu lôn lao như vậy, tôi biết nói sao để các bạn hiểu được nỗi xúc động không sao tả nỗi đang tràn ngập lòng tôi lúc bấy giờ? Clousiot được cho đi ngủ trước, còn năm người chúng tôi ngồi giờ lâu trao đổi ý kiến về nhiều vấn đề khác nhau. Điều làm cho hai người phụ nữ quan tâm hơn cả là chúng tôi định sẽ làm lại cuộc đời ra sao. Không ai đả động đến quá khứ, chỉ toàn chuyện hiện tại và tương lai.

Master Bowen lấy làm tiếc rằng Trinidad không chấp nhận cho những người vượt ngục định cư trên đảo. Ông phân trần rằng ông đã có mấy lần xin nhà chức trách trên đảo chấp nhận biện pháp này cho một vài người nhưng chưa bao giờ được chấp thuận. Cô con gái nói tiếng Pháp y hệt người Pháp, không thua gì cha cô, không bao giờ phát âm sai hay có giọng lơ lớ. Cô ta tóc vàng, mặt đầy tàn nhang, tuổi chừng từ mười bảy đến hai mươi (tôi không dám hỏi xem cô bao nhiêu tuổi). Cô nói:

- Các ông hãy còn trẻ lắm; cả một quãng đời dài đang đợi các

ông. Tôi không biết các ông đã làm gì nên tội mà bị xử như vậy, và không muốn biết. Nhưng đã có đủ can đảm để lao ra biển trên một con thuyền nhỏ bé như vậy để đi một hành trình dài và nguy hiểm như vậy, thì tất nhiên các ông sẵn sàng trả bất cứ giá nào để được sống tự do và đó là một điều rất đáng phục.

Đêm hôm ấy, chúng tôi đã ngủ đến tám giờ sáng mới dậy. Bàn ăn đã dọn sẵn. Hai người phụ nữ nói với chúng tôi một cách rất tự nhiên rằng Master Bowen đã đi Prot of Spain đến chiều mới về, có đem theo những tài liệu cần thiết để vận động cho chúng tôi. Con người ấy đã đi khỏi nhà trong khi có ba tên tù khổ sau vượt ngục đang ở đấy: đó là một bài học có một không hai đối với chúng tôi. Ông ta muốn nói với chúng tôi: "Các anh là những con người bình thường, lành mạnh; các anh có thể thấy tôi tin các anh như thế nào khi tôi mới tiếp xúc với các ông có mười hai tiếng đồng hồ mà đã để cho các ông ở lại trong nhà một mình với vợ con tôi. Sau khi đã nói chuyện với ba ông, tôi đã thấy rõ rằng ba ông là những con người hoàn toàn đáng tin cậy, đến mức các ông không thể nào có một hành vi, một cử chỉ hay một lời lẽ nào đáng trách ở nhà tôi, cho nên tôi đã để các ông ở trong nhà tôi như những người bạn cũ. Cách bày tỏ lòng tin cậy này đã làm cho chúng tôi rất cảm động.

Tôi không phải là một người tri thức có thể miêu tả lại cho bạn đọc - nếu một ngày kia cuốn sách này sẽ có người đọc - với sức

truyền cảm cần thiết, với đầy đủ tính hùng biện, để bạn đọc hiểu hết cái cảm giác tự trọng lớn lao... không phải: cái cảm giác trong sáng và mãnh liệt của kẻ thấy mình được phục hồi, nếu không phải là được bước vào một cuộc sống mới. Lễ rửa tội tưởng tượng ấy, cuộc tẩy rửa thanh cao ấy, cuộc nâng cao con người tôi lên trên đống bùn nhơ mà tôi đã sa vào, cái cách thức mà người ta đã dùng để chỉ qua một ngày đã trao cho tôi một trách nhiệm thực sự ấy, vừa rồi đã làm cho tôi biến thành một con người khác một cách giản dị đến nỗi cái mặc cảm của người tù khổ sai khiến cho người ta còn nghe thấy tiếng xiềng xích ngay cả khi đã được trả tự do và luôn luôn có cảm giác như có ai đang theo dõi mình, đến nỗi tất cả những gì tôi đã trông thấy, đã trải qua và đã chịu đựng, tất cả những gì đã xô tôi đến chỗ trở thành một con người tật nguyền, thối nát, luôn luôn nguy hiểm cho mọi người, bề ngoài thì phục tùng một cách thụ động nhưng bất cứ lúc nào cũng có thể biến thành một kẻ nổi loạn hung hãn khủng khiếp, tất cả- những cái đó giờ đây bỗng biến mất như do một phép thần thông. Xin cám ơn Luật sư Bowen, vị trạng sư của Hoàng gia, cám ơn ông đã làm cho tôi trở thành một con người khác trong một thời gian ngắn ngủi như vậy!

Người con gái có mái tóc vàng óng, có đôi mắt xanh như biển khơi ở xung quanh, đang ngồi với tôi dưới rặng dừa mọc quanh nhà cha cô. Nhưng giàn hoa giấy đỏ, vàng và tím nhạt đang nở rộ

làm cho mảnh vườn có được cái thi vị cần thiết cho giờ phút này.
- Ông Henri ạ (cô gọi tôi là Monsieur. Đã bao nhiêu lâu rồi không ai còn gọi tôi là Monsieur nữa!), như ba tôi đã nói với ông hôm qua, một sự thiếu thông cảm đầy bất công của nhà cầm quyền Anh không cho phép các ông ở lại đây: thật đáng tiếc. Họ chỉ cho các ông mươi lăm ngày để nghỉ ngơi rồi lại ra đi. Sáng sớm hôm nay tôi vừa ra xem chiếc thuyền của các ông, nó quá nhỏ bé và mong manh đối với cuộc viễn hành đang chờ đợi các ông. Ta hãy hy vọng rằng các ông sẽ đến được một đất nước có tinh thần mến khách hơn xứ sở chúng tôi và cũng hiểu biết người hơn. Tất cả các đảo thuộc Anh đều hành động giống nhau trong những trường hợp tương tự. Nếu trong chuyến đi sắp tới ông phải khổ sở nhiều, tôi xin ông đừng oán giận những người dân ở trên các đảo đó; người dân không phải là người chịu trách nhiệm về cách quan niệm này. Đây là những mệnh lệnh xuất phát từ nước Anh, do những người không hiểu biết gì về các ông ban hành. Địa chỉ của ba tôi là 101 Queen Street, Port of Spain, Trinidad. Tôi xin ông, nếu sau này Chúa muốn rằng ông có điều kiện làm như vậy, tôi xin ông viết cho chúng tôi vài dòng để chúng tôi được biết số phận của các ông.
Tôi cảm động đến nỗi không còn biết trả lời ra sao nữa. Bà Bowen đến cạnh chúng tôi. Đó là một người đàn bà đẹp trạc bốn mươi tuổi, tóc màu hạt dẻ vàng, mắt màu xanh ngọc thạch. Bà

mặc một chiếc áo dài trắng rất giản dị, thắt một cái giải trắng, chân đi một đôi dép màu lá mạ.

- Thưa ông, chồng tôi đến năm giờ mới về. Ông ấy đang vận động các ông có thể đi xe của nhà chúng tôi lên thủ đô mà không có cảnh sát đi kèm. Nhà tôi cũng muốn làm thế nào để các ông khỏi ngủ qua đêm đầu tiên ở Sở Cảnh sát Port of Spain. Người bạn bị thương của ông sẽ đến thẳng bệnh viện tư của một bác sĩ bạn nhà tôi, còn ông và cậu em ít tuổi kia sẽ đến Khách sạn của Đạo quân Cứu thế.

Maturette đi đâu về, ra vườn gặp chúng tôi, cậu ấy kể là vừa ra chỗ để thuyền: có một đám người hiếu kỳ đang đứng quanh. Mọi vật trên thuyền đều y nguyên, không có ai động đến. Trong khi xem xét chiếc thuyền, mấy người hiếu kỳ tìm thấy một viên đạn giắt vào đít thuyền, ở phía dưới bánh lái. Một người trong bọn họp xin phép Maturette giữ viên đạn làm kỷ niệm. Cậu ta trả lời: "captain, captain". Người thổ dân hiểu rằng muốn thế phải xin ông thuyền trưởng, anh ta nói: "Sao không thả mấy con rùa ra?".

- Các ông có rùa à? - Cô con gái hỏi. - Thế thì ra xem đi.

Chúng tôi cùng ra chỗ để thuyền. Giữa đường, một cô bé thổ dân xinh đẹp cầm lấy tay tôi một cách hết sức tự nhiên. "Good afternoon" - đám người nhiều màu sắc ấy cùng nói một lượt. Tôi bắt hai con rùa ra rồi hỏi cô con gái chủ nhà: "Bây giờ thế nào nhỉ? Ném xuống biển nhé? Hay là cô đem về để trong vườn ấy,

cô có thích không?'.

- Cái bể ở cuối vườn đựng nước biển. Ta sẽ nuôi chúng nó trong cái bể ấy, như vậy tôi sẽ có được chút kỷ niệm của các ông.

- Phải đấy.

Tôi đem tất cả những vật để trong thuyền ra phân phát cho những người dân đảo có mặt ở đấy, trừ cái địa bàn, mớ thuốc lá, con dao, cái rựa, cây rìu, mấy tấm chăn và khẩu súng lục mà tôi gói kín trong chăn: không ai trông thấy nó.

Đến năm giờ chiều Master Bowen về.

- Thưa các ông, mọi việc đều đã dàn xếp xong xuôi. Chính tôi sẽ đưa các ông đến thủ đô. Ta sẽ đưa ông bạn bị thương vào bệnh viện trước, rồi sau đó ta sẽ ra khách sạn.

Chúng tôi xếp cho Clousiot nằm ở ghế sau của chiếc xe. Tôi đang cảm ơn cô con gái thì bà mẹ đến, tay xách một chiếc va-li. Bà nói:

- Xin ông nhận cho mấy bộ quần áo của nhà tôi, chúng tôi xin biếu ông với tất cả tấm lòng thành.

Tôi còn biết nói gì trước một lòng nhân hậu đầy tình người như thế!

- Cảm ơn ông bà, cảm ơn vô cùng.

Chúng tôi lên xe ra đi. Đó là một chiếc xe hơi tay lái đặt bên phải. Đến sáu giờ kém mười lăm chúng tôi đã đến bệnh viện. Nó được gọi là bệnh viện Saint- George. Mấy người y tá đặt

Clousiot lên cáng và đưa vào một gian phòng có một người thổ dân đang ngồi trên giường. Bác sĩ đến. Ông bắt tay Bowen, rồi bắt tay chúng tôi. Ông không nói được tiếng Pháp, nên nhờ ông luật sư nói lại với chúng tôi rằng Clousiot sẽ được chăm sóc chu đáo, và chúng tôi có thể đến thăm anh bao nhiêu cũng được.
Chúng tôi lại lên xe ông Bowen đi qua thành phố. Chúng tôi đều trầm trồ trước quang cảnh những dãy phố sáng trưng dưới ánh điện, xé hơi và xe đạp qua lại tấp nập. Những người da trắng, da đen, da vàng, ấn Độ, thổ dân, chen vai thích cảnh trên các vỉa hè của cái thành phố Port of Spain xây dựng toàn bằng gỗ. Đến khách sạn của Đạo quân Cứu thế, một tòa nhà chỉ có tầng dưới xây bằng đá còn các tầng trên đều bằng gỗ, được đặt ở một vị trí khá đẹp trên một quảng đường sáng trưng mà ở lối vào tôi có thể đọc thấy mấy chữ Fish Market (Chợ cá), ông thống lĩnh Đạo quân Cứu thế tiếp chúng tôi cùng với toàn bộ Ban tham mưu của ông gồm có những hội viên cả nam lẫn nữ. Ông có biết một ít tiếng Pháp, còn thì mọi người đều nói với chúng tôi bằng tiếng Anh. Chúng tôi không hiểu được bao nhiêu, nhưng gương mặt họ tươi cười ánh mắt họ niềm nở đến nỗi chúng tôi đều biết chắc đó là những lời lẽ đầy tình thân ái.
Người ta đưa chúng tôi lên một căn phòng ở tầng thứ ba, có ba cái giường - cái thứ ba dành sẵn cho Clousiot - ăn thông với một căn buồng tắm có để sẵn xà phòng và khăn mặt cho chúng tôi

dùng. Sau khi đưa chúng tôi về phòng, ông thống lĩnh nói:
- Nếu các ông muốn dùng bữa, đến bảy giờ, tức nửa tiếng nữa, các ông có thể dự bữa ăn tối chung của khách sạn.
- Thôi ạ, chúng tôi không đói.
- Nếu các ông muốn đi dạo phố, xin các ông cầm lấy hai đồng dollars tiền Antilles này để uống chén cà phê hay chén trà. Nhất là xin các ông đừng đi lạc. Khi nào muốn về khách sạn, xin các ông hỏi đường bằng mấy chữ đơn giản: “Salvation Army, please?”.
Mười phút sau chúng tôi đã ra phố. Chúng tôi đi trên vỉa hè, chen vai thích cánh với khách qua đường. Chẳng ai nhìn ngó chúng tôi, chẳng ai để ý đến chúng tôi. Chúng tôi thở thật sâu, bồi hồi thưởng thức những bước đi tự do đầu tiên trong một thành phố. Sự tin cậy thường xuyên đã khiến người ta để cho chúng tôi đi tự do trong một thành phố khá lớn như thế này làm cho chúng tôi hởi lòng, và không những đem lại cho chúng tôi lòng tự tin, mà còn soi sáng thêm cho chúng tôi hoàn toàn ý thức được rằng không đời nào mình lại có thể phụ lòng tin ấy. Maturette và tôi đi chầm chậm giữa đám đông. Chúng tôi thấy cần chen vai thích cánh với họ, được họ chen lấn xô đẩy, được họ đồng hóa thành một bộ phận của họ. Chúng tôi vào một quán bao gọi hai cốc bia. “Two beers, please” - mấy tiếng đó có gì lạ đâu? Phải, nó nghe tự nhiên hoàn toàn. ấy thế mà chúng tôi vẫn thấy có cái gì hoang

đường, huyễn hoặc khi một người con gái Anh-điêng đeo cái vỏ ốc vàng trong mũi nói với chúng tôi sau khi dọn bia ra: "Half a dollar, sir". Nụ cười của cô gái với hàm răng như chuỗi ngọc trai, đôi mắt to màu đen tím hơi xếch ở bên khóe, mái tóc huyền xõa ngang vai, chiếc yếm hơi hở ở chỗ đôi vú bắt đầu, đủ cho người ta đoán được vẻ đẹp tuyệt vời của đôi vú ấy, những thứ vặt vãnh và toàn hoàn tự nhiên đối với mọi người ấy đối với chúng tôi lại là những chuyện thần tiên huyền ảo. Ơ kìa, Papi, không phải đâu, không thể như thế được, chẳng lẽ đang là một xác chết còn sống, mà một tên tù khổ sai chung thân, mà bỗng dưng đùng một cái đã hóa thành một người tự do sao?

Vừa rồi là Maturette trả tiền bia, cậu ta chỉ còn nửa dollar. Bia mát rượi uống đã lắm. Maturette bàn: "Uống thêm cốc nữa nhé?" Cái việc uống liền một lúc hai chầu bia tôi thấy là không nên:

- Kìa, Maturette, cậu mới được thực sự tự do có chưa đầy một tiếng đồng hồ mà đã muốn say sưa be bét rồi?

- ồ! Em xin anh, Papi, anh đừng nói quá lời! Uống hai cốc bia mà anh gọi là say sưa be bét?

- Có thể cậu có lý, nhưng tôi cho rằng nếu đứng đắn thì không nên vồ lấy những lạc thú trước mắt. Theo tôi nên nhấm nháp từng tí một thì hơn là nhai ngấu nhai nghiến. Vả lại tiền có phải của mình đâu.

- Vâng, đúng thế thật, anh có lý. Ta sẽ học sống tự do theo kiểu

nhỏ giọt, như thế xứng đáng hơn. Chúng tôi rời khách sạn đi ra dãy phố lớn chạy suốt từ đầu đến cuối thành phố - gọi là Watters Street. Và chúng tôi hân hoan với những chuyến tàu điện qua lại, với những con lừa kéo xe, những chiếc xe hơi, những ánh đèn điện quảng cáo ở các rạp chiếu bóng và các quán rượu ban đêm, với những đôi mắt của các thiếu nữ da đen hay ấn Độ vừa nhìn chúng tôi vừa cười, đến nỗi chúng tôi không hề có chủ đích mà cũng đã ra đến cảng từ bao giờ không biết. Trước mặt chúng tôi là những chiếc tàu thủy đèn thắp sáng trưng, những chiếc thuyền du lịch với những tên gọi diệu huyền: Panama, Los Aggeles, Boston, Québec; những chiếc tàu chở hàng: Hamburg, Amsterdam, London, và chạy dài dọc bờ xây, xế hàng san sát vào nhau, là những quán ăn, quán rượu, quán bar đầy những khách nam nữ đang ăn, uống, nói, cười, lớn tiếng cãi cọ với nhau. Bỗng nhiên một nhu cầu không sao cưỡng nổi giục giã tôi trà trộn vào đám đông này, chen vai thích cánh với những con người có lẽ cũng phàm tục, nhưng lại đầy sức sống.

ở sân hiên một quán bar có những dãy thùng nước đáp ướp nào sò, nào nhím biển, nào tôm càng, nào "dao biển", nào trai, nào vẹm, cả một cuộc trưng bày những món ăn hải sản ngon lành cám dỗ người qua đường. Những chiếc bàn tải khăn ca-rô trắng chen đỏ, phần nhiều đều có khách ngồi, như đang chào mời chúng tôi. Những cô gái da nâu nhạt, nét mặt thanh tú, loại con

gái lai da đen nhưng không còn giữ lại một nét nào của chủng tộc negroid, thân hình bó chặt trong những bộ coóc-xê đủ màu cổ hở rất rộng, đang đứng chào hàng, lại càng khiến cho người ta muốn thưởng thức các thứ đó hơn nữa. Tôi đến cạnh một cô gái, nói:

- French money good? (Tiền Pháp tốt không?) - vừa nói vừa đưa ra một tờ giấy bạc một ngàn francs.

- Yes, I change for you (Tốt, tôi đổi giúp ông).

Cô ta cầm lấy tờ giấy bạc rồi mất hút trong căn phòng chật ních những người. Một lát sau cô ta trở lại, nói: "Come here (đến đây"), rồi dẫn tôi đến chỗ quầy tính tiền. Có một người Tàu đang ngồi đấy.

- Ông là người Pháp?

- Vâng.

- Đổi một ngàn francs à?

- Vâng.

- Đổi hết ra dollars Artilles à?

- Vâng.

- Hộ chiếu đâu?

- Không có.

- Thẻ thủy thủ?

- Không có.

- Giấy nhập cảnh?

- Không có.

- Được

Người tàu nói mấy tiếng với cô gái, cô ta nhìn căn phòng một thoáng rồi đến cạnh một người dáng dấp như một thủy thủ, đội một cái mũ cát-kết giống như cái của tôi, có một vành lon kim tuyến và một cái mỏ neo, rồi dẫn hắn đến cạnh quầy tính tiền. Người tàu nói:

- Giấy căn cước anh đâu?

- Đây

Thế là người Tàu thản nhiên như không làm một tờ phiếu đổi một ngàn francs mang tên người lạ mặt, bảo hắn ký vào, xong đâu đấy cô gái cầm cánh tay hắn lôi đi. Chắc chắn là người kia không sao biết được việc gì đang xảy ra. Còn tôi thì nhận hai trăm năm mươi dollars Antilles trong đó có năm mươi dollars bằng giấy ăn một và ăn hai dollars. Tôi đưa cho cô gái một dollar, chúng tôi đi ra ngoài và ngồi vào bàn gọi đủ các thứ món hải vị và mấy chai rượu vang trắng loại mạnh, chén một bữa ngon tuyệt trần.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

IV. Vượt ngục lần thứ nhất

Trinidad

Tôi nhớ lai rõ mồn một, như thể mới hôm qua, cái đêm tự do đầu tiên trong thành phố thuộc Anh này. Chúng tôi đi khắp nơi, say sưa vì ánh đèn điện, vì cái cảm giác ấm áp trong lòng chúng tôi, luôn luôn hoà đồng với linh hồn của cái đám đông tươi cười và sung sướng của dân thành phố đang sống tràn đầy hạnh phúc. Một cái quán rượu đầy những thủy thủ và những gái nhiệt đới đang đợi họ để dốc túi họ. Nhưng những cô gái này không có gì dơ dáy, không thể so sánh với những giới mãi dâm của Paris, Le Havre hay Marseille. Đây là một cái gì khác hẳn. Thay vì những bộ mặt bự phấn, hằn sâu những dấu vết của trụy lạc, với những đôi mắt long lên như trong cơn sốt và đầy vẻ xảo quyệt, đây là những người con gái thuộc đủ các màu da, từ cô gái Trung Hoa cho đến cô gái Phi Châu da đen, qua trung gian của màu sô-cô-la nhạt với mái tóc trơn phẳng, đến người con gái ấn Độ hay Java: bố mẹ họ vốn thuộc những chủng tộc khác nhau đã tiếp xúc với

nhau trong những đồn điền trồng cacao hay trồng mía, hoặc cô gái thổ dân lai Trung Hoa hay lai ấn Độ với cái vỏ ốc bằng vàng cài trong mũi, cô gái Llapane với những đường nét La Mã cổ đại, gương mặt màu đồng đỏ được soi sáng bằng đôi mắt to lạ lùng, đen nhánh, sáng rực, với hai hàng mi rất dài, ưỡn bộ ngực để hở rất rộng như muốn nói: "Hãy nhìn bộ ngực của tôi đây: hoàn hảo đến thế là cùng", tất cả những cô gái ấy, mỗi cô cài lên mái tóc những bông hoa có màu sắc khác nhau, đều bộc lộ những cảm xúc nồng cháy của tình yêu, khiêu khích những ước vọng lứa đôi, mà không có chút gì là tục tĩu, không có chút gì là thương mại; những cô gái ấy không làm cho người ta có cảm giác là họ đang làm một công việc để kiếm sống, vì họ có vẻ như đang vui chơi thực sự và người ta thấy rằng tiền bạc đối với họ tuyệt nhiên không phải là cái chính ở đời.

Như hai con bọ vừng bay quờ quạng đâm vào những ngọn đèn, Maturette và tôi hai đứa cứ la cà từ bar này đèn bar khác. Mãi đến khi bước chân tới một quãng trường nhỏ tràn ngập ánh đèn tôi mới nhìn thấy giờ trên cái đồng hồ của một ngôi nhà thờ hay đền đài gì đấy. Hai giờ. Đã hai giờ sáng Thôi chết rồi, phải về thật mau. Chúng tôi đã lạm dụng tình thế: Chắc hẳn ông thống lĩnh của Đạo quán Cứu thế phải nghĩ về chúng tôi những điều chẳng hay một chút nào. Phải về ngay thôi. Tôi chặn một chiếc tắc-xi và leo vội lên, chỉ một lát sau là về đến khách sạn: two

dollar! Tôi trả tiền, và chúng tôi trở về khách sạn, rất xấu hổ. ở gian tiền sảnh, một nữ chiến sĩ của Đạo quân Cứu thế, tóc vàng, rất trẻ - khoảng hai mươi lăm hay ba mươi tuổi là cùng - ra đón chúng tôi một cách vui vẻ nhã nhặn.

Cô ta không hề có vẻ ngạc nhiên hay bực bội khi thấy chúng tôi về muộn như vậy. Sau vài câu thăm hỏi bằng tiếng Anh mà chúng tôi đoán là thân ái và niềm nở, cô ta trao cho chúng tôi cái chìa khóa buồng và chúc chúng tôi ngủ ngon. Chúng tôi đi ngủ. Trong va-li, tôi thấy có để một bộ pyjama. Lúc sắp tắt đèn, Maturette nói với tôi: "Dù sao chúng mình cũng nên cám ơn Đức chúa lòng lành đã cho chúng ta nhiều món quà như vậy trong một thời gian ngắn ngủi như vậy. Anh thấy thế nào hở Papi?"

- Cậu hãy cám ơn giúp tôi cái ông Chúa lòng lành của cậu một thể: đó là một anh chàng rất khá. Và đúng như cậu đã nói một cách rất hay ho, anh ta quả đã tỏ ra hào phóng lạ lùng đối với chúng ta. Tôi chúc cậu ngủ ngon. - Nói đoạn tôi tắt đèn.

Cuộc hồi sinh này, chuyến đi từ mộ địa trở về với cuộc sống này, cuộc trốn thoát khỏi cái huyệt mà người ta đã chôn tôi xuống, tất cả những nỗi xúc động liên tiếp và cái đêm đã làm cho tôi được nhập vào cuộc sống trở lại cùng với đám dân đảo ở quanh tôi, tất cả những cái đó đã kích thích tôi mạnh đến nỗi tôi không sao ngủ được. Tôi nhắm mắt lại, nhưng trước mắt tôi không phải là bóng tối mà là những hình ảnh muôn màu muôn sắc như trong một

ống kính vạn hoa: những hình bóng, những sự vật, cả cái mớ đa dạng của những cảm giác pha trộn vào nhau, dồn dập đến với tôi không hề theo một trật tự thời gian nào hết, tuy rất rõ nét nhưng lại hết sức lộn xộn: phiên tòa Đại hình, nhà lao Conciergerie, rồi thì hòn đảo của những người hủi, rồi thì Saint-Martin-de-Ré, Trobuillard, Jésus, trận bão biển... Trong một điệu vũ quái đản, dường như tất cả những gì tôi đã sống qua trong một năm đều muốn hiện ra cùng một lúc trong gian phòng trưng bày những kỷ niệm của tôi. Tôi cố xua đuổi những hình ảnh ấy đi mà không sao xua đuổi được. Nhưng ngộ nghĩnh nhất là những hình ảnh ấy đều bị trộn lẫn với những tiếng lợn kêu, những tiếng ho cò gáy, tiếng gió hú, tiếng sóng gầm và tất cả những tiếng đó đều được bao trùm trong tiếng những cây đàn cò một dây mà mấy anh nhạc công ấn Độ đã chơi ban nãy trong các quán bar chúng tôi đã đi qua.

Cuối cùng tôi ngủ thiếp đi vào lúc tờ mờ sáng. Vào khoảng mười giờ có tiếng gõ cửa phòng. Đó là luật sư Bowen tươi cười đến thăm chúng tôi. Chào các bạn. Hãy còn ngủ kia à? Chắc hôm qua về khuya hả? Đi chơi phố có vui không?

- Chào luật sư. Vâng. chúng tôi về khuya quá, luật sư thứ lỗi cho.

- Ơ kìa, có gì mà thứ lỗi! Sau tất cả những gì các ông đã phải chịu đựng thì đó là điều hoàn toàn bình thường. Nhất định các ông phải tận hưởng cái đêm đầu tiên được làm người tự do chứ!

Tôi đến để cùng đi với hai ông ra Sở Cảnh sát. Các ông phải đến trình diện với cảnh sát để tuyên bố chính thức rằng các ông đã vào lãnh thổ xứ này một cách bất hợp pháp. Làm xong cái thủ tục này ta sẽ đi thăm ông bạn bị thương của các ông. Từ sớm họ đã chiếu điện cho ông ấy. Ta sẽ biết kết quả sau. Sau khi rửa mặt và mặc áo quần thật nhanh, chúng tôi đi xuống phòng dưới, nơi ông Bowen và ông thống lĩnh đang chờ chúng tôi.

- Chào các bạn, - ông thống lĩnh nói bằng tiếng Pháp đặc giọng Anh.

- Xin chào tất cả. Các vị có khỏe không?

Một nữ sĩ quan của Đạo quân Cứu thế nói với chúng tôi:

- Các ông thấy Port of Spain thế nào? Có dễ chịu không?

- ồ, thưa bà rất dễ chịu! Chúng tôi rất thích.

Sau khi uống tách cà-phê, chúng tôi đến Sở Cảnh sát Chúng tôi đi bộ vì sở chỉ cách khách sạn khoảng hai trăm thước. Tất cả các cảnh sát viên đều chào chúng tôi và nhìn chúng tôi không có vẻ gì tò mò đặc biệt. Chúng tôi bước vào một văn phòng trang nghiêm sau khi đi qua trước mặt hai người lính canh da màu gỗ mun mặc quân phục ka ki. Một viên sĩ quan trạc ngũ tuần, sơ-mi và ca-vát đều bằng vải ka li, ngực đeo đầy huy chương và huy hiệu, đứng dậy. Ông ta mặc quần soóc ông ta nói bằng tiếng Pháp:

- Chào các ông. Các ông ngồi xuống. Trước khi ghi nhận chính

thức lời khai của các ông, tôi muốn được nói chuyện với các ông một chút. Hai ông bao nhiêu tuổi?

- Tôi hai mươi sáu tuổi, còn bạn tôi mười chín.

- Các ông bị xử vì tội gì?

- Tội giết người.

- Các ông bị xử án gì?

- Khổ sai chung thân.

- Thế thì không phải là vì tội giết người đơn thuần, mà là vì tội giết người có chủ ý?

- Thưa ông không phải, tôi chỉ bị buộc tội giết người.

- Còn tôi thì giết người có chủ ý, - Maturette nói - Lúc bấy giờ tôi mới mười bảy tuổi.

- ở tuổi mười hãy người ta có ý thức về việc mình làm, - viên sĩ quan nói. - ở Anh, nếu tội trạng ấy đã có bằng chứng rõ ràng, anh sẽ bị treo cổ. Thôi được, nhà chức trách của nước Anh không có bổn phận phê phán cách xử án của nước Pháp. Những điều mà ta phản đối là việc đày phạm nhân sang Guyane thuộc Pháp. Chúng tôi cho rằng đó là một hình phạt vô nhân đạo và không xứng đáng với một quốc gia văn minh như nước Pháp. Nhưng có điều đáng tiếc là các ông không thể ở lại Trinidad hay bất cứ một hòn đảo thuộc Anh nào khác. Điều đó không thể được. Vì vậy tôi yêu cầu các ông xử sự một cách trung thực và không tìm cách trì hoãn việc ra đi, không lấy cớ đau ốm hoặc viện một lý do nào

khác để ở lại sau khi đã hết hạn tạm trú. Các ông có thể nghỉ ngơi tự do ở Port of Spain từ mười lăm đến mười tám ngày. Chiếc thuyền của các ông hình như cũng tốt. Tôi sẽ cho đưa nó về đây bảo quản ở cảng. Nếu cần sửa chữa gì, thợ mộc của Hải quân Hoàng gia sẽ sửa chữa cho các ông. Khi ra đi các ông sẽ nhận được tất cả các thứ lương thực cần thiết, một cái địa bàn tốt và một tấm bản đồ hàng hải. Tôi hy vọng rằng các nước Nam Mỹ sẽ chịu tiếp nhận các ông. Các ông đừng đến Venezuela vì các ông sẽ bị bắt và bị cưỡng bức làm việc trên các đường cái cho đến ngày họ trao trả các ông cho nhà chức trách Pháp. Sau một lầm lỗi nghiêm trọng, một con người không thể vĩnh viễn bị cưỡng bức phải trở thành người bỏ đi. Các ông trẻ và khỏe mạnh, dung mạo của các ông rất dễ có cảm tình, cho nên tôi hy vọng rằng sau những nỗi cay cực mà các ông đã phải chịu đựng, các ông sẽ không chấp nhận rằng mình đã bị đánh gục vĩnh viễn. Chỉ riêng cái việc các ông đã vượt biển đến tận đây cũng đủ chứng minh điều ngược lại. Tôi lấy làm sung sướng được làm một trong những nhân tố giúp các ông trở thành những người tốt và có trách nhiệm. Tôi xin chúc các ông may mắn. Nếu các ông có vấn đề gì khó giải quyết các ông cứ gọi điện thoại về số này, sẽ có người trả lời các ông bằng tiếng Pháp.

Ông ta bấm chuông gọi, và một người mặc thường phục đến tìm chúng tôi. Trong một gian phòng có nhiều người mặc quân phục

cảnh sát hoặc thường phục đang ngồi đánh máy, một viên chức ghi nhận lời khai của chúng tôi.

- Các ông đến Trinidad vì mục đích gì?

- Để nghỉ ngơi.

- Các ông từ đâu đến?

- Từ Guyane thuộc Pháp.

- Để vượt ngục, các ông có làm thêm điều gì phạm pháp, có gây thương tích hoặc làm thiệt mạng người khác hay không?

- Chúng tôi không làm ai bị thương nặng cả.

- Sao các ông biết?

- Chúng tôi được biết như thế trước khi lên đường.

- Tuổi của các ông, vị thế hình sự của các ông đối với nước Pháp (v.v...)

- Thưa các ông, các ông cớ mười lăm đến mười tám ngày để nghỉ ngơi ở đây. Các ông hoàn toàn tự do muốn làm gì thì làm trong thời gian đó. Nếu các ông đổi khách sạn, xin các ong báo cho chúng tôi biết. Tôi là trung sĩ Willy. Đây là danh thiếp của tôi, có hai số điện thoại: số này là điện thoại chính thức của Sở, còn số này là nhà riêng của tôi. Dù có xảy ra chuyện gì, khi cần đến sự giúp đỡ của tôi các ông cứ gọi điện ngay cho tôi. Chúng tôi biết rằng sự tin cậy của chúng tôi đối với các ông là đúng chỗ. Tôi tin chắc rằng các ông sẽ xử sự đúng đắn.

Lát sau ông Bowen đưa chúng tôi đến bệnh viện. Clousiot mừng

lắm. Chúng tôi không kể lại cho cậu ấy nghe cái đêm vừa qua trong thành phố. Chúng tôi chỉ nói rằng người ta để cho chúng tôi muốn đi đâu thì đi.

Clousiot sửng sốt hỏi:

- Không có người áp giải à?

- Phải, không có ai đi áp giải hết.

- Chà, cái dân roastbeef (ý cậu ta muốn nói người Anh) kỳ quặc thật!

Ông Bowen từ nãy đi tìm ông bác sĩ, bây giờ đã trở lại với ông ta. Ông bác sĩ hỏi Clousiot:

- Ai đã lắp lại chỗ xương gãy trước khi buộc nẹp ván vào ống chân?

- Tôi và một người khác nữa, bây giờ không có ở đây

- Ông đã lắp rất đúng, thành thử không cần phải làm gãy lại cái xương chân. Xương bánh chè đã được ghép lại rất khớp. Bây giờ chỉ cần bó bột và lắp thêm một que sắt để ông có thể đi lại chút ít. Ông thích ở lại đây hơn hay là đi với các bạn ông?

- Tôi đi với họ thôi.

- Thế thì sáng mai ông có thể đi với họ.

Chúng tôi cảm ơn rối rít. Ông Bowen và ông bác sĩ lui ra để cho chúng tôi ngồi lại suốt buổi sáng và buổi trưa với bạn chúng tôi. Hôm sau, chúng tôi vui như ngày hội khi cả ba chúng tôi tụ tập đáy đủ trong căn phòng ở khách sạn, cửa sổ mở rộng và bao

nhiêu quạt đều chạy để cho căn phòng thật thoáng khí. Chúng tôi không ngớt khen ngợi nhau về gương mặt khỏe mạnh sáng sủa và về dáng dấp bảnh bao trong những bộ áo quần mới. Khi thấy câu chuyện lại quay về quá khứ, tôi nói với các bạn:

- Chuyện quá khứ thì bây giờ ta hãy cố gắng quên đi, chỉ nên nghĩ đến hiện tại và tương lai mà thôi. Chúng ta sẽ đi đâu? Colombia chăng? Panama chăng? Hay Costa Rica? Cần phải hỏi ý kiến ông Bowen xem thử ở những nước nào ta có nhiều khả năng được chấp nhận hơn.

Tôi gọi điện đến văn phòng luật sư của ông Bowen, nhưng không có ông ở đấy. Tôi gọi về nhà ông ở San Fernando, người cầm ống máy lên là cô con gái ông luật sư. Sau khì trao đổi mấy lời thăm hỏi ân cần, cô ấy nói:

- Ông Henri ạ, gần bến khách sạn, ở Chợ cá, có những chuyến xe buýt đi San Fernando. Sao ông không đến chơi nhà chúng tôi vào buổi chiều? Ông đến nhé, tôi đợi ông đấy!

Thế là cả ba chúng tôi lên xe đi San Fernando. Clousiot trông thật bảnh trong bộ áo quần bán quân sự màu thuốc lá của cậu ta. Chuyến đi trở về ngôi nhà đã đón tiếp chúng tôi nồng hậu như vậy làm cho cả ba chúng tôi đều xúc động. Dường như hai người phụ nữ ấy cũng hiểu nỗi xúc động của chúng tôi, vì họ cùng nói một lúc: “Thế là các bạn đã lại trở về ngôi nhà của các bạn. Các bạn ngồi xuống đi cho thoải mái”. Bây giờ hai nữ chủ nhân

không còn gọi chúng tôi là "Monsieur" nữa, mỗi lần nói với chúng tôi họ đều gọi bằng anh hay gọi thẳng tên riêng như chỗ thân tình: "Henri, anh cho tôi xin hũ đường"; Andre (Đó là tên riêng của Maturette) anh ăn thêm miếng bánh pudding nữa nhé?" Bà Bowen và cô Bowen ơi, tôi hy vọng rằng đến giờ này Trời đã ban thưởng cho hai người vì lòng nhân hậu tuyệt vời đối với chúng tôi, và xin cầu mong cho tâm hồn cao đẹp của hai người, đã đem lại cho chúng tôi những niềm vui xán lạn như vậy trên quãng đường đời còn lại, sẽ chỉ gặp toàn hạnh phúc tột độ mà thôi.

Chúng tôi bàn bạc với hai mẹ con bà Bowen, quây quần xung quanh một tấm bản đồ trải ra trên bân. Nhưng khoảng cách mà chúng tôi sẽ phải vượt qua còn rất lớn: một ngàn hai trăm cây số để đến cảng gần nhất của xứ Colombia là Santa Marta, hai ngàn một trăm cây số để đến Panama; hai ngàn năm trăm cây số để đến Costa Rica. Ông Bowen đã về. Ông nói: "Tôi đã gọi điện cho tất cả lãnh sự quán, và bây giờ tôi có thể thông báo một tin mừng: các bạn có thể ghé Cuarcao vài ngày để nghỉ ngơi. Nước Colombia thì chưa có gì rõ ràng lắm về cách xử lý đối với người vượt ngục. Theo chỗ ông lãnh sự được biết thì xưa nay chưa bao giờ thấy có những người vượt ngục đến Colombia bằng đường biển. Panama và những nơi khác cũng thế".

- Tôi biết một chỗ an toàn cho các anh, - cô Margaret, con gái

ông Bowen, nói. - Nhưng chỗ ấy xa lắm, đến ba ngàn cây số là ít.
- ở đâu thế? - Cha cô hỏi
- Xứ Honduras thuộc Anh. Ông thống đốc xứ này là cha đỡ đầu của tôi.
Tôi nhìn các bạn và nói: "Vậy thì mục tiêu sẽ là xứ Honduras thuộc Anh". Đó là một thuộc địa của Vương quốc Hợp nhất* (*United Kingdom, tên gọi chung cho các xứ Anh-Cát-lợi, Tô Cách-lan, Bắc Ai-len) phía nam giáp nước cộng hòa Honduras, phía bắc giáp Mexico.
Chúng tôi ngồi suốt buổi chiều vạch tuyến đường vượt biển trên bản đồ, với sự giúp đỡ của Margaret và mẹ cô. Chặng thứ nhất Trinidad - Curacao, một ngàn cây số. Chặng thứ hai: từ Caracao đến một hòn đảo bất kỳ sẽ gặp trên đường đi. Chặng thứ ba: Honduras thuộc Anh.
Vì không thể nào lường trước được tất cả những gì có thể xảy ra giữa biển, hai bà quyết định rằng ngoài các món lương thực mà cảnh sát sẽ cung cấp cho chúng tôi phải đem theo một cái thùng nữa đựng các món ăn dự trữ đóng hộp: thịt, rau quả, mứt, cá, v.v... Margaret nói với chúng tôi rằng cửa hàng siêu thị "Salvattori" sẽ vui lòng biếu chúng tôi số đồ hộp đó. Và cô nói thêm một cách hồn nhiên:
- Nếu họ từ chối thì mẹ tôi sẽ mua thôi.
- Không được đâu, cô ạ.

- Thôi anh im đi, anh Henri ạ.
- Không được đâu mà, vì chúng tôi có tiền. Chúng tôi không thể lạm dụng lòng tốt của các vị trọng khi có thể tự mình mua lấy các thứ đó.

Chiếc thuyền của chúng tôi đang ở Port of Spain, đậu dưới một cái mái che của hải quân Anh. Chúng tôi từ biệt gia đình ông Bowen, hẹn là trước khi lên đường sẽ đến thăm họ một lần cuối. Tối nào cũng vậy, đến mười một giờ, chúng tôi đều ra khỏi nhà một cách đều đặn như thực hiện một nghi lễ tôn giáo. Clousiot ngồi xuống một cái ghế đá trong công viên nhộn nhịp nhất của thành phố, Maturette và tôi thay phiên nhau ngồi với cậu ta trong khi người kia đi dạo phố. Chúng tôi ở đây đã được mười ngày. Clousiot đi lại không đến nỗi khó khăn lắm nhờ cái que sắt luồn dưới lớp bột bó chân. Chúng tôi đã biết cách ra cảng bằng xe điện. Chúng tôi hay ra đấy vào buổi chiều hay buổi tối. Đã có mấy quán bar ở cảng biết mặt chúng tôi và coi chúng tôi như khách quen. Những viên cảnh sát trực đều chào chúng tôi, ai nấy đều biết chúng tôi là ai và ở đâu đến, không bao giờ có ai ám chỉ bất cứ điều gì. Nhưng dần đần chúng tôi nhận thấy rằng trong các quấn bar biết mặt chúng tôi, họ tính tiền các món ăn thức uống rẻ hơn so với khách thủy thủ. Mấy cô gái chiếu đãi cũng vậy. Thường thường khi mấy cô ngồi ở bàn các thủy thủ, các sĩ quan hay khách đu lịch, họ uống lấy uống để và tìm cách làm

cho khách tiêu xài càng nhiều càng tốt. ở những quán bar có nhảy đầm, họ không bao giờ chịu nhảy với khách nếu chưa được khách mời uống mấy cốc. Nhưng với chúng tôi, tất cả các cô đều có thái độ khác. Họ ngồi chơi với chúng tôi rất lâu mà chẳng chịu uống gì phải năn nỉ lắm họ mới chịu uống một chầu để chúc sức khỏe chúng tôi. Nếu họ chịu uống thì đó không phải để nhấp cái ly tý hon trứ danh của họ mà là uống một cốc bia hay một cốc whisky anh soda thực sự. Tất cả những điều đó đều làm cho chúng tôi rất vui lòng, vì đó là một cách gián tiếp để nói với chúng tôi rằng họ biết rõ tình cảnh của chúng tôi và đồng cảm với chúng tôi: Chiếc thuyền đã được sơn lại và lắp thêm mặt đường viền cao mười phân. Cái trụ đáy đã được củng cố lại. Những đường gân bên trong lòng có chỗ nào bị hư hại, chiếc thuyền vẫn tốt nguyên. Cột buồm đã được thay thế bằng một cái cột mới cao hơn nhưng nhẹ hơn cái cũ; lá buồm foc và cái buồm chéo bằng bao bố được thay bằng vải toan tốt màu gạch. ở sở hàng hải, một thiếu tá thuyền trưởng đã trao cho tôi một cái địa bàn có "hoa hồng gió bốn phương" (họ gọi là compass) và giảng giải cho tôi biết cách dùng địa đồ để xác định ước chừng vị trí của thuyền trên biển. Đường đi của chúng tôi vạch theo hướng tây 1/4 bắc để đến Curacao.

Ông thiếu ta hải quân giới thiệu tôi với một sĩ quan hàng hải chỉ huy chiếc tàu huấn luyện Tarpon. Ông này hỏi tôi xem thử tôi có

vui lòng xuống thuyền vào khoảng tám giờ sáng mai và lái thuyền ra khỏi cảng một chút không. Tôi chẳng hiểu như thế để làm gì nhưng tôi cứ hứa. Sáng hôm sau, tôi và Maturette có mặt ở sở hàng hải đúng giờ đã hẹn. Một thủy thủ xuống thuyền với chúng tôi, và tôi cho thuyền ra khỏi cảng dưới một làn gió xuôi. Hai giờ sau, trong khi chúng tôi đang thử lật buồm để vào cảng rồi lại ra cảng, thì thấy một chiến hạm tiến về phía chúng tôi. Trên boong tàu, toàn bộ thủy thủ đoàn và sĩ quan mặc quân phục trắng đã xếp hàng chỉnh tề. Họ đi qua gần sát chúng tôi và hô "Urra!" rồi họ đi vòng lại một vòng và hạ cờ hai lần. Đó là một cách chào trọng thể mà tôi không hiểu ý nghĩa cho lắm. Chúng tôi trở về phần cảng của sở hàng hải khi chiếc chiến hạm đã đậu ở bến. Thuyền của chúng tôi được buộc vào kè xây. Người thủy thủ ra hiệu cho chúng tôi, chúng tôi đi theo anh ta lên tàu. Viên thuyền trưởng đứng trên cầu quan sát tiếp chúng tôi. Một tiếng còi có chuyển giọng đón chào chúng tôi, và sau khi giới thiệu chúng tôi và với các sĩ quan, họ đưa chúng tôi đi trước hàng ngũ các học sinh quân và hạ sĩ quan đang đứng nghiêm. Viên thuyền trưởng nói với họ vài lời bằng tiếng Anh, rồi họ giải tán. Một sĩ quan trẻ tuổi giảng giải cho tôi hiểu rằng ông thuyền trưởng vừa nói với các học sinh quân đang được huấn luyện trên tàu rằng chúng tôi đáng được các thuỷ thủ khâm phục vì đã vượt qua một hành trình dài như vậy trên chiếc thuyền nhỏ bé này, và chúng

tôi sắp thực hiện một hành trình còn dài hơn và nguy hiểm hơn nữa. Chúng tôi cảm ơn viên sĩ quan về cái vinh dự lớn lao đó. Ông ta tặng chúng tôi ba bộ áo bằng vải tráng nhựa sau này sẽ rất có ích cho chúng tôi. Đó là những bộ áo không thấm nước màu đen có một cái fermeture éclair to tướng, có đính thêm mũ chụp sau cổ.

Hai ngày trước khi lên đường, luật sư Bowen đến thăm chúng tôi và chuyển lời yêu cầu của viên tổng giám đốc cảnh sát đề nghị chúng tôi đem theo ba người bị đày biệt xứ vừa bị bắt cách đây một tuần. Theo lời khai của họ, họ được các bạn họ ghé thuyền cho đo bộ lên đảo trước khi tiếp tục vượt biển đi Venezuela. Tôi không muốn làm theo yêu cầu này, nhưng chúng tôi đã được đối xử một cách quá ư cao thượng để có thể từ chối. Tôi xin gặp họ trước khi trả lời. Một chiếc xe cảnh sát đến đón tôi. Tôi gặp qua ông Tổng giám đốc, tức viên sĩ quan đeo lon đã chất vấn chúng tôi hôm chúng tôi mới đến. Trung sĩ Willy làm phiên dịch.

- Các ông có khoẻ không?

- Cám ơn ông, khỏe cả.

- Chúng tôi đang cần các ông giúp cho một việc.

- Nếu có thể giúp được, chúng tôi rất vui lòng.

- ở nhà lao của chúng tôi có ba người Pháp bị đày biệt xứ. Họ đã lén lút trên đảo mấy tuần và khai rằng đã bị các bạn bỏ lại đây và đi tiếp. Chúng tôi nghĩ rằng họ đã đánh đắm chiếc thuyền của họ,

nhưng mỗi người đều khai là không biết điều khiển thuyền bè gì cả.

Chúng tôi nghĩ rằng đó là một thủ đoạn để ép chúng tôi phải cấp thuyền cho họ. Chúng tôi phải tìm cách cho họ đi: nếu không, tôi sẽ buộc lòng trao họ cho viên cảnh sát trên chuyến tàu Pháp đầu tiên ghé qua đây, và đó là một điều rất đáng tiếc.

- Thưa ông tổng giám đốc, tôi sẽ hết sức cố gắng chiều theo yêu cầu của ông, nhưng tôi muốn nói chuyện với họ đã. Chắc ông cũng hiểu rằng nhận chở trên thuyền mình ba người lạ là một việc nguy hiểm.

- Tôi hiểu. Willy, xin ông lệnh đưa ba tù nhân người Pháp ra sân. Tôi muốn gặp riêng họ cho nên yêu cầu viên trung sĩ lui ra.

- Các anh bị đày biệt xứ, phải không?

- Không, chúng tôi là tù khổ sai.

- Thế tại sao các anh nói là bị đày biệt xứ?

- Chúng tôi nghĩ rằng họ có cảm tình với một người chỉ phạm pháp vụn vặt hơn là vôi một người đã phạm tội nặng. Chúng tôi đã thấy rõ rằng nghĩ như thế là lầm. Còn anh, anh là ai?

- Một phạm nhân khổ sai.

- Chúng tôi không biết anh.

- Tôi thuộc chuyến áp giải sau chót, còn anh?

- Chuyến 1929.

- Tôi thì thuộc chuyến 1927, - người thứ ba nói.

- Đây, ông tổng giám đốc có gọi tôi đến để yêu cầu tôi cho các anh cùng đi với chúng tôi. Chúng tôi đã ba người rồi ông ta nói rằng nếu tôi từ chối, trong hoàn cảnh các anh không có người nào biết đi thuyền buồm, ông ta sẽ phải giao các anh cho chuyến tàu Pháp đầu tiên ghé qua đây. Các anh thấy thế nào?
- Vì những lý do chỉ liên quan đến chứng tôi, chứng tôi không muốn vượt biển nữa. Chúng tôi có thể giả vờ ra đi với các anh, rồi anh sẽ thả chúng tôi xuống ở cuối đảo và sẽ tiếp tục vượt biển.
- Tôi không thể làm như thế được!
- Tại sao?
- Tại vì tôi không thể đền đáp những cách xử sự tốt đẹp của họ bằng một hành động gian dối được.
- Thiết tưởng anh phải dành ưu tiên cho dân khổ sai trước khi nghĩ đến bọn roastbeef chứ!
- Tại sao?
- Vì anh là dân khổ sai.
- Đúng, nhưng dân khổ sai có lắm thứ khác nhau đến nỗi giữa các anh và tôi rất có thể còn khác nhau hơn là giữa tôi và bọn roastbeef. Cái đó còn tùy ở cách nhìn nhận.
- Vậy là anh để cho họ trả chúng tôi cho nhà chức trách Pháp hay sao?
- Không, nhưng tôi cũng sẽ không cho các anh xuống trước khi

đến Curacao.

- Tôi tự thấy không đủ can đảm để vượt biển thêm chuyến nữa, một người trong bọn họ nói.

- Các anh nghe đây, hãy xem chiếc thuyền đi đã. Có lẽ chiếc của các anh dùng để đến đây quá tồi.

- Được, để xem, - hai người kia nói.

- Tốt. Tôi sẽ yêu cầu ông tổng giám đốc để cho các anh đến xem thuyền.

Chúng tôi đi ra cảng, có trung sĩ Willy đi theo. Ba người kia có vẻ tin tưởng hơn sau khi xem chiếc thuyền.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Lại lên đường

Hai ngày sau chúng tôi lên đường. Ba chúng tôi và ba người lạ mặt. Tôi không hiểu họ làm sao mà biết được, nhưng có đến một tá những cô gái bán bar đến tiễn đưa chúng tôi, cũng như gia đình Bowen và ông thống lĩnh đạo quân Cứu thế. Khi thấy một cô gái bán bar ôm hôn tôi. Margaret cười lớn bảo tôi: "Henri, anh làm gì mà đã đính hôn nhanh thế? Chẳng nghiêm túc chút nào!".
- Xin chào tất cả. Không, xin vĩnh biệt! Nhưng các bạn phải biết rằng các bạn đã có một vị trí quan trọng trong lòng chúng tôi, và vị trí ấy vĩnh viễn thuộc về các bạn.
Chúng tôi xuất phát lúc bốn giờ chiều: một chiếc tàu kéo kéo chúng tôi ra khỏi cảng. Mấy đứa chúng tôi không khỏi có người lau nước mắt. Chúng tôi đã nhìn đến phức cuối tốp người ra tiễn chúng tôi đang vẫy những chiếc khăn mùi-soa trắng. Sợi dây cáp nối liền thuyền của chúng tôi với chiếc tàu kéo vừa được tháo ra thì tất cả ba cánh buồm của chúng tôi đã hứng gió căng phồng

lên, và chúng tôi lao vào những đợt sóng đầu tiên trong số hàng triệu những đợt sóng mà chúng tôi sắp phải vượt qua trước khi đến đích..

Trên thuyền có hai con dao, một con tôi mang, con kia Maturette giữ. Cây rìu thì đặt cạnh Clousiot, cũng như con dao phát rừng. Chúng tôi biết chắc rằng ba người kia không có ai có vũ khí. Chúng tôi đã xếp đặt để đừng có lúc nào có hai đứa trong bọn chúng tôi ngủ dọc đường. Đến lúc mặt trời lặn, chiếc tàu huấn luyện của hải quân bắt kịp chúng tôi và đi kèm theo chúng tôi trong nửa tiếng đồng hồ. Sau đó nó kéo cờ tín hiệu từ biệt và bỏ đi.

- Anh tên gì?

- Leblond..

- Chuyến nào? An gì?

- Hai mươi năm.

- Còn anh?

- Cargueret. Chuyến 29, mười lăm năm, tôi người Bratagne.

- Người Bretagne. mà không biết đi thuyền sao?

- Không.

- Còn tôi tên là Dufils, người Angers. Tôi bị xử chung thân vì đã nói một câu ngu xuẩn ở phiên tòa đại hình, chứ không thì tối đa cũng chỉ đến mười năm. Chuyến 29.

- Câu gì thế?

- Số là tôi đã giết vợ tôi bằng cái bàn là. Trong phiên xử, một viên bội thẩm đã hỏi tôi tại sao lại dùng bàn là đánh vào vợ. Thật ra tôi cũng chẳng biết tại sao, nhưng tôi lại trả lời tôi đã giết vợ bằng bàn là vì vợ tôi hay là sai nếp gấp. Theo ông trạng sư bào chữa cho tôi thì chính vì câu nói ngu xuẩn này mà họ xử tôi nặng đến thế.

- Các anh ra đi từ đâu?

- Từ một trại khổ sai lâm nghiệp gọi là Cascade, cách Saint-Laurent tám mươi cây số. Trốn đi chẳng khó gì vì ở đấy tự do lắm. Chúng tôi có năm người ra đi với nhau dễ lắm.

- Sao lại năm người? Thế hai người kia đâu?

Một phút im lặng khó chịu. Clousiot nói:

- Này anh kia, ở đây toàn đàn ông với nhau cả, mà đã cùng thuyền với nhau thì chúng tôi phải biết. Nói đi!

- Tôi sẽ nói hết cho các anh nghe, - người Bretagne nói - Quả thật khi ra đi chúng tôi có năm người, nhưng hai người quê ở Cannes hiện không có ở đây nói rằng họ những là dân thuyền chài miền duyên hải. Họ không chi một xu nào cho chuyến vượt ngục, nói là công lái thuyền của họ còn đáng giá hơn tiền bạc. Nhưng giữa đường chúng tôi mới thấy là cả hai đứa đều không biết một tí gì thuyền bè hết. Chúng tôi suýt chết đuối đến hai chục lần. Chúng tôi phải men theo bờ biển mà đi, lúc đầu là xứ Guyan thuộc Hà Lan, rồi đến Guyane thuộc Anh, rồi mới đến

Trinidad. ở khoảng giữa Georetown và Trinidad tôi đã giết chết cái thằng nói rằng nó có thể làm thuyền trưởng cho chuyến vượt ngục. Thằng ấy đáng chết, vì để khỏi mất tiền nó đã đánh lừa mọi người về năng lực hàng hải của nó. Còn thằng kia thì sợ bị chúng tôi giết nốt cho nên một hôm mưa bão hắn đã tự ý bỏ tay lái nhảy xuống biển. Chúng tôi đành xoay xở hú họa với nhau trên thuyền. Đã mấy lần chúng tôi để sóng tràn vào thuyền, chúng tôi lại để thuyền đâm vào đá may mà thoát chết. Tôi xin lấy đanh dự một gã đàn ông mà cam đoan rằng tất cả những điều tôi vừa nói đều hoàn toàn đúng sự thật.

- Đúng đấy, - hai người lia nói. - Sự việc đã diễn ra đúng như thế, và cả ba đứa chúng tôi đều nhất trí giết thằng ấy. Anh nghĩ thế nào về chuyện này hả Pappilon?

- Tôi không có vị thế để xét xử.

- Nhưng nếu ở vào địa vị của chúng tôi thì anh sẽ xử sự như thế nào? - Người quê ở Bretagne hỏi gặng.

- Cái này còn phải suy nghĩ đã. Muốn xét đoán một cách công bằng, phải sống qua sự việc lúc đó xảy ra, nếu không thì không thể biết đâu là sự thật.

Clousiot nói:

- Tôi thì tôi cũng giết, vì đó là một lời nói dối có thể phải trả giá bằng sinh mạng của cả bọn.

- Thôi được, đừng nói chuyện ấy nữa. Nhưng tôi có cảm giác là

các anh đã bị một phen hoảng sợ đến mức bây giờ vẫn còn sợ, và các anh chịu lên thuyền với chúng tôi cũng là vạn bất đắc dĩ, phải không?

- Đúng quá! - Họ đồng thanh trả lời. - Thế thì ở đây cấm không được hoảng hốt, dù có chuyện gì xảy ra cũng thế. Trong bất cứ trường hợp nào, cấm không ai để lộ ra ngoài là mình sợ. Ai sợ thì câm cái mồm đi. Thuyền này rất tốt, nó đã được thử thách. Bây giờ thuyền chở nặng hơn trước, nhưng nó lại cao hơn trước những mười phân. Điều đó thừa sức bù lại trọng tải.

Chúng tôi hút thuốc, uống cà phê. Trước khi đi chúng tôi đã ăn no cho nên quyết định là đến sáng mai mới ăn bữa nữa.

Hôm ấy là ngày mồng chín tháng chạp năm 1933, cuộc vượt ngục đã bắt đầu trong gian phòng dành cho phạm nhân nguy hiểm ở bệnh viện của trại Saint-Laurent cách đây bốn mươi hai ngày. Người cho chúng tôi biết điều đó là Clousiot, kế toán viên của nhóm. So với lúc khởi hành, tôi có thêm được ba vật quý: một cái đồng hồ bằng thép không thấm nước mua ở Trinidad, một cái địa bàn thứ thiệt được thiết bị treo hai chiều, rất chính xác, có cả "hoa hồng gió bốn phương", và một đôi kính đen bằng mi-ca. Clousiot và Maturette thì mỗi người được một cái mũ lưỡi trai.

Ba ngày trôi qua bình yên, không có chuyện gì xảy ra nếu không kể hai lần thuyền gặp phải những đàn cá heo. Nó đã làm cho

chúng tôi toát mồ hôi lạnh, vì có một tốp tám con bày trò đùa nghịch với chiếc thuyền. Thoạt tiên chúng luồn dưới đáy thuyền theo chiều dọc và nhô lên ngay trước mũi thuyền. Nhiều khi chúng tôi đâm thẳng vào lưng nó. Nhưng làm cho chúng tôi hoảng hơn cả là trò chơi sau đây: ba con cá heo xếp thành hình tam giác, một con ở phía trước và hai con song song ở phía sau, đâm thẳng vào chúng tôi với một tốc độ khủng khiếp. Vừa đúng lúc sắp đâm vào thuyền, chúng đột ngột lặn xuống, rồi ngoi lên bên phải và bên trái thuyền. Mặc dầu gió rất mạnh và chúng tôi dong hết buồm phóng như bay, chúng lao còn nhanh hơn nữa. Trò chơi này kéo dài hàng giờ, chúng tôi hoa cả mắt, đến phát cuồng lên được. Chúng chỉ tính hơi sai một chút là thuyền chúng tôi lật ngay. Ba người khách của tôi không nói gì, nhưng mặt mày nhợt nhạt trông đến thảm.

Giữa đêm thứ tư, một trận bão khủng khiếp nổi lên. Thật là kinh hồn táng đởm. Tệ nhất là các đợt sóng không hề đi theo một hướng. Nhiều khi chúng va vào nhau. Đợt thì dài, đợt thì ngắn, chẳng còn hiểu ra làm sao được nữa. Không ai thốt ra một tiếng nào. Chỉ có Clousiot thỉnh thoảng lại quát lên: “Nào, ông lái! Đợt này ông cũng sẽ đánh vỡ mặt nó ra như các đợt khác thôi?” Hay là: “Coi chừng có một đợt sóng từ phía sau đấy?” Có điều lạ là nhiều khi có những đợt sóng đến chênh chếch, gầm lên dữ dội, trên đỉnh đầy bọt trắng. Được tôi ước lượng tốc độ của nó và

đoán trước góc tiếp xúc. Thế mà, đùng một cái, chẳng ra cái lô-gíc gì cả lại có một đợt sóng khác xô ngay vào đít thuyền lúc bây giờ đang dựng đứng lên. Nhiều lần những đợt sóng như thế đã chồm lên vai tôi, và dĩ nhiên một phần lớn nước ập vào thuyền. Cả năm người cầm xoong, lon, hộp, tát nước liền tay. Tuy vậy, chưa có lần nào nước ngập lòng thuyền đến hơn một phần tư, cho nên chúng tôi chưa bao giờ có nguy cơ chìm nghỉm. Phiên hội chợ kinh hãi này kéo dài suốt nửa đêm, gần bảy tiếng đồng hồ. Vì trời mưa, mãi đến tám giờ mới thấy bóng mặt trời.

Bão đã yên, ánh mặt trời mới tinh khôi của buổi sáng được mọi người chào đón một cách hân hoan, dĩ nhiên kể cả tôi. Trước hết phải uống cà-phê đã. Một chầu cà-phê sữa Nestlé sôi sùng sục, mấy tấm bánh nướng của thủy thủ, cứng như sắt, nhưng nhúng vào cà-phê thì lại ngon tuyệt. Cuộc vật lộn với trận bão đêm qua đã làm cho chúng tôi kiệt sức hoàn toàn, và tuy gió hãy còn mạnh, sóng hãy còn cao và còn khá vô kỷ luật, tôi yêu cầu Maturette cầm lái thay tôi một lúc. Tôi muốn ngủ. Tôi mới nằm xuống chưa đầy mười phút thì Maturette loay hoay thế nào để cho một đợt sóng đánh ngang thuyền và nước tràn vào ngập đến ba phần tư. Đồ đạc nổi lênh bênh trong lòng thuyền: các thứ lon hộp, cái lò dầu hỏa, mấy cái chăn... Tôi đứng dậy đi ra phía lái, nước ngập ngang bụng, và vừa có đủ thì giờ cầm lấy tay lái để tránh một đợt sóng vỡ đang đâm thẳng vào chúng tôi. Tôi bẻ lái

giơ đít thuyền ra cho đợt sóng, khiến cho nó không tràn vào thuyền được mà chỉ đẩy chúng tôi về phía trước đến mười mét. Mọi người đều tát nước. Cái nồi lớn do Maturette sử dụng tát mỗi lần được mười lăm lít. Không ai bận tâm vớt vát những đồ đạc có thể trôi ra ngoài, ai nấy đều có một ý nghĩ cố định duy nhất: tát, tát cho thật nhanh chỗ nước đang làm cho chiến thuyền trở nên nặng nề, khó lòng có thể chống chọi lại các đợt sóng. Tôi phải công nhận rằng ba người mới đã xử sự không đến nỗi tồi như anh chàng người Bretagne, khi thấy cái hộp anh ta đang dùng để tát nước bị cuốn đi, đã tự mình quyết định không do dự đẩy cái thùng đựng nước ngọt ra khỏi thuyền cho đỡ nặng. Hai giờ sau, mọi thứ đã khô ráo, nhưng chúng tôi đã mất mấy cái chăn, cái bếp dầu, cái lò, mấy bị than, cái bi-đông xăng và cái thùng nước ngọt - tài sản cuối cùng này chúng tôi đã mất đi một cách tự nguyện.

Đến giữa trưa, tôi định thay quần thì mới nhận thấy là cái va-li nhỏ của tôi cũng đã bị sóng cuốn đi từ bao giờ, cùng với hai ái áo vải tráng nhựa. ở đáy thuyền, chúng tôi tìm thấy hai chai rượu rhum. Bao nhiêu thuốc lá của chúng tôi đều bị mất hay bị ướt, cả cái hộp sắt tây đựng lá thuốc cũng không còn. Tôi nói:

- Các cậu ạ trước hết phải uống một chầu rhum, liều lượng kha khá vào, rồi ta mở cái thùng đừng thức ăn dự trữ xem thử còn có những gì. à, còn mấy hộp nước quả, tốt. Ta sẽ chia khẩu phần để

uống. Lại có những hộp bánh bích quy, các bạn ăn cho hết một hộp đi và dùng cái hộp không làm lò. Ta sẽ để mấy cái hộp sắt tây ở đáy thuyền để lót bếp, bên trên ta sẽ đốt lửa bằng ván thùng. Tất cả chúng ta đều đã trải qua một cơn kinh hoàng, nhưng bây giờ thì hiểm nghèo đã qua. Mỗi chúng ta phải trấn tĩnh lại để sẵn sàng đối phó với tình hình. Kể từ bây giờ trở đi, không ai được nói: tôi khát nước; không ai được nói: tôi đói; và không ai được nói: tôi thèm thuốc. Đồng ý không?

- Đồng ý, Papi ạ.

Mỗi người đã xử sự đúng mức, và Trời đã ra lệnh cho gió ngừng thổi để cho chúng tôi nấu một nồi xúp bằng thịt bò khô. Với một cà-mèn đầy xúp bỏ thêm bánh nướng khô, chúng tôi đã lót được dạ dày bằng một lớp chất đỉnh dưỡng vừa ngon vừa ấm, đủ để chờ đến ngày mai. Lại pha thêm một chút nước chè xanh cho mỗi người. Trong cái thùng còn nguyên vẹn, chúng tôi đã tìm thấy một tút thuốc lá. Cả thảy có hai mươi bốn gói nhỏ, mỗi gối đựng tám điếu. Năm người kia quyết định là chỉ có một mình tôi được hút, để cho tỉnh táo mà lái thuyền. Và để đừng ai ghen tị, Clousiot khước từ công việc châm dùm thuốc lá cho tôi; mỗi khi tôi cần hút cậu ta sẽ châm lửa thôi. Nhờ mọi người đều hiểu tình hình và hiểu nhau như vậy, giữa chúng tôi không xảy ra một sự cố nào khó chịu.

Chúng tôi ra đi đã sáu hôm rồi mà tôi chưa ngủ được một giấc

nào. Cũng may tối nay mặt biển phẳng lặng như tờ, tôi liền ngủ như chết gần năm tiếng đồng hồ. Đến mười giờ tối thì tôi tỉnh dậy, Biển vẫn lặng. Các bạn đã ăn tối trong khi tôi ngủ, để đành lại cho tôi một thứ cháo polenta quấy rất khéo bằng bột ngô, dĩ nhiên là bột ngô đóng hộp, và mấy thỏi xúc xích hong khói. Ngon tuyệt. Nước trà thì đã nguội, nhưng cũng không sao. Tôi vừa hút thuốc vừa đợi cho gió vui lòng nổi lên.

Đêm hôm ấy trời chi chít những sao, đẹp kỳ diệu. Sao Bắc cực sáng hết cỡ và chỉ có chòm sao Thập tự phương Nam ăn đứt nó về độ sáng. Có thể nhìn rết rõ hai chòm sao Đại hùng tinh và Tiểu hùng tinh. Trời không gợn một chút mây, và trăng rằm đã lên cao trên bầu trời điểm sao. Anh chàng người Bretagne run cầm cập. Anh ta đã đánh mất cái áo vét, chỉ còn sơ- mi. Tôi cho anh ta mượn cái áo tráng nhựa. Chúng tôi đang bước sang ngày thứ bảy.

- Các bạn ạ, chắc hẳn chúng ta không còn cách Curacao bao nhiêu. Tôi có cảm giác là tôi đã cho thuyền đi hơi quá lên phía Bắc, từ giờ tôi sẽ chuyển sang chính tây vì ta không được hụt quần đảo Antilles thuộc Hà Lan. Nếu không ghé được vào đấy thì rất nguy vì bây giờ ta không còn nước ngọt và bao nhiêu lương thực đều đã mất hết trừ số đồ hộp dự trữ.

- Chúng tôi tin anh, Papillon ạ, - anh chàng người Bretagne nói.

- Đúng, chúng tôi rất tin anh, - mấy người khác đồng thanh họa

theo. Anh thấy thế nào là đúng thì cứ thế mà làm.
- Cám ơn. Hình như những điều tôi vừa nói là giải pháp tốt nhất Suốt đêm hôm ấy đợi mãi chẳng thấy chút gió nào, mãi đến bốn giờ sáng mới có một ngọn gió vừa phải cho phép chúng tôi dong buồm. Ngọn gió này càng về sáng càng mạnh lên, thổi suốt ba mươi sáu giờ với một cường độ đủ mạnh cho thuyền đi nhanh, nhưng sóng thì lại nhỏ đến nỗi không vỗ vào mũi thuyền.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Curacao

Hải âu. Thoạt tiên chỉ nghe tiếng chim kêu, vì trời còn tối, rồi sau đó trông thấy chúng lượn vòng xung quanh thuyền. Một con đậu lên cột buồm, rồi lại cất cánh bay lên, rồi lại đậu vào cột buồm. Chúng bay lượn như thế trong hơn ba tiếng đồng hồ, đến khi trời sáng và một vầng thái dương rạng rỡ mọc lên, chúng vẫn còn bay xung quanh chúng tôi. ở chân trời không hề có một dấu hiệu nào cho biết là đã gần đến đất liền. Vậy thì mấy con hải âu

ấy từ đâu ra? Suốt ngày hôm ấy chúng tôi đưa mắt nhìn kỹ khắp chân trời mà vẫn không thấy gì. Trăng rằm mọc lên đúng vào lúc mặt trời lặn, và vầng trăng nhiệt đới ấy sáng đến nỗi ánh phản chiếu trên mặt biển làm cho tôi lóa mắt. Tôi không còn cặp kính đen nữa rồi, nó đã đi theo ngọn sóng chết tiệt kia cùng với tất cả mấy cái mũ lưỡi trai. Vào khoảng tám giờ tối chúng tôi nhìn thấy ở chân trời, rất xa, một đường thẳng đen đen hiện ra trong ánh trăng.

- Kia là đất liền, chắc chắn như vậy? - Tôi nói trước tiên.

- Phải rồi, đúng.

Mọi người đều nhất trí nói rằng mình nhìn thấy một đường thẳm chắc phải là một dải đất. Suốt thời gian còn lại của đêm ấy, tôi giữ mũi thuyền hướng vào cái vệt đen đang rõ dần. Chúng tôi đã sắp đến. Gió khá lớn dưới bầu trời không gợn mây, và trên mặt biển sóng khá cao nhưng dài và đều đặn: chúng tôi băng băng tiến về phía cái vật đen. Nó không nhô lên cao lắm trên mặt nước, và không có một dấu hiệu gì cho biết rằng bờ biển có vách đá dốc đứng, có nhiều mõm đá rời, hay làm thành bãi cát. Mặt trăng đang lặn ở phía sau dải đất ấy, hắt thành một cái bóng khiến cho chúng tôi không thể nhìn thấy gì ngoài một dải anh sáng sát mặt nước lúc đầu thì bằng phẳng, rồi sau đó gãy khúc. Tôi cứ cho thuyền tiến lại gần, rồi cách khoảng một cây số tôi bỏ neo. Gió thổi mạnh, chiếc thuyền quay tại chỗ và đối diện với

đợt sóng: Mỗi lần sóng đi qua, thuyên đều đón sóng ở tư thế gần như thẳng đứng. Chúng tôi bị nhồi mạnh, rất khó chịu. Dĩ nhiên mấy lá buồm đều được hạ xuống và gấp lại. Lẽ ra chúng tôi có thể đợi đến sáng trong cái tư thế khó chịu nhưng an toàn này, song bỗng nhiên neo nhả ra. Thật là không may. Muốn điều khiển một con thuyền, nó phải đi, chứ nếu không thì không sao lái nó được. Chúng tôi căng buồm foc và buồm chéo nhưng, lạ thay, neo không thấy ăn ngay. Các bạn tôi kéo dây neo lên thì thấy mỏ neo đã mất: Mặc dầu tôi ra sức lái cho thuyền đi ngược trở lại, sóng vẫn xô chúng tôi về phía mỏm đá một cách rất nguy hiểm. Tôi bèn quyết định kéo buồm lớn lên và đi thẳng vào bờ một cách chủ động. Cách lái thuyền của tôi thành công đến nỗi chiếc thuyền lách vào giữa hai tảng đá lớn và rã hẳn ra. Không có ai kêu lên "chết rồi", nhưng khi đợt sóng tiếp theo xô tới mọi người đều lao vào sóng để cho nó xô lên bờ. Chúng tôi bi sóng cuốn lăn lông lốc, bị nó quật vào đá, nhưng lên đến bờ chúng tôi đều vẫn sống. Chỉ có một mình Clousiot vì chân bó bột nên bị sóng hành hạ nhiều hơn các bạn khác. Tay, mặt cậu ta đều đẫm máu, khắp người sây sát. Còn chúng tôi thì bị xước vài chỗ ở đầu gối, ở bàn tay và ở mắt cá. Riêng tôi bị chảy máu ở một bên tai vì va mạnh phải một tảng đá.

Dù sao thì chúng tôi cũng còn sống cả, không còn nguy cơ bị sóng cuốn đi và được đứng trên đất liền khô ráo: Khi trời sáng,

chúng tôi vớt được một chiếc áo tráng nhựa, và tôi quay trở lại chiếc thuyền đang bắt đầu tan ra từng mảnh. Tôi tháo được cái địa bàn đóng đinh vào chỗ ngồi lái. ở chỗ chúng tôi đổ bộ và ở xung quanh không một bóng người. Chúng tôi nhìn về phía đêm qua có những đốm sáng khó hiểu: đó là một dãy đèn dùng để báo hiệu cho những người thuyền chài biết là chỗ này rất nguy hiểm - như về sau chúng tôi được biết. Chúng tôi đi bộ vào sâu trong vùng đất liền. Đâu đâu cũng toàn xương rồng, những cây xương rồng rất lớn, với lại những con lừa. Chúng tôi đi đến một cái giếng, người mệt lã ra, vì cứ phải thay phiên nhau từng cặp một bắt chéo tay nhau làm thành một thứ ghế để khiêng Clousiot. Quanh giếng rải rác những cái xác lừa và xác dê khô đét. Cái giếng đã cạn sạch, mấy cánh quạt trước kia dùng để quay cái trục kéo nước dây để múc nước lên bây giờ quay không. Không có lấy một bóng người, chỉ toàn lừa và dê.

Chúng tôi đi đến một ngôi nhà nhỏ, các cửa đều mở toang như mời chúng tôi vào. Chúng tôi gọi to: “Có ai ở nhà không? Có ai ở nhà không?” Chẳng có ai trả lời. Trên lò sưởi có một cái túi vải, miệng túi buộc chặt bằng một sợi dây. Tôi tháo dây mở túi ra. Cái dây bỗng đứt: cái túi đựng toàn tiền florins - tiền Hà Lan. Vậy chúng tôi đang ở trên lãnh thổ Hà Lan: Bonaire, Curacao hay là Aruba gì đấy. Chúng tôi buộc cái túi lại y nguyên, tìm quanh một lúc thì thấy có nước uống, bèn thay phiên nhau múc

nước bằng một cái vá uống mỗi người một ít. Trong nhà không có ai, xung quanh cũng chẳng có ai. Chúng tôi lại ra đường, đi rất chậm vì có Clousiot.

Đang đi thì một chiếc xe Ford cũ kỹ chặn chúng tôi lại.

- Các ông là người Pháp à?

- Thưa ông vâng.

- Mời các ông lên xe.

Chúng tôi để Clousiot nằm lên đùi ba người ngồi phía sau. Tôi và Maturette ngồi bên cạnh người lái xe.

- Các ông bị đắm thuyền à?

- Vâng.

- Có ai bị chết đuối không?

Không.

- Các ông từ đâu đến?

- Từ Trinidad.

Còn trước khi đến Trinidad?

- Từ Guyane thuộc Pháp.

- Khổ sai hay biệt xứ?

- Khổ sai.

Tôi là bác sĩ Naal, chủ nhân khoảnh đất này.

Đây là một bán đảo dính liền với Curacao. Bán đảo này có biệt hiệu là đảo lừa. Lừa và dê sống ở đây bằng cách ăn lá xương rồng có gai dài. Những cái gai này được dân gọi tên là "các tiểu

thư Curacao". Tôi nói:

- Cách đặt tên này không lấy gì làm vinh dự cho các tiểu thư thậtc ở Curacao.

Ông bác sĩ, một người rất to béo, cười hô hố. Chiếc Ford thở ì ạch, nghe có tiếng khò khè như tiếng thở của người bị bệnh suyễn, tự dưng đứng lại. Tôi chỉ mấy bầy lừa nói:

- Nếu xe không còn sức nữa thì bắt lừa kéo cũng dễ.

- Tôi đã có sẵn một bộ đồ để thắng lừa trong thùng xe, nhưng vấn đề là ở chỗ làm sao bắt được hai con mà thắng vào xe. Cái này thì chẳng dễ gì đâu.

Ông bác sĩ to béo mở ca-pô ra và thấy ngay rằng vì bị lắc mạnh, một sợi dây điện bắt vào bougie đã bị tuột ra. Trước khi lên xe ông ta nhìn bốn phía có vẻ lo lắng. Xe lại mở máy, và sau khi đi qua nhiều chặng đường gồ ghề khúc khuỷu, chúng tôi lại ra đường cái. Vừa đi được một quãng thì gặp một cây sào chắn sơn trắng. ở đấy có một ngôi nhà nhỏ cũng màu trắng. Ông bác sĩ dùng tiếng Hà Lan nói với một người bản xứ màu da không đen lắm, ăn mặc sạch sẽ. Chốc chốc người này lại trả lời "Ya, master, va master". Sau đó ông ta lại quay sang chúng tôi nói: "Tôi vừa ra lệnh cho người này tiếp các ông và cho các ông uống nước nếu các ông khát, cho đến khi tôi quay lại. Xin các ông xuống xe cho". Chúng tôi xuống xe và chọn nơi có bóng râm ngồi giữa cỏ. Chiếc xe Ford ì ạch lăn bánh. Nó vừa đi được năm mươi thước

thì người da đen nói với chúng tôi bằng tiếng papiamento (một thứ thổ ngữ pha trộn của vùng đảo Antilles dùng những từ Anh, Hà Lan, Pháp và Tây Ban Nha kết hợp lại) rằng ông chủ của anh ta là bác sĩ Naal và đi gọi cảnh sát vì ông ta rất sợ chúng tôi, ông ta đã dặn là phải phòng thân vì chúng tôi là những tên cướp vượt ngục. Thế rồi cái anh lai da đen khốn khổ kia chẳng còn biết làm cách gì để cho chúng tôi vui lòng nữa. Anh ta pha một bình cà phê rất loãng, như với cái khí trời oi bức này uống lại thấy dễ chịu hơn. Chúng tôi chờ hơn một tiếng. đồng hồ thì thấy một chiếc xe vận tải chở sáu viên cảnh sát mặc theo kiểu Đức và một chiếc xe con mui vải, người lái xe mặc quân phục cảnh sát, phía sau có ba người đàn ông ngồi, trong đó có bác sĩ Naal. Họ xuống xe, và một trong ba người đàn ông, người thấp bé nhất, diện mạo trông như một ông cha xứ cạo mặt quá kỹ, nói với chúng tôi:

- Tôi là trưởng phòng an ninh của đảo Curacao. Vì trách nhiệm của chức vụ, tôi buộc lòng phải cho bắt các ông. Từ khi bước chân lên đảo các ông đã làm gì điều gì phạm pháp chưa, và nếu đã, thì đó là điều gì, ai hay những ai trong số các ông đã làm điều đó?

- Thưa ông, chúng tôi là tù khổ sai vượt ngục. Chúng tôi từ Trinidad đến và thuyền của chúng tôi vừa bị xông xô vào đá vỡ cách đây vài tiếng đồng hồ. Tôi là người đứng đầu nhóm, và tôi có thể khẳng định rằng không có ai trong chúng tôi đã làm một

điều gì phạm pháp, dù chỉ là phạm pháp rất nhẹ.
Ông trưởng ban an ninh quay về phía ông bác sĩ Naal nói gì bằng tiếng Hà Lan một lát. Hai người đang bàn cãi thì có một người đi xe đạp đến. Hắn ta nói rất nhanh và rất ồn ào, khi thì nói với bác sĩ Naal, khi thì nói với ông trưởng phòng an ninh.
- Ông Naal, tại sao ông lại nói với người kia rằng chúng tôi là kẻ trộm?
- Người này (ông ta chỉ người vừa đi xe đạp đến) đã báo cho tôi biết từ trước khi tôi gặp các ông rằng hồi nãy hắn núp sau một bụi xương rồng theo dõi các ông, đã trông thấy các ông vào trong nhà rồi lại ra. Người này là người làm thuê cho tôi, chuyên trông nôm mấy con lừa.
Thế ra vì chúng tôi đi vào nhà cho nên chúng tôi là kẻ trộm sao? Thưa ông, những điều ông nói thật là ngu xuẩn. Chúng tôi chỉ uống một ít nước mà ông gọi là trộm cướp?
- Thế còn cái túi đựng tiền thì sao?
- Cái túi thì quả tình tôi có mở ra, lại còn làm đứt cái dây buộc nữa. Ngoài ra tôi tuyệt nhiên không làm gì khác hơn là nhìn xem thử đó là thứ tiền gì để cho biết mình đang ở đâu. Sau đó cẩn thận để túi tiền y nguyên ở chỗ cũ, trên lò sưởi.
Ông trưởng phòng an ninh nhìn thẳng vào mắt tôi rồi đột ngột quay sang người đi xe đạp nói một thôi, giọng rất nghiêm khắc. Bác sĩ Naal làm một cử chỉ như định nói điều gì. Ông trưởng

phòng an ninh lập tức ngăn lại một cách dứt khoát, theo kiểu Đức. Ông ta bắt người kia lên ngồi bên cạnh viên cảnh sát lái xe rồi cùng lên xe với hai tên cảnh sát khác và bỏ đi. Naal và người cùng đến vôi ông ta trở vào với chúng tôi ông ta nói:

Tôi phải nói cho các ông rõ rằng người đó nói với tôi là cái túi tiền đã biến đâu mất. Trước khi cho khám các ông, ông trưởng phòng đã hỏi cung người đó, vì nghi ngờ là hắn nói dối. Nếu các ông vô tội, tôi rất lấy làm tiếc về sự việc vừa qua, nhưng đó không phải lỗi của tôi.

Không đầy mười lăm phút sau xe của ông trưởng phòng an ninh trở lại, và ông ta nói với tôi. Ông đã nói đúng sự thật, người kia là một kẻ nói dối khốn nạn. Hắn sẽ bị trừng trị vì đã có ý định làm hại các ông: trong tình cảnh của các ông mà bị buộc tội như vậy thì sẽ bị trừng trị hết sức nặng.

Trong khi đó người kia được đưa lên thùng xe tải, năm người trong chúng tôi cũng được đưa lên đấy. Tôi toan lên theo thì ông trưởng phòng an ninh giữ tôi lại và nói: “Ông ngồi lên xe tôi, bên cạnh người lái xe”.

Chiếc xe này đi trước chiếc xe tải, và chẳng bao lâu nhìn lại không còn thấy nó đâu nữa. Xe lăn trên những đoạn đường rải nhựa rất phẳng, rồi chúng tôi vào thành phố: nhà cửa ở đây đều xây theo kiểu Hà Lan. Mọi thứ đều sạch sẽ tinh tươm, và đa số người qua đường đều đi xe đạp: hàng trăm người đi đi lại lại

trong thành phố trên hai bánh xe như vậy. Chúng tôi vào đồn cảnh sát. Từ một văn phòng lớn trong đó có nhiều viên sĩ quan cảnh sát mặt toàn đồ trắng, mỗi người có một bàn viết riêng, chúng tôi đi sang một phòng khác có máy điều hòa không khí. Trong phòng rất mát. Một người cao lớn lực lưỡng có mái tóc vàng, trạc bốn mươi tuổi, đang ngồi trên một chiếc ghế bành. Ông ta đứng dậy và nói bằng tiếng Hà Lan một lúc. Sau khi trao đổi mấy câu với ông này, ông trưởng phòng an ninh nói bằng tiếng Pháp:

- Tôi xin giới thiệu với các ông chỉ huy trưởng cảnh sát Curacao. Thưa ông chỉ huy trường, người này là một người Pháp đứng đầu cái nhóm sáu người mà chúng tôi vừa bắt.

- Cám ơn ông trưởng phòng. Tôi rất hắn hạnh được chào đón ông đến Curacao với tư cách người bị đắm thuyền. Tên ông là gì?

- Henri.

- Vậy thưa ông Henri, ông đã phải trải qua những giờ phút rất khó chịu vì chuyện cái túi tiền, nhưng sự cố này cũng rất có lợi cho ông vì nó chứng minh một cách chắc chắn rằng ông là một người lương thiện. Tôi sẽ cắt cho ông một gian phòng sáng sủa có giường nằm để ông nghỉ ngơi. Trường hợp của ông sẽ được đưa lên cho quan thống đốc xét duyệt, và ngài sẽ có những chỉ thị thích hợp. Ông trưởng phòng an ninh hoặc là bản thân tôi sẽ bênh vực ông trước mặt ngài.

Ông ta bắt tay tôi, và chúng tôi đi ra ngoài. Ra đến sân, bác sĩ Naal xin lỗi tôi và hứa sẽ nói hộ cho chúng tôi. Hai giờ sau, cả sáu anh em chúng tôi bị giam vào một căn phòng rất lớn hình chữ nhật, hai bên có đặt khoảng mười hai cái giường ở giữa có một cái bàn gỗ dài và mấy chiếc ghế dài. Chúng tôi đưa mấy tờ dollars Trinidad qua khung cửa sổ có chấn song cho một viên cảnh sát, nhờ hắn mua thuốc lá, giấy quấn thuốc và diêm. Hắn không chịu cầm tiền và trả lời những gì chúng tôi chẳng hiểu.

- Cái tên cảnh sát màu gỗ mun này có vẻ quy lách lắm, Clousiot nói. - Chưa có cách gì kiếm thuốc mà hút được

Tôi ra gõ cửa thì thấy cửa mở ngay. Một người nhỏ bé, chắc là dân bản xứ, mặc một bộ đồ sám kiểu áo tù, có đính một con số trước ngực để cho khỏi nhầm, nói với chúng tôi:

- Tiền Cigarettes?

- Không. Tabac, diêm quẹt và giấy.

Mấy phút sau hắn trở vào với đủ ba thứ đó, và thêm vào đấy còn có một cái hũ lớn bốc hơi, đựng sô-cô-la hay ca-cao. Mỗi người chúng tôi uống một bát (người tù đã đem đủ sáu cái bát lớn đến). Đến quá trưa, họ đến gọi tôi. Tôi trở lại văn phòng ông chỉ huy trưởng cảnh sát.

Quan thống đốc đã ra lệnh cho tôi để các ông tự do trong sân nhà tù. Xin ông nói với các bạn ông đừng tìm cách trốn, vì làm như vậy sẽ đưa tới những hậu quả nghiêm trọng đối với mọi người.

Với tư cách là thuyền trưởng, riêng ông có thể ra phố hai giờ một buổi sáng - từ mười đến mười hai giờ - và mỗi buổi chiều từ ba giờ đến năm giờ. Ông có tiền không?

- Có Tiền Anh, và tiền Pháp.

- Một viên cảnh sát mặc thường phục sẽ cùng đi với ông, nhưng ông muốn đi đâu cứ đi tự do.

- Chúng tôi sẽ được xử lý như thế nào?

- Có lẽ chúng tôi sẽ tìm cách gửi các ông từng người một lên những chiếc tàu chở dầu thuộc nhiều nước khác nhau. Curacao có một nhà máy lọc dầu thuộc loại lớn nhất thế giới, chuyên xử lý dầu mỏ của Venezuela. Mỗi ngày ở đây có từ hai mươi đến hai mươi lăm tàu chở dầu thuộc đủ quốc tịch ra vào. Đó sẽ là giải pháp mà các ông mơ ước, vì các ông sẽ đến được những nước mà các ông chọn, không gặp phải một trở ngại gì.

Chẳng hạn như những nước nào? Panama, Costa Rica, Guatemala, Nicaragua, Mexico, Cananda, Cuba, Hoa Kỳ và các nước thuộc Anh?

- Không được, Châu Âu cũng không được. Các ông cứ yên tâm, cứ tin tưởng vào chúng tôi, để cho chúng tôi tìm cách giúp các ông bắt đầu một cuộc đời mới.

- Cám ơn ông chỉ huy trường.

Tôi kể lại tất cả những điều đó một cách thật trung thành cho các bạn tôi nghe. Clousiot, người đa nghi nhất trong bọn, nói với tôi:

- ý cậu thế nào hở Papi?
- Tôi chưa biết, tôi e rằng đây là một cái mẹo cốt để chúng mình chịu ngồi yên, không vượt ngục.
- Tôi cũng e rằng cậu có lý. - Clousiot nói.
Anh chàng người Bretagne thì lại tin vào cái kế hoạch tuyệt vời này. Anh chàng "chuyên sử dụng bàn là" hớn hở nói:
- Thôi thế là không còn phải ngồi thuyền nữa, không phải trôi dạt phiêu lưu nữa, lần này thì chắc chắn là an toàn. Cứ việc lên một chiếc tàu chở dầu lớn, mỗi người đến một nước nào đó và chính thức nhập tịch.
Leroux cũng nghĩ như thế.
- Thế còn cậu thì sao hở Maturette? - Tôi hỏi.
Và cậu bé con mười chín tuổi ấy, cậu bé trưởng giả chỉ vì tình cờ mà trở thành tù khổ sai ấy, chàng thiếu niên có những nét mặt thanh tú hơn cả dung nhan của một thiếu nữ ấy, đã nói với cái giọng dịu dàng của cậu:
- Thế các anh tin rằng những tên cảnh sát đầu vuông ấy sẽ làm cho chúng ta mỗi người một tấm thẻ căn cước giả hay ít nhất cũng khả nghi? Tôi thì tôi không tin. Quá lắm họ cũng chỉ có thể làm ngơ để chúng ta lén lút từng người một leo lên một chiếc tàu chở dầu sắp nhổ neo, thế thôi. Hơn nữa họ có làm như vậy chăng cũng chỉ là để tống táng chúng ta đi mà không phải đau đầu. ý của tôi là như thế đấy Tôi không tin nổi chuyện này.

Tôi rất ít khi ra phố, thỉnh thoảng chỉ đi một lát vào buổi sáng để mua vài thứ. Chúng tôi ở đây đã được một tuần mà vẫn không có tin gì mới. Chúng tôi bắt đầu sốt ruột. Vào một buổi chiều thấy có ba ông linh mục, có cảnh sát đi theo, vào thăm lần lượt các phòng giam tập thể và xà-lim. Họ dừng lại khá lâu ở căn buồng giam kế cận với phòng chúng tôi, nơi có nhốt một người da đen bị buộc tội hiếp dâm. Đoán rằng họ sẽ đến phòng chúng tôi, chúng tôi gọi nhau về phòng hết, ai ngồi yên giường nấy. Quả nhiên cả ba ông linh mục cùng vào, bên cạnh có bác sĩ Naal, ông chỉ huy trưởng cảnh sát và một ông nữa đeo lon, chắc là một sĩ quan hàng hải.

Thưa Đức Cha (cách gọi cấp Giám mục trong cách xưng hô của người công giáo), mấy người này là người Pháp, ông chỉ huy trưởng cảnh sát nói. - Họ có một hạnh kiểm mẫu mực.

- Cha rất mừng cho các con. Ta hãy ngồi xuống quanh bàn này, như thế nói chuyện với nhau dễ hơn.

Mọi người ngồi xuống, kể cả những người đi theo đức Giám mục. Người ta mang vào một chiếc ghế đẩu ban nãy để ở trước cửa ra vào sân, và đặt ở đầu bàn để đức Giám mục ngồi đấy có thể trông rõ mọi người. Người Pháp hầu hết đều là người công giáo.

- Trong số các con có ai không theo đạo không?

Không ai giơ tay cả. Tôi nghĩ rằng ông linh mục của nhà lao

Conciergerie hầu như đã rửa tội cho tôi và do đó tôi phải tự coi mình như người có đạo.

- Các bạn ạ, cha cũng là người gốc Pháp, cha tên là Irénée de Bruyne. Tổ tiên của cha là những người theo tân giáo thuộc phái Hughenots sang tị nạn ở Hà Lan trong thời kỳ hoàng hậu Catherine de Médicis giết chóc và truy nã người theo đạo Tin lành. Vậy cha là người có gióng máu Pháp, cha làm giám mục của địa phận Curacao, một thành phố có nhiều tín đồ tin lành hơn là tín đồ công giáo, nhưng các tín đồ công giáo thì lại có đức tin trọn vẹn, rất chăm đi lễ và cầu nguyện. Tình thế của các con nay ra sao?.

- Chúng con chờ được lần lượt đưa lên các tàu chở dầu.

- Đã có bao nhiêu người được ra đi theo cách này?

- Chưa có người nào.

- Hừm! ông thấy thế nào hở ông chỉ huy trưởng? Xin ông trả lời bằng tiếng Pháp, vì ông nói tiếng Pháp giỏi lắm.

- Thưa Đức Cha, quan thống đốc đã thành thật có ý muốn giúp mấy người này theo công thức đó, nhưng tôi phải nói thành thật rằng kể cho đến hôm nay, chưa có một thuyền trưởng nào chịu nhận một người đi tị nạn kiểu ấy, chủ yếu là vì họ không có hộ chiếu.

Chính phải bắt đầu từ vấn đề này. Quan thống đốc không thể cấp cho mỗi người một tờ hộ chiếu đặc biệt hay sao?

- Tôi không biết ạ. Ngài chưa bao giờ bàn với tôi việc này.
Ngày kia cha sẽ làm một buổi lễ mi-sa để cầu nguyện cho các con. Chiều mai các con có vui lòng đến xưng tội không? Cha sẽ thân hành nghe lời xưng tội của các con ngõ hầu cầu nguyện Đức Chúa lòng lành tha tội cho các con. Ông sẽ cho họ đến nhà thờ lúc ba giờ chiều ngày mai, có được không?
- Được ạ
- Cha mong rằng họ sẽ được đi xe riêng hay xe tắc xi đến nhà thờ.
- Thưa Đức Cha, chính con sẽ đưa họ đến, - bác sĩ Naal nói.
- Cám ơn con. Các con ạ, cha không dám hứa gì với các con đâu. Ngoại trừ một lời duy nhất mà chân thực: ngay từ phút này cha sẽ cố gắng hết sức để giúp ích cho các con.
Thấy Naal hôn chiếc nhẫn của Đức Giám mục, sau đó đến anh chàng người Bretaglle, chúng tôi cũng ghé môi lên chiếc nhẫn, rồi đưa Đức Cha ra chiếc xe đang đỗ ở ngoài sân.
Hôm sau, mọi người đều đến xưng tội với đức Giám mục. Tôi là người xưng tội sau cùng.
Nào, con hãy bắt đầu xưng cái tội nặng nhất của con đi.
- Thưa Cha, trước hết con chưa được rửa tội, nhưng một vị linh mục nhà lao ở bên Pháp có nói với con rằng dù đã được rửa tội hay chưa được rửa tội thì cũng đều là con của Đức Chúa lòng lành.

- Vị linh mục ấy nói đúng. Thôi được. Ta sẽ ra khỏi buồng xưng tội và con sẽ kể hết cho cha nghe.

Tôi kể tỉ mỉ cuộc đời tôi cho đức Giám mục nghe. Ngài nghe hồi lâu, rất kiên nhẫn, rất chăm chú, không một lần nào ngắt lời tôi. Đức Cha cầm lấy hai bàn tay tôi trong tay mình và chốc chốc lại nhìn vào mắt tôi, nhưng đôi khi ở những đoạn khó nói, đức Cha lại nhìn xuống đất để cho tôi đỡ ngượng ngùng. Vị linh mục sáu mươi tuổi ấy có một đôi mắt và một gương mặt trong sáng đến nỗi nó phản ánh một cái gì trẻ thơ. Tâm hồn trong trẻo và chắc chắn là tràn đầy một lòng nhân hậu vô biên tỏa ra trong từng nét mặt một của Đức Cha, và cái nhìn màu xám nhạt của Đức Cha thấm vào tôi như một chất cam-lồ thấm vào một vết thương. Bằng một giọng dịu dàng, rất dịu dàng, hai bàn tay ấm áp vẫn cầm lấy hai tay tôi, Đức Cha nói với tôi ngọt ngào nhỏ nhẹ đến nỗi nghe như một tiếng thì thầm:

- Thượng đế đôi khi để cho con cái của Người phải chịu đựng sự độc ác của người đời, để cho kẻ được thử thách trở nên vững mạnh hơn và cao quý hơn bao giờ hết. Con thấy không, nếu con không phải trèo lên ngọn núi khổ nhục kia, thì không bao giờ con có thể tự nâng mình lên cao đến thế và tiến đến gần chân lý của Thượng đế đến như vậy. Hơn nữa: những con người, những cơ chế, những cái bánh xe răng cưa của bộ máy ghê tởm đã nghiền nát con, những con người xấu xa từ căn bản đã hành hạ

và hãm hại con cách này cách nọ đều đã giúp con một việc rất lớn: chúng đã làm sống dậy trong con một con người mới cao cả hơn con người trước kia, và ngày nay sở dĩ con có được ý thức về danh dự, về lòng nhân hậu, về tình thương, và có được nghị lực cần thiết để khắc phục mọi chướng ngại và trở thành một con người tôn quý hơn, cũng là nhờ họ. Những ý nghĩ về việc trả thù, trừng phạt từng người tùy theo mức nghiêm trọng của sự tổn hại mà họ đã gây ra cho con không thể phồn vinh trong một con người như con. Con phải là một cứu tinh cho những người khác chứ không phải là một người sống để làm hại, dù con có đủ lý do để làm điều ác một cách công bằng. Chúa đã đại lượng với con, Chúa đã nói với con: "Con hãy tự giúp mình, và ta sẽ giúp con". Chúa đã giúp con mọi điều và lại còn cho phép con cứu những người khác và đưa họ trở về với tự do. Nhất là con chớ nghĩ rằng tất cả những tội lỗi con đã phạm phải nó trầm trọng đến thế. Có nhiều người có địa vị xã hội cao đã phạm những tội côn nghiêm trọng hơn các tội lỗi của con rất nhiều. Chỉ có điều là họ không được trừng phạt theo cách phán xử của xã hội loài người để có cơ hội tự nâng cao mình lên như con.

- Con xin cảm ơn cha. Cha đã đem lại cho con một hạnh phúc lớn lao, và điều đó sẽ còn lại trong suốt đời con. Con sẽ không bao giờ dám quên - Và tôi ôm hôn đôi bàn tay của đức giám mục.

- Con ơi, con sẽ lại ra đi và lại phải đương đầu với những cơn hiểm nghèo khác. Cha muốn rửa tội cho con trước lúc khởi hành. Con nghĩ sao?

- Thưa Cha, xin Cha tạm thời cứ để nguyên cho con sống trong tình trạng này. Ba con đã nuôi dạy con ở ngoài tôn giáo. Ba con có một tấm lòng vàng. Khi mẹ con chết đi, ba con càng thương con hơn trước; người đã có được những cử chỉ, những lời lẽ, những cách chăm nom chiều chuộng của một người mẹ. Con có cảm giác rằng nếu con chịu rửa tội thì con dường như thể phản bội ba con. Xin Cha để cho con một thời gian sống hoàn toàn tự do với một căn cước xác định, một nếp sinh hoạt bình thường, để đến khi nào con có thể viết thư cho ba con, con sẽ hỏi xem con có thể từ bỏ cái triết lý của ba con để chịu rửa tội mà không làm cho người phiền lòng hay không.

- Cha hiểu ý con con ạ, và Cha tin chắc rằng Chúa cũng đồng lòng với con. Cha nguyện phước lành cho con và cầu xin Chúa phù hộ con.

- Những lời lẽ ấy của Đức Cha Irénée de Bruyne quả là một bức chân dung trọn vẹn của ngài, - bác sĩ Naal nói như vậy sau khi nghe tôi kể lại buổi xưng tội.

- Thưa ông đúng như vậy. Còn bây giờ ông định sao đây?

- Tôi sẽ xin quan thống đốc ra lệnh cho hải quân dành ưu tiên cho tôi khi nào có dịp bán đấu giá những chiếc thuyền tịch thu

được của bọn buôn lậu. Ông sẽ cùng đến với tôi để cho ý kiến và chọn chiếc nào vừa ý ông. Còn như lương thực và áo quần thì rất dễ thôi. Kể từ ngày gặp đức Giám mục, chúng tôi luôn luôn có khách đến thăm, nhất là buổi chiều vào khoảng sáu giờ. Những vị khách ấy muốn làm quen và tìm hiểu thêm chúng tôi. Họ ngồi trên mấy chiếc ghế dài để hai bên bàn, mỗi người đều có đem đến một cái gì đấy đặt lên giường chúng tôi, chẳng nói chẳng rằng. Vào khoảng hai giờ trưa, hôm nào cũng có những "người em gái của người nghèo" (đó là tên gọi dòng nữ tu của họ) cùng đi với "mẹ bề trên" của họ (bà này nói tiếng Pháp rất giỏi) đến thăm chúng tôi. Túi xách của họ bao giờ cũng đựng đầy những món ăn ngon lành do họ nấu nướng lấy Nữ tu sĩ bề trên còn rất trẻ, không đến bốn mươi. Bà đội mũ trắng nên không thấy rõ màu tóc, nhưng mắt bà xanh và lông mày bà vàng. Bà thuộc một dòng họ danh gia vọng tộc ở Hà Lan (thông tin của bác sĩ Naal). Bà có viết thư về Hà Lan để nhờ người ta tìm một cách khác với cách gửi chúng tôi ra biển. Chúng tôi đã cùng sống qua những buổi chuyện trò thú vị, và bà tu sĩ đã bắt chúng tôi để chuyện vượt ngục mấy lần. Đôi khi bà yêu cầu tôi kể lại lần nữa cho các nữ tu sĩ cùng đi với bà (có mấy người biết tiếng Pháp). Cứ mỗi lần tôi quên hay bỏ qua một chi tiết, bà lại khẽ nhắc: "Henri, sao kể nhanh thế. Anh lại bỏ qua chuyện con chim hocco rồi... Sao hôm nay anh lại quên mất chuyện đàn kiến? Chuyện này quan

trọng lắm đấy, vì chính do đàn kiến mà anh bị Le Breton Mặt nạ bắt gặp!". Tôi kể những việc ấy ra đấy vì đó là những giờ phút thật êm đềm, thật hoàn toàn tương phản với tất cả những gì chúng tôi đã sống qua, nó như một thứ ánh sáng thiên đường huyền ảo chiếu lên con đường của sự thối nát đang dần dần bị xóa đi trong đời chúng tôi.

Tôi đã được xem chiếc thuyền họ định dành cho chúng tôi. Đó là một chiếc thuyền tuyệt đẹp dài tám mét, trụ đáy rất lớn, cột buồm rất cao, với những lá buồm rộng mênh mông. Nó được đóng rất chắc, quả là một chiếc thuyền lý tưởng cho những chuyến vượt biển của dân buôn lậu. Nó được trang bị rất đầy đủ, nhưng đâu đâu cũng chi chít những dấu xi của hải quan. Trong buổi bán đấu giá, một ông khách trả giá đầu là sáu ngàn florins, tức khoảng một ngàn dollars. Cuối cùng chúng tôi mua được nó với giá sáu ngàn lẻ một florins, sau khi bác sĩ Naal rỉ tai nói gì với ông khách kia.

Năm ngày sau chúng tôi đã sẵn sàng. Được sơn lại bóng loáng, nhét đầy thức ăn được xếp ngăn nắp dưới căn hầm, cái thuyền có sàn này quả là một tặng phẩm đế vương. Sau cái va-li cá nhân đựng toàn áo quần mới, sáu đôi giày và đủ mọi thứ cần thiết cho trang phục, được xếp vào một cái bọc lớn bằng vải không thấm nước rồi được cất vào cái khoang kín ở cuối thuyền.

Nhà tù ở Rio Hacha

Vừa tảng sáng, chúng tôi lên đường. Ông bác sĩ và các chị nữ tu đều đến tiễn. Thuyền tách khỏi bờ xây một cách dễ dàng, gió lồng ngay vào buồm và chúng tôi dong thuyền tiến thẳng ra khơi. Mặt trời lên, rạng rỡ, một ngày bình yên đang chờ đợi chúng tôi. Ngay lập tức tôi nhận thấy chiếc thuyền quá nhiều diện tích buồm mà lòng thuyền không đủ nặng. Tôi quyết định phải thận trọng. Thuyền phóng hết tốc lực. Nó quả là một con ngựa đua tuyệt vời về tốc độ, nhưng lại là một con ngựa dễ trở chứng. Chúng tôi đi theo hướng chính tây. Cả bọn đã quyết định đổ lén lút vào bờ Colombia để thả ba người đã nhập bọn với chúng tôi ở Trinidad. Họ chẳng ưa gì những chuyến vượt bể dài ngày, họ bảo là họ tin tôi, nhưng không tin thời tiết. Quả tình, theo những dự báo khí tượng trong các tờ báo đọc ở nhà tù, phải dự kiến một thời tiết xấu và thậm chí những trận bão lốc.

Tôi phải công nhận là họ có quyền lựa chọn, và chúng tôi thống

nhất với nhau là tôi sẽ cho họ đổ bộ vào một bán đảo tiêu điều và hoang vắng gọi là Guajira. Còn chúng tôi thì cả ba người sẽ lại lên đường đến Honduras thuộc Anh. Thời tiết tuyệt đẹp và đêm đầy sao với một vành trăng lưỡi liềm khá sáng làm cho cái kế hoạch đổ bộ này thêm dễ dàng. Chúng tôi tiến thẳng vào bờ biển Colombia, tôi thả neo, và các bạn cứ dần dà đo chiều sâu xem thử đã có thể đổ bộ được chưa. Chẳng may nước rất sâu và chúng tôi phải tiến đến gần một bờ biển toàn đá cho đến khi nước chỉ còn sâu độ một thước rưỡi: một việc làm khá nguy hiểm. Chúng tôi bắt tay nhau, bọn kia xuống từng người một rồi đội va-li trên đầu đi vào bờ. Chúng tôi nhìn theo họ mà không khỏi cảm thấy hơi buồn. Những người bạn ấy đã xử sự với chúng tôi một cách đứng đắn, họ đã tỏ ra đủ sức giữ vững trong nhiều hoàn cảnh khó khăn. Họ rời thuyền cũng đáng tiếc.

Trong khi họ đi vào bờ, gió tự dưng lặng hẳn. Thật chó má! Miễn sao đừng lọt vào mắt những người ở trong cái làng Rio Hacha có đánh dấu trên bản đồ? Đó là hải cảng đầu tiên có cảnh sát đóng. May ra thì không. Tôi có cảm giác rằng chúng tôi đã đi quá chỗ bờ biển được đánh dấu khá xa, nếu căn cứ vào ngọn hải đăng nhỏ ở mũi đá mà chúng tôi vừa đi qua..

Chờ đợi, chờ đợi... Ba người kia đã đi khuất sau khi vẫy khăn từ biệt. Gió, sao mãi không có gió hở trời! Phải có gió chứ, để tách ra khỏi đất Colombia vốn là một dấu chấm hỏi đối với chúng tôi!

Thật vậy, không thể biết họ có giao trả tù vượt ngục hay không. Cả ba chúng tôi đều thích cái giải pháp cố định của xứ Honduras thuộc Anh hơn là tình trạng lập lờ ở Colombia. Mãi đến ba giờ chiều mới có gió. Tôi kéo hết buồm lên và thuyền bắt đầu lướt nhè nhẹ, có lẽ nghiêng hơi quá mức một chút. Thuyền đi được hơn hai giờ thì một chiếc xuồng máy chở đầy người đi thẳng về phía chúng tôi. Họ bắn chỉ thiên để ra lệnh cho chúng tôi dừng lại. Tôi làm ngơ phóng thẳng, cố tăng khoảng cách để ra khỏi lãnh hải Colombia. Không được. Máy chiếc xuồng kia rất mạnh, và chỉ một tiếng rưỡi sau nó đã đuổi kịp chúng tôi. Đứng trước mười họng súng trường chĩa vào ngực, chúng tôi phải đầu hàng. Những người đã bắt chúng tôi, không rõ là lính hay là cảnh sát, người nào cũng có một dáng dấp đặc biệt: một cái quần bẩn xưa kia đã từng có màu trắng, những chiếc áo len dệt chắc chắn là chưa từng giặt bao giờ, thủng lỗ chỗ, ai nấy đều đi chân không, trừ viên "chỉ huy", tuy hắn ăn mặc tử tế hơn và sạch hơn một chút. áo quần thì tồi tàn như vậy, nhưng vũ khí thì có thể nói là họ được trang bị "đến tận răng": một cái băng giắt đầy đạn làm thắt lưng, những khẩu súng trường của quân đội chính quy được bảo quản rất tốt, và thêm vào đấy, một con dao găm lớn có bao da, cán vừa đúng tầm tay. Người được họ gọi là chỉ huy có bộ mặt điển hình của thứ người lai thổ dân thuộc loại sát nhân bẩm sinh. Hắn đeo một khẩu súng lục lớn mắc vào một cái nịt giắt

đầy đạn. Vì họ chỉ biết nói tiếng Tây Ban Nha, chúng tôi không hiểu họ nói gì, nhưng trong cách nhìn, trong cử chỉ, trong giọng nói của họ đều không thấy có chút gì là thiện cảm, mọi thứ đều lộ rõ vẻ thù địch.

Chúng tôi đi bộ từ cảng đến nhà tù, qua làng Rio Hacha (ban nãy đúng là làng này), bốn phía có sáu tên đầu trâu mặt ngựa đi kèm cống thêm ba đứa đi cách chúng tôi hai mét, sũng chĩa vào chúng tôi. Như vậy, chuyến nhập cảnh này không lấy gì làm thân thiện lắm.

Chúng tôi bước vào sân một nhà tù, xung quanh có một dãy tường thấp. Trong sân có vài chục tù nhân râu ria bẩn thỉu, người đứng kẻ ngồi, họ cũng nhìn chúng tôi với những đôi mắt thù địch.

- Vamos, Vamos. - Chúng tôi hiểu rằng họ muốn nói "đi đi, đi đi". Đối với chúng tôi điều đó hơi khó thực hiện vì Clousiot tuy đã đỡ nhiều nhưng vẫn phải đi bằng cái chân bó bột cho nên không thể đi nhanh được.

Viên "chỉ huy" ban nãy ở lại phía sau, bây giờ đã bắt kịp chúng tôi, tay cầm cái địa bàn và tấm vải tráng nhựa. Hắn đang ăn bánh và sô-cô-la của chúng tôi, và chúng tôi hiểu ngay rằng họ sẽ tước hết các thứ của chúng tôi. Quả nhiên chúng tôi không lầm. Họ nhốt chúng tôi vào một gian phòng bẩn thỉu, cửa sổ có song sắt to. Giữa đất có những tấm ván dài ở một đầu có đặt một thứ gối

bằng gỗ: đó là giường.

Khi bọn cảnh sát đã ra ngoài và khóa cửa lại, một tù nhân đến cạnh cửa sổ của chúng tôi nói:

- Francais? Francais!

- Anh muốn gì?

- Francais à, không tốt, không tốt?

- Không tốt? Cái gì không tốt?

Cảnh sát.

- Cảnh sát à?

- ừ! Cảnh sát không tốt. - Nói đoạn hắn bỏ đi.

Đêm đã qua, gian phòng được soi sáng bằng một ngọn đèn điện rất yếu. Muỗi bay vo ve quanh tai chúng tôi và thỉnh thoảng lại lọt vào mũi.

- Chà, đẹp mặt thật. Chỉ tại chúng mình nhận cho ba gã kia đổ bộ vào đây.

- Cậu nói thế làm gì, chúng mình làm sao mà biết được nông nỗi như thế này. Căn bản là vì không có gió.

- Tại cậu vào gần bờ quá, - Clousiot nói.

- Thôi câm mồm đi. Bây giờ không phải là lúc tự buộc tội và buộc tội người khác. Đây là lúc phải dựa vào nhau, phải hòa thuận hơn bao giờ hết.

- Xin lỗi cậu, cậu nói đúng đấy Papi ạ. Không phải lỗi của ai cả. Ôi! Thật là bất công quá sức: đã vật lộn hết bao nhiêu hơi sức mà

kết cục lại thế này thì thật quá thảm hại. Họ chưa khám xét chúng tôi. Cái plan của tôi còn để trong túi, tôi vội vàng đút nó vào người. Clousiot cũng làm theo. Chúng tôi không ném nó đi là phải. Vả chăng đó là một thứ ví không thấm nước và rất gọn, dễ giấu. Theo đồng hồ của tôi thì lúc bấy giờ là tám giờ tối. Họ đem cho chúng tôi một ít đường chưa lọc màu nâu nâu, mỗi người được một cục to bằng nắm tay, và ba cái bánh gì làm bằng bột gạo luộc chín có bỏ muối.

- Buenas noches!

- Chắc như thế có nghĩa là "chúc ngủ ngon" - Maturette nói.

Sáng hôm sau lúc bảy giờ họ dọn cho chúng tôi ở ngoài sân một thứ cà-phê tuyệt ngon rót vào mấy cái cốc bằng gỗ. Đến tám giờ viên chỉ huy đi qua. Tôi xin hắn ra thuyền lấy đồ đạc. Không biết là hắn không hiểu hay giả vờ thế. Tôi càng nhìn hắn càng thấy rõ hắn có bộ mặt của một tên sát nhân bẩm sinh. ở hông bên trái của hắn có đeo một cái chai nhỏ bọc trong túi da, hắn rút chai ra, mở nút và uống một ngụm, rồi khạc ra và chìa cái chai cho tôi.

Trước cái cử chỉ thân thiện đầu tiên này tôi thấy cần cầm lấy chai và uống một ngụm. Rất may là chỉ uống một ngụm, vì đó là một thứ lửa đặc vị cồn. Tôi nuốt vội rồi ho sặc sụa. Thấy thế, tên cảnh sát Anh-điêng lai da đen cười hô hố.

Đến mười giờ thấy mấy người mặc thường phục trắng thắt ca-vát đến. Họ có cả thảy sáu bảy người cùng bước vào một tòa nhà mà

tôi đoán là nơi làm việc của giám đốc nhà lao. Họ cho gọi chúng tôi vào. Họ đều ngồi trên những chiếc ghế tựa xếp thành hình bán nguyệt trong một gian phòng có treo một bức tranh lớn vẽ một sĩ quan da trắng đeo rất nhiều huân chương:
"Presidente Alfonso Lopez de Colombia". Một trong những người mặc thường phục dùng tiếng Pháp cho phép Clousiot ngồi xuống ghế, còn chúng tôi thì đứng. Người ngồi giữa, gầy gò, có cái mũi diều hâu, đeo kính không có khung, bắt đầu hỏi cung tôi. Người thông ngôn không dịch gì cả, mà đợi cho người kia nói hết rồi mới thuật lại với tôi:
Cái ông vừa nói đó và lát nữa sẽ hỏi cung anh là ông quan tòa của thành phố Rio Hacha, mấy người kia là những ông thư lại bạn của ông ta. Còn tôi là thông ngôn. Tôi là người Haiti chuyên trông coi các công trình điện lực trong quận này. Tôi tin rằng trong số các ông kia, tuy họ không nói ra, có mấy người hiểu tiếng Pháp ít nhiều, có lẽ ngay cả ông quan tòa cũng thế.
Ông quan tòa sốt ruột vì những lời giảng giải này và bắt đầu dùng tiếng Tây Ban Nha hỏi cung tôi. Người thông ngôn Haiti lần lượt phiên dịch các câu hỏi đáp.
- Các anh là người Pháp?
- Vâng.
Các anh từ đâu đến?
- Từ Curacao.

- Trước đó?

- Trinidad.

Trước đó?

- Martinique.

- Các anh nói dối. Lãnh sự của chúng tôi ở Curacao đã được báo trước cách đây hớn một tuần là phải canh phòng bờ biển vì có sáu tù nhân vượt ngục của một trại tù thuộc Pháp sẽ tìm cách đổ bộ vào đây.

- Vâng. Chúng tôi là những người tù vượt ngục từ trại khổ sai.

- Vậy tức là từ Cayenne?

- Vâng.

- Nếu một nước tôn quý như nước Pháp đã đày các anh đi xa như vậy và trừng trị các anh nghiêm khắc như vậy thì các anh ắt phải là những tên cướp rất nguy hiểm?

- Có lẽ thế.

- Kẻ trộm hay sát nhân?

- Giết người không có chủ ý.

- à matador, cũng thế thôi. Vậy các anh là matador? Còn ba người kia đâu?.

- Họ ở lại Curacao.

Anh lại nói dối rồi. Các anh đã cho họ lên bờ cách đây sáu mươi cây số, ở một vùng gọi là Castillette.

Họ đã bị bắt, và vài giờ nữa sẽ có mặt ở đây. Các anh lấy trộm

chiếc thuyền kia ở đâu?
- Không phải đâu. Đức Giám mục Curacao cho chúng tôi đấy.
- Được! Các anh sẽ bị giữ ở đây cho đến khi quan thống đốc quyết định cách xử lý các anh. Vì đã vi phạm pháp luật bằng cách cho ba tên đồng lõa của các anh đổ bộ lên lãnh thổ Colombia rồi sau đó mưu toan chạy ra biển, tôi xử viên thuyền trưởng, tức là anh, ba tháng tù ngồi, còn hai người kia một tháng. Các anh phải có hạnh kiểm tốt nếu các anh không muốn bị trừng phạt nhục thể: các cảnh sát viên ở đây là những người rất cứng rắn. Các anh có cần nói gì không?
Không. Tôi chỉ muốn thu nhặt những đồ đạc và lương thực của chúng tôi còn để lại dưới thuyền.
Tất cả các thứ đó đều đã bị hải quan tịch thu, trừ một cái quần, một cái áo sơ-mi, một cái áo vét và một đôi giày cho mỗi người trong bọn các anh. Phần còn lại đều bị tịch thu, các anh chớ nài thêm: không có cách gì khác, đây là pháp luật.
Chúng tôi lui ra ngoài sân. Ông quan tòa bị những người tù khốn khổ trong xứ vây quanh: "Bác sĩ ơi, bác sĩ"! Ông ta trịnh trọng đi qua đám tù, vẻ hết sức khệnh khạng, không trả lời, không dừng lại. Họ ra khỏi nhà tù và đi khuất
Đến một giờ trưa ba người đã cùng đi thuyền với chúng tôi đến trên một chiếc xe tải, có bảy tám người cầm súng đi kèm theo. Họ xách va-li xuống xe, vẻ tiu nghỉu. Chúng tôi trở vào phòng

cùng với họ..

- Chúng tôi đã phạm phải một sai lầm quái gở và đã làm lụy đến các anh một cách không thể nào tha thứ được, anh Pappilon ạ. Bây giờ anh có muốn giết tôi thì giết đi, tôi sẽ không chống đỡ đâu, chúng tôi không phải là đàn ông nữa, chỉ là một bọn pê-đê* (do chữ pédéraste, nguyên có nghĩa là "thích trẻ con" về sau biến nghĩa thành "đồng tính luyến ái" hay "kê gian" cũng được dùng theo nghĩa "ái nam ái nữ" hay "đồng cô"). Chúng tôi làm như thế chỉ vì sợ đi biển, ấy thế mà qua những điều tôi được biết về xứ Colombia và dân Colombia thì những mối hiểm nghèo ở biển chỉ là trò đùa so với cái nguy cơ bị lọt vào tay những tên ác ôn như vậy.Có phải vì thiếu gió mà các anh bị bắt không?

- Phải, Breton ạ. Tôi sẽ không giết ai đâu: chẳng có ai đáng giết cả, chẳng qua chúng ta đều nhầm. Tôi chỉ có việc từ chối, không chịu đưa các anh vào bờ là xong: sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra hết.

- Anh quá tốt, Papi ạ!

- Không, tôi chỉ công bằng. - Tôi kể lại cho họ cuộc hỏi cung vừa rồi, đoạn nói tiếp - Cũng có thể ông thống đốc sẽ phóng thích chúng ta.

- Phải phải. Như có ai đã từng nói: ta cứ hy vọng đi hy vọng làm cho con người ta sống.

- Theo ý tôi các nhà chức trách của cái xứ bán khai này không

thể có quyết định gì về trường hợp của chúng tôi. Chỉ có các cấp cao của chính phủ mới quyết định được việc chấp nhận chúng tôi ở Colombia, trả chúng tôi cho nước Pháp, hay cho chúng tôi xuống thuyền đi tiếp. Sẽ là một sự mỉa mai quỷ quái nếu những con người không hề có điều gì phải thù oán hay trách cứ chúng tôi lại có một quyết định khắc nghiệt nhất đối với chúng tôi, vì chúng tôi chưa hề làm điều gì phạm pháp trên lãnh thổ của họ. Chúng tôi ở đây đã được một tuần không có gì thay đổi tuy chúng tôi cũng có nghe nói là người ta định giải đến một thành phố lớn hơn cách đây hai trăm cây số, đó là thành phố Santa Marta. Những tên cảnh sát có bộ mặt cướp biển hay sát nhân kia không hề thay đổi thái độ với chúng tôi; hôm qua, chỉ thiếu chút nữa tôi đã bị một tên trong bọn chúng bắn chết vì đã lấy lại cục xà phòng mà tôi để quên ở chỗ rửa mặt. Chúng tôi vẫn ở trong căn phòng nhung nhúc những muỗi ấy, may thay bây giờ nó có sạch hơn một chút so với ngày chúng tôi mới đến, nhờ có Maturette và anh chàng người Brettagne ngày nào cũng cọ rửa. Tôi bắt đầu tuyệt vọng, mất lòng tin. Cái nòi giống ngươi Colombia này, vốn là một sự lai tạp giữa thổ dân Anh-điêng và người da đen hoặc giữa người Anh-điêng với người Tây Ban Nha, thời trước đã từng là những chủ nhân của xứ này, đã làm cho tôi mất lòng tin. Có một tù nhân Colombia cho chúng tôi mượn một tờ báo cũ xuất bản ở Santa Marta, ở trang nhất có

đăng sáu bức ảnh của chúng tôi, và ở phía dưới là ảnh viên chỉ huy cảnh sát đội cái mũ dạ to tướng, mồm ngậm xì-gà, và ảnh một chục tên cảnh sát cầm súng. Tôi hiểu rằng cuộc vây bắt chúng tôi đã được tiểu thuyết hóa và vai trò của các nhân vật này đã được phóng đại lên. Có thể tưởng đâu cả cái xứ Colombia này đã nhờ chiến công của bọn kia vây bắt được chúng tôi mà thoát khỏi được nguy cơ gì khủng khiếp lắm. Thế nhưng nhìn bức ảnh chụp "bọn kẻ cướp", chắc người nào xem báo cũng phải thấy những người trên ảnh dễ có thiện cảm hơn nhiều so với những bộ mặt cảnh sát trên bức ảnh kia. Bọn "cướp" trông như những người dân lành vô tội, còn bọn cảnh sát thì xin lỗi! Từ tên chỉ huy trở xuống đều không thể lẫn và đâu được

Bây giờ biết làm thế nào? Tôi đã bắt đầu biết được mấy từ ngữ tiếng Tây Ban Nha: vượt ngục là fugarse, tù nhân là preso, giết là matar, xích là cadena, khóa tay là esposas, đàn ông là hombre, đàn bà là mujer.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Trốn thoát khỏi Rio Hacha

Trong sân nhà tù có một anh chàng lúc nào cũng thấy đeo khóa tay. Tôi kết bạn với anh ta. Hai người hút chung một điếu xì-gà: thứ xì-gà dài và mảnh, rất nặng. Tôi hiểu ra rằng anh ta đi buôn lậu, cứ đi đi về về hết xứ Venezuela lại đảo Araba. Anh ta bị buộc tội là đã giết mấy người lính canh bờ biển và hiện đang đợi xét xử. Có những ngày anh ta điềm tĩnh lạ lùng, nhưng lại có những ngày khác anh ta tỏ ra dễ bị kích động và dễ cáu bẳn. Tôi nhận thấy anh ta điềm tĩnh lại khi có người vào thăm và đưa cho anh mấy chiếc lá để nhai. Một hôm anh ta cho tôi một nửa chiếc lá thế là tôi hiểu ngay. Lưỡi tôi, lợi tôi và môi tôi đều tê dại đi, trở thành vô tri vô giác. Những chiếc lá này là lá cô ca: Người đàn ông ba mươi lăm tuổi này, hai cánh tay và tấm ngực đều phủ một lớp lông quăn đen thẩm chắc phải có một sức lực phi thường. Hai bàn chân không của anh ta ở phía dưới có một lớp chai dày đến nỗi thỉnh thoảng anh ta lại rút từ đấy ra một mảnh chai hay là một cái đinh đã cắm ngập vào đấy nhưng chưa chạm

đến thịt. Một buổi tối tôi nói với anh buôn lậu:

- Fuga (trốn), anh và tôi, (tôi đã nhờ người tù Haiti tìm cho một cuốn từ điển Pháp - Tây Ban Nha và đã học được mấy từ cần thiết như từ "trốn"). Anh kia đã hiểu và ra hiệu nói với tôi rằng anh ta cũng muốn trốn, nhưng không biết làm thế nào thoát được cái khóa tay.

Đó là một bộ khóa Mỹ, có một khe hở để đút chìa khóa vào: đó chắc chắn phải là một cái chìa khóa dẹp. Anh chàng người Bretagne làm cho tôi một cái móc bằng dây thép đập dẹp ở đầu. Sau mấy lần thử, tôi đã mở được cái khóa của anh bạn mới bất cứ lúc nào tôi muốn. Ban đêm anh ta bị giam riêng trong một căn xà-lim có chấn song sắt khá lớn. ở phòng chúng tôi chấn song rất mảnh, chắc chắn là có thể nong ra được. Vậy chỉ cần cưa một cái song là đủ: song sắt của buồng giam Antonio (tên người buôn lậu Colombia).

- Làm thế nào có được một sacette (một cái cưa)?
- Plata (tiền).
- Cuanto (bao nhiêu?
- Một trăm pesos.
- Dollar?
- Mười.

Nói tóm lại là với mười dollars mà tôi đưa cho anh ta,. Antonio đã có được hai lưỡi cưa sắt. Tôi vẽ hình xuống sân giảng giải cho

anh ta hiểu rằng mỗi lần đã cưa được một ít thì phải lấy mạt cưa sắt trộn với ruột bánh mì bịt chỗ cưa lại cho kín. Vào phút cuối, trước khi Antonio về xà-lim, tôi mở một vòng khóa cho anh ta. Trong trường hợp có ai muốn kiểm tra khóa, anh ta chỉ có việc ấn một cái là vòng khóa đóng sập lại ngay. Anh ta cưa ba đêm mới đứt được cái song sắt. Anh ta nói rằng không đầy một phút anh ta có thể cưa đứt hẳn và tin chắc là có thể dùng tay bẻ quặt nó ra. Sau đó anh ta sẽ đến tìm tôi.

Trời mưa luôn, cho nên anh ta nói rằng "La primera noche de lluvia" (đêm mưa đầu tiên) anh ta sẽ đến. Đêm hôm ấy trời mưa như trút. Các bạn tôi đều biết rõ các dự định của tôi, không có ai muốn đi theo tôi vì họ đều nghĩ rằng miền tôi muốn đến quá xa. Nơi tôi định đến là ở cuối bán đảo Colombia, giáp giới Venezuela. Trên tấm bản đồ của chúng tôi có ghi rằng miền đất này được gọi là Guajira, đó là một lãnh thổ đang tranh chấp, không thuộc Colombia, mà cũng không thuộc Vezezuela. Anh bạn Colombia của tôi nói rằng "đó là đất của thổ dân Anh-điêng" và ở đấy không có một thứ cảnh sát nào, của Colombia cũng không, của Venezuela cũng không. Chỉ có vài người buôn lậu đi qua vùng này. Đi như vậy rất nguy hiểm vì người Anh-điêng Guajiros không chấp nhận cho một người văn minh đi vào lãnh thổ của họ.

Càng vào sâu trong vùng càng nguy hiểm. ở bờ biển có những

người Anh-điêng làm nghề đánh cá: qua trung gian của những người Anh-điêng khác văn minh hơn họ một chút, họ giao dịch buôn bán với làng Castilette và với xóm La Ve la. Antonio không muốn đến vùng ấy. Mấy người bạn của anh ta hoặc chính bản thân anh ta đã từng giết vài ba người Anh-điêng trong một trận đánh nhau với họ, vào hôm chiếc thuyền chở hàng lậu của anh ta buộc lòng phải lánh vào bờ biển thuộc địa phận của họ. Nhưng Antonio cam kết là sẽ đưa tôi đến sát vùng Guajira, sau đó tôi phải đi tiếp một mình. Tôi không cần phải nói thì các bạn cũng thừa hiểu tất cả những cuộc bàn bạc như vậy giữa Antonio và tôi đều hết sức công phu, vì anh ta hay dùng những từ không hề có trong từ điển.

Vậy thì đêm hôm ấy trời mưa như trút. Tôi đứng gần cửa sổ. Một tấm ván đã được tháo ra khỏi giường từ lâu: chúng tôi sẽ dùng nó để nong các chấn song ra. Hai đêm trước chúng tôi đã thử thì thấy chỉ cần dẫm lên tấm ván là song sắt oằn ngay.

- Listo (sẵn sàng).

Khuôn mặt Antonio hiện ra trong đêm, dí sát vào chấn song. Cùng với Maturette và anh chàng người Bretagne, tôi dẫm lên tấm ván đặt chen vào giữa hai chấn song: không những hai cái chấn song bị nong ra hai bên mà một cái còn tuột chân ra nữa. Hai bạn đẩy tôi ra ngoài, và trước khi tôi lọt ra họ vỗ mạnh vào mông tôi mấy cái: đó chính là những cái bắt tay của bạn bè chúc

tôi lên đường may mắn. Hai chúng tôi đã đứng giữa sân. Trận mưa to trút lên các mái tôn gây nên một tiếng ồn điếc tai. Antonio cầm tay tôi kéo đến sát tường. Nhảy qua tường dễ như bỡn, vì nó chỉ cao có hai mét. Thế mà tôi vẫn bị đứt tay vì cọ vào mấy cái mảnh chai cắm ở trên tường. Không sao, cứ lên đường. Cái anh chàng Antonio quỷ quái kia vẫn nhận ra lối đi dưới trận mưa dày đặc, cách ba thước đã không trông thấy gì. Anh ta lợi dụng nó để đi từ đầu làng đến cuối làng rồi men theo một con đường len lỏi giữa rừng và bờ biển. Khuya thế này mà cũng thấy một ánh đèn ở phía trước. Chúng tôi phải đi vòng vào rừng để tránh chỗ ấy (May thay rừng ở chỗ này không rộng lắm), rồi lại đi ra đường. Chúng tôi đi dưới trời mưa cho đến sáng. Lúc ra đi anh ta đã cho tôi một cái lá coca để tôi nhai theo kiểu vẫn thấy anh ta làm ở nhà tù. Khi trời sáng tôi chẳng thấy mệt chút nào. Không biết có phải nhờ cái lá ấy không? Chắc chắn là phải. Khi trời đã sáng chúng tôi vẫn tiếp tục đi. Thỉnh thoảng anh ta lại nằm rạp xuống và áp tai xuống mặt đất ướt sũng nước mưa. Rồi chúng tôi lại đi tiếp. Anh ta có một kiểu đi rất lạ. Chẳng ra chạy mà cũng chẳng ra đi, đó là những bước nhảy ngắn liên tiếp, khoảng cách rất đều, hai tay như chèo trong không khí. Vừa rồi chắc hẳn anh ta có nghe thấy một tiếng động gì khả nghi, vì anh ta kéo tôi vào rừng. Trời vẫn mưa. Quả nhiên, nhìn xuống đường tôi thấy có một cái máy kéo đang kéo một cái hồ-lô san đất, chắn

hẳn họ đang sửa đường.

Mười giờ rưỡi sáng. Mưa đã tạnh, trời đã hửng nắng. Chúng tôi đã đi vào rừng sau hơn một cây số đi trên lề cỏ chứ không đi giữa đường. Nằm nghỉ ở dưới một lùm cây rậm rạp, xung quanh toàn bụi rậm mọc dày đặc và đầy gai góc, tôi nghĩ là ở đây chẳng còn sợ gì thế nhưng Antonio vẫn không cho tôi hút thuốc hay nói chuyện khe khẽ. Thấy anh ta vẫn nuốt nước lá coca, tôi bắt chước làm theo nhưng một cách dè dặt hơn. Anh ta có một túi đựng hơn hai chục lá, có đưa ra cho tôi xem. Bộ răng thượng hảo hạng của anh lấp lánh trong bóng tôi khi anh ngoác mồm ra cười nhưng không thành tiếng. Vì xung quanh đầy muỗi, anh ta nhai một điếu xì gà rồi lấy nước miếng trộn lẫn nicotin bôi lên mặt và lên tay. Tôi cũng làm như vậy. Từ đấy trở đi muỗi không dám bâu vào nữa.

Bảy giờ tối. Đêm đã xuống nhưng đường vẫn sáng quá vì có trăng. Antonio để ngón tay lên con số chín và nói: “Lluvia (mưa)”. Tôi hiểu rằng đến chín giờ trời sẽ mưa. Quả nhiên đến chín giờ hai mươi thì trời đổ mưa, chúng tôi lại lên đường. Để theo kịp Antonio tôi đã học được cái kiểu đi nhảy nhảy và chèo hai tay trong không khí. Đi như thế không có gì khó lại nhanh hơn là đi nhanh, mà vẫn không phải là chạy. Trong đêm ấy chúng tôi đã ba lần phải tránh vào rừng để nhường đường cho một chiếc xe hơi du lịch, một chiếc xe vận tải và một chiếc xe bò

có hai con lừa kéo. Nhờ có lá coca, đến sáng tôi vẫn không thấy mệt. Đến tám giờ mưa tạnh, và vẫn như hôm qua chúng tôi đi nhè nhẹ trên cỏ khoảng hơn một cây số rồi nấp vào rừng. Ngậm mấy cái lá kia có một cái bất tiện là không thể ngủ được. Từ khi ra đi chúng tôi chưa có lần nào chợp mắt. Đôi đồng từ của Antonio giãn to đến nỗi không thấy tròng xanh đâu nữa. Mắt tôi chắc cũng vậy. Chín giờ tối. Trời mưa. Dường như trời đợi đến đúng giờ ấy thì bắt đầu đổ mưa. Về sau tôi được biết rằng ở miền nhiệt đới khi trời bắt đầu mưa vào một giờ nào đấy thì suốt tuần trăng ngày nào cũng sẽ bắt đầu mưa vào giờ ấy và cũng sẽ tạnh vào giờ ấy. Đêm nay khi bắt đầu đi chúng tôi nghe những tiếng gọi í ới rồi trông thấy những ánh đèn. “Castillette”, Antonio nói. Con người quỷ quái ấy nắm lấy tay tôi không chút do dự và chúng tôi lại vào rừng, rồi sau hai giờ đi rất khó nhọc chúng tôi lại trở ra đường cái. Chúng tôi đi, hay nói là nhảy nhót thì đúng hơn, cho đến hết đêm và gần hết buổi sáng. Nắng đã hong khô áo quần chúng tôi mặc trên người. Chúng tôi ướt đã ba ngày rồi, và kể từ miếng đường đen chúng tôi ăn vào ngày thứ nhất, đã ba ngày chúng tôi chưa ăn thêm một chút gì. Antonio có vẻ như tin chắc rằng chúng tôi sẽ không gặp những người xấu. Anh ta đi một cách vô tư lự và đã mấy giờ liền anh ta không áp tai xuống đất nghe ngóng gì cả. Vì con đường đi dọc bãi biển, Antonio chặt một cái gậy. Bây giờ chúng tôi đi trên cát ướt. Chúng tôi đã

rời hẳn đường cái. Antonio dừng lại xem xét một cái vết rộng năm mươi phân đi từ biển lên đến chỗ cát khô. Anh ta đi theo cái vết và khi đến chỗ nó loe rộng ra thành hình tròn, Antonio cắm gậy xuống. Khi rút gậy lên thấy có một chất nước vàng vàng như lòng dỏ trứng gà dính ở đầu gậy. Chúng tôi bới cát thành cái lỗ và chẳng bao lâu thấy hiện ra một mớ trứng, ba bốn trăm cái gì đó không biết nữa. Đó là trứng con vích, một loại rùa biển. Trứng này không có vỏ, chỉ bọc một lớp da mỏng. Chúng tôi hốt đầy cái áo sơ-mi mà Antonio đã cởi ra, dễ đến một trăm quả trứng. Chúng tôi rời bãi biển, băng qua đường để lại đi vào rừng. Đến một chỗ thật kín đáo, chúng tôi bắt đầu ăn, chỉ ăn lòng đỏ thôi nhé - Antonio dặn tôi như vậy. Với hàm răng chó sói của anh ta, Antonio cắn đứt lớp da bọc quanh trứng, để cho lòng trắng chảy hết rồi hút cái lòng đỏ. Anh ta cắn cả một loạt trứng, rồi vừa đưa cho tôi một cái vừa hút cái kia. No đến vỡ bụng, chúng tôi nằm dài ra đất, đầu gối lên chiếc áo vét. Antonio nói: Manana tu sigues so lo đos dias más. De manana enadelante no hay policias (Mai anh tiếp tục đi một mình hai ngày nữa. Kể từ mai sẽ không có cảnh sát đâu)

Đồn biên phòng cuối cùng: mười giờ tối nay. Chúng tôi nhận ra vị trí của đồn biên phòng này nhờ tiếng chó sủa, và đến gần hơn thì trông thấy một ngôi nhà nhỏ đèn thắp sáng trưng Antonio tránh các thứ đó một cách tài tình. Từ đấy chúng tôi đi suốt đêm

không cần đề phòng gì cả. Đường đi không rộng, nó chỉ là một con đường mòn, nhưng cũng có thể cảm thấy là nó được dùng thường xuyên vì lối đi không hề có cỏ. Nó rộng khoảng năm mươi phân và đi dọc theo cánh rừng, cao hơn bãi biển chừng hai mét. Có nhiều chỗ thấy rõ vết móng ngựa và móng lừa. Antonio ngồi lên một cái rễ cây to và ra hiệu cho tôi ngồi xuống. Trời nắng rất gắt. Đồng hồ tôi chỉ mười một giờ, nhưng nhìn mặt trời thì phải đến giữa trưa: nếu cắm thẳng một cây gậy xuống đất thì không hề thấy bóng hắt xuống, vậy là đúng giữa trưa, tôi liền sửa đồng hồ lại thành mười hai giờ. Antonio dốc cái túi đựng lá coca ra: còn cả thảy bảy cái. Anh ta đưa cho tôi bốn cái và giữ lại ba cái. Tôi đi vào rừng một lát rồi quay lại đưa cho anh ta một trăm năm mươi dollars Trinidad và sáu mươi florins. Anh ta ngơ ngác nhìn tôi hết sức ngạc nhiên sờ sờ lên mấy tờ giấy bạc, không hiểu nổi tại sao nó lại có thể mới tinh như vậy và làm sao nó lại không bao giờ bị ướt nhất là anh ta không lần nào thấy tôi đem ra phơi phóng gì cả. Anh ta cám ơn tôi, tay cầm cả nắm giấy bạc, suy nghĩ hồi lâu rồi lấy sáu tờ năm florins, vị chi là ba mươi florins, rồi trả cho tôi số còn lại. Tuy tôi cố nài, anh ta nhất định không chịu lấy thêm.

Lúc này có thể nhận thấy ở Antonio có một cái gì thay đổi. Chúng tôi đã dự định là sẽ chia tay nhau ở đây, nhưng bây giờ anh có vẻ như muốn đưa tôi đi thêm một ngày nữa. Sau đó anh

sẽ quay trở lại, - anh ta vừa nói vừa ra hiệu cho tôi hiểu như thế. Thế là chúng tôi lại cùng lên đường, sau khi nuốt mấy cái lòng đỏ trứng vích và châm một điếu xì-gà (việc này phải mất hơn nửa tiếng đồng hồ mới làm được vì phải xát hai hòn đá vào nhau cho lửa bén vào một nhúm rêu khô). Chúng tôi đi được hơn ba tiếng đồng hồ thì thấy một người cưỡi ngựa đi thẳng về phía chúng tôi. Người ấy đội một cái mũ rơm rộng mênh mông, chân đi ủng, không mặc quần mà mặc một thứ slip bằng da, một cái áo sơ-mi màu xanh lá cây và một cái áo vét cũng màu xanh lá cây nhưng đã phai bạc, kiểu nhà binh. Vũ khí mang theo là một khẩu các bin rất đẹp và một khẩu súng lục to tướng đeo ở thắt lưng.

- Caramba! Kìa Antonio, cậu đấy à? - Người ấy reo lên.

Từ rất xa Antonio đã nhận ra người cưỡi ngựa, anh ta không nói gì với tôi cả, nhưng tôi biết chắc là như vậy. Người kia xuống ngựa: đó là một người đàn ông cao lớn, nước da màu đồng đỏ, trạc bốn mươi tuổi là ít Hai người vỗ rất mạnh lên vai nhau mấy cái. Cách chào thân ái này về sau tôi sẽ còn gặp nhiều ở các nơi.

- Còn gã kia là ai thế?

- Companero de fuga (bạn vượt ngục), người Pháp.

- Cậu đi đâu?

- Đến nơi nào thật gần dân chài Anh-điêng.

- Anh này muốn đi qua lãnh thổ Anh-điêng, vào Venezuela rồi từ đó tìm cách trở về Aruba hay Curacao.

- Anh-điêng Guajiros: không tốt, - người kia nói.
- Anh không có vũ khí, hãy cầm lấy cái này. - Hắn đưa cho tôi một con dao găm có cả bao da, cán làm bằng sừng đánh bóng. Chúng tôi ngồi xuống bên vệ đường. Tôi cởi giày ra: hai chân tôi đều rớm máu. Antonio và người cưỡi ngựa nói gì rất nhanh với nhau, có thể thấy rõ rằng dự định của tôi đi qua lãnh thổ Guajira không làm cho họ hài lòng chút nào. Antonio ra hiệu cho tôi lên ngựa: đôi giày buộc dây lại quàng ngang vai, tôi sẽ để trần đôi chân cho những vết thương khô lại. Tôi hiểu được những điều đó qua những cử chỉ của Antonio. Người cưỡi ngựa lên ngựa, Antonio đưa tay ra cho tôi, và chưa kịp hiểu ra sao, tôi đã được ngồi trên lưng con ngựa vừa bắt đầu phi nước đại, sau lưng người bạn của Antonio. Suốt một ngày và một đêm chúng tôi đã phi ngựa như thế. Thỉnh thoảng người kia dừng ngựa lại, đưa cho tôi một chai rượu hồi, và cứ mỗi lần như thế tôi lại uống một hớp. Đến tảng sáng anh ta dừng lại. Mặt trời đã lên. Anh ta đưa cho tôi một bánh pho-mát cứng như sắt và hai cái bánh nướng, sáu cái lá coca, lại biếu tôi một cái túi đặc biệt để đựng thứ lá này, không thấm nước, buộc vào thắt lưng. Rồi anh ta vỗ mạnh mấy cái lên vai tôi như đã từng làm với Antonio, rồi lên ngựa và phi đi.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Người Anh-dieng (1)

Tôi đi đến một giờ trưa. Không còn rừng rậm nữa, nhìn đến tận chân trời cũng không thấy cây cối gì. Mặt biển lấp lánh như bạc dưới ánh nắng chói chang. Tôi đi chân không, đôi giày của tôi vẫn khoác trên vai trái. Đến khi định nằm xuống, tôi trông thấy lờ mờ ở phía xa năm sáu khóm cây, hoặc là năm sáu tảng đá gì đấy, lùi sâu vào trong bãi biển. Tôi thử ước lượng khoảng cách: có lẽ chừng mười cây số. Tôi lấy một nửa lá coca khá to rồi vừa nhai vừa đi khá nhanh. Một tiếng đồng hồ sau tôi phân biệt được những vật mà ban hãy tôi gọi là năm sáu khóm cây: đó là những túp lều lợp tranh hay lợp rạ, mà cũng có thể là lợp một thứ lá gì đó màu nâu nhạt. Từ một túp lều có một làn khói bay lên. Rồi tôi trông thấy người. Họ đã trông thấy tôi. Tôi nhận ra những tiếng reo và những cử chỉ của một nhóm người hướng ra phía biển. Tôi nhìn ra phía ấy thì thấy bốn chiếc thuyền đi nhanh vào bờ và từ trên thuyền có mươi người lên bờ. Tất cả tụ tập lại phía trước mấy túp lều và nhìn về phía tôi. Tôi thấy rõ cả đàn ông lẫn đàn

bà đều trần truồng, phía trước có một vật gì vừa đủ che bộ phận sinh dục. Tôi thong thả đi về phía họ. Có ba người chống tay lên ba cái cung và cầm mỗi người một mũi tên. Không có một cử chỉ nào, dù là thù địch hay thân thiện. Một con chó cất tiếng sủa và giận dữ chồm vào cắn tôi ở phía dưới bắp chân, ngoạm mất một mảnh quần... Nó toan xông vào cắn nữa thì một mũi tên nhỏ không biết từ đâu bắn ra (về sau tôi được biết rằng nó đã được thổi ra từ một cái ống xi đồng) đâm vào mông nó, nó vội chuồn mất, vừa chạy vừa kêu ăng ẳng rồi mất hút trong một cái nhà nào đấy. Tôi bước khập khiễng về phía họ, vì con chó đã cắn tôi khá đau. Tôi chỉ còn cách nhóm người kia có mười thước. Không hề có một người nào cử động hay nói năng gì, bọn trẻ con đều đứng sau lưng mẹ chúng. Thân hình họ đều rám nắng, ánh lên như đồng đỏ, gân guốc, tuyệt đẹp. Mấy người đàn bà đều có đôi vú thẳng, cứng và chắc, nuốm vú rất to. Chỉ thấy mỗi một bà có đôi vú sệ xuống.

Trong đám có một người tư thế uy nghi, nét mặt thanh tú, dáng dấp để lộ một sự tôn quý rõ ràng. Tôi đi thẳng về phía người ấy. Người ấy không có cung tên gì cả, tầm vóc vừa bằng tôi, tóc cắt gọn ghẽ có để một cái bờm rậm cắt ngang lông mày. Hai tai người ấy lấp trong đám tóc rủ xuống vừa quá dái tai, màu đen huyền, trông như có ánh tím. Hai mắt người ấy màu xám sắt. Trên ngực, trên cánh tay và trên đôi chân đều không có lấy một

sợi lông. Cặp đùi màu đồng đỏ rất gân guốc và cặp chân thanh tú với những đường cong rất đẹp cũng gân guốc như vậy. Người ấy đi chân không. Khi đã đến cách người ấy ba thước, tôi đứng lại. Bấy giờ người ấy bước tới hai bước và nhìn thẳng vào mắt tôi. Cuộc khảo sát này kéo dài hai phút. Trên khuôn mặt ấy không có một nét nào cử động, trông như mặt một pho tượng đồng có đôi mắt xếch. Rồi người ấy mỉm cười và đưa tay sờ lên vai tôi. Lúc bấy giờ mọi người đến chạm tay vào tôi và một cô gái Anh-điêng trẻ tuổi cầm lấy tay tôi kéo vào bóng rợp do một túp lều hắt xuống. Đến đấy cô ta vén ống quần tôi lên. Mọi người đều đến ngồi thành vòng tròn xung quanh. Một người đàn ông đưa cho tôi một điếu thuốc quấn bằng lá đã châm sẵn, tôi cầm lấy và bắt đầu hút. Mọi người đều cười lớn khi thấy cách hút của tôi, vì họ hút thuốc bằng cách để đầu có lửa vào trong miệng, đàn ông cũng như đàn bà đều thế. Chỗ bị chó cắn không chảy máu nữa, nhưng một miếng da bằng nửa đồng xu đã bị bong mất. Cô con gái nhổ hết lông ở chỗ ấy đi rồi lấy gáo nước biển mà một con bé Anh-điêng vừa đi múc về rửa kỹ vết thương. Cô ta nặn cho nó chảy máu ra. Chưa vừa lòng, cô còn dùng một mảnh sắt mài nhọn cào vào hai vết răng cắn mà cô vừa nong rộng ra. Tôi cố ngồi thật yên, không để lộ vẻ đau đớn gì cả, vì mọi người đang quan sát tôi. Một cô gái Anh-điêng khác toan vào giúp một tay, nhưng cô ta gạt phắt ra. Trông thấy thế, mọi người cười phá lên.

Tôi hiểu là cô ta muốn tỏ ra cho cô kia hiểu rằng tôi thuộc quyền sở hữu riêng của cô ta: chính vì thế mà họ cười. Rồi cô ta cắt hai ống quần của tôi ở phía trên đầu gối một quãng. Cô nghiền mấy chùm rong biển mà người ta vừa mang tới trên một tảng đá đắp lên vết thương và buộc lại bằng những mảnh vải vừa cắt ở quần tôi ra. Hài lòng vì công việc đã xong, cô ta ra hiệu cho tôi đứng dậy.

Tôi đứng dậy, cởi áo vét ra. Lúc ấy cô gái nhìn vào cổ áo phanh rộng của tôi và trông thấy hình con bướm xăm ở khoảng dưới cổ tôi. Cô nhìn một lúc, rồi thấy có những hình xăm khác nữa, cô tự tay cởi áo sơ-mi của tôi ra để nhìn cho rõ. Đàn ông cũng như đàn bà, ai nấy đều lấy làm thú vị với những hình xăm trên ngực tôi: ở bên phải là một phạm nhân; ở bên trái là một cái đầu phụ nữ; ở phía trên bụng là một cái đầu hổ; trên cột sống là một người thủy thủ bị đóng đanh trên giá thập tự, và chạy dài suốt có lưng là một cảnh săn hổ có cả những người đi săn, những khóm cọ, những con voi và những con hổ. Khi trông thấy những hình xăm này, bọn đàn ông gạt mấy người đàn bà ra và ngắm ngắm, sờ sờ từng hình một cách tỉ mỉ. Sau khi vị thủ lĩnh đã phát biểu, mỗi người đều góp thêm ý kiến riêng của mình. Kể từ lúc ấy tôi đã được bọn đàn ông thâu nạp hẳn vào bộ tộc. Mấy người đàn bà thì đã thâu nạp tôi ngay từ phút đầu, sau khi thủ lĩnh đã mỉm cười và chạm tay vào vai tôi.

Chúng tôi đi vào nếp nhà tranh lớn nhất, và đến đây tôi hoàn toàn bị lạc hướng. Ngôi nhà làm bằng đất nện màu đỏ gạch. Vách nhà hình tròn, có tám cửa ra vào và ở bên trong, sườn nhà được dùng làm nơi mắc mấy cái võng ngũ sắc, màu rất tươi, đan bằng len thuần chất, dồn vào một góc. ở giữa có một tảng đá tròn và dẹp màu nâu, mặt mài nhẵn, xung quanh có những phiến đá dẹt dùng để ngồi. Trên vách có treo nhiều khẩu súng hai nòng, một thanh gươm của nhà binh, và những cánh cung to nhỏ đủ cỡ treo la liệt khắp nơi. Tôi còn nhận thấy có một cái vỏ rùa rất lớn, một người có thể nằm gọn vào đấy, một cái lò sưởi làm bằng những phiến đá khô xếp chồng lên nhau rất khớp làm thành một tổng thể gọn gàng mà không hề có vết trát. Trên bàn có đặt một nửa trái bầu khô đựng vài ba nắm ngọc trai. Họ cho tôi uống một thứ nước quả lên men rất ngon, có vị chua - ngọt, đựng trong một thứ bát bằng gỗ, rồi dọn lên cho tôi một con cá lớn nặng ít nhất hai ki-lô nướng bằng than gỗ, đặt trên một tàu lá chuối. Họ mời tôi ăn: tôi nhận lời và thong thả ăn. Khi tôi đã ăn hết con cá ngon tuyệt vời, cô gái ban nãy cầm tay tôi dắt tôi ra bãi biển cho tôi rửa tay và súc miệng bằng nước biển. Rồi chúng tôi lại quay về ngôi nhà lớn. Chúng tôi ngồi quây thành vòng tròn, cô gái Anh-điêng ngồi cạnh tôi, bàn tay đặt trên đùi tôi. Vừa nói vừa làm cử chỉ, tôi và những người thổ dân cố gắng tìm cách hiểu nhau.

Vị thủ lĩnh đứng phắt dậy đi vào phía trong nhà lấy ra một viên đá trắng rồi đến vẽ lên bàn, thoạt tiên là những người Anh-điêng trần truồng và khóm làng của họ, rồi đến biển. ở bên phải cái làng Anh-điêng, ông ta vẽ những ngôi nhà có cửa sổ, mấy người đàn ông và đàn bà mặc áo quần. Đàn ông thì cầm súng hay cầm gậy. ở bên trái, ông ta vẽ một cái làng khác, có những người đàn ông cầm súng và đội mũ, mặt mày dữ tợn, đàn bà thì mặc áo. Sau khi tôi đã xem kỹ mấy hình vẽ, ông ta nhận thấy mình đã bỏ sót một cái gì đó bèn vẽ một con đường đi từ làng Anh-điêng đến khóm nhà bên phải, rồi một con đường khác đi sang cái làng bên trái. Để tôi thấy rõ phương hướng, ông ta lại vẽ ở phía Venezuela, tức bên phải, một cái mặt trời được thể hiện bằng một vòng tròn và những nét tua tủa ở xung quanh, và bên phía làng Colombia, một cái mặt trời có một đường khúc khuỷu cắt ngang. Không thể nhầm lẫn được: một bên là mặt trời mọc, bên kia là mặt trời lặn. Vị thủ lĩnh trẻ tuổi ngắm tác phẩm của mình một cách đầy tự hào, và mọi người lần lượt đến xem hình vẽ. Khi thấy tôi đã hiểu rõ ông ta muốn nói gì, vị thủ lĩnh lại cầm viên đá phấn lên gạch chi chít lên hai làng kia, chỉ để nguyên làng của ông ta. Tôi hiểu ông muốn nói với tôi rằng người ở hai làng kia đều ác, rằng ông không muốn có liên quan gì với họ, và chỉ có làng ông là tốt. Ông ta nói những điều ấy với ai kia chứ!
Người ta dùng một tấm giẻ bằng len nhúng nước lau sạch mặt

bàn. Khi bàn đã khô, vị thủ lĩnh đưa viên đá phấn cho tôi: bây giờ đến lượt tôi phải kể chuyện mình bằng hình vẽ. Chuyện của tôi thì phức tạp hơn chuyện của ông ta. Tôi vẽ một người hai tay bị trói và hai người có vũ khí đứng nhìn hắn; rồi vẽ người bị trói bỏ chạy và hai người kia đuổi theo, súng chĩa vào hắn. Tôi vẽ lại cảnh ấy hai lần, lần sau khoảng cách giữa tôi và những người đuổi theo xa hơn lần trước, và đến lần cuối cùng thì hai tên cảnh sát đứng lại còn tôi thì chạy tiếp về phía làng của họ, gồm có mấy người Anh-điêng và con chó, đứng ở phía trước là vị thù lĩnh đang dang hai tay về phía tôi.

Hình vẽ của tôi chắc không đến nỗi quá tồi, vì sau một cuộc bàn tán khá lâu giữa mấy người đàn ông, vị thủ lĩnh dang hai tay ra như trong hình vẽ của tôi. Họ đã hiểu.

Ngay đêm hôm ấy, cô gái Anh-điêng đưa tôi về túp lều của cô trong đó còn có sáu người đàn bà và bốn người đàn ông cùng ở. Cô mắc lại cái võng bằng len ngũ sắc rất đẹp và rất rộng, hai người có thể nằm ngang võng thoải mái. Tôi đến nằm vào cái võng vừa mắc, nhưng lại nằm dọc. Thấy thế cô gái đến cạnh một cái võng khác và nằm ngang lên đấy. Tôi cũng bắt chước làm theo, và lúc bấy giờ cô liền đến nằm cạnh tôi. Cô sờ lên người tôi, sờ lên tai, lên mắt, lên miệng tôi với mấy ngón tay dài và thon nhưng rất xù xì, chi chít những vết sẹo nhỏ, nhưng sắc cạnh. Đó là những vết đứt do san hô để lại khi các cô gái lặn xuống

biển nhặt trai có ngọc. Khi đến lượt tôi, tôi lại vuốt ve khuôn mặt cô, cô cầm lấy tay tôi, rất ngạc nhiên vì thấy nó mịn, không có chai. Sau một tiếng đồng hồ nằm với nhau trên võng chúng tôi đứng dậy và đi sang ngôi nhà lớn của thủ lĩnh. Họ đưa cho tôi mấy khẩu súng để tôi xem thử nó tốt hay xấu, đó là những khẩu súng trường sản xuất tại Saint-Etienne, cỡ 12 và 16. Họ có sáu hộp đựng đầy đạn chì double zéro.

Cô gái Anh-điêng của tôi tầm vóc trung bình, có đôi mắt màu xám sắt giống như vị thủ lĩnh, đường nét rất thanh tú, bộ tóc tết thành bím dài ngang hông, có một đường ngôi ở giữa. Vú cô rất đẹp, cao và hình quả lê. Đầu vú thâm hơn nước da màu hồng đỏ ở xung quanh và nuốm vú rất dài. Cô không biết hôn, khi cần cô chỉ khẽ cắn cắn vào môi tôi. Chỉ ít lâu tôi đã dạy được cho cô cách hôn theo kiểu người văn minh. Những khi hai chúng tôi cùng đi đâu, cô không chịu đi bên cạnh tôi, nói thế nào cũng không được, cô cứ đi theo sau tôi. Có một túp lều không ai ở, nay đã bắt đầu dột nát. Với sự giúp đỡ của mấy người đàn bà khác cô lấy lá dừa lợp lại cái mái, và vá lại vách nhà bằng đất sét đỏ rất dẻo. Người Anh-điêng có đủ các thứ dụng cụ và vũ khí bằng sắt: dao, dao găm, dao phát, rìu, cuốc nhỏ, nạng chĩa. Cũng có những dụng cụ bằng đồng bằng nhôm, bình tưới nước, soong chảo, còn có một thứ đá mài quay, một thứ lò nướng, các thứ thùng bằng sắt và bằng gỗ. Họ nằm trên những cái võng hết sức

rộng bằng len thuần chất được trang trí bằng những đường viền đan và những hoa văn ngũ sắc dùng những màu rất sặc sỡ, màu đỏ tươi màu xanh lam, màu đen huyền, màu vàng hoàng yến. Ngôi nhà chẳng bao lâu đã sửa xong, và cô gái bắt đầu đem về đấy những đồ dùng mà mấy người Anh-điêng khác cho cô: một cái kiềng tròn có ba chân, một cái võng vừa cho bốn người lớn nằm ngang, mấy cái ly, mấy cái hũ bằng sắt tây, mấy cái soong, v.v... Lại có cả một bộ đồ thắng lừa nữa.

Chúng tôi vuốt ve, mơn trớn nhau đã được mười lăm ngày, tức từ ngày tôi đến đây, nhưng cô gái nhất định không chịu đi đến cùng và mỗi khi tôi nài ép cô phản ứng rất mạnh. Tôi không sao hiểu nổi, vì chính cô đã khiêu khích tôi mà đến lúc chót thì cô lại không chịu. Trên người cô không bao giờ có chút vải vóc gì trừ cái khố hẹp, buộc xung quanh cái có rất mảnh của cô bằng một sợi dây nhỏ, hai mông hoàn toàn để trần. Không hề qua một chút lễ nghi nào, chúng tôi đã dọn đến ở ngôi nhà nhỏ vừa sửa sang xong. Nhà có ba cửa, một cửa chính ở giữa, hai cửa phụ đối diện nhau. Vì vách nhà hình tròn cho nên ba cái cửa ấy làm thành một hình tam giác cân. Mỗi cái cửa đều có một công dụng riêng: cửa phía bắc dành cho tôi, tôi chỉ được ra vào bằng cửa này mà thôi. Cửa phía nam là cửa dành cho cô ấy. Tôi không được ra vào bằng cứa của cô ta, và cô ta không được dùng cửa của tôi. Bạn bè thì đi cửa lớn, còn tôi và cô ta chỉ được đi cửa này khi đưa

khách vào nhà.

Sau khi chúng tôi đã dọn đến ở hẳn ngôi nhà này cô gái mới thực sự là của tôi. Tôi không muốn đi vào chi tiết, nhưng đó quả là một người tình nồng nhiệt và nhờ trực giác mà trở nên thành thạo. Cô ấy quấn vào tôi như mọt sợi dây leo. Dấu kỹ mọi người, tôi chải đầu cho cô và tết tóc thành bím cho cô. Tôi không bao giờ dám làm như vậy khi chưa biết chắc là không có ai có thể trông thấy, vì một người đàn ông không được chải đầu cho vợ bao giờ, cũng không được xát tay vợ bằng một hòn đá giống như đá bọt, cũng không được hôn môi và hôn vú vợ theo một kiểu nào đấy. Cô rất vui sướng khi được tôi chải đầu, một niềm hạnh phúc vô biên hiện rõ trên gương mặt cô, pha lẫn nỗi lo sợ (nhỡ có ai trông thấy thì chết!).

Lali (đó là tên cô) và tôi đã có nhà riêng. Có một điều khiến tôi phải lấy làm lạ, là không bao giờ cô ta dùng mấy cái lò hay xoong nồi bằng sắt hoặc bằng nhôm, cô không bao giờ uống nước bằng cốc thủy tinh, lúc nào cũng dùng những thứ bằng đất nung do dân làng tự làm lấy.

Cái bình tưới nước thì dùng để rửa ráy, bằng cách hứng nước ở cái gương sen ở đầu vòi. Đi ngoài thì đi xuống biển.

Tôi thường tham dự vào việc tách vỏ trai để tìm ngọc. Việc này do những người đàn bà lớn tuổi nhất làm. Mỗi người thiếu phụ làm nghề vớt trai đều có một cái túi riêng. Những viên ngọc tìm

được trong vỏ trai được chia như sau: một phần cho vị thủ lĩnh vốn là đại diện của cộng đồng, một phần cho người chèo thuyền, một nửa phần cho người mở trai và một phần rưỡi cho người lặn mò trai. Khi còn ở với gia đình, người con gái có được bao nhiêu ngọc trai đều đem cho ông bác hay ông chú. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu nổi tại sao chính cái ông bác (hay ông chú) ấy cũng là người đầu tiên đi vào nhà hai người sắp lấy nhau: ông ta cầm cánh tay người vợ quàng vào lưng người chồng và cầm cánh tay phải của người chồng đặt lên bụng người vợ, sao cho ngón tay trỏ đặt đúng vào rốn. Làm xong cái thủ tục đó, ông ta ra về.
Vậy thì tôi có dự vào công việc mở trai, nhưng tôi không dự vào việc vớt trai, vì họ chưa lần nào mời tôi lên một chiếc thuyền. Họ vớt trai hơi xa bờ, phải gần đến năm trăm mét. Có những người Lali đi vớt trai về, hai đùi hay cạnh sườn bị san hô cào xước hết. Đôi khi có những vết xước sâu đến chảy máu. Những khi đó Lali lấy rong biển xát vào chỗ xước. Tôi không bao giờ làm một việc gì mà người ta không ra hiệu bảo tôi làm.
Tôi không bao giờ vào nhà thủ lĩnh nếu ông ta hay một người nào khác không cầm tay tôi dắt vào.
Lali có ý nghi ngờ rằng có ba cô gái Anh-điêng trạc tuổi cô cứ hay đến nằm trong đám cỏ gần sát cửa nhà chúng tôi để nhìn trộm hay nghe trộm xem thử chúng tôi làm những gì khi ở nhà một mình với nhau. Hôm qua tôi đã gặp người Anh-điêng đảm

đương công việc liên lạc giữa làng thổ dân với xóm dân cư Colombia gần nhất, cách đồn biên phòng hai cây số. Xóm này được gọi là La Vela. Người Anh-điêng ấy có hai con lừa và đeo một khẩu các-bin Winchester tự động. Cũng như mọi người, anh ta không mặc áo quần gì ngoài cái khố. Anh ta không biết lấy một chữ Tây Ban Nha nào, cho nên tôi không thể hiểu tại sao anh ta lại có thể giao dịch đổi chác gì với những người Colombia. Tôi lấy tự điển Pháp - Tây Ban Nha tra xem những thứ tôi cần thì tiếng Tây Ban Nha viết như thế nào, và ghi ra một tờ giấy: kim, mực chàm và mực đỏ chỉ khâu - vì ông thủ lĩnh đã nhiều lần yêu cầu tôi xăm hình cho ông ta. Anh chàng Anh-điêng làm liên lạc này người bé nhỏ và khô đét. Trên người anh ta có một vết sẹo khủng khiếp bắt đầu từ cái xương sườn thấp nhất, chạy suốt ngực cho đến vai bên phải. Từ vết thương cũ, thịt lồi lên làm thành một đường sẹo nổi to bằng ngón tay.

Người ta bỏ ngọc trai vào trong một cái hộp đựng xì-gà. Cái hộp được chia ra thành từng ngăn, mỗi ngăn đựng một cỡ ngọc. Khi người Anh-điêng này ra đi, tôi được phép của thủ lĩnh đi theo anh ta. Để cho tôi quay về chứ đừng đi thắng, thủ lĩnh đã cho tôi mượn một khẩu súng hai nòng và sáu viên đạn. Do một cách suy nghĩ đơn giản, ông ta tin chắc rằng đã mượn súng như vậy thì tôi thế nào cũng phải quay lại. Vì ông không thể nào tưởng tượng được rằng đang cầm một vật không phải là của mình mà người ta

lại có thể bỏ đi hẳn được. Vì hai con lừa đều không phải chở gì hết, nên người Anh-điêng cưỡi một con, tôi cưỡi một con. Chúng tôi đi suốt ngày trên con đường mà tôi đã dùng để đến đây nhưng đến cách đồn biên phòng khoảng ba bốn cây số người Anh-điêng quay lưng về phía biển và đi sâu vào vùng đất liền.

Đến năm giờ chúng tôi đến một bờ suối có năm nếp nhà của người Anh-điêng. Cả xóm kéo ra xem tôi. Người Anh-điêng cùng đi với tôi nói, nói mãi cho đến lúc có một người đàn ông đến: ở người này cái gì cũng giống người Anh-điêng. mắt, tóc, mũi, trừ nước da. Da hắn trắng nhờ nhờ và mắt hắn đo đỏ giống như người bạch tạng. Hắn mặc quần ka-ki. Đến đây tôi hiểu rằng người Anh-điêng ở làng tôi không bao giờ đi quá chỗ này. Người Anh-điêng da nhợt nói với tôi bằng tiếng Tây Ban Nha:

- Buenos dias (chào). Anh ta là người tù đã vượt ngục với Antonio phải không? Anotnio với tôi là người anh em kết nghĩa bằng máu. - Để "kết nghĩa" với nhau, hai người buộc tay vào nhau, rồi mỗi người lấy dao rạch tay người kia và lấy máu của mình bôi lên tay người kia, sau đó lại liếm chỗ máu dính trên tay người kia.

- Anh cần gì?

Mấy cái kim, một ít mực chàm và mực đỏ. Chỉ có thể thôi.

- Một tuần nữa sẽ có.

Hắn nói tiếng Tây Ban Nha giỏi hơn tôi, và có thể thấy rằng hắn

biết cách liên hệ với những người văn minh, tổ chức những cuộc đổi chác sao cho có lợi về phía những người cùng chủng tộc. Khi tôi chuẩn bị ra về, hắn trao cho tôi một cái chuỗi đeo cổ làm bằng những đồng tiền bằng bạc của xứ Colombia xâu lại, nói là gửi cho Lali.

- Hãy trở lại đây thăm tôi, - người Anh-điêng da nhợt dặn tôi.

Để cho chắc bụng là tôi sẽ trở lại, hắn cho tôi mượn một cái cung.

Tôi ra về một mình chưa đi được nửa đường thì đã thấy Lali cùng đi với một cô em còn ít tuổi, chỉ mười hai hay mười ba là cùng. Lali thì chắc chắn là đã mười sáu hoặc mười tám tuổi. Cô ấy xông vào tôi như một con điên, cào cấu ngực tôi vì tôi đã che mặt lại, rồi cắn dữ dội vào cổ tôi. Tôi dùng hết sức bình sinh mới giữ được cô. Đột nhiên cô bình tĩnh hắn đi. Tôi bế cô gái nhỏ tuổi lên lưng lừa và ôm lưng Lali đi phía sau. Chúng tôi thong thả trở về làng. Giữa đường tôi giết được một con cú. Tôi đã bắn trúng nó mà chả biết đó là con gì, chỉ thấy hai con mắt sáng lên trong đêm tối. Lali một mực đòi mang con cú về, tôi phải buộc nó vào yên lừa. Đến tảng sáng chúng tôi về tới làng. Tôi mệt quá, chỉ muốn tắm một cái. Lali tắm cho tôi, rồi trước mặt tôi cô cởi khố của cô em gái, bắt đầu tắm cho em, rồi lại tự tắm rửa cho mình.

Khi cả hai chị em về nhà thì tôi đang ngồi đợi nước sôi để uống

với chanh và đường. Đến đây xảy ra một sự việc mà mãi về sau tôi mới hiểu. Lali đẩy em gái vào lòng tôi, cầm hai tay tôi quàng ngang lưng cô bé: lúc bấy giờ tôi nhận thấy cô em của Lali không mặc khố trên cổ đeo chuỗi tiền mà tôi đã cho Lali. Tôi không biết làm thế nào để ra khỏi cái tình thế lạ lùng này. Tôi đành khẽ ấy cô bé ra, nhấc cô bé lên và cho nằm xuống võng. Tôi cởi cái chuỗi đeo cổ và đem khoác vào cổ Lali. Lali nằm xuống cạnh em gái, còn tôi thì nằm xuống cạnh Lali. Mãi về sau tôi mới hiểu rằng cô ta tưởng tôi đi hỏi dò đây đó để tìm cách ra đi vì có lẽ tôi không được sung sướng với cô ta, và chắc em gái cô ta có thể đủ sức giữ tôi lại. Khi tôi thức dậy thì thấy tay Lali bưng chặt lấy hai mắt tôi. Lúc bấy giờ đã rất muộn: phải đến mười một giờ trưa. Cô em gái không còn đấy nữa. Lali đắm đuối nhìn tôi với đôi mắt to màu xám và khẽ cắn vào khóe môi tôi. Cô sung sướng bày tỏ cho tôi thấy rằng cô đã hiểu là tôi yêu cô và sở dĩ tôi đi không phải vì cô không biết cách giữ tôi lại.

Lúc bấy giờ trước nhà chúng tôi có một người ngồi đợi. Đó là người Anh-điêng thường ngày vẫn chèo thuyền cho Lali đi biển. Anh ta nhoẻn miệng cười với tôi nhắm mắt lại và làm những điệu bộ rất dễ thương để cho tôi hiểu rằng anh ta biết Lali đang ngủ. Tôi ngồi xuống bên cạnh anh ta, nghe anh ta nói những điều mà tôi không hiểu. Người anh ta lực lưỡng và trẻ trung lạ thường, dáng vóc như một lực sĩ. Anh ta ngắm nghía hồi lâu

những hình xăm trên người tôi, xem xét kỹ lưỡng từng hình một, rồi ra hiệu cho tôi là anh ta muốn nhờ tôi xăm hình cho. Tôi gật đầu ưng thuận, nhưng hình như anh ta cho rằng tôi không biết. Lali bước ra. Cô đã bôi dầu lên khắp người. Cô biết rằng tôi không thích như vậy, nhưng cô làm bộ điệu để tôi hiểu rằng hôm nay không có nắng thành thử nước biển rất lạnh. Những điệu bộ, cử chỉ ấy, mà Lali làm một cách vừa nghiêm trang vừa đùa bỡn, duyên dáng và đẹp mắt đến nỗi tôi cứ giả vờ không hiểu để buộc cô phải làm đi làm lại mấy lần. Khi tôi ra hiệu bảo Lali làm lại, cô bĩu môi, và cái bĩu môi ấy nói rất rõ: "Có phải là anh ngốc quá không hiểu được, hay tại em vụng quá không làm cho anh hiểu được tại sao em lại phải bôi dầu vào người?".

Ông thủ lĩnh đi ngang trước mặt chúng tôi, có hai cô Anh-điêng theo sau. Hai cô xách một con thằn lằn xanh to tướng nặng phải đến bốn năm cân, còn ông thủ lĩnh thì cầm cung lên. Ông ta vừa mới bắn được con thằn lằn và mời tôi lát nữa sang nhà ăn thịt nó. Lali nói gì với ông ta không rõ, chỉ thấy ông ta chạm tay lên vai tôi và chỉ ra biển. Tôi hiểu rằng ông ta cho phép tôi đi ra biển với Lali nếu tôi muốn. Cả ba chúng tôi: Lali, người chèo thuyền thường ngày cho cô, và tôi, cùng ra đi. Chiếc thuyền nhỏ của họ rất nhẹ, làm bằng một thứ gỗ xốp mềm như điên điển, đưa xuống nước rất dễ. Họ vác chiếc thuyền trên vai lội xuống nước và cứ thế đi một quãng. Cách họ cho thuyền xuất phát rất lạ: người đàn

ông Anh-điêng lên thuyền trước, tay cầm một cái chèo to tướng. Lali, nước lút ngang ngực, giữ cho chiếc thuyền cân bằng và không để cho nó lùi về phía bờ, tôi leo lên ngồi ở giữa, thế rồi bỗng nhiên, thoắt một cái, Lali đã ngồi gọn trên thuyền đúng vào lúc người đàn ông Anh-điêng ấn mạnh chèo dẩy thuyền ra biển. Các đợt sóng giống như những cuộn vải, càng xa bờ càng lớn. Cách bờ khoảng năm sáu trăm mét có một thứ kênh: ở đấy đã có hai chiếc thuyền đang vớt trai. Lali đã buộc mấy bím tóc lên đầu bằng năm sợi dây da màu đỏ, ba sợi buộc ngang, hai sợi buộc dọc, tất cả đầu được quấn vào cổ. Tay cầm một con dao lớn, Lali lần theo thanh sắt nặng đến mười lăm cân vốn dùng làm neo mà người đàn ông vừa ném xuống đáy biển.

Chiếc thuyền đứng tại chỗ nhưng không phải là đứng yên, vì cứ mỗi đợt sóng nó lại nhô lên rồi hạ xuống. Hơn ba tiếng đồng hồ Lali cứ trồi lên lặn xuống, từ đáy biển lên mặt biển. ở đây không trông thấy đáy, nhưng cứ vào khoảng thời gian Lali phải mất mà suy ra thì chắc phải sâu từ mười lăm đến mười tám mét. Mỗi lần ngoi lên, trong cái túi của cô đều có trai, người đàn ông Anh-điêng dốc cái túi cho trai đổ vào lòng thuyền. Trong ba tiếng đồng hồ ấy Lali không lần nào lên thuyền. Khi cần nghỉ, cô vịn mạn thuyền đứng yên khoảng từ năm đến mười phút. Chúng tôi đã hai lần đổi chỗ mà Lali vẫn không lên thuyền. ớ chỗ thứ hai, trong túi thấy có nhiều trai hơn, và kích thước của nó.cũng lớn

hơn. Chúng tôi vào bờ. Lali đã leo lên thuyền và chẳng mấy chốc sóng đã đẩy chúng tôi vào bãi cát.

Người đàn bà Anh-điêng đang đợi. Lali và tôi để cho bà ta và người đàn ông kia đưa trai lên bãi cát. Khi mớ trai đã ráo nước, Lali không để cho bà già tách miệng chúng ra, chính cô bắt đầu làm việc đó. Cô nhanh nhẹn dùng mũi dao mở khoảng ba chục con mới thấy được một viên ngọc. Tôi khỏi phải nói với các bạn rằng trong khi đó tôi đã chén hết ít nhất là hai tá. Chắc nước ở dưới đáy phải lạnh lắm, vì thịt con nào cũng rất mát. Lali khe khẽ moi viên ngọc ra: nó to như một hạt đậu cô-ve. Viên ngọc này thuộc loại ngọc trai cỡ lớn. Nó sáng quá? Thiên nhiên đã cho nó những sắc thái óng ả, uyển chuyển nhưng không quá lòe loẹt. Lali dùng hai ngón tay cầm viên ngọc lên bỏ vào miệng ngậm một lát, rồi lấy ra bỏ vào miệng tôi. Bằng một loạt cử chỉ nhai, cô làm cho tôi hiểu rằng cô muốn cắn vỡ viên ngọc và nuốt đi. Tôi từ chối, nhưng những cử chỉ van nài của cô đẹp đến nỗi tôi phải làm theo ý cô: tôi nhai vỡ viên ngọc và nuốt cách mảnh vụn. Cô tách bốn năm con trai nữa cho tôi ăn, có lẽ để cho viên ngọc vào bụng tôi kỳ hết. Cô bắt tôi nằm ngửa ra bãi cát, rồi như đứa con nít, cô banh miệng tôi ra nhìn kỹ xem có còn mảnh vụn nào trong răng không. Sau đó chúng tôi ra về, để cho hai người kia tiếp tục công việc.

Tôi ở đây đã được một tháng. Tôi không tính nhầm được, vì

ngày nào tôi cũng ghi ngày tháng lên một tờ giấy. Mấy cái kim đã được gửi đến từ lâu cùng với ba thứ mực dùng để xăm hình: đỏ, xanh, và tím. Tôi đã phát hiện ở nhà ông thủ lĩnh ba con dao cạo Sulliguen. Ông ta không bao giờ dùng thứ dao này để cạo râu, vì người Anh-điêng không có râu. Ông chỉ dùng một trong ba con dao cạo để cạo tóc: cạo như vậy tóc đứt rất đều thành từng lớp đuổi nhau. Tôi đã xăm cho Zato (tên của thủ lĩnh). Được một hình trên cánh tay. Đó là hình một người Anh-điêng, trên đầu có cắm những chiếc lông chim đủ màu. Ông ta thích mê đi và ra hiệu dặn tôi đừng xăm cho ai trước khi xăm xong một hình thật lớn trên ngực ông. Ông ta muốn có cái đầu hổ như của tôi, với bộ răng nanh thật nhọn. Tôi cười, vì tôi không biết vẽ cho thật khéo để có được một cái đầu hổ đẹp như vậy.

Lali đã nhổ hết lông trên người tôi. Hễ phát hiện ra được sợi này là cô lập tức nhổ đi và lấy rong biển giã nhỏ trộn với tro xát vào. Hình như thứ thuốc này làm cho lông khó mọc lại thật.

Cái công xã Anh-điêng này được gọi là Guajira. Họ ở ven bờ biển và vùng đồng bằng cho đến chân núi. Trong núi có những công xã khác được gọi là Motilones. Mấy năm sau tôi sẽ có dịp tiếp xúc với những người này. Người Guajiros, như tôi đã nói, có tiếp xúc gián tiếp với thế giới văn minh thông qua những cuộc đổi chác. Những người Anh-điêng ở bờ biển giao cho người Anh-điêng da nhợt những viên ngọc trai và cả những con rùa bể

nữa. Rùa được đổi sống, nặng đến khoảng một trăm rưỡi ký lô. ở đây không bao giờ có loại rùa to và nặng như ở sông Oneroca hay sông Maroni có những con có thể đến bốn trăm ký lô, mai đôi khi dài đến hai mét trên một mét chiều rộng. Khi bị đặt ngửa, chúng không tự lật sấp lại được. Tôi đã trông thấy mấy con như vậy bị đặt nằm ngửa đến ba tuần, không được ăn uống gì cả mà vẫn sống, trước khi bị đem đi đổi. Còn loại thằn lằn xanh thì thịt rất ngọt, trắng, mềm và ngọt, trứng của nó vùi vào cát để cho nắng nung lên cũng có hương vị rất mặn mà. Chỉ riêng cái vẻ ngoài của nó trông không có gì ngon lành cả.

Cứ mỗi lần Lali đi vớt trai, cô lại đem về nhà những viên ngọc thuộc phần cô. Những viên ngọc ấy cô đều cho tôi tất. Tôi cất nó vào một cái cốc bằng gỗ không phân biệt viên to, viên trung bình hay viên nhỏ. Tôi chỉ cất trong một cái hộp riêng hai viên ngọc màu hồng, ba viên đen và bảy viên có màu xám kim loại đẹp kinh khủng. Tôi lại còn có một viên ngọc lớn ba màu hình thù như hạt đậu, và cũng to bằng một hạt đậu trắng hay đậu đỏ ở châu Âu. Ba màu ấy làm thành ba lớp chồng lên nhau, và tùy theo thời tiết, một trong ba màu hiện rõ hơn và màu kia: khi thì lớp màu đen, khi thì lớp màu kia nâu như thép cũ, khi thì lớp màu bạc có ánh hồng. Nhờ có ngọc trai và rùa, bộ lạc Guajiros này không thiếu thứ gì. Chỉ có điều là họ có những vật mà họ chẳng biết dùng làm gì, trong khi đó thì lại thiếu những thứ khác

lẽ ra có thể có ích cho họ. Chẳng hạn cả bộ lạc không có lấy được một tấm gương. Cũng may tôi bắt được một mảnh kim loại có lẽ từ một chiếc thuyền bị đắm long ra, có một mặt mạ kền, tôi dùng nó để soi mặt khi cần cạo râu.

Sách lược của tôi đối với các bạn tôi rất dễ dàng: tôi không làm điều gì có thể có hại đến uy thế của thủ lĩnh, và càng tránh những việc có thể xúc phạm đến một ông già Anh-điêng sống một mình trong vùng đồng bằng cách đấy bốn cây số giữa một bầy rắn, hai con dê và một tá cừu. Đó là ông thầy mo chung của mấy xóm Guajiros ở xung quanh. Thái độ đó khiến cho không có người nào ganh tỵ hay có ác cảm với tôi. Sau hai tháng tôi đã được mọi người hoàn toàn coi như người nhà. Ông thầy mo còn có vài chục con gà. Vì trong hai xóm Anh-điêng mà tôi biết không hề thấy có nuôi dê, cừu và gà gì cả, tôi suy ra rằng việc nuôi gia súc là một đặc quyền của ông thầy mo. Những người đàn bà Anh-điêng thay phiên nhau cứ mỗi buổi sáng một người đội cái rổ đựng cá và sò mới vớt được đem đến cho ông ta. Ngoài ra còn có những chiếc bánh bột ngô vừa làm sáng hôm ấy và được nướng chín trên những hòn đá nung lửa. Thỉnh thoảng họ trở về làng với mấy quả trứng và một ít sữa đóng váng, nhưng không phải hôm nào cũng có. Khi nào ông thầy mo muốn tôi đến thăm ông ta, ông ta gửi riêng cho tôi ba quả trứng và một con dao bằng gỗ chuốt thật trơn. Lali đi theo tôi đến nửa đường và ngồi đợi tôi

dưới bóng những cây xương rồng khổng lồ. Lần đầu tiên chính cô đã đặt con dao bằng gỗ ấy vào tay tôi rồi giơ tay chỉ hướng cho tôi đi.

Ông thầy mo Anh-điêng đã già lắm rồi. Ông ta sống trong một cảnh dơ bẩn cùng cực dưới một cái lều căng bằng những tấm da bò, còn nguyên lông, mặt có lông trở vào phía trong. ở giữa lều có đặt ba hòn đá quây quanh một bếp lửa mà người ta cảm thấy là được để cháy suốt đêm ngày. Ông ta không ngủ trên võng mà trên một thứ giường làm bằng cành cây, cách mặt đất hơn một mét. Cái lều khá rộng, phải đến hai mươi mét vuông. Nó không có vách, chỉ phía có gió được che bằng mấy cành cây. Tôi đã được nhìn thấy hai con rắn, một con dài gần ba mét, to bằng cánh tay, còn con kia dài chừng một mét, có một hoa văn hình chữ V màu vàng trên đầu. Tôi tự nhủ: "Hai con rắn này đã ngốn bao nhiêu gà và trứng không biết!" Tôi không hiểu làm thế nào mà bấy nhiêu dê, cừu, gà và cả con lừa nữa đều có chỗ nương thân dưới mái lều này. Ông già xem xét tôi từng li từng tí, rồi bắt tôi cởi cái quần mà Lali đã biến thành quần soóc, và khi tôi đã trần truồng như con nhộng, ông ta bắt tôi ngồi lên một hòn đá bên cạnh bếp lửa. Rồi ông ta thả vào lửa những cái lá xanh làm khói bốc lên mù mịt, sặc mùi bạc hà. Đám khói vay kín xung quanh tôi làm tôi ngạt thở. Nhưng tôi hầu như không ho, cố kiên nhẫn ngồi đợi trong mười phút khói mới tan đi. Sau đó ông ta đốt cái

quần của tôi và đưa cho tôi hai cái khố của người Anh-điêng, một bằng da cừu, một bằng da rắn, mềm mại như một chiếc găng tay. Ông ta lại đeo vào cánh tay tôi một cái vòng đan bằng dây da đê, da cừu và da rắn. Nó rộng mười phân và được buộc vào tay bằng một sợi dây làm bằng da rắn đã thuộc có thể thắt chặt lại hay nới rộng ra tùy ở mắt cá chân trái, ông thầy mo có một cái mụt sâu quảng to bằng một đồng bạc hai francs, bâu đầy ruồi nhặng. Chốc chốc ông ta lại đuổi chúng đi, và khi nào bị quấy nhiễu quá nhiều thì ông ta lấy tro rắc lên chỗ bị loét. Được ông thầy mo chấp nhận rồi, tôi định ra về thì ông ta đưa cho tôi một con dao bằng gỗ nhỏ hơn con dao ông đã gửi cho tôi. Về sau Lali sẽ cắt nghĩa cho tôi hiểu rằng khi nào tôi muốn gặp ông thầy mo, tôi phải gửi cho ông con dao nhỏ này, và nếu ông ta bằng lòng cho tôi gặp, ông ta sẽ gửi con dao to.

Tôi từ giã ông thầy mo già sau khi nhận thấy da mặt và da cổ của ông nhăn nheo đến nhường nào. Cái miệng móm mém của ông chỉ còn có năm cái răng, ba ở hàm dưới và hai ở hàm trên, đều là răng cửa. Mắt ông, cũng hình quả hạnh nhân như tất cả những người Anh-điêng khác, có đôi mi húp đến mỗi khi nhắm lại thì làm thành hai cục thịt tròn. Ông ta không còn lông mày lông mi gì nữa, nhưng tóc thì vẫn đen và cứng, dài đến tận vai và được xén rất thẳng. Cũng như mọi người Anh-điêng, ở phía trước mặt ông có một bờm tóc cắt ngang lông mày.

Tôi ra về với một cảm giác ngượng nghịu vì đôi mông đít lộ thiên. tôi cảm thấy mình buồn cười quá. Thôi, đã vượt ngục thì đành phải thế. Không nên đùa với người Anh-điêng: vi phạm tục lệ của họ là không xong đâu. Muốn được tự do thì cũng phải chịu khó chấp nhận một vài điều bất tiện. Lali nhìn cái khố cười như nắc nẻ, phô hai hàm răng đẹp chẳng kém gì những viên ngọc trai mà cô vớt được, cô xem xét cái vòng đeo tay và cái khố thứ hai bằng da rắn. Để kiểm tra xem tôi đã được hun khói chưa, cô ngửi kỹ người tôi. Cũng xin mở ngoặc nói thêm rằng khứu giác của người Anh-điêng rất tinh. Tôi đã quen với cảnh sống này và nhận thấy không nên tiếp tục sinh hoạt quá lâu theo kiểu này, vì đến một lúc nào đó có thể người ta không còn muốn đi đâu nữa. Lali thường xuyên quan sát tôi, cô mong cho tôi tham gia tích cực hơn cuộc sống chung của bộ lạc. Chẳng hạn cô đã trông thấy tôi đi đánh cá, cô biết rằng tôi chèo rất giỏi và điều khiển chiếc xuồng nhẹ một cách thành thạo. Từ đó đến chỗ muốn rằng chính tôi chèo xuồng cho cô đi vớt trai không có gì là xa. Nhưng tôi thì lại không muốn thế. Lali là người lặn giỏi nhất trong đám con gái làng này, bao giờ thuyền cô cũng vớt được nhiều trai hơn và cũng là những con trai to hơn, tức là nằm sâu hơn cả. Tôi lại biết rằng người thanh niên Anh-điêng chèo thuyền cho cô là em trai của thủ lĩnh. Chèo thuyền của Lali thay cho anh ta tức là làm cho anh ta thiệt thòi, vậy tôi không được làm điều đó. Nhưng khi Lali

thấy tôi tư lự, cô lại đi tìm em gái. Cô bé này mừng rỡ chạy đến và đi vào nhà bằng cái cửa dành cho tôi. Điều đó chắc phải có một ý nghĩa quan trọng. Thường hai người cùng đến một lúc trước cái cửa lớn quay ra biển. Đến đây mỗi người đi một phía: Lali đi một vòng rồi vào bằng cửa của mình, còn Zoraima đi vào cửa của tôi. Zoraima vú mới to bằng quả mít, tóc cũng chưa dài, mái tóc cô cắt thành đường thẳng chấm xuống ngang cằm, cái bờm trên trán xuống quá lông mày, gần chấm đến mi. Mỗi lần Lali gọi em đến như vậy, cả hai chị em đều xuống biển tắm, rồi khi vào nhà họ đều cởi khố treo lên võng. Mỗi lần ở nhà chúng tôi ra về, cô bé lần nào cũng rất buồn vì tôi đã không lấy cô ta. Hôm trước, cả ba chúng tôi đang nằm trên võng, Lali đang nằm giữa thì chợt đứng dậy và khi nằm xuống thì lại nằm ra ngoài để cho tấm thân trần truồng của Zoraima áp vào người tôi.

Người Anh-điêng thường chèo thuyền cho Lali bị thương ở đầu gối, đó là một vết đứt rất rộng và rất sâu. Mấy người đàn ông đã khiêng anh ta đến nhà ông thầy mo, và khi trở về, đầu gối anh được trát một lớp đất sét trắng. Vậy sáng hôm ấy tôi phải chèo thuyền cho Lali đi vớt trai. Tôi cũng cho thuyền ra biển đúng như người kia vẫn làm những lần trước, và thao tác của tôi đã được thực hiện khá chính xác. Tôi đưa Lali ra xa hơn thường lệ một chút. Cô ta rạng rỡ vì vui sướng khi thấy chỉ có hai người đi cùng thuyền. Trước khi lặn cô xoa dầu lên người. Tôi nhìn

xuống đáy biển đen ngòm, nghĩ rằng nước ở đây chắc phải lạnh lắm. Ba cái vây cá mập nhô lên trên mặt nước đi qua khá gần chỗ chúng tôi, tôi chỉ cho Lali xem, nhưng cô không thèm để ý. Lúc bấy giờ vào khoảng mười giờ sáng, trời nắng. Cái túi đựng ngọc trai quấn xung quanh cánh tay trái, con dao giắt vào bao da đeo rất chặt ở thắt lưng, Lali nhảy xuống nước mà không hề làm cho thuyền tròng trành như những người khác thường làm khi đạp thuyền để lấy đà nhảy xuống. Cô lặn xuống đáy nước đen ngòm với một tốc độ khó lòng tưởng tượng nổi. Lần lặn đầu tiên này chắc chỉ để thăm dò, vì trong túi thấy có ít trai. Tôi nảy ra một ý. Trên thuyền có một cuộn dây da rất lớn. Tôi buộc một đầu dây vào cái túi, đưa túi cho Lali và khi cô lặn xuống tôi tháo cuộn dây ra: sợi dây da theo cô xuống đến tận đáy. Chắc Lali đã hiểu ý tôi vì một lát sau cô ngoi lên, không đem theo cái túi. Tay bám vào thuyền để nghỉ sau chuyến lặn khá lâu này, cô ra hiệu cho tôi kéo cái túi lên. Tôi kéo, kéo nữa, nhưng đến một lúc nào đó thấy dây bị mắc kẹt, chắc là cái túi bị vướng vào san hô. Lali lặn xuống để gỡ nó ra, cái túi đầy được một nửa, tôi trút trai vào lòng thuyền. Sáng hôm ấy, sau tám lần lặn sâu mười lăm mét, chiếc thuyền đã gần đầy. Khi Lali leo lên thuyền, mép thuyền chỉ còn nhô lên trên mặt nước có hai phân. Khi tôi định kéo neo lên, chiếc thuyền chở quá nhiều trai suýt chìm nghỉm. Chúng tôi đành phải tháo dây neo ra buộc vào một cái chèo cho nó nổi lềnh bềnh

tại chỗ để đánh dấu nơi thả neo rồi chèo thuyền vào. Chúng tôi vào bờ bình yên vô sự.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Người Anh-dieng (2)

Bà già đang chờ chúng tôi, và anh chàng Anh-điêng thường đi với Lali cũng đang ngồi trên cát khô ở chỗ thường tách trai tìm ngọc. Anh ta rất hài lòng khi thấy số trai vớt được nhiều như vậy. Lali giảng giải cho anh ta hiểu cách làm của tôi: buộc cái túi vào dây để nguyên dưới đáy thì khi lên cô được nhẹ hơn, do đó tiết kiệm được thời gian, cho nên mới nhặt được nhiều trai hơn. Anh ta nhìn cái túi để xem tôi buộc như thế nào và xem xét rất kỹ cái nút buộc. Anh ta tháo nó ra và thử thắt lại như cũ: chỉ một lần anh ta đã thắt được ngay. Anh ta đưa mắt nhìn tôi có vẻ rất tự hào.

Mở hết chỗ trai ra, bà già lấy được mười ba viên ngọc, Lali thường ngày không bao giờ ở lại xem bà già làm việc này, mà về nhà ngay rồi đợi người ta đem phần của mình về, nhưng lần này thì cô ngồi lại cho đến khi mở con trai cuối cùng. Tôi ăn đến ba

tá là ít, Lali thì chỉ ăn năm sáu con. Bà già chia phần chỗ ngọc trai vừa nhặt được. Mười ba viên gần bằng nhau, đều xấp xỉ to bằng hạt đậu Hà Lan. Bà già tách ra ba viên cho thủ lĩnh, ba viên cho tôi, hai viên cho bà ta, và năm viên cho Lali. Lali lấy ba viên phần tôi đưa cho tôi. Tôi cầm lấy và đưa cho người Anh-điêng bị thương. Anh ta không chịu lấy, nhưng tôi mở tay anh ta ra, giúi ngọc vào và bóp tay anh lại. Đến lúc ấy anh ta mới nhận. Vợ và con gái anh ta nảy giờ im lặng ngồi cách đấy một quãng nhìn chúng tôi, thấy thế liền cất tiếng cười mừng rỡ và đến nhập bọn với chúng tôi. Tôi giúp họ dìu anh ta về nhà. Cảnh này được lặp đi lặp lại trong gần hai tuần. lần nào tôi cũng giao lại phần ngọc của tôi cho người đàn ông Anh-điêng. Hôm qua tôi giữ lại một trong sáu viên ngọc thuộc phần của tôi. Về đến nhà tôi đã bắt Lali ăn nó. Lali phát cuồng lên vì vui sướng, ca hát suốt cá buổi chiều.

Thỉnh thoảng tôi lại đến gặp người Anh-điêng da nhợt. Anh ta bảo tôi gọi anh là là Zorillo, tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là con cáo nhỏ. Anh ta nói với tôi là thủ lĩnh sai anh hỏi tôi xem thử tại sao tôi không xăm cho ông hình đầu hổ đi, tôi phân trần rằng sở dĩ tôi chưa dám xăm vì tôi không biết vẽ cho thật giống cái đầu hổ của tôi. Vừa nói vừa tra từ điển, tôi yêu cầu anh ta kiếm cho tôi một tấm gương hình chữ nhật rộng bằng ngực tôi, một tờ giấy trong, một cái bút lông nhỏ nét và một lọ mực, một ít giấy than

hay nếu không kiếm được chì một cây bút chì nét thật to và thật đậm. Tôi cũng nhờ anh ta kiếm một ít áo quần vừa khổ người tôi và cứ để ở nhà anh ta với ba cái áo sơ-mi ka-ki. Tôi được anh ta cho biết rằng cảnh sát có hỏi anh ta về tôi và Antonio. Anh ta đã nói với họ rằng tôi đã vượt núi sang Venezuela, còn Antonio thì bị rắn cắn chết rồi. Anh ta cũng biết rằng mấy người Pháp vượt ngục hiện đang ở nhà tù Santa Marta.

Trong nhà Zorillo cũng có đủ những thứ đồ đạc linh tinh pha tạp như trong nhà ông thủ lĩnh: một đống lớn những cái hũ bằng đất sét có vẽ những hoa văn được người Anh-điêng ưa chuộng, đó là những thứ đồ gốm rất nghệ thuật về hình dáng cũng như màu sắc và hoa văn; những cái võng tuyệt đẹp bằng len thuần chất, cái thì trắng muốt, cái thì có màu sắc, có dải viền. Những tấm da rắn, da thằn lằn, da ễnh ương, tấm nào cũng rất lớn và được thuộc kỹ; những cái giỏ đan bằng dây leo trắng hoặc nhiều màu. Anh ta nói rằng tất cả những vật ấy đều là sản phẩm của những bộ lạc Anh-điêng thuộc cùng một chủng tộc với bộ lạc của tôi nhưng lại sống trong rừng rậm cách đây hai mươi lăm ngày đường. Hơn hai mươi chiếc lá coca mà anh ta cho tôi cũng từ đấy đến. Khi nào mỏi mệt chán chường, tôi sẽ nhai một chiếc lá là thấy đỡ ngay. Tôi từ giã Zorillo và yêu cầu anh ta khi nào tiện thì đem tất cả những vật tôi đã kê và thêm vào đấy mấy tờ báo hay tạp chí bằng tiếng Bây Ban Nha, vì với cuốn từ điển, trong hai tháng qua

tôi đã học thêm được khá nhiều. Anh ta không có tin tức gì của Antonio, chỉ biết rằng vừa qua lại có một cuộc đụng độ giữa các đội canh phòng bờ biển với bọn buôn lậu. Năm người lính và một người buôn lậu đã bị giết, nhưng chiếc thuyền thì không bắt được. Chưa bao giờ tôi trông thấy một giọt rượu mạnh ở trong làng, nếu không kể thứ nước quả lên men mà tôi đã có lần nói đến. Trông thấy một chai rượu hồi trong nhà Zorillo, tôi hỏi xin anh ta. Anh ta từ chối. Nếu tôi muốn uống ở đây thì cứ uống, nhưng đem về thì anh ta không cho.

Cái anh bạch tạng này là một bậc hiền minh. Tôi từ giã Zorillo và ra về với một con lừa mà anh ta cho tôi mượn để trở lại (anh ta cam đoan rằng đến mai nó sẽ tự tìm đường về nhà một mình). Tôi chỉ đem về một gói kẹo lớn đủ màu, mỗi cái kẹo đều bọc giấy mịn, và sáu mươi bao thuốc lá. Lali đợi tôi cách làng hơn ba cây số cùng với cô em gái. Cô không gây gổ gì cả và chịu đi bên cạnh tôi, chịu để cho tôi quàng lưng. Thỉnh thoảng cô đứng lại và hôn lên môi tôi theo kiểu văn minh. Về đến làng, tôi đến thăm ông thủ lĩnh và biếu ông gói kẹo với chỗ thuốc lá kia. Chúng tôi ngồi trước cửa ngôi nhà ông thủ lĩnh, quay mặt ra biển.

Chúng tôi uống nước quả lên men đựng trong những cái chum bằng đất nên lúc nào cũng mát. Lali ngồi ở bên phải tôi, hai tay ôm lấy đùi tôi, còn cô em ngồi ở bên trái, cũng với tư thế như vậy. Hai cô đều ngậm kẹo. Gói kẹo để mở trước mặt chúng tôi,

đàn bà trẻ con trong nhà chốc chốc lại ra bốc mấy cái. Ông thủ lĩnh khẽ đẩy đầu Zoraima vào đầu tôi và ra hiệu cho tôi hiểu rằng cô ta muốn làm vợ tôi như Lali. Lali cầm lấy vú Zoraima ra hiệu nói rằng nó hơi nhỏ cho nên tôi mới không muốn lấy em gái cô. Tôi nhún vai, thế là mọi người cười rộ. Tôi thấy hình như Zoraima rất khổ sở. Tôi liền quàng tay quanh cổ cô, ôm cô vào lòng và vuốt ve đôi vú của cô: mặt Zoraima lập tức sáng bừng lên vì hạnh phúc. Tôi hút vài điếu thuốc lá. Mấy người Anh-điêng cũng thử hút xem sao, nhưng được vài hơi họ đã vứt đi để quay trở về với điếu thuốc lá quấn của họ, đầu có lửa ngậm trong miệng. Tôi đứng dậy chào mọi người rồi cầm tay Lali ra về. Lali đi sau tôi và Zoraima đi sau chị cô. Chúng tôi quạt lò than nướng mấy con cá thật to: món này bao giờ cũng làm thành cả một bữa tiệc ngon lành. Tôi vùi vào than hồng một con tôm hùm nặng ít nhất hai cân. Chúng tôi lại ăn hết món này một cách ngon lành. Tôi đã nhận được tấm gương, tờ giấy mịn và tờ giấy trong để đồ hình, một ống keo mà tôi không hề nhờ mua nhưng có thể có ích cho tôi, mấy cây bút chì than, lọ mực và cây bút lông. Tôi dùng một sợi dây treo tấm gương ngang tầm ngực tôi ở tư thế ngồi: Trong gương hiện ra rõ nét cái đầu hổ xăm trên mình tôi, với đủ các chi tiết. Lali và Zoraima tò mò nhìn tôi làm việc một cách đầy hứng thú. Tôi cầm bút lông đồ lại từng nét, nhưng vì mực cứ chảy xuống, tôi phải dùng đến keo, pha nó vào mực. Từ đấy mọi

sự đều ổn. Sau ba buổi làm việc như thế, mỗi buổi một tiếng đồng hồ, trên tấm gương đã có được một bán sao chính xác của cái đầu hổ.

Lali đã đi mời ông thủ lĩnh, Zoraima cầm hai tay tôi để lên ngực cô, cô có vẻ khổ sở và si mê, đôi mắt cô tràn đầy tình yêu và dục vọng đến nỗi tôi phải ôm lấy cô, và cũng chẳng hiểu rõ mình làm gì, tôi chiếm hữu thân xác cô ngay dưới đất, ở giữa nhà. Cô khẽ buông một tiếng rên, nhưng thân thể cô rướn thẳng lên vì khoái lạc và dính chặt vào tôi không chịu buông ra nữa. Tôi nhẹ nhàng gỡ ra rồi xuống biển tắm vì người tôi đầy đất. Zoraima đi theo tôi, và chúng tôi cùng tắm với nhau. Tôi kỳ lưng cho cô, cô xát hai chân vào hai tay tôi, rồi chúng tôi cùng về nhà. Lali đang ngồi ở chỗ chúng tôi vừa nằm với nhau, khi chúng tôi về thì cô đã hiểu hết. Cô đứng dậy quàng tay lên cổ tôi và âu yếm hôn tôi, rồi cô lấy cánh tay em gái và dìu nó đi ra bằng cửa của tôi, đoạn quay lại và ra bằng cái cửa dành riêng cho mình. Tôi nghe thấy những tiếng đập vách từ phía ngoài. Tôi ra thì trông thấy Lali, Zoraima và hai người đàn bà khác nữa đang dùng một thanh sắt để đục vách. Tôi hiểu rằng họ muốn khoét thêm một cái cửa thứ tư. Để cho vách khỏi nứt ra quá rộng, họ dùng cái bình tưới nước vào vách. Chỉ một lát sau cái cửa đã khoét xong. Zoraima xua những mảnh vỡ ra ngoài. Từ nay trở đi một mình cô sẽ ra vào cái cửa này, cô sẽ không bao giờ dùng đến cửa của tôi nữa.

Ông thủ lĩnh đến cùng với ba người Anh-điêng và người em trai (vết thương ở chân anh này nay đã gán thành sẹo). Ông ta nhìn cái hình vẽ trên gương và nhìn bóng mình trong gương. Ông ta kinh ngạc và vui mừng khi thấy cái đầu hổ được vẽ đẹp như vậy và khi thấy mặt mình được phản chiếu trong gương. Ông ta không hiểu tôi định làm gì. Lúc bấy giờ mực đã khô, tôi đặt tấm gương lên bàn, để tờ giấy trong lên mặt gương và bắt đầu đồ lại. Công việc này rất dễ, chẳng mấy chốc mà xong. Cây bút chì sao lại đúng từng nét vẽ, không đầy một nửa giờ sau, trước khi đôi mắt đầy hứng thú của mọi người, tôi đã có được một hình vẽ cũng hoàn mỹ không kém gì nguyên bản. Mỗi người lần lượt cầm tờ giấy lên ngắm nghía, so sánh cái đầu hổ trên ngực tôi với cái đầu hổ trên tờ giấy. Tôi cho Lali nằm lên bàn, nhấp một ít nước lên bụng cô bằng một cái khăn ướt rồi đặt một tờ giấy than lên đấy và trên cùng là tờ giấy của hình vẽ. Tôi vẽ một vài đường, và sự kinh ngạc của mọi người lên đến cực độ khi họ thấy trên bụng của Lali hiện rõ một phần của hình vẽ. Mãi đến lúc ấy ông thủ lĩnh mới hiểu rằng bao nhiêu công sức của tôi nãy giờ là để làm vừa lòng ông ta.

Những con người không biết giả dối, vì chưa được qua một quá trình giáo dục của người văn minh, bao giờ cũng phản ứng một cách tự nhiên, cảm thụ như thế nào thì phản ứng như thế. Họ hài lòng hay bất mãn, vui hay buồn, thấy hứng thú hay dửng dưng

đều là một cách tự phát và hồn nhiên. Tính ưu việt của những người Anh-điêng thuần nhất như mấy người Guajiros này thật rõ ràng. Họ vượt chúng ta về mọi mặt, vì khi họ đã thâu nạp một người nào vào khối cộng đồng của họ thì tất cả những gì họ có đều là của người ấy, và về phần họ, khi nhận được của người ấy một sự quan tâm dù nhỏ nhặt đến đâu thì cái tâm hồn hết sức nhạy cảm của họ cũng xúc động sâu xa. Tôi đã quyết định vạch trước những nét chính bằng dao cạo để ngay trong buổi đầu tiên những đường viền của hình vẽ đã ăn hẳn vào da. Sau đó tôi sẽ dùng ba cây kim đóng vào một cái que nhỏ xăm thêm vào những đường đã vạch rồi xăm tiếp những đường khác. Hôm sau tôi bắt tay vào việc.

Thủ lĩnh Zato nằm trên bàn. Sau khi đồ lại một lần nữa cái hình vẽ trên giấy mịn sang một tờ giấy trắng khác dai hơn, tôi dùng một cây bút chì cứng và một tờ giấy than in cái hình ấy lên da bụng ông. Lớp da này đã dược bôi sẵn một lớp hồ loãng bằng đất sét trắng pha với nước, rồi để cho khô. Hình vẽ được in lên rất rõ, tôi để một lúc cho nó khô hẳn. Ông thủ lĩnh nằm yên trên bàn, người cứng đơ, không dám nhúc nhích, ngay cả cái đầu cũng không dám nghiêng qua nghiêng lại vì sợ làm hỏng cái hình vẽ mà tôi đã cho ông ta xem trong tấm gương. Tôi dùng dao cạo vạch tất cả các nét chính. Máu chỉ rỉ ra chút ít, rỉ ra đến đâu tôi lau đến đấy, khi tất cả những đường nét giấy than hằn lên đã

được thay bằng những đường rạch mảnh màu đỏ, tôi lấy mực chàm bôi lên khắp ngực. Mực chỉ khó ăn ở những chỗ tôi rạch hơi mạnh, vì ở những chỗ ấy máu cứ làm cho mực không ngấm xuống được, còn nhìn chung thì hình vẽ nổi lên rất rõ và rất đẹp. Tám ngày sau Zato đã có cái đầu hổ trên ngực, mồm há to, với cái lưỡi màu hồng, bộ nanh trắng, cái mũ và bộ ria đen, và cả đôi mắt nữa. Tôi rất hài lòng về tác phẩm của mình: nó đẹp hơn cái đầu hổ của tôi, màu sắc tươi hơn. Khi vảy đã tróc hết tôi dùng kim xâm lại một vài chỗ chưa được đậm. Zato hài lòng đến nỗi ông ta bảo Zorillo đặt mua sáu tấm gương phát cho mỗi nhà một tấm và hai tấm nữa cho nhà ông ta.

Những ngày, những tuần, những tháng lần lượt trôi qua. Bây giờ đã là tháng tư và như vậy tôi ở đây đã được bốn tháng. Sức khỏe tôi rất tốt. Cơ bắp tôi đều mạnh và đôi chân tôi đã quen đi đất cho nên có thể đi bộ rất xa mà không mệt trong những chuyến đi săn các giống thằn lằn lớn. Vừa rồi tôi quên không nói rằng sau buổi đi thăm ông thầy mo lần đầu tôi đã yêu cầu Zorillo kiếm cho tôi một ít thuốc i-ốt, một ít nước oxy một ít bông, mấy cuộn bông, mấy chục viên ký ninhvà stovarsol. Dạo trước ở bệnh viện tôi đã thấy một người tù khổ sai có một cái mụn loét to không kém gì cái mụn của ông thầy mo. Tôi thấy Chatal, người y tá nghiền một viên stovarsol rồi rắc vào đấy. Zorillo đã đem các thứ đó đến cho tôi, lại tự động đưa thêm một ít thuốc mỡ nữa. Tôi đã

gửi con dao gỗ nhỏ cho ông thầy mo, và ông ta đã trả lời bằng cách gửi con dao của ông cho tôi. Tôi phải năn nỉ mãi và nói đi nói lại đủ cách ông ta mới chịu để cho tôi chữa. Nhưng tôi mới bôi thuốc được vài ba lần thì cái mụn đã thu hẹp lại chỉ còn một nữa, sau đó ông ta tiếp tục tự bôi thuốc lấy, rồi đến một ngày kia ông ta gửi cho tôi con dao gỗ lớn để tôi đến xem ông ta đã khỏi hẳn. Không bao giờ có ai biết rằng chính tôi đã chữa cho ông ta khỏi.

Hai cô vợ của tôi không buông tôi ra được một phút. Khi nào Lali đi vớt trai thì Zoraima ở nhà với tôi. Còn hễ Zoraima đi thì Lali ngồi chơi với tôi. Thủ lĩnh Zato sinh con trai. Khi chuyển bụng, vợ ông ra bãi biển chọn một tảng đá lớn để tránh ở phía sau cho đừng ai trông thấy, một bà vợ khác của Zato bưng cho bà một cái giỏ lớn đựng bánh nướng, nước ngọt và những tảng đường đen hai cân một. Chắc bà ta đẻ vào lúc bốn giờ chiều, vì đến khi mặt trời lặn bà vừa reo vừa đi về phía làng, hai tay giơ cao đứa con. Trước khi bà ta về đến nơi thì Zato cũng đã biết rằng đó là một đứa con trai. Tôi đoán được rằng nếu đó là một đứa con gái thì bà vợ sẽ lẳng lặng bế con về, không reo hò gì cả, không giơ cao đứa con lên như vậy. Lali dùng điệu bộ giảng giải cho tôi hiểu điều đó. Người đàn bà Anh-điêng đi tới rồi dừng lại sau khi giơ cao đứa con lên. Zato dang hai tay ra phía trước và reo lên, nhưng vẫn đứng yên tại chỗ. Lúc bấy giờ người mẹ lại

bước tới mấy thước nữa, lại giơ cao đứa con, reo lên rồi đứng lại. Zato lại reo và dang hai tay ra. Cứ như thế năm sáu lần trong khoảng ba bốn chục mét cuối cùng. Zato vẫn đứng yên ở ngưỡng cửa nhà mình. Ông ta đứng trước cái cửa lớn, và mọi người đều chen chúc ở hai bên. Người mẹ đứng lại khi chỉ còn năm sáu bước, bà ta giơ cao đứa con và reo lên. Lúc bấy giờ Zato tiến tới luồn hai tay dưới nách thằng bé, bế nó lên cao, rồi quay về phía đông reo ba tiếng và giơ nó lên ba lần. Rồi ông ta đặt thằng bé ngồi trên cánh tay phải, cho nó nằm ngang trên ngực, cho đầu nó chui vào nách mình rồi lấy cánh tay trái che nó. Xong ông ta đi vào cửa lớn mà không quay lại. Mọi người đều vào theo, người mẹ vào sau cùng. Có bao nhiêu nước quả lên men đều đem ra cho mọi người uống hết.

Suốt cả tuần ấy, từ sáng đến chiều người ta tưới nước vào khoảng đất ở trước mặt nhà của thủ lĩnh Zato, rồi cả đàn ông lẫn đàn bà đến giẫm chân cho đất dễ xuống. Rốt cuộc họ có được một cái sân hình tròn rất rộng bằng đất sét nện chặt. Ngày hôm sau họ dựng một cái lêu lớn bằng da bò, và tôi đoán biết sắp có hội hè đến nơi. Dưới lều da họ bày hơn hai mươi cái chum lớn bằng đất nung rồi rót nước quả lên men vào. Họ đặt những phiến đá xếp thành hàng lối và xung quanh chất những đống cui, khô có, xanh có, mỗi ngày một chất cao thêm. Trong số củi đó có một phần lớn đã được biển tấp vào từ lâu, nay đã khô, trắng và

nhẫn.

Có những thân cây rất lớn đã được kéo từ biển lên không biết từ bao giờ: Trên các phiến đá họ đã dựng hai cái cọc phía trên chĩa đôi cao bằng nhau: đó là hai cột trụ của một cái lò quay khổng lồ. Bốn con rùa lật ngửa, hơn ba mươi con thằn lằn khổng lồ hãy còn sống, móng chân bị bất chéo vào nhau không chạy đi đâu được, hai con cừu: cả đàn hy sinh vật ấy đang chờ người ta làm thịt. Ngoài ra còn có ít nhất là hai ngàn cái trứng rùa biển.

Một buổi sáng nọ có khoảng mười lăm người cưỡi ngựa đến, tất cả đều là người Anh-điêng, cổ đeo vòng, đội mũ rơm vành rất rộng, đóng khố, chân, đùi và mông để trần, mình mặc áo không tay bằng da cừu lộn trái. Ai nấy đều giắt một con dao găm lớn ở thắt lưng, có hai người đeo súng săn hai nòng, người cầm đầu có một khẩu các bin tự động và mặc một chiếc áo vét rất đẹp, ống tay bằng da đen, thắt một cái nịt giắt đầy đạn. Ngựa họ cưỡi rất đẹp, nhỏ nhưng hăng, con nào lông cũng màu xám có đốm trắng. Trên mông ngựa đều có buộc một bó cỏ khô. Từ xa họ đã báo hiệu cho mọi người biết họ đến bằng những phát súng, nhưng vì họ phi nước đại cho nên vừa nghe tiếng súng đã thấy họ đến nơi ngay. Vị thủ lĩnh của đoàn người này giống Zato và em trai ông một cách kỳ lạ, tuy có lớn tuổi hơn. Xuống ngựa, vị thủ lĩnh ấy đi thẳng về phía Zato và hai người chạm tay vào vai nhau. Vị khách đi vào nhà một mình, Zato theo sau, rồi lại đi ra, trên tay

bế thằng bé mới đẻ. Ông ta giơ nó ra cho mọi người trông rõ, rồi làm những cử chỉ giống như Zato đã làm hôm trước: sau khi đưa nó về hướng mặt trời mọc, ông ta dấu nó dưới nách và che cánh tay trái lên, rồi đi vào nhà. Bấy giờ tất cả những người cưỡi ngựa đều nhảy xuống đất, buộc ngựa cách đấy một quãng, bó cỏ khô treo lủng lẳng ở cổ từng con. Vào khoảng giữa trưa một tốp đàn bà Anh-điêng đi trên một cái xe lớn có bốn ngựa kéo, vào làng. Người đánh xe là Zorillo. Trên xe có cả thảy đến hai mươi người đàn bà, đều còn trẻ, và bảy tám đứa bé đều là con trai.

Trước khi Zorillo đến, tôi đã được giới thiệu với cả đoàn người cưỡi ngựa, bắt đầu từ vị thủ lĩnh. Zato chỉ cho tôi để ý thấy ngón chân út bên trái của ông ta bắt chéo lên trên ngón thứ tư. Em trai ông ta cũng thế, và vị thủ lĩnh mới đến cũng lại như vậy. Sau đó ông ta lại chỉ cho tôi thấy rằng phía dưới cánh tay của mỗi người đều có một thử nốt ruồi đen giống nhau. Tôi hiểu rằng người khách mới đến là anh ruột của thủ lĩnh làng tôi. Những hình xăm trên người Zato được mọi người ngắm khía khen ngợi, nhất là cái đầu hổ.

Tất cả những người đàn bà Anh-điêng mới đến đều có hoa văn đủ các màu sắc vẽ khắp người, chỉ trừ khuôn mặt. Lali khoác những chuỗi san hô vào cổ mấy người đàn bà, và những chuỗi vỏ ốc vào cổ mấy người khác Tôi để ý đến một người đàn bà Anh-điêng rất đẹp, cao hơn những người khác vốn có tầm vóc trung

bình. Cô ta có những đường nét của một người đàn bà ý trông nghiêng giống như một bức phù điêu trên mặt những chiếc mề-đay mà người ta thường đeo ở cổ. Tóc cô ta màu đen có ánh tím, mắt màu cẩm thạch, rất to, với đôi hàng mi rất dài và đôi mày cong rất đẹp. Tóc cô ta cắt theo kiểu Anh-điêng, phía trước có bờm xén thẳng, phía trên có đường ngôi ở giữa chia mái tóc ra làm hai phần rũ xuống hai bên tai. Mái tóc được cắt rất thẳng ở khoảng giữa cổ. Đôi vú bằng cẩm thạch gần sát nhau ở phía góc mở ra hai bên một cách hài hòa.

Lali giới thiệu tôi với cô ta và dắt cô ta về nhà chúng tôi cùng với Zoraima và một cô gái Anh-điêng khác rất trẻ mang theo mấy cái cốc gỗ và một bó bút lông. Số là mấy người đàn bà mới đến này có nhiệm vụ vẽ hoa văn cho phụ nữ trong làng. Tôi được chứng kiến cái công trình nghệ thuật mà cô gái xinh đẹp kia thực hiện trên người Lali và Zoraima. Bút lông của họ làm bằng một que gỗ có gắn một dúm len ở đầu. Cô gái chấm nó vào mấy cái cốc đựng thuốc màu để vẽ. Tôi cũng lấy cây bút lông của tôi ra, và bắt đầu từ rốn Lali, tôi vẽ một cây hoa có hai cành đi lên hai bờ vú, rồi vẽ những cánh hoa màu hồng trên hai vú, còn đầu vú thì tôi bôi vàng. Trông như một bông hoa hé nở, ở giữa có nhụy vàng. Ba cô con gái kia muốn tôi vẽ cả cho họ nữa. Việc này tôi phải hỏi Zorillo. Anh ta đến và nói rằng một khi họ đã bằng lòng thì tôi muốn vẽ gì cho họ cũng được cả. Tôi đã lâm vào một tình

thế thật đặc biệt. Suốt hơn hai tiếng đồng hồ tôi phải vẽ màu lên bụng và vú của tất cả các cô Anh-điêng, khách cũng như chủ. Zoraima nhất định đòi tôi vẽ thật giống như Lali. Trong khi đó, dân làng đã quay xong mấy con cừu và nướng thịt hai con rùa đã được đã được xẻ ra từng miếng. Thịt của nó đỏ tươi giống như thịt bò, trông rất ngon lành.

Tôi được ngồi gần Zato và bố ông ta ở dưới lều. Đàn ông ăn một bên, đàn bà ăn bên kia, không kể những người bưng dọn thức ăn cho chúng tôi. Đám hội kết thúc bằng một thứ điệu vũ, khi đã khá khuya. Để đệm cho điệu vũ, một người đàn ông Anh-điêng thổi một cây sáo bằng gỗ phát ra những âm thanh cao hơi đơn điệu và đánh lên hai cái trống bằng da cừu. Có nhiều người, cả đàn ông lẫn đàn bà, say rượu, nhưng không thấy xảy ra chuyện gì khó coi. Ông thầy cũng cưỡi lừa đến dự. Ai cũng nhìn cái sẹo màu hồng đã thay thế cho cái mụn sâu quẳng mà mọi người đều biết rõ. Họ đều lấy làm ngạc nhiên khi thấy nó đã khỏi. Chỉ có Zorillo và tôi là biết rõ ngọn ngành, Zorillo giảng giải cho tôi biết rằng thủ lĩnh của bộ lạc đến dự hội là ông bố của Zato, thường được gọi là Justo, có nghĩa là Công Bằng. Ông ta là người chuyên xử các vụ tranh chấp giữa những người thuộc các bộ lạc khác nhau trong chủng tộc Guajiros. Anh ta cũng nói cho tôi biết rằng khi có chuyện xích mích với người Iapus, một chủng tộc Anh-điêng khác, hai bên họp lại để bàn xem sẽ mở

cuộc chiến tranh với nhau hay dàn xếp với nhau. Khi một người Anh-điêng bị một người thuộc chủng tộc khác giết chết, họ có thể tránh được chiến tranh bằng cách thỏa thuận với nhau là kẻ giết người bồi thường cho bộ lạc có người bị giết. Nhiều khi của bồi thường có thể lên tới hai trăm con bò, vì các vùng núi và chân núi, bộ lạc nào cũng nuôi được rất nhiều bò. Đáng tiếc là họ không bao giờ tiêm chủng bò để phòng ngừa bệnh sốt lở mồm và các bệnh dịch thường làm chết rất nhiều súc vật. Zorillo cho rằng tình hình đó cũng có mặt tốt, vì nếu không có những thứ bệnh ấy thì số súc vật sẽ quá nhiều. Bò của người Anh-điêng không được đem bán công khai ở Colombia hay ở Venezuela, mà chỉ được đổi chác quanh quẩn trong phạm vi lãnh thổ Anh-điêng, vì người ta sợ bệnh sốt lở mồm sẽ lan vào hai xứ này. Nhưng, vẫn theo Zorillo, trong vùng núi người ta buôn lậu gia súc rất nhiều. Vị khách của bộ lạc thủ lĩnh Công Bằng nhờ Zorillo bảo tôi đến thăm ông ta trong làng của bộ lạc do ông đứng đầu. Làng này hình như có đến một trăm mái nhà. Ông ta bảo tôi cùng đến với Lali và Zoraima, ông ta sẽ cho một nếp nhà riêng, và dặn tôi đừng đem gì theo vì ở đấy tôi có đủ các thứ cần dùng, chỉ cần mang theo những dụng cụ xăm hình để xăm cho ông ta một cái đầu hổ. Ông ta tháo cái nịt gân bằng da đen thắt ở cổ tay ra tặng tôi. Theo Zorillo thì đó là một cử chỉ có ý nghĩa quan trọng cho biết rằng ông ta là bạn của tôi và trước những ý muốn của tôi ông

ta sẽ không đủ sức từ chối. Ông ta hỏi tôi xem tôi có muốn có một con ngựa không, tôi trả lời là có nhưng tôi không dám nhận vì ở đây hầu như không có cỏ. Ông ta liền nói rằng Lali hay Zoraima mỗi khi cần có thể đến cắt cỏ ở một nơi chỉ cách làng tôi nửa ngày đi ngựa, ông ta chỉ rõ cách đi đến nơi ấy và nói thêm rằng ở đấy cỏ tốt và ngon. Tôi đành nhận con ngựa mà ông nói là chỉ ít nữa ông sẽ gửi đến cho tôi

Nhân dịp Zorillo ở lại đây khá lâu, tôi nói rằng tôi tin anh ta và hy vọng rằng anh ta sẽ không phản bội tôi khi tôi cho anh biết ý định đi Venezuela. Anh ta liền nói rõ cho tôi biết những mối nguy hiểm của những vùng nằm trong khoảng ba mươi cây số hai bên biên giới. Theo những tài liệu của dân buôn lậu thì phái Venezuela nguy hiểm hơn phía Colombia. Mặt khác, bản thân anh ta có thể đưa tôi đi về phía Colombia gần đến tận Santa Marta, và nói thêm rằng tôi đã từng đi qua đường này, và theo anh ta thì đi Colombia có lợi hơn. Anh ta bằng lòng giúp tôi kiếm một cuốn từ điển khác hay tốt hơn là những cuốn sách học tiếng Tây Ban Nha trong đó có những câu mẫu. Theo anh ta nếu tôi tập giả vờ nói cà lăm thật dữ thì sẽ rất có lợi vì khi nghe tôi nói người ta sẽ sốt ruột và sẽ tự nói nốt những câu dở dang mà không để ý đến cách phát âm lơ lớ của tôi. Thế là chúng tôi đã nhất trí: anh ta sẽ mua cho tôi mấy cuốn sách, một tấm bản đồ càng chi tiết càng tốt và khi cần sẽ đảm đương việc giúp tôi bán

ngọc trai để lấy tiền Colombia. Zorillo giải cho tôi hiểu rằng người Anh-điêng, bắt đầu từ ông thủ lĩnh, chỉ có thể tán thành quyết định ra đi của tôi, vì một khi tôi đã muốn thế, họ sẽ lấy làm tiếc nhưng cũng sẽ hiểu rằng tôi tìm cách trở về với đồng chủng là lẽ tự nhiên. Cái khó là Zoraima và nhất là Lali. Cả hai người, nhất là Lali, đều rất có thể bắn chết tôi. Mặt khác, Zorillo cũng cho tôi biết một điều mà tôi không ngờ: Zoraima đã có thai. Trước đó tôi không để ý, cho nên nghe nói như vậy tôi rất kinh ngạc.

Hội hè đã kết thúc, khách khứa đã ra về, cái lều da bò đã được tháo gỡ, mọi việc trở lại như cũ, ít nhất là bề ngoài. Tôi đã nhận được con ngựa của thủ lĩnh Justo tặng, một con tuấn mã màu xám có đốm trắng, đuôi dài sát đất, bờm màu xám bạch kim rất đẹp. Lali và Zoraima chẳng bằng lòng chút nào, và ông thầy mo có cho gọi tôi đến để nói cho tôi biết rằng Lali và Zoraima có hỏi ông ta xem thử nếu họ cho con ngựa ăn thủy tinh đâm vụn cho nó chết đi thì họ có bị sao không. Ông thầy mo đã trả lời hai cô là không được làm như thế vì tôi được một ông thần Anh-điêng nào đó che chở cho nên nếu hai cô bỏ thủy tinh vụn vào thức ăn của ngựa thì chỗ thủy tinh đó tức khắc sẽ chui vào bụng hai cô. Ông ta nói thêm rằng theo ông không có gì đáng sợ về phía họ nữa, nhưng điều đó cũng không chắc hoàn toàn. Tôi phải coi chừng. Còn về phần tôi thì sao? Không sao cả, ông ta nói thế.

Nếu hai cô thấy tôi sửa soạn ra đi thật, quá lắm họ cũng chỉ có thể giết tôi bằng một phát súng, nhất là Lali. Liệu tôi có thể tìm cách thuyết phục họ để họ cho tôi đi, hứa rằng tôi nhất định sẽ trở lại không? Tối kỵ, không bao giờ được để cho họ thấy rằng tôi muốn ra đi.

Ông thầy mo đã nói được cho tôi hiểu tất cả những điều: đó đúng hôm ấy ông ta cho gọi cả Zorillo đến làm thông ngôn. Tình hình rất nghiêm trọng cho nên phải đề phòng hết cách, Zorillo kết luận như vậy. Tôi về nhà. Zorillo cũng về bằng một con đường khác - (khi đến đây, anh ta cũng đã giữ ý đi một con đường khác hẳn con đường của tôi). Trong làng không có ai biết là Zorillo lên chỗ ông thầy mo cùng một lúc với tôi.

Đã sáu tháng trôi qua, và tôi rất nóng lòng muốn ra đi. Có một hôm đi đâu về, tôi bắt gặp Lali và Zoraima lom khom trên tấm bản đồ. Hai cô đang cố đoán xem những hình vẽ ngoằn ngoèo trên tờ giấy kia là cái gì. Hai cô ngại nhất là cái hình có những mũi tên chỉ ra bốn phương trời. Rốt cục họ chẳng hiểu gì nhưng vẫn đoán rằng tờ giấy này có một cái gì rất hệ trọng đối với cuộc đời của vợ chồng chúng tôi. Bụng Zoraima đã bắt đầu to lên khá rõ. Lali hơi ghen và bắt tôi phải làm tình vào bất cứ giờ nào không kể ngày hay đêm, hễ có nơi thuận tiện một chút là được Zoraima cũng đòi làm tình, nhưng may thay, chỉ ban đêm thôi.

Tôi đã đến thăm thủ lĩnh Công Bằng, ông của Zato. Cả Lali và

Zoraima cũng cùng đi với tôi. Rất may là hôm trước tôi đã giữ lại hình vẽ đầu hổ, cho nên bây giờ tôi có thể dùng nó để đồ lên ngực ông thủ lĩnh. Trong sáu ngày việc xăm hình đã xong, vì lớp vảy đầu đã tróc rất nhanh sau khi ông ta rửa ngực bằng nước có bỏ chút vôi sống. Justo hài lòng đến nỗi mỗi ngày ông soi gương đến mấy lần. Trong khi tôi còn ở đấy thì Zorillo đến. Với sự đồng ý của tôi, anh ta nói chuyện với thủ lĩnh về dự định của tôi, vì tôi muốn ông đổi cho tôi con ngựa. Ngựa của người Guajiros màu xám có đốm trắng không hề có ở Colombia, nhưng ông thủ lĩnh có ba con ngựa hồng, vốn là ngựa xứ Colombia. Biết được ý định của tôi, ông ta cho người đi bắt ngựa ngay. Tôi chọn một con có vẻ đằm tính nhất ông ta liền ra lệnh đóng yên, lắp bàn đạp và một cái hàm thiếc, vì ngựa của họ không có yên, và hàm thiết chỉ là một khúc xương. Sau khi đã trang bị tôi theo kiểu Colombia, thủ lĩnh đặt vào tay tôi sợi dây cương bằng da nâu, rồi trước mặt tôi ông ta đếm cho Zorillo ba mươi chín đồng tiền vàng mỗi đồng ăn một trăm pesos. Zorillo có nhiệm vụ giữ số tiền này để trao lại cho tôi khi tôi ra đi. Ông ta muốn tặng tôi khẩu các-bin Winchester tự động của ông ta, nhưng tôi từ chối. Vả lại Zorillo cũng đã nói rằng tôi không thể mang vũ khí vào Colombia được. Lúc bấy giờ thủ lĩnh Công Bằng đưa cho tôi hai mũi tên dài bằng ngón tay bọc trong một cái túi da nhỏ. Zorillo nói cho tôi biết rằng những mũi tên này đã được tẩm một thứ

thuốc độc rất mạnh và rất quý.

Zorillo chưa bao giờ thấy mà cũng chưa bao giờ có những mũi tên tẩm thuốc độc. Anh ta có nhiệm vụ giữ mấy mũi tên này cho đến khi tôi lên đường. Tôi không biết làm thế nào để bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với lòng tốt tuyệt vời của thủ lĩnh Công Bằng. Ông ta nói tôi qua Zorillo rằng ông ta biết được ít nhiều về cuộc đời tôi và tôi nghĩ rằng cái phần mà ông ta chưa biết chắc phải phong phú lắm, vì dưới mắt ông tôi là một con người hoàn hảo; ông ta nói lại rằng đây là lần đầu tiên trong đời ông được biết rõ về một người da trắng, trước kia ông coi tất cả những người da trắng như là những kẻ thù, nhưng từ nay ông sẽ quý mến họ và tìm cách biết thêm một người nữa giống như tôi. Ông nói:

- Anh hãy nghĩ cho kỹ trước khi lên đường đi đến một vùng đất có nhiều kẻ thù của anh và rời bỏ vùng đất này, nơi mà anh chỉ có những người bạn.

Ông ta lại nói rằng Zato và bản thân ông sẽ trông nom Lali và Zoraima, rằng đứa con của Zoraima bao giờ cũng sẽ có được một vị trí vinh hiển trong bộ lạc (nếu nó sẽ là con trai, dĩ nhiên). Ông nói tiếp:

- Tôi thì tôi chẳng muốn anh ra đi. Nếu anh ở lại, tôi sẽ cho anh cô gái xinh đẹp mà anh đã gặp trong ngày hội. Đó là một đứa con gái tốt, và nó cũng yêu anh. Nếu vậy anh có thể ở lại đây với tôi. Anh sẽ có một ngôi nhà lớn và muốn có bao nhiêu bò cũng

được.

Tôi từ giã con người tuyệt vời đó và trở về làng. Suốt dọc đường, Lali không nói một câu nào. Cô ngồi sau lưng tôi, trên con ngựa hồng. Cái yên cà vào đùi làm cho cô đau, nhưng cô vẫn không hé răng. Zoraima chung ngựa với một người Anh-điêng. Zorillo trở về làng anh ta bằng một con đường khác. Ban đêm trời hơi lạnh. Tôi mặc cho Lali chiếc áo vét bằng da cừu mà thủ lĩnh Công Bằng mới cho tôi. Cô cứ để mặc, không nói lấy một lời, không biểu lộ một cảm xúc gì. Người cô im như pho tượng. Cô cứ để cho tôi mặc áo vào người, chỉ thế thôi. Ngựa chạy có xóc nhiều, cô cũng không ôm lưng tôi để ngồi cho vững. Về đến làng, trong khi tôi ghé chào Zato, cô dắt ngựa về trước, buộc dây cương vào cột nhà, ném một bó cỏ trước mặt nó, không tháo yên, không tháo hàm thiết. Tôi ngồi với Zato đến một tiếng đồng hồ rồi về nhà.

Khi nào buồn, người Anh-điêng, nhất là phụ nữ, có một gương mặt trầm ngâm, kín như bưng, không một thớ thịt nào cử động, đôi mắt chìm đắm trong nỗi buồn nhưng lại không bao giờ khóc. Họ có thể rên rỉ, nhưng họ không khóc. Đang nằm, tôi trở mình vô tình chạm phải bụng Zoraima lần nữa. Cái võng này mắc rất thấp. Tôi nằm xuống thì cảm thấy có ai chạm vào nó. Tôi giả vờ ngủ. Lali ngồi trên một súc gỗ và im lặng nhìn tôi không nhúc nhích. Một lát sau tôi lại cảm thấy sự có mặt của Zoraima: cô có

thói quen bóp nát mấy bông hoa cam rồi xát lên người, cho nên da cô có một mùi thơm rết riêng biệt. Những bông hoa ấy cô thường mua từng túi nhỏ của một người đàn bà Anh-điêng thỉnh thoảng vẫn ghé vào làng. Khi tôi thức dậy hai cô vẫn ngồi ở đấy, im lìm bất động. Mặt trời đã lên, lúc ấy vào khoảng tám giờ. Tôi dẫn hai người ra bãi biển và nằm xuống lớp cát khô. Lali và Zoraima đều ngồi cạnh tôi. Tôi vuốt lên đôi vú và lên bụng Zoraima, nhưng cô vẫn lạnh như băng. Tôi kéo Lali nằm xuống và hôn cô, nhưng cô mím chặt môi lại. Người chèo thuyền đã đến đợi Lali. Chỉ nhìn gương mặt của cô thôi, anh ta cũng hiểu ngay và lảng đi nơi khác. Tôi thành thật xót xa nhưng tôi chẳng biết làm cách nào, chỉ biết ôm ấp vuốt ve họ để cho họ thấy rõ tôi yêu họ. Họ vẫn chẳng nói không rằng. Chỉ nghĩ đến cuộc sống của họ sau khi tôi ra đi, tôi cũng đã thấy rối bời cả ruột gan trước nỗi đau lớn lao của họ. Lali muốn làm tình ngay cho bằng được. Cô hiến thân cho tôi một cách hầu như tuyệt vọng. Vì nguyên do gì? Nguyên do chỉ có thể có một: cố sao có thai với tôi. Sáng hôm ấy, lần đấu tiên tôi trông thấy một cử chỉ ghen tuông của Lali đối với Zoraima. Lúc bấy giờ tôi đang vuốt ve cái bụng và đôi vú của Zoraima còn cô thì cắn nhè nhẹ vào dái tai tôi. Chúng tôi đang nằm trên bãi biển ở một nơi kín gió trên cát mịn. Lali đi tới, cầm lấy cánh tay em, rồi vuốt lên cái bụng hơi phồng lên của cô em, rồi lại vuốt lên cái bụng phẳng và trơn của mình. Zoraima

lập tức đứng dậy nhường chỗ cho chị bên cạnh tôi, vẻ như muốn nói: chị có lý.

Hai cô ngày nào cũng làm hết món này đến món nọ cho tôi ăn, nhưng hai cô thì chả ăn gì hết. Đã ba ngày rồi họ không ăn gì. Tôi thắng ngựa và suýt phạm một sai lầm nghiêm trọng, sai lầm đầu tiên kể từ hơn năm tháng nay: tôi định đến thăm ông thầy mo mà không chờ được phép. Giữa đường tôi sực nhớ ra, nên không dám vào thẳng mà chỉ đi qua đi lại cách lều ông ta khoảng hai trăm mét. Ông ta đã trông thấy tôi và ra hiệu gọi tôi đến. Tôi tìm cách làm cho ông ta hiểu rằng Lali và Zoraima không chịu ăn nữa. Ông ta cho tôi một cái hạt gì giống như hạt dẻ, dặn tôi bỏ vào chum nước ngọt trong nhà. Tôi về nhà và bỏ cái hột vào cái chum lớn. Hai cô đã uống nước nhiều lần mà tôi vẫn chẳng thấy họ ăn gì cả. Lali không đi vớt trai nữa. Hôm nay, sau bốn ngày nhịn đói hoàn toàn, cô đã làm một việc thật là điên rồ: cô đã bơi ra biển cách bờ gần hai trăm mét và đem ba mươi con sò về cho tôi ăn. Nỗi tuyệt vọng câm lặng của họ làm cho tôi hoang mang đến nỗi tôi cũng không ăn được nữa. Tình trạng này đã kéo dài được sáu ngày. Lali phải nằm, người cô hâm hấp sốt. Trong sáu ngày trời cô chỉ mút nước vài quả chanh, ngoài ra chẳng có gì nữa. Zoraima ăn môi ngày một lần vào giữa trưa. Tôi không còn biết làm thế nào nữa.

Hôm đó tôi ngồi cạnh Lali. Lali nằm trên một chiếc võng mà tôi

đã gấp lại trải xuống đất thành một thứ nệm, mắt cô nhìn đăm đăm lên mái nhà, người cô bất động. Tôi nhìn Lali rồi lại nhìn Zoraima với cái bụng cộm lên, rồi cũng chẳng hiểu rõ tại sao, nước mắt tôi trào ra: tôi khóc. Khóc cho bản thân, hay khóc cho họ? Ai mà biết được! Tôi khóc, nước mắt chảy ròng ròng trên hai má. Zoraima thấy thế liền cất tiếng rên rỉ, lúc bấy giờ Lali ngoảnh lại và thấy mặt tôi giàn giụa nước mắt. Cô đứng phắt dậy, đến ngồi vào lòng tôi, rên khe khẽ. Cô ôm hôn tôi và vuốt ve tôi. Zoraima quàng một cánh tay lên vai tôi, Lali thì bắt đầu nói những gì không rõ, vừa nói vừa rên rỉ. Zoraima đáp lại, hình như cô trách móc chị. Lali lấy một cục đường đen to bằng nắm tay bỏ vào nước khuấy trước mặt tôi và uống hai hớp hết sạch. Rồi cô cùng ra ngoài với Zoraima, tôi nghe thấy tiếng họ dắt ngựa ra, và đến khi tôi ra thì đã thấy nó được thắng yên cương đầy đủ, dây cương buộc vào đầu yên. Tôi đem theo cái áo da cừu cho Zoraima, và Lali đặt lên yên một cái võng gấp lại. Zoraima lên ngựa trước, ngồi sát cổ con ngựa, tôi ngồi giữa và Lali ngồi sau. Lúc bấy giờ tôi hoang mang đến nỗi ra đi chẳng chào ai mà cũng chẳng báo cho thủ lĩnh biết.

Lali kéo dây cương, vì tôi tưởng họ định đi đến nhà ông thầy mo nên đã cho ngựa đi về hướng ấy. Hóa ra không phải, Lali kéo dây cương rồi nói: “Zorillo”. Chúng tôi đi gặp Zorillo, Lali ngồi bám vào thắt lưng tôi thật chặt, mấy lần hôn vào cổ tôi. Tôi thì

tay trái cầm cương còn tay phải tôi vuốt ve Zoraima của tôi. Chúng tôi đến làng Zorillo vừa đúng lúc anh ta từ Colombia trở về với ba con lừa và một con ngựa chở rất nặng. Chúng tôi vào nhà. Lali nói trước, rồi Zoraima.

Và đây là những điều Zorillo đã nói lại cho tôi hiểu: kể cho đến khi trông thấy tôi khóc, Lali đã tưởng rằng tôi là một con người Da trắng không hề coi cô ta ra gì. Lali biết rằng tôi sắp ra đi, nhưng tôi giả dối như con rắn vì tôi không bao giờ chịu nói gì hay làm gì cho cô hiểu điều đó. Cô ấy nói rằng cô thất vọng vô cùng, vì cô vẫn nghĩ rằng một người như cô có thể làm cho một người đàn ông hạnh phúc được. Cô nghĩ rằng một người đàn ông được thỏa mãn thì không bao giờ lại bỏ đi, rằng sau một sự đổ vỡ trầm trọng như vậy không còn lý do gì để cho cô tiếp tục sống nữa. Zoraima cũng nói đại loại như vậy, và thêm vào đấy lại còn lo rằng con trai cô đẻ ra sẽ giống như bố nó: một con người chẳng biết nói năng, ăn ở dối trá và đòi hỏi ở vợ mình những chuyện khó làm đến nỗi, mặc dầu sẵn sàng hy sinh tính mạng cho chồng, họ cũng không tài nào hiểu được tại sao tôi lại muốn xa lánh cô ấy như thể cô ấy là con chó đã cắn tôi hôm tôi mới đến? Tôi trả lời:

- Lali ạ, nếu bố em ốm, em sẽ làm gì?

- Em sẽ đi trên chông gai để đến săn sóc bố.

Nếu người ta săn đuổi em như một con thú để giết em, thì đến

cái ngày mà em có thể chống trả được em sẽ làm gì?
- Em sẽ đi tìm kẻ thù của em khắp mọi nơi, để chôn nó xuống thật sâu, sâu đến nỗi nó không còn có thể nhúc nhích trong cái lỗ chôn nó được nữa.
- Làm xong tất cả những việc đó, em sẽ làm gì nếu em có hai người vợ tuyệt vời đang đợi em?
- Em sẽ cưỡi ngựa trở về.
- Đó là điều mà anh sẽ làm, chắc chắn như vậy.
- Thế nếu khi anh trở về em đã già và xấu thì sao?
- Anh sẽ về từ lâu trước khi em già và xấu.
- Phải, nước trong mắt anh đã chảy ra: như vậy là anh không bao giờ có thể cố tình xa lánh chúng em. Cho nên bây giờ anh muốn ra đi lúc nào em cũng bằng lòng, nhưng anh phải đi giữa ban ngày, trước mặt mọi người, chứ không phải ra đi vụng trộm như thằng ăn cắp. Anh phải ra đi đúng như anh đã đến đây, đúng vào giờ ấy, ăn mặc chỉnh tề. Anh phải nói rõ người nào được anh giao nhiệm vụ trông nom chúng em đêm ngày. Zato là vị thủ lĩnh của chúng em, nhưng phải có một người nữa trông nom chúng em. Anh phải nói cho mọi người nghe rằng nhà này vẫn là nhà của anh, rằng không có một người đàn ông nào trừ con trai anh nếu trong bụng Zoraima là một đứa con trai, không có một người đàn ông nào có quyền bước chân vào nhà anh. Vậy Zorillo phải đến đây vào ngày anh ra đi. Để nói lại cho mọi người nghe tất cả

những điều anh cần nói.

Chúng tôi đã ngủ lại nhà Zorillo. Đêm ấy là một đêm dịu ngọt và êm ái lạ thường. Những tiếng thì thầm và những âm thanh êm dịu phát ra từ miệng hai đứa con gái của thiên nhiên ấy có những âm hưởng ái ân mạnh mẽ và sâu xa đến nỗi tôi rung động đến tận đáy lòng. Cả ba chúng tôi cùng cưỡi ngựa trở về làng, đi rất thong thả để nương nhẹ cái bụng của Zoraima. Tôi phải ra đi đúng vào ngày thứ chín sau khi bắt đầu tuần trăng, vì Lali muốn cho tôi biết chắc cô đã có mang chưa. Tuần trăng trước, cô không thấy kinh nguyệt. Lali sợ mình có thể nhầm, nhưng nếu tuần trăng này lại không thấy nữa thì như thế có nghĩa là một đứa con đã bắt đầu phôi thai trong mình cô. Zorillo sẽ đem theo tất cả các thứ áo quần tôi sẽ mặc: tôi sẽ mặc các thứ ấy vào sau khi đã nói chuyện với dân làng với tư cách đầy đủ của một người dân Guajiro. Nghĩa là trong bộ trang phục của dân tộc - cái khố. Trước đấy một hôm, chúng tôi sẽ phải cùng đến gặp ông thầy mo, cả ba người. Ông ta sẽ nói cho chúng tôi biết là trong nhà phải để ngỏ cái cửa của tôi hay phải đóng nó lại. Vì phải nương nhẹ cái bụng của Zoraima, chúng tôi cho ngựa đi trên đường về một cách chậm chạp. Tuy vậy, chuyến đi này không có gì buồn bã. Hai cô vợ của tôi thà biết rõ sự thật còn hơn là bị bỏ lại trong một tình thế không minh bạch và chịu đựng những tiếng chê cười của đàn bà và đàn ông trong làng. Khi Zoraima sinh con, cô

sẽ chọn một người chèo thuyền để đi mò trai, cô sẽ cố gắng mò thật nhiều ngọc để dành cho tôi.

Lali cũng sẽ đi mò trai nhiều hơn trước để có công việc làm cho đỡ buồn. Tôi rất tiếc là đã không học tiếng Guajiro: tôi chỉ biết được mười lăm tiếng là cùng. Giá tôi chịu khó học, tôi có thể nói với Lali và Zoraima biết bao nhiêu điều cần nói, nhất là những điều không thể nói qua một người phiên dịch. Chúng tôi đã về đến làng. Việc đầu tiên cần phải làm là đến gặp Zato để xin lỗi vì vừa rồi ra đi không nói gì với ông. Zato cũng cao thượng như cha ông. Tôi chưa kịp nói thì ông đã đặt bàn tay lên cổ tôi và nói "Uilu (anh im đi)". Còn mười hai ngày nữa sẽ có trăng non. Cộng thêm tám ngày tôi phải đợi nữa là hai mươi ngày: đến ngày thứ hai mươi mốt tôi sẽ lên đường.

Tôi xem lại bản đồ, dự định thay đổi một vài chi tiết trong cách đi qua các làng mạc, vừa xem vừa nghĩ lại những điều mà thủ lĩnh Công Bằng đã nói với tôi. Dễ có nơi nào tôi sẽ được sung sướng hơn ở đây, nơi mà mọi người đều yêu quý tôi? Hay là tôi sẽ tự mình chuốc lấy tai họa khi trở về với thế giới văn minh? Tương lai sẽ trả lời cho tôi biết.

Ba tuần ấy đã trôi qua như một giấc mơ kỳ ảo. Lali đã có đủ bằng chứng để biết chắc rằng cô có mang: thế là sẽ có hai hay ba đứa trẻ đợi tôi về. Sao lại ba? Lali nói với tôi rằng mẹ cô đã hai lần đẻ sinh đôi. Chúng tôi đã đến gặp ông thầy mo. Không,

không được đóng cửa. Chỉ lấy một cành cây chắn ngang cửa là đủ. Cái võng mà ba chúng tôi thường nằm phải đem căng lên trần nhà. Lali và Zoraima lúc nào cũng phải cùng đi ngủ một lúc vì hai cô bây giờ chỉ là một. Rồi ông ta bảo chúng tôi ngồi quanh ngọn lửa, bỏ một nắm lá xanh vào và hun khói chúng tôi hơn mười phút. Xong đâu đấy chúng tôi về nhà chờ Zorillo đến.
Ngay tối hôm ấy anh ta đến thật. Chúng tôi đốt một đống lửa ở phía trước, và dân làng đến ngồi xung quanh nói chuyện với chúng tôi suốt đêm. Thông qua Zorillo, tôi nói với mỗi người một đôi lời thân ái, và người ấy cũng đáp như thế. Khi mặt trời mọc tôi lui vào nhà với Lali và Zoraima.
Suốt ngày hôm sau chúng tôi quấn quít bên nhau Zoraima ôm lấy tôi để cảm thấy rõ hơn là tôi đang ở trong cô, Lali quấn quanh tôi như một sợi dây leo, tôi như bị đóng chặt vào cô... Đến chiều là giờ ra đi. Tôi nói với thủ lĩnh thông qua Zorillo:
- Thưa thủ lĩnh Zato vị tù trưởng lớn của cái bộ lạc đã tiếp nhận tôi và đã cho tôi tất cả, tôi buộc lòng phải thưa với thủ lĩnh rằng thủ lĩnh cần cho phép tôi đi xa bộ lạc trong nhiều tuần trăng.
- Tại sao anh lại muốn xa rời các bạn anh?
- Tại vì tôi cần phải đi trừng phạt những kẻ đã săn đuổi tôi như một con thú. Nhờ thủ lĩnh, tôi đã có nơi nương náu trong làng này, tôi đã được sống hạnh phúc, ăn uống no đủ, có được những người bạn cao quý, hai người vợ đã đưa ánh nắng vào lồng ngực

tôi. Nhưng tất cả những điều đó không thể biến một người đàn ông như tôi thành một con thú khi đã gặp được một nơi ẩn nấp ấm cúng thì cứ nằm lại đấy suốt đời vì sợ phải đau khổ nếu rời chỗ ấy lên đường đấu tranh. Tôi đi tìm những kẻ thù của tôi để đối chọi với chúng đi tìm người cha già đang cần đến tôi. ở đây tôi để lại linh hồn của tôi, tôi để lại những đứa con nảy mầm từ tình yêu thương của chúng tôi. Nếp nhà tranh của tôi là của họ và của những đứa con tôi khi chúng ra đời.

Tôi hy vọng rằng nếu có ai quên điều đó thì thủ lĩnh Zato sẽ nhắc cho họ nhớ. Tôi yêu cầu là ngoài sự trông nom riêng của thủ lĩnh, thủ lĩnh còn cho một người đàn ông tên là Usli đêm ngày bảo vệ gia đình tôi. Tôi đã yêu thương tất cả các bạn rất nhiều và tôi sẽ mãi mãi yêu thương các bạn. Tôi sẽ làm hết sức mình để chóng trở về đây. Nếu tôi chết trong khi làm tròn bổn phận, những ý nghĩ cuối cùng của tôi sẽ hướng về các người, Lali, Zoraima và các con tôi, và hướng về các người, những người dân làng Anh-điêng Guajiros, là gia đình của tôi

Tôi trở vào nhà, Lali và Zoraima vào theo, Tôi mặc áo quần: sơ-mi và quần ka-ki, đi tất và giày cao cổ. Rất lâu tôi đã ngoảnh lại nhìn kỹ từng chi tiết cái làng thơ mộng nơi tôi đã sống qua sáu tháng. Cái bộ lạc Guajiro mà người ta kinh sợ, mà các bộ lạc khác cũng như người da trắng đều kiêng dè, đối với tôi đã là một bến bờ yên tĩnh để nghỉ ngơi, một nơi nương tựa không gì sánh

nổi để tránh khỏi sự độc ác của con người. Tôi đã tìm thấy ở đây tình yêu, sự thanh bình và sự tôn quý. Xin từ biệt những người Guajiro, những người Anh-điêng hoang dã của bán đảo Colombia - Venezuela này, và xin Thượng đế phù hộ cho các người. Thật may là cái lãnh thổ rộng lớn của các người không thuộc hẳn về một quốc gia nào và thoát khỏi sự xâm nhập của hai nền văn minh kế cận. Cách sống hoang dã và cách tự vệ hồn nhiên của các người đã dạy cho tôi một điều rất quan trọng cho tương lai: thà làm một người Anh-điêng hoang dã còn hơn làm một ông cử nhân luật.

Xin từ biệt Lali và Zoraima, hai người đàn bà tuyệt vời với những phản ứng thật gần gũi với thiên nhiên, không hề biết tính toán, những con người hoàn toàn hồn nhiên tự phát, vào lúc chia tay, bằng một cử chỉ giản dị đã bỏ vào một cái túi vải nhỏ tất cả những viên ngọc trai đang có trong nhà. Tôi sẽ trở về, đó là điều chắc chắn, không thể nào khác được. Bao giờ? Như thế nào? Tôi không biết, nhưng tôi tự hứa là sẽ trở về.

Cuối buổi chiều hôm ấy, Zorillo lên ngựa, và chúng tôi đi về phía Colombia. Tôi đội một cái mũ rơm. Tôi đi bộ, tay cầm cương dắt con ngựa đi bên cạnh. Tất cả những người dân trong làng, không trừ một ai, đều đưa cánh tay trái lên che mặt và dang cánh tay phải về phía tôi. Cử chỉ đó họ dùng để nói với tôi rằng họ không muốn nhìn thấy tôi ra đi vì điều đó quá đau lòng, và

tay họ dang ra là để giữ tôi lại. Lali và Zoraima đi theo tôi trong khoảng gần một trăm mét. Tôi tưởng họ sắp ôm hôn tôi, nhưng bỗng nhiên họ rống lên một tiếng và bỏ chạy thẳng về nhà, không quay lại.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

V. Trở về thế giới văn minh

Nhà tù Santa Marta

Ra khỏi lãnh thổ của vùng Guajira thuộc người Anh-điêng không có gì khó, chúng tôi vượt qua các đồn biên phòng Lavela bình yên vô sự. Tất cả đoạn đường dài mà tôi và Antonio phải chạy mất bấy nhiêu ngày mới đi hết, thì bây giờ đi ngựa mất có hai ngày. Nhưng không phải chỉ có các đồn biên phòng kia là nguy hiểm: ngoài ra còn có một dải đất hơn một trăm hai mươi cây số kéo dài đến Rio Haeha, cái làng mà tôi đã bỏ trốn.

Có Zorillo bên cạnh, tôi đã làm cuộc thí nghiệm đầu tiên về cách dùng tiếng Tây Ban Nha trong khi nói chuyện trong một thứ quán có bán thức uống và thức ăn, với một người thường dân

Colombia. Kết quả không đến nỗi tồi, và như Zorillo đã nói cho tôi hiểu, tật nói lắp nặng có tác dụng rất nhiều khi người ta muốn dấu giọng điệu và cách nói của người ngoại quốc. Chúng tôi lại lên đường đi Santa Marta. Theo dự kiến, Zorillo sẽ chia tay với tôi ở giữa đường và quay trở lại đúng sáng hôm nay.

Zorillo đã chia tay với tôi. Chúng tôi đã quyết định là anh ta sẽ đưa con ngựa của tôi về. Vì có một con ngựa tức là có nơi ăn chốn ở, là định cư trong một làng nhất định và do đó rất có thể rơi vào cái tình thế phải trả lời những câu hỏi phiền phức: "Anh ở lại X, vậy có biết ông Mỗ không? ông lý trưởng làng anh tên là gì? Bà Y hiện nay ra sao? Hiện nay ai làm ở trạm?".

Không, tốt hơn là tôi đi bộ, rồi đi xe buýt hay xe tải và đến Santa Marta thì có thể đi xe lửa. Đối với mọi người tôi sẽ là một người "forastero" (một người ở nơi khác đến), đang đi kiếm việc nơi này nơi nọ, ở đâu có việc thì làm và làm bất cứ việc gì.

Zorillo đã đổi cho tôi ba đồng tiền vàng, mỗi đồng ăn một trăm pesos. Anh ta lại cho tôi một ngàn pesos. Một người thợ giỏi kiếm được từ tám đến mười pesos mỗi ngày, vậy với số tiền kia tôi có thể sống được khá lâu.

Tôi đã lên một chiếc xe vận tải đang đi đến một nơi rất gần Santa Marta, một hải cảng khá lớn, cách nơi Zorillo chia tay với tôi quãng một trăm hai mươi cây số. Chiếc xe này đến đấy để chở dê hay sơn dương gì đấy tôi cũng không rõ. Cứ cách sáu hay mười

cây số lại có một cái quán là nơi nào cũng vậy. Anh lái xe cứ trông thấy quán xuống xe và mời tôi vào. Anh ta thì mời còn tôi thì trả tiền. Và mỗi lần như thế anh ta lại uống năm sáu cốc rượu rất mạnh. Tôi thì chỉ giả vờ uống một cốc. Xe đi được dăm chục cây số anh ta đã say khướt. Anh ta say đến nỗi đi lạc, lái xe vào một đoạn đường bùn lầy: xe bị sa lầy không ra được nữa. Thế mà anh lái xe người Colombia kia không hề nao núng: anh ta leo lên thùng xe nằm và bảo tôi lên ca- bin mà ngủ. Tôi chẳng còn biết làm thế nào nữa. Còn đến bốn mươi cây số mới đến Santa Marta. Có anh ta thì tôi đỡ phải trả lời những câu hỏi của những người tình cờ gặp giữa đường, và tuy xe hay dừng lại như vậy, đi xe vẫn cứ nhanh hơn đi bộ.

Khoảng gần sáng tôi quyết định ngủ một giấc. Khi tôi thức dậy đã gần bảy giờ sáng. Một chiếc xe chở đồ có hai con ngựa kéo đi đến. Chiếc xe tải đỗ giữa đường làm cho nó không đi qua được. Họ đánh thức tôi dậy, tưởng tôi là người lái xe vì tôi nằm trong ca-bin. Tôi nói cà lăm, giả bộ làm người ngủ say mới giật thót thức dậy chẳng biết mình đang ở đâu nữa.

Anh lái xe cũng thức dậy và bàn cãi với người đánh xe ngựa. Loay hoay mãi vẫn không sao đưa chiếc xe tải ra khỏi đoạn đường lầy. Bùn ngập đến tận trục bánh xe, chẳng còn biết làm thế nào được. Trên chiếc xe ngựa kéo kia có hai nữ tu sĩ mặc đồ đen, đầu đội mũ xơ, và ba đứa con gái nhỏ. Sau nhiều lần bàn

cãi, hai người đàn ông thỏa thuận được với nhau là sẽ phát quang những bụi rậm ở bên đường để cho chiếc xe kia qua được chỗ mắc nghẽn dài khoảng hai mươi mét.

Mỗi người cầm một chiếc "machete" (một con dao phát thường dùng để chặt mía, đi đường ai cũng cầm một cái) họ chặt tất cả những gì có thể làm vướng xe, còn tôi thì cố hướng dẫn cái xe đi hướng nào cho đỡ lăn bánh vào những chỗ còn rậm và những chỗ có thể lún xuống bùn. Khoáng hai giờ sau, chiếc xe ngựa kéo đã có thể đi tiếp. Chính vào lúc ấy hai bà xơ, sau khi cám ơn tôi, hỏi xem tôi đi đâu. Tôi nói: "Santa Marta"

- Thế thì sao lại đi đến đường này, phải quay trở lại với chúng tôi. Chúng tôi sẽ đưa ông về gần đến Santa Marta, chỉ cách tám cây số nữa thôi.

Tôi không thể tử chối được, vì làm như thế sẽ có vẻ không bình thường. Mặt khác tôi cũng định nói rằng tôi muốn ở lại với người lái xe tải để giúp anh ta, nhưng muốn thế phải nói rất dài, cho nên tôi đành nói:

"Graeias, gracias (cám ơn, cám ơn)".

Thế là tôi ngồi ở phía sau cái xe có hai con ngựa kéo cùng với ba con bé; hai cô tu sĩ thì ngồi trên chiếc ghế dài bên cạnh người đánh xe.

Chiếc xe lên đường, và chúng tôi đã đi đủ nhanh để vượt qua cái khoảng năm sáu cây số bùn lầy mà chiếc xe tải đã đi nhầm vào.

Ra đến đường cái, xe bắt đầu chạy khá nhanh và đến khoảng giữa trưa chúng tôi dừng lại cạnh một cái quán để ăn trưa. Ba đứa bé và người đánh xe ngồi ở một bàn, còn hai cô nữ tu sĩ và tôi ngồi ở bàn bên cạnh. Hai cô đều còn trẻ, từ hai mươi lăm đến ba mươi tuổi là cùng. Da họ rất trắng.

Một cô người Tây Ban Nha còn cô kia người ái Nhĩ Lan. Cô nữ tu ái Nhĩ Lan hỏi khẽ tôi.

- Ông không phải là người ở đây, phải không?

- Có chứ, tôi là người ở Baranquilla.

- Không, ông không phải là người Colombia, tóc ông vàng thế... còn nước da ông thẫm màu chẳng qua vì rám nắng. Ông từ đâu đến?

- Từ Rio Hacha.

- ở đấy ông làm gì?

- Thợ điện.

- à! Tôi có một người bạn ở Công ty điện lực, tên là Perez, người Tây Ban Nha. Ông có quen ông ta không?

- Thế thì thích quá.

Ăn xong, hai nữ tu sĩ đứng dậy đi rửa tay, rồi cô người ái Nhĩ Lan trở lại một mình. Cô nhìn tôi rồi nói bằng tiếng Pháp:

- Tôi không tố giác ông đâu, nhưng chị bạn của tôi nói là chị ấy đã trông thấy ảnh của ông trên báo. Ông là người tù Pháp đã vượt ngục khỏi nhà tù Hacha phải không?

Tôi mà chối thì tình hình sẽ còn nghiêm trọng hơn.
- Phải, ma soeur ạ. Tôi van ma soeur đừng tố giác tôi. Tôi không phải là người xấu như người ta đăng trên báo đâu. Tôi là người vốn kính yêu Chúa.
Cô nữ tu người Tây Ban Nha trở ra, cô kia liền nói "đúng". Cô người Tây Ban Nha trả lời một câu gì rất nhanh tôi không hiểu. Hai cô có vẻ như đang suy nghĩ điều gì. Họ đứng dậy rồi lại vào phòng rửa tay. Trong khoảng năm phút họ vắng mặt, tôi phản ứng rất nhanh. Phải bỏ đi trước khi họ trở lại, hay cứ ngồi đây? Nếu họ định tố giác tôi thì cũng thế thôi, vì nếu tôi bỏ đi thì người ta sẽ tìm ra tôi khá nhanh. Vùng này không có một Selva (rừng) rậm, và những lối đi ra các con đường cái đưa về thành phố sẽ được kiểm soát ngay. Tôi quyết định là sẽ phó thác cho số phận: cho đến ngày hôm nay, tôi chưa đến nỗi quá rủi ro.
Hai cô nữ tu đã trở lại, cả hai đều tươi cười. Cô người ái Nhĩ Lan hỏi tên tôi.
- Enrique.
- Thế thì ông Enrique ạ, ông sẽ cùng đi với chúng tôi về tu viện, cách Santa Marta tám cây số. Ngồi cùng xe với chúng tôi, dọc đường ông không phải sợ gì cả. Ông đừng nói, mọi người sẽ tưởng ông là người làm công trong tu viện.
Hai cô nữ tu sĩ trả tiền ăn cho cả nhóm. Tôi mua một tút thuốc lá mười hai bao và một cái bật lửa. Chúng tôi lại lên đường. Suốt

dọc đường hai cô nữ tu không nói gì với tôi nữa, và tôi rất biết ơn họ về sự tế nhị đó Làm như vậy người đánh xe sẽ không nhận thấy tôi nói tiếng Tây Ban Nha không sõi. Cuối buổi trưa xe dừng lại cạnh một cái quán lớn. ở đấy có một chiếc xe buýt đỗ, trên xe thấy đề: "Rio Hacha - Santa Marta".

Tôi thấy muốn lên xe này. Tôi liền nói với cô nữ tu người ái Nhĩ Lan là tôi có ý định dùng chiếc xe buýt này.

Nguy hiểm lắm, - cô nói, - vì trước khi đến Santa Marta có ít nhất hai trạm cảnh sát kiểm tra giấy "cedula" (căn cước) của người đi đường, nhưng ngồi xe của chúng tôi thì không bị hỏi đâu.

Tôi cảm ơn cô một cách nhiệt thành, và nỗi lo âu của tôi từ khi bị họ phát hiện đã hoàn toàn tan biến. Tôi gặp được hai cô nữ tu tốt bụng này thật là cực kỳ may mắn. Quả nhiên chập tối chúng tôi đi ngang một đồn cảnh sát ("alcabale"). Một chiếc xe buýt đi từ Santa Marta đến Rio Hacha đang bị cảnh sát kiểm tra. Tôi nằm ngửa trên chiếc xe ngựa, cái mũ rơm úp lên mặt, giả vờ ngủ. Một trong ba đứa bé, tuổi chừng lên tám, đang gối đầu vào vai tôi ngủ thật sự. Khi chiếc xe đi ngang, người đánh xe ghìm ngựa lại đúng vào giữa chiếc xe buýt và đồn cảnh sát.

- Como estan por qui? (ở đây khỏe cả chứ?) - cô nữ tu người Tây Ban Nha nói.

- Muy biến, Hermana (Khỏe lắm ma soeur ạ).

- Me alegro, vamonos, muchanos (Tôi rất mừng, chúng mình đi thôi).

Thế là chúng tôi điềm nhiên đi tiếp.

Đến mười giờ tối lại gặp một đồn cảnh sát nữa, thắp đèn sáng trưng: Hai bên đường có hai dãy xe đang đứng đợi, đủ các thứ xe, thứ gì cũng có. Một dãy từ bên phải, dãy của chúng tôi từ bên trái. Cảnh sát đang mở các thùng xe nhìn vào phía trong. Tôi trông thấy họ bắt một người đàn bà xuống xe, bà ta đang lục tìm giấy tờ trong túi xách. Rốt cục bà ta bị đưa vào đồn, chắc vì không có cedula. Trong trường hợp đó thì chẳng còn biết làm thế nào. Các cỗ xe lần lượt đi qua. Vì có hai dãy xe cho nên không thể vượt hàng được. Chúng tôi đành đợi. Tôi thấy mình nguy mất rồi. Phía trước chúng tôi là một cái xe buýt rất nhỏ chật ních hành khách. Trên mui xe có nhiều va-li và bó lớn, ở phía sau cũng có một thứ lưới to đựng đầy những bó đồ đạc. Bốn viên cảnh sát xua hành khách xuống. Xe chỉ có một cửa ra ở phía trước. Đàn ông và đàn bà lần lượt xuống xe. Có mấy bà bế con. Rồi họ lại lên xe từng người một.

- Cedulai Cedula?

Mỗi hành khách đều rút ra một tấm thẻ có dán ảnh đưa cho cảnh sát xem. Chưa có lần nào Zorillo nói với tôi về việc này. Giá tôi biết trước, có lẽ tôi có thể tìm cách kiếm một tấm thẻ căn cước giả. Tôi nghĩ rằng nếu chuyến này mà qua được, tôi sẽ trả với bất

cứ giá nào để kiếm lấy một cedula trước khi đi từ Santa Marta đến Baranqailla, một thành phố rất lớn trên bờ Đại Tây Dương: hai trăm năm mươi ngàn dân, - cuối từ điển có ghi như vậy.
- Trời ơi, sao họ kiểm soát chiếc xe buýt kia lâu đến thế! Cô nữ tu người ái Nhĩ Lan ngoảnh lại nói với tôi: "Cứ yên tâm, Enrique ạ". Tôi lập tức thấy oán giận câu nói bất cẩn này, chắc chắn là người đánh xe đã nghe thấy.
Đã đến lượt xe của chúng tôi tiến vào khu vực đèn chiếu sáng trưng kia. Tôi đã quyết định ngồi dậy. Tôi thấy nằm có thể gây ấn tưởng là tôi có ý trốn tránh. Tôi ngồi tựa lưng vào máy tấm ván tháo ra tháo vào được ở sau xe và nhìn về phía lưng hai nữ tu sĩ. Người ta chỉ có thể nhìn nghiêng vào mặt tôi, tôi lại đội mũ trùm thụp trên đầu, nhưng đã chú ý đừng kéo vành mũ xuống quá thấp.
- Como estan todos por qui? (ở đây các ông khỏe cả.chứ?) - cô nữ tu người Tây Ban Nha lại hỏi.
- May bien, Hermans. Y como viajan tan tarde? (Thưa các xơ rất khỏe~ Sao các soeur đi đường muộn thế?).
- Por una urgencia, por eso no me dentengo. Osmos mấy apuradas (Có việc rất gấp, thành thử xin các ong đừng làm chúng tôi muộn thêm. Chúng tôi đang vội lắm).
- Vayanse con Dios, Hermanas (Xin các xơ lên đường có Chúa phù hộ).

- Gracias, hijos. Que Dios les protège (Cám ơn anh em. Xin Chúa phù hộ tất cả).
- Amen - mấy người cảnh sát nói.
Thế là chúng tôi điềm nhiên đi qua, chẳng bị ai xét hỏi gì cả. Những phút hồi hộp vừa qua hình như đã gây chứng đau bụng cho hai cô nữ tu nhân hậu, vì đi được một trăm thước thì hai cô bảo cho xe dừng lại rồi xuống xe đi khuất vào trong rừng một lát. Chúng tôi lại lên đường. Tôi lấy thuốc ra hút. Tôi xúc động đến nỗi khi cô người ái Nhĩ Lan lên xe, tôi nói: "Cám ơn ma soeur". Cô nói với tôi: "Không có chi, nhưng vừa rồi chúng tôi sợ đến nỗi trong bụng rối loạn cả lên".
Vào khoảng nửa đêm chúng tôi về đến tu viện. Tường cao, cổng lớn, Người đánh xe dắt ngựa về cho ăn, còn cái xe cùng với ba đứa con gái được đưa vào phía trong tu viện. Trên bậc thềm, một cuộc tranh luận rất hăng nổ ra giữa bà nữ tu gác cửa và hai cô nữ tu của tôi. Cô người ái Nhĩ Lan nói với tôi rằng cô không thể đánh thức bà Mẹ Bề Trên để xin phép cho tôi ngủ lại trong tu viện. Đến đáy tôi phân vân không biết quyết định như thế nào. Lẽ ra tôi phải nhanh chóng lợi dụng tình hình này dể rút lui và di bộ đến Santa Marta, vì tôi biết chỉ còn có tám cây số.
Về sau, sai lầm này tôi đã phải đền bằng bảy năm khổ sai.
Cuối cùng, khi đã đánh thức được bà Mẹ Bề Trên, người ta cắt cho tôi một căn buồng ở tầng thứ ba. Nhìn ra cửa sổ tôi có thể

trông thấy ánh đèn của thành phố. Tôi phân biệt được cả ngọn hải đăng và những chiếc đèn hiệu của tàu thủy đậu ở cảng. Một chiếc tàu rất lớn đang rời cảng.

Tôi ngủ thiếp đi, và khi người ta đến đập cửa buồng thì mặt trời đã mọc. Đêm vừa qua tôi mơ thấy một giấc chiêm bao khủng khiếp. Lali mổ bụng ra trước mặt tôi và đứa con của chúng tôi rơi ra từng mảng một. Tôi cạo râu rửa mặt thật nhanh, rồi mặc áo quần xuống nhà dưới. ở chân cầu thang, cô nữ tu người ái Nhĩ Lan đón tôi, trên môi thoáng một nụ cười:

- Chào ông Henri. Ông ngủ có ngon không?

- Thưa ma soeur rất ngon.

- Xin mời ông đến văn phòng Mẹ Bề Trên. Mẹ muốn gặp ông.

Chúng tôi bước vào văn phòng. Một người đàn bà đang ngồi sau bàn giấy. Một gương mặt hết sức nghiêm khắc của một người trạc năm mươi tuổi hay hơn nữa, đang nhìn tôi bằng đôi mắt đen không có chút gì thân thiện.

- Senor, sa ba usted hablar espanol? (ông có biết nói tiếng Tây Ban Nha không?)

- Muy po co (rất ít).

- Bueno, la Hermana va servir de interprete (được, nữ tu sĩ đây sẽ làm thông ngôn).

- Nghe nói ông là người Pháp?

- Thưa Mẹ vâng.

- Ông đã vượt ngục ra khỏi nhà tù Rio Hacha?
- Thưa mẹ vâng.
- Khoảng bảy tháng.
- Trong thời gian ấy anh làm cái gì?
- Tôi ở với người Anh-điêng.
- Cái gì? ông mà ở với người Guajiros? Không thể tin được, nhưng con người mọi rợ ấy chưa bao giờ cho ai ở trên lãnh thổ của họ. Chưa có một nhà truyền giáo nào lọt vào nổi, ông có thể tưởng tượng được không. Tôi không chấp nhận câu trả lời của ông. Vừa qua ông ở đâu? ông nói thật đi.
- Thưa Mẹ, tôi ở với người Anh-điêng, và tôi có bằng chứng về việc này.
- Bằng chứng gì?
- Một số ngọc trai do họ vớt được.
Tôi tháo cái túi cài vào giữa lưng áo vét của tôi và đưa cho bà Mẹ Bề Trên. Bà ta mở túi, thò tay vào bốc ra một nắm hạt trai.
- Có bao nhiêu viên?
- Tôi không biết ạ, có lẽ khoảng năm sáu trăm gì đấy
- Đây không phải là một bằng.. chứng. Cớ thể là ông đã lấy trộm của một nơi khác.
- Thưa Mẹ, để cho lương tâm của Mẹ được thanh thản, nếu Mẹ vui lòng tôi sẽ xin ở lại đây trong một thời hạn để Mẹ có thể xác minh xem có một vụ mất trộm ngọc trai nào mới xảy ra hay

không. Tôi có tiền. Tôi có thể trả tiền ăn ở. Tôi xin hứa là tôi sẽ không đi đâu ra khỏi buồng cho đến ngày Mẹ quyết định cho tôi đi.

Bà tu sĩ nhìn tôi trừng trừng. Tôi nghĩ ngay, chắc bà ta tự nhủ: "Thế nếu anh trốn đi thì sao? Anh đã từng vượt ngục, mà ở đây thì dễ trốn hơn nhiều"

- Tôi xin để lại túi ngọc trai nhờ Mẹ giữ dùm. Đây là tất cả tài sản của tôi. Tôi biết rằng nó nằm trong những bàn tay đáng tin cậy.

- Thôi được, cứ như thế. Không, ông không cần phải tự giam hãm trong buồng. Buổi sáng và buổi chiều ông có thể xuống vườn trong khi các nữ tu sĩ đang ở nhà thờ. Ông sẽ ăn dưới nhà bếp cùng với mấy người làm công.

Qua cuộc tiếp kiến này, tôi yên tâm được một nửa. Khi tôi sắp trở lên buồng, cô nữ tu sĩ người ái Nhĩ Lan dẫn tôi xuống nhà bếp. Một chén cà phê sữa lớn, một khoanh bánh mì đen rất tươi và một ít bơ. Cô nữ tu chứng kiến bữa ăn sáng của tôi không nói một lời, và cứ đứng trước mặt tôi, không ngồi xuống. Cô có chiều lo lắng.

Tôi nói:

- Cám ơn ma soeur vì tất cả những gì mà ma soeur đã làm cho tôi.

-Lẽ ra tôi muốn làm nhiều hơn thế, nhưng từ bây giờ trở đi tôi

không còn làm gì được nữa, anh bạn Henri!
Nói đoạn cô ra khỏi nhà bếp.
Ngồi bên cửa sổ, tôi nhìn ra phía thành phố, hải cảng, lại nhìn ra biển. Những cánh đồng ở xung quanh được chăm bón rất tốt. Tôi không sao thoát ra khỏi cái cảm giác là mình đang lâm nguy. Cảm giác đó mạnh đến nỗi tôi quyết định ngay đêm nay sẽ trốn đi. Thôi không cần đến mấy viên ngọc trai kia nữa, bà ta cứ việc giữ lấy cho tu viện hay cho cá nhân bà ta cũng được, cái bà Mẹ Bề trên ấy. Bà ta không tin tôi. Vả lại chắc tôi không nhầm, vì làm sao bà lại không nói được tiếng Pháp trong khi bà là người Catalonge, lại là Mẹ Bề trên của một tu viện, tức là người rất có học: thật hiếm có. Kết luận: tối nay tôi sẽ bỏ đi.
Phải, chiều nay tôi sẽ xuống sân dể xem có thể trèo qua tường ở chỗ nào. Khoảng một giờ trưa, có tiếng gõ cửa:
- Ông Henri, mời ông xuống ăn.
- Cám ơn, tôi xuống ngay.
Ngồi xuống bàn ăn trong nhà bếp, tôi vừa mới động đến món thịt trộn với khoai tây luộc thì cánh cửa mở toang, bốn viên cảnh sát mặc đồ trắng, tay cầm súng trường, và một viên hạ sĩ quan tay cầm súng lục hiện ra.
- No tè mueve, o te mao! (Ngồi im không thì chết ngay!)
Viên hạ sĩ quan khóa tay tôi lại. Cô nữ tu sĩ người ái Nhĩ Lan thét lên một tiếng rất lớn và ngất đi. Hai bà nữ tu đang ở trong

bếp vội vực cô ta lên.

- Vamos (Đi)?, hắn nói, rồi cùng tôi đi lên buồng.

Cái tay nải của tôi bị mở ra lục soát. Họ tìm thấy ngay ba mươi sáu đồng tiền vàng ăn một trăm peso, nhưng lại bỏ qua cái túi da đựng hai mũi tên độc. Chắc họ tưởng đó là hai cây bút chì. Với một vẻ đắc chí không hề giấu giếm, viên hạ sĩ quan bỏ cả mấy đồng tiền vàng vào túi.Họ giải tôi đi.

Năm tên cảnh sát đưa tôi lên một chiếc xe cũ kỹ. Người lái xe mặc đồ cảnh sát, da đen như than. Chiếc xe phóng hết tốc lực. Tôi hoàn toàn tuyệt vọng, chẳng còn buồn kháng cự, chỉ cố giữ một thái độ tự trọng. Không việc gì phải tìm cách để cho họ nương nhẹ hay thương xót. Hãy là một trượng phu, và phải nhớ rằng không bao giờ được mất hy vọng. Những ý nghĩ ấy lướt qua rất nhanh trong trí tôi. Và khi tôi xuống xe, ý chí làm kẻ trượng phu và nhất thiết không để cho mình trông như một mớ giẻ rách nó mạnh mẽ đến nỗi câu nói đầu tiên của viên sĩ quan ra đón tôi là: “Cái gã người Pháp này ghê gớm thật, lọt vào tay chúng ta mà nó chẳng có vẻ sợ sệt một tý nào”. Tôi được đưa vào phòng giấy của viên sĩ quan. Tôi bỏ mũ và, không đợi cho người ta bảo, tôi ngồi xuống ghế, cái tay nải đặt giữa hai chân.

- Tu sabes hablar espanol? (Anh có biết nói tiếng Tây Ban Nha không).

- Không.

- Llame el zapatero (Gọi thằng thợ giày ra đây).

Một lát sau một người thấp bé mặc tạp dề xanh vào phòng, tay cầm một cái búa thợ giày.

- Anh là người tù Pháp đã vượt ngục ở Rio Hacha cách đây một năm?

- Không.

- Anh nói dối.

- Tôi không nói dối. Tôi không phải là người tù Pháp đã vượt ngục ở Rio Hacha cách đây một năm.

- Cởi khóa tay cho hắn. Còn anh cởi áo vét và áo sơ-mi ra. (Hắn lấy một tờ giấy rồi xem xét người tôi. Tất cả các hình xăm đều được hắn ghi nhận).

- Tay trái của anh không có ngón cái. Đúng. Chính anh.

- Không phải là tôi, vì tôi ra đi không phải cách đây một năm. Tôi ra đi bảy tháng.

- Thì cũng thế.

- Đối với anh thì cũng thế, nhưng đối với tôi thì không.

- Rõ: anh là kẻ giết người chuyên nghiệp điển hình. Dù là người Pháp hay là người Colombia, tất cả những kẻ giết người chuyên nghiệp (matadores) đều như nhau: không sao khuất phục nổi. Tôi chỉ là phó chỉ huy của nhà tù này. Tôi không biết người ta sẽ xử lý với anh như thế nào. Hiện giờ thì tôi sẽ cho anh ở chung với các bạn cũ của anh.

- Bạn cũ nào?

- Mấy người Pháp mà anh đã đưa vào Colombia.

Tôi đi theo mấy viên cảnh sát, họ dẫn tôi vào một phòng gian có hàng song sắt trông ra sân. Tôi gặp lại cả năm bạn tôi. Chúng tôi ôm nhau hôn. "Thế mà chúng mình cứ tưởng cậu đã thoát hẳn được rồi", Clousiot nói. Maturette khóc như một thằng con nít (vả lại nó cũng chỉ là thằng con nít thôi). Ba người kia cũng rầu rĩ.

Được gặp lại họ, tôi lại thấy mình có thêm sức.

- Cậu kể đi, - họ nói.

- Sau hẵng. Các cậu thì sao?

- Chúng mình thì ở đây đã được ba tháng.

- Họ đối xử ra sao?

- Chẳng khá mà cũng chẳng tồi. Chúng mình đang đợi chuyển sang Baranquilla, và đến đấy hình như người ta sẽ trao chúng mình lại cho các nhà chức trách Pháp.

- Thật là một lũ khốn kiếp! Có cách gì vượt ngục không?

- Vừa mới đến một cái đã nghĩ đến vượt ngục à?

- Nhiều khi cũng thật quá tệ! Cậu tưởng tôi tự dưng bỏ cuộc sao? Chúng canh phòng có ngặt lắm không?

- Ban ngày thì thường thôi, nhưng ban đêm có một đội canh riêng chúng mình.

- Mấy đứa?

- Ba tên giám thị.
- Còn cái chân cậu thế nào rồi?
- ổn rồi, thậm chí đi cũng không cà nhắc nữa.
- Bị nhốt suốt ngày à?
- Không, ngày nào cũng đi dạo trong sân để phơi nắng, buổi sáng Hai tiếng đồng hồ, buổi chiều ba tiếng.
- Bọn tù người Colombia ra sao?
- Có những tay rất nguy hiểm thì phải, kẻ trộm và giết người có cả.

Quá trưa hôm ấy, vào giờ đi dạo trong sân, tôi đang nói chuyện riêng với Clousiot thì họ gọi. ở đấy tôi gặp viên chỉ huy nhà tù, bên cạnh có viên phó chỉ huy ban sáng. Chiếc ghế danh dự được dành cho một người nước da rất đậm, gần như đen. Màu da giống một người Châu Phi đen hơn là một người Anh-điêng. Mái tóc ngắn và quăn đúng là mái tóc của người Châu Phi. Hắn gần xấp xỉ năm mươi tuổi, hai mắt đen và độc ác. Một bộ ria cắt rất sát trên một đôi môi dày, một cái miệng hằn học. áo sơ-mi của hắn để phanh ngực, không có ca-vát. ở ngực áo bên trái có gắn một cái dải nửa trắng nửa xanh, cuống của một thứ huy chương nào đấy. Anh thợ giày cũng có mặt ở đấy.

- Anh người Pháp kia, anh đã bị bắt lại sau bảy tháng vượt ngục. Trong thời gian ấy anh đã làm gì?
- Tôi ở với người Guajiros.

- Đừng có giỡn mặt tao, không tao cho một trận bây giờ.
- Tôi nói sự thật.
- Chưa từng có ai ở với người Anh-điêng được cả. Chỉ trong một năm nay thôi đã có hai mươi lăm lính canh phòng bờ biển bị họ giết.
- Không phải đâu, những người lính canh bờ biển ấy bị bọn buôn lậu giết chết.
- Sao anh biết?
- Tôi đã ở đấy bảy tháng. Người Guajiros không bao giờ ra khỏi lãnh thổ của họ.
- Thôi được, cũng có thể đúng. Anh đã lấy trộm ba mươi sáu đồng vàng ăn một trăm pesos ở đâu?
- Đó là tiền của tôi. Thủ lĩnh của bộ lạc vùng núi tên là Công Bằng đã cho tôi số tiền ấy.
- Làm sao một thằng Anh-điêng lại có thể có được một gia sản như vậy để mà cho anh?
- Thế thì thưa xếp, trước đây có xảy ra vụ trộm tiền vàng nào không?
- Đúng là không có. Trong các hồ sơ chưa bao giờ thấy. Tuy vậy vẫn phải điều tra thêm.
- Xin ông điều tra đi, việc đó có lợi cho tôi.
- Anh đã phạm một tội nặng khi vượt ngục Rio Hacha, và còn phạm một tội nặng hơn nữa khi giúp Antonio vượt ngục: hắn sắp

bị xử bắn vì giết nhiều lính canh phòng bờ biển. Bây giờ người ta đã biết rằng chính anh đang bị nhà chức trách Pháp truy nã, Anh là tù chung thân. Anh là một tên giết người chuyên nghiệp nguy hiểm. Vì vậy ta sẽ không mạo hiểm để cho anh có dịp vượt ngục lần nữa bằng cách giam chung anh với mấy người Pháp khác. Anh sẽ bị nhốt xà-lim cho đến khi chuyển đi Baranquilla. Mấy đồng tiền vàng sẽ được trả cho anh khi đã xác minh được là không có vụ trộm tiền vàng nào xảy ra.

Tôi ra ngoài và họ lôi tôi đến cầu thang dẫn xuống dưới đất. Sau khi xuống hơn hai mươi lăm bậc thì đến một dãy hành lang tối mờ mờ hai bên có những cái chuồng chật. Họ mở một chuồng ra và đẩy tôi vào. Khi cánh cửa sắt mở ra hành lang được đóng lại, mùi thối bốc lên từ nền đất nhớp nháp. Có tiếng gọi tôi từ bốn phía. Mỗi cái chuồng có song sắt đều giam một hay ba tù nhân.

- Francés, Francés: Que a hecho? Por que esta a qui? (Anh người Pháp kia Anh phạm tội gì thế? Tại sao anh lại ở đây?). Anh có biết rằng những chuồng giam này là những chuồng giam của tử thần không?

- Im cả đi! Để cho anh ta nói - Có tiếng quát.

Phải, tôi là người Pháp. Tôi bị giam ở đây vì tôi đã vượt ngục ở Rio Hacha.

Cái tiếng Tây Ban Nha giả cầy của tôi được họ hiểu ngay.

- Anh cần biết mấy điều này, anh nghe kỹ đây: ở cuối chuồng

giam có một tấm ván để nằm. Bên phải có một cái hộp đựng nước. Phải uống dè dè, vì mỗi sáng chỉ được một ít, mà xin thêm thì không được đâu. Bên trái có một cái xô đề đi ngoài. Anh lấy cái áo vét mà bịt lại. ở đây không cần áo ngoài vì quá nóng, cứ lấy áo mà bịt xô cho đỡ thối. Chúng tôi đều bịt xô bằng áo quần cả.

Tôi đứng sát vào song sắt để cố nhìn mặt các bạn tù. Chỉ thấy rõ được hai người ở trước mặt đang ngồi sát song sắt, hai chân thò ra ngoài. Một trong hai người đó có những nét mặt của loại người Anh-điêng lai Tây Ban Nha, kiểu như mấy tên cảnh sát đầu tiên đã bắt tôi ở Rio Hacha; người kia là một người da đen có nước da rất sáng, trẻ và đẹp trai. Anh ta cho tôi biết rằng đến giờ thủy triều lên, nước ngập vào các xà lim. Tôi không nên sợ vì không bao giờ nó lên quá bụng. Chuột có leo lên người thì đừng bắt, mà phải đánh. Bắt thì nó căn.

Tôi hỏi:

- Anh bị nhốt ở đây được bao lâu rồi?

- Hai tháng.

- Còn mấy người kia.

- Không bao giờ quá ba tháng. Ai đã qua ba tháng mà không được chuyển ra, thì tức là phải chết ở đây.

- Người ở đây lâu nhất đã được bao lâu rồi?

- Tám tháng, nhưng chẳng còn sống được mấy đỗi nữa đâu. Đã

gần một tháng nay anh ta chỉ quỳ chứ không đứng lên được. Đến ngày nào có thủy triều lôn, anh ta sẽ chết đuối thôi.

- Nhưng thế thì nước các anh là một xứ sở man rợ sao?

- Tôi có bao giờ nói là xứ tôi văn minh đâu. Còn nước anh thì cũng chẳng văn minh gì hơn, vì anh bị xử chung thân đấy thôi. ở xứ Colombia này thì hoặc hai mươi năm, hoặc xử tử. Nhưng không bao giờ có chuyện chung thân.

- Thôi đi, đâu cũng thế thôi.

- Anh giết nhiều người lắm à?

- Không, chỉ có một thôi.

- Vô lý! Giết có một người mà bị lâu thế à?

- Tôi cam đoan là đúng như thế.

- Thế thì rõ là nước anh cũng mọi rợ như nước tôi.

- Thôi đừng cãi nhau về chuyện nước anh nước tôi nữa. Anh nói đúng. Cảnh sát thì ở đâu cũng là cứt cả.

- Còn anh anh có tội gì?

Tôi đã giết hai vợ chồng và cả thằng con.

- Tại sao?

- Chúng nó đã đem thằng em tôi cho lợn ăn.

- Chẳng lẽ! Chuyện gì mà gớm ghiếc thế

- Thằng em tôi lên năm, ngày nào nó cũng ném đá thằng con nhà ấy, mấy lần trúng đầu.

- Đó không phải là một lý do.

- Khi tôi biết chuyện tôi cũng nói thế.
- Làm sao anh biết chuyện?
- Thằng em tôi đi đâu mất từ ba hôm, tôi đi tìm mãi mới thấy một chiếc dép của nó trong đóng phân.

Chỗ phân này xúc ra từ chuồng lợn nhà nó. Tôi bới phân lợn lên thì thấy một chiếc tất đầy máu. Tôi đã hiểu. Mụ vợ đã thú nhận trước khi tôi giết cả nhà chúng nó.

Tôi đã cho chúng nó cầu kinh trước khi bắn. Phát thứ nhất tôi bắn gãy chân thằng bố.

- Anh giết họ là phải. Anh sẽ bị xử ra sao?
- Hai mươi năm là cùng.
- Tại sao anh bị giam xà-lim?

Tôi đã đánh một tên cảnh sát có họ với vợ chồng bà kia. Hắn làm ở nhà tù này. Bây giờ hắn đã được đưa đi nơi khác. Không có hắn tôi mới được yên.

Cửa hành lang được mở ra. Một tên gác ngục đi vào với hai tù nhân khiêng một cái thùng bằng gỗ. Có thể đoán biết được rằng phía sau họ còn có hai tên gác cầm súng nữa. Hai người tù vào từng chuồng một bưng mấy cái xô đựng phân ra đổ vào cái thúng. Mùi nước đái và mùi phân xông lên nồng nặc, tường đến chết ngạt. Không ai nói gì. Khi họ đến chuồng tôi, người tù vào lấy xô đánh rơi một cái gói nho nhỏ xuống đất. Tôi vội lấy chân hất vào phía trong. Khi họ đã ra tôi thấy trong gói có hai bao

thuốc lá, một cái bật lửa và một mảnh giấy có viết mấy dòng chữ Pháp. Trước hết tôi châm hai điếu thuốc lá ném cho hai người ở trước mặt tôi. Rồi tôi gọi người tù kế bên bảo hắn thò tay ra bắt lấy một bao thuốc lá để chuyền cho những người tù khác. Phân phát xong tôi châm điếu thuốc của tôi lên và đưa bức thư ra sát hành lang để đọc. Nhưng ánh sáng ở ngoài hành lang không đủ. Tôi bèn lấy tờ giấy gói, cuốn lại rồi bật lửa đốt lên. Tôi đọc vội: "Cam đảm lên Papi nhé, cứ tin tưởng vào chúng mình. Hãy coi chừng. Mai chúng mình sẽ gửi giấy và bút chì để cậu viết cho chúng mình. Chúng mình ở bên cạnh cậu cho đến chết".

Mảnh giấy ấy làm cho tôi thấy ấm lòng. Nó đã đem lại cho tôi bao nhiêu sức lực! Tôi không cô độc, tôi có thể trông cậy vào bạn bè.

Không có ai nói. Ai nấy đều mải hút thuốc. Cuộc phân phát thuốc lá cho tôi biết rằng có cả thảy mười chín người trong mấy cái chuồng giam của tử thần này. Thế là lần này tôi lại bị đưa vào con đường của sự thối nát, và bây giờ sự thối nát ấy đã ngập lên đến cổ! Mấy bà xơ tự gọi là những người "Em Gái của Chúa lòng lành" ấy chính là những đứa em gái của Quỷ. Nhưng có điều hoàn toàn chắc chắn là kẻ đã tố giác tôi không phải là cô nữ tu người ái Nhĩ Lan hay cô người Tây Ban Nha. Ôi! Tôi ngu biết chừng nào khi tin vào các nữ tu sĩ ấy? Không phải họ đâu. Có lẽ là người đánh xe chăng? Đã hai ba lần tôi và cô nữ tu kia trót nói

tiếng Pháp: thật là sơ xuất. Có thể anh ta đã nghe thấy chăng? Thôi, điều ấy có quan trọng gì! Lần này thì sa lưới hẳn hoi rồi, lần này chỉ có đi tong. Nữ tu sĩ người đánh xe hay là Mẹ Bề trên, chung quy kết quả vẫn là một.

Thế là tôi đành đi đời trong cái chuồng ghê tởm cứ mỗi ngày lại hai lần ngập nước này. Trong chuồng nóng nực và khó thở đến nỗi tôi phải cởi sơ-mi, rồi cởi nốt cả cái quần. Tôi tháo giày và đem móc hết các thứ lên cửa song sắt.

Thử tưởng tượng là tôi đã vượt hai ngàn năm trăm cây số để cuối cùng đến nông nỗi này? Kết quả thật là mỹ mãn! Lạy Chúa! Chúa đã từng hào phóng, đại lượng đối với tôi như vậy, mà bây giờ lại bỏ rơi tôi sao? Có lẽ Chúa giận tôi chăng, vì dù sao Chúa đã cho tôi tự do, sự tự do chắc chắn nhất, đẹp đẽ nhất. Chúa đã cho tôi một cộng đồng, và cộng đồng ấy đã thâu nạp tôi hoàn toàn. Chúa đã cho tôi không phải là một một mà những hai người vợ tuyệt vời. Và cả ánh nắng, cả biển khơi. Lại cả một nếp nhà tranh trong đó tôi là người chủ tuyệt đối. Với cuộc sống giữa thiên nhiên, cuộc sống nguyên thủy, hoang dã nhưng êm đềm và thanh thản biết bao nhiêu. Đó thật là một món quà có một không hai mà Chúa đã tặng tôi: được hoàn toàn tự do, không có cảnh sát, không có quan tòa, không có những kẻ ganh tỵ và những kẻ độc ác xung quanh tôi! Thế mà tôi đã không biết giá trị vô song của nó. Vùng biển ấy nước xanh đến nỗi trông như đen huyền,

những buổi mặt trời mọc và mặt trời lặn đầy một hương vị dịu ngọt và thanh thản, cái nếp sống không hề cần đến tiền bạc, trong đó tôi không phải thiếu một thứ gì cần thiết cho sự sống của một con người: tất cả những cái đó tôi đã chà đạp lên, đã khinh miệt nó. Tôi đã từ bỏ những cái đó để đi đâu? Để trở về với những xã hội không thèm nhìn nhận đến tôi. Với những con người thậm chí cũng chẳng buồn bỏ công tìm hiểu xem thử trong tôi có gì còn vớt vát được không. Về với một thế giới đang hắt hủi tôi, đang đẩy tôi ra xa mọi niềm hy vọng. Với những tập thể chỉ nghĩ đến mỗi một việc: tiêu diệt tôi bằng bất cứ phương tiện nào.

Khi được tin tôi bị bắt, chúng nó sẽ mừng lắm đấy: mười hai miếng pho-mát trong hội đồng bồi thẩm, thằng Polein thối tha, mấy tên cảnh sát và tên biện lý. Vì thế nào cũng sẽ có một nhà báo nào đấy chuyển cái tin này về Pháp.

Lại còn những người thân của tôi nữa. Khi bọn cảnh sát đến nhà để báo cho họ biết tôi đã vượt ngục, họ đã mừng rỡ biết bao nhiêu khi được biết rằng con họ hay anh họ đã thoát ra khỏi bàn tay của bọn đao phủ này! Bây giờ được tin tôi bị bắt lại, họ lại phải đau khổ một lần thứ hai.

Tôi đã sai vô cùng khi từ bỏ bộ lạc của tôi. Phải, tôi có thể nói "bộ lạc của tôi" như vậy, vì mọi người trong bộ lạc ấy đều đã chấp nhận tôi như một thành viên của bộ lạc. Tôi đã sai và tôi xứng đáng phải chịu những gì đã xảy đến với tôi. ấy thế nhưng...

Tôi vượt ngục đâu phải để làm tăng dân số người Anh-điêng ở Nam Mỹ? Lạy Chúa, Chúa phải hiểu rằng tôi cần phải sống lại trong một xã hội văn minh bình thường và chứng minh cho mọi người thấy rằng tôi có thể làm một thành viên của xã hội đó mà không gây thành một hiểm họa cho nó. Đó là số mệnh đích thực của tôi - có sự tham dự của Người hay không có sự phù hộ của người cũng vậy. Tôi phải chứng minh cho bằng được rằng tôi có thể, rằng tôi đang và sẽ là một con người bình thường nếu không phải là tốt hơn những thành viên khác của bất kỳ tập thể nào của bất kỳ đất nước nào.

Tôi hút thuốc. Nước bắt đầu lên. Bây giờ đã ngang mắt cá tôi. Tôi gọi:

- Anh Da Đen, nước vào chuồng giam bao nhiêu lâu thì rút hết?

- Còn tùy thủy triều mạnh hay nhẹ. Một giờ, hai giờ là cùng.

Tôi nghe thấy mấy người tù kêu: Esta llegando (Nó đến).

Nước lên từ từ, rất chậm. Người lai và người Da đen bám lên song sắt. Chân họ buông thõng ra ngoài hành lang, tay họ ôm lấy mấy cái chấn song. Có tiếng động dưới nước: đó là một con chuột cống to bằng con mèo đang bơi lõm bõm. Nó đang tìm cách leo lên chấn song. Tôi cầm lấy một chiếc giày và khi nó bơi đến gần tôi đánh một cái thật mạnh lên đầu nó. Nó vừa bơi ra hành lang vừa kêu chí chóe. Anh tù Da đen nói với tôi;

- Francés, anh nổi máu đi săn rồi đấy. Không sao giết hết được

chúng nó đâu. Leo lên chấn song đi, bám chặt vào và ngồi yên đấy.

Tôi làm theo lời anh ta, nhưng mấy cái chấn song hằn vào đùi rất đau, cứ cái tư thế này thì tôi chẳng chịu đựng được bao lâu. Tôi lấy cái áo vét bịt xô đựng phân buộc lên chấn song và cưỡi lên đấy. Nó làm thành một thứ ghế để cho tôi có thể chịu đựng được cái tư thế không lấy gì làm thoải mái kia, vì vậy giờ tôi gần như được ngồi.

Cuộc xâm lăng này của nước thủy triều, của chuột cống, của các loài rết và của nhỏ li ti được nước lùa tới là cái điều kinh tởm nhất, có sức làm mất tinh thần nhất mà một con người có thể chịu đựng. Một giờ sau, khi nước đã rút hết, trong chuồng còn lại một lớp bùn lầy lụa dày hơn một phân. Tôi đi giày vào để khỏi phải lội trong lớp bùn này. Anh Da đen ném cho tôi một mảnh ván dài mười phân, bảo tôi dùng để gạt bùn ra ngoài hành lang, bắt đầu từ chỗ đặt tấm ván dùng làm giường ngủ, rồi từ cuối chuồng cho đến chỗ ra vào. Công việc choán hết cả nửa giờ và buộc tôi phải nghĩ đến mỗi một việc ấy thôi. Như thế cũng đã có được một chút gì ích lợi. Từ bây giờ đến đợt thủy triều sau, Tôi sẽ không bị ngập nước: như thế có nghĩa là trong mười một tiếng đồng hồ, vì sau cùng là giờ nước tràn vào. Phải tính đủ sáu giờ nước biển rút xuống và năm giờ nước biển dâng lên. Tôi tự nhủ một cách hơi lố bịch: Bươm bướm, số mày là phải chịu ảnh

hưởng của thủy triều. Dù mày muốn hay không, mặt trăng cũng có một tầm quan trọng lớn lao đối với mày và đời mày. Chính nhờ thủy triều lên xuống mà mày đã ra khỏi sông Maroni một cách dễ dàng khi trốn khỏi trại khổ sai. Khi mày ra đi từ Trinidad và từ Curacao, mày cũng đã phải tính đến ngày giờ thủy triều lên xuống. Sở dĩ mày bị bắt ở Rio Hacha chính là vì thủy triều xuống không đủ mạnh để mày rời bờ biển thật nhanh và cho đến bây giờ mày lại thường xuyên phải chịu đựng nước thủy triều.
Trong số những người sẽ đọc mấy trang này, nếu một ngày nào nó sẽ được xuất bản, có lẽ cũng sẽ có những người thương hại tôi ít nhiều khi biết những nỗi cơ cực mà tôi phải chịu đựng trong chuồng giam của người xứ Colombia. Đó là những người tốt. Còn những người khác, họ hàng thân thuộc của mười hai miếng pho-mát đã xử tội tôi, hoặc là có bà con với viên biện lý thì sẽ nói: "Đáng đời cho nó, ai bảo nó vượt ngục? Nếu nó chịu ở yên trong trại khổ sai thì đâu đến nỗi!" Thế thì tôi xin nói với các người một điều, nói với những người tốt cũng như những miếng pho-mát kia.
Tôi không tuyệt vọng, không tuyệt vọng một chút nào, và tôi còn nói hơn thế nữa: tôi thà bị nhất trong những chuồng giam của cái pháo đài cũ do bọn giáo hình Tây Ban Nha xây lên ở Colombia còn hơn bị giam ở Quần đảo Salut là nơi mà lẽ ra tôi phải có mặt vào giờ này. ở đây tôi còn phải làm rất nhiều mới hòng có cơ

vượt ngục, và dù nằm trong cái hầm thối tha này, tôi cũng tự hào là đã cách xa trại tù đến hai ngàn năm trăm cây số. Chúng nó sẽ phải thi hành rất nhiều biện pháp đề phòng mới có thể bắt tôi đi ngược chiều đoạn đường hai ngàn năm trăm cây số ấy. Tôi chỉ tiếc có một điều: bộ lạc Guajiros của tôi, Lali và Zoraima, và cuộc sống tự do trong thiên nhiên, không có những tiện nghi của người văn minh, nhưng cũng không có cảnh sát, không có nhà tù và càng không có những chuồng nhốt người như thế này. Tôi nghĩ rằng những người bạn hoang dã của tôi, họ không bao giờ lại có thể nảy ra cái ý bắt một kẻ thù của họ phải chịu một cực hình như thế này, và lại càng không bao giờ nảy ra cái ý dùng một cực hình như thế với tôi, một người không hề làm phương hại gì đến người dân Colombia.

Tôi nằm xuống tấm ván và hút hai ba điếu thuốc lá ở tận trong cùng xà-lim để những người khác đừng nhìn thấy. Khi trả tấm ván nhỏ lại cho người da đen, tôi đã ném cho anh ta một điếu thuốc lá châm sẵn, và anh ta cũng làm như tôi vì hổ ngươi với các bạn tù.

Những chi tiết này tưởng chừng như không có gì đáng kể, nhưng đối với tôi nó rất có giá trị. Nó chứng tỏ rằng chúng tôi còn giữ lại được chút lịch sự và hổ ngươi tế nhị.

ở đây không phải như ở nhà lao Conciergerie, tôi có thể mơ mộng và thả hồn đi lang thang trong không gian mà không cần

phải bịt mắt bằng một chiếc khăn mùi soa cho đỡ chói.
Ai đã báo cho cảnh sát biết là tôi đang ở trong tu viện? Ôi, nếu một ngày kia tôi biết được, thì tội này sẽ phải đền. Rồi tôi lại tự nhủ: thôi đừng nói nhảm nữa Bươm bướm! ở Pháp mày còn bao nhiêu việc phải làm để trả thù, còn cái xứ sở heo hút này thì thôi đi mày đến đây không phải để làm điều ác! Người ấy nhất định sẽ bị chính cuộc sống trừng phạt, và nếu một ngày kia mày phải trở lại đây, thì đó không phải để trả thù, mà để đem lại hạnh phúc cho Lali và Zoraima, cho cả mấy đứa con của mày nữa. Nếu mày sẽ trở về xứ này, thì đó sẽ là vì họ và vì tất cả những người Guajiros đã ban cho mày cái vinh dự được chấp nhận trong bộ lạc của họ như một người đồng chủng. Tôi hãy còn ở trên con đường của sự thối nát, nhưng tuy bị nhốt trong một cái chuồng thấp hơn mực nước, dù người ta có muốn hay không thì vẫn đang vượt ngục, vẫn đang bước trên con đường đi tới tự do. Điều đó không thể nào phủ nhận được".
Tôi đã nhận được một ít giấy, một cây bút chì, hai bao thuốc lá. Tôi ở đây đã được ba ngày. Nói là ba đêm mới đúng. Vì ở đây bao giờ cũng tối. Trong khi tôi châm một điếu Piel Roja, tôi phải lấy làm khâm phục lòng tận tụy của các tù nhân đối với nhau. Anh tù người Colombia chuyển cho tôi gói đồ kia là làm một việc rất liều. Nếu bị chúng bắt được, chắc chắn anh ta sẽ phải nếm mùi chuồng giam dưới đất. Không phải anh ta không biết

điều đó, cho nên nhận lời giúp tôi trong cuộc đầy ải này không phải chỉ là can đảm mà còn là làm một nghĩa cử cao thượng phi thường. Vẫn dùng cách đốt cuộn giây, tôi đọc:

"Papiìlon ơi, chúng mình biết cậu chịu đựng được. Cừ lắm! Cho chúng mình biết tin nhé. Chúng mình vẫn thế. Một nữ tu sĩ biết nói tiếng Pháp có đến thăm cậu người ta không cho cô ấy nói chuyện với chúng mình, nhưng một người tù Colombia cho chúng mình biết rằng anh ta đã kịp nói cho nữ tu sĩ biết là anh tù người Pháp đang bị nhốt vào chuồng tử thần. Cô ấy nói: Tôi sẽ trở lại. Chỉ có thể thôi. Các bạn cậu hôn cậu.

Trả lời không phải là việc dễ, nhưng tôi vẫn tìm cách viết được mấy chữ: "Cám ơn các cậu về mọi thứ: ở đây ổn cả, tôi chịu đựng được. Các cậu hãy viết đơn gửi ông lãnh sự Pháp, may ra thì được. Lúc nào cũng cử một cậu thôi, để khi có chuyện gì thì chỉ một cậu bị phạt. Đừng chạm tay vào hai mũi tên. Vượt ngục muôn năm!"

Vượt ngục ở Santa Marta

Mãi hai mươi tám ngày sau, nhờ sự can thiệp của một ông lãnh sự Bỉ ở Santa Marta tên là Klausen, tôi mới được ra khỏi cái hầm khủng khiếp kia. Người tù Da đen, tên là Palacios, đã được ra ba tuần sau khi tôi đến: anh ta đã có cái sáng kiến nhờ bà mẹ (khi bà ấy đến thăm) báo với lãnh sự Bỉ rằng có một người Bỉ bị giam trong hầm. Anh nảy ra cái ý đó vì có một ngày chủ nhật anh trông thấy một tù nhân người Bỉ được ông lãnh sự đến thăm. Vậy là một hôm họ dẫn tôi lên phòng giấy viên chỉ huy. Hắn nói với tôi:

- Anh là người Pháp, tại sao anh lại khiếu nại với lãnh sự Bỉ?

Trong phòng giấy có một ông mặc đồ trắng trạc năm mươi tuổi, mái tóc vàng nhạt gần như trắng ở phía trên một gương mặt tròn trĩnh, hồng hào và tươi tắn, đang ngồi trong chiếc ghế bành, một cái cặp da đặt trên đùi. Tôi hiểu ngay tình thế:

- Chính ông nói tôi là người Pháp chứ không phải tôi. Tôi công nhận là tôi đã vượt ngục từ một nhà tù Pháp, nhưng tôi là người

Bỉ.

- à! ông thấy chưa - ông lãnh sự có bộ mặt cha xứ nói.

- Sao anh không nói từ trước?

- Tôi thiết tưởng điều đó không có gì quan trọng đối với các ông, vì thực tình tôi không hề có một hành dộng nào đáng coi là phạm pháp thực sự trên đất của các ông ngoài việc tôi bỏ trốn, một hành động bình thường đối với tất cả mọi tù nhân.

- Bueno, tôi sẽ để anh ở chung với các bạn anh. Nhưng thưa Senor Lãnh sự, tôi xin nói trước rằng hễ có âm mưu vượt ngục là tôi nhốt lại chỗ cũ. Các người đưa anh này ra chỗ cắt tóc rồi đưa vào phòng giam bọn đồng lõa.

- Cám ơn ngài lãnh sự - tôi nói bằng tiếng Pháp, cám ơn ngài rất nhiều đã chịu phiền đến đây vì tôi.

- Trời ơi! Anh đã phải khổ sở biết chừng nào trong những cái chuồng giam khủng khiếp ấy? Thôi anh đi ngay đi. Không thì nhỡ ra hắn lại đổi ý, cái thằng súc sinh ấy. Tôi sẽ trở lại thăm anh. Tạm biệt.

Người cắt tóc không có mặt ở đấy cho nên họ đưa tôi về phòng các bạn. Chắc trông mặt mũi tôi kỳ quặc lắm, vì họ cứ nói không ngớt:

- Có còn là cậu đâu nữa? Vô lý quá! Cái lũ khốn kiếp ấy đã làm gì cậu, đến nỗi cậu bây giờ như thế này? Cậu nói đi, nói với chúng mình một cái gì đi. Cậu có mù không? Mắt cậu làm sao

thế? Sao lại mở ra nhắm vào lia lịa thế?

- Đó là vì tôi chưa quen được với thứ ánh sáng này. ở đây sáng quá, mắt tôi quen chỗ tối cho nên bị chói đấy thôi.

Tôi ngồi xuống và nhìn vào phía cuối phòng:

- Nhìn vào đây đỡ hơn.

Cậu sặc mùi đồ thối, không thể tưởng tượng được! Mình mẩy cậu cũng toàn mùi thối! Tôi đã cởi hết áo quần ra, và các bạn xếp nó vào cạnh cửa. Hai tay tôi, lưng tôi, hai ống chân tôi chi chít những vết đốt đo đỏ như vết rệp đốt ở nhà, và những vết cắn của đàn của tí hon nổi trên mặt nước thủy triều. Tôi trông rất gớm ghiếc, và không cần gương soi, tôi cũng biết như vậy. Năm người tù khổ sai đã chứng kiến biết bao điều khủng khiếp mà lúc này cũng phải nghẹn ngào không nói được. Clousiot gọi một tên cảnh sát đến, nói rằng nếu không có người cắt tóc thì ngoài sân cũng có nước để tắm rửa chứ. Tên kia nói là phải đợi giờ đi dạo. Tôi trần truồng bước ra sân. Clousiot cầm theo mấy thứ đồ sạch cho tôi thay. Được Maturette giúp một tay, tôi tắm đi tắm lại mấy lần bằng thứ xà bông đen nội địa. Tôi càng kỳ càng ra nhiều ghét. Cuối cùng sau nhiều lần sát xà-bông và dội nước, tôi cảm thấy mình đã sạch. Tôi phơi nắng trong năm phút thì khô, và mặc áo quần vào. Người cắt tóc đã đến. Anh ta định dùng tông-đơ cắt ngắn tóc tôi. Tôi nói:

- Không. Cắt bình thường thôi và cạo râu cho tôi.Tôi sẽ trả tiền.

- Bao nhiêu?

- Một peso.

- Cắt cho cẩn thận vào, - Clousiot, nói, - tôi sẽ cho anh hai pesos.

Khi đã tắm rửa sạch sẽ, tóc tai cắt gọn, râu ria cạo nhẵn, áo quần thơm tho, tôi cảm thấy như người chết đi sống lại. Các bạn tôi cứ hỏi tôi tới tấp:

- Thế nước lên đến đâu? Thế còn chuột cống? Lại còn đàn rết? Bùn thì sao? Lại còn lũ cứt nữa? Với lại cứt ở trong mấy cái xô nổi lên và các xác chết thì sao?

Đó là những người chết tự nhiên hay là những người treo cổ tự sát? Hay là những người bị bọn cảnh sát "tự tử cho chết"?

Những câu hỏi cứ kế tiếp nhau bất tận, và vì nói nhiều, tôi đâm khát nước. Ngoài sân nhà tù có một người bán cà-phê. Trong ba tiếng đồng hồ chúng tôi được đứng ngoài sân, tôi đã uống đến một chục chén cà- phê đặc pha "papelón" (đường vàng chưa lọc). Thứ cà- phê ấy tôi thấy là món uống ngon nhất trần gian.

Anh Da đen trước giam ở chuồng đối diện có đến chào tôi. Anh khẽ kể cho tôi câu chuyện mẹ anh khiếu nại với ông lãnh sự Bỉ. Tôi siết chặt tay anh. Anh ta rất hãnh diện vì đã nghĩ ra cách giúp tôi. Anh tạm biệt tôi trong một tâm trạng hết sức vui sướng, nói rằng mai gặp lại sẽ nói chuyện thêm, còn hôm nay thế là đủ.

Tôi có cảm giác phòng giam các bạn tôi là một cung điện. Clousiot có một cái võng thuộc quyền sở hữu của anh, vì anh ta

đã bỏ tiền ra mua được. Anh ta bắt tôi phải nằm cái võng ấy. Tôi nằm ngang lên võng. Anh ta rất lấy làm lạ, nhưng tôi giải thích cho anh ta hiểu rằng chỉ có những kẻ không biết nằm võng mới nằm dọc mà thôi

Ăn, uống, ngủ, đánh cờ, đánh bài bằng những con bài Tây Ban Nha, nói tiếng Tây Ban Nha với nhau và với bọn cảnh sát cũng như với các tù nhân Colombia để tập nói cho thạo: tất cả những hoạt động ấy giúp cho chúng tôi qua được ngày và cả một phần đêm nữa.

Đi nằm từ chín giờ tối là rất khổ. Lúc bấy giờ những chi tiết về cuộc vượt ngục từ bệnh viện Saint-Laurent cho đến Santa Marta thi nhau hiện ra từng mớ, nó diễu qua mắt tôi và đòi một sự tiếp tục. Cuốn phim không thể dừng lại ở đấy, nó phải được chiếu tiếp, nó sẽ còn tiếp anh bạn ạ. Hãy để cho tôi lại sức, rồi anh có thể biết chắc là sẽ còn nhiều diễn biến mới nữa, anh cứ tin tôi!

Tôi đã tìm lại được hai mũi tên nhỏ và hai cái lá coca, một đã khô hẳn, một hãy còn hơi xanh. Tôi nhai cái lá xanh. Cả bọn nhìn tôi sửng sốt. Tôi giảng giải cho các bạn biết rằng đó là thứ lá mà người ta dùng để làm thuốc phiện trắng (cocaine).

- Cậu đùa đấy chứ?

- Thử nếm mà xem.

- ừ, mà thật, nó làm cho lưỡi và môi mất cảm giác.

- ở đây có bán à?

- Không biết. Clousiot này, cậu làm thế nào mà thỉnh thoảng lại thấy có tiền thế.

Mình đã đổi tiền ở Rio Hacha, và từ đấy bao giờ mình cũng có tiền để tiêu trước mặt mọi người. Còn tôi, - tôi nói, - tôi có ba mươi sáu đồng tiền vàng ăn một trăm pesos, hiện viên chỉ huy đang giữ, giá trị hiện nay của mỗi đồng là ba trăm pesos. Đến một ngày nào đấy tôi sẽ nêu vấn đề này lên. Bọn chúng nó toàn là bọn chết đói, cậu nên mặc cả với hắn thì hơn.

- Cũng là một ý hay.

Hôm chủ nhật tôi có nói chuyện với ông lãnh sự Bỉ và người tù Bỉ. Người tù này mang tội thất tín đối với một công ty trồng chuối Mỹ. Ông lãnh sự đã chấp nhận yêu cầu của tôi nhờ ông che chở cho cả bọn chúng tôi ông ta đã hợp thức hóa một tờ khai trong đó tôi ghi là ra đời ở Bruxelles trong một gia đình người Bỉ.

Tôi có kể cho ông ta nghe chuyện mấy bà xơ và cái túi ngọc trai. Nhưng ông ta là người theo đạo tin lành, không hề quen các bà xơ và các ông linh mục. Ông chỉ hơi quen đức giám mục một chút mà thôi. Về món tiền vàng thì ông khuyên tôi đừng đòi. Việc đó quá nguy hiểm. Khi được chuyển đến Branquilla, phải cho ông biết trước hai mươi bốn tiếng đồng hồ, và lúc bấy giờ "ông có thể đòi số tiền đó trước mặt tôi, - ông lãnh sự nói như vậy, - vì nếu tôi không hiểu lầm thì có những nhân chứng biết

việc này".

- Vâng.

Nhưng bây giờ ông đừng đòi gì hết, viên chỉ huy rất có thể lại nhốt ông vào mấy cái chuồng khủng khiếp ấy và có lẽ thậm chí còn có thể sai chúng nó giết ông.

- Mấy chục đồng tiền vàng ấy quả là một gia sản. Giá trị hiện nay của mỗi đồng không phải là ba trăm pesos như ông tưởng đâu, mà là năm trăm năm mươi pesos. Vậy thì đó là một món tiền lớn. Không nên cám dô quỷ. Còn về mấy hạt ngọc trai thì đó là chuyện khác. Ông cứ để cho tôi có thì giờ suy nghĩ.

Tôi hỏi anh tù Da đen xem thử anh có muốn vượt ngục với tôi không, và theo anh nên hành động như thế nào. Da mặt anh ta xám hắn đi khi nghe nói chuyện vượt ngục.

- Tôi van anh, anh bạn ạ. Anh đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa. Nếu bại lộ, anh sẽ phải nhận lấy một cái chết dần dà khủng khiếp nhất. Anh đã được nếm qua rồi đấy. Anh phải đợi đến Baranquilla đã. Còn ở đây thì làm như thế chẳng khác nào tự sát. Anh muốn chết lắm à? Nếu không, anh hãy ngồi yên. Trong cả xứ Colombia này không có một nơi nào có thứ chuồng giam như anh đã từng biết đâu. Vậy thì việc gì phải lĩnh ở đây?

- Phải nhưng ở đây tường không cao, chắc tương đối dễ.

- Hombre, facil o no, anh đừng trông mong gì vào tôi Tôi không đi mà cũng không giúp anh đâu. Thậm chí tôi không thể nghe

anh nói chuyện này nữa đâu.

Cuối cùng anh ta bỏ đi, vẻ hết sức sợ hãi, sau khi nói: "Francés, anh không phải là một người bình thường, anh phải là người điên loạn mới có thể nghĩ đến những chuyện như thế ở đây, ở Santa Marta".

Sáng nào và trưa nào tôi cũng nhìn các tù nhân Colombia bị giam ở đây vì những tội nặng. Họ đều có những bộ mặt sát nhân, nhưng có thể cảm thấy họ đã chịu khuất phục. Nỗi kinh hoàng bị giam xuống những cái chuồng kia đã làm cho họ hoàn toàn tê liệt về mọi phương diện. Cách đây bốn năm hôm chúng tôi đã thấy người ta đưa từ dưới hầm lên một người cao lớn hơn tôi đến một cái đầu, được gọi là "El Caiman" (Cá sấu). Anh ta nổi tiếng là một người hết sức nguy hiểm. Tôi nói chuyện với anh ta, rồi sau ba bốn lần cùng đi dạo, tôi nói:

- Caimán, quieres fugarte con mi go? (Anh có muốn vượt ngục với tôi không?)

Anh ta nhìn tôi như thể nhìn quỷ Sa tan, và nói:

- Để lại bị giam xuống đấy nếu thất bại? Không đâu, xin cảm ơn. Tôi thà giết mẹ tôi còn hơn trở về đấy

Đó là thí nghiệm cuối cùng của tôi. Không bao giờ tôi nói với ai về việc vượt ngục nữa.

Chiều hôm ấy tôi thấy viên chỉ huy nhà tù đi qua.

Hắn dừng lại nhìn tôi rồi nói:

- Thế nào, ổn chứ?

- ổn, nhưng sẽ còn ổn hơn nếu tôi có mấy đồng tiền vàng của tôi.

- Tại sao?

- Tại vì tôi sẽ có tiền thuê trạng sư.

- Vào đây

Hắn đưa tôi vào phòng giấy. ở đây chỉ có hắn và tôi. Hắn đưa cho tôi một điếu xì gà - tình hình khá đây - châm lửa cho tôi - mỗi lúc một khá hơn.

- Anh có biết tiếng Tây Ban Nha đủ để hiểu và trả lời cho rõ nếu chúng ta nói với nhau rất chậm không?

- Có

- Tốt. Anh vừa nói là anh muốn bán hai mươi sáu đồng tiền vàng của anh.

- Không, ba mươi sáu đồng tiền vàng của tôi.

- à phải, phải? Và dùng để thuê trạng sư phải không? Nhưng chỉ có anh và tôi biết là anh có mấy đồng ấy.

- Không, còn có viên trung sĩ và năm người đi bắt tôi, ngoài ra còn có viên phó chi huy đã nhận món tiền ấy trước khi trao lại cho ông. Rồi lại có ông lãnh sự nước tôi nữa.

- à! à! Bueno. Đã nhiều người biết như thế thì càng tốt, vì như thế ta sẽ hành động một cách quang minh chính đại. Anh có biết không, tôi đã giúp anh một việc rất lớn. Tôi đã ỉm đi, không chuyển phiếu điều tra cho các lực lượng cảnh sát của các nước

anh đã đi qua để biết rõ họ có hồ sơ gì về một vụ trộm tiền vàng hay không.

- Lẽ ra ông phải làm việc đó mới đúng.

- Không, không làm thì có lợi cho anh hơn.

- Xin cám ơn ông chỉ huy.

- Anh muốn tôi đem bán hộ anh à?

- Giá bao nhiêu?

- Thì cái giá mà anh nói là người ta đã trả cho anh lần anh bán ba đồng ấy: ba trăm pesos. Anh sẽ cho tôi ăn hoa hồng mỗi đồng một trăm pesos để đền đáp cái công của tôi đã giúp anh. Anh thấy thế nào?

- Không. Anh trả cho tôi từng mười đồng một và tôi sẽ cho anh không phải là một trăm mà là hai trăm pesos mỗi đồng. Việc mà anh đã làm cho tôi đáng được trả công như thế.

- Francés, anh quá tinh ma. Tôi thì chỉ là một anh sĩ quan Colombia hèn mọn, quá tin người và hơi ngốc nghếch, còn anh là người thông minh, và như tôi đã nói, quá tinh ma.

- Vậy anh có đề nghị gì phải chăng hơn không?

- Ngày mai tôi sẽ gọi người mua đến đây, trong phòng giấy này. Hắn sẽ xem mấy đồng tiền vàng, sẽ trả giá, sau đó được bao nhiêu ta chia đều. Một là thế hai là không có gì hết. Tôi gửi anh đi Baranquilla, kèm theo món tiền, hoặc tôi giữ nó lại để điều tra.

- Không, đây là đề nghị cuối cùng của tôi: người ấy sẽ đến đây

xem, rồi toàn bộ số dư trên ba trăm năm mươi pesos mỗi đồng tiền vàng sẽ là của anh.

- Esta biên (Được rồi), tu tienes mi palabra (anh có thể tin ở lời hứa của tôi). Nhưng một số tiền lớn như thế, anh cất vào đâu? Khi nhận tiền, anh sẽ mời ông lãnh sự Bỉ đến. Tôi sẽ đưa tiền cho ông ta để thuê trạng sư.

- Không, tôi không muốn có nhân chứng.

- Anh không có gì phải lo, tôi sẽ ký giấy xác nhận rằng anh đã trả cho tôi đủ ba mươi sáu đồng tiền vàng. Anh cứ nhận đi, và nếu anh xử sự đứng đắn với tôi, tôi sẽ bàn với anh một việc khác.

- Việc gì?

- Anh cứ tin tôi. Việc này cũng hời như việc kia, và trong việc thứ hai ta sẽ chia đều

- Cual es? (Cái gì đấy?) Anh nói đi.

- Mai anh làm nhanh đi, rồi đến năm giờ chiều, khi tiền của tôi đã được an toàn trong tay ông lãnh sự của tôi, tôi sẽ nói cho anh biết việc kia.

Cuộc thương lượng đã diễn ra khá lâu. Khi tôi hài lòng trở ra sân, các bạn tôi đã về phòng giam.

- Thế nào, ông việc ra sao?

Tôi kể cho họ nghe hết cuộc nói chuyện vừa qua các bạn lăn ra cười, tuy tình cảnh họ chẳng có gì đáng lấy làm vui.

- Cái thằng cha ấy cáo thật! Nhưng cậu đã át giọng hắn. Cậu có

tin là hắn sẽ thực hiện đúng như thế không? Tôi cuộc một trăm pesos lấy hai trăm là hắn chịu rồi. Có ai đám cuộc với tôi không?
- Không, tôi cũng nghĩ là hắn sẽ chịu.
Suốt đêm hôm ấy tôi suy nghĩ. Vụ thứ nhất thì thế là xong. Vụ thứ hai cũng sẽ xong thôi, vì hắn sẽ mừng rơn lên khi được đi lấy túi ngọc trai. Còn lại vụ thứ ba. Vụ thứ ba... là tôi định đút cho hắn tất cả số tiền tôi thu lại được để hắn làm ngơ cho tôi lấy trộm một chiếc thuyền trong cảng. Chiếc thuyền này tôi có thể mua bằng số tiền tôi còn giữ lại trong plan: Để xem hắn có cưỡng nổi sự cám dỗ hay không. Tôi mất gì mà sợ? Sau hai vụ thứ nhất hắn không còn dám trừng phạt tôi nữa. Sau sẽ biết. Đừng bán da gấu, v.v... Việc gì phải đợi khi đến Baranquilla? Thành phố lớn hơn thì nhà tù cũng vừng chắc hơn, được giám sát kỹ hơn và tường cao hơn. Tôi phải quay về sống với Lali và Zoraiam: tôi sẽ vượt ngục thật nhanh, về đấy đợi mấy năm, rồi sẽ đi vào vùng núi với cái bộ lạc nuôi bò, và sẽ bắt mối liên hệ với người Venezuela. Bằng bất cứ giá nào tôi cũng phải thành công trong chuyến vượt ngục này. Suốt đêm tôi nằm suy nghĩ đường đi nước bước để thực hiện vụ thứ ba.
Hôm sau, công việc được tiến hành khá chóng vánh. Vào lúc chín giờ sáng họ đến gọi tôi ra gặp ông khách đang đợi tôi ở phòng giấy viên chỉ huy. Khi tôi đến, tên cảnh sát đã đi gọi tôi đứng ngoài, để một mình tôi vào. Trước mặt tôi là một người đàn

ông trạc sáu mươi tuổi mặc đồ màu xám nhạt, thắt ca-vát xám. Trên bàn đặt một chiếc mũ dạ màu xám rộng vành kiểu như mũ cao bồi. Một viên ngọc trai lớn màu xám lẫn màu xanh bạc nổi bật lên trong một thứ khung cài trên ca-vát. Người đàn ông gầy gò và khô đét này không phải không có một vẻ trang nhã nhất định.

- Chào ông.

- Ông có nói được tiếng Pháp không?

- Thưa ông có, tôi vốn là người Liban. Được biết ông có những đồng tiền vàng một trăm pesos, tôi rất quan tâm. Với giá năm trăm pesos mỗi đồng, ông có nhượng lại được không?

Không, sáu trăm năm mươi pesos.

- Như vậy là ông không biết giá rồi? Giá tối đa bây giờ là năm trăm năm mươi pesos.

- Ông ạ, vì ông lấy hết nên tôi xin nhượng lại với giá sáu trăm.

- Không, năm trăm năm mươi.

Cuối cùng hai bên ngã giá là năm trăm tám mươi pesos. Thế là việc mua bán đã xong xuôi.

- Qué han dicho? (Anh vừa nói gì thế?)

- Chúng tôi đã ngã giá năm trăm tám mươi. Chiều nay sẽ giao hàng.

Ông khách ra về. Viên chỉ huy đứng dậy nói với tôi:

- Rất tốt, thế thì tôi được bao nhiêu?

- Hai trăm năm mươi pesos mỗi đồng. Ông thấy không, tôi cho ông một số tiền gấp hai lần rưỡi cái số mà ông yêu cầu, tức một trăm pesos mỗi đồng.

Hắn mỉm cười rồi nói: "Thế còn việc kia?"

- Trước hết ông lãnh sự chiều nay phải có mặt để tôi trao tiền. Sau khi ông ấy ra về tôi sẽ nói cho anh biết việc thứ hai.

- Thế thì có một việc nữa thật à?

- Anh có thể tin tôi.

- Biên, ojalá (thật đấy nhé).

Đến hai giờ, ông lãnh sự và người đàn ông Liban đã có mặt. Người này đưa cho tôi hai mươi ngàn tám pesos. Tôi trao mười hai ngàn sáu trăm cho ông lãnh sự và năm ngàn hai trăm tám mươi cho viên chỉ huy. Tôi ký cho viên chỉ huy một tờ biên lai nói là đã nhận đủ ba mươi sáu đồng tiền vàng một trăm pesos. Khi chỉ còn lại viên chỉ huy trong phòng giấy, tôi kể cho hắn nghe câu chuyện giữa tôi và bà Mẹ Bề trên.

- Bao nhiêu hạt ngọc?

- Năm sáu trăm gì đấy.

- Cái bà Mẹ Bề trên ấy là một mụ ăn cắp. Lẽ ra mụ ta phải đem trả cho anh lúc anh bị bắt, hay là gửi đến đây cho anh, nếu không thì nộp cho cảnh sát. Tôi sẽ tố giác mụ ta.

- Không, anh sẽ đến gặp bà ta và trao cho bà ta một bức thư, anh sẽ yêu cầu bà ta mời cô nữ tu sĩ người ái Nhĩ Lan đến.

- Tôi hiểu: cô này sẽ đọc bức thư viết bằng tiếng Pháp của anh và dịch ra cho mụ ấy nghe. Được, tôi đi đây.
- Hãy đợi tôi viết bức thư đã.
- à, ừ nhỉ? José, chuẩn bị xe và hai cảnh sát viên - Hắn gọi qua cánh cửa hé mở.
Tôi ngồi vào bàn giấy viên chỉ huy, và trên một tờ giấy có ăng-tét của nhà tù, tôi viết bức thư sau đây:
"Kính gởi bà Bề trên của tu viện", nhờ vị nữ tu sĩ ái Nhĩ Lan tốt bụng và đầy tình nhân ái chuyển giúp.
Khi chúa đã dẫn dắt tôi đến nhà bà, nơi tôi tưởng sẽ nhận được sự giúp đỡ mà theo luật Cơ đốc giáo bất cứ ai đang bị truy nã lùng bắt đều có quyền được hưởng, tôi đã trao gửi bà một túi ngọc trai thuộc quyền sở hữu cửa tôi để bà có cơ sở để tin rằng tôi sẽ không lén lút ra đi khỏi ngôi nhà mà Chúa đã giao cho bà cai quản. Một kẻ ti tiện nào đó đã nghĩ rằng bổn phận của hắn và tố giác tôi với cảnh sát, và họ đã nhanh chóng đến bắt tôi ngay dưới mái nhà bà. Tôi hy vọng rằng cái linh hồn đê tiện đã có hành động này không phải là linh hồn của một trong những người con gái của Chúa đang tu tại viện của bà. Tôi không thể nói với bà rằng tôi tha thứ cho cái linh hồn thối nát ấy, vì nói như vậy không đúng sự thật. Ngược lại, tôi sẽ thiết tha xin Chúa hoặc một trong các vị thánh của Chúa trừng phạt không thương tiếc kẻ đã phạm một tội lỗi quái đản như vậy. Thưa bà Bề trên, tôi xin

bà trao lại cho ông chỉ huy Cesario cái túi ngọc trai mà tôi đã gửi bà giữ hộ. Ông ấy sẽ đưa lại cho tôi một cách trung thực, tôi tin chắc như vậy. Bức thư này có giá trị như một tờ biên lai. Kính xin bà nhận ở đây, v.v...”

Vì tu viện cách Santa Marta có tám cây số, nên chỉ một tiếng rưỡi sau là xe đã trở về. Viên chỉ huy nhà tù cho gọi tôi.

- Xong. Anh đếm thử xem có thiếu không.

Tôi đếm. Không phải để biết là thiếu viên nào không vì tôi không hề biết trong túi có bao nhiêu viên, mà để biết hiện nay có bao nhiêu viên trong tay gã ma-cô này: có cả thảy năm trăm bảy mươi hai viên.

- Đúng cái túi này chứ?

- Đúng.

- No falta? (không thiếu chứ?)

- Không. Bây giờ anh kể đi.

- Khi tôi đến tu viện, bà Mẹ Bề trên đang ở trong sân. Hai viên cảnh sát cùng đi đã đứng nghiêm hai bên, tôi nói: “Thưa bà, vì một việc rất hệ trọng mà chắc bà có thể đoán được, tôi cần nói chuyện với vị nữ tu sĩ người ái Nhĩ Lan trước mặt bà”.

- Rồi sao nữa?

- Cô nữ tu sĩ run run trong khi đọc bức thư cho bà Bề trên nghe. Bà này không nói gì cả. Chỉ cúi đầu xuống, rồi lên mở ngăn kéo bàn giấy ra lấy túi ngọc và nói với tôi: “Đây, cái túi ngọc trai vẫn

y nguyên. Xin chúa tha thứ cho kẻ đã phạm.một tội ác như vậy đối với người ấy. Xin ông nói lại với người ấy rằng chúng tôi đang cầu nguyện cho anh ta". Thế đấy, Hombre - Viên chỉ huy kết thúc, mặt mày rạng rỡ. Bao giờ thì có thể bán chỗ ngọc này?

- Mãnana (mai).

- Tôi sẽ không hỏi anh những viên ngọc này ở đâu ra, tôi biết anh là một matador nguy hiểm, nhưng bây giờ tôi cũng biết anh là một người trung thực và có danh dự. Anh hãy cầm lấy súc giăm-bông, chai rượu này và mấy ổ bánh mì Pháp này nữa, để cùng với các bạn ăn mừng cái ngày đáng ghi nhớ này.

- Chào anh.

Thế là tôi đem về trại giam một chai rượu Chianti hai lít, một súc giăm-bông hun khói gần ba ký lô và bốn ổ bánh mì dài của Pháp. Quả là một bữa tiệc ngày hội. Giăm-bông, bánh mì và rượu vơi đi rất nhanh. Ai nấy đều ăn uống hết sức ngon lành.

- Cậu có tin là một ông trạng sư sẽ có thể làm được cho chúng mình một cái gì không?

Tôi bật cười. Tội nghiệp, đến như họ mà cũng tin vào cái chuyện trạng sư này!

- Tôi không biết. Cần phải nghiên cứu và hỏi ý kiến trước khi trả tiền.

- Tất hơn cả là chỉ trả tiền trong trường hợp có kết quả. - Clousiot nói.

- Đúng đấy, phải tìm một ông luật sư nào chấp nhận điều kiện ấy.

Tôi không nói chuyện này nữa. Tôi hơi xấu hổ. Hôm sau, cái ông người Liban lại đến: "Việc này phức tạp lắm, - ông ta nói. - Trước hết phải phân loại ngọc theo kích thước, rồi theo màu sắc, rồi theo hình dáng, xem thử ngọc tròn hay có hình dáng không đều.

Nói tóm lại, không những việc này phức tạp, mà ngoài ra người Liban còn nói rằng ông ta phải tìm một người mua thông thạo hơn ông. Trong bốn ngày công việc đã xong. Ông ta trả ba mươi ngàn pesos. Vào lúc chót tôi đã lấy ra một viên ngọc màu hồng và hai viên màu đen để tặng bà vợ ông lãnh sự Bỉ. Đúng như những thương gia lành nghề, họ nhân dịp nói với tôi rằng riêng ba viên ngọc ấy đã trị giá năm ngàn pesos rồi. Nhưng tôi vẫn lấy về.

Ông lãnh sự Bỉ làm khó dễ mãi rồi mới chịu nhận ba viên ngọc. Ông sẽ giữ số tiền mươi lăm ngàn pesos. Vậy là bây giờ tôi có cả thảy hai mươi bảy ngàn pesos.

Cần phải hoàn thành tốt đẹp việc thứ ba.

Tôi cần phải làm thế nào để thực hiện việc này đây? ở Colombia một người thợ giỏi được trả công từ tám đến mười pesos mỗi ngày. Vậy hai mươi bảy ngàn pesos là một món tiền lớn. Tôi phải tranh thủ thời cơ. Viên chỉ huy đã lĩnh hai mươi ba ngàn

pesos. Thêm hai mươi bảy ngàn nữa hẳn sẽ có được năm mươi ngàn pesos.

- Ông chỉ huy này, nếu làm nghề buôn bán, cần phải có bao nhiêu vốn mới có được một mức sống cao hơn mức sống của ông?

Muốn buôn bán khá giả thì phải có một số vốn từ bốn mươi lăm đến sáu mươi ngàn pesos.

- Số vốn này đẻ được bao nhiêu lãi? Có được gấp ba lần tiền lương của ông không? Hay bốn lần?

- Nhiều hơn. Phải năm sáu lần số tiền tôi được hưởng.

- Thế tại sao ông không chuyển sáng làm nghề buôn bán?

- Vì tôi chỉ có được một nứa số vốn cần thiết.

- Ông chỉ huy ạ, tôi có một việc thứ ba muốn bàn với ông.

- Thôi anh đừng đùa.

- Không, tôi không đùa đâu. Anh có muốn lấy số hai mươi bảy ngàn pesos của tôi không? Nó sẽ là của anh khi nào anh muốn.

- Bằng cách nào?

- Anh để cho tôi đi.

- Francés này, tôi biết anh không tin tôi. Trước đây có lẽ anh có lý. Nhưng bây giờ, khi tôi đã nhờ anh mà thoát khỏi cảnh bần cùng, có thể mua một cái nhà và cho con đi học trường tư, thì anh phải biết rằng tôi là bạn của anh. Tôi không muốn ăn gian của anh mà cũng không muốn người ta giết chết anh: ở đây tôi

không thể làm gì cho anh được, dù anh có biếu tôi cả gia tài. Tôi không có cách gì giúp anh vượt ngục với ít nhiều hy vọng thành công đâu.

- Thế nếu tôi chứng minh được cho anh thấy là có cách thì sao?

- Thì ta sẽ xem, nhưng anh phải nghĩ cho kỹ đi đã

- Anh có quen ai làm nghề đánh cá không?

- Có.

- Người đó có thể đưa tôi ra biển và bán thuyền cho tôi không?

- Tôi không biết.

- Thuyền của anh ta giá chừng bao nhiêu?

- Hai ngàn pesos.

- Nếu tôi cho người ấy bảy ngàn và cho anh hai mươi ngàn, thì như thế đã được chưa?

- Francés ạ, với tôi thì mười ngàn là đủ, anh phải giữ lấy ít nhiều mà dùng chứ.

- Anh thu xếp mọi việc đi.

- Anh sẽ đi một mình à?

- Không.

- Mấy người?

- Ba người cả thảy.

- Để tôi thử nói chuyện với anh bạn đánh cá đã.

Tôi rất kinh ngạc trước sự thay đổi thái độ của gã này đối với tôi. Với cái mặt sát nhân của hắn, hắn che giấu ở đáy lòng những

tình cảm khá tốt đẹp.

Ra sân, tôi đã nói chuyện với Clousiot và Maturette họ nói với tôi rằng tôi thích thế nào thì cứ thế mà làm, họ sẵn sàng theo tôi. Tôi rất xúc động và hài lòng khi thấy họ giao phó tính mạng của họ vào tay tôi như vậy. Tôi sẽ không phụ lòng tin của họ, tôi sẽ thận trọng đến cùng cực, vì tôi đã lĩnh lấy một trách nhiệm lớn lao. Nhưng tôi phải nói cho ba bạn kia biết. Lúc bấy giờ đã gần chín giờ tối. Chúng tôi vừa đánh xong một ván domino. Đây là thì giờ cuối cùng trong ngày mà chúng tôi có được để uống cà~phê. Tôi gọi: "Cafe-tero!" Rồi chúng tôi bắt đầu ngồi uống sáu chén cà-phê nóng.

- Tôi cần nói chuyện với các bạn. Đây. Tôi nghĩ là bây giờ tôi đã có thể lên đường vượt ngục. Tiếc thay, chỉ đi được ba người thôi. Lẽ tự nhiên là tôi phải đi với Clousiot và Maturette là hai người đã cùng vượt ngục với tôi từ đầu. Nếu một trong các bạn thấy có điều gì chưa thông, bạn đó hãy nói thẳng ra, tôi sẽ lắng nghe.

- Không, - anh chàng người Bretagne nói, - làm như vậy là đúng về mọi phương diện. Trước hết vì các anh đã cùng ra khỏi trại khổ sai với nhau. Thứ đến, sở dĩ các anh lâm vào tình cảnh này chính là tại chúng tôi đã muốn đổ bộ xuống Colombia, Papillon ạ, dù sao cũng cảm ơn anh đã hỏi ý kiến chúng tôi. Nhưng anh hoàn toàn có quyền làm như thế. Chúng tôi cầu mong Chúa giúp các anh thành công, vì nếu các anh bị bắt thì chắc mười phần là

phải chết trong những điều kiện hết sức kinh khủng.

- Chúng tôi biết, - Clousiot và Maturette cùng nói một lúc.

Chiều hôm sau viên chỉ huy nói chuyện với tôi rằng bạn hắn bằng lòng. Hắn hỏi tôi xem chúng tôi cần chở theo những gì trên thuyền.

- Một thùng năm mươi lít nước ngọt, hai mươi kí-lô bột ngô và sáu lít dầu. Chỉ thế thôi.

- Carajo! - Viên chỉ huy kêu lên. - Ra biển mà chỉ đem theo ngần ấy thôi?

- Thế thôi.

- Anh thật cừ khôi, Francés ạ.

Thế là xong cả. Hắn đã quyết tâm làm vụ thứ ba.

Hắn lạnh lùng nói thêm:

- Anh có tin hay không thì tùy, nhưng tôi làm việc này cho các con tôi và sau đó là cho anh. Một người gan gốc như anh xứng đáng được giúp như vậy.

Tôi biết rằng hắn nói thật. Tôi cảm ơn hắn.

- Anh sẽ làm thế nào để người ta đừng thấy rõ quá là tôi đồng lòng để cho anh trốn?

Anh sẽ không bị liên lụy đâu. Tôi sẽ đi vào ban đêm, lúc đã sang phiên gác của viên phó chỉ huy.

- Kế hoạch của anh như thế nào?.

Ngày mai anh bắt đầu bớt một viên cảnh sát trong đội gác đêm.

Ba ngày sau anh bớt thêm một đứa nữa. Khi chỉ còn một đứa gác, anh cho dựng một cái chòi canh đối diện với cửa phòng giam. Đến đêm mưa đầu tiên, tên lính gác sẽ vào trú mưa trong chòi canh và tôi sẽ nhảy ra cái cửa sổ phía sau. Về hệ thống đèn xung quanh tường, anh phải tìm cách tự mình làm cháy cầu chì. Đó là việc duy nhất tôi yêu cầu anh phải tự làm. Anh có thể làm cháy cầu chì bằng cách ném một sợi dây đồng dài một mét, hai đầu buộc hai hòn đá, quàng lên hai sợi dây điện đi từ cột điện đến dãy đèn mắc ở phía trên bức tường. Về phần anh bạn đánh cá thì cái thuyền phải được buộc vào bờ bằng một sợi xích có khóa, nhưng anh ta phải phá hỏng cái khóa đi để tôi khỏi mất thì giờ mở bằng chìa, mấy lá buồm phải xếp thế nào cho chúng tôi có thể kéo ngay lên được, và đặt sẵn ba cái chèo lớn để rời bờ trước khi hứng được gió.

- Nhưng thuyền đã có một động cơ nhỏ, - viên chỉ huy nói.

- à! Thế thì càng tốt: anh ta phải để máy nổ ở số không như thể để sưởi máy, trong khi anh ta ghé vào quán cà phê gần nhất bể uống chén rượu. Khi thấy chúng tôi đến, anh ta phải đứng cạnh thuyền, mặc áo tráng nhựa đen.

- Thế còn tiền thì sao?

- Tôi sẽ cắt đôi xấp tiền hai mươi ngàn pesos của anh làm hai nửa. Cái món bảy ngàn pesos tôi sẽ trả trước cho anh bạn đánh cá. Tôi sẽ đưa trước cho anh một nửa xấp bạc đã cắt đôi, nửa kia

thì một trong mấy người khác ở lại sẽ đưa cho anh sau. Người đó là người nào thì tôi sẽ nói cho anh biết.

- Anh vẫn không tin tôi à? Tệ quá.

- Không, không phải là tôi không tin anh, nhưng anh có thể thất bại thế nào đấy trong khi làm cháy cầu chì và lúc bấy giờ tôi sẽ không trả tiền, vì không cháy cầu chì thì tôi không thể đi được.

- Đồng ý.

Mọi thứ đã sẵn sàng. Thông qua viên chỉ huy, tôi đã trả bảy ngàn pesos cho người đánh cá. Đã năm ngày nay chỉ có một tên cảnh sát gác đêm trong mỗi phiên. Cái chòi canh đã dựng xong. Chỉ còn đợi trời mưa đêm, nhưng vẫn chưa có đêm nào mưa cả. Chấn song đã được cưa bằng những lưỡi cưa do viên chỉ huy cấp, vết cưa đã được ngụy trang rất kín, ngoài ra lại còn được che khuất bằng một cái lồng chim trong đó có nuôi một con vẹt đã bắt đầu biết chửi "merde" (cứt) bằng tiếng Pháp. Chúng tôi đều như đang ngồi trên đống than hồng. Viên chỉ huy đã nhận được một nửa xấp giấy bạc cắt đôi. Đêm nào chúng tôi cũng đợi. Trời vẫn không mưa.

Theo kế hoạch, hễ mưa được một tiếng đồng hồ là viên chỉ huy phải làm cháy cầu chì từ bên ngoài dãy tường. Vẫn không mưa. Mùa này mà như vậy thật hết sức vô lý. Từ sớm, hễ thấy một đám mây nho nhỏ ở bên kia chấn song là lòng chúng tôi lại tràn trề hy vọng. Nhưng cuối cùng vẫn chẳng thấy mưa đâu. Có thể

phát cuồng lên được. Mọi thứ đã được chuẩn bị xong xuôi từ mười sáu ngày nay: mười sáu đêm thao thức đợi chờ, quả tim thót lên tận họng. Một sáng chủ nhật, viên chỉ huy thân hành ra sân tìm tôi và đưa tôi vào phòng giấy.

Hắn trả cho tôi xấp bạc cắt đôi và ba ngàn pesos nguyên.

- Có chuyện gì thế?

- Bạn ơi, bạn chỉ còn một đêm nay nữa mà thôi. Ngày mai đến sáu giờ sáng là cái bạn bị đưa đi Baranquilla. Tôi chỉ giao cho anh ba ngàn pesos của anh bạn đánh cá, vì phần còn lại anh ta đã tiêu hết cho các anh rồi. Nếu Chúa cho trời mưa đêm nay, anh bạn sẽ đợi anh và khi nhận thuyền anh sẽ trả số tiền này cho anh ta. Tôi tin anh, tôi biết là tôi không có gì phải lo sợ cả.

Đêm ấy trời không mưa.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Những chuyến vượt ngục ở Baranquilla

Đến sáu giờ sáng, tám người lính và hai người cảnh binh do một

trung úy chỉ huy khóa tay chúng tôi lại và đưa chúng tôi lên một chiếc xe tải nhà binh.

Chúng tôi lên đường đi Baranquilla. Xe vượt qua cái khoảng cách một trăm tám mươi cây số trong ba tiếng rưỡi đồng hồ. Đến mười giờ sáng chúng tôi đã đến cái nhà tù được gọi là "80", calle Medellin ở Baranquilla. Bấy nhiêu cố gắng để đừng đi Baranquilla mà rốt cục vẫn đến đây rồi! Đây là một thành phố lớn. Hải cảng quan trọng nhất của xứ Colombia trên Đại Tây Dương, nhưng đặt ở phía trong cửa sông Rio Magdalena. Nhà tù của nó cũng là một nhà tù lớn: bơn trăm tù nhân và gần một trăm giám thị. Nó được tổ chức như mọi nhà tù ở châu Âu. Hai bức tường có đường đi tuần tra, cao hơn tám mét.

Bộ chỉ huy của nhà tù, đứng đầu là viên giám đốc Don Gregorio, đón tiếp chúng tôi. Nhà tù có bốn khoảng sân. Hai bên này, hai bên kia. Giữa hai bên là một cái nhà thờ dài trong đó thường làm lễ mi-sa, những cũng dùng làm nơi tiếp khách. Chúng tôi được phân vào cái sân dành cho những tù nhân nguy hiểm nhất. Khi lục soát họ đã phát hiện được số tiền hai mươi ba ngàn pesos và hai mũi tên. Tôi tự thấy có bổn phận phải nói trước cho ông giám đốc biết là mấy mũi tên này có tẩm thuốc độc, và điều đó chẳng có gì làm tăng được mối thiện cảm của họ đối với chúng tôi.

- Mấy thằng Pháp ấy có cả tên độc nữa đấy?

Bị giam trong cái nhà tù Baranquilla này đối với chúng tôi là

thời đoạn nguy nhất trong cuộc phiêu lưu của chúng tôi. Thật vậy, chính đây là nơi mà chúng tôi sẽ bị giao lại cho nhà chức trách Pháp. Phải, Baranquilla đối với chúng tôi chung quy là cái nhà tù khổng lồ của nó, làm thành một điểm mốc. Nhất định phải vượt ngục bằng bất cứ giá nào, dù có phải hy sinh đến đâu cũng bất chấp. Canh bạc này tôi phải đánh xả láng.

Phòng giam của chúng tôi ở chính giữa sân. Vả chăng dấy không phải là một căn phòng mà là một cái chuồng: một cái mái bằng xi-măng đặt trên những dãy chấn song lớn, ở bốn góc có chỗ rửa mặt và đi ngoài.

Những người tù khác, có khoảng chừng một trăm, được phân vào những căn buồng khoét trong bốn bức tường của khoảng sân rộng hai mươi mét trên bốn mươi, mỗi buồng có một dãy chấn song trông ra sân. Mỗi dãy chấn song có lợp một thứ mái hiên bằng tôn để cho mưa khỏi hắt vào buồng giam. Chỉ có sáu tù nhân người Pháp chúng tôi trong cái chuồng trung tâm để hở bốn bên, đêm ngày đều phô ra trước mắt các tù nhân khác, nhưng nhất là trước mắt bọn lính gác. Suốt ngày chúng tôi có thể ra sân hay vào chuồng tùy ý từ sáu giờ sáng đến sáu giờ tối. ở ngoài sân có thể nói chuyện, đi dạo, thậm chí ăn uống cũng được.

Chúng tôi đến được hai ngày thì họ tập trung cả sáu người trong nhà thờ trước mặt ông giám đốc, mấy viên cảnh sát và bảo toán phóng viên nhiếp ảnh. Các anh là tù vượt ngục từ trại khổ sai

Pháp ở Guyane?

- Chúng tôi chưa bao giờ phủ nhận điều đó.

- Mỗi người trong các anh đã phạm những tội gì mà bị xử nghiêm khắc như vậy?

Điều đó không có gì quan trọng. Điều quan trọng là chúng tôi không hề làm điều gì phạm pháp trên đất Colombia, thế mà nước các ông không những khước từ cái quyền của chúng tôi được làm lại cuộc đời, mà còn cam tâm làm kẻ săn người, làm hiến binh cho chính phủ Pháp.

- Nước Colombia nghĩ rằng mình không được chấp nhận các anh vào lãnh thổ.

- Nhưng bản thân tôi và hai người nữa, trước đây cũng như hiện giờ, chúng tôi đều nhất quyết không ở trên đất này. Người ta đã bắt ba chúng tôi giữa biển chứ không phải trong khi đang đổ bộ lên đất này. Ngược lại lúc ấy chúng tôi đang cố hết sức đi thật xa nước các ông.

Phóng viên một tờ báo công giáo nói:

- Người Pháp hầu hết đều là người công giáo, cũng như người Colombia chúng tôi vậy.

- Có thể các người đều được rửa tội theo công giáo, nhưng cách xử sự của các người ít có gì giống với cách xử sự của người thờ Chúa.

- Thế anh trách cứ chúng tối những gì?

- Các người là những kẻ cộng tác với bọn cai ngục đang săn đuổi chúng tôi. Hơn nữa các người làm chính cái việc của bọn họ. Các người đã tước đoạt chiếc thuyền của chúng tôi với tất cả những đồ đạc thuộc quyền sở hữu của chúng tôi, mà đó lại là quà tặng của những người công giáo trên đảo Curacao được Đức Giám mục Irénée de Bruyne tôn quý đại diện. Chúng tôi không thể chấp nhận rằng các người không chịu để cho chúng tôi tìm cách tự phục hồi, và tệ hơn nữa các người không cho chúng tôi đi tiếp bằng phương tiện của chính chúng tôi để tìm đến một đất nước nào có thể thừa nhận khả năng đó. Điều này thì không ai có thể dung thứ được.
- Các anh oán trách người Colombia chúng tôi ư?
- Không phải bản thân người Colombia, mà cái hệ thống luật pháp và công an của họ.
- Anh muốn nói gì?
Tôi muốn nói rằng mọi sai lầm đều có thể sửa lại khi người ta muốn. Các người hãy để cho chúng tôi ra đi bằng đường biển đến một nước khác.
- Chúng tôi sẽ cố gắng đòi quyền đó cho các ông.
Khi chúng tôi trở ra sân Maturette nói với tôi:
- Đấy? Anh hiểu rồi chứ? Lần này thì không còn ảo tưởng gì nữa anh ạ! Chúng mình đã nằm trên chảo, và nhảy xuống chẳng dễ gì đâu.

- Các bạn ơi, tôi không biết là nếu hợp quần lại chúng ta có mạnh hơn không, nhưng tôi xin nói với các bạn rằng mỗi người từ nay có quyền muốn làm gì thì làm. Còn tôi, nhất định tôi phải vượt ngục ra khỏi cái nhà tù số "80" trứ danh này.

Hôm thứ năm họ gọi tôi ra phòng tiếp khách trong nhà thờ. Tôi trông thấy một người ăn mặc sang trọng trại bốn mươi lăm tuổi. Tôi càng nhìn càng thấy giống Louis Dega lạ lùng.

- Anh là Papillon phải không?

- Vâng.

- Tôi là Joseph, em trai của Louis Dega. Tôi có đọc báo, cho nên bây giờ tôi đến thăm anh.

- Cám ơn.

- Anh có gặp anh tôi ở bên ấy không? Anh có quen anh ấy không?

Tôi kể lại cho Joseph nghe câu chuyện của Dega cho đến ngày hai chúng tôi chia tay ở bệnh viện. Anh ta cho tôi biết rằng Louis bây giờ đang ở Quần đảo Salut: anh ta biết tin này nhờ một bức thư gửi từ Marseille. Khách đến thăm tù ở nhà thờ của trại giam là vào ngày thứ năm và ngày chủ nhật. Joseph nói với tôi rằng ở Baranquilla có độ mươi, mười hai người Pháp đem vợ con sang đây để tìm cách làm giàu. Họ đều làm nghề trùm điếm. Trong một khu vực riêng của thành phố có khoảng gần hai mươi gái điếm đang duy trì cái truyền thống cao cả của nước Pháp về nghệ

thuật mãi dâm trang nhã và khôn khéo. ở đây cũng vẫn những kiểu người đàn ông và đàn bà đúng hệt như từ Le Caire đến Liban, từ nước Anh đến nước úc, từ Buenos-Aires đến Caracas, từ Sài Gòn đến Brazzaville, đang truyền bá trên khắp trái đất cái nghề chuyên môn xưa cũ như nhân loại: nghề mãi dâm và cách sử dụng nghề này để sống sung túc. Joseph Dega cho tôi biết một điều thật hay ho: mấy ông trùm điếm ở người Pháp ở Baranquilla đang lo lắng. Họ sợ rằng chúng tôi đến ở nhà tù của thành phố này sẽ kinh động đến sự yên ổn của họ, làm phương hại đến cái ngành thương mại đang phồn vinh của họ. Quả nhiên, nếu trong chúng tôi có người vượt ngục, cảnh sát sẽ đến tìm những người đó trong các "casetas" của mấy cô điếm người Pháp, dù người vượt ngục không bao giờ đến nhờ cậy gì các cô hay các ông trùm cả. Hậu quả gián tiếp là công an có thể phát hiện ra khá nhiều điều: giấy tờ giả mạo, giấy phép cư trú quá hạn hay mất hiệu lực. Đi tìm chúng tôi sẽ đưa đến những cuộc kiểm tra căn cước và quyền cư trú. Trong khi đó có những người đàn bà và cả những người dàn ông nữa mà nếu bị lộ thì có thể phiền to.

Như thế là tôi đã được thông báo kỹ tình hình. Joseph Dega nói thêm rằng anh ta sẵn sàng giúp đỡ tôi bất cứ việc gì, thứ năm và chủ nhật nào anh cũng sẽ vào thăm tôi. Tôi cảm ơn con người tốt bụng ấy: về sau anh ta đã cho tôi thấy rõ rằng, theo các báo, nhà chức trách Colombia đã chính thức đồng ý trao trả chúng tôi cho

nước Pháp.

Tôi gọi các bạn lại.

- Thưa các Ngài. Tôi có rất nhiều điều cần thưa lại các Ngài.

- Gì thế - Cả năm cùng đồng thanh thốt lên một lượt

- Trước hết là đừng có ảo tưởng. Việc trao trả đã quyết định xong xuôi. Một chiếc tàu đặc biệt của Guyane thuộc Pháp sẽ đến đây chở chúng ta về trại khổ sai. Thứ đến là sự có mặt của chúng ta gây ra nhiều lo âu cho mấy ông trùm đĩ đồng hương với chúng ta đã lập nghiệp trong thành phố này. Không phải cái ông vừa đến thăm tôi đâu. Ông này thì cóc cần. Nhưng các bạn đồng nghiệp của ông ta sợ rằng một người trong chúng ta vượt ngục thì họ sẽ gặp phải nhiều phiền hà.

Cả bọn cười phá lên. Họ tưởng tôi nói đùa. Clousiot nói:

- Thưa ngài ma-cô Jean Mỗ, xin ngài vui lòng chuẩn y cho tôi vượt ngục, có được không ạ?

- Thôi đừng giỡn nữa. Nếu mấy con đĩ có đến thăm ta, phải báo nó đừng đến nữa. Đồng ý chứ?

- Đồng ý.

Như tôi đã nói, trong sân của chúng tôi có khoảng một trăm tù nhân người Colombia. Họ tuyệt nhiên không phải là những thằng ngốc. Có nhiều tay thứ thiệt: kẻ trộm ưu tú, chuyên gia làm bạc giả, giấy giả, những tên bịp bợm tinh xảo, những tên chuyên cướp của có vũ khí những tên buôn lậu ma túy mà mấy tên sát

nhản chuyên nghiệp đã nhờ kinh nghiệm phong phú mà trở thành điêu luyện trong cái nghề này, một nghề rất tầm thường ở Châu Mỹ. ở đây những kẻ giàu có, các chính khách và các phần tử lưu manh đã thành đạt đều thuê những tên sát nhân chuyên nghiệp này làm việc cho họ.

Màu da của họ rất khác nhau. Từ trước da đen nhánh của người Sénégalais đến nước da màu lá trà của người Créoles ở Martinique thuộc Pháp; từ màu gạch của người Anh-điêng thuộc chủng tộc Mongoloid với bộ tóc trơn màu đen có ánh tím đến màu da trắng thuần chủng. Tôi thử bắt liên lạc với họ, tìm hiểu khả năng và ý chí vượt ngục của một vài cá nhân được chọn lọc kỹ càng. Phần đông những người đó đều như tôi: vì bị xử dài hạn hoặc sợ bị xử dài hạn, họ sống trong tư thế luôn sẵn sàng vượt ngục.

Trên chớp bốn bức tường của khoảng sân hình chữ nhật này có một con đường tuần tra ban đêm thắp đèn rất sáng, ở mỗi góc tường đều có một cái chòi canh nhỏ có một tên lính gác đứng ở trong. Như vậy đêm ngày lúc nào cũng có bốn tên lính canh thường trực, cộng thêm một tên nữa đứng trong sân, ở cạnh cửa nhà thờ. Tên này không cầm vũ khí. Thức ăn khá đầy đủ, và có nhiều tù nhân bày bán những món ăn và những món uống như cà phê hay nước ngọt làm bằng các thứ quả vùng này: cam, dứa, đu đủ, v.v... mua từ bên ngoài vào. Thỉnh thoảng mấy gã tiểu

thương này lại bị một vụ cướp bằng vũ lực được thực hiện một cách nhanh chóng lạ thường. Chưa kịp thấy có ai đến thì họ đã bị trùm lên một tấm khăn lớn không sao kêu cứu được nữa, kèm theo đấy là một mũi dao gí vào sườn hay vào cổ, chỉ cần nhúc nhích một cái là bị đâm sâu vào thịt. Nạn nhân bị lột hết số tiền thu được trước khi có thì giờ hiểu được việc gì đã xảy ra. Khi tấm khăn được bỏ ra thì đồng thời cũng có một quá đấm nện vào gáy. Không bao giờ có ai hở miệng nói gì sau khi sự việc đã xảy ra. Đôi khi người bán hàng "đóng cửa hiệu" nghĩa là cất hết những thứ hàng đang bán, và dò xem ai đã cướp mình. Nếu hắn dò ra được thì sẽ có một trận huyết chiến, bao giờ cũng dùng dao.

Hai tên kẻ trộm Colombia đến gặp tôi để bàn việc. Tôi lắng nghe họ rất chăm chú. Theo họ thì trong thành phố có những tên cảnh sát đồng lõa với kẻ trộm. Mỗi khi đến phiên tuần phòng của họ trong một khu vực nào đấy, họ báo cho đồng lõa biết để đến hành nghề trong khu vực này.

Hai người khách của tôi biết hết những tên cảnh sát này và nói với tôi rằng nếu trong tuần này không có một trong những tên cảnh sát đó đến gác cửa nhà thờ thì thật là không may. Tôi phải làm sao có được một khẩu súng ngắn, do một người khách vào thăm đưa lén cho. Tên cảnh sát kiêm kẻ trộm kia sẽ dễ dàng nhận lời giả vờ bị chúng tôi bắt phải gõ vào cánh cửa sau của nhà thờ

dẫn vào một trạm gác nhỏ gồm có bốn hay sáu tên lính canh. Trong lúc bất ngờ, bị chúng tôi chĩa súng vào mặt, bọn này sẽ phải để cho chúng tôi chạy ra đường. Lúc bấy giờ chỉ còn có việc trà trộn vào những người qua đường đi lại tấp nập ở đoạn này. Tôi không thấy vừa lòng lắm với kế hoạch này.

Muốn đưa một khẩu súng ngắn vào tù, đó phải là một khẩu súng cỡ rất nhỏ, tối đa là một khẩu 6,35. Một khẩu súng nhỏ như vậy rất có thể không đủ sức làm cho bọn lính gác hoảng sợ. Hoặc giả một trong bọn chúng có thể có một phản ứng bất giờ và chúng tôi sẽ đành phải giết hắn. Tôi từ chối.

Không phải chỉ có tôi đứng ngồi không yên vì khát khao hành động, mà các bạn tôi cũng vậy. Chỉ có chỗ khác nhau là thỉnh thoảng, trong những ngày buồn nản, họ có khi đành lòng chấp nhập rằng chiếc tàu đến chở chúng tôi sẽ gặp được chúng tôi còn ở trong nhà tù. Từ đó đến chỗ chịu thua không xa. Thậm chí họ còn bàn bạc xem thử về đến trại chúng tôi sẽ bị xử lý ra sao, phải chịu những hình phạt gì.

- Tôi không thể nghe nổi những câu chuyện ngu xuẩn của các cậu. Khi nào các cậu muốn nói muốn bàn đến cái thứ tương lai ấy, các cậu chớ để tôi nghe thấy, hãy kéo nhau ra một góc nào đấy mà bàn. Miễn đừng có lôi cái số phận mà các cậu nói tới chỉ có thể chấp nhận được nếu chúng ta đều là những kẻ tàn phế bất lực Các cậu đã tàn phế cả rồi sao? Trong đám các cậu có cậu nào

bị thiến? Nếu có thì cho tôi hay. Vì tôi nói cho các cậu biết: khi tôi nghĩ đến vượt ngục, thì đó là vượt ngục cho cả bọn. Tôi nghĩ đến long óc ra để thu xếp cách vượt ngục chỉ vì tôi muốn cả bọn chúng mình cùng vượt ngục. Sáu người cùng vượt ngục không phải là chuyện dễ. Vì nếu chỉ mỗi một mình tôi thì khi thấy cái ngày ấy đã quá gần mà mình chưa làm được gì cả, tôi rất dễ giải quyết: tôi giết một tên cảnh sát Co-lom-bia để kéo dài thời gian. Tôi mà giết một tên cảnh sát thì họ không đời nào lại trao trả tôi cho nhà chức trách Pháp. Lúc bấy giờ tôi sẽ có thì giờ rộng rãi. Và vì trong trường hợp này tôi vượt ngục một mình, cho nên mọi sự sẽ dễ dàng hơn.

Hai người tù Colombia chuẩn bị một kế hoạch khác, cũng khá tinh xảo. Sáng chủ nhật vào giờ xem lễ, nhà thờ bao giờ cũng đầy những tù nhân và những người khách vào thăm. Lúc đầu mọi người cùng xem lễ rồi khi buổi lễ đã xong, trong nhà thờ chỉ còn lại những tù nhân có khách đến thăm. Hai người Colombia yêu cầu tôi chủ nhật tới sẽ vào nhà thờ xem lễ để nắm vững cách diễn biến và thu xếp chương trình hành động cho chủ nhật sau. Họ đề nghị tôi đứng ra làm người cầm đầu cuộc nổi loạn. Nhưng tôi từ chối cái vinh dự ấy: tôi chưa biết được thật kỹ những người sẽ cùng hành động.

Tôi nắm vững được trong tay bốn tù nhân Pháp.

Anh chàng người Bretange và anh chàng "Bàn là" không đồng ý

tham gia. Cũng chẳng sao, họ chỉ có việc đừng đến nhà thờ. Đến ngày chủ nhật, chúng tôi, tức bốn người trong cuộc, sẽ đến dự buổi xem lễ. Cái nhà thờ này hình chữ nhật. Trong cùng là bàn thờ; ở khoảng giữa nhà thờ, mỗi bên có một cái cửa mở ra sân. Cửa chính đưa thẳng vào trạm gác. Cửa này có một dãy chấn song, ở bên kia là đội gác, gồm khoảng hai mươi cảnh binh. Cuối cùng, sau lưng họ là cửa ra phố.

Vì trong mỗi buổi lễ, nhà thờ bao giờ cũng đông nghịt, bọn lính gác mở chấn song và xếp hàng sát cạnh nhau đứng chắn cửa trong suốt buổi lễ. Trong số những người khách vào thăm tù nhân sẽ có hai người đồng lõa và mấy người khác giấu vũ khí trong người. Đó là mấy người đàn bà mang những khẩu súng ngắn buộc vào phía trong bắp vế. Khi mọi người đã vào trong nhà thờ, họ sẽ tuồn súng cho hai người đàn ông kia. Đó sẽ là hai khẩu súng cỡ to, 38 hay 45. Người tù đứng đầu cuộc nổi loạn sẽ nhận được một khẩu súng ngắn từ tay một người đàn bà, và người này sẽ lập tức ra khỏi nhà thờ. Hễ cậu bé giúp lễ rung chuông lần thứ hai, cả bọn phải hành động vào cùng một lúc. Phần việc của tôi là gí một con dao lớn và họng viên giám đốc nhà tù Don Grégorio, nói: “Da la orden de nos dejar, panar, sinh, te mao”. (Hãy ra lệnh bảo họ để cho chúng tôi đi ra, nếu không tôi giết anh).

Một người khác cũng sẽ làm như vậy với ông linh mục. Ba

người kia, từ ba gốc khác nhau, sẽ chĩa súng vào mấy tên cảnh sát đứng ở cửa chấn song của lối vò chính. Hễ tên nào không bỏ súng xuống thì phải bắn chết ngay. Những người tham cuộc không có vũ khí sẽ ra trước. Ông linh mục và ông giám đốc sẽ được dùng làm bình phong cho hậu quân. Nếu mọi việc diễn biến một cách bình thường, tốp cảnh sát đều sẽ bỏ súng xuống đất. Những tù nhân có súng ngắn sẽ lùa họ vào nhà thờ. Chúng tôi sẽ ra ngoài, sau đó đóng cửa chấn song trước, rồi đến cánh cửa gỗ. Căn phòng dùng làm trạm canh sẽ bỏ trống vì cả tốp cảnh sát đều phải đứng dự buổi xem lễ. ở bên ngoài, cách đây năm mươi mét, sẽ có một chiếc xe tải đậu sẵn, phía sau có móc một cái thang nhỏ để lên xe thật nhanh. Chiếc xe tải sẽ khởi hành sau khi người đứng đầu cuộc nổi loạn lên xe. Người này sẽ lên xe sau cùng. Sau khi dự một buổi xem lễ, tôi đồng ý với kế hoạch này. Mọi việc đều diễn ra như Fernando đã miêu tả. Joseph Dega sẽ không vào thăm chúng tôi vào chủ nhật tới. Anh ta biết rõ tại sao. Anh ta sẽ chuẩn bị một chiếc xe tắc-xi giả để cho chúng tôi khỏi phải lên xe tải, và sẽ đưa chúng tôi đến một chỗ trống cũng là do anh ta chuẩn bị. Suốt tuần ấy tôi ở trong một tình trạng kích thích cao độ và rất nóng lòng chờ lúc hành động. Fernando đã tìm cách có được một khẩu súng lục bằng một phương tiện khác. Đó là một khẩu 45 của quân Cảnh vệ Colombia, một vũ khí rất đáng sợ. Đến thứ năm, một cô gái

trong nhóm "chị em" của Joseph vào thăm tôi. Cô ta rất hòa nhã ân cần, và cho tôi biết rằng chiếc tắc-xi sẽ đón chúng tôi là một chiếc xe sơn màu vàng, chúng tôi sẽ không thể nhầm lẫn được. O K., cám ơn.

- Chúc các anh may mắn.

Cô ta hôn lên hai má tôi một cách dịu dàng và không khỏi có phần xúc động.

- En tra, en tra (mời vào, mời vào). Hãy vào cho chật ngôi nhà thờ này để lắng nghe tiếng nói của Chúa, ông linh mục nói.

Clousiot đã sẵn sàng từ đầu đến chân. Maturette hai mắt sáng long lanh, còn người kia không rời tôi một tấc. Rất điềm tĩnh, tôi đứng vào chỗ đã định. Don Grégorio, viên giám đốc nhà tù, ngồi trên một chiếc ghế tựa bên cạnh một bà béo. Tôi đứng sát đường. Bên phải tôi là Clousiot, bên trái tôi là hai bạn kia, đều ăn mặc tử tế để đến khi ra đường không bị người ta để ý. Con dao của tôi đã mở sẵn, được áp sát vào cánh tay phải bằng một sợi dây thun và khuất hẳn trong ống tay áo sơ-mi ka-ki cài kỹ ở cổ tay. Bây giờ phải chờ đến lúc "nâng mình thánh", khi mọi người cúi đầu xuống như thể để tìm một cái gì ở dưới đất, và cậu bé giúp lễ sau khi rung chuông rất nhanh, sẽ cho nghe ba hồi chuông tách bạch. Hồi chuông thứ hai là hiệu lệnh của chúng tôi, mỗi người đều biết rõ lúc ấy mình phải làm gì.

Hồi chuông thứ nhất, hồi thứ hai... Tôi lao vào Don Grégorio,

con dao dí sát cái cổ to và nhăn nheo của ông ta. Ông linh mục kêu: “Misericordia, no me ma ta (Xin tha cho, đừng giết tôi)” và tuy không nhìn thấy, tôi nghe rõ ba người kia ra lệnh cho bọn lính gác bỏ súng xuống. Mọi việc đều trôi chảy. Tôi nắm chặt cái cổ áo bộ com-lê rất đẹp của Don Grégorio, nói: Sigua y no tengas miedo, no te ha ré dao. (Theo tôi và đừng sợ, tôi không làm gì ông đâu). Ông linh mục được giữ yên bằng một con dao cạo dí sát họng, gần nhóm chúng tôi. Fernando nói: vamos, Francès, vamos a la salida. (Ta đi thôi, anh bạn Pháp, ra cửa đi). Lòng khấp khởi vì niềm vui đắc thắng, tôi xua các bạn về phía cửa dẫn ra đường, thì bỗng nhiên có hai tiếng súng nổ cùng một lúc. Fernando gục xuống, và một trong những người có súng cũng ngã lăn ra Tôi vẫn tiến thêm được một thước nữa, nhưng lúc bấy giờ bọn lính gác đã đứng dậy và giơ súng chặn lại. May thay giữa họ với chúng tôi có mấy người đàn bà, nên họ không dám bắn. Lại hai phát súng trường nữa, sau đó là một phát súng lục. Người bạn có súng thứ ba của chúng tôi vừa bị bắn chết sau khi đã bịp bắn một phát hú họa làm bị thương một người con gái. Don Grégorio mặt xanh như tàu lá, nói với tôi:

- Đưa dao đây.

Tôi đưa dao cho ông ta. Tiếp tục đánh nhau chẳng có ích gì. Trong khoảng không đầy nửa phút tình thế đã bị đảo ngược lại. Hơn một tuần sau tôi được biết rằng cuộc nổi loạn đã thất bại vì

một tù nhân thuộc một sân khác lúc bấy giờ đứng ở ngoài nhà thờ để xem mọi người làm lễ. Ngay những giây đầu tiên chúng tôi hành động, hắn đã báo cho bọn lính canh ở trên thành. Những tên này đã nhảy từ trên bức tường cao hơn sáu mét này xuống sân, hai tên nhảy xuống hai bên nhà thờ, rồi qua những chấn song cửa hai cửa ngang, họ bắn vào hai người đang đứng trên một chiếc ghế dài chĩa súng vào tốp cảnh sát. Sau đó vài giây họ lại bắn gục người thứ ba lúc bấy giờ đi qua tầm bắn của họ. Sau đó là một cuộc "corrida"* (*trận đấu bò tót, trong đó những người đấu bò (toreadores) phải giết chết con bò) ngoạn mục. Tôi lúc bấy giờ đang đứng cạnh viên giám đốc bắt ông ta ra lệnh này nọ. Rốt cục mười tù nhân trong đó có bốn chúng tôi bị xích lại và nhốt vào xà lim, chỉ được ăn bánh mì với nước lã.

Don Grégorio đã tiếp Joseph Dega. Ông ta cho gọi tôi lên nói rằng để làm vui lòng Joseph, ông ta sẽ cho tôi trở ra sân cùng với các bạn tôi. Nhờ có Joseph, mười ngày sau cuộc nổi loạn, tất cả chúng tôi đều được trở về khoảng sân cũ và cùng được giam chung trong phòng giam trước kia. Khi về đến phòng giam, tôi yêu cầu các bạn im lặng vài phút để tưởng nhớ đến Fernando và hai người bạn của anh ta đã chết trong khi hành động. Trong một buổi vào thăm Joseph cho tôi biết rằng anh ta đã tổ chức một cuộc quyên tiền, và trong giới trùm điếm anh ta đã thu được năm ngàn pesos để đút cho Don Grégorio. Cử chỉ này làm cho chúng

tôi có phần coi trọng bọn trùm điếm hơn trước chút ít. Bây giờ tôi sẽ làm gì? Biết phát minh ra cách gì khác đây? Chẳng lẽ tôi lại chịu thua và đợi chuyến tàu kia mà không hành động gì cả hay sao?

Nằm trong phòng rửa mặt chung, tránh được ánh nắng gay gắt, tôi có thể kín đáo theo dõi cách thức đi lại của bọn lính canh trên con đường tuần tra. Ban đêm cứ mười phút họ lại lần lượt gọi nhau: "Lính canh, hãy coi chừng." Làm như vậy viên chỉ huy đội canh có thể kiểm tra xem trong bọn tên lính canh có tên nào ngủ không. Nếu có ai không trả lời, người kia gọi lại cho đến khi hắn trả lời mới thôi.

Tôi tưởng đã tìm được một chỗ sơ hở. Số là ở mỗi chòi canh đặt ở bốn góc đường đi tuần đều có treo một cái lon buộc vào một sợi dây. Khi một người lính canh muốn uống cà phê, hắn gọi người cafetero đến rót cho hắn một hay hai chén cà phê vào lon, rồi kéo dây lên mà uống. Cái chòi canh ở cuối sân bên phải hơi nhô ra phía sân một chút. Tôi tự nhủ là nếu tôi có được một cái móc to buộc vào đầu một sợi dây đan, nó sẽ có thể mắc vào cái chòi canh ấy một cách dễ dàng. Chỉ trong mấy giây tôi có thể vượt qua bức tường trông ra đường. Vấn đề duy nhất là làm sao vô hiệu hóa được tên lính canh. Bằng cách nào?

Tôi trông thấy tên lính canh đứng dậy đi mấy bước trên con đường tuần tra. Tôi thấy hình như hắn nóng quá không chịu nổi

và đang ra sức chống lại cơn buồn ngủ. Thôi đúng rồi, phải làm thế nào cho hắn ngủ? Trước hết tôi sẽ đang sợi dây, và nếu kiếm được một cái móc chắc chắn, tôi sẽ tìm cách làm cho hắn ngủ và cố thể phen nữa. Trong hai ngày một sợi dây dài gần bảy mét đã được tết bằng tất cả những chiếc áo sơ- mi bằng vải bền mà chúng tôi kiếm được, nhất là những chiếc áo bằng vải ka-ki. Cái móc thì tìm tương đối dễ, đó là thanh sắt đỡ một cái mái hiên lắp ở cửa các phòng giam cho mưa khỏi hắt vào. Joesph Dega đã đem đến cho tôi một chai thuốc ngủ rất mạnh. Theo lời chỉ dẫn thì mỗi lần chỉ được uống mười giọt. Cái chai đựng gần mười thìa xúp lớn. Tôi tìm cách làm cho tên lính canh chịu uống cà phê của tôi biếu và quen dần với việc ấy. Hắn thòng cái lon xuống, tôi rót cho hắn mỗi lần ba cốc cà phê. Vì dân Colombia đều hay rượu, mà thứ thuốc ngủ kia lại có vị giống như rượu hồi, cho nên tôi nhờ kiếm một chai rượu hồi. Tôi nói với tên lính canh:

- Anh muốn uống cà phê pha kiểu Pháp không?

- Nó là thế nào.

- Có cho cả rượu hồi vào đấy.

- Để thử xem, cho tôi nếm đã.

Nhiều tên lính canh đã được nếm mùi cà phê rượu hồi của tôi. Bây giờ mỗi lần tôi mời cà phê họ đều nói: “kiểu Pháp nhé!”.

- Có ngay. - Tôi cứ thế rót rượu hồi vào.

Giờ G đã đến. ấy là vào giữa trưa một ngày thứ bảy. Trời nóng kinh khủng. Các bạn tôi biết không thể nào có thì giờ cho hai người vượt qua tường được, nhưng một người tù Colombia có một cái tên A-rập là Ali nói với tôi là hắn sẽ trèo sau tôi. Tôi đồng ý. Tôi đi với anh này thì các bạn tôi khỏi bị nghi là đồng lõa và khỏi bị phạt về sau. Mặt khác tôi không thể cầm sẵn dây và móc được vì tên lính canh có đủ thì giờ quan sát tôi trong khi tôi chuyển cà phê lên. Theo ý kiến chung của các bạn tôi, nội trong năm phút hắn phải bị đo ván.

Lúc bấy giờ đã đến "kém năm". Tôi gọi tên lính canh.

- Thế nào?

- Vẫn thế thôi.

- Anh có uống cà phê không?

- Có pha kiểu Pháp ấy, ngon hơn.

- Đợi tí nhé, có ngay đấy.

Tôi đến cafetero: "Hai cà phê". Trong cái lon của tôi đã rót sẵn cả chai thuốc ngủ. Nếu uống chừng ấy mà sau năm phút hắn không lăn đùng ra thì thật hết chỗ nói! Tôi đến góc tường và hắn trông thấy tôi rót rượu hồi vào lon rõ rành rành.

- Uống tí nhé?

- ừ!

Tôi rót thêm chút nữa, rồi trút cả sang lon của hắn. Hắn lập tức kéo lên.

Năm phút, mười, mười lăm, hai mươi phút trôi qua! Hắn vẫn chưa ngủ. Tệ hơn nữa, đáng lẽ ngồi xuống thì hắn lại cầm súng đi đi lại lại một lát. Thế mà hắn đã uống hết sạch chứ không phải không. Đến một giờ trưa đã đổi gác rồi.

Như ngồi trên đống than hồng, tôi theo dõi từng cử động của hắn. Không có dấu hiệu gì thấy hắn đã thấm thuốc. à! hắn vừa vấp chân một cái. Hắn ngồi xuống trước chòi canh, khẩu súng trường chống giữa hai chân. Đầu hắn nghiêng sang một bên. Các bạn tôi và hai ba người tù Colombia biết chuyện cũng đang theo dõi những phản ứng của hắn một cách mải mê không kém gì tôi.

- Nào bắt đầu đi, - tôi nói với gã người Colombia.

- Dây đâu!

Anh ta đang sửa soạn ném dây thì tên lính canh đứng dậy, để khẩu súng rơi xuống đất, vươn vai rồi co chân bước mấy bước tại chỗ. Gã người Colombia ngừng lại vừa đúng lúc. Chỉ còn mười tám phút nữa là đến giờ đổi gác. Tôi thầm cầu cứu Chúa: "Lạy Chúa giúp chúng tôi một lần nữa! Tôi van Chúa đừng bỏ rơi tôi!" Nhưng tôi kêu mãi vẫn chẳng thấy gì: cái ông Chúa của người Cơ đốc giáo nhiều khi cũng ít thông cảm với người ta lắm, nhất là đối với tôi, một người vô thần.

Clousiot lại gần tôi nói:

- Thế này thì thật! Đến bây giờ mà thằng kia vẫn chưa ngủ thì là thật!

Tên lính canh định cầm súng lên nhưng lúc cúi xuống nhặt khẩu súng hắn bỗng ngã nhào ra đường tuần tra, như thể bị sét đánh. Gã người Colombia ném cái móc lên, nhưng nó lại trượt xuống. Anh ta ném lần nữa. Lần này thì mắc. Anh ta kéo xuống mấy cái để xem thử đã chắc chưa. Tôi cũng kiểm tra lại một lần nữa và khi tôi đạp chân vào tường và co tay lại để leo lên, Clousiot nói:

- Coi chừng Nó đến đổi gác kia kìa.

Tôi vừa kịp rút lui trước khi bị họ nhìn thấy. Được sự thôi thúc tự nhiên của bản năng tự vệ và bản năng đoàn kết của những người tù, một tốp tù nhân Co-lom-bia, khoảng mươi người, chạy đến vây quanh lấy tôi, tôi liền trà trộn vào bọn họ. Chúng tôi đi dọc bờ tường, để mặc sợi dây lủng lẳng ở phía sau. Một tên cảnh sát trông đội đến đổi gác đã trông thấy cái móc và tên lính canh nằm sấp bên cạnh khẩu súng. Hắn chạy hai ba bước đến ấn vào nút còi bóng động, yên chí rằng vừa xảy ra một cuộc vượt ngục. Người ta đưa cáng đến khiêng tên lính đang ngủ. Bây giờ có đến hơn hai chục tên cảnh sát trên đường tuần tra. Don Grégorio cũng có mặt trong đám ấy. Ông ta ra lệnh kéo sợi dây lên. Cái móc đang nằm trong tay ông ta. Một lát sau bọn cảnh sát đã vây quanh sân, súng chĩa và các tù nhân. Họ bắt đầu gọi tên. Gọi đến tên ai thì người ấy phải trở về buồng giam. Lạ thay! Không thiếu ai cả. Họ liền lấy khóa khóa trái các buồng giam lại.

Lại điểm danh lần thứ hai, và kiểm tra từng buồng. Không,

không có ai mất tích cả. Đến ba giờ, họ lại cho chúng tôi ra sân. Chúng tôi được biết rằng tên lính canh kia hiện đang ngáy như sấm, và tất cả các biện pháp được đem ra dùng không sao đánh thức hắn dậy được: người đồng lõa Colombia của tôi cũng thất vọng không kém gì tôi. Vừa qua anh ta tin chắc mười phần thế nào cũng thành công! Anh ta lớn tiếng chửi bới các thứ hàng Mỹ, vì thuốc ngủ vừa rồi là thuốc Mỹ.

- Biết làm thế nào bây giờ?

- Làm lại chứ còn thế nào nữa! - Tôi chỉ biết trả lời có thế.

Anh ta tưởng tôi muốn nói là phải tìm cách đánh thuốc ngủ một tên lính canh một lần nữa. Thật ra tôi đang nghĩ là phải tìm một cách khác.

Anh ta nói:

- Anh tưởng là bọn cảnh sát ấy ngu đến nỗi sẽ có một thằng nữa chịu uống cà phê theo kiểu Pháp à? Mặc dầu không khí lúc bấy giờ thật bi đát, tôi vẫn không sao nhịn cười được.

- Chắc chắn là sẽ có chứ!

Tên lính canh đã ngủ ba ngày và bốn đêm. Đến khi hắn thức dậy, dĩ nhiên hắn báo cáo là chính tôi đã đánh thuốc ngủ cho hắn khi tôi cho hắn uống cà phê pha theo kiểu Pháp. Don Grégorio cho gọi tôi lên để đối chất với hắn. Viên chỉ huy đội lính canh rút gươm định đánh tôi. Tôi nhảy lùi vào góc phòng và thách thức hắn. Hắn giơ cao gươm lên, Don Grégorio xông vào can liền bị

một nhát sống gươm vào vai. Ông ta gục xuống, xương đòn gánh gãy làm đôi. Ông ta kêu to đến nỗi viên sĩ quan kia chỉ còn quan tâm đến ông ta. Hắn đỡ ông ta dậy. Don Grégorio kêu cứu om sòm.

Từ các phòng giấy bên cạnh, tất cả các nhân viên dân sự đều chạy sang. Thế là nổ ra một cuộc ẩu đả giữa viên sĩ quan, hai viên cảnh sát khác và tên lính canh đã bị tôi đánh thuốc ngủ với khoảng một chục viên chức dân sự đang muốn trả thù cho ông giám đốc. Trong cuộc "tangana" này, nhiều người bị thương nhẹ. Người duy nhất bình yên vô sự là tôi. Vấn đề quan trọng bây giờ không còn là trường hợp của tôi nữa mà là vụ xô xát giữa ông giám đốc và viên sĩ quan. Khi ông giám đốc đã được trở vào bệnh viện, người thay thế ông dẫn tôi trở ra sân:

- Việc anh sẽ được xét sau, Francés ạ.

Hôm sau viên giám đốc, vai bó bột, đến yêu cầu tôi viết một bản khai báo tố cáo viên sĩ quan. Tôi khai lại một cách thích thú tất cả những gì người ta muốn tôi khai. Họ đã quên hắn câu chuyện thuốc ngủ. Chuyện này đối với họ không có gì thú vị nữa: càng may cho tôi.

Mấy ngày sau, Joseph Dega tình nguyện tổ chức một cuộc vượt ngục từ bên ngoài. Vì tôi có nói với anh ta rằng vượt ngục ban đêm là không thể được vì đèn thắp quanh đường đi tuần trên thành phố rất sáng, anh ta tìm cách để cắt dòng điện. Nhờ một

thợ điện mách bảo anh ta đã tìm ra: cần phải hạ cầu giao ở một cái trạm biến thế ở bên ngoài nhà tù. Về phần tôi, tôi đã mua tên lính canh ở phía đường cũng như ở cửa nhà thờ. Việc đó hóa ra phức tạp hơn là người ta tưởng. Trước hết tôi buộc lòng phải thuyết phục Don Grégorio trả lại cho tôi mười ngàn Pesos lấy cớ là để nhờ Joseph gửi cho gia đình tôi, dĩ nhiên đồng thời tôi cũng "cưỡng bách" ông ta nhận hai ngàn pesos để mua quà tặng vợ ông, rồi sau khi đã xác định được người phân bố các phiên gác và giờ đổi gác, lại phải mua cả người này nữa. Hắn sẽ được ba ngàn pesos, nhưng hắn không chịu can thiệp vào những cuộc thương lượng với hai tên lính canh kia. Một mình tôi phải đi tìm họ và thương lượng với họ. Sau đó tôi sẽ cho anh ta biết tên và anh ta sẽ cắt phiên gác cho họ đúng vào giờ tôi yêu cầu. Công việc chuẩn bị cho cuộc vượt ngục mới này phải mất hơn một tháng. Cuối cùng, mọi việc đã được ấn định từng phút một. Vì không phải giữ gìn gì với tên cảnh sát gác ngoài sân, chúng tôi sẽ cưa chấn song bằng một cái cưa kim loại có đủ bộ sậu. Tôi có ba lười cưa. Người tù Colombia ném cái móc hôm trước đã được báo trước. Anh ta sẽ cưa chấn song của mình làm nhiều lần. Vào đêm hành động, một người bạn của anh ta, ít lâu nay đã giả vờ điên, sẽ đánh choang choang lên một miếng tôn kẽm và gân cổ lên hát thật to. Anh bạn tù Colombia biết rằng tên lính canh chỉ thỏa thuận cho hai người Pháp vượt ngục và đã nói trước rằng

nếu có thêm một người thứ ba lên thành hắn sẽ bắn. Tuy vậy anh ta vẫn muốn cầu may và nói với tôi rằng nếu cứ theo sát nhau mà trèo thì trong bóng tối tên lính canh không thể trông thấy rõ là có một người hay hai. Clousiot và Maturette đã bốc thăm để quyết định ai sẽ cùng đi với tôi. Clousiot đã thắng.

Cái đêm không trăng mà chúng tôi chờ đợi đã đến. Viên đội và hai viên cảnh sát đã nhận một nửa số tiền mà mỗi người được hưởng. Lần này tôi không phải cắt đôi nữa, vì đã có những tờ giấy bạc được cắt đôi sẵn. Sau này họ sẽ đến lĩnh nửa còn lại ở Barrio Chino, cửa hiệu của vợ Joseph Dega.

Đèn tắt. Chúng tôi cưa chấn song. Không đầy mười phút đã đứt. Mình mặc quần dài và áo sơ-mi sẫm màu, chúng tôi ra khỏi buồng giam. Người tù Colombia ra nhập bọn khi chúng tôi đi ngang. Anh ta chỉ mặc một cái si-líp đen. Tôi leo lên chấn song cửa của một buồng giam xây trong tường, đi vòng qua mái hiên, ném cái móc buộc vào ba thước dây. Chỉ ba phút sau tôi đã đứng trên đường đi tuần, không một tiếng động. Nằm sấp sát đất, tôi đợi Clousiot. Đêm tối như mực. Tôi bỗng trông thấy, hay nói cho đúng hơn cảm thấy một bàn tay giơ ra, tôi cầm lấy và kéo mạnh. Một tiếng động khủng khiếp vang lên. Đó là vì khi người Clousiot trườn qua giữa mái hiên và bức tường, cái khóa thắt lưng của anh đã vướng vào cái mái tôn. Dĩ nhiên khi nghe tiếng động tôi ngừng kéo. Tấm tôn không kêu nữa. Tôi lại kéo

Clousiot, tưởng rằng anh ta đã gỡ được, và mặc cho tấm tôn kêu vang dội, tôi kéo thật mạnh làm cho chỗ vướng bị bật ra, rồi lôi anh ta lên trên đường đi tuần.

Có mấy phát súng nổ từ các chòi canh của các khu vực khác nhưng ở khu vực chúng tôi vẫn im lặng. Vì hốt hoảng khi nghe tiếng súng, chúng tôi nhảy xuống một con đường thấp cách bờ tường đến chín mét trong khi đáng lẽ phải đi sang bên phải rồi nhảy xuống một con đường khác chỉ cách có năm mét. Kết quả: Clousiot bị gãy lại chân phải. Tôi cũng không đứng dậy được: tôi bị gãy xương cá hai bàn chân. Về sau tôi sẽ biết rõ đó là hai cái xương gót chân. Người tù Colombia bị sái một bên đầu gối. Mấy phát súng đã làm cho đội gác đêm chạy ra phố. Họ chiếu một ngọn đèn pin lớn vào chúng tôi và chĩa súng bắt chúng tôi đứng im. Tôi bật khóc vì uất ức. Tệ hơn nữa là bọn cảnh sát không chịu tin rằng tôi không đứng dậy được. Tôi phải dùng hai đầu gối bò dưới hàng trăm mũi lưỡi lê thúc vào người mà lê vào phòng giam. Clousiot thì nhảy lò cò một chân, người Colombia cũng vậy. Đầu tôi chảy máu dữ dội vì một phát báng súng.

Mấy phát súng đã đánh thức Don Grégorio đang ngủ trong phòng giấy: may thay, đêm hôm ấy ông ta trực ở nhà tù. Không có ông ta họ đã đánh chết chúng tôi bằng báng súng và lưỡi lê rồi. Kẻ hăng máu nhất trong khi đánh đập tôi chính là viên đội mà tôi đã đút tiền để cắt phiên gác cho hai tên lính canh đồng

lõa.

Don Grégorio chặn đứng ngay trận đánh đập dã man ấy ông đe dọa sẽ đưa họ ra tòa nếu họ đánh chúng tôi trọng thương. Câu thần chú ấy làm cho họ tê liệt ngay. Hôm sau cái chân của Clousiot bó bột ở bệnh viện. Người tù Colombia được một ông thầy lang ở tù nắn lại đầu gối và được mang một cái băng Velpeau. Trong đêm ấy thấy hai chân tôi sưng lên to bằng cả cái đầu, bị bầm giập đến cùng cực, máu me bê bết, ông bác sĩ cho tôi ngâm hai chân vào nước muối ấm, rồi sai y tá cho đỉa hút máu ba lần một ngày. Khi đã hút máu no căng, mấy con đỉa tự rơi ra, người ta bỏ nó vào dấm cho nó nhả máu. Vết thương ở đầu tôi phải khâu sáu mũi. Một nhà báo khát tin cho đăng một bài báo nói về tôi. Hắn kể rằng tôi là người đứng đầu cuộc nổi loạn ở nhà thờ, rằng tôi đã đầu độc một tên lính canh, và cuối cùng tôi đã tổ chức một cuộc vượt ngục tập thể có sự hỗ trợ từ bên ngoài vì có người đã cắt điện ở khu phố bằng cách hạ cầu giao ở trạm biến thế. “Ta hãy hy vọng rằng ở nước Pháp sẽ cho người đến thật sớm để cho chúng ta thoát khỏi tên gangster số 1 của họ. Hắn kết luận.

Joseph có vào thăm tôi, cùng đi với vợ là Annie. Viên đội và ba viên cảnh sát đã đến đòi lĩnh nửa số tiền còn lại, mỗi người đến vào một lúc khác nhau. Annie đến là để hỏi tôi xem chị ta phải xử sự như thế nào. Tôi nói với chị là phải đưa tiền cho họ, vì họ

đã làm đúng lời cam kết. Chúng tôi thất bại không phải tại họ. Từ một tuần nay các bạn phải chở tôi đi dạo trong sân trên một chiếc xe kít kít bằng sắt vốn cũng là giường nằm của tôi. Tôi nằm trên xe, hai chân gác cao lên một tấm vải căng giữa hai miếng ván lắp thẳng đứng trên hai càng xe. Đó là tư thế duy nhất không làm cho tôi đau quá. Hai chân tôi, đầy ứ những máu đông đặc, sưng to tướng, không thể đặt lên một cái gì hết, dù là ở tư thế nằm. Được gác chân lên thật cao như vậy, tôi đỡ đau được một chút. Gần mười lăm ngày sau, nó đã xẹp đi được một nửa, và người ta cho tôi đi chiếu điện. Hai cái xương gót tôi đều gãy. Suốt đời tôi sẽ có hai bàn chân bẹt.

Tờ nhật báo ra hôm nay đăng tin là cuối tháng chuyến tàu chở đội áp giải của cảnh sát Pháp đến nhận chúng tôi sẽ cặp bến. Chiếc tàu tên là "Mana", tờ báo viết như vậy. Hôm nay là ngày mười hai tháng mười. Chúng tôi còn mười tám ngày nữa: bây giờ phải đánh con bài cuối cùng. Nhưng đánh con bài gì với hai bàn chân gãy của tôi?.

Joseph tuyệt vọng. Hôm vào thăm, anh ta kể cho tôi nghe rằng tất cả những người Pháp ở đây và tất cả các cô làm ở Barrio Chino đều rất khổ tâm khi thấy tôi đã vật lộn dữ dội bấy nhiêu lâu để dành tự do mà chỉ còn mười mấy ngày nữa đã bị trao trả cho nhà chức trách Pháp. Tình cảnh của tôi làm cho tất cả giới Pháp kiều ở đây xao xuyến. Đó là một trợ lực tinh thần đã an ủi

tôi rất nhiều.

Tôi đã từ bỏ ngay cái dự định giết một tên cảnh sát Colombia. Thật vậy, không có lý do gì tôi lại nỡ làm thiệt mạng một người chẳng có thù oán gì với tôi. Tôi nghĩ rằng người ấy có thể có một ông bố, một bà mẹ cần được nuôi dưỡng. Tôi mỉm cười khi nghĩ rằng cần phái tìm một tên cảnh sát thật ác mà lại không có gia đình. Chẳng hạn, tôi có thể hỏi hắn: "Nếu tôi giết anh thì có ai thiệt hại gì không, có ai mất nơi nương tựa không?" Sáng hôm nay ngày 13 tháng mười, tôi rất ủ ê chán chường. Tôi nhìn một mẫu đá acid picric mà nếu ăn vào thì tôi sẽ mắc bệnh hoàng đản. Nếu người ta cho tôi nằm bệnh viện, có lẽ tôi sẽ có thể nhờ Joseph thuê người đánh tháo tôi ra ngoài. Ngày hôm sau da tôi đã vàng như nghệ. Don Grégorio đi ra sau thăm tôi: lúc bấy giờ tôi đang nằm trên chiếc xe cút kít để ở một chỗ có bóng râm, hai chân gác cao lên. Lập tức, không quanh co, không chút thận trọng, tôi tấn công:

- Tôi biếu ông mười ngàn pesos nếu ông cho tôi nhập viện.

- Để tôi thử xem. Không phải vì mười ngàn pesos kia, mà vì tôi rất phiền lòng khi thấy anh vật vã dữ dội như vậy để tìm tự do mãi mà vẫn không được. Chỉ có điều tôi không tin rằng họ sẽ giữ anh lại ở bệnh viện, vì cái bài báo kia đã làm cho họ quá sợ anh.

Một giờ sau, bác sĩ cho tôi đến bệnh viện. Tôi chưa kịp chạm đất thì đã được đưa ra khỏi bệnh viện ngay.

Được đưa từ trên xe cứu thương xuống trên một cái cáng, tôi được khám rất kỹ, có xét nghiệm nước tiểu, trong khi vẫn nằm trên cáng. Hai giờ sau họ đưa tôi trở về nhà giam.

Hôm ấy là ngày 19, một ngày thứ năm. Annie, vợ của Joseph, đến trại giam với một cô người Corse. Họ cố đem vào cho tôi một ít thuốc lá và bánh kẹo. Với những lời lẽ ân cần, trìu mến của họ, hai người đàn bà này đã đem lại cho tôi một niềm an úi lớn lao. Đẹp đẽ nhất là sự thể hiện của tình bạn trong trẻo của họ, đã thực sự biến cái ngày cay cực này thành một ngày chan hòa ánh nắng. Tôi sẽ không bao giờ có thể diễn đạt được hết niềm an ủi mà tình đoàn kết của những người cùng giới đã đem lại cho tôi trong thời gian bị giam ở nhà tù "80". Tôi cũng không sao nói hết được lòng biết ơn của tôi đối với Joseph Dega đã không ngần ngại giúp tôi vượt ngục, mặc dầu làm như vậy anh ta có thể đi đến chỗ mất quyền tự do và mất phương tiện sinh sống.

Nhưng có một câu nói của Annie đã gợi cho tôi một ý hay.

Trong khi chuyện trò, cô nói:

- Anh Papillon, anh đã làm tất cả những gì mà sức con người có thể làm được để tìm cách dành lại tự do. Số phận đối với anh thật quá tàn nhẫn. Anh chỉ còn thiếu cách làm nổ tung cái nhà tù "80" này? ừ nhỉ! Sao lại không? Tại sao tôi lại không làm nổ tung cái nhà tù cũ kỹ này đi nhỉ? Đó sẽ là một việc rất có ích cho dân Colombia. Nếu tôi cho nổ cái nhà tù này, may ra họ mới quyết

định cho xây một cái nhà tù mới, vệ sinh hơn.

Khi ôm hôn hai người thiếu phụ dễ thương này để vĩnh biệt họ, tôi nói với Annie:

- Chị nói với Joseph chủ nhật vào gặp tôi nhé.

Ngày chủ nhật 22, Joseph đã có mặt.

- Joseph ạ, anh phải làm tất cả những gì có thể làm được để đến thứ năm có ai đưa vào cho tôi một thỏi thuốc nổ dynamite, một cái kíp nổ và một sợi dây ngòi. Về phía tôi, tôi sẽ tìm cách có được một cái khoan để khoan gạch.

- Anh sẽ làm gì vậy?

Tôi sẽ làm nổ bức tường của nhà tù giữa ban ngày. Anh cứ hứa trả năm ngàn pesos cho chiếc xe tắc-xi giả hôm trước. Xe phải có mặt trên con đường phía sau nhà tù từ tám giờ sáng đến sáu giờ chiều, ngày nào cũng vậy. Người lái xe sẽ được năm trăm pesos một ngày nếu không có gì xảy ra, năm ngàn pesos nếu có gì xảy ra. Qua cái lỗ sẽ được mở trên tường khi mìn nổ, một tù nhân Colombia to khỏe sẽ cõng tôi ra xe, và bây giờ đến lượt người lái xe hành động. Nếu anh ta bằng lòng, anh hãy gửi thỏi mìn đến. Nếu không thì thế là hết, không còn hy vọng gì nữa.

- Anh cứ tin vào tôi, - Joseph nói.

Đến năm giờ tôi nhờ một bạn cõng tôi vào nhà thờ. Tôi bảo là tôi muốn cầu nguyện một mình. Các bạn cõng tôi vào đấy. Tôi nhắn Don Grégorio vào gặp tôi trong nhà thờ. Ông ta đến.

- Hombre, chỉ còn tám ngày nữa là anh phải ra đi.
- Chính vì thế mà tôi nhắn ông đến đây. Ông còn giữ hộ tôi mười lăm ngàn pesos. Trước khi đi tôi muốn chuyển số tiền ấy cho bạn tôi để anh ta gửi về cho gia đình tôi. Xin ông nhận cho ba ngàn pesos, tôi xin biếu ông số tiền đó với tất cả lòng thành vì ông trước sau vẫn luôn luôn che chở cho tôi đỡ bị hành hạ. Xin ông làm ơn đưa số tiền lại cho tôi với một cuộn băng dính để từ đây đến thứ năm tôi dán nó lại và đưa cho bạn tôi.
- Được!
Ông ta trở lại và giao cho tôi mười hai ngàn pesos vẫn còn bị cắt đôi. Ông giữa lại ba ngàn.
Khi đã trở về nằm trên xe cút kít, tôi gọi người tù Colombia ra một góc vắng vẻ, nói cho anh ta biết dự định của tôi và hỏi xem anh ta liệu có đủ sức cõng tôi đi hai ba mươi mét ra đến xe tắc-xi không. Anh ta cam đoan là sẽ làm được. Vậy phía này có thể coi như xong. Tôi cứ hành động thể đã biết chắc là Joseph sẽ thành công. Sáng ngày thứ hai tôi bảo các bạn đưa tôi ra phòng rửa mặt từ sớm, và bảo Maturette, người mấy hôm nay cùng với Clousiot thay phiên nhau làm "tài xế" đẩy xe cút kít cho tôi, liền đi tìm tên đội mà tôi đã cho ba ngàn pesos và đã đánh đập tôi dã man trong vụ vượt ngục vừa rồi.
- Trung sĩ Joseph, tôi cần nói chuyện với anh.
- Anh muốn gì?

- Tôi cần một cái khoan máy rất mạnh có ba tốc độ và sáu cái mũi khoan để khoan gạch, hai cái cỡ nửa phân, hai cái cỡ một phân và hai cái cỡ một phân rưỡi đường kính.
- Tôi không có tiền để mua.
- Năm trăm pesos đây.
Ngày mai thứ ba đến lúc đổi phiên gác một giờ trưa anh sẽ có các thứ đó. Chuẩn bị số tiền hai ngàn pesos kia đi.
Một giờ trưa ngày hôm sau tôi đã có đủ cái thứ đó để trong cái thùng rác rỗng ở ngoài sân - đó là một cái thùng đựng giấy lộn, cứ mỗi lần đổi gác lại đổ một lần. Pablo, người tù Colombia vạm vỡ, ra nhặt các thứ đồ khoan đem cất đi.
Ngày thứ năm 26 mãi không thấy Joseph vào. Đến cuối buổi thăm tù mới có người gọi tôi. Đó là một người Pháp già, nhăn nheo, do Joseph phái đến.
- Trong ổ bánh mì này có thứ anh cần. Đây là hai ngàn pesos cho người lái tắc-xi. Mỗi ngày năm trăm. Người lái tắc-xi là một ông già Peru rất hăng. Về phía ấy anh đừng lo gì cả. Ciao* (*chào - tiếng ý, gần như đã trở thành một cách chào quốc tế).
- Ciao.
Trong một cái túi giấy lớn, để cho họ đừng chú ý đến ổ bánh mì, các bạn tôi đã để mấy bao thuốc lá, mấy bao diêm, một chuỗi xúc xích hun khói, một khúc saucisson, một gói bơ và một lọ dầu ô-liu đen. Trong khi người lính canh lục soát cái túi giấy, tôi cho

hắn một bao thuốc lá, vài bao diêm và hai cái xúc xích.
Hắn nói:
- Anh cho tôi một miếng bánh mì đi. Chỉ còn thiếu có thể nữa thôi!
- Không, bánh mì thì đi mua lấy mà ăn. Năm pesos đây, cầm lấy. Vì từng này bánh mì sao đủ cho sáu người ăn.
ừ. Thật may mà thoát. Ai lại đi nảy ra cái ý cho thằng ấy ăn xúc xích! Cái xe cút kít vội vàng lánh xa tên cảnh sát lắm chuyện kia. Việc tên cảnh sát xin bánh mì đã làm cho tôi phát hoảng đến nỗi bây giờ tôi vẫn còn toát mồ hôi.
- Ngày mai là ta bắn pháo hoa đấy. Mọi thứ đã đâu vào đấy, Pablo ạ. Phải khoan lỗ đúng ở phía dưới chỗ chòi canh nhô ra. Thằng mú ở bên trên không thể trông thấy cậu được.
Nhưng hắn có thể nghe thấy.
- Tôi đã liệu trước việc này. Lúc mười giờ sáng, khoảng sân phía này sẽ có bóng rợp. Phải làm sao cho một người trong cái kíp gò đồng đang làm việc ở nhà lao gõ búa vào một tấm đồng áp vào tường cho thẳng cách chúng ta vài mét, ngay ngoài sân. Có hai người càng tốt. Tôi sẽ cho họ mỗi người năm trăm pesos. Cố tìm hai người ấy đi.
Anh ta đã tìm ra.
- Hai anh bạn của tôi sẽ gõ đồng liên tiếp. Tên lính canh sẽ không nghe được tiếng khoan đâu. Có điều là anh với cái xe cút

kít phải ở vào một vi trí xê ra ngoài một chút, xung quanh có mấy anh bạn người Pháp làm như đang bàn bạc việc gì với anh. Để cho tên lính canh ở góc bên kia khó trông thấy tôi.
Trong một tiếng đồng hồ cái lỗ đã khoan xong. Nhờ những tiếng búa đánh lên đồng và nhờ có một người giúp việc rót dầu lên mũi khoan, tên lính canh không thấy gì khả nghi cả. Thỏi mìn được nhét vào lỗ ngòi nổ được lắp vào mìn, thò ra ngoài có hai mươi phân ngòi. Thỏi mìn được chêm bằng đất sét. Chúng tôi lui ra. Nếu mọi việc đều ổn, đến khi mìn nổ trên tường sẽ có một lỗ hổng. Tên lính canh sẽ rơi xuống cùng với cái chòi canh và Pablo sẽ cõng tôi chui qua lỗ hổng ra xe tắc-xi. Mấy người kia sẽ tự lo liệu lấy.
Trên lý thuyết thì Clousiot và Maturette dù có ra sau chúng tôi cũng sẽ đến xe tắc-xi trước chúng tôi. Ngay trước khi châm ngòi Pablo báo cho một nhóm tù người Colombia biết.
- Nếu các anh muốn vượt ngục, chốc nữa sẽ có một lỗ hổng trên tường.
- Như thế cũng tốt vì bọn cảnh sát sẽ vướng chân, và có bắn thì bắn những người chạy ở phía sau. Chúng tôi châm ngòi. Một tiếng nổ khủng khiếp làm cả khu phố rung chuyển. Cái chòi canh rơi xuống với cả tên lính canh. Bức tường nứt nẻ thành những khe hở chạy ra tứ phía, hở rộng đến nỗi có thể nhìn thấy dãy phố bên ngoài, nhưng không có một chỗ hở nào đủ rộng để một

người có thể lọt qua. Như vậy là vụ nổ dã không tạo được một đột phá khẩu cho chúng tôi, và mãi đến lúc ấy tôi mới thừa nhận rằng mình đã thất bại. Số tôi đúng là phải trở về trại khổ sai ở Cayenne. Sau tiếng nổ, cả nhà tù nhốn nháo lên một cách không có gì tả xiết. Trong sân có đến hơn năm chục tên cảnh sát. Don Grégorio hiểu rất rõ đầu đuôi câu chuyện. Ông ta nói với tôi:

- Bueno (Tốt), Francés ạ. Lần này là lần cuối cùng, tôi chắc thế.

Viên chỉ huy đội lính gác giận dữ điên cuồng. Hắn không thể ra lệnh đánh đập một người bị thương nằm trên xe cút kít, trong khi tôi, để khỏi liên lụy đến các bạn khác, cứ lớn tiếng tuyên bố rằng chính tôi và chỉ một mình tôi gây ra vụ này. Sáu tên cảnh sát được cắt đứng canh trước cái tường nứt nẻ, sáu tên trong sân nhà tù, sáu tên đứng ngoài đường, sẽ canh gác thường xuyên cho đến khi thợ nề sửa xong bức tường. Tên lính gác ở trên chòi rơi xuống, may thay, không bị thương tích gì cả.

Trở về trại khổ sai

Ba ngày sau, ngày 30 tháng mười, vào lúc mười một giờ sáng, mười hai viên giám thị của trại khổ sai mặc quân phục trắng, đến nhận chúng tôi. Trước khi khởi hành có một nghi lễ chính thức nho nhỏ: mỗi người trong chúng tôi đều phải được xác định căn cước và nhận dạng. Họ đã đem theo những tờ phiếu ảnh đạc hình: chụp dấu lăn tay, đầy đủ bộ sậu, của từng người, để làm việc ấy. Sau khi đã xác minh căn cước, viên lãnh sự Pháp đến ký một văn kiện trao cho viên chánh án của quận này là người có nhiệm vụ chính thức trao trả chúng tôi cho nước Pháp. Tất cả những người có mặt tại đấy đều ngạc nhiên vì cái thái độ thân hữu của bọn giám thị đối với chúng tôi. Không có một lời nói nặng, cũng không có lấy một cứ chỉ thù địch. Ba người tù đã ở trại lâu hơn chúng tôi quen với nhiều viên giám thị, họ nói chuyện và đùa cợt với mấy gã này như với những người bạn cũ. Viên chỉ huy đội áp giải là thiếu tá Boural rất quan tâm đến tình trạng của tôi, ông ta nhìn đôi bàn chân của tôi và nói với tôi rằng

lên tàu họ sẽ chăm sóc cho tôi, rằng trong đội áp giải có một người y tá rất tốt sẽ cho việc ấy.
Chuyến vượt biển dưới căn hầm tàu thủy rất gian khổ vì ở đấy nóng nực khó thở, hai chân chúng tôi lại phải cùm từng hai người một vào những thanh sắt được dùng cho phạm nhân từ thời trại khổ sai Toulon.
Trong chuyến đi chỉ xảy ra một việc đáng ghi lại: chiếc tàu phải ghé Trinidad để lấy than. Khi tàu ghé vào cảng, một sĩ quan hải quân Anh yêu cầu phái tháo cùm của chúng tôi ra. Hình như công pháp quốc tế cấm xích hay trói người đang đi trên tàu. Tôi đã lợi dụng cơ hội này để tát tai một sĩ quan thanh tra Anh khác. Tôi làm như vậy là để nhà chức trách Anh bắt tôi và đưa tôi lên bộ. Viên sĩ quan nói với tôi:
- Tôi sẽ không bắt anh và sẽ không đưa anh lên bộ vì cái hành động nghiêm trọng mà anh vừa làm. Bị đưa về chỗ ấy là một trừng phạt nặng hơn nhiều đối với anh.
Thế là tôi đã phí công vô ích. Quả thật cái số của tôi là phải trở về trại khổ sai. Thật quá rủi ro, mười một tháng vượt ngục, mười một tháng vật vã đấu tranh căng thẳng đã kết thúc một cách thật là thảm hại. Thế nhưng bất chấp tất cả, bất chấp cái hồi âm vang dội của những cuộc phiêu lưu dồn dập, chuyến quay về trại giam với tất cả những hậu quả cay đắng của nó, vẫn không thể xóa nhòa những giờ phút khó quên mà tôi vừa sống qua.

Gần hải cảng Trinidad mà chúng tôi vừa từ giã, chỉ cách đấy mấy cây số là nơi ở của gia đình Bowen nhân hậu tuyệt vời. Tàu cũng đã đi qua khá gần Curagac, nơi trú ngụ của một bậc vĩ nhân làm giám mục xứ này: Irénée de Bruyne. Chắc chắn là tàu chúng tôi cũng đã đi qua gần lãnh thổ của người Anh-điêng Guajiros, nơi mà tôi đã được biết tình yêu đắm say và trong sáng nhất dưới cái hình thức hồn nhiên, nguyên thủy của nó. Tất cả sự trong sáng mà chỉ có trẻ thơ mới có được, cách nhìn sự vật một cách thơ ngây của cái tuổi diễm phúc này, tôi đều đã tìm thấy trong những người con gái Anh-điêng đầy ý chí, có một tâm hồn giàu có về khả năng thông cảm, về tình yêu đơn sơ và trong sạch.

Và những người hủi của đảo Bồ câu nữa! Những người tù khổ sai khốn khổ bị mắc cái bệnh ghê tởm này mà vẫn còn đủ sức tìm thấy trong lòng mình bấy nhiêu tình thương cao thượng để giúp đỡ chúng tôi?

Cho đến viên lãnh sự Bỉ với lòng nhân hậu hồn nhiên của ông ta, cho đến Joseph Dega, người không hề quen biết tôi mà vẫn vì tôi sẵn sàng làm những việc nguy hiểm cho bản thân như vậy. Tất cả những người mà tôi đã được biết trong chuyến vượt ngục này đều xứng đáng để cho nó được thực hiện. Tuy đổ vỡ tan tành, cuộc vượt ngục của tôi là một chiến thắng, ít nhất là vì nó làm cho tâm hồn tôi phong phú thêm khi được làm quen với những con người hiếm có đó. Không, tôi không hề hối tiếc là đã vượt

ngục.

Và đây là sông Maroni với dòng nước đục ngầu. Chúng tôi đang đứng trên boong tàu Mana. ánh nắng nhiệt đới đã bắt đầu thiêu đất dải đất này. Lúc bấy giờ là chín giờ sáng. Tôi thấy lại cái cửa biển rộng mênh mông kia: chúng tôi đang từ từ tiến vào nơi mà tôi đã ra đi với một tốc độ bão tố như vậy. Các bạn tôi im lặng không nói. Mấy người giám thị rất hài lòng là đã về đến nơi. Vừa rồi biển xấu trong suốt chuyến đi, cho nên bây giờ nhiều người trong bọn họ cảm thấy nhẹ nhõm.

16 tháng mười một 1934.

Trên bến một đám người rất đông đã tập hợp lại. Có thể cảm thấy họ đang tò mò chờ đợi, nô nức muốn xem mặt những con người gan góc đã dám đi xa như vậy. Vì hôm ấy là ngày chủ nhật cho nên đây cũng là một cơ hội giải trí cho cái xã hội nhỏ này, vốn không có nhiều phương tiện giải trí. Họ bảo nhau: Đấy cái người bị thương là Bươm bướm. Còn người kia là Clousiot. Còn anh này là Maturette... - Và cứ thế mãi.

Trong trại tù, sáu trăm người được xếp hàng thành từng khối trước mặt các lán. Cứ mỗi khối lại có mấy viên giám thị đứng cạnh. Người đầu tiên tôi nhận ra được là Francois Sierra. Anh ta khóc công khai, không hề giấu giếm. Anh ta đã leo lên một khung cửa sổ của bệnh xá để nhìn thấy tôi. Có thể cảm thấy rõ rằng nỗi đau lòng của anh là thật. Chúng tôi dừng lại ở giữa trại.

Viên chỉ huy trại cầm loa lên nói:

- Các phạm nhân, các người có thể thấy rõ rằng vượt ngục là vô ích. Dù các người có đến nước nào thì cũng sẽ bị bắt lại và trao trả cho nước Pháp. Không đâu người ta thu nhận các người. Vậy tốt hơn cả là các người nên khuất phục và có hạnh kiểm cho tốt. Cái gì đang chờ đợi năm người kia? Một hình phạt rất nặng mà họ phải chịu ở nhà tù cấm cố trên đảo Saint-Joseph rồi sau đó họ sẽ bị cấm cố chung thân ở quần đảo Salut. Đó, kết quả mà họ đã thu được trong chuyến vượt ngục là như vậy. Tôi hy vọng rằng các người đã hiểu. Giám thị, hãy dẫn mấy người kia vào khu trừng giới.

Mấy phút sau, chúng tôi được giam vào một buồng giam riêng ở khu giám sát nghiêm ngặt. Vừa đến một cái là tôi yêu cầu họ chăm sóc đôi bàn chân hãy còn giập nặng và sưng khá to. Clousiot kêu là chỗ bó bột ở chân rất đau. Chúng tôi thử cầu may... Nếu họ cho chúng tôi vào bệnh viện thì hay quá! Francois Sierra đến với viên giám thị của anh ta. Tên lính gác nói:

- Y tá đến kìa.

- Anh có khỏe không Papi?

- Tôi ốm, tôi muôn đi bệnh viện.

- Tôi sẽ cố đưa anh vào bệnh viện, nhưng sau những việc anh đã làm ở đằng ấy, việc này chắc không thể nào thực hiện được. Clousiot cũng thế.

Sierra xoa chân cho tôi, xức cho tôi một ít thuốc mỡ, xem lại chỗ bó bột cho Clousiot rồi bỏ đi. Chúng tôi không nói gì với nhau được vì bọn cảnh sát đang đứng đấy, nhưng mắt anh ta nhìn tôi dịu dàng trìu mến đến nỗi tôi xúc động tận đáy lòng.

Hôm sau, Sierra nói trong khi xoa bóp cho tôi một lần nữa:

- Không có cách gì có thể đưa anh vào bệnh viện được. Anh có muốn tôi chạy cho anh được đưa vào một phòng giam chung không? Ban đêm anh có phải cùm chân không?

- Có

- Nếu vậy anh về phòng giam chung thì hơn. Anh vẫn bị cùm, nhưng không bị cô độc. Mà lúc này bị cô độc thì rất khổ cho anh.

- Đồng ý.

Phải, vào lúc này tình trạng bị cô độc còn khó chịu đựng hơn trước kia nữa. Trong tâm trạng của tôi hiện nay, thậm chí chẳng cần nhắm mắt tôi cũng có thể thả hồn đi lang thang trong dĩ vãng cũng như trong hiện tại. Và vì tôi không đi được, cho nên bị giam xà-lim bây giờ sẽ khổ hơn trước nhiều.

Thế là tôi đã thực sự trở về "con đường của sự thối nát". Thế mà trước đây tôi đã thoát ra khỏi con đường ấy rất nhanh, và đã bay trên mặt biển về phía tự do, về phía niềm vui được làm người trở lại, về phía sự phục thù nữa. Món nợ mà bộ ba Polein, cảnh sát và biện lý hãy còn mắc đối với tôi, tôi không được quên. Về phần cái rương, tôi không cần giao nó cho bọn cảnh binh gác

ngoài cổng sở Cảnh sát tư pháp. Tôi sẽ mặc giả làm nhân viên của hãng chuyên chở Cook, đầu đội một cái mũ lưỡi trai rất đẹp mang huy hiệu của hãng.

Trên rương dán một cái nhãn thật to: ủy viên Quận cảnh sát Benoit, 36 Quai des Orfevres à Paris (Seine). Tôi sẽ thân hành đưa cái gương lên phòng báo cáo, và vì tôi đã tính chính xác cho cái đồng hồ đánh thức khởi động ngòi nổ đúng vào lúc tôi đã ra về, cho nên vụ này không thể thất bại được. Tìm được giải pháp rồi tôi thấy lòng nhẹ hẳn đi. Về phần tên công tố viên, tôi có đủ thì giờ nhổ lưỡi hắn. Cách thức chưa được quyết định, nhưng việc này coi như đã giải quyết xong. Tôi sẽ cắt lưỡi hắn từng miếng một, cái lưỡi chuyên làm đĩ ấy.

Còn bây giờ thì mục tiêu nhãn tiền trước tiên là phải chữa cho khỏi đôi bàn chân. Tôi phải đi lại được càng nhanh càng tốt. Phải ba tháng nữa tôi mới bị đưa ra tòa xử, mà trong ba tháng thì có khối việc xảy ra. Một tháng để đi, một tháng để thu xếp mọi việc, thế là xin chào các ngài. Mục tiêu: Honduras thuộc Anh, nhưng lần này thì sẽ không có ai bắt được tôi nữa.

Hôm qua, ba ngày sau khi chúng tôi trở về trại, người ta đã khiêng tôi vào phòng giam chung. ở đấy có bốn mươi người đang chờ bị đưa ra hội đồng trừng giới. Người thì bị buộc tội ăn trộm, người thì tội ăn cướp, cố ý đốt nhà, giết người, mưu sát, vượt ngục hay tìm cách vượt ngục, và thậm chí cả tội ăn thịt

người nữa.

Phòng giam chia ra làm hai bên, mỗi bên có hai mươi người nằm trên dãy ván gỗ, chân quay ra phía giữa, và đều bị cùm vào một thanh sắt dài mười lăm mét: cứ đến sáu giờ chiều, chân trái mỗi người đều được mắc vào thanh sắt ấy bằng một cái vòng sắt lớn có thể khóa lại được. Đến sáu giờ sáng người ta tháo mấy cái vòng sắt ấy ra, và suốt ngày chúng tôi có thể ngồi, đi lại đánh cờ, nói chuyện trên cái lối đi rộng hai mét chạy qua suốt phòng. Ban ngày tôi không có thì giờ để buồn chán. Mỗi người đều đến thăm tôi từng tốp nhỏ để nghe tôi kể chuyện vượt ngục. Ai cũng kêu là tôi điên khi nghe tôi nói là đã tự ý rời bỏ cái bộ lạc Guajiros của tôi, bỏ cả Lali và Zoraima.

Một người Paris nói:

- Anh còn đi tìm cái gì nữa, hở anh bạn? Xe điện chăng? thang máy? rạp xi-nê? đèn điện và các đồ dùng chạy điện như ghế điện chẳng hạn? hay anh bạn muốn tắm ở cái bể nước trên quảng trường Pigalle? Làm sao thế anh bạn? anh cứ tiếp tục ở đấy thì có được hai cô đào cô nào cũng ngon lành, anh sống trần truồng giữa thiên nhiên với cả một lũ người nudistes* (*Nudisme là một phong trào thịnh hành ở Tây Âu, chủ trương không mặc áo quần để gần thiên nhiên hơn. Họ sinh hoạt trong những khu trại riêng, nội quy ấn định là ai nấy đều phải khỏa thân) rất dễ ưa anh ăn, anh uống, anh săn bắn, anh có biển, có nắng, có cát ấm, cho chí

ngọc trai cũng là của anh mà anh chẳng mất công gì cả, thế mà anh lại từ bỏ tất cả những cái đó để đi đâu? Anh nói đi nào? Để phải vượt qua các đường phố vừa đi vừa chạy cho khỏi bị xe cán, để bị bắt buộc phải trả tiền thuê nhà, tiền thợ may, tiền điện và tiền điện thoại, và nếu muốn có xe đi thì phải ăn trộm nếu không chịu làm việc như một thằng mọi cho một ông chủ để kiếm vừa đủ khỏi chết đói? Tôi thật không hiểu nổi anh, anh bạn ạ! Anh đang ở trên thiên đường, thế mà lại tự ý quay xuống địa ngục, nơi mà ngoài những nỗi lo âu của cuộc sống anh còn có thêm một mối lo nữa là phải trốn tránh tất cả những tên cảnh sát của toàn thế giới đang đuổi theo anh. Quả tình anh còn giữ được bầu máu Pháp còn tươi và chưa có đủ thì giờ thấy những năng lực thể chất và tinh thần của mình sa sút. Tôi đây với mười năm khổ sai vừa qua, tôi không còn hiểu được anh nữa. Nhưng thôi, dù sao anh đến đây chúng tôi cũng rất hoan nghênh. Và chắc chắn là anh vẫn giữ ý định làm lại từ đầu: vậy thì anh hãy tin rằng tất cả chúng tôi đều sẵn sàng giúp anh. Phải không các cậu? Các cậu đồng ý chứ?

Tất cả những người bị giam trong lán đều tỏ đồng tính, và tôi cảm ơn tất cả bọn họ.

Họ đều là những con người rất đáng sợ: điều đó tôi thấy rõ. ở chung chạ thế này thật khó lòng mà dấu họ: thế nào rồi người này hay người khác cũng sẽ nhận thấy tôi có plan. Vì ban đêm

mọi người đều bị cùm chân vào thanh sắt chung, cho nên giết một người nào đó một cách an toàn không phải là việc khó. Chỉ cần bí mật gặp tên A-rập giữ chìa khóa vào ban ngày rồi đút cho hắn một số tiền để hắn nhận lời không khóa kỹ cái vòng cùm chân. Đến đêm, sẽ tháo vòng ra, thực hiện ý định và thản nhiên trở về nằm ở chỗ cũ sau khi bóp chặt cái vòng lại. Vì tên A-rập là đồng lõa gián tiếp hắn sẽ câm như hến.

Tôi trở về đây đã được ba tuần. Ba tuần ấy đã qua khá nhanh. Tôi bắt đầu đi lại được chút ít bằng cách vịn vào thanh sắt ngăn cách hai dãy ván nằm. Tôi đang tập đi những bước đầu. Tuần trước, trong buổi hỏi cung, tôi đã gặp lại ba tên cảnh sát gác ở bệnh viện đã bị chúng tôi đánh ngất và tước súng. Họ rất hài lòng khi thấy chúng tôi trở về và hy vọng rằng một ngày kia chúng tôi sẽ rơi vào đúng chỗ họ canh gác. Vì sau chuyến vượt ngục của chúng tôi cả ba đều bị phạt nặng: bãi bó sáu tháng nghỉ phép ở châu Âu; cắt phụ cấp lương thuộc địa trong một năm. Thành thừ cuộc gặp gỡ giữa hai bên không lấy gì làm thân thiện. Chúng tôi báo cáo rõ những sự uy hiếp này trong buổi hỏi cung đề người ta ghi nhận.

Người A-rập giữ chìa khóa có một thái độ tốt hơn. Hắn chỉ nói đúng sự thật, không phóng đại và không nhắc đến vai trò của Maturette trong việc này. Viên đại úy kiêm dự thẩm đã hỏi đi hỏi lại rất nhiều xem ai là người đã kiếm thuyền cho chúng tôi.

Chúng tôi đã làm cho ông ta ngờ vực vì trót kể những chuyện không thể nào tin được, như là chuyện chúng tôi tự làm lấy bè, v.v...

Vì vụ đánh bọn giám thị, ông ta nói với chúng tôi rằng ông ta sẽ cố hết sức mình để đòi xử cấm cố năm năm cho tôi và Clousiot, ba năm cho Maturette.

- Và một khi anh đã mang biệt hiệu Bươm bướm, anh hãy tin tôi, tôi sẽ cắt hết cánh của anh, và anh chàng dễ gì bay lên được đâu.

Tôi rất sợ rằng ông ta nói đúng.

Chỉ còn đợi hai tháng nữa là ra tòa. Tôi tự trách mình rất nhiều là đã không bỏ vào plan một hoặc hai mũi tên tẩm thuốc độc. Giá bây giờ tôi còn hai mũi tên đó có lẽ tôi sẽ có thể chơi xả láng trong khu trừng giới.

Hiện nay mỗi ngày tôi đều có tiến bộ: tôi đi càng ngày càng khá hơn. Ngày nào cũng vậy, hai lần vào buổi sáng và buổi chiều, Sierra đến xoa bóp cho tôi bằng đầu long não rất đều. Những chuyến đến thăm và xoa bóp này giúp ít cho tôi rất nhiều về thể chất cũng như về tinh thần. Trên đời này có được một người bạn thật quý hóa vô cùng.

Tôi đã nhận thấy rằng cuộc vượt ngục mấy ngày vừa qua đã đem lại cho chúng tôi một uy tín không thể chối cãi đối với tất cả các phạm nhân. Tôi tin chắc rằng chúng tôi được an toàn tuyệt đối giữa đám người này. Chúng tôi không có nguy cơ bị giết. Tất cả

mọi người, không trừ một ai, đều kính trọng và hơn nữa còn khâm phục chúng tôi. Việc đánh ngất bọn gác đã làm cho chúng tôi được liệt vào loại người sẵn sàng làm bất cứ việc gì. Được cảm thấy mình an toàn cũng thật thú vị.
Mỗi ngày tôi lại đi nhiều thêm một ít, và nhiều khi nhờ cái chai dầu nhỏ mà Sierra để lại cho tôi, có những người tình nguyện xo bóp cho tôi không những hai bàn chân, mà cả các cơ của bắp chân đã bị teo lại vì lâu ngày không cử động.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Một người A-rap va đàn kiến

Trong phòng giam này có haingười rất trầm lặng, không bao giờ nói chuyện với ai. Lúc nào cũng dính chặt vào nhau, họ chỉ nói chuyện riêng với nhau, và nói nhỏ đến nỗi không ai có thể nghe thấy gì được.
Một hôm, được Sierra đem cho một bao thuốc lá Mỹ, tôi cho một trong hai người một điếu. Hắn cảm ơn tôi rồi nói:

- Francois Sierra là bạn anh phải không?
- Phải, đó là người bạn tốt nhất của tôi.
- Có lẽ một ngày kia, nếu mọi sự hỏng hết, chúng tôi sẽ nhờ anh ấy chuyển gia tài của chúng tôi cho anh.
- Gia tài gì thế?
- Tôi và bạn tôi đã quyết định là nếu bị đưa lên máy chém, chúng tôi sẽ chuyển plan của chúng tôi cho anh để anh dùng nó mà vượt ngục lần nữa.
- Hai anh nghĩ là sẽ bị xử tử à?
- Điều đó gần như chắc chắn, chúng tôi rất ít khả năng thoát khỏi.
- Nếu việc xử tử các anh đã chắc đến như vậy, sao họ lại để các anh trong phòng giam chung này?
Tôi nghĩ là họ sợ chúng tôi tự tử nếu được giam xà-lim riêng.
- à phải, có thể như thế. Thế các anh đã làm gì mà bị xử tử?
- Chúng tôi đã cho một đàn kiến ăn thịt một thằng A-rập Việc này tôi nói ra là vì họ có bằng chứng không thể chối cãi được. Chúng tôi đã bị bắt quả tang.
- Việc xảy ra ở đâu?
- ở Cây số 42, ở trại tử thần cạnh vịnh Sparouine.
Bạn anh ta đã đến cạnh chúng tôi, đó là một người Toulouse. Tôi cho anh ta một điếu thuốc lá Mỹ. Anh ta ngồi xuống bên cạnh bạn, trước mặt tôi.

- Chúng tôi chưa bao giờ hỏi ý kiến ai cả, - người mới đến nói, - nhưng tôi rất muốn biết anh nghĩ về chúng tôi như thế nào.
- Anh bảo làm sao tôi có thể nói được, trong khi tôi chưa biết gì hết, về vấn đề các anh đúng hay sai khi cho kiến ăn một con người đang sống, dù là một người "giữ chìa khóa" A-rập? Muốn có ý kiến, tôi phải biết hết sự việc từ A đến Z.
- Để tôi kể cho anh nghe, -- người Toulouse nói.
Trại Cây số 42, Saint-Laurent bốn mươi hai cây số, là một trại lâm nghiệp. ở đấy tù khổ sai phải đẵn mỗi ngày một mét khối gỗ cứng. Đến chiều anh phải đứng cạnh chỗ gỗ anh đã đẵn và xếp gọn lại. Bọn giám thị, có bọn giữ chìa khóa người A-rập đi theo, vào tận nơi ở trong rừng để kiểm tra xem anh đã đạt chỉ tiêu chưa. Nếu được coi là đạt, mỗi khối gỗ được đánh dấu bằng sơn đỏ, sơn xanh hay vàng, tùy từng ngày. Họ chấp nhận nếu mỗi thanh gỗ đều là gỗ cứng. Để làm việc tốt hơn, hai người lập thành một kíp. Nhiều khi chúng tôi không thể đạt chỉ tiêu được. Những lúc ấy tối về họ nhốt chúng tôi vào xà-lim không cho ăn, và sáng hôm sau, vẫn phải nhịn đói, chúng tôi lại bị đưa đi làm việc: ngày hôm ấy, ngoài chỉ tiêu bình thường ra còn phải làm thêm để bù cho gỗ thiếu hôm qua. Cứ cái đà ấy thì chẳng bao lâu mà chết vì kiệt sức.
"Với cái tình trạng này, chúng tôi mỗi ngày một yếu đi và càng ít khả năng làm đủ chỉ tiêu. Thêm vào đấy, người ta cắt cho chúng

tôi một tên gác riêng không phải là giám thị, mà là một thằng A-rập. Hắn đi với chúng tôi ra công trường, tìm chỗ ngồi thật thoải mái, cái roi cặc bò đặt giữa háng, mồm không ngớt chửi mắng chúng tôi. Khi ăn, hắn nhai chóp chép thật to để cho chúng tôi thèm. Nói tóm lại là một sự hành hạ liên tục. Chúng tôi có hai cái plan mỗi cái đựng ba ngàn frances, để dùng khi vượt ngục. Một hôm chúng tôi quyết định mua gã A-rập. Bấy giờ tình thế càng tệ hơn. Cũng may là từ trước tới nay hắn vẫn tưởng hai chúng tôi chỉ có một plan. Phương sách của hắn rất giản dị: chẳng hạn đưa cho hắn năm mươi francs thì hắn cho chúng tôi đến các khối gỗ đã được duyệt hôm trước, lấy trộm những thanh gỗ không dính sơn để thêm vào khối gỗ của ngày hôm ấy. Cứ như thế, lần thì năm mươi francs, lần thì một trăm, hắn đã bòn được của chúng tôi gần hai ngàn francs.

“Thấy chúng tôi đã bắt đầu đạt được chỉ tiêu, họ rút thằng A-rập về. Nghĩ rằng hắn sẽ không tố giác chúng tôi vì đã bòn được của chúng tôi một số tiền lớn như vậy, chúng tôi tiếp tục lấy cắp gỗ ở các khối đã duyệt để thêm vào khối gỗ chỉ tiêu hàng ngày như khi còn thằng A-rập. Một hôm hắn ngấm ngầm theo dõi chúng tôi từng bước, để xem chúng tôi có lấy cắp gỗ không. Rồi hắn bỗng lộ mặt ra: “à! à. Vẫn lấy cắp gỗ mà không chịu trả tiền cho tao? Nếu mày không đưa tao năm trăm francs, tao sẽ tố giác”. Nghĩ rằng hắn chỉ dọa thế thôi, chúng tôi từ chối.

Hôm sau hắn lại trở lại:

- Trả tiền đi không thì tối nay mày vào xà-lim.

Chúng tôi lại từ chối. Đến chiều hắn trở lại có mấy tên lính đi theo. Thật kinh khủng, Papillon ạ! Sau khi lột trần truồng chúng tôi ra, họ dẫn tôi đến những khối gỗ mà chúng tôi đã lấy bớt, rồi bắt chúng tôi chạy về tháo tung các khối mới xếp được rồi lại chạy ra xếp gỗ vào những khối bị lấy bớt, còn chúng nó thì chạy theo sát gót chúng tôi, tên A-rập luôn tay quất roi cặc bò vào người chúng tôi. Cuộc "corrida" này kéo dài hai ngày, chẳng ăn uống gì hết. Mỗi lần chúng tôi ngã xuống, tên A-rập lại đá vào người hay dùng roi cặc bò quất chúng tôi túi bụi. Cuối cùng chúng tôi nằm ì ra đất, vì không còn sức đâu mà gượng dậy được nữa. Anh có biết nó làm thế nào để bắt chúng đứng dậy không? Nó đã lấy một cái tổ ong lửa, một loại ong vò vẽ hoang ở trong khu rừng này. Nó chặt cái cành có một bầy ong làm tổ và chà cái cành ấy lên người chúng tôi. Đau đến phát điên lên được, không những chúng tôi đứng dậy mà còn chạy như điên. Anh thừa biết ong vò vẽ đốt đau như thế nào. Thế mà mỗi chúng tôi bị đến năm sáu chục con đốt, anh cứ tưởng tượng xem. Ong lửa đốt đau nhức ghê gớm, còn hơn cả ong vò vẽ.

Họ giam xà-lim, bắt chúng tôi ăn bánh mì chấm nước lã mười ngày liền, không chữa chạy gì hết. Chúng tôi đã bôi nước đái lên các vết đốt, nhưng vẫn bỏng rát suốt ba ngày liên tục. Tôi mù

mất con mắt trái vì nó đến một chục con ong lửa bâu vào đấy. Khi họ cho chúng tôi trở về trại, các phạm nhân khác quyết định giúp chúng tôi. Mỗi người chia cho chúng tôi một thanh gỗ cứng có kích thước thống nhất. Gộp lại cũng được một khối, thành thử cả hai chúng tôi chỉ còn phải cắt một khối nữa thôi. Trong tình trạng của chúng tôi lúc bấy giờ, cắt được một khối cũng hết sức vất vả. Nhưng chúng tôi đã cắt được. Dần dà, chúng tôi cũng đã lấy lại sức. Chúng tôi đã cắt rất nhiều. Rồi cũng do sự tình cờ mà chúng tôi nảy ra cái ý trả thù tên A-rập bằng một đàn kiến. Trong khi đi tìm gỗ cứng, chúng tôi phát hiện một cái tổ kiến ăn thịt rất lớn trong một bụi rậm, đang ăn thịt một con hoẵng to bằng con dê.

Thằng A-rập vẫn đi tuần để kiểm tra công việc chặt gỗ. Một hôm chúng tôi dùng cán rìu đánh vào đầu cho hắn ngất đi, rồi kéo lê hắn đến cạnh cái tổ kiến. Chúng tôi lột trần hắn ra và để hắn nằm thành hình cung quanh một góc cây, chân tay trói chặt vào gốc cây bằng những sợi thừng lớn dùng để buộc gỗ.

Chúng tôi dùng rìu cửa đứt mấy chỗ trên người hắn. Chúng tôi lại nhét cỏ vào đầy mồm hắn để hắn không thể kêu được, rồi lấy khăn buộc chặt ra ngoài. Xong đâu đấy chúng tôi đứng đợi. Đàn kiến chỉ bắt đầu tấn công khi chúng tôi thọc một cái gậy vào tổ kiến và lay mạnh cho kiến rơi xuống người tên A-rập.

Sự việc chẳng kéo dài được bao lâu. Một nửa giờ sau hàng ngàn

kiến đã bâu lên tên A-rập. Anh bao giờ trông thấy loài kiến ăn thịt chưa?

- Chưa, chưa bao giờ. Tôi có thấy loại kiến đen rất lớn.

- Loài kiến này thì nhỏ li ti mà màu đỏ như máu. Chúng giật những mảnh thịt nhỏ xíu và tha về tổ. Nếu chúng tôi đã bị đau vì ong đốt, anh thứ tưởng tượng hắn đã phải đau đớn như thế nào khi bị hàng ngàn con kiến như thế rứt thịt từng tí một trong khi còn sống.

Cơn hấp hối của hắn đã kéo dài trọn hai ngày và một buổi sáng. Sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ, hắn không còn mắt nữa.

Tôi thừa nhận rằng hai đứa chúng tôi đã tàn nhẫn trong cách trả thù, nhưng phải thấy rõ bản thân hắn đã tàn bạo đối với chúng tôi đến mức nào. Chúng tôi không chết cũng là chuyện thần kỳ. Dĩ nhiên người ta đi tìm tên A-rập khắp nơi, và bọn giữ chìa khóa A-rập khác, cũng như bọn lính gác, đều nghi ngờ rằng chúng tôi không phải không liên quan gì đến việc hắn mất tích.

Trong một bụi rậm khác, mỗi ngày chúng tôi đào một ít để có một cái lỗ dùng để chôn xác hắn. Họ vẫn chưa biết gì về tên A-rập, thì một hôm có tên lính gác trông thấy chúng tôi đang đào lỗ. Đến hôm sau, khi đi làm hắn đi theo chúng tôi để xem thử chúng tôi làm gì. Chính vì thế mà chúng tôi bị lộ.

Sáng hôm ấy, khi đến nơi làm việc, chúng tôi cởi dây trói thằng A-rập vẫn còn đầy kiến nhưng gần như chỉ còn xương, và trong

khi chúng tôi đang lôi nó về phía cái hố (chúng tôi không khiêng nó được vì sợ bị kiến đốt đến trọng thương), chúng tôi bị ba tên A-rập giữa chìa khóa và hai tên giám thị bắt gặp. Họ đã nấp kín đợi một cách kiên nhẫn cho đến khi chúng tôi chôn nó.

Thế đấy! Chúng tôi một mực khai rằng đã giết hắn chết rồi mới cho kiến ăn. Lời buộc tội căn cứ vào biên bản của bác sĩ pháp y nói rằng không thấy có một vết thương nào chết người trên mình hắn: người ta khẳng định rằng chúng tôi đã cho kiến ăn hắn trong khi hắn còn sống.

Người lính canh được phân làm trạng sư cho chúng tôi theo tập quán xử án ở đây có nói với chúng tôi rằng nếu câu chuyện của chúng tôi được chấp nhận thì.chúng tôi có thể thoát chết. Nếu không, có thể nắm chắc án tử hình. Nói thật, chúng tôi rất ít hy vọng. Chính vì thế mà tôi và bạn tôi đã chọn anh làm người thừa hưởng gia tài mà không nói cho anh biết. Ta hãy hy vọng rằng tôi sẽ không thừa hưởng gia tài của các anh, tôi thành tâm cầu mong như vậy.

Chúng tôi châm thuốc hút, và tôi thấy họ nhìn tôi có ý chờ đợi tôi nói rõ ý kiến của mình.

- Tôi biết hai anh đang đợi tôi nói rõ cách phán xét của tôi về trường hợp của hai anh, với tư cách một con người, như hai anh đã yêu cầu trước khi kể chuyện. Xin hỏi một câu cuối cùng - điều này sẽ không có ảnh đối với kết luận của tôi: số đông trong

phòng này nghĩ thế nào, và tại sao hai anh không nói chuyện với ai cả?

- Số đông nghĩ rằng chúng tôi phải giết hắn, nhưng không nên để kiến ăn sống hắn. Còn sở dĩ chúng tôi im lặng không nói chuyện với ai là vì trước đây có một cơ hội vượt ngục bằng cách nổi loạn, thế mà họ không chịu làm.

- Bây giờ tôi xin nói ý kiến của tôi. Các anh trả lại gấp trăm những gì mà hắn đã làm cho các anh là đúng: cái vụ tổ ong lửa không thể nào tha thứ được. Nếu các anh lên máy chém, đến phút cuối cùng các anh hãy nghĩ thật tập trung về một điều duy nhất: Họ sắp chặt đầu tôi, việc này sẽ kéo dài ba mươi giây kể từ khi trói tay, đẩy vào cái cùm cố cho đến khi lưỡi dao sập xuống. Còn hắn đã hấp hối trong sáu mươi tiếng đồng hồ. Tôi là người thắng cuộc". Về phần có liên quan đến những người trong phòng này, tôi không biết các anh có đúng không, vì hồi ấy các anh tin rằng một cuộc nổi loạn vào hôm ấy có thể đưa đến cuộc vượt ngục chung, còn những người khác thì có thể không nghĩ như vậy. Mặt khác, trong một cuộc nổi loạn bao giờ người ta cũng có thể bị đặt vào tình thế phải giết người một cách bất đắc dĩ. Thế nhưng trong tất cả những người ở đây chỉ có hai anh và anh em Graville là có nguy cơ bị xử tử. Các bạn ạ, mỗi tình thế cá biệt đều đưa đến những phản ứng khác nhau, nhất định là như thế. Thỏa mãn với buổi nói chuyện, hai con người đáng thương ấy lui

về chỗ và lại bắt đầu sống trong sự im lặng mà họ vừa phá vỡ trong chốc lát để nói chuyện với tôi.

“Nó chén mất cái chân gỗ rồi!” “Một ra-gu dùi gỗ, một!”.
Hoặc bắt chước giọng đàn bà: một suất bít-tết đàn ông rán kỹ không bỏ hạt tiêu nhé!”.
Giữa đêm khuya thỉnh thoảng lại nghe la lên một câu như vậy hoặc cả ba câu liền.
Clousiot và tôi cứ băn khoăn không hiểu tại sao lại có những câu nói ném ra một cách bâng quơ như vậy trong đêm khuya.
Cho đến chiều nay tôi mới biết căn nguyên câu chuyện. Người kể cho tôi nghe là một nhân vật của câu chuyện tên là Marius de la Ciotat, chuyên gia về két sắt. Khi đã biết rằng tôi có quen với bố anh ta, ông Titin, anh ta không ngần ngại nói chuyện với tôi. Sau khi kể cho anh ta nghe một phần trong chuyến vượt ngục của tôi, tôi hỏi: “Còn anh?” - hỏi lại như vậy là điều rất tự nhiên.
- ồ, tôi thì đã tham gia vào một chuyện rất xấu xa. Tôi e rằng chỉ vì một cuộc vượt ngục mà lĩnh năm năm cấm cố. Nó được mệnh

danh là "cuộc vượt ngục của những kẻ ăn thịt người". Những câu "Nó chén rồi" hay là "một ra-gu, v.v..." và thỉnh thoảng anh có nghe thấy là nói về hai anh em Graville.

"Chúng tôi có sáu người trốn từ Cây số 42. Trong bọn có cả Dédé và Jean Graville, anh ba mươi lăm tuổi, em ba mươi, vốn là người Lyon, một người Naples ở Marseille và tôi, người ở La Ciotat, rồi thì một anh chàng ở Angers có một chân gỗ và một cậu thanh niên hai mươi ba tuổi, được hắn dùng làm vợ. Khi ra khỏi sông Maroni thì ổn cả, nhưng ra đến biển chúng tôi không sao điều khiển được thuyền, và chỉ trong mấy tiếng đồng hồ đã bị giạt vào bờ biển Guyane thuộc Hà Lan.

"Thuyền bị đắm, mất sạch không vớt vát được chút gì lương thực cũng như đồ đạc. May mà hãy còn giữ dược những áo quần đang mặc trên người. Nơi chúng tôi bị giạt vào không có bãi cát, biển vào thẳng trong rừng rậm. Chỗ này những cây bị gẫy gốc hay bị biển bứng lên cả rễ đan chi chít vào nhau.

"Đi suốt một ngày mới đến chỗ khô ráo. Chúng tôi chia ra làm ba nhóm, nhóm thứ nhất là hai anh em Graville, tôi với Guesepi đi với nhau, còn gã chân gỗ đi với thằng bạn nhỏ. Mỗi nhóm đi về một phía, nhưng mười hai ngày sau nhóm Graville và nhóm chúng tôi lại gặp nhau gần đúng ở chỗ đã chia tay nhau. Xung quanh toàn là bùn lầy, tìm mãi không có một lối nào qua được. Không cần phải tả cho anh thấy mặt mũi chúng tôi lúc bấy giờ ra

sao. Suốt mười ba ngày chúng tôi không ăn gì ngoài mấy mẩu rễ cây hay mầm cây. Đói và mệt lả, hoàn toàn kiệt sức, chúng tôi quyết định là Marius và tôi sẽ thu hết tàn lực trở ra bờ biển, buộc một chiếc áo sơ mi lên một ngọn cây, càng cao càng tốt, để ra đầu thú với chiếc tàu tuần tra bờ biển đầu tiên của Hà Lan thế nào cũng sẽ đi qua đấy. Hai anh em Graville sẽ ở lại nghỉ vài giờ rồi đi tìm vết tích của hai người kia.

Tìm chắc cũng dễ vì ngay từ đầu chúng tôi đã thỏa thuận là sẽ bẻ cành cây đánh dấu những chỗ vừa đi qua.

Thế rồi mấy giờ sau, hai anh em thấy gã chân gỗ trở lại một mình.

- Còn thằng bé đâu?

- Tớ để nó ngồi lại cách đây rất xa, vì nó không đi được nữa.

- Cậu bỏ nó lại như vậy thật là quá tệ.

- Chính nó muốn quay lại.

Đến đấy Dédé nhận thấy cái chân duy nhất còn lại của hắn đi một chiếc giày của cậu bé.

- Cậu lại còn bắt nó cởi giày ra cho cậu đi nữa. à! Khá thật. Mà cậu có vẻ khỏe khoắn lắm chứ không phải như chúng mình. Rõ ràng là cậu vừa được ăn.

- Đúng, tớ tìm được một con khỉ lớn bị què.

- Thế thì may cho cậu. - Đến đây Dédé đứng dậy, con dao lăm lăm trong tay, vì anh ta eảm thấy mình đã hiểu ra được một điều

gì khi nhìn thấy cái túi dết của gã kia căng phồng lên.
- Mở túi dết ra. Cái gì ở trong ấy?
Hắn mở túi dết ra thì thấy có một súc thịt.
- Cái gì đấy?
- Miếng thịt khỉ ấy mà!
- Đồ khốn kiếp, mày đã giết thằng bé để ăn thịt!
- Không phải đâu Dédé, tớ thề như vậy. Cậu ấy mệt quá chết rồi, tớ có ăn một ít. Cậu tha cho tớ.
Hắn chưa nói hết câu thì con dao đã đâm sâu vào bụng hắn. Lục soát trong người hắn, Dédé tìm thấy một cái túi da có đựng diêm và tấm bìa quẹt.
Hai người giận điên lên khi thấy cái túi đựng diêm ấy vì như thế là khi chia tay nhau gã kia không chịu chia đều số diêm cho các nhóm khác. Thêm vào đấy lại đói nữa, thế là họ đốt lứa và bắt đầu nướng thịt gã chân gỗ ăn.
Guesepi đến trong khi hai người đang chén. Họ mời anh ta. Guesepi từ chối. ở bờ biển anh ta đã ăn mấy con cua và mấy con cá sống. Anh ta bên đứng nhìn từ bên ngoài cái cảnh hai anh em Graville nướng miếng thịt trên than hồng, dùng cả cái chân gỗ để đun bếp. Như vậy là trong hai ngày liền Guesepi đã trông thấy hai anh em Graville ăn thịt gã kia; anh ta lại còn trông thấy rõ những bộ phận họ đã ăn: cái bắp chân, cái đùi, bộ mông.
Còn tôi, - Marius nói tiếp, - tôi đang đứng chờ ở bờ biển.

Guesepi ra tìm tôi. Chúng tôi bắt cua và cá nhỏ bỏ đầy một cái mũ và đem về bếp anh em Graville để nướng. Tôi không trông thấy xác thằng chân gỗ, chắc họ đã lôi đi chỗ khác. Nhưng tôi có trông thấy mấy miếng thịt còn để ở một bên đống lửa, trên lớp tro.

Ba hôm sau, một chiếc tàu tuần tra bờ biển cho chúng tôi lên và giao chúng tôi lại cho trại tù Saint Laurent - Du-Maroni.

"Guesepi đã không chịu giữ mồm giữ miệng. Tất cả những người ở trong phòng này đều biết sự việc đã xảy ra, ngay cả bọn gác cũng biết. Tôi kể cho anh nghe vì ai cũng biết hết rồi; anh em Graville là người xấu tính, cho nên mấy người khác mới ném ra những câu mà anh đã từng nghe giữa đêm khuya.

Chúng tôi bị chính thức lên án về tội vượt ngục kèm theo tôi ăn thịt người. Cái gay là ở chỗ để tự bào chừa tôi phái tố cáo anh em Graville, mà điều đó thì không thể được. Cả bọn, trong đó có cả Guesepi, đều phủ nhận việc này trong các buổi hỏi cung. Chúng tôi đều nói là hai người kia đã mất tích trong rừng. Tình cảnh của tôi là như thế đấy, Papillon ạ".

- Tôi chia buồn với cậu, vì quả thực cậu chỉ có thể tự bào chữa bằng cách tố cáo người khác.

Một tháng sau, Guesepi bị giết bằng một nhát dao đâm vào giữa tim trong lúc đang đêm. Thậm chí người ta cũng chẳng cần tự hỏi xem ai đã giết hắn.

Đó là sự thật trong câu chuyện những người vượt ngục đã ăn thịt một người trong bọn bằng cách nướng hắn trên ngọn lửa đốt hằng cái chân gỗ của hắn, và trước đó bản thân người này đã ăn thịt thằng bạn nhỏ cùng đi với hắn.

Đêm ấy tôi nằm ở một chỗ khác trên sạp gỗ: người trước đó nằm ở đây đã bị chuyển đi nơi khác. Tôi lại xin mọi người xê ra một quãng, thế là Clousiot có chỗ nằm cạnh tôi.

Từ chỗ tôi nằm, dù chân trái bị cùm vào thanh sắt dài, ngồi dậy tôi vẫn thấy được những ai đang diễn ra ở ngoài sân.

Sự giám sát nghiêm ngặt đến mức các đợt đi tuần hầu như kế tiếp nhau không hở phút nào, và bất cứ lúc nào cũng có những đội tuần tra đi đến từ phía ngược lại với đội trước.

Bây giờ chân tôi đã đi được rất khỏe, và chí có khi nào trời mưa tôi mới thấy đau nhức. Vậy là tôi đã đủ sức để tiến hành một cuộc vượt ngục khác, nhưng bằng cách nào? Phòng này không có cửa sổ, chỉ có một dãy song sắt rất lớn ghép liền thành một bức rào chạy hết chiều ngang và lên đến tận mái. Vị trí của nó cho phép gió đông bắc thổi vào phòng lồng lộng. Tuy đã quan sát suốt cả tuần, tôi vẫn chưa tìm được một chỗ nào sơ hở trong cách giám sát của bọn canh ngục. Lần đầu tiên, tôi hầu như đã phải chịu rằng họ sẽ có thể đưa tôi vào nhà giam cấm cố ở đảo Saint-Joseph.

Nghe nói là nhà giam này rất khủng khiếp. Người ta gọi nó là cái

nhà giam "ăn thịt người". Thêm một tài liệu nữa: nó tồn tại đã tám mươi năm nay mà chưa hề có một người nào trốn ra ngoài được.

Dĩ nhiên một khi hầu như đã chấp nhận mình thua cuộc như vậy, tôi phải nhìn về tương lai. Tôi đã hai mươi tám tuổi, mà viên đại úy dự thẩm đòi giam tôi năm năm cấm cố. Rút ngắn thời hạn này là việc hết sức khó khăn. Vậy thì khi ra khỏi nhà giam cấm cố tôi sẽ được ba mươi ba tuổi.

Tôi còn có nhiều tiền trong plan. Vậy nếu tôi không vượt ngục được - điều này gần như chắc chắn nếu cứ theo những điều tôi được biết - ít nhất tôi cũng phải làm thế nào để giữ được sức khỏe cho tốt. Năm năm trong cảnh hoàn toàn cô độc khó lòng có thể chịu đựng nổi mà không phát điên. Cho nên tôi dự tính sẽ luyện tập ngay từ ngày đầu bị cấm cố cho bộ óc của tôi hoạt động thật ngăn nắp theo một phương trình được ấn định chính xác và đa dạng. Phải cố tránh đến mức tối đa những lối mơ tưởng "xây lâu đài ở Tây Ban Nha"*(*thành ngữ Pháp có nghĩa là mơ ước những chuyện hão huyên) và nhất là tránh mơ ước những cách trả thù. Vậy ngay từ bây giờ tôi đã chuẩn bị vượt qua sự trừng phạt khủng khiếp đang chờ tôi và ra khỏi nhà giam cấm cố với tư thế của người chiến thắng. Phải, chúng nó sẽ chẳng được xơ múi gì. Tôi sẽ ra khỏi nhà giam cấm cố với một thể lực tốt, hoàn toàn làm chủ những năng lực thể chất và tinh thần của

mình.

Xác lập được những dự định này và điềm tĩnh chấp nhận những gì đang đợi tôi là một điều làm cho tôi thêm vững vàng. Ngọn gió biển lùa vào phòng mơn trớn tôi trước khi thổi đến những người khác và thực sự làm cho tôi thêm sảng khoái.

Clousiot biết rõ khi nào tôi không muốn nói chuyện. Cho nên anh ta không quấy rầy những phút yên lặng của tôi, và chỉ hút nhiều thuốc lá. Nhìn thấy mấy ngôi sao ở trên trời, tôi nói với anh:

- Nằm ở chỗ cậu có thấy sao không?

- Có anh ta nói, người hơi nghiêng về phía trước.

- Tôi thấy đừng nhìn sao thì hơn vì nó làm cho tôi nhớ những ngôi sao trong chuyến vượt ngục vừa qua quá. Cậu đừng buồn, chúng ta sẽ thấy lại hằng ngày trong một chuyến vượt ngục khác.

- Bao giờ? Năm năm nữa à?

- Clousiot ạ, cái năm mà chúng ta vừa được sống qua, tất cả những chuyện ly kỳ đã xảy ra đến với chúng ta, những con người mà chúng ta đã quen được biết chẳng lẽ lại không đáng giá năm năm cấm cố hay sao? Cậu thích ở Quần đảo ngay từ đầu hơn là đã dự cuộc vượt ngục ấy sao? Vì mấy năm cấm cố đang đợi chúng ta chắc chắn là những năm đọa đày, cậu tiếc là đã có mặt trong cuộc vượt ngục ấy sao? Cậu hãy trả lời thành thật đi, cậu có tiếc không?

- Papi ạ, cậu quên mất một điều: tôi không hề được sống bảy cái tháng thần tiền của cậu ở làng Anh-điêng. Giá tôi đã cùng đến đấy với cậu, tôi cũng sẽ nghĩ như cậu, nhưng đằng này trọn thời gian ấy tôi lại phải ngồi tù.

- Xin lỗi cậu, tôi quên mất, tôi nói bậy.

- Không, cậu không nói bậy: dù sao tôi cũng rất hài lòng về chuyến vượt ngục của chúng ta, vì chính tôi cũng đã được sống những giờ phút không thể nào quên được. Chỉ có điều tôi cũng hơi lo sợ trước những gì đang chờ tôi ở cái nhà giam "ăn thịt người". Năm năm cắm cố là một cái gì hầu như không thể qua nổi.

Tôi liền nói với Clousiot biết những điều tôi đã quyết định làm, và tôi cảm thấy anh ta có một phản ứng rất tích cực. Thấy bạn lấy lại được sức mạnh tinh thần, tôi rất mừng. Còn mười lăm ngày nữa chúng tôi phải ra tòa. Theo những lời dồn đại viên thiếu tá sẽ đến đây chủ tọa hội đồng trừng giới có tiếng là người nghiêm khắc, nhưng hình như lại là người rất trung trực. Ông ta không dễ gì tin vào những lời xúc xiểm của Ban quản trị nhà tù. Vậy nên coi đó là một tin mừng thì hơn.

Clousiot và tôi (vì Maturette ngay khi trở về trại đã bị nhốt vào xà-lim riêng) đều không chịu nhận một viên giám thị làm trạng sư bào chữa. Cả hai quyết định rằng tôi sẽ nói thay cho cả ba chúng tôi và sẽ bào chữa cho cả nhóm.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Cuộc xét xử

Sáng hôm ấy, râu cạo nhẵn, tóc hớt gọn ghẽ, mình mặc một bộ đồ phạm nhân có sọc đỏ, chân đi giày, chúng tôi đứng trong sân đợi đến giờ được đưa ra tòa.

Chân Clousiot đã được tháo băng bột từ hai tuần trước. Anh ta đi bình thường, không bị khập khiễng.

Hội đồng trừng giới bắt đầu họp từ ngày thứ hai.

Sáng hôm nay là ngày thứ bảy, vậy trước chúng tôi đã có năm ngày xét xử các vụ khác: việc xét xử hai người cho kiến ăn tên A-rập đã choán hết một ngày. Cả hai đều bị xử tử, và từ đấy tôi không gặp lại họ nữa. Hai anh em Graville chỉ bỉ bốn năm cấm cố (vì thiếu bằng chứng về hành động ăn thịt người). Việc xét xử hai người đã kéo dài hơn nửa ngày. Trong phần còn lại, các phạm nhân can tội giết người bị xử năm hay bốn năm cấm cố. Nhìn chung đối với mười bốn phạm nhân bị đưa ra xử, những hình phạt được ứng dụng đều có phần nghiêm khắc nhưng cũng

đều chấp nhận được, không có trường hợp nào quá đáng....
Buổi xử bắt đầu lúc bảy giờ ba mươi phút. Chúng tôi đang đứng trong phòng xử thì một viên thiếu tá mặc quân phục kỵ binh lạc đà bước vào, có một viên đại úy bộ binh già và một viên trung úy đi theo phụ tá.
ở bên phải tòa một viên giám thị đeo lon đại úy làm người đại diện cho Ban quản trị, tức cho phía buộc tội.
Hôm nay Hội đồng xét vụ Charrière. Clousiot, Maturette.
Chúng tôi đứng cách tòa khoảng bốn mét. Tôi có đủ thì giờ nhìn kỹ mái đầu dãi nắng gió sa mạc của viên thiếu tá bốn mươi, bốn nhăm tuổi ấy, với đôi thái dương ngả màu bạch kim. Một đôi mày rất rậm trên một đôi mắt đen và sáng quen nhìn thẳng vào mắt mọi người. Đó là một quân nhân thực thụ. Cái nhìn của ông ta không có gì tàn ác. Ông nhìn kỹ vào mắt chúng tôi, như thể cân nhắc, đánh giá chúng tôi trong vài giây.
Mắt tôi gắn chặt vào cái nhìn của ông một lát, rồi tôi cố tình cụp mắt xuống.
Viên đại úy đại diên cho Ban quản trị lên án chúng tôi một cách gay gắt quá mức, và chính điều đó sẽ làm cho ông ta thua cuộc. Ông ta gọi hành động đánh vào đầu mấy tên giám thị để vô hiệu hóa chúng trong chốc lát là một "cuộc mưu sát". Về phần tên giữ chìa khóa A-rập, ông ta khẳng định rằng chúng tôi đánh hắn tới tấp như vậy mà hắn không chết chẳng qua là do một sự may mắn

thần kỳ. Ông ta lại phạm một sai lầm nữa khi nói rằng chúng tôi là những tên khổ sai đã đem nỗi ô nhục của nước Pháp đi bêu riếu tận những nơi xa xôi nhất kể từ khi trại khổ sai được thành lập cho đến nay: "Đến tận Colombia. Những con người này, kính thưa quan chánh án, đã vượt qua hai ngàn năm trăm cây số để làm cái việc đó. Trinidad, Curacao, tất cả các quốc gia đó chắc chắn là đã phải nghe những lời vu khống hèn hạ nhất về chế độ trừng giới của nước Pháp.

"Tôi yêu cầu Tòa xử hai tội tách biệt với tổng số tám năm cấm cố: năm năm vì tội mưu sát, và ba năm vì tội vượt ngục. Đó là về phần Charrière và Clousiot.

Còn về phần Maturette thì tôi chỉ yêu cầu giam ba năm về tội vượt ngục, vì qua cuộc điều tra có thể thấy rõ tên này không tham dự vào cuộc mưu sát.

Quan Chánh án:

- Tòa muốn được nghe kể hết sức vắn tắt về hành trình vượt biển này".

Tôi kể lại chuyến vượt biển đến Trinidad, bỏ qua phần trên sông Maroni. Tôi mô tả gia đình Bowen với những hành động đầy tình nhân ái của họ. Tôi dẫn lại lời viên chỉ huy cảnh sát ở Trinidad: "Chúng tôi không có bổn phận phán xét hệ thống tư pháp của nước Pháp, nhưng chúng tôi không thể tán thành việc họ đày các phạm nhân của họ sang Guyane, và chính vì thế mà

chúng tôi giúp các anh"; Curacao, Đức Cha Irénée de Bruyne, câu chuyện cái túi tiền florins, rồi xứ Co-lom-bia, tại sao chúng tôi đến đấy. Vài câu vắn tắt về mấy tháng tôi ở với người Anh-điêng. Ông thiếu tá im lặng nghe tôi kể, không lần nào ngắt lời. Ông chỉ hỏi thêm vài chi tiết về sinh hoạt của tôi trong bộ lạc Anh-điêng, một giai đoạn đã làm cho ông ta hết sức thích thú. Rồi đến các nhà tù Colombia, đặc biệt là cái chuồng giam ngầm của nhà tù Santa Marta.

- Cám ơn, những điều anh vừa kể đã giúp Tòa sáng tỏ thêm và đồng thời đã khiến cho Tòa rất quan tâm. Ta sẽ nghỉ mười lăm phút. Tôi không trông thấy các trạng sư bào chữa cho các anh ở đâu cả, vậy họ ở đâu?

- Chúng tôi không có trạng sư bào chữa. Tôi xin Tòa chấp nhận cho tôi được bào chữa cho các bạn tôi và cho bản thân tôi.

- Anh có thể làm việc đó, quy chế thừa nhận quyền tự bào chữa của anh.

- Cám ơn.

Mười lăm phút sau phiên tòa lại tiếp tục.

Quan Chánh án:

- Charrière, tòa cho phép anh trình bày phần bào chữa cho các bạn anh và cho bản thân anh. Tuy nhiên chúng tôi báo trước để anh biết rằng Tòa sẽ tước quyền phát biểu của anh nếu anh tỏ ra thiếu tôn trọng vị đại diện của Ban quản trị. Anh hoàn toàn có

quyền tự bào chữa một cách tự do, nhưng với những lời lẽ đứng đắn. Tòa nhường lời cho anh.

- Tôi xin Tòa dứt khoát gạt bỏ lời tố cáo chúng tôi mưu sát. Đây là một điều không thể tin được, và tôi xin chứng minh điều đó: năm ngoái tôi hai mươi bảy tuổi, còn Clousiot thì ba mươi. Chúng tôi đều đang tuổi sung sức, lại mới ở Pháp sang. Chúng tôi cao một mét bảy mươi tư và một mét bảy mươi lăm. Chúng tôi đã dùng hai cái chân giường bằng sắt để đánh người A-rập giữ chìa khóa và mấy người giám thị. Trong cả bốn người ấy không có ai bị thương tích gì đáng kể. vậy họ đã bị đánh một cách rất thận trọng vì chúng tôi nhằm làm cho họ choáng đi mà không làm cho họ bị thương, và chúng tôi đà đạt dược mục đích ấy. Viên giám thị buộc tội chúng tôi đã quên nói, hoặc không biết, rằng hai cái chân giường đều quấn giẻ rất kỹ để đừng làm ai bị thương. Quý Tòa gồm toàn những quân nhân chuyên nghiệp, nên biết rất rõ những tác hại mà một người đàn ông khỏe mạnh có thể gây ra khi đánh vào đầu một người khác, dù chỉ bằng má lưỡi lê. Thế thì xin Tòa hình dung với một cái chân giường bằng sắt một người đàn ông như chúng tôi có thể làm gì. Tôi xin lưu ý Tòa rằng trong bón người bị tấn công không có ai phải vào bệnh viện.

Tôi nghĩ rằng khi một người tù chung thân vượt ngục, tội của người ấy không nghiêm trọng bằng tội của một người bị xử tù

ngắn hạn hơn mà vượt ngục. ở tuổi chúng tôi người ta khó lòng có thể đành tâm chấp nhận rằng mình sẽ không bao giờ được sống lại nữa. Tôi xin Tòa khoan dung với cả ba chúng tôi.
Viên thiếu tá nói thì thầm mấy câu với hai người phụ tá, rồi ông dùng cái búa của Chánh án gõ lên bàn gấây.
- Bị cáo nhân, hãy đứng dậy
Cả ba chúng tôi đứng lên, thẳng đơ như ba cái cọc, đợi lời tuyên án.
Quan Chánh án:
- Tòa gạt bỏ hoàn toàn lời buộc tội mưu sát; về khoản này tòa không cần tuyên án, dù là tuyên án tha bổng.
Về tội vượt ngục, các anh được Tòa thừa nhận là có tội ở mức thứ hai. Vì tội này Tòa xử các hai năm cấm cố.
Chúng tôi cùng nói một lượt: "Cám ơn thiếu tá".
Tôi nói thêm: "Xin cám ơn Tòa".
Trong phòng xử án, những tên cảnh sát đến dự phiên Tòa cứ ngẩn người ra.
Khi chúng tôi trở về phòng giam, mọi người đều hài lòng về tin này, không ai ganh tỵ. Ngược lại. Ngay cả những người bị xử nặng cũng thành thật mừng cho sự may mắn của chúng tôi.
Francois Sierra đến ôm hôn tôi. Anh ta mừng đến phát điên lên được.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

VI. Quần đảo Salut

Đến Quần đảo

Mai là ngày chúng tôi phải lên tàu ra Quần đảo Salut. Mặc dầu tôi đã đem hết sức bình sinh ra cưỡng lại số phận, thế mà giờ đây chỉ còn mấy tiếng nữa tôi sẽ bị đưa đến nơi giam hãm suốt đời. Trước hết tôi phải qua hai năm cấm cố ở đảo Saint-Joseph. Tôi hy vọng sẽ làm cho cái biệt hiệu mà tù khổ sai đã đặt cho nó: đảo "ăn thịt người", không còn đúng nữa.

Tôi sẽ thua cuộc, nhưng không hề có tâm trạng của một kẻ bại trận.

Tôi phải lấy làm mừng là chỉ phải giam hai năm trong cái nhà tù của một trại tù này. Như tôi đã tự hứa, tôi sẽ không để tình trạng hoàn toàn cô độc đưa tôi đến chỗ mất trí. Tôi đã có phương thuốc chống lại nguy cơ dó. Tôi phải thấy trước là tôi sẽ được tự do, lành mạnh như một tù nhân khổ sai bình thường trên quần đảo. Khi ra khỏi nhà cấm cố, tôi sẽ được ba mươi tuổi.

ở Quần đảo, những vụ vượt ngục hết sức hiếm hoi, tôi biết điều đó. Nhưng dù có thể đếm trên đầu ngón tay, vẫn có những người

đã vượt ngục. Thế thì tôi, tôi cũng sẽ vượt ngục đó là điều chắc chắn. Hai năm nữa tôi sẽ trốn khỏi Quần đảo, tôi nhắc đi nhắc lại như vậy với Clousiot đang ngồi cạnh tôi.

- Bươm bướm, anh bạn già của tôi, quả thật khó lòng có thể làm cho anh nản chí, và tôi thật thèm muốn niềm tin mà anh mang trong lòng, niềm tin là chắc chắn một ngày kia anh sẽ được tự do. Đã suốt một năm ròng anh không ngừng vượt ngục, và chưa có lần nào anh từ bỏ ý định. Vừa mới thất bại vụ này anh đã chuẩn bị một vụ khác. Tôi lấy làm lạ rằng ở đây anh không thử làm gì cả.

- ở đây chỉ có một cách thôi, bạn ạ: tổ chức một cuộc nổi loạn. Nhưng để làm việc đó tôi không có đủ thì giờ nắm vững trong tay tất cả những con người khó điều khiển này. Tôi đã suýt gây nên một cuộc nổi loạn, nhưng tôi đã thấy sợ bị nó nuốt chứng. Bốn mươi người bị giam ở đây đều là tù khổ sai lâu năm. Con đường của sự thối nát đã cuốn hút họ, họ phản ứng khác chúng ta. Dẫn chứng: "ăn thịt người, hai anh chàng giết người bằng kiến, lại còn cái người đã bỏ thuốc độc vào xoong xúp nữa: để giết một người, hắn đã không do dự đầu độc luôn bao người khác chưa hề làm gì phương hại đến hắn.

- Nhưng ở quần đảo vẫn sẽ là kiểu người đó.

- Đúng nhưng tôi không sẽ vượt ngục ra khỏi Quần đảo mà không cần đến ai hết. Tôi sẽ ra đi một mình, hay quá lắm, là với

một người bạn. Tại sao cậu lại cười mỉm hở Clousiot?
- Tôi cười là vì không bao giờ cậu chịu bỏ cuộc. Ngọn lửa dang thiêu đốt ruột gan cậu, sự nóng lòng được về Paris chìa sổ nợ ra cho ba ông bạn kia, cổ vũ cậu mạnh mẽ đến nỗi cậu không thể thừa nhận rằng những điều mà cậu mong muốn thiết tha đến thế lại có thể không được thực hiện.
- Thôi chào Clousiot, hẹn đến mai. Phải, chúng mình sẽ trông thấy cái Quần đảo Salut chết tiệt ấy. Điều đầu tiên cần phải hỏi là tại sao những hòn đảo giết người ấy lại được gọi là Quần đảo Salut (Quần đảo Cứu vãn)?
Rồi quay lưng lại với Clousiot, tôi nghiêng đầu một chút cho mặt tôi đón lấy gió biển ban đêm.
Sáng hôm sau, từ rất sớm chúng tôi đã được đưa lên tàu để ra Quần đảo. Có cả thảy hai mươi sáu người trên một chiếc tàu thủy trọng tải bốn trăm tấn gọi là chiếc Tanon, một chiếc tàu chuyên chạy ven biển đi đi lại lại như con thoi giữa Cayenne, Quần đảo Saint-Laurent và khứ hồi. Cứ hai người một bị ghép vào nhau bằng sợi xích chân và một đôi khóa tay. ở phía trước là hai nhóm tám người, mỗi nhóm được bốn tên lính canh cầm súng trường giám sát. Một nhóm mười người ở phía sau với sáu tên lính canh và hai viên chỉ huy đội áp giải. Tất cả đám người ấy đều đứng trên boong của chiếc tàu cũ nát chỉ chực đắm bất cứ khi nào biển động.

Vì đã quyết định sẽ không suy nghĩ trong khi đi đường, tôi muốn bày trò giải trí một chút. Chỉ để làm cho tên giám thị đứng gần tôi nhất bực mình (hắn có một bộ mặt đưa đám), tôi nói với hắn rõ to:

- Với những thứ xuyến xích mà các anh bắt chúng tôi mang, chúng tôi sẽ không có cách gì trốn thoát nếu chiếc tàu mục nát này chìm; điều này rất có thể xảy ra khi biển động.

Đang ngái ngủ, tên gác phản ứng đúng như tôi đã dự tính.

- Chúng mày có chết đuối hết ông cũng đếch cần. Đã có lệnh xích chúng mày lại, chỉ có thể thôi. Trách nhiệm thuộc về những người ra lệnh ấy. Còn chúng tao thì có thể nào cũng không quan hệ gì.

- Xét cho cùng ông nói có lý lắm, thưa ông giám thị, vì có bị xích hay không bị xích thì khi cái quan tài này vỡ dọc đường, tất cả chúng ta đều chìm xuống đáy biển như nhau.

- ồ! - Tên gác đần độn kia nói, - tàu này đi biển đã lâu lắm rồi mà chưa bao giờ làm sao cả.

- Đúng quá, nhưng chính vì nó đi biển đã quá lâu cho nên đến bây giờ nó đã đến mức sẵn sàng chìm bất cứ lúc nào.

Tôi đã đạt được ý muốn: lay chuyển cái không khí im lặng ở xung quanh đang làm cho tôi bứt rứt. Lập tức đề tài của tôi được tù nhân và giám thị cùng hưởng ứng.

- Đúng, chiếc tàu này đã ọp ẹp đến mức độ nguy hiểm, mà người

ta lại xích chúng tôi. Không có xích thì dù sao cũng chút hy vọng.

- ồ! Cũng thế cả thôi. Bọn tao mặc quân phục đi ủng đeo súng thế này, cũng chẳng nhẹ hơn.

- Súng thì không kể, vì hễ tàu đắm có thể bỏ ngay ra, - một người khác nói.

Thấy câu nói ăn khách, tôi cho ra câu thứ hai:

- Xuồng cấp cứu đâu cả rồi nhỉ? Tôi chỉ thấy một chiếc rất nhỏ. Quá lắm cũng chỉ được tám người, vừa đủ cho ông thuyền trưởng và đội thủy thủ. Còn những người khác thì đi tong!

Thế là nổ ra một phản ứng hàng loạt, ở một cung bậc rất cao.

- Đúng đấy chẳng có xuồng xiếc gì cả, mà cái tàu này thì ọp ẹp đến nỗi người ta phải vô trách nhiệm một cách không thể nào chấp nhận được mới bắt những người có vợ có con phải bất chấp hiểm nghèo để đi áp giải cái lũ khốn kiếp này.

Vì tôi ở trong nhóm tù đứng ở phía sau, hai người chỉ huy đội áp giải đều đứng gần tôi. Một trong hai người nhìn tôi rồi nói:

- Anh là Bươm bướm ở Colombia mới về phải không?

- Vâng.

- Tôi thấy điều đó không có gì lạ: anh có vẻ thông thạo về nghề hàng hải lắm nhỉ.

Tôi trả lời một cách hợm hĩnh:

- Vâng, cái đó thì tôi thạo.

Câu nói của tôi gây được một không khí rờn rợn.
Vừa lúc ấy viên thuyền trưởng từ trên lầu chỉ huy bước xuống, vì bây giờ chúng tôi vừa ra khỏi cửa sông Maroni, và đó là chỗ nguy hiểm nhất cho nên ông ta phải thân hành cầm bánh lái. Bây giờ ông ta đã trao nó cho một người khác. Vậy thì ông thuyền trưởng, da đen láy như người Tombouctau, khổ người thấp và mập, mặt còn khá trẻ, cất tiếng hỏi xem những tay đã cưỡi mấy mảnh ván nhỏ xíu giong buồm đến tận Colombia ở đâu.
- Đây tay này, và tay kia nữa đứng bên cạnh, - viên chỉ huy đội áp giải nó.
- Ai là thuyền trưởng? - ông thuyền trưởng lùn nói.
- Thưa ông, tôi ạ.
- Thế thì, với tư cách thủy thủ, tôi có lời ngợi khen anh bạn. Anh chẳng phải là người tầm thường. Tôi có cái này! - Ông ta thọc tay vào túi áo rồi nói tiếp - Anh hãy nhận lấy gói thuốc lá xanh và mớ lá quấn thuốc này. Anh hút để chúc sức khỏe cho tôi đi.
- Cám ơn ông thuyền trưởng. Nhưng về phần tôi, tôi cũng phải ngợi khen ông đã có đủ can đảm đi biển trên cái quan tài này, hình như mỗi tuần một hai lần thì phải.
Ông ta cười ha hả, làm cho những kẻ tôi đang muốn trêu thấy tức đến tận cổ. Ông ta nói:
- Chà! Anh nói đúng quá! Cái tàu khổ này đáng lẽ phải được đưa vào nghĩa địa từ lâu, nhưng bên công ty họ nhất định đợi cho nó

chìm để lĩnh tiền bảo hiểm.

Tôi liền kết thúc bằng một câu xỏ xiên:

- Cũng may mà ông và đội thủy thủ còn có được một cái xuồng cáp cứu.

- Phải, cũng còn may - ông thuyền trưởng nói một cách thiếu suy nghĩ trước khi mất hút trong cầu thang.

Cái đề tài tranh luận mà tôi đã cố ý nêu ra đã làm cho tôi được khuây khỏa trong hơn bốn tiếng đồng hồ. Ai nấy đều có ý kiến riêng để nói ra, và đến một lúc nào đó, tôi chẳng hiểu bằng cách nào, cuộc bàn cãi đã lan ra đến tận mũi tàu.

Vào khoảng mười giờ sáng, biển không động mấy, nhưng gió không thuận lợi cho chuyến đi. Tàu chúng tôi đi về hướng đông bắc, nghĩa là ngược chiều với sóng và gió, cho nên tất nhiên nó phải tròng trành cả theo chiều ngang lẫn theo chiều dọc hơn mức trung bình. Nhiều tù nhân và giám thị bị say sóng. Cũng may mà người bị xích liền vào tôi chịu sóng giỏi, vì không có gì khó chịu hơn là có một người nôn ọe ngay bên cạnh mình. Anh này là một gã du côn Paris thứ thiệt. Anh ta bị đày đến Quần đảo năm 1927. Vậy là đã được bảy năm. Anh ta còn tương đối trẻ, chỉ ba mươi tám tuổi.

- Người ta gọi tôi là Titi la Belote, vì tôi phải nói cho cậu biết rằng bài belote là môn sở trường của tôi. Vả lại ở Quần đảo tôi sống bằng nghề đánh bài này. Belote suốt đêm, mỗi điểm ăn hai

francs, Nếu đánh có "loan báo" thì có thể ăn thua rất lớn. Nếu anh thắng bằng một con bồi hai xu thì người thua phải trả cho anh bốn trăm francs và một ít tiền lẻ cho các điểm khác nữa.

- Nhưng ở Quần đảo sao lắm tiền thế?

- Sao mà chả lắm hở anh bạn Bươm bướm. ở quần đảo đầy những plans nhét tiền chật ních. Có người thì đến nơi đã có sẵn, có người thì nhận được tiền qua bọn giám thị với điều kiện chia cho chúng năm mươi phần trăm. Rõ ràng anh còn mới toanh, có vẻ như chưa biết gì cả phải không?

- Đúng, tôi chẳng biết chút gì về Quần đảo. Tôi chỉ biết là ở đấy khó vượt ngục lắm.

- Vượt ngục ấy à? - Titi nói. - Thôi đừng nói nữa cho mệt. Tôi ở Quần đảo đã bảy năm, có xảy ra hai vụ vượt ngục, với kết quả là ba người chết và hai người bị bắt. Chưa ai thành công cả. Vì vậy chẳng mấy ai dám cầu may.

- Vừa rồi anh lên đất liền để làm gì?

- Vừa rồi tôi đi chiếu điện xem thử có bị loét dạ dày hay phổi gì không.

- Thế mà anh không cố trốn khỏi bệnh viện à?

- Khéo nói nhỉ! Chính anh đã làm hỏng hết đấy. Papillon ạ. Thế mà vừa rồi tôi lại có cái may mắn rơi đúng vào căn phòng trước kia, anh đã trốn đi. Anh cũng thừa hiểu họ giám sát kỹ như thế nào! Cứ mỗi lần ra gần cửa sổ để thở một chút là họ bắt lùi lại

ngày. Khi hỏi tại sao thì họ trả lời: "Để phòng trường hợp anh nảy ra cái ý làm như Papillon".

- Titi này, cái tay cao lớn ngồi bên cạnh viên chỉ huy đội áp giải là ai thế? Một tay chỉ điểm à?

- Anh điên rồi sao? Gã này ai cũng phải quý trọng. Cậu ta vốn là dân trường giả, nhưng lại biết xử sự đúng như một tay giang hồ: không đi lại với bọn gác, không tìm cách chiếm vị trí ưu đãi, biết giữ tư cách một người tù khổ sai. Có khả năng mách bạn một lời khuyên tốt, nói chung là một người bạn tốt, rất biết giữ khoảng cách với bọn cảnh sát. Ngay cả ông linh mục và ông bác sĩ cũng không sử dụng được cậu ta. Con người gốc gác thì trưởng giả nhưng tư cách thì giang hồ chân chính này là con cháu của Louis XV. Thế đấy anh bạn ạ, đó là một bá tước, một bá tước chính cống, dược gọi là bá tước Jean de Bérac. Tuy vậy, khi cậu ta mới đến, ai nấy đều xa lánh, và phải một thời gian rất dài cậu ta mới chinh phục được sự kính nể của mọi người, vì cái tội khiến cho cậu ta bị đày khổ sai là một trò rất tởm.

- Cậu ta đã làm gì thế

- ấy, cậu ta đã đứng trên cầu ném thằng con trai ruột xuống sông, và khi thấy thằng bé rơi xuống chỗ quá cạn, cậu ta đã đủ gan góc xuống bế nó đến ở một chỗ sâu hơn.

- Sao! Như thế là gần như giết thằng con hai lần còn gì?

- Theo một người bạn của tôi vốn làm kế toán và đã đọc hồ sơ

của cậu ta thì cậu ta đã bị giới quý tộc khủng bố. Và mẹ cậu ta đã ném người mẹ của con mình ra đường như một con chó. Cô ấy là một nữ tỳ trẻ tuổi trong lâu đài nhà họ. Theo bạn tôi thì cậu này chịu sự chế ngự của một bà mẹ kiêu ngạo, câu nệ đã hạ nhục con trai đến cùng cực, đã làm cho cậu ta thấy rằng mình là một bá tước mà đi lại với một con đầy tớ là ô nhục cho cả giòng họ, đến nỗi cậu ta hoang mang quá nói với mẹ thằng bé là mình đưa nó ra cho trại Tế bần nuôi rồi đi ném nó xuống sông: lúc ấy cậu gần như mất trí, cũng chẳng biết mình làm gì nữa.

- Cậu ta bị xử bao nhiêu?

- Mười năm thôi. Papillon ạ, cậu cũng thừa biết cậu ta không phải là một tay như chúng mình. Chắc là bà bá tước phu nhân, người bảo vệ danh dự của gióng giiõi de Berac, đã làm cho bọn quan tòa hiểu rằng giết con của đày tớ không phải là một tội quá nặng khi tội nhân là một bá tước muốn cứu vãn thanh danh của gia đình.

- Kết luận?

- Kết luận của tôi, một thằng du đãng Paris hèn mọn, là như sau: về căn bản, bá tước Jean de Bérac này là một anh chàng quý tộc nông thôn đã được giáo dục như thế nào để đi đến chỗ quan niệm rằng trên đời này chỉ có "dòng máu xanh" (huyết thống quý tộc) là có giá trị, còn mọi thứ khác đều vô nghĩa lý và không có chút gì đáng cho người ta để tâm đến. Những người không phải là quý

tộc thì không hẳn là hạng nông nô, nhưng dù sao cũng là những con người không cần đếm xỉa đến. Mẹ cậu ta là một quái vật của sự ích kỷ và sự hợm hĩnh, đã nhào nặn và khủng bố cậu ta đến mức làm cho cậu ta trở thành một kiểu người quý tộc như thế. Chính cuộc sống ở trại khổ sai đã làm cho vị chúa đất ấy, xưa kia vẫn tin rằng mình có đặc quyền thưởng thức trước tất cả những người con gái trên lãnh địa của mình trong đêm đầu tiên họ đi lấy chồng, nay đã trở thành một người tôn quý thật sự, theo cái nghĩa đúng của từ này. Nói ra nghe cũng ngược đời, nhưng phải đến bây giờ cậu ta mới thực sự là một người quý phái, là một bá tước.

Quần đảo Salut chỉ còn mất giờ nữa sẽ không còn là một cái gì xa lạ đối với tôi như trước nữa. Tôi biết rằng trốn khỏi quần đảo là rất khó. Nhưng không phải là không thể được. Vừa khoái trá hít mạnh gió biển khơi vào lồng ngực, tôi vừa nghĩ: đến bao giờ thì làn gió ngược này sẽ biến thành một làn gió xuôi trong một chuyến vượt ngục"?

Chúng tôi đã đến. Quần đảo kia rồi? Ba cái đảo ấy làm thành một hình tam giác. Đảo Royale và đảo Saint-Joseph làm thành cái đáy. Đảo quỷ là đỉnh. Mặt trời, lúc bấy giờ đã xế bóng, chiếu vào các đảo những tia sáng rực rỡ mà chỉ có ở vùng nhiệt đới mới có thể chói chang như vậy. Cho nên chúng tôi có thể tha hồ ngắm nghía từng đảo đến những chi tiết nhỏ nhất. Trước hết là đảo

Royale với một dải đất cong phẳng lì bao quanh một ngọn đồi tròn cao hơn hai trăm mét. Đỉnh đồi bằng phẳng. Nhìn toàn cục, nó rất giống một cái mũ Mexico đặt trên mặt biển, cái chóp đã bị cắt mất, đâu đâu cũng có những rặng dừa rất cao và rất xanh tốt. Những nếp nhà nho nhỏ lợp ngói đỏ làm cho hòn đảo này có một sức hấp dẫn lạ thường, và ai không biết rõ trên đảo có gì chắc sẽ mơ ước được sống trên đảo suốt đời. Trên đỉnh đồi bằng phẳng có đặt một ngọn hải đăng được thắp về đêm để khi sóng to gió lớn tàu bè khỏi đâm vào các tảng đá ở xung quanh. Bây giờ tàu đã đến gần hơn, tôi có thể trông rõ năm tòa nhà lớn và dài.
Nhờ có Titi tôi được biết rằng trước hết đó là hai phòng giam rộng mênh mông chứa đến bốn trăm phạm nhân. Rồi đến khu trấn áp với những căn buồng giam, xà-lim và chuồng sắt, có một bức tường cao vây quanh. Tòa nhà thứ tư là bệnh viện của tù khổ sai và tòa nhà thứ năm là bệnh viện của những người canh gác trại tù. Và rải rác khắp nơi trên các sườn dốc là những ngôi nhà nhỏ, mái lợp ngói đỏ, của các cảnh sát viên. Xa chúng tôi hơn, nhưng rất gần với mũi nhọn cuối đảo Royale là đảo Saint-Joseph, ít dừa hơn, ít cành lá um tùm hơn, và trên đỉnh cao nguyên là một cái nhà trệt rộng mênh mông mà từ ngoài biển nhìn vào trông rất rõ. Tôi hiểu ngay: đó là nhà tù cấm cố và Titi la Belote cũng xác nhận điều đó. Anh ta chỉ cho tôi xem, ở phía dưới, những tòa nhà của trại tù, nơi giam các phạm nhân bị án bình

thường. Các tòa nhà này rất gần biển. Các tháp canh nổi lên rất rõ trên nền trời, với những ổ súng của nó. Rồi lại đến những nếp nhà xinh xắn đỏm dáng, tường quét vôi trắng, mái ngói đỏ. Vì chiếc tàu đi vào ngỏ đảo Royale từ phía nam cho nên bây giờ chúng tôi không trông thấy đảo Quỷ, đảo nhỏ nhất trong cả Quần đảo. Trước đây tôi đã có dịp nhìn thoáng qua đảo này từ xa: đó là một tảng đá khổng lồ mọc đầy dừa, không có công trình xây dựng gì lớn. Vài nếp nhà ven bờ biển, sơn vàng, mái đen mồ hóng. Về sau tôi sẽ được biết rằng đó là nhà ở của những người bị đày vì chính trị.

Tàu chúng tôi đang đi vào bến cảng của đảo Royale, được che kín sóng bằng một cái đập dài làm bằng những khối đá lớn. Công trình này chắc đã phải tốn nhiều sinh mạng của phạm nhân mới xây được.

Sau ba tiếng còi, chiếc Tanon bỏ neo cách bến khoảng hai trăm năm mươi mét. Bến này xây rất chắc bằng xi-măng và bằng đá tảng, chiếm một quãng dài và cao hơn ba mét. Lùi vào phía trong những tòa nhà sơn trắng chạy dài song song với bến. Tôi đọc thấy những dòng chữ sơn đen trên nền trắng: “Trạm gác” - “Sở Dịch vụ thuyền bè” - “Xưởng bánh mì” - “Ban Quản trị cảng”. Có thể trông thấy mấy người tù khổ sai đang đứng nhìn chiếc tàu. Họ không mặc đồ sọc, mà đều mặc quần dài thường và một thứ blouson trắng. Titi la Belote nói với tôi rằng ở Quần đảo

những người có tiền thì thuê thợ may "may đo" áo quần bằng những cái bao bột đã tẩy sạch chữ: họ có được những bộ áo quần mặc rất thoải mái và trông có phần diện nữa là khác. Hầu như không một người nào mặc đồng phục tù khổ sai.

Một chiếc xuồng đến gần chiếc Tanon.

Một viên giám thị ngồi sau lái; hai tên cầm súng trường ngồi hai bên mạn; ở phía sau là sáu người tù khổ sai, mình trần, quần trắng, đứng chèo bằng những mái chèo rất lớn. Chỉ một lát là ra đến tàu.

Chiếc xuồng của họ kéo theo sau một chiếc thuyền lớn kiểu xuồng cấp cứu của tàu thủy. Cuộc chuyển từ lên bờ bắt đầu. Trước hết mấy viên chỉ huy đội áp giải xuống thuyền và ra ngồi ở phía sau. Rồi hai viên giám thị cầm súng trường đi ra phía trước. Chân được tháo xiềng, nhưng tay vẫn bị khóa, chúng tôi xuống thuyền từng hai người một; mười người trong nhóm tôi, rồi đến tám người trong nhóm đứng ở phía trước tàu. Mấy người chèo thuyền bắt đầu cho thuyền tách khỏi chiếc tàu. Họ còn chở ra một chuyến nữa để đưa số tù còn lại vào bờ.

Chúng tôi lên bến, xếp hàng trước tòa nhà "Ban Quản trị cảng" và đứng đợi. Trong chúng tôi không có ai có hành lý gì. Chẳng đếm xỉa gì đến bọn cảnh sát, các phạm nhân tại chỗ bô bô nói chuyện với chúng tôi từ một khoảng cách năm sáu mét - đủ để đừng bị bọn cảnh sát tấn công. Nhiều phạm nhân cùng vượt Đại

tây dương trên một chuyến tàu với tôi thân ái chào tôi. Cesari và Essari, hai tên cướp đảo Corse mà tôi đã làm quen ở Saint-Martin, cho tôi biết hiện nay họ chèo xuồng cho sở dịch vụ ở cảng. Vừa lúc ấy tôi trông thấy Chapar, bị đày trong vụ Chứng khoán ở Marseille, mà tôi có quen khi anh ta còn được tự do ở Pháp. Không hề e ấp trước mặt bọn lính canh, anh ta nói với tôi:

- Đừng buồn Papillon ạ! Cậu cứ tin ở bạn bè, ở nhà giam cấm cố cậu sẽ không thiếu thứ gì hết. Cậu bị bao nhiêu?

- Hai năm.

- Được cũng chóng qua thôi, rồi cậu sẽ ra đây với chúng tớ, và sẽ thấy rằng ở đây cũng khá.

- Cám ơn Chapar. Còn Dega ở đâu?

Bác ta làm kế toán ở trên kia. Bác chưa ra đây thì lạ thật. Không gặp được cậu bác ta sẽ tiếc lắm. Vừa lúc đó Galgani đến. Anh ta xăm xăm đi về phía tôi, tên lính ác toan cản, nhưng anh ta cứ đến, nói: "Chẳng lẽ ra ôm hôn anh ruột tôi mà anh cũng cản à? Thật quá quắt. Rồi anh ta ôm hôn tôi, nói: "Cứ tin vào tôi". Đoạn anh ta lùi ra.

-Anh bây giờ làm gì?

- Đưa thư, giao liên.

- Có ổn không?

- Tôi được yên thân lắm.

Những người tù còn lại đã được đưa hết lên bờ và cho nhập bọn

với chúng tôi. Mọi người đều cởi khóa tay. Titi la Belote, de Bérac và mấy người không quen tách ra khỏi nhóm. Một viên giám thị nói với họ: "Nào, lên đường về trại". Mấy người này có mang theo bị đựng đồ của trại. Họ vác bị lên vai và đi theo một con đường dốc dẫn lên phía trên đảo. Viên chỉ huy Quần đảo đến với sáu viên giám thị. Điểm danh. Viên chỉ huy nhận đủ số tù. Đội áp giải chúng tôi lui ra.

- Kế toán đâu? - Viên chỉ huy hỏi.

- Thưa sếp hắn đây.

Tôi thấy Dega đến, mặc một bộ đồ trắng tươm tất, áo vét có nhiều khuy, cùng đi với một viên giám thị; mỗi người cắp một cuốn sách lớn. Cả hai gọi từng người một ra khỏi hàng, theo cách phân loại mới: anh tù cấm cố Jean Mỗ, số tù X, sẽ có số tù cấm cố là Z."

- Bao nhiêu?

- X năm.

Khi đến lượt tôi, Dega ôm hôn tôi mấy lần liền.

Viên chỉ huy lại gần.

- Anh này là Papillon à?

Thưa ông chỉ huy vâng, - Dega nói

- Mong anh giữ sức khỏe ở nhà tù cấm cố. Hai năm cũng chóng qua thôi.

Nhà giam cầm cố

Một chiếc xuồng đã được chuẩn bị sẵn sàng. Trong số mười chín tù nhân cấm cố sẽ có mười người di chuyển trước. Tôi được gọi tên để lên xuồng. Dega thản nhiên nói: “Không, anh này đi chuyến sau”.

Từ khi đến đây tôi đã phải sửng sốt khi nghe cách ăn nói của các tù nhân. Rõ ràng là họ không đếm xỉa đến kỷ luật và có vẻ như chẳng coi bọn cảnh sát ra gì hết. Tôi nói chuyện với Dega lúc bấy giờ đã đến đứng gần tôi. Bác ta đã biết hết chuyện vượt ngục của tôi cũng như những chuyện khác có liên quan đến tôi. Có những người đã tiếp xúc với tôi ở Saint-Laurent có đến Quần đảo và kể lại cho bác biết hết. Bác ta không hề tỏ ý thương xót tôi. Bác ta tế nhị hơn nhiều. Chỉ một câu thôi nói tự đáy lòng: “Cậu rất xứng đáng thành công. Thôi để lần sau?” Thậm chí bác ta cũng không nói “Can đảm lên “. Bác thừa biết rằng cái đó thì tôi có thừa.

- Tôi làm kế toán trưởng ở đây và có quan hệ rất tốt với ông chỉ

huy. ở nhà giam cấm cố cậu cố gắng có hạnh kiểm tốt. Tôi sẽ gửi cậu ít thuốc lá và thức ăn. Cậu sẽ không thiếu thứ gì đâu.
Papillon, đi thôi! - Đã đến lượt tôi.
- Xin chào tất cả. Cám ơn những lời lẽ chân tình của các bạn.
Tôi xuống thuyền. Hai mươi phút sau, thuyền cặp bến ở Saint-Joseph. Tôi có đủ thì giờ nhận thấy trên thuyền chỉ có ba viên giám thị có súng, trong khi có đến sáu người tù chèo thuyền và mười người tù cấm cố Phối hợp để chiếm lĩnh cái thuyền này chỉ là một trò đùa.
ở Saint-Joseph, một ủy ban tiếp đón ra nhận chúng tôi. Có hai viên chỉ huy tự giới thiệu: viên chỉ huy trại trừng giới của đảo và viên chỉ huy của Nhà giam cấm cố. Chúng tôi được dẫn bộ đi lên con đường dốc đến nhà giam. Trên đường đi không thấy một người tù nào.
Khi đi vào cửa sắt lớn ở bên trên có mấy chữ Nhà giam cấm cố trừng giới, người ta có thể hiểu ngay tầm quan trọng của cái phương tiện trấn áp này. Bên trong tấm cửa và bốn bức tường cao ở xung quanh, trước hết có một dãy nhà nhỏ có đề: “Ban giám đốc - Quản trị”, rồi ba dãy nhà khác đề A, B, C. Chúng tôi được đưa vào dãy nhà của ban giám đốc. Một gian phòng lạnh lẽo. Khi mười chín người đã được xếp thành hai hàng trong phòng, viên chỉ huy Nhà giam cấm cố nói với chúng tôi:
- Các phạm nhân cấm cố, các anh biết rằng nhà này là một nhà

trừng giới dành cho những phạm nhân đã bị đày khổ sai mà lại còn có những hành động phạm pháp. ở đây người ta không tìm cách cải huấn các anh. Chúng tôi biết rằng việc đó vô ích. ở đây người ta chỉ tìm cách trấn áp các anh. Chỉ có một nội quy duy nhất: câm mồm. Im lặng tuyệt đối, "gọi điện" là việc rất nguy hiểm, nếu bị bắt gặp sẽ bị phạt rất nặng. Nếu không ốm nặng, chớ đăng ký xin đi khám. Vì nếu khám không thấy có bệnh nặng, các anh sẽ bị phạt rất nghiêm. Đó là tất cả những gì tôi cần nói với các anh. à quên, ở đây nghiêm cấm hút thuốc. Giám thị, hãy lục soát kỹ các phạm nhân, rồi đưa từng người về xà-lim. Charrière, Clousiot và Maturette không được ở cùng một nhà. Ông Santori, ông phải thân hành trông coi việc này.

Mười phút sau tôi bị nhốt vào căn xà-lim dành cho tôi căn số 234 của dãy nhà A.Clousiot bị giam ở dãy nhà B và Maturette ở dãy nhà C. Chúng tôi đưa mắt từ biệt nhau. Khi bước vào đây, tất cả chúng tôi đều hiểu ngay rằng nếu muốn sống sót mà ra khỏi thì nhất nhất phải tuân theo cái nội quy vô nhân đạo này. Tôi từ giã hai người bạn đường của tôi trong chuyến vượt ngục dài ngày, hai người bạn hào hùng và dũng cảm đã tỏ rõ phẩm chất mình trong khi đi với tôi và không hề bao giờ kêu ca hay hối tiếc những gì họ đã cùng làm bên cạnh tôi. Tim tôi se lại, vì sau mười bốn tháng vật lộn vai kề vai để dành lại tự do, chúng tôi đã vĩnh viễn gắn bó với nhau bằng một tình bạn không bờ bến.

Tôi xem xét căn buồng giam mà họ đã lùa tôi vào. Không bao giờ tôi có thể dự đoán hoặc tưởng tượng rằng một nước như nước Pháp của tôi, vốn là người mẹ của tự do trên trái đất này, là đất nước đã sinh ra Nhân quyền và Dân quyền, lại có thể dựng lên, dù là ở Guyane thuộc Pháp, trên một hòn đảo chơi vơi giữa Đại tây dương, rộng vừa bằng cái mùi-soa bỏ túi, một trại giam có tính chất trấn áp man rợ như cái nhà giam trừng giới ở Saint-Joseph. Cái bạn hãy tương tượng một trăm năm mươi căn xà-lim kế cận nhau, giáp lưng nhau, bốn bức tường rất dày chỉ có một cánh cửa sắt nhỏ với cái lỗ ghi-sê của nó. ở phía trên mỗi ghi-sê đều có dòng chữ đề: "Cấm mở cửa này nếu không có lệnh trên". ở bên trái căn buồng là một tấm ván làm giường nằm với một cái gối bằng gỗ, cũng được thiết bị như ở Beaulieu: tấm ván có thể lật lên móc sát vào tường; một tấm chăn; một khối xi-măng xây ở góc trong dùng làm ghế; một cái chổi nhỏ; một cái ca nhà binh, một cái thìa bằng gỗ, một tấm sắt mỏng dựng đứng che một cái bô bằng kim loại buộc vào tấm sắt kia bằng một sợi xích (từ phía ngoài có thể kéo nó ra để đổ, và từ phía trong có thể lôi nó vào để dùng). Buồng cao ba mét, trần là một dãy song sắt rất lớn, mỗi chấn song to bằng một thanh đường ray xe điện, bắt chéo nhau rất dày để không thể có một vật gì hơi to hơn có thể lọt qua. Rồi, cao hơn nữa, là mái của tòa nhà, cách mặt đất khoảng bảy mét. Phía trên bức tường ngăn cách các xà lim quay lưng vào

nhau là một con đường đi tuần rộng khoảng một mét, có tay vịn bằng sắt, nhìn thẳng xuống các buồng giam. Hai viên giám thị thường xuyên đi từ đầu đường cho đến giữa đường: ở đây họ gặp nhau và quay trở lại. Tất cả gây thành một ấn tượng rùng rợn. ánh sáng ban ngày chiếu vào con đường đi tuần đủ sáng. Nhưng ở các buồng giam, dù đang giữa ban ngày, thì tối mờ mờ không nhìn thấy rõ những vật xung quanh. Tôi bắt đầu đi đi lại lại ngay, trong khi chờ đợi họ huýt còi bay ra một hiệu lệnh gì đó không biết để cho phép tù nhân hạ tám ván xuống mà nằm.

Để khỏi gây tiếng động, tù nhân và lính gác đều đi giày vải. Tôi nghĩ ngay: "ở đây, tại buồng giam 234, Charriere biệt hiệu Bươm bướm, sẽ có gắng sống mà không phát điên trong thời hạn hai năm, tức bảy trăm ba mươi ngày. Hắn có bổn phận cải chính cái biệt hiệu "ăn thịt người" của nhà giám cấm cố này. Một, hai, ba, bốn, năm quay đằng sau. Một hai, ba, bốn, năm, quay đằng sau. Tên lính gác vừa đi qua trên nóc tường trước mặt tôi. Tôi không nghe thấy tiếng chân hắn đến, tôi chỉ trông thấy hắn. Tách. Đèn bật lên, nhưng rất cao, treo mãi tận mái trên, cách mặt đất hơn sáu mét. Lối đi tuần được chiếu sáng, các buồng giam vẫn chìm trong bóng tối. Tôi đi đi lại lại, cái quả lắc lại đung đưa. Hãy ngủ yên, hỡi mấy miếng phó-mát của hội đồng bồi thẩm đã xử tôi, các người hãy ngủ yên, vì tôi tin rằng nếu hồi ấy các người biết các người sẽ đưa tôi đến chỗ nào, các người sẽ thấy ghê tởm và

sẽ không chịu làm những kẻ đồng lõa với việc thi hành một hình phạt như vậy.

Khó lòng thoát khỏi tình trạng đi lang thang của trí tưởng tượng. Hầu như không thể nào thoát được. Tôi nghĩ nên hướng nó về những đề tài không đến nỗi buồn nản quá thì hơn là cố xua đuổi hắn nó đi. Quả nhiên, hiệu lệnh cho phép hạ ván nằm xuống là một tiếng còi. Tôi nghe thấy một giọng thô lỗ nói:

- Những người mới đến nên biết rằng kể từ bây giờ, nếu muốn, thì có thể hạ ván xuống để nằm.

Tôi chỉ ghi nhớ hai chữ "nếu muốn". Cho nên tôi tiếp tục đi đi lại lại, giờ phút này quá nghiêm trọng để có thể ngủ. Tôi cần phải tập cho mình quen với cái chuồng hở phía trên này.

Một, hai, ba, bốn, năm... tôi đã nắm vững được ngay cái tiết tấu của quả lắc; đầu cúi xuống, hai tay chắp sau lưng khoảng cách từ bước đi phải thật đều và thật chính xác, như một quả lắc đưa qua đưa lại, tôi đi đi lại lại và cùng tận như một kẻ mộng du. Bước hết năm bước, tôi không cần trông thấy bức tường, áo tôi chỉ chạm nhẹ vào nó khi quay lại cứ thế mãi không hề mệt mỏi trong cuộc đua marathon không có đích mà cũng không cơ thời hạn chấm dứt.

Phải, thật đấy Papi ạ, cái nhà giam "ăn thịt người" không phải là trò đùa. Và khi bóng tên lính gác hắt xuống tường, nó gây một hiệu quả thật dễ sợ. Nếu ngẩng đầu lên mà nhìn thì còn nản hơn

nữa: người ta có cảm giác mình là một con báo bị nhốt dưới hố, còn ở phía trên là người đi săn vừa bắt được báo đang nhìn xuống để quan sát nó. Cái ấn tượng thật là hãi hùng, và tôi phải mất đến mấy tháng trời mới quen được.

Mỗi năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày; hai năm là bảy trăm ba mươi ngày, nếu không có năm nhuận. Tôi mỉm cười vì cái ý này. Anh ạ, dù có là bảy trăm ba mươi mốt thì cũng thế thôi. Tại sao lại cũng thế thôi? Không, không phải cũng thế thôi đâu. Thêm một ngày là thêm hai mươi bốn giờ đồng hồ. Mà hai mươi bốn giờ đòng hồ cũng lâu lắm. Bảy trăm ba mươi lần hai mươi bốn giờ lại còn lâu hơn nhiều. Tổng cộng lại thì thành bao nhiêu giờ nhỉ? Liệu tôi có đủ sức tính nhẩm ra con số đó không? Làm thế nào tính nhẩm được, chịu thôi. Sao lại chịu? Tính được chứ. Xem nào. Một trăm ngày là hai ngàn bốn trăm giờ. Nhân cho bảy rất dễ trước hết ta có mười sáu ngàn tám trăm giờ. Rồi ta nhân ba mươi ngày còn lại cho hai mươi bốn thành bảy trăm hai mươi giờ. Tổng cộng: một vạn sáu ngàn tám trăm cộng với bảy trăm hai mươi, vị chi là một vạn bảy ngàn năm trăm hai mươi giờ, nếu tôi không nhầm chỗ nào. Thưa ngài Papillon thân mến, ngài có cả thảy một vạn bảy ngàn năm trăm hai mươi giờ để mà giết trong cái chuồng được thiết kế riêng cho thú dữ này, với bốn bức tường nhẵn nhụi của nó. Vậy chứ tôi sẽ ở đây bao nhiêu phút nhỉ? Cái đó chẳng có chút gì thú vị, giờ thì còn được chứ phút thì

nghĩa lý gì? Ta không nên cường điệu quá. Tại sao lại không tính cả giây nữa nhỉ? Điều đó quan trọng là phải có cái gì lấp đầy những ngày, những giờ, những phút ấy trong khi tôi sống một mình, tự mình đối diện với mình! Ai bị giam ở buồng bên phải nhỉ? ai ở buồng bên trái? ai ở buồng phía sau? Ba con người đó, nếu trong các buồng giam ấy có người, chắc cũng phải tự hỏi: ai vừa vào buồng 234?

Có một tiếng động mềm của một vật gì vừa rơi xuống ở sau lưng tôi, trên nền xà~lim. Cái gì thế nhỉ? Phải chăng người tù kế cận đã khéo tay vứt cho tôi một vật gì qua hai lần chấn song? Tôi cố nhìn cho ra xem đó là vật gì. Chỉ thấy mờ mờ một cái gì nho nhỏ, dài dài. Tôi đã sắp cầm nó lên, thì cái vật mà trong bóng tối mờ mờ tôi đoán ra được nhiều hơn là trông thấy nó, tự dưng cử động và chạy nhanh về phía tường. Khi nó nhúc nhích, tôi bất giác giật mình lùi lại. Đến chân tường, nó bắt đầu leo lên một quãng rồi tuột xuống đất. Bức tường nhẵn nhụi đến nỗi vật kia không thể bám đủ chặt để leo lên. Tôi để cho nó thử leo lên tường ba lần, rồi đến lần thứ tư, khi nó rơi xuống, tôi giẫm mạnh chân lên. Dưới lớp giày vải tôi thấy mềm mềm. Cái gì thế nhỉ? Tôi quỳ xuống để nhìn cho thật sát, và cuối cùng tôi đã nhìn ra được: đó là một con rết khổng lồ, dài hơn hai mươi phân, thân rộng bằng hai ngón tay cái Tôi thấy tởm lợm đến nỗi không dám nhặt nó lên để bỏ vào bô. Tôi dùng chân đẩy nó vào gầm ván.

Đến mai hãy xem cho sáng. Về sau tôi sẽ còn đủ thì giờ trông thấy nhiều rết nữa; nó rơi từ cái mái nhà rộng ở trên kia. Tôi sẽ phải học cách để cho nó bò trên thân thể để trần của tôi, không bắt, cũng không động đến nó nếu tôi đang nằm. Tôi cũng sẽ có dịp biết rõ rằng những khi nó đang bò trên người, chỉ một sai lầm nhỏ về chiến thuật thôi cũng bắt người ta phải trả giá bằng những cơn đau đớn dừ dội đến thế nào. Một mũi đốt của con vật kinh tởm này đủ làm cho anh sốt nặng trong hơn mười hai tiếng đồng hồ và làm cho đau nhức khủng khiếp trong gần sáu tiếng đồng hồ.

Dù sao chăng nữa nó vẫn có thể được dùng như một phương tiện giải trí, một lối thoát cho những ý nghĩ của tôi. Về sau mỗi khi có một con rết rơi xuống trong khi tôi đang thức, tôi thường lấy cái chổi con trêu chọc nó, vật lên vật xuống thật lâu, hoặc bày trò chơi với nó bằng cách để cho nó chạy đi nấp và một lát sau tôi tìm cách phát hiện ra nó.

Một, hai, ba, bốn, năm... Xung quanh im lặng hoàn toàn. ở đây không ai ngáy thì phải? Không ai ho hay sao? Trời nóng nực đến ngạt thở. Thế mà bây giờ đang là ban đêm! Còn ban ngày thì phải nóng đến thế nào nữa? Số tôi là phải sống với rết hay sao ấy. Khi nước thủy triều lên ngập cái buồng giam ở Santa Marta, rết vào từng mớ, nó nhỏ hơn nhưng cũng là cùng một dòng họ với lũ rết ở đây. ở Santa Marta quả tình ngày nào cũng bị ngập

lụt, nhưng người ta được nói, được hét, được nghe tiếng hát hoặc tiếng hú và nghe những câu nói lảm nhảm của những người điên tạm thời hay vĩnh viễn. Chẳng phải như thế này. Nếu được chọn tôi sẽ chọn Santa Marta. Chà, anh nói thế là phi lô-gích mất rồi, Papi ạ. ở đấy, mọi người đều nhất trí nói rằng thời hạn tối đa mà một con người có thể chịu đựng được là sáu tháng. Thế mà ở đây có nhiều người phải giam đến bốn năm năm hoặc hơn nữa. Người ta bắt họ phải chịu đựng như. Vậy là là một chuyện; còn họ có chịu đựng được không lại là chuyện khác. Có bao nhiêu người tự tử. Tôi cũng chẳng biết người ta làm cách gì để tự tử nữa. à cũng có cách. Chẳng dễ gì đâu, nhưng người ta có thể tự tử bằng cách thắt cổ chẳng hạn. Người ta xé quần ra làm một sợi dây. Buộc cái chổi con vào một đầu dây rồi leo lên tấm ván, người ta có thể ném sợi dây qua chấn song. Nếu buộc dây sát vào bức tường có lối đi tuần ở phía trên, chắc tên lính gác sẽ không trông thấy sợi dây. Đúng vào lúc hắn vừa đi qua, anh cứ việc nhảy ra khỏi tấm ván và lủng lẳng trên không. Khi tên lính gác quay lại thì anh đã đi rồi. Vả chăng chắc hắn cũng chẳng vội vàng gì mà chạy nhanh xuống mở buồng giam cho anh. Mở cửa buồng ư. Hắn không thể mở được. Trên cánh cửa đã có đề: “Cấm mở cửa này nếu không có lệnh trên”. Vậy thì anh đừng sợ gì hết, người nào muốn tự tử sẽ có đủ thời gian cần thiết trước khi có người mở cửa vào buồng giam theo “lệnh trên”.

Tôi tả lại tất cả những điều trên đây, có lẽ không lấy gì làm sinh động và lý thú đối với những người thích nghe chuyện hành động và đánh nhau. Những người này có thể bỏ qua mấy trang nếu thấy chán. Tuy nhiên, những ấn tượng đầu tiên, những ý nghĩ đầu tiên này ồ ạt đến với tôi khi tôi tiếp xúc lần đầu với cái buồng giam mới, những phản ứng đầu tiên này khi tôi bị đưa xuống nhà mồ, tôi nghĩ rằng tôi phải miêu tả nó một cách thật trung thành.

Tôi đi đi lại lại như thế này đã lâu lắm rồi. Tôi nghe có tiếng thầm thì trong đêm khuya: họ đổi gác. Tên lính gác phiên trước là một gã cao lớn và khẳng khiu tên đến thay phiên thì lùn và mập. Hắn vừa đi vừa kéo lê đôi giày vải. Khi hắn đến cách tôi chỉ còn hai buồng giam, tôi có thể nghe thấy tiếng giày vải hắn sột soạt và đến khi hắn đi qua hai buồng giam mới không nghe thấy gì nữa. Hắn không im lặng một trăm phần trăm như thằng bạn đồng ngũ của hắn. Tôi tiếp tục đi đi lại lại Bây giờ chắc đã khuya lắm rồi. Không biết mấy giờ rồi nhỉ? Đến mai tôi sẽ không thiếu phương tiện để đo thời gian. Mỗi ngày cái ghi-sê phải mở bốn lần: nhờ đó tôi sẽ đại khái biết được giờ giấc. Còn ban đêm thì nhờ biết giờ phiên gác đầu tiên và biết thời hạn của mỗi phiên, tôi sẽ có thể sống với một cách đo lường thời gian xác định: phiên thứ nhất, phiên thứ hai, phiên thứ ba...

Một, hai, ba, bốn, năm... Như một cái máy, tôi lại bắt đầu cuộc đi

dạo vô tận, và nhờ trợ lực của sự mệt mỏi, tôi cất cánh một cách dễ dàng để trở về lục lọi trong dĩ vãng Chắc chắn lá do sự tương phản với bóng tối trong xà-lim, tôi bay ra giữa nắng ngồi trên bãi biển của bộ lạc tôi. Chiếc thuyền mà Lali dùng để đi vớt ngọc trai đang đung đưa cách tôi hai trăm mét trên mặt biển tuyệt vời màu xanh ngọc thạch. Hai chân tôi di di trên cát. Zoraima đem lại cho tôi một con cá lớn nướng trên than hồng, gói kỹ trong một tàu lá chuối cho khỏi nguội. Tôi ăn bằng mấy ngón tay, dĩ nhiên, còn Zoraima thì ngồi xếp bằng trước mặt tôi nhìn tôi ăn. Cô ta rất vui mừng khi thấy những mảng thịt to tách ra khỏi con cá một cách dễ dàng và đọc thấy trên gương mặt tôi vẻ khoái trá trong khi ăn cái món ngon lành mà cô đã dọn cho tôi.

Tôi không còn bị nhốt nữa. Tôi không hề biết đến Nhà giam cấm cố, Saint-Joseph, Quần đảo gì nữa. Tôi lăn lóc trên cát, vục hai tay vào lớp cát cho sạch, lớp cát làm bằng những mảnh vụn san hô mịn đến nỗi tôi có cảm giác như vục tay vào bột. Rồi tôi lội xuống biển để súc miệng bằng thứ nước trong vắt và mặn chát ấy. Tôi lấy hai tay múc nước phả lên mặt. Trong khi rửa cổ tôi nhận ra rằng tóc tôi đã dài lắm. Khi nào Lali về tôi sẽ bảo nàng cạo cổ cho tôi. Tôi qua đêm với bộ lạc của tôi. Tôi mở cái khố của Zoraima, và trên cát, giữa nắng, dưới làn gió biển, tôi chiếm hữu nàng. Nàng khẽ cất những tiếng rên si mê như nàng vẫn làm những khi nàng thấy khoái lạc. Có lẽ gió đưa đến tận tai Lali

khúc nhạc yêu đương này. Dù sao thì Lali không phải không nhìn thấy chúng tôi và thấy cái tư thế của chúng tôi chỗ nàng có xa xôi gì đâu mà không thấy rõ chúng tôi đang làm tình. Đúng thế, hẳn là nàng đã trông thấy, vì chiếc thuyền đang đi về phía bờ, nàng tươi cười bước xuống đất. Trên quãng đường về nàng đã tháo các bím tóc ra và lấy mười ngón tay thon và dài chải mái tóc ướt đang bắt đầu khô dần trong làn gió và trong ánh nắng của cái ngày tuyệt đẹp này. Tôi đi về phía nàng. Nàng lấy tay phải quàng lưng tôi và đẩy tôi đi trên bãi cát về phía nếp nhà tranh của chúng tôi. Suốt dọc đường đi, nàng không ngớt bày tỏ cho tôi hiểu: "Cả em nữa, cả em nữa". Về đến nhà, nàng xô tôi xuống một chiếc võng len đã gấp lại trải xuống đất làm đệm, và trong nàng, tôi quên rằng thế giới tồn tại. Zoraima rất thông minh, nàng chỉ về khi ước chừng chúng tôi đã xong. Nàng vào nhà khi chúng tôi hãy còn nằm trần truồng trên đệm, thỏa mãn no nê vì ái ân. Nàng đến ngồi với chúng tôi, lấy lòng bàn tay vả vả lên hai má của chị, miệng nhắc đi nhắc lại mấy tiếng gì chắc chắn phải có nghĩa đại khái là "đồ tham ăn". Rồi với một cử chỉ trinh bạch và đầy tình trìu mến, nàng sứa lại cái khố của tôi và cái của Lali cho ngay ngắn. Suốt đêm hôm ấy tôi đã sống ở Guajira. Tôi tuyệt nhiên không ngủ một chút nào. Thậm chí tôi cũng không nằm xuống để nhắm mắt lại mà hồi tưởng những cảnh đã sống qua. Ngay trong khi đi đi lại lại không ngừng trong một trạng thái gần

như thôi miên, không cần phải vận dụng ý chí một chút nào, tôi đã vượt qua không gian và thời gian để trở về sống lại cái ngày đẹp tuyệt vời đã qua cách đây gần sáu tháng.

Đèn đã tắt, và có thể thấy rõ ngày mới đang tràn vào bóng tranh tối tranh sáng của căn xà-lim, xua tan thứ sương mù lềnh bềnh đang bao bọc mọi vật xung quanh tôi. Một tiếng còi huýt lên. Tôi nghe tiếng những tấm ván nằm chạm vào tường, và cả tiếng cái móc của người ở buồng bên phải chạm vào cái vòng sắt gắn vào tường. Người ở buồng bên ho, và tôi nghe có tiếng một ít nước giội xuống nền nhà. Sao, ở đây cũng được rửa mặt nữa à?

- Thưa ông giám thị, ở đây rửa mặt thế nào ạ?

- Phạm nhân, vì anh không biết cho nên tôi tha cho anh lần này. Không được nói gì với lính gác: nếu vi phạm điều lệnh này sẽ bị phạt nặng. Muốn rửa mặt, đứng ngay chỗ bô một tay cầm hũ nước, tay kia hứng mà rửa. Anh chưa giở chăn ra phải không?

- Chưa.

- Trong chăn có một cái khăn mặt.

Đến thế thì thật! Không được phép nói với lính gác vì bất cứ lý do gì? Thế nếu mắc phải chứng gì đau quá thì sao? Nếu sắp chết đến nơi: một cơn đau tim, đau ruột thừa, một cơn suyễn quá mạnh, thì sao? Chẳng lẽ ở đây cấm cả việc kêu cứu khi lâm vào một tình cảnh nguy hiểm chết người? Vô nhân đạo đến thế là cùng? Nhưng không, như thế là bình thường. Nếu không, tù nhân

có thể quấy phá, làm ầm ĩ lên một cách quá dễ dàng khi thần kinh không chịu nổi nữa. Dù chỉ để nghe tiếng người, dù chỉ để người ta nói với mình một câu, dù câu đó chỉ là: "Chết thì chết đi, nhưng phải câm mồm lại!". Cũng sẽ có vài chục người trong số hai trăm năm mươi tù nhân bị giam ở đây, mỗi ngày vài chục lần, bày chuyện gây ra bất cứ cuộc cãi vã nào để cho thoát bớt sức hơi ép trong óc họ như qua một cái xúp-páp!

Người đã có cái ý xây những chuồng cọp này không thể là một bác sĩ tâm bệnh học được: một người thầy thuốc không đời nào lại tự hạ mình làm một việc nhơ nhuốc đến như vậy. Nội quy của nhà giam này cũng không phải do một bác sĩ thảo ra. Nhưng hai con người đã cùng nhau tạo nên cái nhà tù này, người kiến trúc sư cũng như người viên chức đã dự tính một cách chi li những chi tiết của nhà tù, họ quả thật là hai con quái vật đáng ghê tởm, hai nhà tâm lý học tồi bại và độc ác tràn đầy một lòng căm thù xa đích đối với các phạm nhân.

Từ những căn buồng giam của khám trung tâm ở Beaulieu, ở Canen tuy sâu như vậy, hai tầng hầm phía dưới mặt đất, vẫn còn có thể vọng ra ngoài, đến tai công chúng, những tiếng vang xa xăm của những cực hình mà các phạm nhân phải chịu đựng. Chứng cớ là hồi ấy, khi người ta tháo khóa tay cho tôi tôi đã thấy rõ ràng vẻ sợ hãi trên mặt bọn lính gác: chắc chắn là họ sợ bị phiền hà, bị trừng trị. Nhưng ở đây, trong nhà giam cấm cố này,

nơi mà chỉ có bọn viên chức trong ban quản trị mới vào được, họ rất yên tâm họ không bao giờ có thể bị phiền hà gì hết.
Clac, clac, clac, clac, - người ta mở tất cả các ghi-sê. Tôi đến cạnh ghi-sê của tôi, đánh liều dòm ra ngoài, rồi tôi thò đầu ra một chút, và sau đó thò hết cả cái đầu ra ngoài hành lang. Bên phải cũng như bên trái tôi đều trông thấy cả một dãy đầu thò ra. Tôi hiểu ngay ràng hễ ghi-sê được mở thì mọi người đều lập tức thò đầu ra ngoài. Người bên phải nhìn tôi mà mắt tuyệt nhiên không biểu hiện một cảm nghĩ gì. Chắc đã đờ đẫn đi vì thói thủ dâm. Hắn xanh xao phờ phạc, mặt phì ra, gương mặt dần độn, u mê. Người bên trái hỏi tôi rất nhanh: "Bao nhiêu?"
- Hai năm.
- Tớ bốn. Mới được một. Tên gì?
- Papillon.
- Tớ, Georges, Jojo l' Auvergnat. Cậu bị ở đâu?
- Paris, còn cậu?
Người kia chưa kịp trả lời: suất cà-phê và ổ bánh mì tròn đã được đưa đến cách đấy hai buồng. Hắn thụt đầu vào. Tôi cũng làm như thế. Tôi giơ cái ca ra. Họ rót cà-phê vào rồi đưa một ổ bánh mì tròn. Vì tôi đưa tay ra đón ổ bánh mì hơi chậm, khi cửa ghi-sê sụp xuống thì ổ bánh mì của tôi lăn xuống đất. Không đầy mười lăm phút sau im lặng đã trở lại. Chắc mỗi hành lang phải có một tốp đi phát bữa sáng, chứ không thì không thể nhanh như

vậy. Đến giữa trưa có món xúp bỏ một miếng thịt hầm. Buổi chiều, một đĩa đậu ván xào. Cái thực đơn ấy trong suốt hai năm chỉ thay đổi trong bữa ăn chiều: đậu ván, đậu đỏ, đậu chiên, đậu đũa, đậu trắng và cơm xào. Bữa trưa thì lúc nào cũng chỉ có thế. Cứ mười lăm ngày một lần, chúng tôi thò đầu ra ngoài ghi-sê, và một người tù khổ sai dùng một cái tông-đơ răng dày của thợ cắt tóc để cắt râu cho chúng tôi

Tôi ở đây đã được ba ngày. Có một điều làm cho tôi bận tâm. ở đảo Royale, các bạn tôi có nói là sẽ gửi thuốc lá và thức ăn cho tôi. Tôi chưa nhận được thứ gì, vả lại tôi cũng băn khoăn không hiểu nổi họ lâm thế nào để có thể thực hiện dược một việc thần kỳ như vậy.

Cho nên tôi không lấy làm lạ khi không thấy có gì gửi đến. Hút thuốc lá chắc phải rất nguy hiểm, và dù sao đó cũng là thứ xa xỉ. Ăn thì hẳn là chuyện sống còn, vì xoong xúp trong bữa ăn trưa chỉ là một ít nước nóng lều bều vài nhúm rau xanh và một miếng thịt hầm chỉ độ một trăm gam. Buổi chiều chỉ có một đĩa đựng nước xào sền sệt, lưa thưa mấy hạt đậu hay mấy thứ rau quả khô Nói thật, tôi không nghi ngờ ban quản trị cho tù ăn kém bằng nghi ngờ bọn tù nhân chuyên việc nấu ăn hay phân phát thức ăn. Tôi nảy ra cái ý này trong bữa chiều, khi một người tù quê ở Marseille bắt đầu vào đưa thức ăn. Cái muôi của anh ta vục xuống tận đáy thùng, cho nên trong suất của tôi đậu bao giờ cũng

nhiều hơn nước. Nếu những người khác đưa bữa ăn chiều thì ngược lại họ chỉ hớt phía trên sau khi ngoáy ngoáy cái muôi một chút. Do đó nhiều nước mà ít đậu. Tình trạng thiếu dinh dưỡng này cực kỳ nguy hiểm. Muốn có đủ sức mạnh tinh thần để giữ vững ý chí, cần phải có ít nhiều sức mạnh thể chất.

Lúc này người ta đang quét ngoài hành lang. Tôi có cảm giác là người ta quét ở trước buồng giam của tôi hơi lâu quá. Tiếng chổi quẹt mãi vào cánh cưa buồng tôi một cách không bình thường. Tôi nhìn kỹ thì thấy một mẩu giấy trắng thò ra ở phía dưới cánh cửa. Tôi hiểu ngay rằng người ta đã tuồn một cái gì dưới cánh cửa nhưng không thể tuồn vào sâu hơn được. Người ta đợi cho tôi rút mẩu giấy vào rồi mới quét sang chỗ khác. Tôi mở mẩu giấy ra. Có mấy dòng chữ viết bằng mực dạ quang. Tôi đợi cho tên lính gác đi quá rồi đọc vội: "Papi, kể từ mai trong bô của anh mỗi ngày sẽ có năm điếu thuốc lá và một quả dừa. Khi ăn dừa phải nhai thật kỹ thì mới bổ. Nhớ nuốt cả bã. Hút thuốc vào buổi sáng khi họ đổ bô. Không bao giờ được hút sau bữa cà-phê sáng, phải hút trong bữa ăn trưa ngay sau khi ăn, và buổi chiều cũng vậy. Kèm theo đây có một mẩu ruột bút chì. Mỗi khi cần dùng thứ gì, cứ viết vào mẩu giấy kèm theo đây, khi người quét hành lang quệt chổi vào cánh cửa, hãy dùng ngón tay cào vào cửa. Nếu người kia cũng cào lại thì tuồn mẩu giấy ra. Đừng bao giờ tuồn mẩu giấy trước khi hắn cào lại để trả lời anh. Hãy để mẩu

giấy vào tai để khỏi rút plan ra, còn mẩu ruột bút chì thì có thể để bất cứ chỗ nào ở chân tường. Can đảm lên. Các bạn hôn anh. Ignace, Louis".

Người gửi cho tôi bức thông điệp này là Galgani và Dega. Tôi thấy nghẹn ngào ở cổ và một hơi ấm tràn đầy trong ngực; có được những người bạn trung thành, tận tụy như vậy thật là ấm áp. Và bước đi của tôi: một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay, càng thêm vững vàng và nhanh nhẹn, với một mềm tin lớn hơn vào tương lai, một niềm tin tưởng chắc chắn rằng mình sẽ còn sống cho đến khi ra khỏi cái phần mộ này. Và tôi vừa đi vừa nghĩ: trong hai con người ấy có bao nhiêu là tình cảm cao thượng, có biết bao nhiêu ý chí muốn làm điều tốt. Chắc chắn là họ đã tự đặt mình vào một tình thế rất nguy hiểm: một người có thể mất chân kế toán, người kia mất chân liên lạc. Việc họ đang làm để giúp tôi thật là vĩ đại, chưa kể là họ phải tốn biết bao nhiêu tiền mới làm được như thế. Họ đã phải mua biết bao nhiêu người để với tay đến tận buồng giam của tôi trên cái đảo Royale "ăn thịt người".

Bạn đọc cần hiểu rõ rằng một quả dừa khô chứa rất nhiều dầu trong cái cùi dòn và trắng của nó chỉ cần nạo sáu quả dừa ngâm vào nước nóng thì một ngày sau trên mặt nước có thể vớt được một lít dầu. Thứ dầu này là một chất béo mà với chế độ ăn của chúng tôi người ta rất cần, nó chứa nhiều thứ sinh tố. Mỗi ngày

một cái cùi dừa là gần đủ bảo đảm cho sức khỏe. ít nhất người ta cũng không thể lâm vào tình trạng mất nước, cũng không thể chết vì suy dinh dưỡng. Đã hai tháng ròng tôi nhận được tiếp tế về thức ăn và thuốc hút mà không xảy ra chuyện gì cả. Mỗi lần hút thuốc tôi đều đề phòng cẩn thận như người Sioux: tôi nuốt khói vào thật sâu rồi nhả ra từ từ, vừa nhả vừa xòe bàn tay phải ra như cái quạt để xua cho khói tan đi.

Hôm qua vừa xảy ra một chuyện hơi lạ. Tôi không biết là tôi đã hành động đúng hay sai. Một tên lính gác đi trên đường tuần tra đã chống tay vào thanh vịn nhìn xuống buồng giam tôi. Hắn châm một điếu thuốc, hút vài hơi rồi để nó rơi xuống buồng giam tôi. Sau đó hắn lại đi tuần. Tôi đợi cho hắn trở lại rồi lấy chân chà lên điếu thuốc, sao cho hắn có thể trông thấy rõ. Bước hắn đi hơi ngưng lại một chút, nhưng không lâu: khi đã thấy rõ cử chỉ vừa rồi của tôi, hắn lại đi ngay. Có phải hắn thương hại tôi, hay thấy xấu hổ cho cái ban quán trị của hắn? Hay đây chỉ là một cái bẫy? Tôi không biết cho nên rất băn khoăn.

Khi người ta khổ, người ta trở nên hết sức nhạy cảm.

Nếu tên giám thị vừa rồi đã có ý muốn làm một người tốt bụng dù cái ý ấy chỉ được một vài giây, tôi cũng rất lấy làm tiếc vì đã làm hắn phiền lòng với cái cử chỉ khinh miệt của tôi.

Tôi ở đây thế là đã hơn hai tháng. Cái nhà giam cấm cố này là nhà giam duy nhất mà theo tôi trong đó không có gì có thể học

được. Vì không thể có một cách dàn xếp nào hết. Tôi đã luyện tập được rất kỹ cái khả năng phân thân. Tôi có một chiến thuật có hiệu quả chắc chắn. Để đi lang thang giữa các vì sao với một cảm giác hiện thực thật cao, để dễ dàng thấy hiện ra những thời đoạn khác nhau trong dĩ vãng của cuộc đời giang hồ phiêu bạt của tôi hay của thời thơ ấu, hoặc giả để xây những tòa lâu đài ở Tây Ban Nha hiện rõ y như thật, lúc đầu tôi đã phải tốn rất nhiều sức. Tôi phải đi đi lại lại không ngớt mấy giờ đồng hồ liền, không ngồi xuống, không dừng lại, vừa đi vừa nghĩ bình thường về bất cứ vấn đề gì. Rồi đến khi thật mệt mỏi tôi mới nằm lên tấm ván, gối đầu lên một nữa tấm chăn, còn nửa kia thì đắp lên mặt. Bấy giờ làn không khí đã thưa thớt của phòng giam đi vào miệng tôi và mũi tôi một cách khó khăn vì bị tấm chăn lọc một lần nữa. Điều đó nhằm gây ra trong phổi tôi một tình trạng gần như ngạt thở khiến đầu tôi thấy nhức và nóng.

Trong trạng thái thiếu không khí và ngột ngạt vì nóng bức, tôi đột ngột thấy mình bay bổng lên. Ôi? Những cuộc phi hành của linh hồn ấy đã đem lại cho tôi bao nhiêu là cảm giác khôn tả. Tôi đã có được những đêm ân ái mà cảm giác còn mạnh hơn cả khi tôi được tự do, say sưa hơn, có sức chấn động hơn những cảm giác thật của những đêm ân ái mà tôi đã thực sự trải qua. Phải, cái khả năng du hành trong không gian ấy cho phép tôi ngồi bên cạnh mẹ tôi, người đã chết cách đây mười bảy năm. Tôi mân mê

tà áo của người, và người vuốt ve những móc tóc quăn của tôi mà người bắt để rất dài hồi tôi mới năm tuổi, làm như thể tôi là con gái. Tôi vuốt ve mấy ngón tay thon và dài, da mịn như tơ. Người cùng cười với tôi khi thấy nảy ra cái ý muốn gan góc được lao xuống sông như tôi đã thấy những cậu con trai lớn tuổi hơn làm, vào một ngày hai mẹ con đi dạo với nhau. Những chi tiết nhỏ nhặt nhất trong cách chái tóc của người, niềm thương mến có sức tỏa hào quang của đôi mắt sáng lóng lánh của người, những lời lẽ dịu dàng khó quên của người: "Riri bé bỏng của mẹ, con hãy ngoan, thật ngoan nhé, để mẹ con thương con thật nhiều. ít nữa rồi con cũng sẽ nhảy được xuống nước từ rất cao, rất cao. Còn bây giờ thì con còn bé quá, cục vàng của mẹ ạ Ngày ấy sẽ đến rất nhanh, quá nhanh nữa là khác, cái ngày mà con sẽ thành một chàng trai to khỏe".

Và mẹ tôi dắt tay tôi đi dọc bờ sông về nhà Tôi thực sự đang sống trong ngôi nhà của thời thơ ấu của tôi. Thực sự đến nỗi tôi đưa hai tay bịt mắt mẹ tôi để người không đọc được nốt nhạc nhưng vẫn tiếp tục chơi piano cho tôi nghe. Tôi đang ở nhà thật chứ không phải tưởng tượng. Tôi đang ở nhà với mẹ, tôi leo lên một chiếc ghế tựa đặt ở phía sau chiếc ghế quay mẹ tôi đang ngồi, và tôi đưa hai bàn tay nhỏ bé lên bít mắt mẹ tôi thật mạnh, để cho đôi mắt to và hiền của người đừng trông thấy gì. Mấy ngón tay thon nhẹ của người vẫn tiếp tục lướt trên các phím đàn

đánh cho tôi nghe bài Nàng quả phụ vui tươi cho đến hết.
Dù là tên công tố viên vô nhân đạo, hay là những tên cảnh sát mà sự lương thiện đáng cho người ta ngờ vực, hay là Polein, tên khốn kiếp đã chịu mặc cả để mua lấy tự do bằng một lời khai gian dối, hay là mười hai miếng phó-mát đã ngu xuẩn theo đuôi bản cáo trạng và cách thuyết minh sự việc của bên nguyên, hay là những tên lính gác ở nhà giam cấm cố, những cộng tác viên xứng đáng của cái ngục "ăn thịt người", không có ai, tuyệt đối không có ai, và cũng không có cái gì, kể cả những bức tường dày và cái khoảng cách xa xôi của hòn đảo mất hút giữa Đại tây dương này, tuyệt nhiên không có một cái gì thuộc phạm trù tinh thần hay vật chất có thể ngăn cản nổi những cuộc du hành nhuộm màu hồng tuyệt vời của hạnh phúc khi tôi cất cánh bay bổng lên các vì sao.
Tôi đã sai lầm: khi tính thời gian phải một mình đối diện với bản thân, tôi chỉ nói đến thời gian bằng đơn vị giờ.
Đó là một sai lầm. Có những lúc phải đo thời gian bằng đơn vị phút. Chẳng hạn, sau buổi phân phát cà-phê và bánh mì là giờ đổ bô - sau đó khoảng một tiếng đồng hồ. Khi người ta trả cái bô sạch tôi sẽ nhận được quả dừa, năm điếu thuốc lá và đôi khi cả một mảnh giấy viết chữ lân tinh. Những lúc ấy - không phải bao giờ cũng thế, nhưng rất nhiều khi như thế - tôi đếm từng phút một. Làm như thế cũng khá dễ dàng vì tôi điều chỉnh thân thể tôi

thành một quả lắc, cứ năm bước, lúc quay trở lại, tôi nhẩm đếm: một. Đếm đến mười hai thì được một phút. Có điều là xin các bạn chớ tưởng rằng tôi lo lắng muốn biết rồi mình có được ăn cái cùi dừa, vốn chính là sự sống của tôi, có được hưởng cái thú vô biên là đang ở trong cái hầm mộ này mà lại được hút thuốc mười lần trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ (vì mỗi điếu thuốc lá tôi hút làm hai lần) hay không.

Không phải thế; vào giờ nhận cà phê, và tuy không có lý do gì đặc biệt, tôi cũng sợ rằng có một việc gì đã xảy ra với những người đang hy sinh sự yên tĩnh của mình để giúp tôi một cách hào phóng như vậy. Cho nên tôi chờ đợi, và đến khi trông thấy quả dừa tôi mới thở phào yên tâm. Quả dừa có đó, như thế có nghĩa là họ vân yên ổn.

Chầm chậm, rất chậm, những giờ, những ngày, những tuần, những tháng trôi qua. Rồi đến một lúc nào đó, tỉnh lại thấy mình đã ở đây được gần một năm.

Đúng mười một tháng và hai mươi ngày tôi chưa được nói chuyện với ai hơn bôn mươi giây, mà cũng chỉ nói nhát gừng, và nói thầm thì, chứ không thành tiếng. Tuy vậy có một hôm tôi cũng đã dự một cuộc đối thoại to tiếng. Hôm ấy tôi bị cảm và ho nhiều. Nghĩ rằng như vậy cũng đủ để xin đi khám, tôi liền báo cáo ốm. Bác sĩ đã đến. Trước sự kinh ngạc của tôi, cái ghi-sê mở ra. Trong cái khung hẹp ấy thấy hiện ra một cái đầu

- Anh làm sao? Anh đau gì? Phế quản à? Quay lưng lại. Ho đi. Kìa, sao lạ thế nhỉ. Người ta đùa chăng? Thế nhưng đó lại là sự thật một trăm phần trăm. Một ông thầy thuốc xứ thuộc địa đã đến chẩn bệnh qua một cái ghi-sê, bảo tôi quay lưng lại đứng cách cánh cửa một mét, và ghé tai vào lỗ để nghe phổi tôi. Rồi ông ta lại nói: "Thò tay ra. Tôi toan làm theo như cái máy, thì do một thứ tự trọng nào đấy, tôi nói với cái ông thầy thuốc quái dị này: "Cám ơn bác sĩ, phiền bác sĩ quá nhỉ. Thôi không cần. Chẳng ích gì đâu. ít nhất tôi cũng có đủ bản lĩnh để tỏ ra cho hắn hiểu rằng tôi không tưởng lầm là cái kiểu chẩn bệnh của hắn có chút gì nghiêm chỉnh.

- Tùy anh, - hắn đã có đủ vô liêm sỉ để trả lời như vậy. Rồi bỏ đi. Cũng may, vì chỉ chút nữa tôi đã nổ tung ra vì phẫn nộ..

Một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay. Một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay. Tôi đi đi lại lại, đi đi lại lại mãi, không mỏi mệt, không dừng lại, và hôm nay tôi đi đi lại lại một cách giận dữ, hai chân tôi căng thẳng chứ không buông lơi một cách thư thái như thường lệ. Dường như sau sự việc vừa xảy ra, tôi cần phải xéo nát một cái gì. Chân tôi thì có thể giẫm lên cái gì?

Dưới chân tôi chỉ có xi-măng. Không, tôi giẫm lên rất nhiều thứ trong khi đi như vậy. Tôi giẫm lên sự hèn hạ của tên bác sĩ đã cam tâm chịu chiều theo ý Ban Quản trị để làm những việc tởm lợm như vậy. Tôi giẫm lên thái độ dửng dưng của một tầng lớp

người trước sự đau khổ của một tầng lớp người khác. Tôi giẫm lên sự ngu dốt của dân tộc Pháp không hề quan tâm, không hề tò mò muốn biết những đồng bào của họ cứ hai năm lại được lùa lên tàu như những bầy gia súc qua Saint- Martin-de-Ré là để đi đến đâu và được đối xử như thế nào. Tôi giẫm lên các phóng viên của các báo chí cánh tả, sau khi viết những bài báo chua ngoa về một con người đã phạm tội nào đấy thì chỉ mấy tháng sau là đã không còn nhớ rằng trên đời có một người như thế. Tôi giẫm lên bọn linh mục công giáo đã nghe các phạm nhân xưng tội, biết rất rõ những gì đang diễn ra ở trại khổ sai của Pháp mà vẫn im hơi lặng tiếng. Tôi giẫm lên một hệ thống xử án biến việc cân nhắc công bằng thành một cuộc đấu khẩu giữa kẻ buộc bội và kẻ bào chữa.

Tôi giẫm lên tổ chức Liên minh Nhân quyền và Dân quyền không hề lên tiếng để nói: Hãy chặn đứng cái máy chém khô của các người lại, hãy hủy diệt cái tâm lý xa-đích tập thể đang hoành hành trong giới viên chức Hành chính. Tôi giẫm lên cái tình trạng tệ mạt là không có một tổ chức hay hiệp hội nào chất vấn những kẻ có trách nhiệm về hệ thống xử án này để hỏi họ xem tại sao và làm thế nào mà trại khổ sai cứ hai năm lại chết mất tám mươi phần trăm dân số của nó. Tôi giẫm lên những tờ giấy báo tử của tổ chức y tế nhà nước: tự tử, suy dinh dưỡng, suy nhược toàn thân, hoại huyết, ho lao, điên loạn, dở hơi. Tôi còn

biết tôi đang giẫm lên những gì nữa? Nhưng dù sao, sau sự việc đã xảy ra, tôi không còn đi bình thường nữa, cứ mỗi bước tôi lại xéo nát một cái gì.

Một, hai, ba, bốn, năm,... và những giờ phút chảy qua chầm chậm làm cho cuộc nổi loạn thầm lặng của tôi lắng dần vì mệt mỏi. Còn mười ngày nữa tôi sẽ qua được một nửa thời hạn cấm cố. Đây quả là một kỷ niệm rất đáng ăn mừng, vì nếu không kể cái bệnh cảm khá nặng kia, sức khỏe tôi vẫn tốt. Tôi vẫn không điên, mà cũng chưa bước vào quá trình trở thành điên. Tôi tin chắc, thậm chí chắc một trăm phần trăm là sẽ ra khỏi chốn này khỏe mạnh về thể chất và tinh thần khi cái năm đang sắp bắt đầu sẽ hết.

Tôi sực tỉnh vì ngoài kia có tiếng nói rì rầm.

- Hắn đã chết khô từ bao giờ ấy. Durand ạ. Sao, ban nãy anh không nhận thấy à?

- Thưa sếp tôi không biết ạ. Vì hắn treo cổ trong góc tường phía lối đi tuần cho nên tôi đi qua nhiều lần mà không trông thấy.

- Cái đó không quan trọng, nhưng phải thú nhận rằng anh không trông thấy hắn là phi lô-gíc.

Người bị giam ở buồng bên trái đã tự tử.

Đó là điều mà tôi đã hiểu ra, họ đến khiêng hắn đi. Cánh cửa khép lại. Nội quy đã được tuân thủ một cách nghiêm chỉnh vì cánh cửa ấy đã được mở ra và đóng lại trước mắt một "cấp trên"

là viên giám đốc của nhà giam cấm cố mà tôi đã nhận ra giọng nói. Đó là người thứ năm đã chết trong các buồng giam ở quanh tôi trong vòng mười tuần.

Ngày kỷ niệm một năm cấm cố đã đến. Trong cái bô tôi thấy có một hộp sữa đặc Nestlé. Đó là một cử chỉ điên rồ của các bạn tôi. Họ đã tìm mua hộp sữa này với một giá đắt không thể tưởng tượng nổi và đã liều lĩnh gửi nó cho tôi. Dù sao tôi cũng đã có được một ngày đắc thắng trước sự tàn nhẫn của số phận. Cho nên tôi tự hứa là không bay đi đâu cả. Tôi đang ở nhà giam cấm cố. Một năm đã qua từ khi tôi đến đây, thế mà tôi vẫn tự cảm thấy đủ sức để lên đường vượt ngục ngày mai nếu có cơ hội. Bản tổng kết như vậy là tích cực, và tôi tự hào về nó.

Thông qua người quét hành lang buổi trưa, tôi nhận được mấy chữ của các bạn (đó là một việc khác thường): “Can đảm lên. Chỉ còn một năm nứa thôi. chúng tôi biết cậu vẫn khỏe. Chúng tôi cũng bình thường, yên ổn. Chúng tôi hôn cậu. Louis, Ignace. Nếu tiện, cậu gửi cho chúng tôi mấy chữ, đưa ngay cho người đã trao cậu mảnh giấy này”.

Trên mảnh giấy trắng gửi kèm theo bức thư tôi viết: “Cám ơn về tất cả. Tôi khỏe mạnh, và nhờ các cậu tôi hy vọng vẫn sẽ như thế này sau một năm. Có thể cho tôi biết tin Clousiot, Maturette không?” Quả nhiên một lúc sau người quét hành lang trở lại, cào vào cửa tôi. Tội vội vàng nhét mảnh giấy dưới cửa, nó biến ngay.

Suốt ngày hôm ấy và một phần đêm ấy, tôi ở lại trên mặt đất, trong cái trạng thái mà tôi đã mấy lần tự hứa là sẽ giữ. Một năm nữa tôi sẽ được đưa về một trong hai đảo. Royale hay Saint-Joseph? Tôi sẽ nói chuyện, hút thuốc đến đã đời thì thôi, và lập tức sẽ chuẩn bị vượt ngục.

Hôm sau tôi bước vào ngày thứ nhất trong số ba trăm sáu mươi lăm ngày còn lại, lòng vững tin vào số phận của mình. Tám tháng tiếp theo, mọi sự đã trôi qua đúng như tôi dự kiến. Nhưng đến tháng thứ chín thì tình hình trở nên nghiêm trọng. Sáng hôm ấy, đến giờ để bô, người đưa dừa bị bắt quả tang vào lúc đẩy cái bô vào buồng tôi, trong đó đã để sẵn quả dừa và năm điếu thuốc lá.

Việc vừa xảy ra nghiêm trọng đến nỗi trong mấy phút đồng hồ họ đã quên mất quy chế im lặng tuyệt đối. Tiếng người ta đấm đá người tù khốn khổ kia nghe rất rõ. Sau đó là tiếng rên khò khè của một người đã bị đánh một dòn chí mạng. Cái ghi-sê của tôi mở ra và một cái mặt lính gác đỏ bừng quát vào buồng: "Còn mày nữa, hãy đợi đấy!"

- Tao sẵn sàng đợi mày, thằng chó đẻ! - Tôi trả lời thần kinh căng thẳng đến tột độ vì đã phải ngồi im nghe chúng nó đánh dập người tù khốn khổ kia.

Việc ấy đã xảy ra lúc bảy giờ. Đến mười một giờ, một phái đoàn do viên phó chỉ huy nhà giam cấm cố đứng đầu đến buồng tôi.

Người ta mở cánh cửa đã đóng lại sau lưng tôi cách đây hai mươi tháng và từ đó chưa bao giờ được mở ra. Tôi đang đứng ở cuối buồng giam, tay cầm cái ca, giữ thế thủ, quyết tâm đánh trả đến cung, vì hai lẽ: thứ nhất là để cho bọn lính gác khi đánh tôi sẽ được trừng trị đích đáng, thứ hai là đế chúng nó đánh tôi chết thật nhanh. Nhưng mãi chẳng thấy chúng làm gì cả, viên phó chỉ huy nói:

- Phạm nhân, bước ra.

- Nếu các anh bảo tôi ra để đánh tôi thì hãy coi chừng: tôi sẽ đánh lại Mà tôi chẳng dại gì ra để bị đánh từ bốn phía. Tôi cứ đứng đây, hễ đứa nào động vào tôi tôi sẽ cho đi đời ngay.

- Charrière, người ta sẽ không đánh anh đâu.

- Ai bảo đảm điều đó?

- Tôi, phó chỉ huy nhà giam.

- Anh có danh dự không mà bảo đảm?

- Anh đừng thóa mạ tôi, vô ích. Tôi lấy danh dự hứa với anh rằng anh sẽ không bị đánh. Nào ra đi!

Tôi vẫn cầm cái ca trong tay.

- Anh có thể giữ cái ca, anh không phải dùng đến nó đâu.

- Được

Tôi bước ra, và đi giữa sáu tên giám thị cùng đi với viên phó chỉ huy, vượt qua suốt chiều dài của hành lang. Ra đến sân, tôi thấy chóng mặt và chói mắt dữ dội, phải nhắm nghiền lại. Cuối cùng

tôi trông thấy cái nhà nhỏ nơi họ đã đón chúng tôi. ở đấy có khoảng mười hai tên giám thị. Không xô đẩy, họ đưa tôi vào phòng "quản trị". Giữa nền nhà bê bết máu, một người tù đang nằm rên rỉ. Khi thấy cái đồng hồ treo trên tường chỉ một giờ, tôi nghĩ: "Tội nghiệp, chúng nó tra tấn anh ta bốn tiếng đồng hồ rồi". Viêm giám đốc đang ngồi sau bàn giấy, viên phó giám đốc ngồi xuống cạnh hắn ta.

- Charrière, anh nhận thức ăn và thuốc lá bao lâu rồi?

- Anh kia đã nói cho các ông biết rồi còn gì.

- Tôi hỏi anh ấy.

- Tôi thì bị bệnh mất trí nhớ, hôm qua có chuyện gì tôi không thể biết được.

- Anh giễu chúng tôi đấy à?

- Không, việc này mà người ta không ghi vào hồ sơ của tôi thì lạ thật. Tôi bị mất trí nhớ vì một đòn đánh vào đầu.

Viên giám đốc nghe câu trả lời của tôi ngạc nhiên quá quay ra hỏi:

- Gọi diện hỏi Royale xem thử trong hồ sơ có ghi gì về việc này không?

Trong khi người ta gọi điện thoại, hắn nói tiếp:

- Anh có nhớ mình tên là Charrière chứ?

- Cái đó thì có. - Đoạn tôi nói tiếp thật nhanh để làm cho họ ngỡ ngàng hơn nữa, nói như một cái máy:

Tôi tên là Charrière, tôi sinh năm 1906 ở tỉnh Ardèehe, bị xử án chung thân ở Paris, quận Seine. Ông ta trợn mắt tròn xoe như hai hòn bi, và tôi cảm thấy mình đã làm cho viên giám đốc lung lay thực sự.

- Sáng nay anh vẫn được phát cà-phê và bánh mì đấy chứ?

- Vâng.

- Tối hôm qua người cho anh ăn món đậu gì?

- Tôi không biết.

- Thế thì theo anh, anh không còn chút trí nhớ gì sao?

- Những việc xảy ra thì hoàn toàn không nhớ chút gì. Mặt thì tôi nhớ. Chẳng hạn như tôi nhớ rằng ông có tiếp tôi một lần. Vào lúc nào thì tôi không biết.

Thế anh không biết anh còn phải bị giam bao lâu nữa sao?

- Chung thân mà? Hình như đến khi chết.

- Không! Hạn giam cấm cố ấy.

- Tôi mà bị giam cấm cố à? Vì tội gì?

- Ơ thế thì thật quá sức! Mẹ kiếp! Anh đừng làm cho tôi nổi khùng lên. Anh dám nói rằng anh không nhớ đã bị xử hai năm vì tội vượt ngục sao? Gớm thật!

Đến đây, tôi hạ nốt đòn cuối cùng cho hắn gục hẳn:

- Tôi mà lại vượt ngục à? Thưa ông chỉ huy, tôi là người nghiêm chỉnh và có trách nhiệm. Xin ông cứ đi với tôi về buồng giam, ông sẽ rõ là tôi có vượt ngục hay không.

Vừa lúc ấy một tên cảnh sát nói với viên chỉ huy:

- Thưa xếp, có điện của Royale gọi.

Viên giám đốc đến cầm máy lên: "Không ghi gì cả à? Lạ thật, hắn bảo là hắn bị mất trí nhớ... Nguyên nhân à? Bị đánh vào đầu... hiểu rồi, hắn giả vờ. Ai mà biết... Vâng, xin lỗi thiếu tá, tôi sẽ kiểm tra lại. Chào thiếu tá... Vâng, tôi sẽ báo cáo lại để thiếu tá rõ".

- Đồ kép hát, xem cái đầu nào. ừ, mà phải. Có một vết thương khá dài. Thế anh làm cách nào mà nhớ được rằng anh bị mất trí nhớ từ khi bị đánh cú này, hả? Nói đi xem nào?

- Tôi không hề giải thích, tôi chỉ ghi nhận rằng tôi nhớ là đã bị đánh, nhớ rằng tên tôi là Charriène.

Tôi còn nhớ nhiều thứ khác nữa ấy chứ.

- Rốt cuộc anh muốn nói gì hay làm gì?

- Vấn đề đó thì chúng ta đang bàn đây thôi. Ông hỏi tôi là người ta gửi thức ăn và thuốc hút cho tôi từ bao giờ. Vậy tôi xin trả lời dứt khoát: tôi không biết; chắc đây là lần đầu, nhưng cũng có thể là lần thứ một ngàn. Bị bệnh mất trí nhớ, tôi không thể trả lời rõ hơn được. Xin hết, các ông muốn làm gì tôi thì làm.

- Điều mà tôi muốn cũng đơn giản thôi. Anh đã ăn quá tiêu chuẩn lâu rồi, thế thì bây giờ phải để cho anh gầy đi một chút. Bỏ bữa ăn chiều cho đến hết thời hạn giam cấm cố.

Ngay hôm ấy, tôi nhận được một mảnh giấy lúc họ đi quét hành

lang lần thứ hai. Tiếc thay tôi không được vì nó không được viết bằng mực lân tinh. Đến khuya, tôi châm một chiếu thuốc lá còn lại từ hôm qua đã thoát khỏi cuộc khám xét vì nó được giấu rất kỹ trong tấm ván nằm. Rít mạnh điếu thuốc cho đốm lửa sáng lên, tôi dần dần đọc được: "Người đổ bô đã giữ vững. Anh ta khai đây là lần thứ hai anh đưa thức ăn vào cho cậu, một cách hoàn toàn tự nguyện. Lại khai là đã làm như thế vì trước kia có quen cậu ở Pháp. Sẽ không có ai bị liên lụy ở Royale. Can đảm lên". Vậy là tôi bị tước mất món lửa, thuốc lá và tin tức của bạn bè ở Royale. Hơn nữa họ đã cúp mất bữa ăn chiều của tôi. Tôi đã quen với tình trạng không phải chịu đói và với mười lần hút thuốc lá mà trước đây tôi vẫn dùng để lấp thời gian trong ngày và một phần đêm. Không phải tôi chỉ nghĩ đến mình, tôi nghĩ đến người tù đáng thương bị chúng nó đánh đập tàn nhẫn vì tôi mong rằng anh ta sẽ không bị phạt quá nặng.

Một, hai, ba, bốn, năm đằng sau quay... Một hai, ba, bốn, năm đằng sau quay. Mày sẽ không dễ gì chịu được cái chế độ ăn đói này đâu, Papi ạ, và bây giờ mày sẽ ăn ít như vậy thì có lẽ phải thay đổi chiến thuật chăng? Chẳng hạn nằm đến mức tối đa để khỏi tiêu hao năng lượng. Càng ít cử động thì đốt càng ít ca-lo-ri. Những lúc không nằm thì cố ngồi trong nhiều giờ.

Bây giờ tôi phải tập sinh hoạt theo một kiểu khác. Bốn tháng là một trăm hai mươi ngày. Cứ cái chế độ ăn này thì bao lâu tôi sẽ

bắt đầu thiếu máu? ít nhất là hai tháng. Vậy trước mắt tôi có hai tháng quyết định. Khi tôi đã quá yếu thì các bệnh tật sẽ có được một mảnh đất tuyệt vời để hoành hành. Tôi quyết định là sẽ nằm từ sáu giờ chiều đến sáu giờ sáng. Tôi sẽ đi đi lại lại từ khi đưa cà-phê cho đến khi thu bô, nghĩa là khoảng hai giờ. Đến giữa trưa, sau bữa xúp, lại đi khoảng hai giờ nữa. Cả thảy là bốn giờ đi đi lại lại. Thời gian còn lại thì ngồi hay nằm.

Không mệt thì sẽ khó bay đi lang thang. Nhưng tôi vẫn sẽ cố bay thử.

Hôm nay, sau một hồi lâu suy nghĩ đến các bạn và đến người tù khốn khổ đã bị hành hạ tàn nhẫn vì tôi tôi bắt đầu tập dượt cho quen với cái kỷ luật mới này. Kết quả khá tốt, tuy tôi thấy thời gian trôi chậm hơn, và đôi chân tôi không làm việc mấy giờ liền cứ thấy buồn buồn như chứa đầy kiến.

Cái chế độ này đã thi hành được mười ngày. Bây giờ tôi đói thường xuyên. Tôi đã bắt đầu lâm vào tình trạng mỏi mệt kéo dài. Tôi thấy thèm dừa quá, và cũng thèm thuốc lá nữa. Tôi đi nằm rất sớm và chỉ một lát sau, không lâu lắm, tôi đã vượt ra khỏi buồng giam trong tưởng tượng. Hôm qua, tôi ở Paris, dang ngồi uống sâm banh ở quán Au Rát Mort với mấy thằng bạn, trong đó có Antonio de Londres, quê quán ở Baléares, nhưng nói tiếp Pháp như một người Paris và nói tiếng Anh như một tay roastbeef chính cống của xứ Anh-cát-lợi. Hôm sau ở quán Au

Marronnier trên đại lộ Clichy, cậu ta giết một người bạn bằng năm phát súng lục. Trong giới giang hồ những sự đổi thay từ tình bạn sang căm thù diễn ra rất nhanh. Phải, hôm qua tôi ở Paris, khiêu vũ trong tiếng đàn accordéon ở tiệm Petit Jardin, đại lộ Saint-Quen, khách đến nhảy toàn người Corse và người Marseille. Tất cả các bạn tôi lần lượt hiện ra trong chuyến du hành tưởng tượng này một cách rõ rệt và chính xác đến nỗi tôi không một giây nào nghi ngờ sự có mặt của họ cũng như sự có mặt của tôi ở những nơi mà tôi đã sống qua những đêm diễm phúc ấy. Như vậy, (tôi) không đi nhiều, với chế độ ăn rất có hẹp này tôi vẫn đạt được một kết quả tương đương như cái kết quả đạt được bằng cách làm cho thân thể mỏi mệt. Những hình ảnh của quá khứ lôi tôi ra khỏi buồng giam một cách mạnh mẽ đến nỗi tôi thực sự được sống nhiều giờ tự do hơn là những giờ cấm cố. Chỉ còn một tháng nữa.

Đã ba tháng rồi tôi chỉ ăn một ổ bánh mì tròn và một soong xúp nóng không có chất bột vào bữa trưa với miếng thịt hầm của nó. Tình trạng đói thường xuyên đã đưa tôi đến chỗ vừa nhận xong soong xúp tôi đã vội vàng nhìn kỹ miếng thịt xem thử có phải nó chỉ là một miếng da như đã từng xảy ra khá nhiều lần không. Tôi đã gầy đi nhiều, và bây giờ tôi đã nhận thức được tầm quan trọng của trái dừa mà tôi đã may mắn nhận được trong hai mươi tháng liền đối với việc duy trì sức khỏe và trạng thái cân bằng

trong tình cảnh bị gạt ra ngoài cuộc sống.

Sáng nay, sau khi uống suất cà-phê, tôi thấy bứt rứt khác thường. Tôi đã tự buông thả đến mức ăn một lúc hết nửa ổ bánh mì, điều mà tôi không bao giờ làm. Mọi khi tôi cắt nó ra làm bốn miếng gần bằng nhau dể ăn làm bốn lần, vào lúc sáu giờ sáng, vào giữa trưa, vào sáu giờ chiều, và miếng cuối cùng vào ban đêm. "Sao lại làm như vậy". Tôi tự mắng nhiếc một mình. "Sắp kết thúc rồi mà mày lại tự cho phép sa ngã một cách nghiêm trọng như thế - "Tôi đói, và tự cảm thấy không còn sức mạnh - "Sao mày lắm tham vọng thế. Làm sao mày lại có thể mạnh được trong khi ăn như vậy? Điều quan trọng là mày yếu, đúng vậy, nhưng mày không đau ốm: và điểm này mày là kẻ chiến thắng. Xét một cách lô~gích, nếu mày không quá rủi ro, cái nhà giam "ăn thịt người" này rốt cục sẽ thua mày trong cuộc tỷ thí

Sau hai giờ đi đi lại lại, tôi ngồi trên cái khối xi- măng dùng làm ghế. Còn ba mươi ngày nữa, tức bảy trăm hai mươi giờ, cánh cửa kia sẽ mở ra và người ta sẽ nói với tôi: "Phạm nhân Charriere, ra đi. Anh đã mãn hạn hai năm cấm cố". Và tôi sẽ nói gì? Tôi sẽ nói: "Vâng, cuối cùng tôi cũng đã kết thúc được hai năm đày đọa này". ồ, không được, sao lại nói thế! Nếu đó là viên giám đốc mà mày đã chơi xỏ vụ "mất trí nhớ" mày phải tiếp tục chơi cái trò đó, tỉnh bơ như không. Mày sẽ nói: "Sao, tôi được ân xá rồi à? Tôi được về Pháp à? án chung thân của tôi đã mãn hạn à?"

Chẳng qua để côi bộ mặt của hắn và cho hắn thấy rằng cái chế độ ăn đói mà hắn dùng để trừng phạt mày là một hành động bất công.

- "Trời ơi, mày làm sao thế? Bất công hay không, tên giám đốc kia đếch cần. Đối với một tâm địa như vậy thì phạt oan hay không có gì quan trọng đâu? Chẳng lẽ mày nghĩ rằng hắn ân hận vì đã trừng phạt mày một cách bất công sao? Từ nay trở đi tao cấm mày không được coi một tên cai ngục như một con người bình thường. Không có một con người nào đáng được gọi là người lại có thể làm cái nghề này. Trên đời, cái gì người ta cũng có thể quen đi, thậm chí suốt đời quen với cái sự nghiệp của một thằng khốn nạn. May ra chỉ khi nào gần kề miệng lỗ thì nỗi sợ hãi trước Thượng đế mới có thể làm cho hắn ân hận và sám hối, nếu hắn có một tôn giáo. Không phải thực sự hối hận về những hành vi bỉ ổi mà hắn đã làm, chẳng qua vì sợ sự phán xử của Thượng đế, trong đó bản thân hắn là kẻ bị xử tội. Như vậy, khi ra khỏi nhà lao cấm cố, có được đưa về đảo nào chăng nữa, ngay từ đầu mày chớ có chút nào thỏa hiệp với giống người này: Mày với chúng nó đối lập hoàn toàn với nhau, và ở giữa có một đường phân giới rất rạch ròi. Một bên là sự hèn hạ, là quyền thế câu nệ không hồn, là bệnh xa-đích bẩm sinh, có tính chất bản năng, máy móc trong những phản ứng của nó; và bên kia là tôi và những người cùng cảnh ngộ, chắc chắn là phạm những tội

nặng, nhưng đã được sự đau khổ tạo cho những phẩm chất vô giá; tình thương xót lòng nhân hậu, sự tôn quý, lòng dũng cảm. Hoàn toàn thành thật mà nói, tôi thà làm tên tù khổ sai còn hơn làm một tên cai ngục.

Chỉ còn hai mươi ngày nữa. Tôi cảm thấy trong người yếu lắm rồi. Tôi có nhận thấy ổ bánh mì của tôi bao giờ cũng thuộc loại nhỏ. Ai là kẻ có thể tự hạ mình đến mức chọn bánh mì nhỏ cho tôi? Từ mấy ngày rồi trong soong xúp của tôi chỉ có nước nóng, và suất thịt bao giờ cũng là một cái xương có ít thịt dính quanh, nếu không phải là một miếng da. Tôi sợ mình lăn ra ốm. Mỗi lo sợ này cứ ám ảnh tôi. Tôi yếu đến nỗi trong khi thức tôi chẳng cần cố gắng một chút nào cũng có thể mơ tưởng bất cứ điều gì. Tình trạng mệt mỏi rã rời kèm theo một tâm trạng chán nản trầm trọng làm cho tôi rất lo ngại. Tôi tìm mãi cách phản ứng, nhưng phải khó khăn lắm mới qua được hai mươi bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày. Có tiếng cào ngoài cửa. Tôi hối hả rút mảnh giấy. Nó viết bằng bút dạ quang. Đó là một bức thư của Dega và Galgani. "Cậu viết cho chúng mình mấy chữ đi. Rất lo ngại về tình trạng sức khỏe của cậu. Còn mười chín ngày nữa, can đảm lên. Louis, lgnace". Kèm theo có một mẩu giấy và một khúc ruột bút chì đen. Tôi viết: "Tôi còn chịu được, tuy rất yếu. Cám ơn. Papi". Khi nghe tiếng chổi cào cửa lần nữa, tôi luồn mẩu giấy ra. Bức thư nhỏ, không kèm điếu thuốc lá và quả dừa, đối với tôi vẫn là

một cái gì hơn tất cả các thứ đó. Sự thể hiện này của một tình bạn chung thủy tuyệt vời đã cho tôi sức khích lệ mà tôi đang cần. ở bên ngoài, các bạn biết tôi ra sao và nếu tôi lâm bệnh, thế nào các bạn tôi cũng sẽ tìm cách thúc dục bác sĩ chăm sóc tôi tứ tế Các bạn tôi nói đúng: chỉ còn mười chín ngày nữa tôi sẽ đến đích trong cuộc chạy đua gian khổ với cái chết và với sự điên rồ. Tôi sẽ không lâm bệnh.

Phần tôi là phải làm thật ít động tác để chỉ tiêu hao những ca-lo-ri không thể không dùng đến. Tôi sẽ bỏ bớt hai giờ đi đi lại lại buổi sáng và hai giờ buổi chiều. Đó là cách duy nhất để giữ vững. Cho nên suốt đêm, trong mười hai tiếng đồng hồ tôi nằm và mười hai tiếng còn lại, tôi ngồi yên trên cái ghế xi-măng. Thỉnh thoảng tôi đứng dậy, duỗi tay ra co tay vào mấy lần, rồi lại ngồi xuống.

Chỉ còn mười ngày nữa.

Tôi đang dạo chơi ở Trinidad, những cây đàn cò một dây của người Java đang ru tôi với những giai điệu ai oán thì một tiếng gớm ghiếc, nghe không còn ra tiếng ngươi nữa, lôi thôi về cõi thực. Tiếng hét này từ một buồng giam ở sát phía sau buồng tôi hay gần như thế, rất gần, tôi lắng tai nghe:

- Thằng khốn kiếp, mày xuống đây đi, xuống cái hố này. Mày đứng trên ấy giám sát tao mãi mà không chán à? Mày không thấy là mày bị thiệt mất một nửa cảnh vì dưới này tối quá à?

- Anh im đi, nếu không sẽ bị phạt nặng đấy? - Tên lính gác nói.
- à à? Mày nói nghe thối bỏ mẹ, đồ mặt l...? Mày bảo còn có cách gì phạt nặng hơn là sự im lặng này? Mày muốn phạt bao nhiêu cứ phạt, nếu thích thì cứ đánh đập tao đi, tên đao phủ ghê tởm kia, nhưng mày sẽ không bao giờ tìm được một cái gì có thể so sánh với sự im lặng mà mày bắt tao phải giữ. Không, không, không? Tao không chịu thế này nữa đâu, tao không chịu im lặng nữa đâu, tao không thể im lặng mãi được nữa? Lẽ ra từ ba năm trước tao phải nói vào mặt mày: đồ khốn nạn? Đồ cứt đái? Thế mà tao đã ngu dại đến nỗi đợi ba mươi sáu tháng rồi mới chửi vào mặt mày, chỉ vì sợ trừng phạt? Tao nhổ vào mặt mày và cả bọn chúng mày, đồ cai ngục thối nát?

Một lát sau có tiếng cửa mở và tôi nghe thấy:

- Không, không phải thế! Mặc trái vào cho nó, như thể hiệu quả hơn nhiều?

Người tù đáng thương gào lên:

- Mày muốn mặc áo cùm cho tao cách nào thì cứ mặc đi, đồ sâu bọ! Mặc ngược cũng được, riết thật chặt vào cho tao chết ngạt đi, kề đầu gối vào mà rút dây cho chặt. Đằng nào thi tao cũng cứ nói rằng mẹ mày chỉ là một con lợn cái, còn mày chỉ có thể là một đống cứt?

Chắc chúng nó đã ghét giẻ vào mồm người tù vì tôi không còn nghe thấy gì nữa. Cánh cửa đã đóng lại.

Cảnh vừa qua chắc đã làm cho tên lính gác trẻ tuổi đang đi lại lại phía trên xúc động vì mấy phút sau hắn đứng lại trước buồng giam tôi và nói: "Chắc anh ta phát điên rồi"

- Anh nghĩ thế à? Những điều anh ta nói ra đều phải cả đấy chứ.

Tên lính gác sửng sốt một lúc rồi bỏ đi sau khi ném một câu: "Thế à, thế thì anh cũng sẽ theo gót hắn thôi?".

Việc vừa xảy ra dã tách tôi khỏi những người tốt bụng, những tiếng đàn cò, những đôi vú ấn Độ, cái cảng Port of Spain, và lôi tôi về cái thực tế đáng buồn của nhà giam cấm cố.

Còn mười ngày nữa, tức hai trăm bốn mươi giờ, phải chịu đựng. Cái chiến thuật không cử động đã đem lại kết quả.

Nếu đó không phải là do những giờ cuối ngày trôi qua một cách êm đềm, hay là nhờ mẩu giấy của các bạn tôi. Tôi có thiên hướng nghĩ rằng sở dĩ mình tự cảm thấy mạnh mẽ hơn là nhờ một sự so sánh đã đến với tôi như một điều hiển nhiên: tôi chỉ còn cách giờ ra khỏi nhà giam có hai trăm bốn mươi tiếng đồng hồ, tôi yếu nhưng óc tôi vẫn nguyên vẹn, năng lực của tôi chỉ cần thêm một ít sức nữa là có thể làm việc trở lại một cách hoàn hảo. Trong khi đó thì sau lưng tôi, chỉ cách hai mét, sau bức tường này, một người tù khốn khổ đang bước vào giai đoạn thứ nhất của sự điên rồ, có lẽ là bước vào bằng một ngưỡng cửa không nên vượt qua: ngưỡng cửa của bạo lực. Người ấy sẽ không sống lâu nữa, vì sự nổi loạn của anh ta khiến cho bọn cai ngục cơ hội

sừ dụng những biện pháp đã nghiên cứu rất kỹ để giết anh ta một cách thật khoa học. Tôi tự trách mình là đã cảm thấy mình mạnh hơn chỉ vì người kia bại trận. Tôi tự hỏi, không biết mình có phải là một trong những kẻ ích kỷ mà vào những ngày mùa đông, chân đi giày ấm, tay đi găng, mình khoác tấm áo lông dày, đang nhìn những đám người lao động đang đi làm ăn mặc phong phanh, người rét cóng, hai tay tím lại vì gió rét, đang hớt hải chạy cho kịp chuyến xe buýt hay chuyến mé tro đầu tiên, càng nhìn họ càng thấy mình ấm áp và thường thức cái cảm giác ấy một cách trọn vẹn hơn bao giờ hết.

Trên đời này, nhiều khi mọi sự chỉ là do so sánh mà có. Đúng thế, người ta có thể nghĩ: tôi bị mười năm nhưng Papillon thì bị chung thân. Đúng thế, tôi bị chung thân, nhưng tôi mới hai mươi tám tuổi, còn anh kia chỉ bị mười lăm năm, nhưng tuổi anh đã năm mươi rồi. Dù sao cuối cùng tôi cũng đã gần đến đích, và tôi hy vọng rằng chỉ trong vòng sáu tháng là cùng tôi sẽ lại sung sức về mọi phương diện - thể chất, tinh thần, ý chí - để thực hiện một cuộc vượt ngục ngoạn mục.

Người ta đã phải nói nhiều về chuyến vượt ngục đầu tiên, chuyến thứ hai sẽ được khắc lại trên những phiến đá xây tường của tại khổ sai. Tôi không chút nghi ngờ.

Tôi sẽ ra đi trước sáu tháng: đó là điều hoàn toàn chắc chắn.

Đây là đêm cuối cùng của tôi ở nhà giam cấm cố. Cách đây một

vạn bảy ngàn năm trăm tám giờ tôi đã bước vào buồng giam 234. Họ đã mở cửa ra một lần để giải tôi ra trước mặt viên giám đốc cho hắn xử tội.

Ngoài người tù ở buồng bên mỗi ngày thường trao đổi với tôi mấy tiếng nhát gừng, người ta đã nói chuyện với tôi bốn lần. Một lần để nói rằng khi có tiếng còi huýt có thể hạ ván xuống: đó là ngày thứ nhất. Một lần là các ông bác sĩ nói: "Quay lưng lại ho đi". Một buổi nói chuyện dài hơn và sôi nổi hơn với viêm giám đốc. Và hôm trước là bốn câu trao đổi với tên lính gác bị người tù phát điên làm cho xúc động. Giải khuây như vậy thật không lấy làm gì phong phú! Tôi chìm vào một giấc ngủ yên lành, trong ý nghĩ không có gì khác hơn là: ngày mai người ta sẽ mở hẳn cánh cửa này. Ngày mai tôi sẽ được nhìn thấy ánh mặt trời, và nếu họ đưa tôi sang Royale tôi sẽ được hít thở không khí của biển khơi. Ngày mai tôi sẽ được tự do. Tôi bật cười. Tự do là thế nào? Ngày mai mày bắt đầu chính thức hưởng cái án khổ sai chung thân. Thế mà mày gọi là tự do ư? Tôi biết, tôi biết chứ, nhưng cuộc sống ở bên ngoài không thể nào so sánh với cuộc sống mà tôi vừa phải chịu đựng. Tôi sẽ gặp Clousiot và Maturette như thế nào đây.

Đến sáu giờ, họ đưa cà-phê và bánh mì cho tôi. Tôi chỉ muốn nói: Kìa, hôm nay tôi được ra kia mà.

"Anh nhầm rồi". Nhưng tôi chợt nhớ ra rằng mình là người "mất

trí nhớ", và biết đâu nếu tôi nói như vậy thì khác nào thừa nhận là đã giỡn mặt viên giám dốc, và hắn rất có thể phạt tôi ba mươi ngày xà-lim nữa?

Vì dù có thể nào, theo pháp luật tôi phải ra khỏi nhà giam cấm cố trừng giới Saint-Joseph đúng vào ngày hôm nay, 26 tháng sáu 1936. Bốn tháng nữa tôi tròn ba mươi tuổi.

Tám giờ. Tôi đã ăn hết cả ổ bánh mì. Ra ngoài tôi sẽ có thứ khác để ăn ngay. Họ đến mở cửa. Trước mặt tôi là viên phó giám đốc và hai tên giám thị.

- Charrière, anh đã mãn hạn, hôm nay là ngày 26 tháng sáu 1936. Anh đi theo chúng tôi.

Tôi ra ngoài. Ra đến tận sân thì mặt trời đã đủ sáng để làm tôi lóa mắt. Tôi có cảm giác như muốn xỉu.

Hai chân tôi mềm nhũn ra, và những chấm đen quay cuồng trước mắt tôi. Thế mà tôi mới vừa đi được chừng năm mươi mét trong đó có ba mươi mét đi dưới nắng.

Đến trước gian nhà "Ban quản trị" tôi trông thấy Maturette và Clousiot. Maturette đúng là một bộ xương, hai má hóp vào, đôi mắt sâu hoắm. Clousiot thì nằm trên cáng. Anh ta xanh xao và đã phảng phất mùi người chết. Tôi nghĩ: "Hai bạn của tôi trông chẳng đẹp chút nào. Không biết mình có như vậy không?" Tôi nóng lòng muốn được nhìn thấy mình trong gương. Tôi nói với hai bạn:

- Thế nào, ổn không?

Họ không trả lời. Tôi nhắc lại:

- ổn không?

- ổn - Maturette nói rất khẽ.

Tôi muốn nói với cậu ta rằng bây giờ đã hết hạn cấm cố, chúng tôi có quyền nói chuyện. Tôi cúi xuống hôn lên má Clousiot. Anh nhìn tôi với đôi mắt sáng long lanh và mỉm cười:

- Vĩnh biệt Papillon, - anh nói.

- Không, sao lại nói thế?

- Tôi đến rồi, thế là hết.

Mấy ngày sau, Clousiot sẽ chết ở bệnh viện đảo Royale. Anh được ba mươi hai tuổi, bị xử hai mươi năm khổ sai vì một vụ ăn cắp xe đạp mà anh không phải là thủ phạm. Nhưng lúc ấy viên giám đốc đã đến:

- Cho họ vào. Maturette và Clousiot, các anh đã có hạnh kiểm tốt. Cho nên tôi đề vào phiếu của các anh là "Hạnh kiểm tốt". Còn anh, Charriere, anh đã phạm một lỗi nặng, tôi phải đề: hạnh kiểm xấu.

- Xin lỗi ông, tôi phạm lỗi gì ạ?

- Thế anh không nhớ vụ thuốc lá và dừa bị bắt quả tang à?

- Cây dừa ở đâu?

- Kìa, bốn tháng nay anh hưởng chế độ gì?

- Về phương diện nào chứ? ăn uống à? Từ khi tôi vào đây hôm

nào chẳng thế!

- Chà! Thế thì thật quá quắt! Chiều qua anh ăn gì?

- Như mọi khi, cho gì tôi ăn nấy. Tôi đi đâu mà biết? Tôi không nhớ, nhưng tôi biết đại khái là đậu hay cơm xào, hay một thứ rau gì đấy.

- Thế anh có ăn bữa chiều à?

- Trời đất! ông tưởng tôi đổ đi sao?

- Không thế này thì không được, tôi xin bỏ cuộc. Thôi, tôi rút lui "Hạnh kiểm xấu". Làm lại phiếu ra tù đi ông X... Tôi ghi cho anh "Hạnh kiểm tốt", được chưa?

- Như thế là công bằng thôi. Tôi có làm gì đâu mà chẳng hạnh kiểm tốt?

Và đó là câu cuối cùng trước khi chúng tôi ra khỏi văn phòng. Cổng lớn của nhà giam cấm cố mở ra cho chúng tôi đi qua. Chỉ có một tên giám thị đi theo áp giải, chúng tôi thong thả bước xuống con đường dẫn ra trại. Phía dưới là mặt biển lấp lánh những ánh bạc và bọt sóng. Đảo Royale ở phía trước mặt, phủ đầy cây cối xanh rờn và mái ngói đó. Đảo Quỷ, khắc khổ và hoang dại. Tôi xin phép tên giám thị ngồi xuống mấy phút. Hắn bằng lòng. Chúng tôi ngồi xuống cạnh Clousiot, tôi bên phải, Maturette bên trái. Chúng tôi cầm lấy tay anh từ lúc nào cũng không biết nữa. Sự tiếp xúc này gieo vào lòng chúng tôi một nỗi xúc động lạ kỳ. Không nói một lời, chúng tôi ôm hôn nhau. Viên

giám thị nói.

- Thôi các cậu. Phải xuống thôi.

Và chúng tôi từ từ, rất chậm rãi, đi xuống trại. Hai đứa chúng tôi cùng vào trại một lúc, hai bàn tay vẫn nắm lấy nhau, phía sau là hai người khiêng cáng bạn chúng tôi đang hấp hối.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Cuộc sống ở đảo Royale (1)

Chúng tôi vừa đến sân trại đã được sự quan tâm niềm nở của toàn thể phạm nhân. Tôi gặp lại Plerrot le Fou, Jean Sartrou, Coloudim, Chissilia. Viên giám thị bảo cả ba chúng tôi phải vào bệnh xá. Chúng tôi đi qua sân để vào bệnh xá, xung quanh có đến vài chục phạm nhân hộ tống. Chỉ mấy phút sau, Maturette với tôi đã có trước mặt hơn chục gói thuốc lá điếu và thuốc lá sợi, một bình cà-phê sữa nóng hổi, mấy tấm sô-cô- la làm bằng ca-cao nguyên chất. Ai cũng muốn tặng chúng tôi một thứ quà gì đó. Clousiot dược anh y tá tiêm cho một mũi dầu long não và

một liều adrenalin để trợ tim. Một anh da đen gầy gò nói: "Anh y tá ạ, anh lấy phần sinh tốt của tôi phát cho anh ấy đi, anh ấy cần hơn tôi". Cái cánh tỏ tình đoàn kết thân ái đối với chúng tôi thật cảm động.

Pierre người Bordeaux nói với tôi:

- Cậu cầm láy ít tiền nhé? Trước khi cậu lên đường đi Royale, tớ sẽ có đủ thì giơ quyên cho cậu một món.

- Thôi, cám ơn cậu nhiều, tớ có tiền. Nhưng sao cậu biết tớ đi Royale à?

- Biết. Viên kế toán có nói với tớ cả ba cậu sẽ đi. Tớ còn đoán chắc là ca ba sẽ được vào bệnh viện.

Viên y tá vốn là một tên cướp ở vùng núi đảo Corse. Anh ta lên là Essari. Về sau tôi đã có dịp biết anh ta rất rõ. Tôi sẽ kể lại đầu đuôi câu chuyện của anh ta. Đó là một câu chuyện thật thú vị.

Hái tiếng đồng hồ ở bệnh xá trôi qua rất nhanh. Chúng tôi đã được ăn uống ngon lành. No nê và hồ hởi, chúng tôi lên đường đi Royale. Suốt thời gian vừa qua Clousiot mắt cứ nhắm nghiền, chỉ trừ những khi tôi đến cạnh đặt bàn tay lên trán anh, anh mới mở đôi mắt đã mờ đục, nói:

- Papi, bạn ơi! Chúng mình thực sự là bạn của nhau nhỉ.

- Hơn thế nữa, chúng mình là anh em ruột thịt, - tôi đáp

Vẫn chỉ có một viên giám thị đi kèm, chúng tôi xuống bến. Đi giữa là cái cáng qua Clousiot, còn tôi và Maturette mỗi đứa đi

một bên. Đến cổng trại, tất cả phạm nhân đều ra từ biệt và chúc chúng tôi may mắn. Chúng tôi cám ơn anh em. Tuy họ đều không chịu nhận. Pierrot le Fou quàng lên cỏ tôi một túi dết đựng đầy thuốc lá sợi, thuốc điếu, sô-cô~la, sữa hộp Nestlé. Maturette cũng được một túi như thế. Cậu ấy chẳng biết người nào đã quàng lên vai cậu cái túi quà ấy nữa.

Chỉ có anh y tá Fernadez và một viên giám thị đưa chúng tôi ra bến. Fernadez trao cho mỗi đứa chúng tôi một cái phiếu nằm bệnh viện đảo Royale. Tôi hiểu ra rằng chính hai phạm nhân khổ sai làm y tá là Essari và Fernadez đã cấp giấy nhập viện cho chúng tôi, chẳng hỏi ý kiến bác sĩ nữa. Chiếc ca~nô đã chờ sẵn. Sáu người chèo, hai viên giám thị đeo súng trường ngồi ở phía sau và một viên nữa cầm lái. Một trong những người chèo thuyền là Chapar, bị xử trong vụ chứng khoán ở Marseile. Chúng tôi lên đường. Sáu mái chèo vỗ xuống nước Chapar vừa chèo vừa nói với tôi:

- ổn cả chứ Papi? Cậu vẫn nhận được dừa đấy chứ?

- Không, bốn tháng sau thì không nhận dược nữa.

- Tớ biết. Có sự cố xảy ra. Cái cậu bị liên lụy đã xử sự rất cừ. Cậu ấy chỉ biết có một mình tớ, nhưng không hề khai tớ ra.

- Cậu ấy bây giờ ra sao?

- Chết rồi.

- Thế à? Tại sao?

- Theo một viên y tá thì hình như cậu ấy bị chúng nó đá vỡ gan. Thuyền cặp bến đảo Royale, đảo lớn nhất trong quần đảo. Đồng hồ cửa hàng bánh mì chỉ ba giờ. Nắng chiều ở đây quả là gay gắt. Tôi thấy chói và bức quá.

Một viên giám thị yêu cầu hai người khiêng cáng. Hai phạm nhân vạm vỡ đồ trắng tinh, cổ tay đeo nịt da đen, nhấc cáng của Clousiot lên trông nhẹ bỗn như nhấc cái lông chim. Maturette và tôi bước theo, đi sau cùng là một viên giám thị cầm mấy thứ giấy tờ gì đấy. Đường đi rộng hơn bốn mét, lát bằng đá cuội lớn lấy ở bờ biển, rất khó đi lên dốc. May mà hai người khiêng cáng chốc chốc lại dừng lại đợi chúng tôi lên kịp. Mỗi lần như vậy tôi lại ngồi ghé xuống khung cáng phía đầu Clousiot, tay khẽ vuốt lên trán và lên tóc anh

Clousiot mở mắt ra, mỉm cười với tôi nói:

- Cậu, Papi!

Maturette cầm lấy tay anh.

- Cậu đấy à cậu bé? - Clousiot thì thầm.

Clousiot có vẻ tràn trề hạnh phúc khi thấy chúng tôi ở bên cạnh. Vào một lúc dừng lại nghỉ, khi đã gần đến trại, chúng tôi gặp một tốp phạm nhân đi làm cỏ về. Hầu hết là những phạm nhân cùng sang một chuyến với tôi. Đi ngang qua, ai nấy đều nói với chúng tôi một lời thân ái. lên đến đỉnh dốc bằng phẳng, chúng tôi trông thấy những viên chức cao cấp nhất trên đảo ngồi trong

bóng râm trước một tòa nhà vuông quét vôi trắng.
Chúng tôi đến trước mặt thiếu tá Barrot biệt hiệu là "Dừa khô" và mấy viên chỉ huy trại khác. Không đứng dậy, và không làm ra vẻ nghi thức, thiếu tá nói:
- Thế nào, ở nhà lao Cấm cố không đến nỗi gay quá chứ? Còn anh nằm cáng kia là ai thế
- Clousiot đấy ạ
Thiếu tá nhìn Clousiot rồi nói:
- Đưa cả ba vào bệnh viện đi. Khi nào họ ra viện, yêu cầu bảo cho tôi biết để họ đến gặp tôi trước khi được đưa về trại nhé.
ở bệnh viện, họ cho chúng tôi nằm trong một căn phòng rộng rãi, rất sáng sủa, giường nằm rất sạch, có trải drap và có gối mềm hẳn hoi. Người y tá đầu tiên mà tôi nhìn thấy là Chatal - chính viên y tá ở phòng dành cho phạm nhân nguy hiểm ở Saint-Laurent-du- Maroni. Anh ta lập tức đến săn sóc Clousiot và báo một viên giám thị gọi ngay bác sĩ. Khoảng đến năm giờ chiều bác sĩ đến. Sau khi khám nghiệm kỹ lưỡng một hồi lâu, bác sĩ lắc đầu, vẻ không hài lòng. Bác sĩ viết đơn thuốc rồi đi về phía tôi. Ông ta nói với Chatal:
- Papillon với tôi chẳng ưa gì nhau đâu.
- Thế thì tôi lấy làm lạ vì anh ta rất tốt, bác sĩ
- Có thể. Nhưng anh ta bướng lắm.
- Nhân dịp nào?

- Nhân một lần tôi khám bệnh cho anh ta ở Nhà giam cấm cố.
- Bác sĩ ạ, - tôi nói - đứng ngoài hành lang hỏi tôi mấy câu như thế mà cũng gọi là khám bệnh được sao?
- Ban Quản trị có lệnh cấm mở cửa phòng giam.
- Rất đúng, thưa bác sĩ, nhưng tôi hy vọng rằng bác sĩ không phải là một thành viên của Ban Quản trị: như thế tốt hơn cho bác sĩ nhiều.
- Ta sẽ nói chuyện này vào một dịp khác. Tôi sẽ cố làm cho anh bạn anh hồi phục. Còn anh ta thì tôi e là đà quá muộn.
Chatal kể cho tôi nghe rằng anh bị nghi là có chuẩn bị cho một cuộc vượt ngục nên bị đày ra Quần đảo. Anh ta cũng cho tôi biết rằng Jésus, kẻ đã lừa tôi trong chuyến vượt ngục của tôi, đã bị một người hủi giết chết.
Chatal không biết tên người này. Tôi cứ băn khoăn không biết đó có phải là một trong những người hủi đã giúp đỡ chúng tôi một cách hào hiệp trong chuyến vượt ngục vừa qua hay không.
Cuộc sống của tù khổ sai ở đảo Salut hoàn toàn khác với những điều người ta có thể tưởng tượng. Phần đông phạm nhân đều cực kỳ nguy hiểm, vì nhiều nguyên do. Trước hết ở đây mọi người đều được ăn rất khá, vì ở đây người ta buôn đủ thứ: rượu, thuốc lá, cà-phê, sô-cô-la, đường, thịt, rau tươi, cá, tôm he, dừa v.v... Cho nên phạm nhân đều khỏe mạnh. Khí hậu lại rất lạnh. Chỉ có những phạm nhân có thời hạn mới có hy vọng được trả tự do,

còn tù khổ sai chung thân thì hoàn toàn vô vọng, cho nên họ đều rất nguy hiểm: họ còn có sợ gì nữa đâu? Mọi người đều dính dấp vào việc buôn bán lén lút hàng ngày, phạm nhân cũng như giám thị. Đấy là một sự pha trộn chăng dễ gì hiểu nổi. Có những người vợ giám thị tìm cách đưa phạm nhân trẻ về làm việc nội trợ - và cũng nhiều khi kiêm cả việc làm tình nữa. Những phạm nhân ấy được gọi là "tù gia đình". Người thì làm vườn, người thì nấu bếp. Chính loại phạm nhân này là đầu mối liên lạc giữa trại tù và các gia đình cảnh sát. Bọn "tù gia đình" không bị các phạm nhân khác khinh ghét. vì chính nhờ bọn này mà họ có thể tha hồ buôn bán các thứ. Nhưng bọn này cũng không được họ coi như những người "trong sạch". Trong giới giang hồ chân chính không có một ai hạ mình xuống làm những công việc như thế. Cũng như họ không chịu làm việc "giữ chìa khóa" hay hầu bàn ở nhà ăn của bọn giám thị. Ngược lại, họ rất chuộng những công việc không buộc họ phải dính dáng gì với bọn gác ngục: đổ rác, nhặt lá vàng, chăn trâu, làm y tá, làm vườn cho nhà giam làm thịt súc vật, làm bánh mì, chèo thuyền, đưa thư, canh hải đăng. Tất cả các công việc này đều do những người "giang hồ chính cống" lĩnh lấy. Một kẻ giang hồ chính cống không bao giờ làm những công việc lao dịch nhằm bảo quản tường rào, đường sá, cầu thang, hay trồng dừa; tức là những công việc lao dịch dưới ánh nắng trực tiếp hay dưới sự kiểm soát của cảnh sát. Phạm nhân

phải làm việc từ bảy giờ sáng đến mười hai giờ trưa và từ hai giờ trưa đến sáu giờ nhiều, những điều trên đây có thể giúp bạn đọc hình dung sơ sài cái không khí sống trà trộn của những con người hết sức khác nhau, phạm nhân lẫn cánh sát: đây thật là một cái làng nhỏ trong đó việc gì cũng được mọi người bình luận, việc gì cũng được phán xét, trong đó mọi người đều chứng kiến và quan sát cách sống của nhau.

Dega và Galgani đã đến bệnh viện thăm tôi suốt ngày chủ nhật. Chúng tôi đã cùng ăn món ailloli nấu cá, món canh cá, khoai tây, pho-mát, uống cà-phê, rượu vang trắng. Bữa ăn này chúng tôi gồm có Chatal, Dega, Galgani, Maturette và tôi, đã cùng nấu với nhau trong phòng của Chatal. Các bạn yêu cầu tôi kể lại chuyến vượt biên thật tỉ mỉ. Dega đã quyết định là không tìm cách vượt ngục. Bác ta chờ đợi tin được giam ba năm, thành thử nếu được giam thì chỉ còn có bốn năm. Bác ta đã đành lòng ngồi cho hết bốn năm ấy. Còn Galgani thì nói là nghe đâu đang được một thượng nghị sĩ người Corse lo cho.

Sau đó đến lượt tôi hỏi. Tôi muốn biết ở đây có những chỗ làm nào thuận tiện hơn cả cho việc vượt ngục. Thế là ai nấy đều kêu váng lên. Đối với Dega vấn đề này chưa bao giờ thoáng hiện trong tâm trí. Galgani cũng vậy. Riêng Chatal thì nghĩ rằng nên tìm một mảnh vườn để chuẩn bị một cái bè. Còn Grandet thì cho tôi biết rằng anh ta làm thợ rèn cho "Công trường" của trại. Đó là

một cái xưởng có đủ cái loại thợ: thợ sơn, thợ mộc, thợ rèn, thợ nề, thợ hàn - cả thảy gần trăm hai mươi người. Xưởng lo việc bảo trì nhà cửa của Ban Quản trị. Dega vốn làm kế toán trưởng, có thể xin cho tôi vào đấy làm một việc gì tùy tôi chọn. Grandet tỏ ý sẵn sàng nhường cho tôi một nửa chân chủ sòng bạc, để lấy số tiền ăn được của các con bạc mà giữ gìn sức khỏe, khỏi lạm vào tiền giấu trong plan. Về sau tôi sẽ rõ rằng việc này rất thú vị, nhưng cũng cực kỳ nguy hiểm. Ngày chủ nhật trải qua một cách nhanh chóng lạ lùng. "Năm giờ rồi - Dega nhìn cái đồng hồ tuyệt đẹp đeo trên cổ tay, nói - phải về trại thôi". Khi ra về, Dega cho tôi năm trăm francs để đánh poker, vì trong phòng chúng tôi đôi khi có những đám bạc rất khá. Grandet cho tôi một con dao thượng hảo hạng có chốt chắn tay, lưỡi bằng thép do chính tay anh ta tôi.

- Đó là một vũ khí đáng gờm. Đêm ngày cậu bao giờ cũng phải thủ dao trong người.

- Thế nhỡ chúng nó khám thì sao?

- Phần nhiều, việc này do bọn giữ khóa A-rập làm. Đối với một người được coi là nguy hiểm, không bao giờ chúng nó phát hiện là có vũ khí, dù có sờ thấy dao rõ ràng chúng nó cũng phải lờ đi.

- Sẽ gặp lại ở trại - Grandet nói.

Trước khi ra về, Galgani nói là đã dành cho tôi một chỗ trong góc của anh ta và hai đứa sẽ cùng một tổ với nhau (người cùng tổ

thì ăn chung và tiền của mỗi người cũng là tiền của cài tổ). Dega thì không ngủ ở trại: bác ta có một buồng ngủ riêng trong dãy nhà của Ban Quản trị.

Chúng tôi đến đây đã được ba ngày, nhưng vì đêm nào tôi cũng ở bên cạnh Clousiot, cho nên tôi không biết rõ cho lắm cảnh sinh hoạt ở căn phòng lớn của bệnh viện có đến gần sáu mươi người nằm. Rồi vì Clousiot mệt nặng quá, người ta cách ly anh vào một phòng riêng đã có một người bệnh nặng nằm từ trước.

Chatal cứ tống mãi morphin vào cho anh. Chatal sợ anh không qua khỏi đêm nay.

Trong phòng có sáu mươi giường xếp lại làm hai dãy, ở giữa là một lối đi rộng ba mét. Hầu như giường nào cũng có người nằm. Hai ngọn đèn dầu hỏa thắp sáng gian phòng. Maturette nói với tôi: "Ngoài kia họ đang đánh poker". Tôi ra chỗ đánh bài. Có bốn người đang chơi.

- Tôi vào thêm một chân có được không?

- Được, ngồi xuống đi. Mỗi ván tối thiểu chừng một trăm francs. Mỗi chầu ba ván vị chi ba trăm francs.

- Này, cầm lấy ba trăm tiền cắc.

Tôi đưa Maturette giữ hộ hai trăm đồng tiền cắc.

Một người Paris tên là Dupont nói:

- ở đây đánh theo luật Anh, không dùng joker. Cậu biết cách chơi chứ?

- Biết.
- Thế thì chia bài đi, cậu làm cái trước.
Mấy người này đánh bài với một tốc độ khó tưởng tượng nổi. Bài phải đỡ rất nhanh, nếu không người làm cái sẽ nói: "Đỏ chậm rồi", và người kia sẽ phải đền. Chính ở đây tôi đã phát hiện được một loại phạm nhân mới: loại con bạc. Họ sống bằng cờ bạc, vì cờ bạc trong cờ bạc. Ngoài cờ bạc ra, họ không còn quan tâm đến một cái gì khác nữa. Họ quên hết: trước kia họ là gì, họ bị xử án gì, họ có thể làm gì để cho cuộc sống của họ thay đổi ít nhiều. Họ không cần biết người ngồi đánh bài với họ là ai, tốt xấu ra sao, chi cần người đó đánh bài, thế là đủ.
Chúng tôi chơi suốt đêm hôm ấy. Đến giờ uống cà- phê mới thôi. Tôi được một ngàn ba trăm francs. Tôi đang đi về giường thì Paulo đến gặp tôi hỏi vay hai trăm để đi đánh tiếp mấy ván belote tay đôi. Cần hai trăm mà anh ta chỉ có một.
- Đây, cầm lấy ba trăm. Chung vốn một nửa, tôi nói.
- Cám ơn Papillon. Anh đúng là gã trai tôi đã được nghe nói. Ta sẽ là bạn.
Anh ta chia tay, tôi bắt tay anh ta, và anh ta vui vẻ cầm tiền đi. Clousiot chết vào sáng hôm ấy.
Đêm trước, vào một lúc tỉnh táo, anh đã yêu cầu Chatal đừng tiêm morphin cho anh nữa:
- Tôi muốn được trọn vẹn khi chết, ngồi trên giường bên cạnh có

các bạn tôi.

Có lệ tuyệt đối cấm vào các phòng cách ly, nhưng Chatal đã tự ý bỏ lệ đó, và bạn chúng tôi đã được chết trong tay chúng tôi. Tôi đã vuốt mắt cho anh. Maturette biến dạng đi vì đau đớn.

- Anh ấy là người bạn đường trong cuộc phiêu lưu tuyệt vời của chúng ta. Thế mà bây giờ người ta đã ném anh ấy xuống biển cho cá mập.

Khi nghe mấy tiếng "ném cho cá mập", tôi lạnh toát cả người. ở Quần đảo quả nhiên không có nghĩa địa cho phạm nhân. Khi một người tù qua đời, họ đem xác ném xuống biển vào lúc mặt trời lặn, khoảng giữa hai đảo Saint-Joseph và Royale, một nơi nhung nhúc những cá mập.

Cái chết của người bạn làm cho tôi không tài nào ở lại bệnh viện được. Tôi nhắn Dega là ngày kia tôi sẽ ra viện. Dega liền viết cho tôi mấy chừ: "Cậu hãy xin Chatal ký giấy cho nghỉ mười lăm ngày ở trại, để cậu có thì giờ chọn một công việc vừa ý". Maturette sẽ nằm viện mấy ngày nữa. Có lẽ Chatal sẽ giữ cậu ta lại làm y tá phụ việc.

Hôm tôi ra viện, họ dẫn tôi đến trụ sở ban Quản trị gặp thiếu tá Barrot biệt hiệu "Dừa khô".

- Bươm bướm ạ, - ông ta nói, - trước khi cho anh về trại, tôi thấy cần nói chuyện với anh một chút. ở đây anh có một người bạn quý làm kế toán cho tôi: Louis Dega ấy. Lão ta nói anh không

phải là người như trong các hồ sơ từ Pháp gửi cho chúng tôi nhận xét và vì coi anh là một người vô tội bị xử oan, việc anh thường nổi loạn là việc bình thường. Tôi xin nói với anh rằng tôi không đồng ý lắm với Dege về vấn đề này. Điều tôi đang muốn biết là hiện nay trạng thái tinh thần của anh ra sao.

- Thưa thiếu tá, trước tiên, để có thể trả lời ngài, xin ngài cho biết trong hồ sơ nhận xét về tôi như thế nào?

- Anh cứ xem đi thì biết.

Và thiếu tá đưa cho tôi một cái cặp bìa vàng, trong đó tôi đọc thấy những điều đại loại như sau:

"Henri Charrière, biệt hiệu Bươm bướm, sinh ngày 16 tháng Một năm 1906 ở..., tỉnh Ardèche, bị Tòa Đại hình quận sông Seine xử án khổ sai chung thân vì tội giết người. Nguy hiểm về mọi phương diện, cần được giám sát nghiêm ngặt. Không thể giao những công việc ưu đãi"

"Nhà lao trung tâm Caen: một phạm nhân bất trị, không thể cải hóa. Có khả năng khuấy động và chỉ huy một cuộc nổi loạn. Cần quan sát thường xuyên.

"Saint-Martin-de-Ré : một tù nhân có kỷ luật nhưng rất có ảnh hưởng đối với các bạn tù. Sẽ tìm cách vượt ngục từ bất kỳ nhà giam nào.

"Saint-Laurent-du-Maroni: đã tấn công một cách man rợ vào ba viên giám thị và một viên giữ khóa để trốn khỏi bệnh viện. Được

đưa từ Colombia về. Có thái độ đứng đắn khi ra tòa trừng giới. Bị xử nhẹ hai năm cấm cố.

"Nhà lao cấm cố Saint-Joseph: hạnh kiểm tốt cho đến mãn hạn".

Khi tôi trả lại tập hồ sơ, viên thiếu tá nói:

- Anh bạn Bươm bướm ạ, với một hồ sơ như thế, người có nhiệm vụ quản lý anh khó lòng có thể yên tâm. Bây giờ anh có thể ký kết với tôi một bản giao kèo không?

- Sao lại không ạ? Tuy cũng còn tùy ở nội dung bản giao kèo.

- Tôi tin chắc mười phần là anh sẽ làm hết cách để vượt ngục khỏi Quần đảo, mặc dầu việc này hết sức khó khăn. Rất có thể anh sẽ thành công nữa là khác.

- Thế mà về phần tôi, tôi còn phải quản lý Quần đảo năm tháng nữa. Anh có biết một vụ vượt ngục xảy ra thì Giám đốc Quần đảo phải trả giá như thế nào không? Một năm phụ cấp. Tôi sẽ bị tước bỏ số phụ cấp của viên chức hải ngoại, sẽ bị hoãn nghỉ phép sáu tháng và hạn nghỉ phép rút bớt ba tháng. Và tùy theo kết luận sau khi điều tra về vụ vượt ngục, nếu thấy có sự sơ xuất của Giám đốc trại, có thể mất một lon. Anh thấy đấy: chẳng phải chuyện đùa. Nhưng nếu tôi là người làm việc một cách trung thực thì không thể chỉ vì anh có cơ vượt ngục mà tôi lại có quyền nhốt anh vào ngục hay vào xà lim. Trừ phi tôi đặt điều vu cho anh phạm lỗi này nọ. Cái đó tôi không muốn làm chút nào. Cho nên tôi mong anh lấy danh dự hứa với tôi là sẽ không tìm cách

vượt ngục trước khi tôi rời Quần đảo. Năm tháng thôi.
- Thưa thiếu tá, tôi xin lấy danh dự hứa với ngài là chừng nào ngài còn ở đây, nếu không quá sáu tháng, tôi sẽ không đi khỏi Quần đảo.
- Không đến năm tháng nữa tôi sẽ ra đi: đó là điều hoàn toàn chắc chắn.
- Vậy thì rất tốt. Ngài cứ hỏi Dega: bác ta biết tôi đã hứa là giữ lời.
- Tôi tin anh.
- Nhưng đổi lại, tôi có một yêu cầu.
- Yêu cầu gì?
- Trong cái thời hạn năm tháng ấy tôi phải được phân những công việc mà lý ra về sau tôi mới được nhận, và hơn nữa, khi cần tôi sẽ được đổi sang đảo khác.
- Được, tôi đồng ý. Nhưng việc này chỉ có hai chúng ta biết thôi.
- Thưa ngài vâng.
Thiếu tá cho gọi Dega đến: Dega nói ràng chỗ của tôi không phải ở trong đám các "tù nhân tử tế" mà là trong đám giang hồ. Trong tòa nhà giam các tù nhân nguy hiểm: tất cả các bạn tôi đều ở đấy. Người ta trao cho tôi cái bị đựng toàn bộ trang phục và đồ dùng của tù khổ sai. Thiếu tá ra lệnh thêm cho tôi mấy bộ quần áo lao động màu trắng tịch thu của bọn thợ may.
Thế là tôi đi theo một viên cảnh sát về khu trung tâm của trại, với

hai cái quần trắng mới tinh khôi, ba cái áo va-rơi và một cái mũ rơm. Muốn đến dãy nhà nhỏ của Ban Quản trị trại phải đi qua cả khoảng đất bằng trên đỉnh đồi. Chúng tôi đi ngang trước mặt bệnh xá của giám thị, men theo một bức tường cao bốn mét bao quanh trại giam. Sau khi đi gần hết chu vi cái hình chữ nhật rộng mênh mông này, chúng tôi đến cửa chính trại trừng giới Quần đảo "Phân trại Royale". Cánh cửa gỗ to tướng của trại mở toang hoác. Nó cao phải đến sáu mét. hai tốp gác mỗi tốp bốn viên giám thị. Một viên đeo lon ngồi trên một chiếc ghế tựa. Không thấy có súng trường: ai nấy đều đeo súng lục. Tôi còn thấy có năm sáu tên giữ khóa người A-rập.

Khi tôi vào đến vòm cửa, bọn giám thị đều bước cả ra. Viên chỉ huy, người Corse, nói: "Đây là một phạm nhân mới, thuộc loại có hạng". Bọn giữ khóa toan lục soát tôi, nhưng hắn ngăn họ lại:

- Thôi đừng bày trò bắt hắn giở hết cả bạc-đa ra. Vào đi Papillon. ở nhà tù trung tâm chắc chắn là có nhiều bạn cũ đang đợi mày. Tao tên là Sofram. Chúc mày gặp may mắn ở Đảo này!

- Cám ơn sếp.

Tôi bước vào một khoảng sân rộng mênh mông xung quanh có ba tòa nhà lớn. Tôi đi theo viên giám thị, vào một tòa nhà có đề trên cửa: nhà A - Khối Đặc biệt" trước cánh cửa rộng mở viên giám thị gọi lớn: "Khối trưởng đâu!" Một người tù khổ sai già bước ra. Viên sếp nói: "Đây là một tay mới", đoạn bỏ đi. Tôi

bước vào một gian phòng lớn hình chữ nhật có một trăm hai mươi người ở. Cùng như trong cái lán đầu tiên của tôi ở Saint-Laurent, hai bên có hai thanh sắt dài chạy song song với hai bức tường làm thành chiều dài của gian phòng, chỉ đứt quãng ở chỗ có cánh cửa sắt đóng vào ban đêm. Giữa mỗi thanh sắt và bức tường đối diện có căng rất thẳng những tấm vải bố dùng làm giường, được gọi là "võng" tuy nó chẳng giống võng chút nào. Nhưng cái "võng" này rất tiện nghi và hợp vệ sinh. Phía trên môi tấm vải có hai tấm ván đóng vào tường dành cho phạm nhân để đồ đạc: một tấm để áo quần, một tấm để cà-mèn và thức ăn v.v... Giữa hai hàng võng có một lối đi rộng ba mét, gọi là "hành lang". ở đây phạm nhân cũng họp thành từng nhóm nhỏ gọi là "xóm" hay "tổ" sinh hoạt. Có những tổ chỉ có hai người, nhưng cũng có nhưng tổ có đến mười người.

Chúng tôi vừa vào một cái là các tù nhân mặc đồ trắng đổ xô lại.

"Papi, ra phía này!"

"Không, cậu ấy đến chỗ chúng tớ".

Grandet cầm lấy cái bị của tôi, nói: "Papi sẽ ở một tổ với tớ"

Tôi đi theo Grandet. Họ lắp "võng" cho tôi, kéo thật căng.

- Này. cầm lấy cái gối lông gà này mà gối. Grandet nói.

Tôi gặp lại cả một lô bạn bè cũ. Rất nhiều Người Corse và người Marseille, cùng có mấy người Paris: đều là những bạn từ Pháp sang, hoặc giả nhưng người tôi đã làm quen ở nhà lao Sante, nhà

lao Conciergie hay trên tàu thủy. Nhưng tôi lấy làtn lạ sao giờ này mà họ đều có mặt ở đây cả. Tôi hỏi: "Giờ này mà các cậu không phải đi làm à?" Thế là ai nấy đều cười rộ.

- Chà! Câu này cậu phải chép lại cho chúng tớ làm kỷ niệm đấy! ở nhà A này ai phải đi làm thì nhiều nhất là mỗi ngày một tiếng. Sau đó là về tổ.

- Cuộc đón tiếp của các bạn thật là nồng nhiệt. Được như thế này mãi thì hay quá. Nhưng tôi chợt nhận thấy một điều mà tôi không hề dự kiến: tuy chỉ nằm bệnh viện có mấy ngày, giờ đây tôi thấy mình phải học lại cách sống tập thể.

Tôi được chứng kiến một cảnh mà tôi khó lòng có thể tưởng tượng nổi. Một anh chàng mặc đồ trắng bước vào hai tay bưng một cái khay lớn phủ một tấm vải trắng tinh, rao: "Bít-tết, bít-tết đây! Ai bít-tết nào?" Một lát sau hắn đã đến ngay chỗ chúng tôi, dừng lại, giở tấm vải trắng ra, để lộ cả một khay bày toàn là bít-tết xếp từng chồng sắp rất ngang hàng thẳng lối như trong một cửa hàng thịt chính quy ở Pháp. Có thể thấy rõ Grandet là một ông khách thường xuyên, vì cái anh bưng bít-tết không hỏi xem anh ta có mua bít-tết không, mà chỉ hỏi xem anh ta lấy bao nhiêu suất.

- Năm suất.

- Phô-phi-lê hay thịt vai nào?

- Phô-phi-lê. Hết bao nhiêu đây? Cậu tính sổ lại thư xem, vì bây

giờ tổ tớ thêm một nhân khẩu, chẳng giống mọi hôm.
Cậu bán bít-tết rút ra một cuốn sổ tay, tính toán cái gì một lúc.
- Cả thảy vị chi một trăm ba mươi lăm francs: tổng cộng đấy.
- Thế thì tớ thanh toán hết, để bắt đầu ghi sổ lại từ đầu
Khi anh bán thịt đã đi chỗ khác. Grandet nói với tôi:
- ở đây mà không có bím thì chỉ có chết. Nhưng cũng may là có một phương pháp để lúc nào cũng rủng rỉnh: đó là "biện pháp D".
ở trong đám giang hồ chính cống, "biện pháp D" (tức là "debrouille") là cái cách xoay xở riêng của từng người để kiếm tiền xài. Anh đầu bếp của trại lấy suất thịt của cái tù nhân, rán bít-tết đem bán. Khi nhận thịt ở nhà bếp, hắn cắt bớt đi chừng một nửa. Tùy loại thịt, hắn làm bít-têt, làm ra-gu hay đem hầm nhừ. Một phần đem bán cho bọn giám thị thông qua vợ họ, một phần đem bán cho các phạm nhân có tiền. Dĩ nhiên, anh đầu bếp cũng có chia phần lời cho viên giám thị phụ trách bếp núc. Nhà đầu tiên anh ta mang hàng đến bao giờ cũng là nhà A, nhà của khối Đặc biệt tức của chúng tôi.
Vậy thì biện pháp D là biện pháp của anh đầu bếp bán thịt bán mỡ, của anh làm bánh mì bán bánh mì phăng-te-di và bánh mì trắng ba-ghét, tức bánh mì ống sáo nướng dòn tan, dành cho bọn giám thị, của anh đồ tể ở lò thịt bán thịt cho anh đầu bếp; của anh y xá bán thuốc tiêm; của anh kế toán ăn tiền để chỉ định cho

phạm nhân nhận việc này việc nọ, hay chỉ để cho anh miễn một khoản cỏvê nào đấy; của anh lao vườn, bán rau quả tươi; của anh tù làm ở phòng thí nghiệm bán kết quả xét nghiệm, nhiều khi còn sản xuất ra cả những bệnh nhân ho lao dỏm, cùi dỏm, lỵ dỏm, v.v..., của những chuyên gia ăn cắp các thứ vặt vãnh trong sân nhà bọn giám thị rồi đem ra bán: trứng, gà, xà-bông Marseille; của những anh "tù gia đình" chuyên móc nối đổi chác với bà chủ nhà, ai cần gì cứ nhờ họ kiếm cho: bơ, sữa đặc, sữa bột, hộp cá thu, hộp cá trích, pho-mát, và dĩ nhiên là cả rượu vang, rượu mạnh (chẳng hạn tổ tôi bao giờ cũng có một chai Ricard và mấy bao thuốc lá Mỹ hayĂng-lê); rồi lại còn những anh tù được phép đi câu, chuyên bán cá tươi và tôm he nữa.

Nhưng cái biện pháp D hời nhất, và cũng là nguy hiểm nhất nữa, là làm chủ sòng bạc. Lệ ở đây quy định là không bao giờ được có hơn ba hay bốn chủ sòng trong một khối gồm một trăm hai mươi tù nhân. Người nào định kiếm chân chủ sòng thì đang đêm cứ đến một sòng đang chơi tuyên bố:

- Tớ muốn kiếm một chân chú sòng.

Người ta thường trả lời hắn là không được đâu.

- Mọi người đều đồng ý là không được chứ?

- Không được.

- Vậy thì tớ chọn cậu Mỗ đây: tớ chiếm chỗ cậu.

Cái anh mỗ được chọn kia đã hiểu. Hắn đứng dậy, ra giữa phòng

và hai người rút dao ra đọ sức. Ai thắng thì được giữ chân chủ sòng. Chủ sòng được hường hồ năm phần trăm mỗi số tiền thắng được.

Cờ bạc cũng là cơ hội thực hiện những biện pháp D vụn vặt khác, có những anh chuyên trải những tấm chăn thật thắng thơm xuống đất cho mọi người ngồi, lại có những anh cho thuê mấy cái ghế đòn con con dành cho những con bạc không quen ngồi xếp bằng, có những anh bán thuốc lá điếu bên sòng bạc: họ đặt lên tấm chăn mấy cái hộp xì gà cũ, đựng những bao thuốc Pháp, Anh, Mỹ hay những điếu thuốc quấn lấy. Mỗi thứ đều có giá nhất định. Ai muốn hút cứ việc tự lấy ra, nhưng không được quên bỏ vào hộp số tiền đã ấn định cho từng loại thuốc. Lại có cả những anh chuyên trách mấy cái đèn dầu noa, trông nom cho đèn đừng bốc khói nhiều quá. Đó là những cây đèn làm bằng hộp sữa, mặt trên đục lỗ xâu bấc. Lâu lâu lại phải gạt bấc cho đỡ bốc khói. Những con bạc không hút thuốc thì dùng kẹo hay bánh ngọt: việc sản xuất các thứ này cũng làm thành một nghề D riêng. Mỗi khối nhà đều có một hay hai anh bán cà-phê. Cà-phê theo kiểu A-rập, được ủ nóng suốt đêm trong hai cái bao bố gấp kín lại và được để ở một chỗ cố định. Lâu lâu người bán cà-phê lại đảo qua sòng bạc chào mời, tay cầm một cái bình thủy tự chế đựng cà-phê hay ca cao nóng.

Cuối cùng là nghề tiểu thủ công. Đây có thể nói là một biện pháp

D có tính chất mỹ nghệ. Có người mua lại đồi mồi của những tù nhân chuyên đi câu để gia công. Mỗi cái mai như vậy có mười ba mang có thể nặng tới hai ki lô. Nhà mỹ nghệ dùng đồi mồi làm vòng đeo tay, làm hoa mai, làm vòng đeo cổ, làm cán điếu, làm lược và làm bàn chải. Tôi còn được trông thấy một cái hộp làm bằng đồi mồi vàng, thật là một tuyệt phẩm. Lại có những người chạm trổ sọ dừa, sừng trâu sừng bò, gỗ mun và gỗ đảo hình rắn. Cũng có người làm những thứ đồ gỗ cao cấp đòi hỏi độ chính xác rất cao, không có lấy một cái đinh, toàn dùng khớp làm lại. Những người khéo tay nhất thì làm đồ đồng đen. Lại có cả những họa sĩ nữa.

Cũng có nhiều tài nghệ khác nhau được liên kết lại để làm một sản vật duy nhất. Nói giả dụ có một người tù câu được một con cá mập. Hắn liền lấy xương hàm con cá đánh thật sạch rồi gia công sao cho xương và hai hàng răng thật bóng, thật thẳng, chốt cho cái hàm há rộng thành một cái khung xung quanh toàn răng nhọn hoắt. Một anh thợ gỗ làm một cái mô hình neo bằng gỗ mịn thớ đánh thật bóng, phần giữa thật rộng để có thể vẽ tranh lên trên. Cái neo được gắn vào giữa cái hàm cá mập, và một họa sĩ vẽ lên đấy một cảnh Quần đảo Salut giữa biển cả. Chủ đề hay được sử dụng nhất là chủ đề sau đây: mũi đảo Royale, có biển và đảo Saint~Joseph. Trên mặt biển màu xanh biếc ánh tà dương lấp lánh. Trên mặt biển là một con thuyền có sáu phạm nhân mình

trần đứng cầm chèo đứng thẳng, phía sau lại có ba viên cảnh binh cầm tiểu liên. ở mũi thuyền, hai người đang dốc một cỗ quan tài: từ đấy tụt ra một cái xác chết bọc trong bao bột. Trên mặt nước có thể trông thấy mấy con cá mập đang há mõm đợi ăn. ở phía dưới bức tranh, bên góc phải có đề "Mai táng ở Royale" và ngày tháng vẽ tranh.

Tất cả các "mỹ nghệ phẩm" như trên đều bán cho các nhà giám thị. Những chế phẩm đẹp nhất thường được đặt mua trước hay đặt làm riêng. Phần còn lại bán cho các chuyến tàu ghé đảo. Đây là lãnh vực của mấy anh chèo thuyền. Cũng có những anh bịp đời, lấy một cái ca cũ kỹ mép méo, khắc dòng chữ "cái ca này trước kia là ca của Dreyfus - Đảo quỷ, - ngày... tháng..." Thìa và cà-mèn cũng được dân bịp đời sử dụng kiểu đó. Đối với mấy anh lính thủy người Bretagne thì có một món ăn chắc: bất cứ đồ vật gì có khắc tên "Sezenec".

Những cuộc mua bán thường xuyên này thu hút vào Quần đảo rất nhiều tiền, và bọn giám thị thấy rõ điều đó có lợi cho họ, cho nên họ cứ để mặc. Mải lo việc sản xuất và bán chác, tù nhân dễ điều khiển hơn và dễ an phận với cuộc sống đày ải của họ hơn. Thói pê-đê ở đây đã trở thành một nếp sống chính thức. Mọi người, cho đến cả chi huy trại giam, đều biết rằng cậu Mỗ nào đó là vợ của một cậu Mễ nào đó, và nếu có trót chuyển một trong hai cậu ấy sang đảo khác mà quên mất cậu kia thì người ta làm

đủ cách để cho cái đôi bị "chia loan rẽ thúy" kia sớm đoàn tụ. Trong cả đám phạm nhân ấy không có lấy được ba phần trăm có ý định tìm cách trốn khỏi quần đảo. Ngay cả những người bị án chung thân cũng không. Cách duy nhất để có cơ vượt ngục là làm sao được miễn giam và được chuyển về Đất liền, về Saint-Laurent, Kourou hay Cayenne. Điều đó chỉ có thể có được với những người bị giam có thời hạn. Đối với những người bị án giam chung nhân thì không có cách gì, trừ phi là giết người. Vì nếu phạm nhân giết chết một người nào, thì sẽ bị đưa về Saint-Laurent để xử. Nhưng vì muốn đến Saint-Laurent phải qua thủ tục thú nhận tội sát nhân, người ấy có nguy cơ bị năm năm cấm cố mà không biết là liệu trong cái thời hạn ngắn ngủi ở trại trừng giới Saint-Laurent (tối đa là ba tháng) có đủ thì giờ để tổ chức vượt ngục hay không?

Cũng có thể tìm cách xin được miễn giam vì lý do sức khỏe. Nếu được công nhận là ho lao thì được chuyển đến trại của phạm nhân ho lao, gọi là "Trại mới", cách Saint-Laurent tám mươi cây số.

Còn có bệnh hủi hay bệnh kiết lỵ kinh niên nữa. Muốn được công nhận có một trong hai bệnh này cũng tương đối dễ, nhưng làm như thế có một nguy cơ rất khủng khiếp: phải chung sống hai năm, cách ly trong một căn nhà riêng với những người mắc bệnh hủi thứ thiệt hay bệnh kiết lỵ thứ thiệt. Trong hai năm ấy

chẳng khó gì mà chẳng chuyển từ hủi dỏm thành hủi xịn và từ kiết dỏm thành kiết xịn: không ít người đã qua cái quá trình ấy. Thế là tôi đã an cư lạc nghiệp trong khối nhà A với một trăm hai mươi bạn tù của tôi. Phải cố học cách sống trong cái khối cộng đồng này, nơi mà người ta phân loại được anh ngay. Trước hết phải làm sao cho mọi người biết rõ rằng không thể nào tấn công mình mà không bị giáng trả đích đáng. Được mọi người e sợ rồi, còn phải được họ kính trọng vì thái dộ của mình khi đối xử với bọn cớm, không được nhận một số chức việc nào đấy, phải khước từ một số công việc nhất định, không bao giờ được khuất phục một nên giữ khóa, không bao giờ tuân lệnh hắn, dù có phải vì thế mà xung đột với một viên giám thị cũng vậy. Nếu đã đánh bạc suốt đêm rồi thì đến giờ điểm danh cũng không ra. Người trường khối chỉ việc trả lời: "ốm phải nằm", thế là xong. ở các khối khác, nhiều khi bọn giám thị vào tận phòng tìm "người ốm" và bắt hắn ra điểm danh. Nhưng ở khối dân cứng đầu thì không bao giờ. Chung quy, điều mà từ cấp cao đến cấp thấp bọn họ quý nhất là được yên thân ở trại khổ sai này.

Bạn cùng tổ với tôi, Grandet, là một người Marseille ba mươi lăm tuổi. Người cao lêu đêu, gầy như que củi, nhưng rất khỏe. Chúng tôi là chỗ bạn thân từ hồi ở Pháp. Chúng tôi hay gặp nhau ở Toulon, cũng như ở Marseille và ở Paris. Đó là một tay khoét tủ sắt nổi tiếng. Anh ta hiền nhưng có lẽ rất nguy hiểm. Hôm nay

tôi không ra ngoài. Trong gian phòng rộng mênh mông hầu như chỉ có một mình tôi. Ông già trưởng khối đang quét và lau cái sàn xi măng. Tôi trông thấy một phạm nhân đang ngồi sửa đồng hồ, mắt trái đeo cái gì bằng gỗ. ở phía trên võng của hắn có một tấm ván treo đến ba chục cái đồng hồ. Nhìn nét mặt thì hắn độ ba mươi tuổi là cùng, nhưng đầu hắn bạc trắng. Tôi đến cạnh hắn, nhìn hắn làm việc một lúc. Rồi tôi thử bắt chuyện với hắn. Hắn cứ câm như hến. Thậm chí cũng chẳng thèm ngẩng mặt lên một lần nào, hơi trạnh lòng, tôi bỏ đi ra sân, đến ngồi ở cạnh máy nước. ở đây đà có Titl la Belote, đang tập dượt với một cỗ bài mới tinh khôi. Mười ngón tay mềm mại của hắn thoăn thoắt trang di trang lại ba mươi con bài với một tốc độ không tài nào tưởng tượng nổi. Vẫn không ngừng ngưng động tác chớp nhoáng của nhà ảo thuật, hắn bảo tôi:

- Thế nào anh bạn? ở Royale có ổn không?

- ổn, nhưng hôm nay tớ chán quá. Tớ sẽ tìm việc gì làm, để ra ngoài trại một chút. Ban nãy tớ muốn nói chuyện một lát với cái tay gì sửa đồng hồ trong kia, nhưng hắn cũng chẳng buồn trả lời tớ nữa.

- Anh không biết đấy Papi ạ, chứ thằng cha ấy nó có coi ai ra gì đâu. Nó chỉ biết mấy cái đồng hồ của nó. Ngoài ra nó đếch cần. Quả tình sau những chuyện nó phải chịu đựng, nó có quyền điên lắm. Nó chưa điên là may. Anh hãy tương tượng mà xem, cái

anh chàng trẻ tuổi ấy - có thể gọi hắn như vậy vì hắn chưa đến ba mươi - năm ngoái đã từng bị xử tử vì bị buộc tội là "hiếp" vợ một thằng cớm. Chuyện láo toét cả. Hắn ngủ với cô chủ từ lâu - cô ta là vợ một viên giam thị trưởng người Bretagne. Vì hắn là "tù gia đình" ở nhà họ, cho nên cứ đến ngày trực của viên giám thị là hai anh chị tha hồ. Nhưng anh chị đã phạm một sai lầm lớn: cô nàng không cho anh chàng giặt là áo quần nữa, cô ta tự làm lấy: thế là anh chồng mọc sừng xưa nay vốn biết tính cô ta lười, thấy lạ và sinh nghi. Nhưng anh ta chưa có bằng chứng là mình bị mọc sừng. Cho nên anh ta quyết định bày mưu để bắt quá tang tại trận và giết chết cả đôi. Anh ta đã không lường trước được cách phản ứng của cô nàng. Một hôm, trực được hai tiếng thì anh ta bỏ phiên về nhà, gọi một viên giám thị về theo lấy cớ là để biếu tay này một súc giăm-bông nhà mới gửi cho. Hai người khẽ khàng đi vào cổng, nhưng vừa vào đến nhà thì con vẹt nuôi trong nhà ré lên "Ông chủ đã về!" như nó vẫn quen làm mỗi khi viên giám thị về. Ngay tức khắc cô vợ hét lên: "Cứu với! Nó hiếp tôi đây này?" Hai tên gác xông vào buồng đúng vào lúc cô vợ vừa vùng ra khỏi tay anh tù. Anh này vội nhảy qua cửa sổ chạy. Viên giám thị bắn theo, một phát trúng vai anh ta. Trong khi đó, cô nàng xé rách áo choàng, cào xước vú và má mình ra. Anh tù ngã xuống, tên gác người Breton toan bắn chết thì tên gác kia giật súng đi. Tớ cần nói rõ là tên gác này người Corse, ngay

từ đầu đã hiểu rằng ông sếp phịa chứ ở đây chẳng có chuyện hãm hiếp gì hết. Nhưng tên người Corse không thể nói chuyện này với tên kia, cứ làm như thể mình tin câu chuyện hiếp dâm là chuyện thật. Anh thợ đồng hồ bị xử tử hình. Đến đây thì chẳng có gì phi thường hết, anh bạn ạ. Sau đó mới ly kỳ.

"ở Royale, trong những khu trừng phạt có một cái máy chém, mỗi bộ phận đều có chỗ cất riêng trong một căn nhà đặc biệt. Ngoài sân là năm phiến đá xây kỹ thành bệ bằng phẳng để đặt máy chém. Cứ mỗi tuần, đao phủ thủ và hai người tù giúp việc cho hắn lại đem cái máy ra lắp lên bệ, lưỡi dao lười diếc đầy đủ bộ sậu, rồi cho máy chém thử hai ba cây chuối. Để cho chắc là máy vẫn trơn tru, khi cần đến không lo trục trặc. (anh thợ đồng hồ người Savoie lúc bấy giờ đang nằm trong khám tử hình với bốn người nữa, hai người A-rập và một người Sicilia). Cả năm người đang đợi phúc đáp đơn xin ân xá do những viên giám thị đã bênh vực họ viết hộ cho.

Một buổi sáng nọ người ta lắp máy chém và đột nhiên mở cửa buồng giam anh thợ đồng hồ. Tốp đao phủ xông vào trói chân anh ta lại và cũng sợi dây ấy buộc hai cổ tay, dây liền với chân. Họ lấy kéo xén cổ áo rồi dắt anh ta đi từng bước ngắn trong ánh sáng mờ mờ của buổi bình minh, từ từ vượt qua cái khoảng cách chừng hai mươi mét từ buồng giam đến máy chém. (chắc bạn cũng biết rằng khi anh đến trước máy chém, anh giáp mặt với

một tấm ván dựng đứng cao ngang vai anh, có đính sẵn nịt da để buộc sấp anh vào đấy, sau đó, tấm ván sẽ được lật ngang ra và thế là anh chuyển sang tư thế nằm sấp, cổ đặt vừa đúng vào chỗ lưỡi dao sẽ rơi xuống. Vậy thì người ta đang sắp sửa lật ngang tấm ván có buộc anh thợ đồng hồ, nhưng vừa đúng lúc ấy ông chỉ huy trại - ông "Dừa khô" đương kim trại trưởng đấy - ra sân: theo lệ của trại, ông ta bắt buộc phải dự cuộc hành quyết. Tay ông ta cầm một cây đèn bão lớn, và khi giơ đèn lên soi, ông ta mới thấy là bọn cớm chết tiệt ấy nhầm: chúng nó suýt chặt đầu anh thợ đồng hồ trong khi anh ta chẳng dính dáng gì với cuộc hành quyết sáng hôm ấy.

- Dừng lại Dừng lại! - Barrot quát lớn.

Ông ta xúc động đến mức dường như không nói được nữa. Ông ta buông cây đèn bão rơi xuống đất, xô lấn mọi người, cảnh sát cũng như phạm nhân, tự tay đến cởi trói cho anh sửa đồng hồ Savoie. Mãi sau đó ông ta mới ra lệnh được:

- Y xá, đưa anh ta về buồng giam. Săn sóc kỹ, cho uống rượu rhum. Còn các anh, cái lũ ăn hại kia, vào bắt ngay tên Rencassen đưa ra đây. Hắn mới là kẻ phải xử tử hôm nay, chứ không phải ai khác!

"Hôm sau, anh thợ đồng hồ đã bạc trắng cả đầu ra như anh thấy đấy. Trạng sư của hắn là một cảnh binh ở Calvi, bèn viết thêm một lá đơn xin ân xá nữa gửi ông Bộ trưởng Tư pháp, trong đơn

có kể lại việc này. Anh thợ đồng hồ được ân xá, chuyển án tứ hình thành án chung thân. Từ đấy, anh ta suốt ngày sửa đồng hồ cho nhân viện trong trại. Anh ta say mê công việc quên hết mọi sự trên đời. Sửa xong anh ta giữ lại rất lâu để kiểm tra, điều chỉnh, cho nên trên ván mới treo ngần ấy đồng hồ. Bây giờ thì anh đã hiểu ra rằng hắn có quyền hơi điên một chút chứ?

- Hiểu, Tita ạ, sau một cái sốc như thế, hắn có quyền không hồ hởi với mọi người cho lắm. Tôi thành thật thương hại hắn.

Mỗi ngày tôi lại học thêm được chút ít về cuộc sống mới này Khối A quả là một nơi tập trung những con người đáng sợ, xét về những thành tích dĩ vãng cũng như về cách phản ứng của họ trong sinh hoạt hàng ngày. Tôi vẫn chưa làm việc: tôi còn đợi một chân đổ thùng. Kiếm được chân này; tôi chỉ phải làm mỗi ngày bốn mười lăm phút, rồi sau đó được đi lại tự do trên đảo và được phép xuống biển đánh cá. Sáng hôm ấy, đến buổi điểm danh lấy người đi làm cỏ vê ở đồn điền trồng dừa, họ chỉ định Jean Castelli. Ông ta bước ra khỏi hàng hỏi:

- Cái gì? Tôi mà cắt di làm cỏ-vê à? Tôi ấy à?

- Phải, anh đấy! - Tên gác đội cỏ-vê nói. - Đây, cầm lấy cái cuốc chim này.

Castelli lạnh lùng nhìn hắn;

- Anh kia. anh không hiểu ràng phải là dân cái xứ Auvergne nhà anh mới biết cánh dùng cái thứ cuốc quỉ quái ấy à? Tôi là người

Corse ở Marseille. ở Corse người ta ném các dụng cụ đi cho thật xa, còn ở Marseille người ta còn không biết nó là cái gì nữa. Anh cứ giữ lấy cái cuốc và để cho tôi yên.

Tên cớm trẻ, chưa am hiểu công chuyện ở đây lắm (như về sau tôi được biết), giơ cao cái cán cuốc lên dọa Castelli. Lập tức một trăm hai mươi người quát lên cùng một lúc:

- Buông cuốc xuống, không thì chết ngay bây giờ!

Grandet hô:

- Giải tán!

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Cuộc sống ở đảo Royale (2)

Thế là không bận tâm đến tư thế sẵn sàng tấn công của tất cả những tên cảnh binh có mặt lúc bấy giờ, chúng tôi kéo nhau trở về khối.

Khối "B" đang lũ lượt kéo nhau đi làm cả khối "C" cũng vậy. ở khối chúng tôi thấy có chừng mười hai tên cảnh binh đến, và một

việc không bình thường xảy ra: họ đóng cánh cửa sắt lại. Một giờ sau, bốn chục tên cảnh binh đứng thành hai hàng hai bên khung cửa, tiểu liên cầm lăm lăm trong tay. Viên phó chỉ huy trại, viên chỉ huy đội gác, viên giám thị trưởng và cả bọn giám thị đều có mặt đông đủ chỉ trừ viên chỉ huy trại đã đi thanh tra đảo Quỷ từ lúc sáu giờ sáng, trước khi xảy ra biến cố vừa qua. Viên phó chỉ huy trại nói:

- Dacelli, gọi từng người một ra.

- Grandet? Bước ra!

Grandet bước ra đứng giữa hai hàng cảnh binh xếp hai bên cửa sắt. Dacelli nói:

- Đi làm đi!

- Tôi không đi được.

- Anh từ chối phải không?

- Tôi không từ chối. Tôi ốm.

- Từ bao giờ? Lúc điểm danh lần đầu anh có cáo ốm đâu?

- Hồi sáng tôi không ốm. Bây giờ tôi mới ốm.

Sáu mươi người được gọi ra khỏi hàng sau Grandet đều lần lượt trả lời đúng như vậy. Chỉ có một người nói thẳng ra là mình không tuân lệnh. Chắc anh ta có ý định làm cho họ phải đưa anh ta về Saint~Laurent để ra tòa án binh. Khi họ hỏi: "Anh từ chối à?" anh ta trả lời:

- Đúng, tôi từ chối, mà từ chối đến ba lần.

- Ba lần? Tại sao?
- Vì các người làm tôi buồn mửa. Tôi dứt khoát không làm việc cho những hạng người đểu cáng như các anh.
Không khí càng thẳng đên tột độ. Bọn cánh binh nhất là những tay hãy còn trẻ, khó chịu đựng nối khi bị phạm nhân sỉ nhục đến mức ấy. Họ chỉ chờ có một dịp: một cừ chỉ đe dọa của đám phạm nhân, sẽ cho phép họ ra tay trấn áp. Nhưng trong khi chờ đợi. súng họ vẫn phải chĩa mũi xuống đất.
- Tất cả những phạm nhân đã gọi tên, cởi hết ra. Đi về xà lim!
Trong khi áo quần được cởi bỏ tụt xuống đất chốc chốc lại nghe tiếng ruột con dao rơi xuống khoảng sân tráng nhựa đánh cách một cái. Vừa lúc ấy bác sĩ đến.
- Thôi, đứng lên đã! Bác sĩ đây rồi. Xin bác sĩ khám cho mấy người này. Những ai không được công nhận là ốm sẽ vào xà lim. Những người ốm thật sẽ được trả về khối.
- Có sáu mươi người ốm sao?
- Thưa bác sĩ vâng, trừ người kia không chịu đi làm.
- Nào, tôi bắt đầu khám người thứ nhất? - bác sĩ nói. – Grandet,anh ốm thế nào?
- Tôi mắc bệnh rối loạn tiêu hóa của cai ngục bác sĩ ạ. Chúng tôi dầu là phạm nhân bị xử tội nặng, phần lớn đều là án chung thân. ở quần đảo này không có hy vọng gì vượt ngục. Cho nên chúng tôi chỉ có thể chịu đựng nổi cuộc sống này nếu quy chế nhà tù

được áp dụng một cách co giãn chút ít và có hiểu biết, thông cảm với chúng tôi. Thế nhưng sáng nay, trước mặt tất cả chúng tôi, một viên giám thị đã tự cho phép mình giơ cán cuốc định đánh một bạn tù được mọi người kính trọng. Đó không phái là một động tác phòng ngự, vì người tù không hề đe dọa ai cả. Bác ta chỉ nói là bác ta không muốn dùng cuốc. Nguyên nhân của bệnh dịch tập thể của chúng tôi là như thế. Xin bác sĩ cứ suy xét.
Bác sĩ cúi đầu nghĩ ngợi dễ đến một phút, rồi nói:
- Y tá, hãy ghi vào: "Do ngộ độc tập thể vì thức ăn, y tá giám thị Mỗ sẽ thi hành nhưng biện pháp cần thiết để phát cho tất cả các phạm nhân khi ốm hôm nay mỗi người một liều hai mươi gam sulfat natri để tẩy ruột. Còn phạm nhân X thì hây đưa vò bệnh viện để chúng tôi kiểm tra xem khi tuyên bố từ chối lao công anh ta có đang ở trong trạng thái tâm thần bình thường hay không".
Nói đoạn, bác sĩ quay lưng lại, bỏ đi thẳng.
- Tất cả về khối - Viên phó chỉ huy trại hô. - Nhặt quần áo lên, và chớ quên mấy con dao.
Hôm ấy ai nấy đều ở lại phòng giam. Không ai ra ngoài được, kể cả người đưa bánh mì. Đến trưa không thấy đưa xúp vào, mà chỉ thấy viên giám thị y tá, có hai phạm nhân y tá đi theo, xuất hiện với một cái xô bằng gỗ đựng thuốc tẩy sulfat natri. Chỉ có ba người phải uống thuốc. Người thứ tư tự nhiên lên cơn động kinh ngã đúng vào xô thuốc, làm cả cái xô, cả cái gáo và cả cả chỗ

thuốc mỗi thứ văng ra một nơi: anh ta bắt chước cơn động kinh giống như hệt! Thế là cái biến cố kia chấm dứt, nếu không kể cai lệnh loan cho trưởng khối là phải lau cho khô chỗ thuộc đổ lênh láng ra sàn nhà.

Suốt buổi trưa hôm ấy tôi ngồi nói chuyện với Castelli. Bác ta đến ăn với chúng tôi. Tổ của bác ta thì có một người Toulon tên là Louis Gravon, bị đày vì tội ăn trộm lông thú. Khi tôi nói chuyện vượt ngục, mắt anh ta sáng quắc lên. Anh nói:

- Năm ngoái tôi đã suýt vượt ngục được, nhưng rốt cuộc cũng bị thất bại. Tôi cũng đã cảm thấy anh chẳng phải là người cam phận, đành chịu bó gối ở đây. Chỉ có điều là đã ở Quần đảo này mà nói chuyện vượt ngục thì chẳng khác nào nói chuyện lên cung trăng. Mặt khác, tôi nhận thấy anh chưa hiểu được dân tù khổ sai ở Quần đảo. Trông thế chứ tám mươi phần trăm tự cảm thấy mình ở đây cũng tương đối sung sướng. Sẽ không có ai tố giác anh bao giờ, dù anh có làm gì chăng nữa. Anh giết người nào. Sẽ không có ai ra làm chứng. Anh lấy trộm ư. Cũng thế thôi. Dù một bạn tù có làm gì thì mọi người đều kết lại bênh vực bạn ấy. Dân tù quần đảo chỉ sợ có mỗi một điều: đó là một cuộc vượt ngục thành công. Vì trong trường hợp đó, cảnh sống tương đối yên ổn của họ bị đảo lộn hoàn toàn: khám xét liên tục, không còn được đánh bài, không còn chơi nhạc được nữa- các nhạc cụ đều bị phá huỷ trong những cuộc khám xét,. không còn được đánh cờ

vua, cờ đam nữa. Cũng không được làm đồ mỹ nghệ nữa. Mọi thứ không trừ một thứ gì đều bị xúp hết. Họ lục xoát liên hồi. Đường, dầu ăn, bít tết, bơ đều biến sạch. Xưa nay tất cả những người trốn được khỏi Quần đảo với Quần đảo thì đó vẫn là những cuộc vượt ngục thành công: dù sao họ cũng đã trốn được ra khỏi Quần đảo. Do đó bọn gác bị phạt, và lẽ tự nhiên là họ phải trả thù cả đám phạm nhân.

Tôi vểnh hết tai lên mà nghe. Tôi nghe mà không sao khỏi bàng hoàng. Tôi chưa bao giờ xem xét vấn đề dưới góc độ này.

Castelli nói:

- Đến cái ngày cậu quyết định chuẩn bị một cuộc vượt ngục, cậu hãy coi chừng. Trước khi điều đình với một cậu nào, phải suy nghĩ cân nhắc cho thật kỹ, trừ phi đó là một người bạn chí cốt. Jean Castelli, chuyên gia bẻ khóa, có một nghị lực và một trí thông minh hiếm có. Bác rất ghét sự hung bạo. Anh em gọi bác ta bằng cái biệt hiệu người Cổ đại. Chẳng hạn bác ta chỉ tắm rửa bằng xà-bông giặt Marseille, và nếu tôi vừa tắm bằng xà-bông Palmolive, bác ta liền nói: "ồ, cậu sặc mùi pê-đê, thật đấy! Cậu lại tắm bằng xà-bông đàn bà rồi!" Tiếc thay, bác ta đã năm mươi hai tuổi, nhưng những gân cốt sắt thép của bác trông thật sướng mắt. Bác nói: "Papi ạ, trông cậu người ta có thể ngỡ cậu là con tôi. Sinh hoạt ở Quần đảo không làm cho cậu quan tâm. Cậu ăn nhiều chỉ vì muốn giữ phong độ, chứ không bao giờ cậu nghĩ đến

việc tổ chức một cuộc sống lâu dài trên Quần đảo. Tôi mừng cho cậu. Trong cả đám tù khổ sai ở đây chẳng có nổi sáu người nghĩ như cậu. Nhất là nghĩ đến chuyện vượt ngục. Quả tình, cùng có khối người chi ra hàng gia tài để được miễn giảm và chuyển về đất liền, toan tính sẽ vượt ngục từ đấy. Nhưng ngay ở đây thì không một ai tin là có thể vượt ngục".

Ông già Castelli khuyên tôi: nên học tiếng Anh và hễ có dịp là phải nói chuyện bằng tiếng Tây Ban Nha với một người Tây Ban Nha. Ông ta có cho tôi mượn một cuốn sách học tiếng Tây Ban Nha trong hai mươi bốn bài. Một cuốn từ điển Pháp-Anh. Ông ta có một người bạn rất thân, người Marseille, tên là Gardès, có am hiểu chuyện vượt ngục. Ông này đã vượt ngục hai lần, lần thứ nhất trốn khỏi trại khổ sai Bồ Đào Nha; lần thứ hai trốn từ Đất Liền. Ông ta có quan điểm riêng về việc vượt ngục từ Quần đảo, Jean Castelli cũng có Gravon, ông bạn người Toulon, lại có một cách nhìn khác nữa đối với sự việc. Không ai nhất trí với ai. Kể từ hôm ấy, tôi quyết định tự mình tìm hiểu lấy vấn đề, và không nói với ai về chuyện vượt ngục nữa.

Kể cũng gay, nhưng sự tình có thế. Điểm duy nhất mà cả ba người đều nhất trí là đánh bạc chỉ có mỗi cái lợi kiếm được tiền, nhưng lại rất nguy hiểm. Bất cứ lúc nào cũng có thể bị lâm vào cái thế phải đọ dao với một tay anh chị nào đấy. Cả ba đều là những con người hành động, và quả là những tay cừ khôi đáng

gườm so với tuổi tác của họ: Louis Gravon bốn mươi lăm tuổi, Gardès gần năm mươi.

Tối hôm qua tôi được dịp phô bày cho mọi người trong khối thấy cách nhìn nhận sự việc và cách hành động của tôi. Một cậu quê ở Toulouse, người nhỏ bé, bị một tay người Nimes thách đấu dao. Cậu bé người Toulouse mang biệt hiệu Cá Trích, còn anh chàng người Nimes, rất to con được gọi là Con cừu. Con Cừu, đánh trần trùng trục, đúng giữa lối đi, dao lăm lăm trong tay.

- Mỗi ván poker phải nộp tao hăm nhăm francs, nếu không, tao cấm mày đánh.

Cá Trích đáp:

- Xưa nay đánh poker có ai phải nộp ai bao nhiêu tiền đâu. Tại sao anh lại nhè vào tôi mà đòi nộp tiền? Thế sao anh không đòi mấy tay chủ sòng Mareilaise nộp tiền đi?

- Tại sao thì chẳng việc gì đến mày.Một là mày nộp, hai là mày không được chơi nữa, hay mày không muốn đánh nhau?

- Không, tôi chả muốn đánh nhau.

- Mày rét à?

- Tôi rét đấy. Vì tôi có thể ăn một nhát dao, có thể chết vì tay một gã anh chị như anh là một kẻ chưa bao giờ vượt ngục. Tôi là dân vượt ngục. Tôi ở đây không phải để giết ai, mà cũng chẳng phải để bị ai giết.

Tất cả chúng tôi đều chăm chú chờ xem những việc sắp diễn ra.

Grandet nói với tôi: “Đúng là thằng bé can đảm thật, mà lại là dân vượt ngục. Thật đáng buồn là mình không thể nói gì vào đây”. Tôi mở con dao xếp để dưới bắp vế. Lúc bấy giờ tôi đang ngồi trên cái “võng” của Grandet. Con Cừu nói:

- Thế thì mày định nộp tiền hay thôi chơi, hở thằng chết rét kia? Nói di.

Đoạn hắn bước một bước về phía Cá Trích. Tôi liền quát:

- Câm mồm đi Con cừu, hãy để cho nó yên!

- Kìa Papillon, cậu điên rồi ư? Grandet nói.

Vẫn ngồi yên không nhúc nhích, tay đặt sẵn vào chuôi con dao để dưới bắp vế chân trái, tôi nói:

- Không, tôi không điên. và tôi yêu cầu tất cả các anh hãy nghe những điều tôi sắp nói. Ccon Cừu ạ, trước khi đánh nhau với anh (nếu anh bắt buộc tôi phải đánh nhau ngay cả sau khi tôi nói xong), anh hãy để cho tôi ngỏ lời với anh và với mọi người rằng từ khi đến ở cái khối gồm hơn một trăm người toàn là dân trong giới này, tôi đã phái xấu hổ mà nhận thấy rằng cái hành động đẹp đẽ nhất, xứng đáng nhất, cái hành động duy nhất đánh gọi là chân chính: vượt ngục, không được kính trọng ở đây. Thế mà bất kỳ ai đã chứng tỏ được rằng mình là dân vượt ngục, rằng mình có đủ gan mật để đem kính mạng mình đặt lên bàn cân trong một cuộc vượt ngục, thì kẻ ấy cũng phải được mọi người kính trọng, bất kẻ mọi chuyện khác. Có ai cho là tôi nói không đúng không?

Ai phản đối? (Im lặng) Trong luật lệ của các anh thiếu mất một điều, một điều cơ bản nhất: mọi người đều có bổn phận không những phải kính trọng, mà còn phải giúp đỡ, ủng hộ những người vượt ngục. Không ai bị bắt buộc phải ra đi, và tôi chấp nhận rằng hầu hết các anh đều đã quyết định sống suốt đời ở đây Thế cùng được. Nhưng nếu các anh không đủ can đảm để tìm cách sống lại, thì ít ra các anh cũng phải có được lòng kính trọng mà những người vượt ngục xứng đáng được hưởng. Và kẻ nào quên mất điều luật của đạo làm người này, kẻ ấy phải chờ đón những hậu quả nghiêm trọng. Tôi đã nói xong. Con Cừu! Bây giờ nếu anh vẫn muốn đánh nhau, thì có tôi đây

Nói đoạn, tôi cầm dao nhảy ra giữa phòng. Con Cừu ném dao đi, nói:

- Cậu nói đúng, Papillon ạ, cho nên tôi muốn đánh nhau với cậu không phải bằng dao, mà bằng quả đấm, đề cậu thấy tôi không phải là thằng hèn.

Tôi đưa dao cho Grandet giữ. Hai đứa chúng tôi đánh nhau như hai con chó dữ trong khoảng hai mươi phút. Cuối cùng, nhờ một miếng đòn húc đầu đúng lúc, tôi thắng sát nút. Chúng tôi cùng vào phòng vệ sinh rửa cho cạch máu trên mặt. Con Cừu nói:

- Quả thật sống ở Quần đảo mãi đâm u mê ra. Tớ ở đây thế là đã mười lăm năm nay, mà cũng chưa chi được đến ngàn francs để được miễn giam. Thật xấu hổ.

Khi tôi về tổ, Grandet và Galgani mắng tôi một trận.

- Cậu phát rồ rồi hay sao mà lại đi thách thức và lăng mạ mọi người như thế? Tớ không thể hiểu nổi tại sao không có đứa nào cầm dao nhảy ra "hành lang" để đánh nhau với cậu.

- Không đúng đâu các bạn ạ, chẳng có gì khó hiểu đến thế. Bất cứ ai đã ở trong giới chúng ta, hễ thấy ai nói phải thực sự là chịu ngay.

- Thôi được, - Galgani nói. - Nhưng tôi khuyên cậu đừng bày trò đùa giỡn quá nhiều với cái núi lửa này.

Suốt buổi tối hôm ấy có những gã đến gặp tôi. Họ làm như thể tình cờ ghé qua, nói bâng quơ chuyện này chuyện nọ, rồi trước khi bỏ đi, buông một câu: "Tớ đồng ý với những điều cậu nói đấy. Papi ạ". Cái sự cố vừa qua đã cho tôi có được một vị trí rõ rằng giữa các bạn tù.

Kể từ buổi ấy, chắc chắn là tôi được họ coi như người cùng giới với họ, nhưng lại không dễ gì chấp nhận những điều đã được mọi người coi như đương nhiên mà không phân tích, phê phán. Tôi dần dần nhận thấy rằng hễ tôi làm chủ sòng, đám bạc không mấy khi có chuyện cãi cọ, và nếu tôi ra một lệnh gì thì họ tuân theo rất nhanh.

Như tôi đã nói, chủ sòng được hưởng hồ năm phần trăm mỗi món tiền được bạc. Hắn ngồi trên một chiếc ghế dài, lưng quay vào tường để đề phòng bất trắc, vì bất cứ lúc nào cũng có kẻ

muốn đâm hắn từ phía sau. Trên đùi hắn thường có một tấm chăn che một con dao mở sẵn. Xung quanh hắn, ngồi hay đứng thành vòng tròn, là ba mươi, bốn mươi hay có khi đến năm mươi con bạc từ khắp các miền của nước Pháp sang, lại có cả những dân ngoại quốc nữa, như dân A-rập chẳng hạn, cũng khá đông. Cách chơi rất dễ: một người làm cái (làm "chủ nhà băng"), một người cúp bài ngồi cạnh. Mỗi khi nhà cái thua thì nhường quyền làm cái cho người bên cạnh. Cỗ bài gồm năm mươi hai con. Người cúp bài chìa bài rồi giấu đi một con. Người làm cái rút một con bài rồi lật ngửa nó ra trên tấm chăn. Thế là mọi người bắt đầu đặt tiền. Có thể đặt vào cửa của nhà cái hay vào cửa của nhà cúp bài. Khi ai nấy đã đặt xong, tiền xếp thành từng chồng nho nho, nhà cái bắt đầu rút từng con bài một, lật lên. Nhà nào cùng bậc với một trong hai con đã lật trên "thảm" thì thua. Chẳng hạn: nhà cúp giấu một con Năm, còn nhà cái đã lật lên một con Đầm. Nếu rút ra được một con Đầm trước khi rút ra một con Năm, nhà cúp thua. Nếu trái lại, rút ra được một con Năm trước khi rút ra một con Đầm, thì nhà cái thua. Người chủ sòng phải biết mỗi món tiền phải chung cho ai. Việc đó chẳng phái là dễ. Lại phải bênh vực những kẻ yếu, sao cho những kẻ mạnh đừng dùng uy thế bắt nạt họ. Khi người chủ sòng quyết định cách xử lý một trường hợp nghi vấn, quyết định của chủ sòng phải được chấp nhận, không lôi thôi gì hết.

Đêm ấy có kẻ đã giết chết một người ý lên là Carlino. Anh này sống chung nói một cậu thiếu niên được anh ta coi là vợ. Cả hai cùng làm việc ở một khu vườn. Anh người ý chắc cũng biết là tính mạng của mình đang bị đe dọa, vì khi nào anh ta nghỉ thì cậu bé thức, khi nào câu bé ngủ thì anh ta lại thức. Phía dưới hai tấm vải căng làm giường ngủ ("võng") họ bày lổn ngổn những cái hộp sắt tây rỗng để không ai có thể lần mò đến chỗ họ mà không gây thành tiếng động.

Thế mà có kẻ đã đâm anh ta từ phía dưới lên. Tiếng kêu của người bị đâm lập tức được kế tiếp bằng những tiếng loảng xoảng của đống hộp sắt tây bị sát nhân xô đấy trong khi rút lui vội vàng.

Lúc bấy giờ Grandet đang điều khiển một ván bài "Marseillaise", xung quanh có đến ba mươi con bạc. Tôi thì đang đứng nói chuyện gần đấy. Tiếng kêu của Carlino và tiếng hộp sát tây xủng xoảng đã làm cho ván bài phải ngừng lại. Ai nấy đều đứng dậy hoi xem việc gì xảy ra thế. Cậu bạn trai của Carlino chẳng trông thấy gì, còn Carlino thì đã tắt thở. Ông trưởng khối hỏi mọi người xem có nên gọi giám thị đến không. Không? không nên. Để đến mai, khi điểm danh, báo cho họ biết cũng vừa, anh kia đã chết rồi thì còn cứu giúp được gì nữa mà vội?

Grandet lên tiếng:

Không có ai nghe thấy gì hết. Cả cậu nữa, cậu nhé - Grandet dặn

cậu bé của Carlino. - Mai, khi cậu thức dậy, cậu mới nhận là anh ấy chết rồi. Xong. A-lê, lại đánh tiếp. Thế là đám bạc lại nhốn nháo lên như không hề có việc gì xảy ra cả: "Nhà cúp. Không phải, nhà cái chứ!" vân vân. Tôi sốt ruột chờ xem những gì sẽ diễn ra khi bọn gác phát hiện ra vụ án mạng. Năm giờ rưỡi, tiếng chuông thứ nhất. Sáu giờ, tiếng chuông thứ hai sau đó là cà- phê. Sáu giờ rưỡi, tiếng chuông thứ ba, mọi người ra điểm danh, thường ngày vẫn thế. Nhưng hôm nay thì khác. Đến tiếng chuông thứ hai, khối trưởng nói với tên cảnh binh đi kèm người đưa cà-phê:

- Thưa sếp, có một người vừa bị giết.

- Ai thế?

- Carlino.

- Được

Mười phút sau, sáu tên cảnh binh đến:

- Người chết đâu?

Họ nhìn thấy con dao găm cắm vào lưng Carlino từ phía dưới, qua lần vải. Họ rút nó ra.

- Cáng đi!

Hai người khiêng cáng đưa cái xác chết ra ngoài. Trời dã sáng hẳn. Tiếng chuông thứ ba đã điểm. Tay vẫn cầm con dao vấy máu, viên giám thị trương ra lệnh:

- Tất cả ra ngoài, xếp hàng điểm danh. Hôm nay không ai được

khai ốm nằm lại.

Mọi người đều ra sân. Những buổi điểm danh ban sáng, bọn chỉ huy và giám thị trưởng bao giờ cũng có mặt. Cuộc điểm danh bắt đầu. Nghe đọc đến tên Carlino, khối trưởng đáp:

Chết đêm qua, đã đưa ra nhà xác.

- Được - tên cảnh binh điểm danh đáp. Khi ai nấy đều đã trả lời: "có", viên chỉ huy trại giơ con dao lên hỏi:

- Có ai biết con dao này không?

Không ai trả lời

- Có ai trông thấy kẻ giết người không?

Im lặng tuyệt đối

- Vậy là không ai có hay biết gì hết, như thường lệ. Các người hãy lần lượt giang tay đi qua trước mặt tôi, rồi sau đó người nào đi làm việc người nấy.

- Thưa thiếu tá, bao giờ cũng chỉ có thế. Không có cách gì biết được kẻ nào là hung thủ.

- Xếp việc này lại, - viên chi huy trại nói. Giữ con dao lại, găm một tám phiếu ghi là con dao này đã được dùng đem giết Carlino.

Thế là xong. Tôi trở về khối nằm ngủ, vì suốt đêm qua tôi không chợp mắt. Trong khi dần dần thiếp đi, tôi nghĩ cái thân một thằng tù khổ sai thật chẳng ra gì Dù có bị ám sát một cách hèn hạ, người ta cũng chẳng buồn bỏ công tìm cho ra thủ phạm. Đối với

ban Quản trị, mạng một thằng tù chẳng là cái gì hết. Chẳng bằng mạng một con chó.

Tôi đã quyết định bắt đầu làm công việc đổ thùng thứ hai. Đến bốn rưỡi sáng tôi và một người nữa sẽ đi đổ các bô phóng uế của khối A tức khối của chúng tôi. Theo nội quy của trại thì phải đưa ra tận bờ biển mà đổ. Nhưng chúng tôi trả tiền cho người đánh xe trâu: hắn đợi chúng tôi ở một nơi có khe xây xi-măng dẫn xuống biển. Chúng tôi đổ bô xuống đấy, rồi anh đánh xe trâu trút xuống ba ngàn lít nước biển đựng trong một cái phùng ton-nô khổng lồ mà anh ta vừa xe từ biển lên cuốn hết các thứ xuống biển. Để thật sạch, chúng tôi dùng thêm một cái chổi cứng để lùa các thứ bẩn. Công việc chỉ trong vòng không đầy hai mươi phút là xong. Mỗi ngày chúng tôi phải trả hai mươi francs cho anh kia - một anh da đen đảo Martinique rất dễ thương. Vì đây là lần đầu, tôi phải xách một dãy bô xỏ quai vào hai thanh gỗ, cho nên mỏi cô tay lắm. Nhưng tôi sẽ chóng quen.

Người bạn mới của tôi rất sốt sắng niềm nở, thế mà Galgani nói đó là một con người cực kỳ nguy hiểm. Đâu như hắn đã phạm đến bẩy vụ giết người ở Quần đảo. Nghề làm ăn của hắn ở dây là bán cứt. Số là mấy người làm vườn đều cân phân. Anh làm vườn đào một eái hố, lót vào đấy một ít lá khô và có thể là anh da đen Martinique bí mật đưa vài xô cứt đến đổ vào đấy. Dĩ nhiên việc này không thể làm một mình, cho nên tôi buộc lòng phải giúp

anh ta. Nhưng tôi biết đây là một lỗi rất nặng, vì qua rau quá bị ô nhiễm, có thể lan truyền bệnh kiết lỵ trong các gia đình nhân viên giám thị cùng như trong các khối phạm nhân. Tôi quyết định h là một ngày nào đó, khi đã quen nhau hơn, tôi sẽ bảo anh ta đừng làm việc này nữa. Dĩ nhiên tôi sẽ đền bù cho anh ta số tiền mà anh ta sẽ mất vì thôi nghề bán phân.

Ngoài công việc này ra, anh ta còn biết khắc chạm sừng bò. Về phần đánh cá, anh ta nói với tôi là chẳng biết gì để bày vẽ cho tôi, nhưng nếu ở bến tàu, Charpar hay một người nào khác sẽ có thể giúp ích cho tôi.

Thế là tôi làm nghề đổ thùng. Xong việc, tôi tắm rửa sạch sẽ, mặc đồ sọc và ngày ngày ra bờ biển câu cá, muốn câu bao nhiêu thì câu. Tôi chỉ có một bổn phận: đúng giữa trưa phải có mặt ở trại. Nhờ Chapar, tôi không thiếu cần câu và lưỡi câu. Nhưng hôm tôi từ dưới bờ biển đi lên, tay cầm sợi dây thép xâu cá một chuỗi cá hồng, chẳng mấy khi không có những cô vợ giám thị đứng trong nhà gọi ra rối rít. Họ đều biết tên tôi:

- Bươm bướm ơi! Bán tôi hai cân cá hồng nào!

- Bà ốm à?

- Không.

- Thằng bé con bị ốm à?

- Không.

- Thế thì tôi không bán cá cho bà đâu.

Tôi câu được khá nhiều, thường đem cho các bạn ở trại. Tôi đổi tôm cá lấy bánh mì sáo, lấy rau quả hay trái cây. ở tổ tôi mỗi ngày ít ra cũng có một bữa cá. Một hôm, tôi đang đi từ biển lên, tay xách một tá tôm he lớn và bảy tám ki-lô cá hồng. Đi ngang nhà thiếu tá Barrot thì thấy một bà, người hơi đẫy, nói với tôi:

- Anh câu được nhiều quá, Papillon nhỉ. Biển động thế này có ai câu được gì đâu? ít ra đã mười lăm hôm nay tôi không được ăn cá. Thật đáng tiếc là anh không bán cá. Nhà tôi có cho tôi biết anh không chịu bán cá cho vợ các nhân viên giám thị.

- Thưa bà đúng thế. Nhưng đối với bà thì có thể khác?

- Tại sao?

- Tại bà hơi mập, ăn thịt không được tốt.

- Đúng đấy, họ nói là tôi chỉ nên ăn rau và cá luộc. Nhưng ở đây làm gì có đủ mà ăn?

- Đây, xin bà cầm lấy mớ tôm he và mấy con cá hồng này.

Đoạn tôi đưa cho bà ta cả xâu tôm he và khoảng hai cân cá hồng. Kể từ hôm ấy, cứ lần nào câu được kha khá, tôi lại đem biếu bà ta một ít, đủ để có được một chế độ ăn thích hợp với tạng người bà. Bà thừa biết rằng ở Quần đảo này thứ gì cũng phải mua bán sòng phẳng, nhưng lần nào bà cũng chỉ đáp lại món quà của tôi bằng hai tiếng "cám ơn" mà thôi. Bà làm như thế là phải, vì bà đã cám thấy rằng nếu đưa tiền, tôi sẽ phật lòng. Nhưng có nhiều lần bà lại mời tôi vào nhà. Bà tự tay róc cho tôi một ly rượu hồi

hay một cốc vang trắng. Nếu bên Corse có gửi figatelli cho bà, bà cũng cho tôi một ít. Không bao giờ bà Barrot hỏi tôi về dĩ vãng. Chỉ có một lần, nhân nói đến trại khổ sai, bà lỡ lời nói: "Quả tình, ở Quần đảo thì không vượt ngục được, nhưng ở đây khí hậu hành, còn hơn phải thối rữa ra như một con vật ở Đất liền".

Chính bà đã giảng giải cho tôi biết sự tích tên gọi Quần đảo: dạo có dịch sốt vàng ở Cayenne, các tu sĩ dòng áo trắng và các bà xơ trong một tu viện nọ đã đến đây lánh nạn, và đều đã thoát nạn. Vì thế mà Quần đảo được gọi là Quần đảo Salut (Quần đảo Cứu nạn). Nhờ cái nghề câu cá, tôi được đi khắp đảo. Tôi làm công việc đổ thùng đã được ba tháng nay, và tôi biết rõ địa thế của đảo hơn ai hết. Tôi đi quan sát các khu vườn lấy cớ là đến đổi cá lấy rau quả. Người trông khu vườn ở cạnh nghĩa địa giám thị là Matthieu Carbonieri, bạn cùng tổ với tôi. Anh ta làm việc ở đấy một mình, cho nên tôi tự nhủ là sau này chúng tôi có thể đóng bè và giấu bè trong khu vườn của anh. Còn hai tháng nửa thì ông chỉ huy trại sẽ đổi đi nơi khác. Tôi sẽ được tự do hành động.

Tôi dã tổ chức được nếp sinh hoạt của tôi: về danh nghĩa tôi là phu đổ thùng, nhưng công việc lại do anh chàng người Martinique làm thay, dĩ nhiên là có trả tiền. Tôi đã có những thao tác làm thân với hai anh em su gia Narric và Quenier, bị khổ sai chung thân. Người ta thường gọi họ là hai anh em rể Đẩy Xe. Họ

kể lại rằng hai anh em bị tố cáo là đã biến cái xác của một người đi thu tiền mà họ vừa giết chết thành một khối xi-măng rồi đem đổ cái khối ấy xuống sông. Có những nhân chứng khai là nhìn thấy hai anh em chở khối xi-măng trên một chiếc xe đẩy, đem trút xuống sông Marne hay sông Seine gì đấy. Cuộc điều tra xác định rằng người thu tiền có ghé nhà họ thu một món gì đấy rồi từ đấy không còn thấy tăm hơi đâu nửa. Hai anh em đã phủ nhận tội này từ đầu cho đến nay. Ngay ở trại tù họ cũng nói là mình vô tội. Thế nhưng, nếu người ta không bao giờ tìm được cái xác, thì người ta lại tìm thấy cái đầu của nạn nhân bọc trong một chiếc khăn mùi soa. Thế mà ở nhà hai anh em lại có những chiếc khăn mù soa dệt cùng một kiểu chính thứ sợi ấy, theo lời "các chuyên gia thẩm định". Nhưng các trạng sư và bản thân các chuyên gia ấy lại chứng minh được rằng có đến mấy ngàn thước vải như thế đã được khâu thành mùi soa. Ai cũng có thể có những chiếc mùi soa như thế. Tuy vậy, cuối cùng hai anh em vẫn bị khổ sai chung thân, và vợ của một trong hai người, em gái của người kia, bị hai mươi năm tù cấm cố.

Tôi đã làm thân được với họ. Vì làm thợ nề cho nên họ có thể ra vào công xưởng của trại. Có lẽ họ có thể tuồn dần ra cho tôi, từng ít một, những vật liệu cần thiết để đóng một cái bè. Nhưng còn phải thuyết phục họ.

Hôm qua tôi đã gặp ông bác sĩ. Lúc ấy tôi đang vác một con cá

nặng ít ra là hai mươi ki-lô, thịt rất bùi, gọi là cá mérou. Bác sĩ cùng đi với tôi lên đỉnh đồi.

Lưng chừng dốc, chúng tôi ngồi xuống nghỉ trên một bức tường thấp. Bác sĩ nói với tôi là đầu con cá này nấu canh ngon tuyệt. Tôi bèn biếu bác sĩ cái đầu cá, dính theo một mảng thịt lớn. Bác sĩ ngạc nhiên và cái cử chỉ ấy của tôi, ông nói:

- Anh chẳng thù dai, Papillon nhỉ.

- Thưa bác sĩ, tôi làm như vậy không phải và bản thân tôi. Chẳng qua tôi thấy có bổn phận phải trả ơn bác sĩ và bác sĩ đã hết lòng cứu chữa Clousiot bạn tôi.

Chúng tôi nói chuyện qua lại một lát, rồi bác sĩ nói:

- Anh muốn vượt ngục lắm phải không? Anh chẳng phải là tù khổ sai đâu. Tôi có cảm giác anh là một hạng người khác.

- Bác sĩ nói đúng đấy. Tôi không thuộc trại khổ sai, tôi chỉ ghé vào tham quan thôi.

Bác sĩ cười. Tôi tấn công luôn:

- Bác sĩ không tin rằng một con người có thể cải hóa được sao?

- Tôi tin chứ..

- Bác sĩ có thể nghĩ rằng tôi có thể làm việc hữu ích ở ngoài đời mà không gây hiểm họa gì cho xã hội và có thể trở thành một công dân lương thiện được không?

- Tôi thành thật tin như thế:

- Thế thì tại sao bác sĩ không giúp tôi đạt được điều đó?

- Bằng cách nào?
- Bằng cách cho tôi miễn giam vì bệnh ho lao. Đến đây bác sĩ đã xác nhận một điều mà tôi đã từng nghe nói.
- Làm như thế không được, và tôi khuyên anh đừng nghĩ đến cách đó. Nó quá nguy hiểm, Ban Quản trị chỉ miễn giam một phạm nhân vì bệnh sau khi hắn đã nằm ở khu điều trị dành riêng cho bệnh ấy ít nhất là một năm.
- Để làm gì?
- Cái này nói ra cũng xấu hổ, nhưng tôi nghĩ rằng họ làm như thế là để phạm nhân biết, nếu hắn giả vờ bệnh, rằng hắn rất có khả năng bị nhiễm vì sống chung với các bệnh nhân thật, và để hắn nhiễm bệnh thật sự. Cho nên tôi không thể giúp anh được.
Kể từ ngày ấy, chúng tôi trở thành đôi bạn... Cho đến ngày ông ta suýt làm cho Carbonieri bạn tôi mất mạng.
Số là Carbonieri, với sự thỏa thuận của tôi, đã nhận làm đầu bếp kiêm giữ kho cho nhà ăn các giám thị trưởng. Nhận việc này là để nghiên cứu xem có thể lấy trộm ba cái thùng ton-nô trước đó đựng rượu vang, đựng dầu và đựng dấm, tìm cách buộc nó lại với nhau làm thành một thứ bè để ra biển không. Dĩ nhiên là khi nào thiếu tá Barrot đã đi khỏi. Việc này rất khó, vì cùng một đêm phải lấy trộm cả ba cái thùng, đưa ra bờ biển đừng để ai trông thấy hoặc nghe thấy, rồi dùng dây cáp buộc lại. Phải vào một đêm giông bão, mưa to gió lớn may ra mới có thể làm được.

Nhưng nếu mưa to gió lớn thì việc khó nhất sẽ là đưa cái bè này xuống nước, vì tất nhiên sóng sẽ đánh vào bờ đá hết sức dữ dội.
Vậy Carbonieri là đầu bếp. Viên quản lý bếp đã đưa cho anh ta ba con thỏ để chuẩn bị cho bữa ăn hôm sau, vào ngày chủ nhật. Carbonieri lột da thỏ ra (điều này thật là may), đem một con gửi cho thằng em ở bến tàu còn hai con gửi cho chúng tôi. Rồi anh ta thịt ba con mèo to nấu một nồi xi-vê ngon không thể tả.
Chẳng may cho Carbonieri, hôm sau bác sĩ được mời dự bữa ăn. Trong khi nhấm nháp món xi-vê thỏ, ông ta nói với viên quản lý:
- Ông Filidori ạ, xin có lời khen ngợi thực đơn của ông: món thịt mèo này ngon tuyệt.
- Xin bác sĩ đừng xỏ tôi, chúng ta đang ăn ba chú thỏ tuyệt vời.
- Không đâu, - ông bác sĩ khăng khăng nói quả quyết- Đây là thịt mèo. Ông có nhìn thấy mấy miếng xương sườn tôi đang ăn đây không? Xương sườn này dẹp, mà sườn thỏ thì tròn. Vậy không thể có sự nhầm lẫn gì được: chúng ta đang ăn thịt mèo.
- Lạy Chúa, Cristacho!- viên quản lý người Corse nói. - Trong bụng tôi có một con mèo rồi.
Thế là hắn chạy bổ xuống bếp dí súng lục vào mặt Matthieu nói:
- Mày có là dân sùng mộ Napoléon như tao cũng mặc, tao sẽ giết mày chết ngay bây giờ về tội đã cho tao ăn thịt mèo.
Mắt hắn trợn lên như mắt người điên. Carbonieri không hiểu nổi làm sao hắn biết được, nhưng vẫn nói:

- Nếu ông gọi mấy cái con gì mà ông đưa cho tôi là mèo, thì tôi cũng đến chịu: đó chúng phải là lỗi của tôi.
- Tao đưa cho mày ba con thỏ kia mà!
- Ông đưa gì tôi nấu nấy. Ông cứ nhìn mà xem: da với đầu còn kia kìa.
Lão cớm nhìn ba bộ da và ba cái đầu thỏ, chẳng còn biết nói sao.
- Thế ông bác sĩ chỉ nói mò à?
- Té ra ông bác sĩ nói thế sao? - Carbonieri vừa thở hắt ra vừa hỏi. - Ông ấy trêu ông đấy. Ông phải nói cho bác sĩ biết là không nên đùa cái kiểu như vậy.
Nguôi giận, yên lòng, Filidori trở vào phòng ăn, nói với bác sĩ:
- Ông cứ tha hồ nói đi, muốn nói gì thì cứ nói ông bác sĩ ạ. Men rượu bắt đầu bốc lên rồi đấy. Mấy cái xương sườn của ông nó bẹp hay nó tròn mặc nó, chứ tôi thì tôi biết chắc mười mươi đây là thịt thỏ. Tôi vừa nhìn thấy ba bộ lông và ba cái đầu của nó còn sờ sờ ra đấy.
Thật hú vía cho Matthieu, nhưng mấy hôm sau anh ta thấy nên xin từ chức đầu bếp thì tốt hơn.
Ngày tôi có thể sắp sửa hành động đã đến gần.
Chỉ còn mấy tuần nữa là Barrot ra đi. Hôm qua tôi vừa ghé thăm bà vợ béo tốt của ông ta (nhân thể cũng xin nói rằng nhờ chế độ ăn cá luộc với rau tươi, bà ta đã gầy bớt đi nhiều). Ngời đàn bà tốt bụng này đã mời tôi vào nhà để tặng tôi một chai rượu canh-

ki-na. Trong phòng khách tôi nhìn thấy mấy cái rương đi tày thủy đang được xếp đồ đạc vào. Họ đang chuẩn bị cho chuyến ra đi. Bà thiếu tá, như mọi người vẫn quen gọi bà ta, nói với tôi:

- Papillon ạ, tôi không biết lấy gì để cảm ơn anh đã quan tâm đến tôi mấy tháng gần đây. Tôi biết những hôm biển động cá hiếm anh đã cho tôi tất cả những gì anh câu được. Tôi cảm ơn anh nhiều lắm. Nhờ anh bây giờ tôi thấy trong người dễ chịu lắm. Tôi đã bớt được mười bốn ki-lô. Tôi có thể làm gì để tỏ lòng biết ơn anh đây?

- Thưa bà, một việc rất khó đối với bà: kiếm cho tôi một cái la bàn tốt. Chính xác, nhưng đừng to quá.

- Cái này vừa không đáng là bao, lại vừa là việc lớn đấy, Papillon ạ, mà chỉ trong vòng ba tuần phải kiếm cho ra thì hơi khó cho tôi đấy.

Tám ngày trước khi ra đi, người đàn bà cao thượng này, bực mình vì mãi không kiếm đâu ra được một cái la bàn; đã dám lên tàu thủy đi Cayenne. Bốn hôm sau, bà trở về với một cái la bàn chống nhiễm từ tuyệt hảo.

Sáng nay, hai ông bà chỉ huy trại lên đường. Hôm trước ông đã trao quyền chỉ huy cho một sĩ quan cảnh binh cùng cấp với ông, một người quê ở Tunisie tên là Prouillet. Một tin mừng: viên chỉ huy mới đã quyết định cho Dega giữ nguyên chức kế toán trưởng. Điều này rất quan trọng đối với mọi người, nhất là đối

với tôi. Trong bài diễn văn đọc trước đám phạm nhân tập hợp thành đội ngũ hình vuông trong khoảng sân lớn, viên chỉ huy mới làm cho mọi người cảm thấy đây là một con người rất cương nghị, nhưng thông minh. Ngoài những chuyện khác ra, ông ta có nói với chúng tôi:

- Kể từ hôm nay, tôi đảm nhiệm quyền chỉ huy Quần đảo Salut. Nhận thấy có phương pháp cai quản của người đi trước tôi đã đem lại những kết quả tích cực, tôi không thấy có lý do gì để thay đổi chế độ hiện hành. Nếu các người không làm điều gì buộc tôi phải có biện pháp khác, tôi sẽ không thay đổi gì trong nếp sống của các người.

Tôi nhìn hai ông bà chỉ huy cũ ra đi mà lòng mừng khấp khởi. Điều đó cũng rất dễ hiểu, tuy thời gian chờ đợi đã trôi qua một cách nhanh chóng lạ lùng. Cuộc sống tưởng chừng như tự do mà hầu hết các phạm nhân trên đảo được hưởng, những ván bài, những buổi đi câu những cuộc chuyện trò, những người bạn mới, những cuộc cãi vã những trận đánh nhau làm thành những phương tiện giải trí rất hữu hiệu, khiến người ta không còn thì giờ để mà buồn chán nữa.

Tuy thế, tôi đã không để cho cái không khí này lôi cuốn tôi thực sự. Mỗi lần tôi kết thân với một bạn mới, bao giờ đồng thời tôi cũng tự đặt ra câu hói: “Anh này liệu có ý định vượt ngục không? Nếu không, anh ta có đủ lòng tốt để giúp người khoẻ

chuẩn bị một chuyến vượt ngục không?”
Tôi chỉ vì cái mục đích ấy mà sống: vượt ngục, vượt ngục cho bằng được, dù đi một mình hay cùng đi với bạn cũng thế thôi. Đó là một ý nghĩ thường xuyên ám ánh tôi, tuy tôi theo đúng lời như Jean Castelli đã khuyên tôi, không nói hở ra với ai hết, nhưng ý nghĩ ấy không giây phút nào rời khỏi tâm trí tôi. Và tôi sẽ vững lòng thực hiện lý tưởng của tôi: vượt ngục.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

VII .Quần đảo Salut

Chiếc bè trong ngôi mộ

Trong vòng năm tháng, tôi đã dần dần am hiểu tường tận từng góc ngách của Quần đảo. Kết luận hiện giờ của tôi là khu vườn ở cạnh nghĩa địa mà Carbonieri bạn tôi làm việc trước đây - bây giờ anh không ở đó nữa - là nơi chắc chắn nhất để đóng bè. Cho nên tôi yêu cầu Carbonieri trở lại khu vườn ấy, không xin thêm người phụ việc. Anh ta bằng lòng. Nhờ có Dega xin cho, Carbonieri được trở về khu vườn cũ.

Sáng hôm nay, khi đi qua nhà viên chỉ huy trại mới đổi đến, tay cầm một xâu lớn cá hồng, tôi nghe thấy anh tù trẻ làm gia đinh cho nhà này nói với một thiếu phụ:

- Thưa bà chỉ huy, anh này chính là người trước đây vẫn hàng ngày đem cá về cho bà Barrot đấy ạ.

Rồi tôi nghe người kia, một thiếu phụ tóc đen xinh đẹp, kiểu đàn bà Algérie, nước da màu đồng đỏ, nói với anh ta: "Thế ra anh là Papillon à". Đoạn quay ra phía tôi, người thiếu phụ nói:

- Tôi đã được ăn mấy con tôm he rất ngon của anh câu do bà Barrot biếu tôi. Anh vào nhà đi. Anh phải uống ly rượu vang nhắm với ít pho-mát sữa dê tôi vừa nhận được từ bên Pháp gửi sang.

- Cám ơn bà, thôi ạ, tôi không vào đâu.

- Sao thế? Anh vẫn vào với bà Barrot đấy thôi, sao anh lại không vào với tôi?

- Vì chính ông Barrot cho phép tôi vào nhà ông ấy.

- Papillon ạ, chồng tôi chỉ huy trại, còn tôi, tôi chỉ huy ở nhà... Anh cứ vào đi, đừng sợ.

Tôi cảm thấy cô thiếu phụ xinh đẹp này đã muốn gì là làm cho bằng được: một người như thế có thể rất hữu ích hoặc rất nguy hiểm.

Trong phòng ăn, bà chỉ huy mới dọn ra bàn cho tôi một đĩa giăm-bông hun khói và một lát pho-mát. Không chút kiểu cách,

bà ta xuề xòa ngồi xuống trước mặt tôi, rót rượu vang cho tôi, rồi sau đó lại rót cà- phê, và cuối cùng là một ly rượu rhum Jamaique rất ngon. Bà nói:

- Papillon ạ, mặc dầu lúi búi vì phải sửa soạn ra đi và phải đón tiếp chúng tôi khi mới về, bà Barrot đã có đủ thì giờ để cho tôi biết được ít nhiều về anh. Tôi biết rằng bà ấy là người phụ nữ duy nhất trên Quần đảo được anh đem cá về cho. Tôi hy vọng rằng tôi sẽ được kế chân bà ấy hưởng cái ân huệ này của anh.

- Vì là bà ấy ốm, còn bà thì tôi thấy hình như rất khỏe mạnh.

- Tôi không biết nói dối, Papillon ạ. Đúng, tôi khỏe mạnh, nhưng tôi vốn sinh trưởng ở hải cảng cho nên chỉ thích ăn cá thôi. Tôi là người Oran. Chỉ một điều làm cho tôi thấy khó xử: tôi cũng được biết là anh không bao giờ bán cá lấy tiền. Cái này thì phiền quá. Nói qua nói lại một lúc, cuối cùng rồi cũng đi đến chỗ thỏa thuận là tôi sẽ đem cá đến cho bà.

Một hôm tôi đem đến ba ki-lô cá hồng và sáu con tôm he, đang ngồi hút thuốc thì ông chỉ huy về. Trông thấy tôi, ông nói:

- Juliette à, anh đã bảo với em là ngoài chú gia đinh ra không được cho một phạm nhân nào vào nhà kia mà.

Tôi vội đứng dậy, nhưng bà Juliette nói:

- Anh cứ ngồi yên. Phạm nhân này là người mà bà Barrot đã gửi gắm cho em trước khi ra đi. Vậy thì anh đừng có ý kiến gì cả. Ngoài anh này ra sẽ không có phạm nhân nào vào đây hết. Mặt

khác, anh ta sẽ đưa cá cho em khi nào em cần.
- Thế thì được, - ông chỉ huy nói. - Anh tên gì? Tôi toan đứng dậy trả lời thì Juliette đặt bàn tay lên vai tôi bắt tôi ngồi xuống, nói:
- Đây là nhà của tôi. ở đây ông chỉ huy không còn là ông chỉ huy nữa, mà là chồng tôi, ông Prouillet.
- Cám ơn bà. Tên tôi là Papillon.
à! Tôi có nghe nói về anh và về cuộc vượt ngục của anh cách đây hơn ba năm từ bệnh viện Saint- Laurent-du-Maroni. Vả lại một trong hai viên giám thị bị anh đánh ngất trong khi vượt ngục lại chính là cháu tôi và là cháu nhà tôi - người đang bảo hộ cho anh.
Đến đây, Juliette cười phá lên, tiếng cười trẻ trung và tươi mát.
- Thế ra anh là kẻ đã phang vào đầu Gaston à? Không sao, việc này sẽ không làm thay đổi tình hình đâu
Ông chỉ huy vẫn chưa ngồi xuống, nói:
- Cái số án mạng xảy ra hàng năm trên Quần đảo thật khó tin nổi: nhiều hơn ở Đất liền nhiều. Anh có hiểu tại sao không Papillon?
- Thưa ông, vì ở đây anh em không vượt ngục được thành ra bẳn tính. Họ sống mãi với nhau hết năm này sang năm khác, cho nên lẽ tự nhiên là phải hình thành những tình bạn và những mối thù không có gì tiêu hủy được. Mặt khác, chỉ có không đầy năm phần trăm số thủ phạm bị phát hiện, cho nên kẻ giết người có thể tin gần chắc là mình sẽ không bị trừng phạt.

- Cách giải thích của anh rất lô-gích. Anh câu cá từ bao lâu rồi, và anh nhận loại lao công gì để có quyền đi câu như vậy?
- Tôi đổ thùng. Đến sáu giờ sáng tôi đã xong việc, sau đó tôi được đi câu.
- Suốt thời gian còn lại trong ngày à? - Juliette hỏi.
- Không, đến mười hai giờ trưa tôi phải về trại, ba giờ mới được ra cho đến sáu giờ chiều. Như thế rất phiền, vì tùy theo giờ thuỷ triều lên xuống, tôi có thể mất buổi câu.
- Anh cho Papillon một tờ giấy phép riêng, nghe anh? - Juliette quay về phía chồng nói. - Từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều, như thế anh ta sẽ tha hồ câu cá.
- Xong ngay, - ông chủ huy nói.
Tôi ra về, trong bụng mừng thầm, vì ba cái tiếng đồng hồ từ mười hai đến ba giờ chiều rất quý giá. Đó là giờ ngủ trưa, bọn giám thị đều ngủ, cho nên việc canh phòng có chiều lỏng lẻo. Juliette đã chiếm lĩnh hoàn toàn cả việc đi câu của tôi lẫn bản thân tôi. Đến mức bà ta còn sai anh gia đinh đi xem thử tôi đang câu ở đâu để lấy cá về. Có những hôm anh ta đến, nói: "Bà chỉ huy bảo anh câu được gì đem hết về cho bà, vì hôm nay bà có khách, muốn làm món xúp tôm cá", hoặc đại loại như vậy. Nói tóm lại, bà ta quản lý hết thu hoạch của tôi, thậm chí còn dặn tôi câu cá này, cá nọ, hay phải lặn xuống biển bắt tôm càng. Điều đó có phương hại khá nhiều đối với thực đơn của tổ tôi, nhưng mặt

khác, tôi được che chở hơn hết thảy mọi người. Bà ta còn có những kiểu quan tâm đặc biệt.

- Papillon, thủy triều lên lúc một giờ phải không?

- Thưa bà vâng.

- Thế thì trưa anh về đây ăn cơm nhé, khỏi về trại.

Thế là tôi ăn trưa ở nhà bà, hôm nào cũng ăn ở phòng ăn chứ không bao giờ ăn dưới bếp. Bà ngồi đối diện với tôi, lấy thức ăn bỏ vào đĩa cho tôi và rót rượu cho tôi. Bà không được kín đáo tế nhị như bà Barrot. Nhiều lần bà hỏi dò tôi về dĩ vãng. Tôi luôn luôn phải tránh cái đề tài mà bà quan tâm hơn cả - cuộc sống của tôi ở Montmartre, chỉ kể thời thiếu niên và thơ ấu của mình. Trong khi đó ông chỉ huy nghỉ trưa trong phòng ngủ.

Một buổi sáng câu được nhiều tôm, tôi về sớm, cầm hơn sáu chục con tôm càng ghé nhà bà. Bà mặc áo choàng tắm màu trắng, sau lưng có một cô đang cuốn tóc cho bà. Tôi chào, rồi biếu bà một tá tôm. Bà nói ngay:

- Không, anh cho tôi tất cơ. Có mấy con?

- Sáu chục ạ.

- Hay quá, anh để cả đấy cho tôi. Anh và các bạn anh cần bao nhiêu cá?

- Tám con ạ.

- Thế thì anh giữ lấy tám con, còn bao nhiêu đưa cho cậu bé đem thả vào nước mát đi.

Tôi chẳng còn biết nói sao. Xưa nay chưa bao giờ bà dùng đại từ "tu" nói với tôi, nhất là trước mặt một người đàn bà khác, vì người này thế nào cũng đi nói lại. Tôi ngượng quá, toan ra về, thì bà lại nói:

Ngồi yên đấy, uống tí rượu hồi đã. Chắc anh nóng lắm nhỉ?

Người đàn bà quyền uy này làm cho tôi bàng hoàng đến nỗi tôi ngồi đực ra. Tôi vừa chậm rãi nhắp rượu hồi vừa hút thuốc lá, chốc chốc lại liếc mắt về phía tôi. Bà chỉ huy nhìn vào cái gương đang cầm ở tay, biết ngay cô kia nhìn trộm tôi, liền nói "Bồ tôi đẹp trai đây chứ, Simone nhỉ? Các cô cô nào cũng ghen với tôi, đúng không nào?" Thế là cả hai cười khúc khích. Tôi không còn biết độn thổ đi đường nào. Thế rồi tôi nói một cách ngu xuẩn: "Cũng may là thằng bồ của bà, như bà nói, không nguy hiểm lắm, vì trong tình cảnh của hắn, hắn không thể phải lòng ai để mà có bồ được".

- Thôi đi, chẳng lẽ anh dám nói anh không phải lòng tôi? - cô nàng Algérie nói - Chưa có ai thuần phục được con sư tử như anh, thế mà tôi muốn gì anh làm tất. Phải có lý do chứ Simone nhỉ?

Tôi không biết là lý do gì, - Simone nói, - nhưng có một điều chắc chắn là đối với mọi người anh là một người hoang dã, chỉ riêng đối với bà chỉ huy là không thôi, Papillon ạ. Đến nỗi, có hôm anh vác dễ đến hơn mười lăm ki-lô cá, thế mà bà vợ ông

giám thị trưởng van nài anh bán cho hai con thôi anh cũng không chịu, bà ấy nói thế, hôm ấy bà ấy thèm đến chết được, vì lò không có thịt.

- Chà Simone? Thế mà đến bây giờ cô mới kể cho tôi nghe.

- Thế chị cô biết hôm nọ anh ta nói cái gì với bà Kargueret không? Bà ta trông thấy anh cầm một mớ tôm và một con cá ngừ lớn: "Anh bán tôi con cá đi Papillon, hay nửa con cũng được. Anh cũng biết là dân Bretagne chúng tôi làm cá ngừ rất ngon mà?".

Papillon nói: "Đâu phải chỉ có người Bretagne mới biết giá trị của nó? Rất nhiều người, kể cả dân Ardèche chúng tôi, mãi từ thời quân La-mã sang đã biết đây là món thượng đẳng". Thế là anh ta đi thẳng chăng bán gì cho bà ta cả.

Hai người đàn bà cười ngặt nghẽo.

Tôi ra về, trong lòng rất cáu, và đến tối tôi kể cho tổ nghe hết câu chuyện.

- Việc này rất nghiêm trọng, - Carbonieri nói. - Mụ ấy đưa cậu vào một tình thế rất nguy. Cậu nên đến đấy càng ít càng tốt, và chỉ khi nào cậu biết là có ông chỉ huy ở nhà.

Cả tổ đều tán thành ý ấy. Tôi nhất định phải làm theo ý Carbonieri.

Tôi vừa phát hiện ra được một anh thợ mộc người Valence. Nơi đó gần như là một quê hương của tôi, anh này đã giết một người

kiểm lâm. Đó là một tay rất máu mê cờ bạc, lúc nào cũng nợ đìa ra: ban ngày hì hục làm đồ thủ công kiếm được bao nhiêu thì đến đêm nướng vào sòng bạc hết. Đã nhiều lần anh ta phải lấy đồ thủ công gán nợ. Thế là bị người ta bắt bí, một cái hộp gỗ quý trị giá ba trăm francs mà người ta chỉ trừ cho có trăm rưởi hay hai trăm bạc nợ. Tôi đã quyết định tấn công anh này.

Một hôm gặp ở chỗ giặt áo quần, tôi nói với anh ta:

- Đêm nay tôi có chuyện muốn nói với anh. Tôi đợi anh ở nhà xí. Tôi sẽ ra hiệu.

Đêm ấy chúng tôi gặp riêng nhau, có thể nói chuyện không sợ ai quấy rầy. Tôi nói:

- Bourset này, chúng mình là đồng hương đấy cậu ạ.

- Đâu có! Đồng hương thế nào?

- Cậu không phải quê ở Valence sao?

- Đúng thế chứ.

- Tôi thì quê ở Ardèche, như vậy chúng mình là đồng hương.

- Thế rồi sao nữa? Có gì quan trọng đâu?

- Có cái quan trọng là tôi không muốn cậu bị người ta bóc lột khi cậu mắc nợ, tôi không chịu được khi thấy họ tính giá những đồ của cậu làm không được một nửa giá trị thật. Lần sau cậu đưa cho tôi, tôi sẽ trả cậu đúng giá. Có thế thôi.

- Cám ơn cậu, - Bourset nói.

Tôi luôn luôn can thiệp để giúp đỡ Bourset. Cậu ta thì luôn luôn

cãi cọ với những tay cậu mắc nợ. Mọi sự đều yên ổn cho đến hôm cậu ta có chuyện nợ nần với Vicioli một tay kẻ cướp rừng ở đảo Corse, một trong những bạn tốt của tôi. Tôi biết chuyện là do Bourset đến mách với tôi rằng Vicioli đang dọa nạt cậu ta nếu cậu ta không trả số tiền bảy trăm francs đang mắc nợ. Bourset lại cho tôi biết là đang sắp sửa làm xong một cái bàn giấy nhỏ có ngăn bí mật, nhưng không dám chắc bao giờ xong hẳn, vì phải làm lén. Số là phạm nhân không được phép làm những thứ đồ quá lớn vì như vậy tốn nhiều gỗ. Tôi trả lời là để tôi xem có cách nào giúp cậu ta được không. Rồi với sự thỏa thuận của Vicioli tôi dựng lên một màn kịch nhỏ: Vicioli phải thúc giục Bourset gắt vào, thậm chí dọa dẫm thật dữ. Tôi sẽ xông vào can thiệp như một vị cứu tinh.

Mọi việc đều diễn ra đúng như đã dàn dựng. Từ ngày ấy, cậu Bourset nhất nhất đều nghe tôi và tin tôi một cách tuyệt đối. Lần đầu tiên trong cuộc đời phạm nhân, cậu ta mới được yên thân. Bây giờ tôi mới quyết định thử thách số phận. Một hôm tôi nói với Bourset:

- Tôi có hai ngàn francs biếu cậu nếu cậu làm cho tôi một cái bè chở được hai người, gồm từng mảng rời có thể lắp nhanh được.

- Papillon ạ, tôi không đời nào chịu nhận làm một việc như thế cho bất kỳ ai, nhưng riêng với cậu, tôi sẵn sàng liều chịu hai năm cấm cố nếu bị lộ. Chỉ có điều là tôi không thể đưa những súc gỗ

hơi lớn ra khỏi công xưởng được.

- Tôi đã có người.

- Ai?

- Hai anh em Đẩy xe, Naric và Quenier. Cậu định sao?

- Trước hết phải vẽ một đồ án đúng tỷ lệ, rồi làm từng bộ phận một, có khớp để lắp vào nhau thật chắc. Cái khó là tìm cho ra thứ gổ nổi thật nhẹ, vì gỗ ở đảo đều là loại gỗ cứng thả xuống nước không nổi được.

- Bao giờ cậu sẽ trả lời cho tôi biết?

- Ba hôm nữa.

- Cậu có muốn đi với tôi không?

- Không.

- Tại sao?

- Tại tôi sợ cá mập và sợ chết đuối.

- Cậu hứa là sẽ giúp tôi hết mình chứ?

- Tôi lấy mấy đứa con tôi ra mà thề với anh như vậy. Chỉ có điều là phải làm lâu đấy.

- Cậu nghe kỹ đây: ngay từ bây giờ tôi sẽ chuẩn bị bằng chứng bênh vực cho cậu phòng khi bị lộ. Tôi sẽ tự tay chép lại đồ án đóng bè trên giấy học sinh. Phía dưới tôi sẽ viết: "Bourset, nếu mày không muốn bị ám sát, mày phải đóng chiếc bè vẽ trên đây" sau đó tôi sẽ viết cho cậu những mảnh giấy dặn dò cách đóng từng bộ phận. Cứ xong được bộ phận nào, cậu sẽ đem ở nơi tôi

sẽ dặn. Nó sẽ được đưa đi giấu ngay. Cậu đừng tìm cách biết ai đến lấy và lấy vào lúc nào (ý này làm cho cậu ta thấy nhẹ bớt) như vậy tránh cho cậu khỏi bị tra tấn nếu bị bắt và dù có sao cậu cũng chỉ phải chịu hình phạt nhẹ nhất: chừng sáu tháng cấm cố thôi.

- Thế nếu chính cậu bị bắt thì sao?

- Nếu thế thì sẽ ngược lại. Tôi sẽ nhận tôi đã viết mấy mảnh giấy. Dĩ nhiên cậu phải giữ những mảnh giấy ấy. Nhất trí chưa?

- Tôi hứa như vậy.

Cậu không sợ chứ?

- Không, bây giờ tôi không sợ nữa. Tôi thấy vui được giúp cậu.. Tôi chưa nói gì với ai hết. Tôi còn phải chờ Bourset trả lời về chuyện gỗ. Mãi đến một tuần sau, một tuần dài dằng dặc tưởng không bao giờ hết, tôi mới có dịp nói chuyện riêng với Bourset ở thư viện. Ngoài hai chúng tôi ra không có ai ở đấy. Đó là vào buổi sáng chủ nhật. ở ngoài sân đang có đám bạc lớn, gần tám mươi người đánh và ngần ấy người đứng xem.

Lập tức Bourset làm cho tôi thấy ấm lòng:

- Cái khó nhất là làm sao chắc có được đủ gỗ nhẹ và khô. Tôi đã nghĩ được cách làm một cái khung bằng gỗ nẹp chặt dừa khô, còn nguyên cả thớ vỏ, cố nhiên. Không có gì nhẹ bằng thớ vỏ dừa, mà nước lại không thấm vào được. Khi bè đóng xong, chính anh phải lo kiếm cho đủ dừa để nhét vào khung. Vậy thì mai tôi

làm mảng đầu tiên. Mất độ ba ngày. Từ thứ năm có cho một trong hai anh em Đẩy xe đến lấy. Tôi sẽ không bao giờ bắt đầu làm thêm một mảng trước ra khỏi xưởng. Tôi đã vẽ đồ án rồi đây, cậu chép lại đi rồi viết thêm mảnh giấy như cậu đã hẹn. Cậu đã nói chuyện với anh em nhà ấy chưa?

- Chưa, tôi còn chờ cậu trả lời đã chứ.

- Thế thì tôi trả lời rồi đấy: được.

- Cám ơn Bourset, tôi không biết lấy gì cảm ơn cậu Thôi, năm trăm francs đây, cậu cầm lấy.

Bourset nhìn thẳng vào mắt tôi nói:

- Không, cậu giữ lấy tiền. Đến đất liền cậu sẽ cần đến để vượt tiếp. Từ hôm nay tôi sẽ không đánh bạc cho đến khi nào cậu ra đi. Làm một ít đồ thủ công, tôi sẽ có đủ tiền mua thuốc lá và bít-tết.

- Tại sao cậu không chịu cầm?

- Vì việc này dù có trả một vạn francs tôi cũng không làm đâu. Việc quá nguy hiểm cho tôi, dù đã có đề phòng bất trắc. Chỉ có làm không công mới làm được. Cậu đã cứu tôi, cậu là người duy nhất đã dang tay ra giúp đỡ tôi. Tôi có sợ thật, nhưng tôi rất sung sướng được giúp cậu trở lại cuộc sống tự do.

Trong khi ngồi chép lại đồ án, tôi thấy hổ thẹn trước sự cao thượng lớn lao mà ngây thơ của Bourset. Cậu ta không chút hồ nghi rằng những cử chỉ tốt đẹp của tôi đối với cậu là có tính toán

vụ lợi. Để khỏi khinh rẻ bản thân, tôi buộc lòng phải tự nhủ rằng tôi phải vượt ngục bằng bất cứ giá nào, dù cái giá đó là tính thế éo le và không phải bao giờ cũng tốt đẹp. Đêm hôm ấy tôi nói chuyện với Naric, biệt hiệu Xúp Nhừ, để sau đó cậu ta nói lại với ông em rể. Naric nói, không chút phân vân:

- Cậu cứ để tôi lo việc đưa các mảng bè ra khỏi công xưởng. Chỉ có điều là cậu đừng sốt ruột, vì chỉ khi nào có dịp đưa vật liệu cồng kềnh ra khỏi xưởng để làm công trình xây cất trên đảo mới nhân thể đưa luôn đồ của cậu ra. Dù sao tôi cũng hứa với cậu là sẽ không bao giờ để lỡ một dịp nào.

Thế là ổn rồi. Chỉ còn phải nói chuyện với Matthieu Carbonieri, vì tôi muốn cùng vượt ngục với chính anh ta. Anh ta đồng ý trăm phần trăm.

- Matthieu à, tôi đã tìm được người làm bè, đã tìm được người đưa từng mảng bè ra khỏi công xưởng. Phần cậu là tìm xem trong khu vườn có chỗ nào giấu được bè không.

- Không được đâu. Đây là vườn rau, nguy hiểm lắm, vì ban đêm có những thằng gác mò vào ăn trộm rau quả. Nếu chúng nó đi đúng vào chỗ giấu, cảm thấy dưới đất rỗng thì hỏng hết. Tôi sẽ làm một cái hốc trong bức tường bằng cách lấy ra một phiến đá lớn rồi khoét sâu vào trong. Mỗi khi nhận một mảng bè, tôi sẽ giở hòn đá ra, giấu vào hốc rồi đặt lại hòn đá như cũ

- Đưa thẳng các mảng đến vườn cậu được không?

- Không được. Làm như vậy quá nguy hiểm. Hai anh em Đẩy Xe không có lý do gì vào vườn của tôi. Tốt hơn cả là thu xếp cho họ mỗi lần đem đến một nơi khác không quá xa vườn của tôi.
- Nhất trí.

Mọi việc đều có vẻ ổn. Còn mấy quả dừa khô. Tôi nghĩ xem có cách nào chuẩn bị một số dừa đủ dùng mà không lộ liễu quá.

Tôi cảm thấy mình đang sống lại. Chỉ còn một việc là nói chuyện với Galgani và Grandet. Tôi không có quyền giấu họ, vì họ có thể bị buộc tội là đồng lõa với tôi. Bình thường ra, tôi phải chính thức ra khỏi tổ của họ để sống một mình. Khi tôi nói cho họ biết là tôi đang chuẩn bị một cuộc vượt ngục cho nên phải tách ra khỏi tổ, họ mắng cho tôi một trận và dứt khoát không chịu. "Cậu hãy lên đường càng sớm càng tốt. Còn chúng tớ thì khỏi lo, sẽ có cách. Trong khi chờ đợi cậu cứ ở với chúng tớ, chúng tớ có còn non dại gì đâu".

Cuộc chuẩn bị đã tiến hành được hơn một tháng. Tôi đã nhận được bảy mảng bè, trong đó có hai mảng lớn. Tôi đã đến xem bức tường của Matthieu có khoét hốc để giấu bè. Không thể nhận thấy phiến đá đã bị tháo ra, vì cậu ta đã cẩn thận lấy rêu trát vào các khe hở.

Chỗ giấu thật hoàn hảo, nhưng tôi thấy cái hốc hơi chật chưa chắc chứa hết được tất cả. Tuy vậy, cứ như hiện nay thì vẫn còn đủ chỗ.

Cái ý thức là mình đang chuẩn bị vượt ngục khích lệ tinh thần tôi dữ dội. Tôi chưa bao giờ ăn nhiều và ngon miệng như thế, và chế độ ăn cá giữ cho cơ thể tôi hoàn hảo. Thêm vào đấy, mỗi buổi sáng tôi tập thể dục hai tiếng đồng hồ trên các mỏm đá. Tôi tập chân nhiều hơn, và khi câu cá tay đã hoạt động nhiều. Tôi nghĩ ra cách tập chân như sau: Tôi đi ra biển xa hơn khi tôi đứng câu, để cho sóng xô vào đùi. Để đón sóng và giữ thăng bằng, tôi gồng các cơ bắp chân và đùi. Kết quả rất tốt.

Juliette, tức bà chỉ huy, vẫn rất niềm nở đối với tôi. Nhưng bà đã để ý thấy rằng chỉ khi nào có chồng bà ở nhà tôi mới vào. Bà đã nói thẳng với tôi là bà nhận thấy thế, và để cho tôi khỏi ngượng ngập, bà phân trần với tôi rằng cái hôm có cô Simone đến quấn tóc cho bà là bà nói đùa cho vui thôi. Tuy vậy, cô Simone vẫn hay ra đứng trên con đường tôi đi câu về, và mỗi lần gặp tôi cô đều có đôi lời thăm hỏi thân ái về sức khỏe và tinh thần của tôi. Vậy là mọi sự đều tốt lành. Bourset tận dụng mọi cơ hội để làm bè cho tôi. Công việc bắt đầu thế là đã được hai tháng rưỡi.

Chỗ giữ bè đã chật ních, như tôi đã dự kiến trước đây. Chỉ còn thiếu hai mảng dài nhất, một mảng dài hai mét, mảng kia dài mét rưỡi. Hai mảng này không lọt được vào hốc.

Nhìn về phía nghĩa trang, tôi trông thấy một ngôi mộ mới. Đó là mộ của vợ một cảnh binh, mới chết tuần trước. Trên mộ có đặt một bó hoa héo tồi tàn. Người giữ nghĩa trang là một phạm nhân

già mù lòa có biệt hiệu là Bố già. Suốt ngày ông già ngồi dưới bóng một cây dừa mọc ở góc đối diện của nghĩa trang; ngồi đấy ông ta không thể nhìn thấy ngôi mộ ấy, mà nếu có ai đến gần ngôi mộ ông ta cũng không nhìn thấy được.

Tôi nảy ra cái ý dùng ngôi mộ này để lắp bè và nhét thật nhiều dừa vào cái thứ khung gỗ mà anh thợ mộc đã đóng. Hết khoảng ba mươi đến ba mươi bốn quả: so với số dừa đã dự kiến thì ít hơn nhiều. Tôi đã kiếm được hơn năm mươi quả, đặt rải rác ở nhiều nơi, mỗi nơi một ít. Chỉ riêng trong sân nhà Juliette đã được một tá rồi. Anh tù gia đình tưởng tôi gửi tạm đấy để sau này ép dầu.

Được tin viên cảnh binh chồng người đàn bà mới chết có việc phải đi lên đất liền, tôi quyết định bới lên một phần đất bỏ ra khỏi huyệt, đến chỗ đặt quan tài mới thôi.

Matthieu Carhonieri ngồi trên bức tường của anh ta, gác cho tôi đào. Dầu anh ta đội một chiếc khăn mùi soa trắng bốn góc thắt nút lại. Bên cạnh có một chiếc khăn đỏ, cũng thắt nút ở bốn góc. Không có gì thì cứ đội khăn trắng. Thấy ai đến thì đội khăn đỏ lên, dù là ai cũng thế.

Công việc này cực kỳ nguy hiểm. Cũng may là chỉ mất một buổi chiều và một đêm. Tôi không phải đào đến tận quan tài, vì tôi phải khoét rộng cái huyệt ra cho vừa chiều rộng của chiếc bè: một mét hai có dôi ra một ít. Tôi có cảm giác thời gian trôi qua

chậm quá, và cái khăn đỏ đã mấy lần hiện ra. Cuối cùng, sáng hôm nay tôi đã làm xong. Cái huyệt được phủ bằng lá dừa chặt lại, làm thành một thứ sàn khá chắc. Bên trên phủ đất, đắp xung quanh lại thành một cái rìa nhỏ. Trông hầu như không có gì khả nghi. Thần kinh tôi căng thẳng đến tột độ rồi.

Cuộc chuẩn bị vượt ngục này đã kéo dài ba tháng. Được buộc kỹ và có đánh số đâu vào đấy, tất cả các bộ phận bằng gỗ của chiếc bè đã được đưa ra khỏi chỗ giấu. Bây giờ nó nằm phía trên quan tài của người đàn bà đã khuất, được lớp đất phủ trên sàn lá dừa che kỹ. Trong cái hốc ở trên tường, chúng tôi đã để ba cái bao bột và một sợi dây dài ba mét để làm buồm, một cái chai đựng diêm và vỏ quẹt, một tá hộp sữa, chỉ có thế thôi. -

Bourset càng ngày càng nôn nao, bứt rứt. Cứ như thể chính anh ta sẽ ra đi chứ không phải tôi. Naric lấy làm tiếc là hồi tôi hỏi anh ta đã từ chối. Nếu hồi ấy anh đồng ý thì chúng tôi đã tính chuyện đóng một chiếc bè cho ba người đi chứ không phải hai. Bấy giờ là mùa mưa, ngày nào cũng mưa cả, điều đó tiện lợi cho tôi những khi tôi đi "thăm mộ"; lúc ấy tôi đã lắp gần xong cái bè. Còn thiếu hai thanh gờ của khung gỗ. Tôi đã chuyển dần mấy chục quả dừa về gần khu vườn của bạn tôi. Có thể đến lấy dừa một cách dễ dàng và không có gì nguy hiểm trong trại trâu. Không bao giờ các bạn tôi hỏi tôi đã chuẩn bị đến đâu rồi. Chỉ thỉnh thoáng họ mới nói: "ổn chứ?" - "ổn". – "Hơi lâu, cậu nhỉ? -

“Làm nhanh hơn thì có cơ hỏng hết”. Chỉ thế thôi. Khi tôi đến lấy mấy quả dừa để tạm ở sân nhà Juliette, bà ta trông thấy và đã cho tôi một mẻ hết hồn.

- Này anh Papillon, anh bắt đầu làm dầu dừa đấy à? Sao không làm ngay trong sân này? ở đây có cái chày vồ để đập dừa ra, tôi sẽ cho anh mượn cái nồi lớn trong nhà để đựng cùi dừa.

Tôi thấy làm ở trại tiện hơn.

- Lạ thật. ở trại bất tiện thì có.

Nhưng nghĩ một lát, bà ta lại nói:

Anh có muốn tôi nói thật không? Tôi không tin là anh lại đi làm dầu dừa đâu.

Tôi lạnh toát cả người, Juliette lại nói:

- Trước hết anh việc gì phải làm dầu dừa, trong khi anh có thể lấy bao nhiêu dầu ô-liu của tôi cũng được? Mấy quả dừa kia để làm một cái gì khác kia, đúng không?

Tôi toát mồ hôi hột. Ngay từ đầu tôi đã chờ bà ta ném ra hai tiếng “vượt ngục”. Tôi nghẹn cả thở. Tôi nói với Juliette:

- Thưa bà, chuyện này lẽ ra tôi phải giữ bí mật đến cùng, nhưng tôi thấy bà tò mò sốt ruột muốn biết quá, cho nên tôi đành phải làm mỏng món quà bất ngờ mà tôi đã định dành cho bà. Nhưng đã thế này thì tôi chỉ có thể hở cho bà biết rằng mấy quả dừa lớn này đã được chọn để làm một thứ đồ chơi rất xinh mà bà sẽ rất thích. Hiện nay tôi chỉ có thể nói đến đấy thôi.

Tôi đã thắng, vì thấy Juliette trả]ời:

- Papillon ạ, anh đừng vì tôi mà bày vẽ những việc làm anh mất thì giờ, và nhất là tôi cấm anh không được phí tiền để làm cho tôi một thứ quà cáp gì đặc biệt. Tôi thành thật cám ơn anh đã nghĩ đến việc đó, nhưng anh chớ có làm như vậy, tôi thiết tha yêu cầu anh đấy.

- Thôi được, để tôi xem đã.

Thật hú vía! Tôi lập tức xin Juliette một ly rượu hồi, điều mà tôi chưa bao giờ làm. Bà không nhận thấy vẻ thảng thốt của tôi, thật may. Thượng đế nhân từ đang đứng về phía tôi.

Hôm nào trời cũng mưa, nhất là về chiều và đêm. Tôi lo nước ngấm qua lớp đất mỏng làm lộ lớp lá dừa đan. Matthieu phải trông chừng thường xuyên, hễ thấy đất trôi đi là đắp lại ngay. Chắc ở phía dưới ngập nước hết rồi. Tôi và Matthieu lôi lớp lá dừa lên: nước chảy xuống đã gần đến nắp quan tài. Tình thế thật nguy kịch. Gần đấy có một ngôi mộ chôn hai đứa trẻ đã chết từ lâu lắm. Một hôm chúng tôi cạy phiến đá trên mộ, tôi chui xuống dùng một thanh sắt ngắn đục lớp xi măng ở chỗ thấp nhất về phía ngôi mộ giấu bè. Lớp xi măng vỡ rồi, tôi vừa cầm thanh sắt cắm xuống đất thì một tia nước phọt lên. Nước từ ngôi mộ bên kia cháy sang cái huyệt này. Khi nước đã lên đến đâu gối tôi bước ra ngoài. Chúng tôi đặt phiến đá trở lại chỗ cũ và gắn xung quanh bằng mát-tit trắng (do Narie kiếm giùm). Biện pháp này đã làm

cho lượng nước bên ngôi mộ giấu bè của chúng tôi bớt được một nửa. Tối hôm ấy Carbonien nói với tôi:

- Không biết đến bao giờ mới hết những chuyện phiền toái vì chuyến vượt ngục này.

-Gần xong rồi mà, Matthieu!

- "Gần" rồi hả? Cũng mong như thế.

Thật chúng tôi như đang ngồi trên đống than hồng.

Sáng hôm sau, tôi ra bến. Tôi đã yêu cầu Charpar mua cho tôi hai ki-lô cá để đến trưa tôi sẽ ra lấy. Tôi trở lên vườn Carbomeri. Gần đến, tôi trông thấy ba cái mũ cối trắng. Tại sao lại có ba tên cảnh sát trong vườn? Chúng nó lục soát gì chăng? Thật là việc không bình thường. Tôi chưa bao giờ thấy có ba tên cảnh sát đến vườn Carbomeri. Tôi đợi một giờ đồng hồ, rồi sốt ruột quá không chịu được nữa, tôi quyết định đi tới tận nơi xem thừ có việc gì xảy ra. Tôi cứ ngang nhiên đi trên con đường dẫn đến khu vườn. Mấy tên cảnh sát đứng nhìn tôi đi tới. Tôi đã đến cách họ khoảng hai mươi mét, lòng bồn chồn hồi hộp, thì thấy Matthieu đội chiếc khăn trắng lên đầu. Tôi thở hắt ra, và có đủ thì giờ trấn tính lại trước khi đến tận chỗ mấy người kia đứng.

- Chào các ông giám thị. Chào Matthieu. Tôi đến lấy quả đu đủ cậu hứa cho tôi.

- Tiếc quá Papillon ạ, sáng nay tớ đi lấy sào để cắm cho cây đỗ leo, khi về mới thấy mất quả đu đủ. Nhưng chỉ bốn năm hôm nữa

lại có quả chín, bây giờ cũng đã có mấy quả vàng vàng rồi. Thưa các ông giám thị, sao ạ, các ông có lấy một ít rau xà lách, mấy quả cà chua mí lại mấy củ cải cho các bà ở nhà không ạ?
- Khu vườn của anh trông nom khá lắm Carbonieri ạ tôi có lời khen anh đấy, - một viên cảnh sát nói.
Họ nhận mấy mớ xà lách, cà chua và củ cải rồi ra về. Tôi ra về trước họ một chút cho họ thấy tôi không có chuyện riêng gì phải bàn với Carbonieri, không quên mang theo hai cây xà lách.
Tôi đi ngang qua nghĩa địa. Ngôi mộ bị mưa xói lở cả lớp đất phủ bên trên. Đứng cách mười bước, tôi trông thấy rõ lớp lá dừa trồi lên. Đến thế này mà chúng tôi chưa bị lộ thì quả là Chúa phù hộ cho. Đêm đêm gió thổi ào ào như quỷ dữ, tràn qua ngọn đồi trên đảo với những tiếng gầm thét điên dại, chốc chốc lại đổ cả mưa rào. Mong sao cứ thế này mãi: đây là một thời tiết lý tưởng để vượt ngục, nhưng đối với ngôi mộ thì lại khác. Súc gỗ lớn nhất của chiếc bè, cái súc dài hai mét ấy đã được dưa đến hầm mộ một cách xuôi lọt, để nhập bọn với các bộ phận khác của bè. Tôi lại còn lắp thử nó vào nữa là khác, nó ăn khớp vào một cách sít sao mà dễ dàng, không phải tốn sức gì cả. Bourset chạy lên tận trên trại để hỏi xem tôi đã nhận được cái bộ phận quan trọng hàng đầu ấy chưa: nó quan trọng thật, nhưng lại cồng kềnh quá xá. Nghe nói đâu đấy đều ổn cả, anh ta mừng quýnh. Anh ta có vẻ như không tin là nó lại có thể đến tay tôi được. Tôi hỏi:

- Cậu có ngờ vực gì không? Cậu nghĩ là có ai biết được à? Cậu có hở ra với ai không? Trả lời đi!

- Không, tuyệt nhiên không?

-Thế nhưng cậu vẫn có vẻ lo âu vì một điều gì đó. Cậu nói đi!

- Tôi chỉ có một cảm giác khó chịu vì cái nhìn quá tò mò như có ý soi mói của một gã tên là Bébert Celier. Tôi thấy hình như hắn đã nhìn thấy Naric lấy súc gỗ dưới cái bàn thợ mộc bỏ vào cái thùng ton-nô đựng vôi rồi mang đi. Mắt hắn dõi theo Naric ra đến tận cửa xưởng. Hai anh em Đẩy Xe sắp phải quét vôi một dãy nhà trong trại. Tôi lo là vì thế đấy.

Tôi hỏi Grandet:

- Cái anh Bébert Celier ấy ở khối ta đấy, vậy ắt không phải là một thằng phản trắc.

Grandet nói:

- Tay này vốn là tù được giao cho sở Công chánh. Cậu thử hình dung mà xem: hắn đã từng đánh nhau trong một tiểu đoàn trừng giới ở châu Phi, một tay cứng đầu đã nếm mùi đủ các thứ nhà pha của quân đội ở Maroc và ở Algérie, chuyên gây sự đánh nhau, đấu dao loại sừng sỏ, một tay pê-đê cuồng nhiệt, lại máu mê cờ bạc nữa. Hắn chưa bao giờ sống ngoài xã hội như một thường dân. Kết luận: đó là một thằng vô lại, cực kỳ nguy hiểm. Trại khổ sai chính là cả cuộc đời của hắn. Nếu cậu nghi hắn thực sự, thì hãy đi bước trước đi: hãy ám sát hắn ngay đêm nay, để

hắn không có thì giờ tố giác cậu nếu hắn có ý định ấy.
- Không có gì chứng minh rằng hắn là một thằng chỉ điểm.
Đúng thế, - Galgani nói, - nhưng cũng không có gì chứng minh hắn là một thằng khá. Cậu thừa biết loại phạm nhân như hắn chúa ghét những cuộc vượt ngục. Nó làm đảo lộn quá nhiều cái nếp sinh hoạt yên ổn và có nền nếp của bọn chúng. Về bất cứ việc gì khác thì chúng không bao giờ tố giác, nhưng chuyện vượt ngục thì khác, biết đâu đấy?
Tôi hỏi ý kiến Matthieu Carbonieri. Anh ta tán thành cái ý kiến là phải giết hắn ngay đêm nay. Anh ta định đích thân làm việc đó. Tôi có một hành động sai lầm là đã ngăn cản anh ta. Tôi không thể chấp nhận việc giết một con người mà chỉ căn cứ vào những hiện tượng bề ngoài. Dù là tự mình giết hay để cho người khác giết, tôi cũng thấy ghê tay quá. Nếu nhỡ Bourset tưởng tượng ra những chuyện anh ta vừa kể thì sao? Vì quá lo sợ, anh ta có thể thần hồn nát thần tính mà thành ra hoang tưởng cũng nên. Tôi hỏi Naric:
- Xúp nhừ này, cậu có thấy Bébert Celier có cái gì khác thường không?
- Tôi thì không. Khi đi ra, tôi vác cái thùng trên vai để thằng giữ chìa khóa đừng trông thấy trong thùng có gì. Theo chiến thuật đã quy ước, tôi phải đứng ngay trước mặt thằng giữ chìa khóa, không đặt cái thùng ton-nô xuống, cho đến khi anh rể tôi ra đến

cửa. Như thế là để thằng A-rập thấy rõ tôi không vội vã muốn ra ngay: hắn sẽ không sinh nghi mà đòi khám cái thùng. Nhưng sau đó anh rể tôi nói là thấy thằng Bébert Celier quan sát chúng tôi một cách chăm chú.

- ý kiến của anh ra sao?

- Vì bộ phận này rất quan trọng, và chỉ nhìn qua cũng biết đó là một bộ phận của một chiếc bè, cho nên anh rể tôi lo sợ quá mà trông gà hóa cuốc.

Tôi cũng nghĩ như vậy. Thôi chuyện này không nói nữa. Còn lại bộ phận cuối cùng, trước khi đưa ra phải chú ý xem Bébert Celier ở đâu. Cứ đề phòng hắn ta như đối với một tên ác.

Suốt đêm ấy tôi mê mải đánh bài Marseillaise. Tôi được bảy ngàn francs. Tôi càng đánh bừa lại càng được. Đến bốn giờ rưỡi sáng, tôi thôi đánh bài, nói là phải đi làm cỏ-vê đổ thùng. Tôi để cho cậu da đen Matinique làm một mình. Mưa đã tạnh. Trong bóng đêm hãy còn tối mịt, tôi đi ra nghĩa trang. Tôi lấy chân san lại đất trên ngôi mộ, vì tôi tìm không ra cái xẻng, nhưng với đôi giày của tôi, công việc cũng tạm ổn. Đến bây giờ, khi tôi xuống biển câu cá, trời đã nắng ráo, rất đẹp. Tôi đi về phía mũi đá phía nam đảo Royale, nơi tôi đã định cho bè xuống nước. Nước biển dâng cao, động mạnh.

Tôi cũng không biết nữa, nhưng tôi có cảm giác là sẽ rất khó làm cho bè tách ra khỏi bờ mà bờ mà không bị sóng hắt trở lại, xô

mạnh, vào đá. Tôi câu một mớ cá hồng đá dễ đến hơi năm ki-lô. Rửa sạch mớ cá xong, tôi không câu nữa. Tôi rất lo, nhất là lại đang mệt vì canh bạc trắng đêm. Ngồi trong bóng rợp, tôi ôn lại cái thời gian hơn ba tháng chuẩn bị vừa qua, tự nhủ rằng sự căng thẳng kéo dài đã sắp kết thúc, rồi nghĩ đến trường hợp Celier, tôi kết luận lại một lần nữa là mình không có quyền ám sát hắn.

- Tôi đến gặp Matthieu. Đằng bên bức tường của khu vườn, có thể trông rõ ngôi mộ. Trên lối đi vào mộ có đất rải rác. Đến trưa Carbonieri sẽ sang quét sạch nó đi. Tôi đi qua nhà Juliette, cho bà một nửa số cá vừa câu được Bà ta nói:

- Papillon ơi, đêm qua tôi chiêm bao chuyện dữ quá: tôi mơ thấy anh máu me đầm đìa, rồi lại thấy anh bị xiềng xích. Anh đừng làm gì dại dột nhé. Nhỡ anh có làm sao thì tôi sẽ đau khổ quá sức. Giấc chiêm bao làm cho tôi xúc động đến nỗi đến bây giờ tôi cũng chưa buồn rửa mặt chải đầu gì cả. Tôi lấy ống nhòm tìm xem anh đang câu cá ở đâu, mà chẳng thấy. Chỗ cá này anh câu ở đâu thế?

- ở bên kia đảo. Cho nên bà không nhìn thấy được

- Tại sao anh lại phải câu xa thế, ở một nơi mà tôi không thể dùng ống nhòm nhìn tới được? Nhỡ bị sóng cuốn đi thì sao? Sẽ không có ai trông thấy để mà vớt anh lên trước khi cá mập đớp mất.

- ồ, xin bà đừng quan trọng hóa đi qua như thế.

- Anh cho tôi là tôi quan trọng hóa! Bây giờ tôi cấm anh câu ở phía bên kia đảo đấy. Nếu anh không nghe, tôi sẽ bảo người ta rút giấy phép đi câu của anh.
- Kìa, bà phải biết điều một chút chứ. Để bà vui lòng, từ nay tôi sẽ nói cho anh tù làm ở nhà bà biết tôi câu ở chỗ nào.
- Thôi được. Nhưng sao trông anh mệt mỏi thế?
- Vâng, tôi hơi mệt thật. Tôi sẽ về trại nằm một lát
- Được. Nhưng đến bốn giờ tôi đợi anh đến uống cà phê đấy nhé. Anh đến chứ?
- Vâng xin hẹn đến chiều, chào bà tôi về.
Chỉ còn thiếu có thế nữa thôi để làm cho tôi bình tâm lại sao? Giấc chiêm bao của Juliette! Làm như thể tôi chưa đủ rối trí với những vấn đề gay cấn trong cõi thực, còn phải thêm những vấn đề trong cõi mộng nữa? Bourset nói là anh ta có cảm giác bị theo dõi thực sự. Chúng tôi đợi cái bộ phận cuối cùng của bè - cái mảng dài một mét rưỡi - đã mươi lăm hôm nay. Naric và Quenier nói không thấy có gì bất thường, nhưng Bourset vẫn không chịu làm cái bộ phận kia. Giả sử nó không có năm cái khớp phải đục chính xác từng ly, Matthieu có thể đem ra vườn làm. Đằng này những cái khớp ấy phải lắp cho sít năm đường nẹp của chiếc bè. Vì Naric và Quenier đang phải sửa chữa ngôi nhà nguyện của trại cho nên có thể dễ dàng đưa ra đưa vào rất nhiều vật tư trong xưởng. Hơn thế nữa, thỉnh thoảng họ lại được dùng một chiếc xe

trâu nhỏ. Phải lợi dụng cho được dịp may này. Bourset bị chúng tôi thúc giục quá đành phải làm một cách miễn cưỡng. Một hôm anh ta nói là biết chắc có người đã lấy cái mảng bè ra xem rồi để lại chỗ cũ. Chỉ còn một cái khớp phải đục ở đầu mút. Mọi người quyết định là anh ta phải đục cho xong, rồi giấu cái màng dưới tấm ván ở bàn mộc, ở trên để một sợi tóc để xem thứ có ai động đến không.

Bourset đục cái khớp, rồi đến sáu giờ anh ta ra khỏi xưởng sau cùng, sau khi đã biết chắc là trong xưởng chỉ còn tên gác. Cái mảng bè đã để ở chỗ quy định với sợi tóc đánh dấu. Đến mười hai giờ trưa tôi có mặt ở trại, chờ những người làm ở xưởng tới, cả thảy tám mươi người. Naric và Quenier đều có mặt, nhưng Bourset thì không thấy đâu. Một phạm nhân người Đức đến trao cho tôi một mảnh giấy dán kỹ. Có thể thấy rõ là chưa có ai bóc ra.

Tôi đọc: "Sợi tóc không còn ở đấy nữa: đã có kẻ sờ đến cái mảng. Tôi đã xin tên gác cho tôi ở lại làm việc trong giờ nghỉ trưa để làm cho xong cái tráp bằng gỗ hồng tâm tôi đang làm dở. Hắn đã cho phép. Tôi sẽ lấy cái mảng để vào chỗ để dụng cụ của Naric. Anh nói cho họ biết đi. Đến ba giờ họ phải đưa ngay súc gỗ đi. May ra thằng cha đang theo dõi cái mảng bè chưa kịp trở tay".

Naric và Quenier đồng ý. Họ sẽ ra đứng ở hàng đầu đám thợ làm

ở xưởng. Trước khi mọi người, vào hết, hai người sẽ bày chuyện đánh nhau ở gần trước cửa. Chúng tôi đã nhờ hai người đồng hương với Carbonieri làm giúp việc này. Đó là hai người Corse ở Montmartre: Massani và Santini. Họ không hề hỏi tại sao phải thế: miễn chúng tôi cần là được rồi, sẵn sàng ngay. Naric và Quenier sẽ lợi dụng thời cơ ấy để trở ra nhanh, mang theo một vật liệu gì đấy, làm như thể họ đang vội đi làm và không quan tâm đến vụ đánh nhau. Chúng tôi đều nhất trí rằng hãy còn một khả năng cứu vãn. Nếu chuyến này thành công, tôi phải án binh bất động một hai tháng, vì chắc chắn là đã có một hay nhiều người biết là có ai đang chuẩn bị một chiếc bè. Cứ để cho họ tìm xem ai chuẩn bị, và bè giấu ở đâu.

Đã đến hai giờ rưỡi, các bạn tôi chuẩn bị hành động. Từ lúc điểm danh đến lúc xuất phát đi công trường phải mất ba mươi phút. Họ bắt đầu đi. Bébert Celier đứng ở khoảng giữa đoàn người xếp thành hai mươi hàng tư.

Naric và Quenier đi đầu, Massani và Santini ở hàng thứ mười hai, Bébert Celier ở hàng thứ mười. Tôi nghĩ như thế rất tiện, vì khi Naric lấy các thứ gỗ này nọ trong đó có cả cái mảng bè, những người kia chưa vào hết trong xưởng. Bébert sẽ gần vào đến cửa xưởng. Khi cuộc ẩu đả nổ ra, vì mọi người sẽ la ó om xòm lên, lẽ tự nhiên là mọi người, trong đó có Bébert, sẽ quay lại nhìn. Đến bốn giờ, mọi việc đã diễn ra êm xuôi, cái mảng bè đã

được giấu dưới một đống vật liệu để trong nhà thờ. Họ chưa đưa ra khỏi nhà thờ được, nhưng để tạm ở đấy cũng rất ổn.

Tôi ghé chỗ Juliette, nhưng bà ta không có ở nhà. Khi quay về, tôi đi ngang sân trước nhà ban Quản trị. Tôi trông thấy Massani và Santini đang đứng trong bóng râm đợi vào xà lim. Cái này chúng tôi đều biết trước. Tôi đi qua chỗ họ, hỏi:

- Bao nhiêu?

- Tám ngày - Santini đáp.

Một tên cảnh binh người Corse nói:

- Đồng hương mà lại đi đánh nhau, khỉ thật!

Tôi về trại. Sáu giờ, Bourset rạng rỡ lên, nói với tôi:

- Cứ như thể mình đang bị ung thư mà bỗng dưng bác sĩ cho biết là đã chẩn bệnh nhầm, chứ mình chẳng có bệnh gì cả..

Carbonieri và các bạn tôi đều đắc thắng. Họ khen ngợi tôi về cách tổ chức công chuyện. Naric và Quenier cũng đều thỏa thuê. Mọi sự đều ổn cả. Tôi ngủ thẳng giấc cho đến sáng. Tuy hồi tối mấy tay cờ bạc đã đến mời tôi đánh. Tôi nói dối là nhức đầu. Thật ra tôi buồn ngủ đến chết đi được, nhưng tôi hài lòng và mừng rỡ vì sắp thành công đến nơi rồi. Cái khó khăn nhất thế là đã vượt qua được.

Sáng nay Matthieu đã giấu tạm cái bộ phận cuối cùng trong hốc tường. Lúc bấy giờ ông già gác nghĩa địa đang quét những lối đi phía ngôi mộ giấu bè. Lúc này mà mon men đến đó thì dễ lộ lắm.

Sáng sớm nào cũng vậy, từ lúc tờ mờ tôi đã đến nghĩa địa dùng xẻng gỗ đắp lại đất trên ngôi mộ, cố làm thật nhanh. Tôi dùng chổi quét sạch lối đi, rồi nhanh chóng quay về đổ thùng, giấu chổi và xẻng trong góc nhà xí.

Kể từ lúc bắt đầu chuẩn bị cho đến nay đã đúng bốn tháng, và chúng tôi nhận được bộ phận cuối cùng của chiếc bè đã được chín hôm. Trời không còn mưa hàng ngày nữa, và nhiều hôm trời lạnh suốt cả đêm. Tất cả các giác quan của tôi đều luôn luôn trong tình trạng báo động, để chuẩn bị cho hai cái giờ G sắp tới: trước tiên là lấy cái bộ phận trứ danh kia trong vườn Matthieu rồi lắp chiếc bè cho thật khớp. Việc này chỉ có thể làm ban ngày. Sau đó là lên đường. Việc này không thể tiếp luôn sau việc kia, vì khi lấy bè ra rồi còn phải nhét dừa và lương thực vào.

Hôm qua tôi đã kể hết cho Castelli nghe và cho bác ta biết tình hình hiện tại. Bác ta mừng cho tôi là đã gần đạt đến đích. Bác nói:

- Bây giờ là tiết trăng non.

- Tôi biết. Vậy thì lúc nửa đêm không sợ có trăng nước ròng là vào mười giờ, vậy giờ tốt nhất để hạ thủy vào hai giờ sáng. Carbonieri và tôi đã quyết định làm gấp. Sáng mai chín giờ, lắp xong bộ phận cuối cùng của bè. Đến đêm là vượt ngục.

Sáng hôm sau, chúng tôi hành động rất ăn ý với nhau. Tôi đi qua khu vườn, đến nghĩa địa, chống xẻng nhảy ra tường. Trong khi

tôi dùng xẻng gạt đất trên mộ địa, Matthieu lấy phiến đá ra và đem cái bộ phận bè mới giấu vào đấy sang cho tôi. Chúng tôi cùng giở lớp lá dừa đan để sang một bên. Chiếc bè hiện ra, dính đất nham nhở, nhưng tình trạng hoàn hảo. Chúng tôi đưa bè ra khỏi mộ, vì để lắp thêm bộ phận cuối cùng, bên cạnh phải có chỗ rộng. Chúng tôi lắp năm đường nẹp vào thanh gỗ có năm khớp. Muốn chặt chúng tôi phải lấy đá gõ. Chúng tôi đã lắp xong đâu vào đấy, đăng đặt bè vào chỗ cũ, thì một tên cảnh sát hiện ra, tay lăm lăm khẩu súng trường.

- Đứng im, không chết ngay!

Chúng tôi buông cái bè xuống, giơ hai tay lên trời. Tôi nhận ra mặt tên cảnh sát. Đó là viên giám thị trưởng của xưởng thợ.

- Các anh đừng kháng cự mà dại. Các anh bị bắt quả tang. Các anh hãy chấp nhận như thế và ít ra cũng phải lo cứu lấy tính mạng: mạng các anh bây giờ treo trên sợi tóc, vì tôi chỉ muốn cho các anh một băng. Thôi, đi tay vẫn để nguyên thiế! Đi ra nhà ban chỉ huy.

Khi đi qua cổng nghĩa địa, chúng tôi gặp một thằng A-rập giữ chìa khóa. Tên cảnh sát nói với hắn:

- Mohamed, cám ơn cậu đã giúp tôi. Sáng mai ghé tôi tôi sẽ đưa cái ấy cho... món quà tôi đã hứa thưởng cậu ấy mà.

Cám ơn sếp, - thằng A-rập nói. - Tôi sẽ đến, nhưng sếp ạ. Bébert Celier cũng phải trả công cho tôi chứ, phải không ạ?

- Chuyện này hai cậu dàn xếp với nhau, - tên cảnh sát nói.

Tôi hỏi hắn:

- Chính Bébert Celier đã chơi chúng tôi, phải không sếp?

- Không phải tôi nói chuyện này với các anh đâu đấy nhé.

- Cũng thế thôi, chuyện này biết được cũng hay.

Vẫn chĩa súng vào chúng tôi, tên cảnh sát nói:

- Mohamed, lục soát chúng tôi đi.

Thằng A-rập rút con dao tôi giắt ở thắt lưng, cả con dao của Matthieu nữa. Tôi nói với hắn:

- Mohamed này, anh tài thật đấy. Anh làm thế nào mà biết được thế?

- Ngày nào tôi cũng leo lên ngọn cây dừa đằng kia để xem các anh giấu chiếc bè ở đâu.

- Ai bày cho anh làm như thế?

- Đầu tiên là Bébert Celier, sau là ông giám thị Bruet.

- Đi thôi, nói nhiều quá rồi đấy, - tên cảnh sát nói. Bây giờ các anh có thể bỏ tay xuống, và đi nhanh lên.

Đoạn đường bốn trăm mét mà chúng ta để đến trụ sở ban chỉ huy tôi có cảm giác là đoạn đường dài nhất trong đời tôi. Tôi đã sụm hẳn. Bấy nhiêu hơi sức dốc ra rồi cuối cùng chuốc lấy một thất bại thảm hại như thế Trời ơi, sao Người nỡ tàn nhẫn đối với tôi như vậy?

Thật là một cảnh điếm nhục khi chúng tôi đến Ban chỉ huy Trại.

Vì trên đường đi chúng tôi lần lượt gặp những tên cảnh binh: họ liền nối gót theo tên đang chĩa súng vào chúng tôi, thành thử khi đến nơi đã thành một tốp bảy tám tên đi sau lưng chúng tôi.
Viên chỉ huy, được tên giữ khóa người A-rập chạy về báo trước, đang đứng trước cửa ban chỉ huy cùng với Dega và năm viên giám thị trưởng.
- Có chuyện gì thế, ông Bruet? - viên chỉ huy hỏi.
- Có chuyện là tôi đã bắt quả tang hai người này đang cất giấu một chiếc bè hình như đã đóng xong.
- Papillon, anh có cần nói gì không?
- Không. Tôi sẽ khai trước hội đồng thẩm vấn.
Đưa hai người vào xà-lim.
Tôi bị nhốt vào một căn xà-lim có một khung cửa sổ bịt kín đối diện với cửa ra vào Ban chỉ huy. Căn xà-lim tối om, nhưng tôi nghe được tiếng nói của những người qua lại trước trụ sở Ban chỉ huy.
Các sự việc diễn ra rất nhanh. Đến ba giờ họ cho chúng tôi ra và khóa tay chúng tôi lại.
Trong phòng có lập một thứ tòa án: chỉ huy trại, phó chỉ huy, giám thị trưởng. Một viên cảnh binh làm chân lục sự. Ngồi riêng sau một cái bàn đặt cách xa nhóm kia, Dega cầm cây bút chì, chắc hẳn là để ghi lại những lời vấn đáp sắp tới.
- Charrière và Carbonieri, các người hãy lắng nghe bản báo cáo

của ông Bruet về các người: “Tôi, Bruet Auguste, giám thị trưởng, quản đốc công xưởng Quần đảo Salut, xin khởi tố hai phạm nhân khổ sai là Charrière và Carbonieri về tội lấy trộm, lạm dụng vật liệu thuộc quyền sở hữu của Nhà nước. Tôi tố cáo phạm nhân thợ mộc Bourset về tội đồng lõa. Tôi thấy có cơ sở để khẳng định rằng hai phạm nhân Naric và Quenier cũng phạm tội đồng lõa. Tôi xin nói thêm rằng tôi đã bắt được quả tang Charnère và Carbonicri đang xâm phạm ngôi mộ của bà Privat mà họ dùng làm nơi cất giấu chiếc bè của họ”.

- Các anh nói sao đây? - Viên chỉ huy trại hỏi.

- Trước hết, Carbonieri chẳng có dính dáng gì vào đây cả. Chiếc bè được thiết kế để chở có một người, tức là tôi. Chẳng qua tôi đã bắt Carbonieri phải giúp tôi giở lớp lá dừa đan trên mộ, vì việc này tôi không thể làm lấy một mình. Vậy thì Carbonieri không hề phạm tội lạm dụng và lấy cắp vật tư của Nhà nước, mà cũng không hề phạm tội đồng lõa vượt ngục, vì cuộc vượt ngục chưa hề được thực hiện. Bourset là một nạn nhân bị buộc phải hành động vì bị dọa giết. Còn Naric và Quenier thì tôi hầu như không hề quen. Tôi xin quả quyết là họ không hề dính líu đến việc này.

- Người chỉ điểm của tôi nói khác kia, - viêm giám thị nói.

- Tên Bébert Celier, người đã chỉ điểm cho ông, rất có thể lợi dụng việc này đế trả thù một vài người nào đấy bằng cách nói

điêu cho họ. Làm sao có thể tin lời một tên chỉ điểm?
Viên chỉ huy nói:
- Tóm lại, anh bị tố cáo chính thức là đã lấy trộm và lạm dụng vật tư của Nhà nước, xâm phạm mộ phần và mưu toan vượt ngục. Anh ký vào văn bản đi.
- Tôi chỉ ký khi nào trong văn bản đã thêm lời tôi khai về Carbonieri, Bourset và hai anh em rể Naric và Quenier.
- Đồng ý. Các ông viết thêm vào đi.
Tôi ký. Tôi không thể diễn đạt rõ ràng tất cả những gì đã diễn ra trong tâm trí tôi kể từ khi công việc bị bại lộ vào phút cuối ấy. Tôi như đã phát điên trong xà lim này, tôi ăn chẳng được, tôi không đi lại, nhưng tôi hút thuốc liên hồi, hết điếu này sang điếu khác.
Cũng may là Dega tiếp tế thuốc lá cho tôi đầy đủ. Hôm nào chúng tôi cũng được một giờ đi dạo vào buổi sáng, trong khoảng sân của các xà lim trừng giới, dưới ánh năng.
Sáng nay ông chỉ huy trại có đến nói chuyện vôi tôi. Kể cũng lạ: nếu cuộc vượt ngục thành công, ông chính là người bị thiệt hại nặng nề nhất, thế mà chính ông lại là người tức giận tôi ít nhất. Ông ta mỉm cười kể cho tôi nghe rằng vợ ông có nói là một người bị giam mà còn giữ được tư cách dĩ nhiên là phải tìm cách vượt ngục. Rất khéo léo, ông ta lái câu chuyện như thế nào để tôi xác nhận phần đóng góp của Carbonieri. Tôi có cảm giác là tôi

đã thuyết phục được ông, cho ông thấy rõ rằng Carbonieri ở vài cái thế không thể nào từ chối khi tôi nhờ giúp tôi một tay trong việc tháo giở lớp lá dừa bên trên ngôi mộ.

Bourset đã xuất trình bức thư đe dọa và tấm đồ án do tôi làm. Về phần tôi thì ông chỉ huy hoàn toàn tin là mọi việc diễn ra đúng như tôi đã khai. Tôi hỏi ông ta xem theo ý ông thì cái tội lấy trộm vật tư kia liệu có thể xử đến mấy năm. Ông nói: "Mười tám tháng là cùng".

Nói tóm lại, tôi dần dần leo trở lên cái dốc bờ vực mà tôi đã lăn xuống. Tôi có nhận được mấy chữ của Chatal, người y tá. Anh ta cho tôi biết rằng Bébert Celier hiện nay nằm một phòng cách biệt ở bệnh viện, đang được cứu xét miễn giam vì một kết quả chẩn bệnh ít có: áp xe gan. Chắc đây là một cách dàn xếp giữa ban Quản trị và ông bác sĩ để che chở cho hắn tránh khỏi những hành động trả thù.

Căn xà-lim của tôi không bao giờ bị khám, họ cũng không lần nào khám người tôi. Tôi lợi dụng tình hình đó để nhờ các bạn tuồn vào cho tôi một con dao. Tôi nói với Naric và Quenier là họ phải yêu cầu một cuộc đối chất giữa viên giám thị công xưởng, Bébert Celier, anh thợ mộc và tôi, đệ lên viên chỉ huy trại một lời thỉnh cầu là sau cuộc đối chất này ông sẽ quyết định cách xử lý mà ông thấy là thích đáng đối với họ: hoặc giam cầm, hoặc trừng giới, hoặc cho đi lại tự do trong trại.

Trong buổi đi dạo hôm nay, Naric nói với tôi rằng chỉ huy trại đã đồng ý. Cuộc đối chất sẽ diễn ra lúc mười giờ sáng mai. Dự buổi này sẽ có một giám thị trưởng làm chức năng dự thẩm. suốt đêm hôm ấy tôi tìm cách tự can gián, vì tôi có ý định giết Bébert Celier. Nhưng tôi không sao tự can ngăn được. Không, con người ấy mà được miễn giam vì đã có công phát hiện vụ vượt ngục, rồi sau đó, xuất phát từ Đất Liền, hắn lại có thể lên đường vượt ngục nữa, như thể để thưởng công vì đã ngăn chặn tôi vượt ngục, thì thật quá ư bất công. Phải, nhưng mày có thể bị xử tử, vì người ta có thể coi là mày có chủ định từ trước. Tôi đếch cần. Đó là kết luận của tôi, vì tôi quá tuyệt vọng. Bốn tháng trời hy vọng, vui mừng, lo sợ, suy nghĩ, phát minh, để rồi đến khi đã sắp thành đạt thì bỗng dưng thất bại thảm hại như vậy chỉ vì miệng lưỡi một thằng chỉ điểm. Ra sao thì ra, mai tôi sẽ tìm cách giết Celier cho bằng được.

Cách duy nhất để khỏi bị xử tử là làm thế nào để hắn rút dao ra trước. Muốn thế, tôi phải làm thế nào cho hắn thấy rõ là con dao của tôi cũng đã mở. Chắc chắn là thấy thế hắn phải rút dao ra ngay. Việc này phải làm trước cuộc đối chất một chút, hay ngay sau đó. Tôi không thể giết hắn trong khi đang đối chất, vì như thế có nguy cơ là một tên cảnh sát có thể rút súng bắn tôi ngay. Tôi trông mong vào cái thói cẩu thả kinh niên của bọn cảnh sát. Suốt đêm tôi vật lộn với ý nghĩ trên đây. Tôi không sao trấn áp

được nó. Quả thật, trong đời có những điều không thể nào tha thứ được. Tôi biết rằng con người ta không có quyền tự mình đứng ra xét xử người đời, nhưng đó là nói về những người thuộc một đẳng cấp xã hội khác kia. Làm sao có thể chấp nhận rằng có thể không nghĩ đến việc trừng phạt thật đích đáng một con người đáng ghê tởm như thế. Tôi không hề làm điều gì có hại cho tên tù trại lính ấy, thậm chí hắn cũng không hề quen biết gì tôi. Như vậy là hắn đã tự dưng xử phạt tôi x năm cấm cố một cách hoàn toàn vô cớ. Hắn đã tìm cách chôn sống tôi để mưu cầu được miễn giam. Không, nhất định không? Tôi không thể nào lại để cho hắn được hưởng thành quả của cái hành động đáng buồn nôn của hắn. Không thể được! Tôi cảm thấy mình chỉ có chết. Thôi, chết thì chết, nhưng hắn cũng phải chết, mà phải chết khổ chết sở hơn cả tôi nữa. Nhưng nếu mày bị xử tử, thì thử hỏi chết vì một con người để tiện như thế có phải là ngu dại không? Cuối cùng tôi chỉ hứa được với bản thân có một điều: nếu hắn không rút dao ra, tôi sẽ không giết hắn.

Suốt đêm ấy tôi không ngủ. Tôi hút hết cả một bao thuốc lá sợi xám. Đến sáu giờ sáng, lúc họ đưa cà phê vào tôi chỉ còn hai điếu. Thần kinh tôi căng thẳng đến nỗi ngay trước mặt tên gác, tôi nói với người đưa cà- phê (điều này xưa nay cấm):

- Cậu có thể cho tôi mấy điếu thuốc hay một ít thuốc lá sợi không... nếu sếp đây cho phép? Thưa sếp, tôi kiệt quệ lắm rồi.

- ừ!, anh cứ cho Papillon đi, nếu anh có sẵn. Tôi thì không hút thuốc. Tôi thành thực phiền lòng cho anh, Papillon ạ. Là người Corse, tôi thương con người và ghét những việc làm khốn nạn.
Mười giờ kém mười lăm, tôi đang đứng ngoài sân đợi lúc vào phòng. Naric, Quenier, Bourset, Carbonieri đều có mặt ở đây. Viên cảnh sát gác chúng tôi là Antartaglia, người vừa gặp tôi khi đưa cà phê vào. Hắn nói chuyện với Carbonieri bằng tiếng Corse. Tôi nghe cũng hiểu được ý hắn nói là việc vừa rồi thật đáng tiếc, và Carbonieri có thể bị ba năm cấm cố. Lúc ấy cánh cửa mở ra và tên A-rập leo dừa, tên A-rập gác cửa xưởng và Bébert Celier bước vào sân. Nhìn thấy tôi, hắn hơi chùn bước lại, nhưng tên gác đi kèm hắn nói:
- Đi tới, đứng sang một bên kia, bên phải ấy.
- Antartaglia, đừng để cho chúng nó trao đổi gì với nhau.
Thế là hắn và tôi đứng cách nhau không đầy hai mét. Antartaglia nói:
- Giữa hai nhóm cấm nói với nhau.
Carbonieri lúc bấy giờ vẫn nói chuyện bằng tiếng Corse với viên cảnh sát đồng hương đang giám thị cả hai nhóm. Viên cảnh sát cúi xuống buộc lại dây giày, tôi ra hiệu cho Matthieu đứng nhích ra phía trước một chút. Cậu ta hiểu ngay. Cậu đưa mắt nhìn Bébert Celier và nhổ bọt về phía hắn. Khi viên cảnh sát đứng thẳng lên, Carborneri cứ nói chuyện với hắn không ngớt miệng,

thu hút được sự chú ý của hắn đến mức tôi bước lên một bước mà hắn không hề nhận thấy. Tôi buông cho con dao từ ống áo tụt xuống và cầm vào tay. Chỉ có Celier có thể trông thấy. Nhanh như cắt, hắn rút con dao đã mở sẵn trong túi quần đâm một nhát trúng vào bắp tay phải của tôi. Tôi thì lại thuận tay trái. Tôi đâm thẳng vào ngực hắn một nhát ngập đến tận chuôi. Một tiếng "A-a~ch!" nghe như tiếng đã thú, rồi hắn rơi phịch xuống đất.

Antartaglia rút súng lục cầm tay nói với tôi:

- Cậu lùi ra, lùi ra ngay. Chớ đâm thêm, không tôi buộc lòng phải bắn.

Carbonieri lại gần Celier, lấy chân chạm thử vào đầu hắn, rồi nói hai tiếng Corse. Tôi nghe cũng hiểu: hắn chết rồi. Viên cảnh sát nói:

- Cậu đưa đao đây..

Tôi đưa con dao, hắn đút súng vào bao, đi ra cánh cửa sắt gõ mấy tiếng. Một tên gác mở cửa ra. Viên cảnh sát nói:

- Cho cáng vào khiêng một xác chết.

- Ai vừa chết thế? - tên gác hỏi.

- Bébert Celier.

- Thế à? Thế mà tôi cứ tưởng là Papillon.

Họ lại nhốt chúng tôi vào xà-lim. Cuộc đối chất thế là phải bãi.

Trước khi vào hành lang Carbonieri nói với tôi:

- Papi, tội nghiệp cậu quá, lần này thì cậu lãnh đủ.

- ừ, nhưng tớ vẫn còn sống, còn nó thì ngoẻo rồi. Viên cảnh sát trở lại một mình, mở cửa rất khẽ khàng rồi nói với tôi, giọng vẫn còn xúc động:

- Đấm vào cửa mấy cái đi, kêu là bị thương. Chính hắn đã tấn công trước, tôi trông thấy rõ ràng. - Đoạn hắn khép cửa lại.

Mấy cái gã cảnh sát Corse ấy ghê thật: hoặc xấu tất, hoặc tốt cả. Tôi đập cửa, kêu: "Tôi bị thương rồi, phải đưa tôi vào bệnh viện băng bó chứ"

Viên cảnh sát trở lại với viên giám thị trưởng của khu trừng giới.

- Anh làm sao? Có việc gì mà làm ồn lên thế?

- Thưa sếp, tôi bị thương mà.

- à! Anh bị thương phỏng? Tôi tưởng hắn đâm có trúng đâu?

- Bắp thịt tay phải của tôi bị đứt rồi.

- Mở ra, viên cảnh sát kia nói.

Cửa mở, tôi bước ra. Quả bắp thịt bị cắt đứt, hở hoác ra.

- Khóa tay hắn lại, đưa sang bệnh viện. Không được để hắn nằm lại bệnh viện, bất cứ với lý do gì.

Băng bó xong, phải đưa về đây ngay.

Khi chúng tôi ra ngoài, có đến mười tên cảnh sát với cả ông chỉ huy trại nữa. Viên giám thị công xưởng nói với tôi:

- Quân giết người!

Tôi chưa kịp đáp thì ông chỉ huy đã nói với hắn:

- Giám thị Bruet, ông im đi, Papillon đã bị hắn tấn công trước.

- Khó tin lắm, - Bruet nói.
- Tôi có trông thấy, và tôi sẽ làm chứng, - Antartaglia nói. Và thưa ông Bruet, xin ông biết cho rằng một người Corse không nói dối bao giờ.
ở bệnh viện, Chatal gọi bác sĩ đến. Ông ta khâu vết thương cho tôi mà không cho thuốc mê hay gây tê gì cả, rồi đính cho tôi tám cái kẹp, không nói với tôi một lời. Tôi thì cắn răng chịu đau, không một tiếng kêu than. Cuối cùng, bác sĩ nói:
- Hết thuốc tê rồi, cho nên tôi không thể tiêm cho anh đỡ đau được. - Đoạn ông ta nói thêm - Việc anh vừa làm chẳng tốt chút nào.
- ồ, bác sĩ cũng biết đấy: đàng nào thì với cái áp- xe gan ấy hắn cũng chẳng sống được bao lăm nữa.
Câu trả lời bất ngờ của tôi làm cho ông bác sĩ đớ người ra.
Cuộc thẩm vấn vẫn tiếp tục. Phần trách nhiệm của Bourset bị gạt ra hoàn toàn. Mọi người đều thừa nhận cậu ấy bị đe dọa đến tính mạng, sợ quá phải làm theo. Tôi cũng góp phần làm cho họ tin như vậy. Đối với Naric và Quenier cũng không có bằng chứng gì là họ can phạm hay đồng lõa. Chỉ còn lại tôi và Carbonieri. Đối với Carbonieri, họ gạt bỏ lời buộc tội lấy trộm và lạm dụng vật tư của Nhà nước. Chỉ còn tội đồng lõa trong việc mưu toan vượt ngục. Quá lắm cũng chỉ sáu tháng là cùng. Đối vôi tôi thì tình thế đâm ra phức tạp Thật vậy, bất chấp những nhân chứng bênh vực

tôi, viên giám thị lãnh nhiệm vụ thẩm vấn vẫn không chịu thừa nhận đây là trường hợp tự vệ chính đáng. Dega đã được xem cả tập hồ sơ, bác ta quyết định rằng mặc dầu viên dự thẩm rất quyết tâm trị tội, họ cũng không thể nào xử tử tôi được, vì tôi đã bị thương trước khi hành động. Bên buộc tội có một căn cứ để vin vào mà đòi xử tôi thật nặng: hai tên A-rập giữ chìa khóa đều khai rằng tôi đã rút dao ra trước.

Cuộc thẩm vấn đã xong. Tôi đợi ngày đi Saint-Laurent dự phiên xử của tòa án binh. Suốt ngày tôi chỉ hút thuốc, hầu như không đi lại trong xà-lim. Người ta cho tôi một giờ đi dạo vào buổi chiều. Không một lần nào viên chỉ huy trại hay bọn giám thị, trừ viên giám thị công xưởng đã là dự thẩm trong cuộc thẩm vấn vừa qua, có thái độ thù địch đối với tôi.

Đến thứ sáu là tôi phải giải đi Saint-Laurent. Sáng thứ tư, lúc mười giờ, tôi đi dạo trong sân đã gần hai tiếng đồng hồ thì viên chỉ huy trại. gọi tôi lại, nói: "Anh đi theo tôi". Tôi theo ông ta ra khỏi sân trại, không có ai đi kèm theo. Tôi hỏi ông chỉ huy xem ông đưa tôi đi đâu nhưng ông chi lẳng lặng bước tiếp trên con đường xuống dốc dẫn về nhà ông. Dọc đường ông ta nói:

- Nhà tôi muốn gặp anh một lát trước khi anh đi.

Tôi không cho ai áp giải anh, vì nhà tôi sẽ bị một ấn tượng không hay nếu trông thấy anh bị một viên cảnh sát có súng đi kèm theo. Tôi hy vọng anh sẽ có thái độ đúng mực.

- Thưa thiếu tá vâng.

Chúng tôi đã đến nhà ông chỉ huy. Ông nói với Juliette: "Anh đưa người được em che chở về cho em đây như anh đã hứa. Em cũng biết là anh phải đưa anh ta về trại trước mười hai giờ trưa. Em có được gần một tiếng đồng hồ để nói chuyện anh ta". Đoạn ông ta lui vào nhà trong một cách tế nhị.

Juliette đến gần tôi và đặt bàn tay lên vai tôi, mắt nhìn thẳng vào mắt tôi. Đôi mắt đen láy của bà càng sáng hơn mọi khi, vì giờ đây nước mắt bà là ra long lanh sau đôi hàng mi đen và dài. Cũng may là bà đủ tự chủ để cầm nước mắt lại.

- Anh thật là điên rồ, anh bạn của tôi ạ. Giá anh nói cho tôi biết là anh muốn ra đi, tôi tin là tôi sẽ có cách làm cho mọi việc được dễ dàng hơn. Tôi đã xin nhà tôi cố cứu giúp anh hết lòng, nhưng nhà tôi nói là tiếc thay ông ấy không có đủ quyền. Tôi gọi anh đến trước hết là thấy rõ tình trạng anh ra sao. Tôi khâm phục lòng can đảm của anh, tôi thấy anh còn đáng trọng hơn là trước đây tôi vẫn nghĩ. Với lại trước đây tôi cũng muốn được đền bù lại những gì anh đã cho tôi một cách hào phóng trong bấy nhiêu tháng trời. Đây, anh cầm lấy một ngàn francs, tôi chỉ cho anh được có thế. Tôi lấy làm tiếc là không thể làm gì hơn.

- Bà ơi, xin bà nghe tôi, tôi không cần tiền đâu. Tôi van bà, bà nên hiểu là tôi không thể nhận được, vì theo tôi, làm như thế và làm vẩn đục tình bạn của chúng ta

Đoạn tôi đẩy hai tờ giấy năm trăm mà bà chỉ huy đã rộng lòng biếu tôi.

- Tôi van bà đừng nài tôi.

- Thôi, tùy anh vậy, - Juliette nói. - Uống một chút rượu hồi nhẹ nhé?

Và trong hơn một tiếng đồng hồ, người đàn bà đáng ngưỡng mộ ấy không ngớt nói với tôi những lời lẽ dịu dàng, nhân ái. Bà ta tin rằng tôi sẽ được trắng án về cái tội đã giết tên Bébert đểu cáng ấy và chỉ phải ngồi tù cấm cố mười tám tháng cho đến hai năm vì mấy tội kia.

Khi từ giã, Juliette xiết chặt tay tôi hồi lâu trong đôi tay bà, và nói: "Tạm biệt anh, chúc anh may mắn nhiều" đoạn khóc òa lên.

Ông chỉ huy đưa tôi về khu trừng giới. Dọc đường tôi nói:.

- Thưa thiếu tá, thiếu tá có được người vợ cao quý nhất trên đời này.

- Tôi biết, Papillon ạ, cô ấy sinh ra không phải để sống ở đây, những gì diễn ra ở đây quá tàn nhẫn đối với cô ấy. Nhưng biết làm thế nào được? Thôi, cũng chỉ bốn năm nữa tôi đã về hưu rồi.

- Nhân lúc này chỉ có ông và tôi, tôi cũng xin cảm ơn ông đã cố làm sao cho người ta đối xử với tôi tử tế, mặc dầu nếu tôi thành công, việc ấy sẽ gây cho ông những chuyện hết sức phiền hà.

- Phải, anh có thể làm cho tôi đau đầu hết sức. Tuy vậy, anh có muốn tôi nói với anh điều này không? Anh xứng đáng được

hưởng thành công trong chuyến vượt ngục.

Đến cổng khu trừng giới, ông nói thêm:

- Từ biệt anh, Papillon. Cầu Chúa phù hộ anh, anh sẽ cần đấy.

- Từ biệt thiếu tá.

Đúng, tôi sẽ cầu Chúa phù hộ vì tòa án binh do một thiếu tá hiến binh bốn lon chủ tọa đã tỏ ra cực kỳ khắc nghiệt. Ba năm về tội lấy trộm và lạm dụng vật tư của Nhà nước, xâm phạm mộ phần và mưu toan vượt ngục, năm năm về tội giết tên Celier. Tổng cộng là tám năm cấm cố. Giả sử tôi không bị thương, chắc chắn là cái tòa án ấy đã xử tử tôi rồi.

Cái tòa án đã xử tôi nghiệt ngã như vậy lại tỏ ra khoan dung đối với một phạm nhân Ba Lan tên là Dandowsky vừa phạm tội giết hai người. Hắn chỉ bị năm năm, tuy vụ án mạng hiển nhiên là đã được tính toán từ trước.

Dandowsky là một người thợ bánh mì, chỉ chuyên làm men bột nở. Hắn chỉ làm việc từ ba đến bốn giờ sáng. Vì lò bánh mì ở ngay bến, đối diện với biển, cho nên bao nhiêu thì giờ rỗi hắn đều dành cho việc đi câu. Tính tình điềm đạm, nói tiếng Pháp không được sõi, hắn chẳng giao du với ai. Người tù khổ sai chung thân này dồn hết tình thương yêu trìu mến cho một con mèo đen có đôi mắt xanh biết như màu ngọc bích. Con mèo đối với hắn như một người ruột rà thân thiết, cùng ăn cùng ngủ với nhau, mỗi khi hắn đi làm con mèo đi theo hắn như một con chó,

để cho hắn có bạn. Nói tóm lại, giữa người và vật có cả một mối tình đằm thắm.

Còn như nếu trời nắng quá mà không có nơi nào có bóng râm gần chỗ câu cá, nó trở về lò bánh mì một mình leo lên võng của bạn nằm chờ. Đến mười hai giờ trưa, khi nghe chuông điểm, nó liền ra đón anh bạn Ba Lan và nháy nhót bên con cá con mà anh ta treo ở đầu sợi chỉ, dứ dứ cho con mèo vờn cho đến khi nó chụp được

Tốp thợ bánh mì ở chung một giàn phòng lớn kê bên lò bánh mì. Một hôm, hai người tù khổ sai tên là Corrazi và Angelo mời Dandowsky ăn món xi-vê thỏ do Corrazi nấu: mỗi tuần anh này đều nấu xi-vê thỏ chén một lần. Dandowsky ngồi xuống ăn với họ, nhân thể góp một chai rượu vang để nhắm với thịt thỏ. Tối hôm ấy con mèo không về. Anh Ba Lan tìm khắp nơi mà chẳng thấy. Một tuần đã trôi qua, mà con mèo vẫn chẳng thấy đâu. Dandowsky buồn lắm: sinh vật duy nhất mà anh yêu thương và cũng yêu thương anh một cách đằm thắm như vậy bỗng dưng đã biến đi một cách thật khó hiểu. Được biết nỗi đau buồn vô hạn của Dandowsky, vợ một viên giám thị đem biếu anh ta một con mèo con. Dandowsky liền đuổi nó đi, và phẫn uất hỏi bà ta: làm sao bà ta lại đang tâm nghĩ rằng anh có thể yêu thương một con mèo khác được. Anh ta nói rằng đó là một sự xúc phạm nặng nề đối với hương hồn của người bạn đã khuất của anh.

Một hôm tên Corrazi đánh một cậu bé học nghề làm bánh mì, đồng thời chuyên đưa bánh mì vào trại. Cậu ta không ở chung với tốp thợ bánh mì, mà thuộc phiên chế của trại. Vốn tính thù dai, cậu bé tìm gặp Dandowsky nói:

- Anh ạ, cái con thỏ mà Corrazi và Angelo mời anh ăn ấy, chính là con mèo của anh đấy.

- Chứng cớ đâu? - anh Ba Lan túm cổ cậu bé quát.

- Dưới gốc cây xoài ở chênh chếch phía sau cái lán để xuồng, tôi đã nhìn thấy Corrazi chôn da con mèo của anh đấy.

Như một người điên, anh Ba Lan ra đấy xem, và quả nhiên tìm thấy bộ da. Anh ta nhặt bộ da và cái dầu đều đã bắt đầu thối rữa, đem ra biển rửa sạch, phơi ra nắng cho khô rồi lấy vải sạch bọc lại và đem chôn ở một nơi khô ráo, chôn rõ sâu để cho kiến khỏi ăn.

Chính anh ta kể lại với tôi như vậy.

Đêm hôm ấy, dưới ánh đèn dầu hỏa, trên một cái ghế dài rất nặng ở phòng ăn của thợ bánh mì, Corrazi và Engelo ngồi cạnh nhau đánh một ván belote tay bốn. Dandowsky là một người đàn ông trạc bốn mươi, vóc người tầm thước, vạm vỡ, rộng vai, rất khỏe. Anh ta đã chuẩn bị một cái gây lớn bằng gỗ lim nặng như sắt. Từ phía sau bước vào, anh ta chẳng nói chẳng rằng giáng lên đầu mỗi đứa một đòn khủng khiếp. Hai cái sọ vỡ tung ra như hai quả lựu, óc chảy cả xuống đất.

Như điên như dại, Dandowsky chưa hả, còn hốt óc hai kẻ thù phết lên tường nữa. Cả căn phòng nhầy nhụa những máu và óc người.
Trong khi tôi không được ngài thiếu tá hiến binh, chánh án tòa án binh, thông cảm, thì Dandowsky tuy đã giết hai mạng một lúc có chủ định hắn hoi, lại may mắn được ngài thông cảm, đến mức chỉ bị xử có năm năm cấm cố.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Cầm cố lần thứ hai

Tôi cùng trở về Quần đảo với anh chàng Ba Lan, tay tôi và tay anh ta cùng khóa cung một cái khoá. Chúng tôi đã không phải nằm lì trong các xà-lim ở Saint-Laurent! Đến đấy vào thứ hai, ra tòa hôm thứ năm, thì thứ sáu đã lên tàu trở về Quần đảo.
Chúng tôi có cả thảy mười sáu người được đưa ra Quần đảo, trong đó có mười hai người bị cấm cố. Biển động mạnh, chốc chốc lại có một đợt sóng lớn tràn qua boong tàu. Trong cơn tuyệt

vọng, tôi đi đến nước mong sao cho chiếc tàu cà khổ này đắm quách. Tôi không nói chuyện với ai. Ngọn gió ẩm ướt quất vào mặt tôi làm cho tôi hướng vào nội tâm. Tôi không tìm cách che gió, ngược lại, tôi còn cố ý để cho mũ bay mất: trong suốt tám năm ròng cấm cố, tôi còn cần gì đến mũ? Mặt quay thẳng ra phía gió, tôi hít làn không khí ướt át đang quất vào tôi cho đến ngạt thở thì thôi. Sau khi mong tàu đắm, tôi cố định thần lại: "Bébert Celier đã làm mồi cho cá mập; còn mày, mày mới ba mươi tuổi, và phải ngồi tù cấm cố tám năm". Nhưng liệu có qua nổi tám năm trong những bức tường của cái chuồng giam ăn người ấy không?

Cứ theo kinh nghiệm của tôi đã qua, tôi nghĩ rằng không thể nào qua nổi. Bốn hay năm năm hẳn là cái giới hạn tột cùng của sức để kháng tối đa có thể có được Giá tội không giết Celier, tôi chỉ ngồi có ba năm, thậm chí chỉ hai năm thôi, vì vụ giết người đã làm cho các khoản kia nặng thêm, kể cả khoản vượt ngục. Lẽ ra tôi đừng giết cái thằng khốn nạn ấy mới đúng. Bổn phận làm người của tôi đối với bản thân tôi không phải là xét xử kẻ khác để lập lại công bằng cho tôi, mà trước hết và trên hết là phải sống, sống mà để vượt ngục. Làm sao tôi lại có thể phạm một sai lầm như vậy? Đó là chưa kể chỉ có một chút xin nữa là hắn giết tôi, cái đồ rác rưởi ấy. Sống, sống cho bằng được, lẽ ra đó phải là tôn giáo duy nhất của tôi. Trong số những viên giám thị đi áp

giải đoàn tù có một người tôi đã từng gặp ở nhà lao cấm cố. Tôi không biết hắn tên là gì, nhưng tôi không sao cưỡng lại được ý muốn hỏi hắn một câu.

- Thưa sếp, tôi muốn hỏi sếp một điều này.

Viên giám thị ngạc nhiên, lại gần tôi nói:

- Điều gì?

- Sếp đã từng biết có ai qua được tám năm cấm cố chưa?

Hắn nghĩ một lát rồi nói:

~ Chưa, nhưng tôi biết có mấy người đã qua được năm năm, và còn có một người, tôi còn nhớ rất rõ, đã ra khỏi nhà lao khỏe mạnh và cân bằng sau sáu năm cấm cố. Tôi có mặt ở nhà lao khi người này được thả.

- Cảm ơn sếp.

- Không có gì - viên cảnh sát nói. - Anh bị tám năm phải không?

- Thưa sếp vâng.

- Anh chỉ có thể qua được nếu anh không bị phạt lần nào. - Nói đoạn hắn bỏ đi.

Câu này rất quan trọng. Đúng, tôi chỉ có thể sống sót mà ra khỏi nhà lao nếu tôi không bị phạt một lần nào. Thật thế, nếu bị phạt, anh sẽ bị giảm một phần hay toàn bộ suất ăn trong một thời gian nào đấy, và về sau, ngay đến khi đã được trở lại chế độ ăn bình thường, anh vẫn không tài nào lấy lại sức được nữa. Chỉ cần vài lần bị phạt hơi nặng một chút là anh không thể chịu đựng đến

cùng được nữa, anh sẽ chết trước khi mãn hạn. Kết luận: tôi không được nhận dừa, hay thuốc lá, thậm chí cũng không được viết và nhận thư nữa. Trong phần còn lại của chuyến đi, tôi không ngừng nhai đi nhai lại cái quyết định này. Không nhận gì hết, tuyệt đối không, dù từ bên ngoài hay từ bên trong. Tôi nảy ra một ý: cách duy nhất để được ăn khá hơn một chút là làm sao từ bên ngoài có ai đút tiền cho mấy tên phát xúp để họ chọn cho tôi miếng thịt to nhất và ngon nhất trong bừa xúp buổi trưa. Việc này dễ, vì một người múc xúp vào cà-mèn tù nhân, rồi một người bưng khay đi theo sau bỏ một miếng thịt vào phần xúp đã múc. Người múc xúp phải vét xuống đáy thùng để vớt thật nhiều rau vào muối.. Nghĩ ra được cách này, tôi thấy vững tâm, Quả thật, tôi rất có thể không bị đói, và ăn gần đủ chất nếu phương cách kia được thu xếp chu đáo. Tôi chỉ còn mỗi việc mơ mộng, thả hồn bay đi thật nhiều, cố chọn những đề tài tươi vui để tưởng tượng, cho khỏi phát điên.

Chúng tôi đã về đến quần đảo. Lúc bấy giờ là ba giờ chiều. Vừa lên bờ, tôi đã nhìn thấy tà áo màu vàng nhạt của Juliette đang đứng cạnh chồng, ông chỉ huy trại bước nhanh đến cạnh tôi, trước khi đoàn tù có đủ thì giờ xếp hàng, và nói:

- Bao nhiêu?

- Tám năm.

Ông ta trở lại cạnh vợ và nói cho bà biết. Xúc động mạnh, bà

ngồi xuống một tảng đá. Có thể thấy rõ bà thất vọng ê chề. Chồng bà nắm lấy cánh tay bà, bà đứng dậy, và sau khi đưa về phía tôi một cái nhìn nặng tình thương xót của đôi mắt mênh mông, bà đi theo chồng, không ngoái lại.

- Papillon, bao nhiêu? - Dega hỏi tôi.

- Tám năm cấm cố.

Dega lặng thinh, không dám nhìn tôi. Galgani lại gần. Trước khi anh ta kịp nói, tôi dặn:

- Đừng gởi gì cho tôi, cũng đừng viết gì. Thời hạn lâu như vậy, tôi không thể để cho bọn họ có cớ phạt tôi.

- Tôi hiểu.

Tôi nói thầm rất nhanh: cậu tìm cách làm sao cho họ dành phần khá trong suất ăn tù cho tôi, vào buổi trưa và buổi tối. Nếu cậu làm được, có lẽ một ngày kia chúng mình sẽ còn gặp lại nhau. Gửi Chúa".

Tôi tự động đi về phía chiếc xuồng đầu tiên sẽ đưa tù cấm cố đến Saint-Joseph. Mọi người đều nhìn theo tôi như nhìn một cỗ quan tài đang hạ huyệt. Không ai nói một lời. Trên đoạn đường ngắn ngủi này, tôi nhắc lại với Charpar những điều tôi đã nói với Galgani. Anh ta đáp:

- Chắc làm được thôi. Can đảm lên Papi - Rồi anh nói thêm - Thế còn Matthieu Carbonieri thì sao?

- Tôi quên mất cậu ấy, cậu tha thứ cho tôi. Chủ tọa Tòa án binh

đã yêu cầu bổ sung tài liệu về trường hợp cậu ấy trước khi ra quyết định, như thế là đáng mừng hay đáng lo?

- Chắc là đáng mừng.

Tôi đi ở hàng đầu một toán gồm mười hai người đang leo lên đốc để đến nhà lao Cấm cố. Tôi đi rất nhanh, kể cũng lạ: tôi nóng lòng muốn ngồi lại một mình trong buồng giam. Tôi rảo bước đến nỗi tên lính gác nói:

- Từ từ chứ Papillon. Có vẻ như anh đang vội quay về ngôi nhà mà anh mới từ giữ cách đây chẳng bao lâu.

- Đến nơi rồi.

- Cởi hết ra! Đây là vị chỉ huy nhà lao Cấm cố.

- Tôi lấy làm tiếc là anh lại trở lại, Papillon ạ, - ông nói. Đoạn lại chuyển sang bài diễn văn quen thuộc: "Các phạm nhân cấm cố! ở đây v.v..." Sau đó ông lại nói với tôi: "Nhà A, buồng 127. Buồng giam khá nhất đấy Papillon ạ, vì anh được ở trước mặt cửa hành lang, do đó anh có nhiều ánh sáng hơn, và không bao giờ bị thiếu không khí. Tôi hy vọng anh sẽ có hạnh kiểm tốt. Tám năm là một thời hạn rất dài. Nhưng có lẽ với một hạnh kiểm thật tốt, anh có hy vọng được án giảm một hai hay năm. Tôi cầu mong anh được như thế, vì anh là một người can đảm".

Thế là tôi về buồng giam 127. Quả nhiên nó ở ngay trước mặt một khung cửa lớn có chấn song đưa vào hành lang. Tuy đã sáu giờ mà trông còn khá rõ. Căn buồng cũng không có cái mùi và

cái vị của một nơi đựng đồ mục ruỗng như căn buồng của tôi lần trước.

Điều đó làm cho tôi vừng lòng đôi chút: "Anh bạn Papillon thân mến, đây là bốn bức tường sẽ nhìn anh sống trong tám năm. Chớ làm cái việc đếm tháng đếm giờ, việc đó hoàn toàn vô ích. Nếu anh muốn có một đơn vị khả thủ để đo thời gian, anh phải tính từng lục cá nguyệt. Mười sáu lần sáu tháng là anh mãn hạn. Dù sao thì anh cũng được một ưu thế. Anh có chết ở đây thì ít nhất cũng được chết trong ánh sáng, nếu anh chết vào ban ngày. Điều này rất quan trọng. Chết trong bóng tối chắc chẳng vui chút nào. Nếu anh ốm, ít ra bác sĩ cũng nhìn thấy được mặt anh. Anh không việc gì phải tự trách móc vì đã muốn sống lại bằng cách vượt ngục, và quả tình cũng không nên tự trách mình đã giết chết thằng Celier. Anh thử tưởng tượng xem anh sẽ đau đớn nhường nào khi nghĩ rằng trong lúc anh đang ngồi đây thì hắn đã lên đường vượt ngục. Thời gian sẽ trả lời. Biết đâu rồi đây chẳng có một cuộc đại ân xá, một cuộc chiến tranh, một trận động đất, một trận bão lốc, làm cho cái pháo đài này sụp đổ tan tành? Sao lại không? Biết đâu rồi đây chẳng có một con người trung trực từ đây trở về Pháp khuấy động được niềm công phẫn trong lòng dân Pháp, và dân Pháp sẽ buộc ban Quản trị trại trừng giới bãi bỏ cái lối giết người không cần đến máy chém này? Hoặc giả một ông bác sĩ, buồn nôn trước cái cảnh này, kể lại cho một nhà báo,

một ông linh mục gì đấy, tôi làm sao biết được? Dù sao thì thằng Celier đã được lũ cá mập tiêu hóa từ lâu. Còn tôi, tôi vẫn còn đây, và nếu tôi xứng đáng với bản thân, tôi sẽ sống cho đến cùng để ra khỏi nấm mồ này.

Một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay; một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay; tôi bắt đầu đi đi lại lại, ngay lập tức tìm lại được cái tư thế tối ưu của đầu, của tay, và chiều dài chính xác của mỗi bước đi để cho quả lắc hoạt động hoàn hảo. Tôi quyết định chỉ đi đi lại lại hai giờ vào buổi sáng và hai giờ vào buổi chiều, cho đến khi nào biết chắc là sẽ có được một chế độ ăn ưu tiên về lượng. Trong tình trạng tinh thần kích động của những ngày đầu, không nên lãng phí năng lượng một cách vô ích.

Phải, đến phút cuối mà thất bại cũng thật thê thảm. Tuy đây mới chỉ là phần đầu của cuộc vượt ngục: còn phải gặp may trong một chuyến vượt biển dài hơn một trăm năm mươi cây số trên chiếc bè mỏng manh này. Và tùy nơi đổ bộ lên Đất liền, lại phải bắt đầu một hành trình đào tẩu khác. Nếu hạ thủy bình yên, cánh buồm làm bằng ba cái bao bột sẽ đưa chiếc bè đi với tốc độ hơn mười cây một giờ. Không đầy mười lăm tiếng, có lẽ mười hai cũng nên, sẽ đến đất liền. Dĩ nhiên là nếu ngày hôm ấy trời mưa, vì chỉ có trời mưa mới dám căng buồm. Tôi nhớ mường tượng hình như hôm tôi bị giam vào xà-lim, trời mưa thì phải. Tôi không chắc lắm. Tôi tìm thử xem tôi đã phạm, những lỗi lầm gì.

Tôi chỉ thấy có hai. Anh thợ mộc đã muốn làm một cái bè quá tốt, quá chắc chắn, cho nên để ghép dừa vào, đã phải bỏ công ra làm một cái khung phức tạp gần như thành hai chiếc bè ghép vào nhau. Thành thử phải làm quá nhiều bộ phận và mất quá nhiều thì giờ vào đấy để làm cho thật cẩn thận và kín đáo
Thứ hai, là sai lầm nghiêm trọng nhất: khi đã có nghi vấn nghiêm trọng về Celier, lẽ ra tôi phải giết hắn ngay đêm hôm ấy. Giá tôi làm như vậy, không biết bây giờ tôi đã ở tận đâu đâu rồi? Dù có bị bại lộ khi đến Đất liền hay bị bắt ngay khi hạ thủy, thì tôi cũng chỉ ăn ba năm chứ không phải là tám, mà lại có được sự thỏa mãn của hành động. Giả sử mọi việc đều xuôi lọt bây giờ tôi đang ở đâu? Có thánh mà biết được Có lẽ đang nói chuyện với ông Bewen ở Trinidad, hay đang ở Curacao dưới sự bảo trợ của Giám mục Irénée de Bruyne. Và từ đó, chúng tôi sẽ chỉ lên đường khi nào đã biết chắc có một nước nào chịu nhận chúng tôi. Nếu không, tôi sẽ dễ dàng đi một mình, trên một con thuyền nhỏ, hướng thẳng về Guajira, lãnh thổ của bộ lạc đã dung nạp tôi làm một thành viên. Rất khuya tôi mới ngủ được, nhưng giấc ngủ của tôi đêm ấy cũng bình thường. Cái đêm đầu ấy đã không đến nỗi quá khổ sở. Sống, sống cho bằng được. Tôi sẽ phải tự nhắc đi nhắc lại, mỗi khi thấy mình sắp buông xuôi vào tuyệt vọng, câu châm ngôn sau đây của niềm tin ở tương lai: “Chừng nào hãy còn sống là hãy còn hy vọng”.

Một tuần lễ đã trôi qua. Kể từ hôm qua tôi đã nhận thấy có sự thay đổi trong suất ăn hàng ngày. Bữa ăn trưa tôi được một miếng thịt hầm rất to, rồi bữa tối là cả một cà mèn rau muống, rất ít nước. Như một đứa trẻ, tôi tự nhủ: "Rau muống có chất sắt, bổ lắm".

Nếu tình hình này kéo dài, tôi sẽ có thể đi đi lại lại mấy ngày từ mười đến mười hai tiếng đồng hồ, và đến tối, thân thể mỏi mệt, tôi có thể tha hồ du hành giữa cái vì sao. Không, tôi không đi lan man đâu, tôi đang ở trên trần thế, thực sự đang sống trên trần thế, tôi nghĩ đến tất cả những trường hợp các phạm nhân đã gặp phải mà tôi được nghe kể trong thời gian sống trên Quần đảo. Mỗi người đều có thiên lịch sử của mình, đều có một quá khứ và một hiện tại. Tôi cũng nghĩ đến những truyền thuyết mà người ta thường kể cho nhau nghe trên quần đảo. Trong đó có một chuyện mà tôi tự hứa là sẽ kiểm tra lại xem thực hư ra sao: đó là chuyện cái chuông.

Như tôi đã có dịp nói, phạm nhân chết không được chôn cất, mà bị đem ném xuống biển ở khoảng giữa đảo Saint-Joseph và đảo Royale, một nơi nhung nhúc những cá mập. Người chết được bọc trong mấy cái bao bột, chân buộc vào một cục đá lớn. Một cái thùng hình chữ nhật dài, được dùng thường xuyên cho mọi người, đặt nằm dọc ở phía trước mũi thuyền. Đến nơi đã ấn định, sáu phạm nhân chèo thuyền nâng mái chèo lên khỏi mặt nước,

ngang tầm mạn thuyền. Một người dốc cái thùng, một người khác mở cái nắp ở bản lề ở đầu thùng ra. Bấy giờ cái xác chết tụt xuống biển. Có một điều chắc chắn, không thể hồ nghi gì được, là ngay tức khắc lũ cá mập cắn đứt sợi thừng buộc đá vào chân tử thi. Không bao giờ tử thi có đủ thì giờ chìm xuống sâu lắm. Nó lại trồi lên mặt nước, và lũ cá mập bắt đầu tranh nhau miếng mồi ngon ấy. Theo những người đã chứng kiến cảnh này, nhìn lũ cá mập ăn thịt người tù đã chết là một cảnh tượng gây cảm giác rất mạnh, vì khi cá mập đến đông, chúng nâng cả cái bọc vải liệm lên khỏi mặt nước, xé tung nó ra và đớp từng miếng thịt người to tướng.

Cái thủ tục mai táng ấy diễn ra đúng như tôi đã tả nhưng có một điều tôi chưa xác minh được. Các phạm nhân, không trừ một ai, đều nói rằng cái làm cho cá mập tụ tập đến chỗ ấy chính là tiếng chuông của nhà thờ trại giam đánh lên mỗi khi có người chết. Họ nói là nếu anh đứng ở đầu con kè dài từ đảo Royale đâm ra biển vào lúc sáu giờ chiều, có những ngày không thấy có lấy một con cá mập nào. Nhưng khi ngôi nhà thờ nhỏ của trại giam gióng chuông lên, chỉ một nhoáng ở đấy đã nhung nhúc một đàn cá mập đến chờ người chết, vì không còn lý do nào khác khiến cho chúng nó tập trung về đấy đúng vào giờ ấy. Mong sao tôi sẽ không phải làm món ăn cho lũ cá mập của đảo Royale trong một hoàn cảnh tương tự. Chúng nó có nhai tươi nuốt sống tôi trong

một chuyến vượt ngục thì cũng đành, ít nhất thì đó cũng là một sự cố xảy ra trên đường đi tìm tự do. Nhưng nếu là sau khi tôi chết bệnh trong một căn buồng giam thì xin đừng! Một việc như thế không thể để xảy ra được.

Được ăn đủ chất nhờ cách dàn xếp của các bạn tôi, sức khỏe tôi vẫn hoàn hảo. Tôi đi đi lại lại trong phòng giam từ bảy giờ sáng đến sáu giờ chiều, không lúc nào ngưng. Thành thử cái cà-mèn đầy rau quả khô, rau muống, đậu đũa hay cơm rang của bữa ăn tôi bao giờ cũng được vét sạch. Bao giờ tôi cũng ăn hết mà không phải cố gắng gì. Cái môn đi đi lại lại rất có lợi cho cơ thể của tôi, sự mệt mỏi mà nó đem lại cho tôi là một sự mệt mỏi lành mạnh, và trong khi đi như vậy, tôi lại còn tìm được cách tự phân thân ra thành hai. Như hôm qua chẳng hạn, tôi đã suốt ngày rong chơi trên những cánh đồng cỏ của một thôn nhỏ ở Ardèche gọi là thôn Favras. Hồi mẹ tôi mất rồi, tôi hay đến đấy ở chơi vài tuần với bà dì em ruột mẹ tôi làm giáo viên trong trường làng. Thế thì hôm qua tôi đã thực sự dạo chơi trong khóm rừng phong, thấy đâu có nấm lại cúi xuống nhặt, rồi tôi lại nghe bạn tôi, cậu bé chăn cừu hô lớn những mệnh lệnh sai bảo con chó berger, và con vật khôn ngoan răm rắp thi hành những mệnh lệnh của cậu chủ, khi thì đi kiếm một con cừu lạc lôi về, khi thì trừng phạt một con dê quá nghịch ngợm. Hơn nữa, miệng tôi còn thấm thía cái vị nồng nồng của ly nước mát rượi, khoái trá thưởng thức cái cảm

giác nhột nhột của những đám bọt nhỏ li ti trong nước suối xông lên tận mũi. Những cảm giác rõ như thật này về những giờ phút đã qua hơn mười lăm năm về trước, cái khả năng sống lại thực sự những cảm giác ấy một cách mãnh liệt như vậy chỉ có thể thực hiện được trong nhà giam, xa cách mọi tiếng ồn ào, trong cõi im lặng tuyệt đối.

Thậm chí tôi còn trông thấy cả cái màu vàng của tà áo dài của dì Outine. Tôi nghe thấy tiếng gió vi vu trong rặng phong dương, tiếng động khô gọn của một quả phong khi rơi xuống chỗ đất khô, và tiếng động mềm khi rơi xuống lớp lá vàng. Một con lợn lòi to tướng tử trong đám bụi rậm và cao lao ra đã làm cho tôi sợ hãi đến nỗi tôi bỏ chạy thục mạng, trong cơn hốt hoảng đánh rơi mất một phần lớn những cây nấm đã nhặt được. Vâng, tôi đã suốt ngày dong chơi (trong khi đi đi lại lại trong buồng giam) ở Favras với dì tôi và với bạn tôi cậu bé Julion chăn cừu cho Hội Từ Thiện. Những kỷ niệm êm đềm, trong sáng, rõ nét ấy, không ai có thể cấm tôi sống lại một lần nữa, không ai có thể ngăn tôi lăn xả vào đấy để tìm thấy sự thanh thản rất cần cho mảnh hồn dập nát của tôi.

Xã hội cứ tưởng đâu tôi đang nằm ở một trong những căn xà lim của cái nhà giam ăn thịt người này. Nó có biết đâu tôi đã ăn gian được của nó cả một ngày trời, tôi đã sống cái ngày ấy ở trên những bãi cỏ, trong những rặng phong ở Favras, lại còn uống cả

nước khoáng ở con suối được gọi là Suối cây Đào. Thế rồi sáu tháng đã trôi qua. Tôi đã tự hứa là sẽ tính từng sáu tháng một: tôi đã giữ đúng lời hứa ấy.

Chỉ đến sáng hôm nay, tôi mới hạ con số mười sáu xuống thành con số mười lăm... Chỉ còn mười lăm lần sáu tháng nữa.

Ta thử sơ kết lại xem: Trong sáu tháng vừa qua cá nhân tôi không có sự cố gì. Thức ăn hàng ngày trước sau vẫn thế, nhưng với một khẩu phần khá đủ để duy trì sức khỏe của tôi ở một trạng thái khả quan. Xung quanh tôi đã xảy ra nhiều vụ tự tử và nhiều trường hợp phát điên dữ dội, may mà họ đưa người điên đi ngay. Thật nản vô cùng khi phải nghe họ la hét, rên rỉ hay kêu than hàng giờ liền hay suốt ngày suốt buổi. Tôi đã tìm được một cái mẹo khá tốt cho thần kinh, nhưng lại có hại cho lỗ tai. Tôi cắt một mảnh xà-bông nhét vào hai tai để khỏi nghe những tiếng kêu gào rùng rợn ấy.

Đáng tiếng là xà-bông làm cho ống tai bị đau, chỉ hai ba ngày là trong tai có nước rỉ ra: Lần đầu tiên kẻ từ khi tôi đến trại khổ sai, tôi đã hạ mình xuống xin xỏ một tên cảnh sát. Số là một tên cảnh sát trông coi việc phát xúp là người Montelimar, gần quê tôi. Tôi có quen hắn ở Royale, nên đã xin hắn đem vào cho tôi một cục sáp để tôi nhét vào tai cho đỡ nghe những tiếng la hét của những tù nhân phát điên khi họ chưa được đưa đi. Hôm sau hắn đã đem vào cho tôi một cục sáp to bằng hạt dẻ. Cái cảm giác nhẹ nhõm

khi không còn nghe những tiếng gào của những người khốn khổ ấy nữa thật dễ chịu không thể tưởng tượng được.

Tôi đã thành thạo về cái khoản trị rết. Trong vòng sáu tháng tôi chỉ bị cắn có một lần, tôi đã tự chủ được hoàn toàn những khi thức giấc mà cảm thấy có một con rết đang bò trên thân thể trần truồng của tôi. Cái gì rồi người ta cũng quen đi, chẳng qua đấy là vấn đề tự điều khiển, vì cái cảm giác nhột nhột do chân và râu gây ra hết sức khó chịu. Nhưng nếu không khéo bắt nó thì bị cắn ngay. Tốt hơn là nên đợi cho nó tự bò xuống, rồi sau đó mới tìm nó mà xéo cho chết đi. Trên cái ghế xi măng của tôi lúc nào cũng để sẵn hai ba mẩu bánh mì nho nhỏ. Thế nào mùi bánh mì cũng hấp dẫn rết đến. Lúc bấy giờ tôi cứ việc giết.

Tôi luôn luôn phải xua đuổi một ý nghĩ cứ ám ảnh tôi hoài. Tại sao tôi không giết thằng Bébert Celier ngay cái hôm anh em bắt đầu nghi ngờ hắn có những ý định khốn nạn ấy? Mỗi lần câu hỏi ấy hiện ra tôi lại phải tranh luận với bản thân: trong trường hợp nào ta có quyền giết. Rồi kết luận: mục đích biện hộ cho phương tiện. Mục đích của tôi là vượt ngục cho bằng được; tôi đã có cái may mắn là đóng xong được một chiếc bè tốt và giấu được bè vào một nơi an toàn. Việc ra đi chỉ còn tính từng ngày. Một khi tôi đã biết rằng Celier là một mối nguy cơ cho cái bộ phận cuối cùng của chiếc bè, mà do một sự may mắn lạ lùng đã đem cất giấu được, thì lẽ ra tôi phải hành quyết nó ngay, không chút do

dự.

Thế nếu tôi nhầm, nếu cái mối nguy cơ ấy chỉ là một ảo giác do những hiện tượng bề ngoài sinh ra thì sao? Thì tôi đã giết một người vô tội. Như thế khủng khiếp quá! Nhưng mày đặt vấn đề như thế thật là phi lô-gích, vì mày là một tên tù khổ sai kia mà! Hơn thế nữa, mày là tù chung thân đã bị xử tám năm cấm cố kia mà!

Mày nghĩ vớ vẩn gì thế, hở cái đồ cặn bã bị coi như rác rưởi hôi tanh của xã hội? Mày thử tự hỏi xem mười hai miếng pho-mát kia - mười hai tên bồi thẩm đã xử mày, - có bao giờ tự vấn lương tâm, dù chỉ một lần thôi, xem thử chúng nó xử mày nặng như vậy có công bằng hay không? Xem viên biện lý - mà tôi chưa quyết định được là sẽ dùng cái gì để rút lưỡi hắn ra - cũng có tự hỏi xem bản cáo trạng của hắn có gì quá đáng hay không? Ngay các trạng sư đã bênh vực tôi chắc chắn là cũng không còn nhớ đến tôi nữa. Có chăng, chắc họ chỉ nhớ chung chung đến "Cái vụ án đáng buồn xử thằng Papillon" ở Tòa Đại hình 1932: các bạn đồng nghiệp ạ, hôm ấy tôi không được sung sức cho lắm, trong khi luật sư Pradel thì lại đang lúc phong độ lên đến tột đỉnh. Ông ta đã làm cho bên nguyên thắng cuộc một cách oanh liệt. Đó quả là một đối thủ hạng cừ khôi".

Tôi nghe thấy những điều đó như thể tôi đang đứng cạnh trạng sư Raymond Hubert trong một cuộc chuyện trò giữa mấy ông

luật sư, hay trong một buổi dạ hội của giới thượng lưu, hay có lẽ đúng hơn là trong một dãy hành lang của Tòa án.

Chắc chắn là chỉ có một người có thể có được lập trường của một vị quan tòa trung thực và lương thiện, đó là ông chánh án Bé vin. Con người trung chính vô tư ấy rất có thể, nhân một buổi bàn luận giữa những người đồng nghiệp hay một cuộc hội họp của giới thượng lưu bàn cãi về cái nguy cơ xử oan một con người khi dựa vào ý kiến của bọn bồi thẩm. Chắc chắn ông ta phải nói, dĩ nhiên là với những từ ngữ tế nhị, rằng mười hai miếng pho-mát của hội đồng bồi thẩm không hề được đào tạo hay trang bị gì để đảm đương một trách nhiệm lớn như vậy, rằng họ quá dễ bị nghệ thuật ngôn từ của bên nguyên hay bên bị mê hoặc, tùy theo tương quan lực lượng giữa hai bên trong cuộc đấu khẩu; rằng họ có thể tha bổng quá nhanh, hoặc ngược lại lên án quá dễ dàng mà chẳng biết rõ cho lắm là mình căn cứ vào cái gì, tùy theo cái không khi tích cực hay tiêu cực mà phía có tài hùng biện hơn đã gây nên được.

Ông chánh án và cả gia đình tôi nữa cũng thế, đúng; nhưng có lẽ gia đình tôi cũng oán hận tôi chút ít vì chắc chắn là tôi đã gây cho gia đình những chuyện phiền hà. Chỉ có một người duy nhất, cha tôi, vâng, người cha tội nghiệp của tôi, là không than phiền về cây thập tự mà đứa con trai đã đặt lên vai người, tôi tin chắc như vậy. Cây thập tự nặng nề ấy người vẫn cố kéo lê đi mà

không lên án thằng con trai, không hề trách móc, mặc dầu, vốn là một người thầy giáo, người phải kính trọng pháp luật và, hơn nữa phải dạy cho học trò hiểu và chấp nhận pháp luật. Tôi tin chắc rằng trong đấy lồng ngực cha tôi, trái tim hiền hậu của người phải quát lên: "Quân khốn nạn, chúng bay đã giết con ta, tệ hơn nữa, chúng bay đã đày đọa cho nó chết dần chết mòn, trong khi nó mới hai mươi lăm tuổi! Giá người biết thằng con trai của người đang ở đâu, người ta đang hành hạ nó như thế nào, rất có thể người đã trở thành một kẻ vô chính phủ.

Đêm hôm nay, cái nhà pha ăn thịt người đã xứng đáng với danh hiệu của nó hơn bao giờ hết. Tôi được biết là có hai người tù đã treo cổ chết và một người đã tự làm mình chết ngạt bằng cách nhét giẻ vào mồm và vào hai lỗ mũi. Buồng giam 127 ở gần chỗ bọn cảnh sát đổi gác, cho nên thỉnh thoảng tôi nghe được từng mẩu những câu chuyện họ trao đổi với nhau. Sáng nay chẳng hạn, họ nói khẽ, nhưng chưa đủ khẽ để cho tôi đừng nghe những điều họ kể cho nhau nghe về những sự cố đã diễn ra trong đêm vừa qua.

Lại thêm sáu tháng nữa trôi qua. Tôi đã tính sổ, và tôi vừa khắc lên gỗ một con số "14" rất đẹp. Tôi có một cái đinh, cứ sáu tháng mới dùng đến một lần. Vâng, tôi đã tính sổ và nhận định tình hình: sức khỏe tôi vẫn tốt và tinh thần tôi rất vững.

Nhờ những chuyến du hành những các vì sao, rất ít khi tôi bị

những cơn tuyệt vọng kéo dài. Những lần lâm vào tình trạng ấy, tôi khắc phục nỗi tuyệt vọng khá nhanh và tổ chức thật chu đáo một chuyến du hành thực sự hay tưởng tượng nó xua tan hết những ý nghĩ bi quan. Cái chết của Celier đã giúp cho tôi nhiều trong việc chiến thắng những cơn khủng hoảng tinh thần ác liệt ấy Tôi tự nhủ: còn ta, ta vẫn sống, ta đang sống nhăn răng ra đây này, và ta phải sống, sống nữa, sống nhiều nữa để một ngày kia sẽ sống lại thành một người tự do. Hắn đã phá hỏng cuộc vượt ngục của ta, nhưng hắn đã chết và sẽ không bao giờ được tự do như ta sẽ được tự do sau này: một ngày kia ta sẽ tự do, đó là điều chắc chắn. là điều tất nhiên. Dù có sao chăng nữa, nếu ta ra khỏi nhà lao cấm cố vào tuổi ba mươi tám, ta cũng chưa già, và cuộc vượt ngục tiếp theo sẽ nhất định thành công, chắc chắn là như vậy.

Một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay: một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay. Từ mấy hôm nay hai chân tôi đen lại, chân răng tôi là máu..Khai ốm chăng? Tôi lầy ngón tay cái bấm vào cổ chân: khi buông ra, vết bấm vẫn lõm sâu vào. Có thể tưởng chừng như trong người tôi toàn nước. Từ một tuần nay tôi chỉ còn đi được mười cho đến mười hai tiếng một ngày, chỉ đi hai lần sau tiếng mà tôi đã mệt lả ra rồi. Mỗi lần chùi răng bằng khăn mặt rám tẩm xà-bông, tôi thầy đau lắm, và ra máu nhiều. Thậm chí hôm qua có một cái răng tự nhiên rụng ra - một cái răng cửa

hàm trên.

Đợt sáu tháng tiếp theo kết thúc bằng một cuộc cách mạng thực sự. Thật vậy, hôm qua họ bắt tù nhân thò đầu cả ra người ghi-sê, một bác sĩ đi rảo qua, banh môi từng người lên. Và sáng nay, đúng mười tám tháng sau khi tôi vào nhà tù cấm cố này, buồng giam của tôi được mở ra, và họ nói với tôi:

- Ra đi, đứng quay mặt vào tường và đợi đấy.

Tôi là người đầu tiên kể từ cửa lớn. Cả thảy gần bảy mươi người đã ra. "Quay trái, quay?" Tôi là người đi sau cùng trong một dãy dài được dẫn ra đầu phía kia của nhà giam và được đưa ra sân. Lúc bấy giờ là chín giờ. Một bác sĩ trẻ tuổi mặc áo sơ mi ka ki cộc tay đang ngồi giữa sân, sau một cái bàn nhỏ bằng gỗ. Bên cạnh ông ta là hai anh y tá phạm nhân và một viên giám thị y tá. Trong cả bốn người nay tôi không biết mặt một người nào, kể cả ông bác sĩ. Mười viên cảnh sát cầm súng trường đứng gác xung quanh. Viên chỉ huy nhà tù cấm cố và tốp giám thị trưởng đứng nhìn, không nói một câu.

- Tất cả, cởi hết ra, - viên giám thị trưởng hô - Quần áo cặp nách. Người thứ nhất. Tên là gì?

- Mỗ...

- Há miệng ra, giang chân ra. Nhổ ngay ra 3 cái răng này. Tra cồn pha i-ốt trước, sau đó là xanh méthylène. Xi-rô Cochleria mỗi ngày hai lần trước bừa ăn.

Tôi là người cuối cùng.

- Tên gì?

- Charrière.

- Chà! Anh là người duy nhất có một thân thể còn coi được. Mới đến à?

- Không.

- Giam ở đây bao lâu rồi?

- Mười tám tháng.

- Tại sao anh không gầy như mọi người khác.

- Tôi không biết.

- Được, tôi sẽ nói cho anh biết. Tại vì anh ăn khá hơn, nếu không phải là vì anh thủ dâm ít hơn. Há miệng xem. Chân. Mỗi ngày hai quả chanh: một sáng một chiều. Mút nước chanh, xong xát bã vào lợi, anh bị bệnh scorbut.

Họ dùng cồn pha i-ốt lau lợi cho tôi, rồi bôi thuốc xanh méthylène, đoạn phát cho tôi một quả chanh. Đằng sau quay. Tôi là người sau cùng trở về buồng giam.

Việc vừa xảy ra quả là một cuộc cách mạng: cho phạm nhân bị ốm ra tận ngoài sân, cho họ nhìn thấy mặt trời, cho bác sĩ khám từng người một. ở trại giam cấm cố chưa bao giờ có như vậy. Có chuyện gì xảy ra thế nhỉ? Phải chăng, do một sự tình cờ nào đấy, rốt cục đã có một ông bác sĩ không chịu làm kẻ tòng phạm câm lặng cửa cái quy chế trứ danh này? Cái ông bác sĩ này, về sau sẽ

trở thành bạn tôi, tên là Germain Guibert. Bây giờ thì ông chết rồi, chết ở Đông Dương. vợ ông ta có gửi thư đến Macaraibo, ở Venezuela, báo cho tôi biết, khá nhiều năm sau cái ngày ấy.

Cứ mười ngày lại có một buổi được ra nắng. Thuốc men vẫn chỉ có thế: cồn pha i-ốt, xanh méthylène, hai quả chanh. Tình trạng của tôi không trầm trọng thêm nhưng cũng không thuyên giảm. Đã hai lần tôi xin xi- rô Cocheléria và đã hai lần bác sĩ không chịu cho, điều đó bắt đầu làm cho tôi xì-nẹc, vì tôi vẫn không đi được sáu tiếng mỗi ngày, và hai cổ chân tôi vẫn còn sưng phù và bầm đen lại.

Một hôm, trong khi chờ đến lượt khám, tôi chợt nhận ra rằng cái cây còm cõi mà tôi đang dùng để nấp chút đỉnh cho đỡ nắng là một cây chanh không ra quả. Tôi bứt một cái lá chanh bỏ vào miệng nhai, rồi một cách lơ đễnh, không hề có chủ đích, tôi bẻ một nhánh cây có dăm chiếc lá cầm chơi. Đến khi ông bác sĩ gọi đến tên tôi, tôi cắp cái nhánh cây sau đít, nói:

- Thưa bác sĩ, tôi không biết có phải tại mấy quả chanh của bác sĩ không, nhưng xin bác sĩ xem giùm thứ cái gì mọc sau đít tôi đây này.

Nói đoạn tôi quay người lại cho bác sĩ xem cái nhánh cây cắm sau đít.

Thoạt tiên bọn cảnh sát cười phá lên, nhưng rồi viên giám thị trưởng nói:

- Papillon anh sẽ bị phạt vì đã có thái độ bất kính đối với bác sĩ.
- Không hề có như thế, - bác sĩ nói. - ông không được phạt người này, vì tôi có phàn nàn gì đâu. Anh không muốn dùng chanh nữa à? ý anh muốn nói như vậy phải không?
- Vâng, thưa bác sĩ, tôi chán chanh lắm rồi: mãi có khỏi đâu. Tôi muốn xin xi-rô Cochléria uống thử xem.
- Trước đây tôi không cho anh vì tôi chỉ có được rất ít, phải dành cho những người bệnh nặng. Tuy vậy tôi sẽ cho anh mỗi ngày một thìa, nhưng vẫn phải tiếp tục dùng chanh.
- Thưa bác sĩ, tôi đã có dịp trông thấy người Anh-điêng họ ăn rong biển, thứ rong này ở Royale tôi cũng thấy có.Chắc ở Saint-Joseph cũng phải có thứ rong này.
Anh đã gợi cho tôi một ý tuyệt hay. Chính tôi cũng đã thấy có một thứ rong gì đấy ở bờ biển. Tôi sẽ cho vớt và phát cho các anh mỗi ngày một ít. Người Anh-điêng họ ăn sống hay đem nấu lên?
- Họ ăn sống.
- Được Cám ơn. Và nhất là, thưa ông chỉ huy, tôi yêu cầu đừng phạt người này, xin ông cam kết với tôi như vậy.
- Tôi đồng ý, bác sĩ ạ.
Quả là một phép lạ. Cứ tám ngày lại được ra nắng hai tiếng đồng hồ, đợi đến lượt mình khám bệnh hoặc chờ cho những người khác được đưa ra, được trông thấy những gương mặt, được thì

thầm với nhau vài câu: trước kia ai mà dám mơ ước những điều kỳ diệu như vậy?

Đây là một sự thay đổi huyễn hoặc đối với mọi người, những xác chết đã đứng dậy và bước đi dưới ánh nắng; những con người bị chôn sống ấy nay đã nói lên được đôi lời. Đó là một bình dưỡng khí thổi sự sống vào cơ thể và tâm hồn của mỗi chúng tôi.

Clac, clac, hằng hà sa số những tiếng clac mở tất cả các cửa ngục vào một buổi sáng thứ năm lúc chín giờ. Mỗi người đều phải ra đứng ở ngang ngưỡng cửa phòng giam. Một tiếng gọi: "Các phạm nhân cầm cố! Quan thống đốc đi thanh tra".

Cùng đi với năm viên sĩ quan của quân đội thuộc địa, chắc hẳn đều những sĩ quan quân y, một người cao lớn, trang nhã, tóc màu hoa râm có ánh bạc, bước chậm rãi đọc hành lang đi qua trước từng khung cửa phòng giam. Tôi nghe tiếng một viên cảnh binh báo cáo cho ông ta biết những hình án nặng và những nguyên do đã dẫn đến nó. Trước khi đi ngang chỗ tôi, họ phải ra lệnh cho một người đứng dậy, vì người này đứng đợi lâu quá đã ngồi thụp xuống. Đó là một trong toán tù vượt ngục ăn thịt người: Graville.

Một viên sĩ quan nói:

- ồ, tên này chỉ còn là cái xác biết đị!

Quan thống đốc đáp:

- Tình trạng tất cả các tù nhân đều thảm hại.

Đoàn thanh tra đến chỗ tôi. Viên chỉ huy nhà lao nói:

- Người này là tù nhân bị án hình nặng nhất trong nhà lao.

Anh tên gì? - Quan thống đốc nói.

- Charrière.

- Hình án?

- Tám năm vì tội lấy trộm vật tư của nhà nước và giết người, ba cộng năm năm cấm cố, không có phối án.

- Đã ngồi được bao lâu?

- Mười tám tháng.

- Hạnh kiểm ra sao?

- Tốt. - Viên chỉ huy nhà lao nói.

- Sức khoẻ ra sao?

- Tạm được, - ông bác sĩ nói.

- Anh có muốn nói gì không?

- Có: cái chế độ cấm cố này là vô nhân đạo và không xứng đáng với một dân tộc như nước Pháp.

- Tại sao?

- Im lặng tuyệt đối, không được đi dạo, và trước đây ít hôm không hề có lệ khám sức khỏe.

- Anh hãy cố gắng có hạnh kiểm tốt, có lẽ anh sẽ được ân giảm nếu tôi còn làm thống đốc.

- Cám ơn ông.

Kể từ ngày ấy, theo lệnh quan thống đốc và bác sĩ trưởng từ Martinique và từ Cayenne tới, hôm nào chúng tôi cũng được một

buổi đi dạo và tắm biển trong một thứ bể bơi giả, có những tảng đá lớn ngăn với biển cho cá mập khỏi vào.

Mỗi buổi sáng cứ đến chín giờ, từng toán tù nhân một trăm người một từ nhà lao cấm cố kéo xuống tắm, mình trần như nhộng. Vợ con của bọn giám thị phải ở nhà, để khỏi thấy cái cảnh lõa lồ đó.

Chế độ này kéo dài đã được một tháng. Sắc diện của lũ tù đã khác hẳn. Buổi đi dạo giữa nắng, buổi tắm nước mặn, cái quyền được nói mỗi ngày một giờ, đã làm cho bầy tù cấm cố, cái bầy người đau ốm về tinh thần và thể chất ấy, thay đổi tận gốc.

Một hôm tôi đang đi ở các hàng sau trên đường từ chỗ tắm về nhà lao cấm cố, bỗng nghe có tiếng một người đàn bà hét lên thất thanh và hai phát súng lục.

- Cứu với! Cứu với! Con tôi chết đuối mất?

Những tiếng kêu la ấy từ phía bến đưa lại. Bến đây chỉ là một đường dốc xây xi-măng để cho thuyền đậu. Lại nghe tiếng xôn xao:

- Cá mập! Cá mập!

Rồi lại hai tiếng súng lục nữa. Trong khi ai nấy đều quay đầu về phía có tiếng kêu cứu và tiếng súng lục, tôi xô một tên lính gác ra, không hề suy tính, và người vẫn trần truồng như thế, tôi chạy thẳng ra bến. Đến nơi, tôi trông thấy hai người đàn bà đang la hét như điên, cạnh đấy có hai tên lính gác và hai thằng A-rập.

- Nhảy xuống đi? - người đàn bà hét. - Nó chưa trôi xa đâu! Tôi không biết bơi, chứ biết thì tôi đã xuống rồi. Hèn nhát cả một lũ!
- Cá mập! Một tên lính gác nói, đoạn lại chĩa súng bắn xuống biển.
Một đứa bé gái mặc chiếc áo dài màu xanh nối trắng đang trôi lềnh bềnh trên mặt biển, bị một dòng hải lưu yếu đưa từ từ ra xa. Nó trôi thẳng về phía các hải lưu quy tụ lại, vốn là chỗ dùng làm nơi mai táng các phạm nhân, nhưng hãy còn xa mới đến chỗ ấy. Bọn lính gác nổ súng liên tục, và chắc hẳn họ đã bắn trúng nhiều con, vì quanh con bé có những chỗ nước cuộn lên sùng sục.
- Đừng bắn nữa! - tôi quát.
Rồi không suy nghĩ đắn đo, tôi nhảy xuống biển.
Được dòng hải lưu đẩy đi, tôi bơi rất nhanh về phía con bé bấy giờ vẫn nổi lềnh bềnh nhờ cái áo dài căng phồng lên. Tôi vừa bơi vừa đạp chân thật mạnh để cho cá mập khỏi đớp trúng.
Tôi chỉ còn cách con bé có ba bốn chục mét thì một chiếc xuồng từ đảo Royale vừa chèo ra đến nơi: bên ấy đã nhìn thấy cái cảnh này từ xa. Người trên thuyền vớt đứa bé lên. Tôi ức phát khóc lên được khi đến lượt tôi được kéo lên thuyền, ức đến nỗi quên khuấy cả lũ cá mập: tôi đã liều thân một cách hoàn toàn vô ích. Nói cho đúng hơn, lúc bấy giờ tôi tưởng là hoàn toàn vô ích, vì một tháng sau, bác sĩ Germain Guibert đã vận động cho tôi được miễn cấm cố vì lý do sức khỏe, và chỉ huy trại đã chuẩn y, coi

như đây là một cách thường công cho tôi đã liều mình lao xuống biển để cứu đứa bé.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

VIII. Trở lại đảo Royale

Như vậy quả thật là nhờ một phép màu mà tôi được trở lại đảo Royale với chế độ phạm nhân chịu án bình thường. Tôi rời Royale ra với một án tám năm tù cấm cồ và nhờ liều thân cố che một người bị nạn, mười chín tháng sau, tôi lại được trở về.
Tôi đã gặp lại các bạn cũ: Dega, vẫn làm kế toán, Galgani đi phát thư, Garbonieri, đã được trắng án sau vụ tôi vượt ngục, Graldet, Bourset thợ mộc, cùng hai anh em Đẩy Xe: Naric và Quenier, Chatal ở bệnh xá, người đã đồng lõa với tôi trong chuyến vượt ngục đầu tiên, và Maturette vẫn ở đảo Royale làm phụ y tá.
Tất cả bọn lục lâm vùng rừng núi đảo Corse cũng còn cả đây: Essari, Vicioli, Cesari, Razori, Fosco, Maucuer và Chapa đã từng làm cho La Griffe bị chết chém vì câu chuyện chứng khoán ở

Marseille. Tất cả các minh tinh của những vụ tội phạm từ năm 27 đến năm 35 đều còn tại đây.

Marino, người đã giết Dufréne, vừa chết bệnh cách đây một tuần. Ngày ấy, lũ cá mập đã được một bừa thịnh soạn. Một chuyên viên bậc nhất về đá quý của thủ đô Paris đã được dọn cho chúng chén.

Barrat, biệt danh là "Nữ diễn viên", còn là nhà triệu phú kiêm vô địch quần vợt ở Limoges, kẻ đã giết một người tài xế cùng cậu bạn thân, quá thân là khác, của y. Barrat là trưởng phòng thí nghiệm và là dược sĩ của bệnh viện đảo Roycale. Một bác sĩ có tính hay bông lơn nói rằng, ở đảo, người ta bị bệnh lao theo quyền cọ vế.

Tóm lại, việc tôi trở về đảo Royale chẳng khác nào một phát đại bác. Tôi trở lại nhà giam những kẻ cứng đầu, vào một buổi sáng thứ bảy. Gần như ai nấy đều có mặt đông đủ, và mọi người không từ ai, đều đến chào tôi, hết sức niềm nở. Cả cái anh thợ sửa đồng hồ, vốn câm nín không nói bao giờ từ cái buổi sớm trứ danh mà anh ta suýt bị chết chém vì nhầm lẫn, cũng đến chào tôi.

- Thế nào, các bạn, khỏe cả chứ!

- Khỏe cả, Papi ạ, hoan nghênh cậu đã trở về.

- Chỗ của cậu vẫn còn đấy, Grandet nói. Từ khi cậu đi vẫn để trống.

- Cảm ơn tất cả. Có gì mới không?

- Có một tin vui.

- Gì vậy?

- Đêm qua, trong nhà xí, trước mấy cái ống thoát nước, người ta đã tìm thằng cha dạo nọ treo lên ngọn dừa để rình và tố giác cậu, bị giết chết. Chắc một người bạn thân của cậu vì không muốn để cập gặp mặt thằng cha ấy đã tiết kiệm hộ cậu cái việc ấy.

- Tớ rất muốn biết cậu đó là ai để cảm ơn.

- Chắc sẽ có ngày cậu ấy sẽ nói ra với cậu thôi. Vào giờ điểm danh sáng nay, người ta thấy thằng cha ấy bị một nhát dao vào tim. Chẳng ai trông thấy hay nghe thấy gì cả.

- Thế là hơn. Còn bài bạc ra sao?

- Vẫn vậy. Chỗ của cậu vẫn còn đấy.

- Hay lắm. Thế thì có thể bắt đầu sống trở lại cái cảnh khổ sai chung thân rồi. Chả biết chuyện này sẽ chấm dứt ra sao và vào lúc nào.

- Papi này, thật tình bọn tớ choáng người đi khi biết là cậu phải lãnh tám tấm lịch. Bây giờ cậu đã trở về đây, tớ nghĩ rằng trên đảo này, không ai lại có thể từ chối, không chịu giúp đỡ cậu về bất cứ việc gì, dù mạo hiểm đến mấy.

- Ông chỉ huy gọi anh đấy, - một tên lính da đen nói.

Tôi theo hắn ra. ở vọng gác, có vài tên cảnh sát nói vui vài câu với tôi. Tôi theo tên đến gọi tôi và gặp thiếu tá Prouillet.

- Khỏe chứ, Papillon?

- Thưa chỉ huy, khỏe.
- Tôi mừng thấy anh được đặc xá, và tôi cũng khen anh về hành động can đảm của anh đối với đứa con gái nhỏ của người bạn đồng sự của tôi.
- Xin cảm ơn ông.
Tôi giao cho anh việc chăn trâu cho đến lúc anh được trả về với việc đổ thùng và được quyền đi câu.
- Nếu điều này không có gì phiền đến ông nhiều quá tôi xin tuân lệnh.
- Đấy là việc của tôi. Giám thị của xưởng không còn ở đây, còn tôi trong ba tuần nữa, tôi cũng về Pháp. Thế là mai, anh đến nhận việc nhé.
- Thưa chỉ huy, tôi không biết cảm ơn ông bằng cách nào.
- Bằng cách chờ một tháng nữa rồi hãy tìm cách vượt ngục, được không? - Prouillet vừa cười vừa nói.
Trong phòng giam, tôi thấy vẫn những người ấy, với cách sinh hoạt hàng ngày vẫn như trước khi tôi đi. Những dân mê cờ bạc thuộc một loại người riêng biệt, chỉ suy nghĩ và sống vì bài bạc. Những ai có một thằng "bạn trẻ" thì cùng ở, cùng ăn, cùng ngủ với nó. Đấy là những cặp vợ chồng thật sự, và sự đam mê cùng tình yêu giữa đàn ông với nhau chiếm hết tâm tư của họ, cả ngày lẫn đêm. Cũng có những cảnh ghen tuông, những dục vọng không kiềm chế nổi, làm cho "chồng" và "vợ", cứ rình mò lẫn

nhau và gây ra những vụ giết người không sao tránh khỏi nếu một trong hai "vợ chồng" chán người kia và bay đi tìm những mối tình mới.

Tuần qua, vì người đẹp Charlie (tức Barrat), một tù nhân da đen tên là Simplon đã đâm chết một người tên là Sidero. Đây là người thứ ba bị Simplon đâm chết do yêu Charlie.

Tôi về trại mới được vài giờ đã có hai thằng cha đến tìm tôi.

- Này, Papillon, tôi muốn biết Maturetté có phải là của anh không?

- Hỏi để làm gì?

- Tôi có lý do riêng của tôi.

- Anh hãy nghe tôi nói. Maturette đã vượt ngục đi với tôi một chuyến dài 2500 kilômét, và cậu ấy đã xử sự như một người đàn ông chân chính. Tôi chỉ nói với anh có vậy thôi.

- Tôi muốn biết cậu ấy có thuộc về anh không?

Không, tôi không hề biết Maturette trong vấn đề tình dục. Tôi quý trọng cậu ấy như một người bạn thân, ngoài ra, tôi không quan tâm đến cái gì hết trừ phi có ai muốn hãm hại cậu ấy.

- Nếu có ngày cậu ấy là vợ tôi thì sao?

- Lúc đó nếu cậu ấy bằng lòng, thì tôi không xen vào làm gì. Nhưng nếu anh hăm dọa cậu ấy để buộc cậu ấy theo anh, thì anh sẽ có chuyện với tôi đấy.

Những kẻ đồng tình luyến ái thì dù bị động hay chủ động, đều

như nhau, vì cả hai loại người đó khi đã đam mê rồi thì chẳng còn nghĩ đến cái gì khác. Tôi đã gặp cậu người ý có cái plan bằng vàng cùng đi một chuyến tàu với tôi. Cậu ta đến chào tôi. Tôi hỏi:

- Cậu vẫn ở đây à?

- Tôi đã xoay đủ cách. Mẹ tôi gửi cho tôi 12000 francs, thằng lính lấy công sáu ngàn, tôi chi mất bốn ngàn để khỏi bị nhốt, tôi lại được đưa đi chiếu X quang ở Cayenne rồi cũng chẳng được việc gì. Sau đấy tôi lại bị buộc tội là đã làm một người bạn bị thương. Anh biết nó đấy, nó là Razori, dân kẻ cướp đảo Corse đấy.

- ừ! rồi sao nữa?

- Nó thỏa thuận với tôi, nó tự gây ra một vết thương ở bụng, và tôi sẽ ra tòa án binh với nó, nó thì là người buộc tội, còn tôi là người có tội. Bọn tôi còn không được lên đảo nữa. Chỉ có 15 ngày là xong hết. Tôi lãnh án sáu tháng cấm cố. ấy là chuyện ở năm ngoái. Anh còn không biết tôi ở đấy nữa cơ. Papi ơi, tôi chịu hết nổi rồi. Tôi muốn tự vẫn đi cho xong.

- Thà chết trong một chuyến vượt ngục còn hơn, ít ra cậu được chết tự do.

- Anh nói đúng, tôi đã sẵn sàng để làm đủ mọi việc Anh có tính chuyện gì, cho tôi biết với nhé.

- Đồng ý.

Cuộc sống ở đảo Royale cứ tiếp tục. Và tôi đã đi chăn trâu. Tôi phải trông một con trâu đực tên là Brutus. Nó nặng hai tấn, khét tiếng là dữ: nó đã giết hai con trâu đực. Viên giám thị Angosti, chuyên trách phần công việc này, nói với tôi: "Đây là lần cuối cùng. Nó còn giết một con nữa là phải thịt nó thôi". Sáng nay, tôi làm quen với Brutus. Anh chàng da đen người Martnique vẫn chăn dắt nó, phải ở lại một tuần để chỉ dẫn cho tôi. Tôi đã kết thân được với Brutus ngay từ đầu bằng cách đái vào mũi nó: cái mũi to và dài của nó ưa liếm chất mặn. Rồi tôi cho nó vài trái xoài ương mà tôi hái được ở vườn bệnh viện. Tôi thắng nó vào một chiếc xe bò thô sơ, xứng với cái xe bò cổ lỗ của các đời Vua Lười Biếng xa xưa, và dắt nó đi.

Trên xe, có một thùng ton-nô chứa ba ngàn lít nước. Công việc của tôi cùng anh bạn Brutus là xuống bờ biển, đổ nước vào thùng rồi chở lên cái dốc khủng khiếp này đến tận bãi bằng. Tối đó, tôi mở nắp cho nước chảy vào các cống rãnh cuốn cho hết chất bẩn còn lại từ buổi sớm. Tôi bắt đầu làm từ sáu giờ, khoảng chín giờ thì xong việc.

Sau bốn ngày, anh chàng người Martinique tuyên bố là tôi đã có thể xoay xở một mình được. Chỉ có một chuyện phiền: năm giờ sáng, tôi đã phải bơi đi tìm Brutus trốn trong ao, vì nó không muốn làm việc. Điểm yếu của nó là ở lỗ mũi cho nên tôi đặt một cái vòng xuyên qua mũi nó, và thường xuyên buộc với một đoạn

dây dài 50 phân. Khi tôi tìm được nó, nó lủi đi, lặn xuống nước rồi nhô lên ở một chỗ xa hơn. Đôi khi tôi mất cả tiếng đồng hồ mới tóm được nó trong cái ao nước tù hãm hôi tanh, đầy những sâu bọ và hoa súng. Tôi cáu kỉnh rủa một mình: "Đồ khốn nạn. Đồ mặt dày? Cứng đầu cứng cổ đến thế nữa! Mày có chịu ra không thì bảo!" Nó chỉ chịu nghe khi tôi đã nắm được sợi xích của nó. Còn chửi rủa, nó cóc cần. Nhưng cuối cùng, khi nó ra khỏi ao thì nó lại trở thành bạn của tôi.

Tôi có hai cái can trước kia đựng mỡ, nay dùng để chứa nước ngọt. Tôi bắt đầu tắm cho hết nước nước nhớp nhúa ở ao. Khi tôi sát xà-phòng và kỳ cọ cẩn thận cho mình rồi, còn lại đến hơn nửa thùng nước ngọt, tôi lấy nắm xơ dừa để cọ rửa cho Brutus. Tôi kỳ cọ thật kỹ những chỗ kín của nó, vừa cọ vừa dội nước. Thế là Brutus cọ đầu vào tay tôi rồi tự nó đến đứng trước càng xe. Không bao giờ tôi dùng gậy nhọn thúc nó đi như anh chàng người Martinique vẫn làm. Chắc nó cũng biết ơn tôi, vì với tôi, nó rảo bước nhanh hơn. Có một con trâu cái nhỏ rất đẹp mê Brutus. Nó luôn đi bên cạnh chúng tôi. Khác với anh chàng kia, tôi không xua đuổi nó~tôi để cho nó hôn Brutus và theo chúng tôi đi bất cứ đâu. Ví dụ, khi chúng hôn nhau, tôi không phá bao giờ, và Brutus đã chịu ơn tôi, vì nó đã kéo ba ngàn lít nước với một tốc độ nhanh không ngờ. Hình như nó muốn dành lại khoảng thời gian nó đã làm mất đi những khi dừng lại liếm láp

Marguerite (đó là tên con trâu cái).

Hôm qua, trong buổi điểm danh sáu giờ, có một câu chuyện bê bối nho nhỏ do Marguerite gây ra. Hình như anh chàng da đen người Martinique đã leo lên một bức tường thấp và ở đó ngày nào chàng ta cũng hôn hít Marguerite. Bị lính gác bất ngờ tóm được, cậu ta lĩnh mười ngày xà-lim. Về tội "giao cấu với súc vật". Theo đúng quy chế chính thức. Thế mà hôm qua, khi điểm danh, Marguerite lại dẫn xác vào trại, cô nàng đi ngang qua hơn sáu chục người và đến trước anh chàng da đen, cô nàng chổng mông lại, giơ đít ra cho chàng kia. Ai nấy đều cười phá lên và chàng da đen xấu hổ đến xám mặt.

Mỗi ngày tôi phải ba lần di chuyển nước. Lâu nhất là việc chờ hai người phụ tôi đổ nước vào đầy thùng chứa, nhưng công việc cũng khá nhanh. Đến chín giờ, tôi đã xong việc, được quyền đi câu.

Tôi đã liên minh với Marguerite để kéo Bratus ra khỏi ao. Cứ gãi vào tai là cô ta nghé ọ, nghe giống như thằng ngựa cái động đực. Và Brutus tự động lên khỏi ao. Tuy tôi không phải tắm rửa cho mình nữa, tôi vẫn cọ rửa cho nó, còn cẩn thận hơn trước. Sạch sẽ, không còn bị mùi hôi hám của nước ao tù bám suốt đêm trong lúc nó ngủ ở ao, nó càng được Marguerite ưa thích hơn và điều đó làm cho nó linh hoạt hẳn lên.

Từ bờ biển đi lên, lưng chừng dốc, có một khoảng bằng; ở đấy

có một hòn đá to. Brutus quen nghỉ xả hơi năm phút ở chỗ đó, tôi lấy đá chèn bánh xe lại: làm như vậy, nó yên tâm nghỉ ngơi hơn. Nhưng buổi sáng hôm đó, một con trâu khác, tên là Danton, cũng to như Brutus, nấp sau những cây dừa nhỏ chỉ có lá không, bởi vì đây là một vườn ươm cây. Chờ sẵn chúng tôi tại đấy Danton xồ ra tấn công Brutus. Con này nhảy sang bên, tránh được cú đánh, con kia đụng phải cái xe. Một bên sừng của nó cắm vào thùng ton-nô. Danton cố hết sức để gỡ sừng ra, tôi tháo dây thắng cho Brutus ra khỏi càng xe. Thế là Brutus chạy lấy đà lên phía trên cao, ít ra cũng chừng 30 mét rồi phi nước đại lao vào Danton. Không biết vì sợ hay do tuyệt vọng, trước khi con trâu của tôi tới được chỗ nó, con Danton đã giật được sừng ra khỏi thùng tuy một mẩu sừng bị gãy còn mắc tại đấy, nhưng Brutus không hãm lại kịp thời nên xô vào và lật đổ cái xe.

Đến đây tôi được chứng kiến một chuyện kỳ quái nhất. Brutus và Danton đã chạm sừng vào nhau mà không xô đẩy nhau, chúng chỉ cọ cặp sừng kếch xù của chúng vào nhau thôi. Dường như chúng nói với nhau, nhưng chúng lại không kêu rống lên mà chỉ thở phì phò. Con trâu cái từ từ leo lên dốc, theo sau là hai con đực Thỉnh thoảng hai con này dừng lại, cọ đầu và đan sừng vào nhau. Thấy lâu lắc quá, Marguerite rên rỉ một cách uể oải rồi lại đi về phía bãi bằng ở trên đảo. Hai con vật khổng lồ kia vẫn đi song hàng, theo sau.

Sau ba lần dừng lại với những nghi thức như vậy, chúng tôi đã lên tới bãi bằng. Chỗ chúng tôi đứng lại ở trước cây đèn pha là một khoảng trống dài chừng ba trăm mét. Một phía là trại tù, bên trái và bên phải là hai tòa nhà của bệnh viện: một cho tù nhân, một cho cảnh binh. Danton và Brutus vẫn đi phía sau cách hai mươi bước. Còn Marguerite, nó bình thản đến giữa khoảng đất và dừng lại. Hai con trâu thù địch tiến lên ngang nó. Thỉnh thoảng nó lại rống lên một tiếng dài nghe ai oán và rõ ràng là khêu gợi. Hai con kia lại chạm sừng vào nhau một lần nữa nhưng lần này tôi có cảm giác là chúng thật sự nói chuyện với nhau vì lẫn với hơi thở của chúng, có cả những âm thanh chắc chắn là có một ý nghĩa nào đó.

Sau cuộc nói chuyện này, một con trâu chậm chạp đi về phía bên phải, còn con kia về phía trái. Chúng đến đứng tận hai đầu khoảng trống. Marguerite vẫn đợi ở chính giữa. Tôi hiểu ngay: đây là một cuộc quyết đấu tay đôi theo đúng thể thức, được cả hai phía chấp nhận, trong đó con trâu cái sẽ là chiến lợi phẩm. Con trâu cái non tơ cũng có vẻ đồng ý, nó còn tỏ ra hãnh diện chẳng kém hai chàng mê gái sắp đánh nhau vì cô nàng.

Marguerite cất tiếng rống lên hai con trâu đực mới lao vào nhau. Trong đoạn đường mà mỗi con vượt qua, mỗi phía dài độ một trăm năm mươi mét, không cần phải kể rằng cái khối nặng hai ngàn ki-lô của chúng được nhân lên gấp bội với tốc độ chạy của

chúng. Hai cái đầu va phải nhau, mạnh đến nỗi cả hai chết lặng đi đến năm phút. Con nào cũng khuỵu xuống. Brutus đã hồi sức lại trước và dậy được, nó phi về chỗ cũ. Cuộc chiến đấu kéo dài hai giờ. Lính gác muốn giết chết Brutus, nhưng tôi không chịu, và đèn lúc chạm sừng. Danton bị gẫy rời hẳn đoạn sừng bị hỏng khi mắc vào chúng ton-nô. Nó bỏ chạy, Brutus đuổi theo. Cuộc chiến đấu còn kéo dài sang ngày hôm sau. Chúng chạy qua chỗ nào: vườn tược, nghĩa địa, xưởng giặt, thì chỗ đó bị tàn phá tan tành. Chỉ sau khi đã quần nhau suốt đêm, mãi tận sớm hôm sau, lúc bảy giờ sáng, Brutus mới dồn được Danton vào chân tường lò sát sinh ở gần bờ bể và tại đấy, nó đã dùng sừng đâm thủng bụng con Danton. Để kết thúc hẳn địch thủ, Brutus lăn đi lăn lại hai lần để cho sừng xoáy sâu vào bụng con Danton và con này đã ngã gục xuống chết, trong một suối máu lẫn với lòng ruột. Cuộc chiến đấu giữa hai con vật khổng lồ làm Brutus kiệt sức đến nỗi tôi phải đỡ sừng cho nó, nó mới đứng lên được. Nó loạng choạng rời khỏi nơi ấy theo con đường ven bờ biển và con Marguerite đã tới đi bên nó, dùng cái đầu không có sừng của mình để đỡ cái cổ đồ sộ của anh bạn thắng cuộc.

Tôi không được chứng kiến đêm tân hôn của chúng, vì tên lính gác coi đàn trâu đổ tội cho tôi là đã cởi dây thắng cho Brutus nên tôi bị mất việc chăn trâu: Tôi xin được gặp chỉ huy để nói chuyện về Brutus. - Chuyện xảy ra thế nào vậy, Papillon? Phải giết

Brutus thôi, nó nguy hiểm quá. Nó đã giết mất ba con trâu tốt rồi.
- Thưa, tôi đến để xin ông hãy cứu lấy Brutus. Người gác trông coi việc trồng trọt, chuyên lo lũ trâu không hiểu gì hết. Xin ông cho phép tôi được kể lại là Brutus đã tự vệ chính đáng ra sao
Viên trại trưởng mỉm cười:
- Tôi nghe đáy.
- Như vậy, như ông chỉ huy đã thấy, con trâu của tôi bị tấn công trước. - Sau khi kể các chi tiết, tôi kết luận như vậy. - Hơn thế nữa, nếu tôi không cởi dây cho Brutus thì con Danton đã đâm chết nó mà nó không thể chống đỡ được vì nó còn bị buộc vào càng xe.
- Đúng vậy- trại trưởng nói.
Vừa lúc đó người gác kia tới.
- Xin chào thiếu tá. Còn Papillon, tôi đang tìm anh, vì sáng nay anh đi trên đảo như đi làm vậy, mà anh lại không có việc làm.
- Thưa ông Angosti, tôi đi ra để xem có thể ngăn không cho hai con trâu đánh nhau được không, nhưng chẳng may, cả hai con đã điên tiết lên cả rồi.
- Có thể là như thế, nhưng bây giờ anh không chăn trâu nữa, tôi đã nói với anh rồi. Vả lại, sớm chủ nhật này, cũng phải mổ nó để lấy thịt cho trại giam.
- Ông không làm thế được.
- Anh không thể ngăn tôi đâu.

- Tôi không thể ngăn ông nhưng thiếu tá ngăn được Nếu thế cũng chưa đủ tôi sẽ nhờ bác sĩ Germain Guibert can thiệp để cứu Brutus.

- Anh xen vào chuyện này để làm gì?

Vì chuyện này có dính dáng đến tôi. Chính tôi chăn dắt con trâu, và nó là bạn của tôi.

Trâu mà là bạn của anh à? Anh giỡn với tôi đấy hả?

- Ông Angosti, xin phép ông, ông cho tôi nói một chút chứ?

- Thì cứ để cho anh ta bênh vực con trâu của anh ta xem, - ông thiếu tá nói.

- Được anh nói đi.

- Ông có tin là súc vật cũng nói với nhau được không, ông Angosti?

- Sao lại không, nếu chúng muốn giao thiệp với nhau?

- Nếu vậy thì Brutus và Danton đã cùng thỏa thuận là sẽ đấu với nhau.

Rồi tôi kể lại sự việc một lần nữa, từ đầu đến cuối.

- Trời đất quỷ thần - viên gác người Corse nói.

- Anh thật đến là kỳ cục, Papillon ạ. Anh thu xếp làm sao với Brutus thì làm, nhưng lần sau nó còn giết một con nào nữa, thì không ai, kể cả thiếu tá, có thể cứu được mạng nó. Tôi lại để anh đi coi trâu vậy. Nhưng phải bắt Brutus làm việc đi.

Hai ngày sau, chiếc xe đã được thợ ở công xưởng sửa lại, và

Brutus, với cô vợ chính thất là Marguerite kèm bên, lại tiếp tục công việc chuyên chở nước hàng ngày. Còn tôi, mỗi lần đến nơi nghỉ, khi chiếc xe đã được chèn đá cẩn thận, tôi lại hỏi, "Danton đâu rồi, Brutus?" Và con vật khổng lồ kia, kéo mạnh chiếc xe, chân bước lâng lâng, với tư thế của kẻ chiến thắng, đi một mạch về tới nơi.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Cuộc nổi loạn ở đảo Sant-Joseph

Tình hình trên các đảo cực kỳ nguy hiểm do cảm giác tự do giả tạo mà đám tù nhân được hưởng. Tôi buồn khi thấy mọi người đều thu xếp cảnh sinh hoạt để sống cho thật an nhàn. Người thì đợi ngày mãn hạn tù, kẻ thì chẳng làm gì, chỉ ngập ngụa trong những thói hư tật xấu của mình.

Đêm đó, tôi nằm dài trên võng, phía cuối phòng có một sòng bạc lớn đến nỗi cả hai bạn tôi, Carbonieri và Grandet, phải cùng điều khiển mới nổi. Một người trông không xuể. Tôi thì đang ôn lại

những hồi ức của dĩ vãng. Những kỷ niệm ấy không chịu đến với tôi: cứ như thể chưa hề bao giờ có cái phiên tòa đại hình ấy. Tôi cố hết sức làm cho sáng tỏ những hình ảnh mơ hồ của cái ngày tiền định nọ, nhưng vẫn không thấy rõ nét một nhân vật nào. Chỉ có viên chưởng lý hiện ra với tất cả sự thật tàn nhẫn. Tiên sư đời. Tôi tưởng đã hoàn toàn thắng được số kiếp khi tôi đến Trinidad, ở với gia đình Bowen. Mi đã yểm bùa gì cho ta để đến nỗi sáu chuyến vượt ngục rồi mà ta vẫn chưa được tự do, hỡi quân đểu cáng? Qua chuyến thứ nhất, khi nhận được tin tức của ta do phạm nhân kể lại, mi có ngủ yên được không? Ta muốn biết, mi có sợ không hay mi chỉ bực tức vì thấy con mồi của mi đã sống chuồng sau 43 ngày đi trên đường đến cái nơi thối nát mà mi đày ta đến? Tôi đã phá được cái lồng. Nghiệp chướng nào đã đeo đuổi tôi để tôi phải trở về nhà tù này mười một tháng sau? Có thể Trời đã trừng phạt tôi vì đã dám khinh thường cuộc sống nguyên thủy nhưng đẹp đẽ biết bao mà tôi có thể kéo dài mãi mãi chừng nào tôi còn muốn?

Lali và Zoraima, hai mối tình của tôi, cái bộ lạc không có cảnh sát, không có luật lệ gì ngoài sự hiểu biết lẫn nhau tường tận giữa những con người làm thành viên của nó. Phải, tôi về đây chỉ tại tôi thôi, nhưng tôi cũng chỉ tự cho mình phải nghĩ đến một điều duy nhất là vượt ngục, vượt ngục hay là chết: Nếu như mi biết rằng ta đã bị bắt và phải trở lại nơi lưu đày, mi sẽ lại nở nụ cười

chiến thắng như tại phiên tòa đại hình nọ và mi sẽ thầm nhủ: "Thế là đẹp rồi, nó lại phải đi trên con đường đến nơi ruỗng nát mà ta đã đặt nó vào!". Nhưng mi đã lầm. Không bao giờ tâm hồn ta, trí óc ta thuộc về con đường ô nhục ấy đâu. Mi chỉ nắm được thân thể ta thôi, những tên lính gác của mi, cả hệ thống lao tù của mi mỗi ngày hai lần ghi nhận là ta có mặt; với mi, thế là đủ. Sáu giờ sáng: "Papillon đâu?" - "Có tôi". Sáu giờ chiều: "Papillon? – "Có tôi". Mọi việc thế là ổn rồi. Chúng ta tóm được nó đã gần sáu năm, chắc nó đã bắt đầu rữa ra rồi, chỉ cần chút xíu nữa là có ngày chuông sẽ gọi lũ cá mập đến tiếp nhận nó với đầy đủ nghi thức, trong bữa tiệc hàng ngày mà chế độ đào thải theo lối giũa cho mòn của mi vẫn cho không lũ cá nọ.

Mi nhầm rồi, những tính toán của mi không đúng đâu. Sự hiện diện về vật chất của ta không liên quan gì đến sự tồn tại về tinh thần của ta. Mi có muốn ta nói cho mi biết điều này không? "Tôi không thuộc về chốn lao tù này, tôi không bị đồng hóa chút nào với những thói quen của các bạn tù, ngay cả với những bạn tù thân thiết nhất. Tôi là người luôn luôn có mặt trong các chuyến vượt ngục".

Tôi đang đối thoại với kẻ buộc tội tôi ở tòa đại hình thì có hai người đến gần võng tôi.

- Cậu ngủ à, Papillon?

- Chưa.

- Chúng tớ muốn nói chuyện với cậu.
- Cứ nói đi, không có ai ở đây, nói nho nhỏ, không ai nghe được đâu.
- Thế này nhé. Chúng tớ đang chuẩn bị một cuộc nổi loạn.
- Kế hoạch của các anh ra sao?
- Chúng tớ giết hết bọn A-rập, bọn lính gác, tất cả vợ con bọn lính vì đấy là những mầm mống của sự thối nát. Để làm được như vậy, tớ đây, Arnaud, bạn tớ, Hautin, và bốn người nữa, đã thỏa thuận sẽ tấn công kho vũ khí của bọn chỉ huy. Tớ làm việc ở đấy, tớ chuyên bảo trì vũ khí cho tốt. Có hai mươi ba khẩu súng máy và hơn tám mươi khẩu súng trường mút-cơ-tông và Lebel. Chúng tớ bắt đầu hành động từ...
- Thôi, đừng nói thêm gì nữa. Tôi không tham gia đâu Tôi cảm ơn các anh đã tin tôi nhưng tôi không tán thành.
- Bọn tớ nghĩ cậu sẽ nhận chỉ huy cuộc nổi loạn này. Cậu cứ để tớ nói hết các chi tiết bọn tớ đã nghiên cứu và cậu sẽ thấy là không thể nào thất bại được. Chúng tớ chuẩn bị việc này đã năm tháng nay. Đã có hơn năm mươi người tán thành chúng tớ.
- Đừng kể tên ai ra, tôi từ chối việc chỉ huy, và cũng không muốn tham gia vào việc này.
- Sao vậy? Cậu phải giải thích cho bọn tớ sau khi bọn tớ đã tin cậu và kể hết cho cậu nghe.
- Tôi không yêu cầu các anh kể cho tôi nghe dự định của các

anh. Sau nữa, ở đời, tôi chỉ làm điều gì người khác muốn. Vả lại, tôi cũng không phải là một kẻ giết người hàng loạt. Tôi có thể giết chết kẻ nào làm điều gì có hại đối với tôi chứ tôi không giết đàn bà trẻ con, họ chẳng làm gì hại đến tôi cả. Điều nghiêm trọng nhất, các anh không thấy ra, và tôi sẽ nói cho các anh thấy là: dù cuộc nổi loạn của các anh đạt được kết quả, các anh cũng thất bại.

- Sao vậy?

- Bởi vì việc chính, tức thoát ra khỏi chốn lao tù, sẽ không thực hiện được. Cho là có một trăm người tham gia cuộc nổi loạn, họ sẽ đi bằng cách nào? Trên đảo chỉ có hai chiếc xuồng. Cả hai chiếc chở hết mức cũng không được hơn bốn mươi người. Còn sáu mươi người còn lại, các anh tính sao?

Chúng ta sẽ ở trong số bốn mươi người đi trên hai chiếc xuồng đó.

Các anh tưởng thế thôi. Những người khác không ngốc hơn. các anh đâu, họ cũng có súng như các anh, và nếu mỗi người ấy biết suy nghĩ một chút xíu, thì khi anh nói với những người ấy rằng họ sẽ bị bỏ lại, hai bên khắc sẽ bắn nhau để dành quyền được đi trên xuồng. Điều quan trọng hơn nữa là hai chiếc xuồng đó sẽ không có nước nào muốn nhận, vì điện tín sẽ báo tin này cho tất cả các nước mà các anh có thể đến được, và báo ngay từ trước khi các anh đến nữa, nhất là với số người chết đông đảo mà các

anh để lại. Các anh đến đâu cũng sẽ bị giữ lại lại và bị trao trả cho nước Pháp. Các anh biết là tôi từ Colombia trở về chứ, tôi biết rõ điều tôi nói. Tôi bảo đảm với các anh là sau chuyện ấy, ở đâu người ta cũng trả các anh về.

- Thôi được. Thế là cậu từ chối phải không?

- Phải.

- Lời cuối cùng của cậu đấy chứ

- Quyết định không thay đổi của tôi đấy.

- Vậy chúng tớ chỉ còn rút lui thôi.

- Chờ một chút đã, Tôi xin các anh đừng nói về dự định ấy với bất cứ bạn nào của tôi.

- Sao vậy?

- Vì tôi biết trước là họ sẽ từ chối, cho nên các anh đừng nói mà mát công.

- Được lắm.

Các anh không thể từ bỏ kế hoạch này được sao?

- Thật tình mà nói, không được đâu, Papillon ạ.

- Tôi không hiểu nổi lý tưởng của các anh là gì, bởi vì tôi đã nói một cách rất đứng đắn với các anh là dù cuộc nổi loạn có thành công, các anh cũng không được tự do.

- Chúng tớ chỉ muốn trả thù. Và bây giờ cậu đã giải thích cho chúng tớ thấy là không thể đến đâu được, rằng không nước nào tiếp nhận chúng tớ, vậy, chúng tớ sẽ vào rừng và tụ tập thành

một toán ở rừng vậy.

- Tôi hứa với các anh là sẽ không nói việc này ra với ai, ngay cả bạn chí thân.

- Chúng tớ cũng tin như vậy.

- Tốt. Một điều cuối cùng nữa: các anh tin cho tôi biết trước tám ngày để tôi đến đảo Saint-Joseph chứ không ở đảo Royale khi sự việc xảy ra.

- Cậu sẽ được báo trước kịp thời để có thể chuyển đến đảo khác.

- Tôi không thể làm gì để các anh thay đổi ý kiến được sao? Các anh có thể phối hợp với tôi làm điều gì khác được không? Chẳng hạn, ăn cắp bốn khẩu súng trường, và vào một đêm nào đó, tấn công vọng gác ca-nô, không giết ai cả, chỉ lấy một chiếc xuồng rồi cũng nhau trốn đi.

- Không, chúng tớ đã chịu đựng quá nhiều rồi. Cái chính đối với chúng tớ là trả thù, dù có phải chết.

- Thế còn những đứa nhỏ, những người đàn bà thì sao?.

- Tất cả đều cùng một lò, cùng một giòng máu mà ra. Tất cả phải chết.

- Thôi đừng nói chuyện này nữa.

- Cậu không chúc chúng tớ được may mắn?

Không, tôi chỉ nói với các anh là hãy thôi việc ấy đi, có nhiều việc đáng làm hơn cái chuyện tồi tệ đó.

- Cậu không chấp nhận quyền được trả thù?

- Có chứ, nhưng không phải là bằng cách sát hại những người vô tội. Chào các anh.
- Chào cậu. Vậy là chúng ta không hề nói gì với nhau đấy nhé, phải không, Papi?
- Đồng ý.
Cả Hautin và Arnaud đã rút lui. Chuyện này thật là tức cười. Hai thằng cha đúng là khùng ngoài ra lại còn năm sáu chục thằng khác có liên can, rồi đến giờ H số ấy còn lên tới một trăm nữa. Thật là chuyện quái đản. Trong số các bạn tôi không hề có ai đả động gì đến việc này. Như vậy là hai thằng cha nọ chắc chỉ bàn với bọn trưởng giả thôi. Không hề có những tay thuộc giới giang hồ tham gia vụ này. Điều nghiêm trọng hơn nữa, là những kẻ trưởng giả giết người lại là những tên sát nhân thật sự, những kẻ giết người trong giới giang hồ thì khác hẳn.
Trong tuần này, tôi đã điều tra rất kín đáo về Arnaud và Hautin. Hình như Arnaud lãnh oan án chung thân về một tội không đáng tới mười năm tù. Các bồi thẩm kết tội hắn nặng như vậy do năm trước, anh của hắn đã bị chết chém vì giết một cảnh sát. Còn hắn thì do công tố viên nói nhiều đến người anh của hắn để tạo một không khí thù địch, nên hắn bị xử án nặng ghê gớm đến thế. Hắn lại còn bị tra tấn rất tàn nhẫn trong lúc bị bắt, cũng vẫn do những việc làm của người anh.
Hautin chưa được hưởng tự do bao giờ, hắn ở tù từ năm lên chín.

Vào hồi mười chín tuổi, hắn đã giết một người ngay trước khi ra khỏi nhà trừng giới một ngày để đăng lính hải quân, với mục đích thoát khỏi tù. Hắn ta có lẽ cũng hơi điên, vì dự định của hắn hình như là sang Venezuela, vào làm việc tại một mỏ vàng bên đó rồi sẽ tìm cách tự làm cho gẫy một chân để được hưởng một khoản tiền bồi thường lớn. Cái chân đó bị tê cứng do hắn tự chích thuốc gì tôi không rõ, từ hồi ở Saint- Martin-de-Ré.

Có sự thay đổi bất ngờ. Sáng nay, trong buổi điểm danh, Arnaud, Hautin và em của Matthieu Carbonieri đã bị gọi đi. Cậu em tên Jean, là thợ làm bánh mì, nghĩa là làm việc tại bến cảng, gần nơi thuyền đậu. Họ bị chuyển đi đảo Saint Joseph mà không được giải thích gì, và cũng không có lý do rõ rệt. Tôi cố tìm hiểu. Không ai biết chút gì, thế mà Arnaud trông coi vũ khí đã bốn năm rồi, còn Jean Carbonieri là thợ làm bánh mì đã năm năm. Không thể là chuyện ngẫu nhiên.

- Chắc phải có rò rỉ ở đâu, nhưng rò rỉ như thế nào và đến mức nào?

Tôi quyết định bàn chuyện đó với ba người bạn thân: Matthieu Carbonieri, Grandet và Galgani. Cả ba đều không biết chút gì. Thế là Arnaud và Hautin chỉ rủ rê những tay sừng sỏ không thuộc giới giang hồ.

- Vậy thì sao bọn họ lại nói với tớ?

- Bởi vì tất cả ai ai cũng biết là cậu tính vượt ngục với bất kỳ giá

nào.

- Nhưng không phải với giá đó.

- Bọn ấy không hiểu nổi sự khác biệt.

- Thế còn thằng Jean, em cậu?

Làm sao mà biết được vì lý do gì nó lại đâm đầu vào làm cái việc ngu ngốc đó.

- Có thể có thằng kéo nó vào cuộc rồi quay ra giao động, và thằng em cậu không biết gì cả chăng?

Sự việc diễn biến thật mau lẹ. Đêm ấy Girasolo bị giết khi vào nhà cầu. áo của anh da đen chăn trâu người Martinique có dính máu. Mười năm ngày sau một cuộc điều tra chớp nhoáng diễn ra và qua lời khai của một tên da đen khác bị cách ly, anh chăn trâu bị một tòa án đặc biệt kết án tử hình.

Một gã giang hồ nhiều tuổi, tên là Garvel, dân Savoie, đến nói chuyện với tôi ở chỗ giặt áo quần ở ngoài sân.

- Papi này, tớ khó chịu quá vì tớ đã giết Girasolo. Tớ muốn cứu thằng nhỏ nhưng lại sợ bị chặt đầu. Phải trả cái giá ấy, thì tớ không nói đâu. Nếu nghĩ lại cái mẹo nào chỉ bị độ ba hay năm năm thì tớ tự thú rồi.

- án khổ sai của anh là bao nhiêu?

- Hai mươi năm.

- Anh đã ngồi được bao nhiêu lâu rồi?

- Mươi hai năm.

- Anh hãy bằng lòng chịu án chung thân đi, như vậy anh không phải vào nhà lao cấm cố.

- Biết làm sao bây giờ?

- Cứ để tôi nghĩ đã. Đêm nay tôi sẽ nói với anh.

Tôi đến, tôi nói với Garvel:

- Anh không thể tự thú và nhận đã làm việc đó được!

- Sao vậy?

Anh có thể bị án tử hình. Chỉ có một cách để tránh nhà lao cấm cố là lĩnh án chung thân. Anh cứ tự thú đi. Lý do: lương tâm anh không cho phép anh để một người vô tội bị chết oan. Anh hãy tìm một cảnh binh người Corse để nhờ bào chữa cho anh. Tôi sẽ nói cho anh biết tên người đó, để tôi hỏi ý nó trước đã.

- Phải làm mau mau mới được. Không nên để thằng cha bị chặt đầu quá nhanh. Anh hãy cho hai ba ngày nữa.

Tôi đã bàn việc này với viên giám thị Collona. Anh ta đã mách cho tôi một ý kỳ: tôi sẽ dẫn hắn đến gặp thiếu tá chỉ huy. Và tôi nói là Garvel xin tôi bênh vực hắn, đưa hắn đến gặp ông để nhận tội. Tôi bảo đảm với hắn rằng, với hành động cao thượng này, không thể kết án tử hình hắn được, nhưng hắn cũng biết trường hợp của hắn là nghiêm trọng, và đã tính trước là sẽ lãnh án chung thân.

Mọi việc đều diễn ra một cách ổn thỏa. Garvel đã cứu được cậu oắn da đen, cậu này được thả ngay lập tức. Kẻ làm chứng giả để

buộc tội hắn lãnh một năm tù còn Garvel thì chung thân..
Hai tháng đã trôi qua. Bây giờ, khi mọi việc đã chấm dứt, Garvel mới kể cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện Girasolo, sau khi nhận lời tham gia cuộc nổi loạn và được biết những chi tiết của âm mưu này, đã tố cáo Arnaud, Hautin và Carbonieri, may mà nó không biết thêm tên ai.
Được nghe tố cáo cái chuyện tầy đình này, bọn cảnh sát không tin. Tuy vậy, để phòng ngừa, chúng cũng chuyển đi Saint-Joseph ba tên tù bị nêu tên đó, nhưng không nói gì với chúng, không lục vấn chúng và không làm gì cả.
- Còn cậu Garvel, vì sao cậu giết nó?
Tớ viện cớ là nó đã ăn cắp plan của tớ. Rằng chỗ tớ nằm đối diện với chỗ nó - đó là sự thật - và ban đêm, tớ lấy plan ra giấu vào cái mền vẫn để gối đầu Có đêm tớ đi cầu, khi tớ về chỗ thì plan của tớ bị mất. Lúc bấy giờ, quanh chỗ tớ, chỉ có một người thức, đó là Girasolo. Bọn lính tin cách giải thích của tớ. Họ cũng không nói cho tớ biết là nó đã tố giác một vụ nổi loạn.
- Papillon! Papillon ra điểm đanh! - Ngoài sân có tiếng gọi.
- Có tôi đây
- Thu xếp đồ đạc. Lên đường đi Saint-Joseph ngay bây giờ.
- Chà! Mẹ kiếp!
Chiến tranh vừa nổ ra ở Pháp. Tình hình buộc phải có một lý luật mới: những viên chức đầu ngành mà để xảy ra một cuộc vượt

ngục là bị cách chức ngay.

Tù nhân nào bị bắt khi đang vượt ngục, sẽ bị tử hình. Việc vượt ngục bị coi như có động cơ muốn gia nhập các lực lượng của phe Nước Pháp Tự do đang phản bội tổ quốc. Việc gì cũng có thể dung thứ được, chứ vượt ngục thì dứt khoát là không.

Thiếu tá Prouillet đi đã được hai tháng. Tôi chưa biết người chỉ huy mới, mà cũng chẳng biết làm gì. Tôi chào các bạn. Tám giờ, tôi đã ở trên tàu đi Saint-Joseph.

Bố của Lisette không còn ở trại Saint-Joseph nữa. Tuần qua, ông đã cùng gia đình dời đi Cayenne. Chỉ huy tàu giao ngay tại bến cho tên lính trực cùng với giấy tờ kèm theo.

- Anh là Papillon hả?

- Thưa thiếu tá, vâng.

- Anh là một nhân vật kỳ cục lắm - Ông ta vừa nói vừa lật giấy tờ của tôi ra xem.

- Tại sao tôi lại là kỳ cục?

- Bởi vì một mặt, anh bị ghi là nguy hiểm về mọi phương diện, nhất là có một lời ghi chú bằng mực đỏ : "thường xuyên chuẩn bị vượt ngục" rồi lại, có ghi thêm: "bị cá mập bao vây, vẫn cố cứu con gái thiếu tá chỉ huy đảo Saint-Joseph". Tôi có hai con gái nhỏ, Papillon à, anh có muốn gặp chúng không?

Ông gọi hai đứa trẻ, lên ba và năm tuổi vào phòng làm việc của ông. Cả hai đều cô mái tóc vàng, đi vào theo sau chúng là một

tên A-rập còn trẻ, mặc toàn trắng và một phụ nữ tóc đen, rất xinh.

- Em ơi, em thấy người này không, anh ta đã cố cứu Lisette, con đỡ đầu của em, đấy.

- Ôi! Cho tôi được bắt tay anh nào, - người thiếu phụ nói.

Bắt tay một người tù khổ sai! Tính hồn nhiên và cái cử chỉ tự phát của bà ta làm tôi cảm động.

- Phải, tôi là mẹ đỡ đầu của Lisette. Chúng tôi rất thân với gia đình Frandoit. Thế mình có định làm gì cho anh này không, hả mình?

Anh ta phải về trại giam đã. Rồi anh sẽ cho tôi biết anh muốn tôi phân cho anh việc gì nhé.

- Xin cảm ơn thiếu tá, cảm ơn bà. Xin ông cho tôi biết lý do vì sao tôi phải chuyển đến Saint-Joseph. Đối với tôi, đó gần như là một hình phạt.

- Theo tôi nghĩ thì không có lý do gì. Chẳng qua ông chỉ huy mới sợ anh vượt ngục.

- Ông ấy nghĩ không sai.

- Các hình phạt đối với những ai để tù vượt ngục đã được tăng lên. Trước chiến tranh, có khả năng bị mất một lon; bây giờ, đó là điều tất nhiên rồi, chưa kể các hình thức khác nữa. Vì vậy ông ta đưa anh đến đây, ông ta thà để anh vượt ngục từ Saint-Joseph không thuộc phạm vi của ông, còn hơn là từ Royale là nơi ông

phải chịu trách nhiệm.

- Thưa thiếu tá, ông phải ở đây bao nhiêu lâu?

- Mười tám tháng.

- Tôi không thể nào chờ lâu đến thế được, nhưng tôi sẽ kiếm cách trở về Royale để khỏi phương hại đến ông.

- Cám ơn anh, - vợ ông ta nói. - Tôi rất sung sướng thấy anh xử sự cao thượng như vậy. Anh cần gì, cứ đến đây đừng ngần ngại. Bà này, ba ra lệnh cho vọng gác để Papillon có thể đến gặp em khi nào anh ta yêu cầu nhé.

- Được thôi, em yêu. Mohammed, đi theo Papillon về trại, còn anh, anh có thể chọn phòng anh muốn ở.

- ồ, tôi thì rất dễ: tôi xin ở nhà giam những tù nguy hiểm.

- Điều đó không khó, thiếu tá cười, đoạn viết mấy chữ vào một tờ giấy đưa cho Mohammed. Tôi rời căn nhà vừa là nhà ở vừa là văn phòng của thiếu tá bên bến tàu, đó là nhà ở trước đây của Lisette. Tôi đi về trại, theo sau là tên A-rập trẻ. Chỉ huy trạm gác là một người Corse, rất hung hãn, y là tay chuyên giết người mà ai cũng biết. Tên y là Filissari.

- Papillon, anh đến rồi đấy hả? Anh biết tính tôi đấy, tốt thì thật tốt, xấu cũng thật xấu. Anh đừng giở trò vượt ngục với tôi nhé, vì anh mà thất bại là tôi giết anh như giết con dán vậy. Hai năm nữa, tôi sẽ về hưu. Vì vậy bây giờ không phải là lúc gặp chuyện phiền toái.

- Ông biết rằng tôi vốn là bạn của tất cả những người Corse. Tôi không nói với ông là tôi sẽ không vượt ngục, nhưng nếu tôi vượt ngục, tôi sẽ thu xếp để việc đó không xảy ra vào phiên trực của ông.
- Vậy thì được, Papillon. Chúng ta không phải là kẻ thù của nhau rồi. Anh cũng hiểu đấy, bọn trẻ họ có thể chịu đựng những chuyện bực mình do một cuộc vượt ngục gây ra, còn tôi thì anh lạ gì? Với tuổi tôi, lại sắp về hưu giữa! Rồi, thế là hiểu nhau nhé. Còn bây giờ thì về chỗ ở đã chỉ định.

Thế là tôi lại vào trại, trong một văn phòng giống y như ở đảo Royale, chứa từ một trăm đến một trăm hai tù nhân. ở đấy có thằng Pierrot rồ, Hautin, Arnaud và Jean Carbonieri. Đáng lẽ tôi phải về cùng nhóm với Jean vì nó là em Matthieu nhưng Jean không có cỡ như Matthieu, và do nó đánh bạn với Hautin. Arnaud tôi thấy không hợp. Cho nên, tôi gạt nó ra và về ở với Carrier, người Bordeaux, còn gọi là thằng Pierrot rồ.

Đảo Saint-Joseph hoang đã hơn đảo Royale, hơi nhỏ hơn Royale một chút nhưng vì dài hơn, nên trông như lớn hơn. Trại ở lưng chừng cao điểm của đảo, giữa hai khoảng đất bằng làm thành hai tầng kế tiếp nhau. Trại giam ở tầng thứ nhất; còn ở tầng trên là nhà lao cấm cố trứ danh mà mọi người ghê sợ. Nhân tiện cũng xin nói là phạm nhân bị giam cấm cố hàng ngày vẫn được đi tắm một giờ. Hy vọng rằng việc đó sẽ còn tiếp tục.

Hàng ngày, vào buổi trưa, tên A-rập làm việc cho thiếu tá đưa đến cho tôi ba cái cà-mèn xếp lồng vào một miếng sắt dẹt ở đầu có tay xách bằng gỗ. Hắn để ba ngăn cà-mèn lại và lấy những ngăn cà-mèn hôm trước về. Bà mẹ đỡ đầu Lisette hàng ngày gửi cho tôi những món mà bà đã nấu nướng cho gia đình bà ăn.
Chủ nhật, tôi đến thăm và cảm ơn bà. Tôi ở đấy cả buổi chiều để chuyện trò với bà và chơi với các con bà, vuốt mớ tóc vàng của chúng, tôi tự nhủ, nhiều khi khó mà biết đâu là bổn phận của mình. Nguy cơ đang đè nặng lên gia đình này trong trường hợp hai thằng ngu kia vẫn giữ ý định thật là ghê gớm. Girasolo đã tố giác câu chuyện ra rồi mà bọn lính chẳng tin. Đến nỗi chúng không chịu tách mấy thằng kia ra, mà chỉ chuyển chúng đến Saint-Joseph. Nhưng nếu tôi nói thêm một câu để người ta tách chúng riêng ra từng thằng một, hóa ra tôi lại xác nhận sự kiện là có thật, cùng tính chất nghiêm trọng của chuyện tố giác nọ. Nếu thế thì phản ứng của cai tù sẽ ra sao? Tốt hơn cả là câm miệng lại.
ở trại, Arnaud và Hautin hầu như không nói với tôi Thế lại hóa hay, chúng tôi đối xử với nhau nhã nhặn nhưng không thân mật, Jean Carbonieri không nói chuyện với tôi, nó tức vì tôi đã không về ở cùng nhóm với nó. Chúng tôi có bốn người: Pierrot rồ, Marquetti, đã từng đoạt giải nhì trong cuộc thi vĩ cầm ở Roma, nhiều khi cậu ta chơi đàn mấy giờ liền, làm tôi cũng buồn mang

mác, và cả Marsori, dân Corse, vùng Sète, cũng vậy.
Tôi không nói gì với ai, tôi có cảm giác là ở đây cũng không ai biết gì về cuộc chuẩn bị nổi loạn bị dang dở ở đảo Royale. Họ còn giữ những ý định ấy không? Cả ba đang làm lao dịch nặng nhọc. Họ phải kéo lê dưới nước những tảng đá to để xây một hồ bơi ngoài biển. Một tảng đá to được buộc chặt bằng xích, một sợi dây khác từ mười lăm đến hai mươi mét được nối vào đấy ở bên phải và bên trái. Mỗi tù nhân chẳng dây kéo của mình vào thân hay vào vai, móc đây đó vào một khâu của sợi xích dài. Rồi cùng một lúc, y như những con vật, họ phải kéo các tảng đá đến nơi đã định. Dưới trời nắng chói chang, đấy là một công việc nặng nhọc và chán ngấy.
Có tiếng súng trường, súng mút-cơ-tông và súng ngắn nổ vang ở phía bến tàu. Tôi hiểu ngay, lũ điên khùng đã hoạt động. Việc gì đã xảy ra vậy? Ai thắng? Tôi ngồi trong phòng, không động đậy. Những tay tù sừng sỏ đều nói: “Họ nổi loạn rồi!”.
- Nổi loạn à? Nổi loạn thế nào? - Tôi cố tình tỏ ra cho mọi người thấy là tôi không biết gì. Jean Carbonieri hôm đó không đi làm, sáng lại gần tôi, mặt tuy rám nắng mà vẫn tái mét như đã chết rồi. Nó nói lí nhí, “Nổi loạn đấy, anh Papi ạ”. Tôi lạnh lùng hỏi nó: “Loạn gì? Tao không biết”.
Tiếng súng mút-cơ-tông vẫn tiếp tục nổ. Pierrot rồ chạy vào phòng.

- Nổi loạn nhưng hình như thất bại thì phải. Thật là một lũ điên? Papillon, mở dao ra đi. ít ra ta cũng phải giết được thật nhiều lính rồi có chết mới chết.

- Phải, - Carbonieri nói, - phải giết càng nhiều lính càng tốt.

Chissilia lấy ra một con dao cạo. Người nào cũng lăm lăm một con dao đã mở sẵn. Tôi nói với họ:

- Đừng có xử sự như những thằng ngu. Chúng ta có bao nhiêu mống?

- Chín.

- Bảy cậu hãy bỏ vũ khí -xuống. Cậu nào hăm dọa lính gác, tôi sẽ giết ngay. Tôi không muốn bị bắn như thỏ trong căn phòng này. Cậu có tham gia vào vụ này không?

- Không.

- Còn cậu?

- Cũng không.

- Thế cậu này?

- Tôi chẳng biết nếp tẻ gì cả.

- Tốt. Chúng ta ở đây đều là dân giang hồ, không ai biết gì về cuộc nổi loạn của bọn trường giả cả. Hiểu không nào?

- Được rồi.

Đứa nào đi tố giác và nhận rằng có biết ít nhiều điều gì là sẽ bị bắn chết ngay đấy. Bởi vậy, thằng nào ngờ nghệch nói ra là chẳng ăn cái giải gì đâu. Các cậu vứt cả vũ khi vào thùng phân

đi. Bọn lính chắc cũng sắp đến đây rồi.

- Thế nhỡ cánh tù thắng thì sao?

- Nếu cánh tù thắng, ta cứ để cho chúng thu xếp và hoàn thành chiến thắng của chúng bằng một cuộc vượt ngục. Còn tôi, với cái giá này, tôi không ham. Các cậu thì sao?

- Chúng tôi cũng vậy, - tám người kia cùng đồng thanh nói, kể cả Jean Carbonieri.

Tôi không ho hé về những gì tôi vừa nhận thấy: không còn tiếng súng nổ nữa, và như thế nghĩa là cánh tù đã thất bại. Quả thật là cuộc tàn sát đã được dự tính từ trước chưa thể nào mới đến giờ này mà đã xong xuôi được

Bọn lính vừa chạy như điên đến, vừa dùng báng súng, gậy, và chân thúc mấy người tù đi chuyển đá về.

Chúng lùa họ vào căn nhà kế bên rồi cũng vào trong đó luôn. Đàn ghi-ta, măng-đô-lin, bàn cờ vua, cờ đam, đèn dầu, ghế băng, các chai đựng dầu, đường, cà phê, quần áo trắng, tất cả đều bị chà đạp phá hủy và bị vất ra ngoài. Bọn lính đập phá tất cả những gì mà quy chế không chính thức cho phép các phạm nhân được giữ.

Có hai tiếng súng nổ, chắc chắn là tiếng súng ngắn. Trại giam có tám tòa nhà. Bọn lính hành động như vậy ở cả tám tòa nhà, thỉnh thoảng còn dùng bán súng để phá. Một người trần truồng, rõ ràng là bị bọn lính giải về xà-lim để đánh cho nhừ tử, đã chạy về phía

nhà giam.

Bọn chúng đã đến các nhà ở phía trước và bên phải chỗ chúng tôi. Bây giờ chúng đang ở nhà thứ bảy. Chỉ còn lại căn nhà của chúng tôi. Cả chín đứa chúng tôi ai nấy đều vẫn ngồi yên ở chỗ của mình. Những người đi làm ở ngoài cũng chưa ai về. Người nào cũng chết dí tại chỗ của người nấy. Không ai nói gì. Miệng tôi khô rang, tôi đang nghĩ: "Mong cho đừng có thằng khốn nào lợi dụng lúc hỗn quân hỗn quan này để hạ thủ mình một cách vô tội vạ".

- Chúng nó đến đây rồi kia, - Carbonieri nói, hắn không còn hồn vía nào nữa.

Bọn lính, hơn hai mươi tên, ùa vào, súng mút cơ- tông hay súng ngắn lăm lăm trong tay sẵn sàng nhả đạn. Filissari la lối:

- Này, chúng mày chưa cởi hết quần áo ra à? Còn chờ gì nữa, đồ chó chết? Chúng mày sẽ bị bắt cả lũ.

- Cởi hết quần áo ra, chúng ta không muốn lột quần áo ở xác chúng mày ra.

- Thưa ông Fillissari...

- Câm mồm đi, Papillon. Đừng có xin tha tội ở đây. Cái chuyện chúng mày bày đặt ra nó quá ư nghiêm trọng. ở trong phòng tù nguy hiểm này, chắc chắn cả bọn chúng mày đã tham gia.

Mắt y trợn trừng lên vằn đỏ những tia màu, ánh mắt tràn đầy sát khí.

- Chúng tôi có quyền, Pierrot nói.

Tôi quyết định đánh bài liều.

- Tôi ngạc nhiên thấy một người Corse như ông mà lại đi tàn sát những người vô tội? Ông muốn bắn hả? Được, không cần phải dài giòng làm gì, chúng tôi không thiết nữa đâu. Ông bắn đi, bắn cho mau đi. Trời đất ơi! Tôi tưởng ông cũng là một con người chứ, ông Filissari kia, một đệ tử chân chính của Napoléon! Nhưng tôi đã lầm. Cũng chẳng sao. Thậm chí tôi cũng những muốn nhìn thấy ông khi ông bắn chúng tôi nữa cơ. Tôi quay lưng lại đây. Này, các cậu quay lưng cả lại để người ta không nói là chúng mình định tấn công họ. Và tất cả mọi người như một, đã quay lưng lại bọn lính. Bọn họ sững sờ trước thái độ của tôi, càng ngạc nhiên hơn vì trước đấy (việc này về sau tôi mới biết) Filissari đã bắn chết hai phạm nhân ở các nhà khác.

- Mày còn muốn nói gì nữa không, Papillon?

Vẫn quay lưng lại, tôi đáp:

- Chuyện nổi loạn này, tôi không tin chút nào. Sao lại nổi loạn? Để giết lính à? Rồi vượt ngục? Rồi đi đâu? Tôi đây, là chuyên viên vượt ngục, tôi từ ở rất xa, tận Colombia trở về. Tôi thử hỏi có nước nào lại chứa chấp những kẻ giết người rồi vượt ngục? Tên cái nước ấy là gì vậy? Đừng có ngu như thế, không một ai xứng đáng với danh hiệu một con người lại dính vào chuyện này làm gì.

- Mày, thì may ra có thể như thế, nhưng còn Carbonieri? Tao chắc chắn nó có tham gia, vì sáng nay thằng Arnaud và thằng Hautin ngạc nhiên thấy nó báo bệnh để không đi làm.
- Ông tưởng thế thôi, tôi bảo đảm là như vậy. Và tôi quay mặt lại với y. Tôi nói để ông hiểu ngay nhé. Carbonieri là bạn tôi, anh ta biết mọi chi tiết về chuyến vượt ngục của tôi, anh ta không có ảo tưởng gì hết, anh ta biết rõ hậu quả của một cuộc vượt ngục bằng cách nổi loạn.
Đúng lúc đó, thiếu tá chỉ huy đến. Ông ta đứng bên ngoài. Filissari đi ra. Thiếu tá gọi:
- Carbonieri.
- Có tôi
- Cho nó vào xà lim nhưng không được ngược đãi. Giám thị này, đi theo nó. Tất cả đi ra ngoài hết, chỉ các giám thị trưởng ở lại đây thôi. Đưa tất cả các tù nhân còn rải rác ở đảo về trại. Không được giết ai, cho tất cả về trại, không trừ một ai.
Thiếu tá chỉ huy trại, viên chỉ huy phó và Filissari cùng bốn lính gác bước vào phòng giam. Thiếu tá nói.
- Papillon, có một việc rất nghiêm trọng vừa xảy ra. Với tư cách chỉ huy trại giam, tôi có trách nhiệm rất nặng nề. Trước khi có vài biện pháp đối phó, tôi cần biết ngay một số tin tức. Tôi biết là trong thời điểm ngặt nghèo này, anh sẽ từ chối không nói chuyện riêng với tôi, vì thế, tôi đã đến đây. Giám thị Ductos đã bị giết.

Bọn chúng còn muốn lấy vũ khi cất ở nhà tôi đây là một cuộc nổi loạn. Tôi chỉ có vài phút thôi, tôi tin anh. Tôi hỏi ý kiến anh về việc này, thế nào?

- Nếu có nổi loạn, sao chúng tôi không biết gì cả? Sao không ai nói gì với chúng tôi? Có bao nhiêu người liên quan đến vụ này? Tôi đặt ra ba câu hỏi đó với ông thiếu tá và tôi sẽ trả lời, nhưng trước tiên, ông phải cho tôi biết, là sau khi họ giết giám thị và đoạt được súng của ông ấy rồi, tôi đoán chắc vậy, có bao nhiêu người đã hành động?

- Ba người.

Đó là những ai?

- Arnaud, Hautin và Marceau.

- Tôi hiểu rồi. Dù ông muốn hay không, ông nghĩ thế nào tùy ý nhưng không có cuộc nổi loạn nào cả.

- Papillon, anh nói láo. - Filissari nói - Cuộc nổi loạn này đáng lẽ xảy ra ở đảo Royale, Girasolo đã tố giác, chúng tôi không tin là có. Nhưng bây giờ, rõ ràng những gì nó nói ra là đúng. Vậy là anh có ý bịp chúng tôi Pappillon!

Nếu như ông nói là đúng, thì tôi đây, tôi là thằng đi tố cáo chăng, rồi cả Pierrot rồ nữa, rồi Carbonieri và Galgani cùng tất cả cánh lục lâm Corse ở đảo Royale, rồi cả cánh giang hồ nữa. Bất chấp những sự việc đã xảy ra tôi vẫn không tin vào chuyện ấy. Nếu có cuộc nổi loạn, thì chúng tôi cầm đầu chứ không có ai khác.

- Anh nói chuyện gì mà lạ vậy? Không có ai liên quan đến việc này sao? Vô lý.
- Thế hành động của những kẻ khác là thế nào? Có ai ngoài ba thằng khùng ấy làm gì không? ở đây, có ai nhúc nhích chân tay để chiếm vọng gác có bốn giám thị có súng, lại có cả ông xếp Filissari cũng có súng mút-cơ-tông nữa không? Có bao nhiêu tàu ở Sain- Joseph nào? Chỉ có một chiếc sà-lúp thôi? Thế là một sà-lúp dùng cho sáu trăm người à? Chúng tôi có ngu đâu? Rồi giết người để vượt ngục? Cứ cho là có hai mươi người đi được, thì rồi cũng sẽ bị bắt và phải đầu hàng ở bất cứ chỗ nào. Thưa thiếu tá, tôi không biết người của ông hay chính tay ông giết bao nhiêu tù, nhưng gần như chắc chắn đấy là những người vô tội.
Và bây giờ lại đi phá tất cả các đồ đạc mà chúng tôi có được là nghĩa lý gì? Các ông tức giận có lý đấy, nhưng xin các ông đừng quên rằng ngày mà các ông không để cho đời sống của tù nhân được dễ chịu đôi chút, thì ngày đó đúng là sẽ có một cuộc nổi loạn, một cuộc nổi loạn của những kẻ tuyệt vọng, nổi loạn để cùng tự vẫn với nhau, đã chết thì chết chùm cả một thể: lính cũng như tù. Thưa ông Dutain, tôi nói với ông hết sức thành thật đấy, tôi cho là ông đáng được đối xử như vậy, chỉ vì ông đã đến tìm chúng tôi hỏi rõ tình hình trước khi quyết định. Xin ông để cho chúng tôi được yên.
- Thế còn những thằng đã liên quan đến vụ này? Filissan lại nói.

- Đó là việc các ông phải tìm ra. Chúng tôi không biết gì cả, về chuyện này, chúng tôi không giúp được gì cho các ông đâu. Tôi xin nhắc lại, đây là chuyện điên rồ của những thằng trưởng giả, chúng tôi không dính dáng vào đấy.
- Ông Filissarn, khi nào người ở phòng tù nguy hiểm này về hết, ông khóa cửa lại cho đến khi có lệnh mới. Đặt hai người gác ở cửa, không được đánh đập ai và đừng có phá phách các thứ của họ. Đi thôi
Nói đoạn ông ta bỏ đi cùng với cả bọn cảnh sát.
Phào! Phào! Hú vía!
Vừa đóng cửa lại. Filissari vừa nói với tôi:
- Phúc tổ cho mày là tao lại là dân Corse!
Chưa đầy một giờ sau, gần hết những người thuộc căn nhà của chúng tôi đã về cả. Chỉ thiếu mười tám người: bọn gác đã nhận ra rằng trong lúc hốt hoảng cuống quít họ đã nhốt lầm mấy người này vào một nhà khác Khi tất cả đã cùng trở về, ở đâu về đó, chúng tôi mới biết rõ sự việc đã xảy ra như thế nào, vì tất cả những người đó đều đang đi làm cỏ-vê. Một anh kẻ trộm người Saint-Etienne đã thầm thì kể với tôi:
- Papi này, anh thử tưởng tượng là chúng tôi đang kéo một tảng đá nặng gần một tấn trên quãng đường dài gần bốn trăm mét. Con đường kéo đá không có đoạn nào gay go lắm, và chúng tôi đến một cái giếng cách nhà trại trưởng chừng năm mươi mét. Cái

giếng vẫn là nơi nghỉ chân từ trước đến nay. Nó vừa có bóng dừa mát, lại ở giữa đoạn đường phải đi tiếp. Cho nên chúng tôi đã dừng lại như mọi ngày, chúng tôi kéo một xô nước giếng mát lịm lên uống, có mấy thằng thấm nước vào khăn để che lên đầu. Mỗi lần nghỉ thường là mười phút, thằng lính gác cũng đến ngồi ở thành giếng. Hắn bỏ mũ ra, đang lấy khăn tay ra lau đầu và mặt thì Arnaud từ đằng sau tới tay cầm một cái cuốc, buông thõng xuống cho nên không ai biết mà báo cho thằng lính đề phòng. Giơ cuốc lên và dùng phía lưỡi bén bổ vào giữa đầu người lính chưa mất đến một giây đồng hồ. Đầu bị tách ra làm hai mảnh, người lính ngã sóng soài ra đất không kêu được một tiếng. Hautin đã đứng sẵn từ trước ở đó, chộp ngay lấy khẩu mút-cơ-tông, còn Marceau thì cởi thắt lưng và lấy khẩu súng ngắn. Có súng trong tay, Marceau quay lại nói với cả bọn tù: "Đây là một chốc nổi loạn, ai theo chúng tôi, thì đi cùng chúng tôi". Không có một tên giữ chìa khóa nào nhúc nhích hay kêu la, không có tù nhân nào tỏ ý muốn theo họ" –

Cậu ta kể tiếp:

-Arnaud nhìn chúng tôi khắp lượt rồi nói: "Đồ hèn! Cả lũ chúng mày ấy. Rồi chúng tao sẽ cho chúng mày thấy đã làm người thì phải thế nào?" Arnaud lấy khẩu mút-cơ-tông từ tay Hautin rồi cả hai chạy về phía nhà thiếu tá. Marceau ở lại nhưng đứng tách riêng ra một bên. Cậu ta cầm một khẩu súng ta và ra lệnh:

“Không được động đậy, không được nói, không được la hét. Còn bọn A-rập kia, nằm úp sấp xuống đất”. ở chỗ tôi đứng, tôi nhìn thấy rõ lắm.

Arnaud đang lên bậc thềm nhà thiếu tá thì thằng A-rập giúp việc ở đấy mở cửa đi ra, với hai đứa bé gái, một đứa dắt tay, một đứa bế bên hông. Cả hai bên đều sửng sốt, thằng A-rập đang bế đứa bé đá cho Arnaud một cái. Arhaud muốn giết hắn nhưng hắn đã thẳng tay đưa đứa bé ra để đỡ. Không ai kêu la, cả thằng A-rập lẫn những người khác. Khẩu mút-cơ-tông chĩa vào thằng A-rập đến bốn năm lần, ở đủ các góc độ khác nhau. Cứ mỗi lần như thế là đứa bé lại bị giơ ra trước nòng súng. Hautin không leo lên bậc mà đứng bên kéo ống quần của thằng A-rập. Thấy mình sắp ngã đến nơi, nó quẳng cả đứa bé gái vào khẩu mút-cơ-tông của Arnaud. Bị mất thăng bằng trên bậc thang, Arnaud, đứa bé gái, thằng A-rập bị Hautin kéo chân, tất cả đều ngã đè lên nhau lỏng chỏng. Lúc đó mới có những tiếng la hét đầu tiên, trước hết là của hai đứa bé, rồi của thằng A-rập, rồi tiếng chửi rủa của Arnaud và Hautin. Thằng A-rập, nhanh tay hơn hai gã kia, đã nhặt được khẩu súng nhưng nó chi nắm được cái nòng, lại nắm bằng tay trái. Hautin lại tóm dược cẳng hắn. Còn Arnaud thì nắm lấy cánh tay phải của hắn và bẻ xoắn lại. Thằng A-rập ném khẩu mút-cơ-tông ra cách xa mười mét.

Trong khi cả ba xông tới để cướp khẩu mút-cơ- tông, thì có tiếng

súng nổ lần đầu tiên, do người lính coi tù đi quét lá bắn tới. Ông thiếu tá hiện ra ở cửa sổ và bắn phát một, vì sợ bắn phải thằng A-rập, nên ông ta chỉ nhằm vào chỗ khẩu mút~cơ-tông rơi. Hautin và Arnand chạy trốn về phía trại theo con đường ven bờ biển, và vẫn bị súng bắn theo. Hautin chân bị tê cứng nên chạy không được nhanh, và đã bị hạ trước khi tới mép nước. Còn Arnaud thì lội xuống nước, khoảng giữa chỗ tù tắm và hồ bơi của lính. Chỗ ấy lúc nào cũng đầy cá mập. Arnand bị bao vây giữa những phát súng của một tên lính nữa vừa đến trợ lực và một tên lính coi tù đi quét lá. Y nấp sau một tảng đá to.

- Đầu hàng đi, sẽ được sống, - bọn lính kêu to.

- Không bao giờ, - Arnaud đáp lại, - tao thà cho cá mập phanh thây còn hơn là nhìn thấy bộ mặt khả ố của chúng mày.

Và y lội xuống biển, thẳng vào chỗ lũ cá mập tập trung ở đấy. Hình như y bi trúng một viên đạn vì y có dừng lại một lát. Thấy thế, bọn lính tiếp tục bắn. Arnaud lại đi chứ không bơi, thân trên trên y còn nhô lên trên mặt nước thì lú cá mập đã tấn công y. Trông rất rõ y đâm một con cá mập đã phóng nửa người lên mặt nước để lao vào y. Rồi y đã bị phanh xác ra - hiểu theo nghĩa đen - vì lũ cá mập kéo tứ phía mà không cắn đứt chân tay y ra được. Chưa đầy năm phút sau y đã biến mất.

Bọn lính đã bắn ít ra là một trăm phút súng xuống chỗ Arnaud và lũ cá mập đang quần nhau. Chỉ có một con cá mập bị chết; nó đã

dạt vào bờ, ngửa bụng lên.

Thấy bốn phía đều có cảnh binh kéo tới, Marceau vất súng xuống giếng, hòng cứu lấy mạng mình, nhưng bọn A-rập đã đứng lên, dùng gậy và tay đấm, chân đá, dồn hắn về chỗ bọn lính, nói rằng nó có ở trong cuộc. Tuy hắn bê bết máu và đã giơ tay lên, bọn lính cũng dùng súng lục và mút-cơ-tông bắn vào hắn, và cuối cùng, một tên lính còn cầm đầu nòng khẩu mút-cơ-tỏng phang báng súng vỡ đầu ra cho chết hẳn.

Bợn cảnh binh cũng xả đạn vào Hautin. Có cả thảy ba mươi tên, mỗi tên bắn sáu phát, và chúng đã cho cậu này ăn trước sau hơn một trăm ha mươi phát đạn. Filissari bắn chết những đứa bị bọn A-rập tố cáo là đã nhúc nhích định theo Arnaud nhưng sau lại chùn bước.

Đó là chuyện bịa đặt một trăm phần trăm vì tuy có thể có những thằng đồng lõa, song không hề có một ai cựa quậy cả.

Đã hai ngày hôm nay, tất cả những tù nhân bị nhốt trong mấy căn phòng giam dành riêng cho từng loại rồi không ai được ra đi làm. ở cửa, linh gác cứ hai giờ thay phiên một lần. Giữa các nhà, lại có những lính gác khác. Cấm nói từ nhà này sang nhà kia. Giữa hai hàng võng là lối đi; đứng tại lối đi đó, hơi chếch một chút, có thể nhìn ra sân qua cửa sát. Có cả những cảnh binh được đưa từ đảo Royale đến để tăng cường. Không một tù nhân nào được ở bên ngoài. Kể cả bọn A-rập giữ chìa khóa cũng vậy. Tất

cả đều bị nhốt. Thỉnh thoảng, có một người trần truồng theo sau là lính, bị đưa đến khu xà lim giam tù bị phạt nhưng không thấy có tiếng kêu la hay tiếng đánh đập. Bọn lính thường đứng nhìn vào trong qua các cửa sổ bên hông nhà. ở mỗi cửa ra vào, có hai lính gác, một ở bên trái, một ở bên phải. Thời gian gác ngắn, chỉ hai giờ nhưng họ không bao giờ ngồi, cũng không đeo súng lên vai: khẩu mút-cơ-tông tì vào cánh tay trái, luôn sẵn sàng nhả đạn. Tù nhân quyết định đánh bài poker, từng nhóm năm người một. Không đánh bài Marseillaise, cũng không chơi những thứ bài ăn lớn vì như thế quá ồn ào. Marquetti đang kéo một bài sonate của Beethoven cũng bị ngăn lại.

- Không được chơi thứ nhạc ấy nữa, lính chúng tôi đang có tang.

Một không khí căng thẳng khác thường đè nặng không phải chỉ trên trại giam mà trên toàn trại. Không có cà phê, không có xúp. Buổi chiều chỉ có một mẩu bánh mì, trưa thịt hộp, chiều thịt hộp, bốn người một hộp. Vì các thứ đồ lề của chúng tôi không bị phá hủy, nên chúng tôi có cà phê và thực phẩm: bơ, dầu, bột mì, v.v.... Các nhà khác không còn gì. Khi chúng tôi đun nước pha cà phê và khói ở trong nhà xí bay ra, một tên cảnh binh bắt tắt lửa đi. Người đun nước là một tù nhân thuộc giới giang hồ trở về già, người Marseille, tên là Niston, thường pha cà phê để bán. Lão đã trả lời lính gác một cách xấc xược:

- Anh có muốn tắt lửa thì vào mà tắt lấy đi.

Thế là tên lính bắn qua cửa sổ mấy phát súng. Cà phê và lửa đành biến vội. Niston bị trúng đạn vào chân. Mọi người đều cảm thấy quá căng và tưởng lính bắt đầu bắn chúng tôi nên ai nấy liền nằm sấp xuống đất.

Chỉ huy phiên gác vào giờ đó lại vẫn là Filissari. Y chạy như điên đến, theo sau có bốn lính. Người lính vừa bắn xong, gốc vùng Auvergne, đang trình bày sự việc xảy ra. Filissari chửi anh ta bằng tiếng Corse, còn anh nọ không nghe được gì, chỉ biết nói:

- Tôi không hiểu gì cả.

Chúng tôi lại lên võng ngồi. Chân Niston bị chảy máu.

- Đứng nói là tôi bị thương. Chúng nó sẽ khử tôi luôn ở ngoài đó mất.

Filissari đến gần cửa sắt. Marquetti nói gì với y bằng tiếng Corse.

- Cứ làm cà phê, chuyện này sẽ không xảy ra nữa. Nói xong y bỏ đi.

May cho Niston là viên đạn không nằm trong chân: gặp đoạn cơ bắp, nó ra ở phía nửa chân bên kia. Bọn tôi buộc ga rô cho lão, máu ngưng chảy và sau đó lão được băng bó với nước giấm.

- Papillon, ra đây - Lúc bấy giờ đã tám giờ rồi: bên ngoài trời tối đen..

Tôi không biết mặt người lính đã gọi tôi, có thế đấy là một người gốc Bretagne.

- Tại sao tôi lại phải ra ngoài vào giờ này? Tôi chẳng có việc gì ở ngoài ấy cả.
- Thiếu tá muốn gặp anh.
- Bảo ông ta đến đây. Tôi không ra đâu.
- Anh từ chối không đi hả?
- Phải, tôi từ chối không đi đấy.
Các bạn tôi vây thành một vòng quanh tôi. Người gác nói qua cánh cửa vẫn đóng kín. Marquetti ra cửa nói:
- Chúng tôi không để Papillon ra khỏi đây nếu không có thiếu tá.
- Thì chính ông ta cho kiếm Papillon đấy mà.
- Vậy thì bảo ông ấy cứ lại đây.
Mót giờ sau. hai tên lính trẻ đến trước cứa phòng có tên A-rập giúp việc ở nhà thiếu tá đi theo. Tên này đã cứu ông và ngăn chặn được cuộc nổi loạn.
- Papillon ơi, tôi là Mohammed đây. Tôi đến tìm anh, thiếu tá muốn gặp anh, ông ấy không thể đến đây được
Marquetti nói với tôi:
- Papi này, thằng cha ấy mang súng mút-cơ-tông đấy
Tôi ra khỏi vòng người do các bạn tôi quây thành và lại gần cửa. Quả thật Mohammed đang cầm trong tay một khẩu súng trường. Một tên tù khổ sai lại được chính thức mang súng trường? Chuyện khó tin lại có thật.
- Đi thôi, tên A-rập nói. Tôi đến đây để cùng đi theo anh và để

bảo vệ anh, nếu cần.

- Nhưng tôi không tin là cần.

Tôi ra ngoài, Mohammed đi cạnh tôi, có hai tên lính đi theo sau. Tôi đến sở chỉ huy. Đi ngang qua vọng gác ở ngoài cổng trại. Filissari nói với tôi:

- Papillon, tôi mong anh không có gì phải phàn nàn về tôi đấy.

- Riêng tôi thì không có gì, trong phòng giam tù nguy hiểm cũng không ai có gì phàn nàn về ông. Còn ở chỗ khác thì tôi không biết.

Chúng tôi đi xuống nhà thiếu tá. Căn nhà và bến tàu được thắp đèn đất cốt tỏa ánh sáng ra xung quanh nhưng chẳng được bao nhiêu. Trong khi đi đường. Mohammed đưa cho tôi một bao thuốc lá Gauloises.

Khi bước vào gian phòng được hai cây đèn đất chiếu sáng, tôi thấy có thiếu tá chỉ huy đảo Royale, viên chỉ huy phó của ông ta, thiếu tá chỉ huy Saint-Joseph, viên chỉ huy và viên chỉ huy phó của nhà lao cấm cố trên đảo Saint-Joseph.

Bên ngoài tôi thấy bốn tên A-rập, và có bốn cảnh binh giám sát. Tôi nhận ra hai tên thuộc toán cỏ-vê hữu quan.

- Papillon đến rồi ạ - Tên A-rập nói.

- Chào anh, Papillon, - thiếu tá trại trưởng Saint- Joseph nói.

- Chào ông.

- Anh ngồi xuống ghế này.

Tôi ngồi đối mặt với tất cả mọi người. Cửa phòng để mở, trông vào bếp, tôi thấy bà mẹ đỡ đầu Lisette giơ tay thân mật chào tôi.
- Papillon này, - thiếu tá trại trường Royale nói, anh được thiếu tá Dutain coi là người có thể tin cậy được Anh đã chuộc tội bằng cách cố cứu sống đứa con đỡ đầu của bà ấy. Tôi thì chỉ biết anh qua những báo cáo chính thức, coi anh là một tù nhân nguy hiểm về mọi mặt. Tôi muốn bỏ qua các báo cáo ấy và tin vào ông Dutain đồng sự của tôi. Chắc chắn rồi sẽ có một phái bộ đến đây để điều tra, và các tù nhân các loại ai cũng phải khai ra những điều gì mình biết. Chắc chắn là anh và một vài người nữa, có uy tín lớn đối với các tù nhân, và họ sẽ răm rắp nghe lời anh. Chúng tôi muốn biết ý kiến anh về cuộc nổi loạn và cả những điều mà anh đã ít nhiều thấy trước là những người trong khối anh, rồi sau đó là những người khác, có thể khai ra.
- Tôi không có gì để khai ra cả, cũng không có bổn phận gây ảnh hưởng gì đối với lời khai của những người khác Nếu có một phái bộ đến để điều tra thật sự, thì trong tình hình hiện nay, các ông sẽ bị cách chức hết.
- Anh nói gì lạ vậy, Papillon? Tôi và các đồng sự của tôi ở Saint-Joseph đã ngăn chặn được cuộc nổi loạn kia mà!
- Có lẽ riêng ông, ông sẽ thoát được, nhưng các ông chỉ huy ở Royale thì không thoát được đâu.
- Anh hãy nói cho rõ đi nào. - Hai viên chỉ huy ở đảo Royale

đứng lên rồi lại ngồi xuống.

- Nếu các ông cứ chính thức nói là có cuộc nổi loạn, các ông đều sẽ lãnh đủ. Nếu các ông chịu chấp nhận các điều kiện của tôi, tôi sẽ cứu tất cả các ông trừ Filissari.

- Điều kiện gì?.

- Thứ nhất, sinh hoạt ở đây phải trở lại nếp bình thường ngay lập tức, bắt đầu từ ngày mai. Chỉ khi nào chúng tôi nói chuyện được với nhau bình thường, chúng tôi mới tác động được vào mọi người về những điều phải khai với ban thanh tra. Có đúng không nào?

- Đúng - Dutain nói. - Nhưng tại sao lại phải cứu chúng tôi?

- Bởi vì từ đảo Royale, các ông không phải chỉ huy đảo Royale mà chỉ huy cả ba đảo nữa.

- Đúng.

- Và các ông đã dược Girasolo báo cáo là có một cuộc nổi loạn đang được âm mưu chuẩn bị. Cầm đầu là Hautin và Arnau chứ gì.

- Cả Carbonieri nữa, tên lính gác nói.

Không, điều đó là sai. Girasolo có thù riêng với Carbonieri từ khi còn ở Marseille. Nó đã tố giác thêm anh ta một cách vô căn cứ. Nhưng các ông có tin là có nổi loạn đâu. Tại sao vậy? Vì hắn nói là cuộc nổi loạn này nhằm mục đích giết đàn bà, trẻ con, bọn A-rập và các cảnh binh. Điều đó có vẻ khó tin. Mặt khác, ở Royale

có tám trăm người mà chỉ có hai chiếc sà-lúp, còn ở Saint-Joseph có sáu trăm người mà chỉ có một chiếc sà-lúp. Không một người chín chắn nào lại đi chấp thuận một mưu đồ như thế.

- Làm sao anh biết được tất cả những điều đó?

- Đấy là việc của tôi. Nhưng nếu các ông cứ nói mãi về cuộc nổi loạn, dù cho các ông có thủ tiêu tôi đi, và nhất là khi các ông làm thế thật, thì tất cả những điều ấy sẽ lộ rõ và sẽ được chứng minh rành rọt. Do đó trách nhiệm sẽ thuộc về đảo Royale, đã chuyển những người kia đi Saint-Joseph, lại không tách rời họ ra. Quyết định hợp lý duy nhất - cho nên nếu cuộc điều tra thấy được thì các ông sẽ không tránh khỏi những hình thức kỷ luật nặng nề đấy - là đưa người này đến đảo Quỷ, người kia đến Saint-Joseph. Nhưng tôi vẫn thừa nhận là khó có thể tin được câu chuyện đó do lũ điên rồ ấy bày ra được. Tôi nhấn mạnh là nếu các ông nói đến nổi loạn, các ông sẽ sa lầy đấy. Vậy nếu các ông chấp nhận điều kiện của tôi, thì thứ nhất là, như tôi đã nói, mọi việc phải trở lại bình thường ngay từ ngày mai; thứ hai, tất cả những ai bị nhốt vào xà lim vì tình nghi có âm mưu nổi loạn phải được thả ngay - cũng không được tra hỏi những người đó về phần đồng lõa của họ trong cuộc nổi loạn, bởi vì không làm gì có nổi loạn; thứ ba là ngay bây giờ, Filissari phải được đưa tức khắc về đảo Royale trước hết để đảm bảo an toàn cho chính ông ta: bởi vì một khi không hề có nổi loạn thì làm thế nào biện bạch được việc giết

chết ba người kia? Sau nữa vì ông ta là một kẻ giết người ti tiện, và khi sự việc xảy ra ông ta đã hành động trong một tâm trạng sợ hãi đến cùng cực: ông ta toan giết chết tất cả mọi người, kể cả chúng tôi ở trong phòng giam. Nếu các ông chấp nhận những điều kiện đó, tôi sẽ thu xếp để tất cả mọi người đều phát biểu là Arnaud, Hautin và Marcean đã hành động với mục đích làm sao gây ra thật nhiều tai họa trước khi chết. Những gì họ làm không thể lường trước được. Họ không có tòng phạm, không hề tâm sự với ai. Theo nhận xét của toàn thể phạm nhân, dó là những kẻ đã quyết định tự vẫn bằng cách ấy, giết càng nhiều người càng tốt, trước khi họ bị giết: mục đích của họ là làm sao khiêu khích cho lính bắn vào họ. Nếu các ông ai muốn, tôi xin vào trong bếp để các ông bàn luận và trả lời cho tôi sau.

Tôi đi vào bếp và đóng cửa lại. Bà Dutain bắt tay tôi và đưa cà phê với cả rượu cô nhắc chó chúng tôi uống. Tên A-rập Mohammed nói: Anh không nói gì cho tôi à?

- Đó là việc của ông thiếu tá. Một khi ông ấy đã giao súng cho cậu, tức là ông ấy định tha tội cho cậu đấy

Bà mẹ đỡ đầu của Lisette nhẹ nhàng nói với tôi:

- Các ông ở đảo Royale lần này thì lãnh đủ nhé. Tất nhiên rồi, thừa nhận có cuộc nổi loạn ở Saint- Joseph mà ai cũng bắt buộc phải biết rõ, trừ ông chồng bà, đối với họ dễ quá.

- Papillon này, tôi nghe được hết và tôi hiểu ngay là anh muốn

làm điều tốt cho chúng tôi.

- Đúng vậy, thưa bà Dutain.

Cửa mở ra và một lính vào gọi.

- Papillon, qua đây.

- Anh ngồi xuống đi, - thiếu tá chỉ huy đảo Royale nói. - Sau khi bàn luận với nhau, chúng tôi nhất trí kết luận là anh nói đúng: không hề có nổi loạn. Ba tù nhân đó đã quyết định tự vẫn và trước khi chết, họ cố giết được càng nhiều người càng tốt. Vậy là mai mọi việc hàng ngày sẽ lại như cũ. Ngay đêm nay, ông Filissari sẽ được chuyển về đảo Royale. Giải quyết trường hợp của ông ta là việc của chúng tôi, nên chúng tôi cũng không yêu cầu anh cộng tác với chúng tôi. Chúng tôi trong vấn đề này chỉ mong anh giữ lời hứa.

- Các ông cứ tin ở tôi. Xin chào các ông.

- Mohammed và hai ông giám thị hãy đưa Papillon về phòng. Và mời ông Filissari vào đây. Ông ta sẽ đi với chúng tôi về đảo Royale ngay.

Trên đường về, tôi nói với Mọhammed rằng tôi hy vọng là anh ta sẽ được thả. Anh ta cảm ơn tôi.

- Bọn chỉ huy muốn cậu làm gì thế?

Trong cảnh im lặng hoàn toàn, tôi kể lại rõ ràng và tỉ mỉ từng câu một, những gì đã xảy ra.

- Nếu có ai không đồng ý hay có gì chỉ trích những gì tôi đã nhân

danh tất cả mà thỏa thuận với các cấp chỉ huy ở đây, xin cứ nói ra.

- Tất cả đều nhất trí tán thành.

- Cậu cho rằng họ tin là không còn ai liên quan đến vụ này sao?

- Không đâu, nhưng nếu họ không muốn bị cách chức thì họ bắt buộc phải tin như vậy. Cả chúng ta nữa, nếu chúng ta không muốn gặp chuyện rắc rối, chúng ta cũng phải tin như vậy.

Bảy giờ sáng hôm nay, tất cả các tù nhân bị giam ở xà lim đều được thả về chỗ cũ. Có trên một trăm hai mươi người. Chưa ai đi làm nhưng tất cả các phòng giam đều được mở cửa và ngoài sân đầy những tù nhân được tự do hút thuốc, thoải mái chuyện trò, ngồi ngoài nắng hay trong bóng râm. Niston đã được đưa đi bệnh viện. Carbonieri cho tôi biết là có những tấm bìa ghi hàng chừ: "Tình nghi tham gia vào vụ nổi loạn" được treo trước cửa ít ra từ tám mươi đến một trăm xà-lim.

Lúc này đây, được tập trung đông đủ, chúng tôi mới biết rõ sự thật. Filissari chỉ giết có một người, những người khác bị hai tên lính trẻ giết, hai tên này bị mấy phạm nhân giết, trong bước đường cùng: tưởng mình sắp bị giết, các phạm nhân này đã cầm dao lao bừa vào lính, cố giết lấy một người trước khi chết. Thế là một vụ nổi loạn thật sự may sao đã phá sản ngay từ đầu để trở thành một cuộc tự vẫn kỳ quặc của ba tù nhân khổ sai: đấy là luận đề hình thức được mọi người, cả ban Quản trị lẫn tù nhân,

công nhận. Còn lại là truyền thuyết hay chuyện thật, tôi không biết nói thế nào cho chính xác.

Hình như việc mai táng ba người bị giết ở trại cùng với Hautin và Marceau được tiến hành như sau: vì chỉ có một cỗ quan tài có rãnh trượt để thả các thi hài xuống biển, nên bọn lính đặt tất cả các xác chết xuống lòng thuyền rồi cả năm cái xác được ném bằng tay xuống cho cá mập. Khi tiến hành việc liệng xác, họ tính rằng, trong lúc những thi thể ném xuống trước đang bị cá mập cắn xé thì những thi thể ném sau đã được buộc đá vào chân có đủ thời gian chìm sâu xuống nước. Tôi được nghe kể lại rằng không có cái xác nào chìm xuống nước cả, và cả năm cái xác đó, được liệm vải trắng vào lúc chập choạng tối, đã nhảy múa như những con rối thật sự, được miệng và đuôi lũ cá mập đưa đẩy trong một bữa tiệc thịnh soạn xứng với Nabuchodonozor. Cảnh tượng hãi hùng đó đã làm cho đám tù chèo thuyền và đám lính gác hốt hoảng tháo lui

Một ban thanh tra đã tới, ở lại gần năm ngày trên đảo Saint-Joseph, và hai ngày trên đảo Royale. Tôi không bị tra hỏi riêng mà cũng chỉ như mọi người. Qua thiếu tá Dutain, tôi biết là mọi việc đều êm thấm. Filissari được nghỉ phép chờ ngày về hưu, như vậy là lão ta sẽ không trở lại đảo này nữa. Mohammed được ân xá hoàn toàn, và thiếu tá Dutain được gắn thêm một lon.

Vì thế nào cũng có những kẻ không được vừa lòng nên hôm qua,

một tù nhân người Bordeaux đã hỏi tôi:

- Giúp đỡ cho bọn coi tù như vậy, phỏng chúng ta có được xơ múi gì?

Tôi nhìn thẳng vào y:

- Chẳng được gì mấy: chỉ có độ năm, sáu chục tù không bị giam vào ngục cấm cố về tội tòng phạm, cậu thấy thế là không có gì hả?

May mắn là cơn giông tố đó đã dịu dần. Một sự thỏa thuận ngầm giữa cai tù và tù đã hoàn toàn vô hiệu hóa ban thanh tra trứ danh nọ, mà có lẽ chính ban thanh tra cũng chỉ mong sao mọi việc được ổn thỏa cho rồi.

Về phần tôi, tôi chẳng được gì cũng chẳng mất gì nếu không nói đến sự biết ơn của các bạn tôi đã không phải chịu đựng một kỷ luật khắt khe hơn. Trái lại, lao dịch kéo đá đã được bãi bỏ. Đó là một lao dịch kinh khủng. Bây giờ trâu kéo đá, tù nhân chỉ xếp đá vào chỗ đã định. Carbonieri được trả về lò bánh mì. Tôi tìm cách trở về đảo Royale. ở đây thì không có công xưởng nên không thể đóng bè được.

Việc Pétain lên cầm quyền ở Pháp làm quan hệ giữa tù nhân và giám thị nặng nề thêm. Tất cả các nhân viên thuộc chính quyền đều lớn tiếng tuyên bố theo phải Pétain, và có một lính gác người Normandie đã nói với tôi:

- Cậu có muốn nghe tôi nói với cậu điều này không, Papillon?

Tôi chưa bao giờ theo phải Cộng hòa cả. ở đảo, không ai có máy thu thanh và không ai biết được tin tức gì. Ngoài ra, lại có tin đồn là chúng tôi tiếp tế cho tàu ngầm Đức ở Martinique và Guadeloupe. Thật không sao hiểu nổi. Luôn luôn nổ ra những cuộc tranh luận.

- Mẹ kiếp! Cậu có muốn tớ nói cho cậu biết không, Papi? Bây giờ mới là lúc nổi loạn, để trao các đảo cho nước Pháp của De Gaulle.

- Cậu cho là ông Charlot cao kều ấy cần nơi giam tù khổ sài à? Để làm gì?

- Thì để có được hai ba ngàn quân chứ còn sao?

- Những thằng hủi, những thằng ngớ ngẩn, lao phổi, kiết lỵ hả? Cậu không đùa đấy chứ? Ông ta không ngốc đến nỗi phải ôm lấy lũ tù khổ sai đau.

- Thế hai ngàn tù còn khỏe mạnh thì sao?

Đấy lại là chuyện khác. Đúng là người, nhưng không phải là những người có khả năng cầm súng. Cậu tưởng chiến tranh giống như đi ăn cướp đấy hả? Ăn cướp chỉ mười lăm phút là xong, chiến tranh kéo dài hàng năm. Muốn trở thành một chiến sĩ tốt, phải có lòng tin của người yêu nước. Cậu có tin hay không mặc cậu, tớ không muốn ở đây có lấy một thằng nào dám hy sinh thân mình cho nước Pháp.

- Hy sinh làm quái gì, sau khi nước Pháp đã đối xử với chúng ta

như thế này?

- Cậu đã thấy tớ nói có lý chưa? May mà ông Charlot cao kều đã có những người khác các cậu để tiến hành chiến tranh. Nhưng cũng phải nhớ là bọn Đức khốn nạn đang ở trên đất nước chúng ta! Lại có những thằng Pháp đi với tụi chúng nữa. Tất cả quan và lính ở đây, không trừ ai, đều nói là chúng ủng hộ Pétain.

Bá tước Bérac nói: "Giá có thể liều thân đánh nhau với Đức thì đó cũng là một cách để chúng ta chuộc tội".

Thế là sinh ra cái hiện tượng sau đây: trước kia chưa có tù nhân nào nói đến việc chuộc tội. Thế mà bây giờ tất cả mọi người, từ dân giang hồ đến dân trưởng giả, tất cả các phạm nhân khổ sai khốn khổ ấy đều thấy lóe lên một tia hy vọng.

- Thế để được gia nhập vào hàng ngũ của De Gaulle, chúng mình sẽ nổi loạn chứ hả Papillon?

- Đáng tiếc là tớ chẳng cần phải chuộc tội đối với bất cứ ai cả. Tớ ngồi xổm lên cái công lý của nước Pháp với cái mục "phục hồi nhân phẩm" của nó. Tớ sẽ tự tay mình chứng minh là tớ đã "phục hồi nhân phẩm" rồi. Nhiệm vụ của tớ là vượt ngục, để khi được tự do, sẽ trở thành một người bình thường, sống trong xã hội mà không gây nguy hại gì cho xã hội đó. Tớ không tin rằng một con người có thể chứng minh một cái gì khác bằng một cách gì khác được. Tớ sẵn sàng tham gia bất cứ hành động nào để đạt mục đích vượt ngục. Trao quần đảo này cho ông Charlot cao kều

không phải là việc của tớ, và tớ chắc rằng ông ta cũng chẳng thiết. Vả lại nếu ta làm như vậy, cậu có biết những thằng cha ngồi trên chóp bu sẽ nói gì không? Rằng chúng mình chiếm đảo để được tự do, chứ không phải để làm một nghĩa cử vì nước Pháp tự do. Mà cậu nào có biết ai đúng, ai sai. De Gaulle hay Pétain? Tớ thì tớ chẳng biết cái cóc khô gì cả. Đất nước bị chiếm đóng, tớ cũng đau khổ như mọi người dân thường, tớ nghĩ đến những người thân của tớ, đến bố mẹ, đến các chị em tớ, đến các cháu tớ.

- Chúng ta lo lắng như vậy cho cái xã hội chẳng thương xót gì chúng ta ấy làm quái gì nhỉ.

- Điều ấy cũng là bình thường, vì bọn cảnh sát và bộ máy luật pháp của nước Pháp, bọn hiến binh, bọn cảnh sát, chúng không phải là nước Pháp. Đấy là cả một tầng lớp riêng biệt, gồm những kẻ tâm địa hoàn toàn méo mó. Bây giờ có biết bao nhiêu kẻ như thế sẵn sàng trở thành đầy tớ cho bọn Đức? Tớ cá với cậu là cảnh sát Pháp đang bắt bớ đồng bào của chúng để giao cho bọn cầm quyền Đức. Thôi nhé. Tớ đã nói và tớ nhắc lại rằng tớ không tham gia vào một cuộc nổi loạn, với bất cứ lý do gì. Trừ phi là để vượt ngục, nhưng cũng còn phải xem vượt ngục như thế nào đã. Những cuộc tranh cãi rất gay gắt đã nổ ra giữa các phe phái trong trại. Kẻ ủng hộ De Gaulle, kẻ ủng hộ Pétain. Thật ra chẳng ai hiểu gì cả, vì như tôi đã nói, cả giám thị lẫn tù nhân, không ai có

cái máy thu thanh nào. Tin tức có được đều do các tàu đi ngang qua đem đến cho chúng tôi một ít bột mì, rau khô và gạo. Đối với chúng tôi, chiến tranh đứng từ xa như vậy mà nhìn, thật khó hiểu.

Nghe đâu như có một người đến Saint-Laurent- du-Maroni để tuyển mộ lính cho lực lượng tự do. Tù nhân chẳng biết gì hết, chỉ biết một điều là bọn Đức đóng khắp nước Pháp.

Có một sự kiện vui vui: một linh mục đến đảo Royale có thuyết giảng sau khi làm lễ. Ông ta nói:

- "Nếu các đảo bị tấn công, các anh sẽ được phát súng để giúp các giám thị báo vệ đất đai của nước Pháp" Chuyện thật mười mươi đấy. Ông cha ấy ngộ nghĩnh thật, và không biết ông ta hiểu về chúng tôi ra thế nào mà lại đi thuyết giảng như vậy được. Chắc ông ta đánh giá trí khôn của chúng tôi chẳng cao chút nào. Kêu gọi tù nhân đi bảo vệ nhà giam của họ. Thật là chuyện kỳ quặc khó nghe nổi.

Đối với chúng tôi, chiến tranh có nghĩa là: người gác tăng gấp đôi từ lính quèn đến chỉ huy trưởng và chánh giám thị; rất nhiều thanh tra, một số thanh tra nói giọng Đức hay giọng Alsace rất rõ; rất ít bánh mì: chỉ còn bốn trăm gam; rất ít thịt.

Chỉ có một thứ được tăng là giá biểu phải trả cho một cuộc vượt ngục thất bại: tử hình. Vì thêm vào bản án về tội vượt ngục là: "mưu toan chạy sang hàng ngũ những kẻ thù của nước Pháp".

Tôi ở đảo Royale đã được bốn tháng nay. Tôi đã có một người bạn lớn là bác sĩ Germain Guibert. Vợ bác sĩ, một người đàn bà khác thường, đã nhờ tôi trồng cho bà một vườn rau để giúp bà sống được trong cái chế độ ăn uống hạn chế này. Tôi đã trồng trong vườn của bà nào rau xà lách, nào cải củ, đậu đũa, nào cà chua, và cà tím. Bà rất khoái và coi tôi như một người bạn tốt Ông bác sĩ này không bao giờ bắt tay một viên giám thị, bất kể ở cấp bực nào, nhưng lại thường bắt tay tôi và một vài tù nhân khác mà ông đã biết rõ và đem lòng quý trọng.

Sau này, khi được tự do, tôi đã liên hệ lại với bác sĩ Germain Guibert qua bác sĩ Rosenberg. Ông đã gởi cho tôi một tấm hình ông chụp cùng với vợ trên bến Canebière ở Marseille. Ông đã chết ở Đông Dương vì cố cứu một thương binh rơi lại phía sau. Ông là một con người phi thường và vợ ông cũng tương xứng với ông. Năm 1976, khi về Pháp, tôi định đến thăm bà. Sau tôi lại thôi vì bà đã không viết thư cho tôi sau khi bà cho tôi một giấy chứng nhận mà tôi cần xin bà. Từ đó,tôi không được tin tức gì của bà nữa. Tôi không biết lý do của sự im lặng này, nhưng trong đáy lòng tôi vẫn giữ mãi một mềm tri ân sâu sắc đối với cả hai ông bà về cách họ đối xử với tôi trong gia đình họ ở Royale. Vài tháng sau, tôi đã có thể trở về đảo Royal rồi

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

IX. Đảo Saint-Joseph

Cái chết của Carbonieri

Ngày hôm qua, Matthieu Carbonieri bạn tôi đã bị một nhát dao trúng tim. Vụ giết người đã kéo theo một loạt những vụ giết người khác. Anh ta đang tắm trần truồng ở xưởng giặt, và khi bị đao đâm, mặt còn đầy xà phòng. Khi đang tắm gương sen, chúng tôi có thói quen mở sẵn dao và dấu dưới quần áo, để kịp thời lấy được ngay nếu có người nào vẫn được coi là kẻ thù của mình bất thần ập đến. Vì lần này không làm như vậy nên anh đã thiệt mạng, kẻ giết bạn tôi là một tên Armeni, suốt đời làm mướn. Được thiếu tá cho phép, và có một người phụ giúp tôi đưa xác anh xuống tận bến. Anh ta nặng ký nên khi xuống đốc, tôi phải nghỉ ba lần. Tôi buộc vào chân anh ta một tảng đá to và chằng bằng một sợi dây thép thay cho sợi dây thừng thường lệ. Làm như vậy, cá mập không thể cắn đứt dây được và xác anh sẽ chìm xuống đáy mà không bị chúng ăn.

Chuông nhà thờ vang lên khi chúng tôi đến bến tàu. Đã sáu giờ chiều. Mặt trời lặn ở cuối chân trời. Chúng tôi lên ca nô. Trong

cái hòm thường ngày, được dùng cho tất cả mọi người, nắp đã được đậy lại Matthieu nằm yên trong giấc ngủ vĩnh viễn. Với anh ta thế là hết.

“Chèo đi nào”, - viên cảnh binh cầm lái nói. Chưa đầy mười phút, chúng tôi đã tới dòng lạch chảy giữa hai đảo Royale và Saint-Joseph. Tự nhiên, tôi thấy cổ nghẹn lại. Cả chục cái vây cá mập nhô lên khỏi mặt nước, quay vòng rất nhanh trong một khoảng chật hẹp chưa tới bốn trăm mét. Bọn cá ăn thịt tù đây. Chúng đến thật đúng giờ hẹn và điểm hẹn chính xác. Cầu trời cho chúng không đớp kịp bạn tôi. Các mái chèo đã được dựng đứng, để chào vĩnh biệt. Cái quan tài đã được nâng lên. Thi hài của Matthieu, liệm trong mấy cái bao bột mì, bị sức nặng của tảng đá lớn lôi theo, đã trượt nhanh xuống biển.

Kinh khủng quá! Cái thi hài vừa rơi xuống nước, tôi tưởng nó chìm nghỉm thì nó lai bị dội lên mặt nước do bảy, mười hay hai mươi con cá mập - ai biết được, nâng bổng lên. Trước khi chiếc thuyền quay mũi, những bao bột mì liệm xác đã bị rách tan nát và một điều không sao hiểu được đã xảy ra. Matthieu đứng thẳng trên mặt nước chừng hai, ba giây. Cánh tay phải đã mất. Nửa thân người anh tiến thẳng về phía thuyền rồi bị một cái xoáy rất mạnh hút xuống, anh đã biến mất. Lũ cá mập lao vun vút ở phía dưới va phải đáy thuyền, làm một người mất thăng bằng suýt ngã xuống nước.

Tôi bước chậm chạp đi từ bến về trại. Không ai đi theo tôi. Tôi mang cái cáng trên vai và tới quãng bằng nơi con Brutus tấn công con Danton dạo nọ. Tôi dừng lại và ngồi xuống. Trời đã tối, nhưng bấy giờ môi có bảy giờ. Về phía Tây, bầu trời còn le lói vài tia sáng nhạt của vầng dương đã khuất dưới chân trời. Còn lại là một màu đen tối, chỉ thỉ thoảng mới có ánh đèn pha của đảo quét thành một đường sáng. Lòng tôi nặng chĩu. Rõ khỉ! Mày đã muốn xem đám ma, lại là đám ma bạn mày nữa! Thì mày đã được xem, lại được xem kỹ nữa còn gì! Có cả tiếng chuông tiếng chiếc đầy đủ lệ bộ: mọi thứ! Mày đã được hài lòng rồi chứ? Cái tật tò mò bệnh hoạn của mày được thỏa mãn rồi còn gì? Bây giờ còn cái việc thanh toán thằng khốn đã giết bạn mày vào lúc nào? Đêm nay. Tại sao lại đêm nay? Chưa được đâu. Hãy còn sớm quá, thằng cha chắc hẳn đang thủ thế đề phòng hết mức. Nhóm của hắn có đến mười thằng. Tôi không thể để cho mình mắc bẫy, tự dẫn xác đến cho chúng hạ thủ. Nhưng cũng không thể để cho chúng tranh thủ đánh phủ đầu trước được. Thử tính xem tôi có thể có bao nhiêu người trợ thủ nào? Có bốn người, kể cả tôi là năm. Được! Phải thanh toán nó và nếu có thể, tôi sẽ xin chuyển sang đảo Quỷ. Tại đấy, không cần bè, không cần chuẩn bị gì cả; chỉ hai bao dừa khô, là tôi lao xuống biển được rồi. Khoảng cách đến bờ biển tương đối gần, bốn mươi ki-lô-mét theo đường chim bay. Tính thêm sóng gió và nước thủy triều, cho là một trăm hai

mươi ki~lô-mét đi. Còn lại là vấn đề chịu đựng được hay không. Tôi còn khỏe, và hai ngày cưỡi lên túi dừa, lênh đênh trên biển chắc tôi sẽ chịu được.

Tôi nhấc cáng và lên đường về trai. Đến cửa, tôi bị lục soát, một việc khác thường. Chưa bao giờ tôi bị như vậy. Tên lính gác đoạt con dao của tôi.

- Ông muốn tôi bị giết hả? Tại sao ông lại lấy dao của tôi? Ông có biết làm như vậy là ông giết tôi không? Tôi mà chết là tội ông đấy.

Không ai trả lời tôi, từ lính gác đến bọn A rập giữ chìa khóa. Họ mở cửa và tôi bước vào phòng: "Sao tối mò thế này? Mọi ngày có ba cái đèn, sao hôm nay lại chỉ có một?

Grandet kéo tay áo tôi.

- Papi lại đây.

Căn phòng không ồn ào lắm. Hình như có việc gì nghiêm trọng sắp xảy ra hoặc đã xảy ra.

- Tôi bị tước mất dao rồi. Bọn nó khám tôi lấy luôn.

- Dêm nay cậu không cần đến nó.

- Sao vậy?

- Thằng Armeni và bạn nó đã ở trong nhà tiêu.

- Chúng làm gì ở trong ấy?

- Chúng chết rồi.

- Ai giết chúng?

- Tớ

- Mau nhỉ. Còn những đứa khác thì sao?

Trong nhóm chúng còn bốn đứa. Paulo đã hứa danh dự với tớ là chúng sẽ không làm gì, chúng chờ gặp cậu để hỏi xem cậu có bằng òng cho chuyện này chấm dứt ở đây không.

- Đưa cho tớ con dao.

- Đây cầm lấy dao của tớ. Ra nói chuyện với bọn đó đi, tớ ở lại đây

Tôi tiến lại phía nhóm của họ. Mắt tôi lúc này đã quen dần với bóng tối lờ mờ. Rồi tôi cũng nhận ra nhóm họ. Bọn họ đang đứng túm tụm vào nhau, trước võng.

- Paulo, anh muốn nói chuyện với tôi phải không? Phải.

- Nói một mình hay có cả các bạn anh? Anh muốn gì?

Tôi thận trọng để một khoảng cách một mét rưỡi giữa chúng tôi. Dao đã được mở sẵn, giấu trong cánh tay áo trái, chuôi dao nằm gọn trong lòng bàn tay tôi.

- Tôi muốn nói, tôi cho rằng bạn của anh thế là đã được trả thù xứng đáng rồi. Anh mất người bạn thân nhất, còn chúng tôi mất hai. Theo ý tôi, thế là đủ. Anh nghĩ sao?

- Tôi sẽ xét đề nghị của anh, Paul ạ. Điều ta có thể làm được, nếu các anh đồng ý, là hai nhóm thỏa thuận sẽ không làm gì trong vòng tám ngày. Chịu không?

- Được.

Và tôi rút về.

- Bọn chúng nó nói những gì với cậu?

Chúng nó cho là, với cái chết của thằng Armeni và thằng Vô Lô, Matthieu đã được trả thù đủ rồi.

- Không được - Galgani nói.

Garandet không nói gì. Jean Castelli và Louis Gravon đồng ý là phải thỏa thuận đình chiến.

- Còn ý cậu thì sao Papi?

- Trước hết, ai giết Matthieu? Thằng Armeni phải không? Tôi đã đưa ra một điều thỏa thuận. Tôi đã hứa và bọn kia cũng vậy, là trong vòng tám ngày, hai bên sẽ không có ai hành động gì để hại nhau.

- Cậu không muốn trả thù cho Matthieu hả? Galgani hỏi.

- Bây giờ, Matthieu đã được trả thù rồi, vì cậu ấy mà hai thằng đã chết. Còn giết những thằng khác làm gì?

- Chúng có biết như vậy không đã chứ? Phải tìm hiểu điều gì?

- Xin lỗi và chào tất cả. Tớ cố ngủ một chút đây. ít ra tôi cũng cần được yên tĩnh một mình. Tôi nằm dài trên võng. Tôi cảm thấy có một bàn tay lướt trên người tôi, nhẹ nhàng rút con dao của tôi. Trong đêm tối, một giọng nói thì thầm:

- Papi cố ngủ đi, nếu ngủ được cứ yên tâm mà ngủ. Bọn tớ dù thế nào cũng thay nhau canh gác.

Cái chết tàn nhẫn, khốn nạn của bạn tôi là không có lý do chính

đáng. Tên Armeni giết anh vì trong đêm đánh bạc, Matthieu đã bắt nó phải trả ngay một trăm sáu mươi francs. Thằng chó đẻ mất thể diện vì bị buộc phải bỏ tiền ra trước mặt bốn chục con bạc khác. Bị Matthieu và Gandet kẹp hai bên, nó chỉ có cách tuân lệnh.

Và nó đã giết một cách hèn nhát một tay giang hồ kiểu mẫu, trong sạch và thẳng thắn với giới của mình. Vố này đã làm tôi xúc động mạnh, có một điều làm tôi thỏa mãn là bọn giết người chỉ sống được vài giờ sau khi chúng phạm tội ác: cũng chẳng được bao năm. Grandet, khác nào một con hổ, với tốc độ của một nhà vô địch, đã thọc con dao vào cổ từng đứa một, trước khi chúng có thì giờ thủ thế. Tôi hình dung chỗ chúng gục xuống chắc phải ngập ngụa máu. Tôi tự hỏi một cách ngớ ngẩn: "Không biết ai đã kéo xác chúng vào nhà xí?". Nhưng tôi không nói ra. Mắt nhắm nghiền, tôi hình dung thấy những tia sáng cuối cùng của mặt trời đỏ và tím một màu thê thảm đã chiếu sáng cái cảnh rùng rợn này: lũ cá mập đang tranh giành thi thể bạn tôi... Và cái thân trên thẳng đứng, đã cụt một cánh tay, đang tiến về phía ca-nô?... Rõ ràng là tiếng chuông đã gọi lũ cá mập đến, và lũ khốn kiếp ấy biết rằng khi có tiếng chuông là chúng sắp được ăn. Tôi còn thấy hàng chục cái vây cá lóe lên một ánh bạc ảm đạm, lượn tới lượn lui như những chiếc tàu ngầm. Chắc phải tới hơn trăm con.. Với Matthieu, với bạn tôi thế là hết! Con đường

thôi nát đã đưa anh đến tận cùng.

Chết ở tuổi bốn mươi vì một nhát dao do một chuyện tầm phào. Tội nghiệp cho bạn tôi. Tôi chịu hết nổi rồi. Không, không được. Không được đâu. Tôi muốn cho lũ cá mập ăn thịt tôi trong khi tôi còn sống, liều mình đi tìm tự do, không bị bọc trong mấy cái túi bột mì, không bị buộc vào đá, trói vào dây. Và không có một ai chứng kiến lúc đó, dù là tù nhân hay là lính gác. Không có tiếng chuông nhà thờ. Nếu tôibị ăn thịt, thì... chúng sẽ chén tôi lúc tôi còn sống, trong khi tôi đang vật lộn với thiên nhiên để tới được đất liền.

Thôi đi. Thôi hẳn đi. Không còn những cuộc vượt ngục chuẩn bị qua quá kỹ càng nữa. Từ đảo Quỷ, chỉ cần hai bao tải đựng đầy dừa, rồi phó mặc cho số mạng, nhờ ơn Trời?

Nói cho cùng, đây chỉ là vấn đề chịu đựng của thể xác. Bốn mươi tám giờ hay sáu mươi giờ? Một thời gian ngâm mình trong nước biển lâu như vậy, cộng với sức lực của cơ đùi phải bỏ ra để kẹp chặt lấy các bao tải dừa, đến một lúc nào đó, liệu có làm chân tôi tê cứng lại không? Nếu tôi may mắn đến được đảo Quỷ, tôi sẽ thử. Trước hết phải rời đảo Royale, và đến đảo Quỷ đã. Sau rồi sẽ liệu.

- Cậu ngủ chưa, Papi?

- Chưa.

- Cậu uống cà-phê không?

- Nếu có.

Và tôi ngồi trên võng, cầm ca cà~phê nóng Grandet đưa cho tôi cùng một điếu Gauloise đã châm sẵn.

- Mấy giờ rồi?

- Một giờ. Tớ bắt đầu gác từ nửa đêm, tớ thấy cậu cứ trằn trọc hoài, tớ biết là cậu không ngủ được.

- Đúng đấy. Matthieu chết làm tôi ngao ngán quá chừng, nhưng việc mai táng cậu ấy chỗ lũ cá mập còn làm tôi đau lòng hơn. Thật là khủng khiếp.

- Tớ không muốn nghe chuyện ấy đâu, Papi ạ. Tưởng tượng cũng thấy được. Lẽ ra cậu không nên đi thì hơn.

- Trước kia tôi cứ nghĩ câu chuyện về tiếng chuông là bịa đặt. Rồi với dây thép chẳng vào đá, tôi nghĩ là không bao giờ cá mập có thể đớp được cậu ấy khi đang chìm xuống đáy. Tội nghiệp cho Matthieu, tôi sẽ còn nhìn thấy cái cảnh rùng rợn đó mãi cho đến chết. Còn cậu, cậu làm thế nào để khử được thằng Armeni với thằng Vô Lô lẹ vậy?

- Tớ ở phía cuối đảo, đang ghép một cánh cửa cho cửa hàng thịt thì nghe tin chúng nó giết bạn của ta. Lúc ấy là giữa trưa. Đáng lẽ về trại, tớ lại đến xưởng, lấy cớ cần phải sửa ổ khóa. Tớ đã lồng vào một cái ống dài một thước một con dao găm hai lưỡi. Chuôi dao và ống đều rỗng cả. Năm giờ khi về trại, tớ mang cái ống ấy về. Tên lính gác hỏi để làm gì, tớ nói là cái xà treo võng

của tớ bị gãy và đem nay tớ sẽ dùng cái ống này để thay tạm. Khi tớ về đến phòng, trời còn sáng, nhưng tớ đã để cái ống đó ở chỗ giặt quần áo. Trước khi điểm danh, tớ mới ra lấy về. Trời bắt đầu tối. Các bạn đứng quanh che cho tớ lồng con dao vào cái ống. Thằng Armeni và thằng Vô Lô đứng tại chỗ trước võng của chúng. Paulo hơi lùi về sau một chút. Cậu biết là Jean Castelli và Louis Gravon can đảm đấy, nhưng già rồi, cũng không đủ nhanh nhẹn nếu hai bên dàn trận ra đánh nhau. Tớ muốn hành động trước khi cậu trở về để tránh cho cậu khỏi bị dính dáng vào việc này. Với thành tích cũ của cậu, nếu cánh ta bị gì, thì cậu sẽ lãnh án tối đa. Jean đứng ở cuối phòng và đã tắt bớt ngọn đèn ở đấy, Gravon ở đầu phòng đằng kia cũng làm như vậy. Cả gian phòng gần như tối mò, chỉ có một cây đèn dầu ở chính giữa. Tớ có một cây đèn pin của Dega cho. Jean đi trước, tớ theo sau. Đến ngang chỗ bọn chúng, Jean cầm đèn chiếu thẳng vào mặt chúng. Thằng Armeni bị lóa, đưa tay lên che mắt. Tớ có đủ thì giờ lao cả ngọn dao vào cổ nó. Đến lượt thằng Vô Lô, cũng bị lóa, nó đã rút dao và chĩa ra phía trước nhưng chẳng biết đâm vào đâu. Tớ cũng lao mạnh đến nỗi con dao xuyên qua cổ sang tận bên kia. Paulo nhào xuống sàn và lăn vào dưới võng. Jean đã tắt đèn, tớ thôi không đuổi theo Paulo ở dưới võng, cho nên nó mới thoát chết.

- Ai kéo chúng vào nhà cầu?

- Tớ không biết. Tớ cho là chính bọn cùng nhóm với chúng đã

kéo chúng vào đấy để moi hai cái plan dấu trong bụng chúng.
- Chắc phải có đến một ao máu nhỉ?
- Chứ còn gì nữa. Chúng nó đúng là bị chọc tiết nên máu phải ra đến hết. Tớ nghĩ ra mẹo dùng đèn pin trong khi chuẩn bị cái lao. ở xưởng tớ tình cờ trông thấy một tên lính gác thay pin cho cái đèn của nó. Tớ nghĩ ngay đến cái mẹo ấy, liền nhờ Dega kiếm cho một cây đèn pin. Bây giờ thì chúng tha hồ lục soát. Cây đèn pin và cá con dao găm nữa, đã được một thằng A-rập giữ chìa khóa lấy trong xưởng mang đến cho Dega. Về phần ấy, không lo bị lộ. Tớ cũng chẳng có gì tự trách mình. Bọn chúng giết Martthieu trong khi mắt cậu ấy đầy bọt xà phòng, còn tớ đã giết chúng trong khi mắt chúng đầy ánh đèn pin? Thế là xong nợ. Cậu nghĩ sao, Papi?
- Cậu làm đúng đấy. Tôi không biết phải cảm ơn cậu như thế nào vì cậu đã hành động mau như vậy để trả thù cho bạn, hơn thế, cậu còn nghĩ cách giữ cho tôi được đứng ngoài cuộc trong vụ này.
- Đừng bận tâm đến chuyện ấy. Tớ chỉ làm bổn phận của tớ. Cậu đã chịu đựng nhiều và cậu khát khao được tự do quá đỗi nên tớ phải làm việc ấy.
- Cảm ơn cậu, Grandet ạ. Phải, bây giờ tớ lại càng muốn đi cho thoát hơn bao giờ hết. Vậy cậu hãy giúp đỡ làm sao cho việc này ngưng lại đây nhé. Thẳng thắn mà nói, tớ rất ngạc nhiên nếu

thằng Armêni, trước khi hành động, đã báo cho nhóm nó biết. Paulo không bao giờ chấp nhận một vụ giết người hèn nhát đến thế đâu. Nó biết rõ những hậu quả sẽ phải chịu.

- Tớ cũng nghĩ vậy. Nhưng Galgani thì nói là tất cả bọn chúng có tội hết.

- Chờ đến sáu giờ xem việc gì sẽ xảy ra. Tôi sẽ không ra ngoài để đổ thùng đâu. Tôi sẽ cáo bệnh để ở lại xem tình hình diễn biến ra sao.

Năm giờ sáng. Bác Trưởng khối đến chỗ chúng tôi: "Các cậu này, ta có nên gọi vọng gác không nhỉ? Tao vừa thấy hai xác chết trong nhà tiêu. Người tù già bảy mươi tuổi này muốn cả chúng tôi cũng tin rằng từ sáu giờ rưỡi tối qua, giờ hai thằng ấy bị giết, bác ta không biết gì cả. Gian phòng chắc bê bết máu, vì vũng máu ở đúng giữa lối đi, mọi người đi qua đi lại bắt buộc phải dẫm vào đấy. Grandet cũng trả lời với cái vẻ thơ dại như người tù già:

- Sao, có hai người chết ở trong nhà tiêu à? Từ lúc nào vậy?

- Mày đi mà hỏi xem - ông già nói - Tao ngủ từ sáu giờ. Bảy giờ, tao đi tiểu, tao bị trượt chân ngã suýt vỡ mặt ra. Tao bật máy lửa lên, mới biết là máu và trong nhà tiêu, tao trông thấy hai thằng đó.

- Thôi bác cứ gọi đi, rồi xem sao.

- ối giám thị ơi, giám thị?

- Làm gì mà to mồm vậy, lão già kia. Cháy nhà hẳn?
- Không đâu, sếp ơi, có hai người chết ở nhà xí.
- Bọn bay muốn tao làm gì nào? Làm cho chúng sống lại chắc? Bây giờ là năm giờ mười lăm chờ đến sáu giờ hẵng hay. Không được cho ai vào cầu tiêu đấy.
- Ông nói thế không được đâu. Vào giờ này, sắp dậy cả rồi, ai cũng phải đi là, đi đái chứ.
- Được rồi, chờ đấy đã. Để tao đi gọi sếp gác. Ba lính gác, một cai giám thị và ba người nữa đã tới. Tưởng họ vào phòng giam nhưng không, họ đứng bên ngoài cánh cửa sắt.
- Có hai người chết ở nhà xí hả?
- Thưa sếp, vâng.
- Từ mấy giờ?
- Tôi không biết. Tôi vừa đi đái thì trông thấy họ.
- Những ai vậy?
- Tôi không biết.
- Vậy thì, lão gàn này, tôi nói cho lão biết. Một thằng chét là thằng Armeni, vào xem đi.
- Đúng rồi, đấy là thằng Armeni và thằng Vô Lô. Chờ đến lúc điểm danh thôi.

Rồi cả bọn bỏ đi.

Sáu giờ sáng, chuông reo lần thứ nhất. Cửa được mở và có hai người phát cà-phê đi từ chỗ người này đến chỗ người kia, theo

sau là những người phát bánh mì.
Sáu giờ rưỡi, là hồi chuông thứ hai. Ngày đã rạng. Và lối đi đầy những vết chân đã dẫm vào máu đêm qua.
Hai viên trại trường đến. Trời đã sáng rõ. Tám giám thị và một bác sĩ cũng đến theo.
- Tất cả cởi hết quần áo, đứng nghiêm trước võng của mình. Trời đất ơi! Đây đúng là cái lò sát sinh. Chỗ nào cũng đầy máu là máu.
Phó trại trưởng vào nhà tiêu trước. Khi trở ra, mặt ông ta trắng bệch. "Đúng là họ bị chọc tiết. Dĩ nhiên, không ai trông thấy hay nghe thấy gì, phải không?".
Im lặng hoàn toàn.
- Ông già, ông là trưởng khối này, hai người kia đã cạn hết máu.
- Xin bác sĩ cho biết họ chết chừng được bao lâu rồi.
- Từ tám đến mười giờ. - bác sĩ nói.
- Thế mà đến tận năm giờ lão mới thấy họ? Lão không trông thấy, không nghe thấy gì chứ?
- Phải, tôi vốn nặng tai. Tôi nhìn cũng chẳng rõ, hơn nữa tôi đã bảy mươi tuổi, đã bốn mươi năm trong tù. Cho nên, các ông hiểu cho, tôi ngủ. Sáu giờ tôi đã ngủ, vì mót đi tiểu, tôi mới phải dậy lúc 5 giờ sáng. Cũng may, vì thường ngày tôi chỉ dậy khi có tiếng chuông.
- Lão nói đúng, cũng may mà lão mới nhìn thấy đấy nhỉ, - thiếu

tá nói, giọng châm biếm - Ngay với chúng tôi, tất cả mọi người, giám thị cũng như tù, tất cả đều ngủ ngon lành suốt đêm. Ai khiêng cáng đây, đưa hai cái xác này đi, đem tới bệnh viện, để bác sĩ khám nghiệm. Còn tất cả, đi ra sân, từng người một cứ trần truồng như thế.

Từng đứa chúng tôi đi ngang qua mấy viên chỉ huy và bác sĩ. Tất cả các bộ phận trên thân thể chúng tôi đều dược xem xét tỉ mỉ. Không ai có thương tích, nhiều người bị vấy máu. Họ đều nói là họ trượt chân khi bị vào nhà tiêu. Grandet, Galgani và tôi bị kiểm tra tỉ mỉ hơn mọi người.

- Papillon, chỗ anh nằm dâu? - Họ lục soát đồ đạc của tôi - Con dao của anh đâu?

- Dao của tôi bị ông giám thị tịch thu ngay từ cửa, lúc bảy giờ.

- Phải - người lính nói - Anh ta còn làm toáng lên, nói là người ta định giết mình.

- Grandet, dao này của anh hả?.

- Vâng, nó ờ chỗ của tôi, vậy nó là của tôi. Con dao sạch như một đồng xu mới, không có lấy một dấu vết, được xem xét thật kỹ lưỡng.

Bác sĩ từ nhà tiêu trở ra nói:

- Hai người này bị đâm bằng một con dao hai cạnh. Cả hai bị đâm khi đang đứng thẳng. Chẳng làm sao hiểu nổi. Không tù nhân nào chịu để bị người ta giết như giết con thỏ mà không

chống cự. Phải có ai ở đây bị thương.

- Nhưng bác sĩ thấy đấy, chẳng ai có lấy một vết xước

- Hai người này có nguy hiểm không?

- Đặc biệt nguy hiểm, bác sĩ ạ. Tên tù người Armeni hẳn là kẻ đã giết Carbonieri ở xưởng giặt chín giờ sáng hôm qua.

- Xếp việc này lại thôi, - thiếu tá nói, - nhưng cứ giữ dao của Grandet lại. Tất cả đi làm hết, trừ người bệnh. - Papillon, anh có báo bệnh không?

- Thưa thiếu tá, có.

- Anh không bỏ phí thì giờ để trả thù cho bạn nhỉ. Tôi không bị bịp đâu nhé. Đáng tiếc là tôi không nắm được chứng cớ gì, và tôi biết là sẽ không bao giờ tìm ra những chứng cớ ấy. Một lần nữa, ai có gì cần khai không? Ai có thể giúp chúng tôi có được chút ánh sáng về hai vụ giết người này, tôi hứa là người đó sẽ được ra khỏi trại và đưa về đất liền.

Im lặng hoàn toàn

Cả tổ của thằng Armeni đều báo bệnh. Thấy vậy, Grandet, Galgani, Jean Castelli và Louis Gravon cũng cáo bệnh vào phút cuối cùng. Một trăm hai mươi người ra cả, gian phòng vắng hẳn. Nhóm tôi có năm đứa, nhóm thằng Armeni, bốn đứa thêm người tù sửa đồng hồ và ông già khối trưởng luôn mồm càu nhàu không ngớt vì phải dọn dẹp chỗ máu, và một hay hai tù nhân khác trong đó có một tù nhân cao lớn người Alsace tên là

Sylvain.

Anh này sống độc thân trong tù và được mọi người quý mến. Anh đã dám một mình làm một việc phi thường, vì vậy mà bị hai mươi năm tù. Đó là một con người hành động, rất được nể trọng. Chỉ có một mình, anh đã tấn công một toa xe lửa chở bưu kiện trên chuyến tàu tốc hành Paris-bruxelles, đánh gục hai người lính gác rồi ném xuống đường những túi bưu kiện, được đồng bọn đi dọc đường sắt thu nhặt lại, và có được một món tiền lớn

Sylvain thấy hai nhóm rầm rì nói chuyện ở góc của mình, và vì không biết rằng chúng tôi đã thỏa thuận không chống nhau, nên đã lên tiếng:

- Tôi hy vọng các anh không dàn trận đánh nhau kiểu ba chàng ngự lâm pháo thử chứ?

- Hôm nay thì không - Galgani nói - việc đó để sau hẵng hay.

- Sao lại để sau? Việc gì làm được hôm nay không nên để đến ngày mai - Paulo nói - nhưng tôi thấy không có lý do gì phải chém giết nhau. Anh thấy thế nào, Papillon?

- Tôi chỉ hỏi một câu: anh có biết thằng Armeni định làm gì không?

- Xin lấy danh dự mà nói rằng tôi không biết gì cả và anh có muốn tôi nói thêm điều này không? Nếu thằng Armeni không chết rồi, không biết tôi chịu đựng sao nổi việc này.

- Nếu vậy tại sao chúng ta không kết thúc chuyện này cho dứt

khoát? - Grandet nói.

- Chúng tôi đồng ý. Chúng ta hãy bắt tay nhau và thôi không bàn tới câu chuyện đáng buồn này nữa.

- Tán thành.

- Tôi làm chứng nhé? - Sylvain nói - Tôi vui lòng thấy việc này được bỏ qua.

- Thôi không nói nữa.

Sáu giờ chiều, chuông nhà thờ vang lên. Nghe tiếng chuông, tôi không sao quên được cảnh ngày hôm qua, nửa thân trên của bạn tôi tiến về phía thuyền. Hai mươi bốn giờ đã trôi qua, mà hình ảnh ấy vẫn làm tôi xúc động đến nỗi tôi không mong thấy dù trong một giây, thằng Armeni và thằng Vô Lô bị lũ cá mập rước như vậy.

Galgani không nói một câu nào. Anh ta biết việc gì đã đến với Carbonieri. Anh ngồi trên võng, hai chân thõng hai bên, mắt đăm đăm nhìn vào khoảng trống ở trước mặt. Grandet vẫn chưa về. Tiếng chuông vừa lặng đi được độ mười phút thì Galgani, chân vẫn đung đưa mắt không nhìn tôi, nói nho nhỏ: "Tớ chỉ mong con cá mập nào đã ăn Matthieu đừng đớp miếng thịt của thằng xỏ lá Armeni. Lúc sống thì tách biệt, lúc chết lại cùng năm trong bụng một con cá, nếu thế thì đời chó má quá!".

Rõ ràng, việc mất người bạn cao thượng và thành thật ấy đã gây ra cho tôi một khoảng trống lớn. Tốt hơn cả là tôi đi khỏi Royale,

và đi càng sớm càng tốt.
Ngày nào tôi cũng nhắc nhở với mình như vậy.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Một cuộc vượt ngục của người điên

- Vì đang có chiến tranh, các hình phạt lại được tăng lên nếu vượt ngục thất bại, lúc này không phải là lúc để lỡ chuyện, phải không, Salvidia?
Cậu người ý có hai plan bằng vàng trong đoàn tàu đang bàn với tôi ở chỗ giặt áo quần sau khi đọc tờ yết thị thông báo về những biện pháp mới đối với các trường hợp vượt ngục. Tôi nói với y:
- Cái án tử hình ấy không làm cho tôi từ bỏ ý định vượt ngục được đâu. Còn cậu thì sao?
- Papillon ơi, tôi chịu hết nổi rồi và tôi cũng muốn tếch thẳng luôn. Muốn ra sao thì ra. Tôi đã xin vào làm y tá ở nhà thương điên. Tôi biết là tại phòng cung tiêu của nhà thương lấy có hai cái thùng tôn-nô chứa được 225 lít tức là thừa sức ghép thành bè.

Một thùng chứa đầy dầu ô-liu, một thùng đầy dấm. Hai cái thùng ấy mà chằng kỹ vào nhau, sao cho nó không thể tách ra được tôi thấy có cơ may về được Đất liền đấy. Phía bên ngoài tường bao quanh nhà thương điên không bị kiểm soát. Phía trong thường ngày chỉ có một tên lính y tá gác, có tù phụ giúp, luôn luôn kiểm soát xem bệnh nhân làm gì. Sao cậu không đến đấy với tôi?

- Làm y tá à?

- Không được đâu. Cậu biết thừa là không bao giờ cậu được làm việc ở nhà thương điên. Vừa xa trại giam vừa ít bị kiểm soát, tất cả những điều đó làm cho người ta không đưa cậu đến làm việc ở đây. Nhưng cậu có thể vào đây với tính cách người mất trí.

- Khó đấy, Salvidia ạ. Khi một bác sĩ đã coi cậu là "điên", ông ta cho cậu được quyền tha hồ muốn làm gì thì làm, không hơn không kém. Cậu được công nhận là không phải chịu trách nhiệm về những hành động của mình. Cậu thử nghĩ đến trách nhiệm của một bác sĩ khi chấp nhận ký vào bản chẩn đoán ấy? Cậu có thể giết tù, giết cả lính hay vợ lính, hay một đứa con nít cũng không sao. Cậu có thể vượt ngục, phạm bất cứ tội gì luật pháp cũng vô phương đối với cậu. Quá lắm người ta cũng chỉ có thể lột truồng cậu ra rồi tống cậu vào một phòng giam có lót nệm, và cậu phải mặt áo trần lực của người điên. Chế độ ấy chỉ kéo dài một thời gian, rồi có ngày họ lại phải nới nhẹ cách chữa trị bằng vũ lực đó Kết quả là: với bất cứ hành động nghiêm trọng đến đâu, kể cá

vượt ngục, cậu cũng chẳng mất mát gì.
Papillon ơi, tôi tin cậu, tôi muốn vượt ngục với cậu. Cậu hãy cố làm đủ mọi cách để vào được nhà thương điên với tôi đi. Với tư cách là y tá, tôi sẽ giúp cậu chịu đựng được tốt nhất và đỡ đần cậu những lúc gay go nhất. Tôi công nhận rằng không bị điên mà phải sống chung với những người nguy hiểm như vậy, cũng khủng khiếp thật.
- Cậu cứ về nhà thương điên đi, Roméo, tôi sẽ nghiên cứu thật kỹ vấn đề này và nhất là tìm hiểu những hiện tượng đầu tiên của bệnh điên để bác sĩ tin được Làm sao cho bác sĩ xếp mình vào loại không phải chịu trách nhiệm gì cũng là ý kiến hay đấy.
Tôi bắt đầu nghiên cứu vấn đề một cách nghiêm chỉnh. Thư viện của trại không có cuốn sách nào về vấn đề này. Cứ có dịp là tôi bàn luận với những người đã từng mắc bệnh điên trong một thời gian nào đấy.
Dần dần, tôi đã có ý niệm khá rõ ràng:
1. Tất cả những người điên đều đau đầu dữ dội.
2. Họ thường bị những tiếng ù ù trong tai.
3. Vì thần kinh họ bị kích thích nên họ không thể nằm lâu ở một tư thế mà không bị một cơn co giật thần kinh thực sự khiến cho cả cái thân thể bị căng thẳng đến tột độ của họ nấy bật lên như cái lò xo.
Vậy thì phải làm sao để đừng phô bày ra một cách lộ liễu mà

người ngoài vẫn phát hiện ra những triệu chứng đó. Bệnh điện của tôi phải vừa đủ nặng để buộc bác sĩ quyết định gửi tôi đi bệnh viện nhưng không dữ dằn để phải đòi hỏi những biện pháp đối xử tồi tệ của các giám thị như: phải mặc áo trấn lực của người điên, bị đánh đập, phải nhịn ăn, phải chích bromure, phải tắm bằng nước lạnh nay nước nóng già v.v.... Nếu tôi đóng kịch khéo, tôi có thể làm cho bác sĩ cũng bị lừa.

Có một điều có lợi cho tôi: tại sao, vì lý do gì mà tôi phải giả bệnh? Bác sĩ không thể giải thích một cách hợp lý vấn đề này, chắc chắn tôi có thể thắng cuộc trong trò này. Đối với tôi không có giải pháp nào khác.

Họ đã từ chối không chịu đưa tôi đi đảo Quỷ. Tôi không còn chịu đựng nổi cảnh ở lại trại sau cái chết của Matthieu, bạn tôi. Do dự làm quái gì! Tôi phải quyết định thôi, thứ hai tôi sẽ báo các bệnh. Thế cũng không xong, tôi không thể tự mình khai bệnh được. Tốt hơn là để một người khác làm việc này, nhưng người ấy lại phải là người tin rằng tôi điên thật mới được. Tôi phải làm hai hay ba việc kỳ cục ở phòng giam. Rồi trưởng khối sẽ báo cáo với cai tù và cai tù sẽ ghi tên cho tôi đi khám bệnh.

Đã ba ngày nay, tôi không ngủ, không rửa ráy, cũng không cạo râu. Mỗi đêm tôi thủ dâm nhiều lần và ăn rất ít. Hôm qua tôi hỏi người nằm kề bên tôi sao anh ta lại lấy mất tấm hình tôi vẫn bày ở đầu võng (tấm hình này không hề có bao giờ ở chỗ tôi). Anh ta

thề sống thề chết là không đụng đến đồ đạc của tôi. Anh ta sợ, và xin chuyển đi chỗ khác. Thông thường xúp vẫn được để ở chậu vài phút trước khi đem chia. Tôi đến gần chậu xúp và trước mặt đông đủ mọi người tôi đái vào đấy Ai nấy đều tỏ ý bực mình, nhưng cái vẻ mặt lầm lầm của tôi chắc đã làm cho mọi người thấy ngán nên không ai nói gì, chỉ có anh bạn Grandet nói với tôi

- Papillon, sao cậu làm thế?

- Vì họ quên chưa cho muối.

Rồi chẳng thiết để ý đến những người khác, tôi lấy ga-men của tôi đưa ra để trưởng khối sớt xuất của tôi vào đây

Trong một không khí im lặng hoàn toàn, mọi người đã đứng nhìn tôi ăn xúp.

Hai sự việc đó đã đưa đến kết quả là hôm nay, tôi được đưa đến bác sĩ mà không phải xin xỏ gì.

- Bác sĩ có khỏe không?

Tôi nhắc lại câu hỏi một lần nữa. Bác sĩ kinh ngạc nhìn tôi. Tôi nhìn lại ông với cặp mắt cố tình làm ra vẻ tự nhiên như không.

- Tôi vẫn khỏe, bác sĩ nói. Còn anh. Anh bị ốm phải không?

- Đâu có?

- Thế tại sao anh lại đi khám bệnh?

- Chẳng tại sao cả. Họ nói với tôi là bác sĩ bị ốm.

- Hóa ra không phải, cho nên tôi cũng mừng. Chào bác sĩ tôi về

- Khoan đã, Papillon. Anh ngồi xuống đây, trước mặt tôi. Anh

nhìn vào tôi đi.

Rồi bác sĩ dùng một cái đèn gì chiếu ra một tia sáng nhỏ xíu soi vào mắt tôi.

- Bác sĩ không thấy cái mà bác sĩ muốn tìm à?

Đèn của ông không đủ sáng nhưng dù sao ông cũng đã hiểu chứ, phải không? Ông có thấy chúng nó không, ông cho tôi biết đi.

- Thấy gì? Bác sĩ hỏi.

- Ông đừng giở trò ngớ ngẩn, ông là bác sĩ hay là thú y? ông đừng nói với tôi là ông không có thì giờ trông thấy chúng trước khi chúng trốn mất, hoặc ông không muốn nói với tôi, hoặc ông cho tôi là một thằng ngu.

Mắt tôi ánh lên vì mệt mỏi. Bề ngoài của tôi, râu chưa cạo, mặt chưa rửa, đều góp phần vào màn kịch nhỏ của tôi. Bọn cảnh sát đứng nghe, sững sờ cả ra, nhưng tôi không hề có một cử chỉ dữ dằn nào khiến họ phải can thiệp. Bác sĩ có thái độ hòa giải và về hùa theo tôi để tôi khỏi bị kích động, ông ta đứng dậy và đặt tay lên vai tôi. Tôi vẫn ngồi yên.

- Phải, tôi không muốn nói cho anh biết, Papillon, nhưng tôi đã có đủ thì giờ để thấy chúng.

- Bác sĩ chỉ nói láo, mà mặt vẫn trơ trơ ra như thổ địa. Bởi vì tôi biết thừa là ông chẳng thấy quái gì cả ông đang tìm ba cái đốm đen ở trong mắt trái của tôi chứ gì? Ba cái đốm đen ấy, tôi chỉ trông thấy chúng khi tôi nhìn vào khoảng không hay lúc tôi đọc

sách. Nếu lấy gương soi, tôi nhìn thấy mắt tôi rõ ràng, nhưng ba cái đốm thì đi đâu biệt tăm biệt tích. Hễ tôi cầm gương lên một cái là chúng biến đi đàng nào mất tang ngay tức khắc.

- Nhập viện ngay, - Bác sĩ nói - Không phải quay về trại nữa, Papillon, anh nói với tôi là anh không có bệnh phải không? Có thể đúng như vậy, nhưng tôi lại thấy anh mệt mỏi lắm, cho nên tôi để anh nghỉ vài ngày ở bệnh viện, anh bằng lòng chứ?

- Chẳng sao cả, được thôi. Bệnh viện hay trại thì cũng vẫn là ở đảo.

Bước đầu đã trót lọt. Nửa giờ sau, tôi đã ở bệnh viện, tại một phòng sáng sủa, giường sạch sẽ, nệm trắng tinh. Ngoài cửa treo tấm bảng "Đang theo dõi". Dần dà, do sức ám thị lên đến cao độ, tôi đã thành người điên. Trò chơi này cũng nguy hiểm: cái tật làm cho mồm méo xệch đi và dùng hai hàm răng cửa cắn chặt môi dưới, tôi vẫn nghiên cứu với một cái gương soi nhỏ lén giấu được, tôi quen làm như vậy, nhiều lúc tôi tôi bắt gặp thấy mồm mình méo đi như thế tuy tôi không hề cố ý. Papi ơi, không nên sớm chơi với cái mẹo vặt này. Nếu cứ ép mình phải tự cảm thấy mình mất trí mãi có thể nguy hiểm và để lại cho mình những chứng tật vĩnh viễn. Nhưng tôi vẫn phải chơi trò này đến cùng nếu muốn đạt kết quả. Để vào nhà thương điên, được xếp vào loại không chịu trách nhiệm rồi vượt ngục với anh bạn. Vượt ngục! Hai tiếng kỳ diệu ấy đưa tôi bay bổng, tôi đã hình dung

thấy mình ngồi trên hai chiếc thùng ton-nô, được sóng nước đẩy về đất liền, cùng với anh bạn thân y tá người ý của tôi.

Bác sĩ thăm bệnh hàng ngày. Ông khám tôi rất kỹ, và lần nào chúng tôi cũng nói chuyện với nhau, lễ độ và hòa nhã. Ông ta có vẻ lo nhưng chưa tin hẳn. Vậy thì tôi phải cho ông ta biết là tôi có những cơn đau nhói ở vùng gáy, và đấy là những triệu chứng đầu tiên.

- Thế nào Papillon? Anh ngủ được chứ?

- Vâng thưa bác sĩ, nói chung tôi cũng khỏe. Cám ơn bác sĩ đã cho tôi mượn tờ báo Match, nhưng ngủ thì lại là việc khác. ở sau phòng tôi, có một cái máy bơm, chắc để tưới cái gì đó: máy chạy suốt đêm, tiếng phòng phòng của nó cứ dội vào gáy tôi, cứ như là ở trong đầu tôi cũng có tiếng vang phòng phòng vậy. Cả đêm cứ thế, chịu không nổi. Cho nên tôi rất biết ơn nếu bác sĩ cho tôi được sang phòng khác.

Bác sĩ quay sang phía người lính y tá và hỏi nhỏ, rất nhanh.

- Có cái máy bơm à?

Y tá lắc đầu ra hiệu không có.

- Giám thị, cho anh ta sang phòng khác. Anh muốn ở phòng nào?

- Càng xa cái máy bơm chết tiệt này càng tốt, phía cuối hành lang. Cảm ơn bác sĩ.

Cửa đã được khép chặt, chỉ còn một mình tôi ở trong phòng. Một tiếng động rất nhỏ, báo cho tôi biết có người đang theo dõi tôi

qua khe nhòm, chắc chắn đấy là ông bác sĩ, vì tôi không nghe tiếng chân ông đi xa dần khi ông ra khỏi phòng. Thế là tôi giơ nắm tay hướng về phía tường che khuất cái máy bơm tường tượng của tôi và tôi kêu lên, không to lắm "Tắt máy đi? Tắt máy đi! Đồ khốn kiếp. Đồ thợ vườn hạng bét, tưới gì tưới lắm thế?" Rồi tôi lăn ra giường, vùi đầu dưới gối.

Tôi không nghe được tiếng chiếc nắp đồng của khe nhòm đóng lại nhưng tôi nhận ra tiếng chân đi xa dần. Kết luận: người nhòm qua khe cứa đúng là bác sĩ. Buổi chiều, tôi được đổi phòng. Chắc tôi đã gây được ấn tượng tốt vào lúc sáng, vì đưa tôi đi dọc hành lang chỉ vài bước mà phải có đến hai người lính và một người tù y tá đi kèm. Họ chẳng nói gì nên tôi cũng không nói. Tôi chỉ lặng thinh đi theo họ. Hai ngày sau, tôi cho ra cái triệu chứng thứ hai: những tiếng ù trong tai.

- Khá chứ, Papillon? Anh đã xem tờ tạp chí tôi gửi cho anh chưa?

- Chưa, tôi chưa đọc được. Suốt ngày hôm qua và một phần đêm nữa, tôi đã cố tìm cách làm cho con ruồi hay con muỗi gì đấy vào làm tổ trong tai tôi phải chết ngạt. Tôi đã lấy bông nhét vào tai mà vẫn không ăn thua gì Cánh của nó cứ rung lên liên hồi không giây nào dứt, hết o-o-o lại đến di-di-di... Hơn thế nữa, lại còn thêm cái cảm giác nhột nhột buồn buồn khó chịu lắm. Đến loạn óc mất thôi, bác sĩ ạ! Bác sĩ thấy thế nào? Nếu tôi không

làm cho nó chết ngạt được, ta có thể kiếm cách làm cho nó chết đuối vậy nhỉ, bác sĩ bảo sao?

Mồm tôi cứ máy máy liên hồi và tôi nhận thấy bác sĩ đã để ý đến điều đó, ông ta nắm tay tôi và nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi cảm thấy ông bối rối và phiền lòng.

- Được rồi, Papillon ơi, chúng ta sẽ dìm cho nó chết. Chatal, anh rửa tay cho anh ấy đi. Mỗi sáng, những cảnh như vậy cứ lặp đi lặp lại có cải biên ít nhiều, nhưng bác sĩ vẫn chưa quyết định gửi tôi đi nhà thương điên.

Có lần, trong khi thích bromure cho tôi, Chatal báo trước cho tôi biết: "Bây giờ thì ổn rồi. Bác sĩ nghĩ nhiều lắm nhưng chắc cũng còn lâu, ông ấy mới gửi cậu đi bệnh viện. Nếu cậu muốn ông ta quyết định sớm, cậu phải làm cho ông ta thấy là cậu có thể trở nên nguy hiểm mới được.

- Anh thấy thế nào Papillon? - Bác sĩ, có hai y tá và Chatal đi theo, mở cửa vào phòng tôi, và thân mật hỏi tôi.

- Ông bỏ ngay lối chơi ấy đi, bác sĩ. - Tôi giở thái độ gây gổ ra. - ông biết thừa là không ổn rồi. Tôi muốn hỏi trong bọn ông, ai đã thông đồng với cái thằng vẫn hành hạ tôi?

- Anh hành hạ anh? Bao giờ? Hành hạ thế nào? - Trước hết, bác sĩ có biết các công trình của bác sĩ Arsonval không đã?

- Biết, tôi hy vọng là có biết.

- Ông biết là ông ta sáng chế ra một cái máy dao động có nhiều

làn sóng để ion-hóa không khí xung quanh một bệnh nhân bị loét hành tá tràng. Với cái máy dao động ấy, người ta có thể phóng ra những giòng điện. Thế mà, một kẻ thù của tôi đã đánh cắp một cái máy như thế ở bệnh viện Cayenne. Cứ mỗi lần tôi ngủ yên, là nó ấn nút, làm điện giật vào đúng bụng và hai đùi tôi. Tôi giật mình, nẩy đến mười phân lên khỏi giường. Cứ thế ông bảo tôi chống đỡ và ngủ nghê sao được? Cả đêm, chẳng lúc nào ngừng. Tôi cứ vừa chợp mắt là pằng một cái, điện lại giật, cả người tôi cứ nẩy lên như lò xo. Bác sĩ ạ, tôi không chịu được nữa đâu ông báo cho mọi người biết là hễ tôi mà tóm được thằng nào tòng phạm với nó là tôi giết đấy. Tôi không có vũ khí thật nhưng tôi đủ sức bóp cổ nó cho đến chết, dù cho nó là ai. Biết được rồi thì liệu mà giữ lấy thân nhé. Ông cũng cút đi với cái lối: "khỏe không, Papillon?" cái lối chào hỏi giả dối của ông. Tôi nhắc lại cho ông biết đấy, bác sĩ ạ, ông bỏ ngay lối chơi ấy đi!

Sự việc này đã đem lại kết quả. Chatal cho tôi biết là bác sĩ đã dặn dò bọn gác phải hết sức cẩn thận. Không bao giờ được mở cửa phòng của tôi mà không có hai hay ba người. Phải nói năng ôn tồn với tôi. Tôi mắc chứng bách hại cuồng, bác sĩ nói thế, phải đưa tôi đi nhà thương điên càng sớm càng tốt.

- Tôi có thể đưa anh ấy đi nhà thương, chỉ cần một người phụ là đủ - Chatal đề nghị để tránh cho tôi khỏi phải mặc áo trấn lực của người điên.

- Papi, anh ăn được chứ?
- Ăn được, Chatal ơi, ăn ngon nữa.
- Anh có thể đi với tôi và ông Jeannus chứ?
- Đi đâu?
- Mang thuốc đến cho bệnh viện, như đi dạo một quãng thôi mà.
- Nào thì đi.

Thế là cả ba chúng tôi rời bệnh viện để đến nhà thương điên. Vừa đi Chatal vừa nói chuyện, và khi gần đến nói, Chatal bỗng hỏi: "Cậu ở trại mãi có chán không, Papillon?"

- ồ, chán đến tận cổ, nhất là từ khi Carbonieri bạn tôi không còn ở đấy nữa.
- Thế tại sao cậu không ở lại vài ngày ở nhà thương điên? Thằng cha có cái máy sẽ không tìm ra cậu để phóng điện vào người cậu nữa.
- ý hay đấy. Nhưng tớ không bị loạn óc, không biết họ có chịu nhận không?
- Cậu cứ để tôi lo việc này, tôi sẽ nói hộ cậu.

Tên cảnh sát nói, mừng vì thấy tôi rơi vào cái bẫy mà nó tưởng Chatal giăng ra để đánh lừa tôi. Tóm lại, tôi đã vào nhà thương điên ở với cả trăm người điên khác. Sống với người điên, thật chẳng dễ dàng chút nào. Chúng tôi ngồi từng tốp hai, ba chục người ở ngoài sân để thay đổi không khí, trong khi các y tá cọ rửa các phòng. Mọi người đều trần truồng suốt ngày đêm. May

mà trời nóng. Riêng tôi họ để lại cho đôi bít tất ngắn.
Tôi vừa được y tá cho một điếu thuốc lá đã châm sẵn. Ngồi giữa nắng, tôi suy nghĩ và tính ra là ở đây đã năm ngày mà chưa liên hệ được với Salvidia.
Một người điên lại gần tôi. Tên anh ta là Fouchet. Tôi biết câu chuyện của anh. Mẹ anh bán nhà và gửi cho anh mười lăm ngàn francs nhờ một giám thị chuyển, để anh lấy tiền vượt ngục. Tên đó được năm ngàn và phải đưa cho anh mười ngàn. Nhưng y đã lấy tất rồi đi Cayenne. Khi Fouchet qua một đường dây khác biết được là mẹ anh đã gửi tiền cho anh và bà mẹ đã hy sinh tất cả một cách vô ích, anh ta nổi cơn điện và ngay hôm đó, anh đã tấn công các giám thị. Nhưng anh chưa kịp làm gì họ thì đã bị chế ngự ngay. Từ ngày ấy, cách đây đã ba, bốn năm, anh ở nhà thương điên.
- Cậu là ai?
Tôi nhìn con người đáng thương vừa hỏi tôi. Hắn còn trẻ, chỉ chừng ba mươi tuổi.
- Tớ là ai à? Một người đàn ông bình thường, như cậu thôi, không hơn không kém.
- Cậu trả lời ngớ ngẩn lắm. Tớ đã thấy rõ, cậu là đàn ông rồi. Tớ muốn hỏi cậu là ai? Nghĩa là cậu tên gì?
- Papillon.
- Papillon à? Cậu là con bướm à? Khổ cho cậu rồi. Bướm phải

bay và có cánh, thế cánh của cậu đâu?

- Tớ đánh mất rồi.

- Phải tìm cho ra, có cánh mới vượt ngục được. Bọn lính không có cánh. Cậu sẽ ăn đứt chúng. Đưa thuốc lá của cậu cho tớ.

Tôi chưa kịp đưa, hắn đã giật lấy. Rồi hắn ngồi.. trước mặt tôi hút, vẻ say sưa.

- Còn cậu, cậu là ai?

- Tớ là thứ thịt để cho ôi. Cứ mỗi lần người ta đưa cho tớ cái gì của tớ, là người ta lại lừa tớ.

- Tại sao vậy?

- Nó là như vậy. Cho nên tớ giết bọn cai tù, càng nhiều càng tốt. Đêm nay, tớ đã treo cổ hai đứa. Nhưng đừng nói với ai nhé!

- Tại sao cậu lại treo cổ chúng?

- Chúng nó đã ăn cướp nhà của mẹ tớ. Mẹ tớ gửi nhà của bà cho tớ, chúng nó thấy nhà đẹp, chúng giữ lại và ở ngay tại đấy. Tớ treo cổ chúng lên, không hay sao?

- Cậu có lý. Như vậy chúng không thể lợi dụng nhà của mẹ cậu được.

- Thằng cai bự ở đằng kia, sau hàng rào sát ấy, cậu thấy không? Nó cũng ở nhà ấy đấy. Thằng đó, tớ cũng sẽ giết nó thôi, cậu cứ tin ở tớ.

Rồi anh ta đứng lên và bỏ đi.

Trời đất ơi! Sống giữa những người điên, chẳng có gì là vui thú,

mà còn nguy hiểm nữa. Ban đêm, có tiếng kêu la ở khắp bốn phía và vào những đêm trăng rằm, những người điên lại càng bị kích thích hơn. Vì sao tuần trăng lại ảnh hưởng đến hành động của người điên? Tôi nhận xét thấy thế nhiều lần nhưng không giải thích nổi.

Bọn cai có nhiệm vụ báo cáo về những người điên phải theo dõi. Với tôi, chúng còn đối chiếu thêm với những việc khác. Chẳng hạn chúng cố tình quên không cho tôi ăn một bữa. Tôi có một cái gậy và một sợi dây, và tôi làm điệu bộ câu cá. Tên xếp gác hỏi tôi:

- Cá có cắn câu không, Papillon?

- Chúng không cắn mồi được. Có một con cá nhỏ cứ lẽo đẽo theo tôi hoài, mỗi khi cá lớn sắp đớp mồi, nó lại báo trước: "Chú ý, đừng đớp, Papilìon đang câu đấy". Vì thế tôi chẳng được con nào bao giờ. Nhưng tôi vẫn cứ câu. Chắc có ngày sẽ có một con cá không tin con cá nhỏ kia.

Tôi nghe thấy tên lính đó nói với y tá: "Thằng cha này điên thật rồi".

Khi tôi phải ngồi ăn ở bàn công cộng tại nhà ăn, tôi không sao ăn được đĩa đậu đũa của tôi. Có một thằng rất to con, cao ít ra đến một mét chín mươi, tay chân và ngực đầy lông lá trông như con khỉ, nó chọn tôi làm nạn nhân để nó hành. Thoạt tiên nó luôn luôn ngồi cạnh tôi. Đậu được dọn ra, đang rất nóng cho nên

muốn ăn phải đợi cho nguội đã. Với chiếc muỗng gỗ, tôi xúc từng ít một và cứ thế ăn được vài thìa. Ivanhoe - thằng cha tưởng mình là trang kỵ sĩ thời Trung thế kỷ - cầm đĩa của nó lên, đổ vào lòng bàn tay và ăn hết trong năm phút. Rồi nó tự tiện lấy đĩa của tôi và cũng làm như vậy Khi đĩa đã nhẵn như chùi, nó đặt mạnh trước mặt tôi và nhìn tôi với cặp mắt to, vằn tia máu như muốn nói: "Mày đã thấy tao ăn đậu chưa?". Tôi bắt đầu chán ngấy Ivanhoe, và vì tôi chưa được xếp hẳn vào loại điên nên tôi quyết định cho nó một đòn để gây tiếng vang. Hôm nay lại là ngày ăn đậu đũa, Ivanhoe không bỏ qua cho tôi. Nó đến ngồi cạnh tôi. Bộ mặt rồ dại của nó trông rạng rỡ hẳn lên. Nó tấm tắc hưởng trước nỗi khoái trá được chén phần đậu của nó và cả của tôi. Tôi đem theo một cái hũ sành to và nặng, đựng đầy nước. Thằng cha khổng lồ vừa cầm đĩa của tôi lên và bắt đầu đổ đậu vào mồm thì tôi đứng lên, lấy hết sức bình sinh đập hũ nước vào đầu nó. Thằng cha rống một tiếng như bò rồi gục xuống. Ngay lập tức, những người diên, tay vẫn cầm đĩa thức ăn của mình. xông vào đánh nhau loạn xạ. Cảnh ồn ào như vỡ chợ bắt đầu. Cuộc loạn đả tập thể này lại có thêm những tiếng la hét của tất cả lũ người điên trong bệnh viện hòa theo.

Bốn viên y tá lực lưỡng đã bế thốc tôi lên không nương nhẹ chút nào và đưa ngày tôi về phòng, tôi kêu váng lên là: "Ivanhoe đã ăn cắp cái bóp trong đó có giấy căn cước của tôi". Lần này thì

đạt yêu cầu! Bác sĩ quyết định xếp tôi vào loại không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ hành động nào của mình. Tất cả các cai tù đều nhất trí nhận định chứng bệnh của tôi là điên thuộc loại hiền, nhưng cũng có những lúc rất nguy hiểm. Đầu Ivanhoe được băng bó tuyệt đẹp. Hình như tôi đã làm da đầu nó rách dài đến tám phân. Cũng may mà nó không ra đi dạo cùng giờ với tôi.

Tôi đã nói chuyện được với Salvidia. Anh đã làm được chìa khóa giả mở gian phòng để thùng ton-nô. Anh đang kiếm cho đủ dây thép để chằng các thùng ấy lại với nhau. Tôi nói với anh ta là tôi sợ dây thép dễ bị đứt do các thùng ton-nô ra đến biển sẽ co kéo nhau, có lẽ nên dùng thừng chão, dẻo hơn. Anh sẽ cố kiếm thứ đó, cả dây thừng và dây thép. Anh còn phải đánh ba cái chìa khóa nữa: một cái mở phòng tôi, một cái mỏ cửa hành lang dẫn đến phòng tôi và một cái mở cửa chính nhà thương điên. Các phiên gác không nhiều lắm. Mỗi phiên gác dài bốn giờ, chỉ có một lính canh. Từ chín giờ tối đến một giờ sáng rồi từ một giờ đến năm giờ. Hai cai tù đến phiên trực của mình chỉ ngủ và không đi tuần lần nào. Họ ỷ vào người tù y tá cùng gác với họ. Vậy là ổn, chỉ cần bình tĩnh chờ. Nhiều nhất là một tháng.

Viên sếp gác đã cho tôi một điếu xì gà loại tồi y đang hút dở khi tôi ra sân. Tuy thuốc tồi, tôi cũng thấy ngon tuyệt. Tôi nhìn lũ người trần truồng, hát hỏng, khóc lóc vung chân vung tay loạn xạ, nói một mình. Họ còn ướt sũng nước vì vừa tắm trước khi ra

sân, thân thể họ còn mang những vết bầm do bị đánh đập hoặc tự họ gây ra, cùng vết dây chẳng của áo trấn lực thắt quá chặt. Đúng là thảm cảnh cuối cùng trên con đường đến nơi ruỗng nát. Có bao nhiêu người điên này được các bác sĩ tâm thần ở Pháp buộc phải chịu trách nhiệm về mọi hành động của mình?

Titin - đấy là tên người ta thường gọi anh ta - cùng đi một chuyến với tôi năm 1933. Anh đã giết một người ở Marseille, rồi gọi xe ngựa, cho nạn nhân lên xe, bảo xe chở tới bệnh viện, và đến nơi anh đã nói: "Hình như anh ta bị bệnh, các ông săn sóc giùm cho" Anh bị bắt ngay. Các bồi thẩm nhất định không chịu coi anh ta là thuộc loại không phải chịu trách nhiệm, dù chút ít, về hành động của mình. Mà đúng là anh có điên mới làm như vậy. Người bình thường dù ngớ ngẩn đến đâu cũng chẳng ai làm như vậy. Giờ đây, Titin đang ngồi cạnh tôi. Anh ta bị kiết lỵ kinh niên. Anh ta giống như một cái xác chết biết đi. Anh nhìn tôi với đôi mắt xám chì, không hồn. Anh nói với tôi: "Anh bạn đồng hương ơi, có những con khỉ con ở trong bụng tôi. Có những con ác lắm, chúng cắn ruột của tôi và khi tôi đi ra máu là lúc chúng đang cáu giận đấy. Những con khác thuộc giống khỉ xù toàn lông cả là lông, có những bàn tay êm dịu như tơ. Chúng nhẹ nhàng xoa vuốt tôi và ngăn không cho lũ ác kia cắn tôi: khi lũ khỉ con hiền lành này chịu khó bảo vệ tôi, tôi không đi ra máu".

- Cậu có nhớ Marseille không, Titin.

- Tất nhiên là nhớ chứ. Nhớ kỹ nữa là khác. Quảng Trường Chứng khoán với những thằng cha chuyên chơi chứng khoán và những băng trấn lột...
- Cậu có nhớ được tên vài thằng không? Thằng Thần hám lợi? Le Gravat? Clément chẳng hạn?
- Không, tôi không nhớ tên thằng nào hết, chỉ nhớ thằng cha đánh xe ngựa chở thằng bạn bị bệnh của tôi và tôi đến nhà thương. Tôi còn nhớ nó đã nói tôi là nguyên nhân làm bạn tôi bị bệnh. Có thế thôi.

Tội nghiệp cho Titin, tôi cho anh ta mẩu xì gà và tôi đứng lên, lòng xót thương vô hạn. Con người khốn khổ này rồi sẽ chết như một con chó. Đúng là sống chung với những người điên rất nguy hiểm, nhưng biết làm sao được? Tôi cho đấy là cách độc nhất để tổ chức vượt ngục mà không lo bị trừng phạt.

Salvidia đã gần hoàn thành các công việc chuẩn bị. Anh ta đã có được hai cái chìa khóa, chỉ thiếu chìa khóa phòng tôi. Anh đã xoay được một cuộn dây thừng rất tốt, thêm vào đó, anh còn tháo võng để bện một cuộn dây có năm sợi. Về mặt này, mọi việc đều tốt. Tôi muốn mau mau chuyển sang hành động vì vừa đóng kịch vừa chịu đựng cảnh này thật gay go. Để được tại phòng này trong khu nhà thương. thính thoảng tôi phải lên một cơn điên. Tôi đã lên một cơn giống như thật đến mức các y tá tống tôi vào bồn tắm nước nóng già và chích cho tôi hai mũi bromure. Cái

bồn tắm này phủ một tấm vải bạt rất dày để giữ cho tôi không ra được. Chỉ có một lỗ hổng để tôi thò đầu ra. Tôi ở trong bồn tắm loại làm cho người điên này được hai giờ thì Ivanhoe bước vào phòng. Tôi hết hồn khi thấy cách hắn nhìn tôi. Tôi sợ nó bóp cổ tôi, đến chết khiếp. Tôi bị bó tay dưới tấm vải, tôi không thể nào tự vệ được.

Nó tiến lại gần tôi, đôi mắt thao láo của nó chăm chú dòm tôi, có vẻ như cố nghĩ xem nó đã từng trông thấy ở đâu cái đầu từ dưới lớp vải này nhô lên. Hơi thở của nó và một mùi thối khẳn phả vào mặt tôi. Tôi muốn kêu cứu nhưng tôi sợ tiếng kêu của tôi làm cho nó càng thêm hung dữ. Tôi nhắm mắt lại chờ đợi, tôi tin chắc là hai bàn tay hộ pháp của nó sắp chít lấy cổ tôi. Tôi không dễ quên được những giây phút hãi hùng ấy. Sau, nó quay đi, đảo một vòng quanh gian phòng, rồi tới chỗ những vòng vô lăng vặn với nước. Nó đóng với nước lạnh và mở hết mức với nước nóng. Tôi kêu thét lên, vì tôi đang bị luộc chín thật sự. Hơi nước tỏa kín phòng, tôi bị ngợp thở vì hơi nước, tôi cố vùng vẫy cuống cuồng để thoát ra khỏi tấm vải chết tiệt này nhưng vô ích. Sau rồi cũng có người đến cứu tôi. Bác cai tù thấy hơi nước lọt từ các cửa sổ ra. Khi tôi ra khỏi được cái nồi hầm này, tôi bị bỏng nặng và đau như một linh hồn dưới hỏa ngục, nhất là ở đùi và bộ phận sinh dục, ở đấy da đã bị lột ra. Tôi được bôi acid pieric và được vào nằm trong phòng nhỏ của bệnh xá. Vết bỏng của tôi nặng

đến mức họ phải gọi bác sĩ đến khám. Tôi được chích vài mũi thuốc morphin để chịu đựng được trong hai mươi bốn giờ đầu. Khi bác sĩ hỏi tôi việc gì đã xảy ra tôi nói là trong bồn nước có một ngọn núi lửa bắt đầu phun. Chẳng ai hiểu đầu đuôi ra sao. Và viên y tá gác đổ lỗi cho người chuẩn bị nước tắm đã điều chỉnh lộn hai cái với nước.

Salvidia, sau khi bôi acid picric cho tôi đã đi ra. Anh đã sẵn sàng và nói với tôi, may mà tôi được ở bệnh xá vì nếu cuộc vượt ngục thất bại, tôi có thể trở về khu vực này mà không sợ có ai trông thấy. Anh phải cấp tốc làm một chiếc chìa khóa giả của phòng này. Anh đã lấy dấu chià khóa bằng một mẩu xà phòng. Ngày mai sẽ có chìa. Chỉ cần tôi cho biết ngày nào tôi đỡ đau, đủ sức để lợi dụng phiên gác đầu tiên của người coi tù không đi tuần. Chúng tôi quyết định là đêm nay sẽ trốn đi trong phiên gác từ một giờ đến năm giờ sáng. Salvidia không phải trực. Để tranh thủ thời gian, anh sẽ dốc hết thùng ton-nô dấm vào hồi mười một giờ đêm. Thùng dầu sẽ được để nguyên vì biển động, có thể dầu phủ lên nước biển sẽ làm dịu bớt sóng khi chúng tôi xuống nước. Tôi mặc một cái quần làm bằng bao bột mì, dài tới đầu gối và một cái áo va-rơi bằng len, một con dao tốt dắt vào thắt lưng. Tôi còn đeo một cái túi nhỏ không thấm nước ở cổ, trong đựng ít thuốc lá và một cái máy lửa. Salvidia thì chuẩn bị sẵn một túi dết không thấm nước đựng bột sắn trộn với dầu ăn và đường, chừng

ba ki-lô, theo lời anh nói. Đã khuya rồi. Tôi ngồi trên giường, đợi anh đến. Tim tôi đập thình thình. Chỉ trong chốc lát, cuộc vượt ngục sẽ bắt đầu. Cầu Trời và vận may đến với tôi để cuối cùng tôi thành công, vĩnh viễn thoát được ra khỏi con đường thối rữa này. Điều lạ lùng là tôi chỉ có một ý nghĩ thoáng qua về quá khứ. Tôi nghĩ về bố tôi và về gia đình tôi. Không có một hình ảnh nào về phiên tòa đại hình, về các bồi thẩm hay về viên biện lý.

Khi cửa được mở ra, tôi bất chợt thấy cảnh Matthieu bị lũ cá mập rước đi thẳng đứng.

Lên đường nào, Papi.

Tôi đi theo anh. Anh vội khóa cửa và giấu chìa khóa ở góc hành lang: "Mau lên, làm thật mau đi". Chúng tôi đến nhà kho, cửa đã mở. Vần cái thùng tôn-nô rỗng ra dễ như chơi. Anh lấy dây thừng cuốn quanh người, tôi thì cuốn dây thép. Tôi vớ cái túi dết bột, và trong đêm tối đen như mực, tôi bắt đầu lăn cái thùng tôn-nô của tôi ra phía biển. Anh lăn thùng dầu theo sau. May là anh rất khỏe nên đã dễ dàng kìm được cái thùng khi nó lăn xuống đường dốc thẳng đứng này.

- Từ từ thôi, cứ từ từ, cẩn thận đừng để nó lăn quá nhanh. Tôi chờ anh, để phòng trường hợp anh thả thùng ton-nô của anh ra sẽ bị thùng của tôi chặn lại. Tôi đi giật lùi, tôi đi trước, thùng ton-nô của tôi lăn theo sau. Chúng tôi xuống đến cuối con đường nhỏ

không khó khăn lắm. Có một lối hẹp để ra biển, nhưng sau đó là khu có đá khó vượt qua được.

Dốc hết dầu ra, để thùng đầy, không sao đưa qua được quãng có đá đâu. Gió thổi mạnh và sóng đập ào ào vào bờ đá.Thùng đã được trút hết dầu, xong xuôi "Nút cho chặt. Chờ đây, đậy miếng sắt tây này lên đấy". Các lỗ đã được bịt kín. "Đóng cho chặt các đầu đinh". Tiếng sóng gió ầm ầm, không thể nào nghe thấy tiếng đóng đinh. Khó mà khiêng nổi hai cái thùng ton-nô đã được cột chặt vào nhau này. Mỗi thùng chứa được hai trăm hai mươi lăm lít. Thật cồng kềnh, khuân vác rất vướng. Địa điểm anh bạn tôi chọn cũng không dễ dàng xoay trở. "Đẩy đi nào, trời đất ơi! Nâng lên một chút. Cẩn thận đợt sóng này đấy". Cả hai đứa chúng tôi và cả đôi thùng ton-nô bị nhấc bổng lên và bị ném mạnh vào đá. "Cẩn thận, không chừng bị bể tanmất, chưa kể là ta còn bị gãy chân gãy tay nữa!.

- Cứ bình tĩnh, Salvidia! Cậu đi trước ra phía biển hay lại đằng sau đây thì hơn. Đó, ở chỗ ấy được rồi. Khi tôi kêu, cậu kéo mạnh nhé. Tôi cũng đẩy và chắc chắn ta sẽ ra khỏi được quãng đá này thôi. Muốn thế, phải giữ cho vững và đứng cho chắc tại chỗ, dù có bị sóng ập đến"...

Tôi cứ gào lên ra lệnh cho anh, giữa tiếng sóng gió ào ào này, tôi chắc anh nghe được: một con sóng lớn đổ ập xuống cái khối cứng nhắc gồm đôi thùng ton-nô, anh và tôi. Lúc ấy tôi điên tiết,

lấy hết sức đẩy mạnh chiếc bè. Anh ta chắc cũng kéo tới vì bỗng nhiên tôi thấy nhẹ nhõm và bập bềnh trên sóng. Anh ta leo lên thùng ton-nô trước tôi và đúng lúc tới định trèo lên thì một đợt sóng thật mạnh đẩy từ dưới lên, quăng chúng tôi như một cọng lá lên một tảng đá nhô ra xa hơn cả. Con sóng xô mạnh đến nỗi hai cái thùng bị bửa toang ra mỗi nơi một mảnh. Khi sóng rút, tôi thấy mình bị kéo ra xa, cách tảng đá đến hai mươi mét. Tôi bơi và bị một con sóng khác đẩy thẳng vào bờ đặt ngồi giữa hai tảng đá. Tôi đã kịp bám giữ để khỏi bị cuốn ra khơi. Khắp người bị bầm giập, tôi đã vùng thoát được nhưng khi đến chỗ cạn, tôi mới nhận ra là tôi bị trôi xa cách chỗ chúng tôi xuống nước đến một trăm mét. Không gìn giữ gì cả, tôi la to: "Salvidia Roméo! Anh ở đâu đấy?". Không có tiếng đáp lại. Mệt rã rời, tôi nằm trên đường đi, cởi quần dài, áo va-rơi và lại trần truồng chẳng mang gì ngoài đôi bít tất ngắn ở chân. Trời đất thiên địa, anh bạn tôi ở đâu rồi? Tôi lại kêu váng lên: "Cậu ở đâu đấy?". Chỉ có tiếng gió, biển và sóng đáp lại. Tôi ngồi đấy, không biết bao nhiêu lâu, thẫn thờ, bị suy sụp hoàn toàn cả về thể chất lẫn tinh thần. Rồi tôi khóc vì bực tức và quẳng đi cái túi nhỏ đeo ở cổ đựng thuốc lá và máy lửa - biểu hiện mối quan tâm ruột thịt của anh bạn đối với tôi, vì anh không hút thuốc.

Đứng trước gió, trước những đợt sóng quái đản đang quét tất cả mọi thứ, tôi giơ nắm tay lên và nguyền rủa Trời: "Đồ xỏ lá, đồ

chó đẻ, đồ pê-đê, mi không thấy hổ thẹn vì cứ bám riết lấy ta mà hành hạ như thế này ư? Chúa lòng lành gì mi? Mi chỉ là đồ đáng ghê tởm, đúng thế đấy, mi là kẻ xa-đích, kẻ đáng nguyền rủa! Mi là đồ thoái hóa! Ta sẽ không bao giờ gọi tên mi nữa! Mi không xứng đáng chút nào!". Gió đã dịu dần và cảnh êm ả đã làm tôi tỉnh táo trở về với thực tại.

Tôi sẽ trở lên nhà thương điên và nếu có thể, lại lê về bệnh xá. Chỉ cần chút ít may mắn, tôi có thể làm được việc ấy

Tôi leo dốc và chỉ nghĩ một điều: trở về nằm vào giường mình. Không để ai trông thấy, không để ai biết. Tôi đã tới hành lang bệnh xá mà không gặp trở ngại. Tôi phải nhảy qua tường bệnh viện vì tôi không biết Savidia giấu chìa khóa cổng chính ở đâu. Tôi chẳng phải tìm lâu cũng thấy chìa khóa cửa bệnh xá. Tôi vào phòng và khóa trái hai lần cửa phòng tôi lại Tôi ra cửa sổ, ném chìa khóa đi thật xa. Nó rơi phía bên ngoài tường. Và tôi đã vào giường nằm. Vật duy nhất có thể tố cáo việc tôi làm, là đôi bít tất còn ướt Tôi dậy đi vào nhà cầu để vắt cho kiệt nước. Tôi kéo chăn lên tận mặt và dần dần ấm người được đôi chút. Gió và nước biển đã làm tôi tê cóng. Không biết bạn tôi có bị chết đuối thật không? Có thể anh ấy bị sóng cuốn đi xa hơn tôi, đến tận cuối đảo và đến đấy mới bíu được lên bờ. Tôi có trở lên sớm quá không? Đáng lẽ tôi phải chờ thêm chút nữa. Tôi tự trách mình quá vội khi cho là bạn tôi đã bị thiệt mạng.

Trong ngăn kéo bàn ngủ đầu giường tôi, có hai viên thuốc ngủ. Tôi nuốt cả hai viên mà không uống nước. Nước miếng của tôi cũng đủ làm nó trôi vào họng. Tôi đang ngủ thì bị lay dậy và thấy anh y tá đứng trước mặt. Gian phòng đầy ánh nắng và cửa sổ đã được mở. Ba người bệnh đang đứng ngoài nhìn vào.

- Thế nào Papillon? Cậu ngủ như chết vậy? Mười giờ sáng rồi. Cậu không uống cà phê à? Nguội lạnh cả.

- Uống đi.

Tuy còn ngái ngủ, tôi cũng nhận thấy là đối với tôi mọi việc vẫn bình thường.

- Sao anh lại đánh thức tôi dậy?

- Vì những vết bỏng của cậu đã lành rồi mà đang cần giường. Cậu sẽ trở về phòng của cậu.

- Thôi được.

Tôi đi theo y. Đi ngang qua sân, y để tôi ở lại đấy. Tôi tranh thủ hong đôi bít tất ra nắng cho mau khô. Cuộc vượt ngục đã tan vỡ được ba ngày rồi. Tôi không nghe thấy xì xào bàn tán về chuyện này. Tôi đi từ phòng ra sân rồi lại từ ngoài sân về phòng. Không thấy Salvidia xuất hiện, vậy là anh ta đã chết, tội nghiệp cho anh, chắc anh ta bị đập vào đá mà chết. Tôi cũng gặp may mới sống được, và tôi thoát hẳn là vì tôi ở phía sau thay vì ở đằng trước. Làm sao biết được? Tôi phải rời khỏi nhà thương điên này thôi. Làm cho họ tin là tôi đã khỏi hay ít ra cũng đáng trở về trại giam,

có lẽ còn khó hơn là vào đây: Bây giờ tôi phải thuyết phục để bác sĩ thấy là tôi đã khỏi bệnh.

- Thưa ông Rouviot (ông ta là y tá trưởng), đêm qua tôi bị lạnh. Tôi xin hứa sẽ không làm bẩn quần áo của tôi, sao ông không cấp quần dài và áo sơ mi cho tôi?

Viên cai sửng sốt. Ông ta ngạc nhiên nhìn tôi rồi nói:

- Papillon, anh ngồi xuống đây. Nói cho tôi nghe, có chuyện gì vậy?

- Tôi lấy làm lạ là tại sao tôi lại ở đây, hả sếp. Đây là nhà thương điên, như vậy là tôi sống với người điên à? Có phải, chẳng may tôi bị mất trí không? Tại sao tôi lại ở đây? Sếp vui lòng nói cho tôi nghe đi.

- Anh bạn Papillon, vừa qua anh bị bệnh, tôi thấy anh đã khá hơn. Anh muốn làm việc không?

- Có ạ

- Anh muốn làm gì?

- Làm bất cứ việc gì.

Thế là tôi được mặc quần áo, tôi được giao việc quét dọn các phòng. Buổi chiều, cửa phòng tôi được để mở cho đến chín giờ tối và chỉ khi người gác đêm nhận phiên gác, tôi mới bị nhốt ở trong.

Một người tù - y tá, người Auvergne, chiều qua lần đầu nói chuyện với tôi. Chỉ có hai chúng tôi trong phòng gác. Cai tù

chưa tới. Tôi không biết anh này nhưng anh ta nói là anh biết tôi.
- Bây giờ thì chẳng cần phải vờ vịt làm gì cho mệt, bạn ạ.
- Cậu nói gì vậy?
Cậu tưởng tôi không biết cậu giả vờ sao? Tôi làm y tá ở nhà thương điên đã bảy năm nay, và ngay từ tuần đầu tôi đã biết thừa là cậu chỉ giả vờ điên..
- Thế rồi sao nữa?
- Sau đó tôi rất tiếc vì cậu đã thất bại trong chuyến vượt ngục với Salvidia. Cậu ấy đã bỏ mạng rồi. Tôi đau khổ thật sự vì đây là một người bạn tốt, tuy cậu ấy không nói cho tôi biết, nhưng tôi cũng không để bụng giận cậu ấy. Còn cậu có cần gì, cứ cho tôi biết, tôi sẽ lấy làm sung sướng nếu được giúp cậu.
Anh có cặp mắt thẳng thắn làm tôi không nghi ngờ lòng thành thật của anh. Vì nếu tôi không nghe ai nói tốt về anh, tôi cũng không thấy ai nói xấu về anh: như vậy hẳn anh phải là người khá. Tội nghiệp cho Salvidia! Khi biết chuyện anh ta trốn đi, mọi người đều sửng sốt. Họ tìm thấy những mảnh thùng ton-nô bị sóng đưa vào bờ. Ai cũng cho là anh đã bị cá mập ăn rồi. Bác sĩ làm toáng lên vì chỗ dầu ô-liu bị đổ đi. Ông nói trong hoàn cảnh chiến tranh không dễ gì có được.
- Anh khuyên tôi nên làm gì?
- Tôi sẽ xin cho cậu việc đi lãnh thực phẩm hàng ngày ở bệnh viện cho nhà thương này. Cậu sẽ được đi dạo một vòng. Cậu

phải bắt đầu giữ gìn hạnh kiểm cho tốt. Nói mười câu thì tám câu cho có lý. Vì cũng không nên khỏi bệnh quá mau. cảm ơn, tên cậu là gì?

- Dupont.

- Cảm ơn cậu. Tôi sẽ không quên những lời khuyên của cậu.

Tôi vượt ngục hụt đã được một tháng. Sáu ngày sau, người ta tìm thấy xác anh bạn tôi nổi lên mặt nước. Do một sự tình cờ không sao hiểu được, cá mập không ăn anh. Nhưng Dupont kê với tôi rằng các loại cá khác đã ăn bộ lòng của anh, và cả một khúc chân nữa. Sọ của anh cũng bị thủng. Vì thịt đã rữa nên tử thi không bị mổ để xét nghiệm. Tôi hỏi Dupont xem anh ta có thể gửi giùm tôi một bức thư bằng đường bưu điện được không. Muốn vậy phải trao thư cho Galgani để lúc niêm phong túi đựng thư, cậu ta có thể dúi vào trong.

Tôi đã viết cho mẹ của Ro meo Salvidia ở ý bức thư sau đây:

“Thưa bà, con trai bà đã chết, chân không bị xiềng. Anh ấy đã chết ở biển, một cách can đảm, xa bọn cai ngục và xa nơi giam cầm. Anh ấy đã chết tự do trong khi đấu tranh dũng cảm để dành lại tự do cho mình. Chúng tôi đã hứa với nhau sẽ viết thư cho gia đình của bạn mình nếu có người nào gặp nạn. Nay tôi làm tròn cái nhiệm vụ đau đớn ấy và xin kính cẩn hôn tay bà với lòng yêu kính của một người con.

Bạn của con bà

Papillon”

Làm xong nhiệm vụ đó, tôi quyết định không nghĩ tới cơn ác mộng ấy nữa. Đời là thế, còn phải ra khỏi nhà thương điên, tìm mọi cách để về bằng được đảo Quỷ và thử vượt ngục một chuyến nữa. Viên cai tù đã giao cho tôi việc làm vườn nhà y. Tôi trở lại bình thường đã hai tháng nay, và tôi được mến thích đến nỗi thằng cha đó không muốn buông tôi ra nữa. Cậu người Auvergne kể cho tôi nghe, lần khám bệnh vừa qua bác sĩ muốn cho tôi xuất viện về trại để “thử nghiệm”. Viên cai tù đã phản đối, nói rằng chưa bao giờ vườn của hắn lại dược chăm sóc cẩn thận đến như vậy.

Cho nên sáng nay, tôi đã nhổ tất cả các cây dâu tây và vất vào sọt rác. Rồi tôi trồng một cây thập tự nhỏ vào chỗ ấy.Cứ mỗi gốc dâu lại có một cây thập tự Không cần phải kể, cũng biết là sự việc này đã rùm beng lên như thế nào. - Thằng cha cai tù béo phệ này tức điên lên tưởng chết được. Hắn sùi cả bọt mép và nghẹn ngào nói không ra tiếng nữa. Sau cùng ngồi trên chiếc xe cút kít, hắn đã khóc nức nở, hai hàng nước mắt thật tuôn lã chã. Tôi đã chơi hơi quá nhưng biết làm sao được?

Bác sĩ không coi việc này là quá nghiêm trọng. Ông nhấn mạnh, bệnh nhân này phải được đưa trả về trại giam, cho thích nghi lại với môi trường sống bình thường để “thử nghiệm”. Khi còn lại một mình ở trong vườn, ông mới nảy ra cái ý nghĩ kỳ quặc này.

- Papillon ơi, anh nói cho tôi biết tại sao anh lại nhổ dâu tây để trồng các cây thập tự vào đấy? Tôi cũng không giải thích nổi tại sao tôi làm như vậy bác sĩ ạ, và tôi đã xin lỗi ông giám thị. Ông ấy cưng mấy cây dâu quá làm tôi cũng khổ tâm lắm. Tôi sẽ cầu nguyện để xin Trời cho ông ấy những cây dâu khác.

Tôi đã trở về trại giam, và gặp lại các bạn. Chỗ của Carbonieri vẫn để trống. Tôi mắc võng ở bên cạnh, làm như thể Matthieu vẫn còn nằm ở đấy. Bác sĩ bắt dính vào áo ngoài của tôi giòng chữ: "Đang điều trị đặc biệt. Không một ai, trừ bác sĩ, được ra lệnh cho tôi". Ông bảo tôi nhặt lá rụng trước bệnh viện từ tám giờ đến mười giờ sáng. Tôi ngồi ghế bành uống cà phê và hút thuốc với bác sĩ ngay trước nhà ông. Vợ ông cũng ngồi với chúng tôi, ông cùng vợ ông cố gợi chuyện tôi về quá khứ của tôi.

- Sau rồi làm sao, Papillon? Sau khi rời những người Anh-điêng mò ngọc trai, việc gì đã đến với anh? Trưa nào tôi cũng ngồi với hai con người đáng khâm phục ấy. Vợ bác sĩ nói: "Anh lại đây hàng ngày với tôi nhé, Papillon. Trước hết vì tôi muốn gặp anh, thứ đến là tôi rất thích nghe kể những chuyện đã xảy ra với anh". Ngày nào tôi cũng đến vài giờ với bác sĩ và vợ ông, thỉnh thoảng chỉ có một mình bà vợ. Bắt tôi kể lại quãng đời đã qua của tôi, cả hai tin chắc rằng việc ấy sẽ làm tôi vĩnh viễn lấy lại được thăng bằng. Tôi quyết định xin bác sĩ chuyển tôi đi đảo Quỷ.

Rồi việc ấy cũng xong, ngày mai, tôi sẽ đi. Ông bác sĩ và vợ ông

biết vì sao tôi đòi đến đảo Quỷ. Cả hai quá tốt với tôi nên tôi không muốn lừa dối họ: "Bác sĩ ơi, ở nhà tù khổ sai này, tôi không sao chịu nổi, bác sĩ cho tôi chuyến đi đảo Quỷ để tôi vượt ngục hay là chết, sao cũng được, miễn là chấm dứt tình trạng này đi cho rồi".

- Tôi hiểu anh, Papillon ạ, cái chế độ đàn áp này cũng làm tôi chán ngấy, cái Ban Quản trị ở đây quá thối nát. Thôi vĩnh biệt và chúc anh gặp may.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

X. Đảo Quỷ

Chiếc ghe của Deiflus

Đảo Quỷ là hòn đảo nhỏ nhất trong quần đảo Salut.

Cũng là hòn đảo nằm cao nhất về hướng Bắc, bị sóng gió vùi dập phũ phàng nhất. Qua một khoảng hẹp bằng phẳng chạy dài dọc bờ biển là phải leo lên một cái dốc đưa tới một bãi bằng, trên đó đặt trạm gác của bọn giám thị và một phòng giam độc nhất cho hơn mười tù nhân. ở đảo Quỷ, chính thức mà nói, không có tù

khổ sai về hình sự mà chỉ có những bị án giam hoặc lưu đày vì những lý do chính trị.

Họ sống mỗi người ở riêng một căn nhà nhỏ mái tôn. Cứ đến thứ hai, họ được phát thức ăn sống cho cả tuần, mỗi người một ổ bánh mì. Họ có khoảng ba mươi người. Người đảm đương nhiệm vụ y tá trên đảo là bác sĩ Léger, đã đầu độc cả gia đình, ở Lyon hay vùng phụ cận gì đó. Các tù chính trị không liên hệ với tù khổ sai, và thỉnh thoảng họ lại viết thư về Cayenne phản đối tù nhân này nọ ở đảo. Thế là tù nhân đó bị đưa về đảo Royale.

Một đường dây cáp nối đảo Royale với đảo Quỷ, vì nhiều khi biển động, tàu ở Royale không ra đây cập vào bến xi-măng được. Chánh cai tù ở đây (có tất cả ba người gác) tên là Santori. Đó là một người to lớn, quen thói ở bẩn, râu thường để đến tám ngày không chịu cạo.

- Papillon, tôi hy vọng anh xử sự cho đúng đắn ở đảo Quỷ này. Anh đừng kiến chuyện với tôi, tôi sẽ để anh yên. Anh về trại đi, tôi sẽ gặp anh tại đấy.

Tôi thấy ở phòng giam có sáu tù nhân khổ sai: hai người Tàu, hai người da đen, một người dân Bordeaux và một người vùng Lille. Một người Tàu biết rõ tôi, vì đã bị giam chung với tôi ở Saint Laurent về tội giết người. Đấy là một người dân Đông dương, còn sống sót sau vụ nổi loạn ở Côn đảo.

Anh ta vốn là tay cướp biển chuyên nghiệp, thường tấn công các

ghe mành và đôi khi giết cả thủy thủ lẫn gia đình chủ ghe. Anh ta là kẻ cực kỳ nguy hiểm, nhưng lại có một cách sống chung với tập thể được ai nấy tin cậy và mến thích. Anh dùng tiếng Pháp bồi chào tôi:

- Papillon, khỏe chứ?

- Còn anh ra sao, Chang?

- Khỏe. ở đây dễ chịu lắm. Anh ăn với tôi. Anh ngủ đây, cạnh tôi. Tôi, nấu ăn ngày hai lần. Anh, bắt cá. Đây, cá nhiều lắm.

Santori đi tới:

- à, anh đã thu xếp chỗ ở xong rồi hả? Ngày mai anh và Chang cho heo ăn. Chang mang dừa tới, còn anh, anh lấy rìu bửa dừa ra làm đôi. Phải dành riêng những trái dừa non cho heo con vì chúng không có răng. Bốn giờ chiều, các anh vẫn làm việc ấy. Ngoài hai giờ làm việc, sáng một giờ, chiều một giờ, anh được tự do muốn làm gì trên đảo thì làm. Ai đi câu được phải đưa một ký cá hay tôm hùm góp vào bếp của tôi. Vậy cho mọi người vui vẻ. Thế có được không?

- Thưa ông Santori, được lắm.

- Tôi biết anh là dân chuyên vượt ngục, nhưng ở đây thì vô phương nên tôi không phải lo. Ban đêm các anh bị nhốt nhưng tôi biết có người vẫn cứ ra được.

Cẩn thận đối với các tù chính trị đấy. Người nào trong bọn họ cũng có dao phát rừng. Anh mà đến gần chỗ họ ở, họ tưởng anh

đến ăn cắp gà hay trứng, anh có thể chết hay bị thương, vì họ trông thấy anh được, còn anh, anh không thấy được họ.
Sau khi cho hai trăm con heo ăn, mỗi ngày tôi đi với Chang khắp đảo. Anh biết tường tận tất cả các xó xỉnh trên đảo. Một ông già, có bộ râu bạc dài, gặp chúng tôi trên con đường đi quanh đảo, ven bờ biển. Đó là một nhà báo ở Tân Đảo đã viết tốt cho bọn Đức, chống lại nước Pháp, trong chiến tranh 1914. Tôi còn gặp thằng đểu đã làm cho Edith Cavell - cô nữ y tá người Anh hay Bỉ đã cứu các phi công Anh năm 1917 - bị xử bắn. Nhân vật kinh tởm này, to béo mập mạp, tay cầm một cái gậy, quật một con cá lịch dài tới một thước rưỡi và to bằng bắp đùi tôi.
Cả ông bác sĩ đảm đương nhiệm vụ y tá cũng ở trong một túp nhà nhỏ chỉ danh cho các tù chính trị. Ông bác sĩ Léger này là một con người cao lớn dơ dáy và lực lưỡng. Chỉ có mặt ông là còn sạch, tóc ông đã hoa râm, để rất dài rủ xuống cổ và thái dương. Bàn tay ông đỏ mọng từng mảng vì những vết thương chắc là do víu vào các mỏm đá ở biển, mãi vẫn chưa được lành hẳn.
- Anh cần gì, cứ đến hỏi tôi, tôi sẽ cho. Có bệnh hãy đến. Tôi không ưa ai đến thăm tôi và càng không ưa ai đến nói chuyện với tôi. Tôi bán trứng và cả gà con, gà trống và gà mái. Nếu anh mổ trộm được một con heo nhỏ, mang cho tôi một đùi sau, tôi sẽ trả anh một con gà và sáu quả trứng. Anh đã đến đây rồi thì cầm lấy

cái lọ một trăm hai mươi viên thuốc ký ninh này. Chắc anh đến đây để vượt ngục, vậy thì nếu phúc tổ cho anh đi được, anh sẽ cần đến nó để sống ở rừng đấy

Sáng và chiều, tôi câu được hằng hà sa số cá phèn ở dưới các mỏm đá. Ngày nào tôi cũng gửi cho bếp của cai tù ba đến bốn ký. Santori tươi hẳn lên. Chưa bao giờ lão ta nhận được nhiều loại cá khác nhau lẫn tôm hùm như thế. Có những lúc, nước xuống, tôi lặn mò được đến ba trăm con tôm hùm.

Ngày hôm qua, bác sĩ Germain Guibert đến đảo Quỷ. Biển lặng, ông đã đi cùng vợ và thiếu tá chỉ huy trại Royale. Người đàn bà đáng phục này là người phụ nữ đầu tiên đặt chân lên đảo Quỷ. Theo lời thiếu tá, cũng chưa có thường dân nào đặt chân lên đảo này. Tôi đã được nói chuyện với bà một giờ đồng hồ. Bà đi với tôi đến chiếc ghế dài mà Dreyfus* xưa kia vẫn thường ngồi nhìn ra biển cả, nhìn về phía nước Pháp đã hắt hủi ông.

(*Dreyfus Alfred, sĩ quan Pháp gốc Do Thái, Năm 1890 bị đưa ra tòa án binh vì tội "gián điệp", rồi bị đày ra quần đảo Salut. Đến năm 1906 mới được thanh minh và phục hồi danh dự. Vụ án này đã làm chấn động dư luận toàn nước Pháp hồi ấy và gây nên những cuộc tranh luận và xung đột dữ dội giữa những người có tư tưởng cấp tiến bênh vực Dreyfus và những người có xu hướng bài Do Thái. Nhà văn Emile Loa đã viết một bài báo nổi tiếng bài "Tôi tố cáo" bênh vực Dreyfus bằng những lý lẽ đanh thép và

một văn phong nảy lửa đầy sức thuyết phục - ND).
Bà xoa tảng đá và nói: Giá tảng đá này có thể nói cho chúng ta biết những ý nghĩ của Dreyfus nhỉ... Papillon này, chắc chắn đây là lần cuối cùng chúng ta gặp nhau. Vì anh có nói với tôi rằng anh sắp thử vượt ngục một chuyến nữa. Tôi cầu Chúa cho anh được thành công. Tôi yêu cầu, trước khi anh đi, anh ngồi một phút trên tảng đá tôi vừa xoa tay vào, và cũng xin anh xoa tay vào đấy để vĩnh biệt.
- Thiếu tá cho phép tôi được gửi bằng dây cáp, một ít tôm hùm và cá cho bác sĩ, mỗi khi tôi muốn, Santori cũng đồng ý.
- Vĩnh biệt bác sĩ, vĩnh biệt bà.
Trước khi tàu rời khỏi bến, tôi chào cả hai người một cách rất tự nhiên. Bà Guibert mở to mắt nhìn tôi, vẻ như muốn nói: "Hãy nhớ mãi đến chúng tôi vì chúng tôi cũng không bao giờ quên anh".
Chiếc ghế của Dreyfus ở tận mỏm phía Bắc của đảo cao hơn mặt biển đến trên bốn mươi mét..
Hôm nay tôi không đi câu. Trong bể cá thiên thiên, tôi còn hơn một trăm ký cá phèn và trong một cái thùng ton-nô bằng sắt, được neo bằng xích, còn hơn năm trăm con tôm hùm. Tôi có thể nghỉ câu. Tôi đã có dư để gửi cho bác sĩ và để dành cho Santori, cho anh người Tàu và cho tôi. Lúc đó là năm 1941. Tôi ở tù đã mười một năm.

Tôi đã ba mươi lăm tuổi. Tôi đã sống những năm tươi đẹp nhất trong đời tôi trong phòng giam, hoặc ở xà-lim. Tôi chỉ sống tự do hoàn toàn được bảy tháng với bộ lạc Anh-điêng của tôi. Những đứa con mà tôi đã có với hai người vợ Anh-điêng bây giờ đã tám tuổi. Thật khủng khiếp! Thời gian trôi qua nhanh đến vậy? Nhưng nhìn về phía sau, tôi vẫn lặng ngắm những giờ những phút chịu đựng kéo dài của khoảng thời gian đó, khoảng thời gian đã được khắc sâu trên con đường đau khổ. Ba mươi lăm năm rồi! Montmartre, quảng trường Trắng, quảng trường Pigalle, khoảng sân khiêu vũ ở Triều Hoa viên, đại lộ Clichy, đâu cả rồi? Đâu rồi em Nenette với bộ mặt y như Đức mẹ, thật sự là bức tranh chạm nổi, có đôi mắt đen mênh mông tràn đầy tuyệt vọng nhìn tôi đăm đăm, đã kêu tôi giữa phiên tòa: "Anh đừng lo, em sẽ đến tận đấy theo anh"?. Đâu rồi, luật sư Raymond Hubert với lời an ủi: "Chúng ta sẽ được trắng án"? Đâu rồi, mười hai cái bị thịt trong ban bồi thẩm? Đâu rồi bọn cớm ấy? Ngài biện lý? Ba tôi và các em gái tôi, đã lấy chồng trong cảnh chiếm đóng, giờ đây đang làm gì?

Bao nhiêu chuyến vượt ngục! Thử tính xem bao nhiêu chuyến rồi.

Chuyến đầu tiên, khi tôi đánh gục bọn cai và tù ở bệnh viện trốn đi. Chuyến thứ hai ở Colombia, từ Rio Hacha đi: chuyến đi đẹp nhất. Chuyến đó tôi thành công mỹ mãn. Tại sao tôi lại bỏ bộ lạc

của tôi nhỉ. Một cảm xúc yêu đương mãnh liệt làm toàn thân tôi rung động. Tôi rùng mình, mường tượng như trong thân thể tôi còn giữ lại những cảm giác mà tôi đã được thể nghiệm những khi làm tình với hai chị em cô gái Anh-điêng. Rồi chuyến thứ ba, thứ tư, thứ năm và thứ sáu ở Baranquilla. Những chuyến vượt ngục này chỉ toàn chuyện rủi ro. Rồi mưu toan trốn tập thể trong buổi lễ mi-sa, thất bại một cách thảm hại! Cái chuyến thuốc nổ hư và chuyện cái quần cậu Clousiot bị vướng vào mái tôn. Rồi cái liều thuốc ngủ tác động quá chậm! Chuyến thứ bảy ở đảo Royale, bị thằng xỏ lá Bébert Celier tố cáo. Không có nó, chắc chuyến ấy có thể thành công. Giá nó câm mẹ cái mồm nó đi, chắc tôi và anh bạn Carbonieri khốn khổ của tôi đã được tự do. Chuyến thứ tám, chuyến cuối cùng, ở nhà thương điên. Sai lầm, một sai lầm lớn của tôi, là đã để cho anh người ý chọn điểm hạ thủy. Nếu xuống phía dưới chừng hai trăm mét nữa, chỗ gần lò sát sinh, chắc thả bè dễ hơn nhiều.

Chiếc ghế dài này, nơi Dreyfus vô tội bị án tù, mà vẫn can đảm sống được, nhất định phải giúp cho tôi được việc gì. Không bao giờ được chịu thua! Phải thử làm một chuyến vượt ngục nữa. Phải, tảng đá nhẵn, trơn, nhô lên trên vực thẳm chỉ có đá bị sóng dập liên tục này phải trở thành một sự nâng đỡ về tinh thần và một tấm gương đối với tôi. Dreyfus không bao giờ chịu để tinh thần bị suy sụp, ông luôn luôn đấu tranh đến cùng để được khôi

phục danh dự. Quả Dreyfus có một ưu thế đã làm được Emile Zola bênh vực với bài: "Tôi tố cáo" nổi tiếng. Tuy vậy nếu ông không phải là con người đã được tôi luyện thì trước bấy nhiêu nỗi bất công chắc chắn ông đã từ chiếc ghế này gieo mình xuống vực. Ông đã chịu đựng được.

Tôi không thể kém Dreyfus, và tôi phải từ bỏ ý nghĩ vượt ngục với phương châm: thắng hay là chết. Tôi phải bỏ hẳn chữ chết, vì chỉ được nghĩ rằng tôi phải thắng và phải được tự do. Trong khi ngồi trên chiếc ghế của Dreyfus, tâm hồn tôi lang bang nghĩ đến quá khứ, mơ tưởng đến tương lai tươi đẹp. Mắt tôi thường bị lóa vì ánh nắng chói chang, vì ánh phản quang màu bạch kim của những ngọn sóng.

Cứ nhìn biển mãi mà không thực sự nhìn thấy nó, tôi dần dà biết được tất cả những thay đổi thất thường có thể tưởng tượng được của những lớp sóng cuộn theo chiều gió. Đều đều, không mệt mỏi, không thay đổi, biển cả cứ tấn công vào các mỏm đá nhô ra khỏi đảo xa nhất. Nó sục sạo, mài mòn, đập vỡ những tảng đá nọ, như muốn nói với đảo Quỷ: "Mi cút đi, mi phải biến mất đi, ta muốn xô vào Đất liền mà mi cứ làm ta vướng víu, mi chặn đường đi của ta. Vì vậy, hàng ngày, không phút nào ngơi, ta phải tước đi từng chút ít một của mi". Khi có giông bão, biển thả sức vui vẻ hoành hành. Nó không chỉ lao tới, và khi rút ra, cào hết tất cả những gì nó đã đập phá được, mà hơn thế nữa, có còn chui

rúc, len lỏi đưa nước vào tất cả các ngõ ngách để dần dà, từng chút một, xói mòn ngầm những tảng đá khổng lồ đang có vẻ như quát vào biển: "Cấm đi qua đây, cấm qua chỗ này".

Và tôi đã khám phá ra một điều quan trọng. Ngay dưới chỗ ghế của Dreyfus, sóng xô thẳng vào những tảng đá sống trâu này, tấn vào, tan ra và rút đi vôi một sức mạnh hung hãn. Hàng tấn nước không tung tóe ra được vì bị kẹt giữa hai tảng đá hình móng ngựa rộng chừng năm, sáu mét. Sau đó là vách đá ngựa rộng chừng năm, sáu mét. Sau đó là vách đá dựng đứng, cho nên nước theo sóng vào chỉ có một đường thoát là quay ngược lại, rút ra khơi.

Điều này rất quan trọng vì nếu khi sóng bị tóe ra và lùa vào vực thẳm, tôi từ trên mỏm đá ôm một bao trái dừa lao thẳng xuống đấy, thì chắc chắn, không nghi ngờ gì cả, là nước rút sẽ cuốn tôi ra theo.

Tôi biết chỗ có thể kiếm ra vài cái bao tải, ở chuồng heo muốn có bao nhiêu để đựng dừa cũng có.

Việc đầu tiên là phải làm thử đã. Vào những ngày trăng tròn, lúc nước thủy triều lên cao nhất, thì sóng cũng mạnh nhất. Tôi sẽ chờ một đêm như thế. Một bao tải nhét đầy trái dừa còn cả vỏ xơ, đã khâu kỹ lại, được dấu trong một cái hang mà muốn vào đấy phải lặn xuống nước. Tôi tìm ra nó lúc lặn mò tôm hùm. Tôm hùm bám vào trần hang, không khí chỉ lọt được vào hang

khi nước xuống. Trong một bao tải khác được chằng cùng với bao đựng trái dừa, tôi bỏ một tảng đá nặng chừng bao mươi lăm đến bốn mươi ki lô. Vì tôi tính tôi sẽ vượt ngục với hai bao tải chứ không phải một, mà tôi thì cân nặng bảy chục ký, cho nên tỷ lệ như vậy là tương đương.

Thí nghiệm này kích thích tôi rất dữ. Không ai đến phía này của đảo bao giờ. Cũng không ai giờ rằng có người lại chọn nơi bị sóng dập mạnh nhất, nghĩa là nơi nguy hiểm nhất, để vượt ngục. Nhưng đây lại là địa điểm duy nhất mà, nếu tôi rời được bờ, tôi sẽ được sóng đưa ra khơi và không thể nào lại đâm đầu vào đảo Royale được. Chỉ ở đây chứ không phải ở đâu khác, tôi sẽ ra đi. Những bao tải đựng dừa và hòn đá không dễ mang vác Tôi không sao kéo nó lên mỏm đá được. Đá trơn và lúc nào cũng ướt. Tôi đã bàn với Chang, và anh ta đã đến giúp tôi. Anh mang cả bộ đồ nghề câu cá, dây câu ngầm, để lỡ bất ngờ gặp ai, chúng tôi có thể nói là chúng tôi đi đặt lới bẫy cá mập.

- Bắt đầu đi, Chang. Một chút nữa là xong.

Trăng rằm chiếu sáng vằng vặc như ban ngày. Tiếng sóng ầm ầm làm tôi choáng váng. Chang hỏi tôi: “Anh đã sẵn sàng chưa Papillon? Cho nó theo lớp sóng này đi. Cột sóng cao năm thước, thẳng đứng ập xuống bờ đá. Chân sóng xô vào phía dưới chúng tôi mạnh đến nỗi ngọn sóng vượt qua cả mỏm đá, làm chúng tôi bị ướt hết. Nhưng nó cũng không ngăn cản chúng tôi ném các

bao tải đúng lúc hình thành xoáy nước trước khi sóng rút ra. Hai cái bao tải bị cuốn đi như một cọng rơm.

Tốt rồi, Chang, thế là xong.

Chờ xem bao tải có trở về không.

Năm phút sau, tôi rụng rời cả người khi trông thấy bao tải của tôi ở trên đỉnh một lớp sóng ngầm cao ngất, đến sáu bảy mét bị đưa trở vào bờ. Sóng nâng túi dừa vào tảng đá như không có nghĩa lý gì. Nó đưa những thứ đó lên trước ngọn sóng, khoảng trước bọt nước một chút, với một sức mạnh phi thường, sóng đã trả nó về chỗ nó bắt đầu bị cuốn đi, đập vào đá vỡ tan thành, bao tải rách bươm ra, mấy quả dừa bắn tung ra khắp nơi, còn tảng đá thì lăn xuống đáy vực.

Chang và tôi đều ướt thấu xương, bị đẩy ngã, may mà ngã về phía đất liền. Cả người chúng tôi bị xây xát và ê ẩm. Chúng tôi không buồn nhìn ra phía biển mà vội rời cho thật nhanh cái nơi đáng nguyền rủa này.

- Không tốt đâu, Papillon. Cái ý vượt ngục ở đảo Quỷ không tốt đâu. ở Royale hơn. Anh đi từ phía Nam hơn ở đây.

Phải, nhưng ở đảo Royale, việc vượt ngục chỉ hai giờ sau là nhiều nhất, sẽ bị lộ. Các bao tải đựng dừa chỉ đi được nhờ sức sóng đẩy, tôi sẽ bị ba chiếc tàu ở đảo quây bắt được liền. Còn ở đây, thứ nhất là không có tàu thứ hai, chắc chắn tôi vượt ngục, sau người ta tưởng tôi đi câu bị chết đuối. ở đảo Quỷ, không có

điện thoại. Nếu tôi đi lúc trời xấu, không tàu nào có thể đến được đây. Vì vậy tôi phải từ ở đây đi. Nhưng ra đi bằng cách nào? Giữa trưa, trời nắng chang chang. Một thứ nắng nhiệt đới làm cho đầu óc muốn sôi lên. Một thứ nắng thiêu cháy mọi thứ cây cỏ đã nảy mầm được nhưng chưa lớn đến mức đủ sức đương đầu với nắng. Một thứ ánh nắng mà chỉ trong vài giờ cũng đã làm cho các vùng nước biển không sâu quá phải bay hơi chỉ còn lại một lớp muối trắng. Một thứ ánh nắng làm cho làn không khí chao đảo như nhảy múa. Đúng, ánh nắng chuyển động thật sự trước mắt tôi, và ánh nắng phản chiếu trên mặt biển làm tôi rát bỏng cả mắt. Tuy vậy, lúc ngồi lại trên chiếc ghế của Dreyfus, tất cả những điều đó không ngăn tôi tiếp tục quan sát mặt biển. Lúc bấy giờ tôi mới thấy tôi quá ư là ngốc. Con sóng ngầm, cao gấp hai lần tất cả các con sóng khác, con sóng đã ném các bao tải của tôi vào đá, làm nó tan vụn hoàn toàn, con sóng này chỉ thỉnh thoảng mới có. Tôi tính kỹ thì thấy cứ sáu đợt sóng bình thường mới có một đợt sóng ngầm dữ dội như vậy. Từ giữa trưa đến lúc mặt trời lặn, tôi quan sát xem thử có phải đều đặn như thế không, có những thay đổi gì không, nghĩa là xem thử có gì không đều trong chu kỳ và hình dáng con sóng khổng lồ này không. Không, không một lần nào con sóng ngầm đến trước hay đến sau. Cứ sáu đợt sóng cao chừng sáu mét kéo vào, thì cách bờ hơn ba trăm mét, con sóng ngầm lại hình thành. Nó đến thẳng đứng

như chữ I. Càng tới gần bờ, nó càng tăng khối lượng và chiều cao. Không có bọt sóng ở trên ngọn, khác hẳn sáu con sóng kia. Rất ít bọt. Tiếng sóng cũng đặc biệt, giống như tiếng sấm rền đang tắt dần từ xa. Khi sóng xô vào bờ đá, ập vào khoảng giữa hai tảng đá nọ, rồi đập vào vách, khối lượng nước của nó lớn hơn của các con sóng khác, nó bị tắc lại, quay lộn nhiều lần trong hốc đá và mất mươi mười lăm giây những cuộn nước xoáy mới tìm được lối thoát và rút ra, cuốn theo những hòn đá to cứ lăn đi lăn lại, ầm ầm như tiếng hàng trăm chiếc xe chở đá được đổ xuống vực một cách thô bạo.

Tôi bỏ độ một chục quả dừa vào một cái bao tải tôi tống một tảng đá nặng độ hai mươi ki-lô vào đấy và con sóng ngầm vừa xô vào đá, tôi ném bao tải xuống. Mắt tôi không trông theo được bao tải vì có quá nhiều bọt nước trắng trong vực xoáy, nhưng tôi cũng thoáng thấy nó trong một giây, khi nước như bị hút mạnh, băng băng kéo ra ngoài khơi. Bao tải không bị đẩy trở lại. Sáu con sóng kia không đủ sức ném nó vào bờ và khi con sóng thứ bảy hình thành, cách xa chừng ba trăm mét, cái bao tải hẳn đã vượt ra ngoài cái vùng con sóng ngầm bắt đầu hình thành, vì tôi không còn nhìn thấy bao tải ấy đâu nữa.

Lòng chứa chan vui mừng và hy vọng, tôi đi về trại. Thế là tôi đã tìm ra một cách hạ thủy thật hoàn hảo. Không được phiêu lưu trong việc này. Thế nào tôi cũng cần phải thử một lần cho

nghiêm chỉnh hơn, với những số liệu tương ứng một cách chính xác với bản thân tôi: hai bao trái dừa buộc chặt vào nhau, và ở trên là bảy mươi ki-lô được phân đều cho hai hay ba tảng đá. Tôi kể cho Chang. Và anh bạn Tàu của tôi ở Côn Đảo đã giỏng tai ra nghe.

- Tốt lắm, Papillon ạ. Tôi cho thế là anh đã tìm được cách rồi. Tôi sẽ giúp anh làm thử thật sự. Chờ nước thủy triều lên cao tám mét: sắp đến điểm phân mùa rồi.

Được Chang giúp đỡ, lợi dụng điểm phân mùa, có con sóng cao hơn tám mét, tôi ném xuống con sóng ngầm nọ hai bao trái dừa kèm theo ba tảng đá nặng chừng tám mươi ki-lô.

- Tên con bé mà anh bơi ra cứu ở Saint Joseph là gì?

- Lisette.

Vậy ta cũng đặt tên con sóng có ngày sẽ cuốn anh đi theo là Lisette. Bằng lòng không? Đồng ý.

Lisette ập đến ầm ầm như một đoàn xe lửa tốc hành tới ga. Nó hình thành từ ngoài xa hơn hai trăm năm mươi mét, và sừng sững như vách đá, nó tiến vào mỗi lúc một lớn dần. Quả là một cảnh tượng uy nghi. Nó đập vào vách làm Chang và tôi bị hất hẳn sang bên tảng đá, và các bao tải đã tự nó rơi xuống vực Vì biết ngay trong một phần mười giây rằng chúng tôi không thể đứng lại trên mỏm đá được, chúng tôi đã lùi về sau: điều đó tuy không tránh cho chúng tôi khỏi bị một khối nước ập đến tát ướt

cả người, nhưng cũng làm cho chúng tôi khỏi bị ngã xuống vực. Chúng tôi làm cuộc thí nghiệm này lúc mười giờ sáng. Chúng tôi không sợ gì vì ba tên cai tù đều ở đầu kia đảo lo việc tổng kiểm kê. Mấy cái bao tải đã trôi không ra khơi, chúng tôi trông rất rõ, nó đã trôi rất xa bờ. Nó có trôi ra quá chỗ hình thành của con sóng không? Chúng tôi không có gì làm chuẩn để biết được các bao tải ở xa hơn hay gần hơn chỗ ấy. Sáu con sóng tiếp theo con Lisette đều không đuổi kịp được đà trôi của nó. Một lần nữa Lisette lại hình thành và bắt đầu xô vào bờ. Các bao tải cũng không bị nó cuốn vào. Thế là chúng đã thoát được khỏi khu vực ảnh hưởng của con sóng.

Trở vội lên ngồi vào ghế của Dreyfus để cố tìm ra các bao tải một lần nữa, chúng tôi có được nỗi vui mừng được bốn lần nhìn thấy nó bập bềnh trên các ngọn sóng, không hướng về phía đảo Quỷ mà đi về hướng Tây. Không còn phải bàn cãi gì nữa, cuộc thí nghiệm đã cho thấy kết quả tốt. Tôi sẽ lên đường dấn thân vào cuộc phiêu lưu vĩ đại trên lưng Lisette.

“Nhìn kìa, nó đến đấy”. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, rồi đến lượt Lisette tiến vào. ở mỏm đá, chỗ đặt ghế của Dreyfus xưa nay, biển vẫn khắc nghiệt, nhưng hôm nay nó đặc biệt hung dữ. Lisette tiến vào với tiếng ầm ầm riêng biệt của nó. Tôi thấy nó lù lù hơn ngày thường, và hôm nay, nhất là ở chân sóng, khối lượng nước được di chuyển còn nhiều hơn nữa. Khối nước khổng lồ

này sẽ tấn công hai tảng đá mau lẹ hơn, thẳng góc hơn. Vì khi con sóng vỡ, đổ xô vào khoảng cách giữa hai tảng đá khổng lồ, tiếng động còn inh tai nhức óc hơn bao giờ hết, nếu trên đời có thể có một tiếng động quái gở như vậy.

- Anh nói là phải lao xuống chỗ này phải không? Đúng đấy, anh chọn chỗ này thật là tuyệt. Tôi thì tôi không chơi đâu. Tôi muốn vượt ngục thật, nhưng tôi không muốn tự tử.

Sylvain rất xúc động khi tôi giới thiệu Lisette với anh ta. Anh mới đến đảo Quỷ được ba ngày và tất nhiên tôi rủ anh cùng đi với tôi. Mỗi người đi một bè. Do đó nếu anh nhận lời, tôi sẽ có bạn khi đến Đất liền để tiến hành cuộc đào tẩu tiếp theo. ở rừng mà chỉ có một mình chẳng thú vị chút nào đâu.

- Đừng có sợ trước khi làm. Tôi công nhận là lần đầu tiên, ai cũng phải chùn bước. Nhưng đây lại là con sóng duy nhất có thể kéo cậu ra thật xa, các con sóng tiếp theo không có đủ sức kéo cậu trở lại bờ đá.

- Bình tĩnh nào, nhìn kỹ lại, chúng tôi đã thử rồi - Chang nói - Chắc chắn, cậu đã đi rồi là sẽ không bao giờ trở lại đảo Quỷ, cũng không vào đảo Royale đâu

Mất một tuần, tôi mới thuyết phục được Sylvain. Một người rắn chắc, cao một mét tám mươi, cân đối, với một thân hình lực sĩ điền kinh.

- Được. Tôi công nhận chúng ta sẽ được đưa ra đủ độ xa. Sau đó,

cậu tính cứ để sóng đẩy đi, mất bao nhiêu ngày thì đến được Đất liền?

- Thật tình, tôi cũng không biết đâu, Sylvain ạ. Có thể bị giạt nhiều hay ít, tùy thời gian. ảnh hưởng của gió không có mấy, vì chúng ta ở sát mặt nước. Nhưng nếu trời xấu, sóng sẽ lớn và đẩy chúng ta mau hơn vào phía rừng. Khoảng bảy tám, nhiều nhất là mười con nước, chúng ta sẽ bị đẩy vào bờ. Do đó, xê xích ít nhiều thì mát chừng bốn tám đến sáu mươi giờ.

- Cậu tính thế nào vậy?

- Từ các đảo thẳng đến bờ, không xa hơn bốn mươi cây số. Vì bị trôi giạt nên đường đi làm thành cạnh huyền một tam giác vuông. Cậu nhìn hướng sóng đi. ít nhiều, cũng phải đi một quãng từ một trăm đến một trăm hai mươi ki-lô-mét là tối đa. Chúng ta càng đến gần bờ, sóng càng đẩy chúng ta thẳng hướng vào đấy. Thoạt tính, cậu không cho là một vật trôi giạt ở bờ với khoảng cách như thế, lại không được đẩy đi với tốc độ năm ki-lô-mét một giờ.

Anh ta nhìn tôi và chăm chú nghe rất kỹ những lời giải thích của tôi. Chàng trai cao lớn này rất thông minh.

- Đúng. Tôi công nhận là những điều cậu nói chẳng ngu ngốc chút nào, và nếu không có những con nước xuống làm mất thì giờ của ta, vì chúng lại đẩy ta ra ngoài khơi, chắc chắn chỉ trong vòng ba mươi giờ, ta có thể đến đất liền. Do có những con nước

xuống, tôi cho là cậu nói có lý: muốn đến đất liền phải mất từ bốn mươi tám đến sáu mươi tiếng.

- Cậu tin chắc rồi thì cậu đi với tôi chứ?

- Có thể. Giả dụ, ta đến chỗ đất liền là rừng thì ta làm gì?

- Ta phải đến vùng gần khu vực Kourou. ở đây có một làng dân chài khá lớn, có những người đi tìm balata và tìm vàng. Phải đến gần một cách thật thận trọng vì ở đấy cũng có một lâm trường của tù khổ sai. Chắc chắn cũng có những điểm để từ đó đi sâu vào trong rừng đến Cayenne và đến một trại của người Tàu được gọi là Inini. Phải bắt một tù nhân hay một thổ dân da đen buộc họ phải dẫn mình đến Inini. Nếu người ấy tử tế, ta có thể cho năm trăm đồng rồi bảo anh ta chuồn đi cho khuất mắt. Nếu cũng là một người tù, thì ta bắt hắn phải cùng đi trốn với ta. Inini là trại giam đặc biệt cho người Đông dương, thế thì ta đến đấy để làm gì?

- ở đấy Chang có người anh ruột.

- Đúng, anh ấy là anh tôi. Anh ấy sẽ vượt ngục với các anh, anh ấy kiếm ra được ca-nô và thức ăn. Cách anh sẽ gặp Quých-Quých, các anh sẽ có đủ thứ để đi đường. Không một người Tàu nào chịu làm chỉ điểm cả cho nên anh gặp bất cứ người An Nam * (*Tác giả cũng như nhiều người Pháp hồi đó, không biết phân biệt người "Tàu với người "An Nam") nào ở trong rừng, anh cứ bảo người đó tin cho Quých-Quých biết.

- Tại sao người ta lại gọi anh ta là Quých-Quých? - Sylvain hỏi.
- Tôi không biết, do bọn Pháp đặt tên cho anh như vậy - Đoạn anh nói thêm: "Các anh phải cẩn thận, khi đến đất liền rồi, các anh sẽ thấy bùn. Đừng bao giờ đi trên bùn, đi không tốt, nó hút các anh xuống đấy. Chờ cho nước đưa các anh vào tận rừng để có thể bám được dây leo và cành cây. Nếu không thì nguy lắm.
- à đúng đấy, Sylvain à. Không bao giờ được đi trên bùn, ngay cả khi ở rất gần, rất gần bờ. Phải chờ lúc túm được cành cây hay sợi dây leo nào đã.
- Được Papillon. Tôi đã quyết định rồi. Hai cái bè được chế tạo cùng một kiểu, không khác nhau mấy, vì chúng ta cũng nặng cân gần như nhau, chắc chắn chúng ta sẽ không bị tách rời nhau quá xa. Nhưng không sao lường trước được việc gì cả. Nếu lạc nhau ta sẽ tìm nhau ra sao? ở đây, ta không nhìn được tới Kourou. Cậu có để ý, khi cậu còn ở Royale là ở phía bên phải Kourou, khoảng chừng hai mươi ki-lô-mét, có những tảng đá trắng, thấy rất rõ khi mặt trời chiếu vào đấy phải không?
- Đúng.
- Cả vùng bờ biển này, chỉ chỗ ấy là có đá. Bên phải, bên trái, đến vô cùng tận, chỉ là bùn. Đá trắng là do cứt chim là ở đấy. Có đến hàng ngàn con, và vì không có người nào đến đấy bao giờ, chỗ đó sẽ là nơi trú chân để ta lấy lại sức trước khi đi sâu vào rừng. Ta sẽ ăn trứng và ăn chỗ dừa ta đem theo. Không được đốt

lửa. Ai đến trước sẽ đợi người tới sau.

- Đợi bao lâu?

- Năm ngày. Không thể nào sau năm ngày, người kia lại không tới được.

Hai chiếc bè đã được làm xong. Các bao tải được lồng vào nhau, hai cái làm một, cho bền hơn. Tôi yêu cầu Sylvain dành cho tôi mười ngày để tập cưỡi bao tải, càng nhiều giờ càng hay. Anh ta cũng phải làm như vậy. Mỗi lần thấy các bao tải sắp bị lật ngửa ra, phải cố gắng làm sao ngồi vững ở trên. Nhưng chú ý không được ngủ quên vì sợ bị nhào xuống nước mà không bấu víu kịp. Chang khâu cho tôi một cái túi nhỏ không thấm nước để đeo vào cổ, trong đựng thuốc lá và máy lửa. Chúng tôi mỗi đứa nạo mười quả dừa để mang theo.

Cùi dừa giúp chúng tôi chịu đói và còn làm đỡ khát nữa. Hình như Santori có một thứ bong bóng bằng da đựng được rượu. Lão ta không dùng đến nó bao giờ. Khi nào có dịp lọt vào nhà lão, Chang sẽ tìm cách xoáy cái đó

Chúng tôi định khởi sự vào ngày chủ nhật, lúc mười giờ tối. Trăng rằm, sóng thủy triều ắt phải cao đến tám mét. Lisette hẳn sẽ ở vào thời điểm mạnh nhất. Sáng chủ nhật, một mình Chang sẽ cho heo ăn. Tôi sẽ ngủ suốt ngày thứ bảy và cả chủ nhật. Khởi hành lúc mười giờ đêm. Thủy triều bắt đầu xuống đã được hai giờ.

Hai cái bao tải của tôi không thể nào tách rời ra được Chúng được kết chắc lại bằng những sợi gai bện vào với nhau, bằng dây đồng, và khâu liền với nhau bằng gai buồm. Chúng tôi đã kiếm những cái bao có miệng rộng để lồng bao nọ vào bao kia sao cho vừa không thể tuột ra ngoài được.

Sylvain không ngừng tập thể dục, còn tôi, tôi đứng hàng giờ để những lớp sóng lăn tăn đập vào đùi tôi như xoa bóp vậy. Sóng cứ đập liên hồi vào đùi tôi và việc tôi phải lên gân chống lại sóng làm cho đùi và bắp chân tôi cứng như sắt.

ở một cái giếng bị bỏ hoang, có một sợi dây xích dài gần ba mét. Tôi quấn vào nó những sợi thừng nối các bao tải của tôi. Tôi có một cái ốc bù-loong có thể chốt qua các móc xích. Trong trường hợp tôi không chống đỡ nổi, tôi sẽ dùng sợi xích sắt để buộc mình vào cái bao tải. Làm như vậy, tôi có thể ngủ mà không sợ rơi xuống nước và để trôi mất cái bè. Nếu bao tải lật, nước sẽ làm tôi tỉnh dậy và tôi sẽ lật nó lại như cũ. Papillon này, chỉ còn ba ngày nữa thôi. - Chúng tôi ngồi trên ghế của Dreyfus, nhìn Lisette.

- Phải, chỉ còn ba ngày nữa thôi, Sylvain ạ. Tớ tin tưởng là sẽ thành công. Còn cậu thì salà

- Chắc ăn lắm, Papillon à. Đêm thứ ba hay sáng thứ tư, bọn ta sẽ ở trong rừng rồi. Lúc đó, tha hồ mà chén cho đẫy!

Chang nạo cho mỗi đứa chúng tôi mười trái dừa. Ngoài dao,

chúng tôi còn mang hai cái rựa đẵn cây ăn cắp được ở kho dụng cụ.

Trại Inini ở phía Đông Kourou. Buổi sáng đi, ngược lại phía mặt trời chiếu tới, chắc chắn là sẽ đúng hướng.

- Sáng thứ hai, Santori sẽ điên lên mất. - Chang nói. - Tôi sẽ không nói là cậu và Papi đã chuồn trước ba giờ chiều ngày thứ ba, khi tên gác đã ngủ trưa dậy.

- Hay là cậu vừa chạy về vừa kêu là chúng tớ đang câu cá thì bị sóng lớn cuốn đi?

Không được, lôi thôi lắm. Tôi chỉ nói: "Sếp ạ, Papillon và Stephen hôm nay không thây đi làm, tôi phải cho heo ăn một mình" - chỉ thế thôi, không hơn không kém.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Vượt ngục từ đảo Quỷ

Chủ nhật, bảy giờ tối. Tôi vừa thức giấc. Tôi cố ngủ mãi từ sáng thứ bảy. Đến chín giờ trăng mới lên. Cho nên lúc này còn tối như

mực. Trời rất ít sao. Những đám mây đen nặng trĩu mưa bay nhanh qua đầu chúng tôi Chúng tôi vừa ra khỏi lán. Vì chúng tôi vẫn thường đi câu lén ban đêm, nhiều khi lại còn dạo chơi buổi tối nữa, cho nên ai nấy đều thấy đó là chuyện bình thường. Một thằng nhóc đi vào lán bên cạnh thằng bố của nó, một thằng A-rập to béo. Chắc hẳn chúng nó vừa làm tình với nhau trong một cái xó nào đấy. Nhìn hai đứa nhấc tấm ván bước vào lán, tôi nghĩ bụng: đối với thằng A-rập này, mỗi ngày được hôn hít thằng kia vài ba lần quả là tuyệt đỉnh của niềm hoan lạc. Được tha hồ thỏa mãn tình dục - điều đó đã biến cảnh tù đày thành cõi thiên đường của hắn. Còn thằng pê-đê kia cũng vậy. Tuổi nó khoảng hăm ba hăm lăm. Thân hình nó chẳng còn dáng dấp lực sĩ thiếu niên Hy Lạp bao nhiêu nữa. Nó đã bỏ công tránh ra nắng để giữ một nước da trắng như sữa, nhưng đến nay sắc đẹp của nó đã bắt đầu phôi pha rồi.

Nhưng ở trại khổ sai nó có được nhiều bồ hơn ở ngoài. Ngoài thằng bồ một là thằng A-rập ra, nó còn kiếm được khách trả hăm lăm quan một lần chơi, hệt như một con điếm ở phố Rochechouart khu Montmartre. Ngoài cái khoái cảm mà khách chơi đem lại cho nó, nó còn thu được món tiền đủ cho nó và "chồng" nó sống phong lưu. Cả lũ chúng nó cố tình ngập ngụa trong dâm ô, và kể từ ngày chúng đặt chân lên mảnh đất tù tội, đầu óc chúng chỉ biết có một lý tưởng là thỏa mãn được tình dục.

Viên biện lý đã làm rùm beng lên để khép tội chúng, đẩy chúng vào con đường thối rữa. Nhưng trong cảnh thối rữa đó, chúng lại tìm thấy hạnh phúc. Sau khi tấm ván đã được đóng lại sau đôi mông tròn của thằng pê-đê, chỉ còn lại ba đứa chúng tôi: Chang, Sylvain và tôi.

- Đi thôi. Chúng tôi nhanh chóng tiến về phía Bắc đảo

Chúng tôi đi vào hang lấy hai chiếc bè ra. Cả ba chúng tôi bị ướt như chuột ngay tức thì. Gió ào ào thổi, tiếng rít của nó là tiếng rít đặc biệt của gió lộng, của biển khơi giận dữ. Sylvain và Chang giúp tôi đưa bè lên đỉnh mỏm đá. Phút cuối cùng, tôi quyết định buộc chặt cổ tay trái của tôi vào sợi thừng buộc bao tải. Bỗng nhiên tôi sợ bị tách ra khỏi bao tải và bị cuốn ra xa nó. Chang cũng giúp Sylvain lên được tảng đá trước mặt tôi. Trăng đã lên cao, nên trông sáng như ban ngày. Tôi quấn một cái khăn mặt lên đầu. Chúng tôi phải đợi sáu con sóng. Hơn nửa giờ.

Chang đã đến gần tôi. Anh ôm cổ tôi. Anh nằm trên tảng đá và tựa vào một hốc đá thật chắc, anh nắm chân tôi để giúp tôi chịu được cú dập của Lisette.

- Chỉ còn con sóng này nữa là đến nó đấy, - Sylvain hét to.

Anh đứng trước bè của anh, đưa cả thân mình chống đỡ khối nước ập xuống anh. Tôi cũng ở trong tư thế như vậy, còn được tay không giữ thật chắc, nhưng anh quá căng thẳng, móng tay anh bấm ngập vào bắp vế tôi.

Con sóng Lisette đưa chúng tôi đi đã tới. Nó thẳng đứng như một cái tháp chuông nhà thờ. Với tiếng gầm váng óc quen thuộc, nó đập mạnh vào hai tảng đá và luồn mạnh về phía vách đá.

Tôi lao xuống trước bạn tôi một tích tắc. Sylvain cũng lao xuống gọn gàng không kém, và cả hai cái bè của chúng tôi cũng được Lisette hút ra khơi nhanh đến chóng mặt. Chưa đến năm phút sau, chúng tôi đã ở cách xa bờ hơn ba trăm mét. Sylvain chưa leo lên bè của anh. Hai phút sau, tôi đã ngồi trên bè của tôi. Chang chạy vội lên chiếc ghế của Dreyfus đứng dơ một chiếc khăn tay trắng để chào từ biệt. Chúng qua khỏi được điểm nguy hiểm, chỗ sóng tập trung lại để xô thẳng vào Đảo Quỷ. Những cơn sóng đẩy chúng tôi ra khơi dài hơn, gần như không có bọt, êm đến nỗi chúng tôi hòa với chúng làm một, tôi mà không bị xóc, không sợ bè bị lật.

Chúng tôi từ từ ra khơi một cách êm ái, lên xuống theo những lớp sóng cao thấp, vì thủy triều đang lấp xuống. Trên đỉnh cao một ngọn sóng, quay hẳn mặt lại tôi còn được trông thấy một lần nữa tấm khăn trắng của Chang. Sylvain cách tôi không xa, chừng năm mươi mét về phía trước. Anh dơ tay lên vẫy nhiều lần, tỏ ý vui mừng vì thắng lợi.

Đêm cũng dễ chịu, và chúng tôi cảm thấy sức hút của biển rất mạnh. Nước thủy triều vừa nãy cuốn chúng tôi ra khơi bây giờ lại đẩy chúng tôi về phía đất liền. Mặt trời đang mọc ở chân trời,

như vậy là đã sáu giờ. Chúng tôi đang ở thấp dưới mặt nước nên không trông thấy bờ. Nhưng tôi cũng nhận ra là chúng tôi ở rất xa các đảo vì, tuy mặt trời chiếu sáng các mỏm cao của đảo, chúng tôi chỉ thấy một khối lù lù, có thế thôi. Không thấy rõ nét các đảo, tôi cho là chúng ở cách đấy ít ra đến ba mươi ki-lô-mét. Tôi mỉm cười với thành công, với thắng lợi. Hay tôi thử ngồi lên chiếc bè xem sao nhỉ? Gió thổi vào lưng tôi, có thể đẩy tôi đi. Và tôi đã ngồi lên. Tôi gỡ sợi xích ra và cuốn một vòng quanh thắt lưng. Chiếc ốc bù-loong đã bôi mỡ làm trơn, dễ vặn chặt ốc ê-cu. Tôi hong tay trước gió cho chóng khô. Tôi tìm cách châm một điếu thuốc. Được rồi. Tôi hít những hơi đầu, thật dài, thật sâu và thở khói ra, từ từ. Tôi không còn sợ gì nữa. Và không cần phải mô tả những cơn đau quặn trong bụng tôi từ trước và trong thời gian bắt đầu hành động. Không, tôi không sợ gì cả, đến nỗi hút xong điếu thuốc, tôi quyết định ăn vài miếng cùi dừa. Tôi ngón một nắm lớn và lại hút một điếu thuốc nữa. Sylvain vẫn còn xa tôi. Thỉnh thoảng khi cả hai cùng ở trên đỉnh một ngọn sóng, chúng tôi có thể thoáng trông thấy nhau. Nắng gắt chiếu thẳng vào đầu làm cái sọ của tôi như sôi lên. Tôi ngâm khăn mặt xuống nước rồi quấn lên đầu. Tôi cởi áo va-rơi len ra. Tuy có gió nhưng tôi cũng thấy chết ngột trong chiếc áo này.

Trời đất ơi! bè của tôi vừa bị lật và tôi suýt chết đuối. Tôi uống phải hai hớp nước biển. Tuy cố hết sức tôi cũng không lật nổi cái

bao tải và leo lên trên được. Sau cùng tôi xoay nghiêng cái bao tải và tôi bơi đứng ở bên cạnh. Tôi đã thở được dễ dàng hơn. Tôi cố tháo hẳn sợi xích ra khỏi thắt lưng, nhưng mấy ngón tay của tôi không vặn nổi ốc ê-cu. Tôi phát cáu, có lẽ vì ngón tay tôi bị co quắp lại không còn đủ sức để vặn ốc nữa. Hú vía! Sau cùng, rồi cũng xong! Tôi vừa trải qua một giai đoạn ngặt nghèo. Tôi thật sự hoảng hồn tương không thể gỡ ra khỏi sợi xích được.
Tôi không buồn lật bè lại nữa. Mệt lả, tôi tự thấy không còn đủ sức làm việc ấy. Tôi leo lên bè. Thì ngồi trên đáy bây giờ đã lật lên thành phía trên, cũng có sao đâu! Tôi sẽ không trói mình vào bè với sợi xích hay với bất cứ cái gì nữa. Bây giờ tôi đã thấy rõ tôi buộc cổ tay tôi vào bè lúc bắt đầu khởi hành là ngu ngốc đến nhường nào. Việc ấy phải là một kinh nghiệm đối với tôi.
Nắng chiếu gay gắt làm cháy da tay và đùi tôi.
Mặt tôi nóng bừng bừng. Dấp nước vào còn tệ hại hơn, tôi nghĩ vậy, vì nước bốc hơi ngay tức khắc và tôi lại càng bị bỏng nặng hơn.
Gió đã dịu đi rất nhiều, và vì bây giờ sóng không cao nữa nên đi dễ chịu hơn nhưng chậm hơn. Cho nên gió to và biển động thế mà còn hơn là đẹp trời. Tôi bị chuột rút ở chân phải, đau đến nỗi tôi kêu toáng lên làm như thể có người nào ở quanh đấy có thể nghe thấy. Tôi lấy ngón tay làm dấu chữ thập lên chỗ đau, vì tôi nhớ bà tôi bảo làm như vậy sẽ qua được cơn đau. Cách chữa

bệnh lang vườn này thất bại thảm hại. Mặt trời đã ngả về Tây. Bây giờ chừng bốn giờ chiều, từ lúc bắt đầu đi, đây là cơn thủy triều thứ tư. Lần nước lên này như đẩy tôi vào bờ mạnh hơn.
Lúc này tôi trông thấy Sylvain thường xuyên và anh ta cũng trông thấy rõ tôi. Anh rất ít khi bị khuất vì sóng không xuống thấp lắm. Anh đã cởi áo sơ-mi và ở trần. Anh ta ra hiệu cho tôi. Anh ở trước tôi ba trăm mét về phía ngoài khơi. Hình như anh đang dùng tay chèo, vì xung quanh anh tôi thấy nước hơi sủi bọt. Có lẽ anh muốn hãm bè của anh cho đi chậm lại để tôi đến gần anh được. Tôi nằm dài trên bao tải và xúc tay xuống nước để chèo. Nếu anh ta hãm bè, còn tôi thì dấn lên, có lẽ khoảng cách giữa hai chúng tôi sẽ thu hẹp lại chăng?
Tôi đã chọn đúng bạn đường cho chuyến vượt ngục này, anh đã trăm phần trăm xứng đáng.
Tôi thôi không chèo bằng tay nữa. Tôi thấy mỏi. Tôi cần phải giữ sức. Tôi lại ăn và cố lật bè lại. Bọc thức ăn ở phía dưới, chai nước ngọt cũng vậy. Tôi đói và khát. Môi tôi đã nét nẻ và bỏng rộp lên: Cách tốt nhất để lật các bao tải là đeo lấy nó, đối diện với sóng rồi lấy chân đạp lúc nó lên đến đỉnh sóng.
Sau năm lần làm thử, tôi đã lật được bè lại. Tôi mệt lả vì đã cố gắng quá sức, và khó khăn lắm tôi mới leo nổi lên bè.
Mặt trời đã xuống sát chân trời, chẳng bao lâu nó sẽ lặn. Vậy là gần sáu giờ rồi. Cầu cho đêm đừng bị xáo động quá, vì tôi hiểu

rằng ngâm mình lâu dưới nước sẽ làm tôi mất sức. Sau khi ăn hai tảng cùi dừa, tôi tu một ngụm to nước đựng trong quả bầu của Santori. Thỏa thuê rồi, tôi hong tay trước gió cho tay khô, rồi lấy thuốc lá ra hút, rất khoan khoái. Trước khi trời sập tối, Sylvain vẫy khăn tay, tôi cũng vẫy lại, để chúc nhau ngủ ngon. Anh ta vẫn ở xa tôi như cũ. Tôi ngồi trên bè, hai chân duỗi dài. Tôi vừa vắt áo va rơi len của tôi cho kiệt nước, và mặc áo vào. áo dù ướt cũng giữ được ấm, mà mặt trời vừa lặn là tôi cảm thấy lạnhngay tức khắc. Gió đã trở mạnh. Chỉ còn những đám mây ở phía Tây còn được ánh sáng hồng ở chân trời chiếu sáng. Còn thì mọi vật đều chìm trong bóng tối đang mỗi lúc một xẩm đen hơn. ở phía đông, nơi gió thổi về, trời không có mây. Vậy là lúc này không sợ trời đổ mưa.

Tôi chẳng nghĩ đến gì ngoài việc ngồi cho chắc, đừng để bị đẫm nước một cách vô ích, và tôi tự hỏi, không biết khi đã mệt, nên buộc mình vào các bao tải hay là làm như vậy dễ nguy hiểm, do kinh nghiệm vừa qua của tôi. Rồi tôi nhận thấy tôi lúng túng là do sợi xích ngắn quá, một đầu để thừa vô ích, nó quấn vào dây thừng và dây thép của bao tải. Thu hồi đoạn đó cũng dễ. Tôi sẽ cử động thoải mái hơn. Tôi sửa lại sợi xích, và lại cuốn nó vào thắt lưng. Như vậy tôi thấy yên tâm hơn vì tôi rất sợ ngủ quên và để mất các bao tải.

Đúng, gió đã nổi lên cùng với sóng. Trò trượt lên trượt xuống

với sóng biển tiếp diễn, mỗi lúc khoảng cách giữa điểm cao nhất và điểm thấp nhất lại một tăng lên.

Đêm đã xuống hẳn. Bầu trời chi chít hàng triệu ngôi sao, và chòm sao Chữ thập phương Nam sáng hơn tất cả các sao khác. Tôi không trông thấy anh bạn của tôi. Đêm đầu tiên này rất quan trọng vì nếu vận may xui khiến cho gió thổi mạnh và đều suốt đêm, đến sáng mai, tôi đã đi được một đoạn đường khá dài. Càng về khuya, gió thổi càng mạnh. Trăng từ dưới biển từ từ mọc lên, một màu đỏ nâu, và khi lên cao rồi, nó lộ hẳn ra, to tướng, tròn vành vạnh, và tôi thấy rất rõ những đốm đen làm cho nó giống mặt người. Vậy là đã hơn mười giờ đêm. Trời mỗi lúc một sáng hơn. Trăng càng lên cao, ánh trăng càng sáng tỏ.

Đỉnh sóng nhuộm một màu bàng bạc và ánh phản xạ kỳ lạ của nó làm tôi chói mắt. Không thể không nhìn ánh phản chiếu bàng bạc này được nhưng quả thật nó làm cho mắt ta đã bị nắng và nước mặn kích thích lại càng khó chịu và nhức nhối thêm.

Dù tôi tự cho như vậy là quá nhiều, tôi vẫn không cưỡng lại được và tôi đã hút liền ba điếu thuốc.

Không có gì bất bình thường đối với chiếc bè trên biển sâu, nó cứ lên xuống đều đều không có vấn đề gì phải lo lắng. Tôi không thể duỗi mãi chân trên các bao tải vì tư thế ngồi đã mau chóng làm chân tôi bị chuột rút rất đau.

Dĩ nhiên, tôi luôn luôn bị ướt từ hông trở xuống. Ngực tôi gần

như khô ráo, gió đã làm khô áo va rơi của tôi và sau đó không có đợt sóng nào làm tôi bị ướt quá khoảng thắt lưng. Mắt tôi mỗi lúc một nhức hơn. Tôi nhắm mắt lại. Thỉnh thoảng tôi lại thiếp đi "Không được ngủ". Nói thì dễ, nhưng tôi không sao chống lại cơn buồn ngủ được. Mẹ kiếp? Tôi phải chống lại cái trạng thái đờ đẫn này. Và cứ mỗi lần trở lại với thực tại, tôi lại thấy đau nhói trong óc. Tôi lấy máy lửa ra. Thỉnh thoảng tôi lại để ngọn lửa sát cánh tay phải hay sát cổ cho bỏng da.

Một nỗi lo âu khủng khiếp tràn vào lòng tôi, tôi lấy hết nghị lực xua đuổi nó đi. Tôi sẽ ngủ thiếp đi chăng? Nhỡ ngã xuống nước, cái lạnh có làm tôi tỉnh dậy không? Tôi buộc người vào sợi xích là đúng. Tôi không thể để mất hai bao tải này, chúng là cuộc sống của tôi. Nếu bị lăn xuống nước mà tôi không tỉnh dậy thì quả là tai hại.

Vài phút qua, tôi lại bị ướt đẫm cả người. Một cơn sóng quái ác, chắc hẳn không chịu đi theo con đường đều đặn của các lớp sóng khác, đã dội vào tôi từ bên phải.

Con sóng đó không phải chỉ dội cho tôi ướt mà còn làm cho tôi quay ngang ra thành thử hai lớp sóng khác đi đúng hướng lại dội một mẻ nữa ướt từ đầu đến chân.

Đêm thứ hai đã khuya lắm rồi. Không biết mấy giờ? Theo vị trí mặt trăng bắt đầu ngả về tây, chắc phải hai ba giờ sáng. Chúng tôi ngâm mình trong nước đã năm lần thủy triều lên xuống, cả

thảy ba mươi giờ đồng hồ. Bị ướt thấu xương cũng có lợi cho tôi: cái lạnh làm tôi tỉnh hẳn. Tôi run bần bật, nhưng tôi lại mở được mắt mà không phải cố gắng lắm. Chân tôi bị tê cứng, và tôi quyết định thu chân vào sát dưới mông. Tôi dùng hai tay kéo từng chân một, cuối cùng tôi cũng ngồi lên được chân mình. Các ngón chân của tôi đã bị lạnh cóng, chúng có nóng lên được dưới thân tôi không?. Tôi ngồi xếp bằng tròn, giữ tư thế ấy thật lâu. Thay đổi cách ngồi cũng làm tôi dễ chịu. Tôi cố tìm Sylvain vì trăng chiếu mặt biển rất rõ. Chỉ có điều nó đã xuống thấp, lại chiếu thẳng vào mặt làm tôi khó nhận ra mọi vật. Tôi chẳng trông thấy gì. Sylvain không có gì để buộc người vào các bao tải, không biết anh còn ở trên đó không?

Tôi dõi tìm anh một cách tuyệt vọng. Vô ích. Gió thổi mạnh, nhưng thổi đều đều, không giật từng cơn, và điều ấy rất quan trọng. Tôi quen với nhịp độ của gió và cả người tôi hòa vào làm một với các bao tải của tôi. Cứ rõi mắt nhìn quanh mãi, dần dần tôi chỉ còn một ý nghĩ cố định trong đầu: trông thấy được bạn tôi. Tôi hong ngón tay cho gió thổi khô rồi tôi cho vào mồm thổi hết sức mạnh. Tôi lắng nghe. Không có tiếng đáp lại Sylvain có biết huýt sáo bằng ngón tay không? Tôi cũng không rõ nữa. Đáng lẽ tôi phải hỏi anh ta điều đó trước khi đi, cũng có thể làm hai cái còi tu huýt một cách dễ dàng! Tôi tự trách mình đã không nghĩ đến điều đó. Rồi tôi để hai tay trước mồm làm loa cất tiếng

hú rõ to: “Hú-ù! Hú-ù!”. Chỉ có tiếng gió và tiếng sóng đáp lại Không chờ thêm nữa, tôi đứng thẳng lên các bao tải, tay trái đỡ sợi xích, tôi giữ thăng bằng trong khi năm con sóng đưa tôi lên tận đỉnh cao. Khi lên đến tột đỉnh, tôi đứng thẳng, còn khi sóng đang hạ hay đang lên thì tôi ngồi xổm. Bên phải, bên trái, phía trước đều chẳng thấy gì. Sylvain có ở phía sau không? Tôi không dám đứng lên nhìn về phía sau. Tôi chỉ nhận ra một điều không nghi ngờ gì được là ở phía trái tôi có một đường dài đen sẫm dưới ánh sáng trăng. Chắc chắn đây là rừng.

Ban ngày hẳn là tôi sẽ trông thấy cây cối, điều đó sẽ làm tôi thấy dễ chịu. “Papi, ban ngày, mi sẽ trông thấy rừng. Lạy Chúa hãy làm cho tôi trông thấy cả bạn tôi nữa”.

Sau khi xoa bóp các ngón chân, tôi duỗi dài hai cẳng chân ra. Rồi tôi quyết định hong tay cho khô và hút thuốc. Tôi đã hút hai điếu. Không biết lúc này là mấy giờ? Trăng đã xuống thấp. Tôi không nhớ được đêm qua, nó lặn được bao lâu thì mặt trời mọc. Tôi nhắm mắt cố nhớ lại những hình ảnh của đêm đầu tiên. Nhưng vô ích. à, tôi đã nhớ ra rồi, Tôi chợt thấy rõ mặt trời mọc ở phía đông và cùng lúc đó, còn thấy được một mảnh trăng trên đường chân trời về phía tây. Như vậy là chắc độ năm giờ. Chùm sao chữ Thập phương Nam đã lặn từ lâu, Đại hùng tinh và Tiểu hùng tinh cũng vậy. Chỉ còn sao Bắc cực sáng hơn các vì sao khác. Từ lúc chùm sao Chừ Thập lặn, sao Bắc cực là chúa tể ở

trên trời.

Gió như bốc lên. Có thể nói nó thổi mạnh hơn lúc ban đêm. Vì sóng cũng mạnh và sâu hơn, và trên các ngọn sóng, những đám bọt trắng nhiều hơn lúc đầu hôm. Tôi ở trên biển đã được ba mươi giờ. Cho đến bây giờ, phải thừa nhận là mọi việc tốt nhiều hơn xấu, và ngày hôm nay mới là ngày gay go nhất.

Hôm qua, tôi đã bị phơi nắng chang chang ở ngoài trời từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều, và da bị nướng đi nướng lại nhiều lần. Hôm nay, mặt trời lại rọi vào tôi nữa, thật không phải chuyện đùa. Môi tôi đã nứt nẻ, thế mà giờ này vẫn còn là đêm, trời vẫn còn mát. Hai môi tôi nhức nhối không kém gì hai con mắt tôi. Cả cánh tay và bàn tay cũng thế. Nếu có thể, tôi sẽ không để hở tay cho nắng chiếu vào nữa. Một chỗ khác cũng làm tôi đau nhức là giữa hai bến bẹn và hậu môn. ở đấy không phải do ánh nắng trời mà do da ngấm nước biển, lại bị cọ xát với các bao tải.

Nhưng dù bị bỏng, anh bạn ơi, anh cũng là đang vượt ngục, và ở chỗ này còn hơn là chịu đựng đủ điều tệ hại ở trai khổ sai. Viễn cảnh tới được đất liền mà vẫn sống có đến chín mươi phần trăm, và thế là đã hay lắm rồi, chứ còn gì nữa? Dù cho tôi tới nơi, da có bị lột hết và nửa thân người có trơ cả thịt, cũng không phải là trả giá quá đắt cho một chuyến đi như thế này, với một kết quả như thế này. Anh bạn thấy không, chẳng thấy bóng một con cá mập nào: chúng đi nghỉ phép ở đâu cả rồi không biết? Anh bạn

đúng là gặp vận đỏ, không thể chối cãi được. Lần này rồi anh sẽ thấy là lần thành công thật sự. Trong tất cả các chuyên vượt ngục được tính giờ quá chính xác, được chuẩn bị quá kỹ càng, thì rốt cục, chuyến vượt ngục thành công lại là chuyến đi ngớ ngẩn nhất. Chỉ có hai bao tải đựng trái dừa, rồi phó mặc cho sóng và gió muốn đẩy đi đâu thì đẩy. Nó lại đẩy vào Đất Liền mới hay chứ. Chẳng cần phải tốt nghiệp ở trường võ bị Saint-Cyr ra mới biết được rằng tất cả các vật trôi giạt trên biển đều bị đẩy vào bờ. Nếu siốt ngày hôm nay gió và sóng cứ mạnh đều như đêm qua, chắc chắn chiều nay chúng tôi sẽ đến đất liền.

Con quái vật vùng nhiệt đới đa hiện lên sau lưng tôi. Hôm nay, nó có vẻ kiên quyết muốn thiêu cháy tất cả, vì trông nó rừng rực những lứa. Nó đuổi ánh trăng đi trong nháy mắt. Chưa ra khỏi chỗ nằm, nó đã chễm chệ chiếm ngôi bá chủ, làm vua cả vùng nhiệt đới mà không ai dám ho he. Mới thoáng một chút, gió đã gần như ấm hẳn lại. Chỉ một giờ nữa là sẽ nóng. Một cảm giác khoan khoái đầu tiên xâm chiếm lấy tôi. Những ánh nắng sớm vừa chạm vào da thịt tôi là tôi thấy dễ chịu hẳn, từ đầu đến thắt lưng. Tôi bỏ chiếc khăn mặt che đầu, để ánh mặt trời chiếu vào má tôi như sưởi lửa. Con quái vật đó, trước khi nung tôi lên, muốn tôi phải cảm thấy nó là sự sống trước khi là cái chết.

Máu tôi chảy đều trong các huyết mạch, và ngay cả hai bộ bắp đùi ướt nhễ nhại của tôi cũng cảm biết được dòng máu đầy sinh

khí bên trong.

Tôi thấy rất rõ cánh rừng rậm, dĩ nhiên là chỉ thấy được các ngọn cây. Tôi có cảm giác nó không còn xa. Tôi chờ cho mặt trời lên cao hơn chút nữa để đứng trên các bao tải xem có thấy Sylvain đâu không.

Chưa đến một giờ sau, mặt trời đã lên cao. Trời ơi đúng là nó rồi. Tôi không mở hẳn được mắt trái. Tôi lấy tay vốc nước xoa vào mắt. Cay quá. Tôi cởi áo va-rơi ra. Tôi sẽ ở trần chốc lát trước khi ánh nắng chiếu gay gắt quá.

Một lớp sóng cao hơn hẳn các lớp khác từ dưới sâu nâng bổng tôi lên. Sóng nhồi một nửa giây trước khi hạ xuống thấp, và tôi thoáng thấy anh bạn tôi. Anh ngồi trên bè của anh, mình trần. Anh không trông thấy tôi. Anh ở hơi chếch về phía trước, bên trái tôi, cách tôi chưa tới hai trăm mét. Gió vẫn thổi mạnh, cho nên tôi quyết định tiến lại gần anh, vì anh ở phía trước tôi cùng trên một đường thẳng, tôi xỏ tay vào áo va-rơi và giơ lên cao, mồm tôi cắn vạt áo phía dưới. Cái thứ buồm này chắc đẩy tôi đi nhanh hơn anh. Tôi căng buồm như vậy độ nửa giờ. Nhưng chiếc áo va-rơi làm tôi nhức răng, và sức lực bỏ ra để chống lại với gió làm tôi chóng mặt. Thế mà khi bỏ "buồm" xuống tôi vẫn còn cảm giác đã đi được nhanh hơn là để cho sóng đẩy.

Hoan hô? tôi vừa thấy được "anh bạn lớn" của tôi. Cách tôi chưa đầy một trăm mét. Nhưng anh ta làm gì thế kia? Anh không có

vẻ quan tâm xem tôi đang ở đâu. Khi một đợt sóng đưa bổng tôi lên khá cao, tôi trông thấy anh một, hai, ba lần. Tôi để ý thấy rõ ràng anh đưa tay phải lên mắt, đúng là anh đang quan sát mặt biển. Nhìn về phía sau đi, đồ ngốc! Chắc anh có nhìn, đúng là thế, nhưng anh không thấy gì cả.

Tôi đứng lên và huýt sáo. Khi sóng nhồi tôi lên cao, tôi thấy Sylvain ở trước tôi. Anh giơ áo va-rơi lên trời. Chúng tôi chào nhau đến hai mươi lần trước khi ngồi xuống. Cứ mỗi lần sóng nhồi lên là chúng tôi lại chào nhau, được cái may là anh ta cũng được sóng đưa lên cùng một lúc với tôi. Hai đợt sóng sau cùng, anh ta chỉ tay về phía cánh rừng già, mà bây giờ chúng tôi đã trông rõ các chi tiết. Rừng chỉ còn cách chúng tôi chưa đến mười ki-lô-mét. Tôi vừa mất thăng bằng ngã ngồi xuống mảng. Được trông thấy bạn và rừng gần như vậy, một niềm vui lớn lao tràn ngập lòng tôi. Tôi cảm động khóc òa lên như một dứa con nít. Nước mắt đã rửa sạch đôi mắt đầy ghèn của tôi, và qua những giọt nước mắt ấy, tôi thấy hàng ngàn những tinh thể đủ màu, tôi nghĩ vớ vẩn trông chúng giống như những tấm kính màu ở các cửa sổ nhà thờ. Hôm nay, Chúa lại đến với mi rồi, Papi ơi. Trước những hiện tượng quái gở của thiên nhiên, trước gió, biển rộng mênh mông, sông sâu thăm thẳm, rừng xanh oai nghiêm, con người cám thấy mình vô cùng nhỏ bé so với mọi vật xung quanh, và có lẽ không cần tìm ở đâu, người ta cũng gặp và sờ tay được

tới Thượng đế. Cũng như đêm đêm tôi đã từng sờ mó thấy được Thượng đế đế trong số hàng ngàn giờ tại các phòng giam khủng khiếp mà tôi đã bị nhốt vào, không có lấy một tia sáng, giờ đây tôi cũng nhìn thấy Thượng đế trong ánh nắng thiêu đốt những gì không đủ mạnh để chống lại nó, tôi đã sờ được vào Thượng đế, tôi cảm biết được Thượng đế ở quanh tôi, ở trong tôi. Chúa còn thủ thỉ nói bên tai tôi: "Con đang đau khổ và con sẽ còn phải đau khổ nữa, nhưng giờ đây ta quyết định sẽ đến cùng con. Con sẽ được tự do và sẽ là người thắng cuộc, ta hứa với con như vậy". Không được dạy dỗ gì về tôn giáo, không biết ất giáp gì về giáo lý Cơ đốc, dốt nát đến nỗi không biết cha đức Chúa Jesus là ai, mẹ Chúa có đúng là đức thánh bà đồng trinh Maria không, cha của ngài là thợ mộc hay người chăn lạc đà, dù dốt hoặc cán mai như vậy nhưng nếu thật sự tìm đến Chúa, thì người ta vẫn có thể nhận ra Người trong gió, trong biển, trong ánh mặt trời, trong chốn rừng sâu, trong các vì sao trong những con cá mà người đã tạo ra hằng hà sa số để nuôi sống con người.

Mặt trời đã nhanh chóng lên cao, gần mười giờ sáng. Người tôi từ thắt lưng trở lên đến đầu đã khô ráo, tôi thấm nước vào khăn mặt và cuốn lên đầu. Tôi lấy áo va-rơi để che thêm vì da ở vai, lưng và cánh tay bị bắt nắng làm tôi thấy rát bỏng. Cả đùi tôi, tuy vẫn ngâm dưới nước, cũng đỏ ối lên như con tôm luộc. Vì đã gần đất liền, sức hút mạnh hơn gấp bội, nên sóng xô thẳng đứng vào

bờ. Tôi nhận rõ các chi tiết của cánh rừng và tôi cảm thấy rằng chỉ trong buổi sáng nay, chỉ độ năm sáu giờ nữa chúng tôi sẽ vào sát bờ. Qua lần vượt ngục đầu tiên, tôi đã biết ước lượng khoảng cách. Khi nhìn rõ từng chi tiết được vật gì, thì chỉ còn cách xa vật đó chưa tới năm ki-lô-mét, thế mà ở đây tôi phân biệt được cả các thân cây lớn nhỏ khác nhau. Và trên đỉnh một con sóng cao hơn hết tôi nhận ra rất rõ một thân cây lớn nằm ngang, cành cây sà xuống cả mặt biển.

Kìa, lại có cá heo và chim! Cầu cho cá heo nô rỡn đẩy bè của tôi vào bờ. Tôi được nghe kể rằng cá heo có thói quen đẩy những mảnh thuyền vỡ và những người trôi giạt trên biển vào bờ, chúng còn thúc mõm vào người ta làm cho người ta chết đuối, mặc dầu chúng chỉ có một ý định tốt đẹp là giúp đỡ người bị nạn. Nhưng không, lũ cá đó, có đến ba bốn con lượn đi lượn lại đến ngửi xem đấy là cái gì rồi bỏ đi mà không đụng đến mảng của tôi. Thế là hết!

Đúng ngọ, mặt trời thẳng đứng trên đầu tôi. Cái thằng cha ấy muốn đun tôi làm nón xúp thịt nhừ chắc? Mắt tôi bị mưng mủ, trào nước mắt sống dàn dụa, mũi và môi tôi đã tróc hết da. Các lớp sóng đã ngắn dần và hung hãn xô vào bờ, tiếng đổ ầm ầm vang lên ỡ dội.

Tôi liên tục trông thấy Sylvain. Sóng không trũng xuống thấp, nên anh ta không lúc nào bị che lấp đi. Thỉnh thoảng anh quay lại

và đưa tay lên cao. Anh vẫn ở trần, khăn mặt cuốn trên đầu. Không phải những đợt sóng mà là những cuộn sóng đẩy chúng tôi vào bờ. Có một doi đất bị sóng xô vào ầm ầm nghe phát sợ, nhưng sau khi vượt qua doi đất tràn trề bọt sóng, chúng lao về phía cánh rừng.

Chúng tôi chỉ cách bờ chừng một ki-lô-mét nữa và tôi sẽ thấy rõ những con chim sắc trắng và hồng, có những cái mào trông rất quý phái, vừa đi vừa mổ xuống bùn. Có đến hàng ngàn con. Không con nào bay cao quá được hai mét. Chúng bay từng chặng ngắn là để khỏi bị bọt nước bắn phải. Nước biển đầy bọt, một màu vàng như bùn, nhớp nhúa. Chúng tôi đã vào gần bờ, và tôi nhận thấy rõ cả những đường vạch bẩn do nước để lại trên các thân cây khi thủy triều lên tới mức cao nhất.

Tiếng sóng không át nổi tiếng hàng ngàn con chim cao cẳng đủ màu sắc này kêu the thé. Păng? Păng, còn cách bờ hai ba mét nữa thôi. Plou! Thế là đã đến nơi rồi, tôi đã ở trên bùn, người khô ráo. Nước không đủ sâu để tôi có thể đứng được. Căn cứ vào vị trí mặt trời, bây giờ là hai giờ chiều. Tôi đã lênh đênh trên biển được bốn mươi giờ. Bắt đầu từ ngày hôm kia, vào lúc mười giờ đêm, sau khi nước rút được hai giờ. Vậy, đây là con nước thuỷ triều thứ bày, và tôi đến vào lúc khô ráo là phải, lúc này nước đang xuống. Nước bắt đầu lên vào lúc ba giờ. Đêm nay tôi sẽ vào tới rừng. Phải giữ sợi xích để không bị văng ra khỏi các

bao tải, vì nguy hiểm nhất là lúc sóng trào qua người tôi nhưng lại không cuốn tôi đi theo vì tôi đã nằm sát bùn. ít ra phải ba giờ nước dâng tôi mới nổi lên được.

Sylvain ở bên phải tôi, về phía trước chừng hơn một trăm mét. Anh trông về phía tôi và ra hiệu cho tôi. Tôi có cảm giác anh muốn nói lên điều gì nhưng cổ họng anh hình như không phát ra được tiếng nào, vì nếu có thì tôi đã nghe thấy rồi. Sóng cũng không cuộn vào nữa vì chúng tôi ở trên bãi bùn, chỉ có tiếng chim kêu đến tai chúng tôi. Chỗ tôi ở cách rừng chừng năm trăm mét mà Sylvain lại ở phía trước tôi chừng một trăm hay một trăm năm mươi mét. Nhưng cái thằng đại ngốc, nó đang làm gì thế kia? Nó đã đứng lên và rời khỏi cái mảng của nó. Nó điên hay sao vậy? Không thể đi trên bùn được, vì đi mỗi bước sẽ lại bị lún sâu hơn một chút, có thể không trở về mảng được. Tôi muốn huýt lên nhưng không huýt được. Bình đựng nước của tôi còn một ít nước, tôi đã uống hết rồi. Tôi cố kêu to để ngăn Sylvain lại, nhưng không thốt lên được một tiếng nào. Bọt khí từ dưới bùn sủi lên, đấy chỉ là một lớp móng, dưới nữa là bùn loãng và kẻ nào bị sa lầy xuống đây chắc chắn là không thể nào ngoi lên được nữa.

Sylvain quay về phía tôi, nhìn tôi và ra hiệu gì tôi không hiểu. Tôi cũng quơ tay làm hiệu, tôi muốn nói với anh ta "Đừng ra khỏi bè, cậu không thể tới được rừng đâu. Vì anh ta đứng phía

bên kia cái bao tải đựng trái dừa nên tôi không biết anh đứng cách nó xa hay gần. Thoạt tiên, tôi nghĩ anh đứng rất gần bè, và nếu có bị sa lầy, anh cũng bám được vào đấy. Rồi tôi chợt nhận thấy cái khoảng cách ấy hơi xa, và Sylvain đang lún xuống bùn, không rút chân lên được để trở về bè. Tôi nghe được một tiếng kêu, tôi vội nằm sấp xuống bao tải của tôi và xúc tay xuống bùn, lấy hết sức trườn lên phía trước. Các bao tải trượt đi dưới thân tôi, và tôi trườn lên được hơn hai mươi mét. Lúc bấy giờ tôi đứng dậy, nhìn hơi xiên về phía trái, không bị các bao tải của Sylvain che khuất, tôi thấy bạn tôi đã bị lún xuống bùn đến ngang bụng. Anh ta ở cách bè của anh tới hơn mười mét. Do khiếp sợ, tôi mới kêu lên được: “Sylvain, Sylvain, đừng nhúc nhích nữa, nằm dài xuống bùn đi, cố rút chân lên”. Gió đưa tiếng nói của tôi đi, và anh đã nghe được. Anh gật đầu ra hiệu là đã hiểu ý tôi. Tôi lại nằm sấp và cào vào bùn để cái bao tải của tôi trườn lên trước. Cơn giận dữ điên cuồng làm tôi có một sức mạnh phi thường, và tôi đã mau chóng tiến đến gần anh được ba mươi mét nữa. Chắc phải mất hơn một giờ, nhưng tôi đã đến rất gần Sylvain, có lẽ chỉ còn năm sáu trăm mét nữa. Tôi không nhìn rõ anh. Bàn tay, cánh tay và mặt tôi lấm lem đầy bùn, tôi ngồi lên cố chùi con mắt trái bị chất bùn lẫn muối mặn lọt vào, làm tôi không trông thấy gì cả, trong khi con mắt phải cũng bắt đầu là nước mắt làm tôi càng khó chịu thêm. Sau cùng tôi cũng nhìn

thấy anh, anh đứng thẳng, chỉ có thân trên nhô ra khỏi bùn. Cuộn sóng đầu tiên vừa ào qua, nó tràn qua người tôi mà không nhấc tôi lên, và còn lao đi một quãng nữa, bọt sóng lấp cả lớp bùn. Nó tràn tới chỗ Sylvain. Thân người anh vẫn nhô trên bãi bùn. Tôi nghĩ thật nhanh: "Các cuộn sóng càng tới nhiều, bùn càng loãng. Mình phải tới chỗ cậu ta bằng bất kỳ giá nào!". Một nghị lực như của loài dã thú sắp bị mất đàn con tràn vào tôi, và giống như một người mẹ đang cố giằng giật đứa con ra khỏi một tai họa sắp giáng lên đầu nó, tôi lấy hết sức bình sinh vục hai tay vào bùn để trườn tới chỗ Sylvain. Anh nhìn tôi không nói một lời, không cử động, mắt anh mở to trông vào tôi, trong khi tôi cũng nhìn anh chằm chằm. Tôi nhìn anh không chớp mắt, và tôi cũng chẳng quan tâm để ý xem tôi vục tay vào chỗ nào. Tôi lết đi được một chút nữa nhưng do hai đợt sóng vừa tràn qua người tôi, bùn lại loãng hơn và tôi tiến lên chậm hơn so với giờ trước nhiều. Một đợt sóng lớn lại ào qua làm tôi sặc nước và gần như bị nhấc bổng lên. Tôi ngồi dậy để trông cho rõ. Bùn đã lên đến nách Sylvain, tôi còn cách chỗ anh độ bốn mươi mét. Anh nhìn tôi hết sức chăm chú. Tôi thấy là anh biết mình đã bị sa lầy ở đấy và sắp chết một cách thảm hại, cách nơi đất hứa ba trăm mét.

Tôi lại nằm xuống, cố bám vào lớp bùn bây giờ đã gần loãng như nước. Mắt tôi và mắt anh như xoáy sâu vào nhau. Anh ra hiệu bảo tôi thôi, đừng ráng nữa. Tôi vẫn cứ cố, và tôi chỉ còn cách

anh chưa tới ba mươi mét thì một con sóng lớn tràn qua người tôi làm tôi suýt bị tách ra khỏi các bao tải, và nhấc bổng cái bao tải lên đẩy nó về phía trước được năm sáu mét. Khi con sóng đã qua đi tôi lại nhìn: Sylvain đã biến hẳn. Lớp bùn phủ dưới một váng nước mỏng nổi bọt đã phẳng lì. Không thấy cả bàn tay của anh bạn tội nghiệp của tôi đưa lên chào vĩnh biệt tôi. Phản ứng của tôi lúc bấy giờ là cái phản ứng khủng khiếp, ghê tởm của một con thú, bản năng tự bảo tồn đã át tất cả các tình cảm khác. Mi vẫn sống. Chỉ còn một mình mi, và khi đến được rừng, không có bạn, không dễ dàng hoàn thành chuyến vượt ngục đâu. Một đợt sóng bổ vào lưng tôi vì lúc này tôi đã ngồi dậy - nhắc nhở tôi trở về với thực tại. Nó đẩy tôi sấp mặt xuống mạnh đến nỗi tôi nghẹt thở mất vài phút.

Cái mảng trượt lên phía trước thêm vài mét, và bây giờ, nhìn lớp sóng tàn dần dưới gốc cây, tôi mới khóc Sylvain. “Giá cậu đừng động đậy có phải đã đến nơi rồi không, chỉ còn cách đám cây chưa đến ba trăm mét? Tại sao vậy! Hãy nói cho tôi biết tại sao cậu lại làm cái việc ngu ngốc ấy? Tại sao cậu lại tưởng lớp bùn khô dủ chắc để cậu có thể đi bộ đến tận bờ? Tại ánh nắng chăng? Tại cậu chói mắt? Tôi làm sao biết được? Cậu không thể chống lại được cảnh địa ngục ấy sao? Hãy nói lên cho tôi biết tại sao một con người như cậu lại không thể chịu khó dạn nắng thêm vài giờ nữa?”.

Những đợt sóng nối tiếp nhau liên tục, ầm ầm như tiếng sấm. Chúng ào tới, lớp sau tiếp lớn trước mỗi lúc một mau hơn, lớn hơn. Mỗi lần chúng xô đến, là tôi lại bị nước tràn qua người và mỗi lần như thế, tôi lại trôi thêm được vài mét, người vẫn áp sát vào bùn. Khoảng năm giờ chiều, bỗng nhiên những lớp sóng lăn tăn ấy biến thành sóng lớn, tôi bị nhấc bổng lên và nổi lềnh bềnh. Những lớp sóng ngầm hầu như không réo lên thành tiếng. Tiếng sấm của những đợt sóng đã ngừng. Bao tải của Sylvain đã được nước biển đẩy đến tận khu rừng.

Tôi đến nơi khá nhẹ nhàng, cách xa khu rừng nguyên thủy chưa đến hai mươi mét. Khi sóng rút ra tôi lại mắc cạn trên bùn, tôi quyết định không rời khỏi bao tải của tôi chừng nào tôi chưa nắm được một cành cây hay một sợi dây leo trong tay. Còn gần hai mươi mét nữa thôi. Phải gần một giờ, mới có được đợt sóng đủ mạnh để nhấc tôi lên và đẩy tôi vào rừng. Con sóng ầm ầm đến thẳng dưới gốc cây. Tôi vặn ốc bù loong sợi xích ra khỏi người. Tôi không vất nó đi, tôi còn cần đến nó.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Trong rừng

Trước khi mặt trời lặn, tôi vội vã tiến sâu vào rừng, vừa bơi, vừa đi vì ở đây vẫn còn lớp bùn cứ muốn hút lấy người ta. Nước vào rất sâu trong rừng, và đêm đã xuống, mà người tôi vẫn chưa khô. Một mùi thối úng sộc vào mũi tôi và thán khí bốc lên làm tôi bị cay mắt. Chân tôi ngập đầy cỏ và lá cây. Tôi vẫn đẩy cái bao tải của tôi. Mỗi lần tiến một bước, tôi lại lấy bàn chân dò khoảng đất ở dưới nước, chỉ khi nào không thấy đất lún, tôi mới bước lên. Tôi qua đêm đầu tiên trên một cây to. Rất nhiều con thú đi phía dưới tôi. Cả người tôi nóng hừng hực và như bị chín khắp nơi. Sau khi kéo bao tải lên thân cây và buộc chắc hai đầu vào cây, tôi lấy áo va-rơi ra mặc. Trong bao tải là nguồn sống, vì chỉ bổ dừa là tôi có cái ăn để lấy sức chịu đựng. Tôi buộc con dao phát vào cổ tay phải của tôi. Tôi nằm dài trên cây, người mệt lả, giữa hai cành cây tạo thành cái hốc, và tôi ngủ thiếp đi không kịp nghĩ đến bất cứ việc gì. Không, có lẽ tôi còn lẩm bẩm hai ba lần: "Tội nghiệp cho Sylvain" trước khi ngủ như chết.

Tiếng chim đã đánh thức tôi dậy. Nắng chiếu xiên ngang rất sâu vào rừng: Vậy thì bây giờ phải là bảy tám giờ sáng. Xung quanh tôi toàn là nước; vậy là nước thủy triều đang lên. Có thể là đợt nước lên lần thứ mười đang chấm dứt.

Tôi rời đảo Quỷ đã được sáu mươi giờ. Tôi không nhận ra chỗ tôi có ở xa biển không. Dù sao tôi cũng phải chờ cho nước rút để ra bờ biển hong cho khô người và tắm nắng. Tôi không còn nước ngọt. Tôi ăn nốt ba miếng cùi dừa còn lại rất ngon lành, tôi lấy dừa xoa lên các chỗ đau. Cùi dừa có chất dầu, làm dịu các vết bỏng của tôi. Rồi tôi hút hai điếu thuốc. Tôi lại nghĩ đến Sylvain lần này còn xót xa hơn. Trước hết, đáng lẽ tôi không nên rủ bạn cùng vượt ngục thì hơn? Vì tôi vẫn có tham vọng tự mình xoay xở lấy. Nếu vậy, sẽ không có gì thay đổi, chỉ có điều là một nỗi buồn mênh mông làm tim tôi thắt lại và tôi nhắm nghiền hai mắt, tưởng chừng làm như thế tôi sẽ không còn trông thấy cảnh bạn tôi sa lầy nữa. Đối với anh, thế là hết.

Tôi đã nhét chắc bao tải vào chạc cây, bắt đầu lấy trái dừa ra. Tôi lột vỏ được hai trái bằng lấy hết sức đập mạnh dừa vào thân cây giữa hai chân tôi. Phải đập ở khoảng đầu trái dừa mới bửa nó ra được. Dùng dao phạt càng tốt. Tôi ăn cả một trái dừa tươi và uống chút nước dừa ngọt lịm. Nước rút rất nhanh, và chỉ lát sau tôi đã có thể dễ dàng đi trên bùn để ra bãi biển.

ánh nắng thật rạng rỡ, và hôm nay biển đẹp không lấy gì so sánh

nổi. Tôi nhìn mãi về nơi mà tôi cho là Sylvain đã chìm xuống. Quần áo tôi đã khô, người tôi sau khi được kỳ cọ ở một hố nước mặn cũng đã khô. Hút xong một điếu thuốc, tôi nhìn lần cuối nơi đã chôn vùi bạn tôi, rồi đi vào rừng, bước không khó khăn lắm. Bao tải trên vai, tôi từ từ đi sâu vào lùm cây. Sau hai giờ, tôi thấy một khoảng đất mà nước không bao giờ tới. Dưới gốc cây, không có một vết tích gì chứng tỏ nước thủy triều tràn vào tận đây. Tôi sẽ cắm lại đây để nghỉ hẳn hai mươi bốn giờ. Tôi bổ dần các trái dừa, nạo cùi và cho tất cả vào xắc đề khi muốn là ăn được ngay. Tôi có thể châm lửa, nhưng tôi nghĩ làm như vậy là không thận trọng.

Phần còn lại của ngày và đêm hôm đó đã trôi qua vô sự Tiếng chim ồn ào đã đánh thức tôi dậy. Tôi nạo nốt cùi dừa rồi đi về hướng đông, vai mang xắc.

Khoảng ba giờ chiều, tôi thấy một con đường mòn. Đây là một con đường nhỏ của những người đi kiếm balata (một thứ nhựa cây thiên nhiên) hoặc đi khai thác gỗ, hoặc đi tiếp tế cho những người đi tìm vàng. Con đường hẹp nhưng quang đãng, không có những cành cây chắn ngang, nghĩa là thường có người đi lại. Thỉnh thoảng lại có vết chân lừa hay la không đóng móng. Những chỗ bùn đã khô, tôi để ý thấy có vết chân người, ngón cái hằn rất rõ nét trong đất sét. Tôi đi cho đến khi trời tối, miệng nhai cùi dừa vừa để nuôi dưỡng cơ thể vừa để khỏi khát. Thinh

thoảng tôi nhai thật kỹ chất bã có dầu lẫn nước miếng và lấy chất bã đó xoa lên mũi, môi và má. Mắt tôi đầy mủ, hai mí cứ dán vào nhau. Mỗi lần có dịp là tôi rửa bằng nước ngọt. Trong bao tải của tôi, cùng các trái dừa, còn có cả một cái hộp, kín nước không thấm được, ở trong có một miếng xà phòng Marseille, một con dao cạo hiệu Gillette mười hai lưỡi dao lam và một cái chổi cạo râu, tôi đã thu hồi được cái hộp đó nguyên vẹn.

Tôi bước đi, tay cầm con dao phạt nhưng không có chướng ngại. Tôi để ý thấy ven đường có những cành cây mang những vết chặt còn mới. Trên con đường mòn này, có người đi lại, tôi phải thận trọng hơn. Rừng ở đây không giống như rừng mà tôi được biết trong chuyến vượt ngục đầu tiên ở Saint-Laurent-du-Maroni. Rừng này có hai tầng cây và không rậm rạp như ở Maroni. Tầng cây thứ nhất cao độ năm, sáu mét, và cao hơn nữa là tầng trên cùng, cao đến hai mươi mét. Chỉ phía bên phải con đường mòn là còn sáng. Bên trái tối âm u như thể ban đêm.

Tôi đi nhanh, thỉnh thoảng lại qua một khoảng trống do người làm cháy rừng hoặc sét đánh gây ra. Tôi nhận thấy có những tia nắng. Độ nghiêng của ánh nắng chứng tỏ là mặt trời sắp lặn. Tôi quay lưng lại phía mặt trời và đi về hướng đông, nghĩa là phía làng của người da đen ở Kourou hay trại giam tù cũng mang tên ấy.

Đêm đến đột ngột. Tôi không thể đi đêm được, bèn vào rừng để

tìm chỗ ngủ.

Cách lối mòn hơn ba mươi mét. dưới một đùm lá phẳng như là chuối, tôi dùng dao phạt chặt những tàu lá ấy để trải chỗ nằm. Chỗ tôi nằm rất khô ráo. Cũng may mà trời không mưa. Tôi hút hai điếu thuốc.

Chiều nay tôi không mệt lắm. Cùi dừa giữ sức cho tôi và tôi không thấy đói. Tôi chỉ khát đến khô cổ, toi cố làm cho nước bọt là ra nhưng cũng khó khăn. Giai đoạn hai của chuyến vượt ngục đã bắt đầu, đây là đêm thứ ba tôi ở trên đất liền mà không gặp phải sự kiện gì khó chịu đến với tôi.

Chà! Nếu có Sylvain bên cạnh tôi! Nhưng anh không còn nữa, biết làm sao bây giờ? Trên đời này mi không bao giờ cần có người khuyên bảo hay nâng đỡ mi cơ mà? Mi là chỉ huy hay là lính trơn? Dừng có nghĩ vớ vẩn Papillon, nếu không phải vì nỗi buồn thường tình vì mất bạn, dù một mình ở trong rừng, mi cũng vẫn mạnh không kém ai. Bọn ở đảo Royale, Saint-Joseph và đảo Quỷ đã xa rồi, mi chia tay với chúng đã được sáu ngày. Bọn ở Kourou chắc đã được báo tin rồi. Trước hết bọn gác Lâm trường, rồi đến bọn da đen ở lán đều biết. Chắc phải có một đồn cảnh binh ở đó. Liệu đi về hướng làng có gì nguy hiểm không? Tôi không biết gì về vùng lân cận làng này. Trại giam nằm dính giữa làng và sông. Tôi chỉ biết có thế và Kourou.

ở Royale, tôi đã tính bắt người đầu tiên tôi gặp phải dẫn tôi đến

gần trại Inini, nơi của các phạm nhân người tàu, và là nơi ở của Quých-Quých, anh của Chang. Tại sao tôi lại thay đổi kế hoạch nhỉ? Nếu ở đảo Quỷ, bọn chúng cho là chúng tôi bị chết đuối thì không có chuyện rùm beng. Nếu chúng xác nhận là có cuộc vượt ngục thì ở Kourou lại nguy hiểm. Vì đây là lâm trường nên chắc phải lắm dân A-rập và sẽ có rất nhiều kẻ đi săn người. Papi, cẩn thận kẻo bị chúng tóm được đấy. Không được phạm sai lầm. Đừng để bị kẹp chả đấy. Mi phải trông thấy người ta trước, bất kể người đó là ai, trước khi người ta trông thấy mi. Kết luận là không được phép đi trên đường mòn mà phải đi trong rừng, song song với con đường nọ. Hôm nay, mi đã phạm sai lầm khá lớn là cứ nhông nhông đi trên con đường ấy, mà chỉ có một vũ khí duy hất là con dao phạt. Như thế không phải là vô ý thức mà là điên rồ. Vậy là ngày mai tôi phải đi trong rừng.

Tiếng thú và tiếng chim hót chào mừng ngày mới đã đánh thức tôi dậy rất sớm, tôi bừng tỉnh cùng một lúc với rừng cây. Một ngày mới cũng đắt đầu đối với tôi. Tôi bỏ một nắm cùi dừa vào miệng và nhai thật kỹ. Tôi lấy bã ra để xoa lên mặt, rồi xuất phát. Dưới lùm cây sát bên đường, tôi đi hơi khó, vì tuy dây leo và cành cây không nhiều và rậm lắm, cũng phải gạt sang một bên mới tiến lên được. Dù sao tôi không di trên đường là phải vì tôi chợt nghe có tiếng huýt sáo. Con đường có một đoạn thẳng dài năm mươi mét. Tôi không trông thấy người huýt sáo. á! y đến

đây rồi. Đó là một người da đen Tombouctou. Y vác một bọc trên vai và tay phải y cầm một khẩu súng trường. Mình y mặc áo sơ mi ka ki, quần cụt, đùi để trần và chân đi đất. Y cúi đầu xuống đất, lưng trĩu dưới sức nặng của bọc đồ to kềnh càng.

Tôi nấp sau một cây to ngay bên cạnh đường, tay cầm con dao, chờ y đến ngang chỗ tôi. Y vừa bước tới cây đó thì tôi lao vào y. Tay phải tôi chộp lấy tay cầm súng của y và tôi vặn tréo tay y làm y phải buông súng "Đừng giết tôi! Vì Chúa, xin hãy thương tôi!" Y vẫn đứng thẳng, mũi dao của tôi kề sát cổ y. Tôi cùi xuống nhặt cây súng lên, đấy là một khẩu súng cổ lỗ sĩ một nòng, chắc đã tọng thuốc nổ và chì đầy ắp.

Tôi lên cò và lùi lại hai mét, ra lệnh:

- Hạ cái dao xuống, để dưới đất. Mày mà chạy là tao bắn chết ngay!

Thằng da đen khiếp đảm, làm theo lời tôi. Rồi hắn nhìn tôi. Ông vượt ngục phải không?

- Phải.

- Ông muốn gì? Tôi có gì, ông lấy hết đi. Nhưng xin ông đừng giết tôi. Tôi có năm con. Ông làm phúc cho tôi được sống.

- Im mồm! Tên mày là gì?

- Jean.

- Mày đi đâu?

- Tôi mang thức ăn và thuốc men cho hai anh tôi đang chặt củi

trong rừng.

- Mày từ đâu đến?

- Từ Kourou.

- Mày có phải ở làng này không?

- Tôi đẻ ở đây.

- Mày có biết trại Inini không?

- Có tôi thỉnh thoảng vẫn buôn bán với người Tàu ở trại giam.

- Mày có thấy cái này không?

- Cái gì đấy?

- Một tờ giấy bạc năm trăm francs. Mày hãy chọn đi: hoặc tao bảo gì mày làm thế, thì tao sẽ cho mày năm trăm francs và trả súng cho mày, còn nếu mày từ chối hay tìm cách đánh lừa tao, tao sẽ giết mày. Hãy chọn đi.

- Tôi phải làm gì nào? Ông cứ bảo đi, tôi sẽ làm hết, dù không được gì.

- Mày hãy dẫn tao cho an toàn đến gần trại Inini. Sau khi tao gặp được một người Tàu, mày có thể đi. Bằng lòng không?

- Tôi đồng ý.

- Đừng có đánh lừa tao, không thì chết đấy.

- Không đâu, tôi thề sẽ giúp ông một cách trung thực.

Gã đa đen có mang một thùng sữa hộp. Y lấy ra sáu hộp đưa cho tôi cùng một mẩu bánh mì và một miếng mỡ lá đã hun khói.

- Đem bao tải của mày dấu vào rừng đi mày sẽ trở lại lấy sau.

Tao lấy dao đánh dấu để mày nhớ chỗ nhé.
Tôi uống một hộp sữa. Y còn cho tôi một cái quần dài và một cái áo thợ màu xanh. Tôi mặc cả hai vào người tay vẫn không rời khẩu súng.
- Đi trước đi. Jean. Chú ý, cẩn thận đừng để ai trông thấy chúng ta vì nếu ta bị ai bắt gặp, đấy là lỗi tại mày và lúc ấy tao phải cho mày chết.
Jean biết cách đi trong rừng hay hơn tôi, vì y tránh cành cây và dây leo rất khéo nên tôi khó nhọc mới theo kịp y.
- Ông phải biết rằng ở Kourou, người ta được báo tin là có hai tên ở đảo đã vượt ngục. Vì vậy tôi thành thật nói với ông, nếu chúng ta đi gần trại giam Kourou thì nguy hiểm lắm.
- Mày có vẻ tốt và thật thà. Tao hy vọng không lầm. Mày hãy cho tao biết đến Inini bằng cách nào là tốt nhất? Mày phải nghĩ rằng tao được an toàn thì mày được sống vì nếu tao bị bọn cai tù hay bọn đi săn người bắt gặp là tao buộc lòng phải giết mày đấy.
- Tôi phải gọi ông là gì?
- Tao là Papillon.
- Được rồi, thưa ông Papillon. Phải đi hẳn vào rừng và tránh xa đường mòn. Tôi bảo đảm sẽ đưa ông đến Kourou bằng cách băng qua rừng. Tao tin vào mày đấy. Đi đường nào mày thấy chắc chắn nhất.
Đi trong rừng chậm hơn, nhưng từ khi rời con đường mòn, tôi

cảm thấy gã da đen bớt căng thẳng. Y không ra nhiều mồ hôi nữa, nét mặt y cũng không co rúm lại, y như yên tâm hơn.

- Jean này, tao thấy hình như bây giờ mày bớt sợ rồi phải không?

- Đúng thế, ông Papillon ạ. Đi gần đường mòn nguy hiểm cho ông lắm, nghĩa là nguy hiểm cả cho tôi. Chúng tôi đi nhanh. Gã da đen này thông minh, không bao giờ y đi cách tôi xa quá ba bốn mét.

- Dừng lại đã, để tao cuốn điếu thuốc.

- Có bao Gauloises đây.

- Cảm ơn Jean, mày tốt lắm.

- Đúng là tôi rất tốt. Tôi theo đạo, và khi thấy các giám thị da trắng đối xử với các tù nhân ra sao tôi cũng khổ tâm lắm.

- Mày được thấy nhiều cảnh ấy lắm à? ở đâu? ở lâm trường Kourou. Thấy họ chết dần chết mòn vì phải chặt củi, vì sốt rét và kiết lỵ, thật là thương tâm. Các ông ở đảo khá hơn. Đây là lần đầu tiên tôi trông thấy một tù nhân được khỏe mạnh như ông đấy.

- Đúng, ở đảo khá hơn.

Chúng tôi ngồi một lát trên một cành cây to, tôi đưa cho y một hộp sữa. Y từ chối, y thích nhai cùi dừa hơn.

- Vợ mày còn trẻ không?

- Còn trẻ, mới ba mươi tuổi. Tôi bốn mươi. Chúng tôi được năm con, ba gái, hai trai.

- Mày kiếm đủ ăn không?
- Tôi làm gỗ hồng tâm, cũng kiếm được; vợ tôi giặt và ủi đồ cho các giám thị. Cũng đỡ được chút đỉnh. Chúng nó cũng có giầy đi.
Tội nghiệp cho anh chàng da đen đã nghĩ rằng khi các con y có giày đi là mọi việc đều tốt đẹp. Y to gần bằng tôi, bộ mặt da đen của y trông cũng dễ có cảm tình. Trái lại, mắt y dễ lộ rõ ràng y có những tình cảm tốt đẹp. Đó là một con người lành mạnh, một người cha tốt, một người chồng tốt, một tín đồ của đạo cơ đốc.
- Còn ông thế nào, ông Papillon?
- Tôi đang tìm cách sống lại. Tôi bị chôn sống đã mười năm nay, tôi đã mấy lần vượt ngục để có ngày được tự do như anh, để được sống bên cạnh vợ con và tôi sẽ không làm hại cho ai, ngay cả trong ý nghĩ. Anh đã nói ra rồi đấy, chốn lao tù này thối nát lắm, và người biết tự trọng phải tìm cách trốn khỏi vũng bùn ấy.
- Tôi sẽ hết lòng giúp ông thành công. Ta lên đường thôi.
Với giác quan định hướng rất tài tình, không do dự chút nào trên đường đi Jean dẫn thẳng tôi về phía khu trại của người Tàu.
Trời tối được hai giờ thì chúng tôi đến nơi. Từ xa đã nghe thấy tiếng đập, không thấy có ánh đèn. Jean giải thích cho tôi hiểu là muốn đến thật gần trại, phải tránh một hay hai tiền đồn nữa.
Chúng tôi quyết định dừng lại để qua đêm. Tôi mệt nhoài, tưởng chết được chỉ sợ ngủ quên mất. Nếu tôi nhận định làm anh chàng da đen này thì sao? Nếu y đóng kịch chờ tôi ngủ, rồi cướp lại

khẩu súng và giết tôi chết thì sao? Giết được tôi y có hai cái lợi: trừ bỏ được tôi là một nguy cơ đối với y, và còn được thưởng vì đã giết được một tên tù vượt ngục. Phải, y rất thông minh. Y không nói gì, cũng không chờ đợi lâu la mà nằm ngủ say. Tôi vẫn giữ sợi xích và cái bù-loong. Tôi định trói y lại, rồi tôi lại nghĩ, y có thể tháo ốc bù-loong ra cũng như tôi vậy, và nếu y làm cẩn thận, nếu tôi ngu quá say, tôi sẽ không biết gì. Trước hết tôi cố thức. Tôi có nguyên cả một bao thuốc Gauloises. Tôi biết cách làm để không ngủ gục. Tôi không thể phó thác mình cho một người dù sao cũng thuộc loại lương thiện và do đó phải xếp tôi vào loại gian phi.

Đêm đen nghịt, y nằm cách tôi hai mét, tôi chỉ nhận ra được đôi gan bàn chân trắng của y. Ban đêm, rừng có những tiếng động riêng biệt của nó, tiếng hú liên tục của loài khỉ có bướu to, tiếng hú khàn khàn và rất mạnh, vang xa đến hàng cây số. Tiếng đó rất quan trọng, vì nó đều đều thì có nghĩa là bầy của chúng có thể yên tâm ăn hay ngủ. Nếu nó biểu hiện nỗi lo sợ hay mối nguy cơ, như vậy, là quanh đấy có thú dữ hay người.

Toàn thân căng thẳng, tôi không phải cố gắng lắm cũng giữ để mình không ngủ thiếp đi, nhờ vài lần dí thuốc lá đang cháy vào da và nhất là nhờ đàn muỗi chừng muốn hút hết máu của tôi. Nếu tôi dùng nước bọt trộn với ni-cô-tin xoa lên vai, tôi cũng có thể tránh không bị chúng đốt. Nhưng nếu xoa thứ nhựa ni-cô-tin

này mà tránh được muỗi đốt thì tôi lại ngủ mất. Chỉ cầu sao cho đàn muỗi này không mang vi trùng sốt rết hay bệnh sốt vàng. Thế là tôi thoát ra được con đường thối rữa có lẽ mới chỉ tạm thời. Khi tôi bước vào đấy là năm 1931, tôi mới hai mươi lăm tuổi. Bây giờ là năm 1941, đã mười năm qua. Vào năm 1932, Pradel, lão biện lý không tim với một bản buộc tội tàn nhân và vô nhân đạo đã ném tôi vào cái giếng khơi là nơi ao tù này.
Nó là cái hố đầy thứ nước lầy nhầy sẽ làm tôi phải tan rữa dần dần và hiến thành hư không. Cuối cùng, tôi cũng thực hiện thành công được phần đầu của cuộc vượt ngục. Tôi đã từ đấy giếng ngoi lên và đang ở trên bờ giếng. Tôi phải tập trung hết nghị lực và trí thông minh của mình để giành phần thắng ở hiệp hai.
Đêm trôi đi từ từ nhưng cũng đã qua, và tôi cũng không ngủ. Tay không rời khẩu súng, tôi tỉnh táo được là do bị muỗi đốt, và không một lần nào đánh rơi súng. Tôi hài lòng về mình vì đã không vì mệt mỏi mà bất cẩn để có thể bị mất tự do, tinh thần của tôi đã mạnh hơn vật chất. Tôi vui mừng khi nghe tiếng chim hót báo hiệu ngày sắp rạng. Mấy con chim dậy sớm hơn những con khác ấy là khúc dạo đầu báo hiệu ngày tới liền sau đó.
Gã da đen vươn vai ngồi dậy và xoa chân.
- Chào ông, ông có ngủ được không?
- Tôi không ngủ.
- Ông ngốc quá, vì tôi đã bảo đảm là ông không phải lo gì về tôi.

Tôi đã quyết định giúp ông để ông đạt được dự tính của ông mà
- Cám ơn anh, Jean. ánh nắng sắp chiếu đến đây chưa?
- Độ một giờ nữa. Chỉ có thú vật mới thấy được nó trước khi trời sáng, trước cả người.
- Độ một giờ nữa là sáng rõ ông Papillon ạ. Ông đưa tôi mượn con dao của ông.
Tôi đưa ngay dao cho y không do dự, y đi vài ba bước chặt một cành cây có nước, đưa cho tôi một đoạn dài và giữ lại khúc kia.
- Ông uống nước trong cành cây đi, rồi lấy nước ấy mà rửa mặt.
Với cái bình đựng nước kỳ lạ ấy, tôi uống và rửa mặt. Trời đã sáng rõ. Jean trả lại tôi con dao. Tôi châm một điếu thuốc và Jean cũng hút. Chúng tôi lại lên đường. Sau mấy lần lội bì bõm trong những vũng bùn rộng rất khó vượt qua, gần giữa trưa, chúng tôi đã đến vùng lân cận trại giam Inini mà không gặp chuyện gì, dù lành hay dữ.
Chúng tôi đến gần một con đường lớn dẫn tới trại. Một con đường sắt hẹp chạy dọc bên khoảng đất rộng đã được phát quang. Jean cho tôi biết con đường sắt này chỉ có những chuyên xe goòng do người Tàu đẩy đi qua. Những chuyến xe goòng đó lăn bánh ầm ầm, nghe được từ xa. Chúng tôi đã thấy một toa xe goòng đi ngang, trên đặt một chiếc ghế băng, có hai tên lính ngồi. Đằng sau là hai người Tàu cầm hai cây gỗ dài dùng để hãm xe. Bánh xe lăn làm tóe ra những tia lửa. Jean nói cho tôi rõ là

gậy có một đầu bịt sắt, để đẩy goòng đi hay hãm lại.
Con đường sắt rất đông người đi lại. Những người Tàu, người thì vác những cuộn dây rừng, người thì vác heo rừng, người thì lại vác hàng bó lá dừa. Tất cả đều như đi về hướng trại giam. Jean nói với tôi là có nhiều lý do để đi vào rừng: đi săn, đi kiếm mây làm bàn ghế, kiếm lá dừa để đan những tấm phên che cho vườn rau khỏi bị nắng, rồi đi bắt bướm, bắt muỗi, bắt rắn v v
Có một số người Tàu được phép vào rừng mỗi lần vài giờ sau khi đã làm xong công việc chính quyền. Họ đều phải về trước năm giờ chiều.
- Jean ơi, đây, năm năm francs và cây súng (trước đó tôi đã đổ hết thuốc súng ra). Tôi đã có con dao và cây dao phạt rồi. Anh đi đi. Cảm ơn anh. Cầu Chúa ban thưởng cho anh khá hơn tôi, vì anh đã giúp đỡ một người đau khổ đang tìm cách sống lại. Anh trung thực lắm, cảm ơn anh lần nữa. Tôi mong rằng khi anh kể lại chuyện này cho cái con anh, anh sẽ nói với chúng: Người tù khổ sai này có vẻ là người tử tế, bố không hối hận vì đã giúp người ấy.
- Ông Papillon ơi, đã muộn rồi, tôi không đi được xa trước khi trời tối. Ông cứ giữ lấy khẩu súng, tôi sẽ ở lại với ông cho đến sáng mai. Nếu ông muốn, tự tôi sẽ kêu người Tàu nào ông ưng để đi báo tin cho Quých-Quých. Người ấy sẽ không sợ mấy nếu gặp một người tù da trắng vượt ngục. Ông cứ để tôi ra đường

lớn. Nếu có ai xuất hiện, dù là lính họ cũng không cho việc tôi có mặt ở đây là bất thường. Tôi nói là tôi đến đây để xem có gỗ hồng tâm cho xí nghiệp gỗ "Synphorien" ở Cayenne không, ông cứ tin tôi đi. Nếu thế thì anh cầm lấy chúng, vì đi rừng mà không mang súng cũng kỳ.

- Phải rồi.

Jean đứng ngay giữa đường. Khi thấy người Tàu nào ưng ý, tôi sẽ khẽ huýt sáo.

- Chào Me-xừ - một người tàu già bé nhỏ, vai vác một thân cây chuối, chắc là một cây cái dừa, ăn rất ngon, chào bằng thổ ngừ.

Ông già bé nhỏ này lại chào Jean trước. Tôi ưng ý nên đã huýt sáo * (*ở đoạn này nhân vật nói tiếng Tây bồi - ND.).

- Chào bác. Dừng lại một chút tôi có chuyện muốn nói.

- Me-xừ muốn gì? - ông già đứng lại.

Họ nói với nhau gần năm phút. Tôi không nghe được chuyện họ nói với nhau. Lại hai người Tàu khác đi qua, họ khiêng một con nai cái to buộc vào một cây đòn dài, thân treo ngược, đầu thõng xuống đất. Họ đi qua mà không chào anh da đen nhưng nói vài câu với đồng hương bằng tiếng Tàu, ông già đáp lại vài ba câu. Jean dẫn ông già vào rừng, đến chỗ tôi. Đến gần tôi, ông đưa tay ra.

- Anh vượt ngục hả?

- Phải.

- Từ đâu đi?

- Đảo Quỷ

Tốt! - ông ta cười và mở to cặp mắt xếch nhìn tôi - Tốt lắm, anh tên gì?

- Papillon

- Tôi không biết.

- Tôi bạn của Chang. Chang Vô Kiện, anh em với Quých-Quých.

- A, tốt lắm - Rồi ông lại bắt tay tôi lần nữa - Anh muốn gì?

Báo cho Quých biết là tôi chờ anh ấy ở đây.

Không thể được.

Tại sao?

- Quých-Quých ăn cắp sáu cục vịt của xếp trại.

Xếp trại muốn giết Quých-Quých, Quých-Quých trốn rồi.

- Trốn được bao lâu?

- Hai tháng.

- Đi đường biển?

- Tôi không biết, tôi bây giờ về trại nói chuyện với người Tàu khác cũng là bạn thân của Quých-Quých. Anh đừng đi, cứ ở đây. Đêm nay, tôi đến.

- Mấy giờ?

- Tôi không biết nhưng tôi còn đem thức ăn, thuốc lá lại đây cho anh nữa, anh đừng đốt lửa nhé. Tôi sẽ thổi sáo bìa "Ma-đơ-lông". Khi anh nghe thấy bài đó, anh hãy ra đường lớn, hiểu không?

Biết!

Rồi ông quay đi.

- Anh thấy thế nào, Jean?

- Chưa mất gì đâu, vì nếu ông muốn, chúng ta có thể quay về Kourou, tôi sẽ kiếm cho ông một chiếc thuyền độc mộc, thức ăn và buồm để đi ra biển.

- Jean ơi, tôi đi rất xa, không thể đi một mình được. Cảm ơn đề nghị của anh. Cùng lắm, tôi mới nhận. Ban nãy người Tàu có cho chúng tôi một súc bắp cải dừa lớn, chúng tôi ăn ngay. Nó mát ngon có hương vị hạt phỉ rất đậm. Jean thức để canh, tôi đã tin anh ta. Tôi xoa bã thuốc lá vào mặt và hai bàn tay vì muỗi đã bắt đầu đốt. Jean đã đánh thức tôi dậy.

- Papillon, có tiếng huýt sáo bài "Ma-đờ-lông".

- Mấy giờ rồi?

- Chưa khuya, có lẽ chín giờ.

Chúng tôi đi ra đường. Trời tối đen. Người huýt sáo đã tới gần, tôi đáp lại, ông ta đến gần hơn, chúng tôi đứng gần sát nhau mà tôi chẳng trông thấy gì. Cứ huýt mãi, chúng tôi đã gặp được nhau. Họ có ba người. Từng người một đến gần nắm lấy tay tôi. Chẳng bao lâu nữa trăng sẽ lên.

- Chúng ta ngồi xuống bên đường này đi, một người trong bọn họ nói tiếng Pháp rất thạo. - Ngồi trong bóng tối, không sợ ai nhìn thấy đâu. Jean đã ra ngồi với chúng tôi.

- Ăn trước đi, xong rồi sẽ nói, - người có vẻ học thức trong bọn họ nói. Jean và tôi ăn một tô xúp rau rất nóng. Chúng tôi thấy ấm người và quyết định để lại một phần thức ăn để ăn sau. Chúng tôi uống trà đường có vị bạc hà ngon tuyệt.

- Anh là bạn thân của Cha.ng à?

- Phải, anh ấy báo tôi đến kiếm Quých-Quých để cùng vượt ngục với nhau. Tôi đã có lần vượt ngục di rất xa, đến tận Colombia. Tôi đi biển giỏi lắm, vì vậy Chang muốn tôi đưa anh của anh ấy đi. Anh ấy tin tôi.

- Tốt lắm. Chang xăm những gì trên người?

- ở ngực, một con rồng, bàn tay trái, ba dấu chấm. Anh nói ba cái dấu đó chỉ rõ anh ấy là một trong các thủ lĩnh cầm đầu cuộc nổi loạn ở Côn Đảo. Người bạn thân nhất của anh ấy cũng là một người chủ huy cuộc nổi loạn, anh này tên là Văn Huê, anh này bị cụt một tay.

- Tôi đây, - người trí thức nói. - Chắc chắn anh là bạn của Chang rồi, do đó cũng là bạn của chúng tôi. Quých-Quých chưa đi biển được vì không biết lái tàu. Sau nữa, vì anh ấy có một mình, anh ấy ở trong rừng cách đây chừng mười kilômét. Anh ấy làm than củi, các bạn giúp anh bán than rồi đưa tiền cho anh ấy. Khi dành dụm đủ tiền, anh ấy sẽ mua một cái ghe và kiếm người để cùng vượt ngục. Anh đang ở chỗ không có gì nguy hiểm cả. Không ai có thể đến được cái vũng cù lao mà anh ấy đang ở, vì xung

quanh toàn là bùn loãng. Người nào không biết đường mà đi liều thế nào cũng bị sa xuống bùn. Hừng đông là tôi đến tìm anh để dẫn anh tới chỗ Quých-Quých. Bây giờ anh đi với chúng tôi. Chúng tôi đi bên ven đường, vì trăng đã lên và trời đủ sáng để có thể trông xa tới năm mươi mét về phía trước. Đến một cái cầu gỗ, anh nói với tôi:

- Anh xuống dưới cầu mà ngủ. Sớm mai, tôi sẽ đến tìm anh.

Chúng tôi bắt tay nhau và họ ra về. Họ đi công khai, trường hợp có bị ai trông thấy, họ nói là họ vào thăm các bẫy đặt trong rừng lúc ban ngày, Jean nói với tôi

- Papillon, anh đừng ngủ ở đây, tôi sẽ gọi anh.

- Phải rồi. - Tôi đi vào rừng và sau khi hút vài điếu thuốc, tôi ngủ ngay, sung sướng vì được ăn đẫy món xúp ngon.

Trước khi trời sáng, Văn Huê đã đến chỗ hẹn. Để đỡ mất thì giờ, chúng tôi đi trên đường cho đến lúc trời sáng bạch. Chúng tôi rảo bước hơn bốn mươi phút. Trời đột ngột bừng sáng và từ xa đã nghe được tiếng xe goòng lăn trên đường sắt. Chúng tôi vào rừng để đi.

Từ biệt Jean nhé, cảm ơn anh, chúc anh may mắn. Cầu Chúa ban phước lành cho anh và cả gia đình anh. Tôi cố ép anh nhận năm trăm francs. Anh chỉ cho tôi cách nếu không thành công với Quých-Quých thì trở về làng anh ta như thế nào, đi vòng ra sao để lại đến được con đường mòn mà tôi đã gặp anh. Anh phải đi

qua đấy, mỗi tuần hai lần. Tôi nắm tay anh da đen cao thượng, và anh nhảy lên mặt đường.

“Đi thôi” - Văn Huê vừa đi vào rừng vừa nói. - Anh tìm ra hướng đi ngay. không chần chừ, và chúng tôi đi khá nhanh vì rừng không rậm lắm. Anh tránh dùng dao chặt cành cây hay các dây leo làm vướng lối đi Anh chỉ gạt chúng sang bên.

Chưa đến ba giờ sau, chúng tôi đã đến trước một cái ao đầy bùn. Trên mặt lớp bùn là những cây hoa sen và những tàu lá xanh và to. Chúng tôi đi theo mép bùn.

- Cẩn thận đừng có trượt chân đấy, nếu bị ngã xuống là không mong lên được đâu, - Văn Huê vừa thấy tôi đi loạng choạng đã cảnh cáo tôi.

- Anh cứ đi đi, tôi theo anh, và tôi sẽ cẩn thận hơn.

Trước mặt tôi là một hòn đảo nhỏ, cách xa chừng một trăm năm

mươi mét. Từ giữa cái đảo tí hon ấy, khói hốc lên. Chắc đấy là chỗ đốt than. Tôi nhận thấy có một con cá sấu nằm trong bùn, chỉ có cặp mắt ló ra. Không biết con cá sấu này ăn gì để sống trong đống bùn này.

Sau khi đi bộ hơn một kilômét dọc bờ ao có bùn này. Văn Huê dừng lại và cất tiếng hát một bài hát Tàu. Một bóng người hiện ra bên kia đảo. Đó là một người nhỏ nhắn, chỉ vận một cái quần cụt. Hai người nói chuyện với nhau rất lâu, tôi bắt đầu thấy sốt ruột thì vừa may họ cũng ngừng nói.

- Đi lối này - Văn Huê bảo tôi.

Tôi đi theo anh, chúng tôi lại lộn ra.

- Mọi việc tốt cả. Đây là bạn Quých-Quých, Quých-Quých đi săn cũng sắp về rồi, ta phải đợi ở đây.

Chúng tôi ngồi xuống. Chưa đầy một giờ sau, Quých-Quých về. Đó là một người nhỏ và gầy, da vàng, răng nhuộm gần như đen bóng, có cặp mắt thông minh và thẳng thắn.

- Anh là bạn của Chang em tôi?

- Phải.

- Tốt lắm. Anh về được rồi đấy, Văn Huê ạ.

- Cảm ơn anh, - Văn Huê nói.

- Anh cầm con gà gô này về đi.

- Tôi không lấy đâu, cảm ơn anh. - Anh bắt tay tôi rồi quay đi.

Quých-Quých kéo tôi đi theo con heo cứ chạy trước anh. Anh

theo sát nó từng bước.
- Anh hãy chú ý đấy Papillon. Xảy chân, bước lỡ một bước là anh bị sa lầy ngay. Trường hợp bị nạn, không ai có thể cứu được vì không phải một mà cả hai cũng tiêu luôn. Đường đi lại thay đổi luôn vì bùn cứ xê dịch hoài, nhưng con heo vẫn tìm được lối đi. Có một lần, tôi phải chờ hai ngày mới đi qua được.
Quả vậy, con heo đánh hơi và nhanh chóng vượt qua quãng bùn. Anh người Tàu nói với nó bằng tiếng mẹ đẻ. Tôi di theo ngỡ ngàng vì thấy con vật nhô bé này nghe lời anh như một con chó. Con heo đã đi qua được bên kia mà không lần nào lún sâu quá vài phân. Anh bạn mới của tôi cũng mau chân theo nó và nói: Anh bước theo bước chân tôi nhé. Phải đi rất nhanh vì những vết chân heo bị lấp rất chóng. Chúng tôi qua ao bùn không khó lắm. Không lúc nào bùn ngập quá bắp chân tôi, mà có ngập đến bắp chân thì cũng chí ở đoạn cuối thôi.
Con heo đi hai khúc quành dài, làm chúng tôi buộc lòng phải đi trên lớp đất chắc ấy một quãng dài hơn hai trăm mét. Mồ hôi tôi chảy dòng dòng khắp người. Nói là tôi sợ thật chưa đủ. Phải nói là kinh hoàng mới đúng.
Đi quãng đường đầu tiên, tôi tự hỏi không biết số mạng tôi có phải chết như Sylvain không. Tôi như lại trông thấy anh bạn khốn khổ ấy trong giai đoạn cuối cùng, và tuy rất tỉnh táo tôi nhận rõ người anh nhưng mặt lại hao hao giống tôi. Cảm giác

của tôi khi tôi đi qua đoạn đường đó thật là ghê sợ. Tôi không dễ quên ngay.

- Đưa tay cho tôi - Và Quých-Quých, anh chàng bé nhỏ chỉ có xương và da, đã giúp tôi leo lên bờ.

- Anh bạn ơi, bọn đi săn người không tới đây lùng chúng ta đâu nhỉ.

- ồ anh yên tâm về chuyện này.

Chúng tôi đi sâu vào đáo: Một mùi thán khí xộc vào họng tôi. Tôi ho. Đấy là mùi khói của hai cái lò đốt than đang bốc cháy ở đây tôi không còn sợ muỗi. Một cái lán nhỏ, lợp lá, vách cũng bằng lá kết lại với nhau, đứng trước gió, chung quanh mù mịt khói. Có một cửa vào, và đứng trước cứa là cái ông già người Đông-dương bé nhỏ mà tôi đã trông thấy trước khi gặp Quých-Quých.

- Chào me-xừ.

- Nói tiếng Pháp với anh ấy, đừng dùng tiếng địa phương, anh ta là bạn của em tôi đấy.

Ông già người Tàu, bé quắt một mẩu, nhìn tôi từ đầu đến chân. Hài lòng về cuộc quan sát của mình, ông chìa tay ra cho tôi, miệng mỉm cười móm mém. Vào đi ngồi xuống đây.

Cái bếp duy nhất này trông rất sạch sẽ. Trên bếp là một cái nồi to không biết đun nấu gì. Chỉ có một cái giường bằng cành cây đan với nhau, cao cách mặt đất ít nhất là một mét.

- Ông giúp tôi làm thế nào cho anh ấy có chỗ ngủ đêm nay đi.
- Được rồi,.
Chưa đầy nữa giờ sau, chỗ nằm của tôi đã xong. Hai người Tàu dọn thức ăn ra và chúng tôi ăn một món xúp tuyệt ngon, rồi cơm trắng với thịt nấu hành. Ông bạn Quých-Quých là người đi bán than củi. Ông ta không ở lại đảo, vì vậy tối đến, chỉ còn lại Quých-Quých và tôi.
- Phải, tôi đã lấy trộm cả bầy vịt của trại trưởng, vì vậy tôi phải vượt ngục.
Chúng tôi ngồi đối diện với nhau ngọn lửa nhỏ chốc chốc lại bốc lên soi sáng mặt chúng tôi. Mặt Quých-Quých không vàng hắn. Do phơi nắng, màu vàng tự nhiên đã chuyển thành màu đồng đỏ. Mắt anh xếch, đen nhánh, khi anh nói với ai là mắt anh nhìn thẳng vào mắt người ấy. Anh hút những điếu xì- gà dài mà anh dùng lá thuốc đen cuốn lấy. Tôi vẫn cuốn thuốc lá bằng tấm giấy bản mà anh cắt cho tôi.
- Tôi phải trốn vì trại trưởng, chủ đàn vịt, muốn giết chết tôi, chuyện ấy cách đây đã ba tháng. Khổ một cái là tôi thua bạc, không chỉ mất hết tiền bán vịt mà mất cả tiền bán than của hai lò than này.
- Anh chơi ở đâu?
- Chơi trong rừng. Đêm nào cũng đánh với mấy anh Tàu ở trại Inini và mấy anh tù mãn hạn từ bên Thác sang.

- Anh đã quyết định vượt biển chưa?

- Tôi chỉ mong có thế. Khi tôi bán được than củi, tôi tính mua một chiếc ghe, tìm một người biết lái chịu đi với tôi. Nhưng trong ba tuần nữa, ta bán than rồi là có thể mua một chiếc ghe và đi đường biển, vì anh biết lái mà.

- Tôi có tiền đây, anh Quých-Quých ạ, không cần phải chờ bán được than mới mua thuyền.

- Thế thì hay. Có một chiến thuyền tốt lắm, một ngàn năm trăm francs, của một người da đen làm nghề bổ củi bán.

- Anh đã coi chưa?

- Rồi.

- Nhưng tôi cũng muốn xem.

- Mai, tôi sẽ đi gặp Sô-cô-la, tôi vẫn gọi hắn như vậy Papillon ạ, anh kể cho tôi nghe chuyện vượt ngục của anh đi. Tôi tưởng không thể nào vượt ngục từ đảo Quỷ đi được. Sao Chang không đi cùng anh?

Tôi kể với anh chuyện vượt ngục, con sóng Lisette, cái chết của Silvain.

- Tôi hiểu tại sao Chang không muốn đi với anh. Thật là quá mạo hiểm. Số anh đỏ lắm đấy, cho nên anh mới sống sót mà tới đây được. Tôi mừng cho anh lắm.

Quých-Quých và tôi trò chuyện với nhau đã ba giờ.

Chúng tôi ngủ sớm vì anh muốn đi tìm Sô-cô-la ngay lúc hừng

đông. Sau khi đặt vào bếp một cành cây to để nó cháy suốt đêm, chúng tôi ngủ. Khói làm tôi ho và tắc cả mũi, nhưng có điều lợi là không có lấy một con muỗi.

Nằm trên giường, đắp chăn ấm, tôi nhắm nghiền mắt. Tôi không sao ngủ được. Tôi bị căng thẳng quá. Đúng là chuyến vượt ngục diễn ra thật tốt đẹp. Nếu tàu tốt chỉ tám ngày nưa là tôi sẽ ra khơi. Quých-Quých nhỏ và gầy, nhưng anh có sức mạnh phi thường, và sức chịu đựng của anh có thể vượt qua được mọi thứ thách. Chắc chắn là anh trung thực và đàng hoàng đối với bạn, nhưng có thể anh cũng rất tàn nhẫn với kẻ thù. Khó mà nhận xét được điều gì trên mặt một người á đông, nó chẳng bộc lộ chút gì hết. Tuy vậy, mắt anh đã nói thay anh.

Tôi ngủ thiếp đi và mơ thấy biển khơi tràn đầy ánh nắng, tàu của tôi tưng bừng vượt sóng trên đường đi tới tự do.

Anh uổng cà-phê hay trà?

- Thế anh uống gì?

- Tôi uống trà.

- Vậy cho tôi trà.

Trời vừa ló sáng, lửa vẫn cháy từ đêm qua, nước reo trong xoong. Một con gà vui mừng cất tiếng gáy. Chung quanh chúng tôi không có tiếng chim kêu, chắc chắn khói đã làm chúng bạt đi mất. Con heo đen nằm trên giường với Quých-Quých. Con heo chắc làm biếng lắm, vì đến giờ nó vẫn còn ngủ. Những miếng

bánh tráng làm bằng bột gạo đang được nướng trên than hồng. Sau khi pha trà đường, anh bạn tôi cắt bánh làm đôi, phết mỡ rồi đưa cho tôi. Chúng tôi ăn một bữa thịnh soạn. Tôi ăn ba chiếc bánh tráng đã được nướng kỹ.

- Tôi đi đây, anh theo tôi ra nhé. Nếu có ai kêu hay huýt sáo, đừng trả lời. Anh không phải lo, không ai đến đây được. Nhưng nếu anh ra chỗ mép bùn, anh có thể bị chết đấy.

Con heo đã dậy theo tiếng gọi của chủ. Nó ăn, uống rồi ra ngoài, chủ nó đi theo nó. Nó đến thẳng nơi có bùn. Nó đi xuống cách đoạn đường chúng tôi tới đây hôm qua hơi xa hơn một chút. Đi được vài chục mét, nó quay lại: nó không ưng lối này. Sau khi dò thứ ba lần, nó mới vượt qua chỗ bùn. Quých-Quých theo ngay nó, không e ngại, và đã tới được chỗ đất rắn. Mãi tận chiều, Quých-Quých mới về. Tôi ăn một mình món súp anh đã đặt trên đống lửa. Sau khi nhặt được tám quả trứng trong chuồng gà, tôi lấy mỡ làm một đĩa ba quả trứng ốp-lết. Gió đã đổi chiều và khói ở hai lò bên lán đã bay về hướng khác. Buổi chiều trời mưa, tôi nằm trên giường gỗ của tôi, tôi không bị thán khí làm cho khó chịu.

Buổi sớm, tôi dạo một vòng quanh đảo. Khoảng giữa đảo có một khu đất trống khá rộng, cây đổ và củi bổ tại đó chứng tỏ là Quých-Quých lấy gỗ ở đấy để đốt thành than. Tôi còn thấy một cái hố có đất sét trắng, chắc anh moi lên để phết vào gỗ làm cho

nó cháy không thành ngọn. Lũ gà kiếm ăn ở khu đất trống. Một con chuột kếch xù chạy vụt dưới chân tôi, và cách đấy vài thước, tôi thấy một con rắn dài gần hai mét đã chết.

Chắc hẳn con chuột đã cắn chết con rắn.

Suốt ngày hôm ấy, ở một mình trên đảo, tôi khám phá hết cái nọ đến cái kia. Ví dụ, tôi gặp một gia đình những con ăn kiến. Một mẹ và ba con. Một tổ kiến to đang sôi sục quanh chỗ chúng. Hơn một tá khỉ rất nhỏ nhảy từ cành nọ sang cành kia trên khoảng đất trống.

- Tôi không gặp Sô-cô-la, cũng không thấy chiếc thuyền. Chắc anh về làng ở vùng Thác mua thực phẩm. Anh ăn đủ chưa?

- Rồi.

- Anh còn muốn ăn nữa không?

- Không.

Tôi mang về cho anh hai gói thuốc đen, loại sợi to của lính: vì chỉ có thứ này.

- Cảm ơn anh, thứ này được rồi. Khi Sôcôla đi vắng, thường anh ta ở lại làng mấy ngày?

- Hai ba ngày, nhưng mai tôi lại đi, ngày nào tôi cũng đi, vì tôi không biết anh ta đi lúc nào.

Hôm sau trời mưa tầm tã. Nhưng Quých-Quých vẫn trần truồng đội mưa ra đi. Anh bọc quần áo trong một tấm vải sơn cắp dưới nách. Tôi không tiễn chân anh. “Anh đừng đi làm gì cho ướt”.

Anh nói với tôi thế. Mưa đã tạnh. Nhìn mặt trời, tôi biết là đã mười một giờ. Lò than thứ hai bị nước mưa làm sập. Tôi tới gần để ước lượng tai họa này. Mưa xối xả cũng không làm tắt hết củi. Vẫn còn khói từ trong cái đống dị hình đó bốc lên. Bỗng tôi dụi mắt rồi nhìn lần nữa vì những thứ tôi trông thấy thật bất ngờ: trong lò than có năm chiếc giày. Trông rõ ngay là mỗi chiếc giày đều đặt thẳng đứng trên gót, đều được sỏ vào một cái chân còn nguyên từ bàn chân lên đến bắp. Như vậy là có ba người bị thiêu trong lò. Không cần phải mô tả phản ứng đầu tiên của tôi: khám phá ra chuyện này tôi thấy lành lạnh ờ sống lưng. Tôi cúi xuống lấy chân bới chút tàn than cháy dở, thì thấy bàn chân thứ sáu. Quých-Quých cũng ghê thật, anh đã biến những người anh giết hàng loạt thành tro bụi. Tôi bị xúc động đến nỗi phải rời khỏi lò than ngay ra tận khu bãi trống đế có chút ánh nắng. Tôi cần phải được sưởi nóng. Đúng, trong không khí ngột ngạt này, tôi bỗng thấy lạnh và cần phải có một chút mặt trời nhiệt đới. Đọc đến đây, chắc độc giả cho là chuyện vô lý: đáng lẽ sau khi khám phá ra việc này, tôi phải toát mồ hôi mới phải. Thế mà không, tôi thấy lạnh cóng người, về tinh thần và thể chất. Rất lâu, đến một tiếng đồng hồ sau, mồ hôi mới bắt đầu chảy trên trán tôi vì càng nghĩ, tôi càng thấy rằng, tôi đã nói với anh ta là tôi có rất nhiều tiền dấu ở trong plan thế mà đến bây giờ tôi vẫn còn sống thì thật là một điều kỳ diệu. Phải chăng anh ta để dành tôi cho một cái lò

đốt than thứ ba?

Tôi nhớ là Chang em của anh đã nói với tôi là anh bị kết án về tội ăn cướp và giết người trên một chiếc thuyền buồm. Khi họ tấn công một chiếc tàu để cướp của, họ giết cả gia đình, tất nhiên là vin vào những lý do chính trị. Vậy thì đây là những người đã quen giết người hàng loạt. Thế mà tôi lại bị cầm giữ ở đây. Tôi ở trong một hoàn cảnh thật gay go. Thứ điểm lại tình hình xem sao. Nếu tôi giết Quých-Quých trên đảo này rồi cho xác anh vào lò than, không ai hay biết được. Nhưng con heo lại không chịu nghe tôi con heo được rèn luyện này cũng không hiểu tiếng Pháp. Vậy là không có cách nào ra khỏi đảo. Nếu tôi ép buộc được anh Tàu này nghe theo tôi, thì sau khi bắt anh đưa tôi ra khỏi đảo, tôi sẽ giết anh trên đất liền. Nếu tôi ném anh xuống bùn, anh sẽ biến mất, nhưng chắc anh phải có lý do gì để thiêu những người này mà không ném xác họ xuống bùn, làm thế dễ hơn nhiều. Bọn cai tù, tôi đếch sợ, nhưng nếu các bạn Tàu của anh khám phá ra là tôi đã giết anh, họ sẽ thành kẻ đi săn người. Họ lại thông thạo địa thế ở đây. Như vậy, bị họ đuổi theo chẳng phải là chuyện hay hớm gì.

Quých-Quých chỉ có khẩu súng trường một nòng, nạp đạn từ phía đầu nòng. Anh không chịu rời nó, kể cả lúc nấu ăn, lúc ngủ và ngay cả khi đi ngoài anh cũng mang súng theo. Tôi có con dao lúc nào cũng mở sẵn nhưng tôi còn phải ngủ. Thế mà anh lại

là người tôi chọn để cùng vượt ngục đấy, thật oái oăm. Cả ngày hôm ấy tôi không ăn. Và khi tôi nghe tiếng anh hát, tôi cũng chưa quyết định làm gì. Quých-Quých đã trở về. Nấp sau các cành cây tôi thấy anh đi tới. Anh mang một cái bọc đặt thăng bằng trên đầu và khi anh đến bên tôi, tôi mới ló ra. Anh tươi cười đưa tôi gói đồ bọc trong cái bao bột mì, leo lên rồi đi vội vào nhà. Tôi đi theo anh.

- Tin mừng, Papillon ạ, Sô-cô- la đã về rồi, thuyền vẫn còn. Anh ta nói là tàu có thể chở được hơn năm trăm kí-lô mà vẫn nổi. Thứ anh đang cần là những bao bột mì để ghép lại thành buồm chính và một buồm mui. Đây là bọc hàng đầu tiên. Nhưng thứ còn lại mai ta sẽ lấy về nốt, vì anh sẽ đi xem thuyền với tôi.

Quých-Quých vừa đi vừa nói, không quay mặt lại.

Chúng tôi nối gót nhau đi. Trước tiên là con heo, rồi đến anh ta, còn tôi đi sau cùng. Tôi khoáng nghĩ rất nhanh là anh không có vẻ gì có ý định cho tôi vào lò than, vì ngày mai anh sẽ đưa tôi đi xem thuyền, và anh đã bắt đầu tiêu pha để chuẩn bị cho cuộc vượt ngục: anh còn mua cả những bao bột mì.

- Một cái lò bị sập đổ kìa. Chắc tại trời mưa.

- Mưa nhiều quá nên cũng chẳng có gì là lạ.

Anh cũng không ra thăm lò, cứ đi thẳng về lán. Tôi không biết nói gì, cũng không biết nên làm gì. Coi như không trông thấy gì cũng không xong. chẳng lẽ suốt ngày tôi lại không mò đến gần lò

ở cách lán có hai mươi lăm mét, nghĩ cũng kỳ.

- Anh để tắt lửa đấy à?

- Phải, tôi chẳng đề ý đến nữa.

- Anh đã ăn chưa?

- Chưa, tôi không đói.

- Anh bệnh à?

- Không.

- Thế tại sao anh không ăn súp đi?

- Quých-Quých, anh ngồi xuống dây, tôi có chuyện muốn nói với anh.

- Để tôi châm lửa đã.

- Đừng. Tôi muốn nói chuyện với anh ngay, trong lúc trời còn sáng.

- Có điều gì vậy?

- Có điều]à lò sập đã để lộ ba cái xác người bị anh thiêu trong đó. Anh bày giải thích cho tôi nghe việc này.

- à! Thảo nào tôi thấy mặt anh là lạ.

Không lộ vẻ xúc động chút nào, anh nhìn thẳng tôi nói:

- Sau khi nhìn thấy như vậy, anh không yên tâm phải không? Tôi hiểu, chuyện dĩ nhiên thôi. Cũng may cho tôi là anh chưa đâm vào lưng tôi. Anh Pappillon, ba thằng cha ấy là ba thằng đi săn người. Và tuần qua, mười hôm thì đúng hơn, tôi bán một mớ củi cho Sô-cô-la. Ông người Tàu mà anh đã thấy, giúp tôi đưa các

bao than ra khỏi đảo. Chuyện này rắc rối lắm: chúng tôi dùng thừng dài hơn hai trăm mét kéo những bao than cho trượt trên bùn. Đại khái là như vậy. Từ đây đến một con lạch nhỏ, thuyền của Sô-cô-la đậu ở đấy. Chúng tôi đã để lại rất nhiều dấu vết, mấy cái bao rách đã để rơi vài cục than. Thế là bắt đầu xuất hiện kẻ săn người đầu tiên. Nghe thú kêu, tôi biết là trong rừng có người. Tôi thấy được thằng cha nọ, nó lại không trông thấy tôi. Tôi lén đi qua phía bên kia đáo, vòng sau lưng nó đánh bất ngờ, chẳng có gì khó. Nó bị giết chết mà không hề biết ai giết mình. Tôi để ý nhận thấy các xác chết nắm xuống bùn sau vài ngày lại nổi lên, cho nên tôi mang nó về đây, cho vào lò.

- Còn hai người kia là thế nào?

Chuyện xáy ra ba ngày trước khi anh đến đây. Đêm ấy tối đen như mực và hoàn toàn im ắng, điều này ít khi thấy ở rừng lắm. Hai thằng này ở bờ ao từ chập tối. Một đứa hễ bị khói bay tới là lên cơn ho. Do có những tiếng ho mà tôi biết là có chúng ở đấy. Trước khi trời sáng, tôi đánh liều đi qua phía trước mặt, chỗ bùn mà tôi đã nhớ là có tiếng ho. Muốn cho nhanh, như tôi đã nói với anh, tôi đã cắt cổ tên săn người đầu tiên. Nó không kêu được một tiếng. Còn thằng sau nó, có một khẩu súng săn, nó chỉ lo nhìn về phía trên đảo xem có chuyện gì xảy ra, nên đã để tôi trông thấy. Tôi cho nó một phát súng, và thấy nó chưa chết hẳn, tôi lại bồi thêm cho nó một nhát dao vào tim. Đấy là ba thằng mà anh đã

trông thấy trong lò than đấy Papillon ạ Một thằng A-rập và hai thằng Pháp. Vác chúng lên vai mà đi qua đống bùn không phải dễ. Chúng nặng lắm, cho nên tôi phải đi làm hai chuyến. Rồi tôi cũng cho nó vào lò được.

- Chuyện xảy ra đúng như vậy chứ?

- Đúng thế, Papillon, tôi thề với anh ấy.

- Tại sao anh không cho chúng xuống bùn?

- Tôi đã nói rồi, bùn đẩy xác chết lên. Thỉnh thoảng có con nai bị rớt xuống đấy, chỉ một tuần sau, nó lại nổi lên. Hôi thối lắm, mãi đến khi kền kền đến ăn mới hết mùi. Phải lâu lắm, tiếng kền kền kêu và bay lượn làm cho người ta tò mò tìm đến. Papillon ơi, tôi thề với anh là đi với tôi anh không phải sợ gì. Đây để anh yên tâm, anh cầm lấy khẩu súng này, nếu anh muốn. Tôi muốn nhận khẩu súng đến chết, nhưng tôi đã nén được và tôi cố hết sức nói thật tự nhiên:

- Tôi không cầm đâu anh Quých-Quých, tôi đến đây vì tôi cảm thấy được bảo đảm, như đến với một người bạn. Ngày mai anh phải thiêu tiếp mấy tên săn người ấy cho hết dấu vết đi. Dù tôi không có mặt ở đây tôi cũng không muốn bị buộc tội là đã giết ba người.

- Được, mai tôi sẽ thiêu nữa. Nhưng anh yên trí. không ai đặt chân được lên đảo này. Không thể có ai dám qua đây nếu không muốn bị sa lầy. Thế với một chiếc xuồng bằng cao su có qua

được không?

- Tôi không nghĩ đến việc đó.

Nếu ai dẫn bọn hiến binh đến đây, và chúng muốn vào vào, anh cứ tin là với một cái bè, chúng có thể vào được. Vì vậy nên phải đi càng sớm càng tốt.

- Đồng ý. Ngày mai, sẽ nhóm lò lại, nó cũng chưa tắt hẳn, chỉ cần làm hai ống thông hơi nữa.

- Thôi chào anh Quých-Quých.

- Chúc anh ngủ ngon, Papillon. Tôi nhắc lại là anh cứ ngủ cho kỹ, anh có thể tin tôi.

Nằm kéo chăn lên tận cằm, tôi thấy ấm áp khoan khoái Tôi châm thuốc hút. Mười phút sau, Quých-Quých đã ngáy, con heo nằm cạnh anh cũng thở phì phò. Lửa không bốc lên nhưng than ở thân cây còn hồng và khi có cơn gió lùa vào lán, nó tạo ta một cảm giác thanh bình, êm ả. Tôi tận hưởng tiện nghi này và tôi đã ngủ với những ý nghĩ sau đây trong đầu? Ngày mai, tôi sẽ thức dậy và giữa Quých-Quých với tôi mọi việc đều êm đẹp; nếu không chú ba tàu này quá là một nghệ sĩ đã che dấu những ý định của mình và kể chuyện tào lao còn giỏi hơn ca Sacha Guitry*

(*Sacha Guitry: diễn viên kịch nói và điện ảnh rất nổi tiếng của Pháp còn là tác giả của nhiều kịch bản sân khấu và phim (1885 – 1957) - ND) và nếu thế tôi sẽ không thấy ánh mặt trời, vì tôi đã biết quá nhiều về anh, anh sẽ ngại.

Chuyên viên giết người hàng loạt đánh thức tôi dậy, tay cầm một ca cà-phê, và như không có chuyện gì xảy ra, anh chào tôi với một nụ cười vô cùng cởi mở. Ngày đã rạng.

- Này, anh uống cà phê, ăn bánh tráng đi, đã cho mỡ rồi đấy.

Ăn uống xong, tôi ra ngoài, rửa ráy ở một thùng ton-nô lúc nào cũng đầy nước.

- Anh giúp tôi nhé, Papillon?

- ừ! - tôi nói mà không hỏi xem anh ta cần giúp việc gì

Chúng tôi kéo chân mấy cái xác chết đã bị thiêu dở dang. Tôi để ý thấy mà không nói ra, là cả ba cái xác đều bị mổ bụng, anh chàng tàu dễ thương này chắc đã tìm xem họ có dấu tiền trong ruột không. Có đúng họ là những kẻ săn người không. Biết đâu lại chỉ là những người săn bướm và săn thú? Anh ta giết họ để tự vệ hay để lấy của? Thôi, không nghĩ thêm về chuyện này nữa! Mấy cái xác chết đã được đưa vào trong hố lò có củi và đất sét đắp lên trên. Hai ống thông hơi đã được mở ra và lò đã bốc cháy với hai nhiệm vụ: làm ra than củi và thiêu cho ba cái xác thành tro.

- Đi nào, Papillon.

Con heo con tìm ra lối đi trong nháy mắt. Chúng tôi nối đuôi nhau đi qua quãng bùn. Lúc sắp dấn bước đưa chân, tôi lo đến chết khiếp. Chuyện Sylvain bị sa lầy rồi chết đã để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc đến nỗi tôi không thể nào đi trên bùn một

cách thanh thản được. Cuối cùng, toát mồ hôi hột, tôi cũng phải lao theo Quých-Quých. Chân tôi đặt từng bước lên vết chân anh, không có cách gì khác: anh qua được thì tôi cũng phải qua được chứ.

Sau hai giờ đi bộ, chúng tôi đi đến được nơi Sô-cô-la lấy gỗ. Trên đường đi chúng tôi không gặp ai và cũng không phải lẩn trốn lần nào.

- Chào me-xừ.

- Chào ông Quých-Quých.

- Anh có khỏe không?

- Khỏe lắm.

- Anh cho bạn tôi xem thuyền.

Cái thuyền rất khỏe, đó là một loại sà lúp chở hàng, nặng nề nhưng bền chắc. Tôi lấy dao sỉa vào mọi chỗ, dao không bao giờ ngập sâu quá nửa phân. Sàn tàu cũng còn nguyên. Tàu này được đóng bằng một thứ gỗ đã được chọn kỹ lưỡng.

- Anh bân bao nhiêu?

- Hai ngàn năm trăm francs.

- Tôi trả anh hai ngàn.

Ngã giá thế là xong.

Tàu này không có ky. Tôi trả thêm cho anh năm trăm francs nữa, anh phải làm thêm cho tôi một cái ky, một bánh lái và một cột buồm. Cái ky và bánh lái phải bằng gỗ tốt, cột buồm, cao ba mét,

bằng gỗ nhẹ và dẻo. Bao giờ xong?
- Tám ngày nữa. Đây là hai tờ giấy bạc một ngàn và một tờ năm trăm. Tôi xé đôi, đưa anh một nửa, nửa kia sẽ đưa anh khi tôi nhận tàu. Anh giữ một nữa nhé. Bằng lòng không?
- Đồng ý. - Tôi cần một ít thuốc tím, một ton-nô nước ngọt, ít thuốc lá và diêm, thức ăn đủ cho bốn người trong một tháng: bột mì dầu, cà-phê và đường, những thứ này tôi trả tiền riêng. Anh giao tất cả trên sông ở Kourou nhé.
- Me xừ ơi, tôi không thể theo ông ra đến cửa sông được
- Tôi có bảo anh theo đâu. Tôi bảo là anh giao tàu cho tôi trên sông chứ không phải ở cái vũng này.
- Các túi bột mì, một cuộn dây thừng, kim khâu và chỉ buồm đấy. Quých-Quých và tôi lại quay về nơi ẩn náu. Chúng tôi về trước khi trời tối, không gặp chuyện phiền phức gì. Trên đường về, con heo mệt nên anh vác nó lên vai. Hôm nay, tôi đang khâu buồm một mình, bỗng nghe có tiếng kêu. Tôi nấp vào rừng gần quãng có bùn và trông sang bờ bên kia. Quých-Quých tranh cãi khoa chân múa tay với người trí thức Tàu. Tôi đoán là anh ta muốn sang đảo mà Quých-Quých không cho sang. Tay người nào cũng cầm một con dao phạt. Người cụt tay có vẻ nóng hơn. Mong sao anh ta đừng giết Quých-Quých. Tôi quyết đỉnh lộ diện. Tôi huýt sáo. Hai người quay về phía tôi.
- Có việc gì thế, anh Quých-Quých?.

- Tôi muốn nói chuyện với anh, anh Papillon ạ! - Người kia nói.
- Anh Quých-Quých không cho tôi sang bên ấy.
Sau mười phút tranh cãi bằng tiếng của họ, cả hai đã theo con heo sang bên này đảo. Ngồi trong lán, khỉ mỗi người tay đã cầm một ca nước trà, tôi chờ nghe họ nói.
- Chuyện như thế này - Quých-Quých nói. - Anh ta muốn vượt ngục bằng được với chúng ta. Tôi nói cho anh ấy hiểu là tôi không có quyền gì trong chuyện này, anh là người trả tiền và chỉ huy tất cả. Anh ấy không tin tôi.
- Anh Papillon ơi, - anh kia nói, - Quých-Quých phải để cho tôi cùng di mới được.
- Tại sao?
- Hai năm trước, chính anh ấy đã chặt cụt tay tôi trong khi đánh bạc. Anh ấy bắt tôi thề là sẽ không giết anh ấy. Tôi đã thề, nhận lời với điều kiện là anh ta phải nuôi tôi suốt đời. ít ra cũng phải nuôi tôi khi tôi đòi hỏi. Nếu anh bỏ đi suốt đời, tôi sẽ không còn nhìn thấy anh ấy cho nên một là anh ấy để anh đi một mình, hai là anh ấy phải để tôi đi theo.
- Lại còn chuyện thế nữa, cả đời bây giờ tôi mới gặp chuyện này là một dấy, được, tôi bằng lòng để anh đi theo. Tàu cũng tốt và rộng, có thể đi thêm nữa nếu ta muốn. Anh Quých-Quých bằng lòng, thì tôi để anh đi theo.
- Cảm ơn anh, - anh cụt tay nói.

- Anh thấy thế nào, anh Quých-Quých?
- Đồng ý, nếu anh muốn.
- Có một điều quan trọng. Anh có thể ra khỏi trại mà không bị coi là mất tích và bị truy nã về tội vượt ngục, và anh có thể có mặt ở ngoài sông trước khi trời tối không?
- Không có gì nhiều đâu. Tôi có thể ra khỏi trại từ ba giờ và chưa tới hai giờ sau, tôi đã đến bờ sông rồi.
- Anh Quých-Quých ơi, ban đêm anh có thể tìm chỗ để chúng ta cho bạn anh lên tàu mà không mất thì giờ không?
- Có chứ, chắc chắn là có.
- Một tuần nữa, anh đến đây để biết ngày khởi hành nhé.
Anh cụt tay sau khi bắt tay tôi, vui vẻ quay đi. Tôi trông thấy cả hai người chia tay nhau ở bờ bên kia. Trước khi từ giã, họ đã bắt tay nhau. Mọi việc êm đẹp cả.
Khi Quých-Quých trở về lán tôi nói luôn:
Anh ta giao kéo với đối thủ của anh lạ nhỉ, nhận nuôi anh ta suốt đời, chuyện lạ thường lắm đấy. Tại sao anh lại chặt tay anh ta?
- Chơi bạc rồi đánh nhau:
- Thà anh giết chết anh ta còn hơn.
- Không được, vì anh ấy là người bạn rất tốt. Khi ra tòa án binh, anh ta đã tận tình bênh vực tôi; nói là chính anh ta đánh tôi trước, còn tôi chỉ tự vệ thôi. Tôi đã tự nguyện cam kết, tôi phải giữ đúng lời hứa. Chỉ có một điều tôi không dám cho anh biết vì anh

chi tiền cho cả chuyến vượt ngục.

- Thôi xong rồi, anh Quých-Quých ơi, chúng ta không cần nói đến chuyện này nữa. Nhờ trời, khi nào được tự do anh muốn làm gì tùy anh.

Tôi sẽ giữ lời hứa. Nếu có ngày anh được tự do, anh tính sẽ làm gì? Mở tiệm ăn. Tôi là bếp giỏi, còn anh ấy chuyên về "hủ tiếu". Việc này làm tôi vui hẳn. Câu chuyện buồn cười làm tôi cứ chọc Quých-Quých hoài.

Sô-cô-la đã giữ lời hứa: năm ngày sau, tất cả đã sẵn sàng. Chúng tôi đi xem tàu vào một ngày mưa tầm tã. Không có gì có thể chê trách cả. Cột buồm, bánh lái và ky đều hoàn hảo. ở một khúc quanh trên sông, chiếc tàu cùng thùng ton-nô nước và thức ăn đã đợi chúng tôi. Chỉ còn báo tin cho anh cụt thôi: Sô-cô-la nhận đi đến trại để gọi anh kia, và sẽ đưa thẳng anh kia đến nơi giấu tàu để chúng tôi khỏi phải tới bờ sông đón anh.

Cửa sông Kourou có hai cây đèn pha để xác định vị trí. Trời mưa tàu có thể vượt qua được chỗ đó nếu di ở giữa sông và dĩ nhiên là không kéo buồm lên. Sô-cô-la đã cho chúng tôi một hộp sơn đen và một cây bút vẽ. Chúng tôi sẽ sơn lên buồm một chữ K lớn và số 21, K.21 là số đăng ký một tàu đánh cá thỉnh thoảng có đi đánh cá đêm. Trường hợp ra đến biển, chúng tôi kéo buồm lên mà bị phát hiện, người ta sẽ tưởng đấy là chiếc tàu đánh cá kia. Chúng tôi quyết định tối mai, hồi mười chín giờ, một giờ sau khi

trời sập tối, sẽ khởi hành. Quých-Quých tin chắc sẽ tìm được đường đi và bảo đảm đưa tôi đến thẳng nơi giấu tàu. Chúng tôi rời đảo hồi năm giờ để tranh thủ đi một tiếng trong lúc trời còn sáng. Tôi trở về lán rất vui vẻ. Quých-Quých vai vác con heo nói chuyện huyên thiên với tôi mà không quay lại, vì tôi đi sau lưng anh ta.

- Cuối cùng, tôi cũng ra khỏi trại giam. Nhờ có anh và chú Chang của tôi mà tôi được tự do. Sẽ có ngày, khi người Pháp cút khỏi Đông Dương, tôi được trở về nước.

Tóm lại, anh tin tôi, và thấy tôi ưng cái tàu, anh vui khư khướu Tôi ngủ đêm cuối cùng ở đảo, tôi hy vọng cũng là đêm cuối cùng trên đất Guyane. Nếu tôi ra tới sông và tới biển, chắc chắn là tự do rồi. Nguy cơ lớn nhất là bị đắm tàu, vì từ khi có chiến tranh, không có nước nào trả tù vượt ngục. Về điểm này, chiến tranh đã có lợi cho chúng tôi. Nếu chúng tôi thất bại, chúng tôi sẽ bị tử hình, đúng là thế, nhưng còn phải bắt được chúng tôi đã. Tôi nghĩ đến Sylvain. Đáng lẽ anh phải ở đây, ngay cạnh tôi, cùng với tôi, nếu anh không phạm phải điều khinh xuất kia. Tôi đã thảo bức điện trong khi ngủ: “Gửi ông tổng biện lý Pradel - Cuối cùng tôi đã dứt khoát thắng được con đường của sự thối rữa mà ông ném tôi vào. Tôi đã mất chín năm”.

Mặt trời đã lên cao khi Quých-Quých đánh thức tôi dậy. Lại uống trà, ăn bánh trắng. Chung quanh đầy những hộp là hộp, tôi

còn thấy hai cái lồng bằng mây.

- Lồng để làm gì vậy?

- Tôi nhốt gà để ăn dọc đường.

- Anh có điên không anh Quých-Quých? Ai lại đem gà đi theo. Trong một hành trình như thế này?

- Tôi muốn đem đi.

Anh có bệnh không đấy? Nếu nước xuống, tận sáng chúng ta mới ra khỏi cửa sông, lỡ lúc ấy, gà sống gà mái gáy ầm lên trên sông, anh thấy có nguy hiểm không?

- Tôi không vất gà lại đâu.

- Anh luộc gà đi rồi bỏ vào mỡ hay dầu. Thế mới để được lâu và chúng ta sẽ ăn trong ba ngày đầu. Cuối cùng Quých-Quých cũng phải chịu, anh đi bắt gà, những tiếng kêu của bốn con gà đầu tiên anh tóm được đã làm những con khác bỏ chạy hết, anh không bắt thêm được con nào, chúng trốn cả vào rừng. Đấy cũng là điều bí mật của loài vật, không biết tại sao cũng cảm thấy trước mối nguy cơ. Theo sau con heo, chúng tôi vượt qua đống bùn, vai vác nặng như lừa. Anh van nài tôi để anh mang con heo đi theo.

- Trời đất ơi? Liệu nó có kêu không?

- Tôi bảo đảm với anh là không. Tôi bắt nó im là nó phải im.

Chúng tôi hai ba lần bị một con hổ cứ lượn quanh rình chúng tôi. Lúc đó nó cũng không kêu, mà nó sợ chết khiếp, lông cứ dựng đứng lên.

Tin vào thiện ý của Quých-Quých, tôi bằng lòng để anh đem còn heo thân yêu của anh theo, chúng tôi đến chỗ dấu tàu thì trời đã tối mịt. Sô-cô-la và anh cụt đã có mặt ở đấy rồi. Có hai cây đèn pin để tôi kiểm tra tất cả mọi vật dụng. Không thiếu thứ gì: vòng lồng dây buồm, buồm mũi đã được có mặt ở đấy rồi. Có hai cây đèn pin để tôi kiểm tra tất cả mọi vật dụng. Không thiếu thứ gì: vòng lồng dây buồm, buồm mũi đã được buộc sẵn sàng, có thể kéo lên ngay được. Quých-Quých kéo thử hai ba lần như tôi đã chỉ cho anh làm. Anh hiểu ngay công việc tôi nhờ anh. Tôi trả tiền anh da đen đã tỏ ra rất đứng đắn. Anh thật thà mang cả keo dán và nửa mảnh giấy bạc để nhờ tôi dán lại giúp. Anh không lúc nào sợ tôi lấy mất những tờ giấy bạc nọ. Ai không có những ý nghĩ xấu về người khác, bản chất họ thường là tất và thẳng thắn. Sô-cô-la là một người trung thực và lương thiện. Sau khi đã thấy tù khổ sai bị đối xử ra sao, anh không hề hối hận là đã giúp ba người tù thoát khỏi cái địa ngục kia.

- Từ biệt Sô-cô-la nhé. Chúc anh cùng gia đình gặp nhiều may mắn.

- Cảm ơn ông nhiều.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

XI. Từ giã nơi ngục tù

Chuyến vượt ngục của "dân tầu"

Tôi xuống tàu sau cùng và nhờ Sô-cô-la đẩy, chiếc tàu tiến về phía sông. Không có giầm, chỉ có hai mái chèo tốt, một do Quých chèo phía trước, một tôi chèo phía sau. Chưa tới hai giờ sau, chúng tôi ra đến sông.

Mưa đã hơn một giờ. Tôi lấy một bao bột mì để che mưa. Quých-Quých và anh cụt cũng làm như vậy, nước sông chảy siết và xoáy nhiều. Nhờ nước rút, ba giờ sau, chúng tôi đã đi ngang hai cây đèn pha. Tôi biết là đã gần ra đến biển vì hai cây đèn pha này ở mỏm ngoài cửa sông. Chúng tôi kéo buồm chính và buồm mũi, chúng tôi đã đi qua Kourou mà không gặp trở ngại gì Gió thổi phía bên trái mạnh đến nỗi tôi buộc phải buông buồm cho gió trượt đi. Tàu chúng tôi lao mạnh ra biển như một mũi tên, chúng tôi lọt qua cửa lạch và rời khỏi bờ rất nhanh. Trước mặt chúng tôi, cây đèn pha của đảo Royale đã chỉ đường cho chúng tôi. Mười ba ngày trước tôi còn ở phía sau cây đèn ấy, ở Đảo Quỷ. Chuyến ra khơi vào lúc ban đêm, việc mau chóng rời khỏi

Đất liền không được hai bạn Tàu của tôi ăn mừng nổ trời. Những tay con trời này không quen lối bộc lộ tình cảm như chúng ta.
Ra đến biển rồi, Quých-Quých chỉ bình thản nói:
- Chúng ta đã đi ra được, rất tốt.
Anh cụt nói thêm:
- Phải, chúng ta đã ra đến biển mà không gặp một khó khăn nào.
- Tôi khát quá, anh Quých-Quých, cho tôi xin một ít rượu.
Sau khi đưa tôi uống, cả hai cũng uống một chầu rượu rhum. Tôi đi không có la bàn, nhưng trong chuyến vượt ngục đầu tiên, tôi đã học cách định hướng căn cứ vào mặt trời, trăng, sao và gió. Và tôi không ngần ngại lao ra biển khơi, cột buồm hướng về sao Hôm. Tàu rất tốt nó vượt sóng một cách dịu dàng và hầu như không bị tròng trành. Gió thổi rất dừ, buổi sớm chúng tôi đã ở rất xa bờ và các đảo Salut. Nếu không phải là làm liều, tôi đã hướng cho tàu chạy xích gần đảo Quỷ để từ ngoài khơi, vừa thoải mái ngắm vừa vượt qua nó.
Ròng rã sáu ngày, biển luôn có sóng lừng nhưng không mưa và không có giông bão. Gió rất mạnh đã đẩy chúng tôi đi rất nhanh về hướng tây. Quých-Quých và Vân Huê là những bạn đường tuyệt vời. Cả hai không lúc nào phàn nàn về trời xấu, về nắng, về đêm lạnh. Chỉ có điều là không anh nào muốn cầm lái và coi tàu lấy vài giờ để tôi được ngủ. Hàng ngày họ nấu bếp đến ba bốn lần. Có bao nhiêu gà chúng tôi đã ăn hết trơn. Hôm qua, tôi nói

đùa với Quých-Quých.

- Bây giờ chúng ta ăn con heo chứ?

Anh ta đau khổ thực sự.

- Con vật này là bạn tôi và trước khi ăn thịt nó phải giết tôi đã. Các bạn tôi cũng săn sóc đến tôi. Họ không hút thuốc để tôi muốn hút bao nhiêu thì hút. Lúc nào cũng có trà nóng. Họ làm tất cả mà không cần phải bảo. Chúng tôi ra đi đã được bảy ngày. Tôi không chịu đựng nổi nữa. Nắng gay gắt đến nỗi cả hai anh bạn Tàu của tôi cũng bị luộc chín như tôm. Tôi phải ngủ. Tôi buộc lái lại và chỉ căng một chút buồm. Tàu cứ đi theo hướng gió thổi. Tôi ngủ say như chết gần ba giờ. Tôi giật mình tỉnh dậy do bị xô mạnh. Khi rửa mặt tôi ngạc nhiên và vui vẻ thấy là trong lúc tôi ngủ anh bạn Quých đã cạo râu cho tôi mà tôi không biết. Mặt tôi cũng được anh bôi dầu.

Từ chiều qua tôi lái qua hướng Tây Nam vì tôi cảm thấy đi quá xa về hướng Bắc. Tàu nặng nên có cái lợi là nó không dễ bị trệch hướng. Do đó, tôi thấy nó đi quá về hướng Bắe thật ra có lẽ là không đúng. Kìa, có chiếc khinh khí cầu! Đây là lần đầu tiên trên đời, tôi được trông thấy nó. Nó không có vẻ đang bay về phía chúng tôi, và nó ở quá xa, khó ước lượng được kích thước của nó.

ánh nắng phản chiếu trên lớp nhôm làm nó ánh lên màu bạch kim và chói đến nỗi mắt không nhìn thẳng vào đấy được. Nó

bỗng đổi hướng, hình như bay về phía chúng tôi. Quả vậy, nó to dần rất mau, và chỉ hai mươi phút sau, nó đã ở trên dầu chúng tôi. Quých và anh cụt vô cùng ngạc nhiên khi thấy chiếc khinh khí cầu, cứ nói huyên thuyên với nhau bằng tiếng Tàu.

- Các anh nói bằng tiếng Pháp để tôi nghe mấy chứ.

- Khí cầu của Anh - Quých nói.

- Không, đấy không phải là khí cầu tròn mà là một chiếc dirigeable: loại khí cầu này có thể điều khiển như máy bay.

Chiếc khí cầu rất to, bây giờ chúng tôi đã thấy được rát rõ vì nó hạ thấp và lượn trên đầu chúng tôi thành những vòng nhỏ. Có những lá cờ nhỏ được đưa ra phát tín hiệu. Chúng tôi không hiểu gì nên không trả lời. Khí cầu vẫn ra hiệu và đến gần chúng tôi hơn, chúng tôi thấy được cả người trong khoang tàu. Rồi nó bay về phía đất liền. Một giờ sau một chiếc phi cơ bay tới và lượn nhiều lần trên đầu chúng tôi. Bỗng nhiên biển nổi sóng dữ hơn, gió cũng mạnh hơn. Chân trời bóng phía đều quang và không thể có mưa.

Trông kia, anh cụt nói.

- ở đâu?

- Đằng kia, hướng này, có thể là đất liền ở phía ấy. Điểm đen kia, là một chiếc tàu.

- Sao anh biết?

- Tôi đoán vậy, tôi còn cho đấy là một tàu khu trục.

- Vì sao?

- Vì nó không có khói.

Đúng vậy, một giờ sau chúng tôi thấy rõ một chiếc tàu chiến màu xám, có vẻ đến thẳng tàu chúng tôi. Nó lớn dần: chắc nó phải đi nhanh ghê gớm, mũi tàu hướng về chúng tôi, tôi sợ nó đi sát chúng tôi quá, sẽ rất nguy hiểm vì biển động và vệt sóng của nó ngược với sóng biển có thể làm tàu chúng tôi bị đắm.

Đó là một tàu phóng ngư lôi loại nhỏ, khi nó lượn quanh nửa vòng phơi cả về ngang thân tàu chúng tôi đọc được tên tàu là Tarpon. Chiếc tàu nặng, treo cờ Anh phấp phới ở mũi tàu, đã lượn vòng và từ phía sau chầm chậm đến gần chúng tôi. Nó thận trọng đi sóng đôi, cùng tốc độ với tàu chúng tôi. Một phần lớn thủy thủ đoàn ở trên boong mặc quần áo màu xanh của Hải quân Anh. Từ đài chỉ huy, một sĩ quan mặc đồ trắng nói qua chiếc loa.

- Stop You - Stop.

- Quých, hạ buồm xuống ngay.

Hai phút sau buồm chính, buồm foc và buồm mũi đã được hạ xuống. Không có buồm, tàu gần như dừng hẳn lại, chỉ có sóng xô tàu quay ngang. Tôi thấy không thể để lâu như vậy, vì sẽ nguy hiểm lắm. Một chiếc tàu mà không có xung lượng riêng của mình do động cơ hay do gió, không thể giữ được đúng hướng. Đưa hai tay lên miệng làm loa, tôi kêu to:

- Các ông có người nói được tiếng Pháp không hả thuyền trưởng

Một sĩ quan khác cầm lấy chiếc loa trên tay viên sĩ quan trước.

- Có tôi nói được tiếng Pháp.

- Các ông muốn gì?

- Lên tàu của các anh.

- Không được, nguy hiểm lắm, tôi không muốn các ông đâm hỏng tàu của tôi.

- Chúng tôi là tàu chiến đi kiểm tra biển, các anh phải tuân lệnh.

- Tôi không cần biết, vì chúng tôi không đi đánh nhau.

- Các anh không phải là những người sống sót của cái tàu bị bắn chìm?

- Không chúng tôi là những tù vượt ngục từ một trại giam tù khổ sai của Pháp.

Trại giam tù khổ sai là cái gì, trại khổ sai nghĩa là gì?

- Nhà tù, tù nhân, tiếng Anh là Convict Hard labour.

- à, tôi hiểu rồi. ở Cayenne hả?

- Phải, ở Cayenne.

- Các anh đi đâu?

- Sang Honduras thuộc Anh.

Không được, các anh phải theo hướng Tây Nam và đi về thành phố George. Đây là lệnh, các anh phải theo.

- Được? Tôi bảo Quých kéo buồm lên và chúng tôi đi về hướng mà chiếc tàu phóng ngư lôi đã chỉ cho chúng tôi

Chúng tôi nghe có tiếng động cơ ở phía sau. Đấy là một chiếc

xuồng máy được tách khỏi tàu chiến. Nó đuổi kịp chúng tôi ngay. Một thủy thủ, súng đeo chéo qua vai, đứng ở mũi xuồng. Nó đến từ phía bên phải và đi sát kề bên chúng tôi mà không dừng lại, cũng không bắt chúng tôi dừng lại. Người thủy thủ nhảy phóc sang tàu chúng tôi. Chiếc xuồng tiếp tục đi trở về với chiếc tàu chiến.

- Good afternoon! - người thủy thủ nói.

Anh ta đi về phía tôi, ngồi xuống cạnh tôi rồi đặt tay lên cần lái và hướng tàu về phía Nam, chếch nhiều hơn so với hướng tôi đi. Tôi để cho anh ta lái, và quan sát cách làm của anh. Anh lái rất giỏi, không có gì phải nghi ngờ. Tuy thế, tôi vẫn ngồi tại chỗ của tôi. Biết thế nào được.

- Thuốc lá?

Anh lấy ra ba bao thuốc lá Anh và đưa cho chúng tôi mỗi người một bao.

- Trời ơi! - Quých nói, họ vừa đưa thuốc lá cho anh này đúng lúc anh xuống xuồng, vì chắc anh ta không phải lúc nào cũng mang ba bao thuốc lá trong người.

Tôi cười về lời nhận xét của Quých, rồi tôi lại chú ý đến người thủy thủ Anh: anh ta biết lái tàu giỏi hơn tôi. Tôi có đủ thì giờ để suy nghĩ. Lần này, việc vượt ngục đã thành công hoàn toàn, tôi đã là một người tự do, thật sự tự do. Cổ tôi nóng ran, tôi cảm thấy nước mắt trào ra. Thật vậy, tôi đã dứt khoát được tự do vì từ

khi có chiến tranh, không nước nào trả tù vượt ngục về nơi cũ. Trước khi chiến tranh chấm dứt, tôi có đủ thì giờ để được đánh giá tốt và bất cứ nước nào mà tôi định cư cũng sẽ hiểu rõ tôi. Điều bất lợi duy nhất là, do chiến tranh, có lẽ tôi không được lựa chọn nước tôi muốn ở lại. Cũng không sao, ở bất cứ nơi nào tôi sống, tôi cũng sẽ mau chóng làm sao để được dân và các nhà cầm quyền ở đấy quý mến và tin cậy, cách sống của tôi sẽ không ai chê trách vào đâu được. Hơn thế, cách sống ấy phải là gương mẫu nữa.

Cảm giác an toàn là cuối cùng tôi đã chiến thắng được con đường thối rữa làm tôi không còn nghĩ đến việc gì khác Papillon, thế là cuối cùng, mày đã được cuộc Sau chín năm, mày đã toàn thắng. Cảm ơn Chúa lòng lành, có thể người đã làm như vậy trừ trước, nhưng con đường người vạch ra rất bí ẩn, con không oán trách người vì nhờ người giúp đỡ, con vẫn còn trẻ, còn lành mạnh và tự do.

Chính lúc đang nghĩ tới con đường mà tôi đã vượt qua trong chín năm bị tù đày khổ sai cộng với hai năm tù ở Pháp tổng cộng là mười một năm là lúc tôi đã trông theo tay người thủy thủ đang chỉ và nói với tôi:

- Đất liền kia kìa.

Hồi mười sáu giờ, sau khi đi ngang một ngọn đèn biển đã tắt, chúng tôi vào một con sông lớn. Sông Demerara. Chiếc xuồng

lại xuất hiện, người lính thủy tảa tay lái cho tôi và ra phía trước. Anh ta bắt một cuộn thừng to được ném tới và buộc vào ghế băng phía trước. Chính tay anh đã hạ buồm và chèo xuồng nhẹ nhàng kéo chúng tôi khoảng hai mươi kilômét ngược giòng con sông nước vàng vàng này, theo sau độ hai trăm mét là chiếc tàu phóng ngư lôi. Sau một khúc quanh, một thành phố lớn hiện ra, người lính thủy Anh reo to: "Đến thành phố George rồi".

Đúng là chúng tôi đã đến thủ đô của nước Guyane thuộc Anh, do chiếc xuồng kéo. Có rất nhiều tàu chở hàng, thuyền máy và tàu chiến. Có nhiều đại bác đặt trong các tàu chiến cũng như trên đất liền.

Chiến tranh là như thế. Chiến tranh nổ ra đã hai năm rồi mà tôi không hay biết gì. Thành phố George, thủ đô của Guyane thuộc Anh, cảng quan trọng trên sông Demerara, ở trong tình trạng có chiến tranh một trăm phần trăm. Cái cảnh một thành phố được vũ trang làm tôi thấy buồn cười. Chúng tôi vừa ghé sát một cầu tàu quân sự thì chiếc tàu phóng ngư lôi đi theo chúng tôi cũng từ từ ghé tới và cặp bến. Quých với con heo, Huê với cái bọc nhỏ trong tay và tôi tay không, chúng tôi lên bến. Không có một người dân nào trên cầu tàu dành cho Hải quân này. Chỉ có lính thủy và quân nhân. Một viên sĩ quan đi tới. Tôi nhận ra ông ta. Ông là người nói tiếng Pháp với tôi từ trên tàu phóng ngư lôi ông ta tử tế chìa tay cho tôi và nói với tôi:

- Anh có khỏe không?

- Thưa thuyền trưởng khỏe

- Tốt. Dù sao anh cũng phải qua y tế để chích ngừa vài mũi. Cả hai bạn của anh nữa.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

XII. Georgetown

Buổi chiều, sau khi được chích nhiều thứ thuốc vắc- xin khác nhau, chúng tôi được chuyển sang đồn cảnh sát của thành phố, một thứ trụ sở lớn có hàng trăm cảnh binh tấp nập ra vào không ngớt. Giám đốc cảnh sát của thành phố George, người cầm quyền tối cao, chịu trách nhiệm về sự an toàn của hải cảng quan trọng này, tiếp ngay chúng tôi tại phòng làm việc của ông. Quanh ông là các sĩ quan Anh mặc đồ ka-ki, quần cộc, bít tất trắng, trông chừng chạc không chê vào đâu được. Ông đại tá ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống trước mặt ông. Bằng tiếng Pháp chính cống, ông hỏi chúng tôi:

- Lúc người ta bắt gặp các anh trên biển, các anh từ đâu tới?
- Từ trại tù khổ sai ở Guyane thuộc Pháp.
- Các anh cho tôi biết những điểm chính xác mà từ đó các anh vượt ngục đi.
Tôi ở đảo Quỷ. Các anh này ở một trại giam ở đất liền, một nửa là tù chính trị, tại Inini, gần Kourou trên đất Guyane thuộc Pháp.
- Anh bị kết án thế nào?
- Tù chung thân. Lý do: giết người.
- Còn bác người Tàu?
- Cũng giết người.
- án ra sao?
- Chung thân.
Nghề nghiệp?
- Thợ điện.
- Còn các anh kia?
- Nấu bếp.
- Các anh theo Degaulle hay Pétain?
- Chúng tôi không biết gì. Chúng tôi chỉ là những tù nhân muốn tìm cách sống lương thiện trong tự do.
- Chúng tôi sẽ để các anh ở một xà-lim dược mở cửa suốt ngày đêm. Chúng tôi sẽ trả tự do cho các anh sau khi xét lời các anh đã khai. Nếu các anh nói thật, các anh không phải sợ. Các anh phải hiểu là chúng tôi đang có chiến tranh, nên chúng tôi buộc

lòng phải thận trọng hơn thời bình nhiều.

Tám ngày sau, chúng tôi đã mau chóng được trả tự do. Chúng tôi lợi dụng tám ngày ở lại Đồn cảnh sát ấy để trang bị quần áo tươm tất. Chín giờ sáng mai anh Tàu và tôi đã ăn mặc chỉnh tề ra đường với giấy văn cước có dán ảnh.

Các nhà trong cái thành phố 250.000 dân này hầu hết là bằng gỗ, kiến trúc kiểu Anh: tầng trệt bằng xi- măng, phần còn lại bằng gỗ. Đường xá và đại lộ chật ních những người thuộc đủ các chúng tộc: da trắng, da đen, ấn Độ, có các phu phen, thủy thủ Anh, Mỹ, hoặc người phương Bắc. Chúng tôi hơi say sưa thấy mình được ở giữa đám đông sặc sỡ này. Một niềm vui mãnh liệt tràn ngập lòng chúng tôi, mạnh mẽ đến nỗi nó lộ rõ trên mặt chúng tôi, kể cả hai anh người Tàu, làm nhiều khách bộ hành nhìn chúng tôi và mỉm cười vui vẻ.

- Chúng tôi đi đâu bây giờ? - Quých hỏi. Tôi biết sơ sơ địa chỉ vài người. Một cảnh sát da đen đã cho tôi địa chỉ của hai người Pháp ở đường Penitence Rivers.

Hỏi thăm kỹ thì đấy là một khu đặc biệt chỉ có người ấn Độ cư ngụ. Tôi đến gặp một cảnh sát viên ăn mặc đồ trắng, trông chừng chạc, tôi đưa địa chỉ cho anh ta coi. Trước khi trả lời, anh hỏi giấy tờ của chúng tôi Tôi hãnh điện lấy ra đưa cho anh. “Rất tốt, cám ơn”, và anh ta sốt sắng đưa chúng tôi đến một chiếc tàu điện và nói gì với người lái. Chúng tôi đi ra ngoài thành phố và hai

mươi phút sau, người lái tàu bảo chúng tôi xuống. Chắc là đến nơi rồi. Chúng tôi hỏi đường. "Anh là người Pháp hả?" Một thanh niên ra hiệu cho chúng tôi đi theo anh ta. Anh ta đưa chúng tôi đến thẳng một căn nhà thấp. Tôi vừa tới nơi thì thấy có ba người đi ra, điệu bộ niềm nở:

- Sao lại thế này, Papi, anh ở đây à?

- Vô lý, người già nhất, tóc bạc trắng nói. - Vào đi! Đây là nhà tôi. Hai người Tàu này đi với anh đấy?

- Phải.

- Vào đi, mời các anh vào cả.

Người tù già này tên là Guitto Auguste, còn gọi là Le Guittou, dân Marseille chính cống. Chín năm trước, năm 1933, anh lên tàu La Martinière cùng một chuyến với tôi. Sau một chuyến vượt ngục thất bại, anh được tha tội chính và đã bỏ trốn đi, cách đây ba năm, theo như lời anh nói. Hai người kia, một là Louis Nhỏ, người ở Ardes, một người dân Toulouse tên là Julot. Cả hai cùng trốn đi sau khi mãn hạn tù, đáng lẽ họ phải ở lại Guyane thuộc Pháp một thời gian tương đương với thời gian họ bị giam, mười năm và mười lăm năm (gọi là thời gian quản thúc).

Căn nhà có bốn gian: hai phòng, một căn bếp, kiêm phòng ăn và một xưởng nhỏ. Họ đóng giày bằng balata, một thứ cao-su thiên nhiên kiếm ở trong rừng, cứ bỏ vào nước nóng là có thể nhào nặn thành đồ dùng rất dễ dàng. Nhược điểm của nó là đề lâu

ngoài nắng thì bị chảy, vì đó là thứ cao su chưa được lưu hóa. Người ta khắc phục khuyết điểm đó bằng cách cho những lớp vải xen kẽ với các lớp balata.

Chúng tôi được tiếp đón nồng hậu, với tấm lòng cao thượng của một người đã từng đau khổ, Guittou đã thu xếp cho ba chúng tôi một văn phòng và để chúng tôi ở nhà anh không hề do dự chút nào. Chỉ có một vấn đề là con heo của Quých-Quých, nhưng Quých bảo đảm là nó không làm dơ nhà và chắc chắn là nó biết ra ngoài một mình để đi đái.

Guittou nói: "Được, rồi sẽ tính sau, bây giờ anh em cho nó ở với anh".

Tạm thời chứng tôi lấy ba tấm chăn cũ của lính trải ra đất làm giường nằm.

Sáu người chúng tôi ngồi trước cửa, hút vài điếu thuốc, tôi kể cho Guittou nghe những chuyện gian truân của tôi trong chín năm qua. Hai người bạn của anh và anh hết sức chăm chú lắng nghe và như cùng sống lại những biến cố đó và họ cũng qua những kinh nghiệm thực tế của bản thân để cảm thông được. Có hai người biết Sylvain, đã than vãn về cái chết của anh ta. Trước mặt chúng tôi, rất nhiều người thuộc đủ các chủng loại đi qua đi lại. Thỉnh thoảng có người vào mua một đôi dép hay một cây chổi, vì Guittou và các bạn anh còn làm cả chổi để kiếm sống. Qua họ tôi biết là trong số tù khổ sai và đi đày có chừng ba chục

người vượt ngục đã đến ở thành phố George. Ban đêm, họ gặp nhau tại một quán rượu ở trung tâm thành phố để uống rượu rhum hay bia. Julot nói với tôi là tất cả đều làm việc để sinh sống và đa số có thái dộ tốt.

Trong khi chúng tôi ngồi hóng mát ở cửa có một người Tàu đi qua, Quých liền gọi anh ta lại. Rồi không nói gì với tôi, anh và anh cụt đi theo người nọ. Chắc họ không đi xa vì con heo cũng theo sau. Hai giờ sau, ba gác nhỏ. Anh vênh vang như Artaban, ghìm con lừa dừng lại và nói với nó bằng tiếng Tàu. Con lừa có vẻ hiểu được thứ tiếng này. Trong xe, có ba cái giường sắt, ba tấm nệm, gối và ba chiếc va-li. Anh đưa cho tôi một chiếc va li đầy trong có áo sơ-mi, quần đùi, áo lót cùng hai đôi giày, v.v.:..

- Anh kiếm ra những thứ này ở đâu vậy, Quých?

Các bạn đồng hương của tôi cho tôi đấy. Ngày mai chúng ta đến thăm họ nhé?

- Đồng ý. Chúng tôi tưởng Quých lại dắt con lừa và chiếc ba gác đi, nhưng không. Anh tháo lừa ra, buộc nó ở trong sân.

- Họ tặng tôi cả con lừa và chiếc xe này. Họ nói, với những thứ ấy, tôi có thể kiếm sống dễ dàng. Sáng mai, một người cùng quê với tôi sẽ đến đây chỉ cho tôi.

Dân tàu, làm gì cũng mau thật.

Guittou bằng lòng cho chiếc xe và con lừa được ở tạm trong sân. Ngày tự do đầu tiên của chúng tôi trôi qua tốt đẹp. Buổi tối,sáu

chúng tôi ngồi quanh bàn làm việc, ăn ngon lành món xúp rau, do Julot nấu, và một đĩa mì ống.

- Lần lượt, mỗi người thay phiên nhau dọn nhà và rửa bát chén- Guittou nói:

Bữa ăn chung này tượng trưng cho một tập thể nhỏ đầy nhiệt tình. Cảm giác biết mình được giúp đỡ trong bước đầu của cuộc đời tự do làm chúng tôi vững lòng. Quých, anh cụt và tôi thấy sung sướng thật sự và hoàn toàn. Chúng tôi có một mái nhà, một cái giường, những người bạn hào phóng, tuy nghèo nhưng cũng có tinh thần cao thượng đã giúp đỡ chúng tôi. Còn cần đòi hỏi gì hơn nữa?

- Đêm nay, cậu có muốn làm gì không. Papillon?

- Guittou hỏi tôi. - Cậu muốn đến quán rượu ở trung tâm, nơi các tay tù vượt ngục đều tới không?

- Tôi thích ở nhà đêm nay hơn. Anh muốn đi thì cứ đi Mặc tôi.

- Được tôi sẽ đi vì tôi cần gặp một người.

Tôi sẽ ở lại với Quých và anh cụt.

Louis nhỏ và Guittou ăn mặc chỉnh tề, thắt và vạt và đi về phía trung tâm. Chỉ có Julot ở lại để làm nốt vài đôi giày cho xong. Các bạn tôi và tôi đi một vòng quanh các đường phố lân cận cho biết. Tất cả dân ở đây đều là người ấn Độ. Rất ít người da đen, hầu như không có dân da trắng, rải rác có vài tiệm ăn Tàu. Penitence Rivers, tên khu phố này, là một góc nước ấn Độ hay

xứ Nam Dương. Các thiếu phụ và thiếu nữ đều rất đẹp, và các ông cụ đều mặc áo dài trắng. Nhiều người đi chân đất. Khu phố nghèo nhưng mọi người đều ăn mặc sạch sẽ. Đường phố thiếu đèn, những quán ăn, uống, đều đông nghẹt người, đâu đâu cũng nghe thấy âm nhạc ấn Độ.

Một người da đen bồ hóng mặc đồ trắng, thắt và vạt chặn tôi lại:

- Ông là người Pháp phải không, thưa ông?

- Phải.

- Được gặp người đồng hương, tôi mừng lắm. Mời ông muốn một ly với tôi.

- Cũng được, nhưng tôi còn hai người bạn.

- Không sao, họ có nói được tiếng Pháp không?

- Được

Cả bốn chúng tôi vào ngồi một bàn kê bên lề đường, trước một quán rượu. Anh chàng Martinique này nói một thứ tiếng Pháp còn chọn lọc hơn chúng tôi. Anh bảo chúng tôi phải đề phòng bọn da đen Anh, vì theo anh, họ đều nói dối. "Chúng nó không như người Pháp chúng ta đâu, chúng ta chỉ nói một lời, bọn chúng không như vậy".

Tôi cười thầm vì thấy anh chàng đa đen Tombouctou này tự xưng là người Pháp chúng ta, song tôi lại thực sự lúng túng. Đúng me xừ này là một người Pháp, chính cống hơn tôi, tôi nghĩ vậy, vì anh ta nhận quốc tịch mình một cách đầy nhiệt tình và tin

tưởng. Anh ta có thể chết vì nước Pháp, còn tôi thì không. Do đó anh ta Pháp hơn tôi. Cho nên tôi cũng phụ họa theo anh.

- Được gặp đồng hương và nói tiếng mẹ đẻ tôi rất thích vì tôi nói tiếng Anh tồi lắm.

- Còn tôi, tôi nói được, tôi nói tiếng Anh thạo và đúng văn phạm nữa. Anh cần gì, tôi sẵn sàng giúp anh. Anh ở thành phố George này đã lâu chưa?

Mới được tám ngày, không hơn.

- Anh ở đâu đến?

- ở Guyane thuộc Pháp.

Không thể thế được, anh là dân vượt ngục hay là người coi tù chạy theo De Gaulle?

- Tôi vượt ngục

- Còn các bạn anh?

- Cũng vậy.

- Henri ơi, tôi không muốn biết quá khứ của anh, bây giờ là lúc phải giúp đỡ nước Pháp để chuộc tội. Tôi theo De Gaulle và tôi đang chờ tàu để sang Anh đây.

Ngày mai anh lại tìm tôi ở Câu lạc bộ Martiner nhé. Địa chỉ đây. Tôi rất sung sướng nếu anh cùng tham gia với chúng tôi. Anh tên là gì?

- Homère.

- Me-xừ Homère ơi, tôi không thể quyết định ngay được. Tôi

phải tìm hiểu tình hình gia đình tôi và suy xét kỹ trước khi quyết định một việc quan trọng như vậy ông Homère ơi, nước Pháp đã làm tôi đau khổ và đối xử với tôi vô nhân đạo lắm.

Anh chàng Martinique đã cố thuyết phục tôi với tất cả nhiệt tình sôi nổi vô hạn độ của trái tim anh. Nghe những lý lẽ của con người này đi bảo vệ nước Pháp đã bị tàn phá của chúng tơi, thật vô cùng cảm động.

Chúng tôi về nhà rất muộn và khi đi nằm, tôi nghĩ lại rất cả những gì người dân Pháp lớn đó đã nó với tôi tôi phải suy nghĩ đứng đắn về đề nghị của anh ta. Nói cho cùng thì bọn cảnh sát, bọn quan tòa, chính quyền nhà tù đâu phải là nước Pháp. Tôi cảm thấy mình vẫn còn rất yêu nước Pháp. Thế mà lại có bọn Đức trên đất Pháp. Trời ơi, những người thân của tôi đau khổ biết bao nhiêu, và đối với tất cả những người dân Pháp, thật là nhục nhã biết chừng nào.

Khi tôi tỉnh dậy, con lừa, chiếc xe ba gác, con heo, Quých và anh cụt đã biến đâu mất.

- Cậu ngủ ngon chứ? - Guittou và các bạn anh hỏi.

- Ngủ say lắm, cảm ơn.

- Cậu muốn uống cà phê sữa hay trà? Cà phê với bánh mì phết bơ.

- Cảm ơn!

Tôi vừa ăn vừa xem họ làm việc.

Julot chuẩn bị balata dần dần theo nhu cầu cần thiết, anh ta bỏ thêm những tảng balata rắn chắn vào nước nóng và nhào lẫn với cái khối đã mềm.

Louls nhỏ chuẩn bị sẵn những mảnh vải, còn Guittou hoàn tất chiếc giày..

- Các anh làm được nhiều không?

- Không. Bọn mình làm đủ kiếm hai mươi đô-la một ngày. Trả tiền nhà và ăn năm đô-la. Còn lại cho mỗi đứa năm đô-la làm tiền túi, may mặc và tiền hớt tóc

- Các cậu bán hết à?

- Không, thỉnh thoảng, một đứa trong bọn mình phải đi bán giày và chổi ở các đường phố: Đi bán dạo như vậy, dưới nắng, gay lắm.

Nếu cần, tớ cũng muốn cùng làm với các cậu ở đây tớ không thích là kẻ ăn bám. Tớ cũng phải góp phần vào bữa ăn chứ.

- Tốt thôi, Papi.

Suốt ngày, tôi đi dạo ở khu phố người ấn của thành phố George. Tôi trông thấy một bảng quảng cáo chiếu bóng và thấy thèm xem một phim màu, có tiếng nói, lần đầu tiên trong đời. Chiều nay tôi sẽ bảo Guittou dẫn tôi đi coi. Tôi đi trên đường Penitence Rivers suốt cả ngày. Thái độ lịch thiệp của những người dân ở đó làm tôi mến họ vô cùng. Họ có hai đức tính: họ rất sạch và rất lễ độ. Cái ngày thơ thẩn một mình tại đường phố ở khu này của thành

phố George đối với tôi còn lớn lao hơn nhiều so với ngày tôi đến Trinidad chín năm trước.

ở Trinidad, giữa những cảm giác kỳ diệu do được đi lẫn trong đám đông, tôi luôn luôn tự nhủ: một ngày nào, trong hai tuần lễ nữa là nhiều nhất, tôi lại phải ra đi trên biển. Nước nào sẽ vui lòng nhận tôi? Có quốc gia nào cho tôi cư trú không? Tương lai sẽ ra sao? ở đây khác hẳn. Tôi được hoàn toàn tự do, và nếu tôi muốn, tôi có thể sang Anh, tham gia các lực lượng tự do nước Pháp. Tôi phải làm gì? Nếu tôi quyết định đi theo De Gaulle, người ta có thể nói là tôi chẳng biết đi đâu nên phải đâm đầu vào đấy? Giữa những người lành mạnh, biết đâu họ sẽ chỉ coi tôi như một tên tù khổ sai chẳng ẩn náu được vào đâu, nên phải đến với họ? Người ta đồn là nước Pháp bị chia ra làm hãi, một bên theo Pétain và bên kia theo De Gaullê. Sao một thống chế pháp lại không biết đâu là danh dự và quyền lợi của nước Pháp nhỉ? Nếu tôi tham gia các lực lượng tự do sau này, tôi có phải bắn vào những người Pháp không? ở đây thật là khó, rất khó tạo cho mình một chỗ đứng tạm chấp nhận được. Guittou, Julot và Louis nhỏ không phải là những thằng đần, mà họ vẫn làm việc để kiếm năm đô-la một ngày. Trước hết, tôi phải tập sống tự do đã. Từ năm 1931 - bây giờ là 1942 - tôi là tù nhân. Tôi không thể giải quyết được những ẩn số trong ngày tự do đầu tiên. Tôi không còn biết có những vấn đề gì được đặt ra cho một người muốn tạo

cho mình một chỗ đứng trong cuộc sống. Tôi chưa bao giờ làm việc bằng tay của mình. Tôi chỉ là một anh thợ điện quèn. Tôi chỉ tự hứa với mình một điều duy nhất: sống sao cho sạch sẽ, ít ra cũng sạch sẽ nhất trong khuôn khổ đạo đức của riêng mình.

Tôi về đến nhà thì đã mười bốn giờ.

- Thế nào Papi, lần đầu tiên hít không khí tự do khoái chứ? Cậu đi chơi vui hả?

Hay lắm, Guittou ơi, tôi cứ quanh di quẩn lại mãi trên các đường phố ở vùng ngoại ô lớn này.

- Anh có gặp bọn Tàu không?

Không.

Họ ở ngoài sân. Các bạn anh rất tháo vát. Họ đã kiếm bốn mươi đô-la và họ nhất định bắt tôi phải nhận hai mươi đô. Tất nhiên, tôi không chịu. Anh ra mà xem.

Quých đang thái một cây bắp cải cho con heo của anh ăn. Anh cụt đang kỳ cọ con lừa. Nó cứ đứng yên, có vẻ thích cho lắm.

- Thế nào Papillon?

- Tốt, còn các anh ra sao?

- Chúng tôi thích lắm, chúng tôi đã kiếm được bốn mươi đô-la.

- Các anh làm gì?

- Chúng tôi đi từ ba giờ sáng về vùng quê với một người đồng hương để anh ta chỉ dẫn cho. Anh ta mang theo hai trăm đô-la. Với số tiền ấy, chúng tôi mua cà chua, rau sà-lách, cà tím, nghĩa

là các loại lau tươi và xanh. Vài con gà, trứng và sữa dê. Chúng tôi mang ra chợ ở gần bến tàu và thoạt tiên chúng tôi bán cho người ở đây bán lẻ ít một, sau bán cho thủy thủ Mỹ. Họ bằng lòng về giá cả và họ bảo tôi là ngày mai, tôi không phải vào chợ nữa, tôi cứ đợi ở cổng trước bến. Họ sẽ mua tất cả cho. Tiền đây. Anh là người chỉ huy, anh cầm lấy tiền.

- Quých, anh biết là tôi cũng có tiền, tôikhông cần đến món tiền này.

- Anh cứ giữ lấy. Nếu không, chúng tôi không làm việc nữa.

- Các anh hãy nghe tôi. Người Pháp có năm đô-la là sống được rồi. Chúng ta mỗi người cũng lấy năm đô-la để riêng cho mình, năm đô-la góp tiền ăn. Còn lại ta cất đi để trả nợ cho đồng hương các anh số hai trăm đô-la mà họ cho anh mượn.

- Đồng ý.

- Ngày mai, tôi muốn đi với các anh.

Không, anh cứ ngủ. Nếu anh muốn, bảy giờ sáng anh tìm chúng tôi trước cổng bến tàu.

- Được

Mọi người đều vui vẻ. Trước tiên, chúng tôi thấy đã kiếm sống được, không còn là gánh nặng cho các bạn. Sau Guittou và hai anh kia, họ tuy tốt thật, nhưng họ cũng phải lo không biết bao nhiêu lâu nữa chúng tôi mới có thể tự đi kiếm sống được.

Để ăn mừng việc làm phi thường này của bạn anh, Papillon ơi,

chúng ta phải uống hai lít rượu. Julot đi một lát thì về, mang theo rượu mía trắng và đồ nhắm: Một giờ sau, chúng tôi uống rượu như ở Marsille. Rượu vào lời ra, và những tiếng cười vui đời vang lên ròn rã hơn thường lệ. Những người ân hàng xóm nghe nói ở bên nhà người Pháp có tiệc cũng sang chơi tự nhiên, có ba người đàn ông và hai cô gái. Họ mang những xiên thịt gà và thịt dê được tẩm rất nhiều tiêu ớt. Hai cô gái đẹp lạ thường, cả hai mặc toàn trắng, đi chân đất, cổ chân trắng đeo vòng bạc. Guittou nói với tôi:

- Cẩn thận, con gái trinh nguyên cả đấy. Anh đừng vì thấy họ để ngực trần dưới tấm voan mỏng trong mà ăn nói sàm sỡ với họ. Đối với họ thế là tự nhiên. Tôi thì không sao, tôi già rồi. Hồi mới tới đây, Julot và Louis nhỏ đã thử bờm sơm chút đỉnh, cả hai đã lãnh đủ. Các cô này không chịu sang đây từ lâu rồi. Hai cô gái ấn Độ này đẹp tuyệt trần. Vết xăm giữa trán làm cho cả hai có một vẻ gì kỳ ảo. Hai cô nói chuyện tử tế với tôi, và với vốn liếng tiếng Anh ít ỏi của mình, tôi cũng hiểu rằng hai cô hoan nghênh việc tôi đến thành phố George này.

Đêm nay, Guittou và tôi đã đi vào trung tâm thành phố. Đến đấy tưởng như đi vào một nền văn minh khác, hoàn toàn xa lạ với nơi chúng tôi sống. Thành phố đông nghẹt người. Da trắng, da đen, người ấn Độ, Trung Hoa, quân nhân và lính thuỷ mặc quân phục cùng một số thủy thủ các thương thuyền. Rất nhiều quán

rượu, tiệm ăn, tiệm giải khát và hộp đêm với ánh đèn gay gắt làm đường phố sáng như ban ngày.

Sau buổi xem phim (lần đầu tiên trên đời tôi được biết phim màu, loại có cả tiếng nói nữa), còn đang ngây ngất với cái mùi đời mới được hưởng đó, tôi đi theo Guittou vào một quán rượu rất lớn. Hơn hai mươi người pháp chiếm một góc phòng. Họ uống "Cu ba tự do" (rượu cồn pha Coca cola).

Tất cả những người này đều là tù vượt ngục, dân anh chị cả. Có người đã mãn hạn, được thả rồi nhưng còn bị "quản thúc" tại chỗ. Đói khổ không có việc làm; lại bị dân chính quốc và cả dân địa phương Guyan khinh rẻ, họ đã tìm đến một xứ sở mà họ cho là sẽ sống khá hơn. Nhưng ở đây họ vẫn rất cực, họ kể lại vậy.

- Tôi vào rừng chặt củi cho John Fernandaz lấy hai đô la rưỡi một ngày - Tháng nào tôi cũng về thành phố George chơi tám ngày. Tôi tuyệt vọng rồi.

- Còn anh?

- Tôi sưu tầm bướm. Tôi vào rừng săn bướm và khi có được một lô kha khá những con bướm các loại, tôi xếp chúng vào một cái hộp kính tồi đem bán cả bộ sưu tập

Có người đi bốc dỡ hàng ở bến cảng. Ai cũng làm việc không chỉ vừa đủ ăn. "Cực đấy nhưng được tự do, họ nói thế. Tự do quý lắm".

Tối nay, có một người tù biệt xứ tên là Faussarđ đến thăm chúng

tôi. Anh mời tất cả cùng uống. Anh làm trên một chiếc tàu Canađa chở bốc-xít (bị trúng ngư lôi ở cửa sông Demerara). Anh sống sót và được trợ cấp đắm tàu. Thủy thủ đoàn chết gần hết. Anh may mắn lên được xuồng cấp cứu. Anh kể lại rằng chiếc tàu ngầm Đức đã nổi lên mặt nước và nói chuyện với những người còn sống sót sau khi tàu đắm. Chúng hỏi có bao nhiêu tâu còn đậu ở bến chờ được xếp bốc-xít và sắp rời cảng. Tất cả đều trả lời là không biết, thằng cha hỏi họ liền cười và nói: "Hôm qua, tôi còn xem chiếu bóng ở rạp nây rạp nọ trong thành phố George. Các anh coi đây tôi còn giữ được nửa tám vé vào cửa đây này": Rồi chỉ vào áo vét ngoài, hắn lại nói: "Bộ quần áo này cũng mua ở thành phố George đấy". Có những người hoài nghi kêu là chuyện bịa nhưng Faussard nhất định bảo là đúng như vậy thật. Chiếc tàu ngầm còn báo trước cho những người đắm tàu biết là tàu nào sẽ đến vớt họ. Về sau đúng chiếc tàu ấy đã đến đón họ thật. Ai cũng nói chuyện mình.Tôi và Guittou ngồi cạnh một ông già dân Pa ri, ở Khu Chợ. Ông ta nói tên ông là Louis Nhỏ ở đường Lombards.

- Anh bạn Papillon ơi, tôi nghĩ ra một mẹo để chẳng làm gì mà vẫn sống được. Hễ trên báo ở mục "hy sinh vì vua" hay "vì nữ hoàng" (tôi cũng chẳng rõ nữa), có tên một người Pháp, là tôi tìm đến một cửa hàng bán mộ chí bằng đá, thuê chụp một tấm hình có tôi đứng bên một tấm bia có sơn tên tàu, ngày tàu đắm và tên

người Pháp nọ. Sau đó tôi đến các biệt tự sang trọng của người Anh, tôi nói là họ phải góp tiền xây mộ cho người Pháp kia đã hy sinh cho nước Anh để lưu lại làm kỷ niệm tại nghĩa trang. Cho đến tuần vừa qua, có một thằng ngốc người Bretagne được đăng là chết trong một vụ đắm tàu vì trúng ngư lôi, lại sống nhăn răn ra mà trở về. Thằng cha ấy đi thăm mấy bà, đúng là những người tôi đã quyên năm đô-la để xây mộ cho hắn. Thằng cha đi đâu cũng réo lên là nó còn sống sờ sờ ra đấy, còn tôi thì chẳng làm tấm bia nào cả. Phải kiếm cách khác để sống thôi, vì với tuổi tôi tôi không làm gì nổi rồi.

Rượu vào ai cũng lớn tiếng kể đủ các chuyện bất ngờ nhất, tưởng ở đây chỉ có chúng tôi biết tiếng Pháp. Một người kể :

- Tôi làm búp bê và tay ghi-đông xe đạp bằng balata. Chẳng may mấy con bé để quên búp bê ở ngoài vườn dưới nắng, thế là búp bê chảy ra, hay rúm ró lại. Anh tưởng tượng khi tôi quên khuấy là mình đã bán ở đường phố nào, thì chuyện rùm beng đến đâu không. Đã một tháng nay, ban ngày tôi không dám đi đâu đến nửa cái thành phố George này. Xe đạp cũng vậy, thằng nào đi xe ngoài nắng, khi lấy xe là tay bị dính chặt vào tay lái làm bằng balata mua của tôi.

Một người khác kể:

- Còn tôi, tôi làm roi ngựa, có gắn đầu đàn bà da đen, cũng bằng balata. Với thủy thủ Anh, tôi nói tôi đã thoát chết ở trận Mers-el-

Kebir*(*Mers-el-Kebir là một thành phố cảng của Algérie còn là thuộc địa Pháp hồi đại chiến thế giới lần thứ hai. Lúc Pétan đầu hàng Đức, có một hạm đội Pháp bỏ neo ở quân cảng Mers-el-Kebir đã không chấp nhận cả hai đề nghị của hạm cuội Anh ở Địa Trung Hải: hoặc chiến đấu chống phát xít Đức, hoặc phải để hải quân Anh tước khí giới để khỏi rơi vào tay bọn Đức. Các tàu Pháp không chịu, hải quân Anh đã nổ súng ngày 3.7.1940 đánh chìm các tàu Pháp ở đó làm chết 1297 thủy thủ Pháp - ND) nên họ phải mua cho tôi vì nếu tôi sống sót được, điều ấy không phải là lỗi của họ. Mười người thi có đến tám người đã mua.
Tôi khoái những kẻ đầu trộm đuôi cướp hiện đại, nhưng đồng thời cũng thấy rằng kiếm được miếng ăn quả là gian nan.

Có người mở máy thu thanh ở quầy rượu: De Gaulle đang đọc lời kêu gọi. Tất cả đều nghe tiếng nói của Pháp đang từ London hiệu triệu người Pháp sống tại các thuộc địa và đất hải ngoại. Lời kêu gọi của De Gaulle thống thiết làm mọi người im phăng phắc lắng nghe.
Bỗng, một tay anh chị đã quá chén đứng phắt dậy nói:
- Mẹ kiếp. Nói nghe được lắm, các bạn ơi. Thế là tự nhiên, tớ học được tiếng Anh, tớ hiểu hết tất cả những gì cái lão Churchill đó nói.
Mọi người cười phá lên, chẳng ai thiết vạch ra cho tay ấy biết

hắn lầm cả.

Đúng là trước tiên tôi phải tìm cách kiếm sống, và qua những người khác, tôi thấy việc đó không dễ chút nào. Tôi không lo mấy. Từ năm 1930 đến 1940, tôi đã hoàn toàn không còn trách nhiệm với mình và cũng không phải cho lấy lòng ai. Một con người bị giam cầm lâu như vậy, không phải lo việc ăn uống, lo chỗ ở, lo chuyện may mặc, một con người đã bị kẻ khác điều khiển, xoay tới xoay lui, không được tự ý làm bất cứ việc gì phải tuân theo như máy đủ các mệnh lệnh linh tinh nhất mà không được suy nghĩ gì. Con người như vậy chỉ trong vài tuần bỗng rơi tõm vào một thành phố lớn, rồi phải tập lại cách đi trên hè phố mà không xô đẩy ai, qua đường mà không bị xe cán, thấy người khác hầu hạ việc ăn uống của mình, nghe theo lệnh của mình, con người ấy phải tập lại cách sống. Chẳng hạn, người ấy có những phản ứng bất ngờ. Giữa những dân anh chị này, người thì được phóng thích, kẻ bị đi đày đã vượt ngục, nói tiếng Pháp thỉnh thoảng lại pha vài tiếng Anh hay tiếng Bây Ban Nha, tôi dỏng tai nghe chuyện họ kể. Bỗng nhiên, trong cái quán rượu Anh này tôi muốn đi tiểu. Vậy mà, thật không sao tưởng tượng nổi, chỉ thoáng qua thôi, tôi định tìm giám thị để xin phép đi. Chỉ thoáng qua rất nhanh, nhưng nhận ra điều đó, tôi thấy nực cười, Papillon ơi, bây giờ mi không phải xin phép ai khi muốn đi tiểu hay làm bất cứ việc gì.

ở rạp chiếu bóng cũng vậy, khi cô nhân viên tìm chỗ cho chúng tôi ngồi, tôi thoáng có ý muốn nói với cô ta: "Xin cô cứ để mặc tôi, tôi chỉ là một tên tù không đáng phải bận tâm đâu", đi ngoài đường, từ rạp chiếu bống đến quán rượu, tôi cứ ngoái nhìn phía sau: Guittou vốn biết thói quen đó đã bảo tôi

- Sao cao cậu cứ quay nhìn lại phía sau luôn thế? Cậu xem lính có đi theo cậu không chứ gì? ở đây không có lính đi theo cậu đâu, Papi. Cậu đã để chúng ở lại trại giam rồi.

Theo lối nói hình tượng của dân tù, thì phải trút bỏ bộ cánh của dân tù đi. Còn hơn thế nữa, vì quần áo tù khổ sai chỉ mới là một vật tượng trưng. Không phải chỉ lột bộ cánh là xong, phải rứt ra khỏi tâm hồn và trí óc cái dấu tù được khắc bằng lửa ô nhục.

Một đội tuần tra Anh toàn lính da đen, ăn mặc chừng chạc vào quán rượu. Họ đi từng bàn, hỏi thẻ căn cước. Đến góc chúng tôi ngồi, đội trưởng nhìn kỹ mặt mọi người. Có một khuôn mặt người đó chưa biết, đấy là tôi.

- Xin ông cho xem căn cước.

Tôi đưa giấy cho anh ta. Anh liếc nhìn qua rồi đưa trả tôi ngay, và nói:

- Xin lỗi, tôi chưa được biết ông, thành phố George rất vui mừng được đón tiếp ông.

Rồi anh đi ra.

Khi anh ta đã ra hẳn, Paul Savoie nói:

- Bọn cảnh sát ở đây hay tuyệt, những người nước ngoài được họ tin cậy là tù vượt ngục trăm phần trăm. Làm sao chứng minh cho nhà cầm quyền Anh biết được cậu là tù vượt ngục, thế là cậu được tự do ngay tức khắc đấy.

Mãi khuya mới trở về nhà. Mới bảy giờ sáng, tôi đã có mặt ở cổng cảng. Nửa giờ sau Quých và anh cụt đã chở đến một xe ba gác đầy rau tươi vừa hái lúc sáng sớm, lại có cả trứng và vài con gà. Chỉ có hai người thôi. Tôi hỏi người đồng hương đã chỉ dẫn họ cách làm ăn đâu rồi. Quých đáp:

- Hôm qua, anh ta đã chỉ cho tôi, thế là đủ. Bây giờ chẳng cần ai dạy bảo nữa.

- Anh đi kiếm những thứ này ở xa lắm hả?

- Phải đi mắt hơn hai tiếng rưỡi. Bọn tôi đi từ ba giờ sáng, bây giờ mới tới đây.

Quých kiếm ngay được trà nóng và bánh tráng, anh như người đã ở đây hai mươi năm rồi. Chúng tôi ngồi bên lề đường, cạnh xe ba gác, ăn uống và chờ khách tới mua.

- Bọn Mỹ hôm qua đã mua, liệu hôm nay có đến không?

- Tôi hy vọng họ sẽ tới, nếu họ không tới, ta bán cho người khác.

- Còn giá cả thì sao? Anh tính thế nào?

- Tôi không nói với họ: Cái này giá bây nhiêu. Tôi hỏi họ: anh trả bao nhiêu?

- Nhưng anh có biết tiếng Anh đâu?

- Đúng, nhưng tôi biết dùng tay chỉ trỏ, dễ lắm. Anh nói được tiếng Anh đủ để mua bán, anh làm trước đi, - Quých nói với tôi.
- Được nhưng tôi muốn xem anh làm một mình đã.
Không bao lâu, một chiếc xe jeep lớn được gọi là com-măng-ca tới. Một lái xe, một hạ sĩ quan và hai lính thủy ở trên xe đi xuống, viên hạ sĩ leo lên xe ba gác, xem tất cả các thứ hàng hóa, rau xà lách, cà tím, v.v. sau khi kiểm tra kỹ các món kia, y nắn mấy con gà.
- Tất cả bao nhiêtu?
Thế là hai bên bắt đấu mà cả:
Tên lính thấy nói giọng mũi. Tôi chẳng hiểu y nói gì. Quých búng búng nói nửa tiếng Tàu nữa tiếng Tây..
Thấy hai bên không ai hiểu được ai, tôi kéo Quých ra một bên.
- Anh mua tất cả hết bao nhiêu?
Anh ta móc túi thấy còn mười bảy đô la
- Một trăm tám mươi ba đô-la, - Quých nói với tôi
- Họ trả bao nhiêu?
- Hình như là hai trăm mười đô-la, tôi thấy chưa đủ
Tôi tiến vê phía viên hạ sĩ, y hỏi tôi có nói được tiếng Anh không. Tôi nói là được chút ít.
- Ông nói chấm chậm nhé, - tôi nói với y.
- Được.
- Các ông trả báo nhiều? Hai trăm mười đô la không được đâu.

Phải hai trăm bốn mươi.

Y không chịu.

Y giả bộ bỏ đi, quay lại, rồi lại bỏ đi rồi ngồi lên xe jeep, nhưng tôi cảm thấy y đang đóng kịch. Đứng lúc y xuống xe lần nữa thì hai cô bạn ấn hàng xóm với tôi, vẫn che nửa mặt, đi tới. Chắc các cô đã quan sát cảnh buôn bán của chúng tôi, vì các cô làm như không biết chúng tôi. Một cô leo lên xe ba gác, xem xét số hàng rồi hỏi chúng tôi.

- Tất cả bao nhiêu?

- Tất cả hai trăm bốn mươi đô la, tôi đáp.

Cô ta nói: "Được rồi".

Nhưng tên lính Mỹ đã lấy hai trăm bốn mươi đô-la ra đưa cho Quých và nói với các cô gái ấn rằng y đã mua những thứ đó rồi. Các cô bạn láng giềng của tôi cũng không chịu đi mà đứng xem bọn Mỹ bốc hàng trên xe ba gác chất lên com-măng ca. Phút cuối cùng, một tên lính thủy vớ luôn cả con heo, tưởng nó cũng thuộc mớ hàng đã được thỏa thuận bán. Tất nhiên, Quých không chịu để họ bắt heo đi. Thế là bắt đầu một cuộc cãi cọ trong đó chúng tôi không làm sao giải thích nổi cho họ hiểu rằng con heo không ở trong lô hàng đem bán.

Tôi cố làm cho các cô gái ấn hiểu như vậy, nhưng khó quá Chính các cô cũng không hiểu gì. Bọn lính thủy Mỹ thì không chịu rời heo ra, Quých không chịu trả lại tiền, có lẽ xảy ra đánh lộn mất.

Anh cụt đã rút một thanh gỗ xe ba gác ra, thì một xe jeep quân sự đi ngang. Viên hạ sĩ thổi còi. Bọn Quân cảnh đến gần. Tôi bảo Quých hãy trả lại tiền nhưng anh nhất định không chịu. Bọn lính thủy đã giữ con heo cũng nhất định không trả heo. Quých đứng chắn trước xe díp, không để cho xe đi. Một nhóm khá đông những người hiếu kỳ vây quanh cái cảnh huyên náo này. Bọn quân cảnh Mỹ bênh bọn lính thủy, vả lại, họ cũng chẳng hiểu chúng tôi nói gì. Họ tưởng là chúng tôi định đánh lừa các thủy thủ.

Tôi chưa biết xoay xở ra sao thì sực nhớ có ghi số điện thoại Câu lạc bộ Thủy thủ cùng tên anh chàng người Martinique. Tôi đưa cho viên sĩ quan quân cảnh và nói: "Gọi phiên dịch". Y đưa tôi đến một cái máy điện thoại. Tôi gọi mà may làm sao, tóm được anh bạn theo phái De Gaulle của tôi. Tôi nhờ anh giải thích cho viên sĩ quan quân cảnh hiểu rằng đấy là con heo đã được thuần hóa, nó như con chó của Quých, rằng chúng tôi đã quên không nói trước với các thủy thủ là nó không thuộc vào lô hàng đem bán. Sau tôi đưa ống nghe cho viên sĩ quan quân cảnh. Chỉ ba phút sau là y hiểu cả. Tự tay y cầm con heo đưa trả Quých, làm anh ta sung sướng quá, ôm nó vào lòng và vội đưa nó lên xe ba gác ngay. Sự việc đã chấm dứt vui vẻ, và tốp lính Mỹ cười như nắc nẻ. Ai đi đường người nấy, và thế là xong.

Buổi tối ở nhà, chúng tôi cảm ơn các cô bạn ấn Độ. Mấy cô cũng

cười rất dữ về chuyện này.

Chúng tôi ở Georgetown đã được ba tháng. Hôm nay, chúng tôi về ở phần nhà của các bạn ấn Độ nhượng cho chúng tôi. Hai phòng sáng sủa rộng rãi, một phòng ăn, một bếp nấu ăn nhỏ đun than và một cái sân rộng mênh mông, trong góc có mái tôn để gia súc trú. Chiếc xe ba gác và con lừa cũng có chỗ chu đáo. Tôi được ngủ một mình một giường to có nệm ấm. Hai anh bạn Tàu ở phòng bên, mỗi người một giường riêng. Chúng tôi còn một cái bàn và sáu ghế tựa cùng bốn ghế đẩu. Trong bếp có đủ dụng cụ nấu nướng. Sau khi cám ơn Guittou và các bạn về nhà chúng tôi, như lời Quých nói. Trước cửa sổ phòng ăn nhìn ra đường chễm chệ chiếc ghế phô-tơi quà tặng của các cô bạn ấn.Trên bàn ăn, trong bình thủy tinh, có cắm hoa tươi do Quých mang về. Cảm giác có căn nhà riêng đầu tiên của mình, xoàng xĩnh nhưng sạch sẽ căn nhà sáng sủa tinh tươm, kết quả đầu tiên của ba thằng cùng kiến ăn chung, làm tôi tin tưởng vào bán thân và vào tương lai.

Mai là chủ nhật, không có chợ, vậy là chúng tôi được tự do cả ngày. Ba chúng tôi quyết định nấu một bữa mời Guittou và các bạn anh, mời cả các cô bạn ấn Độ với mấy người anh, em của họ. Khách danh dự là bác ba Tàu đã giúp Quých và anh cụt, đã tặng hai người chiếc xe ba gác với con lừa, lại còn cho chúng tôi mượn hai trăm đô-la để khởi đầu chuyện buôn bán của chúng tôi.

Bác ta sẽ thấy trên đĩa đặt trước mặt bác, một cái phong bì trong có hai trăm đô la, và một tấm giấy của cả ba chúng tôi cảm ơn bác, viết bằng chữ Hán.

Sau con heo mà anh yêu dấu, Quých dành tất cả tình bạn của anh cho tôi. Anh luôn luôn chăm chút tôi từng ly từng tí. Trong ba người chúng tôi, tôi là người ăn mặc tươm tất nhất, và đi đâu anh cũng thường mang về cho tôi một cái áo sơ mi, một chiếc cà vạt hay một cái quần dài. Anh mua những thứ dó bằng tiền riêng của anh. Mỗi ngày cả ba chúng tôi kiếm được từ hai mươi lăm đến ba mươi đô la cũng chẳng là bao, nhưng chúng tôi hài lòng vì thấy đã mau chóng tự kiếm sống được. Không phải lúc nào tôi cũng đi mua hàng với hai anh, tuy tôi đi thì mua được rẻ hơn. Bây giờ tôi chuyên bán hàng, nhiều lính thủy Mỹ và Anh được cử lên bờ để mua hàng cho tàu của mình, đã quen biết tôi. Chúng tôi nói chuyện giá cả với nhau rất tử tế, không nóng nẩy. Có một gã cao lớn phụ trách bếp ăn của sĩ quan Mỹ, một thằng Mỹ gốc ý, chỉ nói với tôi bằng tiếng ý. Nó sung sướng ra mặt khi thấy tôi trả lời bằng tiếng mẹ đẻ của nó và chỉ mặc cả cho vui. Cuối cùng, nó mua với giá tôi đòi từ khi bắt đầu gặp nhau.

Chừng tám giờ rưỡi đến chín giờ sáng, chúng tôi đã về nhà. Cả ba chúng tôi ăn một bữa nhẹ rồi anh cụt và Quých đi nằm, còn tôi sang tìm Guttou, hay các cô láng giềng sang chơi bên tôi. Việc nhà chẳng có mấy, chỉ quét nhà, giặt đồ, làm giường, dọn

dẹp nhà cho sạch sẽ, hai chị em hàng ngày làm việc đó cho chúng tôi rất chu đáo mà chẳng lấy bao nhiêu, có hai đô la mỗi ngày. Tôi đã biết đầy dủ thế nào là tự đo, không còn phải kinh hoàng lo nghĩ đến tương lai nữa.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Gia đình Ấn độ của tôi

Phương tiện đi lại được dùng nhiều nhất trong thành phố này là xe đạp. Tôi cũng mua một chiếc để đi đây đi đó cho thuận tiện. Vì thành phố và vùng lân cận ở nơi đất bằng phẳng, nên có thể đi những đoạn đường dài mà không cần mất nhiều sức. Xe đạp có hai cái đèo hàng rất khỏe, một ở đằng trước, một ở đằng sau. Cho nên, cũng như nhiều người địa phương, tôi có thể chở hai người một cách dễ dàng.

ít nhất hai lần một tuần, chúng tôi thường dạo chơi một hai tiếng đồng hồ với các cô bạn ấn Độ. Các cô sướng mê tơi và tôi bắt đầu nhận thấy một trong hai cô, cô trẻ, đang yêu tôi.

Tôi chưa gặp ông bố cô bao giờ, hôm qua ông đã sang tôi. Ông ở không xa nhà tôi mấy, nhưng ông không bao giờ đến thăm chúng tôi, và tôi chỉ biết các anh em trai của cô. Ông ta là một cụ già cao lớn có bộ râu rất dài, trắng như cước. Tóc ông cụ cũng bạc trắng để lộ một vầng trán thông minh và cao quý. Ông chỉ nói tiếng ấn, con gái ông dịch lại. Ông mời tôi đến nhà ông, ông bảo con gái ông, mà tôi gọi là nàng công chúa nhỏ, nói với tôi rằng đi xe đạp không xa lắm. Tôi hứa sẽ đến thăm ông một ngày gần đây.

Sau khi ăn vài chiếc bánh ga tô và uống trà, ông ra về, nhưng tôi đã kịp nhận xét là ông để ý đến từng chi tiết nhỏ trong nhà. Nàng công chúa nhỏ sung sướng thấy ông bố hài lòng về cuộc viếng thăm nàng và về chúng tôi.-

Tôi ba mươi sáu tuổi, và sức khỏe tôi rất tốt, tôi cảm thấy mình còn trẻ, và cũng được cái may là tất cả mọi người đều coi tôi là còn trẻ, tất cả các bạn tôi đều nói là trông tôi chưa tới ba mươi. Thế mà cô này mới mười chín, cô lại có cái vẻ đẹp thanh thản của nòi giống cô cùng cách suy nghĩ cực đoan tin vào số mệnh. Đối với tôi, được cô gái lộng lẫy này yêu là món quà quý báu của trời cho.

Khi chúng tôi đi chơi cả ba, bao giờ cô cũng leo lên giá đèo hàng phía trước, cô biết rất rõ là cô cứ ngồi rất thẳng người trên xe, tôi cố dấn lên bàn đạp, hơi cúi đầu về trước là mặt tôi kề sát mặt cô.

Nếu cô ngã đầu về phía sau, tôi sẽ được hưởng trọn vẹn quang cảnh đôi vú xinh đẹp để trần dưới tấm voan mỏng mà nếu vén lên chắc còn đẹp gấp bội. Đôi mắt đen của cô rực cháy mỗi lần xảy ra những sự va chạm nhỏ này và đôi môi đỏ thăm trên nền da màu lá trà, hé mở vẻ thèm khát muốn được hôn. Hàm răng trắng bóng rất đẹp tô điểm thêm cho cái miệng tuyệt vời..
Tối nay, chỉ có hai đứa chúng tôi đi xem chiếu bóng, hình như cô chị nhức đầu, một cơn nhức đầu mà tôi cho là giả tạo, cốt để hai đứa tôi được đi riêng với nhau. Cô ta mặc áo ngoài bằng mousseline trắng, dài đến tận gót chân trần, mỗi khi bước lại để lộ ba chiếc vòng bạc. Cô đi dép có quai vàng lồng vào ngón chân cái làm chân cô duyên dáng thêm. ở lỗ mũi phải, cô gắn một hạt kim cương màu vàng rất nhỏ. Tấm voan mousseline che đầu ngắn và nhẹ nhàng rủ xuống quá bờ vai một chút, một dải ru băng vàng giữ tấm voan đính trên đầu. Từ giữa trán, trên dải băng đó, rủ xuống ba sợi chỉ gắn những viên đá đủ màu. Kiểu trang điểm làm nổi bật cái chấm xanh thẫm trên trán những khi cô lúc lắc cái đầu. Cả gia đình ấn lẫn gia đình tôi, trong đó có cả Quých và anh cụt, đều mặt mày tươi tỉnh nhìn hai chúng tôi đi ra, sung sướng thấy gương mặt chúng tôi tràn trề hạnh phúc. Hình như ai nấy đều biết chắc chúng tôi xem chiếu bóng về là đã đính hôn với nhau rồi. Nàng ngồi yên vị trên nệm ghế đèo hàng rồi, tôi mới cho xe lăn bánh về phía trung tâm thành phố.

Trong khi tôi thả chiếc xe chạy một quãng dài, trên con đường rộng dưới ánh đèn lờ mờ, cô gái đẹp lộng lẫy này đã đặt lên môi tôi một cái hôn nhẹ nhàng. Cử chỉ chủ động này bất ngờ đến nỗi tôi suýt ngã xe.

Ngồi tít phía sau trong phòng chiếu bóng, tay nắm tay, tôi nói với nàng bằng mấy ngón tay và nàng cũng đáp lời tôi bằng ngôn ngữ của ngón tay. Cuộc tâm tình đầu tiên của chúng tôi trong khi xem phim - mà chúng tôi cũng chẳng biết là phim gì nữa - là một cuộc nói chuyện thầm lặng. Mấy ngón tay móng dài được chải chuốt và tô son hát lên một khúc tình ca say đắm, nói cho tôi rò mối tình đằm thắm của nàng còn minh xác hơn cả ngôn ngữ. Nàng ngả đầu vào vai tôi để tôi có thể hôn khuôn mặt thanh khiết của nàng.

Mối tình e ấp, qua nhiều thời gian mới nảy nở, nhanh chóng biến thành một niềm say đắm trọn vẹn. Trước khi nàng thuộc về tôi, tôi đã nói cho nàng biết là tôi không thể cưới nàng được, vì tôi đã có vợ ở Pháp. Điều đó cũng chẳng làm nàng phiền lòng mấy. Một đêm, nàng đã ở lại với tôi. Nàng nói với tôi rằng nàng muốn tôi về sống với nàng tại nhà bố nàng, như vậy tiện cho các anh em trai của nàng, và cho vài gia đình nhà người ấn láng giềng. Tôi nhận lời và dọn về nhà bố nàng. Ông cụ vẫn sống một mình, có một cô cháu họ xa hầu hạ ông và dọn dẹp nhà cửa. Nơi này cách nhà Quých không xa bao nhiêu, chỉ chừng năm trăm mét.

Cho nên hai bạn tôi tối nào cũng sang chơi với chúng tôi hơn một giờ. Họ cũng thường sang chơi với chúng tôi.
Chúng tôi vẫn tiếp tục buôn bán rau cỏ ở bến tàu. Tôi ra đi từ sáu giờ rưỡi và gần như lúc nào nàng cũng đeo theo tôi. Một bình thủy lớn đựng trà, một bình mứt và một ổ bánh mì nướng, tất cả ở trong một túi xách to đã đợi sẵn Quých và anh cụt để chúng tôi cùng uống trà với nhau. Nàng tự tay làm các thức ăn sáng và tuân thủ tuyệt đối nghi thức: bốn người phải cùng ăn bữa đầu tiên trong ngày. Trong túi xách của nàng, có đủ mọi thứ cần thiết: một tấm chiếu nhỏ viền đăng ten, mà nàng trịnh trọng đặt xuống vỉa hè sau khi đã dùng chổi quét sạch chỗ đó, bốn bộ tách nhỏ có cả đĩa. Ngồi ở lề đường, chúng tôi ăn điểm tâm, rất nghiêm túc. Ngồi lề đường mà uống trà như ở nhà kể cũng buồn cười, nhưng cả nàng và Quých đều coi thế là tự nhiên. Họ chẳng cần để ý đến những người đi qua và thấy làm như vậy là bình thường. Tôi không muốn cản nàng. Nàng thích hầu hạ chúng tôi luôn tay phết mứt lên bánh tôi mà không ưng là nàng rất buồn.
Thứ bảy vừa qua, có một việc xảy ra đã cho tôi biết được một điều bí mật. Chúng tôi ăn ở với nhau đã được hai tháng, và nàng thỉnh thoảng lại cho tôi một ít vàng. Cũng chỉ là những mảnh tư trang gãy, vỡ, một nửa cái nhẫn vàng, một chiếc bông tai, một đoạn dây chuyền, một phần tư hay một nửa chiếc huân chương hoặc một đồng tiền. Tuy nàng bảo tôi cứ bán đi, nhưng tôi không

cần đến, cứ cho tất cả vào một cái hộp. Tôi có gần bốn trăm gam vàng. Khi tôi hỏi nàng vàng ở đâu ra, thì nàng kéo tay tôi, hôn tôi rồi cười nhưng không chịu nói gì.

Hôm thứ bảy ấy, vào lúc mười giờ sáng, nàng bảo tôi lấy xe chở bố đi, tôi cũng không biết đi đâu. Nàng nói :

- Ba em sẽ chỉ đường cho anh. Em phải ở nhà để ủi đồ.

Tôi tò mò nghĩ là ông già chắc đi thăm ai ở xa, và vui vẻ nhận lời.

Ông lão ngồi lên giá đèo hàng phía trước và không nói gì, vì ông ta chỉ nói được tiếng ấn. Tôi đi theo hướng ông ta chỉ. Đường xa, tôi đạp đã gần một giờ. Chúng tôi đến một khu phố giàu có bên bờ biển. Nhà toàn là biệt thự đẹp. Ông "bố vợ" vừa ra hiệu, tôi dừng lại ngay và tôi để ý quan sát. Ông lão lấy trong túi áo ngoài ra một viên đá tròn và trắng rồi quỳ trên bậc thềm thứ nhất của nhà đầu tiên. Ông lão vừa lăn hòn đá trên bậc thềm vừa hát. Vài phút trôi qua. Một phụ nữ mặc quần áo ấn từ trong biệt thự đi ra, lại gần ông già và lẳng lặng đưa cho ông một vật gì đấy. Ông cứ đi từ nhà nọ sang nhà kia, diễn lại cảnh ấy cho đến mười sáu giờ. Cứ thế kéo dài mà tôi vẫn không hiểu gì. Đến biệt thự cuối cùng một người đàn ông vận toàn đồ trắng ra gặp ông. Người này bảo ông đứng dậy, quàng lấy tay ông rồi dẫn ông vào nhà. Ông cụ ở đó hơn mười lăm phút rồi mới ra, vẫn có ông kia đi kèm. Trước khi chia tay nhau, ông này còn hôn trán ông già, đúng hơn là hôn

mái tóc bạc của ông.

Chúng tôi đi về, tôi cố sức đạp để về cho mau vì đã hơn bốn rưỡi chiều.

Cũng may, chúng tôi về đến nhà trước khi trời tối. Indara cô gái ấn xinh đẹp của tôi, dẫn bố vào trước rồi nhảy lên ôm cổ tôi hôn hít và kéo tôi vào với gương sen để tôi tắm. Quần áo sạch sẽ chờ sẵn, sau khi tắm rửa, cạo mặt, thay quần áo, tôi mới ngồi vào bàn ăn. Nàng tự tay dọn cho tôi ăn như thường lệ. Tôi muốn hỏi nàng nhưng nàng cứ xăng xở đi lại làm ra vẻ bận rộn để lẩn tránh, kéo dài thật lâu lúc phải trả lời các câu hỏi của tôi. Tôi nóng lòng muốn biết sự việc. Nhưng tôi cũng biết là không bao giờ nên ép người ân hay người Tàu nói. Cần phải tôn trọng một thời gian nhất định. Lúc đó tự họ sẽ nói vì họ đoán biết rằng anh đang chờ nghe một điều tâm sự của họ: nếu anh xứng đáng, thì họ sẽ nói. Đối với Indara cũng đúng như vậy. Sau khi cùng ngủ chung với nhau, nàng mới áp cái má còn nóng hổi vào hõm vai tôi và nói mà không nhìn tôi:

- Mình đi, mình có biết rằng khi ba di kiếm vàng, ba không làm gì xấu không, trái lại kia đấy. Ba gọi các thần linh đến phù hộ căn nhà mà ba đã lăn hòn đá. Đó là một phong tục rất cổ xưa của nước Nam Dương chúng em.

Nàng công chúa của tôi kể cho tôi nghe như vậy. Nhưng một hôm một cô bạn của nàng nói chuyện với tôi ở chợ. Buổi sớm ấy,

cả nàng lẫn các chú Tàu chưa ai tới. Và câu chuyện cô gái xinh đẹp Nam Dương nói cho tôi nghe lại khác:

- Sao anh lại phải đi làm, một khi anh đã sống với con gái ông phù thủy? Chị ấy bắt anh dậy sớm, cả khi trời mưa, mà không thấy xấu hổ à? Với số vàng mà ba chị ấy kiếm ra, anh chẳng cần làm gì cũng sống được. Chị ấy không yêu anh, đáng lẽ chị không nên để anh dậy sớm như thế mới phải.

- Thế bố cô ấy làm gì? Cô nói cho tôi biết đi, vì tôi chẳng hiểu gì cả.

- Ông bố chị ấy là phù thủy Nam Dương. Ông có thể gọi thần làm cho anh hay gia đình anh chết nếu ông muốn. Chỉ một cách thoát khỏi bùa phép mà ông yểm cho anh bằng hòn đá ma là đưa cho ông kha khá vàng, ông sẽ lăn hòn đá ngược với chiều ông đã lăn để gọi thần chết đến. Bấy giờ, ông sẽ gỡ hết các bùa yểm ngược lại còn làm anh và những người trong nhà được khỏe mạnh, sống lâu.

- Indara để cho tôi không phải như vậy.

Tôi tự nhủ sẽ đối chiếu xem trong hai người, người nào nói đúng. Vài ngày sau, tôi đứng cùng với ông "bố vợ" có bộ râu bạc dài bên bờ một con suối chảy ngang qua đường Penitence Rivers rồi đổ vào sông Demerara. Nét mặt các ngư dân ấn làm tôi hiểu rõ hết. Mỗi người biếu ông một con cá rồi vội vã tránh cho xa bờ. Tôi đã hiểu. Chẳng cần phải hỏi ai nữa.

Ông bố vợ phù thủy chẳng dính dáng gì đến tôi. Ông chỉ nói tiếng ấn Độ với tôi và cho tôi hiểu. Tôi không bao giờ biết ông định nói gì. Thế cũng có mặt hay. Cứ coi như là đã đồng ý với nhau. Dù sao ông cũng kiếm được một việc cho tôi làm, tôi xăm trán tất cả các cô bé gái từ mười ba đến mười lăm tuổi. Thỉnh thoảng, ông lại vạch ngực các cô bé gái đó ra cho tôi xăm lá hay hoa màu lá xanh ve, hồng, lơ để đầu nhũ hoa nhô lên như nhụy một bông hoa. Vì xăm rất đau, cho nên chỉ có những cô gái can đảm mới bảo tôi xăm đầu nhũ hoa bằng màu hoàng yến. Có một vài cô (số này ít lắm) lại xăm đầu vú màu vàng.

Trước cửa nhà, ông già treo một tấm biển quảng cáo bằng chữ ấn, viết những gì đại loại là: "Nghệ sĩ - xăm người – giá phải chăng - công việc bảo đảm". Làm việc này được trả hậu, và tôi hai có hai cái khoái: ngắm bộ ngực đẹp của gái Nam Dương và kiếm ra tiền. Quých biết ở gần bến tàu có một quán ăn đang muốn bán anh hãnh diện báo tin đó cho tôi và đề nghị chúng tôi cùng mua. Giá phải chăng, có tám trăm đô-la. Bán vàng của ông phù thủy cộng với tiền tiết kiệm được của chúng tôi, đủ mua được cái quán ăn đó. Tôi đã đến xem. Nó ở một con đường nhỏ nhưng rất gần bến lúc nào cũng lúc nhúc những người là người. Một gian phòng vuông vức khá to, lát gạch đen trắng, mỗi bên để được tám bàn, ở giữa có thể kê một cái bàn tròn to bày những món ăn khai vị và trái cây. Căn bếp rộng rãi khang trang. Có hai

lò đun và hai lò nấu rất to.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Quán ăn và Buớm

Chúng tôi đã thu xếp xong việc này, Indara bán hết chỗ vàng chúng tôi có được. Ông bố già ngạc nhiên thấy tôi không đụng đến những mẩu vàng vụn mà ông cho con gái để hai chúng tôi cùng dùng. Ông nói:

- Tôi cho anh chị để anh chị xài. Của hai anh chị đấy, anh chị sử dụng thế nào tùy ý, không phải hỏi tôi, anh chị cứ việc làm.

Kể ra ông "bố vợ phù thủy" của tôi cũng không đến nỗi nào. Cô nàng của tôi là loại đặc biệt rồi, vừa là nhân tình, vừa là vợ, vừa là bạn. Không có chuyện cãi cọ vì tôi nói gì nàng cũng "vâng". Nàng chỉ hơi khó chịu chút xíu khi tôi xăm vú cho các bạn đồng hương của nàng.

Thế là tôi đã trở thành chủ tiệm ăn "Thắng Lợi", nằm trên đường Water Street đúng ngay giữa bến cảng Georgetown. Quých nấu

bếp, anh thích vậy đó, đó là nghề của anh. Anh cụt đi chợ và nấu "mì hoành thánh" một thứ mì Tàu. Món đó làm như sau: lấy tinh bột mì, trộn với lòng trắng trứng rồi nhào cho nhuyễn. Đống bột được nhào khô rất lâu, rất kỹ, nhào bột rất nặng, đến nỗi anh cụt phải nhảy lên trên đống bột, đùi tựa vào một cây gậy nhẵn bóng gắn chặt ở giữa bàn. Một đùi gác lên trên cái gậy, cánh tay độc nhất nắm chắc lấy cái gậy đó, anh nhảy một chân quanh bàn để nhào bột. Làm như vậy có được một thứ bột hồ nhẹ rất ngon. Sau cùng, cho thêm chút bơ vào, vị của nó tuyệt vời.

Quán này, chủ trước bị vỡ nợ, đã nhanh chóng nổi tiếng. Indara có một cô gái ấn trẻ và rất xinh tên là Daya phụ giúp, đã phục vụ đông đảo khách hàng cứ xô đến tiệm chúng tôi để nếm món ăn Tàu. Tất cả dân tù vượt ngục đều tìm đến. Ai có tiền thì trả, ai không có thì mời ăn không. Quých nói "Cho người đói ăn sẽ gặp vận may".

Chỉ có một điều phiền phức: hai cô phục vụ (trong đó có Indara) lại quá hấp dẫn. Cả hai đều phô bày đôi vú trần dưới làn áo voan mỏng. áo của hai cô lại xẻ bên hông từ đùi đến gót chân. Những khi cử động, hai cô để lộ hết chiều dài của đôi chân, lên đến tận đùi.

Lính thủy Mỹ, Anh, Thụy Điển, Canada và Na Uy có ngày đến ăn hai lần để được ngắm cảnh ấy. Các bạn tôi gọi tiệm ăn của tôi là tiệm ăn của những kẻ nhòm gái. Tôi là đại diện chủ. Đối với

tất cả mọi người tôi là "ông chủ". Không có quầy thu tiền, người chạy bàn đưa tiền cho tôi, nhận tiền xong tôi bỏ túi, khi cần tôi lấy tiền lẻ ra thối lại.

Tiệm ăn mở cửa từ tám giờ tối đến năm sáu giờ sáng hôm sau. Không cần phải kể ai cũng biết rằng vào khoảng ba giờ đêm, tất cả bọn đĩ điếm trong khu đã kiếm khá tiền trong đêm đầu kéo kép hay khách của chúng đến tiệm chúng tôi ăn món gà cà-ry hay rau xà lách với mầm đậu. Khách có uống bia nữa, nhất là bia Anh, rượu rhum mía của địa phương rất ngon, soda hay cô-ca cô-la. Vì quán là điểm hẹn của dân Pháp vượt ngục, tôi đã trở thành người giúp nơi ẩn náu, là cố vấn, là người phân xử, là bạn tâm sự của tất cả dân tù đày ở đây

Nhưng tình trạng đó cũng làm tôi nhiều lần gặp chuyện rắc rối. Một người chuyên sưu tập bướm đã cắt nghĩa cho tôi nghe cách săn bướm trong rừng. Trước hết anh ta cắt hình một con bướm trong một miếng bìa cứng rồi dán vào đấy đôi cánh một con bướm thuộc cái giống mà anh định săn. Tấm bìa được gắn vào đầu một cây gậy dài một mét. Khi săn bướm tay anh cầm gậy và cử động làm sao cho bướm giả có vẻ như đang bay lượn. Anh phải săn ở những khoảng trống, có ánh nắng trong rừng. Anh phải biết giờ nở trứng của từng loại bướm. Có những loài chỉ sống được bốn mươi tám giờ. Và mỗi khi ánh nắng chiếu vào chỗ quang đãng, những con bướm mới nở lao vào vùng ánh sáng

đó, để tìm bướm cái cho thật nhanh. Khi chúng thấy con bướm mồi, từ rất xa, chúng ập đến. Nếu con bướm mồi là bướm đực, thì bướm đực sẽ lao đến để đánh. Thế là anh cứ việc dùng cái vợt nhỏ cầm ở tay trái để bắt bướm.

Cái lưới vợt có một chỗ thắt có làm người săn bướm có thể cứ tiếp tục bắt thêm bướm mà không sợ những con đã lọt lưới bay đi mất.

Nếu con mồi làm bằng cánh của bướm cái, thì cái con đực cũng tìm đến để ấp con cái và kết quả vẫn là một.

Bướm đẹp nhất là loại bướm hay bay đêm nhưng vì chúng thường va phải các vật chướng ngại cho nên rất khó bắt được con nào còn đôi cánh nguyên vẹn. Hầu hết cánh của loại bướm này đều bị sứt nham nhở. Đối với loại bướm đêm, phải lên tận gần ngọn một cây cao, rồi giăng một tấm vải trắng to lồng trong khung, đằng sau để một cây đèn đất thật sáng. Những con bướm đêm to, sải cánh, dài từ mười lăm đến hai mươi centimét, bay dính vào tấm vải trắng. Thế là chỉ cần đè lên ngực nó thật nhanh cho nó chết ngạt. Phải làm sao nó không dấy dụa, nếu không cánh của nó sẽ bị hư hại và kém giá trị.

Tôi có một cái tủ kính nhỏ trong đó có những bộ sưu tập bướm, ruồi, rắn nhỏ và dơi hút máu. Hàng tôi có không đủ bán cho khách cho nên giá rất cao. Một người Mỹ chỉ cho tôi thấy một con bướm phía sau cánh màu xanh biếc có ánh thép, phía trên thì

màu lơ nhạt. Người đó bằng lòng trả tôi năm trăm đô-la nếu tôi có được một con bướm thuộc loại này mà lại là lưỡng tính. Tôi kể lại với người săn bướm, anh ta nói có một lần, anh đã có trong tay một con này, rất đẹp, được người ta trả năm mươi đô-la, sau nhờ một người sưu tập đứng đắn khác anh ta mới biết là một mẫu bướm như vậy trị giá đến hai ngàn đô-la.

- Thằng Mẽo ấy muốn xỏ anh đấy, anh Papillon ạ. Nó coi anh là đồ ngốc. Cứ cho là món hàng hiếm đó chỉ đáng giá một ngàn năm trăm đô-la, thì có cũng lợi dụng được sự ngớ ngẩn của anh mà lãi to.

- Cậu nói đúng, đấy là một thằng xỏ lá. Hay ta chơi lại nó một vố!

- Làm thế nào?

- Chẳng hạn như gắn vào thân một con bướm cái đôi cánh một con bướm đực hoặc ngược lại. Cái khó là làm sao gắn mà không ai nhìn ra được.

Sau nhiều lần làm thử thất bại, chúng tôi đã gắn được rất khéo, hai cánh một con đực vào thân một con cái đẹp tuyệt trần, chúng tôi đút những đầu cánh nhọn vào một đường rạch nhỏ xíu rồi gắn lại bằng nhựa balata. Nó dính rất chặt, có thể cầm đôi cánh dán nhựa mà nhấc cả con bướm lên. Dù có tinh mấy cũng không sao nhận ra được: Chúng tôi lồng kính con bướm này cùng nhiều bướm khác trong một bộ sưu tập thông thường giá hai mươi đô

la, làm như tôi không quan tâm đến nó. Chúng tôi tính không trật chút nào. Chàng Mỹ vừa để ý thấy đã trơ tráo cầm hai mươi đô la trong tay để mua bộ sưu tập đó của tôi. Tôi trả lời y là tôi đã nhận bán rồi, một người Thụy Điển đã mua cả hộp, và món này là của người ấy.

Trong hai ngày, gã người Mỹ cầm cái hộp lên tay đến mười lần. Sau không chịu nổi, y nói với tôi:

- Tôi mua con bướm ở giữa hai mươi đô la, còn anh giữ lại tất cả.

- Con bướm ấy có gì khác thường vậy? - Và tôi chăm chú xem xét rất kỹ. Rồi tôi reo lên - Nhưng mà này, đây là bướm lưỡng tính mà.

- Ông nói gì vậy? ừ, đúng thật, trước tôi chưa dám chắc, người Mỹ nói. Trông qua kính, không rõ lắm. Ông cho phép nhé? Y xem xét kỹ cơn bướm, rất tỉ mỉ, rồi nói: "Ông bán bao nhiêu?"

- Có lần chẳng phải ông đã nói với tôi rằng thứ mẫu hiếm này đáng giá năm trăm đô la sao?

- Tôi đã nhắc đi nhắc lại với nhiều người săn bướm rằng tôi không muốn lợi dụng sự không hiểu biết của người đã bắt được con bướm này.

- Nếu vậy thì giá là năm trăm đô hay là thôi.

- Tôi mua, ông cứ giữ nó cho tôi. Đây, tôi mang theo có sáu mươi đô la, tôi đặt trước coi như việc mua bán thế là xong. Ông

cho tôi một tấm giấy biên nhận, mai tôi sẽ đem nốt tiền lại, ông nhớ lấy con bướm này ra khỏi hộp nhé.

- Được rồi, tôi sẽ để riêng nó ra chỗ khác. Biên nhận của ông đây.

Đúng giờ mở cửa tiệm, chàng trai giòng giống Lincoln* (*Lincoln Abraham là tên tổng thống thứ 16 của Mỹ) đã có mặt. Y lại xem xét con bướm lần này với một cái kính lúp, tôi sợ hết hồn khi y xem mặt sau con bướm. Thỏa mãn rồi, y trả tiền, đặt con bướm vào một cái hộp y mang theo, đòi tôi làm cho y một giấy biên nhận khác rồi ra đi.

Hai tháng sau tôi bị cảnh sát bắt. Đến Sở cảnh sát cảnh sát trưởng giải thích bằng tiếng Pháp cho tôi hay là tôi bị bắt vì có một người Mỹ tố cáo tôi đã lường gạt ông ta.

- Về chuyện một con bướm mà ông gắn cánh, - cảnh sát trưởng nói. - Do việc làm gian trá đó nên ông mới bán được năm trăm đô-la.

Hai giờ sau, Quých và Indara đã đến sở với một luật sư nói tiếng Pháp rất thạo. Tôi nói với luật sư là tôi không biết gì về bướm cả, tôi không phải là người chuyên săn bướm, cũng không sưu tập bướm. Tôi bán những hộp sưu tập bướm là bán giúp những người săn bướm vốn là khách hàng của cái tiệm ăn của tôi, rồi chính người Mỹ kia đòi mua và đặt giá trước là năm trăm đô-la, chứ không phải tôi nài bán cho ông ta, và nếu đấy đích thực là

một con bướm thuộc loại như ông ta nói thì chính ông ta mới là người đi lừa, vì ông đã có được một vật trị giá hai ngàn đô-la.
Hai ngày sau, tôi ra trước tòa. Luật sư của tôi kiêm cả việc phiên dịch cho tôi. Tôi nhắc lại luận cứ của tôi.
Một điều lợi cho luật sư của tôi là ông có một cuốn Catalogue có kê giá bướm các loại. Một con bướm như thế được định giá trong sách là trên một ngàn năm trăm đô-la. Gã người Mỹ kia phải chịu tiền phí tổn của phiên tòa. Thêm vào đó y phải trả tiền thù lao cho luật sư của tôi cộng hai trăm đô-la nữa.
Dân anh chị và dân ấn tập trung lại để ăn mừng tôi được thả về, bằng một chầu rượu cất lấy. Toàn bộ gia đình Indara đều đến tòa án xem xử. Mọi người đều tự hào vì trong gia đình - sau khi tôi được xử trắng án - có một siêu nhân. Bởi họ không bị bịp, họ biết thừa là chính tôi đã gắn cánh con bướm.
Cuối cùng chúng tôi phải bán tiệm ăn đi, việc ấy tất nhiên sẽ phải tới. Indara và Daya quá đẹp, và cái kiểu thoát y đó, lúc nào cũng chỉ bắt đầu hé ra rồi không đi xa hơn, lại càng làm cho các thủy thủ đầy máu nóng phát điên lên, còn hơn cả khi được thấy một cảnh trần truồng thật sự. Các cô nhận thấy là càng để nửa kín nữa hở gần mũi các thủy thủ bao nhiêu, thì càng được tiền puốc-boa nhiều bấy nhiêu, cứ nhoài người trên bàn ăn là các cô không bao giờ tính đúng được tổng số tiền, hay thối đủ được tiền lẻ.
Sau thời gian trưng bày bộ ngực làm chàng lính thủy mê mẩn

hoa cả mắt, các cô mới đứng thẳng lên hỏi: “Còn tiền puốc-boa nữa?”: “à, chết suýt quên”, tội nghiệp cho mấy anh chàng ấy. Họ rất hào phóng, những gã dại gái ấy, lửa tình được nhen lên nhưng không bao giờ được thỏa mãn, không còn biết trời đất gì nữa.
Một hôm xảy ra một việc mà tôi đã lường từ trước. Một thằng cha cao to tóc hung, mặt đầy tàn nhang nhìn bộ đùi hở hang chưa thỏa, vừa thoáng thấy bóng chiếc quần lót hắn đã đưa tay ra và những ngón tay thô bạo của hắn kẹp chặt cô bé Nam Dương của tôi như trong cái ê-tô. Tay đang cầm một bình nước bằng thủy tinh, cô bé phang cả bình vào đầu nó. Bị đánh như vậy nó giật mạnh cái quần lót rồi gục xuống, tôi vội chạy đến để nâng nó dậy trong khi các bạn nó lại tưởng tôi đến đánh nó, nên chưa kịp làm gì, tôi đã bị một quả đấm trời giáng đúng giữa mắt. Không biết thằng cha lính thủy kiêm bốc-xơ ấy thật sự bênh bạn hay chỉ muốn chơi một vố thật đã đời cho chồng người đẹp ấn phải chịu trách nhiệm này! Có trời biết được! Dù sao tôi cũng nhận được một cú đấm thẳng vào mắt. Quá tin vào thắng lợi, nó đã đứng thủ thế trước mặt tôi và quá:
“Đánh nào, đánh đi, mày”. Tôi đá phốc vào hạ bộ nó, tiếp theo là một cái húc nhãn hiệu Papillon, nó đã nằm thẳng cẳng.
Trận đánh nhau trở thành một cuộc loạn đả. Anh cụt từ trong bếp xông ra cứu tôi, anh cầm cái gậy làm mì hoành thánh vụt tứ tung. Quých cầm một cái phuốc- sét dài có hai chạc đâm lia lịa vào

đám đông. Một tên lưu manh dân Paris chuyên dự các buổi khiêu vũ theo nhạc trường Lappe đã về hưu dùng một ghế tựa làm vũ khí. Indara có lẽ bị bó tay vì mất xi-líp nên chẳng tham gia vào cuộc chiến.

Kết cục là năm gã người Mỹ bị thương nặng ở đầu, hai gã khách bị những vết đâm có hai lỗ do phuốc-sét của Quých gây ra ở nhiều chỗ trên thân thể, máu đổ tùm lum. Một viên cảnh sát da đen người Brazzaville chặn ở cửa không cho ai ra. Thật là may, vì vừa lúc ấy một chiếc xe jeep của Quân cảnh tới. Chân đi ghệt trắng dùi cui giơ cao, họ định dùng võ lực ào vào tiệm ăn, và trông thấy các thủy thủ của họ máu me bê bết như vậy chắc chắn là họ sẽ trả thù. Nhưng người cảnh sát da đen đã đẩy toán quân cảnh lui, tay cầm gậy chắn cửa và nói : "Đã có cảnh sát Hoàng Gia đây".

Và khi cảnh sát Anh tới, chúng tôi mới phải lên xe chở tội phạm để về sở cảnh sát, chỉ một mình tôi mắt bị đánh sưng húp híp, còn không ai trong bọn tôi bị thương, nên không ai tin được là chúng tôi đánh nhau để tự vệ một cách chính đáng.

Sáu ngày sau, trong phiên xử quan tòa chấp nhận luận điểm của chúng tôi, và cho chúng tôi được tự do trừ Quých bị ba tháng tù vì đánh người có thương tích. Cũng khó bào chữa nổi vô số những vết thương hai lỗ mà Quých đã ban phát rất rộng rãi cho các đối thủ của anh ta.

Sau đó, trong nửa tháng trời có đến sáu vụ ẩu đả, chúng tôi cảm thấy không thể nào kéo dài được nữa. Bọn lính thuỷ nhất định không chịu coi chuyện này như đã kết thúc, những khách mới lại cứ tiếp tục đến, làm sao phân biệt được ai là bạn của kẻ thù của chúng tôi, ai không phải?

Vậy là chúng tôi đã bán tiệm ăn, với giá rẻ hơn lúc mua. Quả tình tai tiếng đến như vừa rồi thì khách mua cũng chẳng được bao nhiêu.

- Anh cụt ơi, ta làm gì bây giờ?

- Trong khi chờ Quých được thả, ta cứ nghỉ ngơi đã. Cũng không thể lấy lại chiếc xe ba gác với con lừa được vì ta đã bán các thứ đó cùng các mối mua hàng rồi. Tốt nhất là không làm gì, cứ nghỉ, sau sẽ hay.

Quých đã được về. Anh kể lại rằng họ đối xử với anh cũng tử tế. Có một điều phiền là anh ta phải ở cạnh hai tù nhân bị án tử hình. Và người Anh lại có cái thói dở là: họ báo cho tôi nhân biết bốn mươi lăm ngày trước khi thi hành án là họ sẽ bị treo cổ ngày nào, giờ nào và Nữ Hoàng đã bác đơn xin ân xá của họ. Thế là cứ mỗi sáng, Quých kể hai người tử từ cứ réo lên với nhau: "Lại qua đi một ngày nữa rồi, Johnny ơi, chỉ còn từng này ngày nữa thôi". Và người tứ tù kia không ngớt chửi tòng phạm của y suốt cả buổi sáng. Ngoài chuyện đó ra, Quých được yên ổn và được trọng nể.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Quán tre

Pascal Fosco từ khu mỏ bốc-xít xuống. Y là một trong những kẻ đã âm mưu dùng võ khí cướp bưu điện Marseille. Tòng phạm với y đã bị chém đầu. Pascal là người tốt nhất trong bọn chúng tôi. Tuy là thợ máy giỏi, anh chỉ kiếm được bốn đô-la một ngày, nhưng vẫn tìm cách nuôi một hay hai tù nhân gặp khó khăn.
Khu mỏ đất nhôm này ở rất sâu trong rừng. Xung quanh mỏ, hình thành một làng của công nhân và kỹ sư. Trên bến, chất quặng được đổ suốt ngày xuống nhiều tàu để chở đi. Tôi chợt nảy ra ý nghĩ tại sao ta không mở quán ở cái nơi khỉ ho cò gáy này nhỉ? Tối đến, những người sống ở đấy chắc buồn đến chết.
- Đúng đấy. - Fosco nói với tôi, - quả là chẳng có quái gì để giải trí.
Và vài hôm sau, một cái thuyền nhỏ, sau hai ngày ngược sông, đã đưa Indara, Quých-Quých, anh Cụt và tôi đến mỏ Mackenzie. Nơi các kỹ sư, quản đốc, và thợ chuyên môn ở thì gọn gàng sạch

sẽ, có những căn nhà nhỏ đủ tiện nghi, nhà nào cũng chăng lưới thép để muỗi không vào được. Trong làng thì lại tồi tàn quá. Không có nhà nào bằng gạch, đá hay xi-măng, chỉ có những túp lều vách đất và tre, mái bằng lá cọ rừng, hoặc lợp tôn kẽm là cùng. Bốn quán nước có bán cả thức ăn, đều dơ bẩn khủng khiếp mà vẫn đông nghịt khách. Các thủy thủ đánh lộn với nhau để mua một ly bia không ướp lạnh. Không quán nào có tủ lạnh. Pascal nói có lý, có rất nhiều việc làm được ở chốn hẻo lánh này. Nói cho cùng thì tôi đang ở trên đường vượt ngục; đây vẫn là một chuyến phiêu lưu, nên tôi không thể sống bình thường như các bạn khác được. Làm việc là để kiếm sao vừa đủ sống, chứ tôi chẳng mấy để tâm. Vì ở đây hễ trời mưa là đường xá lầy lội, nên tôi chọn một địa điểm tương đối cao ở phía sau khu trung tâm. Tôi tin là dù trời mưa nơi tôi ở cũng không bị nước vào trong nhà hay xung quanh nhà.

Trong mười ngày, được thợ mộc da đen ở mỏ giúp, tôi đã dựng lên một phòng hình chữ nhật dài hai mươi mét, rộng tám mét. Ba mươi bàn mỗi bàn có bốn ghế có thể chứa được một trăm hai mươi người ngồi thoải mái. Một cái bục cao để các nghệ sĩ lấy chỗ biểu diễn, một quầy rượu, rộng đúng bề ngang quán và có hơn một chục ghế cao. Bên cạnh quán rượu là một căn nhà khác có tám phòng, vừa đủ cho mười sáu người ở rộng sãi.

Khi tôi về Georgetown để mua các dụng cụ, ghế, bàn v.v..... tôi

mướn luôn bốn cô gái da đen đẹp người để phục vụ khách hàng. Daya đã làm ở tiệm ăn, cũng quyết định theo chúng tôi. Một người phu sẽ gõ trên cây đàn piano mà tôi mới thuê được. Chỉ còn lo việc tiết mục trình diễn.

Sau nhiều khó khăn vất vả và ba hoa hươu vượn, tôi cũng thuyết phục được hai cô gái Nam Dương, một cô Bồ Đào Nha, một cô Tàu và hai cô tóc nâu bỏ nghề làm điếm để trở thành nghệ sĩ thoát y. Một tấm rèm đỏ cũ mèm mua lại ở một tiệm lạc-son được dùng làm màu sân khấu.

Tôi tổ chức đưa tất cả những người này lên khu mỏ bằng một chuyến đi đặc biệt trên một chiếc thuyền của ngư dân Tàu. Một tiệm rượu nhận bán chịu cho tôi đủ các thứ đồ uống có thể có được. Tiệm đó tin tôi, tôi sẽ trả tiền hàng tháng những gì tôi đã bán được, sau khi kiểm hàng. Và tiệm đó sẽ gửi dần cho tôi những thứ rượu tôi cần. Một cái máy hát cổ lỗ sĩ và những đĩa hát đã mòn sẽ phát nhạc khi anh nhạc sĩ đàn pianô của tôi ngưng hành hạ cây đàn. Đủ loại áo ngoài, váy lót bít tất đen và màu, nịt treo tất, còn rất tốt, tôi chọn mua vì màu sắc sặc sỡ của chúng tại nhà một người ấn đã gom từ đóng đồ bỏ đi của một gánh hát rong, sẽ là "trang phục" của các "nghệ sĩ" tương lai của tôi. Quých đã mua gỗ cây và giường. Indara thì mua ly tách và những gì cần cho một tiệm rượu, tôi lo rượu và vấn đề nghệ thuật. Gói gắm xong những việc đó trong một tuần, phải cố gắng

cật lực. Cuối cùng rồi cũng xong, dụng cụ và người chiếm cả một thuyền.

Hai hôm sau, chúng tôi đến nơi. Sự có mặt của mười cô gái ở giữa rừng thẳm này là một cuộc cách mạng thật sự. Mỗi người xách theo một gói đồ đã leo lên "Quán tre", tên tôi đặt cho hộp đêm của tôi. Những cuộc tập dượt bắt đầu. Dạy các "nghệ sĩ" của tôi cởi áo quần không phải là dễ. Trước hết tôi nói tiếng Anh và những lời chỉ dẫn của tôi không được hiểu kỹ, sau nữa là vì các cô chỉ quen thay quần áo thật mau cho xong rồi tống khách đi cho nhanh. Còn bây giờ thì trái hẳn, các cô càng làm từ từ bao nhiêu, lại càng hấp dẫn bấy nhiêu. Đối với mỗi cô, lại phải có một chiến thuật khác. Cách làm cũng phải phù hợp với quần áo. Cô nàng "Hầu tước phu nhân" mặc coóc-xê hồng và váy phồng, trong là quần rộng viền đăng-ten trắng, thoát y chầm chậm, sau tấm bình phong có cái gương to phản chiếu để khán giả có thể ngắm lần lượt từng mảng da của nàng.

Rồi cô "Mau lên" một cô gái có cái bụng phẳng nhẵn, tóc nâu, da màu cà-phê nhạt, một bản mẫu tuyệt đẹp của một cuộc lai máu, chắc hẳn là giữa một gã da trắng với một cô da đen màu sáng. Nước da cô này như hạt cà-phê mới bắt đầu rang hơi vàng chút xíu càng làm nổi bật thân hình cân đối của cô. Mớ tóc dài xoăn tự nhiên rủ xuống đôi vai tròn trĩnh tuyệt vời của cô bộ ngực cao đầy đặn, tuy hơi nặng mà vẫn không kém phần hống hách, chĩa

ra hai đầu vú màu chỉ hơi xẫm hơn màu da một chút, giương cao lên ngạo nghễ, đẹp vô cùng. Đấy là cô "Mau lên". Tất cả quần áo của cô này đều mở bằng khóa kéo "féc-mơ-tuy". Cô mặc quần cao bồi để trình diễn, đầu đội một cái mũ rộng vành và một cái áo ngắn, tay áo có tua bằng da. Theo tiếng nhạc quân hành, cô xuất hiện trên sân khấu và tháo giày bằng cách đá tung từng chiếc lên. Quần dài cô mặc xẻ hai bên. áo chẽn được mở ra thành hai mảnh bằng khóa kéo ở mỗi bên tay.

Với khán giả, cách làm này tác động thật dữ dội vì bộ ngực trần bật lên, như cái lò xo bị nén quá lâu. Đùi và thân trần trụi, cô dang hai chân, tay chống nạnh, vẻ thách thức, cô nhìn thẳng vào đám khán giả, rồi lột mũ, ném lên một chiếc bàn gần sân khấu nhất. Hôm khai trương, Quán Tre đông tưởng muốn vỡ. Ban tham mưu của mỏ đến đủ mặt. Đêm vui kết thúc bằng khiêu vũ và khi các khách cuối cùng ra về thì trời đã sáng. Thắng lợi hoàn toàn, không thể nào ước mong được hơn thế. Cũng phải chi phí tốn kém nhưng giá cao nên bù lại được, và quán ở giữa rừng, cho nên tôi hoàn toàn tin chắc là có nhiều đêm không có đủ chỗ cho khách.

Bốn cô gái chạy bàn của tôi phục vụ không xuể. Các cô này mặc váy rất ngắn, cổ áo khoét sâu, đầu buộc khăn ma-đra đỏ, cũng làm khách mê mẩn. Indara và Daya mỗi người giám sát một phía, khách trong quán gọi gì, thì đã có anh cụt tay và Quých ở

quầy rượu cho đưa tới ngay. Còn tôi phải có mặt ở khắp nơi, chỗ nào trục trặc thì chỉnh đốn ngay, chỗ nào có gì lúng túng thì chỉ dẫn kịp thời.

- Ăn chắc rồi - Quých nói khi chỉ còn lại các cô gái phục vụ, các nữ nghệ sĩ và chủ quán trong gian phòng rộng. Chủ và người làm ai cũng mệt lả nhưng vui mừng vì thấy kết quả. Tất cả mọi người sửa soạn đi ngủ.

- Papillon, dậy đi chứ?

- Mấy giờ rồi?

- Sáu giờ chiều rồi. - Quých nói với tôi. - Cô công chúa của anh đã giúp chúng ta đấy. Nàng dậy từ hai giờ dọn dẹp xong xuôi sẵn sàng để đêm nay lại bắt đầu nữa.

Indara mang một bình nước nóng đến. Sau khi tắm rửa, cạo râu tươi tỉnh và khoan khoái, tôi ôm ngang lưng Indara rồi cùng bước vào Quán Tre, mọi người xúm lại hỏi han rối rít.

- Ông chủ ơi, tình hình khá chứ?

- Em thoát y có được không? Theo ông chủ thì chỗ nào không được nào?

- Em hát gần đúng, phải không ông? Cũng may là khán giả dễ tính cả.

Cái nhóm mới thành lập này rất dễ mến. Lũ điếm biến thành nghệ sĩ này rất coi trọng công việc của mình và tỏ ra sung sướng từ bỏ được nghề cũ. Việc buôn bán không thể nào khấm khá hơn

thế này được. Chỉ có điều khó khăn duy nhất là quá nhiều khách đàn ông lẻ loi mà quá ít đàn bà. Tất cả các khách hàng đều muốn được ngồi kèm một cô gái, nhất là một nghệ sĩ nếu không được cả đêm thì cũng phải lâu hơn bây giờ. Thế là họ ganh ty nhau. Thỉnh thoảng, lỡ ra có hai phụ nữ ngồi cùng một bàn, là khách hàng phản đối ngay. Các cô gái da đen cũng được quý chuộng, trước hết các cô cũng đẹp, nhưng chủ yếu là vì ở trong rừng này không có đàn bà. Tuy bận ở quầy, thỉnh thoảng Daya cũng chạy ra bàn và trò chuyện với tất cả mọi người.

Khoảng hơn hai mươi khách được thường thức sự hiện diện của cô gái ấn này vì sắc đẹp của cô quả là hiếm có. Để tránh sự ganh tỵ và đáp ứng yêu cầu của khách đòi phải có một nghệ sĩ ngồi tại bàn mình, tôi bày đặt trò sổ số. Sau mỗi tiết mục thoát y hay ca hát, một bánh xe to có ghi số từ 1 đến 32, - mỗi bàn một số, riêng quầy rượu là hai số - sẽ quyết định cô gái vừa biểu diễn sẽ phải đến bàn nào. Muốn chơi xổ số, phải mua một vé, giá tương đương với tiền một chai whisky hay sâm banh.

Tôi cho là làm như vậy có hai điều lợi. Thứ nhất là tránh được những sự khiếu nại. Ai trúng số sẽ được nghệ sĩ ngồi cả giờ tại bàn mình mà chỉ phải trả tiền một chai rượu, được phục vụ theo cách sau đây: trong khi nữ nghệ sĩ chỉ còn cái quạt lông che thân thì tôi cho bánh xe quay. Nó chỉ vào số nào thì cô gái đứng lên một cái mâm gỗ sơn bạc và bốn chàng trai khỏe mạnh nhấc bổng

mâm lên, đưa tới cái bàn may mắn trúng số. Cô nàng mở chai sâm banh và, vẫn cứ trần truồng như vậy chạm cốc một lượt rồi xin lỗi và đi vào để năm phút sau trở lại ngồi vào chỗ, lần này ăn mặc đàng hoàng.

Trong sáu tháng công việc chạy đều, nhưng mùa mưa đã qua, một loạt khách mới đến. Đó là những người đi tìm vàng và kim cương được tự do đi thăm dò trong rừng ở cái đất phù sa màu mỡ này. Đi tìm vàng và đá quý bằng những phương tiện cổ hủ cực nhọc vô cùng. Họ thường chém giết hay lấy cắp của nhau. Cho nên tất cả có vũ khí và khi đã có một túi vàng nhỏ hay một nắm kim cương là họ không cưỡng được sự cám dỗ, lao vào ăn tiêu như điên. Bán được một chai sâm-banh, mỗi cô gái cũng được hưởng một tỷ lệ khá lớn. Từ đó, vừa hôn khách, vừa đổ sâm banh hay whisky vào xô đựng đá cho chai mau hết, làm chỉ trong nháy mắt. Có vài người tuy đã uống rồi, nhưng vẫn thấy được cái mánh này và phản ứng dữ dội đến nỗi tôi phải cho gắn chặt bàn và ghế xuống sàn nhà.

Với loại khách mới này, điều phải xảy ra đã xảy ra. Cô gái ấy được người ta gọi là "Hoa Quế" Da cô cũng giống màu cây quế thật. Cô gái mới tới này, được tôi vớt từ khu nghèo khổ của thành phố George, có lối thoát y làm cho khách phát cuồng lên. Khi đến lượt cô ta biểu diễn, phải đem một cái ghế tràng kỷ lên sân khấu, cô ta không chỉ cởi quần áo và những kỷ xảo đặc biệt

tinh vi, mà sau khi đã trần như nhộng, lại còn nằm dài ra ghế và tự vuốt ve mơn trớn mình. Những ngón tay thon dài của cô lướt trên da thịt trần tụi của mình, mân mê thân thể mình từ tóc đến ngón chân. Không một chỗ nào trên thân thể mà cô lại không mó máy đến. Khỏi phải nói rõ cách phản ứng của những con người thô lỗ của miền rừng rú này, nhất là khi họ đã sặc sụa hơi men. Tính vốn vụ lợi. Hoa Quế bắt khách mua vé xổ số cho tiết mục của cô ta với giá hai chai sâm banh chứ không phải một như những cô khác. Sau khi mua vé nhiều lần hòng dành được Hoa Quế mà không được lần nào, một gã thợ mỏ vạm vỡ, có bộ râu đen rất rậm, khi cô gái ấn của tôi đi mời mọi người mua vé số cho lần thoát y cuối cùng của Hoa Quế, chỉ còn cách mua cả ba mươi vé xổ số (tức chỉ trừ hai vé của quầy rượu). Sau khi trả tiền sáu mươi chai rượu sâm~banh, tin chắc là mình sẽ trúng, chàng rậm râu tin tưởng chờ Hoa Quế thoát y rồi đợi quay số. Hoa Quế cũng bị kích thích rất mạnh vì từ tối đã uống quá nhiều. Khi cô ta biểu diễn lần cuối thì đã bốn giờ sáng. Ngấm rượu, cô lại càng tỏ ra dâm đãng và có những cử chỉ trắng trợn hơn bao giờ hết. Vù vù? Bàn cò quay đã bắt đầu chạy và con cò bằng sừng sẽ chỉ số trúng.

Chàng rậm râu, sau khi xem cô bé Hoa Quế biểu diễn, đã bị kích thích đến tột độ. Anh chàng ngồi đợi, tin chắc là người ta sắp đưa cô ta trần truồng, trên cái khay bạc, đến cho y, chỉ che có cái

quạt lông che thân, hai chai sâm banh được kẹp giữa hai cái đùi tuyệt đẹp. Nhưng tai hại thay, anh chàng mua ba mươi vé lại thua. Số 31 trúng, nghĩa là quầy rượu được. Thoạt tiên y chưa hiểu ra, mãi đến khi cô nghệ sĩ được nhấc lên đặt ở quầy rượu y mới vỡ lẽ. Thế là cái gã ngốc ấy phát điên lên, xô bàn nhảy ba bước tới quầy rượu. Y rút súng lục bắn ba phát vào cô gái, tất cả sự việc này diễn ra trong khoảng chưa đầy ba giây.

Hoa Quế đã chết trong tay tôi. Tôi đến đỡ cô ta lên sau khi đánh gục thằng thú vật ấy bằng một cây dùi cui của quân đội Mỹ mà lúc nào tôi cũng mang trong người. Do tôi bị vấp phải một cô chạy bàn đang cầm khay nên tôi can thiệp chậm, làm thằng súc sinh có đủ thì giờ gây ra chuyện rồ dại này. Kết quả là cảnh sát bắt Quán Tre phải dẹp tiệm và chúng tôi phải trở về Georgetown. Chúng tôi ai trở về nhà người ấy. Indara cô gái ấn chính cống định mệnh chủ nghĩa, chẳng thay đổi tính nết chút nào. Với cô, sự sụp đổ này chẳng có gì quan trọng. Tìm việc khác mà làm, có vậy thôi. Các chú Tàu cũng thế. Chẳng có gì thay đổi trong nhóm, chúng tôi vẫn ăn ý với nhau. Chẳng ai trách một lời về cái sáng kiến kỳ cục của tôi lấy gái ra để mở số, cái sáng kiến đã là nguyên nhân của sự tai tiếng. Chúng tôi gom góp tiền nong dành dụm được, để trả tất cả các món nợ và đưa đỡ một món tiền cho bà mẹ Hoa Quế. Chúng tôi chẳng băn khoăn lo lắng gì. Tối nào chúng tôi cũng đến quán rượu, nơi các cựu tù nhân vẫn tụ tập.

Các buổi tối vẫn vui, nhưng thành phố George trong hoàn cảnh chiến tranh bị hạn chế nhiều đã làm tôi mệt mỏi. Thêm vào đó nàng công chúa của tôi không bao giờ ghen nên tôi lúc nào cũng được tự do. Bây giờ cô nàng đeo tôi từng bước và ngồi hàng giờ cạnh tôi bất cứ tôi ở đâu

Những khả năng buôn bán ở thành phố George trở thành phức tạp. Và có một ngày, tôi bỗng nảy ra ý muốn rời đất Guyane thuộc Anh này sang một nước khác. Chẳng có gì phải sợ, lúc này đang có chiến tranh, không nước nào trả chúng tôi về chỗ cũ, ít ra đấy cũng là điều tôi ước đoán.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Trốn khỏi Georgetown

Le Guittou cũng tán thành. Anh ta cũng nghĩ rằng chắc phải có những nước tốt hơn và sống dễ chịu hơn ở Guyane thuộc Anh. Chúng tôi bắt đầu chuẩn bị một cuộc trốn chạy khỏi thành phố George. Đúng là đi khỏi đất Guyane thuộc Anh là phạm một tội

nặng. Chúng tôi đang ở trong thời chiến mà không đứa nào trong bọn tôi có hộ chiếu.

Chapar, sau khi được thả, đã từ Cayenne trốn đi và đã ở đây đã ba tháng. Y làm kem cho một hiệu bánh của người Tàu và được trả công một đô-la rưỡi một ngày. Y cũng muốn đi khỏi thành phố Georege. Một anh tù người Dijon, tên là Deplanque, và một dân Bordeaux cũng muốn tham dự cuộc vượt ngục. Quých và anh cụt thì thích ở lại. Cả hai thấy ở đây tốt hơn.

Vì cửa sông Demerara bị kiểm soát rất ngặt nghèo và nằm trong tầm các ổ súng máy, phóng ngư lôi và đại bác, chúng tôi sẽ làm một tàu đánh cá y hệt một chiếc tàu đăng ký ở thành phố George và chúng tôi sẽ giả làm chiếc tàu đó để ra đi. Tôi tự trách mình đã không biết ơn Indara, và đã không đáp ứng lại cho xứng đáng với tình yêu tuyệt đối của nàng đối với tôi.

Nhưng tôi không thể làm khác được, nàng cứ đeo dính lấy tôi, làm tôi khó chịu, tôi đâm bực bội. Những con người giản dị, rõ ràng là không kiềm chế nổi ham muốn của mình, không chờ người mình yêu phải đòi hỏi mới hiến thân: Cô gái ấn Độ này xử sự đúng như hai chị em Anh-điêng ở Guagira đã từng xử sự với tôi. Khi tình dục các cô nảy nở, các cô tự hiến mình. Và nếu ta không chiếm đoạt các cô thì đó là điều rất nghiêm trọng.

Một nỗi đau thật sự, dai dẳng nảy nở trong bản ngã thầm kín nhất của họ và việc ấy làm tôi phát bẳn vì tôi không muốn làm

khổ Indara cũng như hai chị em Anh-điêng kia, và tôi phải ép mình để trong vòng tay tôi, Indara được thỏa mãn đến mức tối đa. Cuộc đào tẩu của chúng tôi được chuẩn bị rất kỹ. Một chiếc thuyền rộng và dài có một lá buồm tốt, có cả buồm mũi và bánh lái loại tốt nhất được sửa soạn rất thận trọng để cảnh sát không để ý thấy được. ở Penitence Rivers, nhánh sông nhỏ đổ vào sông Demerara, chúng tôi dấu thuyền của chúng tôi về phía xuôi so với khu chúng tôi ở. Nó được sơn và mang số như một thuyền đánh cá đã đăng ký tại thành phố George. Nếu đèn pha chiếu vào thì chỉ thấy có thủy thủ là khác. Để gạt mọi người, chúng tôi không đứng lên, vì những người Tàu trên thuyền mà chúng tôi đội lốt đều nhỏ và gầy, còn chúng tôi thì cao lớn và khỏe mạnh. Mọi việc diễn ra êm ru, và chúng tôi ra khỏi sông Demerara êm thấm. Tuy vui mừng vì đã ra đến biển mà không bị lộ, điểm duy nhất làm tôi không tận hưởng trọn vẹn thành tựu này, là cái tội đã đi trốn như một thằng ăn trộm không báo trước được cho nàng công chúa ấn của tôi. Tôi không vừa lòng về mình. Cô em, bố cô và cả giòng giống cô chỉ làm điều tốt với tôi, còn tôi tôi đã bội bạc. Tôi không tìm những lý lẽ để biện minh cho thái độ của mình. Tôi chỉ thấy những gì tôi làm là không lịch sự và tôi không hài lòng về tôi chút nào. Tôi cố tình để lại trên bàn sáu trăm đô-la, nhưng những thứ tôi đã nhận được không thể trả bằng tiền bạc.

Chúng tôi phải đi hướng Bắc - Bắc bốn mươi tám giờ. Tôi lại trở về với ý nghĩ trước đây của tôi là đến Honduras thuộc Anh. Muốn vậy, phải vượt biển hai ngày. Cuộc đào tẩu gồm năm người: Le Guittoun, Chapar, Barrière, một gã người Bordeaux, Deplanque, một gã người Dijon, và tôi Papillon, thuyền trưởng. Chúng tôi đi được độ ba mươi giờ thì gặp một trận bão kinh khủng tiếp theo là một trận gió xoáy. Sấm, chớp, mưa, sóng lớn hỗn độn, gió trên biển quăng quật điên cuồng, kéo chúng tôi đi một cách thảm hại, chúng tôi không sao chống đỡ nổi. Tôi chưa từng thấy, hay tưởng tượng thấy cảnh nào tương tự như thế. Theo kinh nghiệm bản thân, đây là lần đầu tiên, gió vừa thổi vừa xoay chiều đến độ các luồng gió alizé bị xóa sạch hoàn toàn và trận gió điên cuồng làm chúng tôi xoay tít như chong chóng. Cứ thế này độ tám ngày khéo chúng tôi lại trở về trại giam mất. Sau này, đến Trinidad, tôi mới được ông Agostini lãnh sự Pháp cho biết là cơn bão này rất đặc biệt. Nó đã cưa gãy hơn sáu ngàn cây dừa ở đồn điền ông. Cơn bão hình mũi khoan này đã tiện cả vườn dừa của ông ở ngang thân. Có những căn nhà bị bốc lên cao, đưa đi xa, rồi rơi xuống đất hoặc xuống biển. Chúng tôi mất hết: thực phẩm đồ đạc cùng những thùng nước ngọt. Cột buồm bị gãy ở độ cao hai mét và nghiêm trọng hơn cả là bánh lái cũng bị vỡ. Phúc làm sao, Chapar vớt được một cái chèo nhỏ trông như một thứ xẻng, và tôi đã dùng cái xẻng đó để lái thuyền. Ngoài ra

chúng tôi phải ở truồng lột hết quần áo để ghép lại thành buồm. Tất cả áo vét, sơ mi, quần dài đều được đem ra dùng. Cả năm chúng tôi đều mặc xi-líp. Cái buồm làm bằng quần áo và víu lại với nhau bằng một cuộn dây thép nhỏ còn sót trên thuyền, được đem gắn vào mẩu cột buồm cụt, đã đẩy cho thuyền chúng tôi tạm đi được.

Gió alizé lại thổi đúng hướng, và tôi lợi dụng nó, lái thẳng về phía Nam để tới bất cứ nơi nào, kể cả Guyane thuộc Anh. ở đây, hình phạt gì đối với chúng tôi cũng được hoan nghênh. Thái độ của tất cả các bạn chúng tôi trong và sau cái mà tôi không gọi là bão, vì gọi thế chưa hết ý, mà phải nói là cơn tai biến, cơn hồng thủy, hay cơn cuồng nộ, đều chững chạc. Chỉ sáu ngày sau, trong đó có hai ngày gió yên sóng lặng hoàn toàn, chúng tôi mới thấy đất liền. Với mẩu buồm thủng lỗ chỗ, nhưng vẫn được gió đẩy đi, chúng tôi không thể lái thuyền theo ý mình được. Cái giầm con cũng không giúp chúng tôi lái được vững vàng, chắc chắn. Lái phải ở trần, toàn thân chúng tôi cháy xém làm sức đề kháng của chúng tôi cũng giảm sút. Mũi đứa nào cũng tróc hết da, trơ cả thịt. Cả môi, chân, da giữa hai đùi và bắp vế đều cũng tróc hết da. Cơn khát nước hành chúng tôi đến nỗi Deplanque và Chapar uống cả nước mặn. Sau khi uống, hai đứa lại càng khổ hơn. Mặc dù khát và đói cùng cực, có một điều tốt là không ai, hoàn toàn không một ai kêu ca. Cũng không đứa nào khuyên nhủ đứa khác

điều gì.

Đứa uống nước mặn cũng như đứa dội nước biển lên người nói là cho mát rồi tự nhận thấy rằng làm như vậy các vết thương lại càng loét sâu hơn và khi nước bay hơi thịt da lại càng đau nhức hơn.

Chỉ một mình tôi là còn một mắt mở được và lành lặn, mắt tất cả các bạn đều mưng mủ, và phải nhắm nghiền vì mi mắt cứ dính bết vào nhau. Mắt tuy đau nhưng vẫn phải rửa vì bắt buộc phải mở mắt để nhìn cho rõ. ánh mặt trời chiếu thẳng đứng càng làm cho các vết thương của chúng tôi đau vô cùng, tưởng chừng không sao chịu đựng nổi. Deplanque sắp phát rồ, đòi nhảy xuống nước.

Đã gần một giờ, tôi thấy lờ mờ đất liền ở phía chân trời. Tất nhiên, tôi hướng ngay về phía đó mà không nói gì, vì tôi chưa chắc là đúng. Chim chóc lượn quanh chúng tôi, như vậy là tôi đã không lầm. Tiếng chim đã báo cho các bạn tôi biết. Bị ánh nắng và sự mệt mỏi làm cho u mê đi, họ nằm dài ở lòng thuyền lấy tay che mặt cho đỡ nắng.

Guittou sau khi súc miệng để cố nói cho được đã bảo tôi:

- Papi, cậu có thấy bờ không?

- Thấy rồi.

Theo cậu đoán thì độ bao nhiêu lâu chúng tôi tới bờ được.

- Độ năm bảy giờ nữa. Các cậu ơi, tớ cũng chịu hết nổi rồi. Tớ

cùng bị phỏng da như các cậu, mông đít tớ còn trơ cả thịt và bị cọ sát với ghế và nước biển. Gió không mạnh, thuyền không đi nhanh được, cánh tay tớ luôn bị chuột rút, bàn tay tớ cũng tê cứng, từ lâu không nắm nổi giầm lái nữa. Các cậu có bằng lòng làm thế này không? Ta hạ buồm xuống, che làm mái để tránh nắng như thiêu như đốt này cho đến tối. Cứ mặc cho thuyền tự nó trôi vào bờ. Phải làm như vậy, nếu không, một cậu nào hãy ra cầm lái thay tớ.

- Thôi đi Papi, đừng làm vậy. Cứ làm như cậu nói và tất cả vào ngủ trong bóng râm, chỉ để một người canh thôi.

Tôi lấy quyết định chung của anh em lúc trời đang nắng, vào hồi mười ba giờ. Được thỏa thuận một cách tự nhiên như con vật, tôi nằm dài ra lòng thuyền, và thế là cũng được ở trong bóng râm. Các bạn tôi dành cho tôi nơi tốt nhất ở đằng mùi để hứng được gió. Người gác phải đều chìm ngay vào cõi hư vô. Mệt nhoài, lại có bóng râm che ánh nắng gay gắt, chúng tôi đã ngủ thiếp đi.

Một tiếng còi thét lên làm chúng tôi choàng dậy.

Tôi vén buồm lên, bên ngoài là đêm tối. Không biết mấy giờ? Khi tôi về chỗ ngồi, bên bánh lái, một làn gió mát mơn trớn thân thể bị tróc hết da của tôi, và tôi thấy lạnh. Nhưng khoan khoái biết bao vì không bị cháy da thịt nữa.

Chúng tôi dỡ buồm ra. Sau khi lấy nước biển rửa mắt - may cho tôi là tôi chỉ bị một mắt đau và mưng mủ - tôi đã nhận thấy rất rõ

đất liền ở bên phải và bên trái tôi. Chúng tôi đang ở đâu vậy? Tôi nên đi về phía nào bây giờ? Chúng tôi lại nghe tiếng còi rúc một lần nữa. Tôi biết là tín hiệu từ phía phải tới. Không biết người ta muốn nói cái quái vì với chúng tôi?

- Cậu bảo chúng ta ở đâu nhỉ? - Chapar hỏi.

- Thật sự tớ cũng không biết gì. Nếu miền này không phải là nơi trơ trọi và là một cái vịnh thì có lẽ chúng ta ở mỏm đầu của Guyane thuộc Anh, phần đất dài đến tận sông Orenoque là biên giới tự nhiên với Venezuela. Nhưng nếu miền đất bên phải lại bị cắt khỏi phía bên trái bởi một quãng hơi rộng, thì cái bán đảo này lại là một hòn đảo và đấy là Trinidad. Bên trái sẽ Venezuela, và chúng ta đang ở trong vịnh Ria. Trí nhớ của tôi về cái bản hải đồ mà tôi đã có dịp nghiên cứu đã cho tôi thấy được tình trạng nước đôi này. Nếu bên phải là Trinidad và bên trái là Venezu ela, chúng tôi sẽ chọn phía nào đây? Quyết định này liên quan đến vận mạng của chúng tôi. Với gió nhẹ như thế này, đi vào bờ không khó lắm. Lúc này, chúng tôi chưa đi về hướng nào cả. Đến Trinidad, là gặp "dân ăn thịt bò rán" cũng một chính quyền như ở Guyane thuộc Anh.

- Chắc chắn sẽ được đối xử tử tế, - Guittou nói.

- Phải, nhưng họ sẽ quyết định thế nào khi ta rời khỏi lãnh thổ của họ trong thời chiến một cách lén lút và không có giấy phép nữa?

- Thế Venezuela thì sao?
- Cũng chưa biết sẽ ra sao - Deplanque nói - Dưới thời Gomez làm tổng thống, tù nhân phải làm đường vô cùng cực khổ, rồi bị họ trả cho nước Pháp, ở đấy họ gọi tôi là dân Cayenne.
- Nhưng bây giờ không như vậy nữa rồi, đang là thời chiến mà.
- Theo như tôi nghe được ở Georgetown thì họ không tham chiến, họ trung lập.
- Chắc không?
- Chắc chứ!
Nếu vậy thì rất nguy hiểm cho chúng ta. Chúng tôi đã nhận ra ánh sáng đèn trên bờ phải và cả bên bờ trái nữa. Lại tiếng còi, lần này hú ba lần. Những ánh đèn tín hiệu từ bờ biển bên phải hướng về chúng tôi. Đằng trước, hai mỏm đá nhọn rất to, đen ngòm nổi trên mặt biển. Chắc vì vậy mà họ hú còi để báo cho chúng tôi biết là có nguy hiểm.
- ồ phao nổi kìa! Có cả một chuỗi dài. Sao ta không neo vào một cái để chờ trời sáng nhỉ. Hạ buồm xuống đi Chapar.
Y hạ ngay những mẩu quần và áo sơ mi mà tôi gọi một cách hợm hĩnh là buồm. Tôi dùng giầm hãm thuyền, cho mũi tiến sát gần một cái "phao" đầu mũi thuyền, may còn một đoạn thừng buộc chắc vào vòng sắt nên bão không dứt dứt được. Chúng tôi đã neo xong thuyền không neo vào cái phao kỳ cục này vì nó nhẵn thín chẳng có chỗ nào để buộc, mà neo vào sợi dây cáp nối nó với

một phao khác. Thuyền chúng tôi đã được buộc chắc vào sợi cáp hẳn là dùng để phân ranh giới một luồng nước gì đó. Chẳng bận tâm đến những tiếng còi từ bờ bên phải cứ tiếp tục réo lên, tất cả chúng tôi nằm trong lòng thuyền, dùng buồm đắp lên người để che gió. Người tôi bị gió lạnh ban đêm làm tê cóng đã ấm dần lên, rất dễ chịu, và chắc tôi là một trong những người đầu tiên đã ngáy lên như sấm.

Khi tôi thức dậy, trời đã sáng rõ và rất quang đãng. Mặt trời đang mọc, sóng hơi to, và nước biển trong vắt màu xanh ve chứng tỏ đáy biển toàn san hô.

- Ta làm gì bây giờ nào? Phải lên bờ chứ? Tớ chết vì đói và khát mất thôi.

Đây là lần đầu tiên có người phàn nàn sau những ngày nhịn nhục, đến hôm nay đúng là bảy hôm.

Chúng ta ở quá gần bờ, nên có lên bờ cũng chẳng có tội! - Chapar nói vậy.

ở chỗ tôi ngồi, trông xa về phía trước, qua hai tảng đá to từ dưới biển nhô lên, tôi thấy rất rõ chỗ bờ biển bị nứt đôi. Như vậy bên phải đúng là Trinidad rồi, và bên trái là Venezuela. Hẳn là chúng tôi đang ở trong khu vực vịnh Paria, và nếu nước màu xanh chứ không phải vàng do đất phù sa của dòng sông Orenoque, thì như thế tức là chúng tôi ở trong luồng nước của cái lạch chảy giữa hai quốc gia rồi đổ ra biển.

- Ta làm gì bây giờ? Các cậu biểu quyết đi, việc này rất quan trọng nên tôi không dám tự quyết một mình. Bên phải là đảo Trinidad của Anh, bên trái là Venezuela. Các cậu muốn đi phía nào? Căn cứ vào tình trạng thuyền của bọn ta và tình hình sức khỏe chung, chúng ta phải lên bờ càng sớm càng tốt, trong chúng ta có hai người đã được tự do là Le Guittou và Corbière còn lại ba người: Chapar, Deplanque và tớ có thể gặp nhiều nguy hiểm nhất, cho nên chúng tớ phải quyết định. Các cậu thấy thế nào? Đến Trinidad là khôn ngoan hơn, Venezuela là xứ lạ.

Chúng ta chẳng cần phải tự quyết định dâu: chiếc hải thuyền kia sẽ quyết định cho chúng ta, - Deplanque nói.

Đúng là có chiếc hải thuyền đang tiến nhanh về phía chúng tôi. Nó đã dừng lại cách chúng tôi ngoài năm mươi mét. Một người trên thuyền đó cầm loa. Tôi trông thấy một lá cờ, không phải là cờ Anh. Lá cờ có nhiều sao rất đẹp, cả đời tôi chưa thấy nó bao giờ.

Chắc đấy là cờ Venezuela. Sau này là "cờ của tôi", cờ của tổ quốc mới của tôi, đối với tôi và đối với bất cứ người bình thường nào khác đó là vật tượng trưng cảm động nhất, tập trung trong một mánh vải những đức tính cao quý nhất của một dân tộc lớn, dân tộc tôi.

- Quien son vosotros? (Các anh là ai?)

- Chúng tôi là người Pháp

- Es tan locos? - (Các anh có điên không?)

- Sao vậy?

- Porque son amarados a minas (Vì sao anh neo thuyền vào mìn)

- Vì thế mà các ông không dám đến gần phải không?

- Phải, cởi dây ra ngay đi.

- Xong rồi đây.

Trong nháy mắt, Chapar đã cởi dây thừng ra. Chúng tôi đã neo thuyền vào một chuỗi mìn nổi, không hơn không kém.

- Phúc tổ các anh không bị nổ tung lên đấy, - thuyền trưởng chiếc hải thuyền sang kéo thuyền của chúng tôi, giải thích với tôi như vậy. Rồi từ hải thuyền, họ chuyển cho chúng tôi càphê, sữa hộp và thuốc lá.

- Các anh đến Venezuela đi, các anh sẽ được đối xử tử tế tôi bảo đảm với các anh như vậy. Chúng tôi không thể nào kéo các anh vào tận bờ được, vì chúng tôi phải cấp tốc đi đón một người bị thương nặng ở hải đăng Barimas. Nhưng các anh nhất thiết đừng cố đến Trinidad, vì mười phần chắc chín là các anh sẽ va phải mìn, thế là...

Sau câu tạm biệt "Adios, buena suerte" (chúc các anh may mắn) chiếc hải thuyền quay đi. Họ để lại cho chúng tôi hai lít sữa. Chúng tôi sửa sang lại buồm. Đã mười giờ sáng rồi, dạ dày chúng tôi đã phỏng phao lên, do có cà phê và sữa, rồi phì phèo điếu thuốc trên môi, tôi cho thuyền xô ào vào bãi cát mịn, ở đó

độ năm mươi người đã tựu tập để xem những ai đi trên chiếc thuyền kỳ lạ: cột buồm thì cụt, buồm là áo sơ mi, áo vét và quần ghép lại với nhau.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

XIII. Nước Venezuela

Các ngư dân ở Irapa

Tôi đã khám phá ra một thế giới mới, những con người, một nền văn minh hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Những phút đầu tiên trên đất Venezuela vô cùng cảm động, và phải một tài năng hơn hẳn cái vốn liếng chữ nghĩa ít ỏi của tôi mới giải thích, diễn đạt, vẽ lên nổi cái không khí tiếp đón nồng nhiệt mà những người dân hào hiệp ở đây đã giành cho chúng tôi. Đàn ông, da trắng hay da đen, nhưng đa số là da màu sáng như màu da trắng bị rám nắng vài ngày, hầu hết mặc quần xắn đến đầu gối.

- Tội nghiệp, sao trông các ông thảm hại đến vậy - cánh đàn ông nói.

Làng dân chài nơi chúng tôi đến là làng Irapa, một công xã thuộc

một bang tên là Sucre. Các cô gái và các thiếu phụ, hơi nhỏ người nhưng duyên dáng vô cùng, và cả các bà già nữa không trừ một ai, đều biến thành nữ y tá, xơ từ thiện hay mẹ bảo trợ chúng tôi

Họ tập họp ở một căn nhà đã mắc sẵn năm cái võng len, kê sẵn bàn cho chúng tôi, họ lấy dầu ca-cao xoa lên thân thể chúng tôi từ đầu đến chân, không bỏ sót một centimét da bị tróc. Chúng tôi lả đi vì đói và mệt, vì phải nhịn ăn quá lâu ngày nên bị mất nhiều nước. Những người vùng ven biển này biết là chúng tôi cần ngủ nhưng cũng phải cho ăn chút ít một.

Mỗi đứa chúng tôi nằm trên võng, vừa ngủ, vừa được các nữ y tá bất ngờ bón cho ăn từng miếng. Tôi quá mệt mỏi, khi được đặt lên võng, những chỗ da bị trơ thịt ra được xoa dầu ca-cao rồi, sức lực của tôi đã hoàn toàn tan biến đâu mất và tôi cứ mơ mơ màng màng ngủ, ăn và uống mà không biết gì hết.

Một món gì giống cháo bột sắn ở quê tôi không được dạ dày rỗng tuếch của tôi tiếp thu. Mà không phải chỉ mình tôi như vậy. Tất cả chúng tôi đã nhiều lần nôn ra một phần hay tất cả những món ăn mà các bà các chị đã đưa vào mồm chúng tôi từng muỗng một.

Dân trong làng này nghèo xác xơ. Nhưng tất cả mọi người, không trừ một ai, đều giúp đỡ chúng tôi. Ba ngày sau, do được tập thể này săn sóc và do tuổi còn trẻ, chúng tôi đã gần lại người.

Chúng tôi ngồi dậy hàng giờ dưới mái lán lợp bằng lá dừa râm mát, các bạn tôi và tôi đã trò chuyện với người làng. Họ không dư dả để lo chúng tôi có quần áo mặc ngay một lúc. Và những nhóm nhỏ đã được hình thành. Nhóm này chuyên lo cho Guittou, nhóm nọ, cho Deplanque. Độ gần mười lo cho tôi.

Những ngày đầu, họ cho chúng tôi mặc đủ thứ đồ hú họa, cũ kỹ nhưng rất sạch. Bây giờ, mỗi khi có điều kiện, họ mua cho chúng tôi chiếc áo sơ-mi mới, cái quần dài, sợi thắt lưng hay đôi giày vải. Trong số phụ nữ săn sóc tôi có những cô gái trẻ, dân tộc Anh-điêng pha trộn với máu Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Một cô tên là Tibisay, cô kia là Nenita. Các cô đã mua cho tôi một cái áo sơ mi, một cái quần dài, một đôi giày vải mà họ gọi là "aspargate", đế giày bằng da, không có gót, phần che chân là sợi vải tết lại. Chỉ có cổ chân và gót chân được bao bọc còn ngón chân thì để hở.

- Không cần hỏi các anh từ đâu đến. Cứ trông các anh xăm mình, chúng tôi cũng biết là các anh đã vượt ngục từ trại giam của Pháp.

Điều đó lại càng làm tôi cảm động hơn. Chao ôi! Biết chúng tôi là tù vì đã phạm tội nặng, lại vượt khỏi một trại tù mà sách báo đã mô tả tình trạng khắc nghiệt của nó, những người dân bình thường này cho việc cứu trợ, giúp đỡ chúng tôi là tự nhiên sao? Khi người ta giàu có hay khá giả mà đi cho quần áo, khi gia đình

và bản thân mình không thiếu thốn gì mà cho một người lạ ăn uống, thế cũng đã là tốt lắm rồi. Đằng này chia đôi một mẩu bánh ngô hay bánh sắn nướng lấy ở lò nhà, trong lúc chính mình và gia đình mình cũng chưa đủ ăn, rồi chia sẻ bừa ăn đạm bạc không đủ nuôi sống được gia đình mình, với những người xa lạ, hơn thế nữa, với những kẻ trốn tránh. công lý như chúng tôi, lại càng đáng khâm phục.

Sáng nay, tất cả mọi người, đàn ông lẫn đàn bà, đều nín lặng. Họ có vẻ bực bội và lo âu. Có chuyện gì vậy? Tibisay và Nenita đang ở cạnh tôi. Sau mười lăm ngày, lần đầu tiên tôi đã có thể cạo râu. Chúng tôi ở cùng những con người hết sức tận tình này đã được tám ngày. Các vết bỏng của tôi đã lên da non cho nên tôi mới dám cạo. Vì bộ râu của tôi, các cô các bà chẳng biết tuổi tác của tôi ra sao. Khi thấy tôi còn trẻ. Họ rất mừng và nói thẳng điều đó ra một cách chất phác. Tôi đã ba mươi lăm tuổi nhưng trông chỉ độ hăm tám, ba mươi. Phải, đúng là những người đàn ông, đàn bà mến khách này có chuyện gì lo lắng cho chúng tôi, tôi cảm thấy thế.

- Có chuyện gì vậy Tibisay, nói cho tôi nghe, có chuyện gì vậy?

Các quan chức ở bên Quiria sắp tới đây: ở đây không có ủy viên dân sự. Chẳng hiểu tại sao, nhưng cảnh sát ở bên ấy đã được tin các anh ở đây. Họ sắp tới.

Một người phụ nữ da đen, cao và đẹp, đi với một thanh niên

mình trần, quần xắn tới đầu gối, đã đến gặp tôi. Anh thanh niên có một thân hình lực sĩ cân đối, chị da đen, "La Negrita" (ở Venezuela không hề có phân biệt chủng tộc hay tôn giáo và đấy là một lối gọi âu yếm rất thông dụng đối với phụ nữ da màu) đã hỏi tôi:

- Ông Henri ơi (Senor Enriquez) cảnh sát sắp đến đây. Tôi không biết họ sẽ làm điều tốt hay xấu cho ông. Ông có muốn trốn một thời gian vào núi không? Em tôi có thể dẫn ông đến một căn nhà nhỏ mà không ai tìm được ông. Tibisay, Nenita và tôi có thể hàng ngày đem thức ăn cho ông và tin cho ông biết tình hình.

Cảm động đến tột độ, tôi muốn hôn tay người con gái cao thượng này nhưng chị đã rút tay lại, và chị nhẹ nhàng giản dị hôn má tôi.

Lát sau, một tốp người ngựa phi nước đại đến. Tất cả đều mang một con dao dài, loại dao đẵn mía, đeo bên trái như đeo kiếm, một thắt lưng to bản đựng đầy đạn và một khẩu súng ngắn to đựng trong bao đeo bên phải. Họ xuống ngựa. Một người mặt như Mông Cổ mắt xếch kiểu người Anh-điêng, da màu đồng đỏ, cao và gầy, chừng bốn mươi tuổi, đầu đội mũ rơm to, tiến về phía chúng tôi.

- Chào các ông. Tôi là xếp dân sự, cảnh sát trưởng đây

- Chào ông.

Còn các người kia, sao các người không báo cho chúng tôi biết là

có năm người dân Cayenne vượt ngục đến ở đây? Người ta nói là họ ở đây đã được tám ngày. Trả lời đi!

- Chúng tôi chờ khi nào họ đi lại được và các vết bỏng của họ lành đã.

- Chúng tôi đến để dẫn họ về Guiria đây. Sẽ có xe tải đến ngay.

- Ông uống cà phê nhé?

- Được, cám ơn ông.

Tất cả ngồi thành vòng tròn uống cà phê. Tôi nhìn cảnh sát trưởng và các nhân viên của ông. Họ không có vẻ ác. Tôi có cảm giác là họ phải làm theo lệnh của cấp trên mà không tán thành lệnh đó.

- Các ông vượt ngục từ Đảo Quỷ phải không?

- Không, chúng tôi từ Georgetown ở Guyane thuộc Anh đến.

- Tại sao các ông không ở đấy?

- Chỗ ấy kiếm ăn cực lắm.

Ông ta mỉm cười nói:

- Các ông cho là ở đây dễ chịu hơn là ở với người Anh?

- Phải, vì chúng tôi cũng gốc La-tinh như ông.

Một nhóm bảy, tám người tiến lại vòng tròn của chúng tôi. Đứng đầu là một người trạc năm mươi tuổi, tóc bạc trắng, cao hơn một mét bảy mươi lăm, da màu sô-cô-la rất sáng: Đôi mắt to đen biểu lộ trí thông minh và một sức mạnh tinh thần khác thường. Tay phải ông ta đặt trên cán con dao dài đeo bên đùi.

- Ông cảnh sát trưởng định làm gì đối với những người này?
- Tôi sẽ giải họ về nhà tù ở Guiria.
- Sao ông không để họ sống với gia đình chúng tôi? Mỗi gia đình sẽ nhận một người.
- Không thể được, vì đây là lệnh của tỉnh trưởng.
- Nhưng họ có phạm tội gì trên đất Venezuela đâu?
- Tôi công nhận điều đó. Dù sao đây cũng là những người rất nguy hiểm vì họ phạm tội rất nặng mới phải đi đày ở nhà tù khổ sai. Ngoài ra họ còn vượt ngục không có giấy tờ căn cước, chắc chắn cánh sát nước họ sẽ đòi họ khi biết họ ở Venezuela.
- Chúng tôi muốn giữ họ lại với chúng tôi.
- Không thể được, vì đây là lệnh của tỉnh trưởng.
- Cái gì cũng có thể được. Ông tỉnh trưởng biết gì về những con người khốn khổ này? Không có ai là đồ bỏ. Dù có phạm tội gì, đến một lúc nào đó trong đời người ta, cũng có cơ hội phục hồi nhân phẩm để trở thành người tốt, có ích cho xã hội, có phải thế không các ông, các bà?
- Đúng vậy - đàn ông, đàn bà đều đồng thanh đáp - các ông cứ để họ ở lại với chúng tôi, chúng tôi sẽ giúp họ làm lại cuộc đời. Tám ngày qua, chúng tôi đã hiểu họ khá đủ : chắc chắn đây là những người tốt.
- Có những người văn minh hơn chúng ta đã giam họ vào ngục để họ không làm gì có hại, - viên cảnh sát trưởng nói.

- Theo ông thì thế nào là văn minh, thưa ông cảnh sát trường? - Tôi hỏi - ông tưởng có thang máy, máy bay, xe điện ngầm, là người Pháp chúng tôi văn minh hơn những người đã tiếp đón và săn sóc chúng tôi? Ông nên biết rằng theo ngụ ý của tôi, văn minh của nhân loại là có được một tâm hồn cao thượng, sự thông cảm với con người. ở làng này, sống giữa thiên nhiên, đúng là người ta thiếu những lợi ích của nền văn minh máy móc, nhưng đối với con người, người ta lại có tâm hồn cao thượng hơn, có sự thông cảm hơn; tuy không được hưởng lợi ích của sự tiến bộ, họ lại có ý thức về lòng kính Chúa thương người cao hơn tất cả những kẻ tự nhận là văn minh ở trên đời này. Tôi quý một người thất học ở xóm này hơn là một cứ nhân văn học tại trường Sorbonne ở Paris, nếu anh cử nhân kia một ngày nào đó đầu óc giống như viên biện lý đã kết tội tôi. Một đằng là con người thật sự còn kẻ kia đã quên mất mình là người rồi.

- Tôi hiểu anh. Nhưng tôi chẳng qua cũng là cái phận chỉ đâu đánh đấy. Xe đến rồi. Tôi xin tất cả hãy giúp tôi sao cho mọi việc đều êm đẹp.

Mỗi nhóm phụ nữ ôm hôn người mà họ chăm sóc, Tibisay, Nenita La và Negrita vừa hôn tôi vừa khóc như mưa như gió. Đàn ông đều bắt tay chúng tôi, biểu lộ nỗi đau khổ của họ khi thấy chúng tôi phải vào tù.

- Xin tạm biệt, dân làng Irapa, giòng giống cực kỳ cao thượng đã

can đảm đương đầu với chính quyền của nước mình để bảo vệ những kẻ khốn khổ hôm qua còn xa lạ với mình. Miếng bánh mà tôi ăn ở nhà các vị, miếng bánh mà các vị đã dám nhịn để dành cho chúng tôi, miếng bánh tượng trưng cho tình nhân loại anh em, đối với tôi là tấm gương cao cả của thời xưa: "Không được giết người, hãy làm điều lành cho những người đang đau khổ dù có vì vậy mà phải thiếu thốn, hãy luôn luôn giúp người bất hạnh hơn mình".

Sau này nếu có ngày tôi được tự do, tôi sẽ cố sức giúp đỡ người khác, như những người đầu tiên tôi gặp ở Venezuela đã dạy tôi. Tôi còn gặp nhiều người như thế trong tương lai.

Henry Charrière

Papillon Người Tù Khổ Sai

Nhà lao El Dorado

Hai giờ sau, chúng tôi đến một khu làng lớn ở cửa biển, tự xưng là thành phố và lấy tên là "Guiria". Xã trưởng đích thân trao chúng tôi cho cảnh sát địa phương. Tại Sở cảnh sát chúng tôi

được đối xử cũng tạm được, nhưng lại bị hỏi cung, và người hỏi cung, chẳng hiểu biết gì, nhất định không công nhận là chúng tôi từ Guyane thuộc Anh, nơi chúng tôi đã được tự do, đến đây. Ngoài ra khi y bảo chúng tôi giải thích cho y biết tại sao chúng tôi đến Venezuela trong tình trạng cùng quẩn và kiệt lực đến thế này, sau chuyến đi ngắn ngủi từ phố George đến vịnh Paria, y cho là chúng tôi đã giỡn mặt y khi chúng tôi kể chuyện gặp bão ở biển.

- Hai tàu chở chuối đã bị đắm mất tiêu cả người lẫn hàng, trong cơn gió lốc, một tàu hàng chở bốc-xít cùng bị đắm, tất cả thủy thủ đều chết, thế mà các anh trên cái thuyền dài có năm mét, bị mưa bão vùi dập, lại thoát được? Ai tin nổi chuyện này? Ngay người điên đi ăn xin ở chợ cũng không nghe được. Các anh nói dối.Có một cái gì ám muội trong những điều các anh vừa kể.

- Xin ông cứ hỏi tin tức ở thành phố George thì biết.

- Tôi không muốn người Anh cười tôi.

Viên thư ký hỏi cung đần độn và ương bướng, đa nghi và kiêu căng, không biết đã báo cáo thế nào, và gửi báo cáo đi cho ai. Dù sao thì một buổi sớm kia, chúng tôi cũng bị gọi dậy từ năm giờ, bị xích tay và đưa lên xe đến một địa điểm xa lạ.

Làng Guiria nằm trong vịnh Paria, đối diện với Trinidad như tôi đã nói. Nó còn có lợi thế là ở cửa sông Orenoque một con sông rất lớn, gần bằng sông Amazon. Năm đứa chúng tôi bị xích trong

một chiếc xe tải trên đó còn có mười cảnh sát viên, đi về hướng Ciudad Bolivar, thủ phủ quan trọng của bang Bolivar. Chuyến đi trên những con đường đất hết sức nhọc nhằn cảnh sát cũng như tù, bị xóc lên xóc xuống, xô đi xô lại như những bao tải đựng hồ đào trên mái xe, còn lắc lư hơn ngồi trên cộ lết, cuộc hành trình kéo dài năm ngày. Đêm thì mọi người ngủ trên xe, sáng hôm sau lại tiếp tục phóng như điên đến một nơi nào chẳng biết. Cuộc hành trình đến sụn xương sống này, vượt qua hơn một ngàn ki-lô-mét cách bờ biển đến một vùng rừng nguyên thủy, theo một đường lộ bằng đất từ Guidad Bolivar đến El Dorado. Khi đến làng El Dordo, thì cả lính lẫn tù đều phờ phạc.

Nhưng El Dorado là gì? Trước hết đó là niềm hy vọng của dân Tây Ban Nha đi chinh phục Châu Mỹ, thấy dân Anh-điêng ở vùng này có vàng, đã chắc mẩm là ở đấy có một núi vàng, hay ít ra cũng là núi nửa đất, nửa vàng. Cuối cùng, El Dorado chỉ là một làng nằm trên con sông đầy những giống cá chuyên ăn thịt, chỉ trong vài phút có thể ăn nghiến ngấu hết một con người hay một con thú, những con cá điện, gọi là trembladores, cứ lượn quanh mồi, người hay vật, truyền điện rất nhanh vào mồi để rồi hút máu của nạn nhân mà thịt xương đã bị giòng điện phân hủy. ở giữa sông có một hòn cù lao, và trên cù lao có một trại giam. Đó là nhà tù khổ sai El Dorado của xứ Venezuela. Khu giam tù khổ sai này là nơi cực nhọc, man rợ và vô nhân dạo nhất mà tôi

được thấy trong đời, vì ở đây tù nhân bị đánh đập tàn nhẫn. Đó là một khuôn đất vuông vắn mỗi bề dài một trăm năm mười mét lộ thiên, có dây thép gai bao quanh. Gần bốn trăm nhân mạng nằm giữa trời trong mưa nắng vì quanh khu đất này chỉ có vài tấm tôn kẽm.

Không nghe chúng tôi nói lấy một lời, không giải thích gì về quyết định này, họ tống chúng tôi vào trại giam El Dorado, ba giờ trưa, khi chúng tôi còn chết mệt vì chuyến đi xa và bị xích trong xe. Ba giờ rưỡi, chúng hỏi tên và ghi tên chúng tôi, họ gọi chúng tôi lại giao cho hai đứa trong bọn tôi mỗi đứa một cái xẻng, ba đứa kia mỗi đứa một cái cuốc. Năm tên lính, súng và roi gân bò trong tay, có một hạ sĩ chỉ huy, đứng vây quanh chúng tôi, buộc chúng tôi phải đến nơi làm việc, nếu không sẽ bị đánh. Chúng tôi hiểu ngay rằng đây là do chỉ huy trại giam muốn ra oai với chúng tôi. Lúc này mà kháng lệnh là rất nguy hiểm. Cứ làm đã, rồi sau sẽ hay.

Đến chỗ làm việc của tù nhân, họ bắt chúng tôi đào một đường hào ra phía đường giao thông mà họ đang mở ở giữa rừng. Chúng tôi làm tùy theo sức từng người, không nói gì, cũng không ngẩng đầu lên. Chúng tôi nghe thấy tiếng chửi rủa và những tiếng đánh đập đã man mà tù nhân luôn luôn phải chịu đựng. Không một ai trong bọn chúng tôi bị đánh một roi gân bò. Buổi làm việc ngay khi vừa đến trại giam là để cho chúng tôi

thấy rõ các tù nhân bị đối xử ra sao. Hôm ấy là thứ bảy. Sau giờ làm, còn đầy mồ hôi và bụi đất, chúng tôi bị đưa vào trại, vẫn không qua một thủ tục nào.

- Năm thằng dân Cayenne lại đây. - Tên hạ sĩ giám thị gọi. Tên này là người lai, cao một mét chín mươi, tay cầm một cây roi gân bò. Nó là một tên đần độn thô lỗ chỉ chuyên giữ trật tự ở bên trong trại giam. Họ chỉ cho chúng tôi chỗ mắc võng ở nơi trống trải gần cổng ra vào trại giam, nhưng tại đấy cũng có một cái mái tôn, ít ra chúng tôi cũng được che nắng che mưa.

Đa số tù nhân là người Colombia, số còn lại là dân Venezuela. Không một trại cải hối nào của tù khổ sai có thể ví với cái cảnh ghê tởm của trại lao động khổ sai này. Một con lừa bị đối xử như những người ở đây chắc phải chết mất. Nhưng gần như tất cả mọi người đều khỏe mạnh, vì thức ăn thức uống ở đây rất dồi dào và ngon lành.

Bọn chúng tôi họp ngay một cuộc hội nghị quân sự nhỏ. Nếu có ai trong bọn chúng tôi bị lính đánh, tốt nhất là chúng tôi ngưng làm việc, nằm ra đất và dù bị đối xử ra sao cũng không đứng dậy. Thế nào cũng phải có một người chỉ huy đến và chúng tôi sẽ hỏi tại sao chúng tôi không phạm tội gì mà lại phải ở trong trại giam khổ sai này? Hai người đã mãn hạn tù là Guittou và Barrière đã lên tiếng đòi phải rả họ về Pháp. Rồi chúng tôi quyết định gọi hạ sĩ giám thị đến. Tôi sẽ nói chuyện với y. Y được

mệnh danh là Negro Blanco (Mọi Trắng). Guittou đi kiếm y. Tên đao phủ tới, tay vẫn cầm roi gân bò. Cả năm chúng tôi vây quanh y.

- Các anh muốn gì?

Tôi nói:

- Chúng tôi chỉ nói với anh một lời thôi, chúng tôi sẽ không phạm một lỗi gì trái với quy chế ở đây, do đó anh không có lý do gì để đánh bất cứ ai trong chúng tôi. Vì chúng tôi thấy anh đánh bất kể ai, đôi khi chẳng có lý do gì, chúng tôi mời anh đến để nói với anh rằng ngày nào anh đánh một người trong bọn chúng tôi anh sẽ chết ngay. Anh hiểu chưa?

- Rồi, - tên Mọi Trắng nói.

- Một kiến nghị cuối cùng nữa.

- Gì thế - Y nói, giọng nghe đùng đục.

- Nếu những gì tôi vừa nói với anh cần được nhắc lại cho người khác, thì người đó phải là một sĩ quan chứ không thể là lính được.

- Đồng ý, - y nói rồi đi. Sự việc này xảy ra ngày chủ nhật là ngày mà tù nhân không phải đi làm. Một sĩ quan tới.

- Tên anh là gì?

- Papillon.

- Anh chỉ huy những người dân Cayenne này à?

- Chúng tôi có năm người, ai cũng là chỉ huy cả.

- Thế thì tại sao người nói chuyện với giám thị lại là anh?
- Vì tôi nói tiếng Tây Ban Nha khá hơn mọi người kia.
Đấy là một đại úy quân cảnh vệ quố gia. Y nói với tôi rằng y không phải là chỉ huy đơn vị này. Có hai sĩ quan cao cấp nhưng họ không có mặt ở đay. Kể từ khi chúng tôi đến, y giữ quyền chỉ huy. Hai viên sĩ quan kia thứ ba mới về.
- Anh đã nhân danh anh và nhân danh các bạn anh, dọa giết giám thị nếu các anh bị y đánh. Có đúng thế không?
- Đúng thế đấy, và lời đe dọa đó cần được coi là một lời hứa chắc. Bây giờ tôi nói thêm cho ông biết là chúng tôi sẽ không bao giờ tạo ra lý do để các ông trừng phạt thể xác chúng tôi. Đại úy cũng biết là không có tòa án nào xét xử chúng tôi vì chúng tôi không phạm tội gì ở Venezuela cả.
- Tôi không biết. Các ông đến trại không có giấy tờ gì hết, chỉ có một giấy của giám đốc ở làng viết là "những người này phải làm việc ngay sau khi đến nơi".
- Vậy thì ông hãy đối xử cho công bằng, vì ông là quân nhân, và ông phải đợi cấp chi huy của ông đến đã. Ông phải báo cho lính của ông biết và đối xử với chúng tôi khác với các tù nhân khác. Tôi nhắc lại để ông biết chúng tôi không phải và không thể là những kẻ bị đem ra tòa xử vì chúng tôi không hề phạm tội gì ở Venezuela.
- Được, tôi sẽ ra lệnh như vậy. Tôi mong rằng các ông không nói

dối tôi.

Tôi có thì giờ nghiên cứu các tù nhân suốt buổi chiều chủ nhật đầu tiên này. Điều thứ nhất làm tôi ngạc nhiên là tất cả tù nhân đều khỏe mạnh về thể xác. Điều thứ hai là họ bị đánh như cơm bữa nên họ quen chịu đựng đến nỗi ngay cả chủ nhật là ngày nghỉ, họ có thể dễ dàng tránh được việc đó bằng cách giữ mình cẩn thận, nhưng hình như họ đi tìm một khoái cảm bệnh tật trong khi đùa với lửa một cách ngông cuồng. Họ không ngừng phạm những điều cấm kỵ: chơi xúc xắc vào nhà tiêu hôn hít một cậu pê-đê, ăn cắp của bạn, ăn nói thô tục với những người đàn bà trong làng vẫn mang quà bánh hay thuốc lá cho tù nhân. Mấy người đàn bà này cũng trao đổi hàng hóa với họ. Một cái rổ đan, một đồ vật chạm được đem đổi lấy ít tiền hay vài bao thuốc lá. Thế mà cũng có những tù nhân tìm cách cướp giật qua hàng rào dây thép gai những thức mà các bà đưa ra mời chào rồi chạy biến lẫn vào đám đông, không chịu đưa ra món hàng mà lẽ ra họ phải đem đổi. Kết quả là những hình thức roi vọt, được áp dụng bừa bãi chẳng đâu vào đâu đã làm cho da thịt họ chai lì, tạo nỗi khiếp sợ trong trại giam mà chẳng có lợi gì đối với trật tự xã hội, cũng như chẳng cải tạo được những con người khốn khổ này.

Nhà giam cấm cố ở đảo Sant-Joseph với cảnh im ắng của nó còn ghê rợn hơn thế này. ở đây, sự sợ hãi chỉ trong chốc lát, tù nhân có thể nói chuyện với nhau ban đêm, ngoài giờ làm việc và ngày

chủ nhật, lại được ăn uống đầy đủ, cho nên rất có thể chịu đựng được án tù của mình, vốn không hao giờ quá năm năm. Chúng tôi hút thuốc, uống cà phê và trò chuyện với nhau cho qua ngày chủ nhật. Vài tù nhân người Colombia mon men đến gần. Chúng tôi gạt họ đi một cách nhã nhặn nhưng kiên quyết, phải để cho mọi người thấy chúng tôi là một loại tù đặc biệt, nếu không thì hỏng hết.

Sáu giờ sáng hôm sau, ngày thứ hai, ăn xong bữa sáng thịnh soạn, chúng tôi đi làm cùng các tù khác. Sau đây là cách khởi đầu công việc, hai hàng người đứng đối diện với nhau, năm mươi tù nhân, năm mươi lính, mỗi tên lính phụ trách một tù nhân. Giữa hai hàng người là năm mươi dụng cụ, cuốc, xẻng hay rìu.

Hai hàng người theo dõi nhìn nhau. Hàng tù nhân thì lo lắng, hàng lính thì hung hãn.

Viên đội hô: "Tên Mỗ... lấy cuốc

Kẻ khốn khổ đó hối hả vác cuốc lên vai, và đâm đầu chạy đi làm việc. Viên đội lại hô "numéro" có nghĩa là (đội viên số một, hai ba v.v...." tên lính mang số đó lao theo người tù và lấy roi gân bò quất y. Cảnh tượng hãi hùng này diễn ra môi ngày hai lần. Trên đường từ trại giam đến nơi làm việc, người ta có cảm giác đấy là những kẻ chăn lừa chạy theo đánh con lừa của mình chăn.

Chúng tôi chờ đến lượt mình, lo sợ đến lạnh người. May thay, nó

không như thế.
- Năm người Cayenne, lại đây! Các anh trẻ, cầm cuốc, còn hai người già kia cầm hai cái xẻng đây.
Chúng tôi bắt đầu đi không phải chạy nhưng cùng là rảo bước, có năm tên lính và một tên cai giám sát, và cứ thế chúng tôi đến công trường lao dịch của trại. Ngày lao động hôm nay dài và nản hơn ngày đầu tiên. Những người bị chú ý nhiều nhất đã kiệt sức, la hét như điên và quỳ xuống lạy van, xin lính đừng đánh họ. Buổi chiều, họ phải gom những mớ củi cháy dở thành một đống lớn. Một số phải quét dọn ở phía sau. Mỗi tên lính dùng roi gân bò quật người tù y phải giám sát để người này nhặt các mảnh vụn rồi chạy đem đến khu trung tâm trại. Phải chạy như ma đuổi, một số tù phát điên thật sự và trong lúc vội vã đôi khi họ cầm củi ở đầu còn cháy đỏ. Tay bị bỏng, bị quất roi tới tấp, nhiều khi họ dẫm cả bàn chân đất lên đống than hồng hay một cành củi còn bốc khói ở dưới đất, cảnh tượng quái dị này kéo dài ba giờ. Không ai trong bọn tôi phải tham gia việc dọn sạch bãi đất mới khai quang này. Cũng là may, vì chúng tôi vừa cắm đầu cuốc đất, vừa nhắn nhau bằng những câu ngắn gọn là môi đứa chúng tôi sẽ nhảy xổ vào năm tên lính, kể cả giám thị, cướp súng của chúng và bắn vào lũ man rợ đó.
Hôm nay thứ tư, chúng tôi không ra chỗ làm việc. Hai sĩ quan chỉ huy đội cảnh vệ quốc gia gọi chúng tôi lên bàn giấy. Hai

quân nhân này rất ngạc nhiên khi thấy chúng tôi đến El Durado mà không có tài liệu gì chứng tỏ là có một tòa án nào đã gửi chúng tôi đến đây. Họ hứa với chúng tôi là ngày mai sẽ hỏi lên giám đốc cơ quan hình sự. Cũng không lâu la gì, hai viên thiếu tá chỉ huy đội cánh vệ trại giam này quá là nghiêm khắc, có thể nói là trấn áp, nhưng lại đứng đắn, vì họ đòi giám đốc trại phải đích thân đến giải thích cho chúng tôi rõ. Ông ta đã đến, cùng đi với người em rể tên là Russian và hai sĩ quan đội cảnh vệ quốc gia:

- Francese. Tôi là giám đốc trại El Dorado đây. Các anh muốn nói với tôi điều gì vậy?

- Trước hết, tòa án nào đã ra lệnh giam chúng tôi vào trại lao động khổ sai này? Bao nhiêu lâu và về tội gì? Chúng tôi đến Irapa ở Venezuela bằng đường biển. Chúng tôi không phạm một tội nhỏ nào. Vậy thì chúng tôi ở đây vì lẽ gì? Và các ông bắt chúng tôi phải làm khổ sai là nghĩa lý gì?

- Trước hết, hiện nay đang là thời chiến, vậy chúng tôi phải biết rõ các anh là ai.

- Đúng, nhưng điều đó không giải thích được việc chúng tôi bị tống vào trại giam này.

- Các anh đã trốn tránh pháp luật của nước Pháp vì vậy chúng tôi cần phải biết rõ họ có đòi lại các anh không.

- Tôi thừa nhận điều đó, nhưng tôi vẫn cứ hỏi: tại sao lại đối xử với chúng tôi như chúng tôi đang phải chịu án?

- Bây giờ các anh tạm ở đây căn cứ vào điều luật về "vaguesét maleantes"* (*vegueset maleantes (tiếng Tây Ban Nha): luật đối với những người vô cư đi lang thang) trong khi còn điều tra thêm về các anh.

Cuộc tranh luận sẽ còn kéo dài nếu một sĩ quan không đưa ý kiến riêng của mình ra để cắt đứt vấn đề.

- Thưa ông giám đốc, thật ra chúng ta không thể đối xử với năm người này như các tù nhân khác. Trong khi chờ báo cáo về Caracas về hoàn cảnh đặc biệt này, tôi đề nghị sử dụng những người này vào việc khác chứ đừng bắt họ làm đường.

- Những người này nguy hiểm lắm, họ đe dọa sẽ giết giám thị nếu họ bị đánh. Có đúng không?

- Thưa ông giám đốc, chúng tôi không chỉ đe dọa người đó đâu: chúng tôi sẽ giết ngay bất cứ kẻ nào dại dột đánh một người trong chúng tôi.

- Nếu là lính thì sao?

- Cũng vậy thôi. Chúng tôi không làm gì để phải chịu một chế độ như thế này. Luật lệ và chế độ lao tù của nước chúng tôi có thể khủng khiếp và vô nhân đạo hơn của các ông, nhưng bị đánh như súc vật, chúng tôi quyết không chấp nhận.

Viên giám đốc đắc ý quay về phía các sĩ quan của mình: "Các ông đã thấy họ là những người nguy hiểm chưa?" Viên thiếu tá lớn tuổi hơn ngập ngừng một chút rồi kết luận, làm mọi người

kinh ngạc:

- Những người Pháp vượt ngục này nói có lý, không điều gì ở Venezuela chứng minh được là họ phải chịu đựng các hình phạt tuân theo luật lệ của trại giam này. Tôi công nhận họ nói đúng. Cho nên có hai diện, thưa ông giám đốc: hoặc ông cho họ làm việc gì khác với các tù nhân thường, hoặc họ không đi làm việc. Để họ chung với mọi người, có ngày họ sẽ bị lính đánh thôi.

-Chúng ta sẽ xét việc đó sau. Bây giờ, cứ để họ ở lại trại. Mai, tôi sẽ cho các ông biết phải làm gì.

Viêm giám đốc cùng người em rể ra về.

- Tôi cảm ơn các sĩ quan. Họ cho chúng tôi thuốc lá và hứa trong buổi điểm danh tối sẽ thông tri cho sĩ quan và binh lính là tuyệt đối không được đánh chúng tôi bất cứ vì lý do gì.

Chúng tôi ở đây đã được tám ngày. Chúng tôi không phải làm việc. Hôm qua chủ nhật, đã xảy ra một sự việc khủng khiếp. Những người tù Colombia đã rút thăm để xem ái phải giết tên giám thị Mọi Trắng. Thăm rơi vào một người trạc ba mươi tuổi. Họ đã làm cho anh ta một cái muỗng bằng sắt, cán được mài trên nền xi- măng thành một mũi xiên rất nhọn, hai cạnh đều sắc. Người ấy đã can đảm nhận lời cam kết. Anh đâm tên Mọi Trắng ba nhát ở gần tim. Viên giám thị được cấp tốc đưa đi bệnh viện, thủ phạm giết người bị trói vào một cây cột ở giữa trại. Bọn lính đi tìm các vũ khí khác Như một lũ điên, chúng dùng roi vọt quất

tứ tung.

Trong cơn tức giận sôi sục, do tôi chưa cởi quần kịp cho nó soát, một tên lính đã quật một roi gân bò vào đùi tôi. Barriére liền cầm một chiếc ghế dài và giơ lên toan phang vào đầu nó. Một tên lính khác dùng lưỡi lê đâm suốt qua cánh tay anh trong lúc tôi cũng đá vào bụng tên lính đã đánh tôi làm y nằm sóng soài ra đất.

Tôi vừa nắm lấy khẩu súng rớt dưới đất thì một có tiếng hô lớn:

- Ngừng lại tất cả! Không được đụng đến mấy người Pháp. Anh người Pháp cũng bỏ súng xuống! - Đó là đại úy Floran đã gặp chúng tôi hôm đầu tiên chúng tôi đến trại.

Ông ta can thiệp đúng vào lúc tôi sắp bắn vào đám lính. Không có ông, chúng tôi chắc có thể giết được một hai tên lính, nhưng chúng tôi cũng bỏ xác một cách ngu ngốc ở cái xứ Venezuela sơn cùng thủy tận này, trong khi chúng tôi đã đi gần tới đích.

Nhờ có sự can thiệp kiên quyết của viên đại úy, bọn lính rời nhóm chúng tôi để đi hành hung chỗ khác. Và đến đây chúng tôi đã chứng kiến một chuyện ghê tởm cực kỳ khó lòng có thể tưởng tượng được.

"Tội nhân" bị trói vào một cái cột ở giữa trại giam và bị ba người, một tên giám thị và hai tên lính, đánh liên tục đến nhừ tử, từ năm giờ chiều đến sáu giờ sáng hôm sau. Đánh đập một con người cho đến chết cũng mất khá nhiều thời gian. Những lúc ngừng đánh (chỉ mấy giây thôi), là để hỏi tội nhân xem tòng

phạm là những ai, ai đã đưa cái muỗng, ai đã mài sắc nó. Anh ta không tố giác ai, mặc dầu người ta đã hứa với anh là hễ anh nói ra, cuộc tra tấn sẽ ngưng ngay. Anh ta ngất đi nhiều lần. Họ đổ hàng xô nước cho anh tỉnh lại. Mức độ cao nhất là lúc bốn giờ sáng. Những kẻ tra tấn thấy da thịt nạn nhân không phản ứng nữa dù chỉ là co lại khi bị đánh, nên họ đã dừng lại.

- Nó đã chết chưa? - Một sĩ quan hỏi.

- Không biết nữa.

- Cởi trói ra, bắt nó quỳ sấp xuống

Bị bốn tên lính giữ chặt, người tựa quỳ ở tư thế gần như bò bốn chân. Bấy giờ một tên đao phủ lấy roi gân bò quất một phát thẳng theo các khe giữa hai mông đít, đầu ngọn roi chắc còn đi xa tới quá bộ phận sinh dục. Cú đánh của kẻ tra tấn điêu luyện này làm tội nhân cuối cùng phải rên lên một tiếng. Viên sĩ quan nói:

- Tiếp tục đánh. Nó chưa chết.

Anh ta bị đánh cho đến sang. Trận đòn xứng đáng với thời Trung Cổ này, có thể làm chết một con ngựa, lại không làm tội nhân chết hẳn. Sau khi họ để anh ta yên một giờ không đánh, và sau khi họ dội vài xô nước vào người, anh ta vẫn còn sức để đứng dậy, tuy cũng được bọn lính đỡ thêm. Anh ta đứng thẳng một lát, không cần tựa vào ai, viên y tá đến cạnh, tay cầm một ly nước:

- Uống tí thuốc xổ đi, mày sẽ hồi lại, - một sĩ quan ra lệnh.

Tội nhân do dự rồi uống liều thuốc một hơi. Một phút sau, anh ta ngã vật ra, vĩnh viễn nằm xuống. Trong cơn hấp hối, từ miệng anh thốt ra một câu: "Đồ ngốc, chúng nó đầu độc mày rồi".
Tất cả các tù nhân, kể cả chúng tôi, không có ý định làm gì, dù động đậy một ngón tay. Mọi người, không trừ ai, đều khiếp sợ. Đây là lần thứ hai trong đời, tôi muốn chết đi cho xong. Trong khoảng vài ba phút, tôi chú ý đến khẩu súng của một tên lính đứng gần tôi cầm hờ hững. Tôi chỉ kìm lại được khi nghĩ rằng có thể chưa kịp lên qui-lát và bắn vào đám lính thì đã chết rồ i.
Một tháng sau. Mọi Trắng lại trở về, và hơn bao giờ hết vẫn là nỗi khiếp sợ của trại giam. Tuy nhiên số nó đã được định đoạt là phải chết ở El Dorado. Một đêm, một người lính gác đã chĩa súng vào nó khi thấy nó đi qua.
- Quỳ xuống, - người lính ra lệnh.
Mọi Trắng tuân theo.
- Cầu kinh đi, mày sẽ chết.
Người đó để nó cầu một bài kinh ngắn rồi hạ nó bằng ba phát súng. Có những tù nhân nói rằng người lính kia ghê tởm thấy tên dao phủ này đánh các tù nhân quá ư man rợ nên đã giết nó. Lại có người kể rằng Mọi Trắng đã tố giác người lính nọ với cấp trên của anh ta, nói rằng nó đã biết anh ta từ hồi ở Caracas trước lúc đi quân dịch theo nó hồi ấy anh ta là một thằng kẻ cắp. Nó đã được chôn cất gần người tù tội nhân, chắc hắn đã từng là kẻ cắp

nhưng cũng là một con người có lòng dũng cảm và một phẩm giá khác thường.

Tất cả những sự việc ấy đã làm cho quyết định về chúng tôi bị chậm lại. Các tù nhân khác cũng không được đưa đi làm việc trong mười lăm ngày. Barrière được một bác sĩ trong làng chữa cho khỏi vết thương do lưỡi lê đâm.

Lúc này chúng tôi đã được kính nể. Hôm qua Chapar đã đi làm đầu bếp cho giám đốc ở trong làng. Guittou và Barrière đã được trả tự do vì tin tức về chúng tôi đã được thông báo từ Pháp. Vì hai người đã mãn hạn tù nên họ được thả. Tôi đã khai một tên ý. Tên thật của tôi cùng với dấu tay và án tù chung thân của tôi đã được thông báo. Deplanque với án hai mươi năm cũng như án của Chapar đều được thông báo, vị giám đốc có vẻ tự hào khi cho chúng tôi biết tin tức nhận được từ bên Pháp, ông nói:

- Tuy nhiên, vì các anh không làm việc gì xấu ở Venezuela, nên các anh chỉ bị giữ một thời gian, sau đó các anh sẽ được trả tự do. Nhưng muốn được vậy, các anh phải làm việc, có thái độ tốt: các anh đang ở trong thời kỳ cần theo dõi.

Nhiều lần nói chuyện với tôi, các sĩ quan phàn nàn về việc khó kiếm ra rau tươi ở trong làng. Trại có một khu nông nghiệp nhưng không có rau, mà chỉ trồng lúa, bắp, đậu đen thôi. Tôi đề nghị sẽ trồng cho họ một vườn rau nếu tôi có hạt giống. ý kiến được chấp thuận ngay.

Điều lợi nhất: Deplanque và tôi được ra khỏi trại, và vì có thêm hai người tù biệt xứ bị bắt giữ ở Luidad Bolivar, nên họ đã nhập bọn với chúng tôi. Một người tên Toto, là dân Paris, người kia dân Corse. Bốn chúng tôi đã làm hai căn nhà nhỏ bằng gỗ tốt, mái lợp lá cọ Deplanque và tôi ở một căn, hai cậu nọ ở căn kia. Toto cùng tôi làm những cái bàn cao, bốn chân bàn đặt trong những cái lon đổ dầy dầu hôi để kiến không lên ăn hạt giống. Chúng tôi đã có ngay những cây cà chua, cà tím, đưa tây và đậu xanh. Chúng tôi bắt đầu cấy lên trên những tấm ván vì cây con đã đủ sức chống được kiến. Để trồng cà chua mới, chúng tôi đào một cái hố lúc nào cũng có nước ở bên vườn. Làm như vậy cho cây luôn có độ ẩm và ngăn cách loại ký sinh vốn rất nhiều ở nơi đất chưa được khai thác này.

- Cái gì thế này nhỉ,- Toto gọi tôi. - Anh thử xem hòn đá cuội này, nó sáng biết chừng nào.

- Cậu rửa sạch đi xem.

Rửa xong cậu ta đưa cho tôi coi. Đó là một viên thạch anh, to bằng gạt đậu. Rửa sạch rồi, mặt cắt của nó bóng hơn nhiều vì nó có một lớp vỏ kết rất cứng bao quanh.

- Có phải là kim cương không nhỉ?

- Câm miệng đi Toto, nếu là kim cương thì không phải ba hoa, mày không thấy nếu chúng ta may mắn vớ được một cái mỏ kim cương thì sẽ ra sao à? Giấu đi, để tối về xem sao.

Buổi chiều, tôi dạy toán cho một viên hạ sĩ đang chuẩn bị thi lên cấp sĩ quan. Con người rất mực cao thượng và thẳng thắn ấy (anh đã chứng tỏ những đức tính ấy trong tình bạn dài hai mươi lăm năm với (tôi), bây giờ là đại tá Frsnciseo Bolsgno Utrera.

- Franclsco, có biết cai gì đây không? Có phải thạch anh không?

- Không phải -Sau khi xem xét rất tỉ mi anh nói - - Đây là kim cương. Anh giấu kỹ đừng cho ai trông thấy. Anh tìm thấy nó ở đâu?

- Dưới gốc cà chua.

- Lạ thật. Có phải anh lấy nước ờ sông lên tưới cà chua không? Khi múc nước sông anh có cào xuống đáy làm cho cát lẫn vào nước không?

- Rất có thể như vậy.

- Vậy thì đúng rồi. Viên kim cương này anh đã mang từ dưới sông Rio Caroni lên đấy. Anh có thể tiếp tục kiếm dưới sông đi, nhưng cũng để ý xem trong vườn có còn những viên khác không, vì không bao giờ người ta lại chỉ tìm được có một viên đá quý. Đã kiếm ra một viên ở đâu thì thế nào cũng còn những viên khác.

Toto bắt tay ngay vào việc.

Chưa bao giờ cậu ta làm nhiều như vậy, đến nỗi hai anh bạn kia, vốn không được chúng tôi kể lại việc này, phải nói:

- Làm vừa vừa tôi Toto, xách nước sông kiểu đó thì chẳng bao

lâu sẽ lao lực mà chết. Đã thế lại còn tha cả cát về nữa.
- Đề cho đất tươi hơn các cậu ạ, - Toto đáp, - Đất có lẫn cát, lọc nước tốt hơn.
Mặc cho chúng tôi trêu chọc. Toto cứ tiếp tục sách nước không ngừng. Một hôm vào lúc giữa trưa cậu ta bị ngã ngay trước chỗ chúng tôi đang ngồi ở bóng râm. Trong đống cát văng tứ tung, có một viên đá to bằng hai hạt đậu. Một lần nữa lớp vỏ bộc bị vỡ, nếu không cũng chẳng ai biết. Cậu ta vồ lấy viên đá một cách quá vội vã.
- Này, có phải kim cương không? - Deplanque nói bọn lính bảo là dưới sông có kim cương và vàng đấy.
- Bởi vậy tôi mới xách nhiều nước thế chứ. Các anh cũng thấy là tôi không ngốc chứ. - Toto nói, mãn nguyện vì đã biện minh được cho sự hăng hái của mình.
Nói tóm lại trong sáu tháng Toto đã có được sáu bảy ca-ra kim cương. Tôi có độ mười hai ca-ra cộng thêm hơn ba chục viên đá nhỏ, và như vậy đã là hàng kinh doanh được rồi, theo lối nói lóng của dân thợ mỏ. Nhưng một hôm tôi kiếm được một viên hơn sáu ca-ra sau này đưa về Caracas dũa đi còn được gần bốn ca-ra. Hiện tôi vẫn còn giữ nó và đeo thường xuyên ở tay. Deplanque và Antartaglia cũng gom góp được vài viên đá quý. Tôi vẫn còn cái plan trong nhà giam cũ, và tôi đã cất cả vào đấy Bọn họ thì lấy những khúc sừng trâu nhọn đầu để làm chỗ giấu

các vậy báu nho nhỏ ấy.

Chẳng ai biết gì về việc này, trừ ông đại tá tương lai, lúc này dang là hạ sĩ Francisco Bolagno. Cà chua và các cây khác mọc đều, các sĩ quan trả tiền rất sòng phẳng số rau mà hàng ngày chúng tôi đem lên bếp của họ.

Chúng tôi được tương đối tự do. Không có ai canh gác khi chúng tôi làm việc và ngủ ở hai căn nhà nhỏ. Chúng tôi không bao giờ đi vào trại giam. Chúng tôi được kính nể và đối xử tử tế. Tất nhiên mỗi lần gặp giám đốc là chúng tôi lại năm nỉ để ông cho chúng tôi được hưởng tự do. Lần này ông cũng đáp: "Sắp sửa rồi". Nhưng chúng tôi ở đây đã được tám tháng mà vẫn chẳng có gì thay đổi. Tôi đã bắt đầu tính chuyện trốn đi. Toto không chịu, cả mấy cậu kia cũng vậy. Để nghiên cứu giòng sông, tôi kiếm được một cuộn dây và cái lưỡi câu.

Tôi bán cá cá, đặc biệt loại cá Caribes chuyên ăn thịt, có con nặng đến một ký, hàm răng bố trí như răng cá mập, và cũng khủng khiếp như thế.

Hôm nay, có chuyện náo động, Gaston Duranton, còn gọi là thằng Khoèo, đã trốn biệt mang theo bảy mươi ngàn bolivar trong két sắt của giám đốc. Câu chuyện về gã giang hồ này khá độc đáo.

Khi còn nhỏ, nó đã ở nhà trừng giới ở đảo Cleron, làm thợ ở xưởng giày tại đó. Một bữa, sợi dây cu-roa dùng để chuyển chiếc

giầy đặt trên đầu gối đưa xuống dưới chân nó bị đứt. Nó bị gãy xương hông. Vì chữa chạy không chu đáo, cái xương hông chỉ liền có một nửa: suốt quãng dời niên thiếu và một phần tuổi trưởng thành chân nó cong queo, người nó vẹo một bên. Nhìn nó đi thật là khổ tâm. Thằng nhỏ gày ốm, thân hình vẹo vọ, khó nhọc kéo lê cái chân không còn điều khiển được nữa. Nó vào trại giam năm hai mươi lăm tuổi. Vì phải sống những thời gian dài ở các trại cải tạo, nên không có gì lạ khi ra khỏi đấy, nó trở thành kẻ cắp.

Ai cũng gọi nó là thằng Khoèo. Không mấy người biết tên nó là Gaston Duranton. Nó khoèo, vậy người ta gọi nó là thằng Khoèo có sao đâu. Tuy vậy vẹo vọ như vậy, nhưng nó cũng vượt ngục ra khỏi trại giam và đến được Venezuela. Chuyện ấy xảy ra dưới thời lão độc tài Gomez. Rất ít tù khổ sai thoát khỏi sự đàn áp của lão ta. Chỉ có vài trường hợp ngoại lệ, trong đó phải kể đến trường hợp bác sĩ Bougrat vì bác sĩ đã cứu được tất cả dân chúng đảo ngọc trai "Margarita" khỏi bệch dịch sốt vàng da.

Thằng Khoèo bị bọn "Sagrada", tức đội cảnh sát đặc biệt của Gomez bắt và đưa đi làm đường ở Venezuela. Các tù nhân Pháp và Venezuela bị xích vào những hòn lê có in lõm hình hoa huệ Toulon. Mỗi khi tù nhân khiếu nại điều gì, thì người ta lại nói với hắn: "Nhưng mà những thứ dây xích, xì ga ma-ni, hòn lê này là từ trước của mày đem sang đấy chứ? Trông bông huệ

kìa!”*(*Hoa huệ vốn là biểu trưng của Vương quốc Pháp kể từ triều đại nhà Capet)

Tóm lại, thằng Khoèo trốn khỏi trại lưu động làm đường. Vài ngày sau, nó bị bắt, và bị đưa trả về nơi giam lưu động nọ. Trước tất cả tù nhân, nó phải nằm sấp trần truồng để chịu một trăm roi gân bò.

Rất hiếm người chịu đựng nổi trên tám mươi roi. Điều may cho nó là nó gầy ốm, và khi nó nằm bụng sát đất roi không đánh vào gan, bộ phận dễ bị dập nếu bị đánh mạnh. Lệ thường ở đây, sau mỗi lần bị roi vọt hai mông đít bị băm nát, là phải xát muối vào vết thương rồi để nằm ngoài nắng. Nhưng người ta cũng lấy lá cây dày để che đầu cho nó, vì người ta chấp nhận chơ nó chết vì đòn roi chứ không thể để cho nó chết nắng được.

Thằng Khoèo lại sống sót được sau nhục hình kiểu thời Trung cổ này và lần đầu tiên nó đứng lên, thì lạ thay, nó không còn “khoèo” nữa. Trận đòn đã làm cho chỗ xương nối lệch lại trật khớp và trở về đúng chỗ. Lính và tù đều reo lên coi đó là một phép mầu, và chẳng còn ai hiểu ra sao nữa. ở cái đất nước mê tín này, người ta cho là Chúa đã thưởng cho nó và đã chịu đựng sự tra tấn một cách xứng đáng. Từ ngày ấy, nó không bị xích, cũng không phải đeo hòn lê nữa. Nó được che chở và chuyển sang việc phân phối nước cho các tù khổ sai. Thân hình nó đã mau nhờn nở nang và ăn được nhiều, nó trở thành một thanh niên cao

lớn như lực sĩ. Nước Pháp biết là có những tù khổ sai phải làm đường ở Venezuela. Cho rằng những năng lực này sẽ được áp dụng tốt hơn hết ở Guyane thuộc Pháp, thống chế Franchet d'Esperey được cứ đi công cán để đề nghị với vị độc tài đang vui vì không phải bỏ tiền và cũng có nhân công - trả lại những người đó cho nước Pháp. Gomez chấp nhận, và một chiếc tàu đã cập bến Puerto Cabelle để đón những người này về. ở đấy, có những pha hài hước kinh khủng vì có những người từ các nông trường làm đường ở khắp nơi đến chưa biết chuyện thằng Khoèo.

- A! Marcel khỏe chứ!

- Cậu là ai nhỉ?

- Thằng Khoèo.

- Cậu rỡn mặt với tôi đấy hả! - Tất cả những ai được Gaston chào hỏi đều trả lời như vậy khi thấy chàng trai cao dẹp vừng vàng trên đôi chân thẳng tắp này. Thằng Khoèo còn trẻ và thích đùa nên luôn miệng gọi những ai nó quen trong khi mọi người xuống tàu, và dĩ nhiên, không ai thừa nhận là thằng Khoèo lại có thể đứng thẳng dậy được. ở trại tù khổ sai, tôi được chính nó và những tù khác ở đảo Royale kể lại chuyện này.

Nó lại vượt ngục năm 1943, và trôi giạt về El Dorado. Vì nó đà sông ở Venezuela rồi, nên dĩ nhiên nó không để lộ chuyện nó còn là tù, và nó được giao việc nấu bếp thay cho Chapar chuyển sang làm vườn. Nó ở trong làng cùng với giám đốc, nghĩa là ở

bên kia sông.

Trong phòng làm việc của giám đốc có một cái két sắt đựng tiền của trại. Ngày hôm đó, nó lấy cắp bảy mươi ngàn bolivar, tương đương với gần hai mươi ngàn đô-la lúc bấy giờ. Do đó xảy ra chuyện náo động ở khu vườn chúng tôi: ông giám đốc, ông em rể và hai viên chỉ huy đội cảnh vệ làm rum beng lên. Ông giám đốc muốn đưa chúng tôi vào trại. Hai viên sĩ quan không chịu. Họ bảo vệ chúng tôi cũng là bảo vệ việc tiếp tế rau xanh của họ. Chúng tôi cuối cùng cũng thuyết phục được ông giám đốc là chúng tôi không cung cấp được cho ông tin tức gì cả; nếu chúng tôi biết được thì chúng tôi có thể cũng đã đi với nó, rằng mục đích của chúng tôi là được tự do ở Venezuela chứ không phải ở Guyane thuộc Anh, địa điểm duy nhất mà nó có thể đến được. Lần theo vết đàn kền kền đã ăn xác nó, người ta tìm thấy thằng Khoèo chết trong rừng cách trại bảy mươi ki-lô-mét, rất gần biên giới Guyane thuộc Anh.

Cách giải thích thứ nhất, cách giản tiện thứ nhất, là nó đã bị người Anh-điêng giết. Về sau, có một người bị bắt ở Giudad bolivar trong khi đang đổi những tờ giấy bạc năm trăm bolivar mới tinh. Nhà Ngân hàng đã phát số tiền cho giám đốc trại El Dorado nắm được số hiệu của tập giấy bạc và thấy đấy chính là số tiền bị mất cắp. Tên kia thú nhận và tố giác hai tên khác. Nhưng không sao bắt được hai tên này. Đó là câu chuyện về

cuộc đời và cái chết của anh bạn thân của tôi, Gaston Duranton, còn gọi là thằng Khoèo.

Một số sĩ quan lén lút dùng tù nhân vào việc mò vàng và kim cương ở dòng sông Rio Caroni. Cũng có kết quả khả quan, không nhiều lắm nhưng cũng đủ để kích thích những kẻ đi tìm kim cương. Phía dưới vườn tôi có hai người làm việc suốt ngày với cái nón kiểu Tàu lật ngửa, đầu nhọn ở dưới, vành tròn ở trên. Vì kim cương nặng nhất nên nó lắng xuống đáy nón. Đã có một người chết vì đã lấy cắp của "chu". Chuyện tai tiếng này làm việc khai thác "mỏ" lén lút phải chấm dứt.

ở trại có một người, xăm khắp cả thân trên. Trên cổ có dòng chừ: "Đù mẹ thợ hớt tóc". Tay phải y bị liệt. Miệng y méo xệch và cái lưỡi to thường thè lè ra, dớt dãi chảy dòng dòng làm ai cũng thấy là y bị chứng liệt nửa người. Y là người ở đâu? Không ai biết. Y đến đây trước chúng tôi. Y ở đâu tới? Có điều chắc chắn y là tù khổ sai hay là dân bị biệt xứ đã vượt ngục. Trên ngực y có xăm dòng chữ Bat d'Af (tức Bataillon d'Afrique - tiểu đoàn Phi châu viết tắt). Dòng chữ cái đó cũng như "Đù mẹ thợ cắt tóc" ở phía gáy, làm người ta biết ngay mà không sợ lầm rằng y là tù khổ sai.

Lính và tù đặt tên cho y là Picolino. Y được đối xử tử tế và ngày ngày nhận ba lần xuất ăn chu đáo, có cả thuốc lá. Đôi mắt xanh của y rất sinh động, và cái nhìn của y không phải lúc nào cũng

buồn. Khi y nhìn người nào y mến, đồng tử mắt y long lanh lên vì vui thích. Ai nói gì với y, y hiểu hết, nhưng y không nói được, cũng không viết được; tay phải y bị liệt còn bàn tay trái của y lại mất ngón cái và hai ngón khác nữa.

Cái thân tàn ma dại này đứng bám lấy hàng rào dây thép gai hàng giờ liền, đợi tôi mang rau đi ngang, vì đấy là con đường ngày ngày tôi qua lại để mang rau đến bếp của sĩ quan. Buổi sáng, mỗi lần đem rau đến đó, bao giờ tôi cũng dừng lại nói chuyện với Picolino. Y đứng dựa vào dây thép gai, nhìn tôi bằng đôi mắt xanh rất đẹp, đầy sức sống, trong một thân thể gần như đã chết. Tôi ôn tồn nói chuyện với y, và y dùng đầu và mi mắt để lộ cho tôi thấy là y đã hiểu chuyện của tôi. Bộ mặt tê liệt của y lóe sáng lên một chút, và đôi mắt long lanh ấy muốn nói với tôi biết bao nhiêu điều Bao giờ tôi cũng cho y một vài món quà: một mớ cà chua, rau diếp, hay dưa leo, ăn ngay được với nước sốt dầu giấm, hay một quả dưa bở nhỏ, một con cá nướng lò than. Y không đói, vì thức ăn ở nhà tù Venezuela rất dồi dào, nhưng những món của tôi cũng lạ miệng so với bữa ăn chính thức. Cùng với quà tặng đó, bao giờ tôi cũng kèm theo vài điếu thuốc. Việc thăm hỏi ngắn ngủi của tôi với Picolino đã trở thành một thói quen cố định làm cho lính và tù gọi y là “Con trai của Papillon”.

Điều lạ thường, người dân Venezuela có sức lôi cuốn và hấp dẫn tôi đến mức tôi quyết định tin tưởng họ. Tôi không vượt ngục nữa. Là tù nhân, tôi chấp nhận hoàn cảnh bất thường này, hy vọng có ngày tôi sẽ được là một phần tử trong dân tộc họ. Nói ra có vẻ ngược đời. Tuy cách họ đối xử với tù nhân man rợ như vậy không khuyến khích tôi sống chung với họ được nhưng tôi hiểu rằng họ coi các hình phạt đối với thể xác là bình thường với tù nhân cũng như với lính. Lính phạm lỗi cũng bị quất roi gân bò. Rồi vài ngày sau, vẫn người lính đó lại nói chuyện với viên giám thị, cai đội hay sĩ quan đã đánh mình bình thường như không có chuyện gì xảy ra.

Chế độ tàn bạo ấy là do tên độc tại Gomez thống trị nhiều năm trường đã để lại cho họ. Tập quán này còn tồn tại đến mức một người đứng đầu một đơn vị dân sự cũng phạt dân chúng trong phạm vi của mình bằng cách cho vài roi gân bò.

Nhờ một cuộc cách mạng mà tôi đã đến gần với tự do hơn. Một

cuộc đảo chính nửa dân sự, nửa quân sự đã làm tổng thống nước Cộng hòa, tướng Angarita Medina, một trong những người theo chủ nghĩa tự do lớn nhất của Venezuela, phải rút khỏi vị trí của mình. Ông ta quá tốt và quá dân chủ, đến nỗi không biết cách hay không nỡ chống lại cuộc đảo chính. Hình như ông dứt khoát không chịu để xảy ra một cuộc đổ máu giữa những người Venezuela với nhau chỉ để ông duy trì được chức vị của mình. Chắc chắn là người quân nhân dân chủ lớn này không hay biết những gì diễn ra ở El. Dorado. Dù sao thì một tháng sau ngày Cách mạng, tất cả các sĩ quan đều được thay đổi. Một cuộc điều tra về cái chết "của tội nhân" do thuốc xổ được tiến hành. Ông giám đốc cùng người em rể của ông biến mất, và một nhà cựu luật sư kiêm nhà ngoại giao đến thay thế.

- Được rồi, Papillon, ngày mai tôi sẽ trả tự do cho anh, nhưng tôi muốn anh đem cậu Picolino khốn khổ ấy theo anh vì anh vẫn lo cho cậu ấy. Cậu ta không có giấy căn cước, tôi sẽ cấp. Còn giấy căn cước (cédula) của anh đây là hợp lệ, với tên thật của anh. Điều kiện như sau: anh phải sống một năm ở một làng nhỏ rồi mới được đến ở một thành phố lớn. Đây không phải là quản thúc mà là để người ta có thể xem anh sống ra sao và xem cách anh chống chọi với đời như thế nào. Nếu trong vòng một năm, người chủ sự hành chính ở vùng đó cấp cho anh giấy chứng nhận về hạnh kiểm tốt thế là ông ta đã chấm dứt tình trạng cư trú bắt

buộc (confinamiente) của anh. Tôi cho rằng Caracas sẽ là một thành phố lý tưởng đối với anh. Dù sao anh cũng được phép cư trú hợp pháp ở nước này. Chúng tôi không cần biết quá khứ của anh. Chỉ cần anh chứng minh với mọi người là anh xứng đáng được trở thành một người đáng kính nể. Tôi hy vọng trong năm năm nữa, anh sẽ là đồng bào của tôi do anh xin nhập tịch để có một tổ quốc mới. Cầu Chúa sẽ ở bên anh! Cảm ơn anh đã cáng đáng cái thân tàn ma đại của Picolino. Tôi chỉ có thể trả tự do nó nếu có ai ký nhận sẽ đảm nhận nó. Mong rằng nếu được nằm bệnh viện nó sẽ khỏi được.

Thế là bây giờ ngày mai, Picolino và tôi được trả tự do thật sự. Tim tôi nóng ran lên, tôi đã vĩnh viễn chiến thắng "Con đường của sự thối nát", lúc đó là tháng 8 năm 1944. Tôi chờ đợi ngày này từ mười ba năm. Tôi lui về căn nhà nhỏ ở khu vườn. Tôi xin lỗi các bạn tôi, tôi muốn được ngồi lại một mình. Cảm xúc của tôi quá mãnh liệt, quá đẹp đẽ nên tôi không thể bộc lộ trước mặt người khác được. Tôi xem đi xem lại tấm căn cước mà ông giám đốc trao cho tôi: hình của tôi ở góc trái, trên là số 1728629, cấp ngày 3 tháng 4 năm 1944. Đứng giữa là tôi, phía dưới là tên tục. Phía sau là ngày sinh: 10 tháng 11 năm 1096. Giấy căn cước hoàn toàn hợp lệ, còn được giám đốc Sở Căn cước ký tên và đóng dấu đàng hoàng. Tình trạng: là "cư dân". Từ "cư dân" thật là tuyệt vời, thế có nghĩa là tôi được cư trú ở Venezuela. Tim tôi

đập mạnh. Tôi muốn quỳ xuống tạ ơn trời. Tôi không biết cầu nguyện, cũng chưa được rửa tội. Tôi cầu trời nào chứ? Vì tôi có theo đạo nào đâu? Chúa lòng lành của những người theo đạo Cơ đốc ư? Hay đạo Tin lành? Hay đạo của người Do Thái? Của người Hồi? Tôi sẽ chọn ông Trời nào để hiến dâng lời cầu nguyện mà tôi phải hoàn toàn tự đặt ra vì tôi không biết trọn vẹn một bài kinh nào? Nhưng tại sao hôm nay tôi lại phải hỏi xem nên cầu ông Trời nào nhỉ? Trong đời tôi đã chẳng luôn luôn cầu nguyện (cũng có lúc nguyền rủa nữa) Đức Chúa hài đồng Giêsu nằm trong cái giỏ cạnh bốn con lừa và con bò? Có phải trong tiềm thức, tôi còn thù oán các xơ bà tốt bụng ở Colombia chăng? Vậy thì sao không chỉ nghĩa đến Đức giám mục cao cả có một không hai ở Curacao, Đức Cha Irenée de Bruyne, hay xa hơn nữa, vị linh mục nhân hậu ở nhà tù Conciergerie?

Ngày mai tôi sẽ được tự do, hoàn toàn tự đo. Năm năm nữa, tôi sẽ nhập quốc tịch Venezuela vì chắc chắn là tôi sẽ không phạm một lỗi nào trên đất nước đã cho tôi nơi ẩn náu và đã tin tôi. Trong đời, tôi phải lương thiện gấp đôi tất cả mọi người.

Quả thật sở dĩ tôi không phạm tội giết người mà vẫn có một ngài chưởng lý, mấy tên cảnh sát và mười hai viên bồi thẩm bị thịt tống tôi đi tù, chẳng qua vì tôi là một kẻ du đãng. Vì tôi thật sự là một kẻ giang hồ nên người ta mới dễ dàng thêu dệt quanh nhân cách của tôi một mớ hổ lốn những điều bịa đặt. Mở két bạc của

người khác không phải là một nghề đáng tin cậy, và xã hội có quyền cũng như có bổn phận phải tự bảo vệ. Sở dĩ tôi đã có thể ném vào con đường của sự - thối nát, - tôi phải thành thật thú nhận như vậy là vì tôi sống như một kẻ thường xuyên có khả năng rơi vào đấy. Cách trừng phạt tôi như vậy không xứng đáng với một dân tộc như dân tộc Pháp, xã hội có quyền tự vệ chứ không có quyền trả thù một cách hèn hạ như vậy - tất cả những việc đó lại là chuyện khác. Không thể xóa sạch quá khứ của tôi bằng cách lấy một mảnh giẻ lau đi, tôi phải tự khôi phục danh dự của mình đối với bản thân mình trước đã, rồi sau đó, đối với mọi người xung quanh. Vậy thì hỡi Papi, hãy cảm ơn Chúa lòng lành của những người Cơ đốc đi, hãy hứa với Người một điều gì cực kỳ quan trọng.

Lạy Chúa, xin người tha tội cho con nếu con không biết cầu nguyện nhưng Người hãy trông vào con, Người sẽ thấy là con không đủ chữ nghĩa để bày tỏ lòng biết ơn của con đối với Người đã đưa con đến chốn này. Cuộc đấu tranh thật là khó khăn, vượt qua nỗi đắng cay mà người ta đã bắt con phải chịu không phải dễ dàng, nếu con vượt qua được tất cả mọi trở ngại và sống khỏe mạnh cho đến người lành hôm nay, chắc chắn là có bàn tay Người đã phù hộ cho con. Con biết làm gì đây để chúng tỏ con thành thật biết ơn Người?

- Từ bỏ việc trả thù.

Tôi đã nghe thấy hay tưởng chừng nghe thấy câu trả lời này? Tôi không rõ, nhưng nó đã tát mạnh vào mặt tôi khiến tôi phải công nhận là hình như tôi có nghe trả lời như vậy thật.

- Không! Điều ấy thì không! Người đừng bắt con làm như vậy. Những kẻ đó đã làm con đau khổ quá nhiều. Làm sao con có thể tha thứ cho bọn cảnh sát gian xảo, cho tên làm chứng điêu toa Polein? Thôi không cắt lưỡi lão chưởng lý vô nhân đạo? Không thể được. Không, không và không! Con rất ân hận đã làm trái ý người nhưng bằng bất kỳ giá nào, con sẽ trả thù.

Tôi đi ra ngoài, tôi sợ yếu lòng, tôi không muốn thoái chí. Tôi đi vài bước trong vườn. Toto sửa sang cho thân cây đậu cuốn quanh mấy cái sào. Toto, dân thủ đô Paris chứa chan hy vọng đối với hạ lưu ở đường Lappe, Antartaghia, tên móc túi, sinh ra ở đảo Carse nhưng trong nhiều năm đã nẫng túi tiền của dân Paris, và Deplanque, tên sát nhân người Dijon đã giết một thằng cũng làm ma-cô như nó, cả ba người đến gần tôi Họ ngắm tôi, mặt mày họ rạng rỡ vì thấy tôi cuối cùng đã giành được tự do. Chẳng bao lâu nữa cũng sẽ đến lượt họ.

- Cậu không mang về chai rượu vang hay rượu rum nào để ăn mừng việc cậu đi à?

- Xin lỗi, tớ bị xúc động quá nên quên. Các cậu tha thứ cho tớ nghe.

- Không, Papi ơi, không có gì phải tha thứ cả, tôi sẽ pha cà phê

nóng cho tất cả đây?
- Anh Papi, anh bằng lòng nhé, bây giờ anh đã được hoàn toàn tự do sau bao nhiêu năm đấu tranh. Chúng tôi đều mừng cho anh. Tôi hy vọng rồi cũng đến lượt các cậu. Chắc chắn là như vậy rồi, - Toto nói. - Đại úy nói với tôi rằng cứ mười lăm ngày, ông lại trả tự do cho một người trong bọn ta. Được tự do rồi, anh định làm gì đây?
Tôi do dự một hai giây, rồi tuy sợ bị những kẻ cùng cảnh tù đày kia thấy mình lố bịch, tôi cũng can đảm đáp:
- Tớ sẽ làm gì à? Cũng chẳng có gì phức tạp lắm: tớ bắt đầu lao động và sẽ luôn luôn làm ăn lương thiện. Đất nước này đã tin cậy tớ, tớ mà phạm tội gì thì xấu hổ lắm.
Tường sẽ nhận được một lời mỉa mai, ai dè cả ba người đều cùng thú thật:.
- Tôi cũng vậy, tôi quyết định sẽ sống cho đúng đắn. Papillon ạ, anh nói đúng, sẽ khó đấy, nhưng phải làm như vậy và dân Venezuela cũng xứng đáng được chúng mình kính nể.
Tôi không tin ở tai tôi nữa. Toto, tên lưu manh hạ lưu ở khu Bastille cũng có những ý nghĩ như thế ư? Thật là bất ngờ, Antartaglia suốt đời chỉ đi móc túi người khác cũng phản ứng như vậy sao? Thật tuyệt vời. Và Deplanque ma cô chuyên nghiệp lại không dự định tìm một người phụ nữ nào để lợi dụng khai thác họ ư? Cái đó còn lạ hơn. Tất cả chúng tôi cùng phá lên cười.

- Chà! Lại có chuyện như vậy nữa sao. Thật là đáng giá ngàn vàng, nếu nay mai cậu trở về khu Montmartre, ra Quảng trường Trắng mà kể lại chuyện này thì chẳng ai tin đâu.
- Những tay anh chị trong giới chúng ta sẽ tin đấy. Họ hiểu mà. Chỉ có bọn trưởng giả mới không chịu tin. Đại đa số dân Pháp không chịu thừa nhận rằng một người có quá khứ như chúng ta có thể trở thành người tốt về mọi mặt. Đấy là điều khác nhau giữa dân Ven ezuela và dân chúng ta. Tớ đã kể cho các cậu nghe luận điểm của một ngư dân nghèo ở Irapa: bác ta đã giải thích cho khu trưởng rằng không có người nào là đồ bỏ cả và phải tạo cơ hội cho người ta trở thành lương thiện. Những ngư dân hầu hết là mù chữ ở vịnh Paria, bên lề thế giới, lọt thỏm vào giữa cái cửa sông Orénoque mênh mông, có một triết lý nhân văn mà nhiều đồng bào của chúng ta không có nổi. Quá nhiều tiến bộ về máy móc, một cuộc sống bon chen, một xã hội chỉ theo đuổi một lý tưởng duy nhất là làm sao có được nhiều phát minh về máy móc, tiến tới một cuộc sống ngày càng dễ dãi hơn, tiện nghi hơn. Thường thức các phát minh về máy móc cũng giống như mút kem, chỉ lôi cuốn người ta thèm khát nhiều tiện nghi hơn nữa và đấu tranh liên tục để đạt tới cái đích đó. Những cái đó giết chết tâm hồn, lòng trắc ẩn, sự thông cảm, và sự cao thượng. Người ta không còn thì giờ để quan tâm đến người khác, lại càng ít thì giờ hơn để quan tâm đến những kẻ phạm tội. Ngay các nhà cầm

quyền ở chốn này cũng khác ở nước ta, vì họ chịu cả trách nhiệm vê sự yên tĩnh công cộng. Dù họ có thể bị gặp nhiều điều phiền phức lớn lao nhưng họ cũng nghĩ rằng cứ phải làm liều một chút để cứu lấy một con người. Và như thế thật tuyệt vời.

Tôi có một bộ đồ xanh nước biển do học trò của tôi bây giờ là đại tá, tặng: Anh ta đã vào trường sĩ quan được một tháng, sau khi lọt vào số ba người đỗ dầu trong cuộc thi tuyển. Tôi sung sướng thấy mình cũng góp phần vào thành công của anh bằng các bài tôi đã giảng cho anh. Trước khi đi, anh đã tặng tôi mấy bộ quần áo còn mới của anh, vừa khít với tôi. Tôi ra đi, ăn vận chững chạc nhờ Francisco Bolagno, hạ sĩ của quân cảnh vệ quốc gia, nay đã là chủ gia đình và đã là bố.

Viên sĩ quan này, ngày nay đã là đại tá, trong hai mươi sáu năm liền đã dành cho tôi một tình bạn chân thành và không bao giờ phai nhạt. Ông là biểu trưng chân chính của tính cương trực, cao thượng, và của những tình cảm cao cả nhất mà một con người có thể có được. Tuy ở một địa vị cao trong thứ bậc quân sự, ông luôn luôn biểu lộ tình bạn trung thành của ông đối với tôi và sẵn sàng giúp tôi bất cứ việc gì. Tôi đã chịu ơn đại tá Francisco Bolagno Utrera rất nhiều.

Phải, tôi sẽ làm hết cách để trở thành người lương thiện và giữ sao cho mình mãi lương thiện. Chỉ có một điều phiền phức là tôi chưa làm việc bao giờ, tôi không biết làm gì cả. Tôi phải làm bất

cứ việc gì để kiếm sống. Cũng không dễ, nhưng chắc chắn là tôi sẽ làm được. Ngày mai tôi sẽ trơ thành một người như những người khác. Công tố viên! Ngươi đã thua ta rồi: ta đã thoát hẳn ra khỏi con đường của sự thối nát.

Tôi trăn trở hồi lâu trên võng, thao thức trong đêm cuối cùng của cuộc đời tù tội long đong. Tôi ngồi dậy, đi ra thăm cái vườn mà tôi đã bỏ biết bao nhiêu công sức để săn sóc trong những tháng qua. Trăng sáng như ban ngày. Nước sông lặng lẽ chảy ra biển. Không có tiếng chim: chúng đang ngủ. Trời đầy sao, nhưng trăng sáng quá, phải đứng quay lưng lại phía trăng mới thấy được sao. Trước mặt tôi là bóng tối của rừng, chỉ có một điểm sáng mờ mờ là làng El Dorado. Cảnh tĩnh mịch sâu lắng của thiên nhiên làm cho tôi thư thái. Nỗi bồn chồn đã lắng dịu dần và đêm thanh vắng đã đem lại cho tôi sự thanh thản mà tôi đang cần. Tôi tưởng tượng thấy rất rõ nơi mà ngày mai tôi từ xà-lan đặt chân lên mảnh đất của Simon Bolivar, người đã giải phóng nước này khỏi sự thống trị của Tây Ban Nha và đã để lại cho các thế hệ sau những tình cảm nhân đạo và sự thông cảm đã làm cho tôi có thể bắt đầu được sống lại.

Tôi đã ba mươi bảy tuổi, tôi còn trẻ. Thể trạng của tôi hoàn hảo. Tôi chưa bao giờ ốm nặng, thần kinh tôi hoàn toàn bình thường. Tôi dám nói vậy. Con đường thối nát mà không để lại trong tôi những dấu vết sa đọa. Tôi cho đó chủ yếu là do tôi không bao

giờ thực sự thuộc về nó cả.

Trong những tuần tự do đầu tiên, tôi không những phải tìm cách kiếm sống cho mình, mà còn phải săn sóc và nuôi sống Picohno. Đối với tôi, trách nhiệm ấy thật nặng nề. Tuy cậu ta là gánh nặng đối với tôi, tôi sẽ giữ lời hứa với giám đốc trại giam, cho đến khi nào đưa được Picolino vào bệnh viện, nơi có những người chuyên môn giỏi chữa bệnh cho cậu, mới thôi.

Tôi có nên báo tin cho bố tôi biết là tôi đã được tự do không? Đã nhiều năm, ông cụ không biết gì về tôi. Không biết bây giờ ông cụ ở đâu? Những tin tức duy nhất mà ông cụ có được về tôi là do cảnh sát đến hỏi mỗi lần tôi vượt ngục. Không, tôi không được hấp tấp. Tôi không có quyền làm vết thương có sẽ đã thành sẹo sau bao nhiêu năm nay, lại rớm máu. Tôi sẽ viết thư cho ông cụ khi nào tôi đã ổn định, đã có một vị trí nhỏ vững vàng, không có vấn đề gì rắc rối, khi tôi đã có thể nói với ông cụ: "Thưa ba, con của ba đã được tự do, đã trở thành một người tốt và lương thiện. Con đã sống như thế này, bằng cách này. Ba không phải cúi đầu khi nghĩ về con nữa, và cũng vì thế cho nên con mới viết thư này để nói với ba là con luôn luôn yêu thương và tôn kính ba".

Đang có chiến tranh, không biết quân Đức có chiếm đóng làng chúng tôi không? Ardèche không phải là một vùng có chút gì quan trọng về chiến lược của nước Pháp. Chắc chúng cũng chẳng chiếm đóng hết cả tỉnh này. ở đấy phỏng chúng kiếm được cái gì

ngoài hạt dẻ ra? Phải, chỉ khi nào tôi tự thấy mình đã xứng đáng tôi mới viết thư, hay nói cho đáng tôi mới viết thư, hay nói cho đúng hơn mới tìm cách viết thư về nhà.

Tôi sẽ đi đâu bây giờ? Tôi sẽ định cư ở một làng gần mỏ vàng tên gọi là Le Callao. Tôi sẽ sống ở đó một năm - thời gian người ta đòi hỏi tôi phải sống trong một cộng đồng nhỏ. Rồi tôi sẽ làm gì? Ai mà biết được: Mi đừng đặt trước những vấn đề như vậy. Dù phải cuốc đất để kiếm miếng ăn, mi cũng phải làm, có thế thôi.

Tôi phải tập sống tự do, việc này sẽ không dễ đâu. Mười ba năm rồi, không kể mấy tháng ở Georgetown, tôi không phải lo đến chuyện kiếm ăn. Dù sao hồi ở Georgetown, tôi cũng đã xoay xở được. Cuộc phiêu lưu vẫn tiếp tục, tôi phải nghĩ ra phương kế để mà sống, dĩ nhiên là không làm hại đến ai. Rồi sẽ tính sau! Nào, cứ đến Le Callao đã.

Bảy giờ sáng. Anh nắng đẹp vùng nhiệt đới, bầu trời xanh không gợn một bóng mây, chim hót líu lo các ngói niềm vui sống. Các bạn tôi đã về tựu ở cổng vườn. Picolino mặc quần áo thường, cạo râu sạch sẽ. Tất cả mọi thứ: cảnh thiên nhiên, vật và người đều toát lên niềm vui và đều mừng cho tôi được tự do. Có một thiếu úy cùng đến với nhóm bạn bè tôi: anh ta sẽ cùng đi với chúng tôi đến làng El Dorado.

- Chúng ta hây hôn nhau, rồi anh đi đi, - Toto nói. Như vậy sẽ tốt

hơn cho tất cả mọi người.

- Từ biệt các bạn thân mến, nếu có dịp đi qua Le Callao các bạn đến tìm tôi nhé. Nếu tôi có nhà riêng thì đó cũng là nhà của các bạn.

- Từ biệt Papi, chúc anh gặp may mắn nhé!

Chúng tôi đi nhanh xuống bến và lên xà-lan. Picolino đi khá vững vàng. Cậu ta chỉ bị liệt từ hông trở lên, chứ chân thì không sao. Mười lăm phút sau, chúng tôi đã qua sông.

- Giấy tờ của Picolino đây. Anh bạn Pháp, chúc anh may mắn nhé. Từ giờ phút này anh được tự do Adios!

Rứt bỏ những xiềng xích đeo đẳng mình đã mười ba năm cũng chẳng khó khăn gì. "Anh được tự do từ giờ phút này". Người ta đã quay mặt đi, không giám sát anh nữa. Chỉ có thế thôi. Chúng tôi leo nhanh con đường đá cuội từ bờ sông đi lên. Chúng tôi chỉ có một gói nhó, ở trong có ba cái áo sơ-mi và một cái quần dài để thay đổi. Tôi mặc bộ com-lê màu xanh hàng hải, sơ-mi trắng, thắt ca-vát xanh cùng màu với áo ngoài.

Nhưng dĩ nhiên làm lại cuộc đời không phải như khâu lại chiếc khuy áo. Và nếu giờ đây, hai mươi lăm năm sau, tôi đà có vợ, có một con gái, đã sống sung sướng ở Caracas, đã là công dân Venezuela, thì đó là do trải qua biết bao nhiêu chuyện khác, bao nhiêu thành công và đổ vỡ, nhưng là của một người tự do và một công dân đứng đắn. Sau này có lẽ tôi sẽ có dịp kể những chuyện

đó, và còn nhiều chuyện ly kỳ nữa không thể kể ở đây.

Hết